

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 26/1

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 26/1

No. 1519 - 1522

TỔNG LUẬN

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG

Mỗi dân tộc đều có một thứ Tiếng nói (Ngôn ngữ) và Chữ viết (Văn tự) chính thức. Như thế thì mọi sinh hoạt có liên quan đến chữ viết của cộng đồng dân tộc ấy – kể cả sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng, đều phải dựa trên thứ chữ viết chính thức kia.

Người Việt Nam theo Phật giáo, học hỏi, tu tập, tụng niệm, thực hiện các nghi lễ, giảng dạy Phật pháp, in ấn kinh sách v.v... tất cả đều phải sử dụng tiếng Việt Nam, chữ viết Việt Nam, là điều hầu như tự nhiên, thuận hợp. Tuy vậy, trong thực tế lịch sử gần hai nghìn năm đạo Phật đã truyền bá và phát triển trên đất nước ta, cùng với sự biến chuyển của chữ viết Việt Nam, chữ viết dùng để ghi chép kinh điển Phật giáo ở nước ta cũng diễn biến không đơn giản. Cho đến hôm nay là những năm đầu của thập kỷ thứ hai thuộc thế kỷ 21, Phật giáo Việt Nam đang có nhiều cố gắng để hoàn thành Đại Tạng Kinh chữ Việt trên cơ sở tạng Pali và tạng Hán, làm chỗ dựa vững chắc cho sự tu học của người Phật tử Việt Nam.

1. Đại Tạng Kinh chữ Hán.

Chữ Hán là văn tự của người Trung Hoa. Điều đáng nói là ông cha chúng ta, từ xa xưa do hoàn cảnh lịch sử, đã từng học tập và sử dụng thứ chữ ấy – tất nhiên là phát âm theo cách của mình – xem nó như một thứ *quốc ngữ*. Ông cha chúng ta, trải qua nhiều thế hệ,

đã dùng chữ Hán để sáng tác, chép sử, viết sách khảo cứu, bày tỏ tư tưởng v.v... và coi đây là chuyện bình thường. Văn học chữ Hán chẳng hạn, đã tồn tại và phát triển trên 1500 năm, là một bộ phận trong gia tài văn học Việt Nam mà nhà nghiên cứu văn học không thể bỏ qua. Trước đây ở miền Nam, một số người viết lịch sử văn học Việt Nam, đã chủ trương gạt bỏ phần văn học chữ Hán ra khỏi văn học Việt Nam. Luận điểm sau đây được nêu ra để làm nền tảng cho sự gạt bỏ, đó là: “Văn học một quốc gia, một dân tộc không thể viết bằng chữ nước ngoài được”. Lập luận như thế là đúng nhưng chưa đủ, lại càng không thấu tình đạt lý vì không xét tới hoàn cảnh đặc thù của ông cha ta ngày trước đã học tập và sử dụng chữ Hán, cũng như không bàn đến phần nội dung đậm đà tính chất dân tộc của mảng văn học ấy. Thực tế lịch sử đã hoàn toàn bác bỏ một thứ quan điểm lệch lạc như vậy.

Văn học còn thế huống chi là các lãnh vực lịch sử, học thuật, tư tưởng v.v... muốn tìm hiểu người xưa chúng ta không thể không tham khảo các tác phẩm chữ Hán (Phần lớn đã được dịch ra chữ Quốc ngữ).

Phật giáo được truyền vào Trung Quốc, ở đây, với mảnh đất rộng lớn, dân cư đông đúc, và một nền văn hóa sớm phát triển, đạo Phật đã gặp được một số điều kiện thuận lợi để phát huy cả về chiều sâu, chiều rộng của mình. Kinh điển của Phật giáo bằng tiếng Phạn đã được đưa vào Trung Quốc qua nhiều ngã và bằng nhiều cách, đồng thời phong trào dịch thuật kinh điển Phật giáo đã phát triển sớm và liên tục, với những gương mặt dịch giả nổi danh như An Thế Cao (Thế kỷ 2 TL), Chi Lô Ca Sấm (147-?), Trúc Pháp Hộ (226-304), Cưu Ma La Thập (344-413), Huyền Tráng (602-664) v.v... dẫn tới việc hình thành sớm Đại Tạng Kinh chữ Hán đầu tiên vào năm 983 TL đời Triệu Tống (960-1276).

Theo giáo sư Nguyễn Lang, Đại Tạng Kinh này do vua Tống

Thái Tổ ban chiếu khắc từ năm 972 đến năm 983 thì hoàn thành, gồm 13 ngàn bản gỗ, 1076 kinh, 480 tập và 5048 quyển. Ấn bản Đại Tạng Kinh thứ hai của Trung Hoa bắt đầu từ năm 1080 đến năm 1176 mới hoàn thành, gồm 6434 quyển, gọi là Sùng Ninh Vạn Thọ Đại Tạng, cũng được thực hiện trong triều Triệu Tống (VNPGSL, T₁, Sđd, trang 213-214). Các đời Nguyên (1277-1368), Minh (1368-1643), Thanh (1644-1911) lần lượt đều có khắc in Đại Tạng Kinh một cách trang trọng.

Cũng theo sách Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 1, thì trong đời Lý ở nước ta (1010-1225), Đại Việt đã cho sứ thần sang Trung Quốc bốn lần để thỉnh Đại Tạng Kinh chữ Hán, vào các năm 1018, 1034, 1081, và 1098, đồng thời vào các năm 1023, 1027, 1036, các vua Lý cũng ban lệnh cho chép thêm Đại Tạng Kinh để hỗ trợ cho nhu cầu tham khảo, học hỏi của giới Phật tử bấy giờ (Sđd, trang 213 – 214).

Dời triều Trần (1225-1400), Đại Tạng Kinh chữ Hán được thỉnh từ Trung Quốc vào năm 1295, đó là ấn bản đầu tiên được thực hiện trong đời Nguyên, từ năm 1278 đến năm 1294 thì hoàn tất, gồm 1422 mục, 6010 quyển, đóng lại trong 587 tập. Dựa theo ấn bản này, nhà Trần đã cho khắc in lại, bắt đầu từ năm 1296, bị gián đoạn vào năm 1308 khi vua Trần Nhân Tông tức Trúc Lâm Đề Nhất Tổ qua đời, đến năm 1319 thì xong, dưới sự trông coi của Thiền sư Bảo Sát, đệ tử đầu của Trúc Lâm Đề Nhất Tổ (Nguyễn Lang, Sđd, trang 337-338).

Sau Lý Trần, các triều đại Hậu Lê, Trịnh – Nguyễn phân tranh, Tây Sơn, Nguyễn, công việc thỉnh Đại Tạng Kinh từ Trung Quốc, tất nhiên là không quy mô bằng, nhưng thỉnh thoảng vẫn có, hoặc do nhà nước, hoặc do các Thiền sư Trung Hoa mang sang. Sách *Tang Thương Ngẫu Lục*, nơi truyện Thiền sư Chuyết Công do Tùng niên Phạm Đình Hổ (1768-1839) viết, có đoạn: “Hồi tiên triều trung

hung, có người thầy tu ở bên Trung Hoa là Thiên sư Chuyết Công, đi thuyền chở hơn ba vạn quyển kinh Tam Tạng sang Nam, lên núi Lan Kha, bỗng chợt có ý nghĩ gì đó, liền làm nhà trụ trì ở đấy. Ở được hơn một năm, Kinh Tam Tạng bị chuột gặm mất nửa, sư lại về Trung Hoa lấy kinh đem sang. Sau đời Lý Trần, đạo Phật được hưng thịnh lên là nhờ công đức của vị sư này...” (Tang Thương Ngẫu Lục, Đàm Nguyên dịch, Bộ GD xb, S, 1970, T₂, trang 228).

Sự việc này, sách VNPGSL của giáo sư Nguyễn Lang viết: “... Đến năm 1633, Thầy trò - Thiên sư Chuyết Chuyết và đệ tử – tới được kinh thành Thăng Long. Thầy trò ông cũng có mang theo một số kinh điển... sau một thời gian, Chuyết Chuyết dời về chùa Phật Tích huyện Tiên Du, Bắc Ninh... vì chúa Trịnh Tráng muốn có thêm kinh điển Phật giáo để lưu hành trong nước, cho nên Thiên sư Chuyết Chuyết đã ủy đệ tử mình là Minh Hành trở về Trung Hoa để thỉnh kinh...” (VNPGSL, T₂, Sđd, trang 116). Rõ ràng là sách *Tang Thương Ngẫu Lục*, như tên sách đã khơi gợi (Ngẫu hứng chép chuyện bẻ dâu) đã cố tình khai thác khía cạnh dân gian quái dị của sự việc, nhưng điều đáng nói là cái âm vang đáng kể của Thiên sư Chuyết Chuyết (1590-1644), người được xem là mở đầu cho phong trào phục hưng Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ 17, đối với xã hội đương thời. Ở Nam Hà thì vào năm 1714, chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725), sau khi trùng tu Tổ đình Thiên Mục, đã tổ chức đại hội tại chùa, trai đàn chẩn tế, và thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh từ Trung Hoa đem về trưng bày ở Tàng Kinh Lâu của ngôi Tổ đình ấy (VNPGSL, T₂, Sđd, trang 241).

Sang thế kỷ 20, cùng với Phong trào chấn hưng Phật giáo, một số thư viện của các Hội Nghiên Cứu Phật Học, Phật Học Đường... cũng đã vận động để mua Đại Tạng Kinh chữ Hán, làm tài liệu nghiên cứu, học tập cho Phật tử, các học giả v.v... như thư viện Pháp Bảo Phương của Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học (1932), thư viện của Phật Học Đường Lương Xuyên (1934) v.v...

Nhìn chung, giới Phật tử Việt Nam ngày trước, học chữ Hán, tụng niệm cũng như học hỏi, nghiên cứu kinh điển Phật qua Đại Tạng Kinh chữ Hán là điều bình thường, hợp lẽ. Điều đáng nói thêm là, không hề vì học chữ Hán, chú trọng chữ Hán mà cửa Thiền tỏ ra lơ là với tinh thần dân tộc, với văn học dân tộc. Văn học chữ Nôm chẳng hạn, đã có sự đóng góp rất đáng kể từ cửa Thiền. Câu nói của Giáo sư Trần Văn Giàu: “*Bình minh của lịch sử dân tộc ta đã gắn liền với Phật giáo*”. (Bài: Đạo Phật và một số vấn đề của lịch sử tư tưởng Việt Nam, in trong: *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện Triết Học xb, H, 1986, trang 15). Nếu đúng cho văn học Việt Nam, thì lại càng đúng với văn học chữ Nôm. Các tài liệu về văn học chữ Nôm đời Trần còn lại mà chúng ta hiện có gồm bốn bài: Ba bài phú: *Cư Trần Lạc Đạo* của vua Trần Nhân Tông, *Vịnh Hoa Yên Tự* của Thiền sư Huyền Quang, *Giáo Tử Phú*, tương truyền là của Mạc Đĩnh Chi, và một bài ca: *Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo* của vua Trần Nhân Tông, tất cả đều là từ cửa Thiền. Bài thơ chữ Nôm đánh dấu cho thời kỳ trưởng thành của văn học chữ Nôm ở đầu thế kỷ 15 cũng được sáng tác từ cửa Thiền, đó là bài thơ “*Cầu siêu cho Nguyễn Biểu*” của nhà sư chùa Yên Quốc (Xem *Thơ Văn Lý Trần*, T₃, Nhà xb KHXH, H, 1978, trang 515-516). Bản thân một số các vị Thiền sư cũng đã dùng chữ Nôm để sáng tác hoặc dịch thuật, như Thiền sư Tuệ Tĩnh (Thế kỷ 17) dịch sách *Khóa Hư Lục* của vua Trần Thái Tông ra chữ Nôm, viết Phú về thuốc Nam (Nam dược quốc ngữ phú), Thiền sư Hương Hải (1628-1715) với tập thơ “*Sự Lý Dung Thông*”, Thiền sư Chân Nguyên (1646-1726) với các tác phẩm *Thiền Tông Bản Hạnh*, *Thiền Tịch Phú*, Thiền sư Toàn Nhật (Thế kỷ 18) với tác phẩm *Hứa Sử Truyện Văn* gồm đến 4486 câu thơ Nôm song thất lục bát... Tất cả đủ chứng tỏ là cửa Thiền không hề xem chữ Nôm là “*Nôm na mách quẻ*”.

Đại Tạng Kinh Chữ Hán mang tính hiện đại, quy mô, được sưu tập tương đối đầy đủ, đối chiếu tương đối kỹ lưỡng, là *Đại Tạng*

Kinh Đại Chánh Tân Tu (ĐTK/ĐCTT): “Còn gọi là Đại Chánh Tạng, Đại Chánh Bản, là Đại Tạng Kinh chữ Hán, do chư vị học giả Nhật Bản là Cao Nam Thuận Thứ Lang, Độ Biên Hải Húc, Tiểu Dã Huyền Diệu... biên tập, xuất bản, được thực hiện từ năm Đại Chánh thứ 13 đến năm Chiêu Hòa thứ 9 (1924-1934). Toàn Tạng gồm 100 tập: Chánh Biên 55 tập. Tục Biên 30 tập. Biệt Loại 15 tập (Gồm Đồ Tượng 12 tập. Pháp Bảo Tổng Mục Lục 3 tập). Phần Chánh Biên dùng Kinh Luật Luận – đã được Hán dịch qua các đời – cùng những soạn thuật của các nhà Phật học Trung Quốc làm chủ, có thêm một số tác phẩm soạn thuật của chư vị Đại đức người Hàn Quốc, Nhật Bản... Trong đó, ba tạng Kinh Luật Luận cùng Bộ phận soạn thuật... chủ yếu dùng bản Cao Ly được lưu giữ tại chùa Tăng Thượng ở Đông Kinh (Nhật Bản) làm Bản gốc, đối chiếu khảo xét với ba bản Tống, Nguyên, Minh, cũng được tàng trữ tại chùa này. Riêng có tham chiếu Tạng Kinh Chánh Thượng Viện, Cổ Bản Đôn Hoàng cùng kinh điển văn Pali, văn Phạn”. (Phật Quang Đại Từ Điển, trang 1016A-C). Ở đây chúng tôi chỉ nói đến ba tạng Kinh Luật Luận gồm 32 tập: Tạng Kinh 17 tập. Mật Giáo 4 tập. Tạng Luật 3 tập. Tạng Luận 8 tập.

2. Đại Tạng Kinh chữ Việt.

Chữ Việt ở đây là chỉ cho chữ Quốc Ngữ. Vào mấy thập kỷ đầu của thế kỷ 20, một trong số các biến chuyển có liên quan đến chữ viết ở nước ta, đáng kể nhất là sự định hình của chữ Quốc Ngữ, chứng tỏ khả năng có thể dùng để sáng tác cũng như diễn đạt mọi lãnh vực học thuật, tư tưởng của nó. Cùng với việc chữ Hán không còn thông dụng trong sinh hoạt xã hội nữa, thì đối với cửa Thiền, nhu cầu cần dịch kinh điển từ chữ Hán sang chữ Quốc Ngữ đã được đặt ra và thực hiện liên tục từ thời kỳ Chấn hưng Phật giáo (1930) đến hôm nay (2015). Nhìn chung, hơn 80 năm qua, lý do chính khiến cho Phật giáo Việt Nam chưa hoàn thành đầy đủ Đại Tạng Kinh chữ Việt, gồm cả Nam truyền và Bắc truyền, nằm ở phía khách quan: Chúng ta chưa

có đủ thời gian tương đối ổn định và dài hạn để huy động mọi nỗ lực cho Phật sự lớn lao ấy. Trước 1945, dự tính về Đại Tông Lâm Kim Sơn – Huế – đã nằm trong tầm khả thi, nhưng rồi đành gác lại với biến chuyển lớn và dồn dập của thời cuộc: Cách mạng tháng 8/1945, rồi kháng chiến... Ở miền Nam, thời kỳ 1965-1975, Phật giáo đã có được một số hoàn cảnh tương đối thuận tiện, Giáo hội Phật giáo đã có nhiều quan tâm đáng kể, Hội đồng phiên dịch Đại Tạng Kinh đã được thành lập, hội đồng này đã hoạch định chương trình làm việc, phân công v.v... rất tiếc, là chưa tạo được cơ sở tài chính, rồi tiếp đến là những biến chuyển đưa tới đất nước thống nhất v.v... nên Phật sự lớn lao ấy cũng phải đình lại. Tất nhiên là từ thời kỳ Chấn hưng Phật giáo đến nay, đã có những đóng góp lẻ tẻ, liên tục của các bậc tôn túc, các học giả, các nhà nghiên cứu v.v... cho quá trình hình thành Đại Tạng Kinh Việt Nam.

Tạng Luận trong Đại Tạng Kinh Đại Chánh Tân Tu đã được Việt dịch.

Năm 1990, tức 15 năm sau ngày đất nước thống nhất, Ban Thường Trực HĐTS Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam: Hòa thượng Minh Châu làm chủ tịch (Xem: Lễ tiếp nhận và phát hành hai Tập Kinh đầu tiên của Đại Tạng Kinh Việt Nam. Bản in của Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. Phật lịch 2535 – 1991), thu nhận những thành tựu về dịch thuật đã có từ trước (Các Kinh, Luật, Luận đã được Việt dịch từ Đại Tạng Kinh chữ Hán và Đại Tạng Kinh chữ Pali), tiếp tục tiến hành để hoàn thành Đại Tạng Kinh Việt Nam gồm cả phần Phật giáo Nam truyền và phần Phật giáo Bắc truyền.

Sau đây, có chư vị tu sĩ, cư sĩ không thuộc hệ thống hành chánh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã đứng ra thành lập các Đại Tạng Kinh, thực hiện công việc Việt dịch Kinh, Luật, Luận từ

Đại Tạng Kinh chữ Hán (Đại Tạng Kinh Đại Chánh Tân Tu: ĐTK/ĐCTT) để góp phần hoàn thành Đại Tạng Kinh Việt Nam phần Phật giáo Bắc truyền, như Đại Tạng Kinh Linh Sơn Pháp Bảo, Tiểu Tạng Thanh Văn do Hòa thượng Tuệ Sĩ chủ biên⁽¹⁾, Đại Tạng Kinh Tuệ Quang... Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt về Đại Tạng Kinh Tuệ Quang với thành tựu rất đáng chú ý là đã Việt dịch xong Tạng Luận trong Đại Tạng Kinh Đại Chánh Tân Tu, như thế tức Tạng Luận của Đại Tạng Kinh Việt Nam phần Phật giáo Bắc truyền đã hoàn thành.

I. Tạng Luận của Đại Tạng Kinh Việt Nam: Phần Phật Giáo Bắc Truyền: Tạng Luận của Đại Tạng Kinh Việt Nam phần Phật giáo Bắc truyền, hiện tại là Việt dịch từ Tạng Luận trong ĐTK/ĐCTT, gồm 8 tập (Từ Tập 25 đến Tập 32) với 188 tên Luận, Luận Thích, Luận Tụng v.v... mang số hiệu từ 1505 đến 1692, khoảng 1390 quyển⁽²⁾. ĐTK/ĐCTT đã dùng khái niệm Bộ để phân Tạng Luận ra làm 5 Bộ: Bộ Thích Kinh Luận, Bộ A Tỳ Đàm, Bộ Trung Quán, Bộ Du Già và Bộ Luận Tập.

1. Bộ Thích Kinh Luận: Gồm toàn Tập 25 và 1/3 Tập 26, mang số hiệu từ 1505 đến 1535, tập hợp giới thiệu các luận Hán dịch có nội dung là *giải thích kinh* của các tác giả là những Luận sư, Bồ tát tiêu biểu của Phật giáo Ấn Độ theo hệ Phạn ngữ như Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân, Công Đức Thí, Thân Quang, Đại Vực Long, Kim Cương Tiên... Đường hướng giải thích, thì hoặc giải thích tóm lược, trích dẫn, hoặc giải thích theo lối quảng diễn, hoặc lại giải thích các Luận Tụng, Luận Thích. Đây là sự phát triển mang tính thuận hợp

¹ Về hai Đại Tạng Kinh: Đại Tạng Kinh Linh Sơn Pháp Bảo và Đại Tạng Kinh Việt Nam do Hòa thượng Tuệ Sĩ chủ biên, sự hoạt động và thành quả, xin xem bài viết của Đào Nguyên: Góp chút công sức cho Đại Tạng Kinh Việt Nam. Nguyệt san Giác Ngộ số 186, tháng 9/2011. Góp thêm tư liệu cho vấn đề Bàn về cách dịch thuật ngữ Phật học Hán Việt. Nguyệt san Giác Ngộ số 214, 215, tháng 1, 2/2014.

² Chúng tôi dùng chữ khoảng, là vì có những bản Luận tán, Luận khuyến phát, Thần chú, Bài tán... ghi 1 quyển, nhưng thật sự chỉ có hơn 1 ô (1/3 trang), 2 ô hoặc hơn 1 trang, vài trang.

trong quá trình hoằng hóa chánh pháp, mở đường cho công việc Sớ giải, Giảng luận về Kinh, Luật, Luận do các nhà Phật học nổi tiếng của Phật giáo Trung Quốc đảm trách⁽¹⁾, làm *cơ sở để xuất sinh* các Tông phái lớn thuộc Phật giáo Trung Hoa như Tông Thiên Thai, Tông Hoa Nghiêm, Luật Tông, Tông Pháp Tướng...

Các Luận đáng chú ý trong Bộ Thích Kinh Luận này như:

* *Luận Đại Trí Độ*, tác giả là Bồ tát Long Thọ, Hán dịch là Pháp sư Cưu Ma La Thập (344-413), gồm 100 quyển, nội dung là giải thích, quảng diễn Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật (ĐTK/ĐCTT, Tập 25, N^o 1509, 100 quyển).

* *Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa*, tác giả là Bồ tát Long Thọ, Hán dịch là Pháp sư Cưu Ma La Thập, gồm 17 quyển, nội dung là giải thích Phẩm Thập Địa trong Kinh Hoa Nghiêm (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1521, 17 quyển)⁽²⁾.

* *Luận Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật*, tác giả là Bồ tát Vô Trước, Hán dịch là Đại sư Đạt Ma Ngập Đa (Thế kỷ 6 TL), gồm 3 quyển, nội dung là giải thích Kinh Kim Cương (ĐTK/ĐCTT, Tập 25, N^o 1510, 3 quyển).

* *Luận Kinh Thập Địa*, tác giả là Bồ tát Thế Thân, Hán dịch là Đại sư Bồ Đề Lưu Chi (Thế kỷ 5 – 6 TL), gồm 12 quyển, nội dung là giải thích Phẩm Thập Địa trong Kinh Hoa Nghiêm (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1522, 12 quyển).

¹ Như Sớ giải về Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm... của các Đại sư thuộc Tông Thiên Thai, Tông Hoa Nghiêm, Sớ giải về Luật Tứ Phần của Đại sư Đạo Tuyên, Sớ giải về Trung Luận, Luận Thập Nhị Môn, Bách Luận của Đại sư Cát Tạng... Những tác phẩm thuộc loại này, ĐTK/ĐCTT sắp vào các Bộ Kinh Sớ, Bộ Luật Sớ, Bộ Luận Sớ.

² Một vài nhà nghiên cứu Phật học ở Việt Nam không đọc qua nội dung của Luận, chỉ dựa theo nhan đề nên cho Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa của Bồ tát Long Thọ là giải thích Phẩm Thập Trụ trong Kinh Hoa Nghiêm, là không đúng. Theo Pháp sư Cưu Ma La Thập thì từ Thập Trụ là chỉ cho Thập Địa. Như Kinh Thập Trụ: ĐTK/ĐCTT, Tập 10, N^o 286, 4 quyển, do Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch, chính là Phẩm Thập Địa của Kinh Hoa Nghiêm.

2. *Bộ A Tỳ Đàm*: Gồm 2/3 Tập 26 và toàn tập 27, 28, 29, từ số hiệu 1536 đến số hiệu 1563, với hơn 3500 trang Hán tạng, là Bộ có số trang nhiều nhất trong 5 Bộ thuộc Tạng Luận. A Tỳ Đàm còn gọi là A Tỳ Đạt Ma (Phạn: Abhidharma) dịch là Đối pháp, Đại pháp, Vô tử pháp, Thắng pháp, Luận. “Đối có 2 nghĩa: Một là đối hướng Niết bàn. Hai là đối quán tứ đế. Pháp cũng có 2 nghĩa: Một là pháp thắng nghĩa (Chơn đế) tức Niết bàn. Hai là pháp pháp tướng (Tục đế) tức tứ đế”⁽¹⁾. Đại pháp, Vô tử pháp, Thắng pháp đều mang ý nghĩa so sánh, nhân mạnh, đề cao. Luận tức cùng với Kinh, Luật hợp xưng là *Ba Tạng Thánh điển*. Thông thường thì A Tỳ Đạt Ma là nói về Tạng Luận, cùng với Tạng Kinh (Tu đa la), Tạng Luật (Tỳ nại da) hợp thành Tam Tạng Thánh giáo. Nhưng ở đây, ĐTK/ĐCTT, trong khi phân loại về nội dung của Tạng Luận, đã dùng từ Bộ A Tỳ Đàm để chỉ cho mảng Luận rất nổi tiếng của *Phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* (Sarvāstivādin: Tát Bà Đa) được kết tập cùng soạn thuật bằng tiếng Phạn, phần lớn do Pháp sư Huyền Tráng (602-664) đem từ Ấn Độ về và Hán dịch (Dịch lại cùng dịch mới).

Những bộ luận tiêu biểu của Bộ A Tỳ Đàm này gồm:

* *Luận A Tỳ Đạt Ma Lục Túc*: Là sáu Bộ Luận mang tính căn bản vốn rất nổi tiếng của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ: Luận A Tỳ Đạt Ma Tập Dị Môn Túc, tác giả là Tôn giả Xá Lợi Tử (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1536, 20 quyển). Luận A Tỳ Đạt Ma Pháp Uẩn Túc, tác giả là Tôn giả Đại Mục Kiền Liên (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1537, 12 quyển). Luận A Tỳ Đạt Ma Thi Thiết Túc, tác giả là Tôn giả Đại Ca Chiên Diên⁽²⁾. Luận A Tỳ Đạt Ma Thức Thân Túc, tác giả là Tôn giả Đề Bà Thiết Ma (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1539,

¹ Xem Đại Cương Triết Học Phật Giáo của Tường Duy Kiều, Thích Đạo Quang dịch. Huyền Trang xb, S, 1958, trang 63.

² Bộ Luận này Pháp sư Huyền Tráng chưa Hán dịch. Luận Thi Thiết hiện có nơi Tập 26: N^o 1538, 7 quyển, là do Đại sư Pháp Hộ và Duy Tịnh Hán dịch vào khoảng giữa thế kỷ 11 TL đời Triệu Tống (960-1276), chỉ dịch non 1/3 của Luận A Tỳ Đạt Ma Thi Thiết Túc hiện có đủ nơi Đại Tạng Kinh Tây Tạng.

16 quyển). Luận A Tỳ Đạt Ma Giới Thân Túc (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1540, 3 quyển). Luận A Tỳ Đạt Ma Phẩm Loại Túc, (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1542, 18 quyển), đều do Tôn giả Thế Hữu trú thuật. Trong sáu Bộ Luận này, Pháp sư Huyền Tráng chỉ Hán dịch được 5 Bộ.

* *Luận A Tỳ Đạt Ma Phát Trí*: Tác giả là Tôn giả Ca Đa Diễn Ni Tử (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1544, 20 quyển). Từ Bộ Luận này, 500 vị Đại A La Hán, theo sự hướng dẫn của Tôn giả Thế Hữu đã chú giải giảng luận, biên dẫn để thành Bộ Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa đồ sộ (Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch, 200 quyển, hơn 1000 Hán tạng, ĐTK/ĐCTT, Tập 27, N^o 1545, 200 quyển).

* *Luận A Tỳ Đạt Ma Câu Xá* của Luận sư Thế Thân, Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch (ĐTK/ĐCTT, Tập 29, N^o 1558, 30 quyển), được xem là một cương yếu của Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa, hơn nữa là một tóm kết về Tạng Luận của Hữu Bộ.

3. *Bộ Trung Quán*: Gồm non 1/3 Tập 30, chưa tới 280 trang Hán tạng, từ số hiệu 1564 đến số hiệu 1578, là Bộ có số trang ít nhất trong Tạng Luận⁽¹⁾. Bộ Trung Quán tập hợp giới thiệu Luận chính là Trung Luận, tức Luận Trung Quán (Còn có tên là Luận Đại Thừa Trung Quán, Luận Bát Nhã Đẳng) cùng các Luận liên hệ, cùng hệ, đồng dạng.

* Trung Luận do Bồ tát Long Thọ trú thuật theo thể kệ, bản Hán dịch của Pháp sư Cưu Ma La Thập gồm 27 phẩm với 446 kệ (4 câu 5 chữ). Trung Luận có đến bốn bản Luận Thích đều được Hán dịch, bản được nhiều người biết đến là bản chú giải của Phạm Chí Thanh Mục, Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N^o 1564, 4 quyển). Bản chú giải của Bồ tát Phân Biệt Minh (Thanh Biện) mang tên là Bát Nhã Đẳng Luận Thích, Hán dịch là Đại sư

¹ Xem thêm bài viết của Đào Nguyên: Giới thiệu tóm tắt về Bộ Trung Quán... Nguyệt san Giác Ngộ số 204, tháng 3 năm 2013.

Ba La Phả Mật Đa La: 565-633 (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N^o 1566, 15 quyển) là bản chú giải có số trang nhiều nhất (Trên 85 trang Hán tạng) nhưng rất khó đọc vì ý nghĩa được diễn đạt khó hiểu, khó lãnh hội, nên người Việt dịch gặp rất nhiều khó khăn⁽¹⁾.

* Các Luận thuộc loại liên hệ với Luận chính như Luận Thập Nhị Môn của Bồ tát Long Thọ, Hán dịch là Pháp sư Cưu Ma La Thập, ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N^o 1568, 1 quyển. Bách Luận của Bồ tát Đề Bà, cũng do Pháp sư Cưu Ma La Thập Hán dịch (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N^o 1569, 2 quyển).

* Các Luận thuộc loại đồng dạng với Luận chính như chùm Luận ngắn của Bồ tát Long Thọ mang số hiệu 1573, 1574, 1575, 1576, Luận Đại Trượng Phu của Bồ tát Đề Bà, Luận Đại Thừa Chương Trân của Bồ tát Thanh Biện (Phân Biệt Minh).

4. *Bộ Du Già*: Gồm hơn 2/3 Tập 30 và toàn Tập 31, từ số hiệu 1579 đến số hiệu 1627, nội dung là tập hợp giới thiệu Luận chính tức Luận Du Già Sư Địa, các Luận Biệt hành của Luận Du Già Sư Địa và các Luận liên hệ, cùng hệ, đồng dạng.

* *Luận Du Già Sư Địa*⁽²⁾: Tác giả là Bồ tát Di Lặc thuyết giảng, Đại sĩ Vô Trước ghi chép, Hán dịch là Pháp sư Huyền Tráng gồm 100 quyển, 600 trang Hán tạng (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N^o 1579, 100 quyển). Luận Du Già Sư Địa được phân làm 5 phần chính: Phần Bản Địa (50 quyển), Phần Nhiếp Quyết Trạch (30 quyển), Phần Nhiếp Thích (2 quyển), Phần Nhiếp Dị Môn (2 quyển) và Phần Nhiếp Sự (16 quyển), qua đây đáng chú ý nhất là *Địa Bồ tát* thuộc *Phần Bản*

¹ Có hai lý do khiến chúng tôi cho Bát Nhã Đẳng Luận Thích (N^o 1566, 15 quyển) của Bồ tát Phân Biệt Minh khó lãnh hội là do tác giả chứ không phải người Hán dịch: Trong luận có nhiều đoạn dẫn kinh, hầu hết là kinh thuộc hệ Bát nhã, thì những đoạn này, câu văn Hán dịch dễ hiểu... Nơi Luận Đại Thừa Chương Trân: N^o 1578, 2 quyển, ở cuối Bộ Trung Quán, tác giả cũng là Bồ tát Phân Biệt Minh (Thanh Biện), văn rất khó đọc, khó lãnh hội, mặc dù vị Hán dịch là Pháp sư Huyền Tráng.

² Xem thêm: Bài Giới thiệu Luận Du Già Sư địa của Đào Nguyên trên Nguyệt san Giác Ngộ số 213, tháng 12 năm 2013.

Địa, đã thuyết minh rất đầy đủ về các quá trình nhận thức, hành trì, tu tập chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng của Bồ tát Đại thừa.

* *Các Luận Biệt hành*: Là những phần những đoạn của Luận Du Già Sư Địa, đã được tách ra và lưu hành riêng, truyền vào Trung Hoa, được Hán dịch sớm hơn Luận chính. Đó là: Kinh Bồ Tát Địa Trì: Do Đại sư Đàm Vô Sấm (385-433), Hán dịch vào đời Bắc Lương (397-439), gồm 10 quyển (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N⁰ 1581, 10 quyển), tức là Địa Bồ tát (Địa thứ 15) trong Phần Bản Địa của Luận chính. Kinh Bồ Tát Thiện Giới: Do Đại sư Cầu Na Bạt Ma (367-431) Hán dịch và đời Lưu Tống (420-478) gồm 10 quyển (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N⁰ 1582, 10 quyển) cũng tức tương đương với Địa Bồ tát nơi Luận chính. Luận Quyết Định Tạng: Do Đại sư Chân Đế (499-569) Hán dịch vào đời Trần (557-588), gồm 3 quyển (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N⁰ 1584, 3 quyển), tức là đoạn đầu của Phần Nhiếp Quyết Trạch (Phần 2) từ quyển 51 → 54 nơi Luận chính.

* *Các Luận cùng liên hệ, cùng hệ*: Phần này phải nói là rất nhiều rất phong phú, gồm toàn Tập 31, từ số hiệu 1585 đến số hiệu 1627, chúng tỏ phần *y cú* của Trường phái *Duy Thức* ở Ấn Độ là hết sức dồi dào, đa dạng. Đó là: + Tác phẩm của Bồ tát Di Lặc: N⁰ 1601, N⁰ 1615.

+ Tác phẩm của Bồ tát Long Thọ: N⁰ 1616.

+ Tác phẩm của Bồ tát Vô Trước: Luận Nhiếp Đại Thừa: N⁰ 1594. Luận Hiện Dương Thánh Giáo: N⁰ 1602. Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh: N⁰ 1604. Luận Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập: N⁰ 1605...

+ Tác phẩm của Bồ tát Thế Thân: Duy Thức Tam Thập Luận Tụng: N⁰ 1586. Luận Duy Thức Nhị Thập: N⁰ 1590. Luận Phật Tánh: N⁰ 1610. Luận Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn: N⁰ 1614...

+ Tác phẩm của Bồ tát Trần Na: N⁰ 1619, N⁰ 1620, N⁰ 1622.

+ Tác phẩm của Bồ tát Hộ Pháp: Luận Thành Duy Thức: N⁰ 1585. Luận Thành Duy Thức Bảo Sanh: N⁰ 1591...

5. *Bộ Luận Tập*: Gồm toàn Tập 32, từ số hiệu 1628 đến số hiệu 1692, tập hợp các Luận, Luận Thích, Luận Tụng, Luận khuyến phát, các Kinh nhưng nội dung là Luận, các Bài tán, các Bài chú v.v... không thể sắp vào bốn Bộ kể trên.

Một số Luận thuộc loại tiêu biểu của Bộ này như: Các Luận thuộc hệ Nhân Minh: N^o 1628, 1629, 1630. Các Luận thuộc hệ Nhập Đại Thừa: N^o 1634, 1635, 1636, 1637. Các Luận Thành Thật: N^o 1646. Luận Giải Thoát Đạo: N^o 1648. Các Luận thuộc hệ Nhân Duyên: N^o 1650, 1651, 1652, 1653, 1654. Các Luận thuộc hệ Phát Bồ Đề Tâm: N^o 1659, 1660, 1661, 1662, 1663, 1664. Luận Đại Thừa Khởi Tín. Luận Thích Ma Ha Diễn của Bồ tát Long Thọ, giải thích Luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ tát Mã Minh. Kinh Na Tiên Tỳ Kheo: N^o 1670. Kinh Phước Cái Chánh Hạnh Sở Tập: N^o 1671...

II. Đại Tạng Kinh Tuệ Quang: Do cư sĩ *Nguyễn Hiến* (Bác sĩ Trần Tiễn Huyền) sáng lập và bảo trợ, hoạt động từ quý 4 năm 2006, lúc đầu thì chủ trương Việt dịch cả hai Tạng Kinh và Luận, sau đấy thì chỉ tập trung Việt dịch Tạng Luận. Bắt đầu từ đầu tháng 10 năm 2006, đến cuối tháng 7 năm 2013 thì hoàn thành: Toàn bộ các Luận thuộc 5 Bộ nơi Tạng Luận của ĐTK/ĐCTT đều đã được Việt dịch, riêng Luận Đại Trí Độ (ĐTK/ĐCTT, Tập 25, N^o 1509, 100 quyển, 700 trang Hán tạng) thì sử dụng bản Việt dịch đã ấn hành của Hòa thượng Thiện Siêu (Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam xb, 5 tập).

Như thế là Tạng Luận của Đại Tạng Kinh Việt Nam phần Phật giáo Bắc truyền đã thành tựu. Một số Bộ Luận Việt dịch của Đại Tạng Kinh Tuệ Quang đã được in và phát hành riêng như:

* Luận Đại Thừa Tập Bồ Tát Học: Tác giả là Bồ tát Pháp Xứng, Hán dịch là Đại sư Pháp Hộ (ĐTK/ĐCTT, Tập 32, N^o 1636, 25 quyển), do cư sĩ Nguyễn Hồng Việt dịch.

* Luận Thành Thật: Tác giả là Tôn giả Ha Lê Bạt Ma, Hán

dịch là Pháp sư Cưu Ma La Thập (ĐTK/ĐCTT, Tập 32, N^o 1646, 16 quyển), do cư sĩ Nguyễn Hồng Việt dịch.

* Luận Kinh Thập Địa: Tác giả là Bồ tát Thế Thân, Hán dịch là Đại sư Bồ Đề Lưu Chi (ĐTK/ĐCTT, Tập 26, N^o 1522, 12 quyển), do cư sĩ Nguyễn Huệ Việt dịch.

* Luận Du Già Sư Địa: Tác giả là Bồ tát Di Lặc thuyết giảng, Đại sĩ Vô Trước ghi, Hán dịch là Pháp sư Huyền Tráng (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N^o 1579, 100 quyển), do cư sĩ Nguyễn Huệ Việt dịch (Trọn bộ gồm 4 tập).

* Luận A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa: Tác giả là Tôn giả Thế Hữu và 500 vị Đại A La Hán, Hán dịch là Pháp sư Huyền Tráng (ĐTK/ĐCTT, Tập 27, N^o 1545, 200 quyển, 1000 trang Hán tạng), do cư sĩ Nguyễn Huệ Việt dịch (Trọn bộ gồm 8 tập)⁽¹⁾

Như vậy là Luận tạng Phật giáo Tuệ Quang đã hoàn tất gồm tất cả 36 tập, 36.426 trang và đây cũng là một đóng góp rất đáng kể trong chương trình dịch trọn bộ Đại Tạng Kinh tiếng Việt, góp phần chính để khẳng định bản sắc của Phật giáo Việt Nam. Cuối cùng chúng con xin thành kính đánh lễ hồng ân Tam Bảo, thành kính đánh lễ đại lão Hòa thượng Thiện Siêu với dịch phẩm trong sáng, chuẩn xác Đại Trí Độ Luận. Đặc biệt xin cảm ơn hai vị dịch giả Nguyễn Hồng và Nguyễn Huệ đã góp phần rất lớn để hoàn thành Luận tạng Phật giáo Tuệ Quang.

***Cố đô Huế, mùa Hạ Phật lịch 2560, Dương lịch 2016
Nguyễn Hiền - Trần Tiến Huyền
Chủ Tịch Tuệ Quang Foundation***

¹ Hiện Đại Tạng Kinh Tuệ Quang đang Việt dịch phần Sớ Giải Kinh (Bộ Kinh Sớ trong ĐTK/ĐCTT. Từ N^o 1693: Tập 33 đến N^o 1803: Tập 39), chỉ tuyển dịch, không dịch hết.

GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC VỀ NỘI DUNG TẬP 26

Nội dung Tập 26 gồm 2 phần:

Phần 1: Từ N^o 1519 đến N^o 1535: Là tập hợp giới thiệu các Luận thuộc Bộ Thích Kinh Luận, tiếp theo Tập 25.

Phần 2: Từ N^o 1536 đến N^o 1544: Là tập hợp giới thiệu các Luận thuộc Bộ Tỳ Đàm.

Phần 1. Các Luận thuộc Bộ Thích Kinh Luận. Các Kinh được giải thích ở đây gồm: *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*. *Phẩm Thập Địa* của *Kinh Hoa Nghiêm*. Hội thứ 43 của *Kinh Đại Bảo Tích*. *Kinh Vô Lượng Thọ*. *Kinh Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn*. Phẩm thứ 11 của *Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập*. *Kinh Niết Bàn*. *Kinh Di Giáo*. *Kinh Phật Địa*. *Kinh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Vấn Bồ Đề*. *Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn*. *Kinh Chuyển Pháp Luân*. *Kinh Tam Cú Túc*. *Kinh Đại Thừa Tứ Pháp*.

Tác giả của các bản Luận Thích Kinh kể trên là chư vị Bồ tát: *Long Thọ*, *An Tuệ*, *Thân Quang*, và nhiều nhất là tác phẩm của *Bồ tát Thế Thân*.

1. *Tác phẩm của Bồ tát Long Thọ: Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa*: N^o 1521, Hán dịch là *Pháp sư Cưu Ma La Thập*, dịch vào đời Hậu Tần (384-417), gồm 17 quyển, nội dung là giải thích *Phẩm Thập Địa* của *Kinh Hoa Nghiêm* (Phẩm thứ 26, *Kinh Hoa Nghiêm* bản 80 quyển).

Phẩm Thập Địa là một trong những phẩm tiêu biểu của Kinh Hoa Nghiêm. *Mười Địa* là chỉ cho 10 loại thứ bậc trên con đường tu tập của Bồ tát Đại thừa.

Toàn bộ Luận được phân làm 35 phẩm: Phần đầu của Phẩm thứ 1 (Phẩm Tự), sau khi nêu kệ danh lễ Tam bảo là nói qua nhân duyên tạo luận, ý nghĩa của 10 địa Bồ tát, biện rõ về 3 thừa, tiếp đây cho đến hết phẩm 27 là chú giải về *Địa thứ nhất (Địa Hoan Hy)*. Từ phẩm 28 đến hết phẩm 35 là chú giải khoảng một nửa ($\frac{1}{2}$) *Địa thứ hai (Địa Ly Cấu)*.

Như vậy, hoặc là Tác giả mới chỉ giải thích từng ấy, hoặc là Dịch giả dịch chưa hết?

2. *Tác phẩm của Luận sư An Tuệ: Luận Kinh Đại Bảo Tích*: N⁰ 1523, Hán dịch là *Đại sư Bồ Đề Lưu Chi* (Thế kỷ thứ 6 TL), dịch vào đời Nguyên Ngụy (339-556), gồm 4 quyển. ĐTK/ĐCCT không ghi tên tác giả, nhưng Đại Từ Điển Phật Quang căn cứ theo bản dịch của Tây Tạng thì tác giả là *Luận sư An Tuệ* (475-555), một trong mười Đại Luận sư thuộc hệ phái Duy Thức, sống đồng thời với Luận sư Hộ Pháp, tác giả các Bộ Luận: *Luận Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tập Tập* (16 quyển), *Đại Thừa Trung Quán Thích Luận* (9 quyển) v.v...

Tác phẩm *Luận Kinh Đại Bảo Tích* tuy mang tên là Luận giải thích Kinh Đại Bảo Tích, nhưng nội dung chỉ giải thích Hội thứ 43 (Hội Bồ Tát Phổ Minh, 1 quyển, gọi là Kinh Bảo Tích Cổ) của *Kinh Đại Bảo Tích* 120 quyển, do *Đại sư Bồ Đề Lưu Chi* (562-727) dịch và tập hợp.

Bản Luận mở đầu là 2 kệ bày tỏ sự quy kính Đức Thế Tôn cùng nói qua ý nguyện tạo luận. Tiếp theo là giải thích về danh nghĩa của Bảo Tích, một Kinh Bảo Tích gồm thấu hết tất cả pháp Đại thừa, trong đó Đức Như Lai đã vì các Bồ tát giảng nói mười sáu thứ tướng sai biệt, nên gọi là Bảo Tích. Sau đây, tác giả căn cứ theo văn kinh, dùng thể *Hỏi – Đáp* để lần lượt giải thích quảng diễn về ý nghĩa.

3. *Tác phẩm của Luận sư Thân Quang: Luận Kinh Phật Địa*: N^o 1530, Hán dịch là *Pháp sư Huyền Tráng* (602-664), dịch vào đời Đường (618-906), gồm 7 quyển, nội dung là giải thích, quảng diễn *Kinh Phật Địa* (ĐTK/ĐCCT, T₁₆, N0 680, Hán dịch là *Pháp sư Huyền Tráng*, 1 quyển). Luận sư Thân Quang thuộc hệ phái Duy Thức, sống vào khoảng hậu bán thế kỷ 6 TL, tương truyền là môn nhân của Luận sư Hộ Pháp.

Tác giả đã phân Kinh Phật Địa ra làm 3 phần: *Nhân duyên khởi giáo*, *Thánh giáo được thuyết giảng* và *Y theo giáo pháp phụng hành*, theo đây để giải thích kinh.

Từ quyển 1 đến hết quyển 2: Là phần *Nhân duyên khởi giáo*. Từ quyển 3 đến cuối quyển 7: Là phần *Thánh giáo được thuyết giảng*, lần lượt giải thích về 5 thứ pháp đã gồm thân Địa Đại giác: (1) Pháp giới thanh tịnh. (2) Trí Đại viên cảnh. (3) Trí Bình đẳng tánh. (4) Trí Diệu quan sát. (5) Trí Thành sở tác. Từ cuối quyển 7 đến hết kinh: Là phần *Y theo giáo pháp phụng hành*.

4. *Tác phẩm của Bồ tát Thế Thân*:

a. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Ưu Ba Đề Xá*: Luận này có 2 bản Hán dịch:

* Bản 1: Do Đại sư *Bồ Đề Lưu Chi* và *Đàm Lâm* Hán dịch vào khoảng đầu thế kỷ 6 TL đời Hậu Ngụy (339-556) gồm 2 quyển (N^o 1519).

* Bản 2: Do Đại sư *Lặc Na Ma Đề* cùng *Tăng Lãng* Hán dịch, cũng vào đời Hậu Ngụy (còn gọi là Bắc Ngụy, Nguyên Ngụy), gồm 1 quyển (N^o 1520), nội dung cũng như Bản 1 nhưng không có kệ mở đầu (14 câu) và các chi tiết đều ít hơn.

Luận tuy mang tên là Giải thích Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhưng thật sự chỉ giải thích 3 *Phẩm đầu* của Kinh là *Phẩm Tự*, *Phẩm*

Phương Tiện và Phạm Thị Dụ. Nơi mỗi phẩm, tác giả cũng chỉ nêu dẫn những điểm chính để khai triển, quảng diễn.

Như nơi *Phẩm Tự*, tác giả nêu dẫn đoạn kinh mở đầu rồi nói đến 7 thứ công đức được thành tựu: (1) Thành tựu về phần mở đầu. (2) Thành tựu về chúng hội. (3) Thành tựu về thời gian thích hợp để Đức Như Lai thuyết pháp. (4) Thành tựu về chỗ dựa nơi pháp được nêu giảng với uy nghi tùy thuận an trụ. (5) Thành tựu về chỗ nương dựa nơi nhân thuyết giảng. (6) Thành tựu về việc đại chúng hiện tiền nhằm nghe pháp. (7) Thành tựu về việc Bồ tát Văn Thù Sư Lợi đáp lại.

Nơi mỗi thứ công đức được thành tựu này sẽ được khai triển để biện giải. Như thành tựu về chúng hội có 4 thứ nghĩa chỉ rõ: (a) Thành tựu về số lượng. (b) Thành tựu về hạnh. (c) Thành tựu về thâm tóm công đức. (d) Thành tựu về uy nghi như pháp trụ v.v...

b. Luận Kinh Thập Địa: N^o 1522, Hán dịch là *Đại sư Bồ Đề Lưu Chi*, gồm 12 quyển, nội dung là giải thích *Kinh Thập Địa*, tức *Phẩm Thập Địa*, Phẩm thứ 26 trong 39 phẩm của *Kinh Hoa Nghiêm*, bản 80 quyển (ĐTK/ĐCTT, T₁₀, N^o 279, Hán dịch là *Đại sư Thật Xoa Nan Đà* “652-710”, dịch vào khoảng năm 695-699 đời Đường).

Mười Địa là chỉ cho mười loại thứ bậc trên con đường tu tập của Bồ tát Đại thừa, gồm: (1) Địa Hoan Hỷ. (2) Địa Ly Cấu. (3) Địa Minh. (4) Địa Diệm. (5) Địa Nan Thắng. (6) Địa Hiện Tiền. (7) Địa Viễn Hành. (8) Địa Bất Động. (9) Địa Thiện Tuệ. (10) Địa Pháp Vân. Nơi mỗi Địa, dựa theo văn kinh, tác giả phân ra nhiều phần, và theo từng phần ấy để khai triển, quảng diễn.

Như nơi *Địa thứ nhất (Địa Hoan Hỷ)*, tác giả phân ra 8 phần: (1) Phần Mở đầu. (2) Phần Nhập tam muội. (3) Phần Gia hộ. (4) Phần Phát khởi. (5) Phần Góc. (6) Phần Thịnh cầu. (7) Phần Thuyết giảng. (8) Phần Đối chiếu chỗ thù thắng.

Nơi *Địa Ly Cầu* (*Địa thứ hai*), nhờ vào giới thanh tịnh có 2 thứ thanh tịnh: (1) Thanh tịnh phát khởi. (2) Thanh tịnh tự thể. *Thanh tịnh phát khởi*: Là nói về mười thứ tâm. *Thanh tịnh tự thể*: Là nói về ba thứ giới v.v...

c. *Kinh Vô Lượng Thọ Ưu Ba Đề Xá*: N^o 1524, Hán dịch là *Đại sư Bồ Đề Lưu Chi*, gồm 1 quyển. Bồ tát Thế Thân đã căn cứ theo nội dung của *Kinh Vô Lượng Thọ*, tạo ra 24 kệ (96 câu 5 chữ) gọi là *Kệ Nguyên Sinh*, lại nêu dẫn 5 môn nhớ nghĩ (Niệm): (1) Môn lễ bái. (2) Môn tán thán. (3) Môn tạo nguyện. (4) Môn quan sát. (5) Môn hồi hướng. Đối chiếu với kệ để lần lượt giải thích, quảng diễn. (Bản Luận này được xem là một Luận trong *ba Kinh một Luận* căn bản của Tịnh Độ Tông (Ba kinh kia là: *Kinh Vô Lượng Thọ*, *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* và *Kinh A Di Đà*).

d. *Kinh Bảo Kế Tứ Pháp Ưu Ba Đề Xá*: N^o 1526, Hán dịch là *Đại sư Tỳ Mục Trí Tiên*, dịch vào khoảng đầu thế kỷ 6 TL đời Nguyên Ngụy (399-556), gồm 1 quyển, nội dung là giải thích quảng diễn về 4 pháp trong *Kinh Bảo Kế*, tức *Phẩm Bồ Tát Bảo Kế*, Phẩm thứ 11 trong 17 Phẩm của *Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập*, 60 quyển, do Đại sư Tăng Tụ tập hợp (ĐTK/ĐCTT, T₁₃, N^o 397). Bốn thứ pháp phát khởi tinh tấn của Bồ tát không lìa bố thí là: (1) Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả chúng sinh. (2) Phát khởi tinh tấn với đầy đủ tất cả pháp Phật. (3) Phát khởi tinh tấn với tướng tùy hình hảo trọn vẹn. (4) Phát khởi tinh tấn với thế giới Phật thanh tịnh.

đ. *Luận Niết Bàn*: N^o 1527, Hán dịch là *Đại sư Đạt Ma Bồ Đề*, dịch vào đời Hậu Ngụy, gồm 1 quyển, nội dung là giải thích, biện minh về một số điểm tiêu biểu nơi *Kinh Đại Bát Niết Bàn*. Bồ tát Thế Thân dựa theo nội dung Kinh nêu ra 7 phần chính: (1) Từ: Như thế, cho đến: Máu tuôn chảy khắp trên đất: Gọi là Phần Thị hiện lần nữa thân thông không thể nghĩ bàn. (2) Hai phẩm Thuần Đà than khóc: Gọi là Phần Thành tựu chủng tánh dứt trừ chấp trước. (3) Từ: Ba lần

bảo cho biết, đến hết Phẩm Đại Chúng Thừa Hỏi: Gọi là Phần Nêu nghĩa thật của chánh pháp. (4) Năm hạnh, mười công đức: Gọi là Phần Phương tiện tu thành. (5) Phẩm Sư Tử Hống: Gọi là Phần Lìa các thứ phóng dật, dật chứng nhập. (6) Phẩm Ca Diếp: Gọi là Phần Ánh sáng từ bi khéo léo trụ trì. (7) Phẩm Kiềm Trần Như: Gọi là Phần Hiện bày tướng. Qua đây, tùy chỗ liên hệ, nêu câu hỏi và lần lượt giải đáp, biện minh.

e. *Luận Kinh Niết Bàn Bản Hữu Kim Vô Kệ*: N^o 1528, Hán dịch là *Đại sư Chân Đế* (499-569), dịch vào đời Trần (557-588), gồm 1 quyển, nội dung là giải thích quảng diễn kệ: *Bản hữu kim vô (Xưa có nay không)* trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn*.

f. *Luận Kinh Di Giáo*: N^o 1529, Hán dịch là *Đại sư Chân Đế*, gồm 1 quyển, nội dung là giải thích *Kinh Di Giáo*, tức là những lời dạy sau cùng của Đức Thế Tôn trước khi nhập Niết bàn. Dựa theo nội dung kinh, Bồ tát Thế Thân nêu pháp tu hành của Bồ tát gồm có 7 phần: (1) Phần Mở đầu. (2) Phần Tu tập công đức thế gian. (3) Phần Thành tựu công đức của bậc Đại nhân xuất thế gian. (4) Phần Hiện bày công đức thâm diệu, rốt ráo. (5) Phần Hiện bày quyết định nhập chứng. (6) Phần Phân biệt chưa nhập chứng bậc tối thượng là đoạn trừ nghi. (7) Phần Vô ngã thanh tịnh, lìa các thứ tự tánh. Theo thứ lớp của bảy phần ấy, đối chiếu với văn kinh, tác giả lần lượt giải thích, quảng diễn đầy đủ về ý nghĩa của kinh.

g. *Luận Kinh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Vấn Bồ Đề*: N^o 1531, Hán dịch là *Đại sư Bồ Đề Lưu Chi*, dịch vào đời Nguyên Ngụy, gồm 2 quyển, nội dung là giải thích *Kinh Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Vấn Bồ Đề*. Kinh này có 4 bản Hán dịch mang số hiệu: 464, 465, 466, 467 thuộc Tập 14, ĐTK/ĐCTT. Cũng như một số tác phẩm cùng loại, mở đầu tác giả nêu kệ quy kính cùng nói qua việc tạo luận (8 câu), tiếp theo căn cứ nội dung kinh phân làm 9 phần: (1) Phần Mở đầu. (2) Phần Đề tử thành tựu đáng được nghe. (3) Phần Tam muội. (4) Phần

Chủ thể quán thanh tịnh. (5) Phần Pháp của đối tượng được quán. (6) Phần Phát khởi. (7) Phần Giảng nói. (8) Phần Uy lực công đức của Bồ tát. (9) Phần Hành của Bồ tát có sai biệt. Theo thứ lớp của chín phần như thế, kết hợp với văn kinh, tác giả lần lượt biện giải, quảng diễn về diệu nghĩa của kinh.

h. Luận Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn: N^o 1532, Hán dịch là *Đại sư Bồ Đề Lưu Chi*, dịch vào đời Nguyên Ngụy, gồm 4 quyển, nội dung là giải thích quảng diễn nghĩa lý của *Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn*. Kinh này có 3 bản Hán dịch mang số hiệu: 585, 586, 587 thuộc Tập 15 ĐTK/ĐCCT. Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn thuật lại sự việc Đức Thế Tôn đã vì các Bồ tát như Võng Minh, Phạm Thiên Thắng Tư Duy (Pháp sư Trúc Pháp Hộ dịch là Phạm Thiên Trì Tâm. Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch là Phạm Thiên Tư Ích) thuyết giảng về diệu lý không tịch của các pháp. Bồ tát Thế Thân, nơi Luận này, chỉ căn cứ theo văn kinh, lần lượt giải thích, khai triển, quảng diễn.

i. Hai Luận: Kinh Chuyển Pháp Luân Ưu Ba Đề Xá N^o 1533 và *Kinh Tam Cụ Túc Ưu Ba Đề Xá* N^o 1534, đều do *Đại sư Tỳ Mục Trí Tiên* (thế kỷ 6 TL) Hán dịch vào đời Nguyên Ngụy, nội dung là quảng diễn những điểm chính yếu của hai bản kinh gắn kể trên.

Như nơi *Kinh Chuyển Pháp Luân*, tác giả nêu ra 12 câu hỏi, rồi theo đây lần lượt biện giải.

Còn ở *Kinh Tam Cụ Túc* thì quảng diễn 3 thứ luôn đầy đủ của Bồ tát là *Thí, Giới, Nghe* (Kiến thức).

5. Ngoài ra:

a. Luận Kinh Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn: N^o 1525, Hán dịch là *Đại sư Bồ Đề Lưu Chi*, dịch vào đời Hậu Ngụy, gồm 9 quyển, không ghi tác giả, nội dung là giải thích *Kinh Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn* (Kinh này tương đương với Hội thứ 42 – Hội Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn, quyển 111

– trong 49 Hội, 120 quyển của Kinh Đại Bảo Tích). Tác giả nêu dẫn toàn văn của kinh, sau đây lần lượt giải thích, quảng diễn rất đầy đủ về các chi tiết, các ý nghĩa hàm chứa cùng liên hệ nơi kinh.

b. Luận Thích Kinh Đại Thừa Tứ Pháp: N⁰ 1535 (Không ghi Tác giả và Dịch giả), là những giải thích ngắn gọn về nội dung *Kinh Đại Thừa Tứ Pháp* (Kinh này có 3 bản Hán dịch mang số hiệu: 772, 773, 774 thuộc Tập 17, ĐTK/ĐCTT).

*

Phần 2. Các Luận thuộc Bộ Tỳ Đàm.

1. Luận A Tỳ Đạt Ma Tập Di Môn Túc (Phạn: Abhidharma – Samgiti – paryàya – pàda): N⁰ 1536, tác giả là *Tôn giả Xá Lợi Tử*, Hán dịch là *Pháp sư Huyền Tráng* (602-664), dịch vào khoảng giữa thế kỷ 7 TL, đời Đường (618-906), gồm 20 quyển. Nội dung của Luận được phân làm 12 Phẩm:

Phẩm 1: Duyên Khởi: Nêu rõ về nhân duyên cùng mục đích tạo luận.

Từ *Phẩm 2:* Một Pháp đến *Phẩm 11:* Mười Pháp: Là lần lượt nêu dẫn cùng giải thích biện minh các pháp môn *một pháp* cho đến *mười pháp*: *Một pháp*, như: Chúng sinh nương nơi ăn, nơi hành để trụ. Nơi hết thấy pháp thiện không phóng dật là hơn hết. *Hai pháp*, như: Danh – sắc, vô minh – hữu ái, hữu kiến – vô kiến, không hổ – không thẹn, hổ – thẹn, xa ma tha – tỳ bát xá na v.v... *Ba pháp*, như: Ba căn bất thiện, ba căn thiện, ba tầm bất thiện, ba tầm thiện, ba hành ác, ba hành diệu, ba giới (Dục, giận, hại), ba giới (Xuất ly, không giận, không hại), ba giới (Dục, sắc, vô sắc), ba giới (Sắc, vô sắc, diệt). *Bốn pháp*, như: Bốn niệm trụ (Bốn niệm xứ), bốn chánh đoạn (Bốn chánh cần), bốn thần túc, bốn tĩnh lự, bốn Thánh đế v.v... Sau khi nêu dẫn là giải thích, biện minh theo thể *Hỏi – Đáp*.

Phẩm 12: Khen – Khuyên (Tán – Khuyên): Tức Đức Thế Tôn khen ngợi Tôn giả Xá Lợi Tử, cùng khuyên các Bí sô nên thọ trì, đọc tụng pháp môn này.

2. *Luận A Tỳ Đạt Ma Pháp Uẩn Túc* (Phạn: Abhidharma – Dharma – Skandha – pàda): N^o 1537, tác giả là *Tôn giả Đại Mục Kiền Liên*, Hán dịch là *Pháp sư Huyền Tráng*, gồm 12 quyển, 21 phẩm.

Mở đầu Luận là nêu kệ quy kính Tam bảo, tán dương A Tỳ Đạt Ma và nói qua tâm nguyện tạo luận (4 câu 5 chữ, 4 câu 7 chữ). Sau đây, nơi đầu mỗi Phẩm đều có phần Duyên khởi, tức cho biết Đức Thế Tôn đã giảng nói các pháp ấy ở đâu, trong hoàn cảnh nào. Tiếp theo là nêu dẫn các pháp được Đức Phật thuyết giảng cùng những giải thích quảng diễn của tác giả.

Như nơi Phẩm 1: *Học Xứ*, thuyết giảng cùng giải thích quảng diễn: Năm thứ tội oán sợ hãi. Thế nào là hàng Ô Ba Sách Ca (Ưu bà tặc)? Năm Học xứ (Giới) của hàng Ô Ba Sách Ca. Phẩm 2: *Chi Dữ Lưu*. Thuyết giảng cùng giải thích, quảng diễn về: Bốn pháp nên chánh cần tu tập. Dùng vô lượng pháp môn chính thức chỉ bày về bốn Thánh đế đích thực là bốn Thánh đế v.v...

3. *Luận A Tỳ Đạt Ma Thức Thân Túc* (Phạn: Abhidharma – Vijnanakaya – pàda): N^o 1539, tác giả là *A La Hán Đề Bà Thiết Ma*, một Luận sư thuộc phái Hữu Bộ, sống vào khoảng 100 năm sau Phật nhập diệt, Hán dịch là *Pháp sư Huyền Tráng*, gồm 16 quyển.

Mở đầu Luận nêu kệ quy kính Đức Thế Tôn, tán thán đên chánh pháp A Tỳ Đạt Ma, cùng bày tỏ tâm nguyện tạo luận (24 câu 7 chữ). Tiếp theo là Tụng nêu tổng quát về 6 Phẩm của Luận (Gọi là 6 Uẩn). Sau đây theo thứ tự từng Uẩn, nêu dẫn cùng biện giải về các pháp.

Như *Uẩn thứ 1: Mục Kiền Liên*, gồm 5 phần, mở đầu nơi mỗi phần đều có Tụng nêu chung, nội dung của Uẩn này là luận pháp thuyết “Quá khứ vô thể, hiện tại hữu thể” của Sa môn Mục Kiền Liên

(Theo Luận Dị Bộ Tông Luân thì đây là quan điểm của Hóa Địa Bộ), nhằm thiết lập giáo nghĩa của Hữu Bộ: Tất cả pháp của ba đời là thật có. *Uẩn thứ 3: Nhân Duyên*, gồm 2 phần, thuyết minh về sáu thức thân ở ba đời (Quá khứ, hiện tại, vị lai) với ba tánh (Thiện, bất thiện, vô ký) cùng mười thứ tâm, mười lăm thứ tâm v.v...

4. *Luận A Tỳ Đạt Ma Giới Thân Túc* (Phạn: Abhidharma – dhātu – kàya – pàda): N^o 1540, tác giả là *Tôn giả Thế Hữu*, một Đại Luận sư của Hữu Bộ, Hán dịch là *Pháp sư Huyền Tráng*, gồm 3 quyển, nội dung của Luận phân làm 2 Phẩm:

Phẩm 1: *Bản Sự*, gồm 3 phần: (1) Nêu tụng tổng quát. (2) Nêu dẫn các pháp: Mười pháp đại địa, mười pháp đại phiền não địa, mười pháp tiểu phiền não địa, năm phiền não, năm kiến, năm xúc, năm căn, sáu thức thân, sáu xúc thân v.v... (3) Giải thích, biện minh các pháp: Theo thứ tự đã nêu dẫn, lần lượt giải thích, quảng diễn.

Phẩm 2: *Phân Biệt*: Chia làm 16 môn: Từ môn 1 đến môn 3: Phân biệt các thứ *tâm sở* (Tức Thọ v.v... của mười pháp đại địa cho đến Ái do ý xúc sinh) cùng với *năm thọ căn* (Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn), *sáu thức thân* (Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức) và *hai pháp không hổ, không thẹn*, có bao nhiêu thứ tương ưng, không tương ưng? Từ môn 4 đến môn 16: Khảo xét, phân biệt các thứ *tâm sở* (như trên) cùng với *năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới*, mỗi mỗi thứ tâm sở kia tương ưng, không tương ưng với chúng đã gồm thâu những gì v.v...?

5. *Luận A Tỳ Đạt Ma Phẩm Loại Túc* (Phạn: Abhidharma – prakarana – pàda): Tác giả là *Tôn giả Thế Hữu*, Luận này có 2 bản Hán dịch:

a. *Bản dịch trước*: Do hai Đại sư *Câu Na Bạt Đà La* cùng *Bồ Đề Da Xá* thực hiện, dịch vào đời Lưu Tống (420-478 TL) mang tên: *Luận Chúng Sự Phần A Tỳ Đàm*, gồm 12 quyển (N^o 1541)

b. Bản dịch sau: Do Pháp sư Huyền Tráng thực hiện, mang tên: Luận A Tỳ Đạt Ma Phẩm Loại Túc, gồm 18 quyển (N^o 1542).

Nội dung của Luận được phân làm 8 Phẩm (Tên các Phẩm là theo bản Hán dịch của Pháp sư Huyền Tráng):

- * Phẩm 1: Biện về năm Sự.
- * Phẩm 2: Biện về các Trí.
- * Phẩm 3: Biện về các Xứ.
- * Phẩm 4: Biện về bảy Sự.
- * Phẩm 5: Biện về Tùy miên.
- * Phẩm 6: Biện về Thâu giữ.
- * Phẩm 7: Biện về Ngàn câu hỏi.
- * Phẩm 8: Biện về Quyết trạch.

Qua đó, nêu dẫn, giải thích, biện biệt, đối chiếu rất đầy đủ về các pháp thuộc lãnh vực A Tỳ Đàm. Như nơi Phẩm 1: Biện về năm Sự đã lần lượt nêu dẫn cùng giải thích: Năm pháp (Sắc, Tâm, Tâm sở, Tâm bất tương ưng hành và Vô vi), bốn đại chủng, năm căn, năm trần, sáu thức thân, các tâm sở, chín thứ kiết, ba thứ phược, bảy thứ tùy miên, các tùy phiền não, tám thứ tâm sở trói buộc hành uẩn, mười thứ trí, tám thứ nhãn của hiện quán biên, các thứ tâm bất tương ưng hành v.v...

6. *Luận A Tỳ Đạt Ma Thi Thiết Túc* (Phạn: Abhidharma – prajñapti – pàda): Tương truyền tác giả là *Tôn giả Đại Ca Diễn Na* (Ca Chiên Diên), một trong mười vị Đại đệ tử của Đức Thế Tôn. Luận này chưa được Pháp sư Huyền Tráng Hán dịch.

Bản *Luận Thi Thiết* hiện có nơi Tập 26 ĐTK/ĐCTT, N^o 1538, gồm 7 quyển, là do hai Đại sư *Pháp Hộ* và *Duy Tịnh* Hán dịch vào khoảng giữa thế kỷ 11, đời Triệu Tống (960-1276), là bản Hán dịch một phần của *Luận A Tỳ Đạt Ma Thi Thiết Túc*.

Theo Đại Từ Điển Phật Quang thì Bản Luận A Tỳ Đạt Ma Thi Thiết Túc đầy đủ hiện chỉ có nơi Tạng Tây Tạng, nội dung gồm 3 phần: Phần 1: Thế Gian Thi Thiết. Phần 2: Nhân Thi Thiết. Phần 3: Nghiệp Thi Thiết.

Bản Hán dịch gồm 7 quyển kia chỉ dịch Phần 2 (Nhân Thi Thiết) nhưng dịch cũng không đầy đủ.

Nội dung của *Luận Thi Thiết* 7 quyển được phân làm 13 môn, đều gọi là: Môn Thi Thiết Nhân trong Đại Luận Đối Pháp, lần lượt giải thích biện biệt về: Bảy thứ báu của Chuyển luân Thánh vương. Đối chiếu bảy báu của Chuyển luân Thánh vương với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đã nêu giảng tám chánh đạo, bốn chánh đoạn v.v... Các điềm lành khi Phật mới sinh. Nhân quả của chúng sinh. Tính chất nặng nhẹ của ba độc tham sân si. Tính chất sai biệt nơi các pháp của thế gian. Các loại núi non, biển cả, các thứ thần thông, biến hóa v.v...

7. *Luận A Tỳ Đạt Ma Phát Trí* (Phạn: Abhidharma – jñāna – prasthāna): Tác giả là *Tôn giả Ca Đa Diễn Ni Tử*, một Đại Luận sư của Hữu Bộ, sống vào khoảng ba trăm năm sau Phật diệt độ. Luận này có hai bản Hán dịch:

a. *Bản dịch trước*: Do hai Đại sư *Tăng Già Đề Bà* cùng *Trúc Phật Niệm*, dịch vào khoảng năm 383 TL đời Phù Tần (351-384), mang tên: *Luận A Tỳ Đàm Bát Kiền Độ*, gồm 30 quyển (N^o 1543).

b. *Bản dịch sau*: Do *Pháp sư Huyền Tráng* thực hiện, mang tên: *Luận A Tỳ Đạt Ma Phát Trí*, gồm 20 quyển (N^o 1544).

Nội dung của Luận phân làm 8 *Uẩn* (Bản dịch trước dịch là *Kiền độ*) với 44 *Phẩm* (Phẩm: Phạn ngữ là Varga, Pháp sư Huyền Tráng dịch âm là *Nạp tức*. Bản dịch trước dịch âm là *Bạt cừ*):

(1) Tạp uẩn: Gồm 8 phẩm.

(2) Kiết uẩn: Gồm 4 phẩm.

- (3) Trí uân: Gồm 5 phẩm.
- (4) Nghiệp uân: Gồm 5 phẩm.
- (5) Đại chủng uân: Gồm 4 phẩm.
- (6) Căn uân: Gồm 7 phẩm.
- (7) Định uân: Gồm 5 phẩm.
- (8) Kiến uân: Gồm 6 phẩm.

Qua đó, đã nêu dẫn, giải thích, quảng diễn rất đầy đủ về các nhóm pháp cùng luận bàn về các vấn đề được tranh luận của Phật giáo bộ phái đương thời. Đây là Bộ Luận rất nổi tiếng của Hữu Bộ, được xem là phần *Thân Luận* (Văn nghĩa đề cập đầy đủ, toàn diện) so với sáu bộ luận kia được xem là phần *Túc Luận* (Các môn nghĩa có tính chất căn bản chưa đầy đủ).

Bộ Luận *A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa*, N^o 1545, toàn Tập 27, 200 quyển, là giải thích quảng diễn Bộ Luận này.

Chủ tịch Tuệ Quang Foundation
Nguyễn Hiền - Trần Tiến Huyền

SỐ 1519/2
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ

Tác giả: Luận sư Bà Tâu Bàn Đậu.

Hán dịch: Đời Hậu Ngụy,

Đại sư Bồ Đề Lưu Chi và Sa môn Đàm Lâm.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyễn Huệ.

QUYÊN THƯỢNG

*Đảnh lễ Biển Chánh giác
Pháp tịnh, Tạng vô vi
Là bậc Trí sâu, bén
Mở bày sách Tỳ-già.
Kính đấng Mâu-ni tôn
Cùng Thanh văn, Bồ-tát
Khiến pháp gồm hai lợi
Lược nêu biện Lạc-già.
Quy mạng nơi ba đời
Phật, Bồ-tát hiện tại
Tâm từ rộng, thần lực
Xin cho con vô úy
Đại bi dứt bốn ma
Giúp Bồ-đề tăng trưởng.*

Phẩm 1: MỞ ĐẦU

Kinh nói: “*Tôi nghe như vậy:*”

Một thời, Đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn người hội đủ. Chư vị đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại, khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, tâm khéo điều phục, là bậc Đại Long trong loài người, việc nên làm đã làm, mọi sự tạo tác đã hoàn thành, lìa các gánh nặng, đạt được tự lợi, sạch hết các thứ kiết sử, khéo đạt chánh trí, tâm giải thoát, tất cả tâm đều được tự tại, đạt đến bờ giác bậc nhất.

Chúng Đại Bồ-tát gồm tám vạn người, đều không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đều chứng đắc pháp Đà-la-ni, lạc thuyết đại biện tài, chuyển pháp luân không thoái chuyển, từng cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, ở nơi trụ xứ của chư Phật gieo trồng các căn thiện, thường được chư Phật khen ngợi, dùng đại từ bi để tu tập thân tâm, khéo hội nhập nơi tuệ Phật, thông đạt về đại trí, đến nơi bờ giác, tiếng tốt vang khắp vô lượng thế giới, có thể hóa độ vô số trăm ngàn chúng sinh”.

Giải thích: Pháp môn của Kinh này, nơi Phẩm thứ nhất đã chỉ rõ 7 thứ công đức được thành tựu. Nghĩa này nên nhận biết. ***Những gì là bảy?***

1. Thành tựu về phần tự (Mở đầu).
2. Thành tựu về chúng hội.
3. Thành tựu về thời gian thích hợp để Đức Như Lai thuyết pháp.
4. Thành tựu về chỗ dựa nơi pháp được nêu giảng với uy nghi tùy thuận an trụ.

5. Thành tựu về chỗ nương dựa nơi nhân thuyết giảng.
6. Thành tựu về việc đại chúng hiện tiền nhằm nghe pháp.
7. Thành tựu về việc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp lại.

*

1. Thành tựu về phần tự: Trong pháp môn này chỉ rõ 2 thứ thắng nghĩa được thành tựu:

- a. Chỉ rõ trong các pháp môn nghĩa tối thắng thành tựu.
- b. Chỉ rõ việc thành tựu nghĩa công đức tự tại.

Như thành Vương-xá: Là thù thắng so với các thành xá khác.
Núi Kỳ-xà-quật: Là thù thắng so với các núi khác. Tức hiển bày nghĩa tối thắng của pháp môn này. Như kinh nói: “Đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá v.v...”.

*

2. Thành tựu về chúng hội: Có 4 thứ nghĩa chỉ rõ sự thành tựu nên biết. *Những gì là bốn?*

- a. Thành tựu về số lượng.
- b. Thành tựu về hạnh.
- c. Thành tựu về sự thâm tóm công đức.
- d. Thành tựu về uy nghi như pháp trụ.

a. *Thế nào là Thành tựu về số lượng?* Tức các đại chúng là vô số.

b. *Thế nào là Thành tựu về hạnh?* Có 4 loại:

- (1) Là các Thanh văn tu hạnh Tiểu thừa.
- (2) Là các Bồ-tát tu hạnh Đại thừa.

(3) Là các Bồ-tát thần thông tự tại, tùy thời thị hiện, có thể tu hạnh Đại thừa. Như mười sáu vị Đại Hiền sĩ của nhóm Bồ-tát Bạt-đà-

ba-la, gồm đủ các sự việc không thể nghĩ bàn của bậc Bồ-tát, thường thị hiện đủ loại hình tướng, tức như bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

(4) Tức hàng Thanh văn xuất gia, uy nghi nhất định, không giống với Bồ-tát.

“*Điều là bậc A-la-hán v.v...*”: Có 16 câu: Chỉ rõ về sự thành tựu công đức của hàng Thanh văn.

“*Điều không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng v.v...*”: Có 13 câu: Chỉ rõ về sự thành tựu công đức của bậc Bồ-tát.

* **Thành tựu công đức của hàng Thanh văn: 16** câu kia nghĩa gồm thâm nơi 3 môn:

Môn 1: Môn thượng thượng khởi.

Môn 2: Môn tướng tổng, tướng biệt.

Môn 3: Môn thâm giữ sự việc.

Môn 1: Môn thượng thượng khởi: Tức các lậu đã hết nên gọi là *A-la-hán*. Do tâm được tự tại nên gọi là *các lậu đã hết*. Do tâm không còn phiền não sinh khởi nên gọi là *tâm được tự tại*. Do khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, nên gọi là *tâm được tự tại*. Do xa lìa chủ thể nhận thấy, đối tượng được nhận thấy, nên gọi là *không còn phiền não*. Đã *khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát*, nên gọi là *tâm khéo điều phục*.

Là bậc Đại Long trong loài người: Tức đi nơi các đường ác vẫn như đi nơi đường bằng phẳng, không hề bị trở ngại. Điều nên hành đã hành, nơi chốn nên đến đã đến, *việc nên làm đã làm*, là bậc Đại Long nơi loài người đã có thể đối trị, hàng phục được phiền não, oán địch.

Mọi sự tạo tác đã hoàn thành: Tức không còn sinh trở lại nơi đời sau, như sự việc tương ưng đã thành tựu.

Lìa các gánh nặng: Do các việc nên làm đã làm, mọi sự tạo tác đã hoàn thành, nên gánh nặng của đời sau đã được lìa bỏ.

Đạt được tự lợi: Là đã bỏ gánh nặng, chứng đắc Niết-bàn.

Sạch hết các thứ kiết sử: Là do đã đạt được tự lợi, dứt trừ nhân của các phiền não.

Khéo đạt chánh trí, tâm giải thoát: Tức là các lậu đã hết.

Tất cả tâm đều được tự tại: Tức khéo nhận biết về trí kiến đạo, trí tu đạo.

Đạt đến bờ giác bậc nhất: Là khéo đạt được chánh trí, tâm giải thoát, khéo đạt được các công đức của thần thông, Tam-muội Vô tránh.

Đại A-la-hán v.v...: Tức tâm được tự tại, đạt đến bờ giác.

Nhiều người nhận biết: Tức các bậc vua, vương tử, đại thần, dân chúng, Đế thích, Phạm thiên v.v... đều nhận biết. Lại nữa, các bậc Thanh văn, Bồ-tát, Phật, là bậc có trí tuệ thù thắng, nên các hàng kia đối với bậc thắng trí thấy đều khéo nhận biết, do đó gọi là: *Nhiều người nhận biết*.

Môn 2: Môn tướng tổng, tướng biệt: *Đều là bậc A-la-hán v.v...:* Gồm 16 câu: Câu đầu là chung. Các câu còn lại là riêng. A-la-hán gọi là Ứng. Có 15 thứ nghĩa về Ứng, nên biết. *Những gì là mười lăm?*

(1) Ứng (Nên, được): Thọ nhận sự cung kính cúng dường các thức ăn uống, đồ nằm ngồi v.v...

(2) Ứng: Dẫn dắt đại chúng, giáo hóa hết thấy.

(3) Ứng: Đi vào các làng xóm, thành ấp.

(4) Ứng: Hàng phục các ngoại đạo.

(5) Ứng: Dùng trí tuệ nhanh chóng quán xét các pháp.

(6) Ứng: Không mau không chậm thuyết giảng pháp như pháp tương ứng, không mệt mỏi.

(7) Ứng: Tĩnh tọa nơi chốn thanh vắng, các thứ thức ăn uống, y phục, các vật dụng sinh sống đều không tích tụ, sống hạnh thiếu dục, tri túc.

(8) Ứng: Toàn bộ là hành thiện, không vướng mắc nơi các thiện.

(9) Ứng: Hành trì hạnh Thánh không.

(10) Ứng: Hành trì hạnh Thánh vô tướng.

(11) Ứng: Hành trì hạnh Thánh vô nguyện.

(12) Ứng: Hàng phục tâm thiên tịnh của thế gian.

(13) Ứng: Dấy khởi công đức thù thắng của các thông.

(14) Ứng: Chứng đắc công đức thù thắng của đệ nhất nghĩa.

(15) Ứng: Nhận biết đúng như thật về chỗ các chúng đồng sinh đạt được các công đức, vì đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Môn 3: Môn thâm giữ sự việc: 15 câu này thâm giữ 10 thứ công đức, nên biết, chỉ rõ về quả có thể nêu bày, không thể nêu bày. *Những gì là mười?*

(1) Thâm giữ công đức đạt được, gồm hai câu chỉ rõ. Như kinh nói: “Các lậu đã hết, không còn phiền não sinh khởi”.

(2) Thâm giữ các công đức, gồm ba câu: Một câu nói về việc thâm giữ công đức thế gian, như kinh nói: “Tâm được tự tại”. Hai câu nói về việc thâm giữ công đức của bậc hữu học xuất thế gian, như kinh nói: “Khéo đạt được tâm giải thoát. Khéo đạt được tuệ giải thoát”.

(3) Thâm giữ công đức không trái, thuận theo nẻo giáo hóa của Như Lai. Như kinh nói: “Tâm khéo điều phục”.

(4) Thâm giữ công đức thù thắng. Như kinh nói: “Là bậc Đại Long trong loài người”.

(5) Thâu giữ công đức thù thắng của chỗ cần tạo tác. Chỗ cần tạo tác: Tức có thể dựa nơi pháp, cung kính cúng dường, tôn trọng Như Lai. Như kinh nói: “Việc nên làm đã làm”.

(6) Thâu giữ công đức đầy đủ: Tức đầy đủ về học địa. Như kinh nói: “Mọi sự tạo tác đã hoàn thành”.

(7) Thâu giữ công đức vượt hơn, gồm ba câu: Một là yêu quý vượt hơn. Hai là cung kính cúng dường, cầu thọ mạng vượt hơn. Ba là vượt hơn cảnh giới trên dưới, tức đã vượt hơn học địa. Như kinh nói: “Lìa các gánh nặng, đạt được tự lợi, sạch hết các thứ kiết sử”.

(8) Thâu giữ công đức thượng thượng. Như kinh nói: “Khéo được chánh trí, tâm giải thoát”.

(9) Thâu giữ công đức nên tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Như kinh nói: “Tất cả tâm đều được tự tại”.

(10) Thâu giữ công đức thượng thủ. Như kinh nói: “Đạt đến bờ giác bậc nhất”.

* **Thành tựu công đức của bậc Bồ-tát:** Gồm 13 câu, dùng 2 môn để thâu tóm nghĩa. *Những gì là hai môn?*

Môn 1: Môn chi thượng chi hạ.

Môn 2: Môn thâu giữ sự việc.

Môn 1: Môn chi thượng chi hạ: Đó là tướng chung, tướng riêng, nghĩa này nên biết. *Đều không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng:* Là tướng chung. *Các câu còn lại:* Là tướng riêng. Chỗ không thoái chuyển kia có 10 thứ chỉ rõ, nên biết. *Những gì là mười?*

(1) Trụ nơi nghe pháp không thoái chuyển. Như kinh nói: “Đều chứng đắc pháp Đà-la-ni”.

(2) Ưa thích giảng nói không thoái chuyển. Như kinh nói: “Lạc thuyết đại biện tài”.

(3) Thuyết giảng không thoái chuyển. Như kinh nói: “Chuyển pháp luân không thoái chuyển”.

(4) Nương dựa nơi bậc thiện tri thức không thoái chuyển: Dùng nghiệp của thân tâm, dựa nơi sắc thân để thâm giữ. Như kinh nói: “Tùng cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, ở nơi trụ xứ của chư Phật gieo trồng các căn thiện”.

(5) Đoạn trừ tất cả nghi hoặc không thoái chuyển. Như kinh nói: “Thường được chư Phật khen ngợi”.

(6) Vì những sự việc gì mà thuyết pháp, hội nhập nơi các pháp kia không thoái chuyển. Như kinh nói: “Dùng đại từ bi để tu tập thân tâm”.

(7) Hội nhập cảnh giới như thật của Nhất thiết trí không thoái chuyển. Như kinh nói: “Khéo hội nhập nơi tuệ Phật”.

(8) Dựa nơi ngã không, pháp không, không thoái chuyển. Như kinh nói: “Thông đạt về đại trí”.

(9) Đi vào cảnh giới như thật không thoái chuyển. Như kinh nói: “Đến nơi bờ giác”.

(10) Tạo tác nơi chỗ nên tạo tác không thoái chuyển. Như kinh nói: “Có thể hóa độ vô số trăm ngàn chúng sinh”.

Môn 2: Môn thâm giữ sự việc: Là chỉ rõ các Bồ-tát trụ trong những địa thanh tịnh nào, dùng những phương tiện nào, ở những cảnh giới nào để tạo tác nơi cần tạo tác?

Địa thanh tịnh: Tức tám địa trở lên, gồm ba địa hành vô tướng, tịch tĩnh, thanh tịnh.

Phương tiện: Có 4 thứ:

(1) *Phương tiện thâm giữ pháp diệu, trụ trì pháp diệu:* Do dùng lực dụng của lạc thuyết vì mọi người mà nêu giảng.

(2) *Phương tiện thâm giữ thiện trí thức*: Do dựa nơi thiện trí thức nên tạo tác các chỗ cần tạo tác.

(3) *Phương tiện thâm giữ chúng sinh*: Do không xả bỏ chúng sinh.

(4) *Phương tiện thâm giữ trí*: Do giáo hóa chúng sinh khiến nhập vào trí ấy.

Cảnh giới: Dễ hiểu.

Lại còn có môn thâm giữ sự việc: Là chỉ rõ nơi các Địa thâm giữ công đức thù thắng, không giống với các công đức của hàng Nhị thừa. Nghĩa là trong Địa thứ tám, trí không dụng công không giống với Địa dưới, trên. Không giống với Địa dưới: Tức hành có dụng công của Địa dưới không thể làm cho động. Không giống với Địa trên: Tức hành vô tướng nơi Địa trên không thể làm cho động, tự nhiên mà hành. Nơi Địa thứ chín đạt được môn Đà-la-ni thắng tấn, gồm đủ bốn trí tự tại vô ngại. Trong Địa thứ mười, nơi pháp luân không thoái chuyển, được thọ nhận quả vị Phật, như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương, do đạt được nghĩa cùng thâm tóm công đức.

c. Thế nào là Thành tựu về sự thâm tóm công đức? Tức chỉ rõ: Dựa vào nơi chốn nào? Dựa nơi tâm nào? Dựa nơi trí nào? Dựa nơi những cảnh giới nào để hành? Dựa vào những gì để có thể biện biệt?

Dựa vào nơi chốn nào? Là dựa nơi thiện trí thức.

Dựa nơi tâm nào? Là dựa nơi tâm của chúng sinh để giáo hóa, hoàn toàn vì tạo lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

Dựa nơi trí nào? Là dựa nơi 3 thứ trí: (1) Trí thọ ký mật. (2) Trí của các thông. (3) Trí chân thật.

Dựa nơi những cảnh giới nào để hành? Dựa vào những gì để có thể biện biệt? Tức là dựa vào chỗ thâm giữ của ba thứ trí, nên biết.

d. Thế nào là Thành tựu về oai nghi như pháp trụ? Có 4 thứ được chỉ rõ:

- (1) Bốn chúng vây quanh.
- (2) Trước sau.
- (3) Cung kính cúng dường.
- (4) Tôn trọng, tán thán.

Như kinh nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn được bốn chúng vây quanh, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán”.

*

3. Thành tựu về thời gian thích hợp để Đức Như Lai thuyết pháp: Tức vì các Bồ-tát thuyết giảng kinh thuộc Đại thừa. Tu-đa-la thuộc Đại thừa này có 17 thứ tên gọi, hiển bày công đức thâm diệu nên biết. *Những gì là mười bảy thứ, hiển thị như thế nào?*

(1) *Gọi là Kinh Vô Lượng Nghĩa:* Tức thành tựu về nghĩa của chữ. Do pháp môn này nêu giảng về cảnh giới vi diệu của pháp hết mực sâu xa. Cảnh giới vi diệu của pháp hết mực sâu xa: Là cảnh giới tối thắng của chư Phật – Như Lai.

(2) *Gọi là Tu-đa-la Tối Thắng:* Tức ở trong ba Tạng, là Tạng vi diệu tối thắng, trong pháp môn này đã khéo thành tựu.

(3) *Gọi là Kinh Đại Phương Quảng:* Tức trong vô lượng môn Đại thừa đã khéo thành tựu, tùy thuận nơi căn trí của chúng sinh để trụ trì thành tựu.

(4) *Gọi là Pháp giáo hóa Bồ-tát:* Tức dùng để giáo hóa các Bồ-tát căn trí đã thành thực, thuận theo pháp khí khéo thành tựu.

(5) *Gọi là Được Phật hộ niệm:* Tức dựa nơi Như Lai nên có pháp này.

(6) *Gọi là Pháp bí mật của tất cả chư Phật*: Tức là pháp hết sức thâm diệu ấy chỉ Phật mới nhận biết.

(7) *Gọi là Kho tàng của hết thảy chư Phật*: Tức kho tàng Tam-muội, công đức của Như Lai ở nơi kinh này.

(8) *Gọi là Xử bí mật của tất cả chư Phật*: Tức là chúng sinh căn chưa thành thực thì không thọ nhận pháp khí, không có trao truyền.

(9) *Gọi là Có thể sinh ra tất cả kinh của chư Phật*: Tức lãnh hội pháp môn này, có thể thành tựu đạo quả Đại Bồ-đề của chư Phật.

(10) *Gọi là Đạo tràng của hết thảy chư Phật*: Tức là pháp môn này có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng của chư Phật, không phải là Tu-đa-la khác.

(11) *Gọi là Pháp luân được chuyển của tất cả chư Phật*: Tức pháp môn này có thể phá trừ tất cả các chướng ngại.

(12) *Gọi là Xá-lợi bền chắc của hết thảy chư Phật*: Tức là Pháp thân chân thật của Như Lai, ở nơi Tu-đa-la này không hề bị hủy hoại.

(13) *Gọi là Kinh Phương tiện đại thiện xảo của hết thảy chư Phật*: Tức dựa nơi pháp môn này, thành tựu đạo quả Đại Bồ-đề rồi, vì các chúng sinh thuyết giảng các pháp thiện cho hàng trời, người, hàng Nhị thừa.

(14) *Gọi là Kinh thuyết giảng về Nhất thừa*: Tức là pháp môn này hiển thị thể rốt ráo nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng của Như Lai, vì đạo của hai Thừa kia không phải là cứu cánh.

(15) *Gọi là Trụ nơi đệ nhất nghĩa*: Tức pháp môn này là trụ xứ rốt ráo của Pháp thân chư Phật – Như Lai.

(16) *Gọi là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*: Có 2 thứ nghĩa: *Nghĩa ra khỏi nước*: Tức hàng Tiểu thừa không thể xuất ly hoàn toàn khỏi vùng nước bùn đục của sinh tử. Lại còn có nghĩa dụ như hoa sen

kia ra khỏi nơi bùn nước. Các Thanh văn được vào an tọa trong đại chúng của Như Lai. Các Bồ-tát an tọa trên hoa sen, nghe thuyết giảng về cảnh giới thanh tịnh nơi trí tuệ vô thượng của Như Lai, chứng đắc tạng sâu kín của Như Lai. *Nghĩa hoa nở*: Tức các chúng sinh đối với pháp Đại thừa, tâm sinh khiếp nhược, không thể tin tưởng. Vì thế, cần mở bày, chỉ rõ về Pháp thân vi diệu, thanh tịnh của chư Phật – Như Lai, khiến họ sinh tâm tin tưởng.

(17) *Gọi là Pháp môn tối thượng*: Tức thu tóm những thành tựu. Thu tóm những thành tựu nghĩa là thu giữ vô lượng Danh, Cú, Tự, Thân, Tần-bà-la (Mười triệu), Thư-lô-ca (Kệ) như A-súc-bà v.v....

Mười bảy câu nơi pháp môn này là chung. *Các câu còn lại* là riêng. Như kinh nói: “Vì các Bồ-tát thuyết giảng kinh thuộc Đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa v.v...”.

*

4. Thành tựu về chỗ dựa nơi pháp được nêu giảng với uy nghi tùy thuận an trụ: Tức chỉ rõ là dựa vào những pháp nào để nêu giảng? Dựa vào 3 thứ pháp:

a. Dựa nơi sự thành tựu của Tam-muội. Tam-muội thành tựu chỉ rõ nơi 2 thứ: (1) Thành tựu diệu lực tự tại, thân tâm không động. (2) Lìa tất cả chướng ngại, tùy nơi diệu lực tự tại. Diệu lực tự tại này lại có 2 thứ: (a) Vì để tùy thuận chúng sinh không thấy biết, chỉ rõ sự đối trị, thu giữ pháp Bồ-đề phần. (b) Vì nhằm đối trị nơi vô lượng đời về sau có những chúng sinh chấp giữ theo phiền não. Như kinh nói: “Phật thuyết giảng phần kinh này rồi bèn ngồi kiết già, nhập Tam-muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm không động”.

b. Dựa nơi khí thể gian.

c. Dựa nơi thể gian của chúng sinh. Làm chấn động khắp các thể giới cùng nhận biết về sự việc nơi vô lượng kiếp quá khứ v.v...

Như kinh nói: “Khi ấy, trời mưa xuống hoa Mạn-đà-la, thứ lớp cho đến: Hoan hỷ chấp tay nhất tâm chiêm ngưỡng Phật”.

*

5. Thành tựu về chỗ nương dựa nơi nhân thuyết giảng: Vì các đại chúng hiện bày rõ về dị tướng với các sự việc không thể nghĩ bàn. Đại chúng trông thấy rồi, sinh tâm cho là ít có, khát ngưỡng, muốn được nghe, bèn suy nghĩ: “Nhu Lai hôm nay chính là vì ta mà thuyết giảng”, thế nên gọi là “Thành tựu về chỗ nương dựa nơi nhân thuyết giảng”. Do đó, Đức Như Lai phóng ra ánh sáng lớn, thị hiện vô số các sự việc trong những thế giới nơi phương khác.

Trước hết là vì đại chúng thị hiện sự việc bên ngoài là sáu thứ chấn động. Tiếp theo là thị hiện chỗ chứng đắc pháp thâm diệu sâu kín trong pháp môn này.

Lại dựa nơi khí thể gian, thể gian của chúng sinh, với đủ thứ đủ loại số lượng, gồm đủ các thứ phiền não sai biệt, gồm đủ sự sai biệt về thanh tịnh, về Phật, Pháp, đệ tử, chỉ rõ về Tam bảo.

Lại nhân nơi sự sai biệt nên có thế giới có Phật, có thế giới không Phật, khiến chúng sinh trông thấy, có người tu hành chưa chứng đắc quả, có người tu hành đạt đạo đã chứng đắc quả. Như kinh nói: “Những người tu hành đạt đạo”.

Đủ thứ loại về số: Tức chỉ rõ vô số quán xét. Lược nêu 4 thứ quán xét: (1) Tiếp nhận. (2) Nghe pháp. (3) Tu hành. (4) Vui thích. Như kinh nói: “Bấy giờ, từ nơi tướng bạch hào giữa chạng mây, Đức Phật phóng ra ánh sáng, thứ lớp cho đến: Đem Xá-lợi của Phật khởi xây tháp bảy báu để thờ v.v...”.

Hành đạo Bồ-tát: Tức giáo hóa chúng sinh, dựa nơi phương tiện là bốn Nhiếp pháp để thâm giữ. Như kinh nói: “Chỗ thuyết giảng nên tự thâm giữ”.

*

6. Thành tựu về việc đại chúng hiện tiền nhằm nghe pháp:

Từ đây trở xuống là chỉ rõ về phần Thành tựu sự việc đại chúng hiện tiền nhằm nghe pháp.

Thưa hỏi nơi một người: Nhiều người muốn nghe pháp, sinh tâm hy hữu, do đó chỉ thưa hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Như vậy là chỉ rõ đệ tử của Đức Thế Tôn luôn tùy thuận nơi pháp, không trái ngược.

Nay Phật – Thế Tôn hiện bày các tướng thân biến: Là vì những ý nghĩa nào? Là vì sẽ thuyết giảng đại pháp. Hiện bày tướng lớn là dùng làm nhân cho sự thuyết giảng.

Hiện bày tướng lớn: Là thuyết giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nên hiện ra tướng điềm lành lớn. Nhằm nêu giảng pháp vi diệu do Như Lai chứng đắc với những chương, câu, văn tự không thể nghĩ bàn. Có 2 thứ nghĩa, do đây nên tôn kính Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Những gì là hai nghĩa? Đó là: (1) Hiện thấy các pháp. (2) Lia các nhân duyên, chỉ tự nơi nội tâm thành tựu pháp ấy.

Thị hiện vô số các tướng điềm lành: Là dùng để chỉ rõ về các sự việc kia. Như các sự việc ấy, cùng hiện bày, ẩn mất, trụ, diệt, phải nên khéo nhận biết. Do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có thể ghi nhớ các sự việc đó. Do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã thành tựu chỗ tạo tác, thành tựu về nhân quả, hiện thấy rõ các pháp kia.

Thành tựu về chỗ tạo tác: Có 2 thứ: (1) Thành tựu về công đức. (2) Thành tựu về trí tuệ.

Thành tựu về nhân: Tức là thành tựu về Nhất thiết trí. Lại còn có nhân là nhân của duyên.

Nhân của duyên thành tựu: Tức là đầy đủ các tướng.

Quả thành tựu: Là thuyết giảng về đại pháp.

Vô số quốc độ khác lạ của Phật: Ở đây là chỉ rõ trong quốc độ kia có vô số sự sai biệt khác lạ.

Quốc độ thanh tịnh vi diệu: Tức trụ xứ của chúng sinh không có phiền não. Như kinh nói: “Soi chiếu nơi phương Đông, một vạn tám ngàn thế giới, thứ lớp cho đến: Đều thấy cảnh giới trang nghiêm nơi cõi Phật kia”.

Như Lai là bậc thượng thủ: Tức chỉ các vị Bồ-tát dựa vào Như Lai để an trụ. Do Đức Như Lai ấy, đối với đại chúng nơi quốc độ kia luôn đạt được tự tại. Như kinh nói: “Lại thấy nơi cõi kia chư Phật hiện tại v.v...”.

*

7. Thành tựu về việc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp lại: Từ đoạn này trở xuống là phần tiếp nêu rõ về bậc Thánh: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng trí tức mạng, hiện thấy về tướng nhân tướng quả của quá khứ, thành tựu *mười sự* như ngay nơi hiện tại, do đó có thể đáp lại câu hỏi của Bồ-tát Di-lặc.

Thế nào là hiện thấy tướng nhân của quá khứ? Tức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự thấy về thân mình, từng ở trong các quốc độ như vậy, như vậy, tu tập hành hóa vô số sự việc.

Thế nào là hiện thấy tướng quả của quá khứ? Nghĩa là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự thấy nơi thân mình, vào đời quá khứ ấy là Bồ-tát Diệu Quang, ở nơi trụ xứ của Đức Phật kia, lãnh hội pháp môn này, vì các chúng sinh mà thuyết giảng.

Những gì gọi là thành tựu về mười sự? Đó là:

- a. Hiện thấy về nhân của nghĩa lớn thành tựu.
- b. Hiện thấy về nhân thâm diệu nơi ý nghĩa của chương, câu, văn tự theo thể gian thành tựu.
- c. Hiện thấy về nhân hy hữu thành tựu.
- d. Hiện thấy về nhân thắng diệu thành tựu.

đ. Hiện thấy về nhân lớn của sự thọ dụng thành tựu.

e. Hiện thấy về nhân thâm giữ hết thảy việc chuyển pháp luân của chư Phật thành tựu.

f. Hiện thấy về nhân chuyển pháp luân của Như Lai là thiện đích thật, vững chắc, thành tựu.

g. Hiện thấy về nhân có thể tăng tiến, hội nhập thành tựu.

h. Hiện thấy về nhân nhớ nghĩ thành tựu.

i. Hiện thấy về nhân của sự việc nơi tự thân từng trải qua thành tựu.

a. Hiện thấy về nhân của nghĩa lớn thành tựu: Gồm 8 câu chỉ rõ về nghĩa ấy, nên biết. *Những gì là tám?*

(1) Sắp luận bàn về pháp lớn.

(2) Sắp tuôn xuống trận mưa pháp lớn.

(3) Sắp đánh trống pháp lớn.

(4) Nhằm tạo dựng cờ pháp lớn.

(5) Sắp thấp sáng đèn pháp lớn.

(6) Sắp thổi loa pháp lớn.

(7) Nhằm không làm gián đoạn tiếng trống pháp lớn.

(8) Sắp thuyết giảng pháp lớn.

Tám câu này là nhằm chỉ rõ Đức Như Lai sắp luận bàn về pháp lớn. *Những gì gọi là tám thứ nghĩa lớn?*

Tức có kể nghi ngờ: Nhằm đoạn trừ nghi hoặc.

Người đã đoạn trừ nghi: Khiến cho trí thân họ tăng trưởng thuần thực.

Căn thuần thực: Là nói về hai thứ cảnh giới vi diệu, bí mật: Một là cảnh giới vi diệu, bí mật của Thanh văn. Hai là cảnh giới vi diệu bí mật của Bồ-tát.

Trống pháp lớn: Gồm hai câu, chỉ rõ việc được nghe từ xa.

Nhập nơi cảnh giới bí mật: Tức khiến cho Bồ-tát tăng tiến, chọn lấy nghĩa thanh tịnh tối thượng.

Tăng tiến, chọn lấy nghĩa thanh tịnh tối thượng: Là khiến Bồ-tát tăng tiến, chọn lấy Nhất thiết chủng trí, có thể hiện thấy.

Khiến Bồ-tát tăng tiến, chọn lấy Nhất thiết chủng trí, có thể hiện thấy: Tức kiến lập về nghĩa của chương câu, danh tự nơi tất cả pháp.

Kiến lập về nghĩa của chương, câu, danh tự: Là khiến hội nhập nơi trí chứng đắc không thể nêu bày nơi hành chuyển pháp luân.

b. Hiện thấy về nhân thâm diệu nơi ý nghĩa của chương, câu, văn tự theo thế gian, thành tựu: Như kinh nói: “Tôi ở nơi chư Phật thời quá khứ từng thấy điềm lành này, thứ lớp cho đến: Nên hiện bày điềm lành ấy”.

c. Hiện thấy về nhân hy hữu thành tựu: Do vô lượng thời gian không thể thủ đắc.

Không thể nghĩ bàn, không thể nêu xưng, lường tính: Tức chỉ rõ chỗ vượt quá A-tăng-kỳ kiếp, không thể thủ đắc.

Lại còn chỉ rõ về năm thứ kiếp: Đó là đêm, ngày, tháng, mùa, năm, thị hiện về vô lượng vô biên các pháp. Như kinh nói: “Như về thời quá khứ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp không thể nghĩ bàn, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, thứ lớp cho đến: Khiến đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thành tựu Nhất thiết chủng trí”.

d. Hiện thấy về nhân thắng diệu thành tựu: Tức chỉ rõ về tự thọ dụng của chư Phật và chư Bồ-tát. Như kinh nói: “Tiếp theo lại có Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, thứ lớp cho đến: Pháp được thuyết giảng các phần đầu, giữa và sau đều thiện”.

đ. Hiện thấy về nhân lớn của sự thọ dụng thành tựu: Thời ấy, vương tử thọ nhận sự an lạc thắng diệu đều bỏ nhà xuất gia. Lại nữa, đại chúng kia, vào bảy giờ, tâm không chút mệt mỏi. Như kinh nói: “Đức Phật sau cùng kia, lúc chưa xuất gia, thứ lớp cho đến: Phật thọ ký rồi, liền ngay vào giữa đêm ấy nhập Niết-bàn vô dư”.

e. Hiện thấy về nhân thâm giữ hết thấy việc chuyển pháp luân của chư Phật thành tựu: Tức pháp luân không đoạn. Như kinh nói: “Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang vâng giữ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải qua đủ tám mươi tiểu kiếp, vì mọi người giảng nói”.

f. Hiện thấy về nhân chuyển pháp luân của Như Lai là thiện đích thật, vững chắc, thành tựu: Sau khi Phật diệt độ, trải qua vô lượng thời gian nêu giảng. Như kinh nói: “Tám người con của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều thờ Bồ-tát Diệu Quang làm thầy, thứ lớp cho đến: Đều khiến tâm kiên định nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”.

g. Hiện thấy về nhân có thể tăng tiến, hội nhập thành tựu: Tức chỉ cho các vương tử kia chứng đắc Đại Bồ-đề. Như kinh nói: “Các vương tử ấy, thứ lớp cho đến: Đều thành tựu Phật đạo”.

h. Hiện thấy về nhân nhớ nghĩ thành tựu: Tức vì người khác thuyết pháp, tạo lợi ích cho họ. Như kinh nói: “Người thành Phật sau cùng tên là Nhiên Đăng, thứ lớp cho đến: Tôn trọng, tán thán”.

i. Hiện thấy về nhân của sự việc nơi tự thân từng trải qua thành tựu: Do tự thân thọ nhận sự an lạc thắng diệu. Như kinh nói: “Bồ-tát Di-lặc nên biết, thứ lớp cho đến: Được Phật hộ niệm”.

Câu Danh chính là ông đấy: Tức chỉ rõ việc nhận biết các sự việc nơi quá khứ của người ấy. Lại còn chỉ rõ, nay đạt được pháp kia đều đầy đủ.

Lại nữa, dựa nơi nghĩa được thâm tóm có 3:

(1) Hứa thuyết giảng. Như kinh nói: “Nay Đức Phật, Thế Tôn sắp thuyết giảng đại pháp”.

(2) Xác nhận thuyết giảng đúng như thật. Như kinh nói: “Tôi ở nơi quá khứ từng thấy v.v...”.

(3) Khiến chờ đợi thuyết giảng. Như kinh nói: “Các người nay nên biết”.

Từ đây trở xuống: Là chỉ rõ về tướng nhân quả của pháp được nêu giảng, nên biết.

Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN, phần 1

Kinh nói: “*Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập Tam-muội hết mực thâm diệu, chánh niệm không động, dùng trí như thật để quán xét. Rồi từ nơi Tam-muội an nhiên xuất định, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của chư Phật là hết sức sâu xa, vô lượng. Môn trí tuệ ấy là khó thấy khó hiểu, khó biết, khó lãnh hội, khó vào. Chỗ chứng đắc của Như Lai, hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết. Vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai, bậc Ứng Chánh Biến Tri, đã từng gài gửi cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, nơi trụ xứ của trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật, hành trì trọn vẹn con đường tu tập các pháp của chư Phật, đạt đến đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.*

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã ở nơi vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp dùng mãnh tinh tấn, mọi sự tạo tác đều thành tựu, tiếng tốt vang khắp.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã thành tựu rất ráo về pháp hy hữu. Pháp khó lãnh hội, Như Lai đều có thể nhận biết. Pháp khó lãnh hội ấy, chư Phật – Như Lai đã tùy chỗ thích hợp để nêu giảng,

ý nghĩa sâu xa khó hiểu, tất cả hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết. Vì sao? Đây Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật – Như Lai tự tại thuyết giảng về nhân thành tựu. Như Lai đã thành tựu vô số các thứ phương tiện, vô số các loại tri kiến, vô số các loại niệm quán, vô số các thứ ngôn từ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai từ khi thành Phật đến nay, nơi các chốn xứ kia đã ngôn thuyết chỉ dạy, quảng diễn, dùng vô số phương tiện để dẫn dắt chúng sinh, đối với các nơi chốn vướng mắc đều khiến được giải thoát.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai theo phương tiện đến nơi bờ giác. Tri kiến của Như Lai rộng lớn, sâu xa, không chướng ngại, gồm các lực, vô sở úy, pháp bất cộng, căn, lực, pháp Bồ-đề phần, thiền định, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, đều đã đầy đủ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nẻo hội nhập sâu xa của chư Phật – Như Lai là không bờ bến, thành tựu tất cả các pháp chưa từng có. Như Lai có thể phân biệt về vô số thứ loại, khéo giảng nói về các pháp với ngôn từ dịu dàng, hòa ái, khiến tâm của người nghe đều vui thích.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hãy dừng lại ở đây, không nên nói nữa! Pháp hy hữu bậc nhất, khó lãnh hội mà Phật đã thành tựu, chỉ có Phật với Phật mới có thể giảng nói. Chư Phật – Như Lai có thể nhận biết về thật tướng rốt ráo của pháp kia. Chỉ Phật – Như Lai mới nhận biết rõ về tất cả các pháp. Chỉ Phật – Như Lai mới có thể nêu giảng về tất cả các pháp: Những pháp nào? Pháp như thế nào? Pháp tương tự ra sao? Pháp có tướng như thế nào? Thế nơi pháp ra sao? Hết thấy các pháp như vậy, Như Lai đều hiện thấy, không phải là không hiện thấy”.

Giải thích:

* **Nói về phần công đức đầy đủ của pháp vi diệu:** “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập Tam-muội hết mực thâm diệu, chánh niệm không

động, dùng trí như thật để quán xét. Rồi từ nơi Tam-muội an nhiên xuất định, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất”: Tức chỉ rõ Như Lai đạt được diệu lực tự tại. Như Lai nhập định không thể vì sợ hãi mà thức giấc.

Vì sao chỉ nói với Tôn giả Xá-lợi-phất, không nói với các vị Thanh văn khác? Vì tùy theo trí tuệ của vị ấy sâu xa, tương ứng với Như Lai.

Vì sao không nói với các vị Bồ-tát? Có 5 thứ nghĩa:

- (1) Vì sự việc ứng hợp với các Thanh văn.
- (2) Vì các Thanh văn xoay chuyển tâm hướng đến Đại Bồ-đề.
- (3) Giúp đỡ đối với các Thanh văn sợ hãi khiếp nhược.
- (4) Vì khiến cho những người khác khéo suy niệm.
- (5) Vì các Thanh văn không khởi tâm: Việc nên làm đã làm xong.

“Trí tuệ của chư Phật là hết sức sâu xa, vô lượng”: Tức vì muốn các đại chúng sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Như Lai thuyết giảng.

Nói hết sức sâu xa: Tức hiển thị hai thứ nghĩa thâm diệu, nên biết như vậy. *Những gì là hai?*

(1) *Chứng đắc hết sức sâu xa*: Tức là trí tuệ của chư Phật hết sức sâu xa, vô lượng.

(2) *Giáo pháp (A-hàm) hết sức sâu xa*: Tức là môn trí tuệ hết sức sâu xa, vô lượng.

Hết sức sâu xa: Là tướng chung. *Phần còn lại*: Là tướng riêng.

Chứng đắc hết sức sâu xa: Chỉ rõ về 5 thứ:

(a) Nghĩa hết sức sâu xa. Tức là dựa vào những nghĩa thâm diệu nào.

(b) Thật thể hết sức sâu xa.

(c) Nội chứng hết sức sâu xa.

(d) Nương dựa hết sức sâu xa.

(đ) Sự sâu xa hết mực là vô thượng.

Cái gì là hết sức sâu xa? Tức là Đại Bồ-đề. Đại Bồ-đề: Tức đối tượng được chứng đắc của Như Lai, là đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Hết sức sâu xa như thế nào? Tức tất cả hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết, nên gọi là “Hết sức sâu xa”.

Nói trí tuệ: Tức là nghĩa Nhất thiết chủng Nhất thiết trí. Như kinh nói: “Trí tuệ của chư Phật là hết sức sâu xa, vô lượng. Môn trí tuệ ấy là khó thấy, khó hiểu, khó biết, khó lãnh hội, khó vào. Chỗ chứng đắc của Như Lai, hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết”.

A-hàm (Giáo pháp) hết sức sâu xa: Chỉ rõ về 8 thứ:

(a) Thọ trì, đọc tụng hết sức sâu xa. Như kinh nói: “Đã từng gân gũ cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật”.

(b) Tu hành hết sức sâu xa. Như kinh nói: “Nơi trụ xứ của trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật, hành trì trọn vẹn con đường tu tập các pháp của chư Phật, đạt đến đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”.

(c) Quả hành hết sức sâu xa. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã ở nơi vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp dững mãnh, tinh tấn, mọi sự tạo tác đều thành tựu”.

(d) Tâm tạo công đức tăng trưởng hết sức sâu xa. Như kinh nói: “Tiếng tốt vang khắp”.

(đ) Tâm đầy đủ sự việc thích thú, vi diệu hết sức sâu xa. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã thành tựu rất ráo về pháp hy hữu”.

(e) Hết sức sâu xa là vô thượng. Như kinh nói: “Pháp khó lãnh hội, Như Lai đều có thể nhận biết”.

(f) Hội nhập hết sức sâu xa: Tức về danh tự, chương câu, ý nghĩa đều khó đạt được. Tự dùng để trụ trì không đồng với ngoại đạo, nói về pháp nhân duyên, nên gọi là “Hết sức sâu xa”. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp khó lãnh hội ấy, chư Phật – Như Lai đã tùy chỗ thích hợp để nêu giảng, ý nghĩa sâu xa khó hiểu”.

(g) Chỗ tạo sự trụ trì không cùng với hàng Nhị thừa, là hết sức sâu xa. Như kinh nói: “Tất cả hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết”.

Như thế là đã nói về phần công đức đầy đủ của pháp vi diệu.

HẾT - QUYỂN THƯỢNG

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ

QUYÊN HẠ

Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN, phần 2

** Tiếp theo: Nói về sự thành tựu công đức nơi bậc Pháp sư của Như Lai.* Như kinh nói: “Vì sao? Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật – Như Lai tự tại thuyết giảng về nhân thành tựu”. Như Lai thành tựu về 4 thứ công đức nên có thể hóa độ chúng sinh. **Những gì là bốn?**

(1) *Thành tựu về trụ:* Như kinh nói: “Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã thành tựu vô số các thứ phương tiện”. Vô số các thứ phương tiện tức từ nơi trời Đâu-suất giảng thần v.v... cho đến thị hiện nhập Niết-bàn.

(2) *Thành tựu về giáo hóa:* Như kinh nói: “Thành tựu vô số các loại tri kiến”. Vô số các loại tri kiến tức chỉ rõ các nhân nhiễm, tịnh.

(3) *Thành tựu về công đức rốt ráo:* Như kinh nói: “Thành tựu vô số các loại niệm quán”. Vô số các loại niệm quán tức nhân duyên thành tựu của việc nêu giảng pháp kia, như pháp tương ưng.

(4) *Thành tựu về sự thuyết giảng:* Như kinh nói: “Thành tựu vô số các thứ ngôn từ”. Vô số các thứ ngôn từ tức dùng bốn trí vô ngại, dựa nơi những danh tự, chương câu nào, tùy theo những chúng sinh nào có thể thọ nhận, vì họ thuyết giảng.

Lại còn có nghĩa: *Vô số các thứ phương tiện:* Là dùng vô số các thứ phương tiện chỉ rõ các pháp tà hiện có của ngoại đạo với những lỗi lầm như vậy, như vậy. Dùng vô số các thứ phương tiện chỉ rõ chánh pháp hiện có của chư Phật với vô số các thứ công đức như vậy, như vậy. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai từ khi thành Phật đến nay, nơi các chốn xứ kia đã ngôn thuyết chỉ dạy, quảng diễn, dùng vô số phương tiện để dẫn dắt chúng sinh, đối với các nơi chốn vướng mắc đều khiến được giải thoát”. Lại dùng vô số các thứ phương tiện tức phương tiện khiến hội nhập vào các pháp thiện. Lại nữa, phương tiện là đoạn trừ các thứ nghi hoặc. Lại nữa, phương tiện là khiến hội nhập nơi trí thù thắng tăng thượng. Lại nữa, phương tiện là dựa nơi bốn Nhiếp pháp thâm giữ chúng sinh, khiến họ được giải thoát.

Các nơi chốn vướng mắc: Tức vướng mắc nơi các xứ, chốn kia. Hoặc chấp nơi các cõi, hoặc chấp nơi các địa, hoặc chấp nơi các phần, hoặc chấp nơi các thừa. *Chấp nơi các cõi:* Nghĩa là chấp nơi ba cõi: Dục, Sắc, Vô sắc. *Chấp nơi các địa:* Tức chấp nơi các cõi, dựa nơi Tam-muội để giữ lấy địa của thiền định. Nghĩa là, địa của thiền thứ nhất, cho đến địa của Phi tướng phi phi tướng xứ, cùng giữ lấy địa của định diệt tận v.v... *Chấp nơi các phần:* Tức chấp nơi phần tại gia, xuất gia. *Chấp nơi phần tại gia:* Tức chấp đồng loại về mình đã tạo vô số các thứ nghiệp, tà kiến. *Chấp nơi phần xuất gia:* Tức vướng chấp nơi tiếng khen, lợi dưỡng, vô số các thứ giác ngộ, phiền não. *Chấp nơi các thừa:* Tức chấp nơi thừa Thanh văn, thừa Bồ-tát. *Chấp nơi thừa Thanh văn:* Tức như người ưa thích thọ trì giới nơi Tiểu thừa, cầu đạt bốn quả Thanh văn: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. *Chấp nơi Đại thừa:* Tức chấp nơi lợi dưỡng, cung kính, cúng dường v.v... Chấp nơi phân biệt quán xét về vô số các thứ tướng của pháp, cho đến địa của Phật.

Vô số các loại tri kiến: Tức tự thân thành tựu cảnh giới thắng diệu không thể nghĩ bàn, cùng với các Thanh văn và Bồ-tát. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai theo phương tiện đến nơi bờ giác”. Đến nơi bờ giác: Tức thù thắng so với tất cả các Bồ-tát khác.

Vô số các loại niệm quán: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn, sâu xa, không chướng ngại, gồm các lực, vô sở úy, pháp bất cộng, căn, lực, pháp Bồ-đề phân, thiên định, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, đều đã đầy đủ”.

Lại nữa: *Thành tựu thứ nhất:* Là đối với chúng sinh có thể hóa độ. Dựa nơi các bậc thiện tri thức mà thành tựu.

Thành tựu thứ hai: Là đối với chúng sinh căn trí đã thành thực, khiến họ đạt giải thoát.

Thành tựu thứ ba: Là nơi chốn của diệu lực tự tại, hàng phục, đạt thanh tịnh.

Thành tựu thứ tư: Lại có 7 thứ:

(1) Vô số các thứ thành tựu: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nẻo hội nhập sâu xa của chư Phật – Như Lai là không bờ bến, thành tựu tất cả các pháp chưa từng có”.

(2) Ngôn ngữ thành tựu: Tức đạt được năm thứ âm thanh ngôn ngữ hay đẹp để thuyết pháp. Như kinh nói: “Như Lai có thể phân biệt về vô số thứ loại, khéo giảng nói về các pháp với ngôn từ dịu dàng, hòa ái, khiến tâm của người nghe đều vui thích”.

(3) Tướng thành tựu: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hãy dừng lại ở đây, không nên nói nữa!”. Tức có chúng sinh là pháp khí, tâm đã đầy đủ.

(4) Gắng nhận lãnh thành tựu: Tức tất cả chúng sinh có thể hóa độ hiện có đều nhận biết Như Lai đã thành tựu công đức thù thắng

hy hữu, có thể thuyết pháp. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp hy hữu bậc nhất, khó lãnh hội mà Phật đã thành tựu”.

(5) Vô lượng chủng loại thành tựu, nêu bày không thể hết: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật với Phật mới có thể giảng nói. Chư Phật – Như Lai có thể nhận biết về thật tướng rốt ráo của pháp kia”. Nói thật tướng: Tức là nghĩa Thể của Pháp thân, Như Lai tạng bất biến.

(6) Nhận biết về Thể thành tựu: Hết thấy các pháp do Như Lai nêu giảng, chỉ có Phật – Như Lai mới tự chứng đắc. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chỉ Phật – Như Lai mới nhận biết rõ về tất cả các pháp”.

(7) Tùy thuận nơi tâm ý của chúng sinh, vì họ thuyết giảng pháp tu hành thành tựu. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chỉ Phật – Như Lai mới có thể nêu giảng về tất cả các pháp”.

Thứ nhất: Là dùng vô số các pháp môn để thâm giữ các chúng sinh. *Thứ hai:* Là khiến chúng sinh không tán loạn mà an trụ. *Thứ ba:* Là khiến chơn lấy. *Thứ tư:* Là khiến được giải thoát. *Thứ năm:* Là khiến tu hành thành tựu đạt được pháp đối trị. *Thứ sáu:* Là khiến chúng sinh tu tập tăng tiến, thành tựu. *Thứ bảy:* Là khiến tu hành đạt được không thoái chuyển. Bảy thứ pháp này là các chúng sinh tự thân tạo tác khéo thành tựu.

Lại cùng giáo hóa khiến thành tựu: Tức cùng với 2 thứ pháp khiến thành tựu. *Những gì là hai?*

(1) Cùng chứng pháp.

(2) Cùng thuyết pháp.

Cùng chứng pháp khiến thành tựu: Tức dựa nơi pháp chứng đắc mà trao cho.

Cùng thuyết pháp khiến thành tựu: Là dựa nơi pháp được thuyết giảng mà thuyết cho họ.

Hai thứ pháp này như vừa nói ở trước. Dựa nơi hai pháp đó, có thứ lớp nào để có thể tu tập? Tức nơi phần văn trước đã được nhắc lại, nên biết.

Lại nữa: Dựa nơi pháp chứng đắc lại có 5 thứ:

- (1) Những pháp nào?
- (2) Pháp như thế nào?
- (3) Pháp tương tợ ra sao?
- (4) Pháp có tướng như thế nào?
- (5) Thể nơi pháp ra sao?

Những pháp nào? Là pháp của hàng Nhị thừa, pháp của chư Phật.

Pháp như thế nào? Là đầy khởi vô số các sự việc để nêu giảng.

Pháp tương tợ ra sao? Là dựa nơi ba thứ môn để được thanh tịnh.

Pháp có tướng như thế nào? Là ba thứ nghĩa về pháp nhất tướng.

Thể nơi pháp ra sao? Là không có hai thể. Không có hai thể: Tức nơi vô lượng thừa, chỉ có một Phật thừa, không có hai Thừa.

Lại còn có nghĩa: *Những pháp nào?* Tức là pháp hữu vi, vô vi v.v...

Pháp như thế nào? Tức là pháp nhân duyên, pháp không phải nhân duyên v.v...

Pháp tương tợ ra sao? Tức là pháp thường, pháp vô thường v.v...

Pháp có tướng như thế nào? Tức là pháp có ba tướng như sinh v.v..., pháp có ba tướng như không sinh v.v...

Thể nơi pháp ra sao? Tức thể của năm âm, thể không phải là năm âm.

Lại nữa: *Pháp tương tợ ra sao?* Tức như pháp vô thường, pháp hữu vi, pháp nhân duyên.

Pháp có tướng như thế nào? Tức pháp có thể thấy tướng v.v...

Thế nơi pháp ra sao? Tức là năm âm, là chủ thể giữ lấy, có thể giữ lấy, do năm âm là thể của khổ, tập. Lại nữa, năm âm là thể của đạo đế.

Lại có nghĩa khác: Dựa nơi pháp được thuyết giảng mà nói.

Những pháp nào? Tức là danh, cú, tự, thân v.v...

Pháp như thế nào? Tức là dựa nơi pháp được nêu giảng của Như Lai.

Pháp tương tự ra sao? Tức chủ thể giáo hóa có thể giáo hóa.

Pháp có tướng như thế nào? Tức là dựa nơi âm thanh giữ lấy, do dựa nơi âm thanh để giữ lấy pháp ấy.

Thế nơi pháp ra sao? Tức nghĩa giả danh là thể, tướng của pháp.

*** Từ đây trở xuống:** Là dựa nơi 3 thứ nghĩa để nói:

(1) Nghĩa quyết định.

(2) Nghĩa hồ nghi.

(3) Dựa nơi sự việc gì để có nghĩa hồ nghi? Nên khéo nhận biết.

Nghĩa quyết định: Tức có bậc Thanh văn, dùng phương tiện chứng đắc pháp sâu xa, tạo tâm quyết định. Hoặc ở trong đạo Thanh văn đạt được phương tiện chứng đắc Niết-bàn. Hai thứ chứng đắc pháp như vậy là chỉ rõ về pháp hữu vi, vô vi. Như kinh nói: “Bấy giờ, trong đại chúng có các Thanh văn, là bậc A-la-hán dứt sạch các lậu v.v... thứ lớp cho đến: Cũng được pháp ấy đạt tới Niết-bàn”.

Nghĩa hồ nghi: Tức chỉ các hàng Nhị thừa, do không thể nhận biết được nên sinh hồ nghi. Như kinh nói: “Nhưng nay không nhận biết chỗ hướng tới của nghĩa ấy”.

Dựa nơi sự việc gì để có nghĩa hồ nghi? Tức nghe Đức Như Lai giảng nói giải thoát của hàng Thanh văn cùng với giải thoát của Phật

không khác, không lia, do đây sinh nghi. Sinh nghi tức là sinh nghi trong nhân. Sự việc này như thế nào? Ở đây, do Như Lai luôn nêu giảng về cảnh giới hết sức sâu xa. Trước nói hết sức sâu xa, sau nói cũng nói hết sức sâu xa, không đồng với Thanh văn. Vì thế nên sinh nghi. Như kinh nói: “Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nhận biết về tâm hồ nghi của bốn chúng v.v... thứ lớp cho đến: Mà nói kệ”.

*** Từ đoạn này trở đi:** Là dựa nơi chỗ thị hiện 4 thứ sự việc để nêu giảng. **Những gì là bốn?**

1. **Tâm quyết định.**
2. **Nhân nơi thọ ký.**
3. **Nhận lấy thọ ký.**
4. **Trao cho thọ ký.**

Thế nào là Tâm quyết định? Tức là các người đã sinh sợ hãi thì khiến họ đoạn trừ, vì tạo lợi ích cho hai loại người, do đây Như Lai có tâm quyết định. Những người sợ hãi ấy có 5 thứ, nên biết:

(1) **Sợ hãi vì tôn giảm:** Tức các chúng sinh theo Tiểu thừa lãnh hội âm thanh được nêu giảng, chấp giữ cho là thật, hủy báng cho là không có Đại thừa, nói như vậy: “Như Lai nêu giảng nói quả A-la-hán là Niết-bàn rốt ráo. Chúng ta hoàn toàn chọn lấy Niết-bàn như vậy”. Do đó, nghe nói A-la-hán không nhập Niết-bàn thì theo đây mà sợ hãi.

(2) **Sợ hãi vì nhiều việc:** Tức chỉ cho chúng sinh nơi Đại thừa, nghe nói đạo Bồ-tát với số lượng kiếp hành trì lâu xa, cùng vô số các thứ hạnh khổ, nên sinh tâm như vậy: “Phật đạo lâu xa! Chúng ta ở trong vô lượng vô biên kiếp hành trì hạnh Bồ-tát, phải nhận chịu rất nhiều khổ cực”. Nghĩ như vậy nên sinh tâm sợ hãi, chọn lấy thừa khác.

(3) **Sợ hãi vì điên đảo:** Tức tâm phân biệt có ngã, ngã sở, vô số các pháp bất thiện nơi thân kiến. Như vậy nên sợ hãi.

(4) *Sợ hãi vì tâm hối tiếc*: Tức như Đại đức Xá-lợi-phất v.v... khởi tâm như vậy: “Ta không nên tu tập, chúng đặc pháp Tiểu thừa như vậy”. Đã có tâm hối tiếc như thế nên tự dừng dứt. Tức tâm hối tiếc này gọi là sợ hãi. Nghĩa ấy nên biết.

(5) *Sợ hãi vì đối gạt*: Tức chỉ hàng Thanh văn tăng thượng mạn khởi tâm như vậy: “Vi sao Như Lai đối gạt chúng ta?”. Như thế nên sợ hãi.

Thế nào là Nhân nơi thọ ký? Như kinh nói: “Thôi thôi, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Không nên nói nữa. Nếu nói sự việc ấy thì hết thấy hàng trời, người ở thế gian đều sinh sợ hãi”. Việc nhân nơi thọ ký đều sinh sợ hãi này có 3 thứ nghĩa:

(1) Muốn khiến cho các đại chúng kia tìm cầu cảnh giới sâu xa, vi diệu.

(2) Nhằm khiến cho các đại chúng kia sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Như Lai thuyết pháp.

(3) Nhằm khiến cho các Thanh văn tăng thượng mạn lìa bỏ pháp tòa, đứng dậy ra đi.

Thưa thỉnh lần hai: Tức chỉ rõ vô lượng chư Phật thời quá khứ đã giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Vô số các chúng hội ấy, thứ lớp cho đến: Nghe Phật nêu giảng, tức sinh kính tin”.

Thưa thỉnh lần ba: Tức chỉ rõ về Phật hiện tại giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Nay trong chúng hội này, ví như chúng ta, thứ lớp cho đến: Suốt trong đêm dài sinh tử luôn được an ổn, đạt nhiều lợi ích”.

Thế nào là Nhận lấy thọ ký? Do như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... muốn được thọ ký. Như kinh nói: “Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ông đã ba lần thưa thỉnh, Như Lai há không giảng nói? Ông nên lắng nghe v.v...”.

Thế nào là Trao cho thọ ký? Có 6 thứ, nên biết. *Những gì là sáu?*

- a. Chưa nghe, khiến nghe.
- b. Thuyết giảng.
- c. Dựa nơi những nghĩa nào.
- d. Khiến an trụ.
- đ. Dựa nơi pháp.
- e. Nhằm ngăn chặn.

Người chưa nghe khiến được nghe: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp vi diệu như vậy, chư Phật – Như Lai lúc này mới nêu giảng. Như hoa Ưu-đàm-bát v.v...”.

Thuyết giảng: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã dùng vô số phương tiện, vô số các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để diễn nói về các pháp v.v...”. Vô số các thứ nhân duyên tức chỉ cho ba Thừa. Ba Thừa ấy chỉ có danh tự, chương câu, ngôn thuyết, không phải là có thật nghĩa. Do thật nghĩa ấy là không thể nêu bày.

Dựa nơi những nghĩa nào: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật Thế Tôn chỉ do một nhân duyên đại sự nên xuất hiện ở đời v.v...”. Một đại sự ấy dựa nơi 4 thứ nghĩa nên khéo nhận biết. *Những gì là bốn?*

(1) **Nghĩa vô thượng:** Tức chỉ trừ Như Lai là bậc Nhất thiết trí nhận biết, lại không có sự việc nào khác. Như kinh nói: “Vì muốn mở bày tri kiến của Phật, khiến chúng sinh nhận biết, đạt được thanh tịnh, nên xuất hiện ở đời”. Tri kiến của Phật: Tức Như Lai có thể chứng đắc, do nhận biết đúng như thật về nghĩa sâu xa kia.

(2) **Nghĩa đồng:** Tức Pháp thân của Phật và hàng Nhị thừa đều bình đẳng. Như kinh nói: “Muốn chỉ rõ cho chúng sinh về tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời”. Pháp thân bình đẳng: Tức Pháp thân, Phật tánh không sai biệt.

(3) *Nghĩa không nhận biết*: Tức hết thầy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết về nơi chốn chân thật kia. Ở đây, nói không thể nhận biết về nơi chốn chân thật: Tức không nhận biết cứu cánh chỉ là một Phật thừa. Như kinh nói: “Muốn khiến cho chúng sinh tỏ ngộ về tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời”.

(4) *Nghĩa vì khiến chứng đắc địa không thoái chuyển*: Tức chỉ rõ là muốn trao cho vô lượng trí nghiệp. Như kinh nói: “Muốn khiến cho chúng sinh nhập nơi tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời”.

Lại còn chỉ rõ: Tức vì các Bồ-tát có tâm nghi, khiến nhận biết đúng như thật để tu tập.

Lại còn tỏ ngộ, hội nhập: Tức đối với người chưa phát tâm Bồ đề thì khiến phát tâm. Đã phát tâm rồi thì khiến hội nhập nơi pháp.

Lại còn tỏ ngộ: Tức khiến cho chúng sinh ngoại đạo sinh giác ngộ.

Lại còn hội nhập: Tức khiến cho người đã đạt được quả Thanh văn Tiểu thừa hội nhập nơi Đại Bồ-đề.

Khiến an trụ: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, vì chúng sinh mà nêu giảng pháp”.

Dựa nơi pháp: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật thời quá khứ đã dùng vô lượng vô số phương tiện, vô số các thứ thí dụ, nhân duyên, phương tiện niệm quán để thuyết pháp. Pháp ấy đều là một Phật thừa v.v...”.

Nói thí dụ: Tức như dựa nơi bò thì có được sữa, lạc, sinh tô, thực tô cùng với đề hồ. Nơi năm vị ấy thì đề hồ là bậc nhất. Tiểu thừa chẳng như vậy nên ví như sữa. Đại thừa là hơn hết cũng như đề hồ. Dụ này nêu rõ Đại thừa là vô thượng. Các hàng Thanh văn cũng đồng với nghĩa vô thượng của Đại thừa.

Thanh văn đồng: Tức ở đây chỉ rõ về tánh đồng với Pháp thân của chư Phật – Như Lai. Pháp thân của hàng phàm phu, Nhị thừa đều bình đẳng không có sai biệt. Nghĩa này đều là thí dụ, chỉ rõ về nghĩa nhân duyên, như trước đã nói.

Niệm quán: Tức trong đế của Tiểu thừa, chỉ người là vô ngã v.v... Trong đế của Đại thừa thì có vô số các thứ quán: Nhân vô ngã, pháp vô ngã, chân như, thật tế, pháp giới, pháp tánh.

Phương tiện: Tức ở trong Tiểu thừa quán về ấm, giới, nhập, chán khổ, lìa khổ, đạt giải thoát. Ở trong Đại thừa thì tu tập các pháp Ba-la-mật, dùng bốn Nhiếp pháp để thâm giữ tự thân, tha thân, pháp lợi ích, đối trị.

Nhằm ngăn chặn: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong mười phương thế giới hãy còn không có hai Thừa, huống hồ là ba Thừa v.v...”.

Không có hai Thừa: Tức không có hai Thừa với đối tượng được chứng đắc là Niết-bàn. Chỉ có Như Lai chứng đắc Đại Bồ-đề, đầy đủ rốt ráo tất cả trí tuệ, gọi là Đại Niết-bàn, chẳng phải là hàng Nhị thừa có pháp Niết-bàn, vì chỉ có một Phật thừa.

Một Phật thừa: Tức dựa nơi bốn thứ nghĩa để nói, phải nên khéo nhận biết.

Như Lai dựa nơi sáu thứ thọ ký ấy, do đó trước đã nói về: Những pháp nào? Pháp như thế nào? Pháp tương tợ ra sao? Tương nơi pháp như thế nào? Thế nơi pháp ra sao? Điều chỉ rõ như thế.

Những pháp nào? Tức pháp chưa từng nghe.

Pháp như thế nào? Tức vô số các thứ ngôn từ, thí dụ để nêu giảng.

Pháp tương tợ ra sao? Tức chính là một đại sự.

Tương nơi pháp như thế nào? Tức là tùy nơi căn trí của chúng sinh để thuyết giảng các pháp Phật.

Thế nơi pháp ra sao? Tức chỉ có thể của một Thừa. Thể của một Thừa đó là Pháp thân bình đẳng của chư Phật – Như Lai. Hàng Nhị thừa chẳng phải là thể của Pháp thân bình đẳng ấy, do hành quán về nhân quả không đồng.

*** Tìr đoạn này trở xuống:** Là Đức Như Lai thuyết giảng pháp, vì đoạn trừ 4 thứ tâm nghi, nên biết. *Những gì là bốn?*

- (1) Nghi: Thuyết giảng vào lúc nào?
- (2) Nghi: Làm thế nào nhận biết những người kia tăng thượng mạn?
- (3) Nghi: Làm thế nào để có thể thuyết giảng được?
- (4) Nghi: Làm thế nào Như Lai không trở thành vọng ngữ?

Thuyết giảng vào lúc nào? Chư Phật – Như Lai vào những thời gian nào khởi vô số các thứ phương tiện để thuyết pháp? Vì đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật xuất hiện ở đời năm trước xấu ác: Đó là kiếp trước v.v...”.

Làm thế nào nhận biết những người kia tăng thượng mạn? Như Lai không vì những người tăng thượng mạn mà thuyết giảng các pháp. Làm thế nào để nhận biết những người kia là tăng thượng mạn? Vì đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: “Nếu có Tỳ-kheo thật sự chứng đắc A-la-hán mà không tin nơi pháp này, thì không có điều ấy v.v...”.

Làm thế nào để có thể thuyết giảng được? Theo Phật, nghe pháp mà khởi tâm hủy báng Như Lai, nên là người không thể nhận lấy việc nêu giảng. Làm thế nào để không trở thành hạng người ấy? Vì đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: “Chỉ trừ sau khi Phật diệt độ, hoặc hiện tiền không có Phật”.

Làm thế nào Như Lai không trở thành vọng ngữ? Ở đây là do Như Lai, trước thuyết giảng pháp khác, nay thuyết giảng pháp khác. Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ? Vì đoạn trừ nghi ấy,

như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các ông phải nên nhất tâm tin hiểu, thọ trì lời Phật giảng nói. Lời nói của chư Phật – Như Lai không hề hư vọng: Không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa”.

Cho đến các đồng tử vui đùa đắp cát làm tháp Phật, những người như vậy đều đã thành tựu Phật đạo: Tức là phát tâm Bồ-đề, hành hạnh Bồ-tát, với các căn thiện đã tạo, có thể chứng đắc Bồ-đề. Không phải là các phàm phu và hàng Thanh văn quyết định, xưa nay chưa phát tâm Bồ-đề, có thể đạt được. Như thế cho đến chỉ mỗi chút cú đầu v.v... đều cũng như vậy.

Phẩm 3: THÍ DỤ

Kinh nói: “*Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:*

*Sắc vàng ròng, ba hai
Mười lức, các giải thoát
Cùng chung trong một pháp
Mà không được sự ấy.
Tám mươi thứ vẻ đẹp
Mười tám pháp bất cộng
Các công đức như vậy
Nhưng con đều đã mất”.*

Giải thích:

* *Kệ này chỉ rõ về nghĩa gì?* Tôn giả Xá-lợi-phất tự chê trách về thân, nói: “Con không thấy chư Phật, không đến trụ xứ của chư Phật cùng nghe Phật thuyết pháp, không cung kính cúng dường chư Phật, không tạo lợi ích cho chúng sinh, đối với pháp chưa được, bị thoái chuyển”. Tôn giả Xá-lợi-phất đã làm công việc chê trách về tự thân như thế.

Không thấy chư Phật: Tức chỉ rõ không thấy tướng đại nhân của chư Phật – Như Lai, nên không sinh tâm cung kính cúng dường.

Đi đến chỗ chư Phật: Tức chỉ rõ về diệu lực giáo hóa chúng sinh.

Phóng ra ánh sáng màu vàng ròng: Tức chỉ rõ việc thấy tự thân, thân khác của Phật, đạt được vô lượng các công đức.

Nghe thuyết pháp: Tức chỉ rõ về việc có thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Diệu lực: Tức chỉ rõ chúng sinh có hồ nghi, nên dựa vào mười lực để đoạn trừ nghi ấy.

Cúng dường: Tức chỉ rõ có thể dùng diệu lực để giáo hóa chúng sinh.

Mười tám pháp bất cộng: Tức chỉ rõ việc xa lìa các thứ chướng ngại.

Cung kính: Tức chỉ rõ việc làm phát sinh vô lượng phước đức, dựa vào sự giáo hóa của Như Lai đạt được giải thoát.

Do người, pháp đều vô ngã, nên tất cả các pháp thấy đều bình đẳng. Vì thế, Tôn giả Xá-lợi-phất tự chê trách về thân, nói: “Con chưa đạt được pháp như vậy, nên đối với pháp chưa được, bị thoái chuyển”.

* **Từ đây trở xuống:** Là nói về 7 thứ chúng sinh tánh gồm đủ phiền não cấu nhiễm. Nói về 7 thứ thí dụ để đối trị 7 thứ tâm tăng thượng mạn. Nghĩa ấy nên biết.

Lại nữa, tiếp theo là nói về 3 thứ nhiễm mạn nơi ba thứ người không phiền não v.v..., là các thứ nhiễm mạn như kiến chấp về Tam muội, giải thoát. Đối trị điều này nên nói về 3 thứ bình đẳng. Nghĩa ấy nên biết.

Những gì là 7 thứ chúng sinh tánh gồm đủ phiền não cấu nhiễm?

(1) Người cầu đạt thế lực.

- (2) Người cầu đạt Thanh văn giải thoát.
- (3) Người của Đại thừa.
- (4) Người có định.
- (5) Người không định.
- (6) Người tích tập công đức.
- (7) Người không tích tập công đức.

Những gì là 7 thứ tâm tăng thượng mạn? Thế nào là 7 thứ thí dụ để đối trị?

(1) *Tâm tăng thượng mạn, điên đảo cầu các công đức*: Nghĩa là trong thế gian, các thứ phiền não càng tăng thượng dữ dội mà cầu đạt quả báo hữu lậu nơi cảnh giới thắng diệu của hàng trời, người. Đối trị điều này, nên nói thí dụ về nhà lửa.

(2) *Tâm tăng thượng mạn của hàng Thanh văn hoàn toàn quyết định*: Tự nói thừa mình cùng với thừa của Như Lai không có sai biệt, lại chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này, nên nói thí dụ về cùng tử (Người con nghèo khổ).

(3) *Tâm tăng thượng mạn của hàng Đại thừa hoàn toàn quyết định*: Khởi ý như vậy: Không có sai biệt với hàng Nhị thừa và chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này, nên nói thí dụ về mây, mưa.

(4) *Tâm tăng thượng mạn của hạng thật không mà cho là có*: Do nơi thế gian, có kẻ hành Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thật không có Niết-bàn mà sinh tưởng về Niết-bàn, và chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này, nên nói thí dụ về Hóa thành.

(5) *Tâm tăng thượng mạn của kẻ tán loạn*: Thật sự không có định. Quá khứ tuy có căn thiện Đại thừa nhưng không nhận biết. Do không nhận biết nên không cầu đạt Đại thừa. Nơi tâm hẹp kém, sinh sự hiểu biết hư vọng cho là đệ nhất thừa, và chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này, nên nói thí dụ về ngọc báu buộc giấu kỹ.

(6) *Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật có công đức*: Nghe pháp Đại thừa cho là không phải Đại thừa, rồi chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này, nên nói thí dụ về Luân vương cởi búi tóc của mình, trong ấy có ngọc minh châu và ban cho.

(7) *Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật sự không có công đức*: Đối với đệ nhất thừa chẳng từng tu tập các căn thiện gốc. Nghe đệ nhất thừa trong tâm không cho đây là đệ nhất, rồi chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này, nên nói thí dụ về y sư, nên biết.

Người thứ nhất: Chỉ rõ trong thế gian với vô số các thứ Tam-muội, căn thiện, công đức, phương tiện khiến hoan hỷ, sau đây khiến nhập Đại Niết-bàn. *Người thứ hai*: Dùng ba làm một, khiến nhập nơi Đại thừa. *Người thứ ba*: Khiến nhận biết về vô số các thừa, chư Phật – Như Lai bình đẳng thuyết pháp, tùy theo chủng tử nơi căn thiện của các chúng sinh mà sinh khởi mầm. *Người thứ tư*: Dùng phương tiện khiến nhập thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn: Đó là các thành Tam-muội, thiền định. Vượt qua các thành ấy rồi, sau đó khiến nhập nơi thành Đại Niết-bàn. *Người thứ năm*: Chỉ rõ về các căn thiện hiện có nơi đời quá khứ, khiến nhớ nghĩ, sau đây mới chỉ dạy khiến nhập nơi Tam-muội. *Người thứ sáu*: Giảng nói về pháp Đại thừa, cho pháp môn ấy đồng với mười Địa, hành trì viên mãn, nên chư Phật – Như Lai đã mật trao thọ ký. *Người thứ bảy*: Căn chưa thuần thực nên khiến thuần thực, chỉ rõ việc đạt được lượng Niết-bàn như thế.

Do ý nghĩa ấy, nên Đức Như Lai nói về 7 thứ thí dụ.

Thế nào là 3 thứ nhiễm mạn nơi ba thứ người không phiền não?
Đó là 3 thứ tin điên đảo. *Những gì là ba?*

- (1) Tin nơi các thứ thừa khác.
- (2) Tin thế gian, Niết-bàn khác nhau.
- (3) Tin thân đây kia khác nhau.

Vì đối trị 3 thứ nhiễm mạn này, nên nói về 3 thứ bình đẳng.

Thế nào là 3 thứ bình đẳng? Đối trị ra sao?

(1) *Thừa bình đẳng*: Tức là cùng với Thanh văn thọ ký Bồ-đề. Do chỉ có Đại thừa, không có hai Thừa. Thừa này bình đẳng, không sai biệt.

(2) *Thế gian, Niết-bàn bình đẳng*: Do Như Lai Đa Bảo nhập Niết-bàn, nên thế gian, Niết-bàn đây kia đều bình đẳng không sai biệt.

(3) *Thân bình đẳng*: Như Lai Đa Bảo đã nhập Niết-bàn, lại thị hiện về Pháp thân của tự thân, tha thân bình đẳng không sai biệt.

Như vậy, ba thứ người không phiền não, do tâm nhiễm mạn nên thấy thân có đây kia với chỗ tạo tác sai biệt, không biết là Pháp thân, Phật tánh của đây kia thấy đều bình đẳng. Nghĩa là, tức như người ấy, Ta đã chứng đắc pháp này, còn người kia không đạt được. Đối trị điều ấy, nên cùng với Thanh văn thọ ký, nên biết.

Hỏi: Các Thanh văn kia là thật sự thành Phật nên được thọ ký, hay là không thành Phật mà được thọ ký? Nếu thật sự thành Phật, thì các Bồ-tát do đâu phải ở trong vô lượng kiếp tu tập vô lượng các thứ công đức? Nếu Thanh văn không thành Phật, thì vì sao lại trao cho thọ ký hư vọng?

Đáp: Các Thanh văn kia cùng được thọ ký: Tức đạt được tâm quyết định, chẳng phải cho là Thanh văn đã thành tựu pháp tánh, nên Như Lai dựa vào ba thứ bình đẳng kia mà nói về pháp Nhất thừa. Do Pháp thân của Phật, Pháp thân của Thanh văn bình đẳng không khác nên cùng thọ ký, chẳng phải là tu hành đầy đủ công đức. Do đó, Bồ-tát thì công đức đầy đủ, còn các Thanh văn thì công đức chưa đầy đủ.

Thọ ký: Tức chỉ rõ về sáu nơi chốn: Năm là Phật ký, một là Bồ-tát ký.

Như Lai ký: Tức như Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Ca-diếp v.v... mọi người đều biết, danh hiệu không đồng, nên riêng trao thọ ký. Năm trăm người như Tôn giả Phú-lâu-na v.v..., một ngàn hai trăm

người cùng đồng một danh hiệu nên cùng lúc được thọ ký. Các bậc Hữu học, Vô học v.v... đều đồng một hiệu. Lại còn các vị chẳng phải là hàng được nhiều người biết đến, nên cùng lúc được thọ ký.

Như Lai thọ ký riêng cho Đề-bà-đạt-đa: Tức chỉ rõ Như Lai không có oán ác.

Cùng thọ ký cho Tỳ-kheo-ni cùng các Thiên nữ: Tức chỉ rõ về nữ nhân, tại gia, xuất gia, tu hạnh Bồ-tát đều chứng đắc quả vị Phật nên cùng được thọ ký.

Bồ-tát ký: Như nơi phần sau, trong phẩm Bồ-tát Bất Khinh sẽ chỉ rõ, nên biết. Bồ-tát ấy luôn lễ bái tán thán, nói như vậy: “Tôi không dám khinh các ông. Các ông đều sẽ được làm Phật”. *Các ông đều sẽ được làm Phật:* Tức chỉ rõ chúng sinh đều có Phật tánh.

Thanh văn được thọ ký: Thanh văn có 4 thứ:

- (1) Thanh văn quyết định.
- (2) Thanh văn tăng thượng mạn.
- (3) Thanh văn thoái tâm Bồ-đề.
- (4) Thanh văn ứng hóa.

Hai loại Thanh văn được Như Lai thọ ký là Thanh văn ứng hóa và Thanh văn thoái chuyển đã phát tâm Bồ-đề trở lại. Còn hai loại kia, căn chưa thuần thực nên không được Như Lai thọ ký.

Bồ-tát được thọ ký: Tức dùng phương tiện để khiến phát tâm Bồ-đề. Lại dựa nơi nghĩa nào, Phật nói ba Thừa gọi là một Thừa? Tức dựa nơi nghĩa đồng, nên thọ ký cho các Thanh văn đạo quả Đại Bồ-đề.

Nghĩa đồng: Do Pháp thân của Phật, Pháp thân của Thanh văn, đây kia đều bình đẳng không sai biệt. Do các thừa của hàng Nhị thừa không đồng nên có sai biệt. Do hai Thừa ấy không phải là Đại thừa, nên Như Lai nói “Không lìa ngã thân là nghĩa vô thượng”. Nơi pháp

của hai Thừa kia không nêu bày về nghĩa ấy, do người của hai Thừa không thể lãnh hội đúng như thật. Vì ý nghĩa đó, nên các Bồ-tát hành trì hạnh Bồ-tát không phải là hư vọng.

Nghĩa vô thượng: Tự nơi phần kinh văn khác đã nêu rõ về nghĩa vô thượng. Nghĩa vô thượng lược có mười thứ, nghĩa này nên biết. *Những gì là mười?*

(1) *Chỉ rõ về chủng tử vô thượng:* Nên nói thí dụ về mưa. Nẻo hành hóa của các ông là đạo Bồ-tát. Tức phát tâm Bồ-đề, thoái chuyển rồi trở lại phát tâm, chỗ căn thiện được tu tập ở trước không mất, cùng với phần sau đạt được quả.

(2) *Chỉ rõ về hành vô thượng:* Nên nói về bản sự của Đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng.

(3) *Chỉ rõ về diệu lực tăng trưởng vô thượng:* Nên nói thí dụ về thương chủ.

(4) *Chỉ rõ về chỗ khiến hiểu biết vô thượng:* Nên nói thí dụ về ngọc báu được buộc giấu kỹ.

(5) *Chỉ rõ về quốc độ thanh tịnh vô thượng:* Nên thị hiện tháp của Như Lai Đa Bảo.

(6) *Chỉ rõ về sự thuyết giảng vô thượng:* Nên nói thí dụ về ngọc minh châu nơi búi tóc được mở ra.

(7) *Chỉ rõ về việc giáo hóa chúng sinh là vô thượng:* Nên từ trong đất vọt lên vô lượng Đại Bồ-tát.

(8) *Chỉ rõ về việc thành tựu Đại Bồ-đề vô thượng:* Nên thị hiện 3 thứ Bồ-đề của Phật:

Chỉ rõ về Bồ-đề của Phật Ứng hóa: Tùy chỗ nên thấy, theo đó mà thị hiện. Như kinh nói: “Điều cho là Như Lai từ nơi cung điện của giòng họ Thích ra đi, cách thành Già-da không xa, an tọa nơi đạo tràng, thành tựu bậc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”.

Chỉ rõ về Bồ-đề của Phật Báo thân: Mười Địa hành hóa gồm đủ, chứng đắc Niết-bàn thường tại. Như kinh nói: “Này thiện nam! Ta thật sự thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp”.

Chỉ rõ về Bồ-đề của Phật Pháp thân: Tức là nghĩa Như Lai tạng, Niết-bàn tánh tịnh, thường hằng, mát mẻ, không biến đổi. Như kinh nói: “Như Lai thấy biết đúng như thật về tướng của ba cõi, thứ lớp cho đến: Chẳng như nơi ba cõi thấy biết về ba cõi”.

Tướng của ba cõi: Nghĩa là cảnh giới của chúng sinh tức là cảnh giới của Niết-bàn. Không lìa chúng sinh giới để có Như Lai tạng.

Không có sinh tử, hoặc thoái chuyển hoặc ra khỏi: Tức nghĩa thường hằng, thanh tịnh, không biến đổi.

Cũng không tại thế hoặc diệt độ: Nghĩa là thể của chân như, của Như Lai tạng, chẳng tức cảnh giới của chúng sinh, chẳng lìa cảnh giới của chúng sinh.

Chẳng phải là thật, chẳng phải là hư, chẳng phải là như, chẳng phải là khác: Nghĩa là lìa bốn thứ tướng. Có bốn thứ tướng: Là vô thường v.v...

Chẳng như nơi ba cõi thấy biết về ba cõi: Tức chỉ Phật – Như Lai có thể thấy, có thể chứng đắc về chân như, Pháp thân, hàng phàm phu không thể thấy biết. Do đó, kinh nói: “Như Lai luôn thấy rõ, không có nhầm lẫn”.

Ta từ xưa hành đạo Bồ-tát, nay cũng chưa đầy đủ: Là do bản nguyện. Cảnh giới của chúng sinh chưa hết, thì nguyện không phải là rốt ráo. Nói chưa đầy đủ, chẳng phải cho là Bồ-đề không đầy đủ.

Chỗ thành tựu về thọ mạng, số lượng lại tăng gấp bội: Câu văn này chỉ rõ về thọ mạng của Như Lai thường có phương tiện thiện xảo, hiển bày nhiều số lượng. Vượt quá số lượng trên là không thể tính biết.

Tịnh độ của Ta không bị hủy hoại mà nhiều kẻ thấy cháy hết:
Tức chỉ cõi tịnh chân thật của Phật – Như Lai nơi báo thân, thuộc về đệ nhất nghĩa đế.

(9) *Chỉ rõ về Niết-bàn vô thượng:* Nên nói thí dụ về y sư.

(10) *Chỉ rõ về diệu lực thù thắng vô thượng:* Tự nơi phần kinh văn khác đã chỉ rõ, nên biết.

Tháp của Như Lai Đa Bảo thị hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh:
Tức chỉ rõ về cảnh giới thật tướng của chư Phật, trong ấy có đủ thứ loại báu xen kẽ, tạo vẻ trang nghiêm. Sự thị hiện có 8:

- (1) Tháp.
- (2) Lượng.
- (3) Lược nêu.
- (4) Trụ trì.
- (5) Thị hiện vô lượng Phật.
- (6) Xa lìa các thứ uế tạp.
- (7) Nhiều báu.
- (8) Cùng an tọa nơi một tháp.

Tháp: Là chỉ rõ về Xá-lợi trụ trì của Như Lai.

Lượng: Là theo phương tiện thị hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm, là thanh tịnh xuất thế gian, sinh từ căn thiện vô lậu, không phải từ căn thiện hữu lậu nơi thế gian sinh ra.

Lược nêu: Tức chỉ rõ thân Phật Đa Bảo, một thể, thấu giữ tất cả Pháp thân chân thật của chư Phật.

Trụ trì: Là chỉ rõ về diệu lực tự tại nơi Pháp thân của chư Phật – Như Lai.

Thị hiện vô lượng Phật: Tức chỉ rõ chỗ tạo các nghiệp nơi đây kia không sai biệt.

Xa lìa các thứ uế tạp: Tức chỉ rõ tất cả quốc độ của chư Phật đều bình đẳng, thanh tịnh.

Nhiều báu: Là chỉ rõ hết thấy quốc độ của chư Phật đồng tánh báu.

Cùng an tọa nơi một tháp: Tức chỉ rõ Phật biến hóa, không phải Phật ứng hóa, Phật pháp thân, Phật báo thân, đều là thành tựu đại sự.

* *Từ đây trở xuống:* Là chỉ rõ về **lực pháp, lực trì, lực tu hành**, nên biết.

Lực pháp: Tức chỉ rõ về 5 môn:

- (1) Môn chứng đắc.
- (2) Môn tin tưởng.
- (3) Môn cúng dường.
- (4) Môn nghe pháp.
- (5) Môn đọc tụng, lãnh hội, nêu giảng.

Nơi phẩm Bồ-tát Di-lặc chỉ rõ về *bốn môn*. Trong phẩm Bồ-tát Thường Tinh Tấn chỉ rõ về *một môn*.

Bốn pháp môn nơi phẩm Bồ-tát Di-lặc: Môn chứng đắc: Như kinh nói: “Ta nói Đức Như Lai ấy thọ mạng dài lâu. Lúc đó có sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh đạt được pháp Nhân vô sinh”. Ở đây, *nói pháp nhân vô sinh:* Đó là chứng đắc trí của Địa thứ nhất, nên biết. *Tám đời cho đến một đời đạt được đạo quả Bồ-đề Vô thượng:* Tức là chứng đắc pháp Bồ-đề của Địa thứ nhất. *Tám đời, một đời:* Tức các phàm phu quyết định có thể chứng đắc Địa thứ nhất, tùy theo lực, tùy nơi phần, tám đời cho đến một đời đều chứng đắc Địa thứ nhất. *Nói Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng:* Tức do lìa phần đoạn sinh tử nơi ba cõi, tùy theo phần có thể thấy rõ về pháp tánh, chân như, gọi là đạt được Bồ-đề, chẳng phải cho là Niết-bàn phương tiện của Như Lai đã hoàn toàn đầy đủ.

Môn tin tưởng: Như kinh nói: “Lại có các chúng sinh số lượng nhiều như số vi trần trong tám thế giới đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng”.

Môn cúng dường: Như kinh nói: “Khi các Đại Bồ-tát ấy đạt được lợi ích của pháp lớn, ở trong hư không mưa xuống hoa Mạn-đà-la v.v...”.

Môn nghe pháp: Như nơi phẩm Tùy Hỷ đã nêu.

Một pháp môn nơi phẩm Bồ-tát Thường Tinh Tấn: Tức là môn thứ năm: Đọc tụng, lãnh hội, nêu giảng, biên chép, đạt được sáu căn thanh tịnh. Như kinh nói: “Nếu thiện nam, thiện nữ, thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc tụng, giải thích, nêu giảng, biên chép, thì người ấy sẽ đạt được tám trăm mắt công đức, thứ lớp cho đến: Đạt được một ngàn hai trăm ý công đức”. Ở đây:

Đạt được sáu căn thanh tịnh: Tức chỉ cho các phàm phu, do diệu lực của kinh này, nên đạt được diệu dụng của thắng căn, chưa nhập vào chánh vị của Bồ-tát Địa thứ nhất, nghĩa này nên biết. Như kinh nói: “Nhục nhãn thanh tịnh do cha mẹ sinh ra, thấy khắp ba ngàn đại thiên thế giới v.v...”.

Lại nữa, sáu căn thanh tịnh: Tức ở trong mỗi mỗi căn đều có thể đạt đầy đủ về thấy sắc, nghe tiếng, phân biệt mùi vị, rõ xúc, biết pháp. Các căn cùng hiển bày diệu dụng, nghĩa ấy nên biết.

Đôi tượng nhận thấy của mắt: Tức ngửi hương có thể nhận biết. Như kinh nói: “Thích-đề-hoàn-nhân ở nơi thắng điện, vui thích với năm dục, cho đến: Thuyết pháp v.v...”.

Ngửi hương nhận biết: Đây là nhận biết về cảnh, dùng tử căn để nhận biết.

Lực trì: Có ba pháp môn chỉ rõ về lực trì, như nơi phẩm Pháp Sư, phẩm An Lạc Hạnh, phẩm Khuyến Trì đã nêu bày rộng, như phần

kinh nói về lục pháp, nên biết. Tâm ấy quyết định nhận biết về nước tất gần: Tức thọ trì kinh này đạt được Phật tánh nơi nước, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Lục tu hành: Chỉ rõ về 5 môn:

- (1) Lục nêu giảng.
- (2) Lục hành khổ hạnh.
- (3) Lục hộ trì chúng sinh nơi các nạn.
- (4) Lục công đức thù thắng.
- (5) Lục hộ trì chánh pháp.

Lục nêu giảng: Có ba pháp môn, nơi phẩm Thần Lục đã chỉ rõ: Hiện bày tướng lưỡi dài rộng, khiến nhớ nghĩ. Dùng âm thanh khe khẽ để nói kệ, khiến nghe, nghe rồi thì tu hành đúng như thật, không buông lung. Dùng âm thanh búng ngón tay để làm tỉnh ngộ chúng sinh, khiến người tu hành đạt được giác ngộ.

Lục hành khổ hạnh: Như nơi phẩm Bồ-tát Dược Vương chỉ rõ. Lại nữa, lục hành khổ hạnh: Như nơi phẩm Bồ-tát Diệu Âm chỉ rõ việc giáo hóa chúng sinh.

Lục hộ trì chúng sinh nơi các nạn: Như trong các phẩm Bồ-tát Quan Thế Âm, phẩm Đà-la-ni đã chỉ rõ.

Lục công đức thù thắng: Như nơi phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương chỉ rõ: Hai đồng tử, dựa vào các căn thiện nơi công đức đời quá khứ để có được diệu lực như vậy.

Lục hộ trì chánh pháp: Như nơi các phẩm Bồ-tát Phổ Hiền và phẩm sau chỉ rõ.

Lại nói: Thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quan Thế Âm, như người thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, thì phước đức như nhau: Có 2 thứ nghĩa:

(1) Diệu lực tin tưởng.

(2) Nhận biết rõ ràng.

Diệu lực tin tưởng: Có 2 loại: (a) Thân mình như thân Bồ-tát Quan Thế Âm không khác, hoàn toàn tin tưởng. (b) Tức đối với Bồ-tát, sinh tâm cung kính. Như công đức của Bồ-tát, mình cũng hoàn toàn đạt được như vậy.

Nhận biết rõ ràng: Tức có thể quyết định nhận biết về pháp giới.

Pháp giới: Tức gọi là pháp tánh.

Pháp tánh: Gọi là Pháp thân bình đẳng của tất cả chư Phật, Bồ-tát.

Pháp thân bình đẳng: Là Pháp thân nơi chân như, Bồ-tát ở Địa thứ nhất mới chứng nhập. Do đó, thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, tức có thể thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quan Thế Âm, chỗ công đức đạt được không sai khác.

Phẩm thứ nhất: Mở Đầu: Tức chỉ rõ về bảy thứ công đức thành tựu. ***Phẩm thứ hai:*** Phương Tiện: Tức có năm phần thị hiện, mở ra hai, nêu rõ một. ***Các phẩm khác:*** Như vừa nêu bày, để lãnh hội.

HẾT - QUYỂN HẠ

SỐ 1520/1
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
LUẬN ƯU BA ĐỀ XÁ

Tác giả: Bồ tát Bà Tâu Bàn Đậu.

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy,

Đại sư Lạc Na Ma Đề cùng Tăng Lăng.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

Phẩm 1: MỞ ĐẦU

Kinh nói: “Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn người hội đủ, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại, khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, tâm khéo điều phục, là bậc Đại Long nơi loài người, việc nên làm đã làm, mọi sự tạo tác đã hoàn thành, lìa các gánh nặng, đạt được tự lợi, dứt hết các kiết sử, khéo đạt chánh trí, tâm giải thoát, hết thảy tâm đều được tự tại, đạt tới bờ giác bậc nhất.

Chúng Đại Bồ-tát gồm tám vạn người, đều không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đều chứng đắc pháp Đà-la-ni, lạc thuyết đại biện tài, chuyển pháp luân không thoái chuyển, từng cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, ở nơi trụ xứ của chư Phật gieo trồng các căn thiện, thường được

chư Phật khen ngợi, dùng đại từ bi để tu tập thân tâm, khéo hội nhập nơi tuệ Phật, thông đạt về trí lớn, đến nơi bờ giác, tiếng tốt vang khắp vô lượng thế giới, có thể hóa độ vô số trăm ngàn chúng sinh”.

Giải thích: Trong pháp môn này, nơi phẩm thứ nhất nêu rõ về 7 thứ công đức thành tựu. *Những gì là bảy?* Đó là:

1. Thành tựu về phần mở đầu.
2. Thành tựu về chúng hội.
3. Thành tựu về thời gian thích hợp để Đức Như Lai thuyết pháp.
4. Thành tựu về chỗ dựa nơi pháp được nêu giảng với oai nghi tùy thuận an trụ.
5. Thành tựu về chỗ nương dựa nói về nhân.
6. Thành tựu về đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp.
7. Thành tựu về việc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp lại.

*

1. Thành tựu về phần mở đầu: Nơi pháp môn này chỉ rõ về 2 thứ thắng nghĩa được thành tựu. *Những gì là hai?*

- a. Chỉ rõ trong tất cả các pháp môn đây là thành tựu tối thắng.
- b. Chỉ rõ về thành tựu công đức tụ tại.

Như thành Vương-xá: Là thù thắng so với tất cả thành xá khác.
Núi Kỳ-xà-quật: Là thù thắng so với các núi khác. Như kinh nói: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá v.v...”.

*

2. Thành tựu về chúng hội: Có 4 thứ nghĩa chỉ rõ sự thành tựu.
Những gì là bốn?

- a. Thành tựu về số lượng.
- b. Thành tựu về hành.
- c. Thành tựu về sự thâm tóm công đức.
- d. Thành tựu về oai nghi như pháp trụ.

a. *Thế nào là Thành tựu về số lượng?* Tức các đại chúng là vô số.

b. *Thế nào là Thành tựu về hành?* Có 4 thứ:

- (1) Hành của các Thanh văn tu Tiểu thừa.
- (2) Hành của các Bồ-tát tu Đại thừa.

(3) Các Bồ-tát tùy thời thị hiện, có khả năng hành Đại thừa. Như nhóm mười sáu vị của Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, gồm đủ sự việc không thể nghĩ bàn của bậc Bồ-tát, có thể thị hiện đủ thứ loại hình tướng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.

(4) Các vị Thanh văn xuất gia, uy nghi nhất định, không giống với Bồ-tát.

“*Đều là bậc A-la-hán v.v..*”: Gồm 16 câu, chỉ rõ về sự thành tựu công đức của hàng Thanh văn.

“*Đều không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng v.v...*”: Gồm 13 câu, chỉ rõ về sự thành tựu công đức của bậc Bồ-tát.

* *Thành tựu công đức của bậc A-la-hán:* 16 câu ấy chỉ rõ về ba thứ môn thâm tóm nghĩa, nên biết. *Những gì là ba môn?*

Môn 1: Môn thượng thượng khởi.

Môn 2: Môn tổng tướng, biệt tướng.

Môn 3: Môn thâm giữ sự việc.

Môn 1: Môn thượng thượng khởi: Tức các lậu đã hết nên gọi là *A-la-hán*. Do tâm được tự tại nên gọi là *các lậu đã hết*. Do tâm không còn phiền não sinh khởi nên gọi là *tâm được tự tại*. Do khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, nên gọi là *tâm được tự tại*. Do xa lìa chủ thể nhận thấy, đối tượng được nhận thấy, nên gọi là *không còn phiền não*. Do khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát, nên gọi là *tâm khéo điều phục*.

Là bậc Đại Long nơi loài người: Tức đi nơi các đường ác như đi nơi đường bằng phẳng, không chút trở ngại. Chỗ nên đi đã đi, chốn nên đến đã đến, *việc nên làm đã làm*, là bậc Đại Long trong loài người đã có thể đối trị, hàng phục các thứ phiền não oán địch.

Mọi sự tạo tác đã hoàn thành: Tức không còn thọ sinh ở đời sau, như sự việc tương ưng đã thành tựu.

Lìa các gánh nặng: Tức việc nên làm đã làm, mọi sự tạo tác đã hoàn thành, nên đã lìa bỏ gánh nặng của đời sau.

Đạt được tự lợi: Tức đã bỏ gánh nặng, chứng đắc Niết-bàn.

Dứt hết các kiết sử: Đã đạt được tự lợi, đoạn trừ các nhân của phiền não.

Khéo đạt chánh trí, tâm giải thoát: Tức các lậu đã hết.

Hết thấy tâm được tự tại: Tức khéo nhận biết về trí kiến đạo, trí tu đạo.

Đạt tới bờ giác bậc nhất: Tức khéo đạt chánh trí, tâm được giải thoát, khéo đạt thần thông, Tam-muội Vô tránh v.v... với các thứ công đức.

Đại A-la-hán v.v...: Tức tâm được tự tại, đến nơi bờ giác.

Được nhiều người nhận biết: Tức được các bậc vua chúa, vương tử, đại thần, dân chúng, Đế Thích, Phạm Thiên vương v.v... đều nhận biết. Lại nữa, các hàng Thanh văn, Bồ-tát, chư Phật, là bậc thắng trí,

nên các hàng kia đối với bậc thắng trí đều khéo nhận biết, do đó gọi là Được nhiều người biết đến.

Môn 2: Môn tổng tướng, biệt tướng: *Đều là bậc A-la-hán v.v...: Gồm 16 câu, câu đầu là chung, các câu còn lại là riêng. Danh hiệu A-la-hán ấy có 15 thứ nghĩa, nên biết.*

(1) Ứng hợp: Thọ nhận sự cung kính cúng dường các thức ăn uống, đồ nằm ngồi.

(2) Ứng hợp: Dẫn dắt đại chúng, giáo hóa tất cả.

(3) Ứng hợp: Đi vào các làng xóm, thành ấp.

(4) Ứng hợp: Hàng phục các thứ ngoại đạo.

(5) Ứng hợp: Dùng trí tuệ mau chóng quán xét các pháp.

(6) Ứng hợp: Không nhanh, không chậm nêu giảng pháp như pháp tương ưng, không hề mệt mỏi.

(7) Ứng hợp: Tĩnh tọa nơi chốn thanh vắng. Các thứ thức ăn uống, y phục, vật dụng cho đời sống đều không tích tụ, sống theo hạnh thiểu dục, tri túc.

(8) Ứng hợp: Hoàn toàn hành thiện, hành các pháp thiện không vướng mắc.

(9) Ứng hợp: Hành theo hành Thánh không.

(10) Ứng hợp: Hành theo hành Thánh vô tướng.

(11) Ứng hợp: Hành theo hành Thánh vô nguyện.

(12) Ứng hợp: Hàng phục tâm thiền định của thế gian.

(13) Ứng hợp: Dấy khởi công đức thù thắng của các thông.

(14) Ứng hợp: Chứng đắc công đức của đệ nhất nghĩa.

(15) Ứng hợp: Nhận biết đúng như thật về chúng đồng sinh đạt các công đức, tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Môn 3: Môn thâm giữ sự việc: 15 câu này thâm giữ **10** thứ công đức, chỉ rõ về quả có thể nêu bày, quả không thể nêu bày.

(1) Thâm giữ công đức đạt được, gồm hai câu chỉ rõ. Như kinh nói: “Các lậu đã hết, không còn phiền não sinh khởi”.

(2) Thâm giữ các công đức, gồm ba câu: Một câu nêu việc thâm giữ công đức thế gian, như kinh nói: “Tâm được tự tại”. Hai câu nêu việc thâm giữ công đức của bậc Hữu học xuất thế gian, như kinh nói: “Khéo đạt được tâm giải thoát, khéo đạt được tuệ giải thoát”.

(3) Thâm giữ công đức không chống trái, thuận theo sự chỉ dạy, hành hóa của Như Lai. Như kinh nói: “Tâm khéo điều phục”.

(4) Thâm giữ công đức thù thắng. Như kinh nói: “Là bậc Đại Long nơi loài người”.

(5) Thâm giữ công đức thù thắng của chỗ nên làm. Chỗ nên làm tức dựa nơi pháp, cung kính cúng dường, tôn trọng Như Lai. Như kinh nói: “Việc nên làm đã làm”.

(6) Thâm giữ công đức đầy đủ: Tức đầy đủ nơi Học địa. Như kinh nói: “Mọi sự tạo tác đã hoàn thành”.

(7) Thâm giữ công đức vượt quá: Gồm ba câu: Một là sự thọ nhận vượt quá. Hai là cầu đạt sự cung kính cúng dường về thọ mạng vượt quá. Ba là vượt quá cảnh giới trên dưới, đã vượt quá Học địa. Như kinh nói: “Lìa các gánh nặng, đạt được tự lợi, dứt hết các kiết sử”.

(8) Thâm giữ công đức thượng thượng. Như kinh nói: “Khéo đạt chánh trí, tâm giải thoát”.

(9) Thâm giữ công đức nên tạo lợi ích cho chúng sinh. Như kinh nói: “Hết thảy tâm đều được tự tại”.

(10) Thâm giữ công đức thượng thủ. Như kinh nói: “Đạt tới bờ giác bậc nhất”.

* **Thành tựu công đức của bậc Bồ-tát: 13** câu ấy nói về sự thành tựu công đức của bậc Bồ-tát, chỉ rõ về 2 môn thâm tóm nghĩa, nên biết:

Môn 1: Môn chi thượng chi hạ.

Môn 2: Môn thâm giữ sự việc.

Môn 1: Môn chi thượng chi hạ: Đó là tướng chung, tướng riêng, nghĩa này nên biết. *Đều không thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng:* Là tướng chung. *Các câu còn lại:* Là tướng riêng. Chỗ không thoái chuyển kia có 10 thứ chỉ rõ:

(1) Trụ nơi nghe pháp không thoái chuyển. Như kinh nói: “Đều chứng đắc pháp Đà-la-ni”.

(2) Ưa thích giảng nói không thoái chuyển. Như kinh nói: “Lạc thuyết đại biện tài”.

(3) Thuyết giảng không thoái chuyển. Như kinh nói: “Chuyển pháp luân không thoái chuyển”.

(4) Nương dựa nơi bậc thiện tri thức không thoái chuyển: Do nghiệp của thân tâm dựa nơi sắc thân để thâm giữ. Như kinh nói: “Tùng cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, ở nơi trụ xứ của chư Phật gieo trồng các căn thiện”.

(5) Đoạn trừ hết thảy các nghi không thoái chuyển. Như kinh nói: “Thường được chư Phật khen ngợi”.

(6) Vì những sự việc gì để thuyết pháp, nhập vào mỗi mỗi các pháp kia không thoái chuyển. Như kinh nói: “Dùng đại từ bi để tu tập thân tâm”.

(7) Nhập vào cảnh giới như thật của Nhất thiết trí không thoái chuyển. Như kinh nói: “Khéo hội nhập nơi tuệ Phật”.

(8) Dựa nơi ngã không, pháp không, không thoái chuyển. Như kinh nói: “Thông đạt về trí lớn”.

(9) Vào cảnh giới như thật không thoái chuyển. Như kinh nói: “Đến nơi bờ giác”.

(10) Nên tạo tác chỗ cần tạo tác, trụ trì không thoái chuyển. Như kinh nói: “Có thể hóa độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh”.

Môn 2: Môn thâm giữ sự việc: Tức chỉ rõ về các Bồ-tát trụ nơi những Địa thanh tịnh nào, dùng những phương tiện nào, ở những cảnh giới nào để tạo tác nơi cần tạo tác?

Địa thanh tịnh: Tức tám địa trở lên là ba địa với hành vô tướng tịch tĩnh, thanh tịnh.

Phương tiện: Có 4 thứ:

(1) *Phương tiện thâm giữ pháp diệu, trụ trì pháp diệu:* Dùng lực dụng của lạc thuyết vì muôn người mà nêu giảng.

(2) *Phương tiện thâm giữ thiện tri thức:* Dùng việc dựa nơi các bậc thiện tri thức để tạo tác chỗ cần tạo tác.

(3) *Phương tiện thâm giữ chúng sinh:* Do không xả bỏ chúng sinh.

(4) *Phương tiện thâm giữ trí:* Do giáo hóa chúng sinh khiến nhập nơi trí ấy.

Cảnh giới: Dễ hiểu.

Lại có môn thâm giữ sự việc: Chỉ rõ việc thâm giữ công đức thù thắng của các Địa, không giống với công đức của hàng Nhị thừa. Nơi Địa thứ tám, trí không dụng công không giống với Địa dưới, trên. Không giống với Địa dưới: Tức hành dụng công của Địa dưới không thể làm lay động. Không giống với Địa trên: Tức hành vô tướng của Địa trên không thể làm lay động, chỉ tự nhiên mà hành. Nơi Địa thứ chín, đạt được môn Đà-la-ni thắng tán, đầy đủ bốn vô ngại tự tại. Trong Địa thứ mười, pháp luân không thoái chuyển, được thọ nhận quả vị nơi Phật, như vương tử của Chuyển luân Thánh vương, do có thể cùng thâm tóm công đức.

c. Thế nào là Thành tựu về sự thâm tóm công đức? Tức chỉ rõ dựa vào: Xứ nào? Tâm nào? Trí nào? Cảnh giới nào để hành? Những gì để có thể thực hiện?

Dựa vào xứ nào? Tức dựa vào các bậc thiện tri thức.

Dựa nơi tâm nào? Là dựa nơi tâm của chúng sinh để giáo hóa, tạo lợi ích trọn vẹn cho hết thảy chúng sinh.

Dựa nơi trí nào? Dựa nơi 3 thứ trí: (1) Trí được thọ ký bí mật. (2) Trí của các thông. (3) Trí chân thật.

Dựa vào những cảnh giới nào để hành? Dựa vào những gì để có thể thực hiện? Tức là dựa vào ba thứ trí để thâm tóm, nên biết.

d. Thế nào là Thành tựu về oai nghi như pháp trụ? Có 4 thứ được chỉ rõ:

(1) Bốn chúng vây quanh.

(2) Trước sau.

(3) Cung kính cúng dường.

(4) Tôn trọng tán thán.

Như kinh nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn với bốn chúng vây quanh, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán”.

*

3. Thành tựu về thời gian thích hợp để Đức Như Lai thuyết pháp: Tức vì các Bồ-tát thuyết giảng kinh thuộc Đại thừa. Tu-đa-la thuộc Đại thừa này có 17 thứ tên gọi, hiển thị công đức hết sức sâu xa, nên biết.

(1) *Gọi là Kinh Vô Lượng Nghĩa:* Tức thành tựu về nghĩa của chữ, dùng pháp môn này để nêu giảng về pháp của cảnh giới thâm diệu hết mực kia.

(2) *Gọi là Kinh Tối Thắng*: Tức thành tựu Tạng vi diệu tối thắng trong ba Tạng.

(3) *Gọi là Đại Phương Quảng*: Tức vô lượng môn Đại thừa tùy nơi căn trí của chúng sinh để trụ trì thành tựu.

(4) *Gọi là Pháp giáo hóa Bồ-tát*: Tức nhằm giáo hóa các Bồ-tát căn trí thuần thực, thuận theo pháp khí để thành tựu.

(5) *Gọi là Được Phật hộ niệm*: Tức dựa nơi Phật Như Lai để có pháp ấy.

(6) *Gọi là Pháp bí mật của tất cả chư Phật*: Tức pháp thâm diệu ấy chỉ có Phật – Như Lai nhận biết.

(7) *Gọi là Kho tàng của tất cả Phật*: Tức kho tàng Tam-muội, công đức của Như Lai ở nơi kinh này.

(8) *Gọi là Mật xứ của hết thầy chư Phật*: Tức các chúng sinh căn trí chưa thuần thực, không phải là pháp khí thì không trao cho.

(9) *Gọi là Có thể xuất sinh tất cả chư Phật*: Tức lãnh hội pháp môn này thì có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề của Phật.

(10) *Gọi là Đạo tràng của hết thầy chư Phật*: Tức nghe được pháp môn này, tất có thể thành tựu quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không phải là Tu-đa-la khác.

(11) *Gọi là Pháp luân được chuyển của tất cả chư Phật*: Tức pháp môn này có thể phá trừ các thứ chướng ngại.

(12) *Gọi là Xá-lợi kiên cố của hết thầy chư Phật*: Tức là Pháp thân chân như của Như Lai, ở nơi kinh này không bị hủy hoại.

(13) *Gọi là Kinh theo phương tiện thiện xảo lớn của tất cả chư Phật*: Tức dựa nơi pháp môn này để thành tựu Đại Bồ-đề rồi, vì chúng sinh nêu giảng pháp của hàng trời, người, Nhị thừa.

(14) *Gọi là Kinh giảng nói về một Thừa*: Tức pháp môn này hiển bày chỉ rõ về thể rốt ráo nơi đạo quả Bồ-đề Vô thượng của Như Lai, vì hai Thừa chẳng phải là cứu cánh.

(15) *Gọi là An trụ nơi đệ nhất nghĩa*: Vì pháp môn này là trụ xứ rốt ráo của Pháp thân Như Lai.

(16) *Gọi là Diệu Pháp Liên Hoa*: Có 2 thứ nghĩa: *Nghĩa ra khỏi nước*: Do hàng Tiểu thừa không thể xuất ly hoàn toàn đối với vùng nước bùn đục nơi sinh tử. Lại có nghĩa dụ như hoa sen kia ra khỏi nơi nước bùn, du cho các Thanh văn đi vào an tọa trong đại chúng của Như Lai, như các Bồ-tát an tọa trên các hoa sen, nghe thuyết giảng về cảnh giới thanh tịnh của trí tuệ vô thượng, chứng đắc tạng mật của Như Lai. *Nghĩa hoa nở*: Do các chúng sinh đối với pháp Đại thừa tâm sinh khiếp nhược, không thể tin tưởng. Thế nên vì họ mở bày, chỉ rõ về Pháp thân thanh tịnh, vi diệu của Như Lai, khiến sinh tâm tin tưởng.

(17) *Gọi là Pháp môn tối thượng*: Tức thâm tóm những thành tựu. Thâm tóm những thành tựu tức thâm giữ vô lượng Danh, Cú, Tự, Thân, Tần-bà-la, kệ A-súc-bà.

Mười bảy câu nơi pháp môn này là chung. *Các câu còn lại* là riêng. Như kinh nói: “Vì các Bồ-tát thuyết giảng kinh Đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa v.v...”.

*

4. Thành tựu về chỗ dựa nơi pháp được nêu giảng với oai nghi tùy thuận an trụ: Tức chỉ rõ là dựa nơi những pháp nào để nêu giảng? Dựa nơi 3 thứ pháp:

a. Dựa nơi Tam-muội thành tựu. Do Tam-muội thành tựu chỉ rõ về 2 thứ: (1) Thành tựu diệu lực tự tại, thân tâm không động. (2) Là tất cả các thứ chướng ngại, tùy nơi diệu lực tự tại. Diệu lực tự tại ấy có 2 loại: Một là vì nhằm tùy thuận chúng sinh nên chỉ rõ sự đối trị,

thâu giữ nhận biết các pháp phần Bồ-đề. Hai là vì để đối trị các thứ phiền não bị chấp giữ chặt nơi vô lượng đời đến nay. Như kinh nói: “Thuyết giảng phần kinh này xong, Đức Thế Tôn bèn ngồi kiết già, nhập Tam-muội Vô lượng nghĩa xứ”.

b. Dựa nơi khí thể gian.

c. Dựa nơi thể gian của chúng sinh. Làm chấn động các thể giới, cùng nhận biết về sự việc nơi vô lượng kiếp thời quá khứ. Như kinh nói: “Khi ấy, trời mưa xuống hoa Mạn-đà-la, thứ lớp cho đến: Hoan hỷ chấp tay nhất tâm chiêm ngưỡng Phật”.

*

5. Thành tựu về chỗ nương dựa nói về nhân: Vì các đại chúng kia hiện thấy tướng khác lạ với các sự việc không thể nghĩ bàn, đều cho Đức Như Lai nên vì mình mà giảng nói, đều khao khát ngưỡng mộ, muốn nghe, sinh tâm cho là điều ít có, nên gọi là: “Thành tựu về chỗ nương dựa nói về nhân”. Do đó, phóng ra ánh sáng lớn, chỉ rõ trong các thể giới có vô số các sự việc.

Trước hết là chỉ rõ về sự việc bên ngoài, có sáu thứ chấn động. Tiếp theo là chỉ rõ pháp môn này, bên trong chứng đắc pháp sâu xa, bí mật.

Lại dựa nơi khí thể gian và thể gian của chúng sinh, với số lượng đủ thứ loại, gồm đủ phiền não sai biệt, thanh tịnh sai biệt, Phật, pháp, đệ tử sai biệt, chỉ rõ về Tam bảo.

Lại nhân nơi sai biệt mà có thể giới có Phật, có thể giới không Phật, khiến chúng sinh trông thấy có người tu hành chưa đạt quả, có người tu hành đạt đạo đã chứng đắc quả. Như kinh nói: “Những người tu hành đạt đạo”.

Đủ thứ loại về số: Tức chỉ rõ về vô số thứ loại quán xét. Lược nêu bốn thứ quán xét: Một là tiếp nhận. Hai là nghe pháp. Ba là tu

hành. Bốn là vui thích. Như kinh nói: “Bấy giờ, từ nơi tướng bạch hào giữa chạng mây, Đức Phật phóng ra ánh sáng, thứ lớp cho đến: Dem Xá-lợi của Phật, khởi công xây dựng tháp bảy báu để thờ”.

Hành đạo Bồ-tát: Tức là giáo hóa chúng sinh dựa nơi bốn Nhiếp pháp làm phương tiện để thâm giữ. Như kinh nói: “Trong chỗ nêu giảng nên tự thâm giữ”.

*

6. Thành tựu về đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp: *Thưa hỏi nơi một người:* Nhiều người muốn nghe pháp, sinh tâm hy hữu, do đó chỉ thưa hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Như vậy là chỉ rõ đệ tử của Đức Thế Tôn luôn tùy thuận nơi pháp, không chống trái.

Nay, Phật – Thế Tôn hiện bày tướng thần biến: Là vì những ý nghĩa nào? Là vì sẽ nêu giảng pháp lớn, nên hiện bày tướng lớn là dùng làm nhân cho sự giảng nói.

Hiện bày tướng lớn: Vì nêu giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa nên hiện bày tướng điềm lành lớn. Nhằm nêu giảng pháp vi diệu do Như Lai chứng đắc, với những chương, câu, văn tự không thể nghĩ bàn. Có 2 thứ pháp nên tôn kính Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: (1) Hiện thấy rõ các pháp. (2) Lia các nhân duyên, chỉ tự nơi tâm thành tựu pháp ấy.

Thị hiện vô số các tướng điềm lành: Là nhằm chỉ rõ về các sự việc kia. Như các sự việc ấy cùng hiện bày, ẩn mất, trụ, diệt, nên biết. Do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có thể ghi nhớ các sự việc ấy. Do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã thành tựu về chỗ tạo tác, thành tựu về nhân quả, nên hiện thấy rõ các pháp kia.

Thành tựu về chỗ tạo tác: Có 2 thứ: (1) Thành tựu về công đức. (2) Thành tựu về trí tuệ.

Thành tựu về nhân: Tức thành tựu về Nhất thiết trí.

Nhân duyên: Là tướng.

Quả: Là nêu giảng về pháp lớn.

Vô số quốc độ của Phật: Tức chỉ rõ trong quốc độ kia có vô số sự sai biệt, nên biết.

Quốc độ thanh tịnh vi diệu: Tức là trụ xứ của chúng sinh không còn phiền não. Như kinh nói: “Soi chiếu nơi phương Đông, một vạn tám ngàn thế giới, thứ lớp cho đến: Đều thấy cảnh giới trang nghiêm nơi cõi Phật kia”.

Như Lai là bậc thượng thủ: Tức chỉ cho các Bồ-tát cùng dựa nơi Như Lai để an trụ. Do Đức Như Lai ở trong tất cả đại chúng nơi quốc độ kia luôn được tự tại. Như kinh nói: “Lại thấy chư Phật hiện tại nơi cõi kia v.v...”.

*

7. Thành tựu về việc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp lại: Từ đoạn này trở xuống: Là nêu rõ về bậc Thánh: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng trí tức mạng, hiện thấy về tướng nhân quả của quá khứ, thành tựu mười thứ sự như nơi hiện tại, do đó có thể đáp lại câu hỏi của Bồ-tát Di-lặc.

Hiện thấy tướng nhân của quá khứ: Tức tự thấy thân mình, ở trong quốc độ của chư Phật kia, tu tập, hành trì vô số sự việc.

Hiện thấy tướng quả của quá khứ: Là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự thấy thân mình là Bồ-tát Diệu Quang nơi thời quá khứ, nơi trụ xứ của Phật kia, được nghe pháp môn này rồi, vì các chúng sinh thuyết giảng.

Thành tựu mười sự việc. Đó là:

a. Hiện thấy về nhân của ý nghĩa lớn thành tựu.

b. Hiện thấy về nhân của ý nghĩa thâm diệu nơi chương câu văn tự theo thể gian thành tựu.

c. Hiện thấy về nhân hy hữu thành tựu.

d. Hiện thấy về nhân thắng diệu thành tựu.

đ. Hiện thấy về nhân lớn nơi sự thọ dụng thành tựu.

e. Hiện thấy về nhân thấu giữ tất cả việc chuyển pháp luân của chư Phật thành tựu.

f. Hiện thấy về nhân chuyển pháp luân của Như Lai là thiện đích thật, vững chắc, thành tựu.

g. Hiện thấy về nhân có thể tăng tiến, hội nhập thành tựu.

h. Hiện thấy về nhân nhớ nghĩ thành tựu.

i. Hiện thấy về nhân của sự việc nơi tự thân từng trải qua thành tựu.

a. *Hiện thấy về nhân của ý nghĩa lớn thành tựu:* Chỉ rõ nơi 8 câu, nên biết.

(1) Sắp chuyển pháp luân lớn.

(2) Sắp tuôn xuống trận mưa pháp lớn.

(3) Sắp khua vang trống pháp lớn.

(4) Sắp kiến lập ngọn cờ pháp lớn.

(5) Sắp thấp sáng đèn pháp lớn.

(6) Sắp thổi lên loa pháp lớn.

(7) Nhằm không làm gián đoạn trống pháp lớn.

(8) Sắp nêu giảng pháp lớn.

Tám câu này chỉ rõ về việc Đức Như Lai sắp thuyết giảng pháp lớn. *Những gì là tám thứ nghĩa lớn?* Đó là:

Kẻ hồ nghi: Nhằm đoạn trừ nghi hoặc.

Người đã đoạn trừ nghi: Khiến tăng trưởng trí thân thuần thực.

Căn thành thực: Vì họ nêu giảng hai thứ cảnh giới mật: Cảnh giới mật của Thanh văn và cảnh giới mật của Bồ-tát.

Hai câu nói về trống pháp lớn: Chỉ rõ việc nghe pháp từ xa.

Vào cảnh giới mật: Tức khiến tăng tiến, chọn lấy nghĩa thanh tịnh tối thượng.

Chọn lấy nghĩa thanh tịnh tối thượng: Tức tăng tiến, chọn lấy Nhất thiết trí hiện thấy.

Chọn lấy Nhất thiết trí hiện thấy: Tức vì tất cả pháp kiến lập ý nghĩa nơi danh tự, chương, câu.

Kiến lập ý nghĩa nơi danh tự chương câu: Là khiến hội nhập nơi trí chứng đắc không thể nêu bày theo hành chuyển pháp luân.

b. Hiện thấy về nhân của ý nghĩa thâm diệu nơi chương câu văn tự theo thể gian thành tựu: Như kinh nói: “Tôi ở nơi chư Phật thời quá khứ từng thấy đìem lành này, thứ lớp cho đến: Nên hiện bày đìem lành ấy”.

c. Hiện thấy về nhân hy hữu thành tựu: Do vô lượng thời gian không thể thủ đắc.

Không thể nghĩ bàn, không thể nêu xung, không thể lường tính: Tức chỉ rõ chỗ vượt quá số lượng A-tăng-kỳ kiếp không thể thủ đắc.

Lại còn chỉ rõ về năm thứ kiếp: Đêm, ngày, tháng, mùa, năm. Chỉ rõ về vô lượng vô biên kiếp kia. Như kinh nói: “Như về thời quá khứ vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, bảy giờ có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, thứ lớp cho đến: Chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng thành tựu Nhất thiết chủng trí”.

d. Hiện thấy về nhân thắng diệu thành tựu: Tức chỉ rõ về tự thọ dụng của chư Phật, Bồ-tát. Như kinh nói: “Tiếp theo lại có Đức Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, thứ lớp cho đến: Pháp được nêu giảng các phần đầu, giữa, sau đều thiện”.

đ. Hiện thấy về nhân lớn của sự thọ dụng thành tựu: Thời ấy, vương tử thọ nhận sự an lạc thắng diệu, đều bỏ nhà, xuất gia. Lại nữa,

đại chúng kia, vào bấy giờ, tâm không chút mệt mỏi. Như kinh nói: “Đức Phật sau cùng kia, lúc chưa xuất gia, thứ lớp cho đến: Phật thọ ký rồi, liền ngay vào giữa đêm ấy nhập Niết-bàn vô dư”.

e. Hiện thấy về nhân thấu giữ tất cả hành chuyển pháp luân của chư Phật thành tựu: Tức pháp luân không bị đoạn mất. Như kinh nói: “Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang giữ lấy kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải qua đủ tám mươi tiểu kiếp, vì mọi người diễn nói”.

f. Hiện thấy về nhân chuyển pháp luân của Như Lai là thiện đích thật, vững chắc, thành tựu: Tức sau khi Phật diệt độ, trải qua vô lượng thời gian thuyết giảng chánh pháp. Như kinh nói: “Tám người con của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều thờ Bồ-tát Diệu Quang làm thầy, thứ lớp cho đến: Đều khiến tâm kiên định nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”.

g. Hiện thấy về nhân có thể tăng tiến hội nhập thành tựu: Tức chỉ cho các vị vương tử kia chứng đắc Đại Bồ-đề. Như kinh nói: “Các vị vương tử ấy, thứ lớp cho đến: Đều thành tựu Phật đạo”.

h. Hiện thấy về nhân nhớ nghĩ thành tựu: Tức vì người khác thuyết giảng giáo pháp, tạo lợi ích cho muôn người. Như kinh nói: “Người thành Phật sau cùng tên là Nhiên Đăng, thứ lớp cho đến: Tôn trọng, tán thán”.

i. Hiện thấy về nhân của sự việc nơi tự thân từng trải qua, thành tựu: Do nơi tự thân thọ nhận diệu lạc thù thắng. Như kinh nói: “Bồ-tát Di-lặc nên biết, thứ lớp cho đến: Được Phật hộ niệm”.

Ông chính là Câu danh: Tức chỉ rõ việc nhận biết các sự việc quá khứ. Lại chỉ rõ việc đạt được pháp ấy đầy đủ.

Phẩm 2: PHƯƠNG TIỆN

Kinh nói: “*Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập Tam-muội hết mực thâm diệu, chánh niệm không động, dùng trí như thật để quán xét. Rồi từ nơi Tam-muội an nhiên ra khỏi định, nói với Xá-lợi-phất: Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Trí tuệ của chư Phật là hết sức sâu xa, vô lượng. Môn trí tuệ ấy là khó thấy, khó hiểu, khó biết, khó lãnh hội, khó vào. Chỗ chứng đắc của Như Lai, hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết. Vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai, bậc Ứng Chánh Biến Tri, đã từng gạn gỏi cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật, nơi trụ xứ của chư Phật, hành trì trọn vẹn theo con đường tu tập các pháp của chư Phật, cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng.*

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã ở nơi vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp tinh tấn, dững mãnh, mọi sự tạo tác đều thành tựu, tiếng tốt vang khắp.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai đã thành tựu đầy đủ các pháp ít có. Pháp khó lãnh hội, Như Lai đều có thể nhận biết. Pháp khó lãnh hội ấy, chư Phật – Như Lai đều tùy chỗ thích hợp để thuyết giảng, ý nghĩa sâu xa khó hiểu, hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết. Vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì chư Phật – Như Lai luôn tự tại nói về nhân thành tựu. Như Lai đã thành tựu vô số các thứ phương tiện, vô số các loại tri kiến, vô số các loại niệm quán, vô số các thứ ngôn từ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai từ khi thành Phật đến nay, nơi mỗi mỗi xứ kia đã luôn diễn nói rộng về giáo pháp, dùng vô số các phương tiện để dẫn dắt chúng sinh, đối với các nơi chốn vương chấp đều khiến được giải thoát.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai theo phương tiện đến nơi bờ giác. Tri kiến của Như Lai rộng lớn, sâu xa, không chướng

ngại, gồm các lực, vô sở úy, pháp bất cộng, căn, lực, pháp Bồ-đề phân, thiên định, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, đều đã đầy đủ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nẻo vào sâu của chư Phật – Như Lai là không biên vực, thành tựu các thứ pháp chưa từng có. Như Lai có thể phân biệt về vô số thứ loại, khéo giảng nói về các pháp với ngôn từ dịu dàng, hòa ái, làm vui lòng mọi người.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hãy dừng lại ở đây, không nên nói nữa! Pháp hy hữu bậc nhất, khó lãnh hội mà Phật đã thành tựu, chỉ có Phật với Phật mới có thể giảng nói. Chư Phật – Như Lai có thể nhận biết về thật tướng rốt ráo của pháp kia. Chỉ có Phật – Như Lai mới nhận biết rõ về tất cả các pháp. Chỉ có Phật – Như Lai mới có thể thuyết giảng về tất cả các pháp: Những pháp nào? Pháp như thế nào? Pháp tương tự ra sao? Pháp có tướng như thế nào? Thế nơi pháp ra sao? Hết thấy các pháp như vậy, Như Lai đều hiện thấy, không phải là không hiện thấy”.

Luận nêu:

* **Từ đây trở xuống:** Chỉ rõ về tướng nhân quả nơi pháp được thuyết giảng, nên biết. Như kinh nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập Tam-muội hết mực thâm diệu, chánh niệm không động, dùng trí như thật để quán xét. Rồi từ nơi Tam-muội an nhiên ra khỏi định, nói với Xá-lợi-phất”: Tức chỉ rõ Như Lai đạt được diệu lực tự tại. Như Lai nhập định, không thể vì sợ hãi mà thức giấc.

Vì sao chỉ nói với Tôn giả Xá-lợi-phất, không nói với các vị Thanh văn khác? Là vì tùy theo trí tuệ của vị ấy sâu xa, tương ứng với Như Lai.

Vì sao không nói với các vị Bồ-tát? Có 5 thứ nghĩa:

(1) Vì sự việc ứng hợp với các Thanh văn.

(2) Vì nhằm khiến cho các Thanh văn xoay chuyển hướng đến Đại Bồ-đề.

(3) Giúp đỡ đối với các Thanh văn tâm khiếp nhược, sợ hãi.

(4) Vì khiến cho những người khác khéo suy niệm.

(5) Vì các Thanh văn không khởi tâm: “Mọi sự tạo tác đã hoàn thành”.

“*Trí tuệ của chư Phật là hết mực sâu xa, vô lượng*”: Tức vì muốn các đại chúng sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Đức Như Lai thuyết giảng.

Nói hết sức sâu xa: Tức hiển bày 2 thứ nghĩa hết sức sâu xa.

(1) *Chứng đắc hết sức sâu xa*: Tức trí tuệ của chư Phật là hết sức sâu xa vô lượng.

(2) *Giáo pháp (A-hàm) hết sức sâu xa*: Tức môn trí tuệ hết sức sâu xa vô lượng.

Hết sức sâu xa: Là tướng chung. *Phân còn lại*: Là tướng riêng.

Chứng đắc hết sức sâu xa: Có 5 thứ:

(a) Nghĩa vô cùng sâu xa. Tức dựa vào những ý nghĩa thâm diệu nào.

(b) Thật thể vô cùng sâu xa.

(c) Nội chứng vô cùng sâu xa.

(d) Chỗ nương dựa vô cùng sâu xa.

(đ) Sự sâu xa hết mực ấy là vô thượng.

Cái gì là vô cùng sâu xa? Tức là Đại Bồ-đề. Đại Bồ-đề tức là đối tượng được chứng đắc của Như Lai, là đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Vô cùng sâu xa như thế nào? Tức là hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết.

Nói trí tuệ: Tức là nghĩa trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí. Như kinh nói: “Trí tuệ của chư Phật là hết sức sâu xa vô lượng”.

Giáo pháp (A-hàm) vô cùng sâu xa: Chỉ rõ có 8 thứ:

(a) Thọ trì, đọc tụng vô cùng sâu xa. Như kinh nói: “Nhu Lai, bậc Ứng Chánh Biến Tri, đã từng gần gũi cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật”.

(b) Tu hành vô cùng sâu xa. Như kinh nói: “Nơi trụ xứ của chư Phật, hành trì trọn vẹn theo con đường tu tập các pháp của chư Phật, cầu đạt đạo quả Bồ-đề Vô thượng”.

(c) Quả hành vô cùng sâu xa. Như kinh nói: “Nhu Lai đã ở nơi vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp tinh tấn dũng mãnh, mọi sự tạo tác đều thành tựu”.

(d) Tâm nơi công đức tăng trưởng vô cùng sâu xa. Như kinh nói: “Tiếng tốt vang khắp”.

(đ) Tâm đạt sự thích thú vi diệu vô cùng sâu xa. Như kinh nói: “Nhu Lai đã thành tựu đầy đủ các pháp ít có”.

(e) Sự sâu xa vô cùng là vô thượng. Như kinh nói: “Pháp khó lãnh hội, Nhu Lai đều có thể nhận biết”.

(f) Hội nhập vô cùng sâu xa: Tức về danh, tự, chương, câu, ý nghĩa đều khó đạt được, tự tại trụ trì không giống với ngoại đạo. Nói về pháp nhân duyên, nên gọi là vô cùng sâu xa. Như kinh nói: “Pháp khó lãnh hội ấy, chư Phật – Nhu Lai đều tùy chỗ thích hợp để thuyết giảng, ý nghĩa sâu xa khó hiểu”.

(g) Chỗ tạo sự trụ trì là vô cùng sâu xa, không cùng với hàng Nhị thừa. Như kinh nói: “Hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết”.

Như vậy là đã nói xong phần công đức của pháp vi diệu.

*** Tiếp theo: Nói về sự thành tựu công đức nơi bậc Pháp sư của Nhu Lai:** Như kinh nói: “Vì sao? Đây Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì chư Phật – Nhu Lai luôn tự tại nói về nhân thành tựu”. Nhu Lai đã thành tựu 4 thứ công đức, nên có thể hóa độ chúng sinh. **Những gì là bốn?**

(1) *Thành tựu về trụ*: Như kinh nói: “Như Lai đã thành tựu vô số các thứ phương tiện”. Vô số các thứ phương tiện tức từ trời Đâu-suất giáng thần v.v... cho đến thị hiện nhập Niết-bàn.

(2) *Thành tựu về giáo hóa*: Như kinh nói: “Thành tựu vô số các loại tri kiến”. Vô số các loại tri kiến tức chỉ rõ các nhân nhiễm, tịnh.

(3) *Thành tựu về công đức rốt ráo*: Như kinh nói: “Thành tựu vô số các loại niệm quán”. Vô số các loại niệm quán tức nhân duyên thành tựu của việc nêu giảng pháp kia, như pháp tương ưng.

(4) *Thành tựu về sự thuyết giảng*: Như kinh nói: “Thành tựu vô số các thứ ngôn từ”. Vô số các thứ ngôn từ tức dùng bốn trí vô ngại, dựa vào những danh, tự, chương, câu nào, tùy theo những chúng sinh nào có thể thọ nhận để vì họ mà nêu giảng.

Lại còn có nghĩa: *Vô số các thứ phương tiện*: Tức chỉ rõ về các pháp tà của ngoại đạo, với đủ các thứ lỗi lầm như vậy như vậy. Lại chỉ rõ về chánh pháp của chư Phật, với vô số các thứ công đức như vậy như vậy. Như kinh nói: “Như Lai từ khi thành Phật đến nay, nơi mỗi mỗi xứ kia đã luôn diễn nói rộng về giáo pháp, dùng vô số các phương tiện để dẫn dắt chúng sinh, đối với các nơi chốn vương chấp đều khiến được giải thoát”. Lại có vô số các thứ phương tiện: Tức là dùng phương tiện khiến nhập nơi các pháp thiện. Lại nữa, phương tiện: Là đoạn trừ các thứ nghi. Lại nữa, phương tiện: Là khiến hội nhập nơi trí thù thắng tăng thượng. Lại nữa, phương tiện: Là dựa nơi bốn Nhiếp pháp để thâm giữ các chúng sinh, khiến họ được giải thoát.

Các nơi chốn vương chấp: Tức vương mắc nơi các chốn, xứ kia. Hoặc chấp nơi các cõi, hoặc chấp nơi các địa, hoặc chấp nơi các phần, hoặc chấp nơi các thừa. *Chấp nơi các cõi*: Tức chấp vương nơi ba cõi: Dục, Sắc, Vô sắc. *Chấp nơi các địa*: Tức chấp nơi các cảnh giới, giữ lấy Tam-muội, thiên định, cho đến địa của Phi phi tướng và định diệt tận. *Chấp nơi các phần*: Tức như chấp về phần tại gia, xuất

gia. *Chấp nơi phân tại gia*: Tức chấp mình với đồng loại tạo tác vô số các thứ nghiệp theo tà kiến. *Chấp nơi phân xuất gia*: Tức chấp về tiếng khen, lợi dưỡng, về vô số các thứ giác ngộ phiền não. *Chấp nơi các thừa*: Tức chấp về thừa Thanh văn, thừa Bồ-tát. *Chấp về thừa Thanh văn*: Tức ưa thích thọ trì giới Tiểu thừa, cầu đạt bốn quả: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. *Chấp về Đại thừa*: Tức chấp về lợi dưỡng, cung kính cúng dường. Chấp phân biệt về quán xét vô số pháp tướng, cho đến Phật địa.

Vô số các loại tri kiến: Tức tự thân thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn, cùng với hàng Thanh văn, Bồ-tát. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai theo phương tiện đến nơi bờ giác”. Đến nơi bờ giác: Tức thù thắng so với tất cả các Bồ-tát khác.

Vô số các loại niệm quán: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, không chướng ngại, gồm các lực, vô sở úy, pháp bất cộng, căn, lực, pháp Bồ-đề phân, thiền định, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, đều đã đầy đủ”.

Lại nữa: *Thành tựu thứ nhất*: Là có thể hóa độ chúng sinh, dựa nơi các bậc thiện tri thức để thành tựu.

Thành tựu thứ hai: Đối với chúng sinh căn trí đã thuần thực, khiến được giải thoát.

Thành tựu thứ ba: Là nơi chốn của diệu lực tự tại, hàng phục, đạt thanh tịnh.

Thành tựu thứ tư: Có 7 thứ:

(1) Vô số các thứ thành tựu: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nẻo vào sâu của chư Phật – Như Lai là không biên vực, thành tựu các thứ pháp chưa từng có”.

(2) Ngôn từ thành tựu: Tức đạt được năm thứ âm thanh, ngôn ngữ hay đẹp, để thuyết pháp. Như kinh nói: “Như Lai có thể phân

biệt về vô số các thứ loại, khéo giảng nói về các pháp với ngôn từ dịu dàng, hòa ái, làm vui lòng mọi người”.

(3) Tướng thành tựu: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hãy dừng lại ở đây, không nên nói nữa!”. Tức có chúng sinh là pháp khí, tâm đã đầy đủ.

(4) Gắng nhận lãnh thành tựu: Tức tất cả chúng sinh có thể hóa độ đều nhận biết Như Lai đã thành tựu công đức hy hữu bậc nhất, có thể thuyết pháp. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp hy hữu bậc nhất, khó lãnh hội mà Phật đã thành tựu”.

(5) Vô lượng chủng loại thành tựu: Nêu bày không thể hết. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật với Phật mới có thể giảng nói. Chư Phật – Như Lai có thể nhận biết về thật tướng rốt ráo của pháp kia”. Nói thật tướng: Tức là thể bất biến của Pháp thân, Như Lai tạng.

(6) Nhận biết về thể thành tựu: Hết thầy các pháp do Như Lai nêu giảng là do Như Lai tự chứng đắc. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật – Như Lai mới nhận biết rõ về tất cả các pháp”.

(7) Tùy thuận nơi tâm ý của chúng sinh, vì họ thuyết giảng pháp tu tập thành tựu. Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chỉ có Phật – Như Lai mới có thể thuyết giảng về tất cả các pháp”.

Thứ nhất: Là dùng vô số các pháp môn để thâm giữ chúng sinh. *Thứ hai:* Là khiến chúng sinh an trụ, không tán loạn. *Thứ ba:* Là khiến chơn lậy. *Thứ tư:* Là khiến được giải thoát. *Thứ năm:* Là khiến tu hành thành tựu, đạt được pháp đối trị. *Thứ sáu:* Là có thể khiến tu tập tăng tiến thành tựu. *Thứ bảy:* Là khiến tu tập đạt được không mất. Bảy thứ pháp này là các chúng sinh tự thân tạo tác, khéo thành tựu.

Lại cùng giáo hóa khiến thành tựu: Tức dựa nơi pháp chứng đắc. *Lại thuyết giảng thành tựu:* Là dựa nơi pháp được thuyết giảng. Hai thứ pháp ấy như vừa trình bày ở trước. Dựa nơi hai thứ pháp đó,

có những thứ lớp nào để có thể tu tập? Tức nơi phân văn trước, đã được nhắc lại, nên biết.

Lại nữa: Dựa nơi pháp chứng đắc có 5 thứ:

- (1) Những pháp gì?
- (2) Pháp như thế nào?
- (3) Pháp tương tợ ra sao?
- (4) Tướng của pháp như thế nào?
- (5) Thể nơi pháp ra sao?

Những pháp gì? Tức là pháp của hàng Nhị thừa, pháp của Phật.

Pháp như thế nào? Tức là đầy khởi vô số các sự việc để nêu giảng.

Pháp tương tợ ra sao? Tức dựa nơi ba thứ môn để đạt thanh tịnh.

Tướng của pháp như thế nào? Tức là ba thứ nghĩa về pháp một tướng.

Thể nơi pháp ra sao? Tức là không có hai thể. Không có hai thể tức nơi vô lượng thừa chỉ có một Phật thừa, không có hai Thừa.

Lại còn có nghĩa: *Những pháp gì?* Tức là pháp hữu vi, pháp vô vi.

Pháp như thế nào? Tức là pháp nhân duyên, pháp không phải là nhân duyên.

Pháp tương tợ ra sao? Tức như pháp thường, pháp vô thường v.v...

Tướng của pháp như thế nào? Tức là pháp có ba tướng như sinh v.v... Pháp có ba tướng như không sinh v.v...

Thể nơi pháp ra sao? Tức là thể của năm âm. Thể của chẳng phải năm âm.

Lại nữa: *Pháp tương tợ ra sao?* Tức là pháp vô thường, pháp hữu vi, pháp nhân duyên.

Tướng của pháp như thế nào? Tức pháp có thể thấy tướng v.v...

Thể nơi pháp ra sao? Đó là năm Âm, là chủ thể giữ lấy, có thể giữ lấy. Do năm Âm là thể của Khổ, Tập. Lại nữa, năm Âm là thể của Đạo đế.

Lại có nghĩa khác: Dựa nơi pháp được thuyết giảng mà nói.

Những pháp gì? Tức như danh, cú, tự, thân.

Pháp như thế nào? Tức dựa nơi pháp do Như Lai thuyết giảng.

Pháp tương tự ra sao? Tức chủ thể giáo hóa, có thể giáo hóa chúng sinh.

Tướng của pháp như thế nào? Là dựa nơi âm thanh để giữ lấy, nên dựa nơi âm thanh để giữ lấy pháp ấy.

Thể nơi pháp ra sao? Tức nghĩa giả danh là thể tướng nơi các pháp.

*** Từ đây trở xuống:** Là dựa nơi 3 thứ nghĩa để chỉ rõ:

(1) Nghĩa quyết định.

(2) Nghĩa hồ nghi.

(3) Nghĩa dựa nơi sự việc gì để hồ nghi?

Nghĩa quyết định: Tức có bậc Thanh văn dùng phương tiện chứng đắc pháp sâu xa, tạo tâm quyết định. Hoặc ở trong đạo Thanh văn, đạt được phương tiện chứng đắc Niết-bàn. Như vậy hai thứ pháp chứng đắc là chỉ rõ về pháp hữu vi, vô vi. Như kinh nói: “Bấy giờ, trong đại chúng có các Thanh văn, là bậc A-la-hán dứt sạch các lậu, thứ lớp cho đến: Cũng được pháp này nơi Niết-bàn”.

Nghĩa hồ nghi: Tức chỉ cho hàng Nhị thừa, do không thể nhận biết nên sinh hồ nghi. Như kinh nói: “Nhưng nay không nhận biết chỗ hướng tới của nghĩa ấy”.

Nghĩa dựa nơi sự việc gì để hồ nghi: Tức nghe Đức Như Lai nêu giảng: Giải thoát của hàng Thanh văn cùng với giải thoát của

Phật không khác, do đây sinh nghi. Sinh nghi tức là sinh nghi trong nhân. Sự việc này như thế nào? Ở đây, do Như Lai luôn giảng nói về cảnh giới hết sức sâu xa, trước sau đều nêu giảng hết sức sâu xa, không đồng với Thanh văn, vì thế nên sinh nghi. Như kinh nói: “Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nhận biết về tâm nghi hoặc của bốn chúng, thứ lớp cho đến: Nói kệ v.v...”.

*** Từ đoạn này trở đi:** Là dựa nơi 4 thứ sự việc để nêu bày. **Những gì là bốn?**

1. Tâm quyết định.
2. Nhân nơi thọ ký.
3. Nhận lấy thọ ký.
4. Trao cho thọ ký.

Thế nào là Tâm quyết định? Tức là các người đã sinh sợ hãi thì khiến họ đoạn trừ, vì tạo lợi ích cho hai loại người, do đây Như Lai có tâm quyết định. Những người sợ hãi này có 5 thứ, nên biết:

(1) **Sợ hãi vì tôn giảm:** Nghĩa là các chúng sinh theo Tiểu thừa, lãnh hội âm thanh được nêu giảng, chấp giữ cho là thật, hủy báng cho không có Đại thừa, nói như vậy: “Như Lai nêu giảng nói quả A-la-hán là Niết-bàn rốt ráo. Chúng ta hoàn toàn chọn lấy Niết-bàn như vậy”. Do đó nghe nói A-la-hán không nhập Niết-bàn thì theo đây mà sợ hãi.

(2) **Sợ hãi vì nhiều việc:** Tức chỉ cho chúng sinh nơi Đại thừa, nghe nói đạo Bồ-tát với số lượng kiếp hành trì lâu xa, cùng vô số các thứ hạnh khổ, nên sinh tâm như vậy: “Phật đạo lâu xa! Chúng ta ở trong vô lượng vô biên kiếp hành trì hạnh Bồ-tát phải nhận chịu nhiều khổ cực”. Nghĩ như vậy nên sinh tâm sợ hãi, chọn lấy thừa khác.

(3) **Sợ hãi vì điên đảo:** Nghĩa là tâm phân biệt có ngã, ngã sở, vô số các pháp bất thiện nơi thân kiến, như vậy nên sợ hãi.

(4) *Sợ hãi vì tâm hối tiếc*: Tức như Đại đức Xá-lợi-phất v.v... khởi tâm như vậy: “Ta không nên tu tập, chúng đắc pháp Tiểu thừa như vậy”. Đã có tâm hối tiếc như thế nên tự dừng dứt. Tức tâm hối tiếc ấy gọi là sợ hãi. Nghĩa ấy nên biết.

(5) *Sợ hãi vì dối gạt*: Tức chỉ hàng Thanh văn tăng thượng mạn khởi tâm như vậy: Vì sao Như Lai dối gạt chúng ta? Như thế nên sợ hãi.

Thế nào là Nhân nơi thọ ký? Như kinh nói: “Thôi, thôi! Nay Tôn giả Xá-lợi-phất không nên nói nữa! Nếu nói sự việc ấy thì hết thấy hàng trời, người ở thế gian đều sinh sợ hãi”. Việc nhân nơi thọ ký sinh sợ hãi có 3 thứ nghĩa:

(1) Muốn khiến cho các đại chúng kia tìm cầu cảnh giới sâu xa.

(2) Nhằm khiến cho các đại chúng sinh tâm tôn trọng, hoàn toàn muốn nghe Như Lai thuyết pháp.

(3) Nhằm khiến cho các Thanh văn tăng thượng mạn lìa khỏi pháp tòa, đứng dậy ra đi.

Thưa thỉnh lần hai: Tức chỉ rõ vô lượng chư Phật thời quá khứ đã giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Vô số các chúng hội ấy, thứ lớp cho đến: Nghe Phật thuyết giảng tức có thể kính tin”.

Thưa thỉnh lần ba: Tức chỉ rõ về Phật hiện tại giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Nay trong pháp hội này, ví như chúng ta, thứ lớp cho đến: Suốt trong đêm dài sinh tử luôn được an ổn, đạt nhiều lợi ích”.

Thế nào là Nhân lấy thọ ký? Do như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... muốn được thọ ký. Như kinh nói: “Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Ông đã ba lần thưa thỉnh, Như Lai há không giảng nói? Ông phải nên lắng nghe v.v...”.

Thế nào là Trao cho thọ ký? Có 6 thứ, nên biết:

a. Chưa nghe, khiến nghe.

- b.** Nêu giảng.
- c.** Dựa vào những nghĩa nào?
- d.** Khiến an trụ.
- đ.** Dựa nơi pháp.
- e.** Nhằm ngăn chặn.

Chưa nghe, khiến nghe: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp vi diệu như vậy, chư Phật – Như Lai lúc này mới giảng nói. Như hoa Ưu-đàm-bát v.v...”.

Nêu giảng: Như kinh nói: “Như Lai đã dùng vô số các phương tiện, vô số các thứ nhân duyên, thí dụ, ngôn từ để giảng nói về pháp”. Vô số các thứ nhân duyên tức chỉ cho ba Thừa. Ba Thừa ấy chỉ có danh tự, chương câu, ngôn thuyết, không phải là có thật nghĩa. Do thật nghĩa ấy là không thể nêu bày.

Dựa vào những nghĩa nào? Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật Thế Tôn chỉ do một nhân duyên đại sự nên xuất hiện ở đời”. Một đại sự ấy dựa nơi 4 thứ nghĩa nên biết:

(1) **Nghĩa vô thượng:** Chỉ trừ Như Lai là bậc Nhất thiết trí nhận biết, lại không có sự việc nào khác. Như kinh nói: “Vi nhằm mở bày tri kiến của Phật, khiến chúng sinh nhận biết, đạt được thanh tịnh, nên xuất hiện ở đời”. Tri kiến của Phật: Tức Như Lai có thể chứng đắc, do nhận biết đúng như thật về nghĩa sâu xa kia.

(2) **Nghĩa đồng:** Tức Pháp thân của Phật và Pháp thân của hàng Nhị thừa là bình đẳng. Như kinh nói: “Nhằm chỉ rõ cho chúng sinh về tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời”. Pháp thân bình đẳng: Tức Pháp thân Phật tánh không sai khác.

(3) **Nghĩa không nhận biết:** Do hết thầy hàng Nhị thừa đều không thể nhận biết về nơi chốn chân thật kia. Không nhận biết về nơi chốn chân thật: Tức không nhận biết cứu cánh chỉ là một Phật

thừa. Như kinh nói: “Nhằm khiến cho chúng sinh tỏ ngộ về tri kiến của Phật, nên xuất hiện ở đời”.

(4) *Nghĩa vì khiến chứng đắc quả vị không thoái chuyển*: Tức chỉ rõ là trao cho vô lượng trí nghiệp. Như kinh nói: “Nhằm khiến cho chúng sinh hội nhập nơi tri kiến của Phật nên xuất hiện ở đời”.

Lại còn chỉ rõ: Tức vì các Bồ-tát có tâm nghi, khiến nhận biết đúng như thật để tu tập.

Lại còn tỏ ngộ, hội nhập: Tức người chưa phát tâm Bồ-đề thì khiến phát tâm. Đã phát tâm rồi thì khiến hội nhập nơi pháp.

Lại còn tỏ ngộ: Tức khiến cho chúng sinh ngoại đạo phát sinh giác ngộ.

Lại hội nhập: Là khiến cho người đã đạt được quả Thanh văn hội nhập nơi Đại Bồ-đề.

Khiến an trụ: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, vì các chúng sinh mà thuyết pháp”.

Dựa nơi pháp: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật thời quá khứ đã dùng vô lượng vô số các phương tiện, vô số các thứ thí dụ, nhân duyên, phương tiện niệm quán để thuyết pháp. Pháp ấy đều là một Phật thừa”.

Nói thí dụ: Tức như dựa nơi bò thì có được sữa, lạc, sinh tô, thực tô, đê hồ. Nơi năm vị ấy thì đê hồ là bậc nhất. Tiểu thừa như sữa. Đại thừa như đê hồ. Thí dụ này chính là nêu rõ: Đại thừa là vô thượng. Các hàng Thanh văn cũng đồng với nghĩa vô thượng của Đại thừa.

Thanh văn đồng: Tức chỉ rõ về tánh đồng nơi Pháp thân của chư Phật – Như Lai. Pháp thân của hàng phàm phu, Nhị thừa đều bình đẳng không có sai biệt. Thí dụ này chỉ rõ về nhân duyên, như trước đã nói.

Niệm quán: Tức trong đề của Tiểu thừa, chỉ cho người là vô ngã. Còn trong đề của Đại thừa thì có vô số các thứ quán: Người vô ngã, pháp vô ngã, chân như, pháp giới, thật tế.

Phương tiện: Tức trong Tiểu thừa quán về âm, giới, nhập, chán khổ, lia khổ, đạt giải thoát. Còn trong Đại thừa thì tu tập các pháp Ba-la-mật, dùng bốn Nhiếp pháp để thâm giữ tự thân, tha thân, pháp tạo lợi ích, đối trị.

Nhằm ngăn chặn: Như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong mười phương thế giới hãy còn không có hai Thừa, huống hồ là ba Thừa”.

Không có hai Thừa: Tức không có hai Thừa với đối tượng được chứng đắc là Niết-bàn. Chỉ có Như Lai chứng đắc Đại Bồ-đề, đầy đủ rốt ráo tất cả trí tuệ, gọi là Đại Niết-bàn, chẳng phải là hàng Nhị thừa có pháp Niết-bàn, vì chỉ có một Phật thừa.

Một Phật thừa: Là dựa nơi bốn thứ nghĩa để nói, nên biết.

Như Lai đã dựa nơi sáu thứ ấy để thọ ký, nên trước đã nói: Những pháp gì? Pháp như thế nào? Pháp tương tợ ra sao? Tướng nơi pháp như thế nào? Thể nơi pháp ra sao? Điều chi rõ như thế.

Những pháp gì? Tức pháp chưa từng nghe.

Pháp như thế nào? Tức vô số các thứ ngôn từ, thí dụ để nói rõ.

Pháp tương tợ ra sao? Tức chính là một đại sự.

Tướng nơi pháp như thế nào? Tức là tùy nơi căn trí của chúng sinh mà thuyết giảng các pháp Phật.

Thể nơi pháp ra sao? Tức chỉ có thể của một Thừa. Thể của một Thừa đó là Pháp thân bình đẳng của chư Phật – Như Lai. Hàng Nhị thừa chẳng phải là thể của Pháp thân bình đẳng ấy, do hành quán về nhân quả không đồng.

* **Từ đoạn này trở xuống:** Là Như Lai nêu giảng pháp, vì đoạn trừ 4 thứ tâm nghi. *Những gì là bốn?*

- (1) Nghi: Thuyết giảng vào lúc nào?
- (2) Nghi: Làm sao nhận biết những người kia tặng thượng mạn?
- (3) Nghi: Làm sao để có thể nêu giảng?
- (4) Nghi: Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ?

Thuyết giảng vào lúc nào? Chư Phật – Như Lai vào những thời gian nào, khởi vô số các thứ phương tiện để thuyết pháp? Nhằm đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật – Như Lai xuất hiện ở đời năm trước xấu ác v.v...”.

Làm sao nhận biết những người kia tặng thượng mạn? Như Lai không vì những người tặng thượng mạn mà thuyết pháp. Làm sao để nhận biết những người kia là tặng thượng mạn? Nhằm đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: “Nếu có Tỳ-kheo thật sự chứng đắc A-la-hán mà không tin nơi pháp này, thì không có điều ấy”.

Làm sao để có thể nêu giảng? Theo Phật, nghe pháp mà khởi tâm hủy báng Như Lai, nên là người không thể nhận lấy việc nêu giảng. Làm thế nào để không trở thành hạng người ấy? Nhằm đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: “Chỉ trừ sau khi Phật diệt độ, hoặc hiện tiền không có Phật”.

Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ? Do Như Lai trước giảng nói pháp khác, nay giảng nói pháp khác. Làm sao Như Lai không trở thành vọng ngữ? Nhằm đoạn trừ nghi ấy, như kinh nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các ông phải nên nhất tâm tin hiểu, thọ trì lời Phật giảng nói. Lời nói của chư Phật – Như Lai không hề hư vọng: Không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa”.

Cho đến các đồng tử vui đùa đắp cát làm tháp Phật, những người như vậy đều đã thành tựu Phật đạo: Tức là phát tâm Bồ-đề, hành hạnh Bồ-tát, với mọi căn thiện đã tạo có thể chứng đắc Bồ-đề.

Không phải là các phàm phu và hàng Thanh văn quyết định, xưa nay chưa phát tâm Bồ-đề, có thể đạt được. Như vậy cho đến chỉ mỗi chút cúi đầu cung kính đều cũng như vậy.

Phẩm 3: THÍ DỤ

Kinh nói: “Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

*Sắc vàng ròng, ba hai
Mười lực, các giải thoát
Cùng chung trong một pháp
Nhưng không đạt việc ấy.
Tám mươi thứ vẻ đẹp
Mười tám pháp bất cộng
Các công đức như vậy
Mà con đều đã mất”.*

Giải thích:

* **Kệ này chỉ rõ về nghĩa gì?** Tôn giả Xá-lợi-phất tự chê trách về thân, nói: “Con không thấy chư Phật, không đến trụ xứ của Phật để nghe pháp, không cung kính cúng dường chư Phật, không tạo lợi ích cho chúng sinh, nên đối với pháp chưa được, bị thoái chuyển”. Tôn giả Xá-lợi-phất đã tự chê trách về mình như thế.

Không thấy chư Phật: Tức không thấy tướng đại nhân của chư Phật – Như Lai, nên không sinh tâm cung kính cúng dường.

Đi đến chỗ chư Phật: Là chỉ rõ về diệu lực giáo hóa chúng sinh.

Phóng ra ánh sáng màu vàng ròng: Là chỉ rõ việc thấy tự thân, thân khác của Phật, đạt được vô lượng công đức.

Nghe thuyết pháp: Là có thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Diệu lực: Là chỉ rõ chúng sinh có hồ nghi, tức dựa nơi mười lực để đoạn trừ.

Cúng dường: Tức chỉ rõ về lực dụng giáo hóa chúng sinh.

Mười tám pháp bất cộng: Là chỉ rõ việc xa lìa các chướng ngại.

Cung kính: Chỉ rõ việc làm phát sinh vô lượng phước đức, dựa nơi sự giáo hóa của Như Lai, đạt được giải thoát.

Do người, pháp đều vô ngã, nên tất cả pháp bình đẳng. Vì thế, Tôn giả Xá-lợi-phất tự chê trách về thân, nói: “Con chưa đạt được pháp như vậy, nên đối với pháp chưa được, bị thoái chuyển”.

* *Từ đây trở xuống*: Là nói về 7 thứ chúng sinh tánh gồm đủ phiền não cấu nhiễm. Nói về 7 thứ thí dụ để đối trị 7 thứ tâm tăng thượng mạn. Nghĩa ấy nên biết.

Lại nữa, tiếp theo là nói về 3 thứ nhiễm mạn nơi ba thứ người không phiền não, là các thứ nhiễm mạn như kiến chấp về Tam-muội, giải thoát. Đối trị điều này nên nói về 3 thứ bình đẳng. Nghĩa ấy nên biết.

Những gì là 7 thứ chúng sinh tánh gồm đủ phiền não cấu nhiễm?

- (1) Người cầu đạt thế lực.
- (2) Người cầu đạt Thanh văn giải thoát.
- (3) Người cầu Đại thừa.
- (4) Người có định.
- (5) Người không định.
- (6) Người tích tập công đức.
- (7) Người không tích tập công đức.

Những gì là 7 thứ tâm tăng thượng mạn? Thế nào là 7 thứ thí dụ để đối trị?

(1) *Tâm tăng thượng mạn, điên đảo cầu các công đức*: Nghĩa là trong thế gian, các thứ phiền não càng tăng thượng dữ dội, mà cầu

đạt quả báo hữu lậu nơi cảnh giới thắng diệu của hàng trời, người. Đối trị điều này nên nói thí dụ về nhà lửa.

(2) *Tâm tăng thượng mạn của hàng Thanh văn hoàn toàn quyết định*: Tự nói thừa mình cùng với thừa của Như Lai không có sai biệt, lại chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này nên nói thí dụ về người con nghèo khổ.

(3) *Tâm tăng thượng mạn của hàng Đại thừa hoàn toàn quyết định*: Khởi ý cho là không có sai biệt với hàng Nhị thừa, lại chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này nên nói thí dụ về mây, mưa.

(4) *Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật không mà cho là có*: Do nơi thế gian có kẻ hành Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thật không có Niết-bàn mà sinh tưởng về Niết-bàn, lại chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị việc này nên nói thí dụ về hóa thành.

(5) *Tâm tăng thượng mạn của kẻ tán loạn*: Thật sự không có định. Quá khứ tuy có căn thiện Đại thừa nhưng không nhận biết. Do không nhận biết nên không cầu đạt Đại thừa. Nơi tâm hẹp kém, sinh sự hiểu biết hư vọng cho là đệ nhất thừa, lại chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này nên nói thí dụ về ngọc báu buộc giấu kỹ.

(6) *Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật có công đức*: Nghe pháp Đại thừa cho là không phải Đại thừa, rồi chấp giữ điên đảo như vậy. Đối trị điều này nên nói thí dụ về Luân vương cỡi búi tóc của mình, trong ấy có ngọc minh châu và ban cho.

(7) *Tâm tăng thượng mạn của kẻ thật sự không có công đức*: Đối với đệ nhất thừa chẳng từng tích tập các căn thiện. Nghe giảng nói về đệ nhất thừa, tâm không cho đây là đệ nhất thừa, lại chấp giữ điên đảo như thế. Đối trị điều này nên nói thí dụ về y sư.

Ngươi thứ nhất: Do trong thế gian với vô số các thứ Tam-muội, căn thiện, công đức, phương tiện khiến đạt hoan hỷ, sau đây khiến nhập Niết-bàn. *Ngươi thứ hai*: Do lấy ba làm một nên khiến nhập nơi

Đại thừa. *Người thứ ba*: Khiến nhận biết về vô số các thừa, chư Phật – Như Lai bình đẳng thuyết pháp, tùy theo chủng tử nơi căn thiện của các chúng sinh làm sinh khởi mầm. *Người thứ tư*: Dùng phương tiện khiến nhập thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn: Đó là các thành Tam-muội, Thiền định. Vượt qua các thành ấy rồi, sau đó khiến nhập nơi thành Đại Niết-bàn. *Người thứ năm*: Chỉ rõ về các căn thiện hiện có nơi đời quá khứ, khiến nhớ nghĩ, sau đây mới chỉ dạy khiến nhập nơi Tam-muội. *Người thứ sáu*: Giảng nói về pháp Đại thừa, cho pháp môn ấy đồng với mười Địa, hành trì viên mãn, được chư Phật – Như Lai mật trao thọ ký. *Người thứ bảy*: Căn chưa thuần thực nên khiến thuần thực, chỉ rõ việc đạt được lượng Niết-bàn như thế.

Do ý nghĩa ấy, nên Đức Như Lai nói về 7 thứ thí dụ.

Thế nào gọi là 3 thứ nhiễm mạn nơi ba thứ người không phiền não? Đó là 3 thứ tin điên đảo. *Những gì là ba?*

- (1) Tin nơi các thứ thừa khác.
- (2) Tin thế gian, Niết-bàn khác nhau.
- (3) Tin thân đây, kia khác nhau.

Vì đối trị 3 thứ nhiễm mạn này, nên nói về 3 thứ bình đẳng.

Thế nào gọi là 3 thứ bình đẳng? Đối trị ra sao?

(1) *Thừa bình đẳng*: Tức cùng với Thanh văn thọ ký Bồ-đề. Do chỉ có Đại thừa, không có hai Thừa.

(2) *Thế gian, Niết-bàn bình đẳng*: Do Như Lai Đa Bảo nhập Niết-bàn, nên thế gian, Niết-bàn đây kia đều bình đẳng.

(3) *Thân bình đẳng*: Như Lai Đa Bảo đã nhập Niết-bàn, lại thị hiện về Pháp thân của tự thân, tha thân đều bình đẳng không sai biệt.

Như vậy, ba thứ người không phiền não, do tâm nhiễm mạn nên thấy thân có đây kia với chỗ tạo tác sai biệt, không biết là Pháp thân, Phật tánh của đây kia thấy đều bình đẳng. Nghĩa là, tức như người

kia, cho là ta đã chứng đắc pháp này, còn người kia không đạt được. Đồi trĩ điều ấy, nên cùng với các Thanh văn thọ ký, nên biết.

Hỏi: Các Thanh văn kia là thật sự thành Phật nên được thọ ký, hay là không thành Phật mà được thọ ký? Nếu thật sự thành Phật thì do đâu các Bồ-tát phải ở trong vô lượng kiếp tu tập vô lượng các thứ công đức? Nếu Thanh văn không thành Phật thì vì sao lại trao cho thọ ký hư vọng?

Đáp: Các Thanh văn kia cùng được thọ ký: Tức đạt được tâm quyết định, chẳng phải cho là Thanh văn đã thành tựu pháp tánh, nên Như Lai dựa vào ba thứ bình đẳng kia mà nói về pháp Nhất thừa. Do Pháp thân của Phật, Pháp thân của Thanh văn bình đẳng không khác nên cùng thọ ký, chẳng phải cho là đã tu hành đầy đủ công đức. Do đó, Bồ-tát thì công đức đầy đủ, còn các Thanh văn thì công đức chưa đầy đủ.

Thọ ký: Tức chỉ rõ về sáu nơi chốn: Năm là Phật ký, một là Bồ-tát ký.

Như Lai ký: Tức như Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Ca-diếp v.v... nhiều người đều biết, danh hiệu không đồng, nên riêng trao thọ ký. Năm trăm người như Tôn giả Phú-lâu-na v.v..., một ngàn hai trăm người cùng đồng một danh hiệu nên cùng lúc được thọ ký. Các bậc Hữu học, Vô học v.v... đều đồng một hiệu. Lại còn các vị, chẳng phải là hàng được nhiều người biết đến, nên cùng lúc được thọ ký.

Thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa: Chỉ rõ Như Lai không có oán ác.

Thọ ký cho Tỳ-kheo-ni cùng các Thiên nữ: Chỉ rõ về nữ nhân, tại gia, xuất gia, tu hạnh Bồ-tát, đều chứng đắc quả vị Phật nên cùng được thọ ký.

Bồ-tát ký: Như nơi phần sau, trong phẩm Bồ-tát Bất Khinh sẽ chỉ rõ, nên biết. Bồ-tát ấy luôn lễ bái tán thán, nói như vậy: “Tôi không dám khinh các ông. Các ông đều sẽ được làm Phật”. *Các ông đều sẽ được làm Phật:* Tức chỉ rõ chúng sinh đều có Phật tánh.

Thanh văn được thọ ký: Thanh văn có 4 thứ:

- (1) Thanh văn quyết định.
- (2) Thanh văn tăng thượng mạn.
- (3) Thanh văn thoái tâm Bồ-đề.
- (4) Thanh văn ứng hóa.

Hai loại Thanh văn được Như Lai thọ ký là Thanh văn ứng hóa và Thanh văn thoái chuyển đã phát tâm Bồ-đề trở lại. Còn hai loại kia, căn chưa thuần thực nên Như Lai không thọ ký.

Bồ-tát được thọ ký: Tức dùng phương tiện để khiến phát tâm Bồ-đề. Lại dựa nơi nghĩa nào, Như Lai nói ba Thừa gọi là một Thừa? Tức dựa nơi nghĩa đồng nên thọ ký cho các Thanh văn đạo quả Đại Bồ-đề.

Nghĩa đồng: Do Pháp thân của Phật, Pháp thân của Thanh văn, đây kia đều bình đẳng không sai biệt. Do các thừa của hàng Nhị thừa không đồng nên có sai biệt. Do hai Thừa ấy không phải là Đại thừa, nên Như Lai nói “Không lìa ngã thân là nghĩa vô thượng”. Nơi pháp của hai Thừa kia không nêu bày về nghĩa ấy, do người của hai Thừa không thể lãnh hội đúng như thật. Vì ý nghĩa đó, nên các Bồ-tát hành trì hạnh Bồ-tát không phải là hư vọng.

Nghĩa vô thượng: Tự nơi phần kinh văn khác đã nêu rõ về nghĩa vô thượng. Nghĩa vô thượng lược có mười thứ, nghĩa này nên biết. *Những gì là mười?*

(1) *Chỉ rõ về chúng tử vô thượng:* Nên nói thí dụ về mưa. Nẻo hành hóa của các ông là đạo Bồ-tát. Tức phát tâm Bồ-đề, thoái chuyển rồi trở lại phát tâm, chỗ căn thiện được tu tập ở trước không mất, cùng với phần sau đạt được quả.

(2) *Chỉ rõ về hành vô thượng:* Nên nói về bản sự của Đức Như Lai Đại Thông Trí Thắng.

(3) *Chỉ rõ về diệu lực tăng trưởng vô thượng*: Nên nói thí dụ về thương chủ.

(4) *Chỉ rõ về chỗ khiến hiểu biết vô thượng*: Nên nói thí dụ về ngọc báu được buộc giấu.

(5) *Chỉ rõ về cõi nước thanh tịnh vô thượng*: Nên thị hiện tháp của Như Lai Đa Bảo.

(6) *Chỉ rõ về sự thuyết giảng vô thượng*: Nên nói thí dụ về ngọc minh châu nơi búi tóc.

(7) *Chỉ rõ về việc giáo hóa chúng sinh là vô thượng*: Nên từ trong đất vọt lên vô lượng Đại Bồ-tát.

(8) *Chỉ rõ về việc thành tựu Đại Bồ-đề Vô thượng*: Nên chỉ rõ về 3 thứ Bồ-đề của Phật:

Chỉ rõ về Bồ-đề của Phật ứng hóa: Tùy chỗ nên thấy, theo đó mà thị hiện. Như kinh nói: “Đều cho là Như Lai từ nơi cung điện của giòng họ Thích ra đi, cách thành Già Da không xa, an tọa nơi đạo tràng, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng”.

Chỉ rõ về Bồ-đề của Phật báo thân: Mười Địa hành hóa gồm đủ, chứng đắc Niết-bàn thường tại. Như kinh nói: “Này thiện nam! Ta thật sự thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp”.

Chỉ rõ về Bồ-đề của Phật pháp thân: Tức là Như Lai tạng, Niết-bàn tánh tịnh, thường hằng, mát mẻ, không biến đổi. Như kinh nói: “Như Lai thấy biết đúng như thật về tướng của ba cõi thứ lớp cho đến: Chẳng như nơi ba cõi thấy về ba cõi”.

Tướng của ba cõi: Nghĩa là cảnh giới của chúng sinh tức là cảnh giới của Niết-bàn. Không lìa cảnh giới của chúng sinh để có Như Lai tạng.

Không có sinh tử, hoặc thoái chuyển hoặc ra khỏi: Tức nghĩa thường hằng, thanh tịnh, không biến đổi.

Cũng không tại thế hoặc diệt độ: Nghĩa là thể của chân như, của Như Lai tạng, chẳng tức là cảnh giới của chúng sinh, chẳng lìa cảnh giới của chúng sinh.

Chẳng phải là thật, chẳng phải là hư, chẳng phải là như, chẳng phải là khác: Tức là lìa bốn thứ tướng. Có bốn thứ tướng: Là vô thường v.v...

Chẳng như ba cõi thấy biết về ba cõi: Tức chỉ Phật – Như Lai có thể thấy, có thể chứng đắc về chân như, Pháp thân, hàng phàm phu không thể thấy biết. Do đó, kinh nói: “Như Lai luôn thấy rõ, không có nhầm lẫn”.

Ta từ xưa hành đạo Bồ-tát, nay cũng chưa đầy đủ: Là do bản nguyện. Cảnh giới của chúng sinh chưa hết thì nguyện không trọn vẹn. Nói chưa đầy đủ, chẳng phải cho là Bồ-đề không đầy đủ.

Chỗ thành tựu về thọ mạng, số lượng lại tăng gấp bội: Câu văn này chỉ rõ về thọ mạng của Như Lai thường có phương tiện thiện xảo, hiển bày nhiều số lượng. Vượt quá số lượng trên là không thể tính biết.

Tịnh độ của Ta không bị hủy hoại mà nhiều kẻ thấy cháy hết: Tức chỉ cõi tịnh chân thật của Phật – Như Lai nơi báo thân, thuộc về đệ nhất nghĩa đế.

(9) *Chỉ rõ về Niết-bàn vô thượng:* Nên nói thí dụ về y sư.

(10) *Chỉ rõ về diệu lực thù thắng vô thượng:* Tự nơi phần kinh văn khác đã nêu rõ, nên biết.

Tháp của Như Lai Đa Bảo hiển bày tất cả cõi Phật thanh tịnh: Tức chỉ rõ về cảnh giới thật tướng của chư Phật, trong ấy có đủ thứ loại báu xen kẽ, tạo vẻ trang nghiêm. Sự thị hiện có 8:

- (1) Tháp.
- (2) Lượng.
- (3) Lượng nêu.
- (4) Trụ trì.
- (5) Thị hiện vô lượng Phật.
- (6) Xa lia ướ tập.
- (7) Nhiều báu.
- (8) Đồng an tọa nơi một tháp.

Tháp: Là chỉ rõ về Xá-lợi trụ trì của Như Lai.

Lượng: Là theo phương tiện thị hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm, sinh từ căn thiện vô lậu xuất thế gian, không phải từ căn thiện hữu lậu nơi thế gian sinh ra.

Lượng nêu: Tức chỉ rõ về thân Phật Đa Bảo, một thể, thâm giữ tất cả Pháp thân của chư Phật.

Trụ trì: Là chỉ rõ về diệu lực tự tại nơi Pháp thân của chư Phật – Như Lai.

Thị hiện vô lượng Phật: Tức chỉ rõ về chỗ tạo các nghiệp nơi đây kia không sai biệt.

Xa lia ướ tập: Tức chỉ rõ các cõi nước của chư Phật đều bình đẳng, thanh tịnh.

Nhiều báu: Là chỉ rõ hết thảy cõi nước của chư Phật đồng tánh báu.

Cùng an tọa nơi một tháp: Tức chỉ rõ về Phật biến hóa, không phải Phật ứng hóa, Phật pháp thân, Phật báo thân, đều nhằm thành tựu đại sự.

*** Từ đây trở xuống**: Là chỉ rõ về *lực pháp, lực trì, lực tu hành*, nên biết.

Lược pháp: Tức chỉ rõ về 5 môn:

- (1) Chứng đắc.
- (2) Tin tưởng.
- (3) Cúng dường.
- (4) Nghe pháp.
- (5) Đọc tụng, thọ trì, nêu giảng.

Nơi phẩm Bò-tát Di-lặc chỉ rõ về *bốn môn*. Trong phẩm Bò-tát Thường Tinh Tấn chỉ rõ về *một môn*.

Bốn pháp môn trong phẩm Bò-tát Di-lặc: Môn chứng đắc: Như kinh nói: “Ta nói Đức Như Lai ấy thọ mạng dài lâu. Khi đó có sáu trăm tám mươi vạn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh đạt được pháp Nhẫn vô sinh”. Ở đây, *nói pháp nhẫn vô sinh:* Tức là chứng đắc trí của Địa thứ nhất. *Tám đời cho đến một đời, chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng:* Tức là chứng đắc pháp Bồ-đề của Địa thứ nhất. *Tám đời, một đời:* Tức các hàng phàm phu quyết định có thể chứng đắc Địa thứ nhất, tùy theo lực, tùy nơi phần, tám đời cho đến một đời đều chứng đắc Địa thứ nhất. *Nói Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng:* Tức do lià phần đoạn sinh tử nơi ba cõi, tùy theo phần có thể thấy rõ về pháp tánh, chân như, gọi là đạt được Bồ-đề, không phải cho là Niết-bàn phương tiện của Như Lai đã hoàn toàn đầy đủ.

Môn tin tưởng: Như kinh nói: “Lại có các chúng sinh nhiều như số vi trần trong tám thế giới đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng”.

Môn cúng dường: Như kinh nói: “Khi các Đại Bò-tát ấy đạt được lợi ích của pháp lớn, ở trong hư không mưa xuống hoa Mạn-đà-la v.v...”.

Môn nghe pháp: Như nơi phẩm Tùy Hỷ đã nêu.

Một pháp môn nơi phẩm Bồ-tát Thường Tinh Tấn: Tức môn thứ năm: Đọc tụng, thọ trì, nêu giảng, biên chép, đạt được sáu căn thanh tịnh. Như kinh nói: “Nếu thiện nam, thiện nữ, thọ trì kinh Pháp Hoa, hoặc đọc tụng, giải thích, nêu giảng, biên chép, thì người ấy sẽ đạt được tám trăm mắt công đức, thứ lớp cho đến một ngàn hai trăm ý công đức”. Ở đây:

Đạt được sáu căn thanh tịnh: Tức chỉ cho các phẩm phụ, do diệu lực của kinh này nên đạt được lực dụng của thắng căn, chưa nhập vào chánh vị của Bồ-tát Địa thứ nhất. Như kinh nói: “Nhục nhãn do cha mẹ sinh ra được thanh tịnh, thấy khắp ba ngàn đại thiên thế giới v.v...”.

Lại nữa, sáu căn thanh tịnh: Tức ở trong mỗi mỗi căn đều có thể đạt đầy đủ về thấy sắc, nghe tiếng, phân biệt mùi vị, rõ xúc, biết pháp. Các căn cùng hiển bày lực dụng, nghĩa ấy nên biết.

Đối tượng nhận thấy của mắt: Tức người hương có thể nhận biết. Như kinh nói: “Thích-đề-hoàn-nhân ở nơi thắng điện, vui thích với năm dục, cho đến thuyết pháp v.v...”.

Người hương nhận biết: Đây là nhận biết về cảnh, dùng tỷ căn để nhận biết.

Lực trì: Có ba thứ pháp môn chỉ rõ về lực trì, như nơi các phẩm Pháp Sư, phẩm An Lạc Hạnh, phẩm Khuyến Trì cùng nêu bày rộng, như phần kinh nói về lực pháp, nên biết. Tâm ấy quyết định nhận biết về nước tất gần: Tức thọ trì kinh này đạt được Phật tánh nơi nước, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Lực tu hành: Chỉ rõ về 5 môn:

- (1) Lực nêu giảng.
- (2) Lực hành khổ hạnh.
- (3) Lực hộ trì chúng sinh nơi các nạn.

(4) Lực công đức thù thắng.

(5) Lực hộ trì chánh pháp.

Lực nêu giảng: Có ba pháp môn, nơi phẩm Thần Lực đã chỉ rõ: Hiện bày tướng lưỡi dài rộng, khiến nhớ nghĩ. Dùng âm thanh khe khẽ để nói kệ, khiến nghe, nghe rồi thì tu hành đúng như thật, không buông lung. Dùng âm thanh búng ngón tay để làm thức tỉnh chúng sinh, khiến người tu hành đạt được giác ngộ.

Lực hành khổ hạnh: Như nơi phẩm Bồ-tát Dược Vương chỉ rõ. Lại nữa, lực hành khổ hạnh: Như nơi phẩm Bồ-tát Diệu Âm chỉ rõ việc giáo hóa chúng sinh.

Lực hộ trì chúng sinh nơi các nạn: Như nơi các phẩm Bồ-tát Quan Thế Âm, phẩm Đà-la-ni đã chỉ rõ

Lực công đức thù thắng: Như nơi phẩm Diệu Trang Nghiêm chỉ rõ: Hai đồng tử dựa vào các căn thiện nơi công đức đời quá khứ nên có được diệu lực như vậy.

Lực hộ trì chánh pháp: Như nơi các phẩm Bồ-tát Phổ Hiền và phẩm sau đã chỉ rõ.

Lại nói: Thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quan Thế Âm cùng với việc thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, thì phước đức như nhau: Có 2 thứ nghĩa:

(1) Diệu lực tin tưởng.

(2) Nhận biết rốt ráo.

Diệu lực tin tưởng: Có 2 thứ: (a) Cầu thân mình như thân Bồ-tát Quan Thế Âm không khác, hoàn toàn tin tưởng. (b) Sinh tâm cung kính. Như công đức của Bồ-tát, mình cũng hoàn toàn đạt được như vậy.

Nhận biết rốt ráo: Tức có thể quyết định nhận biết về pháp giới.

Pháp giới: Tức gọi là pháp tánh.

Pháp tánh: Là Pháp thân bình đẳng của tất cả chư Phật, Bồ-tát.

Pháp thân bình đẳng: Là Pháp thân nơi chân như, Bồ-tát ở Địa thứ nhất mới chứng nhập. Do đó, thọ trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, tức có thể thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quan Thế Âm, chỗ công đức đạt được không sai khác.

Phẩm thứ nhất: Mở Đầu: Là chỉ rõ về bảy thứ công đức thành tựu. *Phẩm thứ hai:* Phương Tiện: Tức có năm phần chỉ rõ, mở ra hai, biện minh một. *Các phẩm khác:* Như vừa nêu bày, để lãnh hội.

HẾT

SỐ 1521/17
 LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

Tác giả: Bồ tát Long Thọ.

Hán dịch: Đồi Hậu Tần, Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập.

Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.

QUYỂN 1

Phẩm 1: MỞ ĐẦU

***Kính lạy hết thầy Phật
 Cùng đạo lớn vô thượng
 Và các chúng Bồ-tát
 Tâm vững trụ mười Địa.
 Thanh văn, Phật-bích-chi
 Không có ngã, ngã sở
 Nay giải nghĩa mười Địa
 Tùy thuận Phật giảng nói.***

Hỏi: Vì nhân duyên gì khiến ông nói là muốn giải thích về nghĩa **mười Địa** của Bồ-tát?

Đáp: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, A-tu-la, là sáu nẻo hiểm nạn, gây nhiều sợ hãi. Hết thầy chúng sinh nơi các nẻo ấy cứ trôi nổi trong biển cả sinh tử, tùy theo nghiệp mình gây tạo nên mãi lặn hụp nơi vô số lớp sóng đó. Bao nước mắt đã chảy, bao giọt sữa đã tuôn, bao mồ hôi, máu mủ tanh nồng là những khối

nước uế tạp đáng chán. Những chứng bệnh hủi, hói, gầy còm, thổ huyết, mụn lở loét nơi tay chân, ung nhọt, do khí nóng xông lên làm ói mửa, sinh trướng. Các thứ bệnh tật xấu ác như thế chính là đám quỷ La-sát quái ác. Buồn khổ là những thứ nước luôn khuấy động. Khóc than kêu gào là âm thanh của muôn ngàn đợt sóng dữ. Các thứ khổ não thọ nhận chính là tảng đá Ốc tiêu nơi đáy biển sâu. Chết chóc là bờ dốc cao, không ai có thể vượt qua. Kiết sử, phiền não, nghiệp hữu lậu là những cơn gió lốc bất định. Bốn thứ điên đảo là những đôi gậy. Ngu si, vô minh là vùng tối tăm rộng lớn. Theo nghiệp ái nên hàng phàm phu luôn bước đi trong ấy, từ vô thủy đến nay, cứ như vậy mà quanh quẩn nơi biển cả sống chết, chưa từng đến được bờ giác. Ai đạt tới bờ kia thì phải vận dụng mọi khả năng để cứu độ vô lượng chúng sinh. Do nhân duyên ấy nên nói về nghĩa **mười Địa** của Bồ-tát.

Hỏi: Nếu người không có khả năng tu hành **mười Địa** của Bồ-tát thì không thể vượt khỏi biển cả sinh tử chăng?

Đáp: Nếu người tu tập theo thừa Thanh văn, thừa Phật-bích-chi, thì cũng vượt qua được biển sinh tử. Nếu người muốn dùng Đại thừa vô thượng để vượt qua biển lớn sinh tử thì phải tu hành đầy đủ **mười Địa**.

Hỏi: Tu tập theo hai thừa Thanh văn, Phật-bích-chi, thì trong bao lâu có thể vượt qua biển cả sinh tử?

Đáp: Tu tập theo thừa Thanh văn thì một đời là thoát khỏi, hoặc hai đời, có khi hơn số đó, tùy căn trí lợi độn, lại còn do nhân duyên tu hành từ đời trước. Tu tập theo thừa Phật-bích-chi thì bảy đời là vượt khỏi, hoặc tám đời mới vượt qua. Nếu tu tập theo Đại thừa thì phải trải qua một Hằng hà sa đại kiếp, hoặc hai, ba, cho đến mười trăm ngàn vạn đời, hoặc hơn số đó, sau đây mới tu hành đầy đủ **mười Địa** của Bồ-tát thành tựu Phật đạo, cũng tùy theo căn trí lanh hay chậm và nhân duyên tu hành từ đời trước.

Hỏi: Phật, Thanh văn và Phật-bích-chi cùng đến bờ bên kia, đối với sự giải thoát có gì khác nhau?

Đáp: Việc này cần phải phân biệt. Giải thoát khỏi phiền não thì không có gì khác nhau, nhân nơi giải thoát này, nhập Niết-bàn vô dư, trong đó cũng không khác nhau, vì không có tướng. Chỉ chư Phật với thiền định thâm diệu, giải thoát khỏi các chướng, thì hết thấy các thứ ngăn ngại đều được giải thoát, là khác biệt đối với Thanh văn, Phật-bích-chi, không thể giải thích hết bằng lời, cũng không thể lấy ví dụ để so sánh.

Hỏi: Cái học của ba Thừa đều là đạt đến Niết-bàn vô dư, nếu trong Niết-bàn vô dư không có sai khác, thì chúng ta đâu cần phải qua lại trong Hằng hà sa đại kiếp nơi sinh tử để hành trì đầy đủ hạnh tu của *mười Địa*. Chi bằng theo thừa của Thanh văn, Phật-bích-chi để mau chóng diệt trừ các khổ não?

Đáp: Lời ấy có tính chất yếu kém, không phải là lời nói của tâm đại bi tạo lợi ích. Nếu các Bồ-tát hành theo tâm nhỏ hẹp không có tâm từ bi, thì không thể tinh tấn tu tập *mười Địa*. Như thế, hàng Thanh văn, Phật-bích-chi cũng không do đâu mà được độ thoát, cũng lại không có ba Thừa khác nhau. Vì sao? Vì tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đều phát sinh từ Phật, nếu không có chư Phật thì do đâu mà có hai Thừa kia? Nếu không tu *mười Địa* thì làm sao có chư Phật? Nếu không có chư Phật thì cũng không có Pháp, Tăng. Cho nên những gì ông nêu ở trên rõ là làm dứt mất hạt giống Tam bảo, không phải lời nói của bậc Đại nhân có trí tuệ, do vậy không chấp nhận được. Vì sao? Vì nơi thế gian có đến 4 hạng người:

1. Tự lợi.
2. Lợi tha.
3. Gồm cả tự lợi và lợi tha.
4. Không tự lợi và lợi tha.

Trong ấy, hạng thứ ba như trên là có khả năng thực hành từ bi đem lợi ích cho người khác, đáng gọi là bậc Thượng nhân. Như kệ nói:

*Thế gian đáng xót thương
 Thường chỉ vì lợi mình
 Dốc lòng tìm giàu, vui
 Rơi vào lưới tà kiến.
 Luôn lo sợ chết chóc
 Trôi lăn trong sáu đường
 Các Bồ-tát đại bi
 Thực hành việc hy hữu.
 Chúng sinh đến lúc chết
 Không ai cứu hộ được
 Chìm sâu trong tối tăm
 Lưới phiền não buộc kín.
 Nếu người phát khởi nguyện
 Tâm đại bi hiện hành
 Gánh vác khổ chúng sinh
 Trách nhiệm nặng vì họ.
 Nếu người tâm quyết định
 Riêng nhận chịu khổ nhọc
 Đạt được quả an ổn
 Cho hết thầy cùng hưởng.
 Được chư Phật khen ngợi
 Người tối thượng bậc nhất
 Cũng là hàng ít có
 Kho tàng lớn công đức.
 Người thế gian thường nói:
 Nhà không sinh con hư
 Chỉ thành đạt lợi mình
 Không giúp ích cho ai.*

Nếu sinh làm trai thiện
 Siêng giúp ích nhiều người
 Thì như vàng trắng tròn
 Chiếu sáng tất cả nhà.
 Người có nhiều phước đức
 Do nhiều thứ nhân duyên
 Lợi ích như biển cả
 Lại cũng như đại địa.
 Không cầu ở thế gian
 Vì từ bi nên trụ
 Người sống vậy là quý
 Là thọ mạng bậc nhất.

Như thế, Thanh văn, Phật-bích-chi, đối với Phật về việc giải thoát khỏi phiền não tuy không sai khác, nhưng có khác biệt lớn, đó là phải trụ lâu trong sinh tử để cứu độ vô lượng chúng sinh, tạo nhiều lợi ích, tu tập đầy đủ *mười Địa* của Bồ-tát.

Hỏi: Phật luôn có đại bi, ông là đệ tử thường xưng tán Phật có tâm thương xót chúng sinh. Nếu quả như lời ông nói, thì ông hãy dùng những nhân duyên nào để phân biệt làm sáng tỏ, nhằm khai ngộ, dắt dẫn. Người thực hành từ bi nếu được nghe ông giảng thì tâm họ thanh tịnh, tôi cũng thấy vui thích. Vậy trước hết, kệ ông nói về nghĩa của *mười Địa* (8 câu kệ ở đầu Luận), ông hãy giải thích?

Đáp: Kính (kệ): Là tâm cung kính.

Lay (kệ): Là cú mình tiếp xúc với chân.

Hết thấy Phật (kệ): Là chư Phật khắp mười phương trong ba đời.

Cùng đạo lớn vô thượng (kệ): Là tất cả các pháp đều thấy biết như thật, thông suốt, không sót. Lại không có gì hơn, nên nói là vô thượng. Vì là đạo của bậc Đại nhân tu hành nên gọi đạo lớn.

Và các chúng Bồ-tát (kệ): Là những vị vi đạo vô thượng mà phát tâm hành trì nên gọi là Bồ-tát.

Hỏi: Chỉ có phát tâm là thành Bồ-tát chăng?

Đáp: Không phải chỉ có phát tâm mà được gọi là Bồ-tát. Nếu người phát tâm tất có thể thành tựu đạo vô thượng mới được gọi là Bồ-tát. Hoặc có người chỉ phát tâm cũng được gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì nếu lìa phát tâm ban đầu thì không thể thành tựu đạo vô thượng. Như Đại kinh nói: “Ai mới phát tâm cũng được gọi là Bồ-tát, cũng như Tỳ-kheo dù chưa chứng đạo, cũng được gọi là Đạo nhân”. Đó là *Bồ-tát danh tự* để dần dần tu tập chuyển thành pháp chân thật. Trong phần sau giải thích về Địa Hoan Hỷ sẽ nói rộng về tướng như thật nơi Bồ-tát.

Chúng (kệ): Là từ buổi phát tâm đầu tiên cho đến khi đạt đạo giải thoát kim cương vô ngại, trong thời gian ấy, gồm đủ các Bồ-tát quá khứ, hiện tại, vị lai, nên gọi là chúng Bồ-tát.

Tâm vững (kệ): Là tâm như núi chúa Tu-di, không thể hư hoại được, cũng như đại địa này không thể bị nghiêng động.

Trụ mười Địa (kệ): Là mười Địa, như Địa Hoan Hỷ v.v... Phần sau sẽ nói rộng.

Hỏi: Bồ-tát lại còn có các công đức thù thắng, vì sao chỉ khen ngợi tâm vững chắc?

Đáp: Bồ-tát phải có công đức nơi tâm vững chắc mới có khả năng thành tựu sự nghiệp lớn (Đại thừa), không rơi vào hàng Nhị thừa, là hạng tâm nguyện vốn yếu kém, sợ hãi sinh tử, tự nghĩ: “Vì sao phải ở lâu trong sinh tử chịu bao khổ não không bằng mau duyên vào hai thừa Thanh văn, Phật-bích-chi diệt hết các khổ”. Hơn nữa tâm yếu kém là những kẻ đối với các thứ địa ngục, như địa ngục Đẳng hoạt, địa ngục Hắc đẳng, địa ngục Chúng hợp, địa ngục Khiếu hoán, địa ngục Đại Khiếu hoán, địa ngục Thiêu chá, địa ngục Đại Thiêu chá, địa ngục Vô gián, và những địa ngục quyền thuộc như:

Địa ngục lửa đốt thành tro bụi, địa ngục phân sôi, địa ngục rừng cháy, địa ngục máng gươm trên cây, địa ngục có đường đi dắt toàn dao, địa ngục cột đồng cháy, địa ngục bị mũi nhọn đâm chích, địa ngục sông muối. Hết thảy các địa ngục ấy đều được sắp đầy những dụng cụ như búa sắt, dao nhọn, kích nhọn, cung tên sắt, chày vồ, gậy sắt, chuông sắt, lưỡi cày bằng sắt, khiên giáo, cốt chày, bánh xe đều bằng sắt, tất cả dụng cụ ấy dùng để tra khảo tội nhân, như: chém, chặt, cắt, đâm, đánh đập, lột da, lóc thịt, xiềng cùm, đốt cháy, luộc nấu, tra tấn bằng roi sắt, máy nghiền nát, đánh đâm thân thể tội nhân cho nhừ ra. Những thú dữ như: chồn, chó, cọp, sói, sư tử tranh nhau đến cắn xé thân thể ấy. Ở trên thì cú, quạ, kên kên sắt bay đến mổ rĩa, cắn ăn các thân tội nhân đó. Những nơi khác, quỷ ác dồn đuổi tội nhân, buộc phải chạy qua rừng cây đầy kiếm, trên dưới đều là núi lửa bốc cháy, cho bánh xe lửa cán ngang cổ, rồi cầm gậy sắt nóng đỏ để quạt ngã. Hoặc lấy cả ngàn cây đinh đóng vào tội nhân, hoặc dùng dao cắt gọt, nạo lưỡi, cắt lưỡi, lùa cả đám vào hỏa ngục tối tăm, khi thân thể tội nhân nát nhừ rồi đem giam vào chỗ hôi thối. Ở đây, thân thể tội nhân bị đặt lên những vỉ sắt nóng bao quanh, còn bị lột da lóc thịt, tay chân bị trói chặt, quăng vào vạc nước sôi để luộc nấu. Những quả tạ sắt liên tục ném vào đầu tội nhân, khiến não vỡ tung, mắt lòi ra. Thân họ phải đeo những vòng sắt nóng, với sức nóng dữ dội, máu tuôn ra lai láng. Hoặc có tội nhân phải lặn xuống sông đầy phân thối, hoặc phải đi trên đường tua tua dao kiếm, những dao kiếm bên trên ấy tự nhiên rớt xuống như mưa, như ngựa phóng nhanh, lao vào chém đứt thân thể và tứ chi. Có con sông gồm đủ nước chua, cay, mặn, hôi thối, những kẻ bị quăng xuống đó, thân thể nứt ra rồi rệu rã, chỉ còn tro bộ xương. Đám ngục tốt vớt những bộ xương ấy ra rồi kéo lê, giẫm đạp lên v.v... Những nỗi thống khổ ấy là không cùng tận, tội nhân cứ phải sống rất lâu ở đó để nhận chịu, muốn chết lại không được. Nếu nghe thấy những việc hãi hùng ấy, ai lại không sợ hãi, cầu mong tu tập theo thừa của Thanh văn, Phật-bích-chi?

Lại nữa, còn có địa ngục Băng giá, địa ngục Át-phù-đa, địa ngục Ni-la-phù-đà, địa ngục A-ba-ba, địa ngục A-la-la, địa ngục A-hầu-hầu, địa ngục Hoa sen trắng, địa ngục Hoa sen xanh, địa ngục nhiều thứ Hoa sen đủ sắc, địa ngục Hoa sen hồng, địa ngục Hoa sen đỏ, thường ở trong chỗ u tối thăm thẳm đầy sợ hãi. Những ai hủy báng Hiền Thánh đều bị đọa vào những ngục ấy, hình tướng giống như nhà cửa, phòng xá, núi non, gò đồng, gió lạnh thô dữ kích động nổi đau thương, thân như nắm cỏ khô, da thịt rơi rụng như lá mùa đông. Rét buốt khiến da thịt nứt nẻ, máu mủ hôi tanh tuôn ra. Thân thể bị giam trong chốn hôi thối đó. Gió lạnh quất vào gây muôn ngàn đắng cay khổ não, chỉ biết khóc than, tâm không còn nghĩ gì khác. Cứ gào khóc không hề có chỗ nào để nương dựa. Những tội ấy là do hủy báng Hiền Thánh. Những ai tâm nguyện yếu kém nghe thấy những việc kia thì sao không lo sợ mong cầu tu theo thừa của Thanh văn, Phật-bích-chi?

Lại nữa, sinh làm súc sinh như: heo, chó, cáo, mèo, chồn, chuột, khỉ con, dã nhân, cọp, sói, sư tử, beo, gấu, voi, ngựa, bò, dê, rít, bò cạp, sên, rắn độc, mọt, rùa, thường luồng, cá trạch, ốc, rồng có sừng, bò câu, cú, kên kên. Những loài cầm, thú ấy tàn hại nhau. Người ta bủa lưới bắt đem về mổ, giết, xẻ thịt ăn, không phải là ít. Lúc sống thì bị roi, móc đánh đập, xỏ mũi, ghì đầu, bắt kéo chở nặng, còn bị đánh đập rách da, lòi thịt, đau đớn không thể chịu nổi, bị xông vào khói lửa đốt, khổ độc vô cùng. Khi chết, chúng còn bị lột da, ăn thịt. Đối với các nỗi thống khổ như vậy, những kẻ tâm ý vốn yếu kém, thấy nghe việc ấy sao không sợ hãi, không mong cầu theo thừa Thanh văn, Phật-bích-chi?

Lại như trong loài quỷ đói: Có quỷ cô như cây kim, có quỷ miệng luôn bốc lửa. Có quỷ đói chuyên ăn đồ ối mưa, có quỷ đói ăn đồ bản trong thau giặt, có quỷ đói ăn máu mủ, có quỷ đói ăn phân dơ. Có quỷ đói ăn tên Phù-đà, có quỷ đói ăn tên Curu-bàn-trà. Có

quỷ Dạ-xoa, quỷ La-sát, quỷ Tỳ-xá-xà, quỷ Phú-đơn-na, quỷ Ca-la Phú-đơn-na v.v... Đám quỷ này râu tóc rối bù, móng vuốt dài, lỗ mũi to, trong mình nhiều dòì bọ, hôi thối đáng kinh hãi, bị bức bách trong đói khát, ganh ghét, keo kiệt, luôn bị khổ não giày vò. Chúng chưa từng được ăn, nếu ăn thì đồ ăn không qua khỏi yết hầu, vì quá nhỏ. Chúng thường chạy đi tìm máu mủ, phần uế, đờm dãi, nước bần trong chậu. Những loài mạnh lẩn lấy được nhưng lại không thể ăn. Chúng đều lỏa hình nên nóng lạnh càng ập vào thân. Gió độc thổi khiến cơ thể đau đớn quần quại. Ngoài ra còn bị muỗi mòng, trùng độc rút rĩa nơi thân, bụng luôn còn cào đói khát như lửa đốt. Những tâm nguyện yếu kém khi nghe các sự việc ấy làm sao không sợ hãi, không mong cầu nơi hai thừa Thanh văn, Phật-bích-chi?

Trong thế giới con người bị khổ do ân ái lìa chia, khổ do oán ghét mà cứ phải gặp, khổ vì già, vì bệnh, vì chết, vì cơ cực nghèo cùng. Có biết bao cảnh khổ như vậy, ngay đến các cõi trời, A-tu-la cũng không tránh khỏi khổ, khi phước báo đã hết. Những tâm nguyện yếu kém khi nghe những việc ấy làm sao không sợ hãi, không mong cầu ở hai thừa Thanh văn, Phật-bích-chi?

Nếu người có tâm vững chắc, khi nghe thấy hết các thứ khổ não chúng sinh phải chịu trong địa ngục, trong kiếp quỷ đói, súc sinh, trời, người, A-tu-la, thì họ sẽ sinh tâm đại bi không hề sợ hãi. Họ lập nguyện như vậy: “Những chúng sinh sống trong đau khổ, không ai cứu vớt, không nơi nương cậy, sau khi chúng đắc Niết-bàn, ta sẽ cứu độ họ”. Vì tâm đại bi cùng siêng năng, tinh tấn, nên không bao lâu sẽ đạt sở nguyện. Thế nên tôi nói: “Trong công đức của Bồ-tát, tâm vững bền là bậc nhất”.

Lại nữa, Bồ-tát có **8** pháp có thể tập hợp hết thủy công đức:

1. Tâm đại bi.
2. Tâm vững bền.

3. Trí tuệ.
4. Phương tiện.
5. Không phóng dật.
6. Tinh tấn vô hạn.
7. Luôn thâm giữ sự nhớ nghĩ.
8. Tri thức thiện.

Do vậy, người mới phát tâm phải mau chóng thực hành 8 pháp này, như cứu lửa cháy đầu, sau đó mới tu trì các công đức khác.

Hơn nữa, do nương vào tám pháp này mới có được bốn Hướng bốn Quả của tất cả chúng Thanh văn, đó là Hướng Tu-đà-hoàn, Quả Tu-đà-hoàn v.v...

Phật-bích-chi: Không có ngã, ngã sở (kệ). Khi thế gian không có Phật, không có pháp của Phật, thì những người tự đắc đạo gọi là Phật-bích-chi. Các vị Hiền Thánh đã lìa khỏi sự tham chấp của ngã, ngã sở, nên gọi là bậc không có ngã, ngã sở.

Nay giải nghĩa mười Địa, Tùy thuận Phật giảng nói (kệ): Là trong Kinh Thập Địa, thứ lớp đã thuyết giảng, nay sẽ tùy theo thứ lớp ấy giải thích đầy đủ.

Hỏi: Những điều ông nói không khác với kinh. Nghĩa của kinh đã được lập cần gì phải nói thêm nữa, hay là ông muốn tự hiển bày tài năng để cầu danh, cầu lợi?

Đáp:

*Tôi không vì tự hiện
Mà trau chuốt văn từ
Cũng không tham lợi dưỡng
Nên tạo ra Luận này.*

Hỏi: Nếu không như thế thì tạo ra Luận ấy để làm gì?

Đáp:

*Tôi vì lòng từ bi
Lợi ích cho chúng sinh
Không nhằm nhân duyên khác
Nên tạo ra Luận này.*

Thấy chúng sinh cực khổ trong sáu đường không ai cứu giúp. Vì muốn cứu độ họ nên tôi dốc đăm sức trí tuệ của mình làm ra Bộ Luận này. Không phải vì tự hiện trí lực để cầu danh lợi, cũng không có tâm ganh ghét, tự cao để cầu cúng dường.

Hỏi: Về lòng từ bi tạo lợi ích cho chúng sinh, trong kinh đã nói, cần gì phải tự giải thích nữa cho khổ nhọc?

Đáp:

*Có người thấy kinh Phật
Thông đạt đệ nhất nghĩa
Có người khéo giải thích
Mà hiểu nghĩa chân thật.*

Có người nhờ trí tuệ, lợi căn nghe những lời Phật giảng nói trong các kinh thâm diệu liền có thể thấu đạt về đệ nhất nghĩa, gọi là người hiểu kinh sâu xa, đó là Bồ-tát mười Địa. Đệ nhất nghĩa tức là nghĩa như thật của mười Địa. Có những Luận sư với tâm từ bi, thuận theo lời Phật đã giảng nói, tạo sự luận bàn, tăng thêm lời lẽ cho ý nghĩa được sáng tỏ. Nhờ đó có người đọc và thông suốt được nghĩa của mười Địa. Như kệ nói:

*Có người khéo chuốt văn
Câu chương đều đẹp đẽ
Có người giỏi kệ, tụng
Có người ưa câu phức
Có người ưa thí dụ
Nhân duyên mới hiểu được*

*Chỗ ưa thích có khác
Tùy thuận không bỏ qua.*

Chương, câu gọi là tô điểm nơi câu nghĩa, không phải là kệ tụng. Kệ gọi là những nghĩa lý sâu xa, ngôn từ ở trong các câu. Kệ có loại câu **bốn** chữ, loại câu **năm** chữ, loại câu **bảy** chữ v.v... Kệ có **2** thứ:

1. Kệ bốn câu gọi là Ba-đà.
2. Kệ sáu câu gọi là Kỳ-dạ.

Câu phức: Là lời lẽ nói thẳng.

Thí dụ: Là do người không hiểu được nghĩa sâu xa, nên nhờ dụ khiến lãnh hội được. Có thí dụ thật, có thí dụ giả.

Nhân duyên: Là suy tìm nguyên do của sự việc, tùy theo sở thích không nên bỏ qua.

Hỏi: Ông sẽ làm gì với sở thích khác nhau của từng chúng sinh?

Đáp: Tôi phát tâm nơi đạo vô thượng, không bỏ ai, tùy sức để đem lợi ích cho họ, hoặc bằng tiền của, hoặc bằng giáo pháp. Như kệ nói:

*Nếu người có trí lớn
Được nghe kinh như thế
Không cần giải thích thêm
Vẫn hiểu nghĩa mười Địa.*

Nếu có phước đức lợi căn, bắt chợt được nghe Kinh Thập Địa liền hiểu ngay nghĩa của mười Địa, đâu cần giải thích. Tôi tạo luận không phải vì hạng ấy.

Hỏi: Người thiện là sao?

Đáp: Nếu nghe lời Phật giảng nói mà hiểu ngay, ví như người lớn có thể uống thuốc đắng, trẻ con thì phải trộn mật vào mới uống được. Người thiện nói tóm tắt có **10** pháp:

1. Lòng tin.
2. Tinh tấn.
3. Nhớ nghĩ.
4. Định.
5. Khéo giữ nghiệp thiện của thân.
6. Khéo giữ nghiệp thiện của miệng.
7. Khéo giữ nghiệp thiện của ý.
8. Không tham.
9. Không giận dữ.
10. Không ngu si.

Như kệ nói:

*Nếu người do văn kinh
 Khó có thể đọc tụng
 Nhưng tạo Tỳ-bà-sa
 Người ấy được lợi ích.*

Những ai tâm trí tối tăm, biếng trễ, sử dụng kinh văn khó khăn, đọc tụng không nổi. Khó là do có nhiều câu văn khó, khó tụng, khó nói, khó am hiểu. Nếu có người vui thích tô điểm cho câu lời thêm sáng rõ, hay đẹp, dùng những ví dụ tạo các kệ tụng v.v... Vì nhằm tạo ra những lợi ích như thế, nên tôi viết Luận này. Do vậy, ông vừa nói: “Chỉ kinh Phật cũng đủ đem lợi ích cho chúng sinh, cần gì phải giải thích thêm”. Lời ông nói thật chưa đúng. Vì sao? Như kệ nói:

*Suy nghĩ tạo Luận này
 Tâm thiện phát khởi sâu
 Dĩ nhiên với pháp ấy
 Cúng dường Phật hơn hết.*

Khi viết Luận này, tôi đã suy nghĩ, phân biệt. Tôi nghĩ đến Tam bảo và chúng Bồ-tát, lại cũng nghĩ đến sáu pháp bố thí, trì giới, nhẫn

nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Phát tâm thiện sâu xa, đó là tự lợi, còn diễn nói, soi sáng chánh pháp đó là cúng dường Phật không gì sánh bằng, ấy là lợi tha. Như kệ nói:

*Thuyết pháp: Thấp đèn pháp
Là dựng ngọn cờ pháp
Cờ pháp ấy: Hiền Thánh
Tướng ấn của pháp diêu.
Nay tôi tạo Luận này
Đề, Xả và Diệt, Tuệ
Là bốn xứ công đức
Tự nhiên mà tu tập.*

Hôm nay, tôi viết Luận này là vì bốn công đức tự tu tập thấp sáng mình, do vậy tâm không thấy mỗi mệ. Hết thấy sự chân thật gọi là Đề. Lời Phật giảng nói là chân thật nhất trong hết thấy sự thật. Lời của Ngài không biến đổi, hư hoại. Tôi giải thích và giảng nói giáo pháp của Phật tức là ở xứ tích tập Đề. Xả gọi là thí. Thí có hai: Tài thí và Pháp thí. Hai thứ ấy thì pháp thí là hơn hết. Như Phật bảo các Tỳ-kheo: “Một là nên bố thí pháp, hai là nên bố thí của cải. Pháp thí là thù thắng”. Do vậy khi tôi bố thí pháp, tức là ở xứ tích tập Xả. Khi tôi giảng nói nghĩa của mười Địa, thân khẩu ý tôi không có nghiệp ác, cũng không khởi tham, sân, si và các kiết sử khác. Ngăn giữ tội này là ở xứ tích tập Diệt. Nói pháp cho chúng sinh đều hiểu, được báo trí tuệ lớn, vì thuyết pháp tức là ở xứ tích tập Tuệ. Do vậy, tạo Luận này là tích tập bốn xứ công đức ấy (Đề, Xả, Diệt, Tuệ).

Lại nữa:

*Tôi tạo luận mười Địa
Tâm mình được thanh tịnh
Tâm ham muốn sâu xa
Tinh tấn không mệ mỗi.*

*Nếu người nghe thọ trì
 Tâm lại được thanh tịnh
 Tôi cũng vui xẻ chia
 Đốc lòng viết Luận này.*

Nghĩa của hai bài kệ ấy đã rõ, khỏi cần nói lại. Muốn tâm mình, tâm người thanh tịnh, nên giải thích nghĩa của mười Địa này với tâm thanh tịnh, sẽ đến được nơi cần đến, sẽ được quả báo lớn. Như Đức Phật nói với Ca-lưu-đà-di: Ông chớ oán giận A-nan. Nếu Ta không thọ ký cho Tôn giả A-nan: Sau khi Ta nhập diệt, A-nan sẽ chứng đắc A-la-hán, do tâm thanh tịnh này làm nhân duyên của nghiệp, sẽ bảy lần làm chủ cõi trời Tha-hóa-tự-tại, như kinh đã nói rộng.

Phẩm 2: NHẬP ĐỊA THỨ NHẤT

Hỏi: Những lời ông vừa nói khiến tâm tôi tỏ ngộ, nên rất vui mừng. Nay ông giải thích về **mười Địa** thì lợi ích tất sẽ nhiều nữa. *Những gì là mười Địa?*

Đáp:

*Pháp mười Địa trong ấy
 Chư Phật quá, hiện, vị
 Vì các hàng Phật tử
 Đã nói, hiện, sẽ nói:
 Địa đầu là **Hoan Hỷ**
 Địa hai là **Ly Cấu**
 Địa ba là **Minh Địa**
 Địa bốn là **Diệm Địa**.
 Địa năm là **Nan Thắng**
 Địa sáu là **Hiện Tiền**
 Địa bảy là **Thâm Viễn***

*Địa tám là **Bất Động**.
 Địa chín là **Thiện Tuệ**
 Địa mười là **Pháp Vân**
 Tướng mười Địa phân rõ
 Sau đây sẽ nói rộng.*

Hai chữ *Trong ấy* là trong nghĩa của Đại thừa. *Mười* là số pháp. *Địa* là thêm bậc, là trụ xứ của Bồ-tát có căn thiện. *Chư Phật* là Như Lai trong mười phương ba đời. *Nói* là mở bày, giải thích. *Phật tử* là con chân thật của Phật, chính là các Bồ-tát, nên Bồ-tát gọi là Phật tử. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều giảng nói mười Địa này, nên viết: *Đã nói, hiện, sẽ nói*.

Bồ-tát nơi Địa thứ nhất, mới được vị pháp thiện, tâm chứa nhiều hoan hỷ, nên gọi là **Địa Hoan Hỷ**.

Bồ-tát trong Địa thứ hai, hành mười đạo thiện, xa lìa những nơi cấu uế, nên gọi là **Địa Ly Cấu**.

Bồ-tát nơi Địa thứ ba, nghe nhiều học rộng, nói pháp cho mọi người nghe, có thể tạo sự chiếu sáng, nên gọi là **Địa Minh**.

Bồ-tát trong Địa thứ tư, càng tăng thêm việc bố thí, trì giới, lại học rộng, oai đức rực sáng, nên gọi là **Địa Diệm**.

Bồ-tát trong Địa thứ năm, có sức mạnh của công đức, các thứ ma không thể quấy phá được, nên gọi là **Địa Nan Thắng**.

Bồ-tát nơi Địa thứ sáu, trừ hết ma chướng, đạo pháp hiện ra trước mặt, nên gọi là **Địa Hiện Tiền**.

Bồ-tát trong Địa thứ bảy, xa gần trong ba cõi đều tôn làm Pháp vương, nên gọi là **Địa Thâm Viễn**.

Bồ-tát nơi Địa thứ tám, không gì làm lay chuyển được nguyện lực, dù đó là Thiên ma, là Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, nên gọi là **Địa Bất Động**.

Bồ-tát nơi Địa thứ chín, trí tuệ sáng rõ, điều phục nhu hòa tăng lên, nên gọi là **Địa Thiện Tuệ**.

Bồ-tát trong Địa thứ mười, đối với vô lượng thế giới nơi mười phương, có thể tuôn trận mưa pháp trong cùng một lúc, như kiếp của thế giới bị thiêu hủy xong, sẽ rưới mưa lớn làm thấm nhuần khắp nơi, nên gọi là **Địa Pháp Vân**.

Hỏi: Đã nghe tên **mười Địa**, bây giờ làm sao nhập **Địa thứ nhất** để nhận biết được tướng mạo của Địa này và tu tập?

Đáp:

*Trông căn thiện sâu dày
Khéo hành nơi các hạnh
Khéo tích tập tư lương
Khéo cúng dường chư Phật.
Tri thức thiện giữ gìn
Đầy đủ tâm sâu xa
Tâm bi nhớ chúng sinh
Tin hiểu pháp vô thượng.
Gồm đủ tám pháp ấy
Nên tự phát lời nguyện:
Tôi đã tự độ rồi
Sẽ cứu độ chúng sinh.
Do đạt được mười lực
Vào nơi tự tất định
Sinh vào nhà Như Lai
Không có các lỗi lầm.
Liên chuyển đạo thế gian
Nhập đạo thượng xuất thế
Là đạt được Địa đầu
Địa này tên **Hoan Hỷ**.*

Trông căn thiện sâu dày (kệ): Là theo như pháp tu tập các công đức, nên gọi là trông căn thiện sâu dày.

Căn thiện: Là không tham, không giận, không si. Các pháp thiện đều từ ba thứ này mà có, nên gọi là căn thiện. Các pháp ác cũng phát sinh từ tham, giận, si, nên ba pháp xấu này gọi là căn bất thiện. Trong A-tỳ-đàm đã phân biệt rất nhiều thứ tâm pháp, như trói buộc vào cõi Dục, trói buộc vào cõi Sắc, trói buộc vào cõi Vô sắc và không bị trói buộc, hợp thành mười hai thứ, có tâm tương ưng, có tâm không tương ưng, hợp làm hai mươi bốn thứ. Trong đó, căn thiện vô lậu sau khi tu tập, sẽ chứng quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Sự tu tập của Bồ-tát trong chín Địa còn lại, lúc chưa phát tâm cũng vẫn luôn hành trì. Hoặc trong một tâm có ba, hoặc trong một tâm có sáu, hoặc trong một tâm có chín, hoặc trong một tâm có mười hai. Hoặc chỉ chứa nhóm tâm tương ưng, không chứa nhóm tâm không tương ưng. Hoặc chứa nhóm tâm không tương ưng, không chứa nhóm tâm tương ưng. Hoặc chứa nhóm tâm tương ưng cùng tâm không tương ưng. Hoặc không chứa nhóm tâm tương ưng, tâm không tương ưng. Đó là sự phân biệt các căn thiện, như đã nói rộng trong A-tỳ-đàm. Ở đây, căn thiện là chúng sinh cầu đạo vô thượng và đã hành các pháp thiện, đều gọi là căn thiện, có thể phát sinh Nhất thiết trí, nên gọi là căn thiện.

Khéo hành nơi các hạnh (kệ): Khéo hành gọi là thanh tịnh. Các hạnh gọi là tri giới, theo thứ lớp thực hành tri giới thanh tịnh. Pháp tri giới này cùng với bảy pháp hòa hợp nên gọi là hành thiện. *Những gì là bảy?* 1. Hổ. 2. Thẹn. 3. Học rộng. 4. Tinh tấn. 5. Niệm. 6. Tuệ. 7. Thọ mạng trong sạch, nghiệp thân, miệng thanh tịnh. Thực hành *bảy pháp* này, tuân giữ đủ các giới, gọi là khéo hành thiện nơi các hạnh.

Lại nữa, kinh nói: “Các thiên là nơi chốn hành, nên người được thiên gọi là khéo hành nơi các hạnh”. Trong Luận này, không hẳn do thiên mới được phát tâm. Vì sao? Vì khi Phật còn tại thế, vô lượng chúng sinh đều phát tâm đâu cần có thiên.

Lại nữa, hàng bạch y tại gia cũng gọi là khéo hành.

Khéo tích tập tư lương (kệ): Phần trên của kệ đã nói:

*Trông căn thiện sâu dày
 Khéo hành nơi các hạnh
 Khéo tích tập tư lương
 Khéo cúng dường chư Phật.
 Tri thức thiện giữ gìn
 Đầy đủ tâm sâu xa
 Tâm bi nhớ chúng sinh
 Tin hiểu pháp vô thượng.*

Đó gọi là tư lương.

Lại nữa, hành gốc nơi pháp thiện tất nên tu hành, đây cũng gọi là của cải cần dùng. Đó là bố thí, nhẫn nhục, ngay thẳng, tâm không đua nịnh, nhu hòa, cùng nương dựa, luôn vui vẻ thuận hợp, bỏ tánh giận dữ, hoàn toàn không che giấu tội lỗi, không thiên chấp, không ngang bướng, không tranh cãi, không tự thị, không buông lung, bỏ kiêu mạn, bỏ các thứ lập dị, không tự khen mình, nhin nhĩn trước các việc. Với tâm quyết định, quả cảm lãnh nhận công việc, không buông bỏ việc truyền trao dạy bảo, thiếu dục, tri túc, vui thích đời sống riêng lẻ. Các pháp như vậy, tùy hoàn cảnh hành trì, lần hồi có đầy đủ công đức thù thắng, là pháp vị bền chắc nên gọi là hành gốc. Nếu lia bỏ những pháp ấy thì không thể đạt được những công đức thắng diệu. Do vậy, pháp hành gốc này và tám pháp hòa hợp là tư lương (hành trang) của Địa thứ nhất.

Khéo cúng dường chư Phật (kệ): Là pháp thường, như Bồ-tát nhiều đời cúng dường chư Phật. Cúng dường có 2 cách: 1. Khéo nghe chánh pháp Đại thừa hoặc rộng, hoặc lược. 2. Cung kính, lễ bái cúng dường bốn thứ cần thiết. Hành đủ 2 pháp cúng dường này, đối với chư Phật gọi là khéo cúng dường chư Phật.

Tri thức thiện (kệ): Bồ-tát tuy có bốn thứ tri thức thiện, trong đây đã nói là có thể giáo hóa khiến đi vào Đại thừa, đủ các Ba-la-mật, có thể khiến an trụ nơi mười Địa. Đó là chư Phật, Bồ-tát, các Thanh văn, có khả năng chỉ bày giáo hóa tạo lợi ích, hoan hỷ đối với pháp Đại thừa, khiến không thoái chuyển.

Giữ gìn (kệ): Là xót thương dạy bảo, khiến căn thiện thêm lớn. Đó gọi là giữ gìn che chở.

Đầy đủ tâm sâu xa (kệ): Là hâm mộ Phật thừa, thừa Nhất thiết trí, Đại thừa vô thượng. Đó gọi là đầy đủ tâm sâu xa.

Hỏi: Trong Phẩm Hòa Hợp, Bồ-tát Vô Tận Ý nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Hết thấy sự phát tâm hiện có của các Bồ-tát đều gọi là tâm sâu xa chăng?

Từ một Địa đến một Địa khác, nên gọi là tâm hướng đến. Do công đức tăng ích nên gọi là tâm vượt qua. Do tới được sự nghiệp vô thượng nên gọi là tâm thượng đỉnh. Do gồm thâu trong pháp trên hết nên gọi tâm trên hết. Hiện tiền được pháp của chư Phật nên gọi là tâm hiện tiền. Do tập hợp pháp lợi ích nên gọi là tâm duyên. Do thông suốt các pháp nên gọi là tâm độ. Không mỗi một với bản nguyện nên gọi là tâm quyết định. Nguyện được viên mãn nên gọi là tâm hỷ. Do chính mình làm xong tất cả sự việc nên gọi là tâm không bè bạn. Do xa lìa tướng hư hoại nên gọi là tâm điều hòa. Do không có việc xấu ác nên gọi là tâm thiện. Tránh xa kẻ ác nên gọi là tâm không xen tạp. Bồ thí là trên hết nên gọi là tâm buông bỏ việc khó làm. Cứu vớt kẻ phá giới nên gọi là tâm trì giới khó giữ. Có thể nhận lấy việc thấp kém, thêm điều ác, nên gọi là tâm nhẫn nhục điều khó nhẫn. Chứng Niết-bàn rồi, nhưng có thể xả bỏ, gọi là tâm tinh tấn đối với việc khó. Không ham mê thiền nên gọi là tâm thiền định việc khó. Không thấy chán đủ với căn thiện trợ đạo nên gọi là tâm tuệ đối với khó. Có khả năng làm tất cả sự việc nên gọi

là tâm vượt qua các hành. Có trí tuệ, khéo tư duy, nên gọi là tâm xa lìa các thứ kiêu mạn. Làm các sự việc không mong trả ơn, nên gọi là tâm phước điền của hết thảy chúng sinh. Quán xét pháp sâu xa của chư Phật, nên gọi là tâm không sợ hãi. Không bị cản trở nên gọi là tâm tăng trưởng công đức. Luôn phát khởi tinh tấn, nên gọi là tâm vô tận. Có thể gánh vác chuyện quan trọng nên gọi là tâm không sâu muộn.

Lại nữa, nghĩa của tâm sâu xa là luôn nhớ nghĩ đến chúng sinh, hiện bày tâm từ tới khắp tất cả, cúng dường các bậc Hiền thiện, xót thương kẻ ác, tôn kính Sư trưởng, cứu độ người không được ai cứu vớt. Làm nơi nương dựa cho người không nơi nương dựa. Người không có chỗ ở giúp họ có chỗ ở. Người không đạt được cứu cánh, giúp họ hoàn thành. Người không bạn bè, có thể làm bạn với họ. Đối với người có tâm quanh co dối trá, luôn hành tâm ngay thẳng. Đối với người hư hỏng, tâm mình vẫn chính trực. Đối với người đua nịnh, mình vẫn không có tâm đó. Đối với người không biết ơn, luôn hiện tâm biết ơn. Người không biết làm việc, dạy họ làm việc. Hoàn cảnh không lợi ích, luôn hành tác lợi ích. Nơi các chúng sinh hành tà, mình phải hành chính. Đối với người kiêu mạn, mình không hề kiêu mạn. Nơi những người không nghe lời dạy bảo, thì cố gắng dẫn dắt, không nên giận trách. Đối với chúng sinh mắc tội, luôn làm người che chở. Người có lỗi lầm mà không biết lỗi, tùy lúc chỉ dạy, khuyên họ cúng dường phước điền, sau đó giáo hóa dễ hơn. Một lòng tinh tấn sống nơi A-lan-nhã. Không cầu lợi dưỡng, không tiếc mạng sống.

Lại nữa, nếu nội tâm đã thanh tịnh sẽ tránh khỏi mê lầm, dối gạt. Do miệng tạo nghiệp thiện nên không tự khen. Do chế ngự được tâm, nên biết đủ mà dừng, không tỏ uy lực hay dọa nạt. Tâm không cấu uế nên hành nhu hòa. Chứa nhóm căn thiện nên có thể vào chốn sinh tử. Vì các chúng sinh nên nhẫn chịu đủ thứ khổ.

Bồ-tát có những tướng của tâm sâu xa như vậy là không thể cùng tận. Hôm nay, ông chỉ nói có mỗi hành tướng của tâm sâu xa thì e không đủ?

Đáp: Chẳng phải là không đủ. Bồ-tát Vô Tận Ý đã gồm chung hết thấy tướng của tâm sâu xa lại một xứ rồi giảng nói. Nhưng trong đây thì rải ra nơi các Địa, vì đây là Kinh Thập Trụ. Hành tướng của tâm sâu xa được nói riêng nơi từng Địa. Do đó, Bồ-tát phải thuận theo nghĩa của tâm sâu xa trong các Địa, để có thể đạt được tâm ấy ngay trong các Địa ấy.

Nay tôi nói về *hai tâm* sâu xa trong Địa thứ nhất: 1. Tâm phát nguyện rộng lớn. 2. Tâm ở địa tất định.

Vì vậy nên biết, tùy vào mười Địa mà khéo nói về tâm sâu xa. Ông bảo e khó tránh khỏi thiếu sót, điều ấy là không đúng.

Tâm bi nhớ chúng sinh (kệ): Là Bồ-tát thành tựu lòng xót thương nên gọi là bi. Sao gọi là bi? Vì xót thương chúng sinh luôn cứu giúp những nạn khổ cho họ.

Tin hiểu pháp vô thượng (kệ): Là tín lực thông tỏ nơi pháp của chư Phật.

Phát nguyện: Tôi đã tự độ rồi, Sẽ cứu độ chúng sinh (kệ): Hết thấy pháp của chư Phật là gốc nơi nguyện. Lìa bỏ nguyện thì không thành, nên phải phát nguyện.

Hỏi: Vì sao ông không nói: Tôi sẽ cứu độ chúng sinh, lại nói: Tôi đã tự độ rồi, Sẽ cứu độ chúng sinh?

Đáp: Vì nếu mình chưa tự độ được thì không thể cứu độ kẻ khác. Như người đang chìm sâu trong vũng bùn, thì đâu có thể cứu giúp được ai! Lại nữa, nếu mình đang bị nước cuốn trôi thì không thể vớt kẻ đang chết chìm! Cho nên nói: Tôi tự độ rồi, sẽ cứu độ những người kia. Như kệ nói:

*Nếu người tự vượt sợ
 Làm chốn nương cho người
 Mình còn ngờ, hối tiếc
 Người sao nương dựa được?
 Nếu mình không hành thiện
 Bảo được ai hành thiện?
 Nếu mình không vắng lặng
 Sao khiến người vắng lặng?*

Cho nên, trước hết mình phải khéo tự vắng lặng mới giáo hóa nhiều người. Như kệ Pháp Cú nói:

*Nếu tự an thân mình
 Tại nơi chốn thiện rồi
 Sau đấy an người khác
 Và mình cũng được lợi.*

Phàm sự việc đều trước là tự lợi, sau mới có thể lợi người. Vì sao? Như kệ nói:

*Nếu tự thành lợi mình
 Mới tạo lợi cho người
 Tự bỏ, muốn lợi tha
 Mất lợi, sau hối tiếc.*

Cho nên nói: *Ta đã tự độ rồi, Sẽ cứu độ chúng sinh.*

Hỏi: Được lợi gì để có thể thành tựu việc này và nhập Địa Tắt định? Lại do tâm nào mà phát nguyện như vậy?

Đáp: Phải đạt được mười lực của Phật mới có thể thành tựu sự nghiệp ấy, để nhập Địa Tắt định, mới có khả năng phát nguyện này.

Hỏi: Mười lực của Phật là gì?

Đáp: *Lực thứ nhất* là Phật tất thấu suốt nhân quả của tất cả các pháp. *Lực thứ hai* là Phật nhận biết rõ như thật về xứ quả báo của

nghiệp nơi ba đời. *Lực thứ ba* là Phật nhận biết rõ như thật về các tướng của thiên định, Tam-muội, phân biệt về tịnh uế, xuất nhập. *Lực thứ tư* là Phật nhận biết rõ như thật về căn trí lợi, độn của chúng sinh. *Lực thứ năm* là Phật nhận biết rõ như thật về sở thích không đồng của chúng sinh. *Lực thứ sáu* là Phật nhận biết rõ như thật về vô số tánh dị biệt của thế gian. *Lực thứ bảy* là Phật nhận biết rõ như thật về hết thảy nơi chốn đạt đến của đạo. *Lực thứ tám* là Phật nhận biết rõ như thật về sự việc nơi thọ mạng của đời trước. *Lực thứ chín* là Phật nhận biết rõ như thật về việc sống chết. *Lực thứ mười* là Phật nhận biết rõ như thật về việc dứt sạch hết lậu. Đó gọi là mười lực của Phật. Do có mười lực này của Phật nên phát nguyện với tâm lớn lao là vào *tu Tất định*.

Hỏi: Có phải ai mới phát tâm đều có tướng như thế chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Mới phát tâm là có tướng như vậy. Nhưng không phải. Vì sao? Việc này cần phân biệt, không nên trả lời quyết định. Vì sao? Vì hết thảy Bồ-tát khi mới phát tâm không phải đều nhập hết nơi Tất định. Hoặc có người khi mới phát tâm tức đã nhập Tất định. Hoặc có người lần lượt tu tập các công đức, như Phật Thích-ca Mâu-ni, khi mới phát tâm không vào Tất định, sau tu tập công đức, gặp được Phật Nhiên Đăng mới được nhập Tất định. Thế nên ông nói: Hết thảy Bồ-tát mới phát tâm đều nhập Tất định, là không đúng.

Hỏi: Nếu cho là không đúng thì vì sao ông nói: Do tâm này mà nhập Tất định?

Đáp: Vì có Bồ-tát mới phát tâm liền nhập Tất định, do tâm này nên có thể đạt được Địa thứ nhất. Nhân nơi trường hợp ấy, nên nói Bồ-tát mới phát tâm là nhập trong Tất định.

Hỏi: Đó là tâm ban đầu của Bồ-tát, còn tâm mới phát khởi của Phật Thích-ca Mâu-ni thì tâm ấy như thế nào?

Đáp: Tâm này không xen lẫn với các phiền não. Tâm này liên tục không tham nơi Thù khác. Tâm này rất vững bền, các ngoại đạo không thể vượt hơn, quân ma không thể phá hoại. Tâm này luôn có thể tu tập các căn thiện. Tâm này có khả năng nhận biết rõ các pháp hữu vi là vô thường. Tâm này không lay động, có thể gồm thâu các pháp Phật. Tâm này không hề bị che phủ nên lìa các hành tà. Tâm này an trụ, không gì có thể khuynh động. Tâm này không gì có thể so sánh, cũng không trái nhau. Tâm này như kim cang thông đạt các pháp. Tâm này tích tập vô lượng phước đức không cùng tận. Tâm này bình đẳng với tất cả chúng sinh. Tâm này không cao thấp, không sai khác. Tâm ấy thanh tịnh, tánh không cấu nhiễm. Tâm này lìa các thứ uế tạp nên tuệ chiếu sáng. Tâm này không lỗi lầm nên không bỏ tâm sâu xa. Tâm này là tâm từ rộng lớn như hư không. Tâm này là sự thọ nhận lớn lao đối với tất cả chúng sinh. Tâm này không ngại nên trí không bị ngăn che. Tâm này đại bi trùm khắp không bao giờ dứt. Tâm này không dứt nên có thể hồi hướng đúng đắn. Tâm này là nơi chốn hướng về của hết thảy chúng sinh, được người trí khen ngợi. Tâm này đáng được quán xét nên Tiểu thừa chiêm ngưỡng. Tâm này khó thấy, hết thảy chúng sinh không thể thấy. Tâm này khó phá, có thể khéo hội nhập pháp Phật. Tâm này là nơi chốn trụ xứ của tất cả sự an lạc. Tâm này là tư lương của phước đức trang nghiêm. Tâm này lựa chọn tư lương của trí tuệ. Tâm này rất thuần hậu, vì lấy bố thí làm tư lương. Tâm này là đại nguyện vì do trì giới làm tư lương. Tâm này khó hư hoại do nhẫn nhục là tư lương. Tâm này khó vượt hơn, do tinh tấn là tư lương. Tâm này vắng lặng vì thiền định là tư lương. Tâm này không nào hại vì trí tuệ làm tư lương. Tâm này không giận dữ vì tâm Từ sâu xa. Tâm này cội rễ bền chắc vì là tâm Bi thâm hậu. Tâm này rất vui thích vì là tâm Hỷ sâu dày. Tâm này không lay động nơi vui khổ do tâm Xả sâu bền. Tâm này luôn được thần lực của chư Phật hộ niệm. Tâm này nối tiếp Tam bảo khiến không đoạn dứt. Với vô lượng công đức

như vậy, nên được dùng để trang nghiêm cho tụ Tất định khi mới phát tâm, như đã nói rộng trong Phẩm Vô Tận Ý.

Tâm này không xen lẫn với các phiền não: Nghĩa là sau khi thấy Đế, tư duy đoạn trừ được hai trăm chín mươi bốn thứ phiền não vốn không cùng hòa hợp với tâm, nên gọi là tâm không xen lẫn.

Tâm này liên tục không tham nơi Thừa khác: Là khi mới phát tâm nối tiếp cho đến sau này, vẫn một mực không tham thừa Thanh văn, Phật-bích-chi, chỉ muốn đạt được quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là liên tục không tham Thừa khác.

Có 40 câu luận về tâm như thế: Nên nhận biết.

Hỏi: Ông vừa nói: Tâm này là thường, còn các pháp hữu vi đều là vô thường, như trong Kinh Pháp Ấn viết: “Người tu hành quán xét thế gian là không, hết thấy sự vật không có gì là thường còn, không có gì là không biến đổi, tan hoại”. Vậy thì điều ấy có trái nhau không?

Đáp: Ông đối với nghĩa này không có được lý đúng nên mới nêu vấn nạn ấy. Ở đây không nói tâm là thường, dù miệng nói là thường, nhưng phải hiểu chữ thường có nghĩa là Tất định, do tâm mới sinh thì ắt có khả năng tích tập căn thiện không nghỉ nên gọi là thường.

Sinh vào nhà Như Lai (kệ): Nhà Như Lai tức là nhà Phật. Như Lai: Như nghĩa là thật, Lai nghĩa là đến. Đến nơi chân thật nên gọi là Như Lai. Những gì là chân thật? Đó là Niết-bàn, không hư dối, nên gọi là như thật. Như trong kinh nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo: Thánh đế thứ nhất không có hư dối, là Niết-bàn”.

Lại nữa, Như là tướng không hư hoại, đó là tướng thật của các pháp. Lai là trí tuệ, là đến trong tướng thật, thấu đạt nghĩa của nó, nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, Không, Vô tướng, Vô tác gọi là Như. Chư Phật lại đến nơi ba cửa giải thoát ấy, cũng khiến cho chúng sinh đến được đó, nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, Như là bốn Đế, do Nhất thiết chủng thấy được bốn Đế, nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, Như là sáu pháp Ba-la-mật, đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Do sáu pháp này mà đến được Phật Địa nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, bốn xứ công đức là Đế, Xả, Diệt, Tuệ cũng gọi là Như, do bốn pháp này tức lại đến được Phật Địa nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, hết thấy pháp Phật gọi là Như, do chúng tức lại đến nơi chư Phật nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, hết thấy địa của Bồ-tát: Hoan Hỷ, Tịnh, Minh, Diệm, Nan Thắng, Hiện Tiền, Thâm Viễn, Bất Động, Thiên Tuệ, Pháp Vân đều gọi là Như, các Bồ-tát từ mười Địa này lại đến nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, do tám phần Thánh đạo như thật mà đến nên gọi là Như Lai.

Lại nữa, đủ hai thứ quyền, trí mà thành tựu quả Phật nên gọi là Như Lai. Như ra đi không trở lại nên gọi là Như Lai.

Như Lai đó là mười phương ba đời chư Phật. Nhà của chư Phật gọi là nhà Như Lai. Nay, Bồ-tát ấy hành đạo Như Lai nối nhau không dứt, nên gọi là sinh vào nhà Như Lai. Lại, Bồ-tát ấy tất thành Như Lai nên gọi là sinh vào nhà Như Lai. Ví như sinh vào nhà Chuyển luân Thánh vương có tướng của Chuyển luân Thánh vương người ấy tất là Chuyển luân Thánh vương. Bồ-tát ấy cũng vậy, sinh vào nhà Như Lai, phát tâm như vậy tất sẽ thành Như Lai, nên gọi là sinh vào nhà Như Lai. Có người nói: Nhà Như Lai

là bốn xứ công đức: Đê, Xả, Diệt, Tuệ. Các bậc Như Lai cũng từ bốn công đức này sinh ra, nên gọi là nhà Như Lai. Có người cho: “Bát-nhã Ba-la-mật cùng phương tiện là nhà Như Lai”, như trong Kinh Trợ Đạo nói:

*Trí độ vô cực: Mẹ
 Phương tiện quyền xảo: Cha
 Sinh ra nên là cha
 Nuôi dưỡng nên là mẹ.*

Hết thấy thế gian lấy cha, mẹ làm nhà. Do hai công đức này giống như cha mẹ, nên gọi là nhà.

Có người nói: Pháp thiện và trí tuệ là nhà của chư Phật. Chư Phật sinh ra từ hai pháp này. Hai pháp này là cội rễ của các pháp thiện. Như trong kinh nói: “Hành đầy đủ hai pháp này thì có thể thành tựu chánh pháp. Pháp thiện là cha, trí tuệ là mẹ”. Hai pháp này hòa hợp gọi là nhà của chư Phật. Như kệ nói:

*Pháp thiện cha Bồ-tát
 Lấy trí tuệ làm mẹ
 Hết thấy các Như Lai
 Sinh từ hai pháp này.*

Có người nói: “Tam-muội Ban chu và Đại bi gọi là nhà của chư Phật”. Từ hai pháp này nên các Đức Như Lai xuất hiện ở đời. Trong đó, Tam-muội Ban chu là cha, Đại bi là mẹ.

Lại nữa, Tam-muội Ban chu là cha, pháp Nhẫn vô sinh là mẹ. Như trong Trợ Bồ-đề có nói:

*Tam-muội Ban chu: Cha
 Đại bi, Vô sinh: Mẹ
 Hết thấy các Như Lai
 Từ hai pháp này sinh.*

Nhà không có lỗi lầm (kệ): Là nhà thanh tịnh. Thanh tịnh nghĩa là sáu pháp Ba-la-mật, bốn xứ công đức, phương tiện, Bát-nhã Ba-la-mật, pháp thiện, trí tuệ, Tam-muội Ban chu, Đại bi và các Nhân, là các pháp thanh tịnh, không có lỗi lầm, nên gọi là nhà thanh tịnh. Bỏ-tát ấy dùng các pháp này làm nhà nên không có các lỗi lầm.

Chuyển đổi lỗi lầm, chuyển đổi đạo thế gian để nhập đạo vô thượng xuất thế: Gọi là *đạo thế gian* tức là nẻo hành trì của hàng phàm phu. Chuyển đổi nghĩa là dừng dứt. Đạo phàm phu tức không thể đưa đến Niết-bàn cứu cánh, chỉ luôn qua lại nơi sinh tử, nên gọi là đạo phàm phu. *Xuất thế gian* là nhân nơi đạo này tức có thể ra khỏi ba cõi, nên gọi là đạo xuất thế gian.

Thượng: Là tốt đẹp nên gọi là thượng. *Nhập:* Là chính thức hành đạo nên gọi là nhập

Dùng tâm này nhập nơi Địa thứ nhất nên gọi là *Địa Hoan Hỷ*.

Hỏi: Sao gọi Địa thứ nhất là **Địa Hoan Hỷ**?

Đáp:

*Như được quả đầu tiên
Cứu cánh đến Niết-bàn
Bỏ-tát đạt Địa này
Tâm luôn nhiều Hoan hỷ.
Tự nhiên được tăng trưởng
Hạt giống Phật, Như Lai
Nên những người như vậy
Được gọi là Hiền thiện.*

Như được quả đầu tiên: Nghĩa là như người được quả Tu-đà-hoàn là đã khéo lách được cửa của ba đường ác, thấy pháp, hội nhập pháp, chứng đắc pháp, an trụ vững chắc trong pháp, không gì có thể làm nghiêng động, là cứu cánh tới Niết-bàn, đoạn trừ các pháp do kiến để đoạn trừ nên tâm rất hoan hỷ.

Giả như còn ham ngủ nghỉ, biếng trễ, nên không đến được hai mươi chín Hữu. Ví như đem một sợi lông chia làm trăm sợi nhỏ, lấy một phần trăm sợi lông đó chấm lấy nước nơi biển cả, thì chỉ lấy được hai, ba giọt nước biển. Nổi khổ đã chấm dứt, ví như nước nơi biển lớn, những thứ khác chưa diệt được, ví như hai, ba giọt nước biển ấy.

Tâm đại hoan hỷ, Bồ-tát như thế là vào Địa thứ nhất, nên gọi là sinh vào nhà Như Lai, tất được sự cung kính cúng dường của hết thầy hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, các Thiên vương, Phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn cùng tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi. Vì sao? Vì ngôi nhà đó không có lỗi lầm, đã chuyển đổi đạo thế gian nhập đạo xuất thế gian. Chỉ ưa thích cung kính Phật nên được bốn xứ công đức, được quả báo là sáu pháp Ba-la-mật đầy đủ pháp vị, không đứt mất hạt giống Phật nên tâm rất Hoan hỷ. Những nổi khổ khác mà Bồ-tát này hiện có như vài ba giọt nước biển, nghĩa là tuy trăm ngàn ức kiếp mới chứng được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cũng còn phải chịu một chút khổ nơi sinh tử vô thi, như vài ba giọt nước biển, còn khổ thì đã diệt xong như biển cả. Do vậy nên Địa này gọi là **Địa Hoan Hỷ**.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 2

Phẩm 3: TƯỚNG ĐỊA

Hỏi: Đã đạt được Địa thứ nhất, Bồ-tát có tướng mạo như thế nào?

Đáp:

*Bồ-tát Địa thứ nhất
Nhiều khả năng kham nhận
Không còn ưa tranh tụng
Tâm được nhiều vui thích.
Luôn vui với thanh tịnh
Tâm Bi thương chúng sinh
Không có tâm giận dữ
Hành nhiều nơi bấy sự.*

Bồ-tát nếu đạt được Địa thứ nhất tức có **bảy tướng** này:

1. *Có khả năng kham nhận:* Là có thể hành những việc khó làm, tu tập vô lượng căn thiện phước đức, qua lại vô lượng kiếp trong sinh tử nhiều như cát sông Hằng, vẫn luôn giáo hóa chúng sinh xấu ác khó hóa độ, tâm Bồ-tát không hề thoái chuyển. Có thể kham nhận những công việc như vậy nên gọi là có khả năng nhận lãnh.

2. *Không ưa tranh tụng:* Là tuy mình có thể thành tựu việc lớn nhưng vẫn không ưa tranh đua với ai, hoặc cùng trái nhau.

3. *Hy (Vui)*: Là có thể khiến thân được nhẹ nhàng, tâm được an ổn.

4. *Duyệt (Thích)*: Là trong khi chuyển chánh pháp vô thượng, Bồ-tát thấy tâm vô cùng thích thú.

5. *Thanh tịnh*: Là lìa khỏi các phiền não cấu uế. Có người nói: Tin hiểu là thanh tịnh. Có người nói: Tâm tin kiên cố là lòng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh này đối với Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng, đối với bốn đế khổ, tập, diệt, đạo, đối với sáu pháp Ba-la-mật, đối với Bồ-tát mười Địa, đối với pháp môn Không, Vô tướng, Vô tác v.v..., nói tóm lược là hết thấy kinh sâu xa nơi tất cả việc làm của Bồ-tát, đối với hết thấy pháp của chư Phật đều luôn có tâm tin thanh tịnh.

6. *Bi*: Là xót thương, cứu giúp chúng sinh. Tâm bi này dần dần lớn lên thành Đại bi. Có người nói: Tại tâm của Bồ-tát gọi là Bi. Bi đến khắp với chúng sinh gọi là Đại bi. Tâm Đại bi phát sinh do mười nhân duyên, như trong Địa thứ ba đã nói rộng.

7. *Không giận dữ*: Là do kiết sử chưa đoạn trừ hết, nên Bồ-tát hành tâm thiện để giảm thiểu sân hận. Như vậy Bồ-tát ở Địa thứ nhất, tâm không lo sợ, không ẩn giấu, nên gọi là có khả năng kham nhận. Do vui thích sự vắng lặng nên không còn ưa tranh tụng. Do tùy thuận nơi đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là tâm nhiều hoan hỷ. Do lìa khỏi phiền não cấu nhiễm nên Bồ-tát có được tâm luôn thanh tịnh đối với Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Do tâm an ổn, không còn lo ngại, nên gọi là tâm vui vẻ. Thương xót sâu xa đối với các chúng sinh nên gọi là Bi. Tâm thường vui thích hành từ gọi là không sân giận. Đó gọi là tướng mạo của Bồ-tát ở Địa thứ nhất.

Hỏi: Vì sao không nói Bồ-tát ở Địa thứ nhất có bảy sự việc trên đây, mà lại nói là nhiều?

Đáp: Do Bồ-tát ở Địa thứ nhất chưa dứt hết lậu, có lúc còn biếng trễ đối với bảy hành này, có lúc còn thoái lui. Do Bồ-tát có

nhiều hành, nên nói là nhiều. Ở trong Địa thứ nhất, Bồ-tát đã chứng được pháp ấy, nên nơi các Địa sau càng chuyên thêm lợi ích.

Hỏi: Địa thứ nhất là Hoan Hỷ, tức Bồ-tát ở trong Địa này gọi là nhiều hoan hỷ, vì được các công đức nên là Địa Hoan Hỷ, hoan hỷ hợp với pháp hay do đâu mà hoan hỷ?

Đáp:

*Nhớ nghĩ đến chư Phật
Cùng pháp lớn chư Phật
Tất định, hành hy hữu
Thế nên nhiều hoan hỷ.*

Vì những nhân duyên hoan hỷ như thế, nên Bồ-tát ở trong Địa thứ nhất này tâm được nhiều hoan hỷ.

Nhớ nghĩ đến chư Phật: Nghĩa là nhớ đến chư Phật quá khứ như Phật Nhiên Đăng v.v..., chư Phật nơi hiện tại như Phật A-di-đà v.v..., và chư Phật nơi tương lai như Phật Di-lặc v.v.... Luôn nhớ nghĩ đến chư Phật, Thế Tôn như thế, tưởng như chư vị hiện ra trước mặt mình. Chư Phật, Thế Tôn là bậc nhất trong ba cõi, không có ai hơn. Thế nên Bồ-tát có nhiều hoan hỷ.

Nhớ pháp lớn chư Phật: Nghĩa là nói gọn thì chư Phật có bốn mươi pháp bất cộng: 1. Tự tại, phi - hành tùy ý. 2. Tự tại, biến hóa vô biên. 3. Tự tại nói pháp không trở ngại. 4. Tự tại dùng vô lượng pháp môn nhận biết tâm của hết thảy chúng sinh v.v... Những pháp như thế sau sẽ nói rộng.

Các Bồ-tát đối với niệm Tất định: Nghĩa là nếu Bồ-tát được thọ ký chứng đắc quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì Bồ-tát đã đi vào phần vị pháp, được pháp Nhẫn vô sinh. Ngàn vạn ức quân ma không thể loạn động phá hoại được. Đạt được tâm Đại bi là thành tựu pháp của bậc Đại nhân không còn tiếc thân mạng, được Bồ-đề nên càng siêng năng tinh tấn. Đó là niệm Tất định của Bồ-tát.

Nhớ nghĩ hành hy hữu: Nghĩa là niệm Tất định của Bồ-tát là hành hy hữu bậc nhất, khiến tâm hoan hỷ. Tất cả hàng phàm phu đều không bì kịp. Hết thầy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đều không thể hành trì được như vậy. Tức đã mở bày chỉ rõ pháp Phật là giải thoát không ngăn ngại và Nhất thiết chủng trí. Lại nữa, nhớ nghĩ đến những pháp cần hành trì nơi mười Địa cũng khiến tâm có nhiều hoan hỷ, nên nói Bồ-tát được nhập Địa thứ nhất gọi là *Hoan Hỷ*.

Hỏi: Nếu có phàm phu chưa phát tâm hướng về đạo vô thượng, hoặc đã phát tâm, nhưng chưa vào Địa Hoan hỷ, nhưng người ấy luôn nhớ nghĩ về chư Phật, về pháp lớn của chư Phật, về niệm Tất định của Bồ-tát và về hành hy hữu, người ấy cũng được hoan hỷ. Vậy thì hoan hỷ của Bồ-tát đạt được Địa thứ nhất so với người này có gì khác nhau?

Đáp:

Bồ-tát đắc Sơ Địa

Tâm được nhiều hoan hỷ

Vô lượng đức chư Phật

Ta cũng định sẽ được.

Đắc Địa thứ nhất, Bồ-tát tất định nhớ đến chư Phật có vô lượng công đức, mình chắc chắn cũng sẽ được như thế. Vì sao? Vì ta đã vào Địa thứ nhất này, tức đã vào trong nẻo tất định. Những người khác không có tâm này. Cho nên, Bồ-tát ở Địa thứ nhất sinh nhiều hoan hỷ, những người khác thì không như thế. Vì sao? Vì kẻ khác dù có nhớ nghĩ đến chư Phật, nhưng không sinh khởi ý niệm: “Ta chắc chắn sẽ thành Phật”. Ví như con của Chuyển luân Thánh vương, sinh trong nhà Chuyển luân Thánh vương nên thành tựu tướng Chuyển luân Thánh vương, nhớ nghĩ đến Chuyển luân Thánh vương quá khứ với công đức tôn quý nên phát sinh ý niệm: “Ta chắc chắn sẽ thành Phật”. Ví như con của Chuyển luân Thánh vương, sinh trong nhà Chuyển luân Thánh vương nên thành tựu tướng Chuyển luân Thánh vương, nhớ nghĩ đến Chuyển luân Thánh vương quá khứ với công đức tôn quý nên phát sinh ý niệm: “Ta nay cũng có những tướng như thế, cũng sẽ được giàu sang tôn quý, nên tâm hết sức vui mừng”. Nếu không có tướng Chuyển luân Thánh vương, thì không

có sự vui mừng ấy. Nếu Bồ-tát tất định nhớ nghĩ đến chư Phật, nhớ nghĩ đến công đức lớn lao, những oai nghi đáng tôn quý của chư Phật, rồi nói: “Ta có những tướng ấy, tất sẽ thành Phật, tức hoan hỷ lớn”. Những người khác thì không có sự việc ấy. Tâm định là vào sâu nơi pháp của Phật, tâm không còn bị lay động.

Lại nữa, ở Địa thứ nhất, khi Bồ-tát nhớ nghĩ đến chư Phật, khởi lên ý nghĩ: “Không bao lâu nữa, ta cũng sẽ tạo lợi ích cho thế gian”. Khi Bồ-tát nhớ nghĩ đến pháp của Phật thì tư duy: “Ta cũng sẽ được thân tướng hảo và thành tựu pháp bất cộng như chư Phật. Ta sẽ giảng nói pháp cho các chúng sinh tùy căn thiện đã gieo trồng theo tâm lực lớn nhỏ của họ. Hơn nữa, ta đã có được hương vị của pháp thiện, không bao lâu cũng như Bồ-tát tất định, du hành trong thần thông”.

Lại nữa, nhớ nghĩ đến đạo của Bồ-tát tất định đã tu tập, dù cả thế gian không thể tin, ta cũng sẽ hành hóa như thế. Nghĩ đến những điều ấy tức tâm được nhiều hoan hỷ. Những người khác thì không được như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát này khi đã nhập nơi Địa thứ nhất, tâm quyết định và nguyện không dời động, chỉ mong cầu điều cần cầu, ví như Hương tượng hành tác thì chỉ có Hương tượng mới làm được, những loài thú khác không thể làm nổi.

Thế nên những gì ông đã nói là không đúng.

Lại nữa, Bồ-tát chứng đắc Địa thứ nhất, tâm không còn lo sợ nên tâm nhiều hoan hỷ. Nếu còn lo sợ thì tâm không thể hoan hỷ.

Hỏi: Bồ-tát không sợ những gì?

Đáp:

*Sợ không thể sống nổi
Sợ chết, sợ đường ác
Sợ oai đức đại chúng
Sợ tiếng xấu, bị chê*

*Sợ trời giam, gông cùm
Sợ tra khảo, nhục hình
Vô ngã và ngã sở
Đâu còn những sợ ấy!*

Hỏi: Do đâu Bồ-tát trụ nơi Địa thứ nhất không còn sợ không sống nổi?

Đáp: Do Bồ-tát có đại oai đức, do Bồ-tát có khả năng chịu đựng, do Bồ-tát có trí tuệ lớn, do biết dừng khi vừa đủ và Bồ-tát luôn nghĩ như vậy: “Ta đã tu tập nhiều phước đức, người có phước thì những y phục, thức ăn uống và những vật cần dùng, chúng sẽ đến một cách tự nhiên. Như thuở xưa, nơi kiếp đầu tiên, ai là bậc Đại nhân thì được quần thần, sĩ, dân tôn lên làm vua. Còn những ai phước đức mỏng, dù được sinh vào nhà vua, cũng vẫn phải tự nuôi sống bằng sức mình, áo cơm hầy còn không đầy đủ huống nữa là chuyện đất nước”. Bồ-tát lại nghĩ như vậy: “Ta vốn tu tập nhiều phước đức, như nơi kiếp đầu tiên, vua tự nhiên lên ngôi, Ta cũng như vậy, Ta cũng sẽ đạt được sự việc như thế, không nên lo sợ không sống nổi”.

Lại nữa, người tuy phước mỏng, nhưng có sức chịu đựng, siêng hành phương tiện thì vẫn tạo được sự sống. Như kinh nói: “Nhờ có ba nhân duyên mà được tiền của: 1. Trong đời này, tự tạo phương tiện. 2. Nhờ người khác giúp thêm sức. 3. Nhân duyên do phước đức”. Ta có khả năng kham nhận những việc khó thành tựu. Hiện đời cũng có nhiều lực phương tiện, không nên có ý lo sợ mình không sống nổi. Người có trí tuệ dù ít phương tiện vẫn có thể tự sống, có thể cầu Phật đạo. Nay ta có được phần trí tuệ ấy, tức người có trí tuệ lợi căn vẫn tự sinh sống, không nên lo sợ không sống nổi.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ như vậy: “Ta sống nơi thế gian, vốn không bao giờ hết tám sự việc: lợi, hại, trách, mừng, khen, chê, khổ, vui v.v..., do vậy không nên vì không gặp phải mà lo sợ không sống nổi”.

Lại nữa, vì biết đủ nên Bồ-tát tùy theo những gì mình có được dù tốt xấu ngon dở vẫn an vui, không nên lo sợ không sống nổi. Những người không biết đủ thì dù được của cải đầy khắp thế gian vẫn không bằng lòng. Như kệ nói:

*Như có người cùng khổ
Chỉ cầu nơi áo com
Áo com đã có đủ
Lại muốn tốt đẹp hơn.
Đã được tốt đẹp rồi
Lại mong được tôn quý
Đã đạt được tôn quý
Cầu làm vua khắp chốn.
Được làm vua đủ nơi
Lại cầu làm Thiên vương
Người thế gian tham muốn
Của cải sao cho đầy?*

Nếu người biết đủ, dù được ít của cải, nhưng đời này, đời sau vẫn có thể thành tựu được những lợi ích cho họ. Ở Địa này, Bồ-tát vui thích bố thí, có đầy đủ trí tuệ, nên hầu hết đều có thể phát sinh căn thiện không tham. Nếu không ưa thích bố thí lại tạo nhiều điều ác, do nhân duyên của tham lam, keo kiệt, ngu si, thì căn bất thiện tham lam keo kiệt càng tăng. Cách sống không biết đủ là thuộc về tham lam, keo kiệt. Thế nên, Bồ-tát hầu hết đều phát tâm nuôi lớn căn thiện không tham, do vậy mà biết đủ, vì biết đủ nên không lo là không sống nổi.

Không sợ chết: Là do biết tạo nhiều phước đức, luôn biết nhớ nghĩ về sự chết, biết chắc không tránh khỏi, biết sự chết đã có từ vô thủy qua các cõi, ai cũng phải thọ nhận. Do tu tập nhiều về pháp không, nên Bồ-tát nghĩ như vậy: “Nếu người không tu phước đức thì sợ chết, tự lo sợ kiếp sau bị đọa vào đường ác, còn ta thì tích tập nhiều các

thứ phước đức, nên khi chết liền sinh vào xứ thù thắng, do vậy không nên sợ chết”. Như kệ nói:

*Đợi chết như yêu khách
Đi như đến hội lớn
Do tạo nhiều phước đức
Khi bỏ mạng không sợ.*

Bồ-tát lại còn nghĩ: “Sự chết tùy theo nơi thân được thọ nhận, tâm sau cùng diệt là chết”. Nếu tâm diệt là chết, thì tâm niệm niệm diệt nên đều phải là chết. Nếu sợ chết, thì tâm từng niệm từng niệm diệt đều nên có sẽ không phải chỉ sợ nơi tâm diệt sau cùng, mà cũng phải sợ phần trước lúc tâm ấy diệt hẳn. Vì sao? Vì tâm diệt thì trước sau không khác nhau. Nếu cho là sợ đọa vào đường ác nên sợ tâm diệt sau cùng, thì người tạo phước đức sẽ không sợ bị đọa vào đường ác, như đã nói ở trước. Ta sẽ nhận niệm niệm diệt nên đối với tâm diệt sau cùng, không nên có sự sợ hãi về chết.

Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Từ vô thi nơi các thế giới, ta đã qua lại trong sinh tử, thọ nhận vô lượng vô biên A-tăng-kỳ các pháp chết, không nơi chốn nào thoát khỏi sự chết”. Đức Phật nói: “Sống chết không có khởi đầu. Nếu con người ở trong một kiếp, đã chết rồi, xương được giữ lại sẽ chất cao hơn núi Tuyết. Những người chết như thế, không có gì lợi mình cũng không làm lợi cho ai. Nay ta phát nguyện cầu đạt đạo vô thượng, là muốn lợi mình và cũng vì lợi người, chuyên một lòng hành đạo để có lợi lớn thì đâu còn sợ hãi sự chết”. Nghĩ như thế là Bồ-tát đã lìa bỏ ý niệm sợ chết.

Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Pháp sinh tử tất phải thọ nhận không ai tránh khỏi”. Vì sao? Ở thời kiếp sơ, các Đại vương như vua Đảnh Sinh, Hỷ Kiến, Chiêu Minh v.v... có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, trang nghiêm nơi thân, bảy báu luôn tháp tùng, được cả hàng trời, người kính mến, làm vua bốn thiên hạ, luôn thực hành mười đạo thiện. Nhưng hết thấy các Đại vương ấy vẫn

quy về nẻo chết. Lại có các tiểu Chuyển luân vương Xà-đề-la, tự đem oai lực cai trị xứ Diêm-phù-đề, thân sắc đoan nghiêm, cũng như hàng người trời, hưởng đủ các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, các nơi chốn đều quy phục, không ai chống đối. Vua này giỏi nghề bắn cung. Nhưng từ những bậc vua chúa cho đến hạng vương bá trong đời, cho đến người dân và hết thầy quyền thuộc, không ai thoát khỏi sự chết.

Lại nữa, các bậc Tiên Thánh như Ca-diếp, Kiều-cù-ma v.v..., hành các khổ hạnh, đạt được năm thần thông, tạo nhiều kinh sách, nhưng cũng đều không thoát khỏi cái chết.

Lại nữa, chư Phật, Phật-bích-chi, A-la-hán, tâm được tự tại, hết cầu uế, đắc đạo, cũng đều bị pháp sinh tử hủy diệt. Hết thầy chúng sinh, không một ai vượt khỏi sự chết. Nay, ta phát tâm cầu đạt đạo vô thượng thì không nên sợ chết. Hơn nữa, để phá bỏ ý tưởng sợ chết, phải phát tâm tinh tấn, tự mình trừ bỏ ý tưởng ấy cùng xua trừ cho người khác. Thế nên phát tâm hành đạo thì sao còn sợ hãi về sống chết? Bồ-tát luôn suy nghĩ như thế, về vô thường tức trừ bỏ sợ chết.

Lại nữa, Bồ-tát luôn tu tập pháp Không thì không nên sợ chết. Như kệ nói:

*Người lìa chết, không chết
 Người không chết, lìa chết
 Nhân chết, có người chết
 Nhân người chết, có chết.
 Chết thành, thành kẻ chết
 Chết trước lúc chưa thành
 Không có tướng quyết định
 Không chết, không kẻ chết.
 Lìa chết, có kẻ chết
 Chết là nên tự thành
 Nhưng thật lìa nơi chết*

*Không có người chết thành.
 Mà thế gian phân biệt
 Là chết, là người chết
 Không biết chết đi, đến
 Thế nên không tránh khỏi.
 Do những nhân duyên này
 Quán nơi tướng các pháp
 Tâm không có gì khác
 Cuối cùng không sợ chết.*

Không sợ bị đọa vào đường ác: Là do Bồ-tát thường tu phước đức nên không sợ rơi vào đường ác. Bồ-tát suy nghĩ: Người tạo tội thì bị đọa vào đường ác, không phải là người tạo phước đức. Còn ta dù trong một niệm, cũng không khiến điều ác xâm nhập, nơi thân, miệng, ý luôn khởi nghiệp thanh tịnh. Cho nên nói: Ta thành tựu được vô lượng vô biên công đức, vì thành tựu được nhóm công đức lớn như vậy, thì sao lại sợ bị đọa vào đường dữ?

Lại nữa, Bồ-tát mỗi lần phát tâm như vậy là đem lại lợi ích an lạc cho hết thầy chúng sinh, là đem tâm đại từ bi che chở, nên Bồ-tát trụ nơi xứ bốn công đức, có được vô lượng công đức, vượt qua các đường ác. Vì sao? Vì tâm này là hơn hẳn hết thầy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. Như trong Kinh Tịnh Tỳ Ni nói: “Tôn giả Ca-diếp thừa với Phật: Thật là hy hữu, thừa Đức Thế Tôn! Ngài khéo giảng nói Bồ-tát do tâm Nhất thiết trí này nên có thể vượt hơn hết thầy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi”. Ta đã thành tựu công đức lớn như thế, an trụ trong pháp lớn như thế, đâu còn sợ bị rơi vào đường ác. Bồ-tát lại suy nghĩ như vậy: “Từ vô thủy đến nay, ta từng qua lại trong sinh tử nơi đường ác, thọ nhận vô lượng khổ não, không có ích gì cho mình, cho người”. Nay ta phát đại nguyện đối với đạo vô thượng, là vì muốn lợi mình, lợi người. Từ trước đến giờ, bị đọa vào đường ác không tạo được lợi ích gì, nay vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên giả như bị rơi vào đường ác, ta cũng không sợ.

Lại nữa, Bồ-tát hành trì chân thật phát tâm như vậy: “Giả sử khiến ta phải vào ngục A-tỳ chịu khổ não trong một kiếp, sau đó mới được ra khỏi, để có thể khiến một người sinh một tâm thiện. Tích tập vô lượng tâm thiện như thế, cũng gắng nhận công việc giáo hóa, khiến họ đều phát tâm đối với ba Thừa. Chúng sinh theo thừa Thanh văn nhiều như cát sông Hằng, ta cũng giáo hóa. Chúng sinh theo thừa Phật-bích-chi nhiều như cát sông Hằng. Chúng sinh phát tâm Đại thừa nhiều như cát sông Hằng, ta cũng đều giáo hóa như thế, sau đó mới đạt quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tâm hãy còn không thoái chuyển, hướng chi là nay Ta đã tu tập vô lượng vô biên công đức, đã xa lìa đường ác”. Suy nghĩ như thế, nên Bồ-tát không còn lo sợ nơi đường ác.

Lại nữa, như trong Kinh Địa Ngục Khiếu Hoán nói: Bồ-tát trả lời với ma:

*Ta do hành bố thí
Trong ngục Khiếu hoán này
Những ai được ta thí
Đều sinh nơi cõi trời.
Như thế, tất phải nên
Luôn hành trì bố thí
Ta thọ khổ Khiếu hoán
Chúng sinh tại cõi trời.*

Do những nhân duyên như thế, nên Bồ-tát có thể ngăn chặn sự sợ hãi bị đọa vào đường ác.

Không sợ oai đức của đại chúng: Là do Bồ-tát đã thành tựu văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, do xa lìa các thứ sai lầm của tranh luận, nên Bồ-tát kiến lập được các thứ ngôn thuyết đúng đắn, những lời nói ra đều không lỗi lầm, Bồ-tát có thể đem thí dụ, nhân duyên, kết chúng vào những câu không nhiều không ít, không có nghi hoặc. Bồ-tát không nói lời vô nghĩa, lời dua nịnh, ngôn từ luôn chắc thật, ngay thẳng,

hòa nhã, đầu đầy đều nghiêm trang, khiến người nghe dễ hiểu, dễ nhớ, nghĩa lý sâu xa đều theo thứ lớp. Có khả năng làm sáng tỏ luận thuyết của mình, mới có thể phá luận thuyết của người khác. Lìa bỏ bốn nhân không đúng, giữ đủ bốn nhân lớn. Ngôn từ nghiêm trang như thế, nên dù ở giữa đại chúng, Bồ-tát không hề lo sợ.

Không sợ bị mang tiếng, không sợ bị trách mắng: Là vì không tham lợi dưỡng, vì thân, miệng, ý luôn hành thanh tịnh.

Không sợ bị trói giam, gông cùm, tra khảo: Là do Bồ-tát không phạm tội gì. Luôn hành từ bi đối với hết thảy chúng sinh, thọ nhận các thứ khổ não, căn cứ vào nghiệp nhân và quả báo, nếu trước mình tạo nhân gì, thì nay phải nhận quả ấy. Do những nhân duyên như thế, nên Bồ-tát không có các thứ lo sợ như lo sợ không thể sống nổi v.v...

Lại nữa, do ưa thích quan sát các pháp đều *vô ngã*, nên Bồ-tát không có bất cứ lo sợ nào. Vì tất cả sợ hãi đều từ ngã kiến sinh ra. Ngã kiến là cội gốc của hết thảy các khổ như sầu bi, suy tàn. Bồ-tát ở Địa này, trí tuệ nhanh nhẹn, nên hội nhập nơi tướng thật của các pháp, biết rõ là vô ngã. Đã vô ngã thì sợ hãi từ đâu sinh khởi?

Hỏi: Vì sao Bồ-tát ở Địa này không có tâm chấp ngã?

Đáp: Do Bồ-tát vui với pháp Không, do Bồ-tát quán xét thân mình, lìa ngã và ngã sở. Như kệ nói:

*Tâm ngã, nhân ngã sở
Ngã sở nhân ngã sinh
Thế nên ngã, ngã sở
Cả hai tánh đều không.
Ngã tức nghĩa là chủ
Ngã sở, vật của chủ
Nếu không có ông chủ
Vật của chủ cũng không.
Nếu vật không thuộc chủ*

Tức cũng không có chủ
 Ngã tức là ngã kiến
 Ngã vật, ngã sở kiến.
 Quán thật nên không ngã
 Ngã không, không vô ngã
 Nhân thọ, sinh người thọ
 Không thọ, không người thọ.
 Lìa người thọ, không thọ
 Làm sao nhân thọ thành?
 Nếu người thọ thành thọ
 Thọ tức là không thành.
 Do thọ đã không thành
 Không thể thành người thọ
 Do người thọ đã không
 Không thể nói là ngã.
 Do thọ đã là không
 Không thể nói ngã sở
 Vậy nên ngã, phi ngã
 Cũng ngã, cũng phi ngã.
 Phi ngã, phi vô ngã
 Ấy đều là luận tà
 Ngã sở, phi ngã sở
 Cũng ngã, phi ngã sở.
 Phi ngã, phi ngã sở
 Ấy cũng là luận tà.

Do luôn vui thích tu tập pháp không, vô ngã như thế, nên Bồ-tát lìa khỏi những sự sợ hãi. Vì sao? Vì pháp không, vô ngã có khả năng lìa khỏi các thứ sợ hãi. Vì thế Bồ-tát ở Địa Hoan Hỷ này đều có tướng mạo như thế.

Phẩm 4: TỊNH ĐỊA

Hỏi: Đã chứng đắc Địa thứ nhất, Bồ-tát nên tu trị như thế nào?

Đáp:

*Tín lực chuyển tăng thượng
 Hành sâu tâm đại bi
 Thương xót các chúng sinh
 Tu tâm thiện không chán.
 Mừng vui với pháp diệu
 Luôn gìn tri thức thiện
 Biết hổ thẹn, cung kính
 Tâm mềm dịu hòa hợp.
 Ưa quán pháp không vương
 Một lòng cầu học rộng
 Không tham nơi lợi dưỡng
 Là gian trá, dua nịnh.
 Không làm như nhà Phật
 Không phá giới, chê Phật
 Vui sâu Nhất thiết trí
 Như núi lớn không động.
 Luôn vui tu tập hành
 Pháp diệu càng chuyển thượng
 Ưa pháp xuất thế gian
 Không thích pháp thế gian.
 Địa Hoan Hỷ đối trị
 Tuy khó vẫn đạt được
 Bồ-tát luôn một lòng
 Siêng tu các pháp này
 Bồ-tát hay thành tựu
 Pháp thượng diệu thế ấy*

*Đó tức là an trụ
Trong Sơ địa Bồ-tát.*

Ở Địa Hoan Hỷ này, Bồ-tát dùng **hai mươi bảy pháp** để đối trị tạo thanh tịnh.

Tín lực chuyển tăng thượng: Tín gọi là những gì mình nghe thấy, đều lãnh nhận không nghi ngờ gì. Chuyển tăng thượng là thù thắng.

Hỏi: Có hai thứ tăng thượng: Một là nhiều. Hai là hơn. Ở đây, nói cái nào?

Đáp: Ở đây nói đến cả hai thứ. Khi nhập Địa thứ nhất, Bồ-tát được nhiều hương vị của công đức, nên tín lực chuyển tăng lên. Do tín lực này lường xét về vô lượng công đức thâm diệu của chư Phật đều có thể tin nhận, thế nên tâm này cũng nhiều, cũng hơn hẳn.

Hành sâu tâm đại bi: Nghĩa là thương xót, nhớ nghĩ về chúng sinh, khắc sâu tận xương tủy mình, nên gọi là sâu xa. Vì các loài hữu tình mà cầu Phật đạo nên gọi là đại.

Tâm từ: Nghĩa là thường tìm các việc có lợi ích, an ổn cho chúng sinh. Có ba thứ tâm từ, sau sẽ nói rộng.

Tu tâm thiện không chán: Pháp thiện là thân cận tu tập thì có thể đạt quả đáng yêu thích. Khi tu tập pháp như thế thì tâm không biếng trễ. Nhân duyên của pháp thiện là bốn Nhiếp pháp, là mười đạo thiện, là sáu Ba-la-mật, là mười Địa của Bồ-tát và các công đức.

Mừng vui với pháp diệu: Nghĩa là suy nghĩ tu tập đạt được pháp vị sâu xa, lâu tức sinh vui mừng. Ví như người đứng giữa rừng hoa luôn thích thú ngắm nhìn, thường thức hoa đẹp.

Luôn gần tri thức thiện: Nghĩa là Bồ-tát có bốn bậc tri thức thiện, sẽ nói rộng nơi phần sau. Ở đây, tri thức thiện là chư Phật, là các Bồ-tát. Thường đem tâm chân chánh thân cận thì có thể khiến mừng vui.

Hổ thẹn: Nghĩa là vui mừng vì biết xấu hổ.

Cung kính: Nghĩa là nhớ nghĩ đến công đức của người ấy, tỏ bày sự tôn trọng.

Mềm dịu: Nghĩa là tâm Bồ-tát luôn vui vẻ hòa hợp, cùng nương vào an lạc.

Ưa quán pháp: Pháp là năm âm, mười hai nhập, mười tám giới, không, vô tướng, vô tác v.v... Do nhớ nghĩ chân chánh thường quán xét về những pháp ấy.

Không vương: Vương mắc là tâm hướng vào ba cõi, là nơi chốn quy tụ của các chúng sinh. Có người cho năm dục, các tà kiến mới là chốn quy tụ, hướng tới. Vì sao? Vì tâm chúng sinh thường bị trói buộc vào đó. Bồ-tát tâm trí luôn thông tỏ nên không tham vương.

Một lòng: Nghĩa là quý trọng pháp Phật, tâm không nghĩ tưởng gì khác.

Cầu học rộng: Nghĩa là Phật giảng nói chín bộ kinh có thể suy cứu, tìm tòi tu học thông hiểu đầy đủ.

Không tham nơi lợi dưỡng: Lợi là được thức ăn uống, của cải, vật dụng. Dưỡng là cung kính lễ bái, sắp đặt giường, tòa ngồi để đón tiếp, hoặc đưa tiễn v.v... Bồ-tát nên đem những thứ ấy bố thí cho hết thầy chúng sinh, không tự tham chấp.

Gian trá: Nghĩa là cân đong sai lệch, không chính xác, y phục, vật dụng làm ra không chân thật.

Dua nịnh: Nghĩa là tâm không ngay thẳng. Lừa dối là năm pháp của tà mạng: 1. Tạo bộ dạng khác lạ. 2. Tự làm quen. 3. Xúi giục. 4. Hạ thấp hay đề cao. 5. Nhân lợi cầu lợi.

Tạo bộ dạng khác lạ: Là người ấy tham cầu lợi dưỡng, hoặc tạo hạnh A-lan-nhã, mặc nạp y, hoặc thường khát thực, hoặc ăn ngày một lần, hoặc thường ngồi yên, hoặc giữa hay sau ngọ, không uống nước.

Hành những hạnh Đầu-đà như thế, rồi nghĩ: Người kia nhờ hành như thế nên được cung kính cúng dường, ta hành như vậy chắc cũng sẽ đạt được. Vì nhằm vào lợi dưỡng nên oai nghi đổi dạng, tạo dáng khác thường, nên gọi là Tạo bộ dạng khác lạ.

Tự làm quen: Là có người tham lợi dưỡng, nên tới nhà thí chủ nói năng với giọng thân mật, như là nói với mẹ cha, anh chị mình không khác. Nếu cần gì mình sẽ giúp, làm công việc gì mình sẽ làm giúp. Không kể xa gần vì mình vẫn luôn đến thăm hỏi, mình là người ở chốn này, cứ nhớ diện mạo như vậy là nhận ra ngay. Vì cầu được cúng dường, tham đắm vật dụng nơi đàn-việt, nên thường dùng lời lẽ nhã nhặn, thân mật để dẫn dắt người khác. Tạo những hành như vậy gọi là Tự làm quen.

Xúi giục: Là có người không biết tội tham, muốn có được của cải vật dụng, bèn nghĩ ra cách là khen ngợi các thứ ấy với thí chủ: Bát này rất tốt, chiếc y này thật đẹp, khóa cửa này là chắc lắm, tọa cụ này thật xinh xắn, ước gì tôi có được những thứ ấy để dùng. Lại nói: Tùy hảo tâm của các vị, hạng như tôi, e khó có được. Lại có người đến nhà thí chủ nói: Trong nhà thí chủ có các thứ cơm canh, bánh trái, thịt thơm ngon, y phục lại tốt đẹp, hãy cúng dường cho tôi, cũng là chỗ thân thích xưa, tất sẽ cúng cho tôi luôn thôi! Biểu lộ tánh tham như vậy gọi là Xúi giục.

Hạ thấp hay đề cao: Là có người cũng vì tham lợi dưỡng nên tới nhà thí chủ, nói: Ông thật dè sẻn, đối với cha mẹ, anh chị em, vợ con thân thích ông hãy còn không cho, huống gì là tôi. Mấy ai được ông bố thí các thứ này. Nghe vậy, thí chủ cảm thấy xấu hổ, nên gắng gượng bố thí. Lại đến nhà thí chủ khác nói như vậy: Ông thật có phước đức mới được làm thân người, chứ không phải dễ đâu. Bậc A-la-hán thường lui tới nhà ông, khi ngồi, khi đứng trò chuyện cùng ông v.v... Nói như vậy để cho thí chủ sinh ý nghĩ: Đâu có ai ra vào

nhà ta! Thí chủ đã nghĩ như vậy, tức mặc nhiên hiểu chỉ có ông đây chứ còn ai khác? Đó là Hạ thấp hay đề cao.

Nhân lợi cầu lợi: Là có người đem các vật dụng thiết thân của mình như y bát hoặc Tăng-già-lê, tọa cụ v.v... bày ra và nói với các thí chủ: Những thứ vật dụng này là của vua, quan và những bậc hào quý khác đã cùng cho tôi. Rồi nghĩ: Thí chủ này có thể khởi ý như vậy: Vua và các bậc hào quý ấy còn cúng dường, sao ta lại không cúng dường? Nhân nơi lợi dưỡng này lại cầu lợi dưỡng khác, nên gọi là Nhân lợi cầu lợi. Do vậy, Bồ-tát nên xa lìa những thứ hành gian dối như thế.

Không làm như nhà Phật: Những gì gọi là làm như nhà chư Phật? Có người nói: Nếu người đã phát tâm cầu đạo vô thượng rồi, sau lại xoay sang hành theo hai thừa Thanh văn, Phật-bích-chi, tức người ấy không còn trụ ở thế gian, nối giòng Tam bảo. Đó gọi là làm như nhà chư Phật. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì người này có khả năng vượt qua sinh tử, lại chứng được căn, lực, giác đạo vô lậu, và cũng là Phật tử, thì sao nói là làm như nhà chư Phật? Như kinh nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo: Các thầy là con của Như Lai sinh ra từ tâm của Ta, từ miệng của Ta, chứng được pháp phần”.

Lại nữa, có người Thanh văn bảo: Các xứ: Đê, Diệt, Xả, Tuệ là nhà của chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật đều sinh ra từ bốn sự việc ấy. Nếu làm như bốn pháp ấy thì gọi là làm như nhà chư Phật. Thế nên nếu người tham lam, cuồng loạn, ngu si theo hư vọng là người làm như nhà chư Phật. Nếu hành đúng đắn bốn pháp ấy, tức không làm như nhà chư Phật.

Lại có người nói: Sáu pháp Ba-la-mật là nhà chư Phật, do chư Phật sinh ra từ đó. Nếu người làm trái sáu pháp này là làm như nhà chư Phật.

Lại có người nói: Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, phương tiện là cha, hợp hai thứ lại là nhà của chư Phật, vì hai pháp này đã sinh ra chư Phật. Nếu chống trái pháp này là làm như nhà chư Phật.

Lại nữa, trong kệ Tự thuyết, nói: “Tướng không nhiễm ô đối với chôn nhiễm ô, đó là không phá giới, không lừa dối Phật. Nếu thọ giới Phật mà không thể giữ giới tức là lừa dối chư Phật, làm nhơ nhà Phật. Vì sao? Vì khi thọ giới là đã sinh trong nhà Phật, cho nên phá giới là lừa dối chư Phật, là làm nhơ nhà Phật”.

Hỏi: Bồ-tát tất định có phá giới chăng?

Đáp: Phiền não không đoạn dứt hết là việc đáng sợ, do không bao lâu, Bồ-tát sẽ nhập nẻo tất định, đôi khi có phá giới. Như trong Đại Thắng Pháp, Phật có nói: Nan-đà cố phá giới. Ta nói chuyện này còn lấy làm sợ. Chỉ vì trong kinh có nói đến chuyện ấy. Do tin lời Phật giảng nói nên tâm lãnh nhận. Nếu thọ giới rồi mà không phá giới, không lừa dối Phật, gọi là không làm nhơ nhà Phật.

Lại nữa, giới gọi là một trong ba học: Giới học, Tâm học, Tuệ học. Phá cái học ấy gọi là làm nhơ nhà Phật. Thọ giới đúng pháp, sau đó lại phá giới, gọi là lừa dối Phật.

Hai câu như thế đều có nghĩa sâu xa.

Lừa dối Phật: Là không tự phát nguyện, không làm theo lời Phật dạy, khinh dối chúng sinh, đó gọi là lừa dối Phật. Lại nữa, trong tất cả pháp, hành không đúng như lời Phật dạy, gọi là lừa dối Phật.

Vui sâu Nhất thiết trí, Như núi lớn không động: Nghĩa là Bồ-tát này, tất cả sự phát nguyện, với vô số nhân duyên cầu đạt Nhất thiết trí, dầu phải ở trong đại địa ngục chịu khổ, tâm vẫn không động, như núi chúa Tu-di luôn lặng yên trước mọi giông bão.

Thường tu pháp chuyển thượng: Nghĩa là từ buổi đầu mới phát tâm đã cầu tìm thắng pháp. Khi vào Địa thứ nhất lại tu pháp thượng diệu, cứ thế tiến tới, tâm không hề chán đủ.

Ưa pháp xuất thế gian, Không thích pháp thế gian: Pháp thế gian là pháp thuận theo các sự việc thế gian, chỉ tăng trưởng sinh tử.

Đó là: sáu đường, ba cõi, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, các phiền não hữu lậu, nghiệp v.v... Còn pháp xuất thế gian là pháp tùy theo những sự tu tập có thể ra khỏi ba cõi. Đó là những pháp như năm căn, năm lực, bảy giác, tám đạo, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, các môn giải thoát: Không, vô tướng, vô tác, giới, luật nghi, học rộng, các căn thiện không tham sân si, tâm chán lìa, không phóng dật. Do Bồ-tát này căn trí thông lợi nên không ưa thích pháp thế gian hư vọng, chỉ vui thích pháp xuất thế gian chân thật.

Địa Hoan Hỷ đối trị, Tuy khó vẫn đạt được: Trị nghĩa là thông đạt, không trở ngại. Như người chẻ tre, đốt, đoạn đầu tiên là khó, phần còn lại đều dễ. Phần khó đối trị của Địa thứ nhất đã được thông tỏ thì những phần còn lại là dễ. Vì sao? Vì ở Địa thứ nhất, Bồ-tát chưa đủ uy lực, căn thiện chưa sâu dày, tu tập pháp thiện chưa lâu, các căn như mắt v.v... còn tùy theo các trần, tâm chưa điều phục, nên còn bị các phiền não gây khó khăn. Ví như người chưa đủ thể mạnh mà lội ngược nước thì khó. Lại, trong Địa này, ma và quân ma còn gây nhiều chướng ngại. Do vậy, Bồ-tát phải dùng sức mạnh của phương tiện siêng hành tinh tấn, nên Địa này còn gọi là Nan trị.

Tín lực như thế, chuyển tăng thượng thành đứng đầu. Không ưa pháp thế gian thì ở sau tu tập hai mươi bảy pháp ấy là Bồ-tát ở Địa Hoan Hỷ cần đối trị. Thế nên nói: *Bồ-tát luôn một lòng, Siêng tu các pháp này.* Tu hành gọi là một lòng không phóng dật, thường hành trì, thường quán xét để trừ bỏ những lỗi lầm xấu ác, nên gọi là đối trị. Ví như con đường có nhiều người đi nên được đối trị khiến sạch sẽ. Các pháp ấy không chỉ để tu tập, đối trị ở Địa thứ nhất mà nơi tất cả các địa đều dùng pháp này.

Hỏi: Ông đã nói về phương tiện đạt được Địa thứ nhất và pháp tịnh trị ở Địa ấy, nhưng Bồ-tát làm thế nào để an trụ, không thoái chuyển?

Đáp: Luôn thành tựu việc hành trì, các pháp chuyển tăng thượng như tín lực v.v..., gọi là an trụ nơi Địa thứ nhất. Bồ-đề gọi là đạo trên hết. Tát-đỏa gọi là thâm tâm, vui thích sâu xa Bồ-đề gọi là Bồ-đề Tát-đỏa. Lại nữa, chúng sinh gọi là Tát-đỏa, vì chúng sinh tu tập Bồ-đề, nên gọi là Bồ-đề Tát-đỏa.

Pháp thượng diệu: Là các pháp như tín v.v... có thể khiến người thành tựu Phật đạo, nên gọi là pháp thượng diệu.

Phẩm 5: THÍCH NGUYỆN, phần 1

Đã nói về phương tiện để nhập Địa thứ nhất cùng pháp tịnh trị của Địa ấy. Bồ-tát nhân nơi nguyện nên được nhập nơi các địa. Lại nữa, do thành tựu các công đức như tín lực tăng thượng nên an trụ nơi Địa này. Nay sẽ phân biệt những nguyện ấy.

** Nguyện cúng dường, phụng dâng
Cung kính tất cả Phật
Nguyện giữ gìn thọ trì
Hết thầy pháp chư Phật.*

Đây là nguyện ban đầu của các Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến chứng quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Trong suốt thời gian ấy, phải luôn cung kính, cúng dường, phụng dâng hết thầy chư Phật hiện có.

Cúng dường là dùng hương hoa, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng báu, đèn sáng, xây chùa tháp v.v... *Phụng dâng* là cung cấp những thứ vật dụng cần thiết như y phục, đồ để ngồi v.v... *Cung kính* là tôn trọng, lễ bái, đưa rước, chấp tay đứng hầu. Lại nữa, dùng pháp Tiểu thừa giáo hóa chúng sinh gọi là *cúng dường*. Dùng pháp Phật-bích-chi giáo hóa chúng sinh gọi là *phụng dâng*. Dùng pháp Đại thừa giáo hóa chúng sinh gọi là *cung kính*. **Đó là nguyện thứ nhất.**

*** Lại nữa:**

*Nguyện giữ gìn thọ trì
Hết thấy pháp chư Phật*

Nghĩa là Bồ-tát nghĩ như vậy: Hết thấy pháp của chư Phật nơi ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, trong mười phương, Ta đều phải giữ gìn.

Hỏi: Chư Phật quá khứ đã nhập diệt, thì pháp cũng diệt theo. Chư Phật vị lai thì chưa xuất hiện, giáo pháp vì thế cũng chưa có. Hãy còn không có chuyển pháp luân đầu tiên hướng chi là pháp khác làm sao có thể hộ trì? Chính là chỉ có thể bảo vệ pháp của chư Phật hiện tại, do chư Phật trong hiện tại thuyết giảng.

Đáp: Pháp của chư Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều là một thể, một tướng. Do vậy, nếu giữ gìn pháp của một Đức Phật, tức là đã giữ gìn pháp của chư Phật trong ba đời. Như kinh nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo: Pháp của Phật Tỳ-bà-thi về xuất gia, thọ giới, đắp y, mang bát, tu tập thiền định, trí tuệ, thuyết pháp, giáo hóa cũng như Ta”.

Do vậy, câu hỏi của ông không đúng. **Đó là nguyện thứ hai.**

*** Lại nữa:**

*Từ cung trời Đâu-suất
Chư Phật đến thế gian
Khi giáo hóa xong rồi
Vĩnh viễn nhập Vô dư.
Nơi thai mẹ, lúc sinh
Xuất gia đến đạo tràng
Hàng ma, thành Phật đạo
Chuyển pháp luân vi diệu.
Đón tiếp các Như Lai
Trong những thời gian khác
Nguyện tôi đều sẽ được
Hết lòng mà cúng dường.*

Đầu tiên, từ cung trời Đâu-suất, chư Phật hạ sinh nơi thế gian, cuối cùng nhập Niết-bàn vô dư. Trong thời gian ấy lúc còn trong thai mẹ, đã thiết lễ cúng dường. Sau khi chào đời, xuất gia hướng đến đạo tràng, hàng phục ma vương thành Phật, chuyển pháp luân đầu tiên, là nghênh rước Như Lai. Thời gian khác là hiện đại thần thông, tạo hội lớn nơi hàng trời người, độ khắp chúng sinh. Bấy giờ, nên dùng hương hoa cúng dường với cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc ca tụng tán thán. Xuất gia, thọ giới đúng như pháp, tu theo lời Phật dạy. Đem các thứ cúng dường bậc nhất này để cúng dường chư Phật. **Đó là nguyện thứ ba.**

*** Lại nữa:**

*Nguyện giáo hóa chúng sinh
Khiến đều nhập các đạo.*

Giáo là dạy pháp thiện cho mọi người. *Hóa* là lia khỏi pháp ác. Ta sẽ dùng hai pháp này khiến cho vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh được trụ trong đạo Thanh văn, Phật-bích-chi. **Đó là nguyện thứ tư.**

*** Lại nữa:**

*Nguyện hết thầy chúng sinh
Thành tựu Bồ-đề Phật
Cả người hướng Thanh văn
Hay đạo Phật-bích-chi.*

Người này tu tập pháp của Thanh văn, Phật-bích-chi, chưa vào phần vị pháp, tôi sẽ giáo hóa khiến họ đến với Phật đạo. Những người không hướng về đạo của Thanh văn, Phật-bích-chi, tôi sẽ giáo hóa khiến họ hướng về Phật đạo vô thượng. Còn ai đã hướng về Phật đạo vô thượng, tôi sẽ chỉ bày lợi ích an vui để công đức của họ chuyển thêm lên. Giáo hóa hết thầy chúng sinh như thế. **Đó là nguyện thứ năm.**

* *Lại nữa:*

*Nguyện khiến hết thầy pháp
Tin hiểu nhập bình đẳng.*

Hết thầy pháp: Gồm pháp hiện có. Pháp vượt qua, pháp không phải vượt qua. Pháp gồm thâm giác ý, pháp không phải gồm thâm giác ý. Pháp trợ đạo, pháp không phải trợ đạo. Pháp thuộc về Thánh đạo, pháp không phải thuộc về Thánh đạo. Pháp nên tu, pháp không nên tu. Pháp nên gần, pháp không nên gần. Pháp nên làm phát sinh, pháp không nên làm phát sinh. Pháp sinh, pháp không sinh. Pháp hiện tại, pháp không phải hiện tại. Pháp nhân duyên sinh, pháp không phải nhân duyên sinh.

Pháp nhân duyên, pháp không phải nhân duyên. Pháp từ tư duy sinh, pháp không phải từ tư duy sinh. Pháp thô, pháp tế. Pháp nhận lãnh, pháp không nhận lãnh. Pháp trong, pháp ngoài. Pháp thuộc về nội nhập, pháp không phải thuộc về nội nhập. Pháp thuộc về ngoại nhập, pháp không phải thuộc về ngoại nhập. Pháp thuộc về năm ấm, pháp không phải thuộc về năm ấm. Pháp thuộc về năm thọ ấm, pháp không phải thuộc về năm thọ ấm. Pháp thuộc về tứ đế, pháp không phải thuộc về tứ đế.

Pháp trợ giúp đời, pháp không phải trợ giúp đời. Pháp dựa vào tham, pháp dựa vào xuất ly. Pháp điên đảo, pháp không điên đảo. Pháp biến đổi, pháp không biến đổi. Pháp hồi hận, pháp không hồi hận. Pháp Đại thừa, pháp Tiểu thừa. Pháp thọ xứ, pháp không phải thọ xứ. Pháp có thể đoạn trừ, pháp không thể đoạn trừ. Pháp tri kiến, pháp không phải tri kiến. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp có trói buộc, pháp không trói buộc.

Pháp có tịnh, pháp không có tịnh. Pháp hữu thượng, pháp vô thượng. Pháp có giác, pháp không có giác. Pháp có quán, pháp không có quán. Pháp đáng vui, pháp không đáng vui. Pháp tương ưng,

pháp không tương ưng. Pháp có phân biệt, pháp không phân biệt. Pháp thực hành, pháp không thực hành. Pháp có duyên, pháp không duyên. Pháp có thứ lớp, pháp không có thứ lớp. Pháp có thể thấy, pháp không thể thấy.

Pháp có đối, pháp không đối. Pháp có thể thấy có đối, pháp không thể thấy không có đối. Pháp có tướng, pháp không tướng. Pháp có thể hành, pháp không thể hành. Pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp hiểm, pháp không phải hiểm. Pháp có gốc, pháp không gốc. Pháp có xuất, pháp không xuất. Pháp chúng sinh, pháp không phải chúng sinh. Pháp khổ, pháp không khổ. Pháp phiền não, pháp không phải phiền não.

Pháp có, pháp không phải có. Pháp nghịch, pháp không phải nghịch. Pháp có báo vui, pháp không phải có báo vui. Pháp có báo khổ, pháp không phải có báo khổ. Pháp do nhớ nghĩ sinh, pháp không phải do nhớ nghĩ sinh. Pháp hành trí tuệ làm đầu, pháp hành không phải trí tuệ làm đầu. Pháp hành lấy tín làm đầu, pháp hành không phải lấy tín làm đầu.

Pháp lấy suy tư làm đầu, pháp không phải lấy suy tư làm đầu. Pháp lấy nguyện làm đầu, pháp không phải lấy nguyện làm đầu. Pháp sắc, pháp không phải sắc. Pháp giáo hóa, pháp không phải giáo hóa. Pháp biến hóa, pháp không phải biến hóa. Pháp du hành như ý, pháp không phải du hành như ý. Pháp căn bản của dục, pháp không phải căn bản của dục. Pháp có nhân thiện, pháp không phải có nhân thiện.

Pháp có nhân của căn thiện, pháp không phải có nhân của căn thiện. Pháp định, pháp bất định. Pháp của thân, pháp không phải của thân. Pháp của miệng, pháp không phải của miệng. Pháp của ý, pháp không phải của ý. Pháp phát sinh vì có đối xúc, pháp không phải phát sinh vì có đối xúc. Pháp phát sinh do ý xúc, pháp không phải phát sinh do ý xúc. Pháp ác, pháp không phải ác. Pháp thiện, pháp không phải thiện.

Pháp có khả năng sinh, pháp không phải có khả năng sinh. Pháp niệm niệm diệt, pháp không phải niệm niệm diệt. Pháp gồm thâm tụ, pháp không phải gồm thâm tụ. Pháp phân minh, pháp không phải phân minh. Pháp có nhân, pháp không phải có nhân. Pháp có duyên, pháp không phải có duyên. Pháp nhân duyên, pháp không phải nhân duyên. Pháp có nhân sinh ra, pháp không phải có nhân sinh ra. Pháp có nhân, pháp không phải có nhân.

Pháp một, pháp khác. Pháp diệt, pháp không phải diệt. Pháp gồm thâm căn, pháp không phải gồm thâm căn. Pháp cộng tâm, pháp không phải cộng tâm. Pháp tâm, pháp không phải tâm. Pháp tâm số, pháp không phải tâm số. Pháp cùng xúc có năm, pháp không phải cùng xúc có năm. Pháp cùng được mười sáu, pháp không phải cùng được mười sáu. Pháp tế, pháp thô. Pháp hồi hướng, pháp không hồi hướng.

Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Pháp do kiến để đoạn trừ, pháp do tư duy đoạn trừ, pháp không đoạn trừ. Pháp hữu học, pháp vô học, pháp phi học, phi vô học.

Ngàn vạn vô lượng các thứ pháp đều khiến được nhập vào pháp môn Không, Vô tướng, Vô tác, bình đẳng, không hai, là do diệu lực của tin hiểu. **Đó là nguyện thứ sáu.**

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 3

Phẩm 5: THÍCH NGUYỄN, phần 2

*** *Lại nữa:***

*Nguyễn làm tịnh cõi Phật
Diệt trừ các tạp ác.*

Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời thù ghét, tham lam, giận dữ, sống tà vạy, uống rượu v.v..., có những việc xấu ác như thế gọi là bất tịnh.

Lại nữa, trong cõi nước có các đường ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v..., gọi là bất tịnh.

Lại nữa, chúng sinh luôn bị che phủ, vây bọc do các thứ xấu ác không có lòng tin, biếng nhác, tâm loạn động, ngu si, dua nịnh, ganh ghét, bòn sẻn, giận dữ, đi theo tà kiến, mạn, kiêu mạn, đại mạn, ngã mạn, tà mạn, tạo hình dạng khác lạ, tự làm quen, xúi giục, hạ thấp, đề cao, nhân lợi cầu lợi, chuộng vui thế tục, phóng dật, tự buông thả, nhiều dục ác, tham dâm tà vạy, không biết đến cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, không nhẫn nhục, phá oai nghi, nêu vấn nạn sai lạc, giác quán lầm lẫn, tham dục, sân hận, ham ngủ nghỉ, đùa cợt, nghi ngờ, hối tiếc v.v..., gọi là bất tịnh.

Lại nữa, còn có nhiều thứ chim thú dữ, nhiều giặc cướp, thù oán, không có nước uống, đói khát, bệnh dịch, khiến người sợ, cả đến

hàng phi nhân cũng sợ. Bên trong thì phản nghịch, bên ngoài thì giặc già, hoặc mưa nhiều, hoặc hạn hán, những thứ khổ não ấy là những báo hiệu suy hoại về một tiểu kiếp tận diệt. Đó gọi là bất tịnh.

Lại nữa, chúng sinh thọ mạng ngắn ngủi, hình sắc xấu ác, thiếu sức mạnh, nhiều lo buồn, thiếu can đảm, tài năng, lắm bệnh tật, oai lực kém, quyến thuộc ít ỏi, quyến thuộc xấu xa, dễ đổ vỡ, nhà ở chật chội, cuộc sống khó khăn, xuất gia không đúng pháp, gọi là bất tịnh.

Lại nữa, là những Tăng-khur-du-già, Ưu-lâu-ca vương, Na-ba-la-tha, Tỳ-khur-na, Bình-sa vương, Tiên nhân Na-cát-lược, Tiên nhân voi, người đoạn dâm, đệ tử hành trên cao, kẻ chặn dê, người có tâm lớn, người nhẫn nhục, Kiều-đam-ma, Cưu-lan-đà, người sinh sống, kẻ độ người, kẻ lợi qua nước, Bà-la-sa-già-na, Phả-la-đọa-xà, người mặc y, người không có y, người mặc y rách nát, người mặc áo da, người mặc áo bằng cỏ, người mặc y dưới, người mặc áo kết bằng lông chim Giác điệt, người mặc áo bằng vỏ cây, người tắm giặt ngày ba lần, người tùy thuận, người thờ Phạm vương, người thờ Cúu-ma-la, người thờ Tỳ-xá-xà, người thờ Kim-sí-diểu, người thờ Càn-thát-bà, người thờ Diêm-la vương, người thờ Tỳ-sa-môn vương, người thờ thần Mật Tích, người thờ thần Phù-đà, người thờ rồng, Sa-môn lửa hình, Sa-môn áo trắng, Sa-môn áo nhuộm, Sa-môn Mạt-ca-lê, người Tỳ-la-sí-tử, người Ca-chiên-diên Ni-kiên-tử, người Tát-kỳ-già-tử, người giữ giới bò, người giữ giới nai, người giữ giới chó, người giữ giới ngựa, người giữ giới voi, người giữ giới ăn xin, người giữ giới Cúu-ma-la, người giữ giới chư Thiên, người giữ giới ở trên, người giữ giới dâm dục, người giữ giới tịnh khiết, người giữ giới lửa.

Có người nói sắc diệt là Niết-bàn, người nói thanh diệt là Niết-bàn, người nói hương diệt là Niết-bàn, người nói vị diệt là Niết-bàn, người nói xúc diệt là Niết-bàn, người nói giác quán diệt là Niết-bàn, người nói hỷ diệt là Niết-bàn, người nói khổ, vui diệt là Niết-bàn, người quần áo ướt làm vòng hoa, người dùng nước sạch, người ăn

sạch, người sống sạch, người cầm chày giã, người đập đá, người vui mừng khi tắm, người lặn hụp dưới sông, người ở nơi đất trống, người nằm trên gai nhọn, người có tánh thế gian, người to lớn, người chấp ngã, người ưa sắc, người ưa âm thanh, người ưa mùi thơm, người ưa đồ ngon, người ưa đụng chạm, người biết về đất, người biết về nước, người biết về lửa, người biết về gió, người biết về hư không, người biết về hòa hợp, người biết về biến đổi, người biết về mắt, người biết về tai, người biết về mũi, người biết về lưỡi, người biết về thân, người biết về ý, người biết về thần túc.

Vô số tà kiến, tà hành của hàng xuất gia, tại gia như thế gọi là bất tịnh.

Lại nữa, mặt đất chỗ cao, chỗ thấp, hầm hố, gò nông, rừng rậm, lùm cây, gai góc đủ loại, gây nhiều trở ngại. Bụi bặm, sỏi cát ứ đọng, bùn lầy như nhớt, nước lụt đọng từng vũng lớn nhỏ. Núi cao hiểm trở, đèo dốc quanh co, trở ngại, rừng rú trùng điệp, ngăn cách, sừng sững khó vượt. Các mỏ muối đều bị cháy khô chỉ còn lại sỏi đá. Trái cây kém màu sắc, hương, vị. Các loại cỏ thuốc không tốt. Uy lực suy yếu do thiếu ăn uống, không còn các vẻ đẹp của sắc, thanh, hương, vị, xúc, không còn cảnh đẹp của vườn hoa, lầu gác, suối chảy, ao tắm, núi nhỏ, mô đất cao v.v... Những nơi lên núi trông xa vui thú đều điêu tàn. Quận, huyện, xóm làng không còn kề nhau. Nhiều đất, gò bỏ hoang, dân cư thưa thớt, hầu hết đều nghèo khổ, bần cùng, thấp kém. Ở kinh thành thì tể tướng, đại quan, người cao sang, khách buôn, thợ lành nghề, người học hỏi, hết thảy đều giảm thiểu. Những vật cần dùng cho thân như y phục, tọa cụ, thuốc men đều khó kiếm, dù có được cũng không phải là thứ tốt, tất cả đó là bất tịnh.

Nói tóm lược thì bất tịnh có 2 thứ:

1. Do nhân duyên của chúng sinh.
2. Do nhân duyên của hành nghiệp.

Do nhân duyên của chúng sinh: Là chúng sinh có nhiều lỗi lầm xấu ác.

Do nhân duyên của hành nghiệp: Là các việc đã làm đều gây nhiều tội ác.

Hai sự việc này như đã nói ở trên. Nếu chuyển đổi hai sự việc này tức có công đức của chúng sinh và công đức của hành nghiệp. Hai thứ công đức ấy gọi là Tịnh độ (Cõi thanh tịnh).

Nên biết, cõi nước thanh tịnh này tùy theo nhân duyên nơi bản nguyện của các Bồ-tát, do các Bồ-tát có thể hành trì vô số tinh tấn lớn. Bồ-tát ước nguyện vô lượng thứ, không thể nói hết, thế nên nay chỉ nói tóm lược, nhằm mở bày chỉ rõ về những đầu mối của sự việc. Còn những việc khác, nên biết như thế.

Nói tóm lược về tướng của Tịnh độ: Đó là Bồ-tát khéo chứng đắc quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, oai lực công đức của Phật, pháp đầy đủ, Thanh văn đầy đủ, cây Bồ-đề đầy đủ, thế giới trang nghiêm, chúng sinh thiện lợi. Người có thể hóa độ là nhiều đại chúng được tập hợp đầy đủ, Phật lực đầy đủ.

Người khéo chứng quả Bồ-đề dùng 10 việc để trang nghiêm:

1. Lìa các khổ hạnh.
2. Không có tâm chán nản, thấp kém.
3. Mau chóng chứng đắc.
4. Không cầu học thầy ngoại đạo.
5. Đầy đủ các Bồ-tát.
6. Không có ma oán.
7. Không còn những trở ngại.
8. Chư Thiên tạo hội lớn.
9. Đầy đủ sự việc hy hữu.
10. Thời gian đầy đủ.

Lìa các khổ hạnh: Nếu vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng mà xuất gia, thì Bồ-tát không hành các thứ khổ hạnh, như bốn ngày, sáu ngày, tám ngày, hay nửa tháng, cho đến một tháng, chỉ ăn một hạt mè, hạt gạo, một trái cây, hoặc chỉ uống nước hay chỉ nuốt không khí. Không cầu đạo theo những thứ khổ hạnh đó, chỉ an tọa nơi đạo tràng thành tựu đạo quả.

Không có tâm chán nản, thấp kém: Nếu Bồ-tát chỉ có được chút ít tâm chán lìa, liền xuất gia.

Mau chóng chứng đắc: Là Bồ-tát đã xuất gia rồi, tức sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Không cầu học thầy ngoại đạo: Là khi Bồ-tát xuất gia rồi, thì không tìm học với các thầy ngoại đạo, dù đó là các Đại sư có danh tiếng v.v... Cũng không tìm đến để thưa hỏi như: Các ông giảng nói pháp gì? Bàn luận việc gì? Dùng những gì để tạo lợi ích? Cũng không nên cầu tìm khắp bốn phương.

Đầy đủ các Bồ-tát: Là khi Bồ-tát sắp thành Phật đạo, thì các Bồ-tát trong Tam thiên đại thiên thế giới và chư vị Bồ-tát của những phương khác, đều mang các vật dụng cúng dường đến vây quanh, đợi khi thành Phật đạo, phóng ánh sáng lớn, tức đồng cúng dường. Lúc ấy, tất cả đều lắng nghe pháp Phật, đều chứng bất thoái chuyển, đều đạt quả Nhất sinh bồ xứ.

Không có ma oán: Là nếu Bồ-tát khi sắp thành Phật không có quân ma có thể đến quấy phá.

Không còn những trở ngại: Là Bồ-tát khi sắp thành Phật, cho đến không có mây may phiền não nhập nơi tâm Ngài.

Chư Thiên tạo hội lớn: Là khi Bồ-tát sắp thành Phật, thì chư Thiên của các trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, Phạm thiên cho đến trời A-ca-nị-trá, cùng hết thảy chư thần như rồng, thần Dạ-xoa, Càn-

thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... trong vô lượng thế giới nơi mười phương đều đem những vật cúng dường thượng diệu bậc nhất để cúng dường Bồ-tát, nên gọi là chư Thiên tạo hội lớn. Lại, người Thanh văn nói: Chư Thiên trong mười thế giới đều vân tập đông đủ, gọi là chư Thiên tạo hội lớn.

Đầy đủ sự việc hy hữu: Là khi Bồ-tát thành Phật thì có các sự việc hy hữu như: Đại địa chấn động đủ sáu cách. Vô lượng Tam thiên đại thiên thế giới trong mười phương, màu sắc, ánh sáng nơi các cung điện của Ma vương đều ẩn mất, không còn hiện bày. Vô lượng núi Tu-di thấy đều lay động, vô lượng biển lớn thấy đều trào dâng, cuộn sóng, tất cả thế giới các loài hoa đồng loạt nở trái mùa. Tuôn mưa bột hương Chiên-đàn cùng các thứ hoa nổi tiếng của chư Thiên.

Thời gian đầy đủ: Tức bấy giờ trong dân chúng không còn dịch bệnh, đói khát, đao binh, lưu lạc, trốn tránh, mưa gió đúng thời, không có các tai họa ách nạn. Các vua giáo hóa cai trị đúng pháp, muôn dân đều yên vui, thọ mạng lâu dài, không còn giặc thù, chim thú hung ác, trùng độc, quỷ dữ theo dõi hại chúng sinh đều dứt bật.

Oai lực công đức của Phật: Là oai lực của tất cả Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai, với công đức trí tuệ nơi vô lượng pháp thâm diệu đều như nhau không sai khác. Chỉ tùy theo nhân duyên nơi bản nguyện của chư Phật. Hoặc có thọ mạng vô lượng. Hoặc có người vừa trông thấy Phật tức được tất định. Có người nghe tên Phật cũng được tất định. Người nữ vừa trông thấy Phật liền trở thành thân nam. Hoặc có người nữ nghe tên Phật cũng chuyển đổi thân nữ. Hoặc có người nghe tên Phật tức được vãng sinh. Hoặc có vô lượng hào quang của Phật tỏa sáng, chúng sinh được gặp cũng dứt trừ hết những thứ ngăn che. Hoặc có người do nơi hào quang tức nhập tất định. Hoặc do nơi hào quang nên diệt trừ hết thủy khổ não.

Thọ mạng vô lượng: Là sống lâu đến vô lượng kiếp, không thể tính toán: một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, trăm

ngàn muôn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp. Phật sống lâu như vậy chỉ vì thương xót chúng sinh, tạo được nhiều lợi ích cho họ. Hết thấy chư Phật tuy diệu lực có thể thọ mạng vô lượng, nhưng vì bản nguyện nên có Phật trụ thế lâu, có Phật trụ thế không lâu.

Vừa trông thấy Phật tức được tất định: Là có chúng sinh vừa thấy Phật liền được trụ nơi địa bất thoái chuyển của quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì những người này khi được thấy thân Phật thì tâm hết sức hoan hỷ, thanh tịnh, an vui. Tâm họ tức thời tiếp nhận được Tam-muội của Bồ-tát như thế, từ diệu lực của Tam-muội này mà thông đạt tướng thật của các pháp, có thể đi thẳng vào địa tất định của đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Các chúng sinh này suốt trong đêm dài sinh tử, tâm sâu xa đã gieo trồng căn thiện, thấy Phật là được nhập nơi tất định, lấy tâm đại bi làm đầu, thanh tịnh, tốt đẹp, vì nhằm thông đạt hết thấy pháp Phật, vì nhằm hóa độ hết thấy chúng sinh, nên đến khi căn thiện ấy thành tựu, do đó được gặp Phật này. Lại nữa, do nhân duyên nơi bản nguyện của chư Phật hòa hợp, nên sự việc này mới được thành tựu.

Nghe tên Phật cũng được tất định: Là Phật có bản nguyện: “Nếu người nào nghe tên của Ta liền nhập tất định”. Như trường hợp thấy Phật, trường hợp nghe tên Phật cũng như thế.

Người nữ vừa trông thấy Phật liền trở thành thân nam: Là nếu có người nữ một lòng mong cầu chuyển đổi hình dạng nữ, thâm tâm chán ngán thân ấy, có sức mạnh của sự tin hiểu, thệ nguyện làm thân nam, người nữ như thế khi được trông thấy Phật, liền chuyển đổi thân nữ. Nếu người nữ không có nhân duyên của hành nghiệp như thế và nghiệp của thân nữ chưa hết, thì không gặp được Phật như vậy.

Người nữ nghe tên Phật cũng chuyển đổi thân nữ: Là nhân duyên của sự việc này, như trong phần thấy Phật đã nói.

Nghe tên Phật tức được vãng sinh: Là nếu người có nhiều sức tin hiểu, các căn thiện đã thành tựu, chướng ngại của nghiệp đã hết,

người ấy được nghe tên Phật, và cũng phù hợp với nhân duyên nơi bản nguyện của Phật này, nên được vãng sinh.

Vô lượng hào quang tỏa sáng: Là ánh hào quang chiếu soi tùy theo ý muốn của chư Phật mà tỏa sáng xa hay gần. Ở đây nói vô lượng là ánh sáng thường hiện bày. Ánh sáng luôn tỏa chiếu này, không thể lấy số đo bằng do-tuần hay dặm để tính được. Ánh sáng ấy trải khắp phương Đông tới cả trăm ngàn vạn ức do-tuần, không thể lường nổi. Các phương Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên dưới cũng như thế. Chỉ biết là vô lượng, chứ không biết biên vực tới đâu.

Chúng sinh được gặp cũng dứt trừ hết những thứ ngăn che: Là nhờ vào diệu lực nơi bản nguyện của chư Phật nên có kết quả như thế. Tham dục, sân hận, thù miên, ăn năn, trạo cử, nghi ngờ các thứ chướng cái (ngăn che) ấy đều được trừ bỏ. Chúng sinh gặp ánh hào quang này tức có thể nhớ nghĩ đến Phật. Do nhớ nghĩ đến Phật nên nhớ nghĩ đến pháp. Nhớ nghĩ đến pháp nên những thứ ngăn che (cái) đều tiêu tan.

Ánh sáng của hào quang chạm vào thân thì bao nhiêu khổ não đều diệt hết: Nếu các chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, phi nhân, đang chịu nhiều khổ não, gặp được ánh sáng do diệu lực của thần thông nơi bản nguyện của chư Phật chạm vào thân thì các thứ khổ não kia được lìa.

Pháp đầy đủ: Là hết thảy pháp của chư Phật đều đầy đủ, không có vừa đầy đủ lại không đầy đủ. Pháp của chư Phật giảng nói đều giống nhau, nên pháp đều đầy đủ, song do nhân duyên của bản nguyện nơi chư Phật có sự sai biệt không đồng, nên có pháp Phật trụ lâu trong đời, hoặc có pháp Phật không trụ lâu trong đời.

Sao gọi là pháp đầy đủ? Có pháp giảng nói gọn, có pháp giảng nói rộng, có pháp giảng nói vừa gọn vừa rộng, có pháp đầy đủ cho thừa Thanh văn, có pháp đầy đủ cho thừa Phật-bích-chi, có pháp đầy đủ cho Đại thừa. Do diệu lực của các thần thông bảo vệ, khiến không bị ngoại đạo phá hoại, không bị quân ma quấy phá, được trụ lâu ở đời.

Giảng nói gọn: Là dùng ngôn từ ít mà bao gồm nhiều nghĩa. Đối với hạng người lợi căn thì nghe qua là tỏ ngộ.

Giảng nói rộng: Là đối với một việc, một nghĩa, phải dùng vô số nhân duyên, vì những người căn trí chậm lụt ưa thích phân biệt, nên phải phải giải, diễn bày.

Giảng nói vừa gọn vừa rộng: Là vẫn dùng một lời mà bao quát nêu dẫn rộng nghĩa, đồng thời cũng diễn giải rộng vô số nghĩa nơi một nghĩa.

Có pháp đầy đủ cho thừa Thanh văn, có pháp đầy đủ cho thừa Phật-bích-chi, có pháp đầy đủ cho Đại thừa: Phần sau sẽ nói rõ.

Thần lực bảo vệ chánh pháp: Là do thần lực của Phật để hộ niệm pháp này, vì là pháp được chư Phật ấn chứng. Chư Phật ấn chứng là dùng bốn nhân lớn lìa bỏ bốn nhân xấu.

Không bị ngoại đạo phá hoại: Là hết thầy Sa-môn, Bà-la-môn, Luận sư của ngoại đạo, với những tà kiến hiện có. Như nói: Mùi vị sinh diệt là hoạn nạn, nên ra khỏi. Lại, nhận biết về tất cả thiện, nói là nhân duyên phá hoại.

Không bị quân ma quấy phá: Là chư Phật có vô lượng vô biên công đức, trí tuệ, phương tiện và diệu lực thần thông, còn quân ma dù có sức mạnh nhưng không thể phá hoại. Lại nữa, dũng lực của các Bồ-tát, quân ma cũng không thể hủy hoại được.

Được trụ lâu ở đời: Là hoặc một kiếp, hoặc giảm một kiếp, hoặc vượt hơn trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, mười vạn kiếp, trăm vạn kiếp, ngàn vạn kiếp, vạn vạn kiếp, vô lượng ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp, cho đến vô lượng vô biên kiếp.

Thanh văn đầy đủ: Là hết thầy chư Phật đều có đầy đủ Tăng Thanh văn. Do nhân duyên nơi bản nguyện của chư Phật, nên có nhiều ít sai khác.

Sao gọi là Thanh văn đầy đủ? Đó là chúng Thanh văn của Như Lai đều có đầy đủ trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đồng đẳng thanh tịnh, đều là hàng lợi căn, tạo lợi ích cho Bồ-tát, hình sắc đều nghiêm tịnh.

Trì giới đầy đủ: Là xa lìa các pháp ác như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời thêu dệt, uống rượu, sống theo lối tà. Lại nữa, những gì mà Tỳ-ni cấm chế đều phải xa lìa. Lại có khả năng thành tựu giới vô lậu.

Thiền định đầy đủ: Là gồm đủ bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám giải thoát, tám bối xả, tám thắng xứ, mười nhất thiết nhập v.v... cùng được các thiền định vô lậu.

Trí tuệ đầy đủ: Là thành tựu bốn thứ trí tuệ, phát sinh từ sự học rộng, phát sinh từ sự tư duy, phát sinh từ sự tu tập, phát sinh từ nhân duyên của nghiệp đời trước và quả báo.

Giải thoát đầy đủ: Là giải thoát đối với hết thảy phiền não. Lại đối với các thứ chướng ngại đều được giải thoát.

Giải thoát tri kiến đầy đủ: Tri là nhận biết về sự việc, kiến là nhận biết rõ ràng về sự việc đó. Ở trong giải thoát, nhận biết hoàn toàn rõ ràng, không có nghi ngờ. Lại nữa, tri là tận trí, kiến là thấy bốn đế.

Đồng đẳng: Là những người đắc quả Tu-đà-hoàn thấy đều giống nhau, cho đến quả A-la-hán cũng vậy.

Thanh tịnh: Là thành tựu ba thứ thanh tịnh, đó là thân, miệng, ý thanh tịnh.

Đều là hàng lợi căn: Là nghe ít lời nhưng có thể hiểu rộng, thông tỏ nghĩa lý sâu xa. Pháp tóm lược có thể quảng diễn. Pháp rộng có thể tạo tóm lược. Nghĩa lý sâu ẩn có thể khiến dễ hiểu.

Tạo lợi ích cho Bồ-tát: Là luôn nhớ đến các Bồ-tát, cho đến Bồ-tát mới phát tâm cũng không khinh mạn. Phải kính mến với tâm sâu

xa, chỉ dẫn họ những pháp thiện, ác, nói cho họ nhân duyên, phương tiện của Phật đạo.

Hình sắc đều nghiêm tịnh: Là thân thể cân đối, tươi đẹp, xinh đẹp, sắc diện đầy đủ cùng có tướng tốt, người thấy đều hoan hỷ. Như Phật-bích-chi, lúc tới, lui, dừng bước, ngồi, nằm, ngủ, khi ăn uống, tắm gội, đắp y, cầm bát, đều thứ lớp oai nghi, không hề sai sót. Do vậy, ai trông thấy, tâm họ liền thanh tịnh

Cây Bồ-đề đầy đủ: Là các đại thọ hiện có: cây Sa-la, cây Đa-la, cây Đề-la-ca, cây Đa-ma-la, cây Bà-cầu-la, cây Chiêm-bạc, cây A-thâu-ca, cây Bà-ha-ca-la, cây Phân-na-ma, cây Na-ca, cây Thi-lê-sa, cây Niết-cù-đà, cây A-thâu-đà, cây Ba-lặc-xoa, cây Ưu-đàm-bát-la v.v... Trong số các đại thọ này, tùy ý chọn lấy một cây.

Ở nơi đất bằng phẳng: Cây cao tàn rộng, đủ gốc cành, nhánh lá xanh sậm, sum suê tươi tốt. Màu hoa sáng rỡ, không bị xây xát, khuyết mòn. Cây cao đến năm mươi do-tuần, vươn thẳng, nhánh bóng, không có lông đốt, vỏ cây màu trắng nõn mềm mại, sạch đẹp, không gây trở ngại vì gai nhọn, không hư mục. Lại, bên trong thân cây không rỗng, không bị sâu mọt đục khoét gây thương tổn. Rễ bám sâu vào đất, kiên cố, lá từng xâu có thứ lớp, hoa nó dùng trang sức trông như vòng chuỗi ngọc đẹp. Cành, lá xoe tàn rậm tròn như mâm, sắp xếp theo từng lớp, công phu hơn hẳn nhân tạo. Lá cây xanh mượt như màu châu báu, nhánh cây không vắt vẻo, cong queo, lá không úa vàng, khô héo, không có ruồi muỗi, ve kiến v.v...

Mặt đất thật sạch sẽ, được trải toàn loại cát vàng, phát ra ánh sáng, chiếu tỏa giáp vòng. Nước hương chiêm-đàn rưới thấm khắp nơi. Đất bằng phẳng mềm nhuyễn, mát mẻ, dễ chịu. Bọt chiêm-đàn nguru đầu mịn được rải khắp. Chư Thiên thường tuôn mưa hoa Mạn-đà-la, đốt loại trầm đen, mùi thơm lan tỏa khắp chốn. Trên không hiện ra những đám mây năm sắc rực rỡ như màn tơ lụa rủ xuống la liệt, gió mát nhẹ thổi làm lay động cành lá. Chim, thú đến chơi

bên cạnh lặng yên không tiếng động. Hai bên cây Bồ-đề, chư Thiên thường mưa hoa với nhiều màu sắc lạ, đẹp, tự nhiên chen nhau, rủ xuống như chuỗi ngọc, giống như thân rồng và trên lưng thân ấy luôn treo nhiều xâu hoa quý sắc vàng óng. Bốn phía có nhiều cành cây to cao, giăng lưới trùm xuống đất và tô điểm bằng các thứ báu, giống như núi vàng ròng, nguy nga thù diệu như cờ của Đế Thích. Đây là do Bồ-tát đã tu tập công đức hành thiện trong trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp mới được như vậy. Nhiều thứ báu đẹp hóa làm sư tử chúa. Trên đầu bốn con sư tử đều có giương báu rộng lớn, trải lụa rực rỡ của chư Thiên. Các trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại, Phạm thiên, cho đến trời A-ca-ni-trá, đều nương theo các cung điện làm bằng những thứ châu báu như lưu ly, xà cừ, mã não, đại thanh, đế thanh, kim cương, pha lê, màu sắc của các thứ ngọc báu trên tỏa ra ánh sáng rực rỡ, lấp lánh, chiếu tới các cõi xa, không một thứ ngọc báu nào sánh kịp. Hết thầy đều tập trung chung quanh cây báu để cúng dường.

Lại nữa, vô lượng thế giới trong mười phương, các chúng Bồ-tát tùy theo bản nguyện của mình đều đã tạo đủ các vật dụng cúng dường để mưa xuống các vật báu, hương hoa, cờ phướn, lọng báu, cùng các loại âm nhạc v.v... Đó gọi là cây Bồ-đề đầy đủ.

Thế giới trang nghiêm: Là Bồ-tát quan sát cõi nước thanh tịnh trong mười phương là tốt đẹp hơn hết, phát nguyện lớn: Tôi sẽ tu tập công đức để có được cõi nước hơn hẳn cõi nước này, là cõi nước bậc nhất không đâu sánh bằng.

Chúng sinh thiện lợi: Là chúng sinh đoan nghiêm, không bệnh tật, không già bệnh, thọ mạng là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thầy đều là hóa sinh, thân không cấu uế, đủ ba mươi hai tướng tốt, hào quang tỏa sáng vô lượng, phiền não rất ít, có thể dễ hóa độ.

Có thể hóa độ: Là một khi lên tòa thuyết pháp, chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, cùng lúc đều được hóa độ. Từ khi có Phật

khác giảng nói chánh pháp, hóa độ một, hai người, thì những chúng sinh ấy nhờ có căn thiện gieo trồng từ kiếp trước, kiết sử mỏng nhẹ, nên khi vừa nghe pháp liền chứng ngộ.

Đại chúng được tập hợp đầy đủ: Là có Đức Phật tạo hội lớn, đại chúng đông đầy khắp một do-tuần, hay mười do-tuần, có khi đến trăm ngàn vạn ức do-tuần. Có khi đại hội đầy khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới. Ở đây đại chúng tập hợp, là cả Hằng sa thế giới nơi mười phương dùng làm hội lớn. Trong chúng hội này, toàn là những người có phước đức, cùng chư Thiên, tám bộ, các Bồ-tát từ Địa thứ nhất đến Địa thứ mười đều đến đông đủ, chỉ trừ chư Phật.

Phật lực đầy đủ: Là chư Phật hành hóa đủ bốn mươi pháp bất cộng. Nơi chốn hành trì mỗi mỗi pháp ấy, tất cả đều là vô lượng vô biên. **Đó là nguyện thứ bảy.**

*** Lại nữa:**

*Cùng thực hành một việc
Nguyện không có oán tranh.*

Như các thứ phước đức Bồ-tát đã tạo nên, như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, như bốn xứ công đức: Đê, Xá, Diệt, Tuệ, hoặc nhân nơi đại nguyện cầu Phật đạo, thì lúc này nên phát nguyện như vậy: “Nếu có người khác cùng tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn xứ công đức để cầu Phật đạo, thì tôi nguyện do nhân duyên của phước đức này để không sinh tâm oán ghét, tranh đua với họ”. Vì sao? Vì đều cùng thực hành một việc. Những người có trí nói là có tướng oán ghét. Thế gian cũng hiện có sự việc ấy. Còn Bồ-tát thì muốn đoạn trừ lỗi lầm ấy, nên phát đại nguyện như vậy. **Đó là nguyện thứ tám.**

*** Lại nữa:**

*Nguyện hành đạo Bồ-tát
Chuyển pháp luân bất thoái*

*Khiến trừ các phiền não
Được nhập tín thanh tịnh.*

Luân là bánh xe pháp. Không thoái chuyển là không người nào có thể hủy hoại. Bồ-tát nên phát nguyện như vậy: “Ta phải hành đạo như lời Phật đã giảng dạy, tức là chuyển bánh xe pháp bất thoái. Nếu ta chuyển được bánh xe pháp này, thì ba độc và phiền não sẽ bị trừ diệt, khiến các chúng sinh lìa bỏ sinh tử, đi vào chúng pháp Phật, ở trong khổ, tập diệt đạo đạt được thanh tịnh”. **Đó là nguyện thứ chín.**

*** Lại nữa:**

*Nguyện hết thấy thế giới
Đều hiện thành Bồ-đề.*

Tùy các thế giới nên có xứ Phật sự, tận cùng trong chốn ấy, Bồ-tát thị hiện sự việc chúng đấng đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đem lại an lạc cho hết thấy chúng sinh, giải thoát cho hết thấy chúng sinh, vì đạo quả Bồ-đề vô thượng là rất lớn, nên nói riêng. Còn những việc khác như là vào thai, sinh ra, lớn lên, ở nhà, rồi xuất gia thọ giới khổ hạnh, hàng phục quân ma, Phạm vương thỉnh mời cùng chuyển pháp luân, đại chúng tập hợp đông đủ, độ khắp chúng sinh hiện đại thần lực, thị hiện bát Niết-bàn. Những sự việc như thế, thấy đều nên làm như thế. Ở đây biết có vô lượng oai lực như vậy, có thể tạo lợi ích cho vô lượng vô biên chúng sinh, không phải chỉ ở một nước thị hiện sự việc chúng đấng Phật đạo. Có người nói: Nơi một cõi Phật hiện có bốn châu thiên hạ, các châu như Diêm-phù-đề là một cõi Phật. Vượt quá cõi này, chỉ có Phật mới biết được, nhưng sự thực không phải vậy. **Đó là nguyện thứ mười.**

*** Lại nữa:**

*Các Bồ-tát như thế
Mười đại nguyện làm đầu*

*Rộng lớn như hư không
Cùng tận đời vị lai
Cùng vô lượng nguyện khác
Cũng đều phân biệt nói.*

Nguyện: Là đối tượng ham, ưa, cầu, muốn của tâm. Tất thành mười nguyện là có mười thứ môn.

Rộng lớn như hư không: Nơi chốn thuộc đối tượng duyên của nguyện như xứ hư không hiện có. Nguyện cũng thế.

Cùng tận đời vị lai: Là khi phát nguyện, chỗ trụ là tận cùng biên vực sinh tử vị lai của tất cả chúng sinh.

Có người nói: Quả vị Bồ-đề vô thượng là biên vực sinh tử của đời vị lai, nếu chư Phật nhập Niết-bàn vô dư đó là biên vực sau cùng của sinh tử. Chí nguyện của Bồ-tát là vô tận, nhưng đã thành Phật thì ngừng. Hết thấy Đại Bồ-tát trong mười phương thế giới đều có nguyện này.

Cùng vô lượng nguyện khác: Là do Bồ-tát đã thành tựu được vô lượng công đức hy hữu, nên những lời nguyện hiện có không nói hết.

*** Lại nữa:**

*Bồ-tát phát như thế
Mười đại nguyện trọn vẹn.*

Mười nguyện lớn này có **10** việc trọn vẹn. *Những gì là mười?*

Đáp:

*Tánh chúng sinh, tánh đời
Tánh hư không, tánh pháp
Tánh Niết-bàn, Phật sinh
Tánh trí chư Phật trọn
Sở duyên hết thấy tâm
Trí hành xứ chư Phật*

*Trí pháp thế gian chuyển
Đó là mười trọn vẹn.*

1. Tánh chúng sinh trọn vẹn.
2. Tánh thế gian trọn vẹn.
3. Tánh hư không trọn vẹn.
4. Tánh pháp trọn vẹn.
5. Tánh Niết-bàn trọn vẹn.
6. Tánh chư Phật sinh trọn vẹn.
7. Tánh trí của chư Phật trọn vẹn.
8. Hết thấy đối tượng duyên của tâm trọn vẹn.
9. Trí hành xứ của chư Phật trọn vẹn.
10. Trí pháp thế gian chuyển trọn vẹn.

Đó gọi là **10** sự việc trọn vẹn.

Hỏi: Ông nói về trọn vẹn. Thế nào là trọn vẹn? Nên phân giải rõ nghĩa này.

Đáp:

*Tánh chúng sinh trọn vẹn
Nguyện ta cũng lại trọn
Như chúng sinh cùng trọn
Các nguyện trọn như vậy
Nghĩa trọn, danh không trọn
Căn thiện ta không trọn.*

Tánh chúng sinh trọn vẹn là nếu chúng sinh diệt hết thì nguyện của Ta tức nên dứt.

Tùy tánh thế gian hết, tánh hư không hết, tánh các pháp hết, tánh Niết-bàn hết, tánh chư Phật sinh hết, tánh trí chư Phật hết, tánh đối tượng duyên nơi tâm của tất cả chúng sinh hết, tánh trí nhập nơi

pháp Phật hết, trí chuyển pháp chuyển thế gian chuyển hết, thì mười nguyện của Ta khi ấy mới cùng tận.

Song vì mười sự như tánh của chúng sinh v.v..., thật sự là không cùng tận, nên căn thiện nơi phước đức của ta cũng không cùng tận, không dừng nghỉ. Nghĩa của không dừng nghỉ là vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn v.v... vượt qua những tính toán, gọi là không dừng nghỉ.

Vô lượng vô biên ba ngàn đại thiên thế giới trong mười phương vượt quá toán số như vậy, gọi là *thế gian vô biên*. Do vô biên chúng sinh nơi ba cõi, sáu đường trong khắp các thế giới như vậy, nên gọi là *tánh của chúng sinh vô biên*. Tánh của hai thứ hư không trong ngoài nơi tất cả thế giới ấy vô biên, nên gọi là *tánh hư không vô biên*.

Trong các thế giới này, tánh vô lậu của cõi Dục, Sắc, Vô sắc đã gồm thâm pháp hữu vi vô biên, nên gọi là *tánh của pháp vô biên*. Nếu tất cả chúng sinh đều diệt độ thì tánh Niết-bàn vẫn không tăng không giảm, thế nên *tánh Niết-bàn vô biên*. Nếu mười phương chư Phật trong quá khứ đã vô lượng vô biên thì mười phương chư Phật trong hiện tại cũng vô lượng vô biên, mười phương chư Phật trong vị lai cũng vô lượng vô biên, do đấy *tánh của Phật sinh vô biên*.

Trí của chư Phật vô lượng, không thể nêu xưng, không thể lường tính, không gì bằng, không gì có thể so sánh, không đối, cho nên *tánh trí của chư Phật cũng vô lượng vô biên*. Như Phật bảo Tôn giả A-nan: “Người Thanh văn này có vô lượng trí của chư Phật. Cho nên tánh trí của chư Phật là vô lượng vô biên”. Nơi đời quá khứ, mỗi mỗi chúng sinh có tâm vô lượng vô biên, nên các tâm ấy đều có duyên sinh. Trong đời vị lai cũng như vậy. Nơi đời hiện tại, tâm của hết thầy chúng sinh cũng vô lượng vô biên, đều có duyên sinh, cho nên *đối tượng duyên của tâm cũng vô lượng vô biên*. Lực của chư Phật nói gọn có bốn mươi pháp bất cộng. Bốn mươi pháp bất cộng

ấy, hành xứ của mỗi mỗi pháp là vô lượng vô biên. Do hành xứ vô lượng vô biên nên trí cũng vô lượng vô biên, tức nói *trí nơi hành xứ của Phật là vô lượng vô biên*.

Thế gian chuyển, pháp chuyển, trí chuyển: Chuyển gọi là do pháp này nên có đối tượng được chuyển. *Thế gian* có hai thứ: Thế gian quốc độ và thế gian chúng sinh. Ở đây là nói đến thế gian chúng sinh. Chư Phật và các Bồ-tát dùng vô lượng vô biên lực phương tiện để dẫn dắt chúng sinh. *Pháp chuyển* là dùng vô lượng vô biên phước đức của căn thiện để thâm nhận pháp của chư Phật. *Trí chuyển* là đem vô lượng các pháp thiện, sáu pháp Ba-la-mật, mười Địa v.v... để thâm nhận trí tuệ của Phật, cho nên trí chuyển là vô lượng vô biên. Do ba hành này đồng thời chuyển vận, nên hợp thành một nguyện. Vì mỗi mỗi nguyện của Bồ-tát này đều bền chắc, nên thành mười nguyện vô tận. Phương là như hư không, thời gian là tới biên vực đời vị lai.

Như thế là đã dùng cách nói rộng và gọn, giải thích trọn vẹn *mười nguyện* của Bồ-tát.

Phẩm 6: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Hỏi: Mới phát tâm là căn bản của các nguyện. *Thế nào là mới phát tâm?*

Đáp:

*Mới phát tâm Bồ-đề
Hoặc ba bốn nhân duyên.*

Chúng sinh mới phát tâm Bồ-đề hoặc dùng ba nhân duyên, hoặc dùng bốn nhân duyên, hợp thành bảy nhân duyên để phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Hỏi: Những gì là bảy nhân duyên?

Đáp:

*Một là chư Như Lai
 Khiến phát tâm Bồ-đề
 Hai: Thấy pháp sắp hoại
 Giữ gìn nên phát tâm.
 Ba: Ở trong chúng sinh
 Đại bi nên phát tâm
 Bốn: Hoặc có Bồ-tát
 Dạy phát tâm Bồ-đề.
 Năm: Thấy hạnh Bồ-tát
 Theo đó nên phát tâm
 Hoặc do bố thí rồi
 Mà phát tâm Bồ-đề.
 Hoặc thấy thân tướng Phật
 Vui mừng mà phát tâm
 Do bảy nhân duyên này
 Nên phát tâm Bồ-đề.*

Phật khiến phát tâm là Ngài dùng mắt Phật quán xét các chúng sinh, nhận biết căn thiện của họ đã thuần thực, có thể kham nhận việc tu tập đạt được quả vị Bồ-đề vô thượng. Đối với người như thế, Phật dạy khiến họ phát tâm, nói lời như vậy: Này Thiện nam! Nay nên phát tâm Bồ-đề, sẽ độ chúng sinh khổ não!

Hoặc lại có người sống trong đời xấu ác này, thấy chánh pháp sắp bị hủy hoại, muốn ra sức giữ gìn, nên phát tâm, nghĩ như vậy: “Ôi! Từ vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp đến nay, chỉ có một người hành hai xứ, ra khỏi ba cõi, bốn Thánh để làm Đại Đạo sư, nhận biết năm thứ Pháp tạng, giải thoát nơi sáu đường, có bảy thứ chánh pháp là báu lớn, thực hành sâu xa tám giải thoát, đem chín bộ kinh giáo hóa chúng sinh, có mười đại lực, nói mười một

thứ công đức, khéo chuyển mười hai nhân duyên nối tiếp, giảng nói mười ba pháp trợ Thánh đạo, có mười bốn giác ý rất quý, trừ được mười lăm thứ tham dục, chứng được mười sáu tâm giải thoát vô ngại, vượt khỏi mười sáu địa ngục chúng sinh, thân được mười bảy thứ đầy đủ, mười tám pháp bất cộng, khéo phân biệt mười chín người trụ quả, khéo nhận biết và phân biệt hàng hữu học, A-la-hán, Phật-bích-chi và chư Phật, là hai mươi căn. Tâm đại bi ấy là chủ của đại tướng, chủ của đại chúng, là đại y vương, là Đại Đạo sư, đại thuyền sư, tu trì từ lâu lắm mới chứng được pháp này. Hành khổ hạnh, làm những việc khó làm mới được pháp này, nhưng nay Pháp bảo ấy sắp bị hoại. Tôi phát tâm Bồ-đề vô thượng, trồng căn thiện sâu dày để thành tựu được Phật đạo, khiến cho chánh pháp trụ lâu đến vô số A-tăng-kỳ kiếp”. Lại nữa, khi hành đạo Bồ-tát, tức là hộ trì vô lượng pháp chư Phật, nên phải siêng hành, tinh tấn.

Hoặc lại có người thấy chúng sinh khổ não, đáng thương, không ai cứu giúp, không biết quay về đâu, không nơi chốn nương dựa, phải trôi lăn trong sinh tử hiểm nạn nơi các đường dữ, có giặc oán dữ, sống chết với các thứ trùng ác, thú ác, luôn bị quỷ dữ khủng bố, luôn buồn sầu, thống khổ như gai đâm vào thân. Ân ái phải lia, oán ghét lại gặp nhau, khó kiếm được giọt nước vui mừng, một mình đi trong cõi hoang vắng, giá rét, nóng bức, không hề có một bóng mát, khó có thể vượt qua. Chúng sinh sống trong đó mang nhiều lo sợ, không ai cứu độ che chở, dẫn dắt. Thấy chúng sinh như thế, thấy họ cứ mãi đi vào nẻo hiểm nạn sinh tử, chịu biết bao khổ não, do tâm đại bi nên phát tâm Bồ-đề vô thượng, thệ nguyện: “Tôi sẽ cứu vớt người không ai cứu vớt, làm chốn quay về cho người không chốn quay về, làm nơi nương dựa cho người không nơi nương dựa. Tôi được độ rồi sẽ độ cho chúng sinh. Tôi được giải thoát rồi sẽ giải thoát cho chúng sinh. Tôi được an ổn rồi sẽ đem lại an ổn cho chúng sinh”.

Lại có người chỉ từ nơi người khác nghe pháp rồi sinh tâm tin, vui mà phát tâm Bồ-đề vô thượng, suy nghĩ như vậy: “Tôi sẽ tu pháp

thiện, không để đứt mắt. Hoặc có người thuộc loại tất định, chúng đắc pháp nhãn vô sinh, tích tập căn thiện phước đức thuần thực”. Hoặc gặp được chư Phật, gặp được Đại Bồ-tát, chư vị có thể nhận biết các căn lợi độn của tất cả chúng sinh, ngọn nguồn nơi thâm tâm cũng như tính tình và ước muốn khác nhau, khéo dùng phương tiện là Bát-nhã Ba-la-mật để giúp đỡ khiến họ có thể làm Phật sự. Biết mình đã phát nguyện, căn thiện thành thực nên khiến trụ trong tất định, hoặc pháp nhãn vô sinh. Đó là các Bồ-tát đang tu tập ở Địa thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười. Do khéo nhận biết tâm lực của chúng sinh, nên Phật chỉ dạy khiến họ phát tâm. Không phải chỉ có phát tâm với sức mạnh của sự tin, vui, Phật còn dạy phát tâm do nhiều nguyên nhân khác.

Lại có người thấy các Bồ-tát khác hành đạo, tu tập các căn thiện, tâm đại bi hộ trì, đầy đủ phương tiện giáo hóa chúng sinh, không tiếc thân mạng, tạo nhiều lợi ích, dốc sức học rộng hiểu nhiều, trở thành người đặc biệt thù thắng trong thế gian, làm bóng mát che chở cho chúng sinh khổ nhọc, đưa họ an trụ trong các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, giúp họ biết hổ thẹn, ngay thẳng, dịu dàng, vui hòa. Tâm Bồ-tát ấy thanh tịnh, vui sâu trong pháp thiện. Thấy Bồ-tát hành như thế, người này nghĩ: “Vị ấy làm được như vậy, ta cũng làm như vậy, những hạnh nguyện nào vị ấy đã tu tập, ta cũng tu tập như thế. Vì nhằm đạt được pháp ấy nên phải phát nguyện”. Nghĩ như thế rồi, người ấy phát tâm Bồ-đề cầu đạo vô thượng.

Lại có người hành bố thí rộng khắp, bố thí cho Phật, Tăng. Hoặc chỉ bố thí cho Phật những thức ăn uống, y phục v.v... Nhân làm việc bố thí, người này nhớ nghĩ đến các Bồ-tát tu hạnh bố thí trong quá khứ, như Vĩ-lam-ma, Vĩ-thủ-đa-la, Tát-bà-đàn, Thi-tỳ-vương v.v..., do vậy nên người này phát tâm Bồ-đề, nguyện đem phước bố thí này hồi hướng cho quả vị Bồ-đề vô thượng.

Lại có người, trông thấy, hoặc nghe nói đến ba mươi hai tướng tốt của Phật, như: bàn chân bằng phẳng. Chỉ dưới bàn chân có xoáy

tròn như hình bánh xe có ngàn nan hoa. Ngón tay thon dài. Chân tay đều mềm mịn. Trong kẽ tay kẽ chân có màng da mỏng như giăng lưới. Gót chân tròn đầy. Mu bàn chân nổi cao đầy đặn. Bắp chân như tướng Lộc vương. Cánh tay dài quá đầu gối. Nam căn ẩn kín. Thân hình cao lớn cân đối. Những lỗ chân lông toát ra màu xanh. Những lông trên mình uốn lên về bên phải. Thân thể sáng chói như vàng ròng. Quanh mình luôn có hào quang chiếu ra một trượng. Da mỏng và mịn. Lòng bàn chân bàn tay, hai vai và trên đỉnh đầu, bảy chỗ ấy đều đầy đặn. Hai nách đầy đặn. Thân như sư tử. Thân thể ngay ngắn vuông vức. Hai vai tròn tựa cân phân. Có bốn mươi cái răng. Răng trắng trong đều nhau và khít khao. Bốn răng cửa trắng trong và lớn. Hai bên má cao đầy đặn như sư tử. Nước bọt trong miệng thơm. Lưỡi rộng và dài. Giọng nói âm vang như Phạm vương. Mắt xanh biếc. Lông mi như Ngưu vương. Có chòm lông trắng thường chiếu sáng ở giữa hai lông mày. Trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao như hình búi tóc. Trông thấy hoặc nghe nói về ba mươi hai tướng như thế, tâm tức hoan hỷ, khởi niệm: Ta cũng sẽ có được các tướng như thế. Người có tướng như thế đạt được các pháp. Ta cũng sẽ đạt được. Liền phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Do *bảy nhân duyên* này nên phát tâm Bồ-đề.

Hỏi: Ông nói bảy nguyên nhân phát tâm của Bồ-tát, là đều thành tựu, hay có người thành tựu, có người không thành tựu?

Đáp: Không phải thành tựu hết. Hoặc có người thành tựu, hoặc có người không thành tựu.

Hỏi: Nếu như vậy xin giải thích thêm?

Đáp:

Trong bảy phát tâm trên:

Phật dạy khiến phát tâm

*Phát tâm hộ chánh pháp
Thương xót nên phát tâm
Ba thứ phát tâm ấy
Tất định được thành tựu
Còn lại bốn tâm kia
Không phải thành tựu cả.*

Đức Phật đã quán xét về căn bản trong bảy cách phát tâm đó, nên chỉ dạy khiến phát tâm thì chắc chắn được thành tựu, vì đó không phải là lời nói hư giả. Nếu vì tôn trọng Phật, muốn bảo vệ chánh pháp, có tâm đại bi đối với chúng sinh, nên phát tâm Bồ-đề, ba tâm như thế tất được thành tựu, vì đó là căn bản sâu xa. Các Bồ-tát khác chỉ dạy khiến phát tâm, thấy Bồ-tát hành đạo mà phát tâm, nhân nơi bố thí rộng khắp mà phát tâm, hoặc phát tâm do nghe hay thấy ba mươi hai tướng tốt của Phật, bốn thứ phát tâm này, phần nhiều không thành tựu, đôi khi cũng thành tựu, nhưng về căn bản thì chưa sâu dày.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 4

Phẩm 7: ĐIỀU PHỤC TÂM

Hỏi: Như phẩm trên đã nói về ba thứ phát tâm chắc chắn thành tựu, còn bốn thứ phát tâm còn lại thì không chắc thành tựu. Vậy thế nào là thành tựu và không thành tựu?

Đáp: Nếu Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, khi hành đạo, lại làm mất pháp của tâm Bồ-đề tức là không thành tựu. Còn nếu Bồ-tát hành đạo không làm mất pháp của tâm Bồ-đề đó là thành tựu. Cho nên kệ nói:

*Bồ-tát nên xa lìa
Pháp mất tâm Bồ-đề
Nên một lòng tu tập
Không mất pháp Bồ-đề.*

Xa lìa là diệt trừ pháp ác, không cho chúng nhập vào tâm. Nếu chúng đã vào thì mau chóng trừ diệt. Mất là quên hẳn tâm Bồ-đề ngay nơi đời này hoặc nơi đời sau. Không còn tùy thuận việc tu tập nên phải xa lìa những pháp như vậy. Nếu không mất pháp Bồ-đề, không quên tâm Bồ-đề, thì nên luôn nhất tâm siêng năng hành trì.

Hỏi: Những pháp gì làm mất tâm Bồ-đề?

Đáp:

*Một: Không kính trọng pháp
Hai: Có tâm kiêu mạn*

Ba: Nói dối, không thật

Bốn: Không kính tri thức.

Có bốn pháp ấy thì khi bỏ thân mạng nơi đời này, hoặc nơi đời tiếp sau tức quên mất tâm Bồ-đề, không thể tự biết mình là Bồ-tát, không còn phát nguyện vì pháp hành của Bồ-tát không còn hiện tiền.

Không kính trọng pháp: Pháp là những gì chư Phật đã giảng nói trong ba Thừa thượng, trung, hạ. Nói tóm gọn là pháp được chư Phật, Như Lai đã dùng để giáo hóa. Đối với pháp này nếu không cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, không sinh khởi tưởng hy hữu, tưởng khó được, tưởng vật báu, tưởng nguyện mãn, đó là pháp có thể làm mất tâm Bồ-đề.

Có tâm kiêu mạn: Là tâm tự cao, chưa chứng cho là chứng, chưa đắc cho là đắc. Đối với các pháp không, vô tướng, vô nguyện, hay như pháp nhãn vô sinh, hoặc sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát mười Địa v.v..., cùng các pháp khác từ tu tập sinh khởi, chưa chứng đắc mà cho là đã chứng đắc.

Nói dối, không thật: Có thứ thuộc tội Đột-kiết-la, có thứ thuộc tội Ba-dạ-đề, có thứ thuộc tội Thân-lan-giá, có thứ thuộc tội Tăng-già-bà-thi-sa, có thứ thuộc tội Ba-la-di. Hoặc có người nói: Còn có loại nói dối thứ sáu, là nói dối tâm sinh sám hối. Năm loại nói dối trên, loại đầu thì nhẹ, loại sau thì nặng, loại thứ sáu thì nhẹ nhất.

Thuộc Ba-la-di: Là tự mình không có pháp hơn người, nhưng hoặc miệng nói, hoặc thân bày tỏ, chính là dùng phương tiện để biểu hiện mình có đức ấy. *Thuộc Tăng-già-bà-thi-sa:* Là hoặc dùng lời nói, hoặc dùng thân chỉ bày, ở trong bốn sự của Tỳ-kheo kia, dùng mỗi mỗi sự có căn cứ, hoặc không có căn cứ để hủy báng.

Thuộc Thân-lan-giá: Là muốn dùng sự việc có căn cứ, không căn cứ để hủy báng, nhưng nói không thành. *Thuộc Ba-dạ-đề:* Là đem các sự thuộc Tăng-già-bà-thi-sa không có căn cứ để hủy báng.

Thuộc Đột-kiết-la: Là trừ các thứ thuộc tội trên, là những thứ nói dối còn lại. *Tự tâm trừ diệt:* Là nếu khi thuyết giới, tự biết có tội nhỏ không được hướng tới người khác nói, tức tự tâm sám hối.

Hỏi: Tội nói dối này chỉ ở nơi các Tỳ-kheo, không ở nơi hàng bạch y. Nhưng Luận này là chung cho cả tại gia, xuất gia?

Đáp: Phạm nhận biết sự thật như vậy nhưng nói là nhận biết khác, trong Luận này nói là nói tướng chung của nói dối. Do có chúng sinh phân biệt, sự việc phân biệt, thời gian phân biệt, năm chúng tội phân biệt, trụ xứ phân biệt, tức tội có nặng, nhẹ. Dù nói dối là tội nhẹ, nhưng quen nói dối lâu ngày thì thành tội nặng, có thể làm mất tâm Bồ-đề.

Chúng sinh phân biệt: Là người đoạn căn thiện, theo tà kiến, cùng những phiền não sâu dày khác, đó là tội nặng. *Sự việc phân biệt:* Là nếu nói về pháp hơn người là phá hòa hợp Tăng. *Thời gian phân biệt:* Người xuất gia nói dối là tội nặng. *Năm chúng tội phân biệt:* Là như tội thuộc Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa thì nặng. *Trụ xứ phân biệt:* Là trong Tăng chúng nói dối về lúc chúng ngộ là nặng.

Không cung kính tri thức thiện: Là không sinh tâm cung kính, do có tưởng sợ khó.

Người hành nhiều *bốn pháp* này tức mất tâm Bồ-đề.

Hỏi: Chỉ bốn pháp này làm mất tâm Bồ-đề hay còn có pháp nào khác nữa?

Đáp:

Keo kiệt nơi pháp yếu
Tham thích nơi Tiểu thừa
Hủy báng các Bồ-tát
Khinh thường người tọa thiền.

Keo kiệt nơi pháp yếu: Là thầy nhận biết nhiều nghĩa sâu xa khó đạt được, nhưng vì ham lợi, tham đắm lợi dưỡng, sợ đệ tử sẽ bằng mình, nên giữ kín, tiếc rẻ những kiến thức kia, không giảng nói.

Tham thích nơi Tiểu thừa: Là do chưa đạt được pháp vị của Đại thừa, nên ham thích nơi Nhị thừa.

Hủy báng các Bồ-tát: Không tội mà nói có tội gọi là hủy báng. Nghĩa của Bồ-tát đã nói ở trước. Người này không có lỗi mà dối gán tội cho họ. Nếu thực sự có tội mà bèn nói về tội đó. Ở đây tuy có tội nhưng so với trước là nhẹ. Vì sao? Vì như kinh nói: “Các Bồ-tát hoặc thật sự có tội, hoặc không có tội, đều không nên nói”.

Khinh thường người tọa thiền: Là người xuất gia hay tại gia hành tọa thiền là đã siêng năng tinh tấn tu tập để dứt trừ phiền não, để ngăn chặn các phiền não, tích tập pháp trợ Phật đạo. Người này hoặc không khéo luận bàn, hoặc không có biện tài, hoặc không có nhiều uy đức. Người không hiểu biết mà khinh thường người tọa thiền thì phạm tội nặng.

Lại nữa, nếu đối với bậc tri thức thiện, tâm mang oán hận, tức cũng có tâm dua nịnh, quanh co cùng tham các thứ lợi dưỡng v.v...

Về nghĩa của tri thức thiện như trước đã nói. Ở đây là nói đối với người đem pháp giáo hóa mà có tâm giận trách, như giận trách cha mẹ thì mắc tội nặng.

Dua nịnh: Là có tâm nịnh bợ, xu phụ. *Quanh co:* Là nghiệp của thân miệng hiện có tạo tác. *Tham các thứ lợi dưỡng:* Là tham đắm vào những lợi lạc và tiếng khen. Do các thứ ấy làm hư tâm chánh trực, nên không thể từ tâm tâm phát sinh căn thiện. Như áo nhuộm đã bạc màu, lại không nhận lấy màu sắc đẹp nữa.

Lại nữa:

*Không biết các việc ma
Tâm Bồ-đề suy kém*

*Nghiệp chướng và pháp chướng
Cũng mất tâm Bồ-đề.*

Không biết các việc ma: Là nếu không nhận biết các việc của ma thì không thể chế phục chúng. Nếu không chế phục được thì mất tâm Bồ-đề.

Hỏi: Những gì là các việc của ma?

Đáp: Là lúc giảng nói nên hành sáu Ba-la-mật như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, và khi giảng nói những nghĩa thâm diệu thuộc về Đại thừa nhưng không giảng nói một cách vui vẻ, sốt sắng. Hoặc vui vẻ giảng nói, trong đó lại xen vào những chuyện tán loạn khác. Hoặc khi biên chép, đọc tụng, giải thích, giảng nói, luận bàn, nghe nhận, lại hiện bày kiêu mạn, tự đại, tâm tán loạn, nghĩ tưởng về chuyện khác, vọng niệm, đùa cợt, chê trách nhau, khiến hai bên bất hòa, không thể thông đạt được nghĩa thật, rời tòa ngồi bỏ đi, suy nghĩ như vậy: Ở đây ta không ghi nhớ gì, do tâm không thanh tịnh. Cũng không thấy nói đến thành ấp, xóm làng, nhà cửa, nơi ta sinh, nên ta không muốn nghe pháp, không có pháp vị, nên phải bỏ đi. Bỏ những pháp Ba-la-mật đã giảng nói của Đại thừa, tự điều chỉnh kinh để hàng Thanh văn, Phật-bích-chi cầu Nhất thiết trí.

Hoặc khi biên chép, đọc tụng, giảng nói, nghe nhận, lại vui thích nói đến vô số chuyện khác, phá bỏ Bát-nhã Ba-la-mật. Đó là nói đến các sự việc về nhà nước, xóm làng, thành ấp, vườn cây, chuyện dùng binh, giặc giã, quân đội, khí giới, chuyện thương ghét, vui buồn, chuyện xảy ra giữa cha mẹ, anh em, nam nữ, vợ con, chuyện y phục, thức ăn uống, dụng cụ nằm ngồi, những thứ thuốc men, là những vật cần dùng cho đời sống. Do đây tâm tán loạn, mất Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nói những chuyện về tham sân si, oán thù, thân thuộc khi tốt, khi xấu, ca hát, âm nhạc, buồn sầu, vui đùa, nói đến những thứ kinh sách, văn tụng, chuyện cổ đời trước, nói đến chuyện đất nước

các triều vua chúa, việc đất, nước, gió, lửa, năm dục, giàu sang, chuyện lợi lộc trong đời, khiến tâm vui thích.

Hoặc ma hóa ra hình tướng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni rồi đem nhân duyên trong kinh của Thanh văn, Phật-bích-chi để chỉ dạy, nói: “Ông nên hành tập kinh này, bỏ hẳn những gì ông đã học từ trước”. Người nghe pháp không ưa thích nghe, người giảng nói pháp thì tâm biếng trễ, đều có duyên khác. Người nghe cần đến pháp, nhưng người giảng nói thì tâm trí để vào nơi khác. Người giảng nói thì vui thích giảng nói, nhưng người nghe thì tâm trí để vào đâu đâu. Người giảng nói thì phần nhiều tham cầu lợi dưỡng, người nghe thì không có tâm dăng thí. Người nghe thì tâm tin tưởng vui muốn nghe pháp, nhưng người giảng nói thì không thích giảng nói cho họ. Có khi người giảng nói thì vui thích giảng nói, nhưng người nghe thì không ưa thích nghe. Hoặc có khi nói đến những cảnh khổ ở địa ngục, không như thân này hết khổ sớm thủ chứng Niết-bàn, là lợi ích tối thượng. Hoặc nói đến vô lượng khổ não của hàng súc sinh, cùng những lỗi lầm xấu ác của loài ngựa quỷ, A-tu-la. Hoặc nói nhiều đến những tai họa lo buồn trong sinh tử, nên thân ông sớm thủ chứng Niết-bàn, là lợi ích hơn hết. Lại khen ngợi sự giàu sang phú quý ở thế gian, ngợi khen công đức thiện, lạc ở cõi Sắc, Vô sắc, người sinh nơi cõi ấy sẽ đạt lợi lớn. Hoặc khen ngợi những lợi ích nơi công đức của quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, thân ông nên chứng những quả này thì được lợi lớn.

Lại nữa, người giảng nói pháp vui thích nơi quyền thuộc, người nghe thì không muốn thuận theo. Người giảng nói pháp muốn đi đến các nơi chốn đỏi khổ, không an ổn, bảo người nghe: Hôm nay, các ông đâu cần theo tôi đi tới những nơi chốn ấy. Người nghe như thế là sinh tâm chán ngán, biếng trễ nên không đi theo. Người giảng nói pháp có lòng quý trọng đàn-việt, nên thường đến nhà họ thăm hỏi, khiến người nghe không được nghe nhận, nên đối với pháp thâm diệu sinh tâm nghi hoặc, cho đó không phải là kinh pháp của chư Phật đã

giảng nói. Người giảng nói pháp thì cho những điều mình giảng nói đều là pháp của kinh Phật. Nếu Bồ-tát có thể hành trì những pháp ấy thì chúng được Thật tế.

Do vô số nhân duyên như thế, nên giữa đôi bên không hòa hợp. Phải biết hết thảy các điều như thế đều là sự việc của ma. Tóm lại, hết thảy pháp thiện mà có những chướng ngại ấy đều là sự việc của ma.

Tâm Bồ-đề suy kém: Là nếu các phiền não có sức mạnh, thì tâm đạo yếu kém không có uy lực, nên đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, các chí nguyện mất hết.

Nghiệp chướng: Tuy có rất nhiều thứ, ở đây nói là những gì có thể khiến người cầu Đại thừa thoái chuyển.

Pháp chướng: Là vui thích hành pháp bất thiện, ghét bỏ các pháp thâm diệu như: không, vô tướng, vô nguyện cùng các Ba-la-mật.

Bốn pháp như thế (không biết các sự việc của ma, tâm Bồ-đề suy kém, nghiệp chướng, pháp chướng) có thể làm mất tâm Bồ-đề.

Lại nữa:

*Hứa thí thầy lại dối
Tội ấy rất sâu nặng
Người không có nghi, hỏi
Ép khiến sinh nghi, hỏi.
Người tin, ưa Đại thừa
Gán giận dữ thêm nặng
Trách mắng cho là ác
Nêu bày khắp các chôn.
Trong các việc cùng làm
Tâm dua nịnh, quanh co
Bốn “Pháp đen” thế ấy
Làm mất tâm Bồ-đề.*

Thí cho thầy, lại không cho: Là nên bố thí cho thầy những vật đã hứa hay chưa hứa, nhưng sau lại không cho. Hoặc cho không đúng lúc, không đúng nơi, không đúng pháp, thì đây là pháp của thế gian, ngoại đạo. Trong pháp Phật, từ theo thầy nên biết được kinh pháp. Nếu có của cải vật dụng thuộc pháp cúng dường thì nên cho thầy, nếu không cho cũng không lỗi, không có nghi hối.

Khiến sinh nghi, hối: Là người này thật không có phá giới, chỉ có một chút tội tương nhưng nói đó là tội lớn, hoặc phá oai nghi của chánh mạng, hoặc phá chánh kiến, đều khiến sinh nghi, hối.

Giận dữ người Đại thừa: Có người hành trì theo Đại thừa, Vô thượng thừa, Như Lai thừa, Đại nhân thừa, Nhất thiết trí nhân thừa, cho đến người mới phát tâm, đối với người ấy sinh tâm giận dữ sâu, hoặc trách mắng, nói lời hủy báng, bêu xấu tên tuổi họ khắp nơi.

Việc cùng làm, Tâm dua nịnh, quanh co: Là đối với các vị Hòa thượng, A-xà-lê, các bậc tri thức thiện, không đem tâm ngay thẳng để gần gũi, học hỏi, mà quen hành quanh co. Cho đến những người chưa từng quen biết, cũng hành dua nịnh, quanh co.

Bốn pháp đen: Đen gọi là cấu uế, bất tịnh, có thể làm mất tâm Bồ-đề. Như kệ nói:

*Chuyển năm, bốn pháp này
Đời đời tu hạnh thiện
Như thế thì không mất
Tâm Bồ-đề vô thượng.*

Năm, bốn hợp là hai mươi pháp. Hai mươi pháp này làm mất tâm Bồ-đề. Nếu biết chuyển đổi chúng để tu tập thì đời đời không quên mất tâm Bồ-đề nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Chuyên đối: Là chuyên đối hai mươi pháp trên. Đó là cung kính pháp, phá trừ tâm kiêu mạn, xa lìa nói dối, tôn trọng sâu xa các bậc tri thức thiện. Những pháp còn lại: Nên biết như vậy.

Hỏi: Do những pháp nào nguyện Bồ-đề đòi đòi tăng trưởng để nơi đòi sau lại có thể phát đại nguyện nữa?

Đáp:

*Cho đến mất thân mạng
Ngôi Chuyển luân Thánh vương
Ở đây vẫn không nên
Nói dối, nịnh, quanh co.
Có thể khiến thế gian
Hết thấy loài chúng sinh
Đối các chúng Bồ-tát
Phải sinh tâm cung kính.
Nếu người có thể hành
Những pháp thiện như thế
Đòi đòi được tăng trưởng
Nguyện Bồ-đề vô thượng.*

Bồ-tát dùng những pháp này, đòi đòi tăng trưởng nguyện Bồ-đề của mình, lại có thể phát sinh đại nguyện thanh tịnh. Nếu do nói thật mà chết, mất ngôi Chuyển luân Thánh vương, mất ngôi Thiên vương, cũng nên nói thật, không nên nói dối, huống chi chỉ là một nhân duyên nhỏ mà không nói thật. Lại, đối với quyền thuộc và những người ngoài, cũng đều lìa bỏ tâm dua nịnh, quanh co.

Lại nữa, từ lúc mới phát tâm trở đi, phải sinh tâm cung kính hết thấy Bồ-tát, tôn trọng xưng tán các vị ấy như Phật không khác.

Lại nữa, nên tùy sức khiến trụ nơi Đại thừa.

Phẩm 8: TUỞNG KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Hỏi: Các Bồ-tát này có 2 hạng:

1. Có thoái chuyển.
2. Không có thoái chuyển.

Ông nên nói rõ về hai thứ tướng ấy.

Đáp:

*Đẳng tâm nơi chúng sinh
Không ganh lợi dưỡng khác
Cho đến mất thân mạng
Không nói lỗi Pháp sư.
Tin, ưa pháp thâm diệu
Không tham nơi cung kính
Đầy đủ năm pháp này
Là không có thoái chuyển.*

Đẳng tâm nơi chúng sinh: Chúng sinh là chúng sinh trong sáu nẻo. Đối với hạng cao, vừa, thấp, tâm đều không sai biệt. Đó gọi là không thoái chuyển.

Hỏi: Như nói: Đối với chư Phật, Bồ-tát phải sinh tâm cung kính bậc nhất. Ngoài ra thì không như vậy. Lại nói là phải thân cận chư Phật, Bồ-tát, cung kính cúng dường, ngoài ra thì cũng không như vậy. Vì sao lại nói đối với hết thảy chúng sinh, tâm bình đẳng không hai?

Đáp: Mỗi câu nói đều có nghĩa khác nhau, chớ nên nghi, nêu vấn nạn.

Tâm bình đẳng đối với chúng sinh: Nghĩa là hoặc có chúng sinh xem Bồ-tát như kẻ oán, có chúng sinh xem Bồ-tát như cha mẹ, có chúng sinh xem Bồ-tát là hạng giữa. Đối với ba loại chúng sinh

này, tâm Bồ-tát luôn bình đẳng, tạo lợi ích nhằm cứu độ, giải thoát cho hết thảy nên không có sai khác. Do vậy, ông không nên nêu vấn nạn.

Không ganh lợi dưỡng khác: Là nếu người khác được thọ nhận các thứ như: y phục, ngọa cụ, thuốc men, thức ăn uống, phòng nhà, sản nghiệp, vàng bạc, châu báu, xóm làng, quốc gia, thành ấp, nam nữ v.v... thì đối với người được bố thí như vậy, không nên sinh tâm ganh ghét, cũng không mang tâm oán hận, mà phải vui mừng tùy hỷ.

Không nói lỗi Pháp sư: Là nếu có người nói: Nên tu theo các pháp Đại thừa như không, vô tướng, vô tác, hoặc sáu pháp Ba-la-mật, hoặc bốn xứ công đức, hoặc mười Địa của Bồ-tát, thì cho đến trường hợp phải bỏ thân mạng hãy còn không được nói xấu các vị ấy, huống chi là gán thêm các việc ác cho họ.

Tin, ưa pháp thâm diệu: Pháp thâm diệu như là không, vô tướng, vô nguyện và những kinh sâu xa như Bát-nhã Ba-la-mật nơi Bồ Tát Tạng v.v... Đối với những pháp ấy, nên nhất tâm tin, ưa, không có nghi hoặc. Đối với những việc khác thì không như vậy. Do ở trong kinh sâu xa mới đạt được pháp vị.

Không tham nơi cung kính: Là do đã thông tỏ tướng thật của các pháp nên đối với các sự việc tiếng khen, chê bai, lợi hay không lợi, không thấy có gì khác nhau.

Đầy đủ năm pháp này: Là như trên đã nói. *Không thoái chuyển* nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không biếng nhác, bỏ phế gọi là A duy việt trí (Không thoái chuyển). Trái với điều này gọi là Duy việt trí (Có thoái chuyển). Bồ-tát Duy việt trí có hai loại: Hoặc là hạng suy hoại, hoặc là hạng dần dần chuyển biến để tiến đến đạt được A duy việt trí.

Hỏi: Vừa nói hạng suy hoại, vậy tướng ấy là thế nào?

Đáp:

*Nếu không chí gốc vững
 Ưa thích pháp thấp kém
 Đắm sâu danh lợi dưỡng
 Tâm ý không chánh trực.
 Tiếc giữ nơi nhà khác
 Không tin ưa pháp Không
 Chỉ chuộng theo ngôn thuyết
 Đó là tướng suy hoại.*

Nếu không chí gốc vững: Là diện mạo không thần sắc, oai đức mỏng kém.

Hỏi: Không phải cho oai đức của thân tướng là tướng của A duy việt trí, sao lại nói lời này, là nghĩa gì?

Đáp: Ở đây nói có, nghĩa là không nên nêu nghi vấn. Tôi nói do bên trong có công đức, nên thân có oai đức, chứ không phải chỉ nói thân sắc, dung mạo đoan nghiêm mà thôi.

Chí gốc vững: Là thể mạnh của oai đức. Người có thể tu tập pháp thiện, diệt trừ pháp ác, trong việc làm ấy có sức mạnh gọi là chí gốc vững. Dù là thân như Thiên vương, hào quang tỏa sáng như mặt trời, mặt trăng, nếu không thể tu pháp thiện, diệt trừ pháp ác, thì vẫn gọi là người không có chí gốc vững. Dù có thân hình xấu xí như quỷ đói, nhưng có thể tu tập pháp thiện, trừ diệt pháp ác, thì kẻ ấy vẫn được gọi là người có chí gốc vững. Do vậy, vấn nạn của ông là không đúng.

Ưa thích pháp thấp kém: Là ngoại trừ Phật thừa, các Thừa khác so với Phật thừa là nhỏ, kém, không bằng, nên gọi là thấp, chứ không phải do xấu ác gọi là thấp kém. Ngoài ra, các sự việc ác khác cũng gọi là thấp kém. Những gì hai Thừa đạt được đối với Phật là thấp. Song hai Thừa đều là đạo xuất thế gian, chứng nhập Niết-bàn vô dư nên không gọi là ác. Thế nên nếu người xa lìa Phật thừa, tin ưa theo

hai Thừa, đó là ưa thích pháp thấp. Người này tuy chuộng điều cao xa, nhưng do tin ưa hai Thừa, xa lìa Đại thừa, nên cũng gọi là ưa pháp thấp. Lại nữa, thấp còn gọi là sự việc xấu ác, đó là năm dục, hoặc tin theo sáu mươi hai thứ kiến chấp như chấp thường, chấp đoạn mà tất cả ngoại đạo đều luận bàn. Hết thấy những thứ ấy chỉ khiến tăng thêm sinh tử, đó gọi là pháp thấp kém. Hành trì theo những pháp ấy nên gọi là ưa thích pháp thấp kém.

Đắm sâu danh lợi dưỡng: Là đối với các thứ của cải được bỏ thí, được cúng dường, hoặc được nhiều người khen ngợi, thâm tâm càng đắm vướng, cho đó là khéo dùng phương tiện nên có được. Do không đạt pháp vị thanh tịnh, nên cứ tham ưa nơi sự việc đó.

Tâm ý không chánh trực: Là tánh tình dua nịnh, quanh co, thích hành lừa dối.

Tiếc giữ nơi nhà khác: Là người này vào các nhà đàn-việt, thấy có người khác được lợi dưỡng, cung kính cúng dường khen ngợi, liền sinh tâm ganh ghét, buồn bực không vui. Tâm không thanh tịnh do chấp ngã sâu nặng. Vì tham đắm lợi dưỡng nên sinh tâm ganh ghét, giận trách đàn-việt.

Không tin ưa pháp Không: Chư Phật đã giảng nói về ba thứ pháp không, đó là ba môn giải thoát (Không, vô tướng, vô tác). Đối với pháp Không ấy không tin, không ưa thích, không cho là quý, tâm không thông đạt.

Chỉ chuộng nơi ngôn thuyết: Là chỉ ưa thích nơi ngôn từ, không thể theo như lời Phật dạy để tu tập, chỉ có miệng nói, không thể tin hiểu các pháp, không đạt được ý vị sâu xa.

Đó là tướng suy hoại: Là nếu người phát tâm Bồ-đề mà có những tướng như vậy nên biết đó là hạng Bồ-tát suy hoại. Suy hoại ở đây nghĩa là không điều phục, tùy thuận. Ví như ngựa hung dữ hết mực gọi là suy hoại, do nó chỉ có tên ngựa, không có công dụng của

ngựa. Bò-tát suy hoại cũng như vậy, do chỉ có danh trống không, không có hành thật. Vì vậy, nếu người không muốn trở thành Bò-tát suy hoại thì phải diệt trừ pháp ác, theo pháp thọ nhận tên.

Hỏi: Ông đã nói ở trong vị Duy việt trí có hai hạng Bò-tát: Một là Bò-tát suy hoại. Hai là Bò-tát dần dần tinh tấn, sau đạt được vị A duy việt trí. Hạng Bò-tát suy hoại đã giải nói rồi, còn hạng Bò-tát dần dần tinh tấn, sau đạt được A duy việt trí, nay nên giải nói?

Đáp:

*Bò-tát không đắc ngã
Cũng không đắc chúng sinh
Nói pháp không phân biệt
Cũng không đắc Bồ-đề.
Không dùng tướng thấy Phật
Do năm công đức này
Được gọi Đại Bò-tát
Thành A duy việt trí.*

Bò-tát hành trì năm công đức này, đến thẳng phần vị A duy việt trí.

Không đắc về ngã: Là lia ngã chấp. Bò-tát này ở trong năm âm, mười hai nhập, mười tám giới nội ngoại, cầu tìm ngã đều không thể đạt được. Khởi niệm:

*Nếu năm âm là ngã
Ngã tức tướng sinh diệt
Vì sao phải do thọ
Để làm người thọ nhận.
Nếu lia âm có ngã
Ngoài âm nên đạt được
Vì sao phải do thọ
Khác với người thọ nhận?
Nếu ngã có năm âm*

Ngã tức là năm ấm
Như thế gian thường nói
Bò khác với chủ bò.
Các vật khác cùng họ
Sự này gọi là có
Thế nên ngã có ấm
Ngã tức khác với ấm.
Nếu trong ấm có ngã
Như trong phòng có người
Như trên giường người nghe
Ngã phải khác với ấm.
Nếu trong ngã có ấm
Như trong bát có quả
Như trong sữa có nhặng
Ấm tức khác với ngã.
Như đáng cháy, không cháy
Không là đáng cháy, cháy
Cháy không có đáng cháy
Trong cháy đáng cháy không.
Ngã phi ấm, là ấm
Ngã cũng không có ấm
Trong năm ấm không ngã
Trong ngã không năm ấm.
Như vậy, nhiễm, người nhiễm
Phiền não, người phiền não
Tất cả bình và áo v.v...
Đều nên biết như thế.
Nếu nói ngã có định
Cùng tướng khác các pháp
Nên biết người như vậy
Không được vị pháp Phật.

Suy nghĩ như vậy, Bồ-tát tức lìa khỏi ngã kiến. Xa lìa ngã kiến, nên tức không *đắc* về ngã.

Không đắc về chúng sinh: Chúng sinh gọi là khác với Bồ-tát. Xa lìa tham nơi ngã kiến nên Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Nếu người khác thật có ngã, thì người kia có thể làm nhân cho người khác, vì có ngã nên người kia làm người khác. Nhưng thật sự cầu tìm ngã, không thể được, người kia cũng không thể đạt được, nên không có người kia, cũng không có ngã”. Thế nên Bồ-tát cũng không tìm được người kia.

Nói pháp không phân biệt: Là Bồ-tát này tin hiểu hết thấy các pháp là không hai, nên không sai biệt, nên chỉ một tướng. Bồ-tát nghĩ như vậy: Hết thấy pháp đều từ sự nhớ tướng phân biệt sai lạc sinh ra, đều là hư vọng giả dối. Bồ-tát này diệt trừ các thứ phân biệt không còn những suy nã, tức là bước vào pháp nhân duyên đệ nhất nghĩa vô thượng, không theo trí tuệ của người khác.

*Thật tánh tất chẳng có
 Cũng lại chẳng phải không
 Chẳng cũng có, cũng không
 Chẳng chẳng có, chẳng không.
 Cũng chẳng có văn tự
 Cũng không lìa văn tự
 Nghĩa thật là như vậy
 Rốt cùng không nói được.
 Người nói, có thể nói
 Điều là tướng tịch diệt
 Nếu tánh là tịch diệt
 Chẳng có, cũng chẳng không.
 Vì muốn nói điều gì
 Là dùng gì để nói
 Vì sao người có trí?*

Cùng với người nói, nói.
 Nếu tánh các pháp không
 Các pháp tức không tánh
 Theo do đâu pháp không?
 Pháp ấy không thể nói.
 Không được nói không có
 Mượn lời để nói không
 Nghĩa thật cũng chẳng không
 Cũng lại phi chẳng không.
 Cũng phi không chẳng không
 Phi phi không, chẳng không
 Chẳng hư, cũng chẳng thật
 Chẳng nói, chẳng không nói.
 Thật ra, không có gì
 Cũng chẳng không thật có
 Ấy là đều lìa bỏ
 Các phân biệt hiện có.
 Nhân cùng từ nhân sinh
 Hết thấy pháp như vậy
 Đều là tướng tịch diệt
 Không lấy cũng không bỏ.
 Không tro, áo không sạch
 Tro cũng lại bản áo
 Không nói không nói thật
 Ngôn thuyết tất có lỗi.

Bồ-tát quán xét, tin hiểu và thông tỏ như thế, nên ở trong việc giảng nói pháp không còn có sự phân biệt.

Không đắc về Bồ-đề: Là Bồ-tát này đã tin hiểu về pháp không nên không như hàng phàm phu thủ đắc Bồ-đề. Bồ-tát suy nghĩ như vậy:

Phật không đắc Bồ-đề
 Phi Phật cũng không đắc
 Các quả và pháp khác
 Đều cũng lại như thế.
 Có Phật, có Bồ-đề
 Phật đắc tức là thường
 Không Phật, không Bồ-đề
 Không đắc tức đoạn diệt.
 Lìa Phật không Bồ-đề
 Lìa Bồ-đề không Phật
 Nếu một khác, không thành
 Làm sao có hòa hợp?
 Phàm hết thấy các pháp
 Do khác nên có hợp
 Bồ-đề không khác Phật
 Thế nên hai không hợp.
 Phật cùng với Bồ-đề
 Khác, chung đều không thành
 Lìa hai, lại không ba
 Làm sao mà thành được?
 Cho nên Phật tịch diệt
 Bồ-đề cũng tịch diệt
 Hai ấy đều tịch diệt
 Tất cả đều tịch diệt.

Không dùng tướng thấy Phật: Là vì Bồ-tát này đã tin hiểu và
 thông đạt pháp vô tướng, nên Bồ-tát suy nghĩ:

Tất cả nếu không tướng
 Tất cả tức có tướng
 Tịch diệt là không tướng
 Tức nó có tướng ấy.

Nếu quán pháp vô tướng
 Vô tướng tức là tướng
 Nếu nói tu vô tướng
 Tức phi tu vô tướng.
 Nếu bỏ các tham chấp
 Gọi đó là vô tướng
 Lấy, bỏ tướng tham này
 Tức là không giải thoát.
 Phàm do có chấp giữ
 Nhân lấy mà có bỏ
 Ai lấy, lấy sự gì?
 Gọi đó cho là bỏ.
 Người lấy, chỗ dùng lấy
 Cùng do gì lấy pháp
 Cùng là đều không có
 Đấy đều gọi tịch diệt.
 Nếu tướng pháp, nhân thành
 Đó tức là vô tánh
 Nếu như không có tánh
 Đấy tức không có tướng.
 Nếu pháp không có tánh
 Pháp ấy tức không tướng
 Vì sao nói không tánh
 Tức thị là không tướng.
 Nếu dùng có và không
 Cũng ngăn, cũng nên thuận
 Tuy nói tâm không vương
 Thế thì không có lỗi.
 Nơi nào trước có pháp
 Mà sau không người diệt
 Nơi nào trước có chày

*Mà sau có người diệt
 Là có tướng tịch diệt
 Đồng không tướng tịch diệt
 Cho nên nói tịch diệt
 Và người nói tịch diệt.
 Trước cũng chẳng tịch diệt
 Cũng chẳng không tịch diệt
 Cũng chẳng tịch không tịch
 Phi chẳng tịch, không tịch.*

Bồ-tát này thông tỏ được tuệ vô tướng như vậy nên không có nghi, hối, không dùng tướng sắc để thấy Phật, không dùng tướng thọ, tướng, hành, thức để thấy Phật.

Hỏi: Sao gọi là không dùng tướng sắc để thấy Phật? Không dùng tướng thọ, tướng, hành, thức để thấy Phật?

Đáp: Không phải sắc là Phật, không phải thọ tướng hành thức là Phật. Không phải lìa sắc là có Phật, không phải lìa thọ tướng hành thức là có Phật. Không phải Phật có sắc, không phải Phật có thọ tướng hành thức. Không phải trong sắc có Phật, không phải trong thọ tướng hành thức có Phật. Không phải trong Phật có sắc, không phải trong Phật có thọ tướng hành thức.

Bồ-tát ở trong năm thứ này không chấp giữ nơi tướng nên đạt tới bậc *A duy việt trí*.

Hỏi: Đã biết đạt được pháp này là *A duy việt trí*. Vậy *A duy việt trí* có tướng mạo gì?

Đáp:

*Bát-nhã đã nói rộng
 Tướng A duy việt trí.*

Nếu Bồ-tát quán xét về địa phàm phu, địa Thanh văn, địa Phật-bích-chi, địa Phật là không hai, không phân biệt, không có

nghe, nên biết đó là bậc A duy việt trí. Hết thấy sự nói năng của bậc A duy việt trí đều có lợi ích. A duy việt trí không quán xét người khác sống lâu hay chết yểu, tốt hay xấu, không mong cầu vào những ngôn thuyết đã có của ngoại đạo, Sa-môn. Cái gì bậc A duy việt trí nên nhận biết là nhận biết ngay, nên thấy là liền thấy. Không lễ bái các trời khác, không đem hương hoa, cờ phướn, lọng báu cúng dường. Không có tông môn, không thờ thầy nào khác. Không bị đọa vào đường ác, không sinh làm thân nữ. Thường tự tu mười đạo nghiệp thiện, cũng giáo hóa kẻ khác khiến tu, thường đem pháp thiện chỉ dạy cho muôn người đạt lợi ích, vui mừng, cả đến trong chiêm bao vẫn không bỏ mười đạo thiện. Không hành mười đạo bất thiện. Gieo trồng căn thiện nơi nghiệp thân, miệng, ý, tất cả đều nhằm tạo an lạc và độ thoát chúng sinh. Những quả báo mình có được đều ban cho chúng sinh cùng có. Khi nghe pháp thâm diệu không nghi hối. Ít nói, chỉ nói lời lợi ích an lạc, nói lời ôn hòa vui vẻ, nói lời dịu dàng dễ nghe. Ít ngủ nghỉ, đi tới lui dừng tâm không tán loạn. Oai nghi đĩnh đạc, nhớ nghĩ chắc chắn. Thân không bệnh tật, y phục, ngọa cụ đều sạch sẽ tinh khiết. Thân tâm thanh tịnh, ở nơi thanh vắng, ít lo nghĩ. Tâm không đua nịnh, quanh co, không keo kiệt, ganh ghét, không tham cầu lợi dưỡng, các thứ vật dụng cần cho đời sống như thức ăn uống, y phục, đồ ngòai nằm, thuốc men v.v... đều biết đủ. Đối với pháp thâm diệu, không tranh cãi. Một lòng nghe pháp, luôn muốn được nghe. Do phước đức này mà hành đầy đủ các Ba-la-mật. Đối với những nghề nghiệp, kỹ thuật ở đời đều thông thạo. Quán xét hết thấy pháp đều thuận theo pháp tánh. Cả đến ma ác có biến hiện tám đại địa ngục hay biến làm Bồ-tát và nói: “Nếu ông không bỏ tâm Bồ-đề thì sẽ bị sinh vào địa ngục này”. Cho dù mắt đã thấy cảnh đáng sợ ấy, nhưng vẫn không bỏ tâm Bồ-đề.

Nếu ma ác lại nói: “Kinh Ma Ha Diễn không phải do Phật giảng nói”. Dầu nghe lời ấy, nhưng tâm không hề đổi khác. Bồ-tát thường

dựa vào pháp tướng, không thuận theo người khác, ở trong sinh tử khổ não nhưng không hề sợ hãi.

Hoặc nghe: Có Bồ-tát đã tu tập căn thiện trong A-tăng-kỳ kiếp vẫn còn thoái chuyển, tâm của Bồ-tát này vẫn không dao động. Lại nghe, có Bồ-tát thoái chuyển làm A-la-hán đạt được các thiền định, nói pháp độ người, thì tâm của vị này cũng không thoái chuyển. Luôn có thể nhận biết những sự việc của ma.

Nếu nghe Nhất thiết trí không, mười Địa của Đại thừa cũng không, chúng sinh có thể độ thoát cũng không, các pháp không thật có cũng như hư không v.v...

Nếu nghe những lời mê hoặc làm loạn tâm như vậy, có thể khiến thoái chuyển, mỏi mệt, biếng trễ, bỏ phước, nhưng Bồ-tát này lại tinh tấn gấp bội, càng hành sâu xa hành từ bi. Có khi ý muốn nhập thiền thứ nhất, thiền thứ hai, thiền thứ ba, thiền thứ tư, nhưng không thuận theo thiền sinh khởi trở lại pháp cõi Dục. Luôn trừ bỏ kiêu mạn, không ham chuộng lời khen tặng, tâm không giận dữ, si ám. Nếu sống tại gia, vẫn không bị nhiễm vướng năm dục. Do có tâm chán lìa nên xem các thứ thọ nhận như bệnh phải uống thuốc. Không tự sống theo tà mạng. Không đem cuộc sống của mình làm náo loạn kẻ khác, chỉ vì đem lại lợi ích an lạc cho chúng sinh, nên sống đời tại gia. Chư thần Kim Cang Mật Tích luôn tùy tùng hộ vệ. Người và phi nhân đều không thể phá hoại. Các căn đầy đủ không thiếu, kém. Không dùng thuốc độc, chú thuật để chế phục người, hại vật.

Không ưa việc tranh chấp, không tự đề cao mình, không xem thường người khác, không hành việc bói toán tốt xấu, không thích luận bàn những chuyện như là: Vua quan, dân chúng, đất nước, bờ cõi, chiến tranh, binh khí, y phục, vật dụng, thức ăn, đồ uống. Không ưa bàn chuyện về người nữ, chuyện đời xưa, chuyện trong biển lớn v.v... Không tới xem nghe ca vũ kỹ nhạc. Chỉ vui thích nói đến những gì tương ứng với nghĩa Ba-la-mật, tương ứng với pháp Ba-la-

mật, khiến càng tăng trưởng. Luôn xa lìa việc tranh tụng, Bồ-tát này nguyện được thấy Phật. Nghe nơi cõi khác hiện có Phật thì mong cầu được sinh về đó. Thường sinh vào vùng giữa nước. Không chút tự nghi: “Ta có phải là A duy việt trí hay không phải là A duy việt trí?”. Luôn nhận biết chắc chắn mình là A duy việt trí. Biết rõ vô số sự việc của ma nhưng không thuận theo. Cho đến chuyển đổi thân cũng không sinh tâm Thanh văn, Phật-bích-chi. Cả đến ma ác hiện làm thân Phật, bảo: “Ông nên chứng A-la-hán, Ta nay vì ông giảng nói pháp, tức ngay đây ông sẽ chứng quả A-la-hán”, Bồ-tát này không hề tin những điều đó. Vì hộ trì chánh pháp, nên Bồ-tát A duy việt trí này không tiếc thân mạng, luôn tu hành tinh tấn. Hoặc khi giảng nói pháp, không hề có nghi hoặc, vấn nạn, không có thiếu sót, lỗi lầm. Những sự việc như thế, gọi là tướng mạo của bậc A duy việt trí. Người có thể thành tựu tướng này nên biết đó là bậc A duy việt trí. Hoặc có vị chưa đầy đủ các sự việc nói trên, thì bao lâu mới nhập bậc A duy việt trí? Điều này tùy theo sự tu tập căn thiện ở các Địa sau, tùy theo căn thiện chuyển đổi thêm sâu vững nên đạt được tướng A duy việt trí..

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYÊN 5

Phẩm 9: DỊ HÀNH

Hỏi: Những sự việc ban đầu của Bồ-tát A duy việt trí này, như trước đã nói. Đạt đến phần vị A duy việt trí ấy, người tu tập phải hành trì những hạnh khó làm trong lâu dài mới có thể đạt được. Nếu Bồ-tát rơi vào địa Thanh văn, Phật-bích-chi, như vậy là một suy hoại lớn, như trong pháp Trợ đạo nói:

*Nếu rơi địa Thanh văn
 Và địa Phật-bích-chi
 Đó là Bồ-tát chết
 Tức mất hết thầy ích.
 Nếu đọa vào địa ngục
 Không khởi sợ như thế
 Nếu rơi địa Nhị thừa
 Mới là nỗi sợ lớn.
 Vì đọa trong địa ngục
 Rốt cùng được đến Phật
 Nếu rơi địa Nhị thừa
 Hoàn toàn ngăn Phật đạo.
 Phật tự ở trong kinh
 Giải nói sự như thế
 Như người tham mạng sống*

*Chém đầu tức kinh hoàng.
Bồ-tát cũng như thế
Nếu ở địa Thanh văn
Và địa Phật-bích-chi
Nên sinh sợ hãi lớn.*

Thế nên, những gì chư Phật đã giảng nói đều là phương tiện giúp cho sự hành đạo được dễ dàng, mau đạt tới vị A duy việt trí. Xin nói về điều đó?

Đáp: Như ông vừa nói, rõ là lời của kẻ yếu đuối không có tâm lớn, không phải là lời nói của bậc trượng phu có ý chí vững chắc. Vì sao? Vì nếu người phát nguyện muốn cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, chưa đạt được vị A duy việt trí, thì trong thời gian tu tập ấy, không tiếc cả thân mạng, đêm ngày tinh tấn, như cứu lửa cháy đầu, như trong pháp Trợ đạo nói:

*Bồ-tát chưa đạt đến
Địa A duy việt trí
Nên siêng năng tinh tấn
Như cứu lửa cháy đầu.
Gánh vác lời nguyện nặng
Là cầu đạt Bồ-đề
Luôn nên siêng tinh tấn
Không sinh tâm biếng trễ.
Nếu cầu thừa Thanh văn
Và thừa Phật-bích-chi
Chỉ là thành lợi mình
Thường phải siêng tinh tấn.
Huống chi đối Bồ-tát
Tự độ cũng độ người
Đối người hai Thừa này
Phải tinh tấn ức bội.*

Phật giảng nói như thế cho những người hành trì pháp Đại thừa. Người phát nguyện cầu Phật đạo, việc ấy nặng hơn việc nâng lên cao Tam thiên đại thiên thế giới. Ông nói phần vị A duy việt trí là pháp rất khó hành trì, phải trải qua lâu dài mới có thể đạt được? Nếu có đạo dễ hành trì, mau chóng đạt đến địa A duy việt trí, thì đó chính nói là lời của người yếu kém, khiếp nhược, không phải là lời của bậc Đại nhân có chí vững chắc. Nếu ông tất muốn nghe phương tiện này, nay sẽ nói rõ. Pháp Phật có vô lượng môn, như đường đi nơi thế gian có đường dễ đi, có đường khó đi. Đi theo đường nơi đất liền thì khó, còn nương thuyền theo dòng nước thì dễ chịu hơn. Đường đi của Bồ-tát cũng vậy. Có người siêng hành tinh tấn, có người lấy tin tưởng làm phương tiện dễ hành trì để mau đạt tới A duy việt trí, như kệ nói:

Phương Đông: Phật Thiện Đức

Nam: Phật Chiên Đàn Đức

Tây: Phật Vô Lượng Minh

Phương Bắc: Phật Tướng Đức

Đông Nam: Vô Ưu Đức

Tây Nam: Phật Bảo Thí

Tây Bắc: Phật Hoa Đức

Đông Bắc: Tam Thừa Hạnh

Phương Dưới: Phật Minh Đức

Phương Trên: Quảng Chúng Đức

Các Thế Tôn như thế

Hiện ở nơi mười phương

Nếu người muốn mau đến

Nơi địa Bất thoái chuyển

Nên đem tâm cung kính

Nắm giữ xưng danh hiệu.

Nếu Bồ-tát muốn nơi thân này đến được địa A duy việt trí, thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, phải nên

nhớ nghĩ đến chư Phật trong mười phương, xưng niệm danh hiệu các Ngài. Như trong phẩm A duy việt trí của Kinh Bảo Nguyệt Đồng Tử Sở Vấn đã nói: Phật bảo Đồng tử Bảo Nguyệt: Cách đây về phương Đông, vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa côi Phật không thể nghĩ bàn, có thể giới tên là Vô Ưu. Đất nơi côi ấy bằng phẳng, do bảy báu hợp thành, các sợi tơ vàng ròng đan xen khắp chốn. Cây báu bày thành hàng dùng để trang nghiêm. Không có các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, và những xú ách nạn. Cõi nước thanh tịnh không chút cấu uế, không có cát sỏi, gạch ngói, đá sạn, núi non hiểm trở, gò nổng, vực sâu, khe động thâm u. Chư Thiên thường tuôn mưa hoa đầy khắp mặt đất. Đồi ấy có Phật tên là Thiện Đức gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn, với chúng Đại Bồ-tát cung kính vây quanh. Thân Phật tỏa hào quang sắc màu như ánh sáng trên núi Đại Kim, như khối châu báu vĩ đại, vì các đại chúng giảng nói rộng chánh pháp, đầu giữa sau đều thiện, có lời, có nghĩa, không xen tạp, đầy đủ sự thanh tịnh, như thật, không sai sót.

Sao gọi là không sai sót? Là không sai sót về đất nước gió lửa. Không sai sót về côi Dục, côi Sắc, côi Vô sắc. Không sai sót về sắc thọ tưởng hành thức.

Này Đồng tử Bảo Nguyệt! Đức Phật ấy đã thành Phật đến nay hơn sáu mươi ức kiếp. Lại, cõi nước của Đức Phật ấy ngày đêm không khác nhau, chỉ lấy số lượng ngày tháng năm theo châu Diêm-phù-đề này để nói về kiếp sống trên châu ấy. Hào quang của Phật ấy luôn chiếu khắp nơi thế giới mình. Mỗi một lần giảng nói pháp là khiến cho vô lượng vô biên ngàn vạn ức A-tăng-kỳ chúng sinh trụ ở pháp Nhẫn vô sinh. Gấp nhiều lần số chúng sinh như vậy được trụ ở pháp nhẫn thứ nhất, pháp nhẫn thứ hai, pháp nhẫn thứ ba.

Này Đồng tử Bảo Nguyệt! Do diệu lực nơi bản nguyện của Đức Phật ấy, nên nếu có chúng sinh ở phương khác, đã từng gieo trồng các căn thiện trước Đức Phật, thì Đức Phật này chỉ dùng ánh sáng chạm vào thân, tức thì người ấy chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Này Đồng tử Bảo Nguyệt! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe danh hiệu Đức Phật này có thể tin nhận, tức không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Sự việc của chín vị Phật còn lại nơi chín phương kia đều cũng như vậy.

Nay sẽ giải nói danh hiệu của chư Phật và tên cõi nước của các vị Phật ấy.

1. *Phật Thiện Đức*: Phật này có đức độ thuần thiện, chỉ toàn là an lạc, không phải như phước đức của chư Thiên, Long, Thần, lắm lúc gây náo hại cho chúng sinh.

2. *Phật Chiên Đàn Đức*: Về phương Nam, cách đây vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Hoan Hỷ, Đức Phật nơi thế giới ấy hiệu là Chiên Đàn Đức, hiện đang giảng nói pháp. Ví như hương Chiên-đàn, nhưng lại trong mát, danh xưng của Đức Phật này xa nghe như mùi thơm Chiên-đàn tỏa khắp, diệt trừ lửa nóng ba độc của chúng sinh, khiến được mát mẻ.

3. *Phật Vô Lượng Minh*: Về phương Tây, cách đây vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Thiện Giải, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Vô Lượng Minh, hiện đang giảng nói pháp. Thân Phật phóng hào quang cùng ánh sáng của trí tuệ tỏa chiếu vô lượng vô biên.

4. *Phật Tướng Đức*: Về phương Bắc, cách cõi này vượt qua vô số vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Bất Khả Động, Đức Phật ở cõi ấy tên là Tướng Đức, hiện đang giảng nói pháp. Phước đức của Đức Phật ấy cao vời, sáng tỏ cũng như tướng trăng.

5. *Phật Vô Ưu Đức*: Về phương Đông Nam, cách đây vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Nguyệt Minh, Đức Phật nơi cõi ấy tên là Vô Ưu Đức, hiện đang giảng nói pháp. Thần đức của Đức Phật ấy khiến cho hàng trời, người không lo âu, sầu khổ.

6. *Phật Bảo Thí*: Về phương Tây Nam, cách đây vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Chúng Tướng, Đức Phật nơi cõi ấy tên Bảo Thí, hiện đang giảng nói pháp. Đức Phật ấy đã đem các thứ báu như căn, lực, giác đạo vô lậu để luôn thí cho chúng sinh.

7. *Phật Hoa Đức*: Về phương Tây Bắc, cách đây vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Chúng Âm, Đức Phật nơi cõi ấy tên Hoa Đức, hiện đang giảng nói pháp. Sắc thân của Đức Phật ấy như hoa tươi đẹp, đức độ thì vô lượng.

8. *Phật Tam Thừa Hạnh*: Về phương Đông Bắc, cách đây vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là An Ân, Đức Phật nơi cõi ấy tên Tam Thừa Hạnh, hiện đang giảng nói pháp. Đức Phật ấy thường giảng nói về hạnh của các hàng Thanh văn, Phật-bích-chi và Bồ-tát. Có người nói: “Đức Phật này thuyết giảng cho các Thừa thượng, trung, hạ đều tinh tấn tu tập, nên gọi là Tam Thừa Hạnh”.

9. *Phật Minh Đức*: Về phương Dưới, cách đây vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Quảng Đại, Đức Phật nơi cõi ấy tên Minh Đức, hiện đang giảng nói pháp. Minh là thân sáng, trí tuệ sáng, cây báu phát sáng, ba thứ ánh sáng này luôn chiếu khắp thế gian.

10. *Phật Quảng Chúng Đức*: Về phương Trên, cách đây vượt qua vô lượng vô biên Hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Chúng Nguyệt, Đức Phật ở cõi đó tên Quảng Chúng Đức, hiện đang giảng nói pháp. Đệ tử của Đức Phật ấy có phước đức rộng lớn do Bản sư ban cho nên gọi là Quảng Chúng Đức.

Đó là chư Phật trong mười phương, đầu tiên là Phật Thiện Đức, sau cùng là Phật Quảng Chúng Đức. Nếu người nhất tâm xưng danh hiệu của chư Phật ấy, tức đạt được không thoái chuyển nơi quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, như kệ nói:

*Nếu có người được nghe
 Danh hiệu chư Phật này
 Tức được vô lượng đức
 Như vì Bảo Nguyệt nói.
 Ta lễ chư Phật ấy
 Trong mười phương hiện tại
 Như có niệm danh hiệu
 Tức đạt không thoái chuyển.
 Phương Đông cõi Vô Ưu
 Phật hiệu là Thiện Đức
 Sắc tướng như núi vàng
 Tiếng tăm không biên vực.
 Nếu người nghe tên Phật
 Liền được không thoái chuyển
 Ta nay chấp tay lễ
 Nguyện trừ hết ưu não.
 Phương Nam cõi Hoan Hỷ
 Phật hiệu Chiên Đàn Đức
 Mặt tịnh như trăng tròn
 Hào quang sáng không lường.
 Diệt nhiệt não ba độc
 Cửa hết thấy chúng sinh
 Nghe tên đạt bất thoái
 Thế nên cung kính lễ.
 Phương Tây thế giới Thiện
 Phật hiệu Vô Lượng Minh
 Thân sáng, trí tuệ sáng*

Tỏa chiếu khắp muôn nơi.
 Nếu nghe tên Phật ấy
 Tức được không thoái chuyển
 Ta nay cúi đầu lễ
 Nguyên dứt nẻo sinh tử.
 Phương Bắc cõi Vô Động
 Phật hiệu là Tướng Đức
 Thân đủ các tướng tốt
 Dùng đó tự trang nghiêm.
 Phá trừ các ma oán
 Khéo hóa độ trời, người
 Nghe tên đạt bất thoái
 Thế nên cung kính lễ.
 Đông Nam: cõi Nguyệt Minh
 Có Phật hiệu Vô Ưu
 Hào quang hơn nhật nguyệt
 Người gặp phiền não diệt.
 Thường vì chúng nói pháp
 Trừ các khổ trong ngoài
 Mười phương Phật khen ngợi
 Thế nên cung kính lễ.
 Tây Nam: cõi Chúng Tướng
 Phật hiệu là Bảo Thí
 Thường đem các pháp báu
 Rộng thí cho hết thảy.
 Chư Thiên đầu mặt lễ
 Mũ báu để dưới chân
 Ta nay dùng năm thế
 Quy mạng bậc Bảo Thí.
 Tây Bắc: cõi Chúng Âm
 Phật hiệu là Hoa Đức

Thế giới các cây báu
 Diển nói pháp âm diệu.
 Luôn dùng hoa bảy giác
 Trang nghiêm nơi chúng sinh
 Tướng bạch hào như trắng
 Ta nay đầu mặt lễ.
 Đông Bắc: cõi An Ân
 Do các báu hợp thành
 Phật hiệu Tam Thừa Hạnh
 Vô lượng tướng nghiêm thân.
 Trí tuệ sáng không lường
 Xua tan ám vô minh
 Chúng sinh không sầu lo
 Thế nên cung kính lễ.
 Phương trên, cõi Chúng Nguyệt
 Trang nghiêm bằng các báu
 Chúng Đại đức Thanh văn
 Và Bồ-tát vô lượng.
 Sư tử trong các Thánh
 Hiệu là Quảng Chúng Đức
 Các ma đều kinh sợ
 Thế nên cung kính lễ.
 Phương dưới thế giới Quảng
 Phật hiệu là Minh Đức
 Tướng thân đẹp vượt bậc
 Núi vàng Diêm-phù-đàn.
 Thường đem mặt trời tuệ
 Nở hoa các căn thiện
 Cõi nước báu rộng lớn
 Ta cúi lạy từ xa.
 Quá khứ vô số kiếp

*Có Phật hiệu Hải Đức
 Chư Phật hiện tại này
 Từ Phật ấy phát nguyện.
 Thọ mạng là vô lượng
 Hào quang chiếu không cùng
 Cõi nước rất thanh tịnh
 Nghe tên là thành Phật.
 Nay mười phương, hiện tại
 Đầy đủ thành mười lực
 Thế nên cung kính lễ
 Tôi tôn trong trời, người.*

Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu của mười vị Phật trên đây, ghi nhớ trong tâm, liền đạt được không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, vậy còn có các Đức Phật khác, các vị Bồ-tát khác, để tới được A duy việt trí?

Đáp:

*Như Phật A-di-đà
 Cùng các Đại Bồ-tát
 Nhất tâm niệm xưng tên
 Cũng được không thoái chuyển.*

Lại có chư Phật như Đức Phật A-di-đà cũng nên cung kính lễ bái, niệm danh hiệu. Nay sẽ nói đủ các Đức Phật ấy như sau: Phật Vô Lượng Thọ, Phật Thế Tự Tại Vương, Phật Sư Tử Âm, Phật Pháp Ý, Phật Phạm Tướng, Phật Thế Tướng, Phật Thế Diệu, Phật Từ Bi, Phật Thế Vương, Phật Nhân Vương, Phật Nguyệt Đức, Phật Bảo Đức, Phật Tướng Đức, Phật Đại Tướng, Phật Châu Cái, Phật Sư Tử Man, Phật Pháp Vô Minh, Phật Trí Hoa, Phật Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương, Phật Trì Đại Công Đức, Phật Vũ Thất Bảo, Phật Siêu Dũng, Phật Ly Sân Hận, Phật Đại Trang Nghiêm, Phật Vô Tướng, Phật Bảo Tạng, Phật Đức Đánh, Phật Đa Già La Hương, Phật Chiên Đàn Hương, Phật

Liên Hoa Hương, Phật Trang Nghiêm Đạo Lộ, Phật Long Cái, Phật Vũ Hoa, Phật Tán Hoa, Phật Hoa Quang Minh, Phật Nhật Âm Thanh, Phật Tế Nhật Nguyệt, Phật Lưu Ly Tạng, Phật Phạm Âm, Phật Tịnh Minh, Phật Kim Tạng, Phật Tu Di Đảnh, Phật Sơn Vương, Phật Âm Thanh Tự Tại, Phật Tịnh Nhãn, Phật Nguyệt Minh, Phật Như Tu Di Sơn, Phật Nhật Nguyệt, Phật Đắc Chúng, Phật Hoa Sinh, Phật Phạm Âm Thuyết, Phật Thế Chủ, Phật Sư Tử Hành, Phật Diệu Pháp Ý Sư Tử Hồng, Phật Châu Bảo Cái San Hô Sắc, Phật Phá Si Ái Ám, Phật Thủy Nguyệt, Phật Chúng Hoa, Phật Khai Trí Tuệ, Phật Trì Táp Bảo, Phật Bồ Đề, Phật Hoa Siêu Xuất, Phật Chân Lưu Ly Minh, Phật Tế Nhật Minh, Phật Trì Đại Công Đức, Phật Đắc Chánh Tuệ, Phật Dũng Kiện, Phật Ly Siểm Khúc, Phật Trừ Ác Căn Tài, Phật Đại Hương, Phật Đạo Ánh, Phật Thủy Quang, Phật Hải Vân Tuệ Du, Phật Đức Đảnh Hoa, Phật Hoa Trang Nghiêm, Phật Nhật Âm Thanh, Phật Nguyệt Thắng, Phật Lưu Ly, Phật Phạm Thanh, Phật Quang Minh, Phật Kim Tạng, Phật Sơn Đảnh, Phật Sơn Vương, Phật Âm Vương, Phật Long Thắng, Phật Vô Nhiễm, Phật Tịnh Diện, Phật Nguyệt Diện, Phật Như Tu Di, Phật Chiên Đàn Hương, Phật Uy Thế, Phật Nhiên Đăng, Phật Nan Thắng, Phật Bảo Đức, Phật Hỷ Âm, Phật Quang Minh, Phật Long Thắng, Phật Ly Cầu Minh, Phật Sư Tử, Phật Vương Vương, Phật Lực Thắng, Phật Hoa Xi, Phật Vô Úy Minh, Phật Hương Đảnh, Phật Phổ Hiền, Phật Phổ Hoa, Phật Bảo Tướng.

Các Đức Phật – Thế Tôn này hiện đang trụ trong các thế giới thanh tịnh nơi mười phương, hết thảy đều xưng danh hiệu, nhớ nghĩ. Bốn nguyện của Đức Phật A-di-đà như thế này: Nếu có người xưng niệm danh hiệu của Ta, tự quy về, tức nhập vị Tất định, để chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì vậy nên thường nhớ nghĩ đến Ngài. Dùng kệ để xưng tán:

*Vô lượng tuệ tỏa chiếu
Thân như núi vàng ròng*

Con nay thân, miệng, ý
Chấp tay, cúi đầu lạy.
Sắc vàng sáng vi diệu
Hiện khắp các thế giới
Theo vật sắc thêm tươi
Thế nên cung kính lễ.
Nếu người lúc mạng chung
Được sinh về cõi ấy
Tức đủ vô lượng đức
Thế nên con quy kính.
Người thường niệm Phật này
Vô lượng lực, uy đức
Tức thì nhập Tất định
Thế nên con luôn niệm.
Người cõi ấy mạng hết
Nếu phải chịu các khổ
Không đọa địa ngục ác
Thế nên quy mạng lễ.
Nếu người sinh cõi đó
Trọn không đọa ba đường
Cùng nẻo A-tu-la
Con nay quy mạng lễ.
Người, trời thân tướng đồng
Cũng như đỉnh núi vàng
Chốn quay về hơn hết
Thế nên đầu mặt lễ.
Người sinh về nước ấy
Đủ Thiên nhân nhĩ thông
Khắp mười phương không ngại
Đánh lễ Thánh Trung Tôn.
Chúng sinh nơi nước ấy

Thân biến và tâm thông
 Cũng đủ trí tức mạng
 Thế nên quy mạng lễ.
 Người sinh về nước đó
 Không ngã, không ngã sở
 Không sinh tâm đây, kia
 Thế nên cung kính lễ.
 Vượt ra ngục ba cõi
 Mắt như cánh hoa sen
 Chúng Thanh văn vô lượng
 Thế nên cung kính lễ.
 Các chúng sinh nước này
 Tâm tánh đều nhu hòa
 Tự nhiên hành mười thiện
 Đánh lễ chúng Thánh vương.
 Từ thiện sinh sáng sạch
 Số vô lượng vô biên
 Bạc nhất trong lưỡng túc
 Thế nên con quy mạng.
 Nếu người nguyện thành Phật
 Tâm niệm A-di-đà
 Ứng thời liền hiện thân
 Thế nên con quy mạng.
 Lục bản nguyện Phật ấy
 Chư Bồ-tát mười phương
 Đến cúng dường, nghe pháp
 Thế nên con đánh lễ.
 Chư Bồ-tát cõi ấy
 Đầy đủ các tướng tốt
 Dùng tự trang nghiêm thân
 Con nay quy mạng lễ.

Các Đại Bồ-tát kia
Ba thời nơi mỗi ngày
Cúng dường mười phương Phật
Thế nên cung kính lễ.
Nếu người trồng căn thiện
Nghĩ thì hoa không nở
Người tâm tin thanh tịnh
Hoa nở tức thấy Phật.
Phật hiện tại mười phương
Dùng vô số nhân duyên
Khen công đức Phật ấy
Con nay quy mạng lễ.
Cõi nước ấy nghiêm tịnh
Thù thắng vượt cung trời
Công đức rất sâu dày
Thế nên lễ chân Phật.
Chân Phật ngàn vòng xoáy
Mềm mại sắc hoa sen
Người thấy đều hoan hỷ
Đầu mặt lễ chân Phật.
Bạch hào sáng giữa mây
Nhu vàng trắng thanh tịnh
Vẻ sáng mặt càng tăng
Đầu mặt lễ chân Phật.
Lúc xưa cầu Phật đạo
Hành các việc kỳ diệu
Nhu các kinh đã nói
Đầu mặt cung kính lễ.
Những gì Phật ấy nói
Phá trừ mọi gốc tội
Lời hay tạo lợi ích

Con nay cung kính lễ.
Dem lời hay đẹp kia
Cứu các bệnh tham dục
Đã độ, nay cũng độ
Thế nên cũng kính lễ.
Tối tôn trong trời người
Chư Thiên đầu mặt lễ
Mũ bảy báu chạm chân
Thế nên con quy mạng.
Tất cả chúng Hiền Thánh
Cùng các chúng trời người
Thảy đều cùng quy mạng
Thế nên con cũng lễ.
Nương thuyền tám đạo kia
Vượt qua biển khó vượt
Tự độ cũng độ người
Con lễ bậc Tự tại.
Chư Phật vô lượng kiếp
Tán dương công đức kia
Cũng hãy không thể hết
Quy mạng người thanh tịnh.
Con nay cũng như thế
Xưng tán vô lượng đức
Do nhân duyên phước này
Mong Phật thường nhớ con.
Nơi đời này đời trước
Phước đức hoặc lớn nhỏ
Con nguyện nơi cõi Phật
Tâm thường được thanh tịnh.
Do nhân duyên phước ấy
Được phước đức thượng diệu

*Nguyện các loài chúng sinh
Thấy đều cũng sẽ được.*

Lại cũng phải niệm chư Phật: Phật Tỳ Bà Thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Thủ Bà Phục, Phật Câu Lưu San Đề, Phật Ca Na Ca Mâu Ni, Phật Ca Diếp, Phật Thích Ca Mâu Ni, cùng Phật Di Lặc ở đời vị lai. Hết thấy đều nên nhớ nghĩ đến và lễ bái. Dùng kệ xưng tán:

*Thế Tôn Tỳ-bà-thi
Dưới cây đạo Vô ưu
Thành tựu Nhất thiết trí
Các công đức vi diệu.
Chánh quán nơi thế gian
Tâm ấy được giải thoát
Con nay đem năm thể
Quy mạng bậc vô thượng.
Phật Thi Khí, Thế Tôn
Ở nước Bà-nà-đà-lợi
Đạo tràng ngồi dưới cây
Thành tựu đạo Bồ-đề.
Thân sắc không gì sánh
Sáng như núi vàng ròng
Con nay tự quy mạng
Bậc vô thượng ba cõi.
Thế Tôn Tỳ-thủ-bà
Ngồi dưới cây Sa-la
Tự nhiên thông đạt hết
Tất cả trí tuệ diệu.
Ở trong các trời, người
Bậc nhất không ai bằng
Thế nên con quy mạng
Hết thấy bậc Tối thắng.*

Phật Ca Câu Thôn Đại
 Đắc A-nậu-đa-la
 Tam-miệu-tam-bồ-đề
 Dưới cây Thi-lợi-sa.
 Thành tựu đại trí tuệ
 Vĩnh viễn thoát sinh tử
 Con nay quy mạng lễ
 Bạc nhất không gì sánh.
 Ca-na-hàm Mâu-ni
 Đại Thánh vô thượng tôn
 Dưới cây Ưu-đàm-bát
 Thành tựu được quả Phật.
 Thông đạt tất cả pháp
 Vô lượng cùng vô biên
 Thế nên con quy mạng
 Vô thượng tôn bạc nhất.
 Phật, Thế Tôn Ca-diếp
 Mắt như hai hoa sen
 Cây Ni-câu-lâu-đà
 Nơi ấy thành Phật đạo.
 Ba cõi không sợ hãi
 Bước đi như Tượng vương
 Con nay tự quy mạng
 Đánh lễ bậc Tối thượng.
 Phật Thích-ca Mâu-ni
 Dưới cây A-du-đà
 Hàng phục các ma oán
 Thành tựu đạo vô thượng.
 Diện mạo như trăng tròn
 Thanh tịnh không chút bợn
 Con nay cung kính lễ

*Bậc dũng mãnh đệ nhất.
 Phật Di-lặc vị lai
 Ngồi dưới cây Na-già
 Thành tựu tâm rộng lớn
 Tự nhiên đắc Phật đạo.
 Công đức thật bền chắc
 Không ai vượt hơn được
 Thế nên con tự quy
 Pháp vương diệu tối thắng.*

Lại có các Đức Phật: Phật Đức Thắng, Phật Phổ Minh, Phật Thắng Địch, Phật Vương Tướng, Phật Tướng Vương, Phật Vô Lượng Công Đức Minh Tự Tại Vương, Phật Dược Vương Vô Ngại, Phật Bảo Du Hành, Phật Bảo Hoa, Phật An Trụ, Phật Sơn Vương. Tất cả cũng đều phải nhớ nghĩ đến, cung kính lễ bái. Dùng kệ khen ngợi:

*Trong thế giới Vô Thắng
 Có Phật hiệu Đức Thắng
 Con nay cung kính lễ
 Cùng Pháp bảo, Tăng bảo.
 Thế giới Tùy Ý Hỷ
 Có Phật tên Phổ Minh
 Con nay tự quy mạng
 Cùng Pháp bảo, Tăng bảo.
 Trong thế giới Phổ Hiền
 Có Phật hiệu Thắng Địch
 Con nay quy mạng lễ
 Cùng Pháp bảo, Tăng bảo.
 Thế giới Thiện Tịnh Tập
 Phật hiệu Vương Tràng Tướng
 Con nay cung kính lễ
 Cùng Pháp bảo, Tăng bảo.*

Thế giới Ly Cấu Tập
Vô Lượng Công Đức Minh
Tự tại nơi mười phương
Thế nên cung kính lễ.
Trong thế giới Bất Cuồng
Phật Vô Ngại Dược Vương
Con nay đầu mặt lễ
Cùng Pháp bảo, Tăng bảo.
Trong thế giới Kim Tập
Phật hiệu Bảo Du Hành
Con nay đầu mặt lễ
Cùng Pháp bảo, Tăng bảo.
Cõi Mỹ Âm Bảo Hoa
Phật An Lập Sơn Vương
Con nay đầu mặt lễ
Cùng Pháp bảo, Tăng bảo.
Đó là các Như Lai
Trụ thế giới phương Đông
Con đem tâm cung kính
Xưng tán quy mạng lễ.
Cúi mong các Như Lai
Trái lòng thương sâu dày
Hiện thân trước mặt con
Đều khiến tự được thấy.

Lại nữa, chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, đều nên nhớ nghĩ đến tất cả, cung kính lễ bái, dùng kệ đề xưng tán:

Chư Phật đời quá khứ
Hàng phục các ma oán
Do sức đại trí tuệ
Lợi ích khắp chúng sinh.

*Các chúng sinh thời đó
 Đều tận tâm cúng dường
 Cung kính và khen ngợi
 Thế nên đầu mặt lễ.
 Mười phương cõi hiện tại
 Chư Phật không kể hết
 Hơn số cát sông Hằng
 Vô lượng và vô biên.
 Xót thương các chúng sinh
 Thường chuyển pháp luân diệu
 Thế nên con cung kính
 Quy mạng cùng kính lễ.
 Chư Phật đời vị lai
 Sắc thân như núi vàng
 Tỏa sáng không có lượng
 Các tướng tự trang nghiêm.
 Ra đời độ chúng sinh
 Sẽ vào nơi Niết-bàn
 Chư Thế Tôn như thế
 Con nay đầu mặt lễ.*

Lại nữa, cũng phải nhớ nghĩ đến chư vị Đại Bồ-tát, như: Bồ-tát Thiện Ý, Bồ-tát Thiện Nhân, Bồ-tát Văn Nguyệt, Bồ-tát Thi Tỳ Vương, Bồ-tát Nhất Thiết Thắng, Bồ-tát Tri Đại Địa, Bồ-tát Đại Dược, Bồ-tát Cru Xá, Bồ-tát A Ly Niệm Di, Bồ-tát Đỉnh Sinh Vương, Bồ-tát Hỷ Kiến, Bồ-tát Tước Đa La, Bồ-tát Tát Hòa Đàn, Bồ-tát Trường Thọ Vương, Bồ-tát Săng Đề, Bồ-tát Vĩ Lam, Bồ-tát Diệm, Bồ-tát Nguyệt Cái, Bồ-tát Minh Thủ, Bồ-tát Pháp Thủ, Bồ-tát Thành Lợi, Bồ-tát Di Lạc.

Lại có các Bồ-tát như: Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Kim Cang Thủ, Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Xung, Bồ-tát Trừ

Nghi, Bò-tát Vô Cấu Đức, Bò-tát Vô Ng Minh, Bò-tát Vô Lượng Minh, Bò-tát Đại Minh, Bò-tát Vô Tận Ý, Bò-tát Ý Vương, Bò-tát Vô Biên Ý, Bò-tát Nhật Âm, Bò-tát Nguyệt Âm, Bò-tát Mỹ Âm, Bò-tát Mỹ Âm Thanh, Bò-tát Đại Âm Thanh, Bò-tát Kiên Tinh Tấn, Bò-tát Thường Kiên, Bò-tát Kiên Phát, Bò-tát Trang Nghiêm Vương, Bò-tát Thường Bi, Bò-tát Thường Bất Khinh, Bò-tát Pháp Thượng, Bò-tát Pháp Ý, Bò-tát Pháp Hỷ, Bò-tát Pháp Thủ, Bò-tát Pháp Tích, Bò-tát Phát Tinh Tấn, Bò-tát Trí Tuệ, Bò-tát Tịnh Uy Đức, Bò-tát Na La Diên, Bò-tát Thiện Tư Duy, Bò-tát Pháp Tư Duy, Bò-tát Bạt Đà Bà La, Bò-tát Pháp Ích, Bò-tát Cao Đức, Bò-tát Sư Tử Du Hành, Bò-tát Hỷ Căn, Bò-tát Thượng Bảo Nguyệt, Bò-tát Bất Hư Đức, Bò-tát Long Đức, Bò-tát Văn Thù Sư Lợi, Bò-tát Diệu Âm, Bò-tát Vân Âm, Bò-tát Thắng Ý, Bò-tát Chiêu Minh, Bò-tát Dũng Chúng, Bò-tát Thắng Chúng, Bò-tát Uy Nghi, Bò-tát Sư Tử Ý, Bò-tát Thượng Ý, Bò-tát Ích Ý, Bò-tát Tăng Ý, Bò-tát Bảo Minh, Bò-tát Tuệ Đánh, Bò-tát Lạc Thuyết Đánh, Bò-tát Hữu Đức, Bò-tát Quán Thế Tự Tại Vương, Bò-tát Đà La Ni Tự Tại Vương, Bò-tát Đại Tự Tại Vương, Bò-tát Vô Ưu Đức, Bò-tát Bất Hư Kiến, Bò-tát Ly Ác Đạo, Bò-tát Nhất Thiết Dũng Kiện, Bò-tát Phá Ám, Bò-tát Công Đức Bảo, Bò-tát Hoa Uy Đức, Bò-tát Kim Anh Lạc Minh Đức, Bò-tát Ly Chư Ám Cái, Bò-tát Tâm Vô Ngại, Bò-tát Nhất Thiết Hạnh Tịnh, Bò-tát Đẳng Kiến, Bò-tát Bất Đẳng Kiến, Bò-tát Tam Muội Du Hý, Bò-tát Pháp Tự Tại, Bò-tát Pháp Tướng, Bò-tát Minh Trang Nghiêm, Bò-tát Đại Trang Nghiêm, Bò-tát Bảo Đánh, Bò-tát Bảo Ấn Thủ, Bò-tát Thường Cử Thủ, Bò-tát Thường Hạ Thủ, Bò-tát Thường Thâm, Bò-tát Thường Hỷ, Bò-tát Hỷ Vương, Bò-tát Đặc Biện Tài Âm Thanh, Bò-tát Hư Không Lô Âm, Bò-tát Trì Bảo Cự, Bò-tát Dũng Thí, Bò-tát Đê Vô Ng, Bò-tát Mã Quang, Bò-tát Không Vô Ngại, Bò-tát Bảo Thắng, Bò-tát Thiên Vương, Bò-tát Phá Ma, Bò-tát Điện Đức, Bò-tát Tự Tại, Bò-tát Đánh Tướng, Bò-tát Xuất Quá, Bò-tát Sư Tử Hống, Bò-tát

Vân Âm, Bồ-tát Năng Thắng, Bồ-tát Sơn Tướng Tràng Vương, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Đại Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Túc, Bồ-tát Diệu Sinh, Bồ-tát Hoa Trang Nghiêm, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Thủy Vương, Bồ-tát Sơn Vương, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Bảo Thí, Bồ-tát Phá Ma, Bồ-tát Trang Nghiêm Quốc Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Châu Kế.

Các Đại Bồ-tát như thế, đều nên nhớ nghĩ, cung kính lễ bái, đề cầu đạt đến địa A duy việt trí (Bất thoái chuyển).

Phẩm 10: TRỪ NGHIỆP

Hỏi: Có phải chỉ nhớ nghĩ và niệm danh hiệu chư Phật như Phật A-di-đà v.v... và niệm danh hiệu các Bồ-tát khác mà chúng được địa A duy việt trí, hay còn có phương tiện nào khác?

Đáp: Người cầu đạt địa A duy việt trí, không những chỉ nhớ nghĩ, niệm danh hiệu, kính lễ, còn cần phải đến trước chỗ Đức Phật **sám hối, khuyến tỉnh, tùy hỷ, hồi hướng**.

Hỏi: Việc đó như thế nào?

Đáp:

*Vô lượng Phật mười phương
Thấy đều biết rõ hết
Ta nay đều đến trước
Phát lồ các tội xấu.
Ba, ba hợp chín thứ
Từ ba phiền não khởi
Thân đời này, đời trước
Tội ấy đều sám hối.*

*Ở trong ba đường ác
Nên phải nhận báo nghiệp
Nguyên đời này đền trả
Không chịu tội đường ác.*

Mười phương chur Phật: Là hết thầy chur Phật trong hiện tại, mạng căn thành tựu, chưa nhập Niết-bàn.

Mười phương: Là bốn phương, bốn hướng và trên, dưới. Phật là người nhận biết hết những gì cần biết, không sót điều gì.

Phát lồ: Là đến trước chur Phật, bày tỏ rõ hết thầy tội, không che giấu. Sau đó không tái phạm, như đắp đê ngăn giữ nước.

Tội xấu: Là do không có trí tuệ sáng suốt, nên phạm nhiều các ác, hoặc pháp bất thiện, hoặc hữu phú vô ký.

Ba, ba thứ: Là thân, miệng ý gây ác, nhận quả báo đời này, quả báo nơi đời sau và đời sau nữa. Tự mình làm, dạy người khác làm, hoặc thấy người làm thì tùy hỷ.

Từ ba thứ phiền não khởi ba thứ phiền não: Là những trói buộc nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Hoặc trợ giúp cho phiền não tham dục, hoặc trợ giúp cho phiền não giận dữ, hoặc trợ giúp cho phiền não ngu si. Hoặc phiền não loại trên, phiền não loại giữa, phiền não loại dưới v.v...

Thân đời này, đời trước, Tội ấy đều sám hối: Nghĩa là những thứ ác do thân đời này, đời trước đã tạo đều xin sám hối, không bỏ sót.

Địa ngục: Bao gồm tám thứ địa ngục nóng, mười thứ địa ngục lạnh. *Súc sinh:* Là những loài hoặc sinh từ đất, từ nước, hoặc không chân, hoặc hai chân, hoặc nhiều chân v.v... *Ngạ quỷ:* Là loài ăn các thứ dơ nhớp như đờm dãi, đồ ăn nôn ra, nước cặn do rửa ráy, máu mủ, phân nước tiểu v.v... Nếu ta tạo nghiệp ứng với ba đường ác ấy phải thọ nhận thì xin khiến cho tội đó nơi thân hiện tại thọ nhận, hoặc

thân sau thọ nhận, không phải ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thọ khổ.

Lại nữa, Phật tự giảng nói pháp sám hối: Nếu Bồ-tát muốn sám hối tội, nên nói lên lời như vậy: Con nay đứng trước chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới, các Ngài đã chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, chuyên pháp luân, tuôn mưa pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, dựng cờ pháp, đem pháp bố thí đầy đủ cho chúng sinh, hầu hết đều được lợi ích, đều được an ổn. Các Ngài luôn thương xót thế gian, đem lợi lạc cho hàng trời, người. Hôm nay, con đem thân, miệng, ý, đầu mặt lễ chân chư Phật trong hiện tại. Cái thấy, cái biết của chư Phật là mắt của thế gian, là đèn sáng của thế gian.

Từ nẻo sinh tử vô thi đến nay, con gây ra bao tội nghiệp, vì sự bức bách của tham dục, giận dữ, ngu si, hoặc do không biết Phật, Pháp, Tăng, hoặc do không biết việc tội phước, phần nhiều thân, miệng ý của con đã gây nên nhiều thứ tội. Hoặc do tâm ác đã làm thân Phật chảy máu, hoặc hủy diệt chánh pháp, hoặc phá hoại chúng Tăng, giết hại bậc Chân nhân, A-la-hán. Hoặc tự hành mười điều bất thiện, hoặc dạy người khác làm, hoặc vui theo người khác đã làm. Hoặc đối với chúng sinh nói những lời thô ác. Hoặc cần đong gian dối để gạt lấy của cải người. Dùng những hạnh tà vạy nảo loạn mọi người. Hoặc bất hiếu với cha mẹ, hoặc trộm cắp đồ đạc trong tháp cùng vật dụng của Tăng bốn phương. Kinh giới do Phật giảng nói có khi đem đốt phá, làm trái lời dạy của các vị Hòa thượng, A-xà-lê. Hoặc thấy người vốn phát tâm theo thừa Thanh văn, thừa Phật-bích-chi, nay phát tâm Đại thừa thì nói xấu, chế nhạo, khinh rẻ, hiềm khích, ganh ghét, che giấu tâm mình. Hoặc ở trụ xứ của Phật nói lời độc ác, hoặc pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp v.v...

Những tội lỗi như thế, hôm nay, đứng trước chư Phật hiện tại, là bậc đã thấy, đã biết, đã chứng, con xin phát lồ hết những tội kia, không dám che giấu. Kể từ nay trở về sau, con không dám tái phạm.

Nếu có những tội phải bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, không được gặp Tam bảo, phải sinh vào chốn có nhiều nạn, thì con nguyện xin thọ nhận quả báo ngay trong đời hiện tại.

Như chư vị Bồ-tát đời quá khứ cầu Phật đạo, đã sám hối tội của nghiệp ác, nay con cũng phát lồ sám hối như thế, không dám che giấu, về sau không tạo tác như vậy nữa. Như chư Bồ-tát hiện tại cầu Phật đạo, sám hối tội lỗi của nghiệp ác, con cũng xin phát lồ sám hối như thế, không dám che giấu, về sau không hề tái phạm. Như các Bồ-tát đời vị lai cầu Phật đạo, sẽ sám hối tội lỗi của nghiệp ác, con cũng xin phát lồ sám hối như vậy, không dám che giấu, về sau không còn tạo tác như thế.

Như chư Bồ-tát đời quá khứ, hiện tại, vị lai cầu Phật đạo, sám hối tội lỗi của nghiệp ác, đã sám hối, hiện sám hối, sẽ sám hối, con cũng xin sám hối như vậy về tội lỗi nơi nghiệp ác của mình, không dám che giấu, về sau không còn gây tạo như thế.

Hỏi: Ông đã nói **sám hối**, còn thế nào là **khuyến thỉnh**?

Đáp:

*Hết thấy Phật mười phương
 Trong hiện tại thành đạo
 Con thỉnh chuyển pháp luân
 An lạc cho chúng sinh.
 Hết thấy Phật mười phương
 Nếu sắp bỏ thọ mạng
 Con nay đầu mặt lạy
 Thỉnh trụ lâu trong đời.*

Chuyển pháp luân: Là giảng nói nghĩa của bốn Thánh đế, ba lượt chuyển thành mười hai tướng.

Đây là khổ đế. Đây là khổ tập. Đây là khổ diệt. Đây là con đường diệt khổ. Đó gọi là chuyển bốn tướng lần thứ nhất.

Đây là khổ đế nên biết. Đây là khổ tập nên đoạn. Đây là khổ diệt nên chứng. Đây là con đường diệt khổ nên tu. Đó gọi là chuyển bốn tướng lần thứ hai.

Đây là khổ đế đã biết. Đây là khổ tập đã đoạn. Đây là khổ diệt đã chứng. Đây là con đường diệt khổ đã tu. Đó gọi là chuyển bốn tướng lần thứ ba.

Bốn tướng: Là trong bốn đế này phát sinh mắt trí tuệ hiểu biết sáng suốt.

Có người nói: Ba thừa Thanh văn, Phật-bích-chi, Đại thừa gọi là pháp luân giải thoát. Nghĩa của ba Thừa này gọi là chuyển pháp luân.

An lạc cho chúng sinh: Nghĩa là năm dục lạc không gọi là an lạc. Đời này, đời sau được an lạc thanh tịnh, hội nhập nơi Tam thừa, đó gọi là an lạc. Người này khuyến thỉnh chư Phật chuyển pháp luân, là khiến các chúng sinh thọ nhận an lạc của Niết-bàn. Nếu chưa được Niết-bàn thì khiến thọ nhận an lạc của thế gian, cho nên nói là an lạc.

Thọ mạng: Là thọ nhận nhân duyên của nghiệp báo nên mạng căn nối tiếp được trụ. Như chỗ tạo tác của biến hóa tùy theo tâm nghiệp mà trụ. Tâm nghiệp dừng thì diệt.

Khuyến thỉnh: Là chí thành cầu nguyện chư Phật quán xét các chúng sinh lớn nhỏ đều như nhau. Cho nên cầu thỉnh là hy vọng được theo nguyện mình, đừng xả bỏ thọ mạng mà trụ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp để độ thoát chúng sinh.

Lại nữa, Phật tự giảng nói về pháp khuyến thỉnh: Bồ-tát nên nói như vậy: “Con nay kính lễ chư Phật hiện tại trong mười phương, mới chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, chưa chuyển pháp luân, xin thỉnh cầu các Ngài chuyển pháp luân, gióng trống pháp, thổi loa pháp, dựng ngọn cờ pháp, lập đền thờ pháp lớn, đốt ngọn đuốc đại pháp, dùng pháp ấy bố thí đầy đủ khắp chúng sinh, khiến hầu hết đều được lợi ích, an lạc. Xin các Ngài xót thương thể

gian, tạo lợi ích cho cõi trời, người. Thế nên con nay khuyến thỉnh”. Đó gọi là khuyến thỉnh.

Chư Phật chuyển pháp luân trụ lâu: Là cũng nói chư Phật hiện tại trong mười phương, chư Phật ấy muốn xả bỏ thọ mạng, con kính thỉnh chư vị hãy trụ lâu nơi đời này, đem lại cho chúng sinh nhiều lợi ích, nhiều an lạc. Xin xót thương thế gian, tạo lợi ích cho hàng trời người.

Hỏi: Ông đã nói về pháp **sám hối** và **khuyến thỉnh**, còn thế nào là **tùy hỷ**?

Đáp:

*Phước bố thí hiện có
Hạnh giữ giới, tu thiền
Sinh từ thân miệng ý
Khứ, lai, hiện đều có.
Người hành tập ba Thừa
Đầy đủ cả ba Thừa
Hết thấy phước phạm phu
Đều tùy thuận hoan hỷ.*

Phước bố thí: Là phước sinh từ chỗ xả bỏ pháp keo kiệt.

Phước trì giới: Là phước do có thể chế ngự nghiệp thân, miệng phát sinh.

Hành thiền: Là tu các thiền định.

Từ thân, miệng sinh: Là nhân nơi thân, miệng bố thí, trì giới, nghênh đón tiền đưa v.v...

Nhân nơi ý sinh: Là do tu tập thiền định, tâm từ bi v.v...

Quá khứ, hiện tại, vị lai hiện có: Là phước đức trong ba đời của tất cả chúng sinh.

Hành ba Thừa: Là người cầu học thừa Thanh văn, thừa Phật-bích-chi và Đại thừa.

Đầy đủ ba Thừa: Là người thành tựu thừa A-la-hán, thừa Phật-bích-chi và Phật thừa.

Hết thấy: Là đều hết, không sót.

Phàm phu: Là chưa đạt được bốn Đấng.

Phước đức: Có hai thứ nghiệp là nghiệp thiện và nghiệp vô phú vô ký.

Tùy hỷ: Là thấy người khác làm phước thì tâm sinh vui mừng, gọi đó là thiện.

Hỏi: Ông đã nói về pháp *sám hối*, *khuyến thỉnh* và *tùy hỷ*, còn thế nào là *hồi hướng*?

Đáp:

*Phước đức tôi hiện có
Hết thấy đều hòa hợp
Vi tất cả chúng sinh
Hồi hướng đến Phật đạo.*

Tôi: Là chính thân mình.

Phước đức hiện có: Là phước sinh từ thân, miệng, ý, từ nơi bố thí, từ nơi trì giới, từ tu thiền, từ tùy hỷ, từ khuyến thỉnh, hết cả những thứ ấy và các thứ thiện hiện có khác, đều gọi là phước đức hiện có.

Hết thấy đều hòa hợp: Là tâm nghĩ đến phước đức, tụ hợp chúng lại, nghĩ xét biết là rộng lớn.

Tất cả chúng sinh: Là chúng sinh trong ba cõi.

Chánh: Là như hồi hướng về chư Phật, như hồi hướng chân thật, hồi hướng về Bồ-đề.

Hồi hướng Bồ-đề: Là đem các phước đức hướng về quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại, tùy hỷ, hồi hướng, hai sự việc này, Phật cũng đã tự giảng nói: Có Đại Bồ-tát nào muốn tùy hỷ, hồi hướng, nên nhớ nghĩ đến chư Phật, đoạn trừ nẻo tương tục trong ba cõi, diệt hết các hý luận, vét khô hết bùn lầy phiền não, đốt sạch các thứ chông gai, bỏ hết gánh nặng, đạt được lợi ích cho mình, chánh trí giải thoát tâm được tự tại, diệt hết kiết sử hữu lậu trải qua mười phương thế giới, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn.

Trong mỗi mỗi thế giới, cũng có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn chư Phật ra đời rồi nhập diệt. Từ lúc mới phát tâm cho đến thành Phật, nhập Niết-bàn vô dư, cho đến những pháp để lại chưa tận. Nơi suốt thời gian ấy, hết thấy phước đức nơi căn thiện hiện có của chư Phật ấy đều tương ưng với sáu Ba-la-mật và đã thọ ký cho Phật-bích-chi với căn thiện hiện có, hoặc những người Thanh văn có căn thiện. Hoặc căn thiện do bố thí, giữ giới, tu thiền, hoặc căn thiện vô lậu của bậc học, vô học, hoặc các phẩm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, vô lượng công đức của đại từ đại bi v.v... tất cả pháp do chư Phật đã giảng nói, có người tin hiểu pháp ấy, thọ nhận tu học và được những pháp lợi này, đó là hết thấy căn thiện của những người ấy có được. Ở trong pháp ấy, cùng nói đến hàng phàm phu gieo trồng căn thiện và chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, được nghe pháp rồi, phát sinh các tâm thiện, cho đến súc sinh nghe pháp cũng phát sinh những tâm thiện. Và lúc chư Phật sấp vào Niết-bàn, những căn thiện chúng sinh đã gieo trồng được, là phước đức của những căn thiện ấy hòa hợp, nêu xung khiến hoàn toàn đầy đủ, đều tùy hỷ với tâm niệm đó là sự tùy hỷ vô thượng, vô đẳng, vô đẳng đẳng, tối diệu, tối thắng, tối thượng.

Tùy hỷ xong, lấy phước đức do tùy hỷ ấy sinh ra, đem hồi hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Chư Phật hiện

tại, vị lai cũng như vậy. Phước đức của chư Phật trong ba đời ấy cùng phước đức nhân nơi chư Phật sinh ra, tâm đều tùy hỷ, hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thế nên kệ nói:

*Tội nên sám như thế
Phước khuyến thỉnh, tùy hỷ
Hồi hướng đạo vô thượng
Đều cũng nên như thế.
Như chư Phật đã nói
Con sám hối, khuyến thỉnh
Tùy hỷ và hồi hướng
Đều hành trì như vậy.*

Thế giới từ vô thủy đến giờ đã có vô lượng tội ngăn cản Phật đạo, cho nên sám hối trước chư Phật trong mười phương. Khuyến thỉnh chư Phật, tùy hỷ, hồi hướng cũng đều như thế. Như những gì chư Phật đã biết, đã thấy, cho phép sám hối, con cũng xin khuyến thỉnh, sám hối chư Phật như thế. Tùy hỷ, hồi hướng cũng lại như vậy. Sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng như thế thì gọi là hồi hướng đúng đắn.

Hỏi: Thế nào gọi là chư Phật đã biết, đã thấy, đã cho phép sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng?

Đáp: Sám hối, khuyến thỉnh như trước đã nói. Tùy hỷ, hồi hướng như trong Kinh Đại Phẩm, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn! Đã nói về Bồ-tát đối với hết thấy chư Phật nơi ba đời cùng các đệ tử, các phước đức nơi căn thiện hiện có của hết thấy chúng sinh, đều hòa hợp nêu tính để tùy hỷ tối thượng. Thưa Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy hỷ tối thượng?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Nếu Bồ-tát đối với các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai không chấp giữ, không nhớ nghĩ, không thấy, không thủ đắc, không phân biệt, nhưng có thể suy nghĩ như vậy: Các pháp ấy đều từ sự nhớ nghĩ, tưởng đến, phân biệt cùng những nhân

duyên hòa hợp mà có. Hết thấy pháp thật không sinh, không từ nơi đâu đến. Trong ấy, cho đến không một pháp nào đã sinh, đang sinh, sẽ sinh. Cũng không có pháp nào đã diệt, hiện diệt, sẽ diệt. Các pháp, tướng của chúng là như thế. Ta thuận theo tướng của các pháp ấy đều tùy hỷ. Tùy hỷ xong, cũng tùy thuận nơi tướng thật của các pháp hồi hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đó gọi là tùy hỷ, hồi hướng tối thượng.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Những thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo không muốn hủy báng Phật, nên lấy căn thiện như thế để hồi hướng, nên nghĩ như vậy: Như tâm, như trí, như mắt, như tri kiến của chư Phật, nhận biết được thể tướng, gốc ngọn của phước đức, căn thiện này từ đâu mà có, con cũng tùy theo tri kiến của chư Phật, tùy hỷ như thế. Như Phật đã chấp thuận, con cũng đem căn thiện hồi hướng như thế. Nếu Bồ-tát hồi hướng như vậy, tức không hủy báng chư Phật, cũng không lỗi lầm, thâm tâm tin hiểu, hồi hướng như thật. Đó gọi là hồi hướng lớn, hồi hướng đầy đủ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các thiện nam, thiện nữ đem phước đức của các căn thiện hồi hướng như vậy, như chư Hiền Thánh với phẩm giới, phẩm định, phẩm tuệ, phẩm giải thoát, phẩm giải thoát tri kiến, không bị trói buộc nơi cõi Dục, nơi cõi Sắc, nơi cõi Vô sắc, không ở tại quá khứ, hiện tại, vị lai, do không còn bị trói buộc vào ba cõi, nên sự hồi hướng ấy cũng không bị trói buộc, như thế nơi chốn hồi hướng cũng không bị trói buộc. Nếu Bồ-tát có thể đạt được tâm tin hiểu như thật như vậy, đó gọi là hồi hướng không mất, hồi hướng không độc hại, hồi hướng của pháp tánh. Nếu Bồ-tát đối với hồi hướng ấy chấp giữ tướng, tham vương, đó gọi là hồi hướng sai lạc. Do đó, các Đại Bồ-tát nên như chư Phật nhận biết rõ về pháp tướng, đem pháp tướng ấy hồi hướng, có thể đạt đến quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đó gọi là hồi hướng chân chánh.

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 6

Phẩm 11: PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Hỏi: Sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, nên thực hành bao nhiêu thời trong ngày đêm?

Đáp:

*Gối bên phải chắm đất
Để hỷ vai bên mặt
Chấp tay tâm cung kính
Ngày đêm đều ba thời.*

Do tướng cung kính nên gối bên phải chắm đất, để hỷ vai bên mặt, chấp tay. Cách lễ ấy, nên hành trì vào thời lễ đầu đêm, kính lạy hết thầy chư Phật, sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng. Giữa đêm và cuối đêm đều cũng như thế. Ban ngày: Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều cũng hành trì như thế. Cả ngày đêm là sáu thời, nhất tâm nhớ nghĩ đến chư Phật như đang hiện tiền.

Hỏi: Hành trì như vậy được quả báo gì?

Đáp:

*Nếu hành nơi một thời
Phước đức mà hiện hình
Hàng hà sa thế giới
Tự không thể dung nạp.*

Hành trì như vậy trong một thời, phước đức đạt được, nếu chúng có hình tướng thì vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn, như Hằng hà sa v.v... Tam thiên đại thiên thế giới cũng không dung nạp hết. Như trong phẩm Trừ Tội Nghiệp của Kinh Tam Chi nói: Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: Nếu các thiện nam, thiện nữ đem bảy báu đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới, như Hằng hà sa v.v... bố thí cho chư Phật. Nếu lại có người khuyến thỉnh chư Phật chuyên pháp luân, thì phước đức của người này có được so với phước đức bố thí kia là hơn.

Lại nữa, như trong phẩm Tùy Hỷ Hồi Hướng Bát Nhã Ba La Mật nói: Lành thay! Lành thay! Nay Tôn giả Tu-bồ-đề! Tôn giả có thể vì Phật sự cùng các Bồ-tát nói pháp hồi hướng. Nếu Bồ-tát nghĩ như vậy: Như chư Phật đã thấy biết về thể tướng, gốc ngọn nơi phước đức của căn thiện này do nhân duyên nào mà có, ta cũng theo chỗ thấy biết của chư Phật mà hồi hướng, người ấy tức được nhiều phước. Ví như trong Hằng hà sa v.v... Tam thiên đại thiên thế giới, các chúng sinh đều thành tựu mười đạo thiện, thì phước đức của Bồ-tát hồi hướng kia là cao tốt hơn hết, tốt đẹp hơn hết, không gì bằng, không gì có thể so sánh.

Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Đề sang một bên các chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như Hằng hà sa v.v... đã thành tựu mười đạo thiện. Nếu chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như Hằng hà sa v.v... đều được thiên thứ tư, thì phước đức kia so với đây cũng lại là tối thắng, tối diệu, tối thượng. Bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật-bích-chi, cũng như vậy. Như pháp hồi hướng, phước đức là tối thắng, tối diệu, tối thượng.

Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Đề sang một bên các chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như Hằng hà sa v.v... đều thành Phật-bích-chi. Nếu có chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như Hằng hà sa v.v..., đều phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh

giác Vô thượng. Lại có chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như Hằng hà sa v.v..., trong ấy chỉ có một Bồ-tát, đem tâm chấp giữ tướng, cúng dường các chúng sinh này những y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, trải qua vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng, dùng các thứ tạo an lạc cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, mỗi mỗi Bồ-tát đều cũng bố thí như vậy, này Tôn giả Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Các Bồ-tát ấy, do nhân duyên này có được nhiều phước đức chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Phước đức ấy là rất nhiều. Phước đức nhiều như thế, nên không thể tính đếm hay dùng lấy thí dụ nói được. Nếu phước đức ấy có hình tướng thì Hằng hà sa thế giới cũng không thể tiếp nhận hết.

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Lành thay! Lành thay! Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Bồ-tát ấy vì hộ trì Bát-nhã Ba-la-mật, nên đem căn thiện thuận pháp tánh để hồi hướng thì phước đức có được so với phước đức trước không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần vạn, một phần trăm ngàn vạn ức. Cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể nêu hết phước đức của hồi hướng thuận pháp tánh kia. Vì sao? Vì các Bồ-tát ở trước, khi bố thí còn chấp tướng, phân biệt, nên phước đức có được đều là có lượng có số.

Lại nữa, trong phẩm Hồi Hướng Bát Nhã Ba La Mật, nói: Phật bảo Thiên tử Tịnh Cư: Để sang một bên các chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như cát sông Hằng, đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Các chúng sinh khác trong Tam thiên đại thiên thế giới như cát sông Hằng, ở đây, mỗi mỗi Bồ-tát với tâm chấp tướng, cúng dường các chúng sinh này những thứ vật dụng cần thiết cho đời sống như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, theo ý cúng dường trong Hằng hà sa kiếp. Này các Thiên tử! Nếu các chúng sinh ấy trong Tam thiên đại thiên thế giới

như cát sông Hằng, đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ngoài ra, còn có các chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như cát sông Hằng, cũng đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, trong đó, chỉ một Bồ-tát cúng dường cho những Bồ-tát này những vật dụng cần thiết cho đời sống như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, bố thí có phân biệt chấp tướng! Như vậy, các Bồ-tát mỗi vị đều trải qua Hằng hà sa kiếp, cúng dường cho chư Bồ-tát này những thứ vật dụng cần dùng như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, tùy ý cúng dường, cung kính, tôn trọng khen ngợi, đều là bố thí chấp tướng.

Nếu Bồ-tát vì hộ trì Bát-nhã Ba-la-mật nên hành trì những phẩm Giới Định Tuệ, phẩm Giải thoát, phẩm Giải thoát tri kiến của chư Phật nơi quá khứ, hiện tại, vị lai cùng năm phẩm của Thanh văn, và những phàm phu gieo trồng căn thiện ở đây, hoặc đã trồng, đang trồng, sẽ trồng, hết thấy đều hòa hợp, nêu xung, đầy đủ không sót, thì phước đức tùy hỷ đó là tối thắng, tối diệu, tối thượng, không gì bằng, không gì có thể so sánh, không thể nghĩ bàn. Dem phước đức ấy hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, rồi nghĩ như vậy: Phước đức ấy của ta có thể đạt đến Phật đạo. Phước đức này so với phước đức chấp tướng trước kia thì phước đức kia không bằng một phần ngàn, một phần vạn, một phần ức, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không nêu hết phước đức của sự hồi hướng kia. Vì sao? Vì những Bồ-tát ấy bố thí còn phân biệt chấp tướng.

Lại nữa, như có chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như cát sông Hằng, đều phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thân, miệng, ý đều hành tác nghiệp thiện. Lại có chúng sinh trong Tam thiên đại thiên thế giới như cát sông Hằng, đều phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu như

người trải qua Hằng hà sa v.v... kiếp, đều có thể chịu đựng, nhẫn nhịn vô số những lời mắng nhiếc, lời ác độc, cũng trải qua Hằng hà sa v.v... kiếp thân tâm luôn tinh tấn, trừ bỏ những biếng trễ, thâu giữ tâm nơi thiền định không có các tướng loạn, nhưng đều chấp giữ tướng, thì không bằng Bồ-tát như pháp tánh hồi hướng, phước đức của sự hồi hướng này là hơn hẳn. Do vậy, trước đây ông đã hỏi: Hành trì như vậy được lợi ích gì? Tức được tụ phước đức lớn như vậy, thế nên nếu người muốn được tụ phước đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn như vậy, phải hành trì sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, không tiếc thân mạng, không màng tới lợi dưỡng, tiếng khen, đêm ngày siêng năng hành trì các pháp đó.

Hỏi: Ông chỉ nói phước đức trong việc khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, sao không thấy nói đến phước đức của sám hối?

Đáp: Phước đức của sám hối là lớn hơn hết trong các phước đức, vì tội lỗi của nghiệp chướng được diệt trừ, khéo hành được đạo Bồ-tát, khiến cho hành khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng cùng hòa hợp với không, vô tướng, vô nguyện không khác.

Lại nữa, sám hối ví như ngọc báu Như ý, tùy nguyện đều đạt, như Phật đã nói: “Nếu có người muốn sinh vào tộc họ lớn Bà-la-môn, sinh vào tộc họ lớn Sát-đế-lợi, hay sinh vào nhà Cư sĩ có uy thế lớn, thì nên sám hối nghiệp tội như thế, không được che giấu, về sau không hành tác như vậy nữa. Nếu có người muốn sinh lên các cõi trời: Tứ Thiên vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại, thì cũng sám hối nghiệp tội như vậy, không che giấu, về sau không gây tạo như vậy nữa. Nếu người muốn sinh lên Phạm thế, cho đến xứ Phi tướng phi phi tướng, người ấy cũng sám hối nghiệp tội như vậy, không che giấu, về sau không tái phạm nữa. Nếu người muốn chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, cũng sám hối nghiệp tội như thế. Nếu người muốn chứng được ba minh, sáu thông và diệu lực tự tại trong đạo Thanh

văn, cùng tận công đức của Thanh văn để đạt tới bờ kia, cũng nên sám hối nghiệp tội như thế. Nếu người muốn chứng được đạo Phật-bích-chi, cũng nên sám hối tội nghiệp như vậy. Nếu người muốn chứng được Nhất thiết trí, trí tuệ không thể nghĩ bàn, trí tuệ vô ngại, trí tuệ vô thượng, thì cũng sám hối nghiệp tội như thế, không hề che giấu, về sau không còn gây tạo như thế nữa”. Do đây nên biết, sám hối được quả báo rất lớn.

Hỏi: Ông nói sám hối trừ tội của nghiệp chướng, nhưng trong kinh khác lại nói: “Phật bảo Tôn giả A-nan: Cố ý tạo nghiệp tất sẽ thọ báo”.

Lại, trong A-tỳ-đàm cũng nói: “Nhân duyên của các nghiệp chẳng không, quả báo không mất, không diệt”.

Lại nữa, như kinh nói: “Chúng sinh đều ràng buộc do nghiệp, đều theo nghiệp mà có, nương dựa nơi nghiệp. Chúng sinh theo nghiệp đều tự thọ báo, hoặc hiện báo, hoặc sinh báo, hoặc hậu báo”.

Lại nữa, trong Kinh Nghiệp Báo, vua Diêm-la đã vì chúng sinh nói: “Ôi, chúng sinh! Tội này của các người không phải do cha mẹ làm, không phải do trời làm, hay Sa-môn, Bà-la-môn làm. Chính các người đã gây tạo, nên phải tự nhận báo”.

Lại nữa, trong kệ Hiền Thánh nói:

*Pháp thật như kim cương
Đối nghiệp lực không hơn
Nay ta đã chứng đạo
Vẫn thọ báo nghiệp ác.
Lại nữa, Phật tự nói:
Biển lớn và núi đá
Những gò nổng, cây rừng
Cùng đất nước gió lửa
Các tinh tú, nhật, nguyệt.*

*Nếu đến khi kiếp thiêu
 Đều hết không còn gì
 Nghiệp nơi vô lượng kiếp
 Luôn còn, không hề mất.
 Ông gặp người đủ tướng
 Nhất thiết trí, thầy người
 Trước gây tạo nghiệp tội
 Đã trả hết quả báo.
 Nay tuy được gặp Phật
 Cứu hết, chứng quả Thánh
 Do nhân duyên tàn dư
 Cây nhọn đâm nơi thân.*

Do vậy, ông không nên bảo sám hối là trừ hết nghiệp tội!

Đáp: Tôi không nói sám hối thì nghiệp tội diệt hết, không có quả báo. Tôi chỉ nói sám hối thì tội nơi từng lúc thọ nhận sẽ nhẹ mỏng đi. Do vậy, phải nên sám hối. Như trong kệ nói: “Phải đọa ba đường ác, Nguyên trong thân người nhận”.

Lại nữa, trong Kinh Như Lai Trí Ấn nói: “Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: Tâm tâm của các Bồ-tát luôn yêu thích đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nếu có tội phải bị đọa vào đường ác thọ báo là tội nhẹ nhỏ, đời sau bị thân hình xấu xí, hoặc bị nhiều bệnh tật, không có oai đức, sinh vào nhà bần cùng, thấp kém, nhà tà kiến, nhà sống theo nghề tà vạy. Hoặc sinh vào xứ không hợp ý, xứ có nhiều ưu sầu. Nơi ở là đất nước bị tàn phá, xóm làng trợ trợ, nhà cửa hư hoại, những gì yêu thích đều bị tàn rụi. Không gặp tri thức thiện, không được nghe pháp, không được lợi dưỡng. Nếu được thì chỉ là những thứ thô xấu, thường không tự cung cấp, chỉ có thể khiến kẻ thấp kém tin kính, không được bậc Đại nhân kính tin. Khi tu tập các phước thiện thì có nhiều chướng ngại, không được thành tựu. Các căn độn, tối, tu thiện, ý bị tán loạn, không được công đức của giác ý vô lậu.

Không biết kinh pháp để tùy nghi hướng tới, cho đến mộng ác cũng thấy phải thọ báo ở nẻo ác”.

Lại nữa, Phật nói: “Người có tội nhỏ, ngay đời này phải nhận báo. Nếu tội này trở nên nhiều thì bị đọa vào địa ngục”.

Vì sao người đó nơi đời này chỉ có tội nhỏ, trở thành tội nhiều để rơi vào địa ngục? Do có người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, không có ý chí lớn, người ấy dù mắc tội nhỏ cũng rơi vào địa ngục.

Vì sao người ấy có tội, đời này phải nhận quả báo? Do tội không tăng thêm nên khỏi bị đọa vào địa ngục. Có người do tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, có ý chí lớn, tâm không cố chấp, người như thế có tội, nhưng tội không tăng thêm, nên chịu quả báo ngay đời này. Ví như người dùng đồ chứa nhỏ đựng đầy nước, rồi bỏ vào đáy một vốc muối thì không thể uống được. Nếu lại có người dùng một thúng muối ném vào ao to thì khi uống nước ao ấy không ai biết đâu là vị mặn. Vì sao? Vì nước nhiều mà muối thì quá ít. Tội lỗi cũng như thế. Kệ nói:

*Thúng muối ném biển lớn
Vị mặn không có khác
Đổ muối ấy vào chén
Mặn đắng không thể uống.
Như người chứa phước lớn
Nhưng có tội xấu nhỏ
Không đọa nơi đường ác
Duyên còn nên thọ nhẹ.
Lại người phước đức mỏng
Nhưng có tội xấu nhỏ
Tâm chí lại hẹp cạn
Tội khiến đọa nẻo ác.
Nếu người sức nóng yếu*

Ăn ít, lại khó tiêu
 Người này tuy không chết
 Thân chịu nhiều khổ lớn.
 Nếu người thân khỏe mạnh
 Ăn ít, ăn khó tiêu
 Người này trọn không chết
 Chỉ thọ khổ nhẹ, ít.
 Lửa phước tuệ thiện yếu
 Nhưng có tội lỗi ít
 Tội ấy không cứu nổi
 Khiến bị đọa địa ngục.
 Người có phước đức lớn
 Cho dù mắc tội ác
 Không khiến đọa địa ngục
 Thân hiện thọ báo nhẹ.
 Ví như Ương-quật-ma
 Đã giết hại nhiều người
 Lại muốn hại mẹ, Phật
 Tu đấng A-la-hán.

Đời này nhận báo nhẹ là như vua A-xà-thế giết vua cha, là người đắc đạo, nhưng nhờ nhân duyên gặp Phật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên tội nặng của ông thọ nhận báo nhẹ.

Lại như có người dữ như rắn độc, khi sinh ra như có mưa máu. Về sau lớn lên, khi có ý muốn giết người, vừa mở mắt nhìn là người kia chết ngay. Hoặc khi nó hà hơi người khác cũng chết, thế nên thuở ấy người ta gọi nó là Khí Hư. Lúc người ấy mạng chung, Tôn giả Xá-lợi-phất đi tới đó, do tâm giận dữ, nó trở mắt nhìn Tôn giả Xá-lợi-phất và hà hơi cũng không làm chết Tôn giả, Tôn giả bèn dùng thân sắc làm phương tiện, tỏa hào quang sáng ngời, khiến tâm của người ấy thanh tịnh. Tôn giả Xá-lợi-phất quan sát từ đầu đến chân người

ấy bảy lần. Do nhân duyên này, nên sau khi chết, người ấy sinh lên cõi trời bảy lần, sinh trong kiếp người bảy lần, về sau, khi con người sống đến bốn vạn tuổi, người ấy sẽ thành Phật-bích-chi, thân màu vàng ròng, lúc đó người ta sẽ gọi tên ông là *Khối Vàng Đến*. Người ta muốn chém lấy thì ông ấy liền nhập Niết-bàn.

Lại như vua A-thâu-già đem binh đánh châu Diêm-phù-đề, giết chết một vạn tám ngàn cung nhân. Nhưng đời trước ông đã cúng đất cho Phật, xây tám vạn ngôi tháp, thường ở chỗ bậc Đại A-la-hán nghe nhận kinh pháp, nên về sau chứng quả Tu-đà-hoàn, thân ông chỉ nhận lấy tội nhẹ. Những tội lỗi như thế, phần nhiều nhờ hành phước đức với ý chí rộng lớn, các phước đức ấy được tích tập nên không bị đọa vào đường ác.

Do vậy, trước đây ông nêu vấn nạn là nếu sám hối nghiệp tội tức diệt hết không có quả báo, nói như thế là không đúng. Lại nữa, nếu nói tội không thể diệt trừ, thì trong Tỳ-ni Phật nói: Sám hối tiêu trừ tội, tức không thể tin. Sự việc này không như thế. Cho nên tội của nghiệp chướng phải nên sám hối.

Phẩm 12: PHÂN BIỆT BỒ TÁT, phần 1

Bồ-tát có thể hành trì sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng như vậy.

*Sức phước đức chuyển tăng
 Tâm cũng thêm hòa dịu
 Tức tin công đức Phật
 Cùng hạnh lớn Bồ-tát.*

Bồ-tát này do sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng mà phước lực chuyển tăng, tâm trở nên hòa dịu. Đối với vô lượng công

đức thanh tịnh bậc nhất của chư Phật, hàng phàm phu không tin, nhưng Bồ-tát đều có thể tin thọ và cũng có thể tin nhận những sự việc hy hữu khó làm nơi hạnh lớn thanh tịnh của các Đại Bồ-tát.

Lại nữa:

*Các chúng sinh khổ não
Không pháp tịnh thâm diệu
Do đày sinh xót thương
Nên phát tâm bi sâu.*

Bồ-tát đã tin vào vô lượng sự thanh tịnh thâm diệu của chư Phật, Bồ-tát là công đức bậc nhất, nên thương xót chúng sinh. Do không có công đức ấy, nên chúng sinh chỉ hành theo các tà kiến, thọ nhận vô số thứ khổ não, thế nên Bồ-tát sinh tâm bi sâu xa.

*Nghĩ các chúng sinh ấy
Chìm trong bùn khổ não
Ta sẽ cứu vớt họ
Khiến trụ xứ an ổn.*

Bồ-tát này có tâm bi rồi, lại nghĩ như vậy: Các chúng sinh ấy thường bị bệnh tham, giận, si bức bách, nên thân tâm thọ nhận nhiều khổ não. Ta sẽ cứu vớt, khiến thân tâm họ ra khỏi vũng bùn lầy khổ não ấy, rốt cùng không còn tai họa của sinh già bệnh chết, được trụ nơi xứ Niết-bàn an lạc. Thế nên, đối với những chúng sinh khổ não, Bồ-tát sinh tâm bi sâu xa. Do tâm bi ấy, vì họ cầu tùy ý khiến đạt được an lạc, đó gọi là tâm từ.

*Nếu Bồ-tát như vậy
Tùy tâm từ bi sâu
Đoạn hết thấy tham tiếc
Cho họ siêng tinh tấn.*

Bồ-tát là người cầu Phật đạo, cứu độ chúng sinh khổ não.

Niệm là tùy theo, là tùy thuận tâm từ bi, không theo tâm khác. Tâm từ sâu xa gọi là trùm khắp, là tâm nhớ nghĩ đến chúng sinh thấu tận xương tủy. Hiện có gọi là tất cả trong ngoài, như hiện có vàng bạc, châu báu, đất nước, thành ấp, vợ con v.v... Tham là tham muốn được một điều gì không biết nhàm chán. Tiếc gọi là yêu mến chấp vướng, không muốn cho người khác. Đoạn trừ là xa lìa ba điều ác ấy, như vậy tức là mở ra cửa Bồ thí Ba-la-mật. Do đó, Bồ-tát luôn phải siêng năng, một lòng hành trì, không khiến phóng dật. Vì sao? Vì Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Hôm nay ta phát tâm bồ thí kiên cố, tùy theo những gì có thể đều nhằm đem lợi ích cho chúng sinh”.

*Hết thấy vật hiện có
 Có mạng hoặc không mạng
 Làm Chuyển luân, Thiên vương
 Ai cầu xin là cho.
 Cho đến cả nam, nữ
 Thế thiếp tộc họ tốt
 Tuổi trẻ rất đoan nghiêm
 Khéo léo hầu hạ người.
 Tâm cung thuận nhu hòa
 Tình thương nhớ cùng tột
 Tiếc hơn mạng sống mình
 Người xin đều ban cho.
 Cả đến máu thịt, thân
 Xương tủy cùng tay chân
 Đầu, mắt và tai, mũi
 Cả thân đều cho hết.*

Bồ-tát này tâm định bồ thí, thì các vật bên ngoài hiện có, thứ có mạng sống hay không có mạng sống, không bao giờ có người đến xin lại không cho. Vật không có mạng sống là vàng bạc, châu báu, cho

đến cả ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, ngôi vị Thiên vương. Vật có mạng sống là con trai, con gái, tộc họ cao quý, thể thiếp tuổi trẻ, con nhà danh giá, đoan nghiêm, nhu hòa, cung kính, khéo tùy thuận, yêu tiếc hơn cả thân mạng nhưng có thể đem bố thí cho người. Như Bồ-tát hành nhất thiết thí, hết thấy vật dụng bên ngoài hiện có và cả vợ con, đều có thể đem cho. Bồ-tát này bố thí cả đến thân mình như máu, đầu, mắt, tay, chân, tai, mũi, lóc thịt, khoét xương, đập xương lấy tủy, như Tát-đà-ba-luân. Hoặc bố thí nguyên thân mình. Hết thấy những thứ con người yêu mến, không gì hơn thân mạng mình, nhưng Bồ-tát vẫn có thể thí cho người khác, như Tát-hòa-đàn, như Bồ-tát làm kiếp thổ, đã đem mạng mình bố thí cho Tiên nhân, như vua Thi Tỳ dùng thân chết thay cho chim bồ câu.

Hỏi: Bồ-tát này do phân biệt nhận biết bố thí và quả báo của bố thí nên có thể dùng việc khó để bố thí hay chỉ do tâm từ bi nên phát tâm bố thí?

Đáp:

*Người bố thí như thế
Tức được báo như thế
Trong đêm các chi phần
Cùng các vật bên ngoài.*

Vật bên trong là đầu, mắt, tay, chân v.v... Vật bên ngoài là vợ con, vàng bạc, vật báu v.v... Bồ-tát này biết như thật về bố thí. Sự đạt được ấy, hay quả báo ấy, mỗi mỗi việc đều phân biệt rõ. Lại tin ở các kinh đã nói, hoặc dùng thiên nhãn nên biết được.

Hỏi: Trước đây, ông nói: Dùng các phần của thân để bố thí và vật bên ngoài để bố thí sẽ được quả báo. Nay có thể nói về quả báo đạt được ấy chăng?

Đáp: Phẩm thứ 30: Bồ Tát Vô Tận Ý trong Kinh Bảo Đảnh và trong nghĩa Bố thí Ba-la-mật có nói: “Bồ-tát lập nguyện: Ai cần ăn

thì cho ăn”, khiến ta được 5 thứ quả báo: 1. Được sống lâu. 2. Được chăm sóc. 3. Được an vui. 4. Được sức mạnh. 5. Được sắc đẹp.

Ai cần nước uống cho nước uống, trước hết, đối với con người, được uống nước thơm ngon. Về sau diệt trừ được phiền não khát ái. Ai cần xe cho xe, tức được quả báo vui thích tùy ý, thành tựu bốn như ý túc, về sau sẽ được đạo ba Thừa.

Ai cần áo cho áo, tức được quả báo là có áo biết hổ thẹn. Ai cần đèn sáng cho đèn sáng, tức được Phật nhãn sáng tỏ.

Ai cần nhạc hay cho nhạc hay, tức được thiên nhĩ đầy đủ. Ai cần hương bột, hương xoa, cho hương bột, hương xoa, sẽ được thân không mùi hôi hám.

Ai cần chất nước ép cho chất nước ép, tức được quả báo là luôn có hương vị nối tiếp. Ai cần nhà phòng cho nhà phòng, tức được làm nơi nương dựa cứu giúp cho tất cả chúng sinh.

Bồ thí vật cần dùng cho đời sống tức được công đức trợ đạo Bồ-đề. Bồ thí thuốc men thì được khỏi sự già bệnh chết, thường được an ổn, vui vẻ. Bồ thí tô tở thì được trí tuệ đầy đủ, tùy ý tự tại.

Bồ thí vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, tức được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt. Bồ thí những thứ vật tạp để trang sức thân sẽ được tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Bồ thí voi, ngựa, xe, sẽ được đầy đủ pháp Đại thừa.

Bồ thí vườn rừng sẽ được thiên định an lạc đầy đủ. Bồ thí người nam nữ, tức được tâm yêu thích đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ thí kho lúa thóc, kho báu, sẽ được Tặng pháp đầy đủ.

Dem ngôi vua một nước, ngôi vua một châu Diêm-phù-đề, ngôi vua bốn châu thiên hạ để bồ thí, sẽ được làm bậc Pháp vương tự tại nơi đạo tràng.

Bồ thí những thứ tạo an lạc vui chơi sẽ được sự an lạc của chánh pháp.

Dùng chân để bồ thí sẽ đạt được chân pháp, có thể đi đến đạo tràng. Dùng tay để bồ thí sẽ được cánh tay báu có khả năng ban cho tất cả. Dùng tai, mũi để bồ thí sẽ được thân thể đầy đủ.

Dùng mắt để bồ thí sẽ được pháp nhãn đầy đủ, không hề chướng ngại. Dùng đầu để bồ thí sẽ được hết thảy trí tuệ đặc biệt tôn quý trong ba cõi.

Dem máu thịt bồ thí khiến các chúng sinh được hạnh kiên cố. Dem tủy bồ thí sẽ được thân kim cương, không gì có thể hủy hoại.

Mở rộng cửa bồ thí với những quả báo như vậy, còn quả báo của những bồ thí khác cũng nên biết.

Bồ thí vật dụng để ngồi sẽ được giường giải thoát an ổn của ba Thừa. Bồ thí chỗ ngồi sẽ được xứ đạo tràng dưới tán cây Bồ-đề không thể phá hoại.

Bồ thí vợ sẽ được những sự vui vẻ của chánh pháp. Bồ thí đường đi sẽ làm mất con đường sinh tử, khiến chúng sinh bước vào chánh đạo.

Bồ thí bè qua sông sẽ có quả báo vượt khỏi dòng chảy của dục, dòng chảy của hữu, dòng chảy của kiến, dòng chảy của vô minh. Bồ thí xương sẽ được giới kiên định, giải thoát kiên định, giải thoát tri kiến kiên định và chúng sinh kiên định.

Bồ thí quyền thuộc sẽ thành tựu được vô lượng vô biên A-tăng-kỳ phước đức, quyền thuộc nơi cõi trời, người đồng tâm thanh tịnh, không thể hủy hoại. Bồ thí lời “Lành thay!” thì khi thuyết giảng pháp sẽ được các chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Sa-môn, Bà-la-môn hoan hỷ khen ngợi.

Dem kinh quyền bồ thí sẽ được chín bộ kinh trụ lâu trong vô lượng thời gian. Bồ thí pháp sẽ thông đạt được tất cả các pháp, tích tập hết thủy công đức.

Bồ-tát này ưa thích hành bồ thí như thế, biết bồ thí thanh tịnh, biết quả báo của bồ thí đạt được nhiều ít. Thế nên:

*Thí tiền của phi pháp
Cho đến thí trí trách
Không có thí như thế
Thí chỉ hợp với không.*

Phi pháp là hành ác để có được của cải. Của cải gọi là vật dụng của đời sống. Nói tóm lại do nghiệp ác có được tiền của rồi đem bồ thí, Bồ-tát biết bồ thí đó là không thanh tịnh.

Những cách bồ thí phi pháp như thế, cho đến lỗi bồ thí bị người trí quả trách, không phải là bồ thí của Bồ-tát. Bồ-tát hành bồ thí là chỉ nhằm ban cho trí tuệ thông suốt cùng hòa hợp với vô số công đức.

Hỏi: Đã nói về bồ thí của cải mình có được bằng phi pháp và bồ thí trí tuệ thông suốt cùng hòa hợp. Hai thứ bồ thí này, nên phân biệt rộng chăng?

Đáp: Hai thứ bồ thí này, trong phẩm: Hội Bồ Tát Vô Tận Ý và trong Bồ thí Ba-la-mật nói:

Trước nên phân biệt công đức của bồ thí, đó là: Các Bồ-tát không cầu tìm tiền của phi pháp để bồ thí. Không đem nhiệt não bồ thí chúng sinh. Không đem lo sợ bồ thí chúng sinh. Không bồ thí với tâm vương mắc.

Không bồ thí khi không có người xin. Không bồ thí với tâm không giữ lời hứa. Không bồ thí với tâm keo kiệt, tham thứ tốt, đem thứ xấu thí cho. Không bồ thí với tâm không sâu xa.

Không bố thí với tâm dua nịnh, quanh co. Không bố thí một cách giả dối. Không tổn hại quả để bố thí. Không bố thí với tâm tà.

Không bố thí với tâm ngu si. Không bố thí với tâm tạp loạn. Không bố thí với tâm không tin giải thoát. Không bố thí với sự mệt mỏi, chán nản.

Không bố thí với sự nhờ cậy người thân. Không bố thí với hy vọng được nương dựa nơi mình bố thí. Không bố thí với tâm mong cầu về phước điền. Không bố thí với tâm khinh miệt những chúng sinh chẳng phải là phước điền.

Không bố thí với tâm phân biệt hơn kém đối với người trì giới, kẻ phá giới. Không bố thí với tâm cầu được tiếng tốt. Không bố thí với tâm tự cao. Không bố thí với tâm hạ thấp người khác.

Không bố thí với tâm luyện tiếc, buồn bực. Không bố thí với tâm hối hận. Không bố thí do tiếng kêu la khẩn cấp. Không bố thí cho kẻ xấu ác hạ tiện. Không bố thí pháp một cách tự nhiên.

Không bố thí để cầu có quả báo. Không bố thí với tâm giận dữ. Không bố thí bằng cách khiến cho họ thiếu thốn để bố thí. Không bố thí bằng cách gây náo hại cho người cầu xin.

Không bố thí bằng cách khinh miệt, đùa cợt người cầu xin. Không bố thí bằng cách gian trá lừa dối. Không bố thí bằng cách hện lằn hôi, lánh mặt. Không bố thí bằng cách ném cho.

Không bố thí khi không nhất tâm. Không bố thí khi không tự tay mình trao cho. Không bố thí bất thường. Không bố thí với sự ngừng nghỉ đình trệ.

Không bố thí chỉ một lần rồi dứt hẳn. Không bố thí với tâm tranh hơn cùng người khác. Không bố thí với tâm xem thường vật bố thí. Không bố thí theo lối tùy thích, tự ý, đem vật xấu kém cho.

Không bố thí những gì không tương xứng với sức mình. Không bố thí vì chẳng phải là phước điền. Không bố thí với tâm niệm thấp kém với những vật quá ít ỏi. Không bố thí với tâm cậy vật nhiều, kiêu mạn bố thí.

Không bố thí với hành tà. Không bố thí với tâm mong cầu thọ sinh nơi an vui. Không bố thí với tâm cậy vào hình sắc, tộc họ giàu sang. Không bố thí với tâm mong cầu sinh nơi trời Tứ vương, Thích, Phạm.

Không bố thí với tâm mong cầu thừa Thanh văn, Phật-bích-chi. Không bố thí với tâm mong cầu làm vua, làm con vua. Không bố thí với giới hạn trong một đời. Không bố thí với tâm thỏa mãn, coi như đã xong, đủ.

Không bố thí khi không hồi hướng đến Nhất thiết trí. Không bố thí với tâm bất tịnh. Không bố thí phi thời. Không bố thí đao gậy, chất độc. Không bố thí với hành tác não hại, đùà cọt chúng sinh. Không bố thí những gì bậc trí đã quở trách.

Mở bày chỉ rõ về môn bố thí như vậy. Ngoài ra, có những lối bố thí không thanh tịnh, cũng nên nhận biết. Đó là: Bồ-tát không nên vứt bỏ vật vừa được bố thí. Không bố thí cho người không ưa thích Niết-bàn. Không bố thí cho người sung túc, dễ đạt được tiền của. Không bố thí cho người tính chuyện trả ơn.

Không bố thí với tâm mong cầu báo đáp. Không bố thí với tâm mong cầu có qua có lại. Không bố thí với tâm mong cầu có nơi che chở. Không bố thí với tâm mong cầu được điều tốt.

Không bố thí với tâm kiêu căng. Không theo “Gia pháp” để bố thí. Không bố thí cho người vừa nhận được liền đem cho người khác. Không bố thí cho người không có thân trọn vẹn.

Không bố thí với tâm cầu ướ. Không bố thí cho người ở không, rong chơi. Không đem tri thức thiện để bố thí. Không bố thí cho người khinh thường.

Không bỏ thí cho người ăn chơi, phóng dật. Không bỏ thí do có nguyên nhân mất mát. Không bỏ thí do mình được khen ngợi. Không bỏ thí vì mình bị quở mắng.

Không do chú nguyện nên bỏ thí. Không bỏ thí do được khen vì làm việc hy hữu. Không bỏ thí do tâm tin của mình được làm sáng tỏ cho người khác biết. Không bỏ thí vì sợ hãi.

Không bỏ thí bằng lừa dối. Không bỏ thí để cầu được nhiều quyền thuộc. Không bỏ thí cho người không nêu rõ sự dẫn dắt. Không bỏ thí cho người dẫn dắt đám đông.

Không bỏ thí cho người không có tâm tin. Không bỏ thí cho người không có nhân duyên. Không bỏ thí một cách tùy ý. Không bỏ thí cho người đang trá bày điều kỳ lạ.

Không bỏ thí cho người tự khen ngợi mình. Không bỏ thí những gì trái với mong cầu. Không bỏ thí để chế ngự người kia. Không bỏ thí với tâm không ưa thích.

Không bỏ thí cho người không nhận dùng đồ vật. Không bỏ thí với tâm không cung kính. Không bỏ thí với tâm thấp kém. Không do tướng quá dị nên bỏ thí.

Không bỏ thí với ý muốn đè ép ai. Không bỏ thí cho người cậy thế mạnh chiếm lấy vật. Không bỏ thí với tâm không thanh tịnh. Không bỏ thí với tâm nghi ngờ.

Không bỏ thí cho người có ý phá hoại người cầu xin. Không bỏ thí vật bị cấm kỵ. Không bỏ thí với tâm phân biệt. Không bỏ thí rượu.

Không bỏ thí các thứ vũ khí binh đao. Không bỏ thí của cải cướp đoạt của người khác. Không bỏ thí bằng cách khiến cho người khác sinh tâm nghi. Không bỏ thí vì người kia là chỗ thân cận với mình.

Không bỏ thí cho người đi nói xấu người khác. Không bỏ thí bằng cách chọn cho những vật mình thích. Không bỏ thí với tâm giận

dữ. Không bố thí với tâm ngu tối. Không bố thí với những hý luận. Không bố thí không vì Bồ-đề.

Hỏi: Từ câu: Các Bồ-tát không cầu tìm tiền của phi pháp để bố thí, cho đến câu: Không bố thí không vì Bồ-đề, Bồ-tát vì có hay là vì không?

Nếu hoàn toàn không, tức có lỗi là không cầu phước điền, không có tâm phân biệt đối với chúng sinh, cũng không biết ơn, báo ơn, cũng không bố thí theo phép nhà, phép nước.

Nếu có, vì sao đều nói không?

Đáp: Các Bồ-tát không cầu tìm tiền của phi pháp để bố thí, cho đến: Không bố thí không vì Bồ-đề, Bồ-tát không hẳn hoàn toàn là không. Hoặc có khi bố thí này không thuộc về bố thí Ba-la-mật, không thể đầy đủ bố thí Ba-la-mật nên nói là không. Bố thí do công đức hòa hợp như không v.v..., thì như trong Phẩm Bồ Thí Ba-la-mật của Kinh Vô Tận Ý Bồ Tát nói: Bồ-tát bố thí cùng với *tâm không* hòa hợp nên không cùng tận.

Bố thí này là tu tập vô tướng nên không cùng tận. Bố thí này do vô nguyện giữ gìn nên không cùng tận. Bố thí này thuộc về căn thiện nên không cùng tận. Bố thí này theo tướng giải thoát nên không cùng tận.

Bố thí này có thể phá trừ hết thảy ma nên không cùng tận. Bố thí này không lẫn lộn với phiền não nên không cùng tận. Bố thí này được chuyển đổi thắng lợi nên không cùng tận. Bố thí này với tâm quyết định nên không cùng tận.

Bố thí này tích tập pháp trợ Bồ-đề nên không cùng tận. Bố thí này là hồi hướng chân chánh nên không cùng tận. Bố thí này được quả của đạo tràng giải thoát nên không cùng tận. Bố thí này là vô biên nên không cùng tận.

Bố thí này không thể hết nên không cùng tận. Bố thí này không dứt mất nên không cùng tận. Bố thí này rộng lớn nên không cùng tận. Bố thí này không thể hủy hoại nên không cùng tận.

Bố thí này không thể vượt hơn nên không cùng tận. Bố thí này đạt đến hết thảy trí tuệ nên không cùng tận. Bố thí này đoạn trừ các thứ cấu uế của bố thí tiền của cầu tìm do phi pháp và thành tựu các công đức như *không* v.v... nên không cùng tận.

Cầu tìm tiền của do phi pháp để bố thí thì đó là bố thí cấu uế. Cùng với cấu uế nên là bố thí không tịnh. Hòa hợp với các công đức như không v.v... là bố thí tịnh.

Lại nữa, bố thí ấy là tịnh và bất tịnh, nay sẽ nói thêm. Kinh nói có bốn thứ bố thí:

1. Có bố thí, người bố thí là tịnh, người nhận không tịnh.
2. Có bố thí, người nhận tịnh, người bố thí không tịnh.
3. Có bố thí, người bố thí tịnh, người nhận cũng tịnh
4. Có bố thí, người bố thí, người nhận đều không tịnh.

Nếu người bố thí thành tựu nghiệp thiện nơi thân khẩu ý, người nhận thì thân khẩu ý hành bất thiện, đó gọi là người bố thí tịnh, người nhận không tịnh.

Nếu người bố thí thân khẩu ý hành bất thiện, người nhận thân khẩu ý hành thiện, đó gọi là người nhận tịnh, người bố thí không tịnh.

Nếu người bố thí thân khẩu ý hành thiện, người nhận thân khẩu ý cũng hành thiện, đó gọi là người bố thí, người nhận đều tịnh.

Nếu người bố thí thân khẩu ý hành bất thiện, người nhận thân khẩu ý cũng hành bất thiện, đó gọi là người bố thí, người nhận đều không tịnh.

Tham dục, giận dữ, ngu si, đoạn trừ hay không đoạn trừ cũng nên phân biệt như vậy.

Lại nữa, trong bốn cách bố thí, việc xác định tịnh hay bất tịnh còn tùy: Người bố thí tịnh, người nhận tịnh, cả hai cùng tịnh, đó gọi là tịnh. Người bố thí không tịnh, người nhận không tịnh, cả hai không tịnh, đó gọi là không tịnh.

Ở đây, người bố thí có công đức, nên theo người bố thí, thí ấy được gọi là tịnh. Người nhận có công đức, nên theo người nhận, thí ấy được gọi là tịnh. Người bố thí, người nhận đều có công đức, nên theo người bố thí, người nhận, thí ấy được gọi là tịnh.

Người bố thí có tội, nên theo người bố thí, thí ấy gọi là không tịnh. Người nhận có tội, nên theo người nhận, thí ấy gọi là không tịnh. Người bố thí, người nhận đều có tội, nên theo người bố thí, người nhận, thí ấy thì không tịnh.

Người bố thí có công đức, người nhận có công đức. Người bố thí có tội, người nhận có tội: Như trước đã nói.

Hỏi: Trong bốn thứ bố thí này, Bồ-tát hành trì theo thứ nào?

Đáp:

*Trong bốn thứ bố thí
Hành hai thứ thí tịnh
Không cầu nơi lợi danh
Cũng không cầu quả báo.*

Bố thí này có bốn thứ, ba tịnh, ba không tịnh. Bồ-tát hoàn toàn không hành trì thí không tịnh.

Trong bố thí tịnh, nên hành trì hai loại tịnh:

1. Người bố thí tịnh, người nhận không tịnh.
2. Cả hai cùng tịnh.

Hai thứ bố thí tịnh này nên luôn tinh tấn hành trì. Vì sao? Vì Bồ-tát này không cầu mong nơi quả báo. Nếu có cầu mong nơi quả

báo tức cầu mong cho người nhận thanh tịnh. Tịnh nghĩa là người Bồ thí, người nhận có công đức trang nghiêm, tâm họ thanh tịnh. Không tịnh nghĩa là người Bồ thí tâm có luyện tiếc, keo kiệt. Như Đức Phật nói: “Keo kiệt là cầu ướ của Bồ thí. Các phiền não khác tuy đều là không tịnh, nhưng keo kiệt là hết sức nặng”.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đối với người Bồ thí tịnh, và cả hai cùng tịnh, nên siêng năng hành trì hai thứ Bồ thí này. Keo kiệt là cầu ướ của người Bồ thí, cũng là cầu ướ lớn của Bồ thí. Nếu Bồ-tát chưa lia dục, chưa có thể đoạn trừ keo kiệt, làm sao có thể hành trì được hai thứ Bồ thí tịnh ấy?

Đáp:

*Nếu vật hay khởi xan (keo kiệt)
Tức không chứa vật ấy.*

Bồ-tát nếu đối với vật có mạng sống hay không có mạng sống, nếu nhận biết vẫn sinh tâm keo kiệt, thì không cất chứa vật ấy. Do vậy, Bồ-tát hành Bồ thí đều không có luyện tiếc, keo kiệt.

Hỏi: Vật bên ngoài có thể không chứa cất, nhưng thân mạng mình thì nên thế nào?

Đáp:

*Thường vì lợi chúng sinh
Hiểu thân như cây thuốc.*

Vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên Bồ-tát tin hiểu thân mạng mình như cây thuốc. Như cây thuốc, tức chúng sinh có bệnh cần thuốc để trị khỏi, hễ cần gốc, cộng, nhánh, lá, hạt, hoa, đều có thể đến lấy nơi cây thuốc ấy, không có ngăn giữ gì cả. Bồ-tát cũng như vậy, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên có thể tự xả bỏ thân mạng. Suy nghĩ như vậy: Nếu chúng sinh cần đầu, mắt, tay chân, cùng các chi phần nơi thân v.v..., theo chỗ cần dùng, Bồ-tát đều có thể thí cho hết. Nếu

cần nguyên thân thể, Bồ-tát cũng thí tất. Do vậy, Bồ-tát luôn hàng phục tâm mình, tu tập căn thiện, đó là phương tiện giúp Bồ-tát thực hành bố thí Ba-la-mật.

Phẩm 12: PHÂN BIỆT BỐ THÍ, phần 2

*Thí có tướng tổng, biệt
Thấy đều hồi hướng cả.*

Bồ-tát này do có thể thực hành hai thứ thí tịnh trên, nên cũng có thể nhận biết hai thứ hồi hướng: Tướng chung (Tổng tướng) và tướng riêng (Biệt tướng).

Hồi hướng theo tướng chung: Là hành bố thí những gì Bồ-tát đều hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. *Hồi hướng theo tướng riêng:* Như trong phần quả báo của bố thí đã nói.

Lại nữa, *hồi hướng theo tướng chung:* Là vì đem lại an lạc, lợi ích cho hết thấy chúng sinh. *Hồi hướng theo tướng riêng:* Là nếu có chúng sinh không tin thì giúp họ được tin. Đối với kẻ phá giới giúp họ trì giới. Đối với người ít hiểu biết giúp họ hiểu biết rộng. Nơi người biếng trễ giúp họ tinh tấn. Người tâm tán loạn giúp họ được thiền định. Người ngu si giúp họ có trí tuệ. Người keo kiệt giúp họ có tâm xả bỏ. Đó là các thứ tướng riêng.

Lại nữa, *hồi hướng theo tướng chung:* Là dùng sáu pháp Ba-la-mật hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. *Hồi hướng theo tướng riêng:* Là khi bố thí vật bên ngoài, nguyện cho hết thấy chúng sinh được an lạc bậc nhất. Khi bố thí các chi phần của thân thể, Bồ-tát nguyện cho tất cả chúng sinh đều được đầy đủ thân Phật.

Hỏi: Bố thí có bao nhiêu thứ hồi hướng, bao nhiêu thứ không hồi hướng?

Đáp: Về bố thí tịnh có bốn thứ hồi hướng và có ba thứ không hồi hướng.

Bồ-tát bố thí vì bốn sự thanh tịnh nên hồi hướng.

Ba thứ không hồi hướng là:

1. Không vì được làm vua mà hồi hướng.
2. Không vì được đục lặc mà hồi hướng.
3. Không vì được địa Thanh văn, Phật-bích-chi mà hồi hướng.

Không vì được làm vua mà hồi hướng: Là ngăn chặn tâm ý mong làm vua, cũng là ngăn chặn uy lực tự tại của những người quyền quý.

Không vì được đục lặc mà hồi hướng: Là ngoài hạng quyền quý trên, những người khác đều thọ hưởng vui giàu nơi năm đục.

Không vì được địa Thanh văn, Phật-bích-chi mà hồi hướng: Là ngăn chặn nhân nơi Tiểu thừa nhập Niết-bàn vô dư, khiến an trụ trong Đại thừa, phải rất lâu về sau mới chứng được Niết-bàn vô dư.

Bốn thứ hồi hướng thanh tịnh: Nghĩa là Bồ-tát bố thí:

1. Vì làm thanh tịnh cõi Phật nên hồi hướng.
2. Vì làm thanh tịnh Bồ-đề nên hồi hướng.
3. Vì giáo hóa chúng sinh thanh tịnh nên hồi hướng.
4. Vì làm thanh tịnh Nhất thiết trí nên hồi hướng.

Bồ-tát nên dùng phương tiện hồi hướng như vậy, tức không khiến bố thí bị tổn giảm mà còn khiến có được uy lực.

Hỏi: Do pháp gì khiến bố thí bị tổn giảm và do pháp gì khiến bố thí được tăng thêm?

Đáp:

*Nếu thí không hồi hướng
Cũng không có phương tiện*

*Cầu sinh nơi xứ kém
Gần gũi tri thức ác
Người bố thí như vậy
Tức là bị tổn giảm.*

Nếu bố thí không hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thuận theo an vui của thế gian nên cầu sinh nơi chốn thấp kém, không có phương tiện để có thể xuất sinh quả báo của bố thí thiên định nên được nơi sinh tự tại. Gần gũi tri thức ác thì gây chướng ngại cho Đại thừa. Do bốn thứ ấy nên bố thí bị tổn giảm.

*Lìa bốn, thí được tăng
Lại dùng ba tâm thí
Bồ-tát thuận lời Phật
Cũng không cầu quả báo.*

Lìa bốn thứ ấy thì bố thí được tăng trưởng:

1. Hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.
2. Có phương tiện hồi hướng.
3. Cầu được xứ Pháp vương.
4. Gần gũi tri thức thiện.

Lại nữa, nên đem ba pháp tâm để hành bố thí:

1. Xót thương hết thảy chúng sinh, nên đem tâm Bồ-đề hành bố thí.
2. Không xa lìa pháp Phật mà hành bố thí.
3. Không cầu quả báo mà hành bố thí.

Lại nữa:

*Vì đạt được ba pháp
Mà hành trì bố thí
Vì muốn cầu hai pháp
Nên phải hành bố thí.*

Bồ-tát vì đạt được ba pháp nên hành bố thí:

1. Pháp Phật.
2. Thuyết pháp.
3. Khiến chúng sinh trụ nơi an lạc vô thượng.

Lại nữa, vì muốn cầu hai pháp nên hành bố thí:

1. Giàu có lớn.
2. Đầy đủ bố thí Ba-la-mật.

Vì sao? Vì nếu Bồ-tát giàu có lớn thì lìa nghèo khổ, không nhận của cải người khác, không mong cầu lợi tức, không có chủ nợ, không lo việc trả nợ. Có nhiều của cải thì có thể tự lo cơm áo, có thể hành bố thí, đem lợi ích cho thân tộc và tri thức thiện, khiến bà con được an vui, gia đình sung túc, thường tham dự lễ hội với tâm hân hoan, bố thí rộng khắp, quyền thuộc không xem thường, mọi người đều kính mộ, lời nói được người tin, là chốn nhờ cậy của nhiều người, được thầy bạn quý mến, vào nơi đông người không lo sợ, luôn được tắm gội, xoa hương thơm, mặc y phục mới đẹp, đầy đủ nghiêm trang, luôn được trông thấy các thứ sắc đẹp, được nghe các âm thanh hay, ngửi mùi thơm vi diệu, ăn các món ngon thượng hạng, tiếp xúc với các thứ mềm mại. Kẻ oán thù khó phá hoại, tri thức thiện hoan hỷ, ấy là thân người được quả báo thiện. Nhiều người mến mộ, luôn khen tặng tốt đẹp. Quên dáng hình xấu xí của mình. Tuy sinh nơi thấp kém mà có tướng Đại nhân. Tuy lời nói vụng về vẫn trở nên hay khéo. Dù học ít cũng trở thành hiểu biết rộng. Trí tuệ kém trở thành có trí tuệ.

Nếu trước đã đoan nghiêm bây giờ gặp bội, thù thắng. Nếu trước đã nổi tiếng bây giờ được tôn quý hơn. Nếu trước kia ăn nói khéo, nay lại khéo hơn. Nếu trước kia học rộng, nay lại hơn. Nếu trước kia có trí tuệ, nay lại hơn nữa. Có thể ngồi nằm trên giường quý báu, sang trọng, ngủ nghỉ an ổn, đủ kẻ hầu hạ, bảo vệ. Dùng các

vật báu làm nhà, tùy ý du ngoạn đó đây thỏa thích, thân sắc được quý trọng. Cần kinh sách vừa ý là có ngay. Do uy lực, địa vị, tùy ý thân cận với vua. Được các quý nhân nhớ nghĩ. Các danh y tạt đến thăm viếng. Luôn có người thân tín, tin tức đúng lúc. Nếu có bệnh đều là nhẹ, chóng khỏi.

Đời này, đời sau đều xa lìa sợ hãi. Hoàn toàn lìa bỏ nỗi lo sợ không thể sống nổi luôn có người cứu giúp. Đa số những người thân cận đều cho mình có nhiều phước. Được nhiều người đồng ý, tự thấy hân hoan sâu xa. Chỉ thi ân một chút ít mà được đền đáp quá nhiều. Nếu gia thêm một ác nhỏ tức thành tai họa lớn. Tộc họ người nữ danh giá, trẻ tuổi, đoan chánh, trang nghiêm gồm đủ. Muốn kẻ hầu hạ theo ý đều được hài lòng, các thứ lợi ích đều đến với mình. Nếu có tạo việc ác thì việc ấy liền thành nhẹ, nhỏ.

Chỉ bỏ thí ít mà đạt được lợi to. Ngày một thêm nhiều tri thức thiện, kẻ oán ghét ngày càng ít. Rắn rít, độc được, kẻ phóng dật, hung dữ, những sự việc ấy không giả dạng để đến gần được. Các sự việc yêu kính thấy đều quy hướng. Khi đạt được lợi ích thì muôn người vui mừng thay. Nếu có suy sụp lo sầu thì mọi người đều buồn bã chia sẻ. Nhiều người cùng chỉ dẫn, tranh nhau cho là thiện tốt. Khiến lìa phi pháp, an trụ nơi pháp thiện. Hành nghiệp bỏ thí lớn, nhiều người trông thấy đều hân hoan. Nếu cùng đồng tâm tức cho là đủ, không còn mong cầu giàu sang lợi lộc gì ở thế gian nữa.

Giả sử ở phân vị con người, cần phải nghĩ giúp để trừ các thứ suy não. Thấy người khác giàu sang không mong cầu như thế. Con người hay ca tụng, khen ngợi phần đức, chứ ít ai tự nêu lỗi của mình.

Lìa bỏ tiểu nhân được gọi là Đại nhân, hình sắc được đầy đủ. Khi nhìn dung mạo người khác, không nên tạo dáng vẻ khác lạ. Nếu làm Bà-la-môn ở trong đền thờ trời, thì được nhiều lợi lộc lớn. Đọc kinh sách được nhiều lợi ích thật sự. Được những gì rồi có thể bỏ thí.

Nếu là dòng Sát-đế-lợi thì hành tập thành tựu khéo bản cung, chọn âm thanh, khéo có thể luyện tập thành quen. Cai trị đời theo điển tịch, thì được quả báo không nhỏ. Nếu làm nhà nông thì gieo trồng đều thuận lợi. Nếu làm khách buôn thì lời nhiều. Nếu làm Thủ-đà-la thì sự nghiệp tạo ra đều như ý.

Hỏi: Trước đây, ông nói: Bồ-tát bố thí tâm không cầu báo, lại không vì cầu giàu sang mà bố thí. Nay ông lại nói cầu giàu có lớn để bố thí. Lời nói như thế có trái nhau chăng?

Đáp: Không trái nhau. Nếu tự vì thân cầu giàu có để tự thọ hưởng an vui thì tôi nói không nên mong cầu giàu sang. Nay nói mong cầu giàu sang chỉ là vì tạo lợi ích cho chúng sinh. Thế nên, tôi nói muốn bố thí rộng lớn nên mong cầu giàu sang, chứ không phải do tự thân mà mong giàu sang thọ lạc. Đó là nói nhân trong quả. Nếu Bồ-tát không được giàu sang, thì tuy có lòng tin, ưa thích bố thí, Bồ-tát cũng không lấy của cải đâu để ban cho mọi người. Do vậy, ông không nên nêu vấn nạn.

Lại nữa, do đoạn trừ hai pháp nên Bồ-tát hành trì bố thí. *Những gì là hai pháp?* 1. Keo kiệt. 2. Tham lam. Hai pháp này là cấu uế lớn của hành bố thí.

Lại nữa, do được hai pháp nên hành bố thí:

1. Tận trí.
2. Vô sinh trí.

Lại nữa, còn làm tăng thêm ba thứ tuệ:

1. Trí tuệ tự lợi.
2. Trí tuệ căn bản.
3. Trí tuệ đa văn.

Có người nói: Vì tăng trưởng hai pháp nên Bồ-tát hành trì bố thí: Một là thiện. Hai là tuệ.

Nói tóm lại, Bồ-tát nên thực hành *bốn thứ bố thí*, gồm thấu hết thấy pháp thiện:

1. Bố thí với tâm bình đẳng.
2. Bố thí không đối nhau.
3. Bố thí hồi hướng về Bồ-đề.
4. Bố thí đầy đủ với tâm hoàn toàn vắng lặng.

Do đầy đủ bố thí Ba-la-mật như thế, nên Bồ-tát siêng năng hành trì tài thí.

HẾT - QUYỂN 6

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 7

Phẩm 13: PHÂN BIỆT PHÁP THÍ

Bồ-tát đối với bố thí tiền của (Tài thí), nên tu học như vậy. Lại nên tu học bố thí pháp (Pháp thí).

Như kệ nói:

*Các thí: Pháp thí tốt
Người trí nên tu hành.*

Trong tất cả sự bố thí, tối thượng, tối diệu bậc nhất, đó là *Pháp thí*. Bố thí này người trí nên hành trì.

Hỏi: Vì sao chỉ nói người trí nên thực hành pháp thí?

Đáp: Người không có trí tuệ hành pháp thí, tức nói như dị luận. Nói như dị luận nên tự mất lợi, cũng mất tha lợi.

Hỏi: Những gì gọi là dị luận?

Đáp: Khi sắp diệt độ, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: “Kể từ nay về sau, Tôn giả nên nương dựa vào Khế kinh, đừng nương dựa vào người nào khác. Nay Tôn giả A-nan! Thế nào là nương dựa vào Khế kinh, không nương dựa vào người nào khác?”

Ví như có Tỳ-kheo đến nói như vậy: Tôi hiện theo Phật nghe, hiện theo Phật lãnh nhận, pháp ấy là thiện, là do Phật đã chỉ dạy.

Tỳ-kheo ấy nói vậy, Tôn giả chớ nhận lấy hay xả bỏ, cần phải suy xét cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời Tỳ-kheo ấy nói. Nếu lời nói đó không hợp với Kinh, Luật, lại còn trái ngược với nghĩa nơi tướng của các pháp, thì nên bảo Tỳ-kheo đó: Pháp ấy hoặc không phải là Phật nói, hoặc là do trưởng lão đã nhận lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không hợp với Kinh, Luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, nên đó không phải là pháp, không phải là thiện, không phải là những gì Phật đã giảng dạy. Biết như vậy rồi tức nên loại bỏ.

Lại có Tỳ-kheo đến nói như vậy: Nơi trụ xứ kia có đại chúng, có vị Thượng tọa thông hiểu về kinh, khéo thuyết giảng Kinh, Luật, tôi đang theo vị ấy nghe pháp, lãnh nhận lời dạy, pháp ấy là thiện, là do Phật đã chỉ dạy. Lời Tỳ-kheo ấy nói như thế, ông chớ nhận lấy cũng chớ xả bỏ, cần phải suy xét cho kỹ rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời Tỳ-kheo ấy nói. Nếu lời nói đó không hợp với Kinh, Luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, ông nên bảo Tỳ-kheo ấy: Này Trưởng lão! Vị Tỳ-kheo Tăng kia về tướng pháp và tướng thiện ấy, hoặc đã hành phi pháp, đã nói điều không phải là thiện, hoặc là trưởng lão đã thọ nhận sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, nên đó không phải là pháp, không phải là thiện, không phải là những gì Phật đã giảng dạy. Biết như vậy rồi tức nên loại bỏ.

Lại có Tỳ-kheo đến nói như vậy: Trụ xứ kia có nhiều Tỳ-kheo hành trì Kinh, Luật, Luận, tôi hiện theo nơi ấy nghe pháp, nhận lãnh, đó là pháp, là thiện, là những gì Phật đã giảng dạy. Tỳ-kheo ấy nói như thế, ông chớ nhận lấy cũng chớ bỏ đi, cần phải suy xét cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời ấy. Nếu lời nói đó không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, ông nên bảo Tỳ-kheo ấy: Này trưởng lão! Tỳ-kheo Tăng kia, về tướng pháp và tướng thiện, hoặc đã hành phi pháp, hoặc đã nói

điều không phải là thiện, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, nên đó không phải là pháp, không phải là thiện, không phải là những gì Phật đã giảng dạy. Biết như vậy rồi tức nên loại bỏ.

Lại có Tỳ-kheo đến nói như vậy: Trong trụ xứ kia, có Tỳ-kheo trưởng lão là người hiểu nhiều biết rộng, được mọi người tôn trọng. Tôi hiện theo vị ấy nghe, thọ nhận lời dạy, đó là pháp, đó là thiện, là những gì Phật đã giảng dạy. Tỳ-kheo ấy nói như thế, ông chớ nhận lấy cũng chớ bỏ qua, cần phải suy xét cho kỹ, rồi đem kinh luật đối chiếu với những lời thầy ấy nói. Nếu lời nói đó không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, ông nên bảo Tỳ-kheo ấy: Này trưởng lão! Các Tỳ-kheo kia về tướng pháp và tướng thiện ấy, hoặc đã hành phi pháp, hoặc đã nói điều không phải là thiện, hoặc là trưởng lão đã nhận lãnh sai lầm. Vì sao? Vì pháp ấy không đúng với kinh luật, lại còn trái ngược với nghĩa của các pháp tướng, nên đó không phải là pháp, không phải là thiện, không phải là những gì Phật đã giảng dạy. Biết như vậy rồi tức nên loại bỏ”.

Bốn trường hợp vừa nêu gọi là dị luận. Do đó nói người trí không nương vào dị luận để hành trì pháp thí thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao biết Pháp thí là bậc nhất trong các thứ bố thí?

Đáp: Kinh nói: Có hai thứ thí là thí tiền của và thí pháp. Trong hai thứ ấy, thì pháp thí là hơn hết.

Lại nữa:

*Trong Kinh Quyết Định Vương
Khen công đức thuyết pháp
Và nghi thức thuyết pháp
Nên thường tu tập hành.*

Nếu Bồ-tát muốn đem pháp bố thí cho chúng sinh, phải hành trì như Kinh Đại Thừa Quyết Định Vương đã nói, là khen ngợi công đức của Pháp sư, cùng biết rõ nghi thức thuyết pháp, tùy thuận tu học. Nghĩa là: *Người thuyết pháp nên hành 4 pháp:*

1. Học nhiều hiểu rộng, có thể nắm giữ tất cả ngôn từ, chương câu.

2. Quyết định khéo nhận biết về tướng sinh diệt của các pháp thế gian, xuất thế gian.

3. Đã được thiên định, trí tuệ, nên đối với các kinh pháp là tùy thuận, không tranh cãi.

4. Không tăng không giảm, hành trì theo như pháp đã nêu giảng.

Người thuyết pháp an tọa nơi tòa Sư tử lại có 4 pháp:

1. Trước khi lên tòa cao, phải cung kính lễ bái đại chúng, sau đây mới bước lên.

2. Trong chúng nghe pháp có người nữ, nên quán bất tịnh.

3. Oai nghi trong những lúc nhìn ngắm phải có tướng của bậc Đại nhân. Khi diễn lời nói pháp, sắc diện phải tươi vui, khiến mọi người tin nhận, không nói đến sách vở của ngoại đạo, tâm không run sợ.

4. Đối với những lời vắn nạn thô ác, nên hành nhẫn nhục.

Ngồi nơi tòa Sư tử lại có 4 pháp:

1. Phải có tướng là đem lại lợi ích cho các chúng sinh.

2. Đối với các chúng sinh, không sinh tưởng ngã.

3. Đối với các thứ vắn tự không sinh khởi tưởng pháp.

4. Nguyện cho các chúng sinh theo mình nghe pháp sẽ đạt được không thoái chuyển đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Ngôi nơi tòa Sư tử lại có 4 pháp:

1. Khéo có thể an trụ trong môn Đà-la-ni, tin và vui thích pháp.
2. Khéo đạt được Tam-muội Ban chu, siêng năng tinh tấn trì giới thanh tịnh.
3. Không ưa thích tất cả xứ sinh, không tham lợi dưỡng, không cầu quả báo.
4. Đối với ba môn giải thoát, tâm không nghi hoặc.

Lại có thể khéo phát khởi các Tam-muội sâu xa. Đầy đủ oai nghi, nhớ nghĩ vững vàng, tâm niệm an ổn trong trí tuệ, không đùa cợt, không vội vàng. Biết hổ thẹn, không ngu tối loạn động, nói không mắc lỗi lầm, giữ gìn các căn, không tham vị ngon, khéo thủ giữ tay chân, những nhớ nghĩ đều không quên. Thích hạnh đầu đà, phân biệt pháp thế gian, xuất thế gian, tâm không nghi hối. Ngôn từ chương câu không thể cùng tận. Đem an ổn, lợi lạc cho người nghe, không xét tìm lỗi lầm của họ. Có những pháp như thế nên ngôi nơi tòa Sư tử.

Lại có 4 pháp:

1. Không tự xem thường thân.
2. Không xem thường người nghe.
3. Không xem thường pháp đã giảng nói.
4. Không vì lợi dưỡng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Người thuyết pháp nên nói những pháp gì? Nay Tôn giả A-nan! Pháp có thể thuyết giảng là không thể nêu bày, không thể nói, là vô tướng, vô vi.

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Pháp nếu như vậy làm sao có thể giảng nói?

Đức Phật bảo: Nay Tôn giả A-nan! Pháp này rất sâu xa, Như Lai dùng 4 tướng làm phương tiện để diễn nói:

1. Dùng âm thanh.
2. Dùng chữ, tên gọi.
3. Dùng ngôn ngữ.
4. Dùng nghĩa lý.

Lại do 4 nhân duyên nên vì chúng sinh giảng nói pháp:

1. Vì hóa độ các chúng sinh đáng được hóa độ.
2. Chỉ nói danh tự của sắc, thọ, tưởng, hành, thức.
3. Dùng vô số thứ văn từ chương câu để tạo lợi ích cho chúng sinh.
4. Tuy dùng danh tự để giảng nói nhưng cũng không thủ đắc.

Ví như có bát dầu trong sạch, không cạn, ai nhìn vào đó thì thấy tướng của mặt họ. Nay Tôn giả A-nan! Tôn giả có nghe hoặc thấy người nam trí tuệ, người nữ trì giới, hoặc đệ tử của bậc Thánh, những người ấy nói: Tôi ở nơi bát dầu này thấy được người thật chẳng?

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con không nghe, không thấy người nam trí tuệ, người nữ trì giới, hoặc đệ tử bậc Thánh có thể nói như vậy: Tôi ở nơi bát dầu này thấy được người chân thật. Vì sao? Vì người trí biết trước là bát dầu không có, huống nữa là có người. Chỉ do giả danh mà nói bát dầu nhìn vào mà thấy tướng người.

Đức Phật bảo: Nay Tôn giả A-nan! Như Lai cũng lại như vậy, chỉ do danh tự giả có thuyết giảng. Nay Tôn giả A-nan! Như Lai dùng bốn nhân duyên vì chúng sinh giảng nói pháp. Chúng sinh nghe rồi tâm được an lạc, gieo trồng nhân Niết-bàn. Khi Như Lai giảng nói pháp, âm thanh vang đến khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nghe được tâm liền hoan hỷ, xa lìa các nẻo ác, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Trong âm thanh của Như Lai không có nam nữ, nam không chấp giữ tướng nữ, nữ không chấp giữ tướng nam. Tiếng nói của Như Lai không nào hại chúng sinh, không hủy hoại các pháp, chỉ là thị

hiện tánh của âm thanh. Người thuyết pháp cần tu tập hành trì những việc như vậy, nên tùy theo chôn hành trì mà thực hiện.

Về quả báo đạt được của người thí, người nhận, phần sau sẽ nói rộng.

Phẩm 14: TƯỚNG QUY MẠNG

Ở trên đã nói về tài thí và pháp thí, nay lại phân biệt. Kệ nêu:

*Người bạch y tại gia
Nên hành nhiều tài thí
Hành các pháp thiện khác
Nay sẽ lại giải nói.*

Trong hai pháp bố thí ấy, người tại gia nên hành Tài thí, người xuất gia nên hành Pháp thí. Vì sao? Vì người tại gia hành pháp thí không bằng người xuất gia, do công việc nghe nhận pháp đối với người tại gia tâm tin còn cạn mỏng.

Lại, phần đông người tại gia có nhiều tiền của. Người xuất gia thì đối với các kinh pháp đã đọc tụng thông đạt, vì mọi người giảng nói, ở nơi đông đảo không còn lo sợ, là điều người tại gia không thể theo kịp.

Lại, người tại gia khiến người nghe khởi tâm cung kính không bằng người xuất gia. Lại nữa, nếu muốn nói pháp để hàng phục tâm người thì không bằng người xuất gia. Như kệ nói:

*Trước tự tu hành pháp
Sau đây dạy người khác
Mới có thể nói lời:
Ông nên làm theo tôi.*

Việc này người xuất gia hành trì rất phù hợp, không phải là việc làm của người tại gia. Lại như kệ nói:

*Thân tự hành bất thiện
Sao khiến người làm thiện?
Thân không được tịch diệt
Sao khiến được người tịch?
Thế nên thân tự thiện
Mới khiến người hành thiện
Tự thân được tịch diệt
Mới khiến người tịch diệt.*

Pháp thiện tịch diệt là pháp nên hành trì của người xuất gia.

Lại, người nghe pháp có tâm cung kính hơn hẳn đối với người xuất gia.

Lại, nếu hành tài thí, người xuất gia dễ hại đến những pháp thiện khác, dễ hại đến hạnh xa lìa, vì người tu phải sống nơi A-lan-nhã, nơi núi rừng thanh vắng. Nếu ưa thích hành tài thí, người xuất gia tất bị trở ngại về việc tu hành. Các sự việc như thế, nếu hành tài thí, người xuất gia tất phải đến nơi xóm làng, làm việc theo người bạch y, giao tiếp nói năng nhiều. Nếu không theo việc thì làm sao có tiền của để bố thí? Do ra vào nơi xóm làng thấy nghe thanh sắc, các căn khó thu giữ, dễ phát khởi ba độc. Đối với việc hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, tâm trở nên yếu kém.

Lại, cùng theo việc với người bạch y, có thể bị lợi dưỡng làm cầu ướ, phát khởi các phiền não như yêu mến, giận dữ, keo kiệt, ganh ghét. Chỉ do sức tư duy của tâm để tự ngăn chặn, hạn chế. Người yếu đuối hoặc không tự kim chế, hoặc có thể đưa đến bỏ mạng, hoặc phải chết do các thứ phiền não khổ nạn. Tham vướng năm dục, xả giới hoàn tục, nên gọi là chết. Hoặc có thể hành trái với giới cấm, khởi nhiều tội nặng, đó gọi là chết với các thứ phiền não khổ nạn.

Vì những nhân duyên ấy đối với người xuất gia nên khen ngợi về Pháp thí, đối với người tại gia nên tán dương về Tài thí.

Như vậy là đã nói rộng về Bồ-tát tại gia hành tài thí. Những hành thiện khác nay sẽ nói. Phát tâm Bồ-tát, trước nên quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nơi ba quy y có được công đức, công đức ấy đều nên hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại nữa, kệ nói:

*Quy y Phật, Pháp, Tăng
Bồ-tát đều nên biết.*

Bồ-tát phải nên hiểu rõ như thật về quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Hỏi: Thế nào gọi là quy y Phật?

Đáp:

*Không bỏ tâm Bồ-đề
Không hoại pháp đã nhận
Không lìa tâm đại bi
Không ham thích thừa khác
Như vậy tức gọi là:
Như thật quy y Phật.*

Tâm Bồ-đề: Là tâm đã phát cầu Phật, không dừng nghỉ, không xả bỏ tâm ấy.

Không hoại pháp đã nhận: Là các Bồ-tát đều yêu mến giới hạnh, là pháp thiện mình đã vui thích thọ nhận, là pháp dạy làm những gì nên làm, không nên làm. Đó là nên làm các pháp Ba-la-mật, hoặc nên làm bốn xứ công đức. Hành vô số pháp thiện như thế là đều đem lợi ích cho chúng sinh. Thọ trì, tu tập đều không khiến thiếu sót, hủy hoại.

Tâm đại bi: Là tâm nhằm cứu độ chúng sinh khổ não, vì cầu Phật đạo, cho đến trong mộng cũng không lìa tâm đại bi.

Không ham thích thừa khác: Là chỉ vui thích tin sâu nơi Phật đạo, không tham các thừa Thanh văn, Phật-bích-chi.

Có được những pháp ấy nên biết đó là *Như thật quy y Phật*.

Hỏi: Thế nào là quy y Pháp?

Đáp:

*Gần gũi người nói pháp
Một lòng nghe nhận pháp
Nhớ, giữ rồi giảng nói
Gọi là quy y Pháp.*

Người nói pháp: Là người nêu bày, giải thích, giảng nói về chỗ sâu xa của pháp Phật, chỉ rõ thiện và ác, đoạn trừ những nghi hoặc. Nên luôn gần gũi, đi đến nơi ấy, một lòng cung kính cúng dường để lắng nghe và nhận lãnh pháp. Dùng sức mạnh của sự nhớ nghĩ để nắm giữ khiến không quên mất. Tư duy, xét tính, tùy thuận nghĩa lý sâu xa, sau đó giảng nói cho người khác những gì mình đã nhận biết. Đem công đức của pháp thí ấy hồi hướng về Phật đạo. Đó gọi là *quy y Pháp*.

Hỏi: Thế nào là quy y Tăng?

Đáp:

*Nếu các người Thanh văn
Chưa nhập nơi vị pháp
Khiến phát tâm vô thượng
Giúp đạt mười lực Phật.
Trước đem tài thí thân
Sau mới dùng pháp thí
Tin sâu bốn quả Tăng
Quý chúng không phân biệt.
Cầu công đức Thanh văn
Nhưng không chứng giải thoát*

*Đó là quy y Tăng
Lại nên nhớ ba việc.*

Người Thanh văn: Là người thành tựu thừa Thanh văn.

Chưa nhập nơi vị pháp: Là đối với đạo Thanh văn, chưa được tất định, có thể khiến cho người này *phát tâm* cầu Phật đạo để đạt được *mười lực*. Nếu vào vị pháp, thì trọn không thể khiến họ phát tâm vô thượng. Giả hoặc có phát tâm cũng không thành tựu, như Tôn giả Tu-bồ-đề đã nói trong Bát-nhã Ba-la-mật: Đã nhập nơi vị chánh pháp thì không thể phát tâm vô thượng. Vì sao? Vì người này đối với sinh tử đã tạo nên ngăn cách, không còn qua lại trong sinh tử.

Người *phát tâm vô thượng*, trước dùng *tài thí* để thâm giữ, đem những vật dụng cần thiết như y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men để thâm giữ. Người xuất gia thì gồm thâm bằng cách bố thí y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men, hương tạp, hương xoa. Người tại gia thì gồm thâm bằng những nhân duyên sinh tâm thân ái, những gì nói ra khiến tin nhận, sau đó mới dùng *pháp thí*, khiến phát tâm hướng về đạo quả vô thượng.

Tăng: Là bốn hướng, bốn quả.

Chúng: Là những người ở trong pháp Phật thọ nhận hình tướng xuất gia, là những người vâng giữ đầy đủ các giới, chưa có quả hướng không phân biệt. Tăng như thế do lia khỏi sự nô lệ của ân ái, nên gọi là Tăng quý. Tin tưởng vui thích ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, không phân biệt hý luận, nương dựa vào Tăng ấy, gọi là quy y Tăng.

Cầu công đức Thanh văn, Nhưng không chứng giải thoát: Là biết Tăng này trì giới đầy đủ, thiên định đầy đủ, trí tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ, đạt ba minh, sáu thông, tâm được tự tại, có oai đức lớn, bỏ các thứ dục lạc của thế gian, ra khỏi cảnh giới ma. Không lấy làm mừng với những lợi lộc, danh dự, khen ngợi,

hoan lạc. Không lấy làm buồn vì những suy tôn, hủy nhục, chê trách, khỗ não. Luôn hành trì sáu pháp xả, được tám giải thoát, theo lời Phật dạy. Có người đang hành đạo, có người được giải thoát, có người hành một đạo, phá hai thứ phiền não, khéo nhận biết ba cõi, khéo thông đạt bốn đế, khéo dứt trừ năm ấm, an trụ nơi sáu pháp hòa kính, đầy đủ bảy pháp không thoái chuyển, tám pháp giác ngộ của bậc Đại nhân, lia bỏ chín thứ kiết, được mười thứ lực của Thanh văn.

Thành tựu các công đức như thế, gọi là chúng đệ tử của Phật. Chỉ cầu những công đức như vậy, không cầu sự giải thoát của họ. Vì sao? Vì thâm tâm đã tin, thích nẻo giải thoát vô ngại của Phật. Đó gọi là *quy y Tăng*.

Lại nữa, nếu nghe pháp nơi văn tự chương câu, tức nên nghĩ đến pháp thật tướng, gọi là *quy mạng Pháp*. Nếu thấy Tăng Thanh văn thì nghĩ ngay đến các chúng Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, đó gọi là *quy y Tăng*. Thấy hình tượng Phật liền nghĩ đến Phật chân thật, đó là *quy y Phật*.

Hỏi: Thế nào là nghĩ đến Phật chân thật?

Đáp: Như trong Kinh Bồ Tát Vô Tận Ý đã nói về nghĩa của Tam muội Niệm Phật: Nghĩ tới Phật chân thật nghĩa là không dùng sắc, không dùng tướng, không dùng nơi sinh, không dùng họ, không dùng nhà, không dùng quá khứ, hiện tại, vị lai, không dùng năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, không dùng kiến văn giác tri, không dùng tâm ý thức, không dùng hành tác hý luận, không dùng sinh diệt trụ, không dùng thủ xả, không dùng nhớ nghĩ phân biệt, không dùng tướng pháp, không dùng tướng mình, không dùng tướng một, không dùng tướng khác, không dùng tâm duyên số, không dùng trong ngoài, không chấp giữ tướng nơi giác quán, không dùng xuất nhập, không dùng hình sắc tướng mạo, không dùng những oai nghi đã hành, không dùng trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, không dùng các pháp như mười lực, bốn vô sở úy v.v... để nghĩ đến Phật.

Niệm Phật như thật là vô lượng không thể nghĩ bàn, không hành, không nhận biết, không ngã, không ngã sở, không nhớ, không nghĩ, không phân biệt năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Không hình, không ngại, không phát, không trụ, không chẳng trụ. Không trụ nơi sắc, không trụ nơi thọ tướng hành thức, không trụ nơi nhãn sắc, không trụ nơi nhãn thức, không trụ nơi nhĩ thanh, không trụ nơi nhĩ thức, không trụ nơi tỷ hương, không trụ nơi tỷ thức, không trụ nơi thiệt vị, không trụ nơi thiệt thức, không trụ nơi thân xúc, không trụ nơi thân thức, không trụ nơi ý pháp, không trụ nơi ý thức. Không trụ nơi hết thấy các duyên, không khởi hết thấy các tướng. Không sinh hết thấy động niệm, nhớ tưởng, phân biệt v.v... Không sinh kiến, văn, giác, tri. Tùy hành tất cả tướng giải thoát chân chánh. Tâm không nối tiếp, trừ hết phân biệt. Phá tan các ái giận, hủy hoại các tướng nhân, đoạn dứt đời trước, đời giữa, đời sau. Xét suy thông rõ, không có đây, kia, không động nên không vui mừng, không nhận hương vị nên không hoan lạc. Bản tướng vắng lặng nên không nóng bức. Tâm không lo toan trừ lậu nên giải thoát. Tướng không sắc nên không thân. Không nhận nên không gánh chịu. Không tướng nên không bị trói buộc. Không hành nên vô vi. Không nhận biết nên không có thức. Không giữ lấy nên tâm không hành. Không bỏ nên chẳng phải là không hành. Không xử nên không trụ. Không nên không đến. Chẳng sinh nên không đi. Hết thấy tâm, tâm số pháp nhớ nghĩ cùng các pháp khác, không tham, không vương, không lấy, không nhận, không cháy, không tắt. Từ trước tới giờ không sinh nên không có tướng sinh. Gồm thân tại pháp tánh nên vượt quá nẻo nhãn sắc, hư không. Các tướng như thế gọi là *niệm Phật chân thật*.

Lại, niệm Pháp là pháp Phật được khéo giảng nói, được quả báo đời này, không có thời nhất định. Có thể quán sát được điều thiện. Người sắp đạt đến đạo trí, bên trong khéo nhận biết trước, giữa, sau thiện, lời thiện, nghĩa thiện, thuận thiện, không xen tạp, đầy đủ thanh tịnh. Có thể đoạn trừ tham dục, giận dữ, ngu si. Có thể đoạn trừ tâm

kiêu mạn. Có thể đoạn trừ các kiến chấp. Có thể đoạn trừ nghi hời. Có thể đoạn trừ tâm kiêu mạn cao sang. Có thể đoạn trừ những khát ái, phá bỏ các chôn quy hướng, đoạn dứt đường nối tiếp. Diệt hết ái, lia dục, đạt đến Niết-bàn tịch diệt. Các tướng như vậy gọi là *niệm Pháp*.

Do không, vô tướng, vô nguyện, không sinh, không diệt, rốt ráo tịch diệt, không so sánh, không hiện bày, như trong nghĩa niệm Phật đã nói.

Lại, niệm Pháp có ba thứ: Từ pháp Phật là khéo giảng nói đến đầy đủ thanh tịnh gọi là đạo. Từ có thể đoạn trừ tham dục đến Niết-bàn vắng lặng, gọi là Niết-bàn. Từ không, vô tướng v.v... cho đến không so sánh, không hiện bày, gọi là thể của pháp.

Lại, *niệm Tăng* như trước đã nói về công đức của Tăng.

Niệm Tam bảo ấy đạt được tâm quyết định. Do niệm như vậy đề cầu Phật đạo, nên hành bố thí, đó gọi là *quy y Phật*. Vì hộ trì pháp nên hành bố thí, đó gọi là *quy y Pháp*. Dùng sự bố thí đó khởi tâm hồi hướng, cho đến khi thành tựu Phật đạo, gồm thâu Tăng Bồ-tát, Thanh văn, đó gọi là *quy y Tăng*.

Phẩm 15: NĂM GIỚI

Bồ-tát tại gia như thế là có thể tu tập nghiệp của người thiện, xa lia nghiệp của người ác.

Như kệ nói:

*Tu khởi nghiệp người thiện
Như pháp chứa của dùng
Gắng sức nhận gánh nặng
Thiếu sức tức không nhận.*

Nghiệp của người thiện: Nói gọn là hành tác của người thiện, tự trụ nơi thiện lợi, cũng có thể lợi người.

Nghiệp của người ác: Là tự giam hãm nơi suy não, khiến người khác cũng bị suy não.

Như pháp chứa của dùng: Là không sát sinh, không trộm cắp, không lừa dối người, đem sức mình tích tập tiền của, sử dụng như pháp cúng dường Tam bảo, cứu giúp người già yếu bệnh tật.

Gắng sức thọ nhận, có thể hành trì: Tức là nhận lấy gánh nặng. Không thể hành trì thì không thọ nhận. Nếu Bồ-tát đối với việc làm ở đời này cùng đời sau, hoặc lợi mình, hoặc lợi người, như trước đã nói, tất có thể thành lập. Nếu biết mình không thể hành trì thì không thọ nhận.

Lại nữa:

*Pháp đời không lo mừng
Hay xả bỏ tự lợi
Thường siêng hành lợi tha
Biết rõ ơn, báo đáp.*

Pháp thế gian là tám thứ: Lợi lộc, suy tôn, hủy nhục, danh dự, khen tặng, trách cứ, khổ não, vui sướng. Ở trong các pháp ấy, tâm không lo, mừng.

Bỏ tự lợi, siêng hành lợi tha: Là những hành thiện Bồ-tát thực hiện, bỏ hẳn tự lợi, giúp người khác thành tựu việc thiện, cả đến những người Bồ-tát chưa từng biết đến, chưa từng có nhân duyên với họ.

Hỏi: Bỏ tự lợi, siêng hành lợi tha, điều này không đúng. Như Phật nói: Người tuy lợi lớn không nên tự bỏ lợi của bản thân mình. Như nói: Bỏ một người để thành một nhà, bỏ một nhà để thành một xóm làng, bỏ một xóm làng để thành một nước, bỏ một nước để thành thân mình, bỏ thân mình để làm chánh pháp.

*Trước, tự thành lợi mình
 Sau đây mới lợi người
 Bỏ lợi mình, lợi người
 Sau tức sinh lo hối.
 Bỏ tự lợi, lợi người
 Tự cho là trí tuệ
 Ở trong thế gian này
 Là kẻ ngu bậc nhất?*

Đáp: Ở trong thế gian này, vì người khác cầu lợi cũng được khen là thiện, do vì có tâm vững chắc, hướng chi là Bồ-tát đã hành trì các pháp vượt quá thế gian. Nếu lợi người cũng tức là lợi mình. Như kệ nói:

*Bồ-tát nơi việc người
 Tâm ý không yếu kém
 Người phát tâm Bồ-đề
 Lợi người tức tự lợi.*

Nghĩa này đã nói rộng ở Phẩm đầu, thế nên lời ông vừa nói là không đúng.

Biết rõ ơn, báo đáp: Là nếu người làm việc tốt cho mình, Bồ-tát phải nên báo đáp trọng hậu. Lại, biết rõ về ơn kia, ấy là tướng người thiện.

Lại nữa:

*Người nghèo thí tiền của
 Kẻ sợ thí không sợ
 Những công đức như vậy
 Cho đến được bền chắc.*

Người nghèo thí tiền của: Là có người do đời trước không gieo trồng phước đức, nên đời này thiếu phương tiện sinh sống, sống thiếu thốn. Theo sức mình Bồ-tát xót thương bố thí cho họ.

Kẻ sợ thí không sợ: Là đối với các thứ sợ hãi, như sợ hãi kẻ oán thù, sợ hãi về đói khát, nóng lạnh, nước, lửa v.v... Bồ-tát khuyến dụ chỉ dạy cho những người có tâm lo sợ ấy, khiến họ được an ổn, vui vẻ, xua tan các thứ sợ hãi cho họ.

Những công đức như vậy, Cho đến được bền chắc: Cuối cùng là đối với những người có nhiều lo âu, Bồ-tát phải trừ bỏ lo âu cho họ. Người thiếu năng lực, Bồ-tát giúp họ thực hành nhẫn nhục, xa lìa kiêu mạn v.v... Đối với những người được tôn kính, Bồ-tát làm tăng thêm sự cung kính. Đối với người hiểu biết rộng, Bồ-tát luôn gần gũi, tiếp xúc. Đối với người trí tuệ, Bồ-tát luôn thỉnh vấn về điều thiện ác. Đối với những việc Bồ-tát thường làm, luôn hành theo chánh kiến. Đối với những chúng sinh, Bồ-tát không có tâm đua nịnh, quanh co, không yêu mến giả tạm. Bồ-tát cầu điều thiện không chán, phải học rộng không cùng, giữ tâm vững chắc để thành tựu các hành bố thí, thường cùng hành tác với người thiện. Đối với kẻ ác, Bồ-tát luôn sinh tâm đại bi. Đối với hàng tri thức thiện hay không phải tri thức thiện, Bồ-tát đều tạo được hình tướng tri thức thiện bền chắc. Tâm bình đẳng đối với chúng sinh, không keo kiệt trong việc giảng nói pháp yếu. Diễn nói hết cho người những gì mình đã nghe, nhận, hiểu biết. Các pháp đã nghe, nhận luôn đạt được nghĩa lý sâu xa. Bồ-tát luôn có tướng vô thường đối với các thứ hoan lạc của năm dục. Đối với vợ con, Bồ-tát luôn sinh tướng về địa ngục. Đối với tài sản vật dụng, Bồ-tát luôn khởi tướng về bệnh khổ. Đối với sản nghiệp, Bồ-tát sinh khởi tướng ưu não. Đối với những mong cầu, Bồ-tát có tướng như căn thiện bị hủy hoại. Sống ở trong nhà, Bồ-tát sinh tướng như lao ngục. Đối với thân tộc, bạn quen, Bồ-tát khởi tướng như những ngục tốt. Ngày đêm suy xét với tướng là được lợi gì? Nơi thân không bền chắc, có được tướng thân bền chắc. Đối với cửa cái không lâu bền sinh khởi tướng về cửa cái lâu bền.

Lại nữa:

*Pháp tại gia năm giới
Tâm nên trụ vững chắc.*

Bồ-tát tại gia dùng ba tự quy để hành các công đức nói trên, nên trụ vững chắc vào năm giới. *Năm giới* là pháp chung của hàng tại gia. Nên lià tâm giết hại, có lòng thương xót chúng sinh. Biết tự dùng đủ, không tham vật dụng của người khác, cho đến một cọng cỏ, không cho cũng không được lấy.

Lià nơi tà dâm, chán bỏ chuyện phòng nội. Ngăn giữ xa lià các sắc bên ngoài, mắt không nhìn tà vạy. Thường quán xét những thứ xấu phơi bày để sinh tưởng chán lià. Biết rõ năm dục rốt cùng đều là khổ. Nếu có niệm dục đối với vợ cũng nên từ bỏ, thường quán bất tịnh, tâm luôn biết lo sợ. Kiết sử bức bách, nên lià dục, không tham đắm. Luôn biết thế gian là khổ, vô ngã, nên phát nguyện như vậy: Vào lúc nào, tâm ta sẽ không còn khởi tưởng dục? Huống chi thân nên hành xa lià vọng ngữ, vui thích hành nói thật, không dối gạt người. Tâm, miệng tương ưng nên có niệm an ổn, sáng suốt. Như thấy nghe hiểu biết, vì người giảng nói. Tự hành xử đúng pháp, cho đến bỏ mạng cũng không nói lời dối trá.

Rượu là gốc của các hành phóng dật, xấu ác, Bồ-tát phải luôn xa lià, không để mùi rượu bén môi. Không cuồng loạn, không mê say, không vội vã, không hoảng sợ. Biết xấu hổ, không đùa cợt, thường có thể nhất tâm xét lường điều xấu tốt.

Bồ-tát này hoặc có lúc vui thích xả bỏ hết thấy, suy nghĩ như vậy: Ai cần ăn cho ăn. Ai cần uống cho uống. Nếu đem rượu bố thí nên khởi niệm: Nay ta hành bố thí Ba-la-mật, theo chỗ cần thì cho, sau sẽ dùng phương tiện để giáo hóa, khiến lià rượu, để có được niệm trí tuệ, khiến không phóng dật. Vì sao? Vì pháp bố thí Ba-la-mật tất giúp người mãn nguyện. Bồ-tát tại gia dùng rượu bố thí như vậy thì không phải tội. Đem phước đức do giữ năm giới này hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Hộ trì năm giới như giữ gìn vật báu quý trọng, như giữ gìn thân mạng mình.

Hỏi: Bồ-tát này chỉ nên hộ trì năm giới, còn các nghiệp thiện khác không hộ trì sao?

Đáp:

*Bồ-tát nên trụ vững
Trong tướng chung năm giới
Nghiệp thân, miệng, ý khác
Cũng đều phải hành trì.*

Đã nói xong về nghĩa của năm giới tại gia. Sau khi thọ năm giới này, nên trụ vững chắc vào đấy. Ba thứ nghiệp thiện còn lại, cũng nên tu hành.

Lại nữa, Bồ-tát tại gia nên hành pháp:

*Tùy nên lợi chúng sinh
Thuyết pháp mà giáo hóa.*

Bồ-tát đối với các chúng sinh, theo chỗ có thiếu thốn, đều có thể giúp cho. Hoặc tại thành ấp, xóm làng, ven rừng, dưới bóng cây v.v... trong đất nước, ở đây chúng sinh theo chỗ có lợi ích, Bồ-tát đều nói pháp để giáo hóa. Người chưa có tâm tin Bồ-tát vì họ giảng nói pháp tin tưởng. Người chưa có tâm cung kính thì vì họ giảng nói sự kính lễ. Ai hiểu biết ít thì vì họ giảng nói pháp đa văn. Kẻ tham lam keo kiệt thì giảng nói pháp bố thí. Người nhiều giận dữ thì giảng nói pháp hòa hợp, nhẫn nhục. Người biếng nhác thì giảng nói pháp tinh tấn. Ai có tâm ý bị tán loạn thì giảng nói chánh niệm xú. Người ngu tối thì giảng nói về trí tuệ.

Lại nữa:

*Theo những chỗ thiếu thốn
Đều cũng nên cấp đủ.*

Các chúng sinh có những thiếu thốn gì, Bồ-tát đều nên cấp đủ cho họ. Có người tuy giàu vẫn còn có những thứ chưa đủ, cho đến

quốc vương cũng còn có thứ thiếu. Thế nên, tuy trước nói đem của cải bố thí cho người nghèo, nay lại nói là tùy theo chỗ thiếu thốn mà cấp đủ.

Lại nữa:

*Có những chúng sinh ác
Thêm vô số việc khổ
Nịnh, quanh co, phóng dật
Ghét, mắng, khinh, lừa dối.
Quên ơn, không báo đáp
Ngu si khó giáo hóa
Bồ-tát tâm xót thương
Càng dũng mãnh tinh tấn.*

Những chúng sinh ác đem bao chuyện xấu ác nhiều loạn Bồ-tát, nhưng tâm Bồ-tát vẫn không chán nản biếng trễ. Không nên nghĩ như vậy: Người xấu ác như thế, ai có thể điều phục, ai có thể giáo hóa, ai có thể khuyên can họ được, khiến họ vượt qua sinh tử, rốt cùng tới Niết-bàn? Người nào có thể cùng với họ qua lại nơi sinh tử. Người nào có thể cùng với họ hòa hợp đồng sự. Những điều ác thật vô lý, ai có thể nhẫn chịu nổi? Ta có ý chằm dút, không thể cộng sự. Ta tất nên xa lìa, không cộng sự được, cũng không hòa hợp nổi với họ. Những thứ xấu ác này là không hề chuyển dời, thay đổi, sao có thể đi cùng với họ được?

Bồ-tát thấy biết các chúng sinh xấu ác như vậy, nhưng cũng biết các thứ xấu ác ấy không phải là khó trừ, nên Bồ-tát lại suy nghĩ: Những hạng xấu ác như vậy không phải là ít. Chỉ nên tinh tấn mới có thể khiến ta trụ vững trong pháp lạc đã có. Vì những hạng ấy nên tâm ta phải gia tăng tinh tấn, gắng sức hơn nữa, tinh tấn gấp trăm lần hơn, để sau đây có sức mạnh lớn nhằm giáo hóa họ. Hạng xấu ác thuộc loại hơn hết này, khó tinh ngộ này, Bồ-tát phải như bậc Đại Y vương,

dùng nhân duyên nhỏ nhưng có thể trị dứt bệnh nặng của chúng sinh. Bồ-tát diệt trừ bệnh phiền não của chúng sinh như vậy, khiến họ tùy ý trụ vào chốn công đức đã ưa thích. Đối với các chúng sinh gây tạo trọng tội, đại ác, Bồ-tát cần phát khởi tâm đại bi sâu xa, thương xót họ gấp trăm ngàn lần, như bậc lương y kia có nhiều tâm từ, luôn dốc sức trị lành các bệnh. Đối với người bệnh nặng, ông lại càng thương xót nhiều hơn, siêng năng tạo phương tiện, tìm thuốc hay cho họ. Bồ-tát cũng như thế, đối với bệnh phiền não của các chúng sinh, tất nên luôn xót thương. Đối với loại xấu ác hơn, tức có nhiều phiền não nặng, Bồ-tát càng xót thương hơn, siêng năng tìm phương tiện, gia tâm đối trị. Vì sao?

*Bồ-tát tùy chỗ trụ
Không giáo hóa chúng sinh
Để đọa ba đường ác
Tức bị chư Phật trách.*

Bồ-tát theo chỗ trụ trong cõi nước, như thành ấp, xóm làng, bên núi, dưới bóng cây, đều phải đem hết sức mình tạo lợi ích và giáo hóa chúng sinh. Nhưng nếu biếng trễ, chán nản, giận ghét, tham vui theo thế gian, không đem sức giáo hóa dẫn dắt, khiến chúng sinh bị đọa vào đường ác, thì Bồ-tát ấy bị chư Phật hiện tại trong mười phương quở trách. Thật đáng xấu hổ : Vì sao chỉ vì nhân duyên nhỏ mà bỏ sự việc lớn? Thế nên Bồ-tát không muốn bị chư Phật quở trách, tức phải dốc tâm sức siêng năng giáo hóa cứu độ chúng sinh, dù họ gây tạo tội nặng, nhiều dục vọng, quanh co, Bồ-tát cũng không lẩn tránh, ngược lại, phải gắng sức tạo lợi ích cho họ, dùng nhiều phương tiện. Ví như vị tướng dũng mãnh đem quân ra trận để bị nhiều tổn thất, tất bị vua quở trách nặng nề. Nhưng nếu đám binh sĩ không lờn nổi sức quân địch nên bị tổn hại nhiều, thì vua không quở phạt vị tướng.

Phẩm 16: BIẾT NHỮNG TAI HỌA CỦA GIA ĐÌNH

Bồ-tát học tập như thế nên nhận biết những lỗi lầm xấu kém của đời sống gia đình. Vì sao? Vì nếu nhận biết những lỗi xấu như vậy thì có thể từ bỏ nhà, học đạo. Lại chỉ dẫn cho người khác, khiến họ nhận biết lỗi lầm của đời sống gia đình, xuất gia học đạo.

Hỏi: Thế nào là những lỗi lầm của đời sống gia đình?

Đáp: Như trong kinh nói: Phật bảo Úc-ca-la: Nhà là nơi phá bỏ các căn thiện. Nhà là rừng gai gốc sâu rộng, khó tự có thể ra khỏi. Nhà là nơi chốn hủy hoại pháp tịnh bạch. Nhà là trụ xứ của các thứ giác quán xấu ác. Nhà là trụ xứ của hàng phàm phu xấu ác khó điều phục. Nhà là trụ xứ của hết thảy các hành bất thiện. Nhà là nơi chốn tụ hội của người ác. Nhà là trụ xứ của những tham dục, giận dữ, ngu si. Nhà là trụ xứ của hết thảy khổ não. Nhà là nơi chốn làm tiêu tan hết thảy căn thiện từ đời trước.

Phàm phu ở trong nhà ấy, những gì không nên làm vẫn làm, những điều không nên nói cứ nói. Không nên làm vẫn làm là ở trong nhà này, hoặc khinh mạn cha mẹ cùng các bậc Sư trưởng, không biết kính các thứ phước điền tôn quý như các Sa-môn, Bà-la-môn. Nhà là nhân duyên của các thứ tham ái, buồn lo, khổ não. Nhà là chốn dung thân của những người xấu ác, nói thô ác, mắng nhiếc, khổ bức, dùng dao, gậy trói buộc, tra khảo, đâm chém. Không có cơ hội gieo trồng căn thiện, căn thiện đã gieo trồng thì bị hủy hoại. Có thể khiến cho hàng phàm phu ở trong ấy tạo nhân duyên tham dục nên bị đọa vào đường ác, do nhân duyên giận dữ, nhân duyên ngu si nên bị đọa vào đường ác, do nhân duyên lo sợ nên bị đọa vào đường ác. Nhà là nơi không có phẩm giữ giới, lìa bỏ phẩm định, không quán phẩm tuệ, không được phẩm giải thoát, không sinh phẩm giải thoát tri kiến. Sống ở nhà này, chỗ tham ái của cha mẹ, anh em, vợ con, quyến

thuộc, ngựa xe, càng làm tăng trưởng tham cầu, không biết chán đủ. Nhà như biển lớn thâu hết trăm sông khó đầy. Nhà là nơi chốn không biết đủ như lửa thiêu đốt củi. Nhà là nơi chốn giác quán nối tiếp không dứt, như gió thổi qua không trung. Nhà là thân sau xấu ác như thức ăn ngon có chất độc. Nhà là nơi mang tính khổ như kẻ oán phải giả làm thân. Nhà là vật cản trở, có thể gây hại cho Thánh đạo. Nhà là đầu mối của vô số mâu thuẫn tranh chấp giành giật lẫn nhau. Nhà là nơi có nhiều sân giận, trách cứ về tốt xấu. Nhà là chốn vô thường, dù lâu tan hoại. Nhà là nơi chứa nhiều khổ, vì phải tìm cầu các phương tiện để bảo vệ như thức ăn uống, y phục v.v... Nhà là nơi chốn có nhiều nghi ngờ như giấc oán. Nhà là vô ngã, điên đảo, tham chấp, giả gọi là có. Nhà như kỹ nữ, dù trang sức bằng nhiều thứ đẹp để ra người quý phái, nhưng trong giây lát hết vật trang sức trở lại thành bần tiện. Nhà là nơi chốn biến đổi, có hợp tất có tan. Nhà như trò ảo thuật, giả mượn hòa hợp, không có sự thật. Nhà như những thứ giàu sang thấy trong chiêm bao, phút chốc tan biến. Nhà như sương buổi sớm, giây lát tan mất. Nhà như chút mật, vị ngọt không có bao nhiêu. Nhà là lùm cây đầy gai nhọn, thọ nhận vị năm dục như gai nhọn đâm vào người. Nhà là nơi có nhiều trùng độc, giác quán bất thiện, thường rúc rĩa thân người. Nhà là chốn làm ô ố tịnh mạng, do hành nhiều lừa dối. Nhà là tâm sầu buồn với nhiều cặn đục tạp loạn. Nhà là nơi bị hủy hoại do vua, giặc, nước, lửa, kẻ oán, người thân. Nhà là chốn có nhiều bệnh, có nhiều thứ sai lầm.

Này trưởng giả! Bỏ-tát tại gia nên nhận biết rõ về lỗi lầm của gia đình như thế.

Lại nữa:

*Bỏ-tát phải biết rõ
Lỗi xấu của tại gia
Gần gũi nơi bố thí
Trì giới thiện, tốt, vui.*

*Nếu thấy những người xin
Nên sinh tướng năm, ba.*

Bồ-tát tại gia nên nhận biết rõ về những lỗi làm tai họa của gia đình như vậy. Phải hành bố thí, trì giới thiện tốt. Bố thí là bỏ tâm tham. Trì giới là nghiệp thân khẩu thanh tịnh. Thiện là khéo gồm thâu các căn. Tốt, vui là tâm đồng an lạc. Tướng năm, ba là khi gặp trẻ con ăn xin nên sinh tướng năm, ba. Ba tướng đầu là tướng tri thức thiện, tướng chuyển thân giàu có, tướng hỗ trợ Bồ-đề.

Lại có 3 tướng: 1. Tướng hàng phục tâm tham lam, keo kiệt. 2. Tướng xả bỏ hết thảy. 3. Tướng ham cầu được tất cả trí tuệ.

Lại có 3 tướng: 1. Tướng theo lời Như Lai dạy. 2. Tướng không cầu quả báo. 3. Tướng thâu phục các ma.

Lại có 3 tướng: 1. Tướng xem người đến xin như quyền thuộc mình. 2. Tướng không buông bỏ nhiếp pháp. 3. Tướng bỏ những thọ nhận không chính đáng.

Lại có 3 tướng: 1. Tướng lìa dục. 2. Tướng tu tâm từ. 3. Tướng không ngu si.

Nay sẽ giải thích tướng thứ năm nơi ba tướng:

1. Nhân có người đến xin, Bồ-tát khiến cho ba độc giảm mỏng, xả bỏ của cải đã bố thí, phát sinh tướng lìa dục.

2. Nhân duyên đối với người đến xin ban cho niềm vui, khiến tâm sân hận mỏng đi, gọi là tướng tu tập từ.

3. Đem bố thí này hồi hướng về đạo Bồ-đề vô thượng, tâm ngu si sẽ mỏng, đó gọi là tướng không ngu si.

Nghĩa của các tướng khác, cũng nên nhận biết như vậy.

Lại nữa:

*Bồ-tát nhân người xin
Đủ sáu Ba-la-mật*

*Do các nhân duyên ấy
Thấy người xin vui lớn.*

Sáu Ba-la-mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nhân có người đến xin mới có điều kiện hành đủ Ba-la-mật. Do lợi ích ấy nên khi thấy người xin từ xa đang đến, Bồ-tát sinh tâm rất vui mừng, nghĩ như vậy: Hành phước điền tự nhiên đến. Ta nhân nơi người này mới hành trì đủ sáu Ba-la-mật. Vì sao? Vì khi đem vật bố thí tâm không tham tiếc đó gọi là *Bố thí Ba-la-mật*. Bố thí cho họ là vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là *Trì giới Ba-la-mật*. Nếu không giận dữ đối với người ăn xin thì đó gọi là *Nhẫn nhục Ba-la-mật*. Khi đang hành bố thí, tâm không lo lắng, không sợ thiếu hụt, không thoái lui, đó gọi là *Tinh tấn Ba-la-mật*. Nếu cho người xin như cho chính mình, tâm nhất định không hối tiếc, đó gọi là *Thiền định Ba-la-mật*. Đem tất cả pháp không thể thủ đắc để hành bố thí, không cầu quả báo, như bậc Hiền Thánh không chấp trước. Dùng bố thí này hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là *Trí tuệ Ba-la-mật*.

Lại nữa:

*Quả báo vật bố thí
Vô số đều hay biết
Người tại gia xan, hối
Cũng biết đủ các lỗi.*

Những vật đem bố thí đều được công đức, lợi vật. Người tại gia keo kiệt, hối tiếc, những lỗi xấu hiện có ấy, Bồ-tát thấy đều biết rõ.

Hỏi: Bố thí thì được công đức gì? Nếu người tại gia tiếc của, không bố thí thì có lỗi gì?

Đáp: Bồ-tát dùng trí tuệ đích thực để biết và Bồ-tát nhận biết như vậy: Vật đem cho rồi là vật của ta, vật còn trong nhà không phải là vật của ta. Vật đã cho rồi thì bền chắc, vật còn trong nhà không

bền chắc. Vật đã cho là sự an lạc của đời sau, vật còn trong nhà chỉ là cái vui chốc lát. Vật đã cho thì không lo gìn giữ, vật còn trong nhà thì phải lo gìn giữ. Vật đã cho làm mỏng tâm tham ái, vật còn trong nhà làm gia tăng tâm ái dục.

Vật đã cho rồi không còn ngã sở, vật còn trong nhà là ngã sở. Vật đã cho không hệ thuộc về đâu, vật còn trong nhà có chỗ hệ thuộc. Vật đã cho không còn có lo sợ, vật còn trong nhà gây nhiều lo sợ. Vật đã cho trợ giúp đạo Bồ-đề, vật còn trong nhà chỉ giúp cho đạo ma. Vật đã cho thì không có hết, vật còn trong nhà thì có cạn. Vật đã cho thì từ đó đạt được an vui, vật còn trong nhà thì từ đó chỉ bị sầu khổ.

Bồ thí rồi là xả bỏ phiền não, còn vật trong nhà thì tăng thêm phiền não. Vật đã cho thì đạt được cái vui giàu lớn, vật còn trong nhà thì không có được cái vui giàu lớn. Bồ thí rồi là hành nghiệp của Đại nhân, vật còn trong nhà là hành nghiệp của tiểu nhân. Đã bồ thí thì chư Phật khen ngợi, vật còn trong nhà thì hàng ngu si khen.

Lại nữa:

*Đối vợ con, quyền thuộc
Cùng với tri thức thiện
Tài thí và nuôi sống
Nên sinh tướng huyễn hóa
Hết thấy các hành nghiệp
Đều là nhà ảo thuật.*

Đối với vợ con v.v... Bồ-tát tại gia nên sinh tướng huyễn hóa. Như sự vật huyễn hóa thì chỉ đối gạt mắt người. Hành nghiệp là chủ huyễn. Các việc như vợ con v.v... không lâu cũng sẽ diệt. Như kinh nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Các hành như huyễn hóa, chúng đối gạt, làm mê hoặc kẻ ngu, không có sự thật. Phải biết do nơi nghiệp nên có, nghiệp hết liền diệt, cho nên như huyễn. Bồ-tát nên nghĩ như vậy:

*Ta, phi sở hữu kia
 Kia, phi sở hữu ta
 Kia, ta đều thuộc nghiệp
 Theo nhân duyên nghiệp có
 Chánh tư duy như thế
 Không nên khởi nghiệp ác.*

Cha mẹ, vợ con, người thân, bạn quen, tôi tớ nam nữ đều không thể cứu ta, không thể làm nơi nương dựa, làm chỗ hướng đến cho ta được. Họ không phải là ta, không phải là những cái của ta, năm âm, mười hai nhập, mười tám giới hãy còn không phải là ta, không phải là cái của ta, hướng chi là cha mẹ, vợ con v.v... Chính ta cũng không thể làm người cứu vớt cho họ, làm nơi nương dựa, làm chỗ hướng đến cho họ. Ta cũng thuộc về nghiệp, theo nghiệp nhận lấy quả. Những người kia cũng thuộc về nghiệp, theo nghiệp nhận lấy quả. Các quả báo tốt xấu như vậy, lường xét có 3 thứ:

1. Có nghĩa lý sâu xa.
2. Thấy nơi kinh nói.
3. Thấy sự việc nơi đời này.

Không nên vì cha mẹ, vợ con v.v... khởi nghiệp ác nơi thân khẩu ý dù chỉ là may mắn.

Lại nữa:

*Bồ-tát đối với vợ
 Nên sinh tướng ba, ba
 Cũng lại có ba, ba
 Và lại có ba, ba.*

Bồ-tát tại gia sinh khởi ba tướng: 1. Vợ là tướng vô thường. 2. Tướng mất mát. 3. Tướng hư hoại.

Lại có ba tướng: 1. Là bạn cùng vui chơi, không phải bạn của đời sau. 2. Là bạn cùng ăn uống, không phải là bạn thọ nhận quả báo của nghiệp. 3. Là bạn có nhau lúc vui, không phải là bạn lúc khổ não.

Lại có ba tướng: 1. Tướng bất tịnh. 2. Tướng hôi thối. 3. Tướng đáng chán.

Lại có ba tướng: 1. Tướng oan gia. 2. Tướng não hại. 3. Tướng trái ngược nhau.

Lại có ba tướng: 1. Tướng La-sát. 2. Tướng quỷ Tỳ-xá-xà. 3. Tướng xấu xí, thô lậu.

Lại có ba tướng: 1. Tướng vào địa ngục. 2. Tướng vào súc sinh. 3. Tướng vào ngạ quỷ.

Lại có ba tướng: 1. Tướng gánh nặng. 2. Tướng tổn giảm. 3. Tướng thuộc về sợ hãi.

Lại có ba tướng: 1. Tướng phi ngã. 2. Tướng không chắc chắn thuộc về. 3. Tướng giả mượn.

Lại có ba tướng: 1. Tướng nhân đó khởi nghiệp ác của thân. 2. Tướng nhân đó khởi nghiệp ác của miệng. 3. Tướng nhân đó khởi nghiệp ác của ý.

Lại có ba tướng: 1. Tướng là xứ của giác dục. 2. Tướng là xứ của giác thân. 3. Tướng là xứ của giác não.

Lại có ba tướng: 1. Tướng gông cùm. 2. Tướng xiềng xích. 3. Tướng trói buộc.

Lại có ba tướng: 1. Tướng ngăn cản trì giới. 2. Tướng ngăn cản thiền định. 3. Tướng ngăn cản trí tuệ.

Lại có ba tướng: 1. Tướng hàm hổ. 2. Tướng lưới giăng. 3. Tướng vây bọc.

Lại có ba tướng: 1. Tướng tai họa. 2. Tướng tật bệnh. 3. Tướng suy não.

Lại có ba tướng: 1. Tướng tội lỗi. 2. Tướng thân đen tối. 3. Tướng nạn mưa đá.

Lại có ba tướng: 1. Tướng bệnh. 2. Tướng già. 3. Tướng chết.

Lại có ba tướng: 1. Tướng ma. 2. Tướng xứ của ma. 3. Tướng xứ của sợ hãi.

Lại có ba tướng: 1. Tướng ưu sầu. 2. Tướng áo não. 3. Tướng khóc than.

Lại có ba tướng: 1. Tướng sài lang. 2. Tướng cá Ma-kiệt lớn. 3. Tướng mèo chồn lớn.

Lại có ba tướng: 1. Tướng rắn độc đen. 2. Tướng loài cá Chiên. 3. Tướng thế lực cướp đoạt.

Lại có ba tướng: 1. Tướng không cứu vớt. 2. Tướng không nơi quay về. 3. Tướng không nhà.

Lại có ba tướng: 1. Tướng mất mát. 2. Tướng thoái lui. 3. Tướng mệt nhọc hết sức.

Lại có ba tướng: 1. Tướng là giặc. 2. Tướng là ngục tốt. 3. Tướng là cai ngục ở địa ngục.

Lại có ba tướng: 1. Tướng bị giữ lại. 2. Tướng bị trói. 3. Tướng bị buộc.

Lại có ba tướng: 1. Tướng là bùn. 2. Tướng sông trôi. 3. Tướng bị chìm.

Lại có ba tướng: 1. Tướng cái cùm. 2. Tướng vòng xích. 3. Tướng bị niêm phong.

Lại có ba tướng: 1. Tướng đồng lửa bốc cháy dữ. 2. Tướng vòng đao. 3. Tướng đuốc cỏ đang cháy.

Lại có ba tướng: 1. Tướng không lợi. 2. Tướng gai góc. 3. Tướng ác độc.

Lại có ba tướng: 1. Tướng lẩn hiếp kẻ trên. 2. Tướng che phủ trùm khuất. 3. Tướng tham chấp.

Lại có ba tướng: 1. Tướng giận dữ. 2. Tướng roi gậy. 3. Tướng đao, kiếm.

Lại có ba tướng: 1. Tướng phẫn nộ. 2. Tướng tranh tụng. 3. Tướng đánh bằng gậy.

Lại có ba tướng: 1. Tướng oán ghét phải gặp. 2. Tướng ân ái chia lìa. 3. Tướng náo loạn.

Nói tóm lại, đó là tướng về tất cả sự hôi thối, xấu xí, bất tịnh. Tướng về tất cả sự suy tổn, ô trược. Tướng về hết thảy căn không thiện. Thế nên Bồ-tát tại gia đối với vợ con có những tướng ấy, nên sinh tâm chán lìa, xuất gia tu tập điều thiện, hành thiện. Nếu không thể xuất gia được thì đối với vợ con, không nên khởi các nghiệp ác.

Lại nữa:

*Nếu nơi con yêu sâu
Tức dùng sức trí xả
Nhân con hành bình đẳng
Thương khắp các chúng sinh.*

Bồ-tát tại gia nếu tự biết đối với con cái tâm yêu mến sâu nặng, tức nên dùng sức trí để suy nghĩ cách xa lìa. Người có sức mạnh của trí nên suy nghĩ như vậy: Bồ-tát phải có tâm bình đẳng mới có quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Tâm còn phân biệt cao thấp thì không có Bồ-đề. Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng này, từ một tướng là vô tướng mới có được, không từ tướng dị biệt mà được. Ta nay cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nếu đối với con quá tham đắm, tức đã có tâm cao thấp, không gọi là bình đẳng, tức đã có tướng

khác, không phải là một tướng. Nếu như vậy thì còn cách rất xa quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Do đó ta không nên sinh tâm quá tham ái đối với con.

Bấy giờ, với con nên phát sinh 3 tướng:

1. Đối với ta, con là giặc. Phật nói: Tâm từ bình đẳng là để phá trừ lòng thương không bình đẳng, là tâm yêu thương quá thiên lệch.

2. Nhân gây tổn hại chính là con, vì đã phá bỏ các căn thiện, ngăn cản thọ mạng của chánh trí.

3. Ta nhân nơi con mà hành tác trái ngược với đạo, không hành thuận với đạo.

Khi ấy, nhân nơi con nên đối với các chúng sinh phát khởi hành tâm từ bình đẳng, nên suy nghĩ: “Con là từ nơi chốn khác đến đây, ta cũng từ nơi chốn khác đến đây. Con đến xứ lạ, ta cũng đến xứ lạ. Ta không biết xứ nó đến. Nó cũng không biết xứ ta đến. Nó không biết xứ ta về. Ta cũng không biết xứ nó về. Đứa con này không phải là sở hữu của ta. Vì sao vô cớ, ngang nhiên sinh ra tham ái trói buộc?”. Như kệ nói:

*Con, ta không cùng biết
Nơi chốn đến cùng đi
Nó, ta sao thân nhau?
Mà sinh tâm ngã sở?*

Lại nữa, trong nẻo sinh tử từ vô thi, hết thầy chúng sinh từng là con ta, ta cũng từng là con của các chúng sinh. Nơi pháp hữu vi, không có gì để quyết định đây là con ta, kia là con người khác. Vì sao? Vì các chúng sinh trong sáu đường luân chuyển, tất cả cùng là cha con, con cha. Như kệ nói:

*Vô minh che mắt tuệ
Thường xuyên trong sinh tử*

*Qua lại tạo tác nhiều
Thay nhau làm cha con.
Tham đắm vui thế gian
Không biết việc thù thắng
Oán xem là thân quen
Thân quen cho là oán.*

Thế nên phương tiện của ta là không sinh tâm yêu ghét. Vì sao? Nếu có tri thức thiện thì thường cầu mong nhiều thứ lợi ích. Nếu đó là oán thù thì thường sinh nhiều thứ tưởng vô ích. Có tâm yêu ghét ấy nên không có tưởng thông đạt các pháp bình đẳng. Người có tâm cao thấp, sau khi chết sẽ sinh vào chốn tà vạy. Người có hạnh chánh sẽ sinh vào chốn hạnh chánh. Do vậy, ta không nên hành hạnh tà, phải hành bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh, sẽ đạt được Nhất thiết trí bình đẳng.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 8

Phẩm 17: VÀO CHÙA

Như vậy, Bồ-tát tại gia không nên ở trong các sự việc sinh tâm tham chấp, tâm ngã, ngã sở. Vì sao? Vì theo chỗ tham chấp nơi của cải thì khó xả bỏ. Pháp nên bố thí, nếu có thể bố thí pháp tức trừ bỏ được lỗi này. Bồ-tát như thế là không có tâm tham chấp, bõn sẻn, luyến tiếc, thì có thể sống được ở gia đình.

Hỏi: Bồ-tát tại gia hoặc có tâm tham tiếc, ái chấp, nếu có người đến cầu xin thì nên hành xử thế nào?

Đáp:

*Nơi vật mình tham chấp
Có người đến cầu xin
Nên tự khuyến dụ tâm
Cho ngay, đừng tham tiếc.*

Những vật dụng Bồ-tát tham tiếc, nếu có người khẩn khoản theo xin và bảo: “Ông cho tôi vật này sẽ mau chóng được thành Phật”. Khi ấy, Bồ-tát nên khuyến dụ tâm mình bố thí ngay. Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Nếu hôm nay không bỏ vật này, thì vật ấy ắt cũng sẽ xa lìa nơi ta. Và như khi sắp chết, ta đâu đem nó theo được. Vật này tức là hình tướng của sự xa lìa. Thế nên nay ta vì đạo quả Chánh

đăng Chánh giác Vô thượng, vì để bồ thí Ba-la-mật được đầy đủ, nên đem thí cho, về sau tới lúc qua đời tâm không hối hận. Như kinh nói: “Không có tâm hối hận thì chết rồi tái sinh vào chốn thiện”. Được lợi lớn như vậy, sao lại không đem cho? Nếu đã tự khuyến dụ như thế mà tâm vẫn còn tham tiếc thì tạ lỗi với người đến xin:

*Tôi nay là tân học
Căn thiện chưa thành tựu
Tâm chưa được tự tại
Nguyên sau sẽ cho ông.*

Bồ-tát nên tạ lỗi với người đến xin: Xin ông chớ nên giận dữ. Tôi mới phát ý, căn thiện chưa đủ, chưa có được uy lực của pháp hạnh Bồ-tát, do vậy, chưa có thể từ bỏ vật này. Sau khi có được uy lực, căn thiện thành tựu, tâm được vững chắc, tôi sẽ đem vật ấy cho ông.

Lại nữa:

*Nếu chúng không hòa hợp
Dứt bỏ việc kinh, pháp
Bồ-tát nên tùy sức
Phương tiện khiến không dứt.*

Do duyên có nào đấy, chúng Tăng tranh cãi, phân tán, việc pháp bị bỏ phế, Bồ-tát tại gia tâm siêng tìm phương tiện can gián bên này bên kia, không thiên vị. Hoặc dùng của hoặc dùng lời nói lễ kính thỉnh cầu hai bên trở lại hòa hợp. Hoặc do nhân duyên thiếu thốn về việc ăn uống, y phục, hoặc có người đem tà kiến làm chướng ngại, hoặc người thuyết pháp muốn cầu lợi dưỡng, hoặc người nghe pháp tâm không cung kính, Bồ-tát tại gia nên tìm phương tiện thích hợp, hoặc đem của, hoặc dùng lời, khiêm nhường cầu thỉnh khiến pháp sự ấy không bị bỏ phế. Pháp sự không bị bỏ phế tức là thấp sáng ngọn đèn pháp Phật, cúng dường ba đời, mười phương chư Phật.

Lại nữa:

*Ngày trai thọ tám giới
Gần gũi bậc giới tịnh
Do giới nhân duyên thiện
Thâm tâm hành yêu kính.*

Những ngày trai trong một tháng: Mừng tám, mười bốn, rằm, hăm ba, hăm chín, ba mươi. Cùng gần ba điều cấm. *Ba điều cấm kị:* Ngày rằm là ngày cấm kị thứ nhất. Từ sau Đông chí bốn mươi lăm ngày, những ngày xấu ác này, có nhiều quỷ thần xâm nhập hiện bày sự bạo ngược đối với người đời. Vì là ngày nên giữ mình, do đó quá buổi trưa là không ăn. Nhân đó, Phật dạy khiến thọ giới một ngày, tức có được phước đức. Chư Thiên xuống quan sát thế gian, thấy vậy hoan hỷ, tức sẽ hộ niệm. Đối với những việc nhỏ khác, Bồ-tát tại gia hãy còn cố làm cho tăng trưởng, huống chi trước đã có những ngày trai này mà không tùy thuận. Do vậy, nên hành trai pháp một ngày, mình đã được lợi, cũng có thể khiến người khác được lợi.

Hỏi: Thế nào là trai pháp?

Đáp: Nên nói như vậy:

Như các bậc Thánh nhân thường lìa bỏ sát sinh, từ bỏ hết đao, gậy, thường không giận dữ, tâm biết hổ thẹn, từ bi đối với các chúng sinh, con tên là... hôm nay, trong một ngày một đêm xa lìa sát sinh, từ bỏ hết đao, gậy, không có giận dữ, tâm biết hổ thẹn, từ bi đối với chúng sinh. Vì pháp như vậy nên theo học Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân thường xa lìa việc không cho mà lấy, thân sống thanh tịnh, thọ nhận nhưng biết đủ. Nay con trong một ngày một đêm xa lìa trộm cắp, xa lìa không cho mà lấy, cầu thọ nhận thanh tịnh để tự sinh sống. Do pháp như vậy nên theo học Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân thường đoạn dứt dâm dục, xa lìa các thứ hoan lạc của thế gian, con nay trong một ngày một đêm, đoạn trừ dâm dục, xa lìa những hoan lạc ở đời, hành phạm hạnh thanh tịnh. Vì pháp như vậy nên theo học Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân thường lìa nói dối mà nói lời chân thật ngay thẳng, con nay trong một ngày một đêm, xa lìa nói dối, nói lời chân thật ngay thẳng. Do pháp như vậy nên theo học Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân thường xa lìa uống rượu, rượu là nơi chốn phóng dật, con nay trong một ngày một đêm, xa lìa uống rượu. Do pháp như vậy nên theo học Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân thường xa lìa ca múa, âm nhạc, trang sức nơi thân hình bằng hoa hương, chuỗi ngọc, con nay trong một ngày một đêm, xa lìa ca múa âm nhạc, xa lìa trang sức thân hình bằng hoa hương, chuỗi ngọc. Do pháp như vậy nên theo học Thánh nhân.

Như các bậc Thánh nhân thường xa lìa giường nằm cao rộng, chỉ nằm giường nhỏ, lấy nệm cỏ làm tòa ngồi, con nay, trong một ngày một đêm, xa lìa giường nằm cao rộng, chỉ nằm giường nhỏ, lấy nệm cỏ làm tòa ngồi. Do pháp như vậy nên theo học bậc Thánh.

Như các bậc Thánh nhân thường không ăn quá ngộ, xa lìa các hành phi thời, xa lìa ăn phi thời, con nay, trong một ngày một đêm, không ăn quá ngộ, xa lìa các hành và ăn phi thời. Do pháp như vậy nên theo học Thánh nhân.

Như kệ nói:

*Giết, trộm, dâm, nói dối
Uống rượu, thoa hương thơm
Mang chuỗi ngọc, ca múa
Giường cao, ăn quá trura.
Thánh nhân đã lìa bỏ
Con nay cũng như vậy*

*Đem nhân duyên phước này
Hết thấy cùng thành Phật.*

Gần gũi bậc giới tịnh: Là Bồ-tát tại gia nên gần gũi các Tỳ-kheo đó để giữ gìn giới cấm được hoàn toàn thanh tịnh, thành tựu được công đức, phòng tránh xa các điều ác.

Do giới nhân duyên thiện: Là lại nên thân cận Tỳ-kheo trì giới, thì nghiệp thân khẩu sẽ thanh tịnh, tâm hành điều thiện, ngay thẳng, không có các điều ác.

Thâm tâm hành yêu kính: Là đối với Tỳ-kheo trì giới hành thiện, tâm ngay thẳng, thành tựu các công đức, nên sinh tâm tâm cung kính tột bậc, hết lòng mến thích.

Hỏi: Đối với Tỳ-kheo trì giới, thành tựu công đức, Bồ-tát tại gia sinh tâm ái kính. Còn đối với Tỳ-kheo phá giới thì sinh tâm giận dữ khinh miệt chẳng?

Đáp:

*Nếu thấy người phá giới
Không nên khởi giận, khinh.*

Bồ-tát tại gia nếu thấy Tỳ-kheo phá giới hành trì xen tạp, oai nghi không đủ, việc làm uế trước, che giấu lỗi lầm, không có phạm hạnh tự xưng là phạm hạnh, đối với hạng Tỳ-kheo ấy, không nên có tâm khinh mạn giận dữ.

Hỏi: Nếu không có tâm sân hận thì nên sinh tâm như thế nào?

Đáp:

*Nên sinh tâm thương xót
Quở trách các phiền não.*

Bồ-tát tại gia nếu thấy Tỳ-kheo phá giới, không nên sinh tâm khinh khi, giận dữ, nên sinh tâm xót thương tạo lợi ích suy nghĩ như vậy: Ôi! Người này gặp pháp vi diệu của Phật, được lìa khỏi các xứ

sinh: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi Sắc, Vô sắc, chốn biên địa, các căn đầy đủ, không cảm điếc, không ngu độn. Được gặp pháp vi diệu của Phật, biết rõ tốt xấu, tâm còn chánh kiến, thấu hiểu nghĩa lý. Thân người khó được, như trong biển cả, con rùa một mắt chui đầu vào lỗ trống nơi tám ván, sinh trong nẻo người, bội phần khó hơn, so với con rùa này. Đã nghe pháp Phật thì có thể diệt trừ các điều ác, vượt qua những khổ não, đạt đến chánh trí. Xả bỏ của cải ít nhiều hiện có. Vĩnh viễn cắt đứt thân thuộc, không còn lưu luyến. Hoặc sinh trong hạng dân thường, hoặc sinh vào tộc họ lớn, tin lời Phật dạy nên xuất gia, thường nghe nói về tội phá giới, ấy là tự hạ thấp thân mình, bị người trí chê trách, tên xấu lan khắp, thường ôm lòng ngờ vực, hối hận, chết rồi bị đọa vào nẻo ác. Đã nghe biết như vậy mà còn phá giới? Hành mười điều thiện mới được làm thân người, sao không thể đúng như pháp khéo sử dụng để tự tạo lợi ích? Ôi! Sức mạnh của ba độc rất là xấu ác, luôn uy hiếp khiến các chúng sinh khó có thể lìa bỏ. Chư Phật luôn quở mắng phiền não là giặc ác, hành ác là hoàn toàn có lý. Bỏ-tắt tại gia nên suy nghĩ như vậy, không nên khinh khi người phá giới.

Lại suy nghĩ: Nếu ta không thể hoàn toàn xa lìa tâm giận dữ, khinh mạn, nên tự tư duy: Pháp Phật vô lượng cũng như biển cả, hoặc có những khai thông mà ta không biết. Như trong Kinh Đại Thừa Quyết Định Vương, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Hoặc có Tỳ-kheo căn tánh ám độn, tâm không sáng suốt, không thấu đạt tướng của các pháp. Thường nghĩ đến trong pháp có tướng, không tướng, chấp giữ có tướng. Sinh tưởng về nam nữ, sinh tưởng về tội chướng ngại, sinh tưởng về cấu uế, sinh tưởng về trong sạch. Sinh những tưởng như vậy, gọi là độn căn, tâm không sáng tỏ tức là có tội.

Này A-nan! Nếu người trong tất cả pháp không thể khéo lãnh hội thì gọi là không sáng tỏ. Hết thấy các pháp từ đầu đến giờ, tánh - tướng của bản thể thường không thể thủ đắc. Do không biết sự việc

như vậy nên người ấy mới sinh khởi các tướng tức không khác gì ngoại đạo.

Này A-nan! Pháp do Ta giảng nói đều có khai thông, sáng rõ và thanh tịnh, trong đó không có tội, cũng không có người có tội.

Này A-nan! Tội gọi là nghi ngờ, hối tiếc, ngu si, tăm tối. Người có tội gọi là người phát sinh tướng về chúng sinh, tướng về ngã, tướng về thọ mạng, tướng về người, đều nhân nơi thân kiến nên gọi là tội. Trong pháp của Ta không có người như thế. Nếu trong pháp của Ta nhất định thật có ngã, có chúng sinh, có thọ mạng, có nhân, có thân kiến, thì không nói trong pháp của Ta có nẻo mở bày, chẳng phải là không có nẻo mở bày. Pháp của Ta từ xưa đến giờ thường sáng rõ, thanh tịnh.

Lại nữa, này A-nan! Nếu quyết định có tội, có người thọ tội, thì thân này tức là thân ngã, là rơi vào thường kiến, tất không có Phật đạo. Nếu thân này khác với thân ngã, thì lại rơi vào đoạn kiến, cũng không có Phật đạo. Như vậy, sáu mươi hai kiến đều có thể là Bồ-đề, song sự ấy không đúng. Thế nên, này A-nan! Ta ở trong đại chúng, là Sư tử gầm lên nói, nói lời không sợ hãi. Pháp của Ta có khai thông, không phải là không có khai thông. Từ xưa đến giờ luôn thanh tịnh, sáng rõ.

Này A-nan! Nếu tội nhất định có, thì hoàn toàn không có Niết-bàn, tức không nói pháp của Ta có khai thông.

Này A-nan! Từ xưa đến giờ, pháp của Ta thật sự là thanh tịnh, sáng rõ. Do đó đệ tử của Ta hàng phục tâm, sống an ổn, không nghi, hối, không có các tội ác, hành đạo thanh tịnh.

Bồ-tát tại gia nên suy nghĩ như vậy, không nên giận dữ người phá giới.

Lại nữa, Bồ-tát nên nghĩ như vậy: Giới này tất định được trụ nơi đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì Ta từng nghe

Bồ-tát tất định có người tạo tội, như cách nay mười vạn kiếp trong quá khứ, có Bồ-tát phỉ báng bậc A-la-hán lậu tận, gọi là A-la-hán. Lại nghe có Bồ-tát tất định trước kiếp này ba mươi một kiếp, đã dùng giáo đấm vị Tu-đà-hoàn. Lại, trong Hiền kiếp này, nghe có Bồ-tát hủy báng Phật Câu-lâu-tôn, nói: Đâu có người trọc đầu nào mà đắc đạo! Những chúng sinh như vậy khó có thể biết được. Do vậy, đối với sự việc này, Ta đâu cần biết. Được, mất, tốt, xấu, ai gây tội thì người đó chịu quả báo, nào có can dự gì tới Ta! Nếu nay Ta muốn biết rõ sự thật về chuyện đó, thì hoặc tự gây tổn thương cho chúng sinh đã xét đoán. Đó là điều Phật không cho phép. Như trong kinh nói: “Phật bảo Tôn giả A-nan: Nếu người xét đoán kẻ khác tức tự làm tổn thương mình. Chỉ Ta mới có thể được xét đoán”. Chúng sinh và Ta bình đẳng mới nên xét đoán. Như kệ nói:

*Có bình, nắp cũng không
 Không nắp, cũng lại không
 Có bình, nắp cũng đây
 Không nắp, cũng lại đây.
 Nên biết các thế gian
 Có bốn hạng người ấy
 Oai nghi và công đức
 Có, không cũng như vậy.
 Nếu không Nhất thiết trí
 Sao xét đoán người được?
 Đâu do thấy oai nghi
 Mà liền biết đức họ.
 Chánh trí có tâm thiện
 Gọi là tướng người hiền
 Chỉ thấy oai nghi ngoài
 Đâu do biết bên trong?
 Trong có công đức tuệ*

Ngoài hiện không oai nghi
Kẻ đi qua không biết
Như dùng tro lấp lửa.
Nếu lấy ngoài xét trong
Mà sinh tâm khinh miệt
Thân hư cùng căn thiện
Mạng chung đọa đường ác.
Ngoài trá hiện oai nghi
Du hành tợ Thánh nhân
Chỉ ngôn thuyết nơi miệng
Như sấm mà không mưa.
Chốn hành tác của tâm
Lầm lẫn khó biết được
Thế nên các chúng sinh
Không thể vọng lường xét.
Chỉ có Nhất thiết trí
Biết hết thấy nẻo tâm
Xử hành tạc sâu kín
Do đó xét chúng sinh.
Phật nói cùng như Ta
Mới được xét chúng sinh
Nếu Phật nói như vậy
Ai có thể xét người?
Nếu thấy uy nghi ngoài
Xét lòng đức bên trong
Tự hại căn thiện kia
Như nước tự phá bờ.
Nếu ở đây lầm lẫn
Tức khởi nghiệp chướng lớn
Vì thế đối người này
Không nên khởi khinh miệt.

Do vậy, Bồ-tát tại gia không nên sinh tâm khinh mạn, giận dữ đối với người phá giới.

Lại nữa, người giữ giới, phá giới không cùng trụ với người bạch y, nên do đâu mà biết. Nếu ta muốn phân biệt làm sáng tỏ việc này, tức khởi chương tội. Nhân nơi tội chương ấy phải chịu phần khổ ngàn vạn kiếp. Như trong Kinh Vô Hành đã nói. Lại trong kinh Đại thừa Phật bảo trưởng giả Úc-già-la: Như thế Bồ-tát tại gia nên sinh tâm xót thương đối với Tỳ-kheo phá giới, dù người này hành cầu uest, hành ác, bất thiện. Vì sao? Vì người này đã mặc pháp y Thánh chủ hoàn toàn tịch diệt của Như Lai, nhưng tự mình không khéo thuận hợp, không thể điều phục các căn, hành nhiều hành suy hoại.

Lại nữa, trong kinh Phật cũng nói: Không khinh chê người chưa học, vì đây không phải là tội của người mà là tội của phiền não. Người ấy là do phiền não đẩy khởi các việc bất thiện.

Lại nữa, pháp Phật có nêu khai thông nên người này hoặc có thể tự trừ bỏ lỗi của mình. Do nhân duyên chánh niệm nên được vào pháp vị, hoặc vào tất định nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại nữa, như Phật nói: Chỉ có trí tuệ mới có thể phá tan phiền não. Lại nói: Không nên xét đoán người một cách sai lạc. Nếu xét đoán như vậy tức tự làm tổn thương mình. Chỉ trí tuệ Phật mới có thể làm sáng rõ. Như sự việc ấy, không phải là lĩnh vực ta có thể hiểu biết, tức đối với người phá giới không nên sinh tâm giận dữ, khinh thường.

Lại nữa:

*Bồ-tát nếu vào chùa
Nên hành các oai nghi
Cung kính và lễ bái
Cúng dường các Tỳ-kheo.*

Bồ-tát tại gia này nếu vào chùa Phật, đầu tiên lúc sắp vào, nơi ngoài cổng chùa, năm vóc gieo xuống đất suy nghĩ như vậy: Đây là trụ xứ của người thiện, là trụ xứ của người tu hành Không, là trụ xứ của người hành Vô tướng, là trụ xứ của người hành Vô nguyện. Đây là trụ xứ của những người hành từ bi hỷ xả, là trụ xứ của những người chánh hành, chánh niệm. Nếu thấy các Tỳ-kheo oai nghi đầy đủ, nhìn ngắm tường tận, thâm giữ y bát, đi đứng, ngồi nằm, ngủ nghỉ, ăn uống, nói năng, im lặng, tới lui thư thái, đều nên xem xét. Nếu thấy Tỳ-kheo tu hành bốn niệm là xứ hành trì của bậc Thánh, trì giới thanh tịnh, đọc tụng kinh pháp, thuần tư duy tọa thiền, thấy rồi phải nghiêm trang, tâm cung kính lễ bái, gần gũi hỏi han. Nên nghĩ như vậy:

*Nếu ta Hằng sa kiếp
Luôn ở đền thờ trời
Thí lớn không nghĩ, bỏ
Không bằng một xuất gia.*

Lúc ấy, Bồ-tát này nên nghĩ như vậy: Nếu ta mong cầu có tài sản đúng như pháp để luôn hành bố thí lớn trong Hằng sa kiếp, thì phước đức của những bố thí như vậy cũng hãy còn không bằng phát tâm xuất gia, huống gì là đã xuất gia thật. Vì sao? Vì nơi tại gia có vô số lỗi làm xấu ác, xuất gia có khả năng thành tựu vô lượng công đức. Tại gia thì ồn ào, xuất gia thì thanh vắng. Tại gia thì gắn liền với ô trược, xuất gia thì không bị lệ thuộc.

Tại gia là nơi chôn hành bất thiện, xuất gia là nơi chôn hành tác thiện. Tại gia thì nhuốm đủ bụi nhơ, xuất gia thì lìa khỏi các thứ trần cấu. Tại gia thì ngập trong bùn lầy năm dục, xuất gia thì lìa khỏi bùn lầy năm dục. Tại gia khó có được thọ mạng thanh tịnh, xuất gia thì dễ có được thọ mạng thanh tịnh.

Tại gia thì nhiều kẻ oán, xuất gia thì không có kẻ oán. Tại gia thì nhiều phiền phức trở ngại, xuất gia thì không phiền phức trở ngại.

Tại gia là nơi chôn lo buồn, xuất gia là nơi chôn vui mừng. Tại gia là cửa của đường ác, xuất gia là cửa của lợi ích.

Tại gia là trói buộc, xuất gia là giải thoát. Tại gia thì lo sợ đủ thứ, xuất gia thì không lo sợ điều gì. Tại gia thì bị đánh đập, xuất gia thì không bị đánh đập. Tại gia có đao, kiếm, xuất gia thì không có đao, kiếm.

Tại gia có hối tiếc, nóng nảy, xuất gia thì không có hối tiếc, nóng nảy. Tại gia mong cầu nhiều nên khổ, xuất gia không mong cầu nên vui. Tại gia thì cười đùa ồn ào, xuất gia thì vắng lặng. Tại gia thì đáng thương xót, xuất gia thì tránh khỏi đáng thương xót.

Tại gia thì sầu lo, xuất gia thì không sầu lo. Tại gia thì thấp kém, xuất gia thì cao quý. Tại gia thì vầy vùng, xuất gia thì tịch tĩnh. Tại gia là kẻ khác, xuất gia tức là chính mình.

Tại gia thì ít có uy lực, xuất gia thì có nhiều uy lực. Tại gia thì tùy thuận cửa nhơ, xuất gia thì tùy thuận cửa tịnh. Tại gia vướng nhiều gai góc, xuất gia thì phá trừ gai góc. Tại gia thì thành tựu pháp nhỏ, xuất gia thì thành tựu pháp lớn.

Tại gia thì hành tạo bất thiện, xuất gia thì tu thiện. Tại gia thì có hối tiếc, xuất gia thì không hối tiếc. Tại gia thì tăng thêm biển nước mắt, sữa, máu, xuất gia thì làm khô biển nước mắt, sữa, máu. Tại gia thì bị chư Phật, Phật-bích-chi, Thanh văn quở trách, xuất gia thì được chư Phật, Phật-bích-chi, Thanh văn khen ngợi.

Tại gia thì không biết đủ, xuất gia thì biết đủ. Tại gia thì ma vui, xuất gia thì ma lo. Tại gia thì về sau có suy tàn, xuất gia thì không có suy tàn. Tại gia thì dễ bị phá, xuất gia thì khó bị phá.

Tại gia là nô bộc, xuất gia là làm chủ. Tại gia thì ở mãi nơi sinh tử, xuất gia thì hoàn toàn đến Niết-bàn. Tại gia thì rơi vào hầm sâu, xuất gia thì ra khỏi hầm sâu. Tại gia thì tối tăm, xuất gia thì sáng tỏ.

Tại gia thì không thể hàng phục các căn, xuất gia thì có khả năng hàng phục các căn. Tại gia thì kiêu mạn lắm lời, xuất gia thì khiêm tốn. Tại gia thì thô lậu, xuất gia thì tôn quý. Tại gia thì có nguyên do, xuất gia thì không có nguyên do.

Tại gia thì bận rộn nhiều việc, xuất gia thì ít việc. Tại gia thì quả nhỏ, xuất gia thì quả lớn. Tại gia thì đua nịnh, quanh co, xuất gia thì chân chất, ngay thẳng. Tại gia thì nhiều lo toan, xuất gia thì nhiều hoan hỷ.

Tại gia thì như tên bắn vào thân, xuất gia thì thân thoát khỏi tên bắn. Tại gia thì có bệnh tật, xuất gia thì như bệnh đã lành. Tại gia hành pháp ác nên mau già, xuất gia hành pháp thiện nên trẻ mạnh. Tại gia thì phóng dật là chỗ chết, xuất gia thì có đời sống trí tuệ.

Tại gia thì lừa dối, xuất gia thì chân thật. Tại gia thì mong cầu nhiều, xuất gia thì ít mong cầu. Tại gia thì uống nước xen độc, xuất gia thì uống nước cam lồ. Tại gia thì bị nhiều thứ xâm hại, xuất gia thì không bị xâm hại.

Tại gia thì bị suy tổn, xuất gia thì không bị suy tổn. Tại gia thì như trái cây độc, xuất gia thì như trái cam lồ. Tại gia thì oán ghét hòa hợp, xuất gia thì lia khỏi cái khổ do oán ghét phải gặp nhau. Tại gia thì khổ vì ái biệt ly, xuất gia thì thân ái hòa hợp.

Tại gia thì si mê trầm trọng, xuất gia thì si mê nhẹ. Tại gia thì mất hạnh tịnh, xuất gia thì được hạnh tịnh. Tại gia thì thâm tâm bị phá, xuất gia thì thâm tâm thành tựu. Tại gia thì không ai cứu vớt, xuất gia thì được cứu độ.

Tại gia thì hoàn toàn cô độc, xuất gia thì không còn cô độc. Tại gia thì không có nhà, xuất gia thì có nhà. Tại gia thì không có nơi quay về, xuất gia thì có nơi quay về. Tại gia thì nhiều giận dữ, xuất gia thì nhiều từ bi.

Tại gia thì mang gánh nặng, xuất gia thì bỏ gánh nặng. Tại gia thì sự việc không cùng, xuất gia thì không có sự việc. Tại gia thì tội hội tụ, xuất gia thì phước hội tụ. Tại gia thì khổ não, xuất gia thì không khổ não.

Tại gia thì có nóng bức, xuất gia thì không nóng bức. Tại gia thì có tranh cãi, xuất gia thì không có tranh cãi. Tại gia thì có nhiệm chấp, xuất gia thì không có nhiệm chấp. Tại gia thì có ngã mạn, xuất gia thì không có ngã mạn.

Tại gia thì quý tiền của, xuất gia thì quý công đức. Tại gia thì có tai họa xâm hại, xuất gia thì không có tai họa xâm hại. Tại gia thì giảm mát, xuất gia thì tăng ích. Tại gia thì dễ được, xuất gia thì khó gặp, ngàn vạn kiếp mới gặp một lần.

Tại gia thì dễ làm, xuất gia thì khó làm. Tại gia thì xuôi dòng, xuất gia thì ngược dòng. Tại gia thì trôi nổi, xuất gia thì nương nơi bè. Tại gia thì bị phiền não nhận chìm, xuất gia thì có cầu bước qua.

Tại gia là bờ bên này, xuất gia là bờ bên kia. Tại gia thì bị trói buộc, xuất gia thì lìa trói buộc. Tại gia thì mong kết hận, xuất gia thì lìa kết hận. Tại gia thì theo pháp quan, xuất gia thì theo pháp Phật.

Tại gia thì có những biến cố, xuất gia thì không có biến cố. Tại gia thì có quả khổ, xuất gia thì có quả vui. Tại gia thì vội vã hấp tấp, xuất gia thì oai nghi cẩn trọng. Tại gia thì dễ được bạn, xuất gia thì khó được bạn.

Tại gia thì lấy vợ làm bạn, xuất gia thì lấy tâm kiên định làm bạn. Tại gia thì bước vào vòng vây, xuất gia thì mở bỏ vòng vây. Tại gia thì cho xâm hại người là quý, xuất gia thì cho đem lợi ích cho người là quý. Tại gia thì quý tài thí, xuất gia thì quý pháp thí.

Tại gia thì nắm giữ cờ ma, xuất gia thì nắm giữ cờ Phật. Tại gia thì có xứ quay về, xuất gia thì phá bỏ hết xứ quay về. Tại gia thì tăng trưởng thân, xuất gia thì lìa thân. Tại gia thì đi vào bụi rậm, xuất gia thì ra khỏi bụi rậm.

Lại nữa:

*Lại nơi người xuất gia
Tâm nên hâm mộ sâu.*

Bồ-tát tại gia này suy nghĩ về công đức của hạnh xuất gia như vậy, đối với người xuất gia tâm nên hâm mộ: Biết đến lúc nào ta mới được xuất gia, có được công đức như vậy? Biết đến lúc nào ta mới được xuất gia, để thứ lớp hành trì pháp của Sa-môn như: Thuyết giới, an cư, bố tát, tụng kinh, ngời theo thứ bậc?

Biết đến lúc nào ta mới được mặc pháp y huân tu của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến mà Thánh nhân đã mặc? Biết đến lúc nào ta mới được mang hình tướng Thánh nhân? Biết đến bao giờ ta sẽ được sống nơi chốn Tòng lâm thanh vắng?

Biết đến bao giờ ta mới được mang bình bát khất thực, được cho hay không được cho, nhiều ít, ngon dở, lạnh nóng, tuần tự thọ nhận để nuôi thân, như bôi mỡ vào xe? Biết đến bao giờ ta mới có thể đối với tám pháp thế gian tâm không lo, mừng?

Biết đến bao giờ ta mới đóng chặt cửa sáu căn, như buộc giữ chó, nai, cá, rắn, khí, chim. Chó thì ưa ở thôn xóm, nai thì ưa núi đồi, cá thì ưa sống ở ao hồ, rắn thì ưa ở hang, khí thì ưa nơi rừng sâu, chim thì ưa nơi hư không. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thường ưa thích sắc thanh hương vị xúc pháp, không phải là hàng phạm phu trí cận, chí yếu kém có thể hàng phục được. Chỉ có bậc trí tuệ, kiên tâm, chánh niệm, mới có khả năng hàng phục lũ giặc sáu căn này, không cho chúng gây tại họa, tự tại, không lo sợ?

Biết đến bao giờ ta mới vui thích được tọa thiền, đọc tụng kinh pháp, vui thích cắt đứt phiền não, tu những pháp thiện, vui mặc áo xấu chỉ đủ để che thân. Nhớ lại lúc trước, khi còn ở tục, hành nhiều phóng dật. Nay được lợi mình lại lợi người, nên phải siêng năng tinh tấn?

Biết đến bao giờ ta mới thuận theo đạo pháp của Bồ-tát đã hành trì? Biết đến bao giờ ta mới được cũng vì thế gian làm phước điền vô thượng? Biết đến bao giờ ta mới lìa khỏi nẻo tội tở của ân ái? Biết đến bao giờ ta mới được ra khỏi địa ngục gia đình?

Như kệ nói:

*Lễ kính các chùa tháp
Nhờ Phật sinh ba tâm.*

Bồ-tát tại gia này đã kính mộ người xuất gia. Nếu khi vào tháp chùa kính lễ Phật nên sinh 3 tâm là:

1. Biết đến khi nào ta mới được nhận lãnh sự cúng dường của các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân?

2. Biết đến bao giờ ta mới được thân lực như Xá-lợi lưu hành khắp thế gian tạo lợi ích cho chúng sinh?

3. Hôm nay, tâm sâu xa của Ta hành tinh tấn lớn, sẽ được quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thành Phật rồi sẽ nhập Niết-bàn vô dư.

Lại nữa:

*Khi đến các Tỳ-kheo
Theo nơi hành phụng sự
Im lặng nghe lời dạy
Giúp kẻ thiếu không tiếc.*

Sau khi kính lễ tháp xong, Bồ-tát này lại đến cầu hành tác nơi các Tỳ-kheo thuyết pháp, nơi người trì luật, người đọc tụng kinh điển Phật, người đọc tụng Tạng Luận, người đọc Tạng Bồ-tát, người sống ở A-lan-nhã, người mặc nạp y, người khát thực, người ăn một bữa trong ngày, người ngồi yên, người quá ngộ không uống nước, người chỉ có ba y, người mặc y vải thô, người trải tòa ngồi tùy thuận, người ở bên góc

cây, người ở gò mả, người ở chỗ đất trống trải, người ít dục, người biết đủ, người xa lìa, người ngồi thiền, người khuyến hóa v.v... Tất cả các vị ấy, Bồ-tát đều nên phụng sự đúng theo pháp hành của các Tỳ-kheo.

Nếu đến chỗ người đọc tụng A-tỳ-đàm, tùy theo tánh tướng của các pháp đã giảng nói tương ưng hay không tương ưng, thỉnh vấn những gì mình còn nghi. Hỏi xong nên tu học.

Như gặp người trì luật thì nên hỏi về nhân duyên khởi tội, tội nhẹ hay tội nặng, phương pháp diệt tội và các việc được thí dụ. Hỏi xong rồi nên tu học.

Nếu gặp người đọc tụng Tu-đa-la, nên thỉnh vấn nghĩa trong các bộ A-hàm để học rộng hiểu nhiều. Nếu gặp người đọc Tạng Luận, Kinh Ứng Lợi Chúng, Pháp Cú Ưu Đà Na Ba La Diên, thì nên học tập những kinh như thế. Nếu gặp người đọc Tạng Bồ-tát, thì nên thỉnh vấn sáu pháp Ba-la-mật và các phương tiện. Hỏi xong rồi nên tu học.

Như gặp người ở nơi A-lan-nhã, nên học pháp xa lìa. Như gặp người tọa thiền nên học pháp tọa thiền. Đối với các Tỳ-kheo khác cũng nên theo pháp hành thỉnh vấn như thế. Tu học đúng với những gì đã thọ nhận. Phải thâm giữ miệng, khi đến với các Tỳ-kheo, nên khéo thâm giữ miệng im lặng, thuận hợp xét biết thời gian, nơi chốn, theo việc suy nghĩ, tâm không tán loạn, ít nói.

Lại nữa, đến chỗ người thuyết pháp, xem các Tỳ-kheo có thiếu thốn thứ gì như y, bát, Ni-sur-đàn, những thứ cần dùng cho đời sống, theo sức bố thí không chút luyến tiếc. Vì sao? Vì đối với kẻ ác, Bồ-tát hãy còn bố thí, huống nữa là các Tỳ-kheo có công đức này. Đến cả thịt nơi thân còn không tiếc, huống chi là tiếc vật bên ngoài, là nhân duyên trợ đạo.

Lại nữa:

*Nếu lúc hành bố thí
Chớ sinh phiền não khác.*

Khi hành bố thí, nếu cho một người, người khác không được, liền sinh giận, phiền, do vậy, nên khéo suy tính mà làm việc bố thí, chớ khiến người khác sinh giận. Vì sao?

*Giúp giữ tâm phàm phu
Phải hơn A-la-hán.*

Bồ-tát tại gia này, khi bố thí cho các Tỳ-kheo y phục, thức ăn uống, thuốc men, ngọc cụ, đều phải có tâm kính lễ thân mật, khi đón như khi đưa.

Giúp giữ tâm phàm phu nên hơn giúp giữ A-la-hán. Vì sao? Vì các A-la-hán tâm không còn phân biệt đối với tám pháp thế gian. Phàm phu thì còn yêu, giận, keo kiệt, ganh ghét, nên có thể khởi nghiệp tội. Do nghiệp tội ấy nên bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho nên phải giúp giữ kỹ tâm phàm phu.

Việc làm của Bồ-tát đều vì tạo lợi ích cho hết thảy chúng sinh, nên bố thí không phải để tự vui, tự được quả báo đời sau, không phải như sự trao đổi nơi chợ.

Lại nữa:

*Nhân đem tiền bố thí
Nên dùng pháp thí nhiếp
Theo chỗ muốn lợi ích
Dạy phát tâm vô thượng.*

Bồ-tát tại gia này vì tự lợi mình nên theo chỗ lợi ích, nên đối với các Tỳ-kheo hoặc bố thí y phục, hoặc bố thí bình bát v.v... Cũng đem vô số các tài vật khác để bố thí như vậy. Tỳ-kheo như thế là chưa vào pháp vị, chưa được đạo quả, nên Bồ-tát tại gia phải khuyên các vị ấy phát nguyện về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì nhân nơi tài thí để gồm thâu, rồi đem pháp thí dẫn dắt. Hoặc ở nơi đàn-việt đã bố thí với tâm ái kính nên các Tỳ-kheo tin tưởng chấp nhận lời khuyên thỉnh phát tâm vô thượng kia.

Lại nữa:

*Vì muốn hộ trì pháp
Bỏ mạng vẫn không tiếc
Chữa trị Tỳ-kheo bệnh
Cho đến dùng thân thí.*

Bồ-tát tại gia này vì muốn hộ trì chánh pháp, nên cho đến tự xả bỏ thân mạng. Siêng năng tinh tấn phá trừ sáu mươi hai thứ kiến chấp của ngoại đạo, phá tan các quân ma ganh ghét pháp Phật. Trong hàng đệ tử Phật, hoặc cũng có người theo hành tà vạy, hành không đúng với pháp Phật. Phá bỏ những hạng ấy, theo đúng như pháp, đó gọi là hộ trì pháp.

Lại nữa, đối với những người hiểu biết rộng, thuyết pháp phải gia tâm tin kính cúng dường đủ bốn sự. Đó cũng gọi là hộ trì pháp. Nếu tự mình đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh, Luật, Luận, Tạng Bồ-tát, thì cũng nên chỉ dạy người khác làm như vậy. Do nhân duyên ấy nên chánh pháp được trụ lâu nơi thế gian, tạo lợi ích cho tất cả. Hàng tại gia, xuất gia phải xung tụng khen ngợi về pháp để chánh pháp trụ lâu, đem lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Nếu pháp mau hoại diệt là do việc giảng nói còn phạm nhiều lỗi xấu. Lại nhớ nghĩ về Đức Như Lai từ thuở xa xưa đến giờ, hành đạo Bồ-tát, hành các hạnh khó, nên mới được pháp này. Do nhân duyên ấy, nên người xuất gia, tại gia tâm phải siêng năng tinh tấn, mở bày, chỉ dạy tạo hoan hỷ, lợi lạc đến cho mọi người, khiến họ đạt được đạo. Nếu khiến họ vào địa không thoái chuyển thì lược nói nhân duyên hộ trì pháp, khiến được các thứ an lạc, cũng lại tự mình có thể tu hành như chánh pháp, đó đều gọi là hộ trì pháp.

Lại nữa, theo pháp của Bồ-tát tại gia này, nếu Tỳ-kheo có bệnh, cần trị liệu, Bồ-tát này phải hết lòng chữa trị, dù phải cần đến tánh mạng cũng không tiếc. Đây là điều hết sức cần thiết. Người xuất gia nên đối với người tại gia cầu những việc cần thiết ấy. Đó là thân tự xem xét chăm sóc bệnh tật, cung cấp thuốc men.

Lại nữa:

*Tâm quyết định bố thí
Thí xong, không hề hối.*

Vì hộ trì chánh pháp, nếu phải chăm sóc bệnh nhân, nên Bồ-tát này phải cấp thí đúng lúc, tâm không hối tiếc. Đó gọi là thí thanh tịnh.

Bố thí không mong cầu quả báo, không phân biệt người này nên nhận người kia không nên nhận, nhưng vì tâm thương xót tạo lợi ích mà cho. Đó gọi là thí thanh tịnh. Như kệ nói:

*Người thí theo tâm bi
Gọi là thí thanh tịnh
Không nói là phước điền
Không nói phi phước điền.
Nếu người hành bố thí
Không được làm mà cho
Nếu người vì quả báo
Đó như hơi thở ra.
Cho nên đã thí rồi
Tâm không có hối hận
Cho đến phước nhỏ ít
Đều hướng đạo vô thượng.*

Những phước đức có được từ nhân duyên bố thí này, đều đem hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Không cầu lợi ích an vui cho đời này đời sau, hay quả Tiểu thừa, chỉ vì chúng sinh mà cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Trước đây, tôi hứa sẽ nói rõ về các hành khác của Bồ-tát tại gia, nay tôi đã nói xong. Hết thầy đều trích lấy, tập hợp từ nhiều chỗ trong kinh thuộc Đại thừa. Tùy thuận kinh pháp Bồ-tát đã trụ trong hạnh ấy, để mau đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Ở trong Địa thứ hai, hầu hết đều nói đến những hành trì của Bồ-tát xuất gia. Việc làm chung của Bồ-tát tại gia, xuất gia nay sẽ nói tiếp.

Phẩm 18: CÙNG HÀNH

Hỏi: Ông nói: Sẽ nói về pháp cùng hành của Bồ-tát tại gia và xuất gia. Nay xin ông có thể nói rõ?

Đáp: Đó là pháp nhẫn nhục, pháp bố thí, pháp nhẫn tư duy không quanh co, pháp tôn trọng, pháp không chướng ngại, pháp cúng dường, và những pháp như: Tin hiểu, tu không, không tham lam ganh ghét, tùy hành theo ngôn thuyết, bố thí đèn sáng, bố thí kỹ nhạc, bố thí xe cộ, chánh nguyện thâm giữ pháp, suy nghĩ đến an lạc, lợi ích cho chúng sinh, tâm bình đẳng đối với tất cả. Đó là những pháp yếu cho cả tại gia, xuất gia cùng hành.

Thế nên kệ nói:

*Hành nhẫn thân đoan nghiêm
Thí pháp biết túc mạng
Pháp nhẫn được tổng trì
Tư duy đạt trí tuệ
Đối pháp không quanh co
Luôn được nhớ nghĩ đúng.*

Hành nhẫn thân đoan nghiêm: Là có thể nhẫn chịu những lời nói thô ác, mắng nhiếc, chú thuật, trừ rửa, hay bị buộc trói tra khảo, đánh đập bằng đao, gậy, đánh bằng trượng, roi, tất cả đều có thể nhận chịu tâm không lay động đổi khác. Nhẫn nhục như vậy thì quả báo đạt được là sinh trong cõi người, trời, thường được thân đoan nghiêm xinh đẹp, sau này, khi thành Phật thì tướng tốt không gì bằng.

Thí pháp biết túc mạng: Là người hành pháp thí có thể nhận biết được sự việc của vô lượng kiếp trong quá khứ. Pháp thí gọi là phân biệt được hết thấy các pháp của thừa Thanh văn, thừa Phật-bích-chi, Phật thừa, giải nói nghĩa lý. Quả báo của bố thí pháp tuy có ba mươi lăm thứ, nhưng cốt yếu là biết được túc mạng, biết nhân duyên thuyết pháp, trừ bỏ nghi ngờ nơi nhiều người. Do vậy biết được kiếp trước của mình.

Pháp nhãn được tổng trì: Pháp gọi là pháp tương ưng với Không, Vô tướng, Vô nguyên, tương ưng với sáu Ba-la-mật, tương ưng với các Địa của Bồ-tát, tương ưng với các pháp Bồ-tát đã hành trì. Tâm hiểu rõ giải thích làm sáng tỏ, có thể nhẫn giữ, gọi là pháp nhãn. Hành nhẫn này thì được tổng trì. Tổng trì gọi là đối với những kinh đã nghe, đã đọc tụng trong ấy nghĩa lý sâu xa, cho dù trải qua trăm ngàn vạn kiếp trọn không quên mất.

Tư duy đạt trí tuệ: Tư duy là lường xét về pháp thiện, phân biệt nghĩa sâu xa, do vậy mới có thể tạo được lợi ích cho đời này đời sau.

Tâm không quanh co được chánh niệm: Không quanh co gọi là ngay thẳng, không dua nịnh. Tu hành pháp này thì được niệm vững chắc đối với hết thấy các pháp.

Lại nữa:

*Trọng pháp, pháp tức bền
Không chướng được giữ gìn
Cúng dường pháp gặp Phật
Tin hiểu bỏ các nạn.*

Trọng pháp, pháp tức bền: Nếu người tôn trọng, cung kính nơi pháp thì pháp tức vững chắc. Pháp kiên cố là pháp được lãnh nhận, vững giữ, học tập, tự nhiên kiên cố, không thể lay động chuyển đổi. Về sau lúc thành Phật, có nhiều đệ tử là Bồ-tát, Thanh văn. An trụ

nơi pháp kiên cố này thì không gì có thể làm trở ngại cho người thọ nhận pháp ấy. Lại, kiên cố gọi là pháp được trụ lâu.

Không chướng được giữ gìn: Nghĩa là như người thuyết pháp và người nghe pháp không bắt ngờ gây tạo các việc chướng ngại cho nhau. Sau này, khi thành Phật, sẽ được chư Thiên, người thế gian cùng bảo vệ pháp. Khi chưa được thành Phật thì thường có thể hộ trì chánh pháp của chư Phật. Sau khi chư Phật diệt độ thì giữ gìn pháp còn lại mới có thể tiếp đến Phật sau ra đời. Vì nhân duyên ấy nên Bồ-tát, Thanh văn đều phải tận tâm khéo giữ gìn pháp.

Cúng dường pháp gặp Phật: Cúng dường gọi là cung kính các pháp. Ở nơi thí pháp, nơi pháp hội, nên sinh tâm cung kính cúng dường người thuyết pháp, sắp đặt pháp tòa, khởi lập các thiền phòng, trang hoàng làm nghiêm tịnh nơi chốn giảng pháp. Thâm tâm yêu kính pháp như vậy, nhờ có nhân duyên cúng dường pháp ấy nên được gặp Phật.

Tin hiểu bỏ các nạn: Tin là đối với các pháp thiện sinh khởi vui muốn sâu xa. Do pháp này nên lìa được tám nạn. Hiểu là có khả năng diệt trừ các tội, có thể ở trong các pháp thiện dùng sức mạnh của tâm tùy ý nhận hiểu. Như mười thứ Nhất thiết nhập, tùy ý nhận hiểu. Nếu người có nhiều sức mạnh tin hiểu, có thể diệt trừ hết vô lượng tội lỗi từ vô thủy sinh tử đến nay, như đã nói trong phẩm Hồi Quá ở trước.

Lại nữa:

*Tu Không, không phóng dật
Không tham được thành lợi
Tùy nói diệt phiền não
Thí đền được thiên nhân.*

Tu Không, không phóng dật: Tu có hai thứ là tu đức và tu hành, do lực của tu pháp Không nên tin pháp hữu vi đều là hư dối, cũng

không trụ nơi không. Các pháp không định, do vậy thường tự thân giữ tâm không phóng dật.

Không tham được thành lợi: Tham gọi là đối với vật của người khác sinh tâm tham luyến. Nếu biết trừ bỏ việc ấy, các mong cầu đều thành, các nguyện đều mãn.

Tùy nói diệt phiền não: Là theo pháp đã nói, thân tức hành trì, sẽ dứt trừ phiền não. Đối với những việc đều hành như đã nói. Từ bao đời đến nay, các tập khí phiền não luôn luân tập nơi tâm, thấy đều diệt trừ, khiến chuyển đổi tánh của tập khí xấu ác nơi các phiền não ấy.

Thí đèn được thiên nhân: Là nếu người thấp đèn cúng dường Phật, Thanh văn, Phật-bích-chi cùng tháp tượng, Xá-lợi, do nhân duyên ấy nên được thiên nhân.

Lại nữa:

*Thí nhạc báo thiên nhĩ
Do chánh nguyện tịnh độ
Thí xe được thần túc
Nhiếp pháp đủ chúng Tăng.*

Thí nhạc báo thiên nhĩ: Là trong các pháp hội lớn trời các thứ âm nhạc cúng dường Phật thì sẽ được quả báo là Thiên nhĩ.

Thí xe được thần túc: Xe gọi là các thứ dùng để vận chuyển như xe lớn, nhỏ, voi, ngựa v.v... Lại có người nói: Đem giày, guốc bó thì cũng được thần túc.

Do chánh nguyện tịnh độ: Nghĩa là tùy theo sở nguyện, nên nhận lấy cõi thanh tịnh. Như dùng vô lượng vật báu như vàng, bạc, pha lê, san hô, hổ phách, xà cừ, mã não làm thanh tịnh cõi nước.

Nhiếp pháp đủ chúng Tăng: Là nếu Bồ-tát hành đầy đủ bốn Nhiếp pháp thì có được chúng Tăng đầy đủ. Dùng bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự để giáo hóa thân giữ chúng sinh, nên về sau, lúc thành

Phật sẽ được vô lượng Tăng Bồ-tát, Tăng Thanh văn đầy đủ thanh tịnh làm đệ tử. Như Phật A-di-đà có hai thứ Tăng đầy đủ thanh tịnh. Nguyên đầy đủ thì như trong mười nguyên đã nói ở trước.

Lại nữa:

*Lợi ích cho chúng sinh
Được tất cả yêu kính
Tâm bình đẳng, không hai
Được là bậc tối thắng.*

Nếu Bồ-tát hành tác các nghiệp thân, miệng, ý đều vì tạo lợi ích an lạc cho hết thầy chúng sinh, nên được các chúng sinh kính mến. Vì luôn có tâm bình đẳng đối với hết thầy người thân kẻ oán, không bỏ một chúng sinh nào, do phước báo của nghiệp ấy nên Bồ-tát thành bậc tối thắng. Thắng nghĩa là có khả năng thắng hết thầy các pháp ác, phiền não như tham dục, giận dữ, ngu si, nên gọi là Phật.

Hỏi: Người đều cùng có mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng v.v... không khác, làm sao biết được đó là Phật?

Đáp: Phật có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Người có tướng ấy nên biết đó là Phật. Người xuất gia, tại gia cần phải phân biệt biết rõ ba mươi hai tướng, tướng này do pháp gì mà được? Tướng này do nghiệp gì mà được? Tướng này và nghiệp này cũng phải nên biết. Vì sao? Vì muốn được công đức phải biết rõ tướng này. Muốn được tướng ấy, phải biết nghiệp của nó.

Hỏi: Như sự việc ấy làm sao hiểu được?

Đáp:

*Ở trong phẩm Pháp Tướng
Mỗi tướng ba phân biệt.*

Trong A-tỳ-đàm, phẩm Ba Mươi Hai Tướng nói: Mỗi mỗi tướng đều có ba thứ phân biệt, đều nên nhận biết.

Hỏi: Thế nào là mỗi mỗi tướng đều có *ba thứ* phân biệt?

Đáp: 1. Nói về thể của tướng. 2. Nói về quả của tướng. 3. Nói về nghiệp của tướng có được.

Các tướng vòng xoắn ở đầu ngón tay và chân của Phật, như trước đã nói. Chuyển Luân Thánh vương cũng có tướng ấy. Các Bồ-tát cũng có tướng ấy. Người khác cũng có, nhưng không giống như vòng xoắn nơi tay, chân của Phật.

Trong lòng bàn tay, bàn chân của Ngài, có tướng bánh xe với hàng ngàn nan hoa đầy đủ nổi từng nét như hoa văn. Chân đứng yên không lay động, nên gọi là tướng chân đứng yên.

Màng lưới giữa hai ngón tay, chân rất mỏng, mềm như chân ngỗng chúa, hoa văn sáng tỏ như sợi tơ vàng ròng, nên gọi là tướng màng lưới nơi tay chân.

Tay chân mềm mại như bông của cây Đâu-la, như thân trẻ thơ, màu đỏ hồng rất đẹp, hơn hẳn các phần khác của thân, gọi là tướng tay chân mềm mại.

Lòng bàn tay, bàn chân, trên đầu, hai bên nách, bảy nơi này đều no tròn, đầy đặn, nên gọi là tướng bảy nơi đầy đặn.

Ngón tay dài thon, nên gọi là tướng ngón tay dài. Gót chân dài rộng, nên gọi là tướng gót chân dài rộng. Thân dài bảy khuỷu tay, không cong, nên gọi là tướng thân thẳng lớn.

Mu bàn chân nổi cao lên, nên gọi là tướng mu bàn chân vun cao. Trên đầu mỗi sợi lông đều xoắn về phía bên phải, nên gọi là tướng lông xoắn tròn lên trên. Bắp vế như vế của nai Y-nê, nên gọi là tướng bắp vế nai.

Đứng yên, buông tay, thì thòng xuống khỏi gối, nên gọi là tướng cánh tay dài. Âm vật như của ngựa quý, voi quý, không lộ ra, nên gọi là tướng âm tàng. Hào quang sáng chói sắc vàng, nên gọi là tướng sắc vàng.

Da mềm như vàng đã luyện thành, không dính bụi, nên gọi là tướng da mỏng, mịn màng. Mỗi mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông mọc, nên gọi là tướng mỗi mỗi sợi lông.

Hào quang tỏa sáng trắng ở giữa hai chân mày như ngọc tuyết, nên gọi là tướng bạch hào. Thân trước rộng dày chắc như sư tử, nên gọi là tướng thân trên như sư tử. Vai tròn lớn, nên gọi là tướng vai tròn lớn. Nách đầy bằng, nên gọi là tướng nách đầy bằng.

Cuống lưỡi không bị sức nóng, lạnh làm phồng dộp, nên khéo phân biệt được các vị. Người khác thì không được như vậy, nên gọi là tướng nhận biết các thứ mùi vị. Thân cao như cây Ni-câu-lâu, nên gọi là tướng thân tròn.

Cục thịt trên đầu nổi cao hình tròn, tóc xoắn quay về phía tay mặt, nên gọi là tướng nhục kế. Lưỡi như hoa sen đỏ, dài rộng mà mỏng, nên gọi là tướng lưỡi dài rộng. Tiếng nói như tiếng Phạm vương, như chim Ca-lăng-tần-già, nên gọi là tướng Phạm âm. Đôi gò má tròn đầy, rộng sáng như gương, nên gọi là tướng gò má sư tử.

Răng trắng như ngọc tuyết, như hoa Quân-viên, nên gọi là tướng răng trắng. Răng bằng đều đặn, không so le, nên gọi tướng răng bằng. Răng khít, không thưa, nên gọi tướng răng đầy đủ. Răng hàm trên, hàm dưới ăn khớp nhau, nên gọi là tướng bốn mươi cái răng.

Tròng mắt đen, trắng phân minh trong suốt, không có chỉ máu đỏ, nên gọi là tướng mắt trong xanh. Lông mi không mọc lẫn lộn, trên dưới đều nhau, không dài, không ngắn, nên gọi là tướng lông mi của Ngưu vương.

Ở các nơi chôn tôn trọng đều cung kính đón tiếp, nơi pháp hội lớn, trong tháp chùa, nơi thuyết pháp, từng cung cấp người thừa hành, nên được tay chân có vòng bánh xe. Có được tướng này nên tại gia thì làm Chuyển luân Thánh vương, được nhiều dân chúng, nếu xuất gia học đạo thì được nhiều đồ chúng.

Giữ vững các pháp không bỏ sót một pháp nào đã nhận lãnh, nên được tướng chân đứng yên. Có tướng này nên không gì có thể làm nghiêng động.

Thường tu bốn Nhiếp pháp: Bồ thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự, nên được tướng tay chân có màng lưới. Có tướng này nên mau chóng thấu giữ dẫn dắt chúng sinh.

Dùng các thứ hương thơm thượng diệu, các thức ăn uống mềm thấm, cúng thí cho người và cung cấp những vật cần dùng cho bậc đáng tôn kính, nên được tướng tay chân mềm mại và tướng bảy nơi đầy đặn, nổi cao lên. Có tướng này nên phần nhiều được mùi thơm, được thức ăn uống ngon ngọt, cứu được người tránh khỏi chết, được tăng tuổi thọ.

Lại, thọ giới không sát sinh, nên được tướng ngón tay thon dài, tướng gót chân đầy đặn, tướng thân thẳng lớn, có tướng này nên sống lâu.

Pháp thiện lãnh nhận tăng trưởng không mất, nên được tướng mu bàn chân nổi cao lên, trên đầu sợi lông xoắn về bên phải. Có tướng này nên được các công đức không thoái chuyển.

Dem các thứ kỹ thuật, tài nghệ, các kinh sách truyền dạy không tiếc và bố thí giày guốc v.v... nên được tướng bắp vế như nai Y-nê. Có tướng này nên sự tu học đều mau chóng đạt như ý.

Khi có người đến xin, đều cho đủ, không bỏ sót, không tiếc của, nên được tướng tay dài quá gối. Có tướng này nên có khả năng tạo được uy lực, có khả năng bố thí lớn, có năng lực điều phục, không để chúng sinh phải xa lìa thân thuộc.

Nếu có cảnh ngang trái phải chia lìa, luôn ra sức giúp họ trở về sống hòa hợp, nên được tướng âm tàng. Có tướng như thế nên được rất nhiều đệ tử.

Do có bổ thí các thứ y phục, giường nằm, lều gác, phòng xá đẹp đẽ tinh khiết, nên được tướng sắc vàng và tướng da bên ngoài mỏng. Có tướng này nên được y phục, giường nằm, lều gác, phòng xá tốt đẹp tinh khiết, tùy chỗ nên cúng dường cho chư Hòa thượng, A-xà-lê, cha mẹ, anh em, và những bậc đáng tôn trọng.

Có khả năng khéo hộ vệ nên được tướng mỗi lỗ chân lông mọc mỗi sợi lông và mỗi sợi đều xoắn về phía bên phải, tướng hào quang trắng làm cho diện môn càng trang nghiêm. Có tướng này nên không gì có thể so sánh.

Nói lời biết hổ thẹn, lời tùy thuận, lời thân ái, nên được thân trên như sư tử và tướng vai tròn lớn. Có tướng này nên mọi người trông thấy cũng thích ngắm mãi không chán.

Chu cấp thuốc men, thức ăn uống cho người bệnh tật và chính mình chăm sóc họ, nên được tướng nách có da thịt dày đặn, tướng biết nhiều vị. Có tướng này thân ít bệnh tật.

Bổ thí vườn rừng, trái ngọt, tạo cầu đường, cây um tùm, có bóng mát, ao giếng, thức ăn uống, hương hoa, chuỗi ngọc, xây phòng xá, xây tháp, xây nhà phước thiện v.v... và khi bố thí cho đám đông, xuất ra nhiều của cải, nên được thân như cây Ni-câu-lâu và tướng nhục kế. Có tướng này nên luôn được tôn quý, tị tại.

Tu tập suốt trong đêm dài sinh tử, nói lời chân thật, lời dịu dàng, nên được tướng lưỡi dài rộng, tiếng nói như Phạm vương. Có tướng này nên được năm công đức nơi âm thanh, đó là: Tiếng nói dễ hiểu, tiếng nói làm người nghe không chán, tiếng nói sâu xa, tướng nói khiến người nghe vui tai, tiếng nói không phân tán.

Cũng do tu tập suốt trong đêm dài sinh tử về lời nói ngay thật, không nói thêu dệt, nên được tướng gò má như sư tử. Có tướng này nên lời nói khiến người đều tin, nhận.

Do trước đã cúng dường, về sau không khinh mạn, tùy ý cung cấp, nên được tướng răng trắng, tướng răng đều đặn. Có tướng này nên luôn được quyền thuộc thanh tịnh, hòa thuận, đồng tâm.

Tu tập lâu dài về lời nói chân thật, không hủy báng, nên được tướng bốn mươi cái răng, tướng răng khít nhau. Có tướng này nên quyền thuộc đều hòa đồng, không gì có thể phá hoại.

Vì luôn có tâm sâu xa thương xót nhớ nghĩ đến chúng sinh, mặt vui vẻ nhìn họ với tâm không yêu, giận, ngu si, nên được tướng trông mắt trong xanh biếc, tướng lông mi cong dài như Ngưu vương. Có tướng này nên tất cả những người trông thấy không ai là không yêu kính.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 9

Phẩm 19: BỐN PHÁP

Như đã nói về các nghiệp để đạt được ba mươi hai tướng, Bồ-tát nên nhất tâm tu tập. Nếu muốn tu tập về nghiệp của ba mươi hai tướng như vậy, phải lấy tuệ làm gốc. *Như kệ nói:*

Bốn pháp thoái mất tuệ

Bồ-tát nên xa lìa

Bốn pháp đạt được tuệ

Nên thường hành tu tập.

Có 4 pháp có thể làm thoái mất tuệ, Bồ-tát nên xa lìa. Lại có 4 pháp đạt được tuệ, Bồ-tát nên luôn tu tập.

Bốn pháp thoái mất tuệ:

1. Không cung kính pháp và người thuyết pháp.
2. Giấu kín, keo kiệt, tham tiếc những pháp chính yếu.
3. Gây trở ngại cho người thích nghe pháp, hủy hoại tâm lắng nghe của họ.
4. Mang tâm kiêu mạn, tự cao, khinh người.

Bốn pháp đạt được tuệ:

1. Cung kính pháp và người thuyết pháp.

2. Pháp đã được nghe, đã đọc tụng, nên giảng nói cho nhiều người biết với tâm thanh tịnh, không mong cầu lợi dưỡng.

3. Biết rõ là từ nơi đa văn có được trí tuệ, nên siêng năng cầu học, không nghỉ như cứu lửa cháy đầu.

4. Pháp đã nghe nhận phải thọ trì không quên, quý ở chỗ là hành trì như lời nói, không quý ở chỗ chỉ là ngôn thuyết.

Đó là bốn pháp. Nếu người không hủy hoại các căn thiện, người ấy có thể dứt bỏ bốn pháp làm mất tuệ, có khả năng hành bốn pháp đạt được tuệ. Do vậy Bồ-tát phải mong cầu tăng ích trí tuệ. *Như kệ nói:*

*Bốn pháp diệt căn thiện
Bồ-tát nên xa lìa
Bốn pháp tăng căn thiện
Bồ-tát nên tu tập.*

Bốn pháp xâm thực căn thiện:

1. Mang tâm kiêu mạn, tham cầu việc thế gian.
2. Tham vướng lợi dưỡng, vào ra nhà đàn-việt.
3. Khởi tâm ganh ghét, hủy báng các Bồ-tát.
4. Không tin, không nhận những kinh chưa nghe hay đã nghe.

Bốn pháp làm tăng trưởng căn thiện:

1. Những kinh chưa được nghe, cầu mong được nghe, không chán. Đó là sáu Ba-la-mật, Tạng Bồ-tát.

2. Đối với các chúng sinh, trừ bỏ tâm kiêu mạn, nên khiêm tốn, nhún nhường.

3. Như pháp đạt được của cái vật dụng, chỉ nhắm vừa đủ. Xa lìa tà mạng, vui hành bốn hạnh Thánh chúng.

4. Đối với tội của người khác, thật hay không thật, đều không có lời dè bieu, không tìm kiếm khuyết điểm của người. Nếu có điều không thông hiểu về giáo pháp, không sinh tâm chống đối, nên lấy Phật làm chứng. Phật là bậc Nhất thiết trí, giáo pháp của Ngài là vô lượng. Theo chỗ thích hợp mà nói, không phải là điều ta có thể nhận biết hết.

Bốn pháp làm tăng trưởng căn thiện này, không phải những kẻ dua nịnh, quanh co có thể thành tựu được. *Thế nên:*

*Bồ-tát nên xa lìa
Bốn pháp tướng dua nịnh
Nên thường tu tập hành
Bốn pháp tướng trực tâm.*

Bồ-tát tại gia, xuất gia nên xa lìa bốn pháp dua nịnh, quanh co. Ví như gỗ cong nơi rừng rậm khó có thể kéo ra được. Như vậy, ở đời này có đệ tử của Phật, tuy đã vào pháp Phật, nhưng không thể ra khỏi rừng rậm sinh tử.

Bốn pháp tướng dua nịnh, quanh co:

1. Đối với pháp Phật hoài nghi, không tin, không có tâm quyết định.

2. Kiêu mạn, giận dữ đối với chúng sinh.

3. Đối với lợi dưỡng của người khác, sinh khởi tâm tham cầu, ganh ghét.

4. Hủy báng Bồ-tát, tiếng xấu truyền khắp.

Bốn pháp tướng trực tâm:

1. Khi có tội liền phát lộ, không che giấu. Sám hối trừ diệt tội, hành đạo không hối tiếc.

2. Nếu do lời nói mà mất ngôi vị vua cùng nhiều của báu cũng không nói dối. Miệng chưa từng nói lời khinh người.

3. Nếu người nói lời thô ác mắng nhiếc, khinh miệt, phỉ báng, hay buộc tội tra khảo bằng roi, gậy v.v... chỉ do oán từ tiền thân không đổ lỗi cho người khác, tin vào quả báo của nghiệp, tâm không sân hận.

4. An trụ trong công đức của tâm tin. Đối với pháp thâm diệu của chư Phật thật khó tin hiểu, nhưng do tâm thanh tịnh nên đều có thể tin nhận.

Bồ-tát suy hoại hành bốn pháp dua nịnh, quanh co. Bồ-tát điều hòa có bốn pháp hành ngay thẳng. Thế nên Bồ-tát muốn trừ bỏ hành dua nịnh, quanh co, muốn hành theo tâm ngay thẳng, *như kệ nói:*

*Nên lià bỏ bốn thứ
Pháp Bồ-tát suy hoại
Nên tu tập bốn thứ
Pháp Bồ-tát điều hòa.*

Thế nào là bốn pháp của Bồ-tát suy hoại?

1. Đa văn nhưng hay đùa cợt, không hành theo pháp.
2. Đối với việc giáo hóa sinh khởi hý luận, không kính thuận các Hòa thượng, A-xà-lê.
3. Không thể thâm nhận chuyên hóa được tín thí của người, hủy hoại sự phòng cấm để nhận cúng dường.
4. Không kính trọng Bồ-tát nhu hòa hiền thiện, tâm luôn kiêu mạn.

Thế nào là bốn pháp của Bồ-tát điều hòa?

1. Thường vui thích nghe các pháp chưa được nghe. Nghe rồi có thể hành như pháp đã giảng nói, nương vào pháp, nương vào nghĩa, nương vào những điều đã nêu giảng mà hành trì.

2. Tùy thuận vào nghĩa lý sâu xa, không mê lầm theo ngôn từ. Điều hòa cho dễ giáo hóa. Ở trong việc thờ thầy luôn dốc tâm ý hành tác.

3. Không làm mất thọ mạng giới, định, tuệ thanh tịnh.

4. Đối với Bồ-tát điều hòa sinh tâm cung kính, tùy thuận tình sâu, trừ bỏ tâm kiêu mạn, cầu ở công đức họ.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn thứ sai lầm, thường ở trong ấy tìm kiếm khuyết điểm của Bồ-tát, đó gọi là Bồ-tát suy hoại. Nếu có thể thân cận bốn thứ đạo thiện, đó gọi là Bồ-tát điều hòa. *Như kệ nói:*

*Bồ-tát nên xa lìa
Bốn thứ Bồ-tát làm
Bồ-tát nên tu tập
Bốn thứ đạo Bồ-tát.*

Thế nào là bốn thứ sai lầm của Bồ-tát?

1. Giảng nói pháp sâu xa cho chúng sinh không phải là pháp khí, không lãnh hội nổi.

2. Với người vui thích pháp Đại thừa sâu xa, thì lại giảng nói pháp Tiểu thừa.

3. Khinh mạn, bất kính đối với người hành đạo chân chánh, tâm thiện trì giới.

4. Đối với người chưa thành tựu, chưa đáng tin lại tin cậy. Thâu giữ người xấu, phá giới cho là thân thiện.

Thế nào là bốn thứ đạo thiện của Bồ-tát?

1. Hành tâm bình đẳng đối với hết thầy chúng sinh.

2. Dem pháp thiện giáo hóa cho tất cả.

3. Bình đẳng vì tất cả chúng sinh thuyết pháp.

4. Hành chánh hạnh đối với hết thầy chúng sinh.

Nếu hành theo bốn thứ sai lầm của Bồ-tát, không vui thích suy nghĩ về các pháp, không siêng năng tu tập pháp thiện, đó tức là *Bồ-tát hình tượng*. *Thế nên:*

*Trong pháp các Bồ-tát
Bốn thứ: Bồ-tát tượng
Phật nói pháp như thế
Mỗi mỗi nên xa lìa.*

Bốn thứ Bồ-tát hình tượng:

1. Tham trọng lợi dưỡng, không quý trọng pháp.
2. Chỉ vì tiếng khen, không cầu công đức.
3. Cầu dục tự an vui, không nghĩ đến chúng sinh.
4. Tham thích quyền thuộc, không thích xa lìa.

Đó gọi là bốn thứ *Bồ-tát hình tượng*.

Hỏi: Làm sao từ bỏ pháp của *Bồ-tát hình tượng* này?

Đáp: Nếu Bồ-tát lo tu tập, hành trì công đức ban đầu của Bồ-tát, tức có thể lìa bỏ pháp của *Bồ-tát hình tượng*. Thế nên Bồ-tát nếu muốn lìa bỏ pháp của *Bồ-tát hình tượng*, như kệ nói:

*Trước hành bốn công đức
Siêng năng khiến được sinh
Sinh rồi khiến tăng trưởng
Tăng trưởng rồi nên giữ.*

Bốn công đức đó là:

1. Tin hiểu pháp Không, cũng tin quả báo của nghiệp.
2. Vui thích pháp vô ngã, sinh khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh.
3. Tâm trụ nơi Niết-bàn nhưng vẫn hành tác trong sinh tử.
4. Bồ thí là để thành tựu cho các chúng sinh, không cầu quả báo.

Nếu người muốn sinh khởi bốn công đức nơi hành ban đầu của Bồ-tát, sinh rồi khiến tăng trưởng, giữ gìn, thì nên thân cận tri thức thiện. *Như kệ nói:*

*Bồ-tát nên thân cận
Bốn bậc tri thức thiện
Cũng phải nên xa lìa
Bốn loại tri thức ác.*

Bồ-tát yêu thích đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, phải nên thân cận, cung kính, cúng dường bốn bậc tri thức thiện, đồng thời phải nên xa lìa hẳn bốn loại tri thức ác.

Bốn bậc tri thức thiện:

1. Khởi tướng là bạn hiền đối với những người đến cầu xin, do có thể giúp mình thành tựu đạo vô thượng.

2. Đối với người thuyết pháp sinh khởi tướng tri thức thiện, do có thể giúp mình có trí tuệ hiểu biết rộng.

3. Khen ngợi người xuất gia, sinh khởi tướng tri thức thiện, do có thể giúp mình thành tựu các căn thiện.

4. Đối với chư Phật – Thế Tôn sinh khởi tướng tri thức thiện, do có thể giúp mình thành tựu tất cả pháp Phật.

Bốn loại tri thức ác:

1. Tâm cầu thừa Phật-bích-chi. Chỉ vui thích thiểu dục, ít việc.

2. Cầu Tỳ-kheo của thừa Thanh văn, vui thích ngòai thiền.

3. Ưa đọc Kinh Lộ Già Gia của ngoại đạo, tô điểm văn tụng, hỏi đáp khéo léo.

4. Nơi chốn thân cận chỉ được lợi của thế gian, không được pháp lợi.

Do vậy, Bồ-tát nên thân cận bốn bậc tri thức thiện, xa lìa bốn loại tri thức ác. Nếu Bồ-tát có thể làm được như vậy, tức đạt được bốn Tạng rộng lớn, vượt qua hết thảy pháp của ma sự, có thể phát sinh vô lượng phước đức, hoàn toàn có thể thâm giữ tất cả pháp thiện.

Hỏi: Những gì gọi là pháp nơi Tạng rộng lớn của Bồ-tát? Những gì là có thể vượt qua hết thảy pháp của ma sự? Những gì là có thể phát sinh vô lượng pháp phước đức? Những gì là có thể thâm giữ tất cả pháp thiện?

Đáp:

*Các Bồ-tát có bốn:
Tạng rộng lớn pháp diệu
Bốn nhiếp các pháp thiện
Tâm Bồ-đề trước hết.*

Những gì là bốn?

1. Được gặp Phật.
 2. Được nghe sáu pháp Ba-la-mật.
 3. Không giận dữ, không gây trở ngại đối với người thuyết pháp.
 4. Do tâm không phóng dật, nên vui thích trụ nơi A-lan-nhã.
- Đó gọi là bốn Tạng rộng lớn.

Có 4 pháp có thể vượt qua hết thảy pháp của ma sự:

1. Không bỏ tâm Bồ-đề.
2. Tâm không sân hận, không gây trở ngại đối với hết thảy chúng sinh.
3. Nhận biết rõ tất cả các kiến chấp.
4. Tâm không kiêu mạn đối với các Bồ-tát.

Có 4 pháp có thể phát sinh vô lượng pháp phước đức:

1. Đối với pháp thí không mong cầu.
2. Sinh tâm đại bi đối với người ác, kẻ phá giới.
3. Đối với các chúng sinh được giáo hóa, chỉ dạy họ phát tâm Bồ-đề vô thượng.

4. Hành nhẫn nhục đối với các chúng sinh thấp kém.

Có 4 pháp có thể thâm giữ tất cả pháp thiện:

1. Sống nơi thanh vắng, không hiện bày những điều khác lạ.
2. Hành bốn Nhiếp pháp, không mong đền ơn.
3. Hộ trì chánh pháp, không tiếc thân mạng.
4. Khi gieo trồng các căn thiện lấy tâm Bồ-đề làm đầu.

Mỗi mỗi pháp nơi bốn pháp này đều nên giải thích rộng, sợ vẫn thêm nhiều nên không quảng diễn. Nay, như lời Phật đã giảng nói, xin dùng kệ để lược thích. Nếu Bồ-tát muốn được Tạng của các Bồ-tát, muốn vượt qua hết thảy pháp của ma sự, muốn thâm giữ tất cả pháp thiện, đều nên xa lìa:

*Hai không buộc, hai buộc
Hai chướng, hai pháp cầu
Hai mụn nhọt, hai hằm
Hai thiêu đốt, pháp bệnh.*

Nếu Bồ-tát muốn đạt được công đức như Tạng của các Bồ-tát v.v... phải nên xa lìa các thứ hai pháp này.

Hai pháp không buộc (Hệ thuộc):

1. Là tham chấp vào các kinh như Ứng Lộ Già Gia.
2. Trang sức về y, bát.

Hai pháp trói buộc:

1. Bị các kiến chấp trói buộc.
2. Bị tâm tham cầu danh lợi trói buộc.

Hai pháp chướng:

1. Gần gũi bạch y.
2. Sống xa cách người thiện.

Hai pháp cầu:

1. Nhận chịu các thứ phiền não.
2. Ưa thích các tri thức đàn-việt.

Hai mục nhọt:

1. Thấy lỗi người khác.
2. Tự che giấu lỗi mình.

Hai pháp hãm hố:

1. Hủy hoại chánh pháp.
2. Phá giới, nhận cúng dường.

Hai pháp thiêu đốt:

1. Mặc áo ca-sa mà tâm cầu ướ, cặn đục.
2. Nhận sự cung cấp của người giữ giới thanh tịnh.

Người xuất gia có hai bệnh khó trị:

1. Người tăng thượng mạn tự cho là có thể hàng phục tâm.
2. Gây trở ngại, hủy hoại ý của người cầu pháp Đại thừa.

Bồ-tát nếu xa lìa những pháp như thế, tức có thể mau chóng đạt được pháp Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lại được chư Phật, Phật-bích-chi, A-la-hán khen ngợi.

Hỏi: Những pháp gì gọi là mau chóng đạt được pháp Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Được chư Phật, Phật-bích-chi, A-la-hán khen ngợi những gì?

Đáp:

*Hãy hành tướng bốn Đế
Mau được Bồ-đề Phật
Lại hành trì bốn pháp
Ba bậc Thánh khen ngợi.*

Thế nào là tướng bốn Đệ?

1. Siêng năng tinh tấn cầu tất cả pháp thiện.
2. Các kinh pháp đã nghe, nhận, đọc tụng, hành trì như lời thuyết giảng.
3. Chán lìa ba cõi, như mong ra khỏi nơi chốn sinh tử.
4. Vì tạo lợi ích an vui cho hết thảy chúng sinh, đồng thời cũng tạo tự lợi.

Đệ là chân thật, không dối trá. Chứng được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là không hư dối.

Lại có bốn pháp được ba bậc Thánh khen ngợi:

1. Cho đến mất mạng không làm việc ác.
2. Thường hành pháp thí.
3. Luôn nhất tâm khi nghe nhận giáo pháp.
4. Nếu sinh khởi tâm nhiễm tức có thể dùng chánh quán, suy xét về nhân duyên dấy khởi tâm nhiễm. Sao gọi căn nhiễm này là nhiễm? Cái gì là nhiễm? Nhiễm phát sinh do sự việc gì? Ai sinh ra nhiễm ấy? Chánh niệm như vậy, nhận biết nhiễm là hư vọng, không thật có, quyết định tin hiểu các pháp là không. Pháp không thật có, theo đó xem xét nhân duyên của nhiễm ô, nên không sinh khởi các nghiệp ác. Tất cả phiền não khác cũng nên quán xét như thế.

Bồ-tát được pháp của bậc Đại nhân đã khen ngợi ấy là do xa lìa các nghiệp ác, phiền não, tức đầy đủ tâm xả. *Như kệ nói:*

*Tâm xả được đầy đủ
Cầu lợi: Thế, xuất thế
Khi cầu các lợi này
Tâm không hề mệt chán.*

Bồ-tát này khi đã có đủ pháp xả, luôn muốn hành pháp thí, tài thí, để đem lợi ích cho chúng sinh. Nếu khi cầu các lợi thế gian, xuất thế gian tuy chưa được tâm vẫn không mệt mỏi, biếng trễ.

Lợi thế gian: Là khéo hiểu kinh sách thế gian, cùng những kỹ thuật, phương thuật, phương tiện khéo léo. *Lợi xuất thế gian:* Là các pháp căn, lực, giác, đạo vô lậu. *Như kệ nói:*

*Cầu hai lợi như thế
Tâm không mệt biếng trễ
Do không mệt, biếng trễ
Tức được các pháp sâu.
Nhân theo cầu kinh sách
Nên hay được trí tuệ
Hiểu biết đủ thế gian
Pháp bậc nhất tối thượng.*

Không mỏi mệt biếng trễ: Mệt mỏi biếng trễ gọi là chán ghét. Những điều mình học, nếu không chán ghét thì tâm không mỏi mệt. Nếu không mệt mỏi tức cầu các thứ kinh sách, nghề thuốc, kỹ thuật, lễ nghi, phép tắc đều không mỏi mệt. Do không mệt mỏi nên được trí tuệ, hiểu đầy đủ sâu rộng về các pháp của thế gian. Pháp thế gian là những pháp thích nghi ở từng địa phương, phong tục, theo tâm thế gian. Cả pháp luật cai trị ở đời cũng đều có thể nhận biết. Vì vậy nên có khả năng biết các chúng sinh từ thượng, trung đến hạ tùy nghi dắt dẫn họ khéo hiểu các sự việc thế gian, luôn có tâm hổ thẹn sâu xa. Tùy nghi dắt dẫn là phải có những thích nghi với từng hạng thượng, hạng trung, hạng hạ.

Hổ, thẹn: Là tự thấy xấu hổ với việc mình đã làm là hổ. Nhân nơi người khác sinh xấu hổ gọi là thẹn. Có người cho do tự mình làm mà hổ, thấy người khác nên thẹn. Trong pháp thế gian nên biết lấy thẹn làm đầu. Như kinh nói: “Có hai pháp thanh tịnh hộ trì thế gian là hổ, thẹn”. Như kệ nói:

*Theo người lúc có then
Biết pháp, biết tội phước
Không then, người thiện xa
Không ác nào không làm.*

Hỏi: Do đâu ân cần chỉ dạy Bồ-tát khéo nhận biết pháp thích nghi của thế gian?

Đáp: Bồ-tát nếu biết các pháp thế gian thì đối với chúng sinh dễ cùng vui hòa nhập giáo hóa dẫn dắt tâm họ, khiến trụ nơi Đại thừa. Trái lại, nếu không biết pháp thế gian, thì cũng không thể giáo hóa một người. Thế nên pháp thế gian tức là con đường của phương tiện giáo hóa chúng sinh. Biết rõ pháp thế gian như vậy, Bồ-tát đạt đầy đủ tâm hổ then. *Như kệ nói:*

*Thêm ác còn kính, dưỡng
Huống chi kẻ lợi mình
Có then có cung kính
Không khinh cười người thiện.*

Bồ-tát này tâm luôn biết then, nên đối với người ác hãy còn có thể cung kính, cúng dường, đón đưa, thăm hỏi, huống chi là người thiện tạo lợi ích cho ta, có công đức? Do có hai tâm là then và cung kính, nên không khinh khi các người hiền thiện ít tri thức. Bồ-tát nghĩ như vậy: Người có công đức thường sống ẩn nơi thế gian, như lửa được phủ tro. Vì vậy, tuy pháp thế gian có bạc bẽo, không tốt, ta cũng không nên khinh khi họ. Nếu vì một nhân duyên nhỏ nhặt mà khinh khi, tức là đã mắc tội.

Lại nữa:

*Phàm các việc mình làm
Tuy khó cũng quyết xong
Tức ở trong thế gian
Cũng là tướng không thoái.*

Những việc Bồ-tát này làm như là xây chùa, tháp, lập đại hội, cứu tội nhân, hết thấy sự việc khó ở thế gian như thế v.v... tâm Bồ-tát vẫn không thoái lui, không bỏ phước. Những sự việc làm chưa xong thì cần tìm nhiều phương cách, đem hết sức mạnh của thân khẩu ý khiến hoàn thành. Không chỉ trong pháp Phật mới không thoái chuyển mà sự việc nơi thế gian cũng không thoái chuyển.

Hỏi: Do nhân duyên gì Bồ-tát có thể hoàn thành sự việc này?

Đáp: Có sức nhẫn chịu thì có thể hoàn thành công việc. *Như kệ nói:*

*Được sức nhẫn chịu lớn
Dốc cúng dường chư Phật
Theo Phật đã giáo hóa
Thấy đều khéo thọ trì.*

Bồ-tát luôn có được sức nhẫn chịu, do vậy nên có thể cúng dường kính lễ chư Phật, tùy nghi cung cấp các thứ y phục, thức ăn uống v.v...

Lại nữa, những pháp Phật đã giáo hóa như trì giới, thiền định, hàng phục tâm ý, quán thật các pháp, Bồ-tát nên dùng sức nhẫn chịu nhận lãnh hết các việc ấy. Như người có dao bén trong tay, phải nên sử dụng vào việc có ích, không nên sử dụng vào việc không có ích. *Như kệ nói:*

*Do Tín, Bi, Từ, Xả
Nhẫn chịu không chán mệt
Lại hay biết nghĩa sâu
Dẫn dắt tâm chúng sinh.
Thẹn, gắng thọ bậc nhất
Dốc cúng dường chư Phật
Trụ trong điều Phật dạy
Hành đúng mười pháp ấy*

*Khéo tịnh trị Sơ địa
Đó là đạo Bồ-tát.*

Nếu Bồ-tát lấy Tín làm đầu, về sau, trụ trong lời Phật dạy thì có thể tịnh trị nơi Địa thứ nhất. Trong mười pháp này thì Tín đứng đầu. Tín là tâm đã được quyết định đối với nhân duyên của pháp Phật, lại còn thêm ưa thích. Vì sao? Vì Bồ-tát này tâm tánh thanh tịnh, nên có được sức mạnh của tâm tin ăn sâu. Do có sức mạnh của tâm tin, nên có tâm bi đối với hết thầy chúng sinh.

Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Tất cả pháp Phật lấy đại bi làm gốc. Ta nay hết lòng ưa thích pháp Phật nên phải sinh tâm bi, thương xót tất cả chúng sinh. Tâm bi này càng lớn dần thành đại bi. Có đại bi rồi, đối với chúng sinh tức phát sinh tâm từ.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta nên tùy theo lực tạo lợi ích cho chúng sinh, tức đem tâm bi chân thật hành từ. Lúc tạo lợi ích cho chúng sinh tức có thể hành xả, nghĩa là những của cải trong ngoài đều có thể đem ra bố thí.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Như các vật này của ta, vì muốn đem lợi ích, an lạc cho hết thầy chúng sinh, nên ta thành tựu tâm từ chân thật, lại được các chúng sinh tin nhận lời ta nói. Vì muốn hành xả để cầu tài vật có lợi, nên phải gắng chịu nhiều sự việc khổ não.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Đối với các thứ kỹ thuật, kinh sách, cách làm ruộng, các thứ công xảo của thế gian, là những nhân duyên để cầu tài lợi trong đời, nếu ta mệt chán thì không thể đưa đến kết quả. Do đây đối với thế gian nên học tập các ngành nghề ấy với tâm không chán mệt. Vì gắng chịu đựng tức có thể hiểu được nghĩa lý sâu xa.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Kinh sách ở thế gian lấy nghĩa làm vị. Nếu người nào hiểu thấu nghĩa vị ấy của các thứ kinh sách v.v..., sẽ thông đạt hết thầy pháp ở đời. Hiểu biết được như vậy nên có khả năng dẫn dắt các chúng sinh từ hạng trên, hạng vừa, cho đến hạng thấp.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Nếu người nào không biết hổ thẹn thì không thể khiến cho chúng sinh hoan hỷ. Muốn khiến cho mọi người đều hoan hỷ phải nên hành pháp hổ thẹn.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Nếu người nào không có sức gắng nhận chịu đựng, thì không thể thành tựu lợi ích thế gian và xuất thế gian. Có đủ sức chịu đựng gắng nhận ấy mới có thể dẫn dắt hết thảy chúng sinh, khiến họ đều hoan hỷ. Có được tâm hoan hỷ thì họ mới tin nhận lời ta nói. Do được tin nhận, nên ta phải luôn siêng năng hành tạo phương tiện để dẫn dắt họ.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Nếu các chúng sinh cúng dường chư Phật thì được nhiều lợi ích. Lại muốn khiến các chúng sinh đều cúng dường chư Phật, thì chính mình phải một lòng cúng dường chư Phật, cúng dường các hình tượng, Xá-lợi của Phật. Khi đã tin nhận lời ta nói thì chúng sinh sẽ theo ta cúng dường chư Phật, gieo trồng nhân duyên sinh nơi cõi trời, người, trụ nơi ba Thừa Bồ-tát.

Như thế, tuần tự hành mười pháp tức có thể tịnh trị nơi Địa thứ nhất.

Phẩm 20: NIỆM PHẬT

Bồ-tát ở Địa thứ nhất cứ xét những xứ mình đã hành trì, tự dùng sức mạnh nơi căn thiện có thể thấy được vài trăm Đức Phật, Bồ-tát. Như thế là tâm đã được hàng phục, kính mến sâu xa Phật đạo. Những sự hiểu biết ở Địa thứ nhất phải nên hành trì đầy đủ và rốt ráo. Do sức mạnh của phước đức nơi căn thiện của mình có được nên có thể trông thấy chư Phật hiện tại trong mười phương đều ở ngay trước mắt mình.

Hỏi: Chỉ dùng sức mạnh của phước đức nơi căn thiện nên thấy chư Phật hay còn có pháp nào khác?

Đáp:

*Phật vì Bạt-đà-bà
Nói pháp Tam-muội sâu
Được báu Tam-muội này
Luôn được thấy chư Phật.*

Bạt-đà-bà-la là Bồ-tát tại gia có khả năng hành hạnh Đầu-đà. Phật vì ông giảng nói kinh Ban chu Tam-muội. Tam-muội Ban chu gọi là thấy chư Phật hiện tiền. Bồ-tát chúng được Tam-muội báu lớn này, tuy chưa được thiên nhãn, thiên nhĩ, nhưng có thể trông thấy chư Phật trong mười phương và cũng nghe chư Phật giảng nói kinh pháp.

Hỏi: Nên dùng con đường nào để đạt được Tam-muội này?

Đáp:

*Nên niệm về chư Phật
Hiện ở trong đại chúng
Đủ ba mươi hai tướng
Tám mươi vẻ nghiêm thân.*

Hành giả dùng Tam-muội này nhớ nghĩ đến ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân của chư Phật. Ngài luôn được các Tỳ-kheo thân cận, chư Thiên cúng dường, được các đại chúng cung kính vây quanh. Phải chuyên tâm nhớ nghĩ và giữ lấy hình tướng của chư Phật như vậy.

Lại nữa, nhớ nghĩ về chư Phật là người có đại nguyện, thành tựu tâm đại bi không hề đoạn dứt. Đầy đủ tâm đại từ nên luôn đem đến những an vui sâu xa cho chúng sinh. Hành hạnh hỷ thù thắng, nên tròn đầy hết thấy nguyện. Hành tâm xả, lìa bỏ các thứ thương ghét, nhưng không bỏ chúng sinh. Hành nơi xứ Đế thường không lừa dối. Hành nơi xứ Xả để trừ bỏ tánh keo kiệt cấu nhiễm. Hành nơi xứ Thiện nên tâm hoàn toàn vắng lặng. Hành nơi xứ Tuệ nên được trí tuệ

lớn. Hành đủ bố thí Ba-la-mật thì pháp thí là chủ. Hành đủ Trì giới Ba-la-mật là giới hạnh thanh tịnh. Hành đủ Nhẫn nhục Ba-la-mật thì có khả năng nhẫn chịu như đất. Hành đủ Tinh tấn Ba-la-mật thì tinh tấn cao vọt. Hành đủ Thiền định Ba-la-mật thì diệt hết mọi chướng ngại của định. Hành đủ Trí tuệ Ba-la-mật thì phá tan các chướng ngại của trí tuệ.

Tay chân có tướng vòng xoáy là có khả năng quay bánh xe pháp. Tướng chân đứng yên là an trụ trong các pháp. Tướng tay chân có màng lưới, là diệt hết phiền não.

Tướng bảy chỗ đầy đủ là các công đức tròn đầy. Tướng chân mềm mại là thuyết pháp nhu hòa. Tướng ngón tay thon dài là suốt trong đêm dài sinh tử, luôn tu tập, gồm thấu các pháp thù thắng vi diệu.

Tướng gót chân rộng là nhìn xa học rộng. Tướng thân to lớn thẳng đứng là nói đạo chánh trực lớn. Tướng mu bàn chân nổi cao, tướng hết thấy đầu lông đều xoắn quay bên phải là có khả năng khiến chúng sinh trụ trên pháp diệu.

Tướng bắp đùi như đùi nai Y-nê, tướng cánh tay dài quá gối, tướng cánh tay như thoi vàng ròng, tướng mã âm tàng, là có tạng pháp bảo. Tướng thân sắc vàng là có vô lượng sắc màu. Tướng da mỏng mịn là giảng nói pháp vi diệu.

Tướng mỗi một sợi lông là hiện bày pháp một tướng. Tướng hào quang trắng trang nghiêm gương mặt là vui thích nhìn mặt Phật không thấy chán. Tướng thân trên như sư tử là không sợ hãi như sư tử.

Tướng vai tròn lớn là khéo phân biệt năm âm. Tướng nách đầy là đầy đủ căn thiện lớn. Tướng nhận biết các vị là đầy đủ vị vắng lặng.

Tướng thân vuông vẫn là phá tan nẻo sinh tử hạn hẹp. Tướng nhục kế là đầu chưa từng hạ thấp kính ai. Tướng lưỡi lớn màu như san hô thật là có thể tự bao trùm mặt.

Tướng Phạm âm là tướng thân lên đến Phạm thiên. Tướng gò má hàm như sư tử, tướng vai rộng là có khả năng phá trừ ngoại đạo. Tướng răng đều là những việc làm thanh khiết.

Tướng răng bằng nhau là tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh. Tướng răng khít là lìa xa các thứ tham đắm. Tướng có bốn mươi cái răng là đầy đủ bốn mươi pháp bất cộng.

Tướng mắt trong xanh biếc là tâm từ nhìn chúng sinh. Tướng lông mày như Ngưu vương dài nhưng không rời là đạt được vẻ đẹp hiếm có, mọi người nhìn không biết chán.

Dùng ba mươi hai tướng này để trang nghiêm thân, với tám mươi vẻ đẹp đan xen phát ra ánh sáng, phước đức đầy đủ, oai lực thù diệu, tiếng tốt vang khắp. Lấy mùi thơm của giới xoa thân, pháp thế gian không làm lay động, phiền não không nhiễm vương, lời ác không làm cho bợn nhơ được. Hiện diệu dụng nơi các thần thông. Oai lực dũng mãnh của chư Phật là như thế, không người nào dám đối địch. Nói pháp bằng trí tuệ như tiếng sư tử gầm, tự tại như ý. Dem sức mạnh của tinh tấn xưa tan hết si ám. Dem ánh sáng lớn soi trùm trời đất. Trong các cuộc hỏi đáp, không ai hơn.

Hết thảy đều ngược nhìn chiêm ngưỡng, không ai nhìn xuống. Phật luôn dùng tâm từ quán sát chúng sinh. Tâm nhớ nghĩ đến chúng sinh như biển cả, an định như núi Tu-di, nhẫn nhục như đất. Nuôi lớn phước đức chúng sinh gieo trồng như nguồn nước tưới thấm khắp. Có khả năng làm phát sinh sức mạnh nơi các căn thiện của chúng sinh như gió thổi cho mở ra lan rộng. Thành tựu chúng sinh như lửa nấu chín vật. Trí tuệ vô biên như hư không. Tuôn mưa pháp lớn trùm khắp như mây dày giăng kín. Không nhiễm pháp thế gian như hoa sen. Phá tà sư ngoại đạo như sư tử vồ nai. Có thể nâng cao gánh nặng như voi chúa lớn. Có khả năng dắt dẫn đại chúng như Đại Ngưu vương. Quyến thuộc đều thanh tịnh như Chuyển luân Thánh vương. Là bậc tối thượng của thế gian như Đại Phạm

vuông. Đáng yêu đáng thích như trăng sáng giữa trời trong. Sáng soi cùng khắp như mặt trời tỏa sáng. Ban cho chúng sinh đủ các nhân duyên an lạc cũng như bậc cha hiền. Thương xót chúng sinh, theo hoàn cảnh mà che chở thích hợp như từ mẫu. Việc làm đều thanh tịnh như vàng ròng cõi trời. Có uy lực lớn như trời Đế Thích. Siêng làm lợi ích cho đời như Hộ thế chủ. Trị bệnh phiền não cũng như Dược vương. Cứu vớt hoạn nạn suy tổn như thân tộc. Gom chứa các công đức như kho tàng bao la. Giới của Phật là vô lượng. Định của Phật là vô biên. Tuệ của Phật là không thể nêu xưng. Giải thoát không ai bằng, giải thoát tri kiến không gì có thể so sánh. Nơi tất cả sự việc hoàn toàn không ai hơn. Là bậc tối thượng của tất cả thế gian nên gọi là người bậc nhất. Thành tựu đại pháp nên gọi là Đại nhân.

Bồ-tát dùng tướng Đại nhân để nhớ nghĩ quán tưởng chư Phật như thế. Chư Phật đã trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức không thể nghĩ bàn, không thể kể về số kiếp tu tập công đức, đã khéo có thể giữ gìn thân khẩu ý. Nơi quá khứ, hiện tại, vị lai trong năm tạng pháp luôn giảng nói cho mọi người đều đoạn trừ nghi. Trả lời dứt khoát, trả lời rõ ràng, trả lời bằng cách hỏi ngược lại, trả lời theo cách để qua một bên. Đối với bốn loại hỏi – trả lời không chút lầm lẫn. Khéo giảng nói về ba mươi bảy pháp trợ đạo như căn, lực, giác, đạo, niệm xứ, chánh cần, như ý. Khéo có thể phân biệt về nhân quả trong mười hai nhân duyên: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Không bị vướng buộc vào sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cùng sáu căn tiếp nhận chúng. Khéo thuyết giảng chín bộ kinh pháp là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ ký, Già-đa, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, Y-đế-mục-đa, Phật lược, Vị tăng hữu. Không bị những phiền não như tham dục, giận dữ, ngu si, kiêu mạn, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ sai khiến, chi phối. Không bị các phiền não như không tin, không hổ thẹn, dua nịnh, quanh co, đùa cợt, phóng dật, biếng trễ, ham ngủ nghỉ, sân hận, ganh ghét, keo kiệt xâm

lần. Biết khổ, đoạn dứt nguyên nhân của khổ, tu đạo, chứng diệt. Cái gì đáng bỏ đã bỏ. Cái gì đáng thấy đã thấy. Việc đã làm xong, phá trừ hết oán thù, tròn đầy các nguyện. Là bậc tôn quý của thế gian, là cha của cõi đời, là bậc chủ của thế gian, là bậc đã khéo đến, khéo đi, khéo hiện ý, khéo tịch, khéo diệt, khéo giải thoát. Phật đã an trụ trong vô lượng vô biên Hằng hà sa v.v... thế gian khắp mười phương, như hiện ra trước Bồ-tát.

Lại, Bồ-tát tại gia nên dùng tám mươi vẻ đẹp để nhớ nghĩ và quán tưởng chư Phật: Móng tay móng chân màu đỏ tươi là hành pháp thanh bạch. Móng tay, móng chân búp tròn, lớn, là sinh trong nhà danh giá. Màu móng tay, móng chân tươi tắn là tâm thương xót sâu đậm đối với chúng sinh.

Ngón tay thon dài là công hạnh sâu xa. Thịt ngón tay đầy đặn là căn thiện đầy đủ. Các ngón tay dài theo thứ lớp, là thứ lớp tích tập các pháp Phật. Mạch máu bị che khuất không thấy, nhưng các mạng mạch của thân, miệng, ý không bị che khuất, không có những nút kết thô là phá trừ hết kiết sử phiền não. Mắt cá chân bằng không nổi cục là không che giấu pháp. Chân không cong vạy là không rơi vào chúng tà.

Hành như sư tử là sư tử trong loài người. Hành như voi chúa là voi chúa trong loài người. Hành như ngỗng chúa là như chim hồng bay cao. Hành như Ngưu vương là bậc tối tôn trong loài người. Lúc đi xoay về phía tay phải là khéo giảng nói chánh đạo. Khi đi, lưng không cong do tâm không hề quanh co.

Thân cứng chắc mà thẳng là khen ngợi giới đức chắc chắn. Thân lớn dần là nói pháp có thứ lớp. Các bộ phận nơi thân đều đoan nghiêm là khéo giải, khéo nói công đức vi diệu vĩ đại. Thân tướng đầy đủ là pháp đầy đủ. Trong mỗi bước đi luôn đều đặn khoan thai là có tâm bình đẳng đối với các chúng sinh. Thân trong sạch là ba nghiệp thanh tịnh.

Da trên mình mềm mại là tâm tánh tự mềm mại. Thân không dính bụi nhơ là khéo thấy và xa lìa trần cấu. Thân không co rút là tâm luôn không chìm khuất. Thân không biên lượng là căn thiện vô lượng. Bắp thịt chắc thẳng là vĩnh viễn đoạn dứt thân đời sau. Các chi phần trên thân phân minh là khéo nói rõ mùi hai nhân duyên. Sắc thân không tối là tri kiến Phật luôn sáng tỏ.

Bụng tròn là đệ tử tu hành viên mãn. Bụng sạch, tươi, trong, là khéo nhận biết rõ những lỗi xấu của sinh tử. Bụng không nhô lên là phá tan tâm kiêu mạn. Bụng bằng phẳng không nhô lên là giảng nói pháp bình đẳng. Rốn tròn và sâu là thông đạt pháp sâu xa. Rốn có nếp xoắn về tay phải là đệ tử luôn thuận theo lời dạy.

Toàn thân đoan nghiêm là đệ tử đều thanh tịnh. Oai nghi tinh khiết là tâm thanh tịnh không ai bằng. Thân không một chấm nhỏ là pháp ấn không đen. Tay mềm mại như Đâu-la-miên là người nhận sự giáo hóa, thân họ nhẹ như lông. Chỉ tay đậm là oai nghi uy nghiêm cẩn trọng. Đường chỉ tay dài là quán biết người thọ nhận giáo pháp với các sự việc lâu dài về sau. Chỉ tay tươi thắm, nhẵn bóng, là lìa bỏ nẻo thân ái, thâm nhuần đạo quả lớn lao.

Diện mạo không dài là kiết giới có mở ra. Môi đỏ như trái Tần-bà là trông thấy hết thấy thế gian như bóng hình hiện trong gương. Lưỡi mềm mà nhuyễn là trước hết luôn dùng lời nói mềm dịu để hóa độ khắp chúng sinh. Lưỡi mỏng mà rộng là công đức thuần thực, sâu dày. Lưỡi đỏ như nhuộm màu hồng là tâm phạm phu khó hiểu pháp Phật, nhưng Ngài giúp họ hiểu.

Tiếng nói như sấm vang là không hề sợ tiếng sấm. Tiếng nói nhu hòa là giảng nói pháp nhu hòa. Bốn răng tròn ngay là giảng nói pháp chánh trực. Bốn răng đều bén là hóa độ người lợi căn. Bốn răng trắng sáng tức là bậc sáng đệ nhất. Bốn răng bằng nhau là an trụ nơi địa giới bình đẳng. Các răng kể, nhỏ dần theo thứ tự, là Ngài giảng nói pháp bốn Đé.

Mũi cao vun lên thẳng là an trụ nơi trí như núi cao. Lỗ mũi trong sạch là các đê tử luôn thanh tịnh. Mắt rộng mà dài là trí tuệ rộng xa. Lông mi không thưa thớt là khéo chọn chúng sinh. Tròng đen, tròng trắng của mắt sạch trong, tươi như cánh hoa sen, là để cho hàng thể nữ của trời, người thích mắt Phật mà cung kính, lễ bái.

Chân mày cao mà dài là tiếng tăm vang xa ai cũng biết. Lông mày tươi nhuận là khéo nhận biết pháp thuận hợp. Hai lỗ tai bằng nhau là bình đẳng với những người nghe pháp. Nhĩ căn không hư hoại là hóa độ chúng sinh tâm không suy hoại.

Trán bằng mà đẹp là khéo xa lìa các thứ kiến chấp. Trán rộng không có tý vết là phá trừ hết các ngoại đạo. Bộ phận đầu đầy đủ là khéo hành trì tròn đại nguyện.

Màu tóc như óng đen nhánh là đã chuyên đổi năm dục lạc. Tóc dày mà sợi li ti là kiết sử đã hết. Tóc đẹp mềm, sợi nhuyễn là trí lanh nhạy, có khả năng biết rõ pháp vị. Tóc không rối là lời nói không hề tạp loạn. Tóc mịn, bóng, là không hề nói lời thô. Tóc có mùi thơm là dùng hương hoa bảy giác ý, tùy trình độ thích hợp giáo hóa dẫn dắt chúng sinh. Trong tóc có chữ Đức, chữ An, chữ Hỷ, trong tay, trong chân cũng có các chữ ấy.

Bồ-tát nên nhớ nghĩ về chư Phật như thế: Ở trong đại chúng giảng nói chánh pháp, an tọa nơi tòa sư tử. Tòa này lấy lưu ly và đủ các thứ báu làm chân. Lấy san hô tinh khiết, chân châu đỏ đẹp làm ghé, dát bằng vàng mỏng mịn trơn bóng. Dùng các thứ áo trời làm vật trải lên tòa ngồi. Có bốn sư tử báu thân bằng vàng đỏ, mắt bằng hổ phách, xa cừ làm đuôi, san hô làm lưỡi, kim cương trắng làm răng, bạc trắng thật làm tóc, lông tóc rộng dài đầy đủ. Chỗ ngồi được đặt lên bốn sư tử ấy. Lấy ngà của voi chúa lớn làm chân đế vững, đỡ lấy chân bốn sư tử nọ, đều được làm bằng các thứ báu. Được các chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già kính lễ tại chỗ.

Chư Phật an tọa trên tòa sư tử như thế, mặc y Kiệt-chi-nê-hoàn-tăng, phủ khắp thân, không cao không ngắn, ba phần quần quanh tê chính. Cà-sa này đều màu nhạt với số điều phân minh, vừa vặn, cũng không so le. Phật ngồi giữa tám bộ chúng Đại Thánh trang nghiêm nơi hội lớn của hàng trời, người. Rồng, chim Kim-sí đều đến nghe pháp với tâm không giận dữ.

Tất cả đại chúng thâm tâm biết hổ thẹn ái kính đối với Phật, đều cùng nhất tâm nghe Phật giảng nói, thọ trì, suy nghĩ làm đúng như pháp. Chuyên tâm nghe, nhận, tâm thanh tịnh, nên có thể ngăn trừ triền cái. Toàn bộ đại chúng đều chiêm ngưỡng Như Lai không biết chán đủ. Lòng thân đều dựng đứng. Có người nhiệt thành rơi lệ, hoặc có người vui lớn. Những bậc lộ như thế, tức nhận biết tâm của họ được thanh tịnh, vắng lặng, trong suốt, như đang nhập định, không còn yêu, giận và các duyên khác. Họ có tướng đại bi, xót thương chúng sinh, muốn cứu độ hết thảy, tâm không dua nịnh quanh co mà vắng lặng thanh tịnh, phân biệt rõ tốt xấu. Có chí lớn, không ẩn mất, không lùi, không cao không thấp. Đức Phật đều nhìn thấy hết thảy đại chúng đang sống trong tâm trạng như vậy.

Như Lai giảng nói pháp dễ hiểu, dễ biết, vui nghe không chán. Giọng nói của Như Lai vang sâu, không tản mát mà dịu dàng vui tai. Tiếng nói của Như Lai phát đi từ rốn, thông qua yết hầu, cuống lưỡi, mũi, trên đầu, răng môi, hơi thở đều được kích thích biến thành từng tiếng, từng câu nói êm dịu, dễ nghe. Tiếng nói của Như Lai như mây giăng kín, khiến tiếng sấm chỉ còn là âm vang. Như gió mạnh kích động sóng nơi biển cả, như tiếng nói của Đại Phạm thiên, dẫn dắt chúng sinh có thể hóa độ. Lìa khỏi mi, mắt, môi, Như Lai vẫn có thể dùng lời pháp để quở trách, lời nói vẫn lưu loát, không rườm rà trùng lặp. Những gì nói ra không nghi, lời nói tất có lợi ích, không có lời dối gạt, không có lời đáng bỏ. Lìa những lỗi lầm như thế nên lời Như Lai xa gần đều nghe rõ. Phật có khả năng tùy ý giải đáp bốn thứ vấn nạn. Khai thị bốn Đế, được bốn quả, kiến lập nghĩa nơi đầu mỗi

nhân duyên, nối kết câu nghĩa. Cách nói năng của Phật thấy đều đầy đủ, nên mỗi sự và nghĩa Phật nói ra đều dễ hiểu, thích nghi, sáng tỏ, không ẩn khuất quanh co. Phật nói không quá mau, lại không chậm chạp, trước sau đều tương ứng, không ai có thể vắn nạn.

Phật phô diễn, giảng nói pháp theo những lối nói như vậy, đầu, giữa, sau đều thiện, có nghĩa có lợi, pháp luôn đầy đủ, nên có khả năng giúp chúng sinh đạt được quả báo tốt ngay nơi đời này. Bất cứ khi nào cũng có thể thử nghiệm được, nên mọi người đều mãn nguyện. Người có trí hiểu biết sâu xa đều có thể do nội tâm mà nhận biết rõ.

Pháp Ngài giảng nói có khả năng diệt trừ ngọn lửa dữ của ba độc nơi chúng sinh. Có khả năng trừ bỏ hết tội của thân, miệng, ý. Có khả năng mở bày chỉ rõ những phạm giới, định, tuệ. Trước là dùng danh, chữ để nói, sau khiến thấu hiểu nghĩa sinh tâm hoan hỷ. Từ hỷ sinh lạc. Từ lạc sinh định. Từ định sinh trí như thật. Từ trí như thật sinh tâm chán lìa. Từ chán lìa mới trừ diệt hết kiết sử. Kiết sử bị diệt trừ hết nên được giải thoát.

Như thế, tức có thể khiến pháp này theo thứ lớp khéo chỉ bày bốn xứ là Đế, Xả, Diệt, Tuệ. Khéo chỉ bày khiến chúng sinh hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Có khả năng khiến chúng sinh tuần tự đi tới Địa Hoan Hỷ, Địa Tịnh, Địa Minh, Địa Diệm, Địa Nan Thắng, Địa Hiện Tiền, Địa Tâm Viễn, Địa Bất Động, Địa Thiện Tuệ, Địa Pháp Vân. Có khả năng phân biệt thừa Thanh văn, thừa Phật-bích-chi, Đại thừa. Có khả năng khiến chúng sinh chứng được quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Có khả năng khiến hàng trời, người thành tựu các sự giàu sang và an vui hiện có.

Đó là kho tàng của các công đức lợi ích bậc nhất trong tất cả. Bồ-tát với chính tâm như vậy nhớ nghĩ đến chư Phật. Rồi ở nơi thanh vắng, xua tan hết tham dục, giận dữ, ngu ngốc, nghi ngờ, hối tiếc, đùa cợt, một lòng chuyên nhớ nghĩ chư Phật, không sinh chướng ngại

làm mất tâm định. Đem tâm như vậy, chuyên niệm chư Phật. Nếu tâm chìm mất, nên dậy khởi, nếu tâm phân tán thì nên thu giữ, đồng thời thấy đại chúng luôn như hiện tiền. Khi chưa nhập định, Bồ-tát thường nên khen ngợi tướng tốt và vẻ đẹp, dùng kệ tán thán Phật khiến tâm điều thuận. Như kệ này nói:

*Các tướng tốt Thế Tôn
 Nhân duyên nghiệp nào được?
 Con do tướng và nghiệp
 Xưng tán bậc Đại Thánh.
 Tướng chân ngàn vòng xoắn
 Quyển thuộc thanh tịnh thí
 Do từ nhân duyên này
 Chúng Hiền Thánh vây quanh.
 Tướng bàn chân đứng yên
 Nhận thiện, giữ không mất
 Thế nên chúng quân ma
 Không thể hủy hoại được.
 Tướng màng lưới tay chân
 Tướng thân sắc vàng ròng
 Do khéo hành nhiếp pháp
 Đại chúng tự nhiên phục.
 Tay chân rất mềm mại
 Thân tướng bảy chỗ đầy
 Thí tùy ý ăn uống
 Tự nhiên được cúng nhiều.
 Ngón dài, gót chân rộng
 Tướng thân to, đầy, thẳng
 Là do lia sát sinh
 Nên sống lâu nhiều kiếp.
 Đầu lông xoay bên phải
 Mu bàn chân nổi cao*

Do siêng năng hành thiện
Được pháp không thoái chuyển.
Tướng vẻ nai Y-nê
Thường vui đọc tụng kinh
Vì người giảng nói pháp
Mau được đạo vô thượng.
Cánh tay dài quá gối
Do những vật mình có
Người xin cho không tiếc
Tùy ý dạy dẫn người.
Âm tàng kho công đức
Khéo hàn gắn chia lìa
Được nhiều chúng trời, người
Tuệ nhãn sạch làm con.
Da mỏng ánh vàng sáng
Thí y, nhà, gác, đèn
Nên được nhiều y đẹp
Lầu phòng đều thanh tịnh.
Mỗi lỗ sợi lông mọc
Bạch hào giữa chân mày
Thường hộ trì tối thượng
Nên ba cõi tôn quý.
Thân trên như sư tử
Và hai vai tròn, đầy
Luôn nói lời nhân ái
Nên không ai tranh cãi.
Nách đầy, biết mùi vị
Do cho thuốc người bệnh
Trời, người đều ái kính
Thân không có bệnh tật.
Thân tròn tướng nhục kế

Tâm vui hòa thí phước
 Khuyên dạy kẻ vọng ngạnh
 Là vua pháp tự tại.
 Giọng Ca-lăng-tần-già
 Lưỡi rộng, tiếng Phạm vương
 Lời nói luôn thật, dịu
 Được tám âm Đại Thánh.
 Trước suy nghĩ chín chắn
 Sau nói tất có thật
 Nên được tướng sư tử
 Người thấy đều tin phục.
 Tướng răng trắng đều khít
 Do đã từng cúng dường
 Sau đó không khinh miệt
 Nên quyền thuộc tâm đồng.
 Trên dưới bốn mươi răng
 Kín, khít, và đều đặn
 Do không nói gièm, dối
 Đồ chúng không thể phá.
 Tròng đen, trắng, mắt sáng
 Lông mày như Ngưu vương
 Do tâm từ nhìn khắp
 Người xem đều không chán.
 Tuy Chuyển luân Thánh vương
 Pháp trị bốn thiên hạ
 Có các tướng tốt này
 Hào quang không bằng Phật.
 Con nói lời khen ngợi
 Công đức, các tướng tốt
 Nguyện khiến hết thấy người
 Tâm tịnh thường an lạc.

Bồ-tát lại nên dùng tám mươi vẻ đẹp để nhớ nghĩ chư Phật.
Nhu kệ này nói:

*Chư Phật có tám mươi
Vẻ đẹp trang nghiêm thân
Các người nên hoan hỷ
Nhất tâm nghe ta nói:
Ngón tay Phật thon dài
Móng tay màu hồng tía
Vun cao thêm tươi nhuận
Hiện có không thể lường.
Gối bằng, mắt cá lạng
Hai chân không cong vạy
Hành như sư tử chúa
Oai nghiêm không ai sánh.
Khi đi thân quay phải
Dáng trang nhã ung dung
Thân vuông phân thứ lớp
Đoan nghiêm đáng yêu thích.
Thân rắn chắc, mềm mại
Các chi phân rõ ràng
Khi đi luôn đỉnh đạc
Các căn đều sung mãn.
Da thân khít mịn màng
Sáng bóng và trong sạch
Thân hình rất cân đối
Cùng hòa hợp trọn vẹn.
Bụng tròn, không nổi cao
Rốn sâu không thấy lỗ
Nếp rốn xoay phía phải
Oai nghi toàn thanh tịnh.*

Thân không có chàm đen
 Tay chân đều mềm mại
 Chỉ tay đậm và dài
 Ngón tay thẳng sắc nhuận.
 Lưỡi mỏng, mặt không dày
 Răng trắng, tròn và nhọn
 Môi màu trái Tân-bà
 Tiếng sâu chim Hồng chúa.
 Mũi vun, mắt trong veo
 Hàng mi rậm không rời
 Lông chân mày cao mềm
 Vươn thẳng luôn không cong.
 Lông mày bằng, đều đặn
 Khéo biết lỗi các pháp
 Lông chân mày mịn, bóng
 Khéo độ nhuận chúng sinh.
 Lỗ tai đầy đặn, bằng
 Không suy hoại, đáng yêu
 Trán rộng bằng, ngay ngắn
 Tướng đầu đều đầy đủ.
 Tóc mịn mà không rời
 Đen như màu ong chúa
 Thanh tịnh, thoảng mùi thơm
 Trong có ba thứ tướng.

Đó gọi là tám mươi vẻ, dùng tám mươi vẻ đẹp này xen lẫn với ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Nếu người không niệm ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp này để tán thán thân Phật, tức là mất vĩnh viễn nhân duyên lợi lạc của đời này và đời sau.

HẾT - QUYỂN 9

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYÊN 10

Phẩm 21: BỐN MƯƠI PHÁP BÁT CỘNG

Bồ-tát dùng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để niệm về sinh thân của Phật xong, nay phải niệm về các pháp công đức của Phật.

Như kệ nói:

*Lại nên dùng bốn mươi
Pháp bát cộng niệm Phật
Là pháp thân chư Phật
Không phải chỉ nhục thân.*

Chư Phật tuy có vô lượng các pháp không cùng chung với người khác, nhưng thu tóm lại thì có bốn mươi pháp. Nếu người nào tưởng nhớ đến tức được hoan hỷ. Vì sao? Vì chư Phật không phải là sắc thân mà là pháp thân. Như kinh nói: “Ông không nên chỉ dùng sắc thân quán Phật, nên dùng pháp để quán”.

Những gì là bốn mươi pháp bát cộng? Đó là:

1. Bay đi tự tại.
2. Biến hóa không lường.
3. Như ý Thánh là vô biên.
4. Nghe âm thanh tự tại.

5. Vô lượng trí lực nhận biết tâm người khác.
6. Tâm được tự tại.
7. Thường ở nơi xứ trí tuệ an ổn.
8. Thường không mắc sai lầm.
9. Được diệu lực của Tam-muội Kim cang.
10. Khéo nhận biết pháp bất định.
11. Khéo nhận biết sự việc ở định vô sắc.
12. Thông tỏ đầy đủ các sự việc vĩnh viễn diệt trừ.
13. Khéo nhận biết tâm không tương ưng với pháp vô sắc.
14. Có Ba-la-mật uy lực lớn.
15. Có Ba-la-mật vô ngại.
16. Hết thảy hỏi đáp, thọ ký, đều đáp đầy đủ bằng Ba-la-mật.
17. Đầy đủ ba luân thuyết pháp.
18. Những gì giảng nói đều chẳng không.
19. Những gì giảng nói không lầm lỗi.
20. Không ai có thể xâm hại Phật.
21. Là vị đại tướng trong các Hiền Thánh.
25. Bốn điều không giữ gìn.
29. Bốn pháp vô sở úy.
39. Mười lực của Phật.
40. Giải thoát vô ngại.

Đó là **bốn mươi pháp bất cộng**. Nay sẽ nói rộng.

Bay đi tự tại: Nghĩa là chư Phật bay đi tự tại theo ý mình, đều nhanh chóng đầy đủ như ý muốn, không trở ngại. Vì sao? Vì nếu Phật muốn đi trên không, thì trước cất lên một chân rồi cất tiếp chân nữa tức có thể như ý.

Hoặc muốn cất chân bay lên hư không mà đi, hoặc muốn đứng yên bất động mà đi tức đều có thể đi được, hoặc ngồi yên theo lối kiết già mà đi cũng có thể bay đi được, hoặc muốn nằm yên mà đi cũng lại có thể đi được.

Hoặc muốn có hoa sen báu: lưu ly xanh làm cộng, san hô thật làm cánh, vàng ròng làm tua, ngọc Như ý làm đài, vô lượng hoa vây quanh, như lúc mặt trời mới mọc, hoa sen báu ấy hiện ra khắp hư không, Đức Phật đặt chân lên đó mà đi.

Hoặc muốn như cung điện của Nhật, Nguyệt, Thăng điện của Đế thích, cung điện của các trời Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại, cung điện của các Phạm vương, Phật cũng tùy ý hóa ra như thế, an tọa trong đó mà đi, tức đều có thể làm xong ngay.

Hoặc lại dùng vô số nhân duyên khác tùy ý có thể bay đi. Thế nên nói: “Tùy theo các điều đã nguyện đều có đầy đủ hết”. Do vậy, chư Phật có thể dùng một bước là vượt qua Hằng hà sa số Tam thiên đại thiên thế giới.

Có người nói: “Trong khoảng thời gian chỉ một niệm, Đức Phật có thể vượt qua trăm ngàn cõi nước”.

Có người nói: “Nếu biết trong một niệm, một bước đi, Đức Phật có thể đi như vậy, tức là có thể lường tính được”.

Trong kinh nói: “Thần lực của chư Phật là vô lượng”, vì thế nên biết, chư Phật phi hành nơi hư không luôn tự tại vô lượng vô biên. Vì sao? Vì nếu hàng đại đệ tử Thanh văn có thần thông tự tại, chỉ trong khoảng một niệm là có thể đi qua trăm ức các châu Diêm-phù-đề, Cù-đà-ni, Phất-bà-đề, Uất-đa-la, vượt qua các trời Tứ Đại vương, trời Đạo-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại và trời Phạm. Chỉ trong một nháy mắt đã vượt qua bao nhiêu là niệm. Tích tập các niệm ấy để thành một ngày, bảy ngày, một tháng, một năm cho đến trăm năm. Trong một ngày vượt qua năm mươi ba ức hai trăm chín mươi sáu vạn sáu ngàn Tam thiên đại thiên thế giới. Người Thanh văn trong trăm năm đã đi qua như thế thì Phật chỉ một niệm là có thể vượt qua.

Lại nữa, giả sử khiến số cát trong sông Hằng cứ một hạt là một kiếp, có vị Đại Thanh văn thân thông bậc nhất, thọ mạng với số đại kiếp như những hạt cát sông Hằng như thế, ở trong một niệm vượt qua từng ấy thế giới. Tích chứa những niệm như vậy để làm thành số ngày, tháng, năm, rồi dùng sức tự tại vượt qua hết số đại kiếp cõi nước. Còn Đức Phật có thể chỉ trong một niệm là vượt qua. Chư Phật phi hành đều tự tại nhanh chóng như vậy. Đối với hết thầy núi Thiết-vi, mười núi báu, xứ Tứ Thiên vương, xứ trời Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc, Tha-hóa-tự-tại, Phạm thế, Phạm chúng, Đại phạm, Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Quảng quả, Vô tướng, Bất quảng, Bất não, Hỷ kiến, Diệu kiến, A-ca-ni-trá, tất cả các xứ trời như thế, từ kiếp gió lớn, kiếp nước lớn, đến kiếp hỏa tận v.v... cùng các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, các Thiên ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các người có thân thông đều cũng không thể gây trở ngại. Cho nên nói bay đi vô ngại.

Lại, bay đi tự tại như ý, nghĩa là tạo được cảnh ra vào trong lòng đất, đi qua vách đá, núi non cùng các thứ chướng ngại. Đối với những sự việc ấy, Phật hơn hẳn các Thánh nhân.

Lại, Phật có thể dùng thân bình thường đứng thẳng tới cõi Phạm thiên, người Thanh văn không thể theo kịp. Đó là những chỗ khác nhau.

Biến hóa không lường: Là có vô lượng diệu lực trong sự biến hóa. Các bậc Thánh khác thì biến hóa có hạn lượng, có biên vực. Chư Phật thì biến hóa không hạn lượng, không biên vực. Các bậc Thánh khác thì trong một niệm biến hóa một thân. Còn Phật dùng một niệm tùy ý biến hóa có vô lượng sự việc. Như trong Kinh Đại Thần Thông nói: “Đức Phật từ nơi rốn hiện ra hoa sen, trên hoa lại có hóa Phật, tuần tự hiện bày khắp, trên đến trời A-ca-ni-trá. Chư Phật biến hóa tạo ra các sự việc với vô số màu sắc, vô số hình tướng, đều dùng một

niệm”. Lại, người Thanh văn có thể biến hóa ở trong một ngàn cõi nước. Còn chư Phật thì có thể biến hóa tự tại ở trong vô lượng vô biên cõi nước.

Lại nữa, Phật còn có thể biến hóa gấp bội là do chư Phật có được Tam-muội biến hóa kiên cố. Lại, chư Phật biến hóa có thể vượt qua Hằng hà sa v.v... thế giới, đều từ một thân xuất phát.

Lại nữa, Phật có thể hóa hiện vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương, thọ thân ở đời này là sinh ra, thân chạm đất, đi bảy bước, xuất gia, học đạo, phá trừ các quân ma, thành đạo, chuyển pháp luân, các sự việc như vậy, đều dùng một niệm tạo thành. Các hóa Phật này đều cũng lại có khả năng hành tác hết thảy Phật sự. Như thế, các sự việc được biến hóa của chư Phật là vô lượng vô biên. Lại ở trong Như ý Thánh còn có vô lượng lực.

Như ý Thánh là vô biên: Là từ thân phóng ra hào quang chiếu sáng như lửa rực cháy. Lại còn hiện ra các trận mưa, biến hóa thọ mạng dài ngắn tùy ý. Trong một niệm có thể bay tới cõi Phạm thiên. Có thể biến hóa các vật dụng, tùy ý tự tại có thể lay động đại địa, hào quang có thể soi chiếu tới vô lượng thế giới không hề đứt đoạn.

Như ý Thánh không ngang bằng với phàm phu, không có hạn lượng, vượt quá các lượng. Các phàm phu tuy có thể biến hóa các vật dụng, nhưng ít, không đáng nói. Người Thanh văn có thể tách hàng ngàn cõi nước ra rồi có thể hợp lại như trước. Có thể khiến thọ mạng hoặc đến một kiếp, hay giảm một kiếp, rồi có thể khiến thành ngắn. Từ ngắn lại có thể khiến kéo dài. Chỉ trong một niệm, có thể đi đến ngàn cõi nước nơi thế giới Phạm thiên. Có thể tùy ý biến hóa trong ngàn cõi nước. Có thể lay động ngàn cõi nước. Thân có thể phóng ra hào quang tỏa sáng nối tiếp không đứt, chiếu khắp ngàn cõi nước. Giả sử thân hoại, có thể lưu lại thần lực, biến hóa như cũ, ở ngàn cõi nước.

Phật-bích-chi hạng thấp có thể ở trong vạn cõi nước biến hóa vạn thứ. Phật-bích-chi hạng vừa có thể ở trong trăm vạn cõi nước biến hóa trăm vạn thứ. Phật-bích-chi hạng trên có thể ở trong ba ngàn đại thiên cõi nước biến hóa như trên.

Chư Phật Thế Tôn có thể ở trong vượt hơn Hằng hà sa v.v... thế giới biến hóa, thân phát ra nước lửa, có thể nghiền nát Hằng hà sa v.v... thế giới, khiến chúng như vi trần. Lại có thể hợp trở lại, có thể trụ. Thọ mạng vô lượng số kiếp có thể rút ngắn lại. Từ rút ngắn có thể khiến dài ra, có thể trụ nơi vô lượng thời gian. Biến hóa tùy ý, là có thể dùng một niệm đi đến vô lượng vô biên Hằng hà sa v.v... thế giới, có thể dùng thân đứng thẳng tới cõi Phạm thiên. Lại có thể biến hóa vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thế giới, đều khiến thành vàng, hoặc khiến thành bạc, lưu ly, san hô, xa cừ, mã não v.v... Nói tóm lại là có thể biến ra vô lượng vật báu theo ý mình muốn.

Lại nữa, có thể biến nước trong biển cả của Hằng hà sa v.v... thế giới đều khiến là sữa, tô, dầu, lạc, mật tùy ý mà thành.

Lại nữa, có thể dùng một niệm biến hóa các núi đều là vàng ròng, số lượng không thể tính đếm, kể xiết.

Lại nữa, có thể làm chấn động tất cả cung điện của chư Thiên nơi cõi Dục, cõi Sắc trong vô lượng vô biên thế giới. Lại nữa, dùng một niệm có thể khiến cho tất cả sắc vàng ròng tỏa sáng chiếu cùng khắp vô lượng thế giới như vậy. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ánh sáng nơi các cung điện của chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều khiến không hiện. Tuy nhập diệt, nhưng sau đấy có thể tùy ý ở lâu bên cạnh các thế giới nhiều như vậy, khiến thần lực lưu hành khắp không đoạn dứt.

Nghe âm thanh tự tại: Là chư Phật luôn tùy ý tự tại trong việc nghe nhận âm thanh. Hoặc nghe được vô lượng trăm ngàn vạn ức âm thanh kỹ nhạc cùng lúc trở lên. Hoặc nghe tiếng nói cùng lúc phát ra

của vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh. Hoặc xa hoặc gần tùy ý đều có thể nghe hết.

Giả như khiến chúng sinh hiện có trong Hằng hà sa v.v... tam thiên đại thiên thế giới, đem trăm ngàn vạn ức từng ấy thứ kỹ nhạc, cùng lúc trỗi lên âm lượng lan khắp thế giới. Lại có chúng sinh trong Hằng hà sa v.v... thế giới, cùng lúc dùng Phạm âm vang truyền khắp thế giới. Chư Phật nếu muốn ở đó nghe một thứ âm thanh, thì tùy ý nghe được. Người khác thì không thể nghe.

Phạm vi nghe được của hàng Thanh văn, nếu có người dùng thần lực lớn ngăn cản thì họ không thể nghe được. Còn phạm vi nghe được âm thanh của chư Phật thì vẫn có thể nghe như thường, tuy có người dùng thần lực lớn làm chướng ngại.

Thanh văn có thể nghe âm thanh trong ngàn cõi nước. Còn chư Phật - Thế Tôn thì nghe được âm thanh vượt quá vô lượng vô biên thế giới, cho đến âm thanh hết sức nhỏ cũng nghe được.

Đại thần lực nơi Thanh văn trụ ở thế giới Phạm thiên, phát ra âm thanh lớn có thể vang đến khắp trong ngàn cõi nước. Còn chư Phật - Thế Tôn, hoặc trụ ở cõi này, hoặc trụ ở thế giới Phạm thiên, hay trụ nơi xứ khác, âm thanh phát ra vang truyền khắp vô lượng vô biên thế giới.

Nếu muốn khiến chúng sinh nghe được âm thanh rất nhỏ nơi vượt quá vô lượng vô biên thế giới, Phật đều có thể khiến họ nghe được. Muốn khiến không nghe tức liền không được nghe. Thế nên, chỉ có chư Phật mới được diệu lực tự tại trong việc nghe nhận âm thanh.

Vô lượng trí lực nhận biết tâm người khác: Là chư Phật - Thế Tôn đều nhận biết hết tâm của chúng sinh hiện tại trong vô lượng vô biên thế giới. Người khác chỉ tùy theo danh tướng nên biết. Chư Phật chỉ lấy nghĩa của danh tướng nên biết.

Lại nữa, người khác không có khả năng biết được tâm của các chúng sinh ở cõi Vô sắc. Chư Phật thì có thể biết rõ. Người khác tuy có trí nhận biết tâm người khác, nhưng nếu bị thế lực lớn ngăn cản thì không thể biết được. Giả như hết thầy chúng sinh đều thành tựu tha tâm thông, đều như các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Phật-bích-chi v.v... dùng thần lực của mình ngăn cản tâm một người, không khiến biết tâm kẻ khác, nhưng Phật thì có thể phá trừ thần lực ấy để nhận biết tâm các chúng sinh.

Lại nữa, chư Phật dùng thần lực đều biết hết thầy tâm của chúng sinh hạng trên, vừa, dưới, tâm tịnh, tâm cấu. Lại biết các tâm đều có đối tượng duyên, từ duyên này đến duyên khác, thứ lớp đều biết khắp tất cả các duyên. Lại do thật tướng nên biết tâm chúng sinh. Vì thế chư Phật dùng vô lượng diệu lực để nhận biết tâm người khác.

Điều phục tâm Ba-la-mật bậc nhất: Là chư Phật khéo nhận biết các thiền định, Tam-muội giải thoát, khi trụ, nhập, khởi. Chư Phật nếu nhập định hay không nhập định đều muốn buộc giữ tâm trong một duyên, tùy ý ở lâu bên cạnh thì có thể trụ như ý. Từ trong duyên này lại trụ nơi duyên khác, tùy ý đều có thể trụ. Hoặc Phật trụ nơi tâm bình thường, không muốn cho người khác biết, thì không ai có thể nhận biết được.

Giả sử tất cả chúng sinh đều có trí nhận biết được tâm của người khác, như Đại Phạm vương, như Đại Thanh văn, Phật-bích-chi đã thành tựu trí tuệ, biết được tâm của người khác. Nếu đem hết các trí này dồn cho một người, người này muốn biết tâm bình thường của Phật, nhưng nếu Phật không cho thì cũng không thể biết.

Như trong Kinh Thất Phương Tiện nói: Hành giả khéo nhận biết tướng định, khéo nhận biết tướng định trụ, khéo nhận biết tướng định khởi, khéo nhận biết tướng định an ổn, khéo nhận biết tướng

định hành xử, khéo nhận biết tướng định sinh, khéo nhận biết các pháp thích nghi với định, các pháp không thích nghi với định. Đó gọi là chư Phật điều phục tâm Ba-la-mật bậc nhất.

Chư Phật thường an trụ trong hạnh an tuệ: Nghĩa là trí tuệ an trụ của chư Phật luôn không động, niệm thường tại tâm. Vì sao? Vì trước nhận biết, sau sinh hành trì, tùy ý trụ trong đối tượng duyên nên hành không trở ngại. Do đoạn dứt hết thủy phiền não, do đã vượt qua tánh động. Như Phật bảo Tôn giả A-nan: “Phật ngay nơi đêm Phật chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, là đã đối với tất cả thế gian, so với Thiên ma, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, do đã diệt hết nẻo khổ, giáo hóa đầy đủ, nên muốn nhập Niết-bàn vô dư”. Trong khoảng thời gian ấy, Phật đối với các thọ đều nhận biết chúng khởi, chúng trụ, chúng sinh, chúng diệt. Đối với các tướng, các xúc, các giác, các niệm, Phật cũng đều nhận biết chúng khởi, chúng trụ, chúng sinh, chúng diệt. Trong bảy năm, suốt đêm ngày, ma ác không ngừng theo đuổi Phật, nhưng chúng không tìm được khuyết điểm của Phật, chúng luôn thấy ý niệm của Phật, luôn gắn liền nơi niệm an tuệ. Đó gọi là chư Phật thường trụ trong hạnh an tuệ.

Đối với pháp không quên mất: Là chư Phật đã được pháp không thoái chuyển, đã thông đạt năm tạng pháp, được pháp vô thượng, vì vậy chư Phật thường không quên mất. Từ khi chư Phật chứng đạo bên cội cây Bồ-đề, cho đến khi nhập Niết-bàn vô dư, hoặc Thiên ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng Thánh nhân khác đều không thể khiến Phật quên mất pháp.

Như trong Kinh Pháp Ấn nói: “Những gì Phật chứng đắc ở đạo tràng, đó gọi là chứng đắc thật, lại không có pháp nào hơn”.

Như trong Kinh Y Mao Thụ nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu người nói lời chân thật, cho là có người có thể đối với pháp không quên mất, thì nên nói người đó chính là Ta”. Vì sao? Vì Ta

là người duy nhất không quên mất. Đó gọi là chư Phật đối với pháp không quên mất.

Tam-muội Kim cang: Là Tam-muội Kim cang của chư Phật, Thế Tôn, là pháp bất cộng, không gì có thể hủy hoại được, nơi tất cả xứ đều không có chướng ngại. Do đạt được Chánh Biến Tri, do phá trừ hết thảy pháp chướng ngại. Do cùng thân thân tóm xuyên suốt. Do có được sức mạnh của công đức lợi ích. Do trong các thiền định là tối thượng, nên không người nào có thể hoại. Thế nên gọi là Tam-muội Kim cang. Như kim cương báu, không vật nào có thể hủy hoại được. Tam-muội này cũng như vậy, không pháp nào có thể hủy hoại được. Vì vậy gọi là Tam-muội Kim cang.

Hỏi: Do đâu không thể hủy hoại được?

Đáp: Vì nơi tất cả xứ không có gì cản trở được. Như Kim cang của trời Đế Thích, không có nơi chốn ngăn ngại, Tam-muội này cũng như vậy.

Hỏi: Tam-muội Kim cang này do đâu gọi là tất cả xứ không bị ngăn ngại?

Đáp: Vì nó thông đạt đúng về hết thảy các pháp. Chư Phật trụ trong Tam-muội này, đều có thể thông đạt hết quá khứ, hiện tại, vị lai. Do các pháp được gồm thâu trong năm tạng này là không thể nói, vượt khỏi ba đời, cho nên gọi là tất cả xứ không bị chướng ngại. Nếu chư Phật trụ trong Tam-muội này, đối với các pháp hiện có, nếu không thông đạt thì gọi là có chướng ngại. Nhưng thật không phải vậy, thế nên gọi là vô ngại.

Hỏi: Vì sao Tam-muội này thông đạt tất cả các pháp?

Đáp: Vì Tam-muội này có khả năng trừ bỏ tất cả pháp chướng ngại. Đó là những chướng ngại của phiền não, của định, của trí. Do có thể trừ bỏ hết thảy các chướng ngại, nên gọi là có khả năng thông đạt tất cả các pháp.

Hỏi: Tam-muội này do đâu có khả năng loại trừ hết thầy các chướng ngại, các Tam-muội khác thì không thể?

Đáp: Do Tam-muội này khéo cùng xuyên suốt hai pháp, có khả năng hủy hoại các núi phiền não, khiến chúng hoàn toàn diệt hết. Do nó thông đạt đúng khắp tất cả pháp. Do khéo đạt được tâm giải thoát không hư hoại, thế nên Tam-muội này có khả năng loại trừ hết thầy chướng ngại.

Hỏi: Tam-muội này do đâu cũng xuyên suốt hai pháp?

Đáp: Do trụ trong Tam-muội này thì được diệu lực, có thể đạt được hết thầy các công đức, còn các Tam-muội khác thì không có được diệu lực như thế. Vì vậy, Tam-muội này có khả năng cùng xuyên suốt.

Hỏi: Vì sao trụ nơi Tam-muội này thì có được diệu lực, có khả năng đạt được tất cả các công đức?

Đáp: Do Tam-muội này là bậc nhất, là hơn hết trong tất cả các định. Thế nên, trụ trong Tam-muội này có thể đạt được các công đức.

Hỏi: Vì sao Tam-muội này là bậc nhất, là hơn hết trong tất cả các định?

Đáp: Vì Tam-muội này được tạo thành do vô lượng vô biên căn thiện, nên nó là bậc nhất, là hơn hết trong tất cả các định.

Hỏi: Vì sao Tam-muội này được tạo thành do vô lượng vô biên căn thiện?

Đáp: Tam-muội này chỉ người Nhất thiết trí mới có, những người khác thì không có. Vì thế gọi là Tam-muội Kim cang.

Phẩm 22: VẤN NẠN VỀ NGƯỜI NHẤT THIẾT TRÍ TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG, phần 1

Hỏi: Ông nói: Tam-muội Kim cang này chỉ người Nhất thiết trí có, những người khác thì không. Nếu Tam muội này chỉ người Nhất thiết trí mới có, người khác không có, tức không có Tam-muội này. Vì sao? Vì không có người Nhất thiết trí. Vì sao? Vì pháp được nhận biết thì vô lượng vô biên, nhưng trí tuệ thì có hạn lượng, có biên vực. Do trí tuệ này có hạn lượng, có biên vực, nên nó không thể biết được vô lượng sự việc. Như hiện nay, nơi châu Diêm-phù-đề, các loài chúng sinh dưới nước, trên đất liền đã vượt quá những sự tính toán. Ba loại chúng sinh ấy, hoặc nam, hoặc nữ, phi nam, phi nữ, ở trong thai, rồi là hài nhi, thiếu niên, tráng niên, già yếu. Nào các pháp khổ vui, các pháp tâm, tâm số, trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Nào nghiệp thiện, ác đã tích tập, đang tích tập, sẽ tích tập. Nào quả báo đã thọ nhận, đang thọ nhận, sẽ thọ nhận, nào vạn vật sinh diệt.

Lại, cũng trong châu Diêm-phù-đề này, nào những núi non, sông suối, ao hồ, cỏ cây, rừng rậm, gốc rễ, cành lá, hoa trái, những thứ có thể nhận biết là không có bờ bến. Còn ba châu thiên hạ khác cũng như vậy. Như nơi bốn châu thiên hạ muôn vật trong Tam thiên đại thiên thế giới đều cũng như thế. Như muôn vật trong Tam thiên đại thiên thế giới, muôn vật có thể nhận biết trong hết thủy thế giới cũng như vậy. Chỉ mới số lượng ở thế gian này, đã là vô lượng vô biên, khó có thể nhận biết cho hết, huống chi là các châu Diêm-phù-đề trong các thế gian khác, nào chúng sinh, nào phi chúng sinh, nào các vật. Do nhân duyên ấy nên biết, vật có thể nhận biết là vô lượng vô biên.

Không có người Nhất thiết trí, vì nếu cho trí tuệ có năng lực lớn, ở trong pháp được nhận biết không bị chướng ngại, nên nhận biết khắp tất cả các vật có thể nhận biết. Do pháp như hư không hiện

bày khắp trong tất cả pháp, do đó nên có người Nhất thiết trí, thì điều ấy không đúng. Nếu có trí với đại lực có thể như thế thì đại trí ấy không thể tự biết mình. Như nơi đầu ngón tay không thể tự xúc chạm. Do đây không có Nhất thiết trí. Nếu bảo lại có thứ trí, có khả năng tự biết trí ấy, thì cũng không đúng. Vì sao? Vì có cái vô cùng vượt hơn nó, nên trí ấy do tự biết hay do người khác mà biết, cả hai đều không đúng. Nếu trí ấy có vô lượng lực, nhưng do không tự nhận biết, nên không được nói là có vô lượng lực. Do vậy, không người nào có trí có thể nhận biết hết thấy pháp. Vì không có trí nhận biết hết thấy các pháp nên không có người Nhất thiết trí. Vì sao? Vì người Nhất thiết trí là do có trí nhận biết được tất cả các pháp.

Lại nữa, các pháp nơi đối tượng nhận thức là vô lượng vô biên, nếu hòa hợp hết thấy trăm ngàn vạn ức người trí lại hãy còn không thể biết hết, huống gì là một người. Thế nên, không một người có thể nhận biết tất cả các pháp, tức là không có Nhất thiết trí. Nếu cho không do nhận biết khắp về tất cả núi sông, chúng sinh, phi chúng sinh, nên gọi là người Nhất thiết trí. Chỉ là do nhận biết hết thấy kinh sách, nên gọi là người Nhất thiết trí, thì cũng không đúng. Vì sao? Vì trong pháp Phật không nói đến nghĩa của các kinh sách như Vệ-đà v.v... Nếu Phật là người Nhất thiết trí, thì phải dùng nghĩa của các kinh sách như Vệ-đà v.v..., nhưng thật sự thì Phật không dùng. Thế nên Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, bốn bộ kinh Vệ-đà-la là có lượng, có giới hạn, đời nay hãy còn không người có thể nhận biết hết, huống chi là có người nhận biết hết thấy các kinh sách. Vì vậy không có người Nhất thiết trí.

Lại nữa, có kinh sách có thể tăng trưởng tham dục, ca vũ, âm nhạc v.v... Nếu người Nhất thiết trí nhận biết sự việc này, tức có tham dục, do kinh sách này là nhân duyên của tham dục. Nếu có nhân tất có quả. Nếu người Nhất thiết trí không nhận biết sự việc này thì không gọi là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, có các kinh sách giúp sức cho giận dữ, cho vui thích, lừa dối con người. Đó là các thứ sách vở cai trị thế gian v.v... Nếu nhận biết những sự việc ấy tức có giận dữ. Vì sao? Vì có nhân ắt có quả. Nếu không nhận biết thì không gọi là Nhất thiết trí. Cho nên biết là không có người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật không hẳn đã biết hết sự việc của đời vị lai. Ví như nay tôi vẫn nạn về người Nhất thiết trí: Phật không có kinh sách nào dự ký: Người này, dòng họ như thế, gia đình như thế, ở xứ nọ, đem những sự việc như thế vẫn nạn người Nhất thiết trí. Nếu cho Phật nhận biết hết thầy, thì vì sao không thấy nói đến việc này? Nếu cho là trong kinh có nói, thì trong kinh nên có nhưng không thấy nói đến việc này. Thế nên biết Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, nếu Phật biết hết sự việc của đời vị lai, thì phải nên dự tri là: Điều-đạt xuất gia sẽ phá hoại Tăng. Nếu nhận biết thì không nên cho phép xuất gia.

Lại nữa, Phật không biết ông ta đặt bẫy cây xô đá, nếu Phật dự tri thì không nên đi kinh hành nơi đó.

Lại nữa, Phật không biết con gái của Bà-la-môn Chiên-già đem chuyện dâm dục hủy báng Phật. Nếu Phật biết trước thì nên nói cho các Tỳ-kheo biết về sau sẽ có sự việc ấy.

Lại nữa, có Phạm chí ghét Phật, nên ở nơi xứ khác đã giết chết cô Tôn-đà-la rồi lén đem chôn ở bờ hào Tinh xá Kỳ Hoàn. Phật không biết việc này. Nếu biết trước, Phật nên đến chỗ của Phạm chí để cứu mạng cô gái ấy. Ngay như Điều-đạt xô đá hại Phật, Phật cũng không biết trước, nói chi đến các việc con gái của Bà-la-môn hay con gái của Phạm chí. Do không biết nên biết Phật không biết hết các việc xảy ra trong vị lai. Vì vậy Ngài không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật vào thôn xóm của Bà-la-môn khát thực, rồi ra về bát không. Phật không thể biết trước việc lúc ma nhập khiến tâm

người biên đời, cho đến không có được một bữa ăn. Nếu biết trước như vậy, thì Phật không nên vào khát thực nơi thôn xóm Bà-la-môn ấy. Do đó, biết Phật không biết hết sự việc đời vị lai.

Lại nữa, vua A-xà-thế định hại Phật nên đem voi Thủ Tài cho uống rượu say rồi thả ra. Vì không biết nên Phật vào thành Vương-xá khát thực. Nếu biết trước thì không nên vào thành. Như vậy, Phật không biết các sự việc sẽ xảy ra. Do không biết trước các việc sẽ xảy ra, nên Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, do không biết nhân duyên thỉnh Phật của Ác-niết-đạt-đa, nên Phật đã dẫn các Tỷ-kheo đến nước Vĩ-la-xà. Vị Bà-la-môn này quên mất chuyện trước đã thỉnh Phật ấy, nên không nhớ việc cúng dường, khiến Phật phải ăn lúa ngựa. Nếu biết trước chuyện ấy, thì Phật không nên nhận lời thỉnh để phải chịu cảnh ăn lúa ngựa trong ba tháng. Vì thế, nên biết Phật không biết hết sự việc xảy ra ở vị lai. Do không biết trước sự việc sẽ xảy ra, nên Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật nhận Tu-niết-xoa-đa-la làm đệ tử, tức là không biết sự việc xảy ra nơi vị lai. Ông này có tâm ác, cố chấp, khó giáo hóa, không tin lời Phật. Nếu biết trước thì sao còn nhận ông ấy làm đệ tử? Nhận ông ta làm đệ tử là do không biết sự việc xảy ra ở vị lai. Do không biết trước việc sẽ xảy ra, nên Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, nếu Phật là người Nhất thiết trí tức nên phòng trước, che chở người chưa phạm tội, kiết giới cho họ. Do trước kia, không biết nhân duyên kiết giới, do đã có người phạm tội, nên sau mới kiết giới, tức không biết sự việc xảy ra nơi vị lai. Vì không biết trước sự việc sẽ xảy ra, nên Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, pháp Phật chỉ lấy người có số tuổi xuất gia, thọ giới đặt lên vị Thượng tọa để cung kính lễ bái, không lấy tuổi già, dòng dõi

tôn quý, các nhà có công đức, trí tuệ, học rộng, thiên định, quả đoạn, thần thông làm lớn. Nếu là người Nhất thiết trí, nên chọn người cao tuổi, quý tộc, các nhà có công đức, trí tuệ, học rộng, thiên định, quả đoạn, thần thông làm lớn để cung kính cúng dường. Nếu làm như vậy gọi là khéo chế định.

Số tuổi: Là số tuổi thọ giới, như Đạo nhân năm tuổi lạy người sáu tuổi.

Quý tộc: Là thế gian có bốn loại chúng sinh: Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la. Thủ-đà-la nên cung kính Tỳ-xá, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn. Tỳ-xá nên cung kính Sát-đế-lợi, Bà-la-môn. Sát-đế-lợi nên cung kính Bà-la-môn.

Các nhà có công đức: Là những nhà buôn bán, chuyên nghề, cư sĩ, trưởng giả, đại thần, vua v.v... Trong các nhà này, thì nhà nhỏ phải cung kính nhà lớn. Do đó, nên người xuất gia từ dòng họ thấp kém phải cung kính người xuất gia từ dòng họ cao quý. Người có công đức nhưng hủy giới thì phải cung kính lễ bái người trì giới. Người giữ giới không nên lạy người phá giới. Người không hành trì mười hai hạnh Đầu-đà nên lễ bái người hành mười hai hạnh Đầu-đà. Người không tu đầy đủ hạnh Đầu-đà nên lễ bái người tu đầy đủ hạnh Đầu-đà.

Trí tuệ: Người không có trí tuệ nên lễ kính người có trí tuệ. *Học rộng:* Người thiếu hiểu biết nên lễ kính người học rộng. *Thiên định:* Người không đọc tụng nhiều nên lễ kính người đọc tụng nhiều.

Quả vị: Người Tu-đà-hoàn nên lễ kính người Tư-đà-hàm. Cứ thế lần lượt nên lễ kính bậc A-la-hán. Hết thấy người phạm phụ nên lễ kính người chứng quả. *Đoạn trừ:* Là người đoạn trừ kiết sử được phần ít, người chưa đoạn trừ kiết sử nên lễ kính người đoạn trừ nhiều kiết sử. *Thần thông:* Người chưa có đủ thần thông nên lễ kính người có đầy đủ thần thông.

Nếu là Phật thì cũng phải theo thứ lớp như thế. Đó là cách khéo nói về pháp cung kính, cúng dường. Những điều này đã nói ở trên, nhưng thật sự thì không như vậy. Do đó, nên biết Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật hãy còn không nhận biết được sự việc xảy ra trong hiện tại. Nếu ông hỏi tôi làm sao biết Phật không nhận biết việc xảy ra trong hiện tại, nay tôi sẽ nói đến. Trong chúng sinh, có người kiết sử mỏng, có người không nghiệp chướng, có người lia tám nạn, có người đủ năng lực hành trì pháp sâu xa, có người có khả năng thành tựu chánh pháp, nhưng Phật không biết. Phật thành đạo rồi, định nói pháp lần đầu, sinh nghi như vậy: “Pháp Ta chứng đắc thật là thâm diệu, cao xa, nhiệm mầu, vắng lặng, khó biết, khó hiểu, chỉ người trí có thể dùng nội tâm để nhận biết. Chúng sinh nơi thế gian tham đắm việc đời. Như thế, ở đây, việc khó thấy thứ nhất là thấy rõ người nào đoạn trừ hết phiền não, diệt ái, chán lia sinh tử. Nếu Ta giảng nói pháp, chúng sinh không nhận hiểu, thì thật là uổng phí công sức”. Khởi những nghi như vậy, là Phật đã không nhận biết thật sự có các chúng sinh kiết sử mỏng, có người không có nghiệp chướng, có người lia khỏi tám nạn, có người có thể hành trì pháp thâm diệu, có người có khả năng thành tựu chánh pháp. Do không biết những chúng sinh như thế, vậy nên biết Phật không nhận biết sự việc trong hiện tại.

Lại nữa, Phật nghĩ như vậy: “Xưa, Ta tu khổ hạnh, năm Tỳ-kheo cúng dường, hầu hạ giúp đỡ Ta, nên họ phải được lợi ích trước hết, nhưng hiện tại họ đang ở đâu?”. Phật nghĩ vậy rồi, khi ấy, có vị Trì thưa: “Hiện nay năm người ấy đang ở trong vườn Lộc Dã xứ Ba-la-nại”. Do vậy, nên biết Phật không nhận biết sự việc trong hiện tại, tức không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, sau khi chứng đạo, nhận lời thuyết pháp, Phật nghĩ như vậy: Ta nay giảng nói pháp, ai là người nên nghe đầu tiên? Rồi

Ngài mới nghĩ: Uất-đầu-lam-phất, ông này có trí nhạy bén, dễ có thể khai ngộ. Lúc này, ông Uất-đầu-lam-phất đã qua đời, nhưng Phật mới tính chuyện đi đến trụ xứ của ông ta. Khi ấy, vị Trời thưa: Ông ấy đã mất hồi đêm qua. Phật lại suy nghĩ, đổi ý, muốn hóa độ ông A-la-la, thì Thiên thần lại thưa: Ông ta đã qua đời được bảy ngày rồi. Nếu là người Nhất thiết trí, Phật tất phải biết những vị này đã qua đời rồi. Nhưng thật ra thì Phật không nhận biết, do không nhận biết sự việc đã xảy ra, nên không gọi là người Nhất thiết trí. Pháp của người Nhất thiết trí là ai đáng độ thì độ, không đặt theo quy tắc nào.

Lại nữa, có nhiều chỗ Phật nói lời nghi ngờ, như khi đến thành Ba-liên-phất, Phật nói thành này sẽ tan hoang do ba nhân duyên là lụt lội, hỏa hoạn, người bên trong mưu kết với kẻ địch bên ngoài. Nếu là người Nhất thiết trí thì Phật không nên có những lời nghi hoặc ấy. Thế nên biết Phật không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật hỏi những sự việc như: Các Tỳ-kheo hội họp nơi đây, đang luôn bàn về những chuyện gì? Nếu là người Nhất thiết trí thì không nên hỏi các việc như vậy. Do phải hỏi người khác mới biết, nên không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, Phật tự khen ngợi mình, hủy báng người khác. Như trong kinh nói: Phật bảo: Đây A-nan! Chỉ có Ta là người bậc nhất, không ai có thể so sánh ngang hàng được. Phật bảo các Tỳ-kheo: Ni-kiền-tử là những người xấu xa, tồi tệ, do họ sống theo năm pháp tà, họ là những người không có tâm tin, không biết hổ thẹn, ít hiểu biết, biếng nhác, ít suy nghĩ, trí tuệ mỏng. Lại, Phật còn nói những chuyện không đáng gì của các đệ tử ngoại đạo, Phạm chí, Ni-kiền-tử. Nếu tự khen ngợi mình, chê bai người khác, thì người thế gian hãy còn hổ thẹn, huống chi là người Nhất thiết trí! Do sự việc ấy nên không phải là người Nhất thiết trí.

Lại nữa, kinh Phật phần đầu và cuối nhiều khi lại trái nhau. Như trong kinh nói: Đây các Tỳ-kheo! Ta mới thành đạo v.v..., rồi lại nói:

Ta đã đắc đạo từ ngàn xưa nơi chư Phật. Người có trí, ở thế gian hãy còn biết lia bỏ sự trái nhau giữa trước và sau, huống chi là người Nhất thiết trí xuất gia lại có những trái ngược. Trước sau mâu thuẫn nhau, nên biết đó không phải là người Nhất thiết trí.

Do vậy, ông bảo chỉ có người Nhất thiết trí mới đạt được Tam-muội Kim cang, sự việc ấy là không đúng. Do không có người Nhất thiết trí nên Tam-muội của Nhất thiết trí cũng không thành.

Đáp: Ông không nên nói như vậy. Phật thật sự là người Nhất thiết trí. Vì sao? Vì nói về tất cả pháp tức có năm tạng pháp là pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp ra khỏi ba đời, và pháp không thể nói. Chỉ duy Phật là người nhận biết khắp, đúng như thật về các pháp ấy.

Còn ở trước, ông nêu vấn nạn về pháp của đối tượng được nhận biết là vô lượng vô biên, cho nên không có người Nhất thiết trí. Nay tôi sẽ đáp: Nếu pháp của đối tượng được nhận biết là vô lượng vô biên, thì trí cũng là vô lượng vô biên. Dùng trí vô lượng vô biên để nhận biết pháp vô lượng vô biên thì không có lỗi.

Nếu cho sự nhận biết ấy cũng nên dùng trí để nhận biết, thì phạm lỗi vô cùng. Nay tôi sẽ đáp: Pháp nên dùng trí để nhận biết. Trí như người đời nói: Ta là người trí, ta là người không có trí, ta là người trí thô thiển, ta là người trí tinh tế. Vì nhân duyên đó nên dùng trí nhận biết về trí thì không phạm lỗi vô cùng. Như dùng trí hiện tại nhận biết trí quá khứ tức là biết hết tất cả pháp, không còn sót.

Lại nữa, như người đếm được mười điều thông suốt trên thân kẻ khác, thì sự nhận biết cũng vậy, mình biết mình cũng biết cả người khác tức không có lỗi, như đèn sáng thì sáng cho nó và sáng cho người khác.

Như ông nói là hòa hợp hết trí hiểu biết của cả trăm ngàn vạn ức người hãy còn không thể biết hết tất cả các pháp, huống gì là

một người làm sao nhận biết cho hết? Chuyện đó không phải như vậy. Vì sao? Vì một người có trí tuệ thì có khả năng biết hết mọi chuyện. Còn tuy có rất nhiều người nhưng đều không có trí tuệ, thì họ không biết được điều gì, như có trăm ngàn người mù thì họ vẫn không thể chỉ được đường cho ai. Trong khi đó, chỉ cần một người có mắt sáng thì cũng đủ làm bậc thầy dẫn đường. Cho nên ông dùng một người để làm vấn nạn đối với nhiều người có trí khác, nhưng dù có trí, họ vẫn là không có trí đối với Phật. Cho nên việc ông nêu ra là không đúng.

Ông bảo Phật không nói đến các thứ ngoại điển như kinh Vệ-đà v.v... nên Ngài không phải là người Nhất thiết trí. Nay tôi đáp: Trong Vệ-đà, không có pháp tịch diệt thiện, chỉ có vô số các sự việc hý luận. Trong khi đó, những pháp do chư Phật giảng nói đều là pháp tịch diệt thiện cả.

Đức Phật tuy nhận biết các kinh như Vệ-đà v.v... nhưng vì chúng không thể khiến người đạt được pháp tịch diệt thiện cho nên Phật không nói tới.

Hỏi: Trong Vệ-đà cũng nói đến tịch diệt thiện, giải thoát: Thuở xưa, thế gian này u ám, không có gì cả. Rồi đầu tiên có một người to lớn xuất hiện, như vàng mặt trời. Nếu có người trông thấy vị ấy thì được qua khỏi nạn chết chóc. Ngoài ra, lại có đạo khác nói: Thân người nhỏ là thần nhỏ. Thân người lớn là thần lớn. Thân này là nhà ở của thần, thần luôn ngự trong ấy. Nếu dùng trí tuệ cởi mở sự trói buộc của thần ấy thì được giải thoát. Do vậy, nên biết trong Vệ-đà có nói đến tịch diệt giải thoát?

Đáp: Không có chuyện ấy. Vì sao? Vì trong kinh Vệ-đà có bốn thứ điên đảo là: Thế gian này là vô thường mà cho là riêng có thế gian thường. Như nói một người làm đền thờ trời thì sụp đổ, làm lại lần nữa cũng sụp đổ, nhưng làm ba lần thì không sụp. Đó gọi là điên đảo, vì trong vô thường mà bảo là thường.

Thế gian này khổ mà bảo là có nơi chốn luôn vui sướng. Đó gọi là điên đảo, vì trong khổ mà cho là vui.

Lại bảo ngã là thần, chuyển làm con, mong sống lâu trăm tuổi. Con là thân khác sao nói là ngã. Đó gọi là điên đảo, vì trong vô ngã mà cho là ngã.

Lại bảo thân này là thanh tịnh bậc nhất không gì bằng. Vàng bạc châu báu cũng không quý bằng thân này. Đó gọi là điên đảo, vì trong bất tịnh mà cho là tịnh.

Điên đảo nên không thật. Đã không thật thì làm sao có tịch diệt? Do vậy, trong Vệ-đà không có pháp tịch diệt thiện.

Hỏi: Trong Vệ-đà nói: Nếu người có thể nhận biết Vệ-đà sẽ được thanh tịnh, yên ổn. Vì sao lại nói là không có pháp tịch diệt thiện?

Đáp: Nên nhận biết là trong Vệ-đà tuy có nói đến an ổn, nhưng đó không phải là giải thoát rốt cùng. Do ở trong thân khác mà khởi tưởng giải thoát. Cũng như nói nhân sinh lên cõi trời Trường Thọ nên nói là giải thoát. Thế nên, trong Vệ-đà thật sự không có giải thoát.

Lại nữa, trong Vệ-đà nói gọn là có ba nghĩa:

1. Chú nguyện.
2. Xung tán.
3. Phép tắc.

Chú nguyện: Là cầu mong cho mình có được vợ con, bò ngựa, vàng bạc, châu báu.

Xung tán: Là thần lửa của ông, đầu đen, cổ đỏ, mình vàng thường ở trong năm đại của chúng sinh.

Phép tắc: Là chỉ rõ việc này nên làm, việc kia không nên làm.

Như đầu tiên nhận pháp thờ lửa từ sao mả, nhưng thật sự là pháp chú nguyện, xung tán, tức không có tịch diệt giải thoát. Vì

sao? Vì toàn là tham vướng vào hoan lạc của thế gian. Rõ ràng chú nguyện cho sống lại, không phải là trí tuệ chân thật. Không đoạn trừ phiền não, sao có giải thoát?

Hỏi: Pháp Vô-đà là bậc nhất, do đã có từ xa xưa, có thể tin được. Ông bảo không có pháp tịch diệt thiện cho nên không đáng để tin? Điều đó không đúng. Vì sao? Vì pháp Phật chỉ mới ra đời gần đây, còn Vô-đà từ lâu đã có mặt trên đời này. Do vậy, pháp xưa mới đáng tin, còn pháp mới đây là không đáng tin. Ông bảo trong Vô-đà không có pháp tịch diệt thiện, điều ấy không đúng.

Đáp: Về thời gian thì không đáng tin. Vô minh xuất hiện trước, chánh trí xuất hiện sau. Tà kiến ra đời trước, chánh kiến ra đời sau. Không thể cho vô minh, tà kiến xuất hiện trước, nên đáng tin. Còn chánh trí, chánh kiến xuất hiện sau, nên không đáng tin. Như trước có bùn nhớp, sau có hoa sen thơm. Trước có bệnh, sau có thuốc hay. Như vậy, không thể cho cái xuất hiện trước là quý. Do vậy, Vô-đà xuất hiện trước, pháp Phật xuất hiện sau, mà bảo là pháp Phật không đáng tin, việc đó không đúng. Lại nữa, chư Phật như Phật Định Quang v.v... đã ra đời trước, từ thuở xa xưa, pháp của Ngài đã ra đời từ xưa, còn Vô-đà thì xuất hiện sau này. Nếu ông cho cái gì xa xưa mới là quý thì chư Phật và pháp của chư Phật mới là quý.

Hỏi: Vô-đà do không thể tạo pháp tịch diệt thiện, thế nên trong pháp Phật không nói tới. Nếu Phật nhận biết trong Vô-đà đã không thể tạo được tịch diệt, nên không cần nhận biết làm gì. Nếu không nhận biết thì Ngài không phải là người Nhất thiết trí. Cả hai trường hợp đều phạm lỗi.

Đáp: Ông nói như thế là không đúng. Trước, Phật đã biết trong Vô-đà không có pháp tịch diệt thiện, nên Ngài đã không nói tới, cũng không tu hành theo.

Hỏi: Nếu Đức Phật nhận biết Vô-đà không đem lại lợi ích, nên không nói tới, không tu tập, thì biết để làm gì?

Đáp: Người đại trí tất phải nên phân biệt rõ đâu là đạo chánh, đâu là đạo tà. Muốn khiến cho vô lượng chúng sinh vượt qua đường hiểm ác nên phải hành nơi đạo chánh. Ví như người dẫn đường khéo thì phân biệt được đâu là đường quanh, đâu là đường thẳng, Phật cũng như vậy. Chính Ngài đã ra khỏi đường hiểm của sinh, già, bệnh, chết, cũng lại muốn khiến cho chúng sinh đều ra khỏi nơi đó. Ngài khéo nhận biết tám đường Thánh chân chánh, cũng nhận biết rõ về đường tà hiểm như Vệ-đà v.v... Biết lìa khỏi đường tà, đường hiểm, nên theo được đường chánh. Chỉ biết nhưng không nói. Cũng như nông phu gieo trồng lúa, đến mùa gặt thu được cả lúa và cỏ. Phật cũng như vậy. Vì đạo vô thượng nên siêng năng tinh tấn tu tập được đạo Bồ-đề, lại cũng biết các đạo tà khác như Vệ-đà v.v..., cho nên không có lỗi.

Như trước đây ông bảo: Không người nào có khả năng biết trọn bốn bộ Vệ-đà. Vấn nạn đó không đúng. Người thế gian đều có niệm lực, có người mỗi ngày có thể tụng thuộc năm bài kệ. Có người tụng thuộc cả trăm bài, hai trăm bài. Nếu mỗi ngày người nào không tụng thuộc nổi mười bài kệ, mà cho người ấy không tụng thuộc nổi trăm bài kệ hay hơn trăm bài kệ thì lời nói ấy là không thật. Các ông không có khả năng nhận biết hết rồi lại cho là không ai có trí tuệ. Nếu thấy một người không qua sông được, mà nói: Không ai có khả năng qua sông, thì người ấy đã nói không đúng. Vì sao? Vì vẫn còn có người khác có sức mạnh lớn có thể vượt qua sông. Ở đây cũng như vậy. Giả sử những người khác không có khả năng nhận biết hết, còn người Nhất thiết trí nhận biết, thì có lỗi gì?

Lại nữa, Tiên nhân Tỳ-bà tụng đọc thuộc lâu hết Vệ-đà, cũng nên thành Nhất thiết trí. Nếu đã có người tụng thuộc lòng hết Vệ-đà, thì sao nói là không có Nhất thiết trí?

Còn như ông nói: Có kinh sách chỉ phát sinh thêm tham dục, giận dữ, tôi nay sẽ trả lời. Nếu người muốn sống lâu thì phải xa

lìa nhân đưa đến sự chết. Đức Phật cũng như vậy, muốn đoạn trừ hết tham dục, giận dữ của chúng sinh thì phải biết đến nhân duyên của chúng.

Lại nữa, như ông nói: Có thể nhận biết kinh sách phát sinh tham dục, giận dữ, tức có người tham dục, giận dữ. Không có điều đó. Phật tuy nhận biết Vệ-đà là không có lợi, nhưng không làm theo thì không có lỗi. Như người nào đã biết rõ nhân duyên của chết thì không chết. Nếu theo nhân duyên của chết thì phải chết. Việc ở đây cũng vậy. Như ông bảo: Do không biết sự việc xảy ra trong vị lai nên không gọi là người Nhất thiết trí, nay xin đáp: Đây tức không phải là vấn nạn. Chúng ta cũng biết có những vấn nạn về Nhất thiết trí. Như trong kinh nói: “Phật bảo các Tỳ-kheo: Hàng phạm phu không trí thường có ba tướng: Điều không cần suy nghĩ thì lại suy nghĩ. Điều không nên nói thì lại nói. Điều không nên làm thì lại làm”. Như vậy là đều đã nói tổng quát. Các ông là những phạm phu trong đời vị lai, không được lợi gì trong ba trường hợp vừa nói trên, đâu cần phải phân biệt, nói rõ bằng danh từ, tên gọi v.v... Nếu ông bảo Phật biết sẽ gặp nạn mà không dự báo trước, thì điều ấy cũng không hề gì, vì đâu có cần thiết. Trong bốn chúng hiện tại, cũng có người khéo đoạn trừ nghi ngờ vấn nạn. Nay tôi cũng có khả năng phá trừ các vấn nạn đó, đâu cần phải báo trước. Chẳng hạn hôm nay ông hiện trông thấy, trong số các Tỳ-kheo cũng có người có thể phá trừ các luận điểm của Bà-la-môn, thế nên cũng không cần báo trước.

Lại nữa, trước đây tôi cũng có giải đáp nhiều thắc mắc nằm rải rác trong các kinh cho những người không thể hiểu biết đầy đủ về pháp Phật, nên không nhận biết về nơi chốn.

Về việc Phật cho Điều-đạt xuất gia, tôi nay sẽ giải đáp: Ông bảo: Phật cho Điều-đạt xuất gia nên Phật không phải là người Nhất thiết trí, lời nói ấy là không đúng. Điều-đạt xuất gia không phải do Phật hóa độ.

Hỏi: Nếu Điều-đạt xuất gia là do người khác hóa độ thì sao Phật lại đồng ý?

Đáp: Thiện, ác đều có lúc, không hẳn hễ xuất gia là liền ác. Sau khi xuất gia, Điều-đạt cũng có các công đức trì giới, thế nên việc cho Điều-đạt xuất gia không có lỗi. Lại nữa, trong mười hai năm, Điều-đạt trì giới thanh tịnh, đọc tụng sáu vạn pháp tạng. Quả báo này về đương lai chẳng phải là không mà tất có lợi ích. Ông nói Điều-đạt đặt bẫy, xô đá, nay tôi sẽ nói: Do chư Phật đều thành tựu pháp không sát hại, nên hết thầy người thế gian không ai có thể giết hại Phật được.

Hỏi: Nếu thành tựu pháp không sát hại thì vì sao hòn đá lăn tới?

Đáp: Do đó là nghiệp của thân đời trước, Phật đã gieo trồng nghiệp hủy hoại thân, nên nhất định phải nhận quả báo, cũng là chỉ rõ cho chúng sinh biết, nghiệp báo không thể bỏ được, phải hiện nhận lấy, nên Ngài đã tự đến đó.

Ông bảo việc cô Chiên-già, Phật không báo trước, tôi xin giải đáp: Do cô Chiên-già cố ý vu khống Phật, nhưng không hủy hoại được nhân duyên của người Nhất thiết trí. Nếu Phật báo trước: Cô Chiên-già sẽ đến hủy báng Ta, thì cô ấy sẽ không tới. Lại nữa, do đời trước, Phật đã chê bai người khác, nhân duyên của nghiệp tạo tội ấy, nên nay tất phải chịu.

Còn ông nói về trường hợp vì sao Phật không ngăn Tôn-đà-lợi vào Kỳ hoàn, nay tôi giải đáp: Sự việc này cũng không thể hủy hoại nhân duyên của người Nhất thiết trí. Phật không có sức khiến tất cả chúng sinh đều làm người an lạc.

Lại nữa, chư Phật đã lìa xa các thứ tranh tụng, không tự đề cao thân, không chấp vào việc giữ giới, cho nên không ngăn cản.

Lại nữa, nghiệp đời trước của Phật đã thành thực, nên phải chịu vu khống bảy ngày.

Lại nữa, chúng sinh thấy Phật nghe người khác hủy báng mình mà không buồn, được làm sáng tỏ cũng không vui, nên phát tâm nơi đạo vô thượng, phát nguyện như vậy: “Chúng con cũng sẽ đạt được tâm thanh tịnh như vậy”, thế nên không có lỗi.

Ông cũng đã nói việc Phật đi vào xóm làm Bà-la-môn khát thực, phải mang bát không ra về, nên không phải là người Nhất thiết trí. Nay tôi giải đáp: Phật không phải vì chuyện cơm ăn, mà trước hết là quán xét tâm người. Sau khi Ngài vào xóm làng, ma đã chuyển đổi tâm ý con người.

Hỏi: Sự việc này Phật nên biết trước là mình vào xóm làng, ma sẽ làm lòng người thay đổi chăng?

Đáp: Phật cũng biết trước sự việc ấy, nhưng vì tạo lợi ích lớn cho chúng sinh. Hành khát thực đối với chư Phật không phải chỉ có việc nhận thức ăn của người. Vì tạo lợi ích là độ thoát chúng sinh, nên có người đem tâm thanh tịnh tiếp rước, kính lễ, chiêm ngưỡng dung mạo Phật. Ấy đều là những lợi ích lớn nào phải chỉ là việc ăn uống? Dùng vô số cách tạo lợi ích cho chúng sinh nên không phải vào xóm làng là không có lợi ích.

Còn việc ông nói Phật phải đón lấy voi say, nay tôi giải đáp: Tuy biết trước sự việc này, nhưng do nhân duyên nên Phật cứ đến đó. Voi say này đã đến lúc nên được hóa độ. Với lại có thể ngăn cản nghiệp tạo tội làm hại Phật. Lại nữa, thân voi này như núi đen, mọi người đều thấy nó cúi đầu lạy Phật, tức đều khởi tâm cung kính Phật. Do nhân duyên như vậy, nên Phật cứ đến đó.

Lại nữa, Phật hướng tới con voi này, không có lỗi gì, nếu xảy ra việc xấu ông mới đặt câu hỏi ấy.

Ông đã nói sự việc Phật đến xứ Tuy-lan-nhã, là do Phật phải nhận quả báo của nghiệp từ đời trước.

Còn chuyện Phật nhận Tu-niết-xoa-đa-la làm đệ tử, nay tôi giải đáp: Vì thân, miệng, ý nơi thọ mạng của Phật, không cần bảo vệ, do không có gì phải lo sợ, nên Ngài nhận làm đệ tử.

Lại nữa, người này làm đệ tử sẽ được gần Phật, được trông thấy vô số thần lực lớn của Phật, được trông thấy các vua của chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la v.v... đến cúng dường Phật, thỉnh vấn nhiều pháp yếu sâu xa, từ đó tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sẽ được nhân duyên lợi ích. Do vậy, tuy là kẻ ác, Phật vẫn nhận làm đệ tử.

Hỏi: Người này sinh nhiều tâm ác đối với Phật, như thế đáng lẽ không nên nhận làm đệ tử?

Đáp: Nếu không nhận làm đệ tử, người ấy vẫn có tâm ác, thế nên nhận làm đệ tử không có lỗi gì.

Còn ông nói về sự việc trước kia khi chưa tạo tội, vì sao Phật không chế giới? Nay tôi giải đáp: Trước khi kết giới, Phật đã giảng nói tám Thánh đạo là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, nói là con đường đi tới Niết-bàn, tức là đã nói về tất cả các giới.

Lại nữa, Phật đã giảng nói về ba học là khéo học giới, khéo học tâm (Định), khéo học tuệ. Nên biết, như vậy là Phật đã nói về tất cả các giới.

Lại nữa, Phật bảo các Tỳ-kheo: Hết tẩy điều ác nhất định không nên làm. Như vậy sao có thể nói là trước Phật đã không kết giới?

Lại nữa, Phật còn giảng nói mười đạo nghiệp thiện là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời ác, không nói thêu dệt, không tham lam ganh ghét, không giận dữ, không hành tà kiến. Điều ấy không phải là đã

kiết giới sao? Trong mười hai năm trước, Phật đã giảng nói một kệ về pháp Bồ-tát, đó là:

*Hết thấy ác chớ làm
Tất cả thiện nên làm
Tự làm tịnh ý chí
Là lời chư Phật dạy.*

Nói như vậy nên biết là từ trước Đức Phật đã kiết giới.

Lại nữa, Phật còn nói những nhân duyên của những điều ác nhỏ, đều nên xa lìa chúng. Như kệ nói:

*Lìa các hành ác thân
Cũng lìa các ác miệng
Lìa các hành ác ý
Ác khác đều xa lìa.*

Nói như vậy nên biết là từ trước Đức Phật đã kiết giới.

Lại nữa, trước kia Phật cũng đã nói đến các pháp giữ gìn. Như kệ nói:

*Giữ thân là tốt thay!
Hay giữ miệng cũng tốt
Giữ ý là tốt thay!
Giữ hết thấy cũng tốt.
Tỳ-kheo giữ tất cả
Được xa lìa các khổ.*

Nói như vậy nên biết là từ trước Đức Phật đã kiết giới.

Lại nữa, khi trước Phật cũng đã giảng nói về tướng thiện. Như kệ nói:

*Tay chân chớ sai phạm
Bớt nói, hành thận trọng*

*Thường vui giữ ý định
Đó gọi chân Tỳ-kheo.*

Nói như vậy nên biết là từ trước Đức Phật đã kiết giới.

Lại nữa, khi trước Phật đã giảng nói về pháp Sa-môn, tức nên biết Phật từ trước đã kiết giới. Sa-môn có bốn pháp: 1. Đối với giận dữ không đáp lại. 2. Đối với mạ lỵ nên im lặng. 3. Có thể nhận chịu sự đánh đập. 4. Bị giết hại vẫn nhẫn nhục.

Lại nữa, Phật còn giảng nói bốn niệm xứ là: Quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp. Đó là trụ xứ của đạo Niết-bàn. Nên biết đó là từ trước Phật đã kiết giới như thế. Ác rất nhỏ hãy còn ngăn cấm, huống nữa là nghiệp ác của thân, miệng. Những nhân duyên như thế nên biết là từ trước Phật đã kiết giới. Ví như vua lập pháp chế không nên làm điều ác. Sau đó, có kẻ phạm thì tùy theo tội nặng nhẹ mà xử trị đúng như pháp. Phật cũng như vậy, trước, Ngài nói chung về giới, sau đó, có người phạm mới nói tướng của tội. Như có người làm ác thì dạy khiến sám hối. Gây tạo tội thế nào thì nên sám hối như thế ấy. Không thấy bị đuổi. Diệt tận (đuổi hẳn) thì không còn ở chung. Thành những sự việc như vậy sau mới kiết giới.

HẾT - QUYỂN 10

LUẬN THẬP TRỤ TỖ BÀ SA

QUYỂN 11

Phẩm 22: VẤN NẠN VỀ NGƯỜI NHẤT THIẾT TRÍ TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG, phần 2

Ông nói: Người già trên sáu mươi tuổi, thuộc dòng dõi quý tộc xuất gia v.v... nên làm Thượng tọa. Nay tôi giải đáp: Trong đạo pháp thì những người già cả thuộc hàng quý tộc xuất gia v.v... không có ích cho đạo. Vì sao? Vì sinh ra trong pháp Phật mới gọi là quý tộc, tức là sinh trong ngôi nhà tốt đẹp. Từ khi thọ đại giới, đếm tuổi từ ấy, theo số năm, gọi là già. Ông bảo nên cúng dường cho người tuổi già, thì xuất gia, thọ đại giới trước không phải là lớn sao? Từ khi thọ giới trở về sau, không còn phân biệt về tộc họ sai khác. Các Tỳ-kheo thọ đại giới gọi là sinh trong nhà Phật. Thế là mất cái tên nhà nhỏ, nhà lớn trước kia, mà đều là một nhà.

Ông nói: Người trì giới là xuất gia trước, ngày đêm gìn giữ giới lâu dài, cho đến nhiều năm tháng, nên được làm Thượng tọa, như trong kiết giới nói. Ông bảo: Người giữ giới không nên lễ bái người phá giới. Nay tôi giải đáp: Người phá giới hãy còn không cho ở chung với Tăng chúng, huống gì là được lễ bái cúng dường. Do người đó tự xưng mình là Tỳ-kheo, nên tùy người đó lớn hay nhỏ mà làm lễ, lễ ấy như lễ bái đất, cây, hiện tượng trên trời, do nghĩ đó là chân thiên. Vì Phật dạy người tuổi trẻ nên kính lễ bậc Thượng tọa,

theo lời Phật dạy thì được phước.

Ông nói: Do hành hạnh Đầu-đà nên phải kính lễ. Nay tôi giải đáp: Nếu là người hành hạnh Đầu-đà thì có năm loại nên khó phân biệt: Một là ngu si không biết gì nên tham nhận pháp khó. Hai là người độn căn mong cầu được lợi. Ba là có ý xấu nhằm lừa dối mọi người. Bốn là người cuồng loạn. Năm là người khởi niệm cho là pháp Đầu-đà được chư Phật và Hiền Thánh khen ngợi. Họ đều tùy thuận đạo Niết-bàn nên năm loại Đầu-đà ấy khó phân biệt đâu là thật, là giả.

Về việc học, hiểu biết rộng. Người học rộng cũng giống như Đầu-đà, khó phân biệt. Vì sao? Vì có người ưa thích đạo mà học rộng, có người cầu lợi dưỡng mà học rộng. Hạng loại nhiều như vậy nên cũng khó phân biệt.

Lại nữa, pháp Phật quý ở chỗ hành trì như pháp đã nêu, không quý ở chỗ đọc nhiều, tụng nhiều. Lại như Phật thường dạy: Hành một câu pháp mà tự đạt được lợi ích, gọi là học rộng. Trí tuệ cũng như vậy. Nếu không có khả năng hành trì như pháp đã nói, thì trí tuệ dùng làm gì? Thế nên không do trí tuệ mà gọi là Thượng tọa. Ví như sự việc hiện có của thế gian, người em tuy học rộng, nhiều trí, nhưng người anh không kính lễ. Do vậy, không xem trí tuệ là ưu tiên để được lễ bái cúng dường. Như thế, tuy học rộng, trí tuệ, cũng nên kính lễ người thọ giới trước. Nếu trước cúng dường người học rộng, trí tuệ, thì khó tránh khỏi việc tranh cãi rối loạn. Ngoài ra, chứng đắc quả Sa-môn, đoạn trừ kiết sử, được thần thông, là rất khó phân biệt là ai đã chứng đắc, ai chưa chứng đắc. Người này đoạn dứt kiết sử là nhiều hay ít? Người này được thần thông hay chưa được thần thông? Do vậy, không thể đưa những người ấy lên hàng Thượng tọa. Còn như cùng lúc chứng quả, đắc thần thông, cũng như đoạn trừ kiết sử như nhau thì ai làm Thượng tọa? Do vậy, chỉ vâng theo lời Phật dạy là tốt hơn hết.

Ông cũng nói: Phật đối với việc giảng nói pháp sinh nghi. Nay tôi giải đáp: Đối với các pháp sâu xa, Phật hãy còn không có nghi ngờ, huống gì là có nghi ngờ trong việc nên giảng nói hay không nên giảng nói. Phật không nói: Ta hoàn toàn không thuyết pháp, chỉ nói là: Tâm ưa thích nơi chốn thanh vắng, không lo toan nhiều công việc, nên sau đó ở trong việc thuyết pháp không mắc lỗi lầm.

Lại nữa, các hàng ngoại đạo nói: Phật là bậc Đại Thánh vắng lặng, không hý luận, thì cần gì nuôi chúng để giáo hóa? Giả sử có giáo hóa thì cũng không hết. Tợ như sự phân biệt đâu cần phải nuôi đệ tử, thuyết pháp, vì đó là tướng tham chấp. Thế nên, Phật tự suy nghĩ: “Pháp của Ta là sâu xa, trí tuệ, phương tiện là vô lượng, vô biên, nhưng người đáng được hóa độ thì ít”. Do vậy Ngài tự bảo: “Tốt hơn là nên im lặng”.

Lại nữa, để đề phòng ngoại đạo chê trách, nên Ngài khiến Phạm Thiên vương đến thỉnh thuyết pháp. Liền khi ấy, Phạm Thiên vương bạch Phật: Chúng sinh thật đáng thương xót, trong đó có người lợi căn, kiết sử mỏng, có thể dễ hóa độ. Vì vậy, Phật nhận lời thỉnh của Phạm Thiên vương, như người bắt được kho báu lớn rồi nên chỉ cho kẻ khác biết. Như vậy, các bậc Thánh tự được pháp lợi và đem lợi cho người

Còn như ông nói: Phật không biết ông A-lan-ca-lan trước đã mạng chung rồi, mà còn muốn vì ông ấy giảng nói pháp. Nay tôi giải đáp: Phật không nghĩ là ông ấy đã chết hay chưa chết, mà chỉ nghĩ, ông ấy là người kiết sử mỏng, có thể nhận lãnh được sự giáo hóa. Tùy nơi chốn được suy nghĩ tức phát sinh trí tuệ. Thế nên, trước Phật tự nói, sau đó thiên thần trình lý do, là điều thích hợp.

Lại nữa, trước đây, khi mới xuất gia, Phật đã đến trụ xứ của hai vị này, từng tá túc nơi đó. Đã có lúc chư Thiên và mọi người đều nghi Phật nhận lãnh pháp diệu của hai vị này rồi mới đến nơi khác đắc đạo. Để dứt trừ điều nghi ngờ đó, nên ngay lúc ấy, Phật đã nói rõ: Hai

vị đó già suy như vậy, mà pháp diệu vì sao không được nghe? Suy xét ý nghĩa ấy, thì việc năm Tỳ-kheo cũng lại có thể nhận biết. Phật chỉ nghĩ tới nhân duyên có thể hóa độ, chứ không nghĩ là họ đang ở nơi đâu, sau nhớ nghĩ về nơi ở của những người ấy, Phật liền biết. Do vậy, ông không nên phá bỏ người Nhất thiết trí.

Còn việc ông bảo: Phật tạo nghi ngờ về sự sụp đổ của thành Ba-liên-phát. Nay tôi giải thích: Nhân duyên khiến thành này sụp đổ là không định rõ. Nhân duyên không xác định mà nói quyết chắc là có lỗi. Hơn nữa, tôi đã nói ở trước, trong bốn mươi pháp bất cộng, chư Phật khéo nhận biết về việc bất định. Trả lời tức là không chấp nhận cái khó ấy.

Còn việc ông bảo: Phật hỏi các Tỳ-kheo: Các vị tụ họp nơi đây, đang nói những chuyện gì? Nay tôi giải đáp: Vì sắp sửa giảng nói pháp môn nên Phật mới hỏi như vậy. Hoặc muốn kiết giới mới bảo các vị ấy trình lại là đang nói những pháp gì. Hỏi như vậy thì không có lỗi. Ở thế gian cũng có những chuyện biết rồi mà vẫn hỏi lại. Như thấy người đang ăn mà vẫn hỏi: Ăn đó chẳng? Hay khi trời lạnh mà vẫn hỏi: Trời lạnh đấy chứ? Phật cũng như vậy, biết mà vẫn hỏi, đó là theo thói quen, không có lỗi.

Ông lại bảo: Vì tự khen mình, chê người, nên Phật không phải là người Nhất thiết trí. Nay tôi giải đáp: Phật không tham thân mình, không tham cúng dường, không giận kẻ khác, không tăng thượng. Sở dĩ Ngài tự bảo: “Nơi thế gian Ta là bậc nhất” là muốn cho các chúng sinh có lòng tin, căn trí mạnh mẽ nhạy bén, có khả năng từ bỏ tri thức ác, tôn Ta làm thầy, người ấy trong đời sống luôn được an ổn, nên Phật mới tự khen mình.

Lại nữa, có người cầu đạo an lạc bậc nhất, nhưng lại biếng trễ, không thể tinh tấn, nên Phật nói về điều lợi hơn hết, không nên biếng trễ nữa. Ta đối với thế gian là vị Đạo sư bậc nhất, khéo giảng nói chánh pháp, phải nên siêng năng tinh tấn mới có thể đạt được đạo quả.

Những nhân duyên như thế để tự khen không phải là tự xem mình cao quý để khinh rẻ kẻ khác. Phật quả trách người ác là muốn khiến họ trừ diệt các pháp ác, chứ không phải do giận ghét chúng sinh. Có người cầu lợi đúng như pháp, tâm thanh tịnh ngay thẳng, nhưng lại hòa hợp với tri thức ác, muốn họ liả bỏ nơi đó, nên Phật mới quả mắng. Khi chưa thành Phật, Ngài đã đem cả tủy não để bố thí cho người, huống gì là nay đã thành Phật mà còn quả trách vì giận ghét hay sao!

Về việc ông bảo: Pháp Phật trước sau cùng trái nhau. Nay tôi giải thích: Trong pháp Phật không có việc trước sau trái ngược nhau. Vì không hiểu biết hết ý nghĩa của pháp Phật nên ông mới cho là trái nhau.

Nơi đạo Niết-bàn này, từ khi Phật Ca-diếp nhập diệt trở đi, không có người thuyết pháp, cũng không có người chứng đắc, thế nên nói: Ta mới đắc đạo. Ở chỗ khác lại nói: Ta chứng đắc đạo xưa. Đạo ấy là đạo mà chư Phật như Phật Định Quang đã chứng đắc. Đó là tám Thánh đạo, có khả năng đưa đến Niết-bàn. Vì chỉ có một đạo, một nhân duyên, nên nói là đạo xưa. Vì vậy nên biết, Đức Phật đã thành tựu Nhất thiết trí.

Hỏi: Gọi là Nhất thiết trí, vậy thế nào là Nhất thiết trí? Có phải là nhận biết hết thấy nên gọi là Nhất thiết trí chăng?

Đáp: Nhất thiết trí là nhận biết và có thể nhận biết. Có thể nhận biết là năm pháp tạng: quá khứ, hiện tại, vị lai, ra khỏi ba đời và không thể nói với đối tượng được dùng của chúng. Nhận biết năm pháp tạng này gọi là nhận biết. Do vậy nhận biết và đối tượng được nhận biết gọi là Nhất thiết (Hết thấy).

Hỏi: Nhận biết, có thể nhận biết gọi là nhất thiết, sự việc đó không phải như thế. Vì sao? Vì pháp này chỉ là một, nên có thể nhận biết và nhận biết, cũng là có thể nhận biết. Như thế gian nói: Người này nhận biết nhanh, người kia nhận biết chậm.

Đáp: Nếu nhất thiết là một, thì nóng lạnh trái nhau lẽ ra cũng là một, sự việc trái nhau như sáng tối, khổ vui, cũng nên là một. Nhưng sự việc ấy không phải như thế. Vì vậy không được nói nhất thiết đều là một.

Hỏi: Điều ông chấp cũng giống như lỗi này. Nếu có thể nhận biết là một, thì khổ, vui v.v... cũng nên là một, nhưng thật ra không phải là một?

Đáp: Tôi không nói: Hết thấy có thể nhận biết là một, còn ông đã chấp: Hết thấy đều là một, do đó tôi không cùng với ông đồng có lỗi. Lại nữa, ông nói đồng có lỗi là trong tự chấp của ông có lỗi. Nếu người nào đã nhận lỗi trong chỗ tự chấp, thì đã rơi vào chỗ thua kém. Ông đã biết điều mình chấp là có lỗi thì không nên nói lỗi của người khác. Vậy nên ông nói là đồng có lỗi, thì sự việc ấy không đúng.

Lại nữa, nếu bảo hai pháp nhận biết và có thể nhận biết là một, thì ông nên dùng pháp có thể nhận biết để nhận biết các vật như bình, áo v.v... nhưng thật ra là đã dùng cái nhận biết để nhận biết hết thấy vật. Nếu ông cho chiếc bình, cái áo v.v... đối với sự nhận biết không khác nhau, thì hiện tại, cái bình, chiếc áo không thể nhận biết được sự vật, tức nên có khác nhau. Nhưng thật ra là dùng sự nhận biết để nhận biết tất cả vật. Do xú xú đều có lỗi như vậy, nên ông không được nói Nhất thiết đều là một.

Lại nữa, chủ thể nhận biết và đối tượng được nhận biết là hai, gọi là “Nhất thiết tri”, là hết thấy pháp, gọi là Như Lai, gọi là Nhất thiết trí. Tam-muội Kim cang là nhân của người Nhất thiết trí này, do vậy Tam-muội Kim cang được thành tựu. Ở trước, ông nói: Tam-muội Kim cang không thành tựu được nên người Nhất thiết trí không thành tựu. Điều đó không đúng.

Phẩm 23: KHÉO NHẬN BIẾT BẤT ĐỊNH TRONG BỐN MƯƠI PHÁP BẤT CỘNG

Khéo nhận biết pháp bất định: Là các pháp chưa phát sinh, chưa xuất hiện, chưa thành lập, chưa xác định, chưa phân biệt, ở đây trí tuệ của Như Lai có được diệu lực nên đều nhận biết.

Như Phật trong Kinh Phân Biệt Nghiệp đã nói: Phật bảo Tôn giả A-nan: Có người thân hành nghiệp thiện, miệng hành nghiệp thiện, ý hành nghiệp thiện, người này sau khi mạng chung bị đọa vào địa ngục. Có người thân hành nghiệp ác, miệng hành nghiệp ác, ý hành nghiệp ác, người này sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Tôn giả A-nan bạch Phật: Sao lại có chuyện như thế? Phật bảo: Người này hoặc nhân duyên tội phước của đời trước đã chín muồi, còn nhân duyên tội phước của đời nay chưa chín muồi. Hoặc khi lâm chung phát sinh tâm thiện ác của chánh kiến, tà kiến. Người ta khi sắp qua đời, tâm có sức mạnh lớn.

Lại nữa, trong Kinh Thủ Ca nói: Con của Bà-la-môn Thục Ca thưa với Phật: Thưa Cù-đàm! Các Bà-la-môn bạch y, tại gia có thể tu căn thiện của phước đức vượt hơn người xuất gia, sự việc này là thế nào? Phật bảo: Ta trong sự việc này là đáp bất định. Xuất gia, hoặc có người không tu tập pháp thiện thì không bằng tại gia. Tại gia nếu có thể tu pháp thiện thì hơn xuất gia.

Lại nữa, trong Kinh Đại Niết Bàn nói: Thành Ba-liên-phất sẽ sụp đổ do ba sự: Hoặc là ngập lụt, hoặc là hỏa hoạn, hoặc do người bên trong mưu kết với người bên ngoài”.

Lại nữa, do Phạm chí Ba-lê-mạt nói v.v... nên Phật bảo: “Phạm chí Ba-lê-mạt lỡ hình ấy, nếu ông ta không bỏ lời nói ấy, hoặc tâm ấy, hoặc tà kiến ấy, mà có thể đến trước mặt Ta, thì không có sự việc ấy. Còn nếu dây da bị chặt đứt, hoặc thân bị chặt đứt, thì hoàn toàn không thể đến trước mặt Phật được.

Lại nữa, trong Kinh Phiệt Dụ nói: Ta, đối với pháp sâu xa này, dùng nhiều phương tiện để giảng nói, khiến nó trở nên dễ hiểu. Nếu người nào có tâm ngay thẳng, theo lời dạy, dốc hành trì, thì được hai thứ lợi ích, là đời này dứt hết lậu, hoặc không dứt hết lậu cũng được đạo Bất hoàn.

Lại nữa, Kinh Xá Ca Lê trong Tăng Nhất A Hàm nói: Phật bảo Tôn giả A-nan: Nếu người cố ý tạo nghiệp thì không có việc không thọ nhận quả báo mà đắc đạo. Quả báo hoặc hiện đang nhận, hoặc sẽ nhận trong đời sau, hoặc đời sau nữa.

Lại nữa, Kinh Phù La trong Tăng Nhất A Hàm nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Những người ác sau khi mạng chung, hoặc làm súc sinh, hoặc đọa vào địa ngục. Còn người thiện thì sinh lên cõi trời, hoặc cõi người.

Lại nữa, trong Kinh Vô Úy Vương Tử nói: Vô Úy thưa với Phật: Những gì Phật đã giảng nói có thể khiến người khác nổi giận chăng? Phật bảo: Này vương tử! Sự việc ấy là bất định. Phật hoặc vì tâm thương xót chúng sinh nên khiến người khác nổi giận, để họ có được nhân duyên trông căn thiện. Như bà nữ mấu dùng ngón tay cong móc vật độc trong miệng đưa bé ra, tuy có bị xây xát nhưng không hại gì.

Lại nữa, trong A-tỳ-đàm nói: Có ba loại chúng sinh, hoặc theo tụ bất định, hoặc rơi vào định tà, hoặc thuộc về định chánh. Những sự việc không định rõ như thế, trong bốn pháp tạng, tính ra có hàng ngàn vạn thứ.

Hỏi: Nếu người có trí tuệ bất định, lại không có tâm quyết định, nên đối với sự việc ấy, lúc như vậy, lúc như khác, tức không gọi là người Nhất thiết trí. Người Nhất thiết trí thì không nói hai lời, mà là nói quyết định, nói sáng rõ. Do vậy, khéo nhận biết bất định không được gọi là pháp bất cộng của Phật?

Đáp: Sự việc bất định, hoặc như vậy, hoặc không như vậy, là tùy thuộc vào các nhân duyên, cho nên ở đây không nên nói xác định. Hơn nữa, đối với sự việc bất định mà trả lời xác định thì không gọi là người Nhất thiết trí. Thế nên, đối với sự việc bất định tất phải dùng trí bất định. Vì vậy có pháp bất cộng của trí bất định.

Lại nữa, nếu người nào ở trong tất cả pháp quyết định nhận biết thì người ấy tức rơi vào tà luận tất định. Nếu hết thấy pháp đã là tất định, thì những việc làm sẽ không cần sức người, phương tiện mà vẫn được. Như kệ nói:

*Nếu tốt, xấu đã định
Cộng sức người nên định
Không cần các nhân duyên
Phương tiện mà tu tập.*

Lại nữa, hiện thấy người nào không tự phòng giữ thân tức có nhiều khổ. Nếu biết phòng giữ thân thì được lợi lạc an vui. Lại như trong vô số sự việc hành tác, phải thọ nhận các thứ khổ nhọc thì về sau mới được quả báo nhiều an vui, giàu có.

Lại nữa, có người ở đời này không làm gì cả, nhưng lại được quả báo tốt. Do đó mới có sự việc bất định. Do biết là có sự việc bất định như vậy, nên biết là có trí bất định.

Hỏi: Ông có giữ gìn hay không giữ gìn? Có nêu công sức hay không nêu công sức, cũng có việc bất định được thành chăng? Có người khéo tự phòng hộ nhưng gặp toàn khổ não. Có người không tự phòng hộ thì lại không gặp khổ não. Lại có người làm việc siêng năng, vất vả mệt nhọc mà không được kết quả gì. Có người không phải đổ công sức nhưng vẫn được kết quả. Đó là sự bất định.

Đáp: Điều ông nói là để xác nhận nghĩa bất định của tôi. Nếu có sự bất định thì phải có trí bất định. Tôi không nói nếu người không tự phòng hộ đều phải chịu khổ. Lại cũng không nói lia công sức hành

tác mà có quả báo. Vì tội chướng của đời trước, nên có người tuy bỏ nhiều công sức làm việc nhưng không được thọ nhận an vui. Tôi không nói là tất cả đều như vậy. Do đấy, điều ông vẫn nạn là sai. Đó gọi là chư Phật ở trong sự việc bất định riêng có trí bất định đầy đủ.

Khéo nhận biết sự việc ở định vô sắc: Hàng Thanh văn, Phật-bích-chi chỉ biết một ít pháp và chúng sinh, sinh về cõi Vô sắc. Còn chư Phật, Thế Tôn đối với xứ Vô sắc thì đều nhận biết đầy đủ về pháp và chúng sinh: Xứ Vô sắc ấy có chúng sinh, sinh về xứ đó. Từng ấy chúng sinh, sinh về xứ kia. Từng ấy chúng sinh, sinh về xứ định vô sắc thứ nhất. Từng ấy chúng sinh, sinh về xứ thứ hai. Từng ấy chúng sinh, sinh về xứ thứ ba. Từng ấy chúng sinh, sinh về xứ thứ tư. Từng ấy chúng sinh, sinh đến cùng lúc đó. Từng ấy chúng sinh trải qua thời gian như thế rồi lụi tàn. Từng ấy chúng sinh cùng lúc đó được sống lâu hết sức. Từng ấy chúng sinh nhất định được sống lâu. Từng ấy chúng sinh không nhất định được sống lâu. Từng ấy chúng sinh, sau khi mạng chung ở cõi Dục, sinh vào nơi đây. Từng ấy chúng sinh, từ cõi Sắc, sau khi mạng chung, sinh vào nơi đây. Từng ấy chúng sinh, từ cõi Vô sắc, sau khi mạng chung, sinh trở lại nơi đây. Từng ấy chúng sinh, trong cõi người, sau khi mạng chung, lại sinh đến đây. Từng ấy chúng sinh, trong cõi trời, sau khi mạng chung, sinh đến đây.

Những chúng sinh ấy, mạng chung ở đây, hoặc sinh vào cõi Dục, hoặc sinh vào cõi Sắc, hoặc sinh vào cõi Vô sắc. Những chúng sinh ấy, ở đây, sau khi mạng chung, hoặc sinh vào nẻo trời, hoặc sinh vào nẻo người, hoặc sinh vào nẻo A-tu-la, hoặc sinh vào nẻo địa ngục, hoặc sinh vào nẻo súc sinh, hoặc sinh vào nẻo ngựa quý. Những chúng sinh này ở xứ kia, nhập Niết-bàn.

Từng ấy chúng sinh đều là phạm phu. Từng ấy chúng sinh là đệ tử Hiền Thánh của Phật. Từng ấy chúng sinh là đệ tử của phạm phu. Từng ấy chúng sinh thành tựu thừa Thanh văn. Từng ấy chúng sinh

thành tựu thừa Phật-bích-chi. Từng ấy chúng sinh đều thành tựu Đại thừa. Từng ấy chúng sinh không thành tựu thừa Thanh văn. Từng ấy chúng sinh không thành tựu thừa Phật-bích-chi. Từng ấy chúng sinh không thành tựu Đại thừa. Từng ấy chúng sinh là người hành diệt. Từng ấy chúng sinh là người không hành diệt. Từng ấy chúng sinh hành bậc thượng. Từng ấy chúng sinh là đệ tử của Phật kia.

Chư Phật lại nhận biết đó là định thọ vị, là định không thọ vị, là thiện, là vô ký, là định trong đó đoạn trừ từng ấy kiết sử, là định thượng trung hạ. Nói tóm lược các định vô sắc, chỉ có chư Phật dùng Nhất thiết chủng trí mới có thể phân biệt lớn, nhỏ, sâu, cạn, tâm tương ưng hay không tương ưng, quả báo hay không quả báo v.v... Đó gọi là chư Phật đã nhận biết một cách đầy đủ và thông đạt về xứ định vô sắc.

Pháp diệt: Nghĩa là các bậc Phật-bích-chi, các hàng A-la-hán ở quá khứ, hiện tại đã diệt độ.

Chư Phật thông đạt thì như trong kinh nói: Các Tỳ-kheo! Chín mươi một kiếp trước Hiền kiếp này, từ Phật Tỳ-bà-thi xuất hiện ở đời, đến ba mươi một kiếp có hai vị Phật xuất hiện: Thi-khí và Tỳ-thức-bà. Trong Hiền kiếp này có các Đức Phật Cru-lâu-tôn, Ca-na-hàm Mâu-ni, và Ca-diếp ra đời.

Chư Phật trong quá khứ có tri kiến lớn lao như thế, trong kinh này nên nói đến. Và các đệ tử Thanh văn diệt độ, nhập Niết-bàn vô dư, cùng các vị Phật-bích-chi tên là: Thành, Hoa Tướng, Kiến Pháp, Pháp Khiếp, Hỷ Kiến, Vô Cầu, Vô Đắc, các vị Phật-bích-chi như thế nhập Niết-bàn vô dư, Đức Phật đều thông đạt cả.

Lại nữa, có những vị chưa diệt độ, còn trụ nơi Niết-bàn hữu dư, do duyên của sinh đã hết, những sự việc như vậy Phật cũng đều thông đạt, cũng gọi là thông đạt nhận biết về diệt. Như kinh nói: “Phật bảo Tôn giả A-nan: Ta biết rõ người này không chút tối tăm, người này

nhất định hoàn toàn là pháp nội, sau khi mạng chung, người này sẽ nhập Niết-bàn, cũng gọi là nhận biết về diệt”.

Lại, đối với người khác thông đạt bốn đế, Đức Phật cũng có thể nhận biết rõ việc ấy, cũng gọi là nhận biết về diệt. Như kinh nói: “Đâu phải ta không có phương tiện để khiến người này, tức ở nơi xứ ấy, được diệt hết lậu giải thoát”. Như Phật bảo Tôn giả A-nan: “Ông ưa thích thiên định, ưa thích đoạn hết kiết sử, cũng gọi là thông đạt nhận biết về diệt”. Như Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Ta biết Niết-bàn, biết đường đi tới Niết-bàn, biết chúng sinh đến Niết-bàn”.

Các kinh như vậy v.v..., ở đây nên nói. Đó gọi là chư Phật thông đạt nhận biết về diệt.

Khéo nhận biết về tâm không tương ưng với pháp vô sắc: Là giới, là căn thiện, là sử, là luật nghi thiện, là luật nghi bất thiện v.v... tức là các tâm không tương ưng, chẳng phải pháp sắc. Điều này hàng Thanh văn, Phật-bích-chi không thể thông tỏ. Còn chư Phật khéo có thể thông tỏ, như hiện có trước mắt. Đối với tâm không tương ưng trong các pháp, đã thành tựu diệu lực trí tuệ bậc nhất.

Hỏi: Giới, luật nghi thiện, luật nghi bất thiện là pháp sắc, vì sao nói chúng không phải là pháp sắc?

Đáp: Giới, luật nghi thiện, luật nghi bất thiện có hai thứ: Có tác và vô tác. Tác là sắc, vô tác là không phải sắc. Không tạo tác nên chẳng phải là sắc. Phật dùng lực bất cộng nên có thể nhận biết hiện tiền. Người khác phải dùng trí so sánh để nhận biết.

Hỏi: Chư Phật chỉ khéo nhận biết về tâm không tương ưng, chẳng phải là pháp sắc, nhưng không khéo nhận biết pháp tương ưng chăng?

Đáp: Nếu đã thông đạt pháp không tương ưng thì pháp tương ưng không cần bàn nữa. Như người đã có thể bắn trúng đầu sợi lông thì vật thô không cần bàn.

Lại nữa, trong bảy trăm pháp không tương ưng, thì hàng Thanh văn, Phật-bích-chi dùng thức thứ sáu có thể nhận biết được bảy pháp là: Danh, tướng, nghĩa, vô thường, sinh, không sinh, độ. Phật cũng dùng thức thứ sáu và thấy đều nhận biết tất cả. Đức Phật biết tướng của bốn Đế cùng biết pháp thế gian, cho nên nói chư Phật khéo nhận biết về tâm không tương ưng với pháp vô sắc.

Uy lực Ba-la-mật: Là đối với hết thấy pháp đã được nhận biết trọn vẹn, đạt được uy lực của Nhất thiết chủng trí là mười lực, bốn pháp vô sở úy, bốn xứ công đức hỗ trợ thành tựu. Lại nữa, khéo đạt được mười lực, thế nên Phật có thể thành tựu uy lực Ba-la-mật. Uy lực này được tăng thêm trong tâm thứ mười sáu. Nhất thiết trí thường ở trong thân Phật, cho đến khi nhập Niết-bàn vô dư. Nhân những sự việc này nên chư Phật chứng được trí vô ngại đối với các pháp.

Trí Ba-la-mật vô ngại: Là gồm pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại và lạc thuyết vô ngại. Đối với bốn pháp ấy, trí vô ngại có thể mạnh vô lượng, thông suốt, không có chướng ngại. Như trong kinh nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Bốn chúng đệ tử của Như Lai đã thành tựu lực niệm bậc nhất, lực trí tuệ bậc nhất, lực gắng nhận bậc nhất. Như người thiện xạ bắn rơi chiếc lá trên cành cây một cách dễ dàng. Các đệ tử này luôn hỏi Ta không ngót về bốn niệm xứ, trừ những khi ăn uống, ngủ nghỉ. Trong trăm năm, Như Lai luôn đáp lại trí tuệ vui thích nêu bày không cùng tận. Nơi pháp này, Phật dùng tướng thiếu dục để tự luận về trí tuệ. Nếu trong Tam thiên đại thiên thế giới với bốn châu thiên hạ hiện có, trong đó tràn đầy vi trần, tùy theo số vi trần từng ấy, tạo ra từng ấy Tam thiên đại thiên thế giới, chúng sinh cũng đầy như số vi trần đó, đều được như Tôn giả Xá-lợi-phất, như Phật-bích-chi, thấy đều thành tựu về trí tuệ lạc thuyết, thọ mạng trải qua đại kiếp nhiều như số vi trần nói trên. Những người này cùng nhân nơi bốn niệm xứ, trong suốt cả đời vẫn nạn Như Lai, Như Lai trở lại dùng nghĩa của bốn

niệm xứ để đáp. Lời nói, ý nghĩa không quan trọng bằng lạc thuyết không cùng tận.

Trí pháp vô ngại: Là khéo có thể phân biệt danh tự của các pháp thông đạt vô ngại. *Nghĩa vô ngại*: Là đối với nghĩa của các pháp, thông đạt vô ngại.

Từ vô ngại: Là tùy từng loại chúng sinh, dùng các ngôn từ thích hợp khiến họ hiểu nghĩa, thông đạt vô ngại. *Lạc thuyết vô ngại*: Là khi hỏi đáp, đều khéo léo giảng nói pháp không có cùng tận.

Các bậc Hiền Thánh khác không thể suy xét hết. Chỉ có chư Phật mới có khả năng hiểu tới chỗ tốt cùng của các pháp. Thế nên gọi là Trí Ba-la-mật vô ngại.

Đáp đầy đủ bằng Ba-la-mật: Là trong hết thấy sự vắn nạn, Phật đều khéo có thể trả lời đầy đủ. Vì sao? Vì ở trong bốn thứ hỏi đáp, Phật không hề lẫn lộn, luôn khéo nhận biết nghĩa đầy đủ, không hủy hoại nghĩa Ba-la-mật, nên vui muốn hiểu biết rõ về tánh của tất cả chúng sinh đã hành, đã ưa thích.

Như Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Pháp thiện do Ngài giảng nói có nhiều chúng sinh chứng được, nhờ chứng được nên tâm không còn khát ái. Không khát ái nên không còn thọ nhận gì ở đời này, không còn thọ nhận thì nội tâm tức diệt. Phật ở trong pháp thiện là vô thượng, nhận biết các sự việc một cách trọn vẹn, lại không còn ai vượt hơn.

Hỏi: Ông nói bốn thứ hỏi đáp, xin nói về bốn thứ ấy?

Đáp: Một là đáp xác định. Hai là đáp theo sự phân biệt. Ba là đáp bằng cách hỏi ngược lại. Bốn là đáp bằng cách để qua một bên.

Đáp xác định: Là như có một Tỳ-kheo hỏi Phật: Thưa Thế Tôn! Có phải sắc là thường còn, không đổi khác chăng? Thưa Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức là thường còn, không đổi khác chăng? Phật

đáp: Này Tỳ-kheo! Không có sắc nào là thường còn, là không đổi khác. Không có thọ, tưởng, hành, thức nào là thường còn, là không đổi khác. Đó gọi là đáp xác định.

Đáp phân biệt: Là như Phạm chí Bồ-đà-lê-tử hỏi Sa-ma-đề: Có người cố ý tạo nghiệp nơi thân, miệng, ý thì thọ nhận những quả báo gì? Sa-ma-đề trả lời bằng cách xác định: Có người dùng thân miệng ý cố ý tạo nghiệp, thì phải thọ nhận quả báo khổ não. Câu hỏi ấy phải nên trả lời bằng lối phân biệt. Sau đó, Phạm chí này đem câu hỏi ấy đến hỏi Phật. Phật đáp: Này Bồ-đà-lê-tử! Có người cố ý tạo nghiệp nơi thân, miệng, ý thì do nghiệp ấy hoặc thọ nhận báo khổ, hoặc thọ nhận báo vui, hoặc thọ nhận báo không khổ không vui. Nghĩa là tạo nghiệp khổ phải nhận báo khổ, tạo nghiệp vui thì nhận báo vui, tạo nghiệp không khổ không vui thì nhận báo không khổ không vui. Các kinh như thế v.v... đều trả lời theo lối phân biệt.

Đáp bằng cách hỏi ngược lại: Như Phạm chí Tiên Ni hỏi Phật. Phật bảo: Ta hỏi trở lại ông, tùy ý mà đáp. Này Tiên Ni! Ý của ông nghĩ sao? Sắc là Như Lai chăng? Thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai chăng? *Đáp:* Không phải, thưa Thế Tôn. *Hỏi:* Có phải lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Như Lai chăng? *Đáp:* Không phải, thưa Thế Tôn. Các kinh như thế v.v... nên giảng nói rộng. Đó gọi là trả lời bằng cách hỏi ngược lại.

Đáp bằng cách để qua một bên: Là đối với mười bốn thứ tà kiến: Thế gian thường còn, thế gian không thường còn. Thế gian cũng thường, cũng vô thường. Thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Thế gian có biên vực, thế gian không có biên vực. Thế gian cũng có biên vực, cũng không có biên vực. Thế gian chẳng phải có biên vực, chẳng phải không biên vực. Sau khi nhập diệt, Như Lai là có. Sau khi nhập diệt, Như Lai là không có. Sau khi nhập diệt, Như Lai cũng có, cũng không có. Sau khi nhập diệt, Như Lai chẳng

phải có, chẳng phải không có. Thân tức là thân. Thân khác, thân khác? Những câu hỏi ấy đều đi qua một bên.

Như trên đã nói, hết thầy chúng sinh, như Đại Phật-bích-chi, trí tuệ lạc thuyết, đã dùng bốn cách hỏi ấy để thưa hỏi Phật. Phật đều tùy thuận đáp lại các câu hỏi ấy, không nhiều, không ít. Vì vậy nói Phật trả lời đầy đủ Ba-la-mật.

Không ai có thể xâm hại Phật: Do Phật đã được pháp không thể giết hại, nên không ai có thể đoạn dứt các chi phần nơi thân Phật, chúng còn mất một cách tự tại. Như kinh nói: “Nếu người nào muốn dùng phương tiện để hại Phật, thì không có điều đó”.

Hỏi: Thọ mạng của Phật là định hay không định?

Đáp: Có người nói: Không định. Nếu thọ mạng của Phật có định, thì đối với thọ mạng có định khác có sai biệt gì? Nhưng thật ra, thọ mạng của Phật là không định. Không ai có thể hại Phật mới là hy hữu. Có người nói: Thọ mạng của Phật có định, còn thọ mạng của người khác, tuy có định, nhưng tay, chân, mũi, tai đều có thể bị cắt đứt. Phật không có sự việc ấy.

Hỏi: Vì sao Phật không thể bị hại là pháp bất cộng?

Đáp: Chư Phật là không thể nghĩ bàn. Giả dụ có thể nhận biết, như khiến tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đều có thể mạnh. Hoặc giả có một loại ma có từng ấy thế mạnh. Lại khiến mỗi mỗi chúng sinh trong mười phương đều có thể mạnh như của ma ác, muốn đem hết sức mạnh đó để hại Phật, hãy còn không thể làm động được một sợi lông của Phật, huống là có người hại.

Hỏi: Nếu thế thì vì sao Điều-đạt làm Phật bị thương?

Đáp: Sự việc này trước đã trả lời rồi. Phật muốn chỉ rõ tướng ba thứ độc của chúng sinh. Điều-đạt tuy có trì giới, tu thiện, nhưng tham đắm lợi dưỡng nên tạo việc đại ác.

Lại nữa, Phật khiến chúng sinh đều nhận biết Phật đối với hàng trời, người tâm không có khác. Lại đem tâm từ bi xem Điều-đạt, La-hầu-la như hai mắt phải, trái của mình. Phật thường nói pháp với tâm bình đẳng, thì nơi lúc này, Ngài hiện bày tâm bình đẳng ấy. Hàng trời, người thấy vậy đều khởi tâm hy hữu, càng thêm tin, vui.

Lại nữa, trời Trường Thọ đã thấy hành nghiệp ác của Phật ở kiếp trước, nếu nay không thọ nhận quả, tức cho hành ác không có báo chắng? Muốn trừ bỏ tà kiến kia, nên nay Phật nhận quả báo ấy.

Lại nữa, Phật đối với khổ, vui, tâm không có khác. Không có tâm ngã, ngã sở, hoàn toàn là không. Căn căn điều hòa, không thể biến đổi. Không cần tạo phương tiện để lìa khổ nhận vui.

Như trong Tạng Bồ-tát nói: Phật dùng phương tiện nên hiện nhận quả báo này. Phải nên nhận biết rộng. Đó gọi là Phật không thể bị sát hại là pháp bất cộng.

Những gì giảng nói đều chẳng không: Nghĩa là hết thảy những lời đã giảng nói của chư Phật đều có quả báo, cho nên chư Phật giảng nói pháp là chẳng không. Vì sao? Vì lúc chưa giảng nói pháp, chư Phật đều quán xét tâm chúng sinh, xét đến gốc ngọn xứ hiện trú, kiết sử dày hay mỏng. Biết đời trước chúng sinh đã hành theo công đức gì, thấy thế mạnh của căn tánh họ nhiều hay ít, biết nơi chốn, hoàn cảnh cùng những chướng ngại, những ai nên dùng pháp mềm mỏng có thể hóa độ, những ai nên dùng việc khổ để hóa độ. Hoặc lại dùng cả pháp mềm mỏng, sự việc khổ để hóa độ. Hoặc lại dùng cách phát tâm nhỏ để hóa độ. Hoặc phân biệt rộng mà hóa độ. Có khi do âm, nhập, xứ, giới, mười hai nhân duyên mà được hóa độ. Hoặc được ngộ nhập do môn trí, hoặc do nẻo tuệ.

Người này nên theo Phật mà được hóa độ. Người này nên theo Thanh văn mà được hóa độ. Người này nên dùng những duyên khác để được hóa độ.

Người này nên thành tựu thừa Thanh văn. Người này nên thành tựu thừa Phật-bích-chi. Người này nên thành tựu Đại thừa.

Người này lâu đời quen hành tham dục, giận dữ, ngu si. Người này quen hành tham dục, giận dữ. Người này quen hành tham dục, ngu si.

Mỗi mỗi loại người đều phải phân biệt như vậy.

Người này rơi vào đoạn kiến. Người này rơi vào thường kiến. Người này quá tham chấp nơi thân kiến. Người này hành tập nhiều biên kiến. Người này hành tập nhiều theo giới cấm thủ, kiến thủ.

Người này hành tập nhiều kiêu mạn. Người này hành tập nhiều tự ti, đua nịnh, quanh co. Người này tâm nhiều nghi hối. Người này ham thích ngôn từ. Có người chuộng nghĩa lý, có người chuộng nghĩa sâu, có người ưa sự việc thô thiển.

Người này đời trước tích tập pháp trợ đạo. Người này đời nay tích tập pháp trợ đạo. Người này chỉ tích tập phước đức, căn thiện. Người này chỉ tích tập toàn bộ căn thiện. Người này nên mau chứng đạo. Người này lâu dài mới chứng đạo.

Phật trước hết là quan sát, trừ tính, tùy người nên hóa độ, giảng nói pháp và độ thoát cho họ. Do vậy, tất cả pháp nói ra thầy đều chẳng không. Như kinh nói: “Trước, thấy biết rồi, Đức Thế Tôn mới giảng nói pháp, chẳng phải không thấy biết mà giảng nói pháp”.

Những gì giảng nói không lẫn lộn, không thiếu mất: Là chư Phật giảng nói pháp không hề lẫn lộn hay thiếu mất.

Không lẫn lộn là lời nói và ý nghĩa không trái nhau. Không thiếu mất là không mất ý nghĩa.

Do không mất nhân duyên của đạo, nên gọi là không mất. Do không lẫn lộn nhân duyên của quả đạo nên gọi là không lẫn lộn.

Không thiếu nên gọi là không mất. Không có lỗi nên gọi là không lẫn lộn.

Do thông đạt bốn trí vô ngại, do niệm và tuệ an ổn thường được điều hòa, nên xa lìa các kiến chấp như đoạn, thường, không có nhân, nhân tà v.v... Pháp do chur Phật giảng nói không khiến cho người bị mê muội lo sầu. Những gì nói ra, đầu, cuối, không có lỗi trái ngược nhau. Thuận theo nghĩa kinh này nên ở đây nói rộng. Như kinh nói: “Này các Tỳ-kheo! Ta giảng nói pháp cho các ông, đầu, giữa, cuối đều thiện, lời thiện, nghĩa thiện, thuần nhất, không xen tạp, nói đủ phạm hạnh”.

Dùng những sự việc hy hữu để giảng nói pháp: Theo chỗ giáo hóa tức được đạo quả, đó gọi là hy hữu. Nếu được Phật trả lời hay được Phật thọ ký, đều là chân thật không khác. Đây cũng là hy hữu. Phật đã giảng nói về đạo, đạo ấy không xen lẫn với phiền não, có khả năng dứt trừ phiền não. Đó cũng là hy hữu. Những gì Phật nói ra đều có lợi ích, trọn không phải là những lời trống không. Đó cũng là hy hữu. Người nào đối với pháp Phật, tâm siêng năng tinh tấn hành trì, thì có thể đoạn dứt pháp bất thiện, tăng thêm pháp thiện. Đó cũng là hy hữu.

Lại nữa, có ba thứ hy hữu: Một là hiện thân thông hy hữu. Hai là nói ngược lại tâm kẻ khác hy hữu. Ba là giáo hóa hy hữu. Đem cả ba hy hữu này giảng nói pháp, gọi là dùng các sự hy hữu để giảng nói pháp.

Là bậc Đạo sư tối thượng trong các chúng Thánh: Là chur Phật nhận biết tâm của tất cả chúng sinh, với những nẻo hành, nẻo ưa thích. Kiết sử sâu cạn, các căn lợi, độn, ba hạng trí tuệ. Do khéo nhận biết thông suốt, nên ở trong các Thánh, Phật là bậc Đạo sư tối thượng.

Lại nữa, Phật có thể khéo nhận biết tướng của bốn Đế, nhận biết rõ tướng chung, tướng riêng của các pháp.

Lại, do nhân duyên thuyết pháp chẳng không, nói pháp không lẫn lộn, không thiếu mất, vì vậy ở trong các Thánh Phật là bậc Đạo sư tối thượng.

Hỏi: Bốn chúng cũng có khả năng giảng nói pháp, phá trừ ngoại đạo, khiến chúng sinh đi vào pháp Phật, vì sao chỉ nói Phật là bậc Đạo sư tối thượng?

Đáp: Nên dùng giả dụ để nói. Nếu tất cả chúng sinh cùng có thể mạnh của trí tuệ đều như Phật-bích-chi, nhưng các chúng sinh này nếu không vâng theo ý Phật, thì muốn hóa độ một người cũng không thể có được. Hoặc khi các người ấy nói pháp, cho đến không thể đoạn trừ được một phần mây may kiết sử của cõi Vô sắc. Nếu Phật muốn hóa độ chúng sinh bằng ngôn thuyết, thì cho đến ngoại đạo, tà kiến, các chúng Rồng, Dạ-xoa và các chúng khác không hiểu lời Phật, Phật đều khiến cho họ hiểu được. Những người này cũng có thể chuyển hóa vô lượng chúng sinh, cho đến chúng Thanh văn ngày nay, đều khiến chúng sinh trụ trong bốn quả. Đó đều là tướng Đạo sư tối thượng của Như Lai. Do vậy gọi Phật là bậc Đạo sư tối thượng trong chúng Thánh là pháp bất cộng.

Bốn điều không giữ gìn: Là chư Phật không cần giữ gìn nghiệp của thân, không cần giữ gìn nghiệp của miệng, không cần giữ gìn nghiệp của ý, không cần giữ gìn những vật dụng cần cho đời sống. Vì sao? Vì bốn pháp này của Phật đối với kẻ khác không cần giữ gìn, không khởi niệm: Thân, miệng, ý nơi thọ mạng của Ta sợ có kẻ khác nhận biết. Vì sao? Vì đã từ lâu tu tập vô số nghiệp thanh tịnh, đều đã khéo thấy biết, các thứ phiền não đều đã đoạn trừ, thành tựu hết thảy căn thiện không gì sánh bằng, khéo hành các pháp có thể hành, không ai có thể chê trách, đầy đủ hành xả Ba-la-mật. Xả là mắt thấy sắc thì xả bỏ tâm lo mừng, cho đến ý nhận biết các pháp đều cũng như vậy. Các kinh như Bà Kha Đề Uất Đa La v.v... đã nói nên ở đây đã dẫn.

Bốn pháp không sợ hãi (Bốn pháp vô sở úy):

Hỏi: Một pháp gọi là không sợ hãi, vì sao lại có bốn?

Đáp: Ở trong bốn sự việc nghi sợ, thế nên có bốn:

1. Như Phật nói với các Tỳ-kheo: Ta tự nói lời thành thật: Ta là người Nhất thiết trí. Ở đây, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, các Thiên, Ma, Phạm cùng người trí khác trong thế gian, như pháp nêu vấn nạn: Như Lai không biết pháp này v.v... Ta ở trong trường hợp ấy, cho đến không thấy có chút tướng sợ hãi. Vì không thấy tướng ấy nên được an ổn không sợ. Đây là điều không sợ hãi thứ nhất, vì đã nhận biết như thật về hết thầy các pháp.

2. Ta tự nói lời thành thật: Tất cả các lậu của Ta đã hết. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, các Thiên, Ma, Phạm nói Ta chưa dứt hết lậu, thì Ta ở trong trường hợp này, cho đến không thấy có chút tướng sợ hãi. Vì không thấy tướng ấy, nên an ổn, không sợ. Đó là điều không sợ hãi thứ hai, vì đã khéo đoạn trừ các phiền não, cùng dứt sạch các tập khí của phiền não.

3. Ta giảng nói về pháp chướng ngại đạo. Ở đây, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm cùng người trí khác trong thế gian, như pháp nêu vấn nạn, nói: Pháp này tuy dùng cũng không thể gây chướng ngại cho đạo. Ta, ở trong trường hợp này, không thấy chút tướng sợ hãi. Do không thấy tướng ấy, nên được an ổn, không có nghi sợ. Đó là điều không sợ hãi thứ ba, do khéo nhận biết pháp gây chướng ngại cho giải thoát.

4. Đạo do Ta giảng nói, nếu dựa theo đó tu hành thì sẽ đạt hoàn toàn dứt hết khổ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm cùng người trí khác trong thế gian, như pháp nêu vấn nạn, nói: Pháp này tuy có hành trì như lời dạy, cũng không thể dứt trừ hết đường khổ, thì Ta trong trường hợp này, vẫn không có chút tướng sợ hãi. Do không có tướng ấy, nên được an ổn, không có

nghi sợ. Đó là điều không sợ hãi thứ tư, vì biết rõ con đường diệt trừ hết khổ.

Bốn pháp không sợ hãi này vượt quá các tướng run rẩy, lông thân dựng ngược của tâm sợ hãi, nên gọi là không sợ hãi.

Lại nữa, ở giữa đại chúng, oai đức của Phật luôn thù thắng, nên gọi là không sợ hãi. Lại khéo nhận biết hết thấy sự hỏi đáp, nên gọi là không sợ hãi. Nơi Kinh Chư Thiên Hội, trong ấy đã nói rộng.

Hỏi: Nếu Phật là người Nhất thiết trí, thì không còn sợ hãi đối với tất cả các pháp, sao chỉ nói có bốn thứ?

Đáp: Đó là lược nêu chỗ trọng yếu để mở bày đầu mối của sự việc. Những thứ còn lại cũng như vậy.

Mười lực của Phật: Lực là hỗ trợ, là khí thế không thể cùng tận, không gì có thể hủy hoại được. Tuy có mười tên gọi, nhưng thực ra chỉ là một trí. Vì duyên nơi mười sự việc nên gọi là mười lực.

Trí Phật duyên nơi hết thấy sự việc nên có vô lượng lực. Dùng mười lực này đủ để độ chúng sinh, nên chỉ nói có mười. Chỉ mở bày mười lực này, thì các thứ còn lại đều có thể nhận biết.

Lực thứ nhất: Tất cả các pháp có nhân không nhân, trí quyết định thông đạt. Đó gọi là Lực thứ nhất. Như Phật nói: “Nếu người cuồng đó không bỏ lời ấy, không bỏ tà kiến ấy, không bỏ tâm ấy, mà có thể đến trước Phật, thì không bao giờ có chuyện đó”. Như Phật bảo Tôn giả A-nan: “Hai Phật cùng lúc xuất hiện ở thế gian, không bao giờ có chuyện ấy. Một Phật xuất hiện ở đời, thì có chuyện đó. Sự việc này là nói đến một thế giới Phật. Nhưng thật sự thì trong vô lượng vô biên các thế giới ở mười phương, đã có trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật cùng lúc xuất hiện ở đời”. Lại nữa, kinh nói: “Nghịch của thân, miệng, ý tạo ác mà có quả báo tốt đẹp, thì không có chuyện đó. Nếu nghịch của thân, miệng, ý tạo thiện mà có quả báo tốt đẹp, điều đó tất xảy ra”. Các kinh trong năm tạng như thế là đã nói rộng về điều ấy.

Lực thứ hai: Đối với các nghiệp, các pháp thọ nhận của chúng sinh ở quá khứ, hiện tại, vị lai, Phật đều phân biệt đúng như thật, nhận biết nơi chốn, nhận biết sự việc, nhận biết quả báo. Nếu Phật muốn nhận biết về các nghiệp cùng nghiệp báo nơi quá khứ của tất cả chúng sinh, tức có thể nhận biết. Hoặc là nghiệp ở quá khứ, báo ở hiện tại. Hoặc là nghiệp ở quá khứ, báo ở vị lai. Hoặc là nghiệp ở quá khứ, báo ở quá khứ. Hoặc nghiệp ở quá khứ, báo ở quá khứ, vị lai. Hoặc nghiệp ở quá khứ, báo ở quá khứ, hiện tại. Hoặc nghiệp ở quá khứ, báo ở vị lai, hiện tại. Hoặc nghiệp ở quá khứ, báo ở quá khứ, hiện tại, vị lai. Hoặc nghiệp ở hiện tại, báo ở hiện tại. Hoặc nghiệp ở hiện tại, báo ở vị lai. Hoặc nghiệp ở hiện tại, báo ở hiện tại, vị lai. Hoặc nghiệp ở vị lai, báo ở vị lai. Có nhiều phân biệt về pháp thọ nhận như vậy.

Bốn pháp thọ nhận là: Đòi hiện tại nhận an vui, đòi sau chịu khổ não. Đòi hiện tại nhận khổ não, đòi sau nhận an vui. Đòi hiện tại nhận an vui, đòi sau nhận an vui. Đòi hiện tại nhận khổ, đòi sau nhận khổ.

Nơi chốn là theo nơi chốn, thời gian hiện có của nghiệp. Lại còn biết nơi chốn nhận quả báo của nghiệp này. Sự việc là hoặc tùy thuộc vào nhân duyên, hoặc tùy thuộc vào ba căn bất thiện, hoặc phần nhiều tự mình làm, hoặc phần nhiều nhân nơi người khác. Hết thấy nhân duyên của các nghiệp thiện, ác như vậy, Phật điều nhận biết. Báo là nhận biết các nghiệp, mỗi mỗi nghiệp đều có quả báo. Nghiệp thiện thì hoặc sinh vào xứ thiện hoặc được Niết-bàn. Nghiệp ác thì sinh vào xứ ác. Phật đều nhận biết những nhân duyên gốc ngọn của các nghiệp ấy nơi thân mình và thân người khác. Ở đây, trí lực không thoái lui, nên gọi là Lực.

Lực thứ ba: Phật đối với các tướng tịnh, uế của thiên định, giải thoát, Tam-muội, đều nhận biết đúng như thật.

Thiên là bốn thiên. Định là bốn định vô sắc, bốn tâm vô lượng đều gọi là định. Giải thoát là tám giải thoát. Tam-muội là trừ các thiên giải thoát, các định còn lại đều gọi là Tam-muội.

Có người nói: Ba môn giải thoát cùng định có giác có quán, định không giác có quán, định không giác không quán, đều gọi là Tam-muội.

Có người nói: Định là nhỏ, Tam-muội là lớn. Thế nên hết thầy chư Phật, Bồ-tát đạt được định, đều gọi là Tam-muội. Bốn xứ này đều gồm thâu trong tất cả Thiên Ba-la-mật.

Uế là thọ nhận vị. Tịnh là không thọ nhận vị. Lại nữa, uế là định hữu lậu, tịnh là định vô lậu.

Phân biệt được hết thầy Tam-muội, giải thoát: Như phân biệt về thiên. Phân biệt để nhận biết các căn cao, thấp của người khác, của chúng sinh khác. Tất cả đều nhận biết đúng như thật gọi là *Lực thứ tư*.

Chúng sinh khác là những phàm phu. Người khác là các Hiền Thánh như Tu-đà-hoàn v.v...

Hoặc có người nói: Chúng sinh khác là phàm phu và những người còn tu học chưa dứt hết phiền não. Người khác là A-la-hán đã dứt hết các phiền não.

Hoặc có người nói: Chúng sinh khác và người khác chỉ là một loại, nhưng tên gọi có sai khác.

Các căn là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, chẳng phải các căn như nhãn v.v...

Cao là mạnh mẽ, nhanh nhẹn, đủ sức chứng đắc đạo. Thấp là chậm lụt, không thể thọ nhận việc hành đạo. Phật đều nhận biết đúng như thật, không lẫn lộn về hai thứ căn cao thấp này.

Những chúng sinh khác, người khác, tâm đều có những ưa thích, Phật đều nhận biết đúng như thật. Đó gọi là *Lực thứ năm*.

Những ưa thích gọi là quý, là những sự việc được hướng đến. Như có người quý của cải, vật dụng, các thứ hoan lạc ở đời. Hoặc có người quý trọng phước đức, các pháp thiện. Những việc ấy, Phật đều

nhận biết đúng như thật. Thế gian có vô số tánh, vô lượng tánh, Phật đều nhận biết đúng như thật. Đó gọi là *Lực thứ sáu*.

Vô số tánh: Là vạn mỗi của tánh xen lẫn. Vô lượng tánh: Là nơi mỗi mỗi tánh có vô lượng thứ phân biệt. Tánh: Là từ đời trước cho đến giờ, tâm thường hành tập sử dụng, luôn vui thích hành tác tu tập nên thành tánh. Hai tánh thiện ác ấy, Phật đều nhận biết đúng như thật, đến tất cả xứ đạo, Phật cũng đều nhận biết đúng như thật. Đó gọi là *Lực thứ bảy*.

Đến tất cả xứ đạo: Là có thể đạt được hết thảy công đức. Đạo ấy gọi là đến tất cả xứ đạo. Đó là năm phần Tam-muội hoặc năm trí Tam-muội, hoặc là tám phần Thánh đạo. Hoặc Thánh đạo gồm thâu các pháp. Hoặc bốn như ý túc. Như kinh nói: “Tỳ-kheo khéo tu tập bốn như ý túc thì không lợi ích nào là không đạt được”.

Có người nói: Là bốn thiên. Như kinh nói: Tỳ-kheo đạt được bốn thiên, tâm an trụ vào một xứ thanh tịnh, trừ hết các phiền não, diệt hết các chướng ngại, điều hòa gắng dụng, không còn đời động. Nếu chuyển hướng để nhận biết sự việc đời trước, tức có thể nhận biết sự việc đời trước. Đó gọi là *Lực thứ tám*.

Phật nếu muốn nhớ nghĩ đến thân mình hay nhớ nghĩ đến hết thảy chúng sinh với vô lượng vô biên thọ mạng đời trước, tất cả những việc ấy, Phật đều nhận biết tường tận. Các sự việc đã trải qua Hằng hà sa số kiếp, người này sinh nơi nào, tên họ, dòng dõi sang hèn, việc ăn uống, vật dùng cần thiết, nỗi khổ, niềm vui, các sự nghiệp đã tạo, những quả báo đã thọ nhận, tâm hành như thế nào, vốn từ đâu lại v.v... tất cả những sự việc như vậy, Phật dùng thiên nhãn thanh tịnh, vượt qua mắt người, thấy hết thảy chúng sinh trong sáu nẻo, theo nghiệp thọ nhận. Đó gọi là *Lực thứ chín*.

Hàng Thanh văn có lực lớn, dùng thiên nhãn thấy các cõi nước trong tiểu thiên thế giới, cũng thấy chúng sinh trong các cõi đó lúc

sinh, lúc chết. Hàng Phật-bích-chi có lực ít, thấy ngàn cõi nước trong tiểu thiên thế giới, cũng thấy chúng sinh trong các cõi đó lúc sinh, lúc chết. Hàng Phật-bích-chi có lực trung bình, thấy trăm vạn cõi nước trong tiểu thiên thế giới, cũng thấy chúng sinh trong các cõi đó khi sinh, khi chết. Hàng Phật-bích-chi có lực lớn, thấy cõi nước trong Tam thiên đại thiên thế giới, cũng thấy chúng sinh trong các cõi đó với nơi chốn sinh chết. Chư Phật - Thế Tôn thấy vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn thế gian, cũng thấy chúng sinh trong các cõi đó khi sinh khi chết. Đó gọi là *Lực thứ mười*. Dục lậu, Hữu lậu, Vô minh lậu, tất cả các lậu đều dứt hết, các phiền não và tập khí đều diệt hết. Đó gọi là *Lực thứ mười*.

Giải thoát vô ngại: Giải thoát có ba thứ: Giải thoát đối với các chướng ngại của phiền não. Giải thoát đối với các chướng ngại của thiên định. Giải thoát đối với các chướng ngại của tất cả các pháp.

Trong đó, A-la-hán tuệ giải thoát đạt được giải thoát lìa các chướng ngại của phiền não. A-la-hán cộng giải thoát và Phật Bích-chi đạt được giải thoát lìa các chướng ngại của phiền não, đạt được giải thoát lìa chướng ngại của thiên định. Chỉ có chư Phật là gồm đủ ba thứ giải thoát ấy.

Đó là giải thoát các chướng ngại của phiền não. Giải thoát các chướng ngại của thiên định. Giải thoát các chướng ngại của tất cả các pháp, gọi chung là ba thứ giải thoát, nên Phật gọi là giải thoát vô ngại.

Luôn theo tâm cùng sinh cho đến Niết-bàn vô dư thì ngừng. Đó gọi là **Bốn mươi pháp bất cộng**. Lược mở bày pháp môn của Phật khiến chúng sinh hiểu nên nói. Những điều không nói đến là vô lượng vô biên. Đó là:

1. Thường không lìa tuệ.
2. Biết rõ thời, không để mất.

3. Diệt trừ hết thảy tập khí.
4. Được định Ba-la-mật.
5. Hết thảy công đức đều thù thắng.
6. Theo chỗ thích hợp, hành Ba-la-mật.
7. Không ai có thể trông thấy đỉnh đầu.
8. Không ai có thể sánh bằng.
9. Không ai có thể hơn.
10. Hơn hết trong thế gian.
11. Không từ người khác nghe pháp mà đạt được đạo.
12. Pháp không chuyển đổi.
13. Tự nói là Phật rốt cùng không ai có thể đến trước Phật.
14. Pháp không thoái chuyển.
15. Đắc tâm đại bi.
16. Đắc tâm đại từ.
17. Là người đáng tin nhận bậc nhất.
18. Danh tiếng lợi dưỡng bậc nhất.
19. Cùng y chỉ như Phật, các sư không ai bằng Phật.
20. Các sư không có được chúng đệ tử như Phật.
21. Đoan nghiêm bậc nhất, ai trông thấy cũng vui thích.
22. Phật là người không ai có thể khiến kẻ khác giết hại được.
23. Những ai Phật muốn hóa độ thì không người nào giết hại họ được.
24. Khi mới sinh, tâm đã có khả năng đoạn trừ các kiết của tư duy.
25. Chúng sinh đáng độ, Phật không bỏ mất thời cơ để độ họ.
26. Trí thứ mười sáu chúng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.
27. Là ruộng phước bậc nhất của thế gian

28. Phóng ra vô lượng hào quang.
 29. Nẻo hành hóa không giống người khác.
 30. Tướng của trăm phước đức.
 31. Vô lượng vô biên căn thiện.
 32. Lúc vào thai.
 33. Khi sinh ra.
 34. Lúc chứng đắc Phật đạo.
 35. Lúc chuyển pháp luân.
 36. Khi xả bỏ thọ mạng lâu dài.
 37. Lúc nhập Niết-bàn, có thể làm chấn động Tam thiên đại thiên thế giới.
 38. Làm khuynh động vô lượng vô biên cung điện của các ma, khiến chúng kinh hoảng, mất hết oai đức.
 39. Các Thiên vương Hộ thế, Thích-đề-hoàn-nhân, các Thiên vương Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc, Tự tại, Phạm thiên, và chư Thiên Tịnh cư v.v... trong một lúc cùng tụ tập đến thỉnh Phật chuyển pháp luân.
 40. Thân Phật kiên cố như Na-la-diên.
 41. Chưa có kiết giới, là lần đầu kiết giới.
 42. Những việc hành tác uy lực đều hơn người.
 43. Bỏ-tát ở trong thai, người mẹ đối với tất cả nam tử, tâm không nhiễm vương.
 44. Diệu lực có thể cứu độ hết thầy chúng sinh.
- Pháp bất cộng của Phật có vô lượng vô số như thế. Để khỏi gây trở ngại cho các sự việc khác, nên không cần nói rộng. Pháp Thanh văn tuy tương tự pháp Phật, nhưng chổ hơn kém không đồng, nên có sai biệt.

Lại nữa, nói chung hết thấy các pháp của chư Phật là vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn, hy hữu bậc nhất. Tất cả chúng sinh đều không thể cùng chung. Giả sử các Tam thiên đại thiên thế giới nơi mười phương, không thể tính kể, trong đó, các chúng sinh hiện có đều có trí tuệ như Phạm Thiên vương, đều có trí tuệ như Phật-bích-chi lớn, đều có trí tuệ như Tôn giả Xá-lợi-phất, tập hợp hết thấy trí tuệ ấy khiến một người đạt được, người đó muốn cùng ở trong bốn mươi pháp bất cộng của Phật, dù chỉ một phần rất nhỏ, cũng không hề có điều ấy. Không được một phần trăm, một phần ngàn, một phần vạn, một phần ức của một pháp. Chư Phật có diệu lực của vô lượng vô biên công đức như thế. Vì sao? Vì trong vô số đại kiếp, Phật đã an trụ trong bốn xứ công đức, hành trì sâu xa sáu pháp Ba-la-mật, khéo có thể hành đầy đủ hết thấy pháp hành của Bồ-tát. Do pháp này là bất cộng với hết thấy chúng sinh, nên quả báo cũng bất cộng.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYÊN 12

Phẩm 24: KỆ TÁN THÁN PHẬT

Như thế là đã giải thích xong bốn mươi pháp bất cộng, nên lấy tướng của bốn mươi pháp bất cộng này để niệm Phật. Lại nên dùng các kệ để tán thán Phật, như đang đối diện và nói năng với Ngài. Như vậy là thành tựu Tam-muội niệm Phật. *Như kệ nói:*

*Thánh chủ đại tinh tấn
Bốn mươi pháp riêng có
Con nay đối trước Phật
Tâm kính để xưng tán.
Như ý và phi hành
Lực ấy không giới hạn
Ở trong như ý Thánh
Không ai cùng sánh bằng.
Tự tại nơi Thanh văn
Tha tâm trí vô lượng
Khéo hay điều phục tâm
Tùy ý mà thích ứng.
Niệm ấy như biển lớn
Trong lặng nơi an ổn
Thế gian không pháp nào*

Có thể nhiều loạn được.
 Chư Phật đã khen ngợi
 Tam-muội Kim cang báu
 Chúng đấng, tâm gắn liền
 Như trực tâm Hiền Thánh.
 Khéo biết pháp bất định
 Việc bốn định vô sắc
 Vì tế khó phân biệt
 Đều biết hết, không sót.
 Chúng sinh nếu đã diệt
 Đang diệt và sẽ diệt
 Chỉ riêng có Thế Tôn
 Trí tuệ thông đạt hết.
 Biết tâm bất tương ưng
 Sự trong phi sắc pháp
 Hết thấy các thế gian
 Thấy đều không biết được.
 Thế Tôn oai lực lớn
 Công đức không thể lường
 Trí tuệ không biên vực
 Đều không người cùng sánh.
 Trong bốn lối hỏi đáp
 Siêu tuyệt không ai hơn
 Chúng sinh có vấn nạn
 Tất cả đều đáp dễ.
 Nếu trong các thế gian
 Có người muốn hại Phật
 Việc ấy đều không thành
 Do thành pháp bất sát.
 Như ở trong ba thời
 Các pháp đã giảng nói

Đều là lời không dối
 Thường có quả báo lớn.
 Phàm pháp được nêu giảng
 Đều là pháp hy hữu
 Nghĩa lý đã không làm
 Huống nữa là ngôn từ.
 Ba hạng đệ tử Thánh
 Thượng, trung, hạ có khác
 Bốn Hướng và bốn Quả
 Đại Đạo sư bậc nhất.
 Mạng nghiệp thân, miệng ý
 Rốt cùng đều thanh tịnh
 Thế nên thọ mạng ấy
 Không cần phải phòng hộ.
 Tự bảo: Nhất thiết trí
 Tâm không có nghi, sợ
 Nếu người đến hỏi Ta
 Sợ có chỗ không biết.
 Tự nói tướng lậu hết
 Tận đến biên vô lậu
 Tâm không có nghi, sợ
 Lậu khác có bất tận.
 Tự nêu pháp chướng ngại
 Trong ấy không nghi ngờ
 Tuy có dùng pháp này
 Không hề bị chướng ngại.
 Tám Thánh đạo đã nói
 Tâm không có nghi, sợ
 Có người bảo tám đạo
 Không đưa đến giải thoát.
 Biết như thật nhân đó

Quả báo có hay không
 Nên hiệu: Nhất thiết trí
 Tiếng tốt truyền vô lượng.
 Nghiệp hiện có ba đời
 Là các nghiệp định báo
 Nghiệp nào không định báo
 Mỗi thứ đều biết hết.
 Nơi các thiên, Tam-muội
 Việc lớn, nhỏ, sâu, cạn
 Có khả năng biết rõ
 Trong thiên không ai bằng.
 Trước biết căn chúng sinh
 Cao, vừa, thấp sai biệt
 Tánh, vô số ưa thích
 Tùy nghi mà nói pháp.
 Hành đạo được các lợi
 Gồm để dẫn dắt người
 Do đây chúng đệ tử
 Được thiện lợi như thật.
 Biết vô lượng đời trước
 Thiên nhãn thấy vô biên
 Trong hết thấy trời, người
 Không ai biết hạn lượng.
 Trụ Tam-muội Kim cang
 Diệt phiền não tập khí
 Lại biết người lậu tận
 Nên gọi lực lậu tận.
 Phiền não, ngăn các thiên
 Chướng ngại tất cả pháp
 Giải thoát ba ngại ấy
 Hiệu: Giải thoát vô ngại.

Bốn mươi pháp bất cộng
Công đức không thể lường
Không thể nói cho hết
Tôi đã lược nêu xong.
Thế Tôn hoặc một kiếp
Khen ngợi pháp Phật này
Cũng còn không thể tận
Huống con không trí đó.
Tiếng đại từ Thế Tôn
Chứa vô lượng nghiệp thiện
Bốn xír các công đức
Đắc vô lượng pháp Phật.
Điều Thế Tôn giảng nói
Bốn công đức thắng xír
Con nay lại dùng đây
Để xưng tán Như Lai.
Đủ ba mươi hai tướng
Tướng có trăm phước đức
Cùng tám mươi vẻ đẹp
Ba cõi nào ai được?
Tam thiên đại thiên giới
Chúng sinh phước hiện có
Quả báo gấp trăm lần
Tướng có đức như thế.
Các phước đức như vậy
Cùng những quả báo ấy
Lại còn gấp trăm lần
Thành một tướng bạch hào.
Mỗi mỗi ba mươi tướng
Phước đức và quả báo
Lại được gấp ngàn lần

Thành một tướng nhục kế.
 Công đức của Thế Tôn
 Không thể lường tính được
 Như người dùng thước tấc
 Sao đo hết hư không?
 Từ lúc phát tâm lớn
 Nhằm hóa độ chúng sinh
 Tâm vững vô lượng kiếp
 Cho nên thành Phật đạo.
 Tinh tấn nhằm thành đủ
 Đại nguyện như thế đó
 Trong vô lượng số kiếp
 Hành các hạnh khó làm.
 Như các Phật thuở xưa
 Nói xử bốn công đức
 Vô lượng kiếp mới thành
 Nay an trụ trong ấy.
 Vốn hộ trì thật đế
 Xả bỏ mạng, người thân
 Bỏ giàu sang, của cải
 Thế nên được đầy đủ.
 Trong vô lượng số kiếp
 Pháp thấy, nghe, hiểu, biết
 Trước đều khéo suy nghĩ
 Sau mới vì người nói.
 Nếu như không thấy gì
 Trong đó lại có nghi
 Cứ như thật giảng nêu
 Lợi ích vô cùng tận.
 Không nêu chuyện của người
 Hoặc giận trách, chống đối

Niệm luôn trụ trong tuệ
Thuận hóa khiến an ổn.
Chân diệu để bậc nhất
Là Niết-bàn tối thượng
Các thứ đều hư vọng
Thế Tôn đức đầy đủ.
Những ăn uống, giường nằm
Nhà gác, vườn cảnh đẹp
Nào voi, ngựa xe tốt
Nào thể nữ đoan chánh.
Những vàng bạc, châu báu
Thành ấp và xóm làng
Đất nước và ngôi cao
Gồm bốn châu thiện hạ.
Con quý, vợ thân yêu
Cả tay chân đầu mắt
Đến đập xương lấy tủy
Toàn thân đều thí hết.
Xót thương các chúng sinh
Luôn thí không luyến tiếc
Vì cầu khỏi sinh tử
Chẳng phải cầu tự vui.
Ngàn sao nơi trời cao
Cát hiện có mặt đất
Thế Tôn khi Bồ-tát
Bố thí số vượt hơn.
Trọn không theo phi pháp
Cầu tài mà bố thí
Biết rõ mới bố thí
Thí không gây tổn nã.
Không tham tiếc vật đẹp

Mà cho người vật xấu
 Thí, tâm không dua nịnh
 Không tiếc, gượng mà thí.
 Tâm không giận, không nghi
 Không tà, không khinh thị
 Không chán, tâm luôn tin
 Thí cả cổ và mặt.
 Không có tâm phân biệt
 Cho đây, không cho kia
 Chỉ do nơi tâm bi
 Bình đẳng mà hành thí.
 Không xem nhẹ chúng sinh
 Chẳng phải là ruộng phước
 Thấy Thánh, tâm cung kính
 Thương cả người phá giới.
 Không tự đề cao mình
 Mà coi khinh người khác
 Cũng không vì được khen
 Bỏ thí không cầu báo.
 Không hối, không lo sâu
 Thí, tâm không ghét, khinh
 Tâm không hận, gáp, chậm
 Người không pháp, cũng thí.
 Thí với tâm cung kính
 Thí không quăng ném vật
 Thí không làm phiền người
 Thí không vì thắng thua.
 Không đùa cợt người xin
 Thí do chính tay mình
 Không khinh người ít vật
 Mình nhiều thí tự cao.

Không đem thừa Thanh văn
Phật-bích-chi mà thí
Thí không hạn một đời
Không bố thí phi thời.
Thế Tôn vô số kiếp
Hành những thí hy hữu
Đều vì đạo vô thượng
Không vì cầu tự vui.
Trong pháp của chư Phật
Xuất gia hành xa lìa
Tu tập các pháp Phật
Vi trời, người giảng nói.
Nêu pháp thí như vậy
Trong các thí là hơn
Như mặt trời tỏa sáng
Trăng sáng vượt các sao.
Xứ Xả thắng như vậy
Vượt hơn hẳn trời, người
Thế Tôn cũng như thế
Tối thượng nơi thế gian.
Thế nên khéo trọn đủ
Xứ thắng Xả như thế
Tiếng tốt vô lượng kiếp
Lưu truyền mãi không cùng.
Thế Tôn vô lượng kiếp
Hộ trì giới thanh tịnh
Mở cửa các thiên đình
Vi đạt xứ vắng lặng.
Trước, lìa nơi năm tướng
Sau, hành tám giải thoát
Nhân ba Tam-muội tịnh

Cũng trụ ba giải thoát.
 Thế Tôn khéo phân biệt
 Sáu mươi lăm thứ thiên
 Không một thiên định nào
 Trước sau không phát sinh.
 Ở trong những định ấy
 Cũng không thọ nhận vị
 Thế Tôn nhân các định
 Được ba thứ thân thông.
 Dụng đầy độ chúng sinh
 Thế nên hơn hết thầy
 Thế Tôn vô lượng kiếp
 Tâm bình đẳng độ khắp.
 A-tăng-kỳ chúng sinh
 Khiến trụ ở Phạm thế
 Hay dùng phương tiện khéo
 Giảng nói về thiên định.
 Thế Tôn khi Bồ-tát
 Luôn nơi vô lượng đời
 Tham, phiền não, không vương
 Mà qua lại thế gian.
 Quá khứ được gặp Phật
 Vô lượng đời sinh thiên
 Chư Bồ-tát quá khứ
 Đã hành trì tịch diệt.
 Thế Tôn khi Bồ-tát
 Cũng như thế không khác
 Vậy nên nơi tịch diệt
 Thắng xứ đều sung mãn.
 Thế Tôn khi Bồ-tát
 Có bao nhiêu trí tuệ

Dùng tuệ cầu Bồ-đề
 Nay thành tựu báo tuệ.
 Cửa cái và ăn uống
 Như người nương đất sống
 Thế Tôn trải nhiều đời
 Bỏ mùi đường ác tối.
 Thường hành mùi đường thiện
 Đều do sức trí tuệ
 Bỏ năm dục, năm cái
 Được các thứ thiên định.
 Vô lượng số kiếp đời
 Không từ người khác nhận
 Lành thay! Đại Thánh Tôn!
 Đều từ uy lực tuệ.
 Chúng sinh nhờ Thế Tôn
 Vô lượng sinh sáu trời
 Cũng khiến đến Phạm thế
 Đó đều do sức tuệ.
 Thế Tôn nơi sinh tử
 Khổ vui khiến mê muội
 Không mất tâm Bồ-đề
 Đó đều do sức tuệ.
 Thế Tôn nơi sinh tử
 Không thích mà luôn ở
 Không chấp vui Niết-bàn
 Đó đều do sức tuệ.
 Lúc an tọa đạo tràng
 Xua tan hết quân ma
 Cứu độ các chúng sinh
 Đó đều do sức tuệ.
 Khi xưa cầu Bồ-đề

Chứa vô lượng trợ pháp
 Người nghe luôn mê muội
 Làm sao thọ trì được.
 Thế Tôn khéo nhẫn chịu
 Đó đều do sức tuệ
 Kinh sách, các kỹ thuật
 Đòi đòi sinh tự biết.
 Cũng khéo gồm dạy người
 Đó đều do sức tuệ
 Gắn gũi vô lượng Phật
 Điều uống pháp cam lồ.
 Từng thỉnh hỏi nhiều thứ
 Cũng theo đó phân biệt
 Trong kinh, pháp, trí tuệ
 Chưa từng có tiếc giầu.
 Đến người ăn kẻ ở
 Cũng hỏi nhận lời hay
 Do vậy mà Thế Tôn
 Tuệ thắng xử hành khắp.
 Thế Tôn nơi đời trước
 Khi câu Bồ-đề này
 Đối tất cả chúng sinh
 Hành tâm đại từ bi.
 Dùng trí tuệ bậc nhất
 Thường phát uy lực lớn
 Hành tác vô lượng thứ
 Các sự khó, hy hữu.
 Tất cả các thế gian
 Tận cùng vô lượng kiếp
 Nói không bao giờ hết
 Cũng không tính toán nói.

*Các sự việc như vậy
 Vượt hơn cả trời, người
 Trong tất cả thế gian
 Kỳ diệu không gì sánh.
 Quả được từ nghiệp lớn
 Đầy đủ Nhất thiết trí
 Vua phá trừ sinh tử
 An trụ xứ Pháp vương.*

Phẩm 25: TAM MUỘI TRỢ NIỆM PHẬT

*Bồ-tát nên dùng đây
 Bốn mươi pháp bất cộng
 Niệm pháp thân chư Phật
 Phật chẳng phải sắc thân.*

Kệ này tuần tự lược giải nghĩa trong sáu phẩm của bốn mươi pháp bất cộng. Thế nên người tu hành trước niệm sắc thân Phật, sau đó niệm pháp thân Phật. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm nên dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để niệm Phật. Như trước đã nói, muốn chuyển hội nhập sâu đạt được uy lực bậc trung, nên dùng pháp thân để niệm Phật. Tâm chuyển hội nhập sâu đạt được uy lực bậc thượng, nên dùng thật tướng niệm Phật, nhưng không tham chấp.

*Chớ nhiễm vương sắc thân
 Pháp thân cũng không chấp
 Khéo biết hết thấy pháp
 Vĩnh tịch như hư không.*

Bồ-tát này được uy lực bậc thượng, không do sắc thân, pháp thân khiến tham vương nơi Phật. Vì sao? Vì tin hiểu, ưa thích pháp không. Biết các pháp như hư không. Hư không là không có chướng ngại.

Nhân duyên của chướng ngại là các núi Tu-di, mười núi báu như núi Do-càn-đà v.v..., núi Thiết-vi, núi Đen, núi Đá v.v... Có vô lượng nhân duyên chướng ngại như thế. Vì sao? Vì người này chưa được thiên nhãn, nên khi tưởng nhớ (niệm) đến chư Phật nơi thế giới phương khác, thì có các núi gây chướng ngại. Do vậy, Bồ-tát mới phát tâm nên dùng mười hiệu tướng diệu để niệm Phật. *Như kệ nói:*

*Bồ-tát mới phát tâm
Dùng mười hiệu tướng diệu
Niệm Phật, không hủy mất
Như hình tượng trong gương.*

Mười hiệu tướng diệu: Là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Không hủy mất: Là sự việc của đối tượng quán là không, như hư không, nên đối với pháp không có gì để mất. Vì sao? Vì các pháp xưa nay là không sinh, là vắng lặng. Hết thấy các pháp đều như vậy. Người này, nhờ duyên nơi danh hiệu Phật nên pháp thiên tăng trưởng, tức có thể duyên tướng. Bây giờ, đối với pháp thiên, người này được tướng. Đó là thân được an lạc kỳ diệu. Nên biết là đã thành tựu được Tam-muội Ban chu. Tam-muội thành tựu nên được thấy chư Phật.

Như hình tượng trong gương: Là nếu Bồ-tát thành tựu Tam-muội này, thì như gương sáng sạch, tự thấy hình tướng mình trong đó. Như nơi nước lặng trong thì thấy thân tướng mình trong ấy. Lúc đầu, theo chỗ niệm Phật trước, được thấy hình sắc Phật, thấy hình tượng đó rồi, về sau, nếu muốn thấy chư Phật ở phương khác, thì tùy chỗ niệm về phương mà được thấy chư Phật, không có chướng ngại gì. Do vậy, người này:

*Tuy chưa có thần thông
Phi hành đến khắp nơi*

*Nhưng được thấy chư Phật
Nghe pháp không chướng ngại.*

Bồ-tát mới phát tâm này đối với các núi như núi Tu-di v.v... không thể vượt qua chướng ngại, cũng chưa được thần thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, chưa có thể phi hành từ nước này đến nước kia, nhưng do diệu lực của Tam-muội ấy, nên trụ ở cõi nước này mà thấy được chư Phật - Thế Tôn ở phương khác, được nghe các Ngài giảng nói pháp. Do thường tu tập Tam-muội này nên được thấy chư Phật chân thật ở mười phương.

Hỏi: Định ấy do pháp gì khiến có thể phát sinh? Làm sao có thể đạt được?

Đáp:

*Gần gũi tri thức thiện
Tinh tấn không lười, thoái
Trí tuệ càng vững chắc
Tín lực không thể động.*

Do bốn pháp này có thể sinh ra Tam-muội ấy.

Gần gũi tri thức thiện: Là người có thể đem Tam-muội này chỉ dạy cho người khác, đó là tri thức thiện.

Tinh tấn không lười, thoái: Là nên tăng thêm tâm cung kính siêng năng gần gũi, chớ có biếng trễ, phế bỏ, thoái chuyển. Lìa bỏ chúng thì được nghe nghĩa lý sâu xa của Tam muội ấy.

Trí tuệ càng vững chắc: Là trí nhanh nhẹn, trí thông đạt, trí không mất, gọi là tín căn bền vững, sâu chắc.

Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm, cùng những người nơi thế gian, đều không thể khuynh động, gọi là *Tín lực không thể động*.

Bốn pháp như thế có khả năng sinh Tam-muội.

Lại nữa:

*Hồ thẹn, mến, cung kính
Cúng dường người thuyết pháp
Cũng như các Thế Tôn
Hay sinh Tam-muội này.*

Hồ thẹn, mến, cung kính: Là đối với người thuyết pháp, sinh tâm hồ thẹn sâu xa, tỏ bày tâm yêu mến, cung kính, vui thích cúng dường chư Phật. Bốn pháp như thế có khả năng sinh Tam-muội này.

Lại nữa, bốn pháp thứ nhất là:

1. Trong ba tháng chưa từng ngủ nghỉ để tu tập, trừ các thì giờ ăn uống, tiện lợi, nằm ngồi.
2. Nơi ba tháng, cho đến chỉ trong khoảnh khắc, không hề sinh tâm về ngã.
3. Nơi ba tháng kinh hành không ngừng nghỉ.
4. Trong ba tháng hành thí pháp không cầu lợi dưỡng.

Lại có bốn pháp:

1. Có thể thấy Phật.
2. An ủi, khuyên người nghe Tam-muội này.
3. Thường không tham lam, không ganh ghét, thực hành tâm Bồ-đề.
4. Hay tích tập những đạo pháp của Bồ-tát đã hành trì để tu tập.

Lại có bốn pháp:

1. Tạo dựng tượng Phật, cho đến tượng vẽ.
2. Nên khéo biên chép kinh Tam-muội này, khiến người tin vui được đọc tụng.

3. Giáo hóa người tăng thượng mạn khiến lìa bỏ pháp ấy, tu tập đạt được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

4. Nên hộ trì chánh pháp của chư Phật.

Lại có bốn pháp:

1. Ít nói năng.

2. Xuất gia và tại gia nên ở riêng.

3. Thường thâm giữ tâm, giữ lấy tướng của đối tượng duyên.

4. Vui thích hạnh xa lìa, nơi chốn tịch tĩnh, thanh vắng.

Năm pháp thứ nhất là:

1. Đạt pháp nhẫn vô sinh. Chán lìa hết thấy các pháp hữu vi. Không vui thích đối với tất cả xứ sinh đến. Không thọ nhận bất cứ pháp nào của ngoại đạo. Chán ghét tất cả các dục của thế gian, cho đến không muốn nhớ nghĩ, hưởng chi là đến gần.

2. Tâm thường tu tập vô lượng các pháp, định tại một xứ. Không giận, không gây trở ngại đối với tất cả chúng sinh. Tâm luôn tùy thuận hành bốn Nhiếp pháp.

3. Có khả năng thành tựu từ bi hỷ xả, không nêu dẫn lỗi người khác.

4. Có thể tích tập nhiều pháp Phật đã thuyết giảng theo đó hành trì.

5. Nghiệp và kiến nơi thân, miệng, ý luôn được thanh tịnh.

Lại có năm pháp:

1. Vui thích như kinh đã tán thán hành bố thí, tâm không keo kiệt. Vui thích giảng nói pháp sâu cho mọi người, không bòn sẻn, tiếc rẻ, cũng có thể tự trụ.

2. Nhẫn nhục, nhu hòa, cùng trụ nơi hoan hỷ. Đối với các thứ lời nói thô ác, mắng nhiếc, đánh đập, trói cột, chỉ nên suy xét về nghiệp duyên, không giận dữ với người khác.

3. Luôn vui thích nghe Tam-muội này, đọc tụng thông suốt, đem giảng nói cho người khác khiến được lưu hành rộng khắp, siêng năng tu tập.

4. Tâm không ganh ghét, không tự đề cao, hạ thấp người khác, trừ bỏ sự ngăn che của ngũ nghi.

5. Luôn có tâm tin tưởng thanh tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng. Tâm cung kính phụng sự sâu xa đối với những vị thượng, trung, hạ tọa. Người khác có ơn, dù nhỏ, luôn nhớ không quên. Thường trụ trong lời nói chân thật.

Lại nữa:

*Các Bồ-tát xuất gia
Đã học pháp Tam-muội
Người Bồ-tát tại gia
Pháp ấy phải nên biết.*

Nếu muốn tu tập Tam-muội này, Bồ-tát tại gia phải:

1. Nên đem tâm tin sâu xa.
2. Không cầu quả báo của nghiệp.
3. Thí hết thầy các vật trong, ngoài.
4. Quy mạng nơi ba ngôi báu.
5. Giữ thanh tịnh năm giới không thiếu sót.
6. Hành đầy đủ mười đạo thiện, cũng khiến người khác trụ trong pháp ấy.
7. Đoạn trừ dâm dục.
8. Chê trách năm dục.
9. Không ganh ghét.
10. Không tham đắm đối với vợ con.
11. Tâm thường xuyên xuất gia.

12. Thường thọ trai giới.
13. Tâm vui thích trụ nơi chùa, tháp.
14. Đầy đủ hổ thẹn.
15. Khởi tâm cung kính đối với Tỳ-kheo tịnh giới.
16. Không bỏn sẻn đối với pháp.
17. Sinh tâm cung kính sâu xa đối với người thuyết pháp.
18. Đối với người giảng nói pháp khởi tưởng như cha mẹ, như bậc Đại sư.
19. Đem các thứ tạo an lạc cung kính cúng dường cho người giảng nói pháp.

20. Biết ơn và biết báo ơn.

Như vậy, Bồ-tát tại gia trụ vào những công đức đó, tức có thể tu học Tam-muội này.

Bồ-tát xuất gia tu tập pháp Tam-muội này, thì:

1. Không có tỳ vết đối với giới.
2. Trì giới không có ô nhiễm xen tạp.
3. Trì giới không cặn đục.
4. Giới luôn thanh tịnh.
5. Giới không tổn hại.
6. Giới không chấp giữ.
7. Giới không nhờ dựa.
8. Giới không thủ đắc.
9. Giới không thoái lui.
10. Trì giới được bậc Thánh khen.
11. Trì giới được người trí khen.
12. Giới theo Ba-la-đề-mộc-xoa.

13. Hành xử oai nghi đầy đủ.
14. Cho đến một tội rất nhỏ, tâm cũng khởi sợ hãi lớn.
15. Nghiệp thân, miệng ý luôn trong sạch.
16. Thọ mạng thanh tịnh.
17. Thọ trì hết giới hiện có.
18. Tin, ưa pháp sâu xa.
19. Đối với pháp *vô sở đắc*, tâm có thể nhận chịu. Đối với pháp không, vô tướng, vô nguyện, tâm không kinh hãi.
20. Phát khởi tinh tấn.
21. Niệm thường ở trước mặt.
22. Tâm tin kiên cố.
23. Đầy đủ hổ thẹn.
24. Không tham lợi dưỡng.
25. Không đố kỵ.
26. Trụ nơi công đức Đâu-đà.
27. Trụ trong pháp hành vi tế.
28. Không ưa nói lời tục thế gian.
29. Xa lìa lời nói tụ hội.
30. Biết báo ơn.
31. Biết tạo ơn, trả ơn.
32. Ở chỗ các Hòa thượng, A-xà-lê, luôn khởi tâm cung kính, nể sợ.
33. Trừ bỏ kiêu mạn.
34. Hàng phục tâm về ngã.
35. Tri thức thiện khó gặp, tâm phải siêng cung cấp vật dụng.

36. Ở nơi chốn được nghe người giảng nói pháp, cho kinh quyền hoặc miệng đọc tụng, đối với những người ấy sinh tưởng như cha mẹ, như tri thức thiện, như bậc Đại sư, như sự hổ thẹn lớn nên kính yêu.

37. Thường ưa thích chốn A-luyện-nhã.

38. Không ưa thích trụ nơi thành ấp, xóm làng.

39. Không tham đắm nơi nhà của đàn-việt, của tri thức thiện.

40. Không tiếc thân mạng.

41. Tâm thường nhớ nghĩ đến sự chết.

42. Không giữ lấy lợi dưỡng.

43. Đối với các vật tâm không chấp trước.

44. Dứt hết những khát ái.

45. Hộ trì chánh pháp.

46. Không tham chấp y, bát.

47. Không chứa nhóm vật nhặt nhạnh.

48. Chỉ muốn hành khát thực.

49. Khát thực theo thứ lớp.

50. Thường biết hổ thẹn, tâm luôn có hối.

51. Không chứa cất vàng bạc, châu báu, tiền tài. Lìa những hối tiếc bất thiện.

52. Tâm không có các thứ cấu uế vây buộc.

53. Thường hành tâm từ.

54. Trừ bỏ giận dữ.

55. Thường hành tâm bi.

56. Đoạn trừ ái chấp.

57. Thường cầu lợi ích an ổn cho tất cả thế gian.

58. Thường thương xót hết thủy chúng sinh.

59. Thường vui thích kinh hành.

60. Trừ bỏ ham mê ngủ nghỉ.

Bồ-tát xuất gia an trụ trong những pháp như vậy, nên tu tập Tam-muội này.

Lại nữa:

*Tu pháp Tam-muội khác
Cũng nên học như thế.*

Có thể phát sinh Tam-muội Ban chu này. Những pháp trợ đạo khác cũng nên tu tập. *Những pháp đó là:*

1. Duyên vào ơn Phật, luôn niệm ở ngay trước mặt.
2. Không khiến tâm tán loạn.
3. Thâu giữ tâm ngay trước mặt.
4. Giữ gìn các căn.
5. Ăn uống biết đủ, biết ngừng.
6. Đầu đêm, cuối đêm luôn tu Tam muội.
7. Lìa chướng ngại của các phiền não.
8. Sinh các thiện định.
9. Trong thiền, không thọ nhận vị.
10. Xua tan tướng sắc.
11. Được tướng bất tịnh.
12. Không tham nơi năm ấm.
13. Không vướng mắc nơi mười tám giới.
14. Không nhiễm mười hai nhập.
15. Không cậy nơi tộc họ.
16. Phá trừ kiêu mạn.

17. Đối với tất cả pháp, tâm thường rỗng lặng.
18. Đối với các chúng sinh khởi tướng thân tộc.
19. Không chấp giữ nơi giới.
20. Không phân biệt định.
21. Nên siêng năng học nhiều.
22. Không do học nhiều mà kiêu mạn.
23. Không nghi ngờ đối với các pháp.
24. Không trái với chư Phật.
25. Không hành nghịch với pháp.
26. Không phá hoại Tăng.
27. Thường đi tới chỗ các Hiền Thánh.
28. Xa lìa hàng phàm phu.
29. Vui thích luận bàn pháp xuất thế gian.
30. Tu sáu pháp hòa kính.
31. Thường tu tập năm xứ giải thoát.
32. Trừ chín sự giận dữ, não hại.
33. Đoạn dứt tám pháp biếng trễ.
34. Tu tám pháp tinh tấn.
35. Thường quán chín tướng.
36. Được tám thứ giác ngộ của bậc Đại nhân.
37. Đầy đủ các thiền định Tam-muội.
38. Đối với thiền định ấy không thủ đắc, không tham vương.
39. Chuyên tâm nghe pháp.
40. Hủy hoại tướng năm ám.
41. Không trụ vào tướng của sự.

42. Sợ hãi sinh tử.
43. Đối với năm ấm sinh tưởng là giặc oán.
44. Ở trong các nhập sinh tưởng là xóm làng trống vắng.
45. Đối với bốn đại sinh tưởng là rắn độc.
46. Đối với Niết-bàn sinh tưởng vắng lặng, tưởng an ổn, vui thích.
47. Đối với năm dục sinh tưởng là đằm dãi, tâm vui thích lia khỏi.
48. Không trái lời Phật dạy.
49. Không tranh tụng với tất cả chúng sinh.
50. Giáo hóa chúng sinh khiến họ an trụ trong hết thầy công đức.

Lại nữa:

*Báo Tam-muội như thế
Bồ-tát cần phải biết.*

Bồ-tát hành trì Tam-muội Ban chu này, đạt được quả báo cũng nên nhận biết.

Hỏi: Tu tập Tam-muội này thì được quả báo gì?

Đáp: Đối với đạo vô thượng đạt được quả báo là không thoái chuyển.

Lại nữa, như kinh đã nói về quả báo: Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-bà-la: Ví như có người có thể nghiền nát hết đất trong Tam thiên đại thiên thế giới đều như vi trần. Lại, trong Tam thiên đại thiên thế giới hiện có cỏ cây hoa lá, tất cả các vật đều bị nghiền nát thành vi trần.

Này Bạt-đà-bà-la! Dùng một vi trần ấy làm một thế giới Phật. Có từng ấy thế giới Phật như vậy, trong đó đều đầy châu báu thượng diệu, rồi đem hết châu báu ấy bố thí. Này Bạt-đà-bà-la! Ý của Bồ-tát thế nào? Do nhân duyên bố thí ấy, người đó có được nhiều phước chăng?

Bồ-tát Bạt-đà-bà-la thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều!

Phật bảo: Nay Bạt-đà-bà-la! Ta nay nói thật cho ông biết: Nếu có thiện nam, thiện nữ được nghe Tam-muội Chư Phật Hiện Tiên, không kinh, không sợ, thì phước ấy là vô lượng, hưởng chi còn tin nhận, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác, hưởng chi còn định tâm tu tập. Công đức bố thí kia chỉ như giọt sữa nhỏ trong khối sữa lớn. Nay Bạt-đà-bà-la! Ta nói người này chỉ nghe v.v... mà phước đức hãy còn vô lượng, hưởng gì là có thể thành tựu Tam-muội này.

Phật lại bảo: Nay Bạt-đà-bà-la! Nếu có các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác Tam-muội này, thì nếu lúc kiếp tận, giả như bị rơi vào lửa, lửa cũng liền tắt. Nay Bạt-đà-bà-la! Người hành trì Tam-muội này, nếu gặp việc quan, hoặc gặp oán tặc, sư tử, chó sói, thú dữ, rồng dữ, các thứ trùng độc v.v... hoặc gặp Dạ-xoa, La-sát, Cừu-bàn-trà, Tỳ-xá-xà v.v... hoặc gặp hàng nhân, phi nhân v.v... mà bị hại thân, hại mạng, bị hủy giới, thì không có chuyện ấy. Khi đọc tụng Tam muội này vì người khác giảng nói cũng không suy não. Chỉ trừ đó là báo của nghiệp tất phải thọ nhận.

Lại nữa, nay Bạt-đà-bà-la! Khi Bồ-tát thọ trì, đọc tụng Tam-muội này, mà lại bị các thứ bệnh về mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, răng, bệnh phong, bệnh lạnh v.v... thì không có chuyện đó. Hoặc bị các bệnh ấy mà qua đời thì cũng không có chuyện đó. Chỉ trừ là báo của nghiệp tất phải thọ nhận.

Lại nữa, nay Bạt-đà-bà-la! Nếu người thọ trì, đọc tụng Tam-muội này, thì được chư Thiên hộ trì, đều được các chúng Rồng, Dạ-xoa, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, được Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm Thiên vương, chư Phật, Thế Tôn hộ niệm.

Lại nữa, người ấy còn được chư Thiên cùng ái niệm, cho đến chư Phật đều cùng ái niệm, được chư Thiên cùng tán thán, cho đến chư Phật cùng khen ngợi.

Lại nữa, chư Thiên đều muốn gặp Bồ-tát ấy, đều muốn đi đến trụ xứ của Bồ-tát ấy. Cho đến chư Phật đều muốn thấy Bồ-tát ấy và đi tới chỗ Bồ-tát ấy.

Lại nữa, Bồ-tát ấy thọ trì Tam-muội này, thì đối với những kinh chưa được nghe, tự nhiên được nghe.

Lại nữa, Bồ-tát ấy đạt được Tam-muội này, thì cho đến trong chiêm bao, cũng đều được những sự việc lợi ích như thế.

Này Bạt-đà-bà-la! Bồ-tát thọ trì, đọc tụng Tam-muội này, nếu Ta trải qua một kiếp hay ít hơn một kiếp, cũng không thể nói hết về công đức, huông chi là người thành tựu được Tam muội đó.

Này Bạt-đà-bà-la! Như người ở trong trăm năm, thân lực nhẹ nhàng, khỏe khoắn, đi mau như gió, người ấy trong trăm năm đi luôn không ngừng nghỉ, đến các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên dưới, ý của ông nghĩ sao? Mười phương người này đã đi qua, có người nào có thể nhận biết số dặm đường chẳng?

Bồ-tát Bạt-đà-bà-la thưa: Không thể tính đếm được. Chỉ trừ Như Lai, Tôn giả Xá-lợi-phất, các vị A duy việt trí, thì không ai có thể nhận biết.

Này Bạt-đà-bà-la! Nếu có các thiện nam, thiện nữ đem vàng ròng đầy khắp nơi chôn người kia đã đi qua, để bố thí. Hoặc có người chỉ nghe Tam-muội này, đem bốn thứ tùy hỷ hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thường cầu hiểu biết rộng. Như chư Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát đã tùy hỷ Tam-muội này, Ta cũng như vậy. Như hôm nay, các Bồ-tát hiện tại đều tùy hỷ Tam-muội này, Ta cũng như vậy. Như chư Phật vị lai lúc hành đạo Bồ-tát, sẽ tùy hỷ Tam-muội này, Ta cũng như vậy. Như các Bồ-tát quá khứ, hiện tại, vị lai, hành trì Tam muội đều vì đạt được hiểu biết rộng, Ta

cũng tùy hỷ, cũng đều vì đạt được hiểu biết rộng, như thế nên tùy hỷ Tam-muội này.

Này Bạt-đà-bà-la! Phước đức của sự tùy hỷ này so với phước đức đã nói trên, thì phước đức trước không bằng một phần trăm, một phần trăm ngàn, vạn, ức, cho đến tính toán, thí dụ cũng không nói hết được phước đức của sự tùy hỷ ấy. Tam-muội này đạt được vô lượng vô biên quả báo như vậy.

Lại nữa:

*Trú xứ Tam-muội này
Ít, vừa, nhiều, sai biệt
Các thứ tướng như vậy
Đều cần phải luận bàn.*

Trú xứ của Tam-muội này có tướng ít, tướng vừa, tướng nhiều. Như thế v.v..., nên phân biệt. Để nhận biết về sự việc ấy cần phải giải thích: *Trú xứ*: Nghĩa là Tam-muội này, hoặc có thể đạt được ở thiên thứ nhất. Hoặc có thể đạt được ở thiên thứ hai, thứ ba, thứ tư. Hoặc trung gian của thiên thứ nhất đạt được uy lực có thể phát sinh Tam-muội này. *Hoặc ít*: Là người có uy lực ít, nên gọi là ít. Lại vì ít thời gian trụ, nên gọi là ít. Lại nữa, thấy ít thế giới Phật nên gọi là ít. Về nhiều thì cũng như vậy.

Nói về Tam-muội này thì hoặc nói có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán. Hoặc tương ưng với khổ, hoặc tương ưng với vui, hoặc tương ưng với không khổ không vui. Hoặc có hơi thở ra vào, hoặc không có hơi thở ra vào. Hoặc định là tánh thiện. Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Hoặc hệ thuộc vào cõi Dục, hoặc hệ thuộc vào cõi Sắc, hoặc hệ thuộc vào cõi Vô sắc. Hoặc chẳng phải hệ thuộc cõi Dục, hoặc chẳng phải hệ thuộc cõi Sắc, hoặc chẳng phải hệ thuộc cõi Vô sắc. Tam-muội này là tâm số pháp, tâm tương ưng, hành pháp tùy tâm, pháp sinh cùng với tâm.

Chẳng phải sắc. Chẳng phải hiện. Có thể duyên. Chẳng phải nghiệp. Nghiệp tương ưng. Hành theo nghiệp. Chẳng phải là quả báo của nghiệp đời trước. Trừ quả báo của nhân. Có thể tu. Có thể nhận biết. Có thể chứng. Cũng dùng thân chứng. Cũng dùng tuệ chứng. Hoặc có thể đoạn dứt. Hoặc không thể đoạn dứt. Hữu lậu nên đoạn. Vô lậu thì không thể đoạn. Tri kiến cũng như vậy. Không hòa hợp với bảy giác. Hết thấy những phân biệt về nghĩa của Tam-muội như thế, tất cả đều đã nói ở đây.

Lại nữa, tu tập Tam-muội này được thấy chư Phật. *Như kệ nói:*

*Được thấy chư Phật rồi
Siêng tâm hành cúng dường
Căn thiện được tăng trưởng
Mau hóa độ chúng sinh.*

Cúng dường gọi là tâm ý thanh tịnh. Cung kính, hoan hỷ, niệm Phật có vô lượng công đức. Dùng vô số sự tán thán gọi là miệng cúng dường. Kính lễ với hương hoa v.v... gọi là thân cúng dường. Do vậy phước đức càng thêm tăng trưởng. Như hạt giống gieo trong đất, mưa thấm ướt khiến mầm mọc lên.

Mau giáo hóa là khiến chúng sinh trụ trong ba Thừa. Bồ-tát như thế là căn thiện tăng trưởng.

*Dùng hai nhiếp pháp đầu
Gồm thâu các chúng sinh
Dùng hai nhiếp pháp sau
Chưa, đều khiến tin, nhận.*

Hai nhiếp pháp đầu là bố thí, ái ngữ. Hai nhiếp pháp sau là lợi ích, đồng sự. Bồ-tát này ở Địa thứ nhất chưa hiểu đầy đủ, nên chỉ có thể tin, nhận.

*Bảy giờ đem căn thiện
Hồi hướng nơi Phật đạo*

*Như người luyện vàng ròng
Điều hòa lửa nên thành.*

Được tôi luyện từ lửa trí tuệ, căn thiện của Bồ-tát thành thực, nên ở trong sự việc hành trì đều có thể gánh vác.

Phẩm 26: THÍ DỤ, phần 1

*Bồ-tát này nên hỏi
Tướng địa quả tu đắc
Vì được phần các địa
Nên siêng hành tinh tấn.*

Tướng: Là tướng mạo, nhân đó nên biết được các địa. *Được:* Là thành tựu, do pháp này, nên gọi là thành tựu pháp ấy. *Tu:* Là tu đắc và tu hành.

Thường nhớ nghĩ đến quả: Là từ nhân nên thành tựu sự việc, gọi là quả. Bồ-tát này muốn được hành mười Địa, nên đã khéo hỏi về tướng mạo và quả tu đắc.

Nghe: Là từ chư Phật, Bồ-tát và những vị hơn mình nên được nghe.

Vì được phần các địa: Là đạt được phần địa ấy nên siêng hành tinh tấn. Ở đây tướng của Địa thứ nhất như trước đã nói:

*Bồ-tát tại Sơ địa
Phần nhiều hay gắng nhận
Không ưa nơi tranh tụng
Tâm được nhiều vui thích.
Thường vui nơi thanh tịnh
Tâm bi thương chúng sinh
Không có tâm giận dữ
Hành nhiều bẩy việc ấy.*

Tướng của Địa thứ nhất gồm bảy pháp: Gắng nhận, không tranh, mừng, vui, thanh tịnh, tâm bi, không giận dữ. Thành tựu bảy pháp này gọi là đạt được. Lại nữa, tướng của bảy pháp như gắng nhận v.v... tức là đạt được Địa thứ nhất. Như kệ nói:

*Trồng căn thiện sâu dày
 Khéo hành nơi các hạnh
 Khéo giữ vật cần dùng
 Khéo cúng dường chư Phật.
 Tri thức thiện che chở
 Đầy đủ tâm sâu xa
 Tâm bi nhớ chúng sinh
 Tin hiểu pháp vô thượng.
 Gồm đủ tám pháp ấy
 Nên tự phát lời nguyện:
 Con đã được tự độ
 Nên lại độ chúng sinh.
 Vì đạt được mười lực
 Nhập nơi tu tất định
 Sinh vào nhà Như Lai
 Không có các lỗi lầm.
 Liên chuyển đạo thế gian
 Nhập đạo thượng xuất thế
 Do được Sơ địa này
 Địa này gọi Hoan hỷ.*

Do đó nên biết: Vì cầu Bồ-đề nên có được tâm quyết định, gọi là tu đắc của Địa thứ nhất. Từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành tựu Tam-muội Chư Phật Hiện Tiền, trong khoảng thời gian đó, đã nói đủ công đức của các địa, để có thể phát sinh các công đức ấy. Công đức sinh rồi, thì tu tập tăng trưởng, gọi là Địa thứ nhất.

Quả tu: Trước đã nói ở nhiều chỗ, là có được từng ấy phước đức thì không hồi hướng về địa Thanh văn, địa Phật-bích-chi. Nay lại nói thêm Bồ-tát được quả của Địa thứ nhất, từ đó có thể thành tựu được hàng trăm định của Bồ-tát.

Phần của Địa thứ nhất: Là các pháp hiện có hợp thành Địa thứ nhất, gọi là các phần. Như gạo, men rượu v.v... hợp lại có thể nấu thành rượu, gọi là nhân duyên của rượu. Các pháp hiện có, có thể thành tựu Địa thứ nhất, gọi là phần của Địa thứ nhất. Đó là:

*Tín lực chuyển tăng thượng
Thành tựu tâm đại bi
Thương xót các chúng sinh
Tu tâm thiện không mỏi.
Mừng vui với pháp diệu
Thường gần tri thức thiện
Hỗ thẹn và cung kính
Nhu hòa nơi tâm ý.
Vui quán pháp không chấp
Nhất tâm cầu hiểu rộng
Không tham nơi lợi dưỡng
Lìa gian dối dua nịnh.
Không làm như nhà Phật
Không phá giới dối Phật
Vui sâu Nhất thiết trí
Bất động như núi lớn.
Thường vui hành tu tập
Chuyển pháp diệu vô thượng
Ưa pháp xuất thế gian
Không ưa pháp thế gian.
Tức trị Địa Hoan Hỷ
Khó trị mà trị được*

*Thế nên thường nhất tâm
 Siêng hành các pháp ấy.
 Bồ-tát hay thành tựu
 Pháp thượng diệu như thế
 Đó gọi là an trụ
 Trong Sơ địa Bồ-tát.*

Hỏi: Bồ-tát đâu cần hỏi tướng của Địa thứ nhất làm gì?

Đáp: Các pháp như tướng nơi Địa thứ nhất, Bồ-tát này nên khéo nhận biết đến phương tiện, do đó phải hỏi.

Hỏi: Bồ-tát chỉ nên ở trong pháp này khéo nhận biết phương tiện hay còn khéo nhận biết phương tiện trong các pháp khác?

Đáp: Trong các pháp này nên khéo nhận biết phương tiện và cũng khéo nhận biết phương tiện nơi các pháp khác.

Hỏi: Nếu vậy nên có thể lược nói.

Đáp:

*Có pháp hỗ trợ địa
 Có pháp trái với địa
 Có pháp sinh khởi địa
 Có pháp phá hủy địa.
 Có tướng quả các địa
 Có đắc trong các địa
 Phần thanh tịnh các địa
 Từ Địa đến một Địa.
 Trụ địa càng tăng trưởng
 Không gì khiến thoái chuyển
 Từ địa Bồ-tát tịnh
 Đến vô lượng Phật địa.
 Ở trong các việc này
 Nên khéo biết phương tiện*

*Thưa hỏi các người thiện
Trừ bỏ hết kiêu mạn.*

Có pháp hỗ trợ địa: Là tín, giới, văn, xả, tinh tấn, niệm, tuệ v.v... Những pháp như thế và các pháp khác tùy thuận nơi Địa thứ nhất, đó gọi là pháp hỗ trợ.

Có pháp trái với địa: Là không tin, phá giới, ít hiểu biết, tham lam, bòn sẻn, biếng trễ, niệm loạn, không có tuệ v.v... cùng những pháp khác không tùy thuận, là không thể hỗ trợ Địa thứ nhất.

Pháp phá hủy địa: Là pháp có thể khiến cho Địa này thoái lui, bị chướng ngại nên không hiện. Như khi kiếp tận thì muôn vật đều diệt hết, thì đâu còn gì gọi là pháp có thể thâm đoạt mất tâm Bồ-đề. Việc này như trước đã nói.

Pháp sinh khởi địa: Là pháp có khả năng phát sinh, có thể thành tựu Địa thứ nhất, đó là pháp không thâm đoạt tâm Bồ-đề, như trước đã nói. Phần tướng của địa và được quả địa, ở trên đã nói.

Pháp thanh tịnh: Là dùng pháp này có thể làm tịnh Địa thứ nhất, đó là những pháp đã nói ở trước. Bảy pháp trong Địa thứ nhất là:

*Bồ-tát tại Sơ địa
Phần nhiều hay gắng nhận
Không ưa nơi tranh tụng
Tâm được nhiều vui thích.
Thường vui nơi thanh tịnh
Tâm bi thương chúng sinh
Không có tâm giận dữ
Hành nhiều bảy việc ấy.*

Bảy pháp như thế có thể tịnh trị Địa thứ nhất.

Từ một Địa đến một Địa: Là như từ Địa thứ nhất đến Địa thứ hai. Từ Địa thứ hai đến Địa thứ ba. Từ Địa thứ ba đến Địa thứ tư

v.v... Các Địa khác cũng như vậy. Từ Địa thứ nhất đến Địa thứ hai được mười tâm, như không dua nịnh, quanh co v.v... Từ Địa thứ hai đến Địa thứ ba được mười tâm, như tâm tin tưởng, vui thích v.v... Được nhiều thứ tâm, nhiều thứ pháp như vậy, nên có thể từ một Địa đến một Địa.

Trụ địa càng tăng trưởng: Là như trong Địa thứ nhất hành nhiều bố thí Ba-la-mật. Ở Địa thứ hai hành trì giới Ba-la-mật. Các pháp như tín v.v... sẽ chuyển đổi thành thế mạnh. Trong Địa thứ ba hành nhiều về hiểu biết rộng. Lại, ở đó việc bố thí, trì giới, tin v.v... càng thêm thế mạnh. Các Địa còn lại cũng như vậy.

Không gì khiến thoái chuyển: Là trụ ở Địa này thì hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm, cùng những người khác ở thế gian, không ai có thể khiến thoái chuyển. Vì sao? Vì đã được diệu lực của công đức vĩ đại. Do đã vào sâu tận cùng của pháp tánh, nên có được sự tin hiểu lớn.

Từ địa Bồ-tát tịnh, Đến vô lượng Phật địa: Là nếu Bồ-tát đạt được thanh tịnh đầy đủ nơi tất cả địa rồi tức đạt đến Phật địa. Các sự việc trong ấy, đều phải khéo nhận biết phương tiện.

Thưa hỏi các người thiện: Do thành tựu chánh pháp nên gọi là người thiện. Chánh pháp, lược nói thì gồm: Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ, luật nghi của thân khẩu ý, không tham, không giận, không si.

Trừ bỏ hết kiêu mạn: Tự cho mình, ở trong những người hơn, là hơn hết, gọi là đại mạn. Đối với những người ngang bằng mình, tâm tự cao cho là hơn, gọi là kiêu mạn. Lớn không như người khác, nói là nhỏ không bằng, gọi là tiểu mạn.

Hỏi: Ông nói ở trong các pháp này, nên khéo nhận biết phương tiện, nhưng đã được phương tiện ấy thì đâu cần dùng làm gì?

Đáp:

*Bồ-tát nếu khéo biết
Tướng đắc trong các địa
Không thành tựu Phật đạo
Trọn không chuyển Sơ địa.*

Tướng gọi là bảy pháp hỗ trợ các địa. Đắc: gọi là pháp trái ngược. Có tám thứ diệt cùng tám pháp không nên hành. Nếu Bồ-tát khéo nhận biết pháp này không đạt được Phật đạo, thì rốt cùng không thoái chuyển.

HẾT - QUYỂN 12

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 13

Phẩm 26: THÍ DỤ, phần 2

Hỏi: Bồ-tát đã khéo nhận biết các pháp này, tuy chưa đạt được Phật đạo, nhưng hoàn toàn không thoái chuyển. Điều ấy được thí dụ như thế nào?

Đáp:

*Như Đạo sư đại lực
 Khéo biết tướng đường tốt
 Xứ này cùng xứ kia
 Đồi đường được thích hợp.
 Tư lương, vật đi đường
 Thay đều khiến đầy đủ
 Ở trong đường hiểm nạn
 Khiến mọi người an ổn.
 Tới được thành ấp lớn
 Mọi người không còn lo
 Do Đại Đạo sư này
 Khéo nhận biết về đường.
 Hay biết các Địa chuyển
 Đầy đủ pháp trợ đạo
 Bồ-tát khéo biết đường*

*Xứ đây kia xấu tốt.
 Tự vượt hiểm sinh tử
 Còn dẫn dắt chúng sinh
 Giúp tới xứ an ổn
 Thành Niết-bàn vô vi.
 Tất khiến nơi đường ác
 Không gặp các nạn khổ
 Lực phương tiện Bồ-tát
 Khéo nhận biết về đạo.*

Tướng đường tốt: Là hai bên đường có nhiều củi, cỏ, nước, không có giặc cướp, sư tử, chó sói và các thú thú dữ, trùng độc, cũng không lạnh, không nóng. Không có núi non hiểm trở, khe, đầm, hố sâu, luồng lạch cắt ngang, ải cao, rừng rậm gai góc, um tùm. Đường đi cũng không dốc ngược, không dẫn xuống thung lũng, bằng phẳng. Thường ít ngã rẽ lại rộng cho nhiều người cùng đi, đi không biết mỏi mệt, phần nhiều có hoa, quả, vật có thể ăn được. Có những thứ như thế gọi là tướng đường tốt. Trái với những thứ trên gọi là tướng đường xấu.

Xứ này: Là nơi chốn mọi người có thể dừng chân nghỉ đêm, ăn uống.

Xứ kia: Là từ xứ này đến xứ khác. Hoặc tá túc lại trong khoảng hai đêm, cũng gọi là xứ khác.

Đối đường: Là thấy có nhiều đường rẽ.

Đến thành lớn: Là đường này nên đi, còn đường khác thì không nên đi.

Tư lương: Là lương thực như bún, gạo, cơm vắt, mật v.v... mang theo để ăn trên đường đi.

Đại lực: Là có uy lực lớn, nhiều tài sản vật dụng, khéo hiểu được pháp trị.

Chuẩn bị đầy đủ: Là có sẵn nhiều thức ăn uống, không bị thiếu hụt.

An: Là không có giặc cướp đe dọa. *Ôn:* Là không có bệnh tật, khổ sở, suy yếu.

Thành: Là nơi dung nạp được nhiều người, có thể khiến mọi người đều đến được thành lớn. Vị Đạo sư khéo nhận biết tướng đường, tự mình không có hoạn nạn, cũng khiến cho nhiều người không gặp nạn. Do am hiểu về đường đi nên không gặp phải các thứ nóng lạnh, đói khát, giặc cướp, thú dữ, trùng độc, núi, nước độc, hầm hố sâu v.v... làm hại. Vì sao? Vì khéo nhận biết tướng tốt xấu của đường đi. Dem những thí dụ trên đây thí dụ cho mười Địa, như Địa Hoan hỷ v.v... Như người đi đường luôn đi không dừng nghỉ, có thể mau đến thành lớn. Bỏ-tát hành mười Địa như thế, sẽ tới thành Niết-bàn lớn của pháp Phật. Như đường tốt kia có nhiều củi, cỏ, nước v.v... người đi đường không thiếu thốn thứ gì.

Cổ: Là như người cỡi ngựa đi đường, có nhiều cỏ tốt nên sức ngựa luôn mạnh mẽ. Công đức của đường mười Địa cũng như vậy. Bốn thắng xứ: Đê, Xả, Diệt, Tuệ, trợ giúp các công đức nên gọi là cỏ. Vì sao? Vì nếu người quý nơi sự thật, ưa tùy theo lời nói chắc chắn, nên gần gũi người nói thật. Thấy lời nói thật có nhiều lợi lạc, nên đi theo sự thật, ghét bỏ lời nói dối, xa lìa nói dối, thấy rõ lỗi lầm của nói dối nên không còn muốn nghe. Do các nhân duyên ấy mà được thắng xứ Đê, ba xứ còn lại như Xả v.v... cũng nên nhận biết như vậy. Như đường tốt kia cần phải có voi, ngựa, bò, lừa v.v... mới đến được thành lớn. Cỏ giúp cho chúng thêm sức. Như vậy, bốn xứ Đê, Xả, Diệt, Tuệ, có thể khiến hành giả đi đến pháp Phật, vào thành Niết-bàn lớn.

Củi: Là chỉ cho tuệ văn, tư, tu, có khả năng hành tác đạt đến trí tuệ lớn, như củi có thể khiến lửa cháy, cũng khiến lửa cháy mạnh, dữ. Như thế tuệ văn, tư, tu có khả năng phát sinh trí tuệ lớn, có thể khiến

tăng trưởng. Như lửa có thể thiêu đốt, có thể nấu nướng, có thể chiếu sáng, lửa trí tuệ cũng như vậy, thiêu đốt các phiền não, thành thực các căn thiện, chiếu sáng bốn Thánh đế. Như lửa là trí tuệ, củi là các pháp có khả năng sinh ra trí tuệ.

Nhiều nước: Là có nhiều dòng sông lớn, mọi người tùy ý lấy dùng. Suối, giếng, ao thì không thể như vậy. Lại nữa, nhiều nước, như người đi thuyền xuôi theo dòng nước đến thành lớn. Nước nơi suối, giếng, ao thì không thể như thế. Như kinh nói: “Tin là sông lớn, phước đức là bờ”. Như sông có thể trừ được nóng, khát, cấu uế, có thể phát sinh thể mạnh, trong pháp thiện tin cũng như vậy, có khả năng diệt trừ sức nóng của ba độc, diệt trừ cấu uế của ba hành ác, diệt trừ khát ái của ba hữu, là Niết-bàn nên ở trong pháp thiện, tâm tin có thể mạnh.

Như đường tốt kia có nhiều gốc cỏ thuốc, khiến người đi đường không thiếu. Con đường của mười Địa cũng như vậy. *Gốc* là sự yêu mến của tâm sâu xa. Như có gốc tức sinh cành lá, hoa trái. Tâm sâu xa yêu mến đạo thì phát sinh các công đức như chánh niệm, đại nguyện v.v... *Cỏ thuốc* gọi là các Ba-la-mật. Như cỏ thuốc có khả năng diệt trừ các thứ độc. Các cỏ thuốc Ba-la-mật diệt trừ các độc tham sân si, các bệnh phiền não cũng lại như vậy.

Như đường tốt kia không mất Vi-bà-đà, nên đi đường được an ổn (Vi-bà-đà đời Tần gọi là nghĩa không đổi, là phù hiệu). Như người đi đường không đánh mất phù hiệu, thì tại nơi chốn sẽ đến không có trở ngại. Đường của mười Địa cũng lại như vậy. *Không mất phù hiệu* thì các Địa là những nơi đi qua, các căn thiện được gom góp, có thể tùy ý trợ giúp thành tựu, căn thiện hiện tại được tăng trưởng. Người đó lại có thể giáo hóa đạo Thanh văn, đạo Phật-bích-chi, đạo chư Thiên và chúng sinh ở cõi Dục, cõi Sắc, khiến an trụ nơi Phật đạo. Hoặc ma, hoặc ngoại đạo đều không thể gây loạn được, đó gọi là không mất phù hiệu.

Như đường tốt kia không có các thứ muỗi mòng, trùng độc, đường của mười Địa cũng như vậy, cũng không có ưu sầu, tiếng khóc than.

Như đường tốt kia không có nạn cướp giết, đường của mười Địa cũng như vậy, không có các thứ giặc ác của năm Cái. Như Phật bảo các Tỳ-kheo: “Giặc nơi xóm làng đó là năm cái. Như giặc trước cướp đoạt đồ vật, sau mới hại mạng, giặc năm cái cũng như vậy, trước đoạt lấy căn thiện, sau đó đoạn dứt tuệ mạng, khiến rơi vào nẻo buông lung mà chết”.

Như trong đường đi không có các thú dữ như sư tử, chó sói v.v..., đường của mười Địa cũng như vậy, không có giận dữ, tranh chấp. Các thú dữ như sư tử v.v... thì ưa hại mạng người, còn giận dữ v.v... thì vì não hại kẻ khác nên sinh, cũng lại như vậy. Như thú dữ ham ăn thịt, uống máu, giận dữ thì ăn thịt tuệ đa văn, uống máu tuệ tu v.v... cũng lại như vậy.

Như đường tốt kia không có lỗi xấu của nóng lạnh, đường của mười Địa cũng như vậy, không có lỗi xấu về lạnh lẽo, không rơi vào địa ngục Hàn băng, không có lỗi xấu về nóng bức, không rơi vào địa ngục Nhiệt.

Như đường tốt kia không có các nạn như hầm sâu v.v..., đường của mười Địa cũng như vậy, không có các nạn như khổ hạnh của ngoại đạo v.v... Khổ hạnh của ngoại đạo như: nướng đốt thân, dầm mình trong băng, nhổ tóc, một ngày tắm ba lần, đứng một chân, ngày ăn một bữa, hai ngày một bữa, cho đến một tháng ăn một bữa, im lặng cho đến chết, luôn giơ một cánh tay lên trời, luôn hành nhẫn nhục, dùng năm thứ lửa đốt thân, nằm trên bàn chông, nhảy vào lửa cháy, nhảy xuống nước, từ trên bờ cao gieo mình, đứng trong lò lửa sâu, lấy phân trâu bò làm củi đốt mình, đi thẳng một hướng, không tránh hiểm nạn, luôn mặc áo ẩm ướt, nằm trong nước v.v..., đọa đày thân tâm nhưng không có chánh trí. Đường của mười Địa không có những thứ ấy nên nói là không có các nạn.

Như đường tốt không có các đường tà đâm ngang, đường của mười Địa cũng như vậy, không có nghiệp ác của thân, miệng, ý, nên gọi là không có nẻo tà.

Như đường tốt không gai góc, đường của mười Địa cũng như vậy, không có các thứ gai góc của nghiệp chướng, nên gọi là không có gai góc. Như người bị gai đâm vào chân thì bỏ dở đoạn đường đang đi, hành giả bị chông gai nghiệp chướng đâm thì không thể đi tới pháp Phật để vào Niết-bàn.

Như đường đi thẳng tắp, đường của mười Địa cũng như vậy, không có dua nịnh, quanh co, lừa dối, nên gọi là chánh trực.

Như đường ít ngã rẽ, đường của mười Địa cũng như vậy, ít có đường khác. Vì sao? Vì đều là người phát tâm Đại thừa, ít người hành đạo Thanh văn, Phật-bích-chi, nên ít có đường khác. Hoặc có khi Bồ-tát hành đạo Nhị thừa, nên biết Bồ-tát ấy chưa đến được địa Bồ-tát, chưa vào chánh vị, chỉ hành nơi bên đường.

Như đường tốt kia không có rừng rậm cản trở, đường của mười Trụ cũng như vậy, không có rừng rậm của các thứ ác nơi năm dục.

Hỏi: Do đâu không nói là hoàn toàn không có rừng rậm của năm dục, chỉ nói là không có rừng ác?

Đáp: Người phát tâm Đại thừa về nhân duyên của phước đức thì có năm dục là thứ nhất, thế nên không được nói là không, chỉ nói là không có ác thôi. Lại nữa, như rừng rậm âm u thì khó vào, khó đi qua, do nhiều cản trở. Bồ-tát đối với năm dục thì không như vậy. Không như phạm phu đối với năm dục thường sinh ra nhiều lỗi ác. Thế nên chỉ nói là không có rừng rậm.

Như đường rộng chứa được nhiều người mà không cùng trở ngại, đường của mười Trụ cũng như vậy, có thể dung nạp nhiều thứ, là vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh cùng phát tâm nơi đạo vô thượng mà không gây trở ngại gì cho nhau. Là trăm ngàn vạn ức

chúng sinh, hoặc hết thấy chúng sinh cùng phát tâm nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cùng đi con đường này, cũng không cùng gây trở ngại gì.

Như đường có nhiều người cùng đi, đường của mười Trụ cũng như vậy, chư Phật quá khứ, hiện tại nhiều như cát sông Hằng, khi hành đạo Bồ-tát đều đi đường này.

Như đường tốt kia khi đi không mỏi mệt, đường của mười Trụ cũng như vậy, có nhiều an vui của nhân quả, đó là có nhiều người sinh vào cõi trời, người hưởng quả báo, ưa xa lìa dục, nên nhận được niềm vui hoan hỷ, niềm vui của thiền định, niềm vui không hỷ, niềm vui hiện tại. Do được những niềm vui ấy nên không có mỏi mệt.

Như đường tốt kia có nhiều cây cho hoa trái, đường của mười Trụ cũng như vậy, có nhiều cây cho hoa trái. Cây là ba căn thiện. Hoa là hoa bảy giác. Như kinh nói: “Bảy hoa là bảy giác ý. Trái là bốn quả Sa-môn”. Nếu không có các pháp như thế là lỗi lầm, trái ngược với công đức của đường tốt. Cho nên đường tốt này gọi là lìa ác.

Như người dẫn đường đã biết rõ đúng đường là đúng, chỗ nên ăn là nên ăn, nơi nên ngủ đêm là nên ngủ v.v... Bồ-tát hành mười Địa cũng như vậy, biết xứ nào có thể ngủ đêm, xứ nào có thể ăn uống, xứ có thể ngủ đêm, gọi là xứ có chư Phật hiện tại. Xứ có thể ăn uống là chốn có thể tu tập pháp thiện. Như ăn uống có thể đem lợi ích cho các căn cũng giúp cho thọ mạng, các pháp thiện cũng như vậy, có thể làm tăng ích các căn như tín v.v..., hỗ trợ cho tuệ mạng thành tựu. Ngủ đêm nơi xứ khác, là từ chỗ Đức Phật kia đến chỗ Đức Phật khác. Lại nữa, khoảng giữa nơi cõi nước của Đức Phật này và cõi nước của Đức Phật kia, cũng gọi là xứ khác.

Khéo nhận biết đường chuyển: Là như người dẫn đường kia nhận biết đường không yên ổn liền chuyển hướng. Bồ-tát cũng như vậy, khéo nhận biết đường này dẫn tới Thanh văn, đường này dẫn tới Phật-bích-chi, đường này dẫn tới Phật. Nhận biết như vậy, liền bỏ

đường Thanh văn, bỏ đường Phật-bích-chi, chỉ đi con đường dẫn tới Phật đạo.

Như đường tốt kia có các thức ăn uống, đường của mười Trụ cũng như vậy, có nhiều hành bổ thí, trì giới, tu thiền.

Như người dẫn đường kia dùng nhiều tiền của vật dụng khéo có thể trị pháp, có thể mạnh lớn, Bồ-tát cũng như vậy, có của cải vật là trị pháp, nên có uy lực lớn. Tài sản là có bảy thứ như: Tín, giới, hổ, thẹn, xả, văn, tuệ. Trị pháp là hết thấy các ma, đủ loại Sa-môn, Bà-la-môn, Luận sư ngoại đạo, đều khuất phục hết, đó là uy lực.

Như thành lớn kia không có các thứ giặc oán, dịch bệnh, bạo tử cùng vô số thứ suy não, nên gọi là thành an ổn. Thành lớn Niết-bàn cũng như vậy, không có các ma, các phái ngoại đạo, không có tham dục, giận dữ, buồn lung, chết chóc, buồn lo, bi thương, khổ não, than khóc, nên gọi là an ổn.

Như thành lớn kia có nhiều thứ ăn uống, nên gọi là phồn thịnh. Thành Niết-bàn cũng như vậy, có nhiều thiền định, Tam-muội, giải thoát sâu xa, nên gọi là phồn thịnh.

Như thành lớn kia dung nạp rất nhiều người, nên gọi là thành lớn. Thành Niết-bàn cũng như vậy, dung nạp nhiều chúng sinh nên gọi là lớn. Giả sử hết thấy chúng sinh không thọ nhận các pháp nên đều nhập Niết-bàn vô dư, nhưng tánh của Niết-bàn thì không tăng, không giảm.

Như người dẫn đường kia có khả năng đưa nhiều chúng sinh tới nơi an ổn bằng cách chỉ rõ đường tốt, nên gọi là Đạo sư. Bồ-tát cũng như vậy, khéo dẫn dắt chúng sinh, chỉ rõ chánh pháp của Phật, chỉ rõ Niết-bàn, để từ đường hiểm sinh tử đến được Niết-bàn, nên gọi là bậc *Đại Đạo sư*.

Như người dẫn đường kia khéo nhận biết tướng của đường đi, thân cùng với người khác đều không có ác. Bồ-tát cũng như vậy, tự

mình không có tham, giận, si, triền cái, khổ hạnh xấu, không già, chết nơi hầm sâu, cũng không rơi vào địa ngục nóng lạnh hay nga quý, nên gọi là tự mình không làm ác, những người tùy tùng cũng không làm ác. Thế nên trong kệ nói: *Khéo nhận biết tướng đạo, Tự mình không làm ác, Người khác cũng không ác.*

Phẩm 27: LƯỢC NÓI VỀ HẠNH

*Bồ-tát Địa Hoan Hỷ
 Nay đã lược nói xong
 Bồ-tát trụ Địa này
 Nhiều lần vua Diêm-phù.
 Thường lia cầu tham lặn
 Không mất niệm Tam bảo
 Tâm luôn nguyện làm Phật
 Cứu hộ các chúng sinh.*

Đã lược nói xong Địa thứ nhất là Địa Hoan Hỷ. Pháp của chư Phật là vô lượng vô biên, Địa này là gốc. Nếu nói rộng cũng vô lượng vô biên, cho nên đây chỉ lược nói. Bồ-tát trụ trong Địa này phần nhiều làm Chuyển luân Thánh vương ở châu Diêm-phù-đề, có uy lực mạnh, đều do nhân duyên đời trước đã tu tập Địa này. Tin, vui thích bố thí, không có cầu ướ của tham lam keo kiệt, do thường bố thí cho Tam bảo nên không mất niệm về Tam bảo, thường nghĩ đến sự việc thành Phật, cứu độ chúng sinh. Bồ-tát trong tâm mình luôn có những niệm thiện như vậy.

Lại nữa:

*Nếu muốn được xuất gia
 Tâm siêng hành tinh tấn*

Hay được vài trăm định
 Được thấy vài trăm Phật.
 Biến động trăm thế giới
 Phi hành cũng như vậy
 Nếu muốn phóng hào quang
 Chiếu sáng trăm thế giới.
 Giáo hóa trăm loại người
 Được trụ thọ trăm kiếp
 Phân biệt vài trăm pháp
 Biến hóa làm trăm thân.
 Hóa hiện trăm Bồ-tát
 Thị hiện làm quyến thuộc
 Lợi căn hơn số ấy
 Nuông nơi thần lực Phật.
 Đã nói tướng **Sơ Địa**
 Quả, lực, tịnh, trì pháp
 Nay lại nói tiếp nữa
Địa thứ hai: Vô Cấu.

Quả: Là được vài trăm thứ định, thấy vài trăm Phật. *Uy lực:* Là có thể giáo hóa vài trăm chúng sinh.

Nghĩa nơi những câu kệ còn lại: Như đã nói ở trước, không cần giải thích nữa. Nay sẽ nói *Địa thứ hai* là **Vô Cấu**.

Hỏi: Ông muốn nói rộng về pháp của Bồ-tát phải làm, vì nghĩa của Địa thứ nhất hãy còn nhiều, các người học e càng nói rộng thì tâm biếng trễ sinh không thể đọc tụng. Do đó, nay ông nên lược giải thích các pháp của Bồ-tát nên làm cho người không thể đọc tụng nhiều.

Đáp:

Bồ-tát pháp hiện có
 Là pháp đều nên hành

*Tất cả ác nên bỏ
Đó gọi là lược nói.*

Những gì đã nói trong các phẩm ở trên đều có khả năng sinh và làm tăng trưởng pháp của các Địa. Như trong các phẩm trên nói, hoặc nói ở những chỗ khác, những gì khiến sinh lỗi ác, Bồ-tát đều nên xa lìa. *Đó gọi là lược nói.* Bồ-tát nên hành trì như trong Kinh Pháp Cú đã nói:

*Các ác chớ làm
Các thiện phụng hành
Tự tịnh tâm ý
Là chư Phật dạy.*

Có **một pháp** gồm **thâu Phật đạo**, Bồ-tát nên làm: Đó là ở trong pháp thiện nhất tâm không phóng dật. Như Phật bảo Tôn giả A-nan: “Ta không phóng dật nên đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”. Như kệ nói:

*Không phóng dật thành Phật
Thế gian không ai bằng
Nếu người không phóng dật
Việc gì mà chẳng thành.*

Lại có hai pháp có thể gồm **thâu Phật đạo**: 1. Không phóng dật. 2. Trí tuệ. Như kệ nói:

*Không phóng dật, trí tuệ
Phật nói là cửa lợi
Không thấy không phóng dật
Mà việc lại không thành.*

Lại có ba pháp có thể gồm **thâu Phật đạo**: 1. Giới học thù thắng. 2. Tâm học thù thắng. 3. Tuệ học thù thắng. Như kệ nói:

*Giới sinh Tam-muội trên
Tam-muội sinh trí tuệ*

*Trí phá các phiền não
Như gió thổi tan mây.*

*Lại có bốn pháp có thể gồm thâu Phật đạo: 1. Xứ đế. 2. Xứ xả.
3. Xứ diệt. 4. Xứ tuệ. Như kệ nói:*

*Đế, xả, định đầy đủ
Được tuệ lợi thanh tịnh
Tinh tấn cầu Phật đạo
Nên thâu bốn pháp này.*

*Lại có năm pháp có thể gồm thâu Phật đạo: 1. Tín căn. 2. Tinh
tấn căn. 3. Niệm căn. 4. Định căn. 5. Tuệ căn. Như kệ nói:*

*Tín căn, tinh tấn căn
Niệm, định, tuệ kiên cố
Hợp pháp đại bi này
Trọn không thoái Phật đạo.
Như người được năm căn
Hay thông đạt năm trần
Đạt được căn như tín v.v...
Hay thông tướng các pháp.*

*Lại có sáu pháp có thể gồm thâu Phật đạo: Đó là bố thí, trì giới,
nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ Ba-la-mật. Như kệ nói:*

*Sáu Độ như đã nói
Hàng phục các phiền não
Thường tăng trưởng căn thiện
Không lâu sẽ thành Phật.*

*Lại có bảy pháp có thể gồm thâu Phật đạo: Đó là bảy chánh
pháp: Tín, hỏ, thẹn, văn, tinh tấn, niệm, tuệ. Như kệ nói:*

*Muốn được bảy chánh pháp
Nên ưa tinh tấn định*

Trừ bỏ bảy pháp tà
 Hay biết các công đức.
 Người đó mau đạt được
 Phật Bồ-đề vô thượng
 Vớt kẻ chìm sinh tử
 Khiến ở xứ yên ổn.

Lại có tám pháp có thể gồm thâu Phật đạo: Đó là tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân: Ít tham muốn, biết đủ, xa lìa, tinh tấn, niệm, định, tuệ, vui thích không hý luận. Như kệ nói:

Nếu người tâm quyết định
 Trụ tám Đại nhân giác
 Là để cầu Phật đạo
 Trừ các giác quán ác.
 Như vậy tức không lâu
 Chứng được đạo vô thượng
 Giống như người hành thiện
 Tất sẽ được quả tốt.

Lại có chín pháp có thể gồm thâu Phật đạo: Đó là đại nhẫn, đại từ, đại bi, tuệ, niệm, kiên tâm, không tham, không giận, không si. Như kệ nói:

Đầy đủ nơi đại nhẫn
 Đại từ và đại bi
 Lại hay trụ nơi tuệ
 Niệm cùng trong kiên tâm.
 Thâm tâm nhập không tham
 Căn thiện không giận, si
 Nếu hay hành như thế
 Phật đạo tức tại tay.

Lại có mười pháp có thể gồm thâu Phật đạo: Đó là mười đạo thiện: Tự không sát sinh. Không dạy người khác sát sinh. Thấy giết

tâm không khen. Thấy giết tâm không vui, cho đến tà kiến cũng như vậy. Đem phước đức đó hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Như kệ nói:

*Không nào hại chúng sinh
Cũng không hành trộm cướp
Không dâm phạm vợ người
Là ba nghiệp của thân.
Không nói dối, hai lưỡi
Không nói ác, thù dết
Không tham, sân, tà kiến
Là bảy hành khẩu, ý.
Như thế tức hay mở
Cửa Phật đạo vô thượng
Như muốn chứng đắc Phật
Nên hành cửa này trước.*

Những pháp như vậy Bồ-tát nên khiến cho chúng phát sinh, phát sinh rồi nên gìn giữ, gìn giữ rồi nên làm cho tăng trưởng. Nơi một pháp thiện từ một chuyển tăng.

Cũng nên biết, người cầu Phật đạo, nơi **một pháp ác** nên mau chóng xa lìa. Đó là xa lìa phóng dật. Như kệ nói:

*Nếu người không thể vượt
Đường sinh tử hiểm ác
Đó là đáng quả trách
Là việc tội ác nhất.
Tuy thích nơi giàu, vui
Nhưng sinh nhà nghèo kém
Không thể trồng phước thiện
Phải làm tội tớ người.
Đều do nơi phóng dật
Nhân duyên đã gây tạo*

Cho nên người có trí
 Mau xa như ác độc.
 Nếu chưa thành đại bi
 Nhẫn vô sinh, không thoái
 Mà hành nơi phóng dật
 Đó tức gọi là chết.

Lại có hai lỗi nên mau chóng xa lìa: 1. Tham địa Thanh văn. 2. Tham địa Phật-bích-chi. Như Phật nói:

Nếu rơi địa Thanh văn
 Cùng địa Phật-bích-chi
 Đó là Bồ-tát chết
 Cũng gọi mất hết thầy.
 Tuy đọa nơi địa ngục
 Không nên sinh sợ hãi
 Nếu rơi vào Nhị thừa
 Bồ-tát nên sợ lớn.
 Tuy đọa nơi địa ngục
 Không ngăn mãi Phật đạo
 Nếu rơi vào hai Thừa
 Phật đạo bị ngăn mãi.
 Phật nói kẻ tham sống
 Chặt đầu tắt kinh hoàng
 Như vậy muốn làm Phật
 Nhị thừa phải kinh sợ.

Lại có ba lỗi nên mau chóng xa lìa: 1. Ghét các Bồ-tát. 2. Ghét việc Bồ-tát làm. 3. Ghét kinh Đại thừa thâm diệu. Như kệ nói:

Trí nhỏ do duyên nhỏ
 Ghét giận các Bồ-tát
 Cũng ghét đạo Bồ-tát
 Cũng ghét kinh Đại thừa.

*Không hiểu nên không tin
Đọa nơi địa ngục lớn
Sợ hãi la thảm thiết
Việc đó nên xa lìa.*

Lại có bốn lỗi nên mau chóng xa lìa: 1. Dua nịnh. 2. Quanh co.
3. Tánh nóng nảy. 4. Không có từ bi. Như kệ nói:

*Tự nói là Bồ-tát
Tâm dua nịnh, quanh co
Tánh nóng chẳng bao dung
Không hành tâm từ bi
Là gần ngục A-tỳ
Lìa Phật đạo rất xa.*

Lại có năm lỗi nên mau chóng xa lìa: 1. Tham dục. 2. Giận dữ.
3. Ham ngủ nghỉ. 4. Đùa cợt. 5. Nghi ngờ. Đó gọi là năm *Cái* che lấp
tâm. Như kệ nói:

*Nếu có người phóng dật
Các Cái tức che tâm
Sinh Thiên hãy còn khó
Huống chi chứng được quả.
Nếu siêng hành tinh tấn
Tức phá tan các Cái
Khi các Cái đã tan
Theo nguyện tất đều thành.*

Lại có sáu lỗi trái với sáu Ba-la-mật, nên mau chóng xa lìa: Tham
lam bòn sẻn, phá giới, giận dữ, biếng trễ, đùa cợt, ngu si. Như kệ nói:

*Xan tham tâm cầu ướ
Phá giới cùng biếng trễ
Vô tri như bò, dê
Ưa giận như rắn độc.*

*Tâm loạn như khỉ vượn
Không xa lìa các Cái
Sinh Thiên là rất khó
Hưởng là được Phật đạo.*

Lại có bảy lỗi nên mau chóng xa lìa: Ưa nhiều sự việc. Ham đọc tụng nhiều. Ưa thích ngủ nghỉ. Ưa thích nói năng. Tham lợi dưỡng. Thường muốn khiến người khác vui. Tâm đạo mê muội, hành theo ái dục. Như kệ nói:

*Người xấu ưa nhiều chuyện
Ham đọc nhiều kinh ngoài
Người ngu ham ngủ nghỉ
Ưa tụ tập nói năng.
Tuy nguyện muốn làm Phật
Nhưng vướng sâu lợi dưỡng
Tôi tớ ân ái ấy
Mê muội nơi Phật đạo
Những kẻ ác như vậy
Tự cho là Bồ-tát.*

Lại có tám pháp nên mau chóng xa lìa: Tà kiến. Tà tư duy. Tà ngữ. Tà nghiệp. Tà mạng. Tà phương tiện. Tà niệm. Tà định. Như kệ nói:

*Nếu có người ngu si
Hành nơi tám tà đạo
Học các kinh pháp tà
Ưa thuận theo thầy tà.
Xa lìa tám Thánh đạo
Các công đức thâm diệu
Vướng sâu nơi phiền não
Mà mong cầu Bồ-đề.*

*Người ngu si như thế
Muốn qua nơi biển lớn
Bỏ thuyền tốt, chắc chắn
Ôm đá mong cầu qua.*

Lại có chín pháp nên mau chóng xa lìa: 1. Không nghe hiểu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. 2. Nghe rồi không tin. 3. Nếu tin thì không nhận. 4. Nếu nhận thì không đọc tụng, thọ trì. 5. Nếu đọc tụng, thọ trì, nhưng không biết nghĩa sâu xa. 6. Nếu biết thì không giảng nói. 7. Giảng nói nhưng không hành như lời. 8. Có hành nhưng không thường xuyên. 9. Có hành thường xuyên nhưng không khéo hành. Như kệ nói:

*Người ngu không muốn nghe
Đạo Chánh chân vô thượng
Nghe rồi không thể tin
Lại không thể tụng trì.
Không biết nghĩa, không nói
Không như lời nói, hành
Không thể thường, khéo hành
Lại không niệm, tuệ an.
Người ngu si như thế
Không nhận được đạo quả
Cũng như kẻ tội ác
Không thể sinh cõi trời.*

Lại có mười lỗi nên mau chóng xa lìa: Đó là mười đạo bất thiện. Như kệ nói:

*Người ngu lúc còn trẻ
Tham ái nơi năm dục
Lìa bỏ mười đạo thiện
Hành mười đạo bất thiện.*

*Vui chư Thiên tại tay
Mà lại tự từ bỏ
Như tham tiền lời nhỏ
Mà bỏ kho báu lớn.*

Hỏi: Khi nói tướng của đạo vô thượng, ông đã nói vô số nhân duyên quả trách, là không phát nguyện Bồ-tát, tự cho là Bồ-tát, chỉ là Bồ-tát danh tự. Nếu ba thứ ấy không gọi là Bồ-tát, thì phải thành tựu những pháp gì để được gọi là Bồ-tát chân thật?

Đáp:

*Không chỉ phát nguyện suông
Tự nói là Bồ-tát
Tên gọi là Bồ-tát
Để thành tựu, lược nói
Đủ ba mươi hai pháp
Mới gọi là Bồ-tát.*

Nếu người phát tâm muốn cầu Phật đạo, tự nói là Bồ-tát, chỉ nhận danh hiệu suông, không hành các công đức, tâm từ bi, các Ba-la-mật v.v... thì không gọi là Bồ-tát, như thành đất gọi là thành báu, chỉ là tự lừa dối mình, cũng lừa dối chư Phật, cũng lừa dối chúng sinh ở thế gian. Nếu người có *ba mươi hai pháp diệu*, cũng có thể phát nguyện tu tập, đó gọi là *Bồ-tát chân thật*. Những gì là ba mươi hai pháp?

1. Tâm tâm là mong cầu an lạc cho tất cả chúng sinh.
2. Có thể nhập trong trí của chư Phật.
3. Tự suy xét kỹ nhận biết về khả năng hành Phật đạo của mình.
4. Không ghét bỏ khác.
5. Tâm đạo kiên cố.
6. Không giả trá kết tạo thân ái.

7. Cho đến khi chưa vào Niết-bàn, luôn làm bạn thân với chúng sinh.

8. Thân sơ đồng một tâm.

9. Đã thừa nhận sự việc thiện tâm không thoái chuyển.

10. Đối với tất cả chúng sinh không đoạn tâm đại từ.

11. Không đoạn dứt tâm đại bi đối với hết thảy chúng sinh.

12. Luôn cầu chánh pháp, tâm không mỏi mệt, biếng trễ.

13. Siêng khởi tinh tấn tâm không chán đủ.

14. Học rộng để hiểu nghĩa.

15. Thường tự xét lỗi mình.

16. Không chê bai khuyết điểm người khác.

17. Thường tu tâm Bồ-đề đối với tất cả sự việc thấy nghe.

18. Bồ thí không cầu báo.

19. Trì giới không cầu tất cả xứ sinh.

20. Nhẫn nhục, không nổi giận gây trở ngại cho hết thảy chúng sinh.

21. Có thể siêng tinh tấn tu tập hết thảy căn thiện.

22. Không sinh theo định vô sắc.

23. Tạo phương tiện để gồm thâu trí tuệ.

24. Bốn Nhiếp pháp là phương tiện gồm thâu.

25. Thương xót như nhau đối với người trì giới hay kẻ phá giới.

26. Một lòng nghe pháp.

27. Nhất tâm trụ nơi A-lan-nhã.

28. Không vui thích vô số tạp sự của thế gian.

29. Không tham vướng nơi Tiểu thừa.

30. Thấy rõ lợi ích của Đại thừa là lớn.

31. Xa lìa tri thức ác.

32. Thân cận tri thức thiện.

Bồ-tát trụ nơi *ba mươi hai pháp* ấy, tức có khả năng thành tựu *mười pháp*: Đó là bốn tâm vô lượng. Có thể hiện bày diệu dụng nơi năm thần thông. Luôn nương dựa vào trí. Không bỏ chúng sinh thiện, ác. Đã nói lời quyết định tất đều là thật. Tích tập hết thấy pháp thiện tâm không chán đủ. Bồ-tát thành tựu *ba mươi hai pháp* và *mười pháp* này gọi là *Bồ-tát chân thật*.

Phẩm 28: PHÂN BIỆT NGHIỆP ĐẠO CỦA ĐỊA THỨ HAI, phần 1

*Các Bồ-tát đã được
Đầy đủ Địa thứ nhất
Muốn được Địa thứ hai
Nên sinh mười thứ tâm.*

Các Bồ-tát đã được Địa thứ nhất là Địa Hoan Hỷ, vì nhằm đạt được Địa thứ hai nên sinh mười thứ tâm. Nhân nơi mười tâm này nên có thể được Địa thứ hai. Như người muốn lên lầu trên để nhìn ngắm phải nhân nơi thang để lên.

Hỏi: Những gì là mười tâm làm phương tiện để thành tựu được Địa thứ hai?

Đáp:

*Tâm trực, tâm kham dụng
Tâm nhuyển, phục, tịch diệt
Chân diệu, không tạp, tham
Tâm lớn, vui là mười.*

Các Bồ-tát đã đạt đầy đủ Địa thứ nhất, muốn đạt được Địa thứ hai phải sinh khởi *mười tâm* phương tiện này:

1. Tâm trực.
2. Tâm kham dụng.
3. Tâm nhu nhuyễn.
4. Tâm hàng phục.
5. Tâm tịch diệt.
6. Tâm chân diệu.
7. Tâm không tạp.
8. Tâm không tham.
9. Tâm vui thích rộng.
10. Tâm lớn.

Tâm trực: Là lia dua nịnh, quanh co. Do lia dua nịnh, quanh co nên tâm chuyển thành mềm dịu.

Tâm mềm dịu (nhu nhuyễn): Là không cứng rắn, thô ác. Bồ-tát được tâm mềm dịu này nên sinh vô số thiện định, cũng tu tập các pháp thiện, quán xét tướng thật của các pháp, nên tâm tức có thể hành tác (kham dụng).

Tâm kham dụng: Là nên sinh tâm hàng phục.

Tâm hàng phục: Là khéo có thể hàng phục các căn như mắt v.v... Như trong kinh nói: Đạo thiện là những gì? Đó là Tỳ-kheo hàng phục được nhãn căn cho đến ý căn. Do hàng phục được sáu căn nên gọi là tâm hàng phục. Tâm đã hàng phục rồi thì dễ sinh tâm tịch diệt (Vắng lặng).

Tâm tịch diệt: Là có thể diệt trừ các phiền não như tham lam, giận dữ, ngu si. Trước là hàng phục tâm rồi tức ngăn chặn khiến được vắng lặng. Lại có người nói: Được các thiện định đó gọi là tâm tịch

diệt. Như kinh nói: “Nếu người khéo nhận biết tướng của thiên định, không tham vị của thiên định, đó gọi là tâm tịch diệt”. Được tâm tịch diệt rồi, tất sinh tâm chân diệu.

Tâm chân diệu: Là ở trong sự việc đã nguyện về thân thông của các thiên định, như ý được dùng. Ví như vàng ròng tùy ý được dùng. Hành giả đã được tâm trực, cho đến tâm chân diệu rồi, vì gìn giữ tâm ấy nên vui thích sinh tâm không tạp.

Tâm không tạp: Là không cùng với người xuất gia, tại gia tòng sự. Hành giả nghĩ như vậy: Ta đã được các tâm như thế, đều do sức lực của thiên định. Do các tâm này nên được vô lượng lợi ích như Địa thứ hai. Nếu cùng với nhiều người xen tạp thì mất lợi này. Vì sao? Vì nếu người hành xen tạp với nhiều người, thì sáu căn như mắt v.v... có lúc trở lại phát sinh các pháp bất thiện. Vì sao? Vì gần gũi với pháp có thể cấu nhiễm, có thể giận dữ, có thể si ám, nên các căn phát động thì lửa phiền não thiêu đốt. Lửa phiền não đã thiêu đốt thì mất hết lợi này. Do thấy các lỗi lầm đó nên sinh tâm không tạp. Không nên hành xen tạp với người tại gia, xuất gia, người ấy được tâm không tạp rồi, tiếp theo sinh tâm không tham.

Tâm không tham: Là đối với người xuất gia, tại gia, không sinh tâm tham đắm. Người ấy nghĩ như vậy: Nếu ta đối với hàng xuất gia, tại gia sinh khởi tham vương, tất họ sẽ tới hỏi ta điều này, chuyện nọ, thì ta sao có được tâm không tạp? Thế nên, ta muốn khiến các lợi ích như những thiên định an trụ nơi tâm không tạp, nên đối với hàng xuất gia, tại gia cần xả bỏ tâm tham đắm.

Hỏi: Theo pháp của Bồ-tát là không nên xả bỏ chúng sinh, không nên sinh tâm xả bỏ, như trong phẩm Trợ Bồ-đề nói:

Bồ-tát mới tinh tấn

Lực phương tiện hiện có

Nên khiến các chúng sinh
 An trụ trong Đại thừa.
 Nếu người dạy Hằng sa
 Chúng sinh trụ La-hán
 Không bằng dạy một người
 Trụ Đại thừa thù thắng.
 Nếu người uy lực ít
 Không thể phát Đại thừa
 Tiếp, nên dạy khiến trụ
 Thừa Bích-chi, Thanh văn.
 Nếu người không gắng trụ
 Thừa Bích chi, Thanh văn
 Nên dạy chúng sinh này
 Khiến hành nhân duyên phước.
 Không nhận trụ ba Thừa
 Không hưởng vui trời, người
 Thường đem chuyện đời này
 Tùy nghi tạo lợi ích.
 Nếu có các chúng sinh
 Không nhận lợi Bồ-tát
 Cũng không xả bỏ họ
 Nên sinh đại từ bi.

Sao ông nói Bồ-tát được tâm không tạp, sinh tâm không tham, nếu Bồ-tát không tham đối với chúng sinh tức là xả bỏ chúng sinh, vậy thì sao có thể hóa độ?

Đáp: Nên tùy thuận nơi đạo Bồ-tát mà hành tâm xả kia. Vì sao? Vì người này nhân nơi tâm xả, nên sinh *Tâm vui thích rộng*. Tự suy nghĩ: Nếu xả bỏ các thứ náo nhiệt, ta sẽ được thiên định. Nhân nơi thiên định sẽ phát sinh pháp vui thích rộng lớn, vi diệu. Được pháp này rồi, thì sau đây tức có thể làm lợi cho chúng sinh hơn bây giờ

ngàn vạn lần. Thế nên vì tạo nhiều lợi ích cho chúng sinh nên hành tâm xả trong thời gian ngắn, tức tạm thời bỏ các thứ ồn ào để được thiên định, năm thần thông v.v... tạo lợi ích cho chúng sinh.

Do đâu Bồ-tát phải tạo ra phương tiện như vậy? Vì Bồ-tát nhằm đạt được *Tâm lớn* nên suy nghĩ: Người lớn vui thích nơi lợi ích lớn, nên không giữ lấy lợi nhỏ. Do vậy, nay ta nên cầu pháp của bậc Đại nhân, theo đấy mà tu học. Nên siêng gia tăng tinh tấn như thế vì lợi ích lớn, đó là những thiên định, thần thông, diệt khổ, giải thoát v.v... Vì thế, những điều ông nói trên là không đúng.

Hỏi: Trong Địa thứ nhất đã có các pháp như tâm ngay thẳng v.v... vì sao lại nói Bồ-tát muốn đạt được Địa thứ hai phải sinh khởi mười tâm nữa?

Đáp: Địa thứ nhất tuy có pháp này nhưng chưa được nguồn vui sâu xa, chưa có kiên cố. Ở Địa thứ hai này, tâm luôn vui thích càng chuyển thành kiên cố sâu vững, đủ khả năng thực hiện. Thế nên lời vấn nạn của ông là không hợp.

Hỏi: Nếu người nào ham chuộng sâu xa, vững chắc về pháp này thì được những sự việc khác biệt gì?

Đáp:

*Nếu người cùng lúc được
Tâm ưa sâu, kiên cố
Thì không còn dụng công
Như sai khiến, luôn theo.*

Như sai khiến người, nhất thời sinh mà luôn theo mình. Bồ-tát cũng như vậy, trong một lúc được tâm ưa chuộng sâu xa kiên cố, được rồi, thì luôn gắn liền, lại không cần dụng công mà sinh. Hoặc chỉ dùng một ít nhân duyên liền phát sinh. Vì sao? Vì gốc rễ đã cắm sâu nên cành nhánh nối nhau phát triển.

Hỏi: Nếu Bồ-tát đạt được mười thứ tâm này, thì sẽ có được những quả gì?

Đáp:

*Nếu được các tâm này
Chánh trụ Địa thứ hai
Đủ ba thứ ly cấu
Nghiệp ác và phiền não.*

Nếu Bồ-tát đạt được mười tâm như tâm trực v.v..., tức gọi là Bồ-tát trụ nơi Địa thứ hai.

Ba thứ Ly cấu đó là:

1. Ly cấu là tên gọi của Địa.
2. Ly cấu là ở trong Địa này, lìa cấu uế của nghiệp tội nơi mười đạo bất thiện.
3. Ly cấu là lìa khỏi cấu uế của các phiền não như tham dục, giận dữ v.v..., nên gọi là Ly cấu.

Lại nữa, nghĩa của Ly cấu v.v...

HẾT - QUYỂN 13

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYÊN 14

Phẩm 28: PHÂN BIỆT NGHIỆP ĐẠO CỦA ĐỊA THỨ HAI, phần 2

Kệ nêu:

*Bồ-tát trụ Địa này
Tự nhiên không hành ác
Do rất ưa pháp thiện
Tự nhiên hành đạo thiện.*

Hỏi: Tự nhiên không hành mười đạo bất thiện, tự nhiên hành mười đạo thiện. Hai thứ đạo này, thân hành bao nhiêu? Miệng hành bao nhiêu? Ý hành bao nhiêu?

Đáp:

*Thân, ý mỗi thứ ba
Miệng bốn, thiện cũng thế
Nói lược là như vậy
Dưới đây sẽ phân biệt.*

Ba hành ác của thân: Giết hại mạng sống kẻ khác, trộm cướp, tà dâm. *Bốn hành ác của miệng:* Nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời tán loạn. *Ba hành ác của ý:* Tham luyến, giận dữ gây nhiễu hại, tà kiến.

Ba hành thiện của thân: Là bỏ giết hại mạng sống kẻ khác, không trộm cướp, không tà dâm. *Bốn hành thiện của miệng:* Là bỏ nói dối, là bỏ nói hai lưỡi, là bỏ nói lời thô ác, là bỏ nói lời tán loạn. *Ba hành thiện của ý:* Không tham lầy, không giận dữ gây ão hại, chánh kiến.

Nghiệp đạo của thân, miệng, ý là thiện, bất thiện, nên cần luận bàn để khiến người được hiểu.

Trước hết, *giết hại mạng sống kẻ khác:* Là đạo bất thiện. Biết đó là chúng sinh có sự sống mà cố tâm hành ão hại. Nhân nơi ão hại mà kẻ kia bỏ mạng. Khởi thân nghiệp ấy, gọi là giết hại mạng sống kẻ khác, là đạo bất thiện. Là bỏ hành như thế gọi là *lìa bỏ giết hại mạng sống kẻ khác*, là hành thiện.

Trộm cướp: Là đồ vật của người khác, biết rõ là của người khác, lại sinh tâm trộm cướp, dùng tay lấy vật ấy đem đi nơi khác, hoặc cướp hoặc trộm, cho vật đó là của mình, sinh tâm ngã sở, đó là hành trộm cướp. Là bỏ hành như thế gọi là *không trộm cướp*, là hành thiện.

Tà dâm: Là người nữ hiện có, hoặc được cha mẹ bảo hộ, thân tộc bảo hộ, giòng họ bảo hộ, pháp luật bảo hộ, giới pháp bảo hộ. Nếu là vợ người khác, đã biết có những thứ ngăn cản, chướng ngại như đánh đập, ão hại. Trong sự việc này sinh tâm tham dục, khởi hành ở thân. Hoặc đôi với thê thiếp của mình mà vẫn hành dâm tuy đang ngày thọ giới, đang mang thai, đang cho con bú, hay thực hiện việc dâm dục không phải chỗ v.v..., đó gọi là tà dâm. Là bỏ hành như thế gọi là *không tà dâm*, là hành thiện của thân.

Nói dối: Là giấu tướng, giấu tâm, giấu sự trông thấy, giấu nhĩn, giấu điều muốn. Biết rõ các tướng như vậy mà nói khác, đó gọi là nói dối. Xa lìa việc ấy gọi là *lìa bỏ nói dối*, là hành thiện.

Nói hai lưỡi: Là muốn chia rẽ người khác, đem sự việc này nói cho người kia, đem sự việc kia nói cho người này, là nhằm chia rẽ,

người hòa hợp thì khiến chia lìa, người chia lìa thì tùy thuận cho chia rẽ là tốt, đáng mừng, đó gọi là nói hai lưỡi. Từ bỏ sự việc như thế gọi là *lìa bỏ nói hai lưỡi*, là hành thiện.

Nói lời thô ác: Là nơi thế gian hiện có các thứ lời ác, lời độc hại, lời cay đắng, lời thô bỉ, lời tồi tệ v.v..., khiến người khác nổi giận, náo hại, đó gọi là nói lời thô ác. Từ bỏ sự việc như thế gọi là *lìa bỏ nói lời thô ác*, là hành thiện.

Nói lời tán loạn: Là nói không đúng lúc, nói không lợi ích, nói lời phi pháp, lời không đầu không đuôi, lời không duyên cớ, đó gọi là nói lời tán loạn. Từ bỏ sự việc như vậy gọi là *lìa bỏ nói lời tán loạn*, là hành thiện.

Tham lấy: Là những vật của người khác, những sở thích của họ, như ruộng vườn, cửa cải, lại khởi tâm tham muốn lấy cho được. Ngược lại, đối với vật của người khác không tham, không ganh tị, không muốn lấy cho mình, đó gọi là *không tham lấy*, là hành thiện.

Giận dữ gây náo hại: Là tâm nổi giận dữ, là tâm sân hận, tâm gây cản trở đối với chúng sinh khác. Suy nghĩ: Sao ta không đánh đập, cột trói, giết nó? Đó gọi là giận dữ gây náo hại. Từ bỏ sự việc như thế gọi là *không giận dữ gây náo hại*, là hành thiện.

Tà kiến: Là nói không có bổ thí, không có ơn báo, không có nghiệp thiện ác, không có quả báo, không có đời này, không có đời sau, không có cha mẹ, không có Sa-môn, Bà-la-môn, cho mình có thể nhận biết rõ về đời này, đời sau, thông đạt hết thấy, tự thân tác chứng. Đó gọi là tà kiến. *Chánh kiến*: Là cho có hành bổ thí, có ơn báo, có nghiệp báo thiện ác, có đời này, đời sau, thế gian có Sa-môn, Bà-la-môn, nhận biết về đời này đời sau, thông suốt hết thấy, tự thân tác chứng. Đó gọi là chánh kiến, là hành thiện. Bồ-tát này như thế là nhập đạo chánh kiến.

Lại nữa:

*Đạo thiện, đạo bất thiện
 Đều hai mươi phân biệt
 Biết xứ nào khởi lên
 Mười hai thứ phân biệt.*

Bồ-tát đối với vô số tướng riêng như mười đạo thiện, mười đạo bất thiện, nhận biết có **hai mươi** thứ phân biệt.

Lại, đối với hai mươi thứ phân biệt ấy khéo nhận biết từ xứ nào khởi **mười hai** thứ phân biệt.

Trong mười đạo bất thiện có hai mươi thứ phân biệt, đó là *không lia bỏ giết hại mạng sống kẻ khác*:

1. Bất thiện.
2. Hệ thuộc cõi Dục.
3. Hữu lậu.
4. Không phải tâm số pháp.
5. Tâm không tương ưng.
6. Không tùy tâm hành.

7. Hoặc cùng tâm sinh, hoặc không cùng tâm sinh. *Thế nào là cùng tâm sinh?* Là thật có chúng sinh nhận biết đó là chúng sinh, vì thân nghiệp nên đoạt mạng sống của họ, đó gọi là cùng tâm sinh. *Thế nào là không cùng tâm sinh?* Như người muốn giết hại chúng sinh thì bắt trời, kéo lê, đánh ngã xuống đất, sau đấy nạn nhân tự chết, đó gọi là không cùng tâm sinh. Lại, thân không hành tác, miệng không nói, chỉ sinh tâm như vậy: Ta từ nay phải giết hại chúng sinh kia. Tôi giết hại mạng sống kẻ khác như vậy gọi là không cùng tâm sinh. Lại nữa, không lia bỏ ý giết hại mạng sống kẻ khác, nhưng giác quán luôn tích tập, tăng trưởng, cũng gọi là không cùng tâm sinh.

8. Hoặc sắc, hoặc không phải sắc. Ban đầu cùng tâm cố ý gây tội giết hại, đó là sắc. Tội giết lần thứ hai, tội giết lần thứ ba, tội giết lần thứ tư là không phải sắc.

9. Hoặc có tạo tác, hoặc không tạo tác. Có sắc là tạo tác, ngoài ra là không tạo tác.

10. Hoặc có duyên, hoặc không có duyên. Sắc là có duyên, ngoài ra là không có duyên.

Hỏi: Tâm này có duyên hay là không có duyên?

Đáp: Không có duyên.

Hỏi: Nếu tâm không có duyên khi thân không hành tác, miệng không nói, chỉ tâm sinh niệm: Từ nay ta phải giết hại chúng sinh ấy. Đã có nghiệp gây tội như vậy, sao gọi là không có duyên?

Đáp: Nếu gây tội giết thì tâm tức nên có duyên. Nay, thật sự có tội giết nhưng không phải là tâm, vì tội giết là nghiệp của thân, mà tâm thật không phải là nghiệp của thân, cho nên tội giết hại chúng sinh như vậy không gọi là có duyên. Tội sát sinh này chỉ là cùng tâm sinh, vì tâm ở trong thân, do tâm này không tạo tác, nên nói là không có duyên.

11. Là nghiệp.

12. Không phải nghiệp tương ưng.

13. Không tùy nghiệp hành.

14. Hoặc cùng nghiệp sinh hoặc không cùng nghiệp sinh. Cũng như cùng tâm sinh không khác, chỉ trừ tâm và suy nghĩ cùng sinh thì khác.

15. Không phải nghiệp báo của đời trước.

16. Không thể tu tập.

17. Nên khéo nhận biết.

18. Nên dùng tuệ chứng, không dùng thân chứng.

19. Có thể đoạn trừ.

20. Có thể thấy biết.

Không lìa bỏ tội trộm cướp, không lìa bỏ tội tà dâm, không lìa bỏ tội nói dối, trong các tội đó, chỉ:

1. Cùng tâm sinh. 2. Không cùng tâm sinh.

1. Có sắc. 2. Không sắc.

1. Có tạo tác. 2. Không tạo tác.

1. Có duyên. 2. Không có duyên.

Phần còn lại đều giống như đã nói trong tội giết hại mạng sống kẻ khác.

Không lìa bỏ nói hai lưỡi, không lìa bỏ nói lời thô ác: Cũng đều như vậy.

Không lìa bỏ nói lời tán loạn thì hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký: Từ tâm bất thiện sinh là bất thiện. Từ tâm vô ký sinh là vô ký. Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc: Hệ thuộc cõi Dục là do thân tâm của cõi Dục nói lời tán loạn. Hệ thuộc cõi Sắc cũng như thế. Ngoài ra, như nói trong tội vọng ngữ.

Tham lấy là hệ thuộc cõi Dục, hữu hậu, tâm số pháp, tâm không tương ưng, không tùy tâm hành, tâm cùng sinh, không sắc, không tạo tác, có duyên, nghiệp không tương ưng, không tùy nghiệp hành, không cùng nghiệp sinh, không phải nghiệp báo của đời trước, trừ báo của nhân, không thể tu tập, nên khéo nhận biết, nên dùng tuệ chứng, thân chứng, có thể đoạn trừ, có thể thấy biết.

Giận dữ gây náo hại hoặc tâm tương ưng, hoặc tâm không tương ưng: Thuộc về triền gọi là tâm tương ưng. Thuộc về sử gọi là tâm không tương ưng. Tùy tâm hành hoặc không tùy tâm hành cũng

như vậy. Hoặc cùng tâm sinh, hoặc không cùng tâm sinh: Chúng sinh có giác là cùng tâm sinh. Chúng sinh không giác là không cùng tâm sinh. Như tâm tương ưng, tùy tâm hành, cùng tâm sinh, thì nghiệp tương ưng, tùy nghiệp hành, cùng nghiệp sinh cũng như vậy. Như tâm không tương ưng, không tùy tâm hành, không cùng tâm sinh, thì nghiệp không tương ưng, không tùy nghiệp hành, không cùng nghiệp sinh cũng như vậy. Phần còn lại phân biệt như đã nói trong tham lầy.

Như giận dữ gây ão hại, *tà kiến* cũng như vậy.

Đó gọi là hai mươi thứ phân biệt của đạo bất thiện.

Trong mười đạo thiện, lia bỏ giết hại mạng sống kẻ khác là tánh thiện. Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc không hệ thuộc ba cõi: Hệ thuộc cõi Dục là do thân cõi Dục đã lia bỏ việc giết hại mạng sống kẻ khác. Không hệ thuộc ba cõi nghĩa là thuộc về tám Thánh đạo của hàng hữu học và hàng vô học.

Lia bỏ sát sinh là chánh nghiệp. Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu: Hệ thuộc cõi Dục là hữu lậu, không hệ thuộc ba cõi là vô lậu. Không phải tâm số pháp, tâm không tương ưng, không tùy tâm hành.

Hoặc cùng tâm sinh, hoặc không cùng tâm sinh: Những gì là cùng tâm sinh? Như người đi đường thấy trùng, nghĩ như vậy: Ta đâu để thân nghiệp xa lia không thương hại chúng. Đó gọi là hành thiện xa lia giết hại mạng sống, là cùng tâm sinh. Những gì là thiện, là lia bỏ sát sinh, không cùng tâm sinh? Như có người thân không hành, miệng không nói, chỉ tâm nghĩ: Kể từ nay, ta không sát sinh, đó gọi là không cùng tâm sinh. Lại như có người, trước đã lia bỏ sát sinh, bây giờ thì hoặc ngủ hoặc thức, tâm duyên nơi những việc khác, nhưng đều giữ niệm không sát sinh, do vậy phước luôn được thêm lớn, đó cũng là không cùng tâm sinh.

Hoặc sắc, hoặc không phải sắc. Một là sắc, hai là không phải sắc. Một là có tạo tác, hai là không tạo tác. Một là có duyên, hai là không có duyên.

Là nghiệp, nghiệp không tương ưng, không tùy nghiệp hành. Hoặc cùng nghiệp sinh hoặc không cùng nghiệp sinh: Như cùng tâm sinh không cùng tâm sinh, trừ tâm cùng với suy nghĩ là khác.

Không phải nghiệp báo của đời trước, trừ báo của nhân, có thể tu tập, nên khéo nhận biết, nên dùng thân chứng, tuệ chứng.

Hoặc có thể đoạn trừ, hoặc không thể đoạn trừ: Hữu lậu thì có thể đoạn trừ, vô lậu thì không thể đoạn trừ. Có thể thấy biết cũng như vậy.

Lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ tà dâm, lìa bỏ nói dối, lìa bỏ nói hai lưỡi, lìa bỏ nói lời thô ác: Cũng đều như vậy.

Lìa bỏ nói lời tán loạn hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc không hệ thuộc ba cõi: Hệ thuộc cõi Dục là vì thân tâm ở cõi Dục lìa bỏ nói lời tán loạn. Hệ thuộc cõi Sắc cũng như vậy. Không hệ thuộc ba cõi, như trong phần không sát sinh đã nói. Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu: Hữu lậu là hệ thuộc, vô lậu là không hệ thuộc. Ngoài ra, như trong phần lìa bỏ nói dối đã nói.

Không tham lấy là tánh thiện. Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc không hệ thuộc ba cõi: Hệ thuộc cõi Dục là phàm phu ở cõi Dục không tham lấy và Hiền Thánh không tham lấy, là hành thiện, là hệ thuộc cõi Dục. Không hệ thuộc ba cõi là các Hiền Thánh không tham lấy, là hành thiện vô lậu. Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu: Hệ thuộc cõi Dục là hữu lậu, không hệ thuộc ba cõi là vô lậu.

Là tâm số pháp, tâm tương ưng, tùy tâm hành, cùng tâm sinh, không sắc, không tạo tác, có duyên, không phải nghiệp, nghiệp tương ưng, tùy nghiệp hành, cùng nghiệp sinh, không phải nghiệp báo của

đời trước, trừ báo của nhân, có thể tu tập, nên khéo nhận biết, nên dùng thân chúng, tuệ chúng.

Hoặc có thể đoạn trừ, hoặc không thể đoạn trừ: Hữu lậu là có thể đoạn trừ, vô lậu là không thể đoạn trừ. Có thể thấy biết cũng như vậy.

Lìa bỏ giận dữ gây ão hại là tánh thiện. Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc ba cõi: Hệ thuộc cõi Dục là căn thiện không giận dữ gây ão hại ở cõi Dục. Hai cõi kia cũng như vậy. Không hệ thuộc ba cõi là phần còn lại không hệ thuộc.

Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu: Hệ thuộc ba cõi là hữu lậu, phần còn lại là vô lậu. Tâm số pháp, hoặc tâm tương ưng hoặc tâm không tương ưng. Cùng trái ngược với triền là căn thiện không giận dữ tương ưng với tâm. Cùng trái ngược với sử là căn thiện không giận dữ không tương ưng với tâm. Tùy tâm hành, cùng tâm sinh, cũng đều như vậy. Không sắc, không tạo tác, hoặc có duyên hoặc không có duyên: Tâm tương ưng là có duyên, tâm không tương ưng là không có duyên.

Không phải nghiệp, hoặc nghiệp tương ưng hoặc nghiệp không tương ưng, hoặc tùy nghiệp hành hoặc không tùy nghiệp hành, hoặc cùng nghiệp sinh hoặc không cùng nghiệp sinh, cũng như nói về tâm. Không phải nghiệp báo của đời trước, trừ báo của nhân, nên dùng thân chúng, tuệ chúng. Hoặc có thể đoạn trừ hoặc không thể đoạn trừ: Hữu lậu thì có thể đoạn trừ, vô lậu thì không thể đoạn trừ. Có thể thấy biết cũng như vậy.

Chánh kiến là tánh thiện. Hoặc hệ thuộc cõi Dục, hoặc hệ thuộc cõi Sắc, hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc ba cõi: Hệ thuộc cõi Dục là phạm phu hay Hiền Thánh ở cõi Dục có niệm tương ưng với chánh kiến. Cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Không hệ thuộc ba cõi là chánh kiến vô lậu của các Hiền Thánh.

Hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu: Hệ thuộc ba cõi là hữu lậu, không hệ thuộc là vô lậu.

Là tâm số pháp, tâm tương ưng, tùy tâm hành, cùng tâm sinh, không sắc, không tạo tác, có duyên, không phải nghiệp, nghiệp tương ưng, tùy nghiệp hành, cùng nghiệp sinh, không phải nghiệp báo của đời trước, trừ báo của nhân, có thể dùng thân chứng, tuệ chứng.

Hoặc có thể đoạn trừ, hoặc không thể đoạn trừ: Hữu lậu thì có thể đoạn trừ, vô lậu thì không thể đoạn trừ. Có thể thấy biết cũng như vậy.

Đó gọi là hai mươi thứ phân biệt của đạo thiện.

Từ xứ nào khởi mười hai thứ phân biệt, gồm:

1. Từ xứ nào phát khởi?
2. Từ những gì phát khởi?
3. Từ nhân gì phát khởi?
4. Cùng với cái gì làm nhân?
5. Từ duyên gì phát khởi?
6. Cùng với cái gì làm duyên?
7. Cái gì là đối tượng duyên?
8. Cùng với cái gì làm đối tượng duyên?
9. Tăng thượng như thế nào?
10. Cùng với cái gì làm tăng thượng?
11. Mất cái gì?
12. Tội giết hại có quả gì?

Ở đây: *Tội giết hại mạng sống kẻ khác*: Từ xứ nào phát khởi? Là từ ba căn bất thiện phát khởi. Lại từ niệm tà phát khởi. Lại còn tùy vào chỗ dùng tâm nào giết hại chúng sinh, từ tâm đó khởi.

Từ những gì phát khởi? Là từ các pháp hiện có của biên tội giết hại, đã sinh, đang sinh, sẽ sinh.

Về phần Nhân, Duyên (3, 4, 5, 6): Cũng như vậy.

Cái gì là đối tượng duyên? Là duyên nơi chúng sinh. Lại nhân nơi tâm nào để giết hại chúng sinh, cũng là duyên nơi tâm ấy.

Cùng với cái gì làm đối tượng duyên? Là nhân nơi các pháp hiện có của biên tội sát sinh, hoặc đã sinh, đang sinh, sẽ sinh. Pháp này duyên nơi tội sát sinh.

Mất cái gì? Là tên xấu lan truyền trong đời này, không ai tin cậy.

Tội giết hại có quả gì? Là bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la v.v... và các xứ ác khác, chịu báo khổ ão.

Phần tặng thượng và cùng với cái gì làm tặng thượng như nói trong phần: Từ xứ nào phát khởi.

Trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời tán loạn, tham lấy, giận dữ gây ão hại, tà kiến cũng đều như vậy. Chỉ nơi đối tượng duyên là có khác. Duyên của tội trộm cướp là các thứ vật dụng. Duyên của tà dâm là chúng sinh. Duyên của nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời tán loạn là danh tự. Duyên của tham lấy là các thứ vật dụng. Duyên của giận dữ gây ão hại là chúng sinh. Duyên của tà kiến là danh tự. Những phần còn lại đều cũng như trên.

Không sát sinh: Từ xứ nào phát khởi? Là từ ba căn thiện phát khởi. Lại từ chánh niệm phát khởi. Lại nữa, tùy vào việc dùng tâm nào liã bỏ sát sinh, cũng từ tâm ấy phát khởi.

Từ những gì phát khởi? Là từ các pháp hiện có của pháp này, hoặc đã sinh, hoặc đang sinh, hoặc sẽ sinh.

Về phần Nhân, Duyên cũng như vậy.

Cái gì là đối tượng duyên? Là duyên nơi chúng sinh.

Cùng với cái gì làm đối tượng duyên? Là nhân nơi các pháp hiện có của biên không sát sinh ấy, hoặc đã sinh, hoặc đang sinh, hoặc sẽ sinh, duyên nơi không sát sinh.

Tăng thượng như thế nào? Là các căn thiện tăng thượng. Chánh niệm cũng tăng thượng. Tùy theo chỗ dùng tâm nào không sát sinh, tâm ấy cũng tăng thượng.

Cùng với cái gì làm tăng thượng? Là các pháp hiện có của biên không sát sinh ấy, hoặc đã sinh, hoặc đang sinh, hoặc sẽ sinh.

Được lợi ích gì? Cùng trái ngược với tội sát sinh, đó gọi là lợi ích.

Được quả gì? Cùng trái ngược với tội sát sinh, đó gọi là quả.

Không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời tán loạn, không tham luyến, không giận dữ gây náo hại, chánh kiến cũng đều như vậy. Chỉ nơi đối tượng duyên là có khác. Duyên của không trộm cướp là các vật dụng. Không tà dâm, đối tượng duyên là chúng sinh. Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời tán loạn, đối tượng duyên là danh tự.

Không tham luyến, đối tượng duyên là các vật dụng. Không giận dữ gây náo hại, đối tượng duyên là chúng sinh. Chánh kiến hoặc là duyên nơi danh tự, hoặc duyên nơi nghĩa: Hữu lậu tức duyên nơi danh tự. Vô lậu thì duyên nơi nghĩa.

Bồ-tát này đối với những luận như điều thiện v.v... cùng mười hai luận như phát khởi v.v..., hành mười đạo thiện, nên nhận biết là đã phân biệt như vậy.

Lại nhận biết:

Bảy thứ xử bất thiện

Do tham sân si sinh

Cùng bốn môn phân biệt

Nghiệp, chúng sinh đều hai.

Bồ-tát này nhận biết bảy nghiệp đạo bất thiện do tham sân si sinh, dựa vào đó phân biệt những chuyện nơi thế gian.

Lại, nhận biết trong bảy thứ nghiệp bất thiện ấy, có bốn môn phân biệt, là tội sát sinh này, hoặc từ tham sinh, hoặc từ sân sinh, hoặc từ si sinh.

Từ tham sinh: Là nếu người thấy chúng sinh, khởi tâm tham đắm, theo nhân duyên ấy muốn thọ dụng các thứ sắc thanh hương vị xúc tốt đẹp. Hoặc vì cần đến răng, sừng, lông, da, gân, thịt, xương, tủy v.v... mà người ấy sinh tâm tham như vậy, nên đoạt mạng sống người khác. *Đó gọi là tội sát sinh từ tham sinh.* Nếu người giết hại chúng sinh do tâm giận dữ không vui, *đó gọi là tội sát sinh từ giận dữ sinh.* Hoặc người tà kiến không biết nghiệp thiện, ác của đời sau nên giết hại chúng sinh, *đó gọi là tội sát sinh từ si sinh.* Lại có người cho: Hoặc vì tạo phước đức, hoặc muốn thoát khỏi khổ nên sát sinh, như nước An Tức v.v... ở phương Tây. Lại có người nêu nhân duyên cầu phước đức nên sát sinh và cho: Do nhân duyên của nghiệp sát ấy mà được sinh lên cõi trời, như người ở phía Đông Thiên Trúc, trong các đền thờ Trời đều sát sinh, cho là làm như vậy để được sinh lên trời. *Đó gọi là tội sát sinh từ si sinh.*

Lại có người do tâm tham nên lấy vật dụng của người khác. Nghĩ như vậy: Ta nên theo ý thích để có được các thứ tốt đẹp về sắc thanh hương vị xúc. *Đó gọi là trộm cướp từ tham sinh.* Lại có người do tâm giận dữ, không vui, nên trộm cướp của cải vật dụng thuộc người khác, ý muốn gây khổ não cho người kia. *Đó gọi là trộm cướp từ giận dữ sinh.* Lại có người theo tà kiến, không hiểu biết về quả báo, nên trộm cướp vật dụng của kẻ khác. *Đó gọi là trộm cướp từ si sinh.* Như các Bà-la-môn nói: Vật báu nơi thế gian đều là của ta, do sức của ta yếu nên các tiểu nhân chiếm lấy thọ dụng phi pháp. Do đó, nếu ta lấy, là lấy lại chính vật của ta, không có tội lỗi gì cả. *Tâm trộm cướp như vậy cũng là từ si sinh.*

Như người từ nhân duyên tham đắm sắc nên hành tà dâm, *đó gọi là từ tham sinh.* Hoặc có người giận dữ không vui, suy nghĩ như vậy:

Kẻ kia đã xúc phạm mẹ, vợ, chị em gái ta, ta cũng đáp trả lại bằng chuyện dâm dục để làm nhục mẹ, vợ, chị em gái nó, *đó gọi là tà dâm từ giận dữ sinh*. Nếu kẻ theo tà kiến không hiểu biết về quả báo nên phạm, *đó gọi là từ si sinh*. Như có người nói: Trong loài người không có sự việc tà dâm. Vì sao? Vì người nữ đều vì người nam nên sinh. Như các vật cần dùng khác, nên có điều kiện hành dâm với họ thì không có tội tà dâm. Do tâm như vậy mà tạo dâm dục, *đó gọi là từ si sinh*.

Như tội trộm cướp, *nói dối* cũng như vậy. Vì tham của cải nên nói dối, *đó gọi là từ tham sinh*. Vì muốn dối gạt người khác khiến họ khổ não, *đó gọi là từ giận dữ sinh*. Người theo tà kiến không biết quả báo của nghiệp nên nói dối, *đó gọi là từ si sinh*.

Nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời tán loạn cũng như vậy.

Ba đạo bất thiện tức là căn bản. Từ đó phân biệt sinh bảy thứ quả của nghiệp thân, miệng.

Hỏi: Không lia bỏ sát sinh đều là tội sát sinh chăng? Nếu là tội sát sinh thì đều là không lia bỏ sát sinh chăng?

Đáp: Có khi không lia bỏ sát sinh cũng là tội sát sinh. Có khi không lia bỏ sát sinh không phải là tội sát sinh.

Những gì là không lia bỏ sát sinh cũng là tội sát sinh? Như có người nhận biết đó là chúng sinh mà vẫn khởi thân nghiệp cố giết chết. Đó gọi là không lia bỏ sát sinh cũng là tội sát sinh.

Những gì là không lia bỏ sát sinh không phải là tội sát sinh? Như người này, trước có tạo nhân duyên giết hại, nhưng chúng sinh kia không chết. Lại, thân không hành, miệng không nói, chỉ tâm niệm: Ta nay sẽ giết hại chúng sinh kia. Đó gọi là không lia bỏ sát sinh không phải là tội sát sinh.

Hai môn này, phân biệt ra thành bốn thứ, đó là thiện và bất thiện, mỗi thứ đều có hai.

*Không chỉ thiện, bất thiện
Hai thứ nghiệp thân, tâm
Cũng lại cần nên biết
Lại có phân biệt khác.*

Ngoại trừ thân sát sinh, trộm cướp, tà dâm, các sự việc khác như: đánh đập, trói nhốt, đánh bằng roi, gậy, lôi kéo, nhưng không gây chết chóc, thân hành nghiệp bất thiện như vậy thì không thuộc về tội đoạt mạng sống.

Trong các hành nghiệp thiện của thân như đón đưa, chấp tay, lễ bái, cung kính, hỏi han, tắm gội, xoa nắn, bóp thí v.v..., thì đây chẳng phải là thuộc về không sát sinh v.v...

Trong ý nghiệp, trừ tham lầy, giận dữ gây nhiễu, tà kiến, những kiết sử còn lại hiện có, không thâm giữ tâm, đều là pháp bất thiện.

Lại, trong ý nghiệp, trừ không tham lầy, không giận dữ gây nhiễu, chánh kiến, những thứ còn lại khéo thâm giữ tâm, như tín, giới, văn, định, xả, tuệ, đều là pháp thiện.

*Bảy nghiệp cũng nghiệp đạo
Ba nghiệp đạo chẳng nghiệp.*

Trong hành bất thiện: Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời tán loạn, đó là bảy nghiệp, nghiệp này tức là nghiệp đạo.

Còn tham lầy, giận dữ gây nhiễu, tà kiến, đó là ba nghiệp đạo không phải là nghiệp. Ba sự này tương ứng với tư duy là nghiệp.

Hỏi: Vì sao bảy sự việc trước là nghiệp, cũng là nghiệp đạo?

Đáp: Do bảy sự việc ấy được hành tập quen, chuyên tăng, đưa đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, do đó gọi là nghiệp đạo. Bảy sự việc này có khả năng tạo tác nên gọi là nghiệp. Ba nghiệp đạo sau không

phải là nghiệp, vì chúng là gốc của nghiệp bất thiện, do vậy nên gọi là ba nghiệp đạo, không phải là nghiệp.

Trong hành thiện cũng như vậy. Lìa bỏ sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời tán loạn, cũng là nghiệp, cũng là nghiệp đạo.

Ba thứ còn lại là không tham luyến, không giận dữ gây nhiễu hại, chánh kiến, là nghiệp đạo, không phải là nghiệp. Ba thứ này tương ứng với tư duy là nghiệp.

Hỏi: Vì sao bảy sự việc trước là nghiệp, cũng là nghiệp đạo?

Đáp: Do thường tu tập chúng, có khả năng đưa tới xứ tốt đẹp của cõi trời, người nên gọi là đạo. Bảy sự việc này có khả năng tạo tác nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Vì sao ba sự việc còn lại chỉ gọi là nghiệp đạo, không phải là nghiệp?

Đáp: Ba sự việc này là gốc của các nghiệp thiện. Các nghiệp thiện từ trong đó mà hành, nên gọi là nghiệp đạo, không phải là nghiệp.

Lại nữa:

*Giới pháp tức là nghiệp
Nghiệp hoặc giới, không giới
Nghiệp cùng nơi nghiệp đạo
Có bốn thứ phân biệt.*

Nghiệp của thân, miệng là giới. Ý nghiệp là nghiệp, không phải là giới. Nghiệp và nghiệp đạo có bốn thứ phân biệt là:

1. Có nghiệp không phải là nghiệp đạo.
2. Có nghiệp đạo không phải là nghiệp.
3. Có nghiệp cũng là nghiệp đạo.
4. Có không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp đạo.

Nghiệp không phải là nghiệp đạo: Là ba thứ nghiệp bất thiện của thân, chúng không thuộc về nghiệp đạo. Như tay nắm roi gậy v.v... Ba thứ nghiệp thiện của thân cũng không thuộc về nghiệp đạo, như là đón, đưa, lễ bái v.v... Ba nghiệp thiện và bất thiện này, không thuộc về nghiệp đạo. Hoặc có người nói: Chúng cũng là nghiệp đạo. Vì sao? Vì ba nghiệp này hoặc có khi đưa đến xứ thiện, hoặc có khi đưa đến xứ ác, nên gọi là nghiệp đạo. Do chúng không định nên không nói là nghiệp đạo.

Nghiệp đạo không phải là nghiệp: Ba thứ bất thiện và ba thứ thiện sau tánh là phiền não, nên không phải là nghiệp. Do có khả năng khởi nghiệp nên gọi là nghiệp đạo. Ba thứ thiện là tánh của căn thiện, nên không phải là nghiệp. Do có khả năng khởi nghiệp thiện nên gọi là nghiệp đạo.

Cũng là nghiệp cũng là nghiệp đạo: Đó là bảy sự việc như sát sinh, không sát sinh v.v...

Không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp đạo: Là pháp còn lại.

Lại nữa:

*Bồ-tát biên Địa một
Dùng ba thứ thanh tịnh
An trụ mười đạo thiện
Tức sinh tâm quyết định.*

Bồ-tát này ở trong Địa thứ hai, phân biệt rõ, nhận biết mười đạo thiện và mười đạo bất thiện. Biết rồi, dùng ba thứ thanh tịnh trụ nơi mười đạo thiện. Đó là tự mình không giết hại, không dạy bảo kẻ khác giết hại, đối với tội sát sinh tâm không vui mừng. Cho đến chánh kiến, cũng như vậy.

Hỏi: Bồ-tát trong Địa thứ nhất đã trụ nơi mười đạo thiện. Vì sao ở đây còn nói lại?

Đáp: Trong Địa thứ nhất, không phải là không trụ nơi mười đạo thiện, nhưng ở đây là nói chuyên thắng, tăng trưởng, do ba thứ thanh tịnh. Trước, trong Địa thứ nhất, tuy làm vua châu Diêm-phù-đề, nhưng không có khả năng hành ba thứ thanh tịnh ấy, thế nên ở đây đã nói đến ba thứ thanh tịnh. Bồ-tát an trụ nơi Địa thứ hai này, nhận biết phân biệt các nghiệp như vậy nên sinh tâm quyết định.

*Đạo ác có trên đời
Sinh từ mười bất thiện
Đạo thiện có trên đời
Nhân nơi mười thiện sinh.*

Đạo ác hiện có nơi thế gian: Là ba thứ đạo địa ngục: Địa ngục nóng bức, địa ngục lạnh buốt, địa ngục đen. Ba thứ đạo súc sinh: Súc sinh đi dưới nước, súc sinh đi trên đất liền, súc sinh bay trên trời. Có nhiều thứ đạo quỷ: Có quỷ đói khát, quỷ ăn đồ bất tịnh, quỷ miệng bốc lửa, A-tu-la, Dạ-xoa, đều do hành mười đạo bất thiện có nhân duyên thượng trung hạ.

Hết thấy đạo thiện xuất thế gian hiện có: Hoặc nơi trời, hoặc nơi người, đều do hành mười đạo thiện sinh. Thuộc về ba cõi: Trời có hai mươi tám. Người là người nơi bốn châu thiên hạ. Quyết định nhận biết như vậy rồi, khởi suy nghĩ: Ta muốn tự sinh vào xứ thiện, cũng khiến chúng sinh sinh vào xứ thiện.

*Do đấy ta tự nên
Trụ nơi mười đạo thiện
Cùng khiến chúng sinh khác
Tức trụ đạo thiện này.*

Sinh vào xứ thiện hay sinh vào xứ ác đều do mười đạo thiện hay mười đạo bất thiện. Ta nhận biết nhân duyên của các nghiệp nơi thế gian này, có, không có định chủ. Thế nên, ta phải trước tự mình hành mười đạo thiện, sau đấy khiến các chúng sinh cũng trụ nơi mười đạo thiện.

Hỏi: Vì sao trước cần tự trụ nơi mười đạo thiện, sau mới khiến người khác trụ?

Đáp:

*Người hành nơi nghiệp ác
Dạy được ai hành thiện?
Tự mình không hành thiện
Người khác không tin nhận.*

Nếu kẻ ác tự không hành thiện, muốn khiến người khác hành thiện thì rất khó. Vì sao? Vì người này tự không hành thiện nên người khác không thể tin, nhận lời người ấy nói. Như kệ nêu:

*Nếu người tự bất thiện
Không khiến người khác thiện
Nếu tự không vắng lặng
Không khiến người vắng lặng.
Do vậy nên ông phải
Trước tự hành thiện tịch
Sau đây chỉ dạy người
Khiến hành thiện vắng lặng.*

Bồ-tát này nên hành pháp thiện như thế.

*Từ địa ngục A-tỳ
Cho đến xứ Hữu đảnh
Phân biệt mười nghiệp quả
Và xứ thọ nhận báo.*

Nên nhận biết đúng đắn như vậy: Dưới, từ địa ngục A-tỳ, trên đến xứ Phi hữu tướng phi vô tướng, đều là những xứ thọ nhận quả báo của vô số nghiệp thiện và bất thiện. Trong ấy: Vì hành tập quen nơi mười đạo bất thiện hạng thượng nên sinh vào địa ngục A-tỳ. Giảm bớt thì sinh vào địa ngục Đại chích. Giảm nữa thì sinh vào địa

ngục Tiểu chích. Giảm nữa thì sinh vào địa ngục Đại khiêu hoán. Giảm nữa thì sinh vào địa ngục Tiểu khiêu hoán. Giảm nữa thì sinh vào địa ngục Tăng-già-đà. Giảm nữa thì sinh vào địa ngục Đại mạch. Giảm nữa thì sinh vào địa ngục Hắc thẳng. Giảm nữa thì sinh vào địa ngục Đẳng hoạt. Giảm nữa thì sinh vào những địa ngục quyền thuộc nhỏ, như rừng kiếm v.v... Cũng nên chuyển nơi phân biệt nhỏ như thế. Do hành mười đạo bất thiện hạng trung nên sinh vào nẻo súc sinh. Trong súc sinh cũng nên chuyển phân biệt ít. Do hành mười đạo bất thiện ở hạng thấp nên sinh trong loài ngựa quỳ.

Như thế là nói về tướng chung. Ở đây, nên phân biệt rộng về sự sai khác. Có các A-tu-la, Dạ-xoa sinh trong nẻo quỳ. Có các Long vương sinh trong nẻo súc sinh, những hoan lạc thọ hưởng giống như chư Thiên. Những chúng sinh ấy, do nhân duyên bất thiện nên sinh trong các loài kia. Sinh rồi thì thọ nhận quả báo của nghiệp thiện, do đã hành mười đạo thiện ở mức rất thấp. Nếu sinh trong nẻo người nơi châu Diêm-phù-đề, thì sinh nơi nhà bản cùng, thấp kém. Đó là hạng Chiên-đà-la, ở vùng biên địa, hạng tiểu nhân sống tạm bợ v.v... Chuyển hơn thì sinh vào nhà Cư sĩ. Chuyển hơn thì sinh vào nhà Bà-la-môn. Chuyển hơn thì sinh vào nhà Sát-đế-lợi. Chuyển hơn thì sinh vào nhà đại thần. Chuyển hơn nữa thì sinh vào nhà quốc vương. Tu tập chuyển hơn về mười đạo thiện thì sinh vào châu Cù-đà-ni, Phất-bà-đề, Uất-đơn-việt. Chuyển hơn nữa thì sinh vào trời Tứ Thiên vương. Chuyển hơn nữa thì sinh vào trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa-lạc.

Tu tập mười đạo thiện thuộc bậc thượng thì sinh lên trời Tha-hóa-tự-tại. Trong đó, cũng nên phân biệt có vô số thứ nhỏ lớn sai biệt. Như trong loài người có vua nhỏ, vua lớn, vua châu Diêm-phù-đề, Chuyển luân Thánh vương. Trời Tứ Thiên vương có bốn Thiên vương. Trong trời Đao-lợi có Thích-đề-hoàn-nhân. Trên trời Diệm-ma có Thiên vương Tu-diệm-ma. Ở trời Đâu-suất-đà có Thiên

vương San-đâu-suất-đà. Ở trời Hóa-lạc có Thiên vương Thiện-hóa. Trên trời Tha-hóa-tự-tại có Thiên vương Tha-hóa-tự-tại. Vượt quá những trời này, cần phải hành thiên định, tư duy mới được sinh lên xứ ấy.

Hỏi: Nếu do thiên định, tư duy nên được sinh nơi xứ trên đó, thì vì sao nói: Cho đến xứ Phi hữu tướng phi vô tướng đều do tu hành mười đạo thiện nên được sinh?

Đáp: Tuy tu thiên định, được sinh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc, nhưng chính yếu là trước phải trụ vững nơi mười đạo thiện, sau đấy mới tu được thiên định. Do vậy, các xứ kia đều dùng mười đạo nghiệp thiện làm lợi ích lớn. Vì thế, nên nói: Cho đến xứ Phi hữu tướng phi vô tướng cũng đều do tu mười đạo thiện mà được sinh đến. Vì sao? Vì trước phải hành mười đạo thiện thanh tịnh, lìa dục.

Tu thiên thứ nhất tư duy bậc hạ được sinh vào trời Phạm chúng. Tu thiên thứ nhất tư duy bậc trung được sinh vào trời Phạm phụ. Tu thiên thứ nhất tư duy bậc thượng được sinh vào trời Đại phạm.

Tu thiên thứ hai tư duy bậc hạ được sinh vào trời Thiểu quang. Tu thiên thứ hai tư duy bậc trung được sinh vào trời Vô lượng quang. Tu thiên thứ hai tư duy bậc thượng được sinh vào trời Diệu quang.

Tu thiên thứ ba tư duy bậc hạ được sinh vào trời Tiểu tịnh. Tu thiên thứ ba tư duy bậc trung được sinh vào trời Vô lượng tịnh. Tu thiên thứ ba tư duy bậc thượng được sinh vào trời Biến tịnh.

Tu thiên thứ tư tư duy bậc hạ được sinh vào trời A-na-bà-già. Tu thiên thứ tư tư duy bậc trung được sinh vào trời Phước sinh. Tu thiên thứ tư tư duy bậc thượng được sinh vào trời Quảng quả.

Tu định vô tướng tư duy bậc trung được sinh vào trời Vô tướng. Dùng vô lậu huân tu bốn thiên tư duy bậc hạ được sinh vào trời Bất quang.

Dùng vô lậu huân tu bốn thiên tư duy thù thắng được sinh vào trời Bất nhiệt. Dùng vô lậu huân tu bốn thiên tư duy thù thắng được sinh vào trời Hỷ kiến. Dùng vô lậu huân tu bốn thiên tư duy thù thắng được sinh vào trời Diệu kiến. Dùng vô lậu huân tu bốn thiên tư duy tối thượng được sinh vào trời A-ca-nị-trá.

Tu định Hư không xứ tương ứng với tư duy được sinh vào trời Không xứ. Tu định Thức xứ tương ứng với tư duy được sinh vào trời Thức xứ. Tu định Vô sở hữu xứ tương ứng với tư duy được sinh vào trời Vô sở hữu xứ. Tu định Phi hữu tướng phi vô tướng xứ tương ứng với tư duy được sinh vào trời Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

Đó gọi là nơi chốn qua lại của chúng sinh trong thế gian sinh tử.

Phẩm 29: PHÂN BIỆT THANH VĂN VÀ PHẬT BÍCH CHI, phần 1

Hỏi: Mười đạo nghiệp thiện này chỉ là nhân duyên để sinh vào cõi trời, người, hay còn có những lợi ích nào khác?

Đáp: Có:

*Hiện có thừa Thanh văn
Phật-bích-chi, Đại thừa
Đều do mười đạo thiện
Mà tạo lợi ích lớn.*

Về nhân duyên ra khỏi sinh tử chỉ có ba Thừa: Thừa Thanh văn, thừa Phật-bích-chi và Đại thừa. Ba Thừa này đều dùng mười đạo thiện tạo lợi ích lớn. Vì sao? Vì mười đạo thiện này có thể khiến người tu hành đạt đến địa Thanh văn, cũng có thể khiến đạt tới địa Phật-bích-chi, cũng có khả năng khiến hành giả đạt đến Phật địa.

Hỏi: Mười đạo thiện này có thể khiến những chúng sinh nào đạt đến địa Thanh văn?

Đáp:

*Theo người không đại bi
Sợ hãi nơi ba cõi
Ưu phần công đức ít
Ý chí rất yếu kém.
Tâm ưa nẻo chán lìa
Thường quán đời vô thường
Cùng biết tất cả pháp
Đều cũng không có ngã.
Cho đến trong một niệm
Không vui thích thọ sinh
Thường không tin thế gian
Mà có pháp an lạc.
Quán đại như rắn độc
Ám như giặc cầm đao
Sáu nhập như xóm vắng
Không ưa đời giàu vui.
Trọng nơi kiên trì giới
Nên vì được thiên định
Thường thích nơi an thiên
Tu tập các pháp thiện.
Chỉ nhắm tới Niết-bàn
Là cứu hộ bậc nhất
Thường cầu tuệ diệt khổ
Vui chứa hành giải thoát.
Chỉ quý nơi tự lợi
Mỗi mỗi tới thắng xứ
Đạo thiện khiến người này
Đến được địa Thanh văn.*

Theo âm thanh của người khác là nghe người khác giảng nói rồi tùy thuận hành trì, không thể tự phát sinh trí tuệ.

Hỏi: Mười đạo thiện này có khả năng khiến hết thảy những người nghe người khác giảng nói đều thành Thanh văn chăng?

Đáp: Không phải. Nếu người không có tâm đại bi thì mười đạo thiện này có thể khiến họ đạt đến địa Thanh văn. Nếu có Bồ-tát từ chư Phật nghe pháp, do có tâm đại bi nên mười đạo thiện không thể khiến đạt địa Thanh văn.

Hỏi: Người hoàn toàn không có tâm đại bi, thì mười đạo thiện này đều có thể khiến họ đạt được địa Thanh văn chăng?

Đáp: Không phải. Người sợ hãi ba cõi thì mười đạo nghiệp thiện này có thể khiến họ tới địa Thanh văn. Còn những người không sợ hãi ba cõi thì mười đạo thiện này có thể khiến họ sinh vào xứ thiện nơi cõi trời, người, do ưa thích ba cõi.

Hỏi: Người hoàn toàn sợ hãi ba cõi, thì mười đạo thiện này đều có thể khiến họ đến địa Thanh văn chăng? Nếu như thế thì Bồ-tát cũng sợ hãi thọ thân trong ba cõi, lại vì chúng sinh nên siêng hành tinh tấn cầu Niết-bàn. Như vậy, mười đạo thiện này cũng đã khiến họ tới địa Thanh văn?

Đáp: Không hẳn là tất cả những người sợ hãi ba cõi đều hoàn toàn rơi vào địa Thanh văn. Những gì là rơi vào? Là ưa hành tập phần công đức ít. Chỉ nhận hành phần ít của sáu pháp Ba-la-mật do Phật đã chỉ dạy. Người như vậy là rơi vào địa Thanh văn. Nếu người có khả năng giữ lấy công đức của chư Phật, rồi đem trí tuệ học khắp, thì mười đạo thiện tất khiến người đó đi thẳng đến Phật đạo. Theo người khác nghe giảng nói mà sợ hãi ba cõi chỉ nhận lấy một ít phần công đức của Phật, thì người này có hai thứ mười đạo thiện: hoặc có thể khiến đạt đến địa Thanh văn. Hoặc có thể khiến đạt đến địa Phật-bích-chi.

Hỏi: Vì sao người này cùng từ người khác nghe giảng nói, sợ hãi ba cõi, nhận một phần nhỏ công đức mà mười đạo thiện có thể khiến tới địa Thanh văn, tới địa Phật-bích-chi?

Đáp: Người có ý chí yếu kém thì làm A-la-hán. Người có chí bền chắc nhỏ thì làm Phật-bích-chi.

Hỏi: Mười đạo thiện này khiến tất cả người có chí yếu kém đến địa Thanh văn chăng?

Đáp: Không phải vậy. Vì sao? Gọi là chí yếu kém là chỉ cho người chán lia sinh tử, chứ không phải chỉ là người yếu kém không chán lia.

Hỏi: Xem xét những sự việc gì để nhận biết tâm người ưa thích chán lia?

Đáp: Quán pháp hữu vi là vô thường, hết thấy pháp là vô ngã, nên biết đó tất là người ưa thích chán lia.

Hỏi: Đã biết về sự ưa thích chán lia, Bồ-tát cũng quán xét pháp hữu vi là vô thường, hết thấy pháp là vô ngã như thế, nhưng vì sao mười đạo thiện không khiến vị ấy rơi vào địa Thanh văn?

Đáp: Người ấy có tâm chán lia sâu xa, lại lia bỏ tâm đại bi, cho đến trong một niệm cũng không ưa thích thọ sinh. Không tin thế gian có tướng an ổn. Như trong kinh nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Ví như một chút phân hầy còn hôi thối, bất thiện, huống gì là nhiều. Như thế, trong một niệm thọ sinh hầy còn là khổ, huống chi là nhiều. Nay các Tỳ-kheo! Nên tu học, đoạn trừ sinh tử, chớ khiến thọ sinh nữa. Người Thanh văn tin nhận lời ấy, nên cho đến trong một niệm cũng không ưa thích thọ sinh. Người này lại nghĩ như vậy: Thế gian là vô thường. Sự việc hành tác và đời sống đều không có tướng an ổn. Chết chóc luôn theo người, ai có thể nhận biết lúc nào mình chết! Không biết khi chết nhận lãnh quả báo của nghiệp gì, là sinh tâm gì? Do sự việc không an ổn như thế, nên không thể

tin, nên mau cầu dứt hết khổ v.v... Bồ-tát thì không như vậy, đối với Hằng hà sa vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thọ sinh, vì cầu chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hóa độ các chúng sinh, nên trong kệ nói:

*Cho đến trong một niệm
Không vui thích thọ sinh
Đạo thiện khiến người này
Đến được địa Thanh văn.*

Hỏi: Người này ưa thích tu tập những pháp gì mà không thích thọ sinh?

Đáp: Người này quán xét bốn đại: Đất, nước, gió, lửa, thích sinh sân hận, chúng là bất tịnh, xú uế, không biết ân nghĩa, sinh tướng là rắn độc. Năm âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thể đoạt lấy mạng sống trí tuệ, sinh tướng như giặc oán. Các nhập: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, lia thường, lia bất động, bất biến, bất hoại, là vô ngã, vô ngã sở, sinh khởi tướng xóm làng trống vắng. Nếu người đối với tất cả sự thọ sinh, tiền của và vật dụng cần cho đời sống, các thứ vui hưởng nơi thế gian đều là vô thường, hư dối, không đứng yên trong chốc lát, nên không sinh tâm vui thích. Người như thế, đối với hết thảy xứ sinh đều sinh tướng không an ổn, chỉ một pháp Niết-bàn mới có thể làm sự cứu hộ. Như trong kinh nói: “Này các Tỳ-kheo! Thế gian đều là lửa đang bốc cháy, đó là mắt bốc cháy, sắc bốc cháy, nhãn thức bốc cháy, nhãn xúc bốc cháy, cùng do mắt tiếp xúc sinh thọ, đều cũng là bốc cháy. Do sự việc gì nên cháy? Đó là lửa tham dục bốc cháy, là lửa giận dữ bốc cháy, là lửa ngu si bốc cháy, là lửa sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não bốc cháy. Tai mũi lưỡi thân ý cũng bốc cháy như vậy. Quán xét hết thảy pháp hữu vi đều bốc cháy như vậy. Chỉ có pháp Niết-bàn vắng lặng mới có thể cứu hộ. Tôn quý một pháp Niết-bàn, nên bỏ hết tất cả sự việc chi chuyên cần tu tập tọa thiền”.

Hỏi: Nếu quán xét hết thấy pháp hữu vi đều là đang bốc cháy, chỉ Niết-bàn vắng lặng mới có thể làm người cứu hộ, thì mười đạo thiện này đều khiến đạt tới địa Thanh văn chăng?

Đáp: Không phải vậy. Phật đã kiết giới vì thiên định, nên quý trọng giới này, có tâm quyết định, không hủy phạm, bỏ tất cả sự việc, chỉ vui thích tọa thiền, trí cầu dứt hết khổ, luôn siêng năng tu tập nhân duyên giải thoát. Ở trong đời trước, hoặc từ một thắng xứ lại, hai thắng xứ lại, thì mười đạo thiện có thể khiến người này đạt tới địa Thanh văn. Vì sao? Vì trí giới thanh tịnh thì tâm không hối tiếc. Tâm không hối tiếc nên được hoan hỷ. Được hoan hỷ nên thân nhẹ nhàng. Thân nhẹ nhàng nên tâm an lạc. Tâm an lạc nên thâm giữ tâm được định. Thâm giữ tâm được định nên sinh trí tuệ như thật. Sinh trí tuệ như thật tức nên sinh chán. Từ chán sinh lià. Từ lià nên được giải thoát.

Hoặc một, hoặc hai thắng xứ lại: Nghĩa là như Tôn giả La-hầu-la từ thắng xứ đế đến. Như Tôn giả Thi-viết-la từ thắng xứ xả đến. Như Tôn giả Ly-bạt-đa từ thắng xứ tịch diệt đến. Như Tôn giả Xá-lợi-phất từ thắng xứ tuệ đến. Hoặc từ hai thắng xứ đế, xả đến. Hoặc từ hai thắng xứ đế, tịch diệt đến. Hoặc từ hai thắng xứ đế, tuệ đến. Hoặc từ hai thắng xứ xả, tịch diệt đến. Hoặc từ hai thắng xứ xả, tuệ đến. Hoặc từ hai thắng xứ tịch diệt, tuệ đến. Như vậy mười đạo thiện này có khả năng khiến đạt tới địa Thanh văn.

HẾT - QUYỂN 14

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYÊN 15

Phẩm 29: PHÂN BIỆT THANH VĂN VÀ PHẬT BÍCH CHI,
phần 2

Hỏi: Mười đạo thiện khiến những người nào đạt tới địa Thanh văn, Phật-bích-chi?

Đáp:

*Nẻo hành của Thanh văn
Mười đạo thiện chuyển thắng
Thiền sâu không theo người
Thường vui nơi xa lìa.
Luôn thích khéo tu tập
Pháp nhân duyên thâm diệu
Lực phương tiện xa lìa
Cùng dùng tâm đại bi.
Ít muốn và ít việc
Ghét bỏ lời ồn tạp
Hằng vui xứ xa lìa
Người oai đức sâu diệu.
Vui vì đất phước điền
Thường quán tánh xuất ly
Thành tựu có lý sự*

Cung kính nơi các chủ.
 Thâu giữ tâm thành tựu
 Biết tâm nơi các duyên
 Luôn vui với thiên định
 Uy lực nhất trong người.
 Vui nơi pháp xuất gia
 Tâm thiện không ẩn mất
 Được ánh sáng trí tuệ
 Hoặc từ hai thắng xứ.
 Hoặc ba thắng xứ đến
 Là mười đạo nghiệp thiện
 Có thể khiến người ấy
 Đến nơi địa Duyên giác.

Nẻo hành của Thanh văn, Mười đạo thiện chuyển thắng: Nghĩa là mười đạo thiện vượt quá nẻo hành của người Thanh văn, nhưng không bằng đối tượng hành của Bồ-tát.

Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Người Thanh văn cần nghe người khác giảng nói mà hành đạo, sau đó mới tự chứng trí tuệ. Ta thì không như vậy, không thích theo người khác, vì thế nên khiến cho mười đạo thiện càng thù thắng. Do nhân duyên ấy ta thích không tùy thuộc vào mười đạo thiện của người khác, chỉ khiến Ta đạt tới địa Phật-bích-chi. Tư duy như vậy rồi, Bồ-tát thường thích xa lìa và suy nghĩ: Nếu ta ưa thích nơi ồn náo thì chỉ tích tập các pháp ác, bất thiện, vì sự gần gũi ấy có thể bị cấu nhiễm, có thể khiến giận dữ, có thể làm cho ngu si, nên trong hạnh xa lìa, ta nên tu tập pháp nhân duyên thâm diệu.

Rồi Bồ-tát lại nghĩ: Nếu không cố gắng tu tập pháp nhân duyên sâu xa thì ta không chứng đắc trí tuệ không tùy thuộc vào người khác. Ta nay vì sao không thường tu tập pháp nhân duyên thâm diệu, sau đó mới có thể chứng đắc trí tuệ không tùy thuộc người khác.

Thâm diệu: Là khó đạt tới ngọn nguồn, không thể thông suốt. Tất cả hàng phàm phu từ vô thị sinh tử đến nay đều có thể học tới chỗ tận cùng của các thứ kinh sách, kỹ thuật hiện có, duy pháp nhân duyên thâm diệu là không thể thấu tới nẻo tận cùng, như loài vật nhỏ như thỏ v.v..., thì không thể lặn tới đáy biển được. Nếu người có phương tiện, tâm đại bi và tu tập pháp nhân duyên thâm diệu thì có thể chứng đắc quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu lìa bỏ hai sự ấy, trí tu tập pháp nhân duyên sâu xa thì chỉ thành tựu đạo quả Phật-bích-chi.

Phương tiện: Là chỉ cho vô số những suy nghĩ không lầm lẫn trong công việc giáo hóa chúng sinh thành tựu. Cũng đối với pháp sâu xa không chấp giữ nơi tướng.

Đại bi: Là hết lòng thương xót chúng sinh. Như thế là vượt hơn hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, hưởng chi là hàng phàm phu.

Ít muốn và ít việc, Ghét bỏ lời ồn tạp: Như vậy thì đạt được địa Phật-bích-chi. Trái lại, nếu có mong muốn lớn, tạo sự việc lớn, ưa tập hợp nhiều người, khéo dùng phương tiện đại bi hộ trì, thì quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng có thể dễ chứng đắc. Vì sao? Vì người cầu quả vị Phật-bích-chi là người thiếu dục, nghĩ như vậy: Chỉ tự độ thân, ít việc, là chỉ lo thành tựu căn thiện của mình, không cùng hành với người khác.

Người này lìa bỏ công việc giáo hóa chúng sinh, nên không gần gũi đám đông, nơi chốn ồn ào. Bồ-tát có mong muốn lớn, hành tác nhiều sự việc lớn, nghĩ như vậy: Ta nên độ hết thầy chúng sinh. Từ nhân duyên mong muốn lớn này nên hành trì việc giáo hóa chúng sinh tức là đại sự. Giáo hóa chúng sinh không phải là sự việc nhỏ, nếu ghét bỏ lời nói ồn ào thì không thể thành tựu sự nghiệp. Thế nên Bồ-tát đi vào nơi chốn ồn ào, cũng dùng ngôn ngữ ồn ào, nhưng tâm không vướng mắc.

Lại nữa, vì che giấu công đức chân thật nên gọi là thiếu đức, không lo chuyện gì nên gọi là ít việc. Ghét bỏ sự ồn ào gọi là thiếu đức, thích ở riêng một mình nên gọi là ít việc. Người thiếu đức, ít việc như thế là không ưa thích chỗ đông đảo, ngôn ngữ ồn tạp, chỉ vui thích, gần gũi nơi chốn hoàn toàn vắng vẻ, xa lìa những thứ đáng sợ hãi, tâm họ cho là sâu lớn.

Người đó nghĩ như vậy: Nếu ta trụ ở nơi chốn hoàn toàn vắng vẻ, xa lìa các thứ đáng sợ hãi thì không còn ai tìm đến. Do trụ nơi chốn xa lìa nên tâm cũng hoàn toàn xa lìa. Nếu tự mình không xa lìa hẳn sự vui thích cười đùa ồn tạp, thì người ngoài lui tới không khó. Như vậy, ta không cùng với chúng sinh hòa hợp. Tuy xả bỏ chúng sinh nhưng cũng muốn khiến họ gieo trồng các căn thiện để được lợi ích lớn, nên người này suy nghĩ: Vì sao ta không hòa hợp với chúng sinh và cũng có thể tạo lợi ích cho họ? Suy nghĩ như vậy rồi, nên nhận biết: Ta phải vì chúng sinh làm ruộng phước lợi ích, mới thọ nhận sự cúng dường của họ. Như vậy, tuy không cùng với chúng sinh hòa hợp, nhưng có thể tạo được lợi ích lớn.

Người này lại suy nghĩ: Ta làm sao để trở thành ruộng phước? Tức tự thấy biết: Nếu ta hết sức vui thích làm ruộng phước thì phải thường quán tánh xuất ly, sau đây pháp phước điền tự nhiên tới, cho đến pháp của tánh xuất ly cũng tới một cách tự nhiên. Đó là trì giới, thiên định, trí tuệ.

Người này lại suy nghĩ: Ta nên làm thế nào để mau đạt đến phước điền và pháp của tánh xuất ly? Ta phải thực hiện chánh quán, đối với các thứ nghĩa lý nơi sự việc hiện có đều phải làm xong việc cung kính cúng dường các chủ. Như vậy, ruộng phước và pháp của tánh xuất ly không mấy chốc sẽ đạt được. Vì sao? Vì ta đã hành tác xong sự việc có lý, là chánh quán các pháp nên có thể đạt được trí tuệ không tùy thuộc vào người khác. Lại cung kính cúng dường các chủ, nên khiến căn thiện thêm sâu dày. Căn thiện

càng sâu dày thì trí tuệ sâu bền. Trí tuệ càng sâu bền nên có thể thông đạt được sự thật. Có thể thông đạt sự thật nên có thể sinh nhàm chán. Từ nhàm chán sinh xa lìa, từ xa lìa nên được giải thoát. Đã giải thoát rồi thì đem các căn thiện tích tập từ trước tới giờ làm ruộng phước, sau đó, chứng được pháp của tánh xuất ly. Các chủ là chư Phật, Thế Tôn. Khi gieo trồng được căn thiện này đó là nhân duyên hết sức lớn.

Người này lại suy nghĩ: Ta nên làm sao để có thể thành tựu nhanh chóng sự việc có lý sâu xa? Người này liền tự thấy biết: Nếu ta gòem thân tâm vào một xứ, biết rõ đối tượng duyên ấy thì thường vui nơi thiền định. Vì có thể giữ tâm vào một xứ nên người này được Tam-muội. Do được Tam-muội nên sự việc hữu lý đều có thể làm xong. Như trong kinh nói: “Được thiền định thì có khả năng biết như thật, thấy như thật”. Nếu người đã hành việc thân giữ tâm, thì mau chóng vào Tam-muội, nên gọi người thiền định là người thường định. Nếu có thể tu tập các pháp như vậy tức là cung kính cúng dường chư Phật. Nếu người đem hương hoa, bốn sự cúng dường Phật, không gọi là cúng dường Phật. Nếu người khéo nhất tâm không phóng dật, gằn gỏi, tu tập Thánh đạo, thì đó gọi là cung kính cúng dường chư Phật. Như kinh nói: “Khi sắp vào Niết-bàn, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Dù có tuôn mưa hoa trời Mạn-đà-la, hương bột Chiên-đàn, trỗi nhạc trời, cũng không gọi là cung kính cúng dường Như Lai. Nay A-nan! Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di một lòng không phóng dật, gằn gỏi, tu tập pháp Thánh, đó mới gọi là cúng dường Phật một cách đích thực. Do đó, này Tôn giả A-nan! Ông nên tu học pháp cúng dường Phật chân thật. Các công đức như vậy đều là người có uy lực bậc trung vui thích đời sống xuất gia”.

Tâm thiện không ẩn mất: Là uy lực tối thượng, tức có khả năng thành Phật. Uy lực bậc thấp là thành Thanh văn. Do đó người có uy

lực bậc trung thì thành Phật-bích-chi. Vui thích xuất gia nên có khả năng thành tựu các công đức. Vì sao? Vì Cư sĩ tại gia thì không thể ít dục, ít việc, nên thân tâm không thể xa lìa, cũng không thể thường định. Nếu tâm ẩn mất, không thanh tịnh, là không thể thành tựu các sự việc, không thể nhận biết pháp nhân duyên sâu xa, không thể chứng đắc tánh xuất ly, không thể như pháp cung kính cúng dường chư Phật một cách chân thật. Chúng sinh có uy lực bậc trung như thế, tư duy như vậy: Ta là người có uy lực bậc trung, thường ưa thích đời sống xuất gia, tâm không ẩn mất, thì các công đức của sở nguyện đều tự nhiên đến.

Lại khởi suy nghĩ: Thế mạnh bậc trung này ưa thích được quả gì? Liền biết mình sẽ được quả trí tuệ. Vì sao? Vì trí tuệ có khả năng chiếu sáng. Như trong kinh nói: “Này các Tỳ-kheo! Trong tất cả ánh sáng, thì ánh sáng của trí tuệ là hơn hẳn”.

Lại khởi suy nghĩ: Ánh sáng của trí tuệ là điều ta vui muốn, vậy làm sao đến được? Liền biết: Hoặc từ hai thắng xứ đến, hoặc từ ba thắng xứ đến. Hai thắng xứ như trước đã nói. Ba thắng xứ là đế, xả, tịch diệt. Hoặc đế, xả, tuệ. Hoặc đế, tịch diệt, tuệ. Do đấy ta sẽ tu tập các thắng xứ như vậy. Tu tập như thế rồi sẽ được ánh sáng của trí tuệ. Sở nguyện là trí tuệ tự nhiên tới. Tương như thế, tu tập pháp trợ đạo như thế, là mười đạo thiện này có thể khiến người ấy đạt đến địa Phật-bích-chi.

Phẩm 30: ĐẠI THỪA

Hỏi: Như ông đã nói: Mười đạo thiện có thể khiến nhiều người đạt đến địa Thanh văn, địa Phật-bích-chi. Vậy mười đạo thiện này còn khiến cho những chúng sinh nào đạt đến Phật địa?

Đáp:

*Hành tập mười đạo thiện
 Hơn nơi hai loại người
 Tu vô lượng hy hữu
 Hơn hết thấy thế gian.
 Phát hai nguyện bền, thiện
 Hành đại bi vô ngại
 Khéo thọ hành phương tiện
 Nhẫn chịu các khổ não.
 Không bỏ các chúng sinh
 Yêu sâu tuệ chư Phật
 Tự tại nơi Phật lực
 Hành giả ra hành khắp.
 Hay phá trừ ý ác
 Nhận giữ chánh pháp Phật
 Dũng mãnh nhận tinh tấn
 Tâm vững độ chúng sinh.
 Không tham đắm tự lạc
 Cùng vô lượng thân mạng
 Hơn hết trong mọi việc
 Hành tác không lỗi lầm.
 Hết thấy thứ thanh tịnh
 Tất cả thắng xir đến
 Đạo thiện khiến người này
 Đến mười lực Thế Tôn.*

Hành tập mười đạo thiện, Hơn nơi hai loại người (kệ): Là Bồ-tát tu mười đạo thiện, đối với người cầu Thanh văn, Phật-bích-chi là hơn hẳn.

Chuyển thắng: Là một lòng tu hành và thường tu hành. Vì tự lợi nên tu hành. Vì lợi tha nên tu hành. Tu hành thanh tịnh.

Một lòng tu hành: Là tâm ý độc sức tu tập. *Thường tu hành:* Là tu tập không dừng nghỉ giữa chừng.

Vì tự lợi nên tu hành: Là nhân duyên để được sinh vào cõi trời, người, là nhân duyên chứng đắc Niết-bàn. *Vì lợi tha nên tu hành:* Là Bồ-tát tu mười đạo thiện, hồi hướng về an vui lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nên có khả năng hóa độ vô số chúng sinh.

Tu hành thanh tịnh: Là hành không hoại, hành không xen tạp, hành không uế trước, hành tự tại, hành đầy đủ, hành không tham vướng, hành được người trí khen ngợi.

Hoại: Là có lúc hành có lúc không hành. Trái ngược với đây, gọi là hành không hoại. *Xen tạp:* Là mình không làm nhưng bảo người khác làm. Trái ngược với đây gọi là hành không xen tạp. *Uế trước:* Là hành hợp với phiền não, nghiệp tội. Trái ngược với đây gọi là hành không uế trước.

Tự tại: Là người phá giới bị hệ thuộc nơi vợ con, gia nghiệp, tiền của, không được tự tại. Người trí giới thì không vướng vào những chuyện đó, tùy ý tự tại, không hệ thuộc vào đâu. *Đầy đủ:* Là hành đủ tất cả giới lớn, nhỏ, ngăn cản các phiền não, thường nhớ nghĩ giữ gìn, làm nhân duyên cho thiên định, hồi hướng về Phật đạo, có thể khiến mọi người cùng đạt tới chân đế pháp tánh, đó gọi là đầy đủ.

Không tham vướng: Là không nhắm tới thế gian, không chấp giữ nơi giới tướng, tự cao khinh người. *Người trí khen ngợi:* Là trong pháp Thanh văn, không thuận theo sinh tử, chỉ vì Niết-bàn, nên gọi là người trí khen ngợi. Trong pháp Đại thừa này hãy còn không hồi hướng về thừa Thanh văn, thừa Phật-bích-chi, hướng chi là sinh tử, chỉ hướng tới đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đó gọi là người trí khen ngợi về mười đạo thiện.

Hỏi: Tu có tướng mạo gì mà gọi là khéo tu?

Đáp: Dùng vô lượng sự việc hy hữu tu tập mười đạo thiện, vượt hơn hết thảy thế gian, đó gọi là khéo tu.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát hành lối tu tập này vượt hơn hết thảy thế gian?

Đáp: Vì các Bồ-tát dùng 5 sự để tu tập vượt hơn hết thảy thế gian, đó là:

1. Nguyện.
2. Tâm kiên cố.
3. Tâm sâu xa.
4. Khéo thanh tịnh.
5. Phương tiện.

Nguyện: Là nguyện được hành trì của Bồ-tát, hết thảy người phạm phu, hàng Thanh văn, Phật-bích-chi đều không có nguyện như vậy. Vì thế, nguyện của Bồ-tát hành trì là vượt hơn hết thảy thế gian. Như trong Kinh Đại Trí phần Tỳ Ma La Đạt Đa Nữ Vấn, Phật nhân nơi Tôn giả Mục-kiền-liên nói: “Bồ-tát từ khi mới phát nguyện, cho đến lúc an tọa nơi đạo tràng có khả năng làm phước điền cho hết thảy hàng trời, người của thế gian, lại vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi”.

Lại, như trong Tịnh Tỳ Ni, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trước Đức Phật nói: “Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói sự việc hy hữu, đó là Bồ-tát mới một lần phát nguyện đã vượt hơn hết thảy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi”.

Lại, như trong kệ nói:

*Bồ-tát mới phát tâm
Cùng đại từ bi hợp
Vì nơi đạo vô thượng
Tức tâm này là hơn*

*Thế nên do nguyên ấy
Trụ trên nơi thế gian.*

Tâm kiên cố: Là Bồ-tát đối với các thứ khổ não. Đó là sống nơi địa ngục Hoạt, địa ngục Hắc thành, địa ngục Hợp hội, địa ngục Tiểu khiêu hoán, địa ngục Đại khiêu hoán, địa ngục Tiểu chích, địa ngục Đại chích, địa ngục A-tỳ, Phân sôi, Rừng gươm, Sông tro, A-phù-đà, Ni-la-phù-đà, A-ba, A-la-la, Hưu-hưu, Uất-bát-la, Câu-vật-đà, Tu-mạn-na, Phân-đà-lợi, Bát-đầu-ma, với các thứ tra khảo ở địa ngục nóng, lạnh, khổ sở như vậy. Súc sinh, ngựa quý, A-tu-la, người, trời, cùng sát hại lẫn nhau, tạo sợ hãi, đói khát, mất mùa. Từ cõi trời thoái lui. Ganh ghét, giận dữ, não hại, ân ái biệt ly, ghét bỏ mà phải đối mặt, sinh già bệnh chết, ưu bi khổ não v.v... Các khổ hiện có trong sáu đường, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nhận lãnh, nhưng người tu mười đạo nghiệp thiện này, vì cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tâm không hề biến hoại. Do đây Bồ-tát này dùng tâm kiên cố tu mười đạo nghiệp thiện, vượt hơn hết thầy thế gian. Như kệ nói:

*Địa ngục và súc sinh
Ngựa quý, A-tu-la
Trời, người, sáu nẻo khổ
Không thể động tâm ấy.
Thế nên các Bồ-tát
Dùng tâm kiên cố này
Tu tập mười đạo thiện
Hơn tất cả thế gian.*

Thâm tâm (Tâm sâu xa): Là tâm lớn, tâm dụng, tâm ái, tâm niệm. Các Bồ-tát dùng những tâm như vậy tu tập mười đạo thiện, nên vượt hơn hết thầy thế gian, trừ chư Phật, Thế Tôn và Bồ-tát hành trì lâu. Như kệ nói:

*Thâm tâm và tâm dụng
Tâm lợi ích thế gian*

*Bồ-tát do tâm này
Hơn hết thầy thế gian.*

Khéo thanh tịnh: Là Bồ-tát tu mười đạo nghiệp thiện, đủ ba thứ thanh tịnh, còn những người khác thì không có, nên vượt hơn tất cả thế gian. Như kệ nói:

*Bồ-tát báu trong người
Đủ thâm tâm, tâm tịnh
Do sức pháp thiện ấy
Thế gian không gì sánh.*

Phương tiện: Là Bồ-tát dùng sức của phương tiện tu tập pháp thiện, người khác thì không có, nên Bồ-tát vượt hơn hết thầy thế gian.

Tu vô lượng (kệ): Là Bồ-tát dùng năm nhân duyên vô lượng để tu tập, nên gọi là tu vô lượng:

1. Thời gian vô lượng.
2. Căn thiện vô lượng.
3. Duyên vô lượng.
4. Cứu cánh vô lượng.
5. Hồi hướng vô lượng.

Thời gian vô lượng: Là các Bồ-tát tu tập đạo nghiệp thiện, vượt quá thời lượng. Thời lượng vượt quá nên đối tượng tu là mười đạo nghiệp thiện của Bồ-tát cũng vô lượng, do vậy vượt hơn tất cả thế gian. Như kệ nói:

*Các Bồ-tát Sư tử
Đã tu nghiệp đạo thiện
Thời lượng vượt toán số
Nên tu thiện tối thắng.*

Căn thiện vô lượng: Là các Bồ-tát tu vô lượng vô biên căn thiện, từ căn thiện ấy nên việc tu nghiệp đạo thiện cũng vô lượng, vì

thể gọi là vượt hơn tất cả thế gian. Như Kinh Tịnh Tỳ Ni trong pháp Đại thừa, Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: “Ví như sinh tô đầy nơi bốn biển, tư lương thuộc căn thiện hữu vi của Bồ-tát cũng như vậy”. Dem phước đức này hồi hướng nơi trí vô vi, là tạo được lợi ích lớn cho các chúng sinh. Vì vậy, Bồ-tát tuy ở trong hữu vi nhưng có thể vượt hơn tất cả thế gian. Như kệ nói:

*Vì tất cả chúng sinh
Và cầu đạt Phật đạo
Căn thiện tức vô lượng
Nên vượt hơn thế gian.*

Duyên vô lượng: Là Bồ-tát không duyên nơi chúng sinh có hạn lượng để tu tập căn thiện. Đối tượng tu căn thiện của Bồ-tát không nói là tạo lợi ích cho từng ấy chúng sinh. Bồ-tát chỉ duyên vào hết thảy chúng sinh để tu tập căn thiện, thế nên đối tượng tu nghiệp đạo thiện của Bồ-tát cũng vô lượng, vượt hơn tất cả thế gian. Như trong Kinh Tịnh Tỳ Ni, Phật bảo các Thiên tử: “Như Đại Bồ-tát có tâm từ bi mông, ít cầu tạo lợi ích cho người khác, thì tâm đó có thể khiến cho vô lượng chúng sinh được lợi lạc. Bồ-tát phát tâm sâu xa siêng hành tinh tấn cũng như vậy, có khả năng giáo hóa vô lượng A-tăng-kỳ chúng sinh, khiến họ đều đạt được an vui của Niết-bàn”. Như kệ nói:

*Bồ-tát vô lượng thiện
Công đức tự trang nghiêm
Đều vì độ chúng sinh
Vượt vô lượng khổ lớn.*

Cứu cánh vô lượng: Phần phát nguyện trong Địa thứ nhất đã nói về mười cứu cánh, cứu cánh này vô lượng, nên nghiệp đạo thiện do Bồ-tát tu tập cũng vô lượng, vượt hơn tất cả thế gian. Như kệ nói:

*Bồ-tát tu đạo thiện
Từ mười cứu cánh sinh*

*Thế nên hơn hết thảy
Không ai hủy hoại được.*

Hồi hướng vô lượng: Là như trong Địa thứ nhất đã nói: Bồ-tát hồi hướng đạt vô lượng quả báo, vì quả báo của hồi hướng này là vô lượng nên đối tượng tu nghiệp thiện cũng vô lượng, vượt hơn tất cả thế gian. Như kệ nói:

*Dùng vô lượng nhân duyên
Tu nơi đạo nghiệp thiện
Vì hồi hướng Phật thừa
Do đó thành tối thượng.*

Hy hữu (kệ): Là các Bồ-tát tu đạo thiện dùng năm nhân duyên nên gọi là hy hữu:

1. Có thể thọ nhận.
2. Tinh tấn.
3. Tâm kiên cố.
4. Tuệ.
5. Quả.

Có thể thọ nhận: Ta sẽ làm bậc Nhất thiết trí tuệ đáng tôn kính trong hàng trời, người. Có khả năng thọ nhận như vậy, đó là hy hữu. Nếu người dùng ngón tay nâng bổng Tam thiên đại thiên thế giới lên hư không, khiến trụ trong trăm ngàn vạn kiếp, việc đó nếu có thể làm nổi, không đủ cho là khó. Nếu người phát nguyện: Ta sẽ thành tựu quả vị Phật, đó là sự hy hữu hết sức khó. Như kệ nói:

*Vì vô lượng pháp Phật
Lập nguyện sẽ thành Phật
Người này không gì sánh
Huống là có người hơn.*

Tinh tấn: Là có nhiều người có thể thọ nhận việc phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nhưng lại không thể tinh tấn hành sáu Ba-la-mật. Nếu người do thọ nhận việc phát tâm cầu đạt Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, có thể tinh tấn hành sáu Ba-la-mật, đó gọi là thật sự có thể thọ nhận vô lượng công đức. Do tinh tấn hy hữu, nên chỗ tu nghiệp thiện cũng hy hữu. Như kệ nói:

*Dại tinh tấn hy hữu
Người phạm nghĩ đã sợ
Bồ-tát đã thực hành
Há không là hy hữu?*

Tâm kiên cố: Là có người phát tâm tinh tấn tu tập Phật đạo, nhưng nếu có chướng ngại, thì tâm không kiên cố tức không thể thành tựu. Thế nên, phát khởi tinh tấn, an trụ nơi hy hữu ở trong tâm kiên cố thì sự việc mới thành tựu, hủy hoại các chướng ngại. Đó là Bồ-tát tu nghiệp đạo thiện hy hữu bậc nhất. Như kệ nói:

*Nếu người tâm không vững
Việc nhỏ còn không thành
Huống thành tựu Phật đạo
Bậc vô thượng nơi đời.*

Tuệ: Là tâm kiên cố tinh tấn, có thể thọ nhận đều lấy tuệ làm gốc, nên trí tuệ của Bồ-tát là hy hữu bậc nhất, vì có khả năng sinh khởi tâm kiên cố, có thể thọ nhận tinh tấn như thế, nên cho tuệ là hy hữu. Do tuệ là hy hữu nên sự tu tập nghiệp thiện cũng hy hữu. Như kệ nói:

*Như có người thọ nhận
Muốn đạt được pháp Phật
Tinh tấn được tâm vững
Đều lấy tuệ làm gốc.*

Quả: Là do tu nghiệp thiện nên được vô lượng vô biên pháp của chư Phật, thế nên là hy hữu. Như kệ nói:

*Hành thiện ấy được đạo
Vô lượng sức công đức
Làm thầy các chúng sinh
Ai nghe mà không hành?*

Nguyện bền (kệ): Là Bồ-tát dùng năm nhân duyên nên gọi là nguyện bền: 1. Tâm không chuyển nơi thừa Thanh văn. 2. Tâm không chuyển nơi thừa Phật-bích-chi. 3. Tâm không chuyển vì những sự của ngoại đạo. 4. Tâm không chuyển vì các sự của ma. 5. Tâm không chuyển vì không có nhân duyên. Như kệ nói:

*Nghe giải thoát hai Thừa
Sao không vì đạo này
Nếu chưa nhập nơi vị
Tức mất đạo Bồ-tát.
Lại tham chuyện ngoại đạo
Hoặc bị ma phá hoại
Hoặc lại không nhân duyên
Tự bỏ đạo Bồ-tát.*

Nguyện thiện (kệ): Là Bồ-tát dùng năm nhân duyên nên gọi là nguyện thiện: 1. Lường xét việc được mất. 2. Nhận biết đạo. 3. Nhận biết quả của đạo. 4. Không tham tiếc tự lực. 5. Muốn diệt trừ khổ lớn của chúng sinh. Tạo nghiệp như thế gọi là nguyện thiện. Như kệ nói:

*Trước thấy đời lỗi lầm
Phật đạo lợi ích lớn
Biết hành đạo vô thượng
Và vô lượng quả ấy.
Bỏ tự vui tịch diệt
Nhằm trừ khổ chúng sinh
Phát nguyện không gì sánh
Được chư Phật khen ngợi.*

Hành đại bi vô ngại (kệ): Là do năm nhân duyên nên biết Bồ-tát có tâm đại bi: 1. Đem lợi ích, an lạc cho vô lượng chúng sinh, không tham tiếc đối với của cải, vật dụng. 2. Không tiếc thân. 3. Không tiếc thọ mạng. 4. Không nghĩ đến thời gian dài lâu. 5. Tâm bình đẳng đối với người thân, kẻ oán, vì đều tạo lợi ích. Như kệ nói:

*Vật trong ngoài yêu mến
Ở đây không tham đắm
Vì lợi ích chúng sinh
Xả bỏ nơi thân mạng.
Vô lượng kiếp sinh tử
Như trong khoảng chớp mắt
Bình đẳng với thân oán
Là Bồ-tát đại bi.*

Vô ngại: Là Bồ-tát do năm nhân duyên nên tâm bi có trở ngại: 1. Cho địa ngục là khổ. 2. Cho súc sinh là khổ. 3. Xem ngã quỷ là khổ. 4. Cho kẻ ác là không thay đổi. 5. Cho sinh tử là lỗi, ác. Nếu đối với năm nhân duyên này không gây chướng ngại cho tâm Bồ-tát thì gọi là Đại bi vô ngại. Như kệ nói:

*Thứ nhất địa ngục khổ
Ngã quỷ, súc sinh khổ
Người ác và sinh tử
Không chướng, gọi đại bi.
Bồ-tát hành như vậy
Phật nói bi vô ngại.*

Khéo thọ hành phương tiện (kệ): Là Bồ-tát dùng năm nhân duyên nên gọi là khéo thọ nhận hành phương tiện:

1. Biết phương hướng thời gian.
2. Biết tâm kẻ khác ưa thích.

3. Biết chuyên biến nhập đạo.
4. Biết thứ lớp của sự việc.
5. Biết dẫn dắt chúng sinh.

Biết phương hướng thời gian: Là biết nơi chốn này, nên giảng nói pháp như vậy. Biết trong thời gian ấy nên giảng nói pháp như thế. Biết nơi chốn này nên dùng những nhân duyên như vậy để hóa độ chúng sinh. Bồ-tát nhận biết trước những sự việc như vậy rồi, thì tùy thuận hành hóa. Như kệ nói:

*Nếu dùng ý Thế Tôn
 Vì người khác giảng nói
 Trước nên biết hai việc
 Sau theo phương, thời nói.
 Nếu không biết phương, thời
 Mà muốn nói ý Phật
 Thì không được ích lợi
 Lại còn có lỗi lầm.*

Biết tâm kẻ khác ưa thích: Là Bồ-tát biết thâm tâm của kẻ khác đang ở nơi sự việc gì, có những sở thích gì. Biết trước như vậy rồi, Bồ-tát đi vào những điều được chúng sinh nhận biết, ưa thích, thuận theo đó phát khởi phương tiện độ thoát, như vậy mới có thể thành tựu. Như kệ nói:

*Bồ-tát biết chúng sinh
 Thâm tâm, ý khó lường
 Trước biết ý ấy rồi
 Dẫn khiến trụ ý Phật.
 Biết khắp việc thế gian
 Lợi mình cũng lợi người
 Nếu hay làm như thế
 Gọi là phương tiện khéo.*

Biết chuyển biến nhập đạo: Là có khả năng chuyển đổi ý của phàm phu, ngoại đạo, khiến nhập Phật đạo. Cũng chuyển sự việc ác của chúng sinh khiến trụ trong sự việc thiện. Cũng biết chuyển đạo Thanh văn, Phật-bích-chi, khiến vào nơi Đại thừa. Những người đã ở trong pháp Phật, thì khiến không vào ngoại đạo. Nhận biết trước như vậy, thì tùy thuận tu tập, hành trì. Như kệ nói:

*Nếu người khiến chúng sinh
Xa lìa pháp ngoại đạo
Cùng các thứ bất thiện
Vào tịch diệt của Phật.
Khéo biết các chúng sinh
Tâm có thượng trung hạ
Biết rồi dẫn dắt họ
Đó là phương tiện khéo.*

Biết thứ lớp của sự việc: Như trong thừa Thanh văn, trước là nói về bố thí, rồi đến trì giới, tiếp nói sinh thiên, tiếp nói lỗi lầm của năm dục, tiếp nói khổ não của người tại gia, tiếp nói lợi lạc của người xuất gia, tiếp nói khổ đế, tiếp nói tập đế, tiếp nói diệt đế, tiếp nói đạo đế, tiếp nói quả Tu-đà-hoàn, tiếp nói quả Tu-đà-hàm, tiếp nói quả A-na-hàm, tiếp nói quả A-la-hán, tiếp nói giải thoát không hoại, tiếp nói các thứ vô ngại.

Trong thừa Phật-bích-chi cũng nói: Vật của ngã và ngã sở có nhiều tai họa, bỏ vật tai họa đó thì được lợi ích lớn. Tại gia bị nhiều lỗi xấu, xuất gia thì được lợi ích. Tiếp đến là nói về lỗi lầm của những lời nói ồn ào, độc hành là thiện lợi. Xóm làng là có nhiều lỗi lầm, A-lan-nhã là thiện lợi. Chán lìa nơi đa dục, đa sự, vui với thiếu dục, ít việc, giữ gìn các căn, ăn uống chừng mực, theo lúc tỉnh thức nơi đầu, giữa, cuối đêm. Quán duyên giữ lấy tướng, thích trụ nơi nhà không, quý trọng trì giới, thiên định, trí tuệ. Không hiện bày chuyện

kỳ dị khiến kẻ khác hoan hỷ, chỉ lo lợi ích của mình, vui nơi pháp sâu, không theo trí của người khác.

Biết thứ lớp trong Đại thừa: Trước nói bồ thí Ba-la-mật, kế nói trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, thiền định Ba-la-mật, trí tuệ Ba-la-mật. Trước nói thắng xứ đê, kế nói thắng xứ xả, thắng xứ diệt, thắng xứ tuệ. Lại nữa, trước khen ngợi phát tâm Bồ-đề, kế nói mười thứ nguyện, kế nói mười cứu cánh, kế đến khen ngợi việc xa lìa sự thoái mất pháp tâm Bồ-đề, kế nói tu tập pháp không thoái mất tâm Bồ-đề, kế nói tâm kiên cố tinh tấn, kế nói có thể thọ nhận kiên cố, kế nói thệ nguyện kiên cố. Lại nữa, trước nói có thể được pháp của các địa, kế nói khéo trụ nơi pháp của các địa, kế nói có thể được pháp gốc của các địa, kế nói xa lìa pháp cấu uế của các địa, kế nói pháp có thể làm thanh tịnh các địa, kế nói pháp trụ lâu ở các địa, kế nói pháp có thể đến biên của các địa, kế nói pháp có thể khiến không lui mất các địa, kế nói quả của các địa, kế nói uy lực nơi quả của các địa. Lại nữa, hoặc trước nói Địa Hoan Hỷ, kế nói Địa Ly Cấu, kế nói Địa Minh, kế nói Địa Diệm, kế nói Địa Nan Thắng, kế nói Địa Hiện Tiền, kế nói Địa Bất Động, kế nói Địa Thiện Tuệ, kế nói Địa Pháp Vân. Như kệ nói:

*Trước thí, tiếp trì giới
Quả báo được sinh thiên
Lỗi tại gia vô thường
Xuất gia là lợi lớn.
Kế, bốn đế vô thượng
Đoạn kiết, chứng bốn quả
Là thứ lớp phương tiện
Khiến người trụ Thừa đầu.
Trước nói lỗi sinh tử
Kế nói lợi Niết-bàn
Giữ gìn nơi các căn*

Trì giới và thiên định.
 Không theo trí tuệ khác
 Công đức vui một mình
 Tự dựa, không dựa người
 Thích cầu vui tự lợi.
 Cũng không bỏ người khác
 Hành sâu pháp Đâu-đà
 Người cầu Trung thừa ấy
 Tướng giáo pháp như vậy.
 Dùng bốn mươi bát cọng
 Nói Phật đức vô lượng
 Cũng nói lúc Bồ-tát
 Tất cả pháp hành trì.
 Vì lợi ích chúng sinh
 Lần lượt nói pháp ấy
 Tự lợi và lợi tha
 Nói vô số công đức.
 Cũng nói các Phật tử
 Vui thích mười thứ địa
 Người cầu pháp Đại thừa
 Thứ lớp độ như thế.

Biết dẫn dắt chúng sinh: Là tùy theo nẻo vui thích của chúng sinh để dẫn dắt họ, tùy theo sở thích, nhân lấy sức mạnh của sở thích ấy khiến họ được hóa độ. Như kệ nói:

Hoặc có các chúng sinh
 Dùng kinh sách thâm diệu
 Việc khó và nghề khéo
 Chú thuật và ái ngữ.
 Khéo nói và của cải
 Bồ thí, giới, định, tuệ

*Lường tính như vậy rồi
 Dẫn đến vào Đại thừa.
 Hoặc hiện làm thân nữ
 Dẫn dắt các nam tử
 Lại hiện thân nam tử
 Dẫn dắt các nữ nhân.
 Thị hiện năm dục lạc
 Sau đấy nói lỗi dục
 Khiến tất cả mọi người
 Được lìa nơi năm dục.*

Khéo hành năm sự việc này, gọi là Bồ-tát khéo thọ hành phương tiện.

Nhẫn chịu các khổ não (kệ): Là nếu có người có thể nhẫn chịu các khổ não trong sinh tử trải qua số kiếp không thể tính đếm, thì mười đạo nghiệp thiện có khả năng khiến người ấy trụ nơi đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Hỏi: Tất cả người đều ưa thích vui, ghét khổ, vì sao người này lại có thể nhẫn chịu khổ não?

Đáp: Do 5 nhân duyên: 1. Ưa thích vô ngã. 2. Tin vui nơi không. 3. Lường tính pháp thế gian. 4. Quán xét quả báo của nghiệp. 5. Nghĩ mình nơi số kiếp không thể tính đếm, không hề thọ nhận khổ não. Như kệ nói:

*Thích pháp không, vô ngã
 Lại biết quả báo nghiệp
 Tầm pháp như lợi, suy v.v...
 Ở đời tất nên nhận.
 Cũng nghĩ đời quá khứ
 Không nhận vô lượng khổ
 Hướng chi vì Phật đạo
 Mà không thọ nhận sao?*

Không bỏ các chúng sinh (kệ): Là hoặc có chúng sinh xấu ác vào bậc nhất, không có chút công đức, không thể tạo lợi ích, nhưng Bồ-tát hoàn toàn không sinh tâm từ bỏ họ.

Hỏi: Nếu người ác đó không thể hóa độ, thì vì sao không bỏ họ?

Đáp: Do năm nhân duyên: 1. Xem thường pháp của hàng tiểu nhân. 2. Quý trọng pháp của bậc Đại nhân. 3. Sợ lừa dối chư Phật. 4. Do biết ơn. 5. Do sự việc này nên là xuất thế gian. Như kệ nói:

*Muốn hóa độ chúng sinh
Tâm sinh giữ gánh nặng
Ở trong giặc oán, ác
Tâm thường không nên bỏ.
Khinh tiểu, quý Đại nhân
Tiểu, Đại ấy sai khác
Trong chúng sinh không nên
Tâm xót thương lại dứt.
Ở trong các cấp nạn
Không việc tạo lợi ích
Khi gánh vác gánh nặng
Không biếng trễ giữa đường.
Nếu phát tâm vô thượng
Hoặc có bỏ chúng sinh
Nếu tự tâm khổ nhọc
Cùng người ác nào hại.
Như vậy tức đối gạt
Mười phương ba đời Phật
Chư Phật quý trong đời
Vì lợi ích chúng sinh.
Hành vô số hạnh khổ
Tu tập nơi Phật đạo
Phật nơi Hằng sa kiếp*

Bỏ vui, tạo nghiệp phước.
 Nếu bỏ một người ác
 Tức là bội ơn Phật
 Cho nên chúng sinh ác
 Không nên từ bỏ họ.
 Nếu người nơi vô lượng
 Trong A-tăng-kỳ kiếp
 Đã tu tập Phật đạo
 Lấy đại bi làm gốc.
 Nếu do tâm tham dục
 Tâm giận dữ, sợ hãi
 Bỏ một người đáng độ
 Là đoạn gốc Phật đạo.
 Cho nên mười đạo thiện
 Khiến không nên xả bỏ
 Đến A-nậu-đa-la
 Tam-miêu-tam-bồ-đề.

Yêu sâu tuệ chư Phật (kệ): Là nếu người vô cùng ưa thích trí tuệ của Phật, thì mau chóng đạt được quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Do *năm nhân duyên* nên hết sức ưa thích trí tuệ của Phật: 1. Tuệ của Phật là không ai sánh bằng. 2. Trí của Phật có thể khiến con người trở thành bậc tôn quý trong đời. 3. Phật dùng trí mình để tự độ thân mình. 4. Trí Phật cũng hóa độ người khác. 5. Trí Phật là trụ xứ của hết thảy công đức. Như kệ nói:

Trí tuệ của chư Phật
Trên trời cùng thế gian
Hết thảy không gì sánh
Huống chi có vượt hơn.
Chư Phật dùng trí này
Vì trời, A-tu-la

*Tất cả người thế gian
Cung kính mà lễ bái.
Phật dùng trí tuệ độ
Cũng độ cho người khác
Nếu được trí Phật ấy
Là kho chứa công đức.*

Tự tại nơi Phật lực, Hành giả ưa hành khắp: Đối với oai lực của chư Phật và trong pháp tự tại vui hành cùng khắp. Hành khắp là hành tập lâu dài, tất cả sức hành gọi là mười thứ trí lực. Tự tại là tùy ý hành tác. Nếu người này ưa thích sâu xa mười lực của Phật cùng trong pháp tự tại hành dụng khắp, tức không bao lâu người ấy chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Do năm nhân duyên nên ưa thích hành trọn khắp: 1. Tôn trọng lời chư Phật dạy bảo. 2. Chư Phật có đại đệ tử. 3. Thân chứng hết thầy pháp. 4. Thân giữ những người đọa lạc. 5. Những người đã bị đọa lạc có thể cứu độ họ. Như kệ nói:

*Tôn Phật dạy vô thượng
Con Phật có bốn, tám
Cùng dùng sáu ba loại
Đủ làm thầy chư Thiên.
Dùng mắt trí tuệ Phật
Thấy các pháp hiện tiền
Nghịch ác, đoạn căn thiện
Và những người phá giới.
Người đọa lạc như thế
Thâu giữ mà cứu độ
Nếu người nơi Phật lực
Hành khắp trong tự tại.
Niết-bàn và phước trời
Luôn trong tay người ấy.*

Ở trong đó, chư Phật dùng oai lực của mình có thể làm *năm việc*: 1. Khiến chúng sinh học thừa Thanh văn. 2. Khiến chúng sinh học thừa Phật-bích-chi. 3. Khiến chúng sinh học pháp Đại thừa. 4. Người có năng lực đầy đủ khiến được giải thoát. 5. Những người yếu kém khiến trụ nơi an lạc của thế gian. Như kệ nói:

*Chư Phật dùng thần lực
 Khiến chúng sinh chán lìa
 Hoặc khiến học Tiểu thừa
 Trung thừa và Đại thừa.
 Người có đủ năng lực
 Khiến họ được giải thoát
 Người chưa đủ năng lực
 Sinh thiên, vui đời này.*

Tự tại: Là chư Phật ở trong *năm sự việc* luôn tự tại: 1. Các thần thông tự tại. 2. Trong tự tâm được tự tại. 3. Trong diệt tận được tự tại. 4. Trong Thánh như ý được tự tại. 5. Thọ mạng tự tại. Như kệ nói:

*Bay đi được tự tại
 Tự tâm được tự tại
 Ở trong thiên định diệt
 Như vào ra nhà mình.
 Hết thấy tịnh, bất tịnh
 Tùy tâm mà chuyển đổi
 Mạng sống không bị hại
 Tự duyên cũng vô tận.
 Luôn tự tại như thế
 Hết thấy pháp cũng vậy
 Cho nên nhân sư tử
 Gọi là bậc Tự tại.*

Hay phá trừ ý ác (kệ): Đó là hàng phàm phu xa lìa chánh đạo, chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Lược nói về ý ác: Nói năm âm

là ngã. Hoặc nói ngã có năm âm. Hoặc nói trong năm âm có ngã. Hoặc nói trong ngã có năm âm. Hoặc nói lìa năm âm có ngã. Như kệ nói:

*Nếu năm âm là ngã
Là rơi vào đoạn diệt
Tức mất nhân duyên nghiệp
Không công mà giải thoát.
Có bốn loại ác khác:
Dị, âm, không có tướng
Không tướng, không có pháp
Đều nên phá như vậy.*

Lại nữa, năm tà kiến gọi là ý ác. Đó là tà kiến, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới thủ. Như kệ nói:

*Tà kiến phá nhân quả
Hai mươi thứ thân kiến
Hữu kiến và vô kiến
Sự thấp cho là cao.
Chỉ do sức của giới
Mà đạt được giải thoát
Như trước phá Nhất, Dị
Kiến này phá như vậy
Chánh ý tám đạo phá
Gọi là được giải thoát.*

Nhận giữ chánh pháp Phật (kệ): Là nếu người có khả năng giữ gìn giáo pháp của chư Phật, đó là mười hai bộ kinh, đem tâm ấy để có thể tin, nhận, thì mười đạo nghiệp thiện này có thể khiến người ấy đạt đến đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Do năm nhân duyên nên phải giữ gìn chánh pháp: 1. Biết báo ơn chư Phật. 2. Khiến pháp trụ lâu. 3. Dùng sự cúng dường tối thượng

để cúng dường chư Phật. 4. Đem lợi ích cho vô lượng chúng sinh. 5. Chánh pháp là khó đạt được bậc nhất. Như kệ nói:

*Nếu người muốn hành tác
Việc chư Phật quý mến
Cũng khiến pháp trụ lâu
Cúng dường Phật hơn hết.
Vì muốn chữa trị dứt
Bệnh nặng của chúng sinh
Cũng biết các Thế Tôn
Từ khổ được pháp này.
Do những nhân duyên ấy
Biết pháp là khó được
Thế nên người có trí
Phải yêu mến hộ pháp.*

Ở trong đó, do *năm nhân duyên* nên gọi là yêu mến hộ trì chánh pháp: 1. Hành đúng như pháp được giảng nói. 2. Khiến người khác làm đúng như pháp. 3. Phá trừ kẻ bài báng pháp Phật. 4. Lia bốn ấn đen. 5. Hành bốn ấn lớn. Như kệ nói:

*Tự ở trong pháp Phật
Như Phật dạy an trụ
Tâm bi không lộn pháp
Cũng khiến người an trụ.
Lại phá trừ chúng ma
Các Luận sư ngoại đạo
Hoặc người ghét pháp Phật
Dùng tâm không giận phá.
Xa lia bốn ấn đen
Thọ hành bốn ấn lớn
Như thế tức gọi là
Yêu mến hộ chánh pháp.*

Dũng mãnh (kệ): Bồ-tát do *năm nhân duyên* nên gọi là dũng mãnh: 1. Phá trừ giặc ma. 2. Phá bỏ ngoại đạo. 3. Phá trừ giặc phiền não. 4. Phá trừ giặc các căn. 5. Phá trừ giặc năm ấm. Như kệ nói:

*Ma ác khởi binh chúng
Đạo thọ muốn hại Phật
Thường tìm cầu khiếm khuyết
Nhiều loạn tâm người nghe.
Mặt trời Phật xuất hiện
Ma thỉnh khiến Niết-bàn
Thường loạn người thọ học
Phá hoại đạo giải thoát.
Cho đến nơi hôm nay
Tâm ấy vẫn chưa ngừng
Ghét bỏ nẻo Niết-bàn
Giặc lớn của người thiện.
Nên lấy giới, định, tuệ
Phá trừ sức ma oán
Tự cho có trí tuệ
Thường khinh mạn nơi Phật.
Dùng vô số nhân duyên
Diệt pháp Phật nên hiện
Thường ghét đệ tử Phật
Tự mát, dạy người mát.
Các đám ngoại đạo ấy
Giặc lớn của thế gian
Nên dùng tâm không giận
Nên dùng tuệ đa văn.
Cùng đem sức tâm lớn
Phá trừ oán ngoại đạo
Sức phiền não khởi nghiệp*

Luân chuyển đọa đường ác.
 Sức phiền não chướng ngại
 Không thể hành đạo lớn
 Do sức của phiền não
 Rơi vô số tà kiến.
 Do sức của phiền não
 Không hành đạo cam lồ
 Vì nhân duyên như thế
 Phiền não là giặc lớn.
 Dùng chánh niệm, định, tuệ
 Phá giặc phiền não đó
 Nếu bị giặc căn dẫn
 Khiến người đọa đường ác.
 Lại rơi trong trời, người
 Không đến được Niết-bàn
 Nay giặc các căn này
 Sao không dùng hổ thẹn
 Chánh niệm và trí tuệ
 Phá trừ giặc các căn
 Ví như người thế gian
 Đem lời ngọt dối gạt.
 Của cải và đao kiếm
 Dùng bốn thứ trừ giặc
 Do nơi năm ám này
 Thọ sinh già bệnh chết.
 Rơi vào sợ hãi lớn
 Các cấp nạn khổ não
 Do nhân duyên năm ám
 Buồn thương và khóc lóc.
 Do nhân duyên năm ám
 Nhận vô số các khổ

*Vì vậy ông nên biết
Nên dùng pháp tri kiến
Phá trừ năm ám ấy
Như phá tan giặc oán.*

Có thể thọ nhận (kệ): Là sức của tâm chí mạnh mẽ, có tướng bậc Đại nhân, thấy sự việc tới chỗ sâu xa. Do năm nhân duyên nên gọi là có thể thọ nhận: 1. Nguyện đã thành, nhưng tâm không tự cao. 2. Nguyện bất thành, nhưng tâm không sút kém. 3. Tuy bị khổ não bức bách, nhưng tâm không lay động. 4. Tuy sự vui tăng lên, nhưng thân tâm cũng không đổi khác. 5. Tâm sâu xa, hoặc giận hoặc vui, khó có thể nhận biết. Như kệ nói:

*Thân, tâm cay đắng đến
Ý ấy cũng không động
Tùy ý việc vui đến
Tâm đại trí không đổi.
Như giận, mừng, lo sợ
Người khác không thể lường
Tướng thâm tâm như vậy
Là nói người thọ nhận.*

Siêng năng tinh tấn (kệ): Là siêng hành tác 5 việc này: 1. Siêng hành tinh tấn để khiến pháp ác chưa sinh, không sinh. 2. Siêng hành tinh tấn để diệt trừ pháp ác đã sinh. 3. Siêng hành tinh tấn để khiến pháp thiện chưa sinh, nên sinh. 4. Siêng hành tinh tấn để khiến pháp thiện đã sinh thêm tăng trưởng. 5. Siêng hành tinh tấn để sự tạo tác trong thế gian không gì có thể gây chướng ngại. Như kệ nói:

*Đoạn pháp ác đã sinh
Cũng như trừ rắn độc
Đoạn pháp ác chưa sinh
Như phòng chặn dòng nước.*

*Tăng trưởng nơi pháp thiện
 Tươi cây ra trái ngọt
 Thiện chưa sinh khiến sinh
 Như cọ cây phát lửa.
 Trong sự thiện thế gian
 Tinh tấn không chướng ngại
 Chư Phật gọi người ấy
 Là siêng năng tinh tấn.*

Tâm vững độ chúng sinh (kệ): Nghĩa là tâm kiên cố giáo hóa chúng sinh. Nếu khi Bồ-tát giáo hóa chúng sinh ở trong năm thừa, đối với các sự việc như cúng dường, khinh mạn, thương ghét, sợ hãi, khổ vui, mệt mỏi v.v..., tâm Bồ-tát vẫn không chuyển. *Những gì là năm thừa?* 1. Phật thừa. 2. Phật-bích-chi thừa. 3. Thanh văn thừa. 4. Thiên thừa. 5. Nhân thừa. Như kệ nói:

*Ông nên dùng nhất tâm
 Tất cả các năng lực
 Dựa vô số phương tiện
 Là nơi tâm thương ghét.
 Giáo hóa các chúng sinh
 Tâm là cầu, thanh tịnh
 Khiến được Thừa vô thượng
 Vô lượng đời khó được.
 Nếu người không năng lực
 Không thể trụ Đại thừa
 Chỉ ở Phật-bích-chi
 Thanh văn, Thiên, Nhân thừa.*

Không tham đắm tự lạc (kệ): Đó là không vương vào hết thảy các thứ vui. Bồ-tát do *năm nhân duyên* nên không tham đắm tự lạc: 1. Ưa thích quán vô thường, như bọt nước chóng tan. 2. Đời vui rồi

biến thành khổ. 3. Từ các duyên sinh khổ. 4. Từ khát ái khởi lên. 5. Sự vui ít ỏi như giọt mật. Như kệ nói:

*Vui ít trụ như bọt
Biến khổ như ăn độc
Ba hợp từ xúc có
Tham, dục, si nên sinh.
Nếu là nơi tham ái
Lại không có vui riêng
Như giọt mật, giếng khô
Vui ít mà khổ nhiều.
Tạo lợi ích chúng sinh
Không nên có tham đắm.*

Cùng vô lượng thân mạng (kệ): Là Bồ-tát do năm nhân duyên nên không tiếc thân mạng: 1. Thân không từ đời trước đến. 2. Không đi đến đời sau. 3. Không bền chắc. 4. Thân này là vô ngã. 5. Không có ngã sở. Như kệ nói:

*Thân người chứa các uế
Hết thấy đều bất tịnh
Không từ đời trước tới
Không giữ đến đời sau.
Tuy cung cấp lâu, tốt
Mà phá phần ơn lớn
Thân này không bền chắc
Như bọt nước liền tan.
Duyên sinh tánh không định
Không tánh, không tự tại
Cho nên phải biết rõ
Phi ngã, phi ngã sở.
Thân này vô lượng lỗi
Không nên có tham tiếc.*

Bồ-tát do *năm nhân duyên* nên không tham tiếc thọ mạng: 1. Vui thích đời sống trí tuệ. 2. Lo sợ tội. 3. Nghĩ đến vô lượng lần chết từ vô thủy sinh tử đến nay. 4. Cùng với hết thảy chúng sinh cùng thọ nhận. 5. Không thể tránh khỏi chết. Như kệ nói:

*Từ đa văn, luận đúng
Sinh tham nơi tuệ mạng
Lúc lo sợ mất mạng
Nên sinh khởi tội ác.
Lại thấy tất cả người
Không thoát khỏi sinh tử
Không thể đem của, trí
Sức phương tiện trốn khỏi
Tu tập các pháp thiện
Sao tiếc thọ mạng này?*

Hơn hết trong mọi việc (kệ): Là nếu người có tạo tác sự việc, tất có thể đạt đến cứu cánh. Đó gọi là Thượng nhân. Bồ-tát dùng 5 việc phát khởi tất có thể đạt đến cứu cánh: 1. Tiền của. 2. Bồ thí. 3. Trì giới. 4. Tu định. 5. Đạo đức. Như kệ nói:

*Siêng cầu chứa của cải
Án cần hành bồ thí
Thứ lớp trì tịnh giới
Tinh tấn cầu thiền định.
Hành vô số phương tiện
Sinh tám đạo giải thoát
Đó là trong các việc
Gọi đó là Thượng nhân.*

Hành tác không lỗi lầm (kệ): Là sự việc do Bồ-tát này làm người trí không quở trách. Do *năm nhân duyên* nên mọi việc làm không lỗi lầm, không bị người trí quở trách: 1. Làm những việc có

thể làm. 2. Được lợi lớn của quả. 3. Không hủy hoại pháp. 4. Tiếp sau không lỗi lầm. 5. Tiếng tốt vang khắp. Như kệ nói:

*Trước lường tính những chuyện
 Tự làm việc dễ làm
 Từ việc này đạt được
 Vô lượng lợi quả lớn.
 Không ngăn ngại pháp thiện
 Làm xong, lỗi không theo
 Người thiện đã khen ngợi
 Tiếng tốt lan truyền khắp.
 Người trí phát khởi nghiệp
 Gọi là không lỗi lầm
 Chuyện đáng làm, dễ làm
 Tự thuộc nơi thân mình.
 Vô lượng công đức lớn
 Mau được quả lợi ích
 Người trí biết như vậy
 Sau không có lỗi lầm
 Nên tăng siêng tinh tấn
 Làm những việc như thế.*

Hết thầy thứ thanh tịnh, Tất cả thắng xứ đến (kệ): Do năm nhân duyên nên các thắng xứ, hết thầy thứ thanh tịnh: 1. Tâm sâu xa thanh tịnh. 2. Hồi hướng thanh tịnh. 3. Tự hành nơi thắng xứ như lời nói. 4. Khiến người khác hành. 5. Xa lìa pháp trái ngược với thắng xứ là vọng ngữ, tham lam, keo kiệt, đùa cợt, ngu si. Như kệ nói:

*Bồ-tát thâm tâm tịnh
 Lìa đua nịnh, quanh co
 Đều đem bốn thắng xứ
 Hồi hướng nơi Phật đạo.*

*Trước tự tu pháp thiện
Sau khiến dạy người khác
Bồ-tát hành như thế
Bốn thắng xử thanh tịnh.*

Đạo thiện khiến người này, Đến mười lực Thế Tôn (kệ): Là tu tập mười đạo nghiệp thiện như vậy thì có thể khiến người đạt đến mười lực. Mười lực gọi là Chánh biến tri, Chánh biến tri tức là Phật. Do *năm nhân duyên* nên gọi là Thế Tôn: 1. Đoạn trừ nghi của đời quá khứ. 2. Đoạn trừ nghi của đời vị lai. 3. Đoạn trừ nghi của đời hiện tại. 4. Đoạn trừ pháp nghi vượt quá ba đời. 5. Đoạn trừ pháp nghi không thể nói. Như kệ nói:

*Vô thi đời quá khứ
Thông đạt không có nghi
Vô biên đời vị lai
Biết thông đạt không nghi.
Mười phương không biên vực
Hết thấy đời hiện tại
Hiện quá nơi ba đời
Pháp vô vi, vi diệu.
Mười bốn không thể nói
Cũng thông, không chút nghi
Thế nên kho công đức
Chư Phật gọi Thế Tôn.*

Thành tựu công đức như thế: Là mười đạo nghiệp thiện có khả năng khiến Bồ-tát đạt được đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Do đó người cầu Phật đạo nên tu mười đạo nghiệp thiện như vậy.

LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA

QUYỂN 16

Phẩm 31: HỘ GIỚI

Bồ-tát này hành trì các đạo thiện như thế.

*Nơi đạo thiện, bất thiện
Tổng tướng và biệt tướng
Đều phân biệt nhận biết
Có hai thứ quả báo.*

*** Mười đạo nghiệp thiện:**

Quả báo của tổng tướng: Là hoặc sinh lên cõi trời, hoặc sinh vào cõi người.

Quả báo của biệt tướng: Hành thiện lìa bỏ sát sinh có hai thứ quả báo: 1. Sống lâu. 2. Ít bệnh.

Hành thiện lìa bỏ trộm cướp có hai thứ quả báo: 1. Giàu lớn. 2. Riêng có tiền của.

Hành thiện lìa bỏ tà dâm có hai thứ quả báo: 1. Vợ trinh thuận. 2. Không bị người ngoài phá hoại.

Hành thiện lìa bỏ nói dối có hai thứ quả báo: 1. Không bị người hủy báng. 2. Không bị người khác lừa dối.

Hành thiện lìa bỏ nói hai lưỡi có hai thứ quả báo: 1. Được quyền thuộc tốt đẹp. 2. Không bị người khác hủy hoại.

Hành thiện lìa bỏ nói lời thô ác có hai thứ quả báo: 1. Được nghe âm thanh tùy ý vui thích. 2. Không có tranh cãi.

Hành thiện lìa bỏ nói lời tán loạn có hai thứ quả báo: 1. Người tin nhận lời mình nói ra. 2. Lời nói quyết định.

Hành thiện lìa bỏ tham lấy có hai thứ quả báo: 1. Biết đủ. 2. Ít ham muốn.

Hành thiện lìa bỏ giận dữ gây nhiễu có hai thứ quả báo: 1. Tại nơi chốn sinh ra thường cầu sự việc tốt đẹp cho người khác. 2. Không vui mừng vì việc nhiễu hại chúng sinh.

Hành thiện chánh kiến có hai thứ quả báo: 1. Lìa bỏ dua nịnh, quanh co. 2. Đối tượng nhận thức đều thanh tịnh.

*** Mười đạo nghiệp bất thiện:** Cũng như vậy.

Quả báo của tổng tướng: Là hành theo loại thượng thì đọa vào địa ngục, hành theo loại trung thì đọa vào súc sinh, hành theo loại hạ thì đọa vào ngạ quỷ.

Quả báo của biệt tướng: Hành bất thiện sát sinh có hai thứ quả báo: 1. Thọ mạng ngắn. 2. Mắc nhiều bệnh.

Hành bất thiện trộm cướp có hai thứ quả báo: 1. Bần cùng. 2. Mất của cải.

Hành bất thiện tà dâm có hai thứ quả báo: 1. Có vợ xấu ác lại không trinh thuận. 2. Bị người khác hủy hoại.

Hành bất thiện nói dối có hai thứ quả báo: 1. Bị người hủy báng. 2. Bị người lừa dối.

Hành bất thiện nói hai lưỡi có hai thứ quả báo: 1. Có quyền thuộc xấu ác. 2. Quyền thuộc có thể bị hủy hoại.

Hành bất thiện nói lời thô ác có hai thứ quả báo: 1. Tai nghe tiếng ác. 2. Thường tranh cãi.

Hành bất thiện nói lời tán loạn có hai thứ quả báo: 1. Lời nói không ai tin nhận. 2. Lời nói không có thứ lớp.

Hành bất thiện tham lầy có hai thứ quả báo: 1. Tâm không biết đủ. 2. Nhiều dục không chán.

Hành bất thiện giận dữ gây ão hại có hai thứ quả báo: 1. Tánh ác. 2. Vui mừng ão hại chúng sinh.

Hành bất thiện tà kiến có hai thứ quả báo: 1. Tâm dua nịnh, quanh co. 2. Rơi trong ão tà kiến.

*Đã biết pháp yêu thích
Nơi pháp tâm không động
Ở trong các chúng sinh
Tâm từ bi càng lớn.*

Pháp yêu mến: Là chỉ yêu mến nơi pháp, không còn sự việc nào hơn. Ở đây, pháp là mười đạo nghiệp thiện như trước đã nói.

Pháp ưa thích: Là chỉ ưa thích nơi pháp, không có sự việc gì vượt hơn.

Nơi pháp tâm không động: Là cho đến bỏ mạng vẫn không bỏ pháp.

Bồ-tát hành pháp như vậy nên càng tăng tâm từ bi thương xót chúng sinh. Trong Địa thứ nhất, tuy đã có từ bi, nhưng không bằng Địa này. Vì thông tỏ nhân duyên của nghiệp tội phước, vì thấy chúng sinh đều đáng thương xót, vì hệ thuộc nơi nghiệp, không tự tại, nên Bồ-tát không có tâm giận dữ, ghét bỏ với bất cứ người nào. Hành trì như thế nên từ bi càng hơn hẳn. Bồ-tát nghĩ như vậy:

*Than ôi, các chúng sinh
Rớt sâu nơi tà kiến
Ta nên nói chánh kiến
Khiến họ vào chánh đạo.*

Bồ-tát thông đạt nhân duyên của nghiệp tội phước nên hành tâm từ sâu xa đối với các chúng sinh. Bồ-tát nghĩ như vậy: Chúng sinh thật đáng thương, do không biết thật tướng của các pháp, nên hành nhiều nơi vọng tưởng, sinh các tà kiến, nhân nơi tà kiến sinh khởi các phiền não. Do phiền não nên sinh khởi các nghiệp. Do nhân duyên nghiệp khởi nên luân chuyển trong sinh tử. Trước tiên, ta phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, vì hóa độ chúng sinh, nên nay ta giảng nói chánh kiến. Những chúng sinh này là nên hóa độ, nay sẽ vì họ giảng nói chánh kiến khiến nhập nơi chân đạo tất được độ thoát. Nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát biết chúng sinh có vô số thứ phiền não, gọi là:

*Quán phiền não sinh khởi
Cùng các phiền não cấu
Vô số nghiệp ác đen
Nhận vô số khổ não.
Thương xót các chúng sinh
Phần nhiều đều thiếu sót
Quan sát các thứ xong
Là đều như ta có.
Túc thì dùng tâm bi
Phương tiện phát nguyện lớn
Làm sao khiến chúng sinh
Diệt trừ hết khổ ấy.*

Phiền não, phiền não cấu uế: Thuộc về sử gọi là phiền não, thuộc về triền gọi là cấu. Phiền não thuộc về sử là tham, sân, kiêu mạn, vô minh, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến, nghi. Đó là mười thứ căn bản, tùy theo kiến đế, tư duy của ba cõi sẽ phân biệt đoạn trừ, nên gọi là chín mươi tám sử. Không phải sử gồm đầu là không tin, không hổ, không thẹn, đua nịnh, quanh co, đùa cợt, hối, cố chấp, biếng trễ, thói chí, ham ngủ, sân hận, keo kiệt, ganh ghét,

kiêu căng, không nhẫn, ăn không biết đủ, cũng dùng kiến đế, tư duy của ba cõi để phân biệt đoạn trừ nên có một trăm chín mươi sáu triền cấu. Có người nói: “Phiền não là ở trong tâm sâu, còn cấu uế là ở nơi tâm cạn”. Có người nói: “Các chướng, cái gọi là triền cấu, các thứ còn lại đều là phiền não”.

Nghiệp ác đên: Là bảy nghiệp đạo bất thiện, chúng cùng với tham luyến, sân nã, tà kiến, tương ưng nơi tư duy có thể sinh quả báo khổ.

Vô số khổ nã: Là vô số sự ác trong thân gọi là khổ. Vô số sự ác trong tâm gọi là nã. Lại nữa, khổ trong đời này gọi là khổ, sau đó bị đọa nơi đường ác gọi là nã.

Phân nhiều đều thiếu sót: Là hoặc các căn của thân thể, hoặc tiền của cần dùng cho đời sống, hoặc không đầy đủ các công đức như tín, giới v.v... nên gọi là thiếu.

Các câu còn lại: Vì dễ hiểu, như đã nói trong kệ, không cần giải thích nữa.

Suy nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát lại nghĩ:

*Chúng sinh rất đáng thương
Rơi vào hàng Nhị thừa
Ta vì họ phát nguyện
Khiến trụ nơi Đại thừa.*

Việc này, như Bồ-tát Kim Cang Tạng, trong Kinh Thập Địa tự nói: Bồ-tát này xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, cũng khiến chúng sinh trụ nơi mười đạo nghiệp thiện, vì chúng sinh nên cầu tâm thù thắng, tâm tốt, tâm vui, tâm thương xót, tâm từ bi, tâm lợi ích, tâm hộ trì, tâm ta hiện có, tâm đạo sư, tâm thân giữ, tâm nhận giữ, và nghĩ như vậy: Các chúng sinh này thật rất đáng thương xót, họ rơi vào ý tà, kiến tà, đi trên đường tà vạy nguy hiểm, ta nay nên khiến họ trụ trong đường chánh kiến chân thật.

Các chúng sinh này chủng loại không đồng, cạnh tranh nhau, luôn mang tâm giận dữ, lửa sân não cháy bùng, nhưng ta sẽ giúp họ an trụ trong đại từ vô thượng.

Các chúng sinh này không có chán đủ, tham cầu lợi ích của người khác để tự sống theo tà mạng, ta sẽ khiến nghiệp thân, miệng, ý của họ trụ trong thanh tịnh. Do tham lam, sân hận, ngu si nên các chúng sinh này thường khởi lên vô số kiết sử phiền não, không có phương tiện để tự ra khỏi, ta sẽ diệt trừ khổ não ấy, khiến họ trụ nơi xứ không còn khổ não.

Các chúng sinh này do vô minh che lấp trí tuệ nên đi trong rừng rậm mù mịt của tà kiến, không thể tự ra khỏi nẻo tà kiến nguy hiểm ấy, ta sẽ cứu vớt khiến họ có được mắt trí tuệ vô ngại. Do mắt tuệ này có được không từ nơi người khác, nên có khả năng thấy được tướng như thật của các pháp.

Các chúng sinh này rơi vào nơi sông dài sinh tử, sắp rơi vào hầm sâu địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, rơi vào lưới tà hiểm nguy. Vô số cỏ ác phiền não che phủ, nếu không có vị Đạo sư dẫn dắt, thì không thể sinh tâm xuất ly. Đạo nói là không phải đạo, không phải đạo cho là đạo. Quân ma giặc oán luôn theo đuổi, không có thầy thiện nên bị trôi theo ý ma, xa lìa pháp Phật. Những chúng sinh như thế, ta nên khiến họ vượt qua các nẻo sinh tử đầy nguy hiểm này, được trụ trong thành Nhất thiết trí không sợ hãi, không suy hoại.

Các chúng sinh này bị trôi nổi nơi dòng chảy của dục, dòng chảy của hữu, dòng chảy của kiến chấp, dòng chảy của vô minh, bao nhiêu đợt sóng lớn của nghiệp tội đã nhận chìm trong sông tham ái, theo từng lớp sóng xoáy của sinh tử, không thể tự mình vượt khỏi. Vì bị giác (tâm) dục, giác sân, giác não, là những thứ nước mặn ngâm dầm cho tan rữa. Vì bị La-sát thân kiến bắt giữ, nên đi vào rừng sâu của năm dục, bị vui mừng cấu nhiễm, thúc giục nơi đất liền ngã mạn.

Thật đáng thương xót, không có bến bãi, không người cứu hộ. Đối với sáu nhập chỉ là xóm làng trống vắng, không còn sức phát động, không có người khéo độ. Chúng sinh như vậy, ta nay nên đem thuyền bè đại bi, đại trí vững chắc để cứu vớt, đưa họ tới bờ bến an ổn nơi Nhất thiết trí không còn sợ hãi.

Các chúng sinh này bị nhiều khổ não đáng thương, bị giam nhốt trong lao ngục sinh tử ưu bi khổ não, ô m lòng tham, giận, yêu ghét, rơi vào bốn điên đảo, bị rắn độc bốn đại cắn mổ, bị oán gia năm ám tàn hại, bị giặc vui mừng gian trá vây hãm, nơi sáu nhập là xóm làng trống vắng, chịu vô lượng khổ não. Ta nên phá bỏ nhà ngục sinh tử đó, khiến được tự tại nơi Niết-bàn an lạc vô ngại. Các chúng sinh này thật đáng thương, tâm trí hẹp kém, ưa thích lợi nhỏ, luôn bị chìm mất, không có tâm của Nhất thiết trí. Nếu cầu xuất ly thì ưa thích thừa Thanh văn, Phật-bích-chi. Ta nên khiến họ có được tâm lớn, khiến vui thích pháp rộng lớn của Phật.

*Bồ-tát hành như vậy
Tức được lực trì giới
Khéo biết khởi nghiệp thiện
Khiến chúng được tăng trưởng
Đó tức là Phật tử
Vào sâu Địa Ly Cầu.*

Lực trì giới: Là nhất tâm thanh tịnh hành đầy đủ mười đạo nghiệp thiện. Giới tức được lực phước đức tu tập.

Khéo biết khởi nghiệp thiện: Là khéo nhận biết tự làm phát sinh và tăng trưởng đạo thiện. Cũng khiến cho các chúng sinh vào sâu, là việc làm càng trở nên sâu xa, tận cùng nơi nguồn ngọn.

Phật tử: Là người có khả năng hành theo giáo pháp. Ở Địa thứ nhất mới sinh, đến Địa thứ hai thì tăng trưởng. Bồ-tát này nên siêng hành tinh tấn như vậy.

*Nếu Bồ-tát đạt đến
Biên vực Địa Ly Cầu
Bấy giờ tức được thấy
Trăm ngàn các vị Phật.*

Trong Địa thứ nhất đã nói Tam-muội Ban chu, thấy pháp Tam muội của Phật hiện tại hỗ trợ. Đó là dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bốn mươi pháp bất cộng đê niệm Phật, không tham chấp nơi hết thấy các pháp, cũng nói lợi ích nơi Tam-muội, có thể thành tựu uy lực của quả báo.

Hỏi: Trong Địa thứ nhất, Bồ-tát đã đến biên vực của Địa thứ nhất tức có thể thấy chư Phật, nên khi mới vào Địa thứ hai, tức phải thấy chư Phật ngay. Vì sao nói phải đến biên vực của Địa thứ hai mới thấy chư Phật? Nếu như thế thì lúc vào Địa thứ hai, Tam-muội ở Địa thứ nhất phải mất, rồi sau mới lại được chăng?

Đáp: Mới vào Địa thứ hai, Bồ-tát cũng thấy chư Phật, cũng không mất Tam-muội này. Vì không hiểu rõ nghĩa của kệ nên ông mới nêu vấn nạn như vậy. Trong Địa thứ hai, ban đầu chỉ thấy trăm vị Phật, cho đến biên vực của Địa ấy mới được trông thấy trăm, ngàn vị Phật. Thấy chư Phật rồi, tâm rất hoan hỷ, muốn được pháp Phật nên càng siêng hành tinh tấn.

*Có thể đem bốn sự
Cúng dường nơi chư Phật
Nơi trụ xứ chư Phật
Lại nhận mười đạo thiện.*

Bốn sự: Là y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men.

Các nghĩa còn lại: Có thể nhận biết.

*Hành trì như vậy rồi
Theo Phật nhận đạo thiện*

*Đến trăm ngàn vạn kiếp
Không hủy cũng không mất.*

Không hủy: Là không khiến cho giới bị thiếu sót, giảm sút. Hoặc do sự việc được thanh tịnh nên gọi là không hủy. *Không mất*: Là đều không hành lại nữa gọi là không mất.

Bồ-tát này đã qua Địa thứ nhất vào Địa thứ hai như vậy rồi, như nói:

*Khéo lìa cấu xan tham
Thích hành xả thanh tịnh
Khéo lìa cấu xan tham
Thâm kính giới thanh tịnh.*

Thanh tịnh là chỉ dùng tâm thiện hành xả, không còn các phiền não xen tạp. Kính mến sâu xa tức trụ vững trong đó, rất ráo không bỏ. Trong Địa này, cấu uế của xan tham, cấu uế của sự phá giới, đều dứt hết không còn sót, thế nên Địa này gọi là Ly Cấu. Bồ-tát hoàn toàn không còn tâm tham lam keo kiệt, phá giới, ở trong bốn Nhiếp pháp, thì ái ngữ là hành tạo lợi ích nổi bật. Trong sáu pháp Ba-la-mật, thì giới độ là hành tạo lợi ích trội bật. Lợi là uy lực đa hành càng trở nên sâu xa.

Hỏi: Nếu ở Địa thứ hai này Trì giới Ba-la-mật đã được thể mạnh. Nay, trong đây nên giải nói rõ về phần phát sinh thể mạnh thanh tịnh sai biệt của trì giới Ba-la-mật?

Đáp:

*Nói lược Thi-la độ
Có sáu mươi lăm phần
Sinh, lực, tịnh, sai biệt
Trong luận nhiều chỗ nói.*

Trì giới Ba-la-mật có vô lượng vô biên, chỉ lược nói có sáu mươi lăm phần, còn những giới sinh, giới lực, giới tịnh và giới sai

biệt, trong luận trước sau nhiều chỗ đã nói về tướng. Như trong phẩm Hòa Hợp Pháp Phật của Kinh Bảo Đảnh, Bồ-tát Vô Tận Ý ở trước Đức Phật đã giảng nói sáu mươi lăm thứ phần Thi-la Ba-la-mật. Thi-la (Trì giới) nghĩa là không nào hại đối với hết thầy chúng sinh. Không hề sinh tưởng trộm cướp vật của người khác, không đắm vướng nơi ngoại sắc, không lừa dối chúng sinh. Quyến thuộc đầy đủ nên không nói hai lưỡi. Nhẫn chịu nhiều nơi lời ác, nên không có ác khẩu. Thường suy nghĩ lường tính về lời có ích, nên không có lời tán loạn. Vui mừng nơi sự an lạc của người khác, nên tâm không tham luyến. Nhẫn chịu các khổ nên không có giận dữ nào hại. Không khen ngợi sự tà nên gọi là chánh kiến. Do có tâm tin thanh tịnh nên tin Phật. Biết rõ pháp chân thật nên tin pháp. Ưa thích cung kính, tôn trọng chúng Hiền Thánh nên tin Tăng. Niệm Phật nên gieo năm vóc nơi đất để lễ bái, cúng dường. Cho đến giới nhỏ, thâm tâm cũng lo sợ nên giới không suy kém.

Không nương dựa vào thừa khác nên không hủy giới. Xa lìa hành tà nên giới không bị thiếu giảm. Không khởi phiền não ác nên gọi là giới không xen tạp. Rốt ráo thường vui, pháp thiện thêm lớn, gọi là giới không cầu đục.

Theo ý mà làm nên gọi là giới tự tại. Không bị người trí quả trách nên gọi là giới được bậc Thánh khen ngợi. Thường ở trong niệm an tuệ nên gọi là giới dễ hành trì. Hết thầy không lỗi lầm nên gọi là giới không thể quả trách. Giữ gìn các căn nên gọi là giới khéo hộ trì.

Được chư Phật hộ niệm nên gọi là giới danh văn. Biết lượng lấy vừa đủ đúng như pháp nên gọi là giới thiếu đục. Dứt bỏ keo kiệt tham lam nên gọi là giới tri túc. Thân tâm xa lìa nên gọi là giới xa lìa. Lìa bỏ lời nói đông ồn nên gọi là giới A-lan-nhã. Không nhìn mặt người khác để mong có chỗ chúng đắc nên gọi là giới đầy đủ Thánh chủng.

Thuộc về căn thiện nên gọi là giới hành đầu-đà vi tế. Sinh vào cõi trời, người, nên gọi là giới hành đúng theo lời nói. Cứu độ hết thảy chúng sinh nên gọi là giới của từ. Nhẫn chịu tất cả khổ nên gọi là giới của bi. Tâm không thoái lui nên gọi là giới của hỷ.

Lìa bỏ thương ghét nên gọi là giới của xả. Hàng phục tâm nên gọi là giới tự thấy lỗi lầm. Che chở tâm kia nên gọi là giới không nhàm lẩn. Khéo hộ trì giới nên gọi là giới khéo thâm giữ. Thành thực chúng sinh nên gọi là giới bố thí.

Không nguyện ước điều gì nên gọi là giới nhẫn nhục. Không biếng trễ thoái lui nên gọi là giới tinh tấn. Tích tập hỗ trợ pháp thiện nên gọi là giới thiện. Căn thiện đa văn không biết chán đủ nên gọi là giới trí tuệ. Từ đa văn được trí tuệ nên gọi là giới cầu đa văn.

Tích tập hỗ trợ bảy giác pháp nên gọi là giới thân cận tri thức thiện. Lìa bỏ đạo tà nên gọi là giới lìa tri thức ác. Quán vô thường nên gọi là giới không tham thân. Siêng gom chứa căn thiện nên gọi là giới không tin dựa thân mạng. Thâm tâm thanh tịnh nên gọi là giới không hối.

Hành thanh tịnh nên gọi là giới không giả trá. Thâm tâm vô cầu nên gọi là giới không nóng bức. Khéo đẩy khởi nghiệp nên gọi là giới không lo. Không tự cao nên gọi là giới không kiêu mạn. Lìa bỏ nhiệm dục nên gọi là giới không đùa cợt.

Tâm chân chất, ngay thẳng nên gọi là giới không tự cao. Tâm điều hòa nên gọi là giới có hổ thẹn. Tâm ác không sinh nên gọi là giới điều phục thiện. Diệt trừ phiền não nên gọi là giới vắng lặng. Hành như lời nói nên gọi là giới làm theo lời Phật dạy.

Hành bốn Nhiếp pháp nên gọi là giới hóa chúng sinh. Không làm mất pháp của chính mình nên gọi là giới hộ pháp. Xưa nay thanh tịnh nên gọi là giới viên mãn hết thảy nguyện. Hồi hướng nơi đạo vô thượng nên gọi là giới đạt đến pháp Phật. Tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh nên gọi là giới đặc Tam-muội Phật.

Sáu mươi lăm phần giới này là của Đại đức Xá-lợi-phất. Giới thanh tịnh của các Bồ-tát thì vô tận.

Giới sinh: Là nói gọn có tám thứ, bốn từ thân sinh, bốn từ miệng sinh. Từ thân sinh: Là lia bỏ giết hại, lia bỏ gây khổ não cho chúng sinh, lia bỏ trộm cướp, lia bỏ tà dâm. Từ miệng sinh: Là lia bỏ nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời tán loạn.

Tám thứ giới này từ thọ sinh, là pháp thọ, hoặc dùng thân, hoặc dùng miệng, hay dùng tâm thọ, hòa hợp thành hai mươi bốn thứ, chỉ dạy người khác thọ cũng có hai mươi bốn thứ. Tùy hỷ thọ cũng có hai mươi bốn thứ. Khi tu tập hành trì cũng có hai mươi bốn thứ, tổng cộng thành chín mươi sáu thứ đều hệ thuộc nơi cõi Dục. Từ đây sinh khởi suốt ngày đêm. Vì sao? Vì tâm thọ nhận ban đầu đã diệt, đến tâm thứ hai này thường sinh cả đêm ngày. Dùng phước đức cũng như vậy. Vì sao? Vì tâm bố thí ban đầu đã diệt, theo sau là tâm thứ hai, lúc dụng công mới sinh khởi thường xuyên. Đó gọi là nghiệp thiện của thân. Có thứ thuộc về mười đạo nghiệp thiện, có thứ không thuộc. Hệ thuộc nơi cõi Dục là như thế.

Hệ thuộc nơi cõi Sắc có hai thứ: 1. Từ thân sinh. 2. Từ miệng sinh. Từ thân sinh: Là lia mười đạo bất thiện, là không thuộc về tội. Từ miệng sinh: Là lia bỏ lời nói tán loạn.

Giới này dùng thân thọ, miệng thọ, tâm thọ, hai lần ba là sáu. Giáo hóa người khác cũng sáu, tùy hỷ cũng sáu, khi tu tập cũng sáu, bốn lần sáu là hai mươi bốn, cộng với chín mươi sáu đã nói ở trên là một trăm hai mươi. Như thế là từ hành sinh giới.

Lại có khi chứng đạo sinh giới, khi thoát đạo sinh giới, giới sinh ra khi mới chào đời. Do sự rộng nên ở đây chỉ lược nói.

Giới lực: Là tùy theo Ba-la-mật tăng trưởng, giới chuyên biến được lực, tùy chỗ chứng đắc nơi các địa mà giới cũng được lực kiến cố.

Giới tịnh: Như trước đã nói, là không hủy hoại, khuyết giảm. Lại nữa, tướng của giới tịnh và bất tịnh được nói trong bảy pháp phạm hạnh. Như kinh nói: Do bảy thứ dâm dục gọi là giới không tịnh: 1. Tuy đã đoạn dâm dục nhưng tâm bị nhiễm khi để cho người nữ tắm rửa, xoa. 2. Tâm bị nhiễm do ngửi mùi hương người nữ hay nói cười với họ. 3. Tâm bị nhiễm khi mắt cùng nhìn nhau. 4. Tuy có bị ngăn trách, nhưng tâm bị nhiễm do nghe âm thanh của người nữ. 5. Trước đã cùng nói cười với người nữ, sau đó, tuy đã chia lìa, nhưng vẫn nhớ nghĩ không bỏ. 6. Ngay lúc đó tự hạn chế không dâm dục, nhưng về sau lại hành động. 7. Mong sinh lên cõi trời để thọ lạc cùng thiên nữ, thân sau được giàu sang, thế nên đoạn dâm dục. Đó gọi là bảy thứ bất tịnh. Lìa bỏ bảy sự việc này gọi là giới thanh tịnh.

Giới sai biệt: Có hai thứ: Là hữu lậu và vô lậu. Có ba thứ: Là hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc.

Có bốn thứ: Là chánh mạng gồm sáu thứ chánh ngữ, chánh nghiệp. Chánh mạng không gồm sáu cũng có hai thứ chánh ngữ, chánh nghiệp. *Có năm thứ:* Là giới của phàm phu, giới của Bồ-tát, giới của Thanh văn, giới của Phật-bích-chi, giới của Phật vô thượng.

Có sáu thứ: 1. Thuộc cõi Dục, chánh mạng gồm sáu thân, miệng. 2. Chánh mạng không gồm sáu. 3. Thuộc cõi Sắc, chánh mạng gồm sáu thân nghiệp thân, miệng. 4. Chánh mạng không gồm sáu. 5. Chánh mạng vô lậu gồm sáu thân, miệng. 6. Chánh mạng không gồm sáu.

Có bảy thứ: Là bảy đạo nghiệp thiện. *Có tám thứ:* Là như trước đã nói: Thân bốn thứ, miệng bốn thứ. *Có chín thứ:* Là bảy thứ đạo nghiệp thiện thuộc cõi Dục, hai thứ như trước đã nói. *Có mười thứ:* Là giới đạo có ba thứ, giới đối trị có ba thứ, chỉ là giới có ba thứ, là chín thứ cộng với giới hữu lậu, giới vô lậu là mười.

Như thế là vô số sự phân biệt về chỗ sai biệt của giới.

Hỏi: Trong thừa Thanh văn nói thân nghiệp, khẩu nghiệp gọi là Thi-la. Hai nghiệp thiện này gọi là tốt, hai nghiệp bất thiện gọi là xấu. Nghiệp thân, miệng thiện ấy gọi là Thi-la. Trong Luận này tức dùng đây làm Thi-la hay còn Thi-la nào khác?

Đáp:

*Không chỉ nghiệp thân, miệng
Gọi đó là Thi-la
Tu gần gũi vui hành
Cũng gọi là Thi-la.*

Ba sự việc này là một nghĩa. Đó là tu tập, gần gũi, vui hành.

Hỏi: Nếu cho tu tập, gần gũi, vui hành gọi là Thi-la, thì tất cả pháp đều nên gọi là Thi-la. Vì sao? Vì thường tu tập, gần gũi, vui hành, thế nên nay ông mới nói đến tu tập Thi-la tối thắng.

Đáp:

*Nếu vô ngã, ngã sở
Xa lìa các hý luận
Tất cả không thủ đắc
Gọi là thượng Thi-la.*

Nếu không nhận biết thật tướng của pháp trong, ngoài, tức nhân nơi Thi-la sinh khởi kiêu mạn, tham chấp. Mở ra môn các tội, cho nên hoặc nơi nội pháp không thấy có ngã, ở trong ngoại pháp không có ngã sở. Biết pháp trong, ngoài rốt ráo là không, là vô sở đắc, cũng ở nơi rốt ráo không, không giữ lấy tướng hý luận. Đó gọi là Thi-la tối thượng. Vì sao? Vì trong Thi-la như vậy, hãy còn không có tâm lầm lẫn, huống gì là thân, miệng! Thế nên, chư Phật, Bồ-tát là người khéo hành Thi-la bậc nhất, đối với tất cả pháp không thể thủ đắc, gọi là thượng Thi-la.

Như trong kinh Ca-diếp nói: Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: Thi-la là vô ngã, vô phi ngã, không tạo tác, không chón tạo tác, không

người tạo tác, vô hành, vô bất hành, vô danh, vô sắc, vô tướng, vô vô tướng, phi thiện, phi phi thiện, phi tịch diệt, phi phi tịch diệt, phi thủ phi xả, không chúng sinh, không nhân duyên của chúng sinh, không thân, không miệng, không tâm, không thể gian, không pháp thể gian, không dựa vào thể gian. Không do Thi-la mà tự cao, không do Thi-la mà hạ thấp người, không do Thi-la mà khởi tăng thượng mạn, không do Thi-la mà phân biệt bỉ, thử. Này Ca-diếp! Đó gọi là Thi-la của các Hiền Thánh, lia ba cõi, vô lậu, không bị trói buộc.

Như trong Phẩm Thi-la, Bồ-tát Vô Tận Ý nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Thi-la gọi là không phân biệt là chúng sinh, không nói là ngã, không nói là thọ giả, mạng giả, không nói là người, không nói là người nuôi dạy, không nói là sắc ấm, thọ tướng hành thức ấm, không nói là địa chủng, thủy hỏa phong chủng.

Thi-la gọi là không phân biệt là tướng mắt, không phân biệt là tướng sắc, không phân biệt tướng tai, tướng thanh, tướng mũi, tướng hương, tướng lưỡi, tướng vị, tướng thân, tướng xúc, tướng ý, tướng pháp. Thi-la gọi là không phân biệt là thân, là miệng, là tâm. Thi-la gọi là thâm giữ tâm nên là tướng của một tâm, là lựa chọn các pháp nên là tướng của tuệ.

Thi-la gọi là đến chôn không, đến chôn vô tướng, không xen tạp nơi ba cõi, không tác, không khởi nhân vô sinh. Thi-la gọi là không từ đời trước tới, không đi đến đời sau, cũng không trụ ở khoảng giữa. Thi-la gọi là không trụ, tâm ý thức không cùng với niệm hòa hợp. Thi-la gọi là không nương dựa vào cõi Dục, không nương dựa vào cõi Sắc, không nương dựa vào cõi Vô sắc.

Thi-la gọi là lia tham trần, trừ sân cấu, diệt vô minh tối tăm, không thường, không đoạn, không trái với các tướng duyên sinh. Thi-la gọi là lia tâm ngã, xả tâm ngã sở, không trụ nơi thân kiến. Thi-la gọi là không tham vướng nơi danh, tướng, không hòa hợp với danh sắc.

Thi-la gọi là không bị kiết sử sai khiến, không bị các triền che lấp, không trụ trong chướng ngại của nghi hối. Thi-la gọi là không trụ ở căn bất thiện tham, vượt qua căn bất thiện sân, đoạn dứt căn bất thiện si. Thi-la gọi là không vội gấp, không nóng bức, tâm khinh an, diệu lạc. Thi-la gọi là không đoạn mất chủng tử của chư Phật nên không phá bỏ pháp thân, không phân biệt pháp tánh nên không đoạn chủng tử của pháp, tướng vô vi nên không đoạn chủng tử của Tăng. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Đó gọi là Thi-la vô thượng tối thắng của các Bồ-tát. Thi-la như vậy tức không cùng tận, chỉ trừ Thi-la của Phật, các Thi-la khác đều có cùng tận. Đó là:

*Từ phạm phu
Sau đến Phật-bích-chi
Đều có tướng cùng tận
Bồ-tát thì vô tận.*

Từ phạm phu cho đến Thi-la hiện có, tuy thọ nhận quả báo lâu dài, nhưng rốt cuộc cũng quy về cùng tận. Thi-la hiện có của các A-la-hán, Phật-bích-chi, cũng đều cùng tận. Còn Thi-la của Bồ-tát là không ngã, không ngã sở, xa lìa tất cả sở đắc, diệt trừ hết hý luận, nên không cùng tận. Như Bồ-tát Vô Tận Ý, trong phẩm Thi-la nói: Thi-la của các phạm phu theo xứ sinh hết thì Thi-la cũng hết. Năm thông của ngoại đạo thoái chuyển, lúc chấm dứt thì Thi-la của họ cũng chấm dứt. Mười đạo nghiệp thiện của con người chấm dứt thì Thi-la của con người cũng chấm dứt.

Phước đức của chư Thiên cõi Dục hết thì Thi-la của họ cũng hết. Chư Thiên cõi Sắc với bốn thiên, bốn vô lượng chấm dứt thì Thi-la của chư Thiên cõi ấy cũng chấm dứt. Chư Thiên cõi Vô sắc theo xứ sinh định chấm dứt thì Thi-la của chư Thiên ấy cũng chấm dứt.

Hàng hữu học, vô học, nhập Niết-bàn chấm dứt thì Thi-la của họ cũng chấm dứt. Các Phật-bích-chi do không có tâm đại bi nên Thi-la của họ cũng chấm dứt.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Chỉ có Thi-la của các BỒ-tát là không cùng tận. Vì sao? Vì từ Thi-la của BỒ-tát xuất sinh các Thi-la khác nhau, do nhân vô tận nên quả cũng không cùng tận. Thi-la của BỒ-tát là vô tận nên Thi-la của Như Lai cũng vô tận. Thế nên Thi-la của bậc Đại nhân gọi là vô tận.

Hỏi: Khi ông giải thích sơ lược về Thi-la, nói có sáu mươi lăm loại Thi-la, trong Thanh văn có tám thứ Thi-la, bốn thứ từ thân sinh, bốn thứ từ miệng sinh. Sự việc như vậy há là không chống trái nhau?

Đáp: Không chống trái nhau. Vì sao?

*Tuy không thể Thi-la
Lợi ích nên gọi phần
Tám thứ nghiệp thân, miệng
Tức là thể Thi-la.*

Tuy sáu mươi lăm thứ phần không phải là thể của Thi-la, nhưng tám loại Thi-la thô có nhiều lợi ích cho thân, miệng, nên gọi là phần Thi-la. Phàm cái gì có thể đem lại lợi ích đều gọi là phần, như voi, ngựa, quạt lọng gọi là phần của vua. Thế nên thiên định, trí tuệ v.v... tuy không phải là thể của Thi-la, nhưng vì tạo lợi ích cho Thi-la, nên cũng gọi là phần Thi-la.

Phẩm 32: GIẢI THÍCH VỀ ĐẦU ĐÀ, phần 1

Bồ-tát hành pháp Thi-la như vậy.

*Thấy mười lợi nên mặc
Hai sáu thứ y pháp
Lại do thấy mười lợi
Nên suốt đời khát thực.*

Tỳ-kheo muốn hành đầy đủ phẩm trì giới nên mặc hai mươi sáu thứ y, do thấy rõ mười lợi:

1. Do hổ thẹn.
2. Do ngăn nóng lạnh, muỗi mòng, trùng độc.
3. Do biểu thị pháp nghi của bậc Sa-môn.
4. Hết thầy hàng trời, người khi thấy pháp y đều cung kính, tôn quý như đối với chùa tháp.
5. Do tâm chán lìa nên mặc y nhuộm, không phải tham đẹp.
6. Do tùy thuận pháp vắng lặng, không phải bị phiền não thiêu đốt.
7. Mặc pháp y có điều xấu ác dễ thấy.
8. Do mặc pháp y thì không cần dùng vật khác để trang nghiêm.
9. Do mặc pháp y là tùy thuận tu tập tám Thánh đạo.
10. Do mặc pháp y hoại sắc này nên ta tinh tấn hành đạo, không để tâm bị nhiễm ô dù chỉ trong chốc lát.

Do thấy mười điều lợi ấy nên mặc hai thứ y:

1. Y cư sĩ.
2. Y phẩn tảo.

Sáu loại là:

1. Kiếp bối.
2. Sô-ma.
3. Kiêu-xa-da.
4. Y lông thú.
5. Y bằng gai đỏ.
6. Y bằng gai trắng.

Vì thấy có mười điều lợi nên khát thực suốt đời:

1. Các thứ cần dùng nuôi sống đều do mình, không tùy thuộc người khác.
2. Chúng sinh cho ta ăn, ta khiến họ trụ nơi Tam bảo, sau đó mới ăn.
3. Nếu có người cho ta ăn, nên sinh tâm bi, ta phải siêng năng tinh tấn, khéo giúp họ trụ trong hành bố thí. Chú nguyện vậy xong mới ăn.
4. Tùy thuận hành theo lời Phật dạy.
5. Dễ đầy đủ, dễ nuôi dưỡng.
6. Là pháp hành phá trừ kiêu mạn.
7. Là căn thiện vô kiến đánh.
8. Thấy ta khát thực, người khác tuy có tu tập pháp thiện, cũng sẽ hành như ta.
9. Không có những nhân duyên gì với các nam, nữ lớn nhỏ.
10. Thứ lớp khát thực, nên có tâm bình đẳng đối với chúng sinh, tức là gieo trồng pháp hỗ trợ Nhất thiết chủng trí.

*Phật tuy cho thỉnh thực
Do muốn tự lợi rồi
Cũng lợi ích người khác
Không vậy, không thọ thỉnh.*

Tự lợi: Là có khả năng hành đủ các Ba-la-mật. *Lợi tha:* Là giáo hóa chúng sinh, khiến họ trụ nơi Tam bảo. Hành giả lợi mình, lợi người như vậy.

*Vì thấy có mười lợi
Thường không bỏ nơi vắng
Thưa hỏi và nghe pháp
Giáo hóa cho đến chùa.*

Tỳ-kheo chấp nhận ở chốn A-lan-nhã, tuy làm tăng trưởng vô số công đức, nhưng đây chỉ lược nói là thấy có mười thứ lợi ích, nên suốt đời không từ bỏ chốn A-lan-nhã ấy. *Những gì là mười điều lợi ích?*

1. Đến, đi tự tại.
2. Không có ngã và ngã sở.
3. Tùy ý an trụ, không có chướng ngại.
4. Tâm càng vui thích tu tập trụ xứ A-lan-nhã.
5. Trụ xứ ít dục, ít việc.
6. Không tham tiếc thân mạng, vì đầy đủ công đức.
7. Xa lìa các lời nói huyên não, đông người.
8. Hành các công đức, nhưng không cầu báo đáp.
9. Tùy thuận thiên định dễ được nhất tâm.
10. Trụ nơi xứ trống vắng như vậy, dễ sinh tướng không chướng ngại.

Thăm hỏi các bệnh nhân, đi đến các chùa chữa trị.

*Nếu có nhân duyên gì
Đến ở nơi chùa tháp
Trong tất cả các việc
Không bỏ tướng thanh vắng.*

Tỳ-kheo tuy trọn đời chấp nhận pháp sống chốn A-lan-nhã, nhưng có nhân duyên gì phải đến tá túc nơi chùa tháp thì vẫn cứ đến. Pháp Phật có thông, có ngăn, không như A-lan-nhã của ngoại đạo, nên gọi là xứ thường lạc, thanh vắng, tịch tĩnh.

Tỳ-kheo đối với tất cả pháp không bỏ tướng không, vì thể của các pháp rốt cùng đều là không.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mới đến ở chùa tháp?

Đáp:

1. Vì đưa các người bệnh đến.
2. Vì người bệnh nên xin những thứ thuốc men.
3. Vì người bệnh nên xin đến chăm sóc.
4. Vì người bệnh nên nói pháp.
5. Vì giảng nói pháp cho những Tỳ-kheo khác.
6. Nghe pháp giáo hóa.
7. Vì cung kính cúng dường bậc Đại đức.
8. Vì cung cấp cho Thánh chúng.
9. Vì đọc tụng kinh thâm diệu.
10. Dạy người khác đọc tụng kinh thâm diệu.

Vì những lý do ấy mà đến ở nơi chùa, tháp.

*Tinh tấn hành các giác
Theo pháp A-lan-nhã
Tỳ-kheo đã an trụ
Nơi chốn A-lan-nhã
Luôn nên sinh tinh tấn
Vô số các pháp thiện
Tâm gánh vác vô ngã
Diệt trừ mọi sợ hãi.*

A-lan-nhã tinh tấn: Là nếu Tỳ-kheo đã đoạn dứt tâm tham, không tiếc thân mạng, lợi dưỡng, thì ngày đêm luôn siêng năng tinh tấn tu tập, như cứu lửa cháy đầu, thân nương dựa nơi A-lan-nhã.

Giác: Đó là sinh ra các giác thiện như giác xuất sinh, giác không sân, giác không não hại.

Lại nữa, tưởng nhớ Phật là bậc Chánh Biến Tri, là bậc tôn quý trong chúng sinh. Pháp Phật là nói về thiện, chúng đệ tử tùy thuận hành đúng đắn.

Lại nữa, còn tùy thuận không, tùy thuận vô tướng, tùy thuận vô nguyện. Các giác gọi là giác tùy thuận A-lan-nhã.

Lại nữa, còn tùy thuận giác bốn thắng xứ, tùy thuận các giác sáu Ba-la-mật. Đó gọi là giác tùy thuận A-lan-nhã.

Lại nữa, Phật giảng nói hạnh của Bồ-tát xuất gia, tại gia cho trưởng giả Úc-già: Nếu Bồ-tát xuất gia nên thọ nhận pháp A-lan-nhã, suy nghĩ như vậy: Vì sao ta trụ nơi A-lan-nhã? Không phải ta chỉ trụ nơi A-lan-nhã nên gọi là Sa-môn, mà ở chốn A-lan-nhã có nhiều chúng sinh xấu ác bất thiện, không giữ gìn các căn, không tinh tấn, không tu tập pháp thiện, chỉ như nai hươu, như khỉ vượn, như chim chóc, như Chiên-đà-la thấp kém, không thể gọi là Tỳ-kheo. Nay do sự việc gì mà ta trụ nơi xứ A-lan-nhã? Nên xác định đầy đủ về sự việc ấy. Nay trưởng giả! *Đó là những sự việc:*

1. Niệm không tán loạn.
2. Được các Đà-la-ni.
3. Hành tâm từ.
4. Hành tâm bi.
5. Năm thân thông tự tại an trụ.
6. Đầy đủ sáu Ba-la-mật.
7. Không bỏ tâm Nhất thiết trí.
8. Tu tập trí phương tiện.
9. Thâu giữ các chúng sinh.
10. Thành tựu chúng sinh.
11. Không bỏ bốn Nhiếp pháp.
12. Thường nhớ nghĩ đến sáu tư niệm.
13. Vì đa văn nên không bỏ tinh tấn.
14. Chánh quán, lựa chọn các pháp.

15. Ứng hợp chánh giải thoát.
16. Biết được quả.
17. Trụ nơi chánh vị.
18. Giữ gìn pháp Phật.
19. Tin quả báo của nghiệp nên gọi là chánh kiến.
20. Lìa bỏ tất cả suy nghĩ, nhớ tưởng, phân biệt, nên gọi là chánh tư duy.
21. Tùy theo chỗ tin, ưa của chúng sinh mà giảng nói pháp, gọi là chánh ngữ.
22. Diệt trừ các nghiệp nên sinh khởi nghiệp gọi là chánh nghiệp.
23. Phá bỏ tập khí phiền não gọi là chánh mạng.
24. Được đạo vô thượng nên gọi là chánh tinh tấn.
25. Quán pháp không hư vọng nên gọi là chánh niệm.
26. Vì được tất cả trí tuệ nên gọi chánh định.
27. Không sợ nơi không.
28. Không sợ nơi vô tướng.
29. Không chìm mất nơi vô nguyện.
30. Nên dùng trí khi thọ thân.
31. Nương dựa vào nghĩa, không nương dựa vào lời.
32. Nương dựa vào trí, không nương dựa vào thức.
33. Nương dựa vào kinh liễu nghĩa, không nương dựa vào kinh không liễu nghĩa.
34. Nương dựa vào pháp, không nương dựa vào người.

Này Trưởng giả! Những thứ như thế gọi là các sự việc tạo lợi ích của Bồ-tát, Tỳ-kheo xuất gia nên sinh khởi.

Tùy thuận pháp A-lan-nhã: Đó là bốn thiên, bốn tâm vô lượng, các thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí v.v...

Diệt trừ mọi sợ hãi: Là người này dựa vào ba nhân duyên nên có thể diệt sợ hãi: 1. Thấy rõ tướng của pháp không có ngã, ngã sở, nên có thể trừ bỏ mọi sợ hãi. 2. Do có sức mạnh của phương tiện. 3. Do có tâm lực gánh vác nên có thể trừ bỏ được sợ hãi.

Thấy không có ngã, ngã sở: Như đã nói trong Địa thứ nhất, về sức phương tiện để trừ bỏ năm thứ sợ hãi.

Trong phần Luận này, gọi là sức phương tiện tức là niệm, chánh tư duy về quả báo của nghiệp. Nên suy nghĩ như vậy: Các vua nước lớn ở trong chốn cung điện rộng lớn được hầu hạ bảo vệ với bốn binh voi, ngựa, xe, bộ, nhưng khi nhân duyên của nghiệp đã hết thì cũng thọ nhận vô số sự suy não. Lại, nếu nhân duyên của nghiệp được giữ gìn thì tuy đi trong đường nguy hiểm, ra biển cả, giữa chiến trận, cũng được an ổn không lo lắng. Nhân duyên của nghiệp nơi kiếp trước của ta hoặc ở tại xóm làng, hoặc ở nơi A-lan-nhã, theo nhân duyên ấy tất nhận lấy quả báo. Suy nghĩ như vậy rồi nên diệt trừ hết mọi sợ hãi.

Lại suy nghĩ như vậy: Nếu ta vì giữ gìn thân, thì khi đi vào thành ấp, xóm làng, bỏ xứ A-lan-nhã, thì ta không thể hơn được người giữ gìn nghiệp thiện của thân, nghiệp thiện của miệng, nghiệp thiện của ý. Như Phật nói với vua Ba-tư-nặc: Nếu người hành nghiệp thiện của thân, hành nghiệp thiện của miệng, hành nghiệp thiện của ý, thì đó gọi là người khéo tự hộ trì. Người ấy nếu nói: Tôi khéo tự hộ trì, thì đó là lời nói thật. Nay đại vương! Người ấy tuy không có bốn binh hộ vệ, nhưng cũng có thể gọi là khéo tự hộ vệ tốt nhất. Vì sao? Vì sự hộ vệ như vậy gọi là sự giữ gìn bên trong, không phải sự giữ gìn bên ngoài. Cho nên ta cho người hành nghiệp thiện của thân, hành nghiệp thiện của miệng, hành nghiệp thiện của ý, thì gọi người ấy là khéo tự giữ gìn.

Lại suy nghĩ như vậy: Ở nơi A-lan-nhã này, những thứ chim, thú, loài bò sát v.v..., chúng không có hành thiện của thân, không có hành thiện của miệng, không có hành thiện của ý, nhưng do ở cách xa xóm làng nên chúng không sợ hãi. Tâm trí của ta, há lại không bằng các thứ chim thú ấy sao? Suy nghĩ như vậy nên trừ bỏ được mọi sợ hãi.

Lại nữa, do nhớ nghĩ đến Phật, nên ở nơi A-lan-nhã có thể phá trừ hết thảy mọi việc sợ hãi. Như kinh nói: “Tỳ-kheo các ông ở nơi A-lan-nhã, hoặc ở nơi gốc cây, hoặc ở nơi nhà trống vắng sinh sợ hãi, ngắt xiêu, rợn tóc gáy, thì nên nghĩ: Ta là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”. Khi suy nghĩ như vậy thì mọi sợ hãi liền diệt.

Người không sợ hãi là người tâm không khiếp nhược, quyết định cầu đạo, như kệ nói:

*Tỳ-kheo trụ thanh vắng
Nên dùng tâm lực đảm
Trừ diệt các sợ hãi
Niệm Phật không còn sợ.
Nếu người tự khởi nghiệp
Sợ hãi không được thoát
Không sợ cũng không thoát
Sợ tức mất chánh lợi.
Biết khó tránh như vậy
Mà phá lợi ích khác
Tức hành việc tiểu nhân
Tỳ-kheo không nên làm.
Nếu có điều sợ hãi
Nên sợ nơi sinh tử
Tất cả những sợ hãi
Sinh tử đều là nhân.*

*Thế nên người hành đạo
Muốn thoát khỏi sinh tử
Cũng cứu giúp người khác
Không nên sinh sợ hãi.*

Như trong Kinh Phật Ly Bồ Úy nói: Về pháp sợ hãi, như có Sa-môn, Bà-la-môn ở nơi A-lan-nhã nên suy nghĩ như vậy: Do nghiệp thân bất thiện, nghiệp khẩu bất thiện, nghiệp ý bất thiện, niệm không thanh tịnh, xem mình là cao khinh thường người khác, tâm lười biếng, tưởng nhớ vọng động, tâm không định, ngu tối, nên sinh sợ hãi. Trái lại, nghiệp thân thanh tịnh v.v... thì không còn sợ hãi.

Lại nữa, Phật vì Trưởng giả Úc-già giảng nói: Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã nên nghĩ như vậy: Ta vì sao lại ở nơi đây? Tức thời tự biết, vì muốn lìa sợ hãi, nên mới đến nơi này. Sợ hãi cái gì? Là sợ những sự ồn ào, sợ các thứ nói năng. Sợ tham dục, sân hận, ngu si. Sợ kiêu mạn, tức giận, ganh ghét người khác được lợi dưỡng. Sợ sắc thanh hương vị xúc. Sợ ma năm ám, sợ những sự ngu tối làm chướng ngại. Sợ nói không phải lúc, sợ không thấy nói thấy, sợ không nghe nói nghe, sợ không biết nói biết, sợ không hiểu nói hiểu. Sợ những Sa-môn cầu uế. Sợ phải ở chung với kẻ mình ghét. Sợ phải sinh vào những xứ của cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Sợ phải rơi vào nẻo ác như đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cùng các xứ nạn.

Nói tóm lại là sợ tất cả pháp ác, bất thiện, do vậy nên đến ở nơi A-lan-nhã. Nếu người tại gia ưa thích đời sống ồn ào, không tu tập đạo, trụ nơi những niệm tà, thì không thể lìa được những sợ hãi như thế. Có các Bồ-tát quá khứ đều sống nơi xứ A-lan-nhã, lìa các sợ hãi, được xứ không sợ hãi, được hết thảy trí tuệ. Tất cả chư Bồ-tát nơi đương lai cũng đều ở nơi xứ A-lan-nhã, lìa mọi sợ hãi, được tất cả trí tuệ. Chư Bồ-tát hiện tại cũng trụ nơi chốn A-lan-nhã, lìa mọi sợ hãi, được xứ không sợ hãi, nên thành tựu tất cả trí tuệ. Do vậy, ta sợ hãi hết thảy các pháp ác, vượt qua mọi thứ sợ hãi, nên trụ nơi xứ A-lan-nhã.

Lại nữa, tất cả mọi sợ hãi đều phát sinh từ sự chấp vương nơi ngã, tham đắm vào ngã, yêu mến ngã, nhận lấy ngã, phát sinh ngã tưởng, ngã kiến, tôn quý ngã, phân biệt về ngã, bảo vệ ngã. Nếu Bồ-tát không xả bỏ sự tham đắm về ngã, thì khi trụ nơi xứ A-lan-nhã, hoàn toàn không đạt được lợi ích gì.

Lại nữa, nếu trưởng giả thấy có pháp sở đắc thì không trụ nơi xứ A-lan-nhã. Những người trụ nơi ngã và ngã sở, thì không thể trụ nơi xứ A-lan-nhã. Người trụ nơi điền đảo, thì không thể trụ nơi xứ A-lan-nhã. Này trưởng giả! Cho đến sinh khởi tưởng về Niết-bàn hãy còn không thể trụ nơi xứ A-lan-nhã, huống chi là sinh khởi tưởng phiền não. Này trưởng giả! Ví như cỏ cây nơi xứ A-lan-nhã, chúng không có chút kinh sợ. Bồ-tát cũng như vậy, sống nơi xứ A-lan-nhã nên sinh tưởng cỏ cây, tưởng ngôi đá, tưởng bóng trong nước, tưởng hình trong gương. Đối với lời nói, nên sinh tưởng tiếng vang, đối với tâm nên sinh tưởng huyễn hóa. Như vậy, ở trong ấy, ai là sợ hãi, sợ hãi cái gì? Bấy giờ, Bồ-tát tức chánh quán nơi thân, thấy không có ngã, ngã sở, không có chúng sinh, không có thọ giả, mạng giả, không có người nuôi dưỡng, không có nam nữ, không có người biết, không có kẻ thấy. Sợ hãi chính là phân biệt hư vọng, ta tức không nên thuận theo sự phân biệt hư vọng đó. Trụ nơi xứ A-lan-nhã, Bồ-tát nên xem mình như cỏ cây, lại nhận biết hết thấy pháp đều cũng như vậy. Hiểu rõ, đoạn dứt mọi sự tranh chấp, gọi là xứ A-lan-nhã. Không có ngã, không có ngã sở, không có chốn hệ thuộc, gọi là xứ A-lan-nhã. Do vậy, không nên vui thích chúng tại gia, xuất gia trụ nơi xứ ồn ào, náo nhiệt. Chư Phật không cho Tỳ-kheo sống nơi xứ A-lan-nhã cùng với người xuất gia, tại gia hòa hợp.

Hỏi: Phật không cho phép cùng với tất cả mọi người hòa hợp chẳng?

Đáp: Không phải vậy.

*Phật cho bốn hòa hợp
Loại khác thì không cho*

*Do vậy nên gần gũi
Loại khác, nên xa lìa.*

Bồ-tát sống nơi xứ A-lan-nhã được phép hòa hợp với bốn chúng. Đó là những việc nhập chúng nghe pháp, giáo hóa chúng sinh, cúng dường chư Phật, tâm không lìa khỏi Nhất thiết trí, là được hòa hợp. Cho nên chỉ cho phép hòa hợp với bốn sự việc ấy, còn người khác thì không nên gần gũi.

Lại nữa, Bồ-tát nên nghĩ như vậy: Vì sao chư Phật cho phép ta trụ nơi xứ A-lan-nhã? Ta nên gần gũi nơi đó. Có khi nơi ta ở không phải là A-lan-nhã mà cho là A-lan-nhã, hoặc có sự lầm lẫn chằng?

Hỏi: Những gì là trụ xứ A-lan-nhã, Bồ-tát phải biết?

Đáp: Trụ xứ A-lan-nhã do Phật nói đến trong kinh, nghĩa là không trụ vào tất cả các pháp, không duyên nơi các trần, không chấp giữ tướng của tất cả pháp, không tham nơi sắc thanh hương vị xúc, quán tất cả pháp đều bình đẳng, không có nơi chôn nương dựa trụ chấp, gọi là trụ xứ A-lan-nhã.

Do tự tâm thiện, không trái ngược với trụ xứ gọi là trụ A-lan-nhã. Bỏ tất cả gánh nặng, trụ nơi khinh an an lạc gọi là trụ A-lan-nhã. Thoát khỏi tất cả phiền não, không trụ nơi sự sợ hãi, gọi là trụ A-lan-nhã.

Vượt qua các dòng chảy được an trụ gọi là trụ A-lan-nhã. Trụ vào Thánh chủng gọi là trụ A-lan-nhã. Đạt được chỗ sâu xa của tri túc gọi là trụ A-lan-nhã. Sống với thiếu dục dễ đầy đủ, dễ nuôi dưỡng gọi là trụ A-lan-nhã. Sống với trí tuệ đầy đủ gọi là trụ A-lan-nhã. Sống với chánh hạnh, đa văn gọi là trụ A-lan-nhã. Ba môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện luôn hiện tiền gọi là trụ A-lan-nhã. Sống với sự đoạn trừ trói buộc, được giải thoát, gọi là trụ A-lan-nhã. Sống tùy thuận nơi mười hai nhân duyên gọi là trụ A-lan-nhã. Sống với sự vắng lặng hoàn toàn, mọi việc đã làm xong, gọi là trụ A-lan-nhã.

Trụ xứ A-lan-nhã là tùy thuận nơi phẩm giới, hỗ trợ phẩm định, được lợi ích nơi phẩm tuệ, dễ thành tựu phẩm giải thoát, dễ đạt được phẩm giải thoát tri kiến, dễ hành các pháp trợ Bồ-đề, có thể thâm giữ các công đức Đầu-đà.

Trụ xứ A-lan-nhã thông đạt các đế. Xứ A-lan-nhã thấy biết các âm. Xứ A-lan-nhã thấy các tánh đồng là pháp tánh. Xứ A-lan-nhã lìa khỏi mười hai nhập. Xứ A-lan-nhã không quên mất tâm Bồ-đề. Xứ A-lan-nhã quán không chẳng sợ hãi. Xứ A-lan-nhã có khả năng hộ trì pháp Phật. Xứ A-lan-nhã người cầu giải thoát không mất công đức. Xứ A-lan-nhã có khả năng chứng được Nhất thiết trí, tức có thể làm tăng ích cho xứ A-lan-nhã. Bồ-tát hành như vậy, mau chóng đạt được đủ sáu Độ. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát sống nơi A-lan-nhã, không tham tiếc thân mạng, đó gọi là hành bổ thí Ba-la-mật. Ba thứ nghiệp thiện thanh tịnh, hành pháp Đầu-đà vi tế, đó gọi là Trì giới Ba-la-mật. Không có tâm giận dữ đối với các chúng sinh, tâm từ hiện bày khắp, chỉ vui thích thừa Nhất thiết trí, không vui nơi thừa khác, đó gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Tự lập thế nguyện luôn ở nơi A-lan-nhã, chưa chứng được chánh pháp thì trọn đời không rời khỏi xứ ấy, đó gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Do được thiên định nên không quán xứ sinh, tu tập căn thiện, đó gọi là Thiên Ba-la-mật. Như thân A-lan-nhã cũng như vậy, như thân Bồ-đề cũng như vậy, trong như thật không có sai biệt, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

*Phật cho phép bốn pháp
Trụ nơi A-lan-nhã.*

Những gì là bốn pháp? Như Đức Phật bảo Trưởng giả:

1. Đa văn.
2. Khéo nhận biết nghĩa quyết định.
3. Vui thích tu tập chánh niệm.
4. Tùy thuận hành như đã nói.

Người như thế nên trụ nơi xứ A-lan-nhã.

Lại nữa, có những Bồ-tát phiền não còn sâu dày, người này nếu ở những nơi chốn náo nhiệt thì dễ sinh phiền não, nên trụ nơi xứ A-lan-nhã để hàng phục các phiền não.

Lại nữa, Bồ-tát được năm thần thông, người này muốn giáo hóa, thành tựu các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, cũng nên trụ nơi xứ A-lan-nhã.

Lại nữa, có Bồ-tát nghĩ như vậy: Nơi chốn được chư Phật khen ngợi và cho phép chính là xứ A-lan-nhã.

Lại nữa, trụ nơi xứ A-lan-nhã thì hỗ trợ, làm viên mãn tất cả pháp thiện, căn thiện tăng trưởng, sau đó mới đi vào xóm làng giảng nói pháp, giáo hóa chúng sinh. Thành tựu những công đức như vậy nên mới có thể trụ nơi xứ A-lan-nhã.

Lại nữa:

Trong Kinh Quyết Định Vương

Phật vì A-nan, nói:

Tỳ-kheo A-lan-nhã

Nên trụ bốn, bốn pháp.

Bồ-tát trụ nơi xứ A-lan-nhã phải:

1. Xa lìa người tại gia, xuất gia.
2. Muốn đọc tụng kinh thâm diệu.
3. Dẫn dắt chúng sinh khiến họ được công đức của xứ A-lan-nhã.
4. Đêm ngày không lìa niệm Phật.

Lại có bốn pháp:

1. Không sinh tâm giận dữ đối với chúng sinh, cho dù chỉ trong khoảnh khắc.

2. Không nên trong khoảnh khắc nào đó khiến thù miên che lấp tâm.

3. Không nên sinh khởi tưởng chúng sinh, dù chỉ trong khoảnh khắc.

4. Không được quên mất tâm Bồ-đề, dù chỉ trong khoảnh khắc.

Lại có bốn pháp:

1. Thường phải an tọa nơi thanh vắng, không ở nơi tụ tập đông đảo.

2. Thường vui thích kinh hành.

3. Không có tưởng mới, cũ khi quán các pháp.

4. Không nên lìa khỏi sự thâm diệu nơi ba pháp không, vô tướng, vô nguyện.

Lại có bốn pháp:

1. Hành bốn thiền, không hành thiền thế gian. Hành bốn tâm vô lượng, duyên nơi chúng sinh, sinh tâm bi nhưng không giữ lấy tướng chúng sinh.

2. Tuy hành tâm từ nhưng không duyên nơi chúng sinh. Tuy hành tâm hỷ, nhưng không tham an lạc. Tuy hành tâm xả, nhưng không bỏ chúng sinh.

3. Tự thấy nơi thân có bốn hành Thánh chủng, nhưng không tự cao, khinh thường người khác.

4. Tự hành đa văn, hành theo những gì đã nghe hiểu.

Lại nữa:

*Không trí, không tinh tấn
Mà trụ xứ thanh vắng
Tức phạm phải bốn pháp
Còn phạm bốn pháp khác*

*Lại phạm vào ba việc
Phật đã nói như thế.*

Tỳ-kheo A-lan-nhã đối với các công đức phải siêng năng tu tập. Vì sao? Vì trong công đức A-lan-nhã, hai sự việc ấy có khả năng phát sinh các công đức. Nếu Tỳ-kheo ngu tối, biếng trễ ở nơi xứ A-lan-nhã thì phạm bốn thứ phi pháp là: 1. Ngủ nghỉ nhiều. 2. Tham nhiều lợi dưỡng. 3. Dùng nhiều nhân duyên để hiện bày tướng kỳ dị. 4. Hiện rõ tướng không ưa thích sống nơi xứ A-lan-nhã.

Lại có bốn pháp:

1. Tăng thượng mạn, chưa chứng đắc nói là chứng đắc.
2. Đối với kinh thâm diệu, tâm thường ghét bỏ.
3. Hủy hoại pháp không, vô tướng, vô nguyện.
4. Khởi tâm giận ghét người hành trì kinh sâu xa.

Lại có ba việc:

1. Ở nơi xứ A-lan-nhã không tinh tấn, không trí tuệ, có khi gặp người nữ, lại rơi vào phi pháp.
2. Hoặc phạm Tăng-tàn, hoặc phạm tội nặng.
3. Hoặc bỏ giới, hoàn tục.

Lại nữa:

*Nói rộng pháp thanh vắng
Cùng với pháp khát thực
Ngoài mười đức đầu-đà
Đều cũng nên nói rộng.*

Mười hai pháp đầu-đà, trên đây đã giải thích rộng hai pháp. Mười công đức đầu-đà còn lại cũng nên nhận biết như thế. Vì sao? Vì hai pháp ấy (Ở A-lan-nhã, khát thực) là mở ra mười môn Đầu-đà, phần còn lại tức dễ hiểu.

1. Mặc y phân tảo.
2. Ngồi ăn một lần.
3. Thường ngồi một mình.
4. Sau bữa ăn ngộ không nhận các thức uống phi thời.
5. Chỉ có ba y.
6. Y mềm.
7. Tùy nơi trái tòa ngồi.
8. Ở bên cội cây.
9. Ở chỗ đất trống trải.
10. Ở nơi bãi tha ma.

Y phân tảo: Là những mảnh vải gói tử thi, đã vất bỏ, lượm về may thành y mà mặc. Nhận là tâm sinh, hoặc miệng nói.

Ngồi ăn một lần: Là trước đã nhận thức ăn nơi nào rồi, sau đó không được nhận thêm nữa.

Thường ngồi: Là đêm cũng không nằm.

Sau bữa ngộ không nhận các thức uống phi thời: Là sau bữa ăn, không nhận thức uống phi thời. Các vật như đường phèn v.v... thì có thể ăn.

Chỉ có ba y: Là chỉ nhận ba y, không có y dư khác để dành.

Y mềm: Là từ lông thú mềm, lông thô xấu dệt thành y, như y Yết-chiên-khâm-bà-la.

Tùy nơi trái tòa ngồi: Là xem nơi nào ngồi được thì ngồi không khiến người khác dậy nhường chỗ cho mình.

Ở bên cội cây: Là vui thích ở bên cội cây, không ở nơi bị che khuất.

Ở chỗ đất trống: Là ở chỗ đất trống không.

Ở nơi bãi tha ma: Là thuận theo tâm chán lìa, thường ngủ đêm ở bãi tha ma.

Đó gọi là mười hai hạnh Đầu-đà khiến cho giới thanh tịnh.

Mặc y phẩn tảo có mười điều lợi:

1. Không dùng y này thì lẫn lộn với người tại gia.
2. Không dùng y này thì hiện bày tướng cầu xin y.
3. Cũng không có phương tiện để nói về tướng có được y.
4. Dùng y này nên không phải đi bốn phương cầu xin.
5. Nếu không được y thì cũng không lo buồn.
6. Nếu được y cũng không vui mừng.
7. Y phẩn tảo là loại vật thô kém để có được nên không mắc lỗi lầm.
8. Thuận với hành lúc đầu nhận bốn pháp y.
9. Y phẩn tảo được nhập vào loại y thô xấu.
10. Y phẩn tảo không bị người tham chấp.

Ngồi ăn một lần cũng có mười điều lợi:

1. Không có sự mệt nhọc vì phải xin lần thứ hai.
2. Ăn nhẹ nhàng vì nhận ít.
3. Không phải vất vả do sự cần dùng.
4. Trước khi ăn, không mệt mỏi.
5. Nhập vào pháp hành thực tinh tế.
6. Sau khi ăn, thức ăn dễ tiêu hóa.
7. Ít bị trở ngại, lo lắng.
8. Ít bệnh tật.
9. Thân thể nhẹ nhàng.
10. Thân được nhiều an lạc.

Thường ngồi một mình cũng có mười điều lợi:

1. Không tham sự vui thích của thân.

2. Không tham thích sự ngủ nghỉ.
3. Không tham thích các đồ nằm.
4. Không nằm nên không bị khổ vì hông phải dính nơi chiếu.
5. Không theo sự tham muốn của thân.
6. Dễ cho việc tọa thiền.
7. Dễ đọc, tụng kinh.
8. Ít ngủ nghỉ.
9. Thân nhẹ dễ đứng dậy.
10. Ít để tâm mong cầu y phục, đồ nằm.

Sau bữa ngộ không nhận các thức uống phi thời cũng có mười điều lợi:

1. Không ăn nhiều.
2. Không bội thực.
3. Không tham các thức ăn ngon.
4. Giảm thiểu sự mong muốn.
5. Ít bị trở ngại, bực bội.
6. Ít bệnh tật.
7. Dễ đầy đủ.
8. Dễ nuôi.
9. Tri túc.
10. Thân không mỏi mệt khi tọa thiền, tụng kinh.

Chỉ có ba y cũng có mười điều lợi:

1. Không vất vả phải nhận gì thêm ngoài ba y.
2. Không khổ nhọc vì phải lo giữ gìn.
3. Ít vật dụng cất chứa.
4. Chỉ những thứ đang mặc trên thân là đủ rồi.

5. Giới hạnh tinh tế.
6. Việc đi lại không rườm rà.
7. Thân thể nhẹ nhàng.
8. Tùy thuận nơi trụ xứ A-lan-nhã.
9. Không luyến tiếc những chốn đã ở.
10. Luôn tùy thuận hành đạo nghiệp.

Nhận y thô bằng lông thú mềm cũng có mười điều lợi:

1. Thuộc loại y thô xấu.
2. Ít điều cầu xin.
3. Tùy ý ngồi đâu cũng được.
4. Tùy ý có thể nằm.
5. Giặt giữ dễ dàng.
6. Lúc nhuộm cũng dễ.
7. Ít bị mối mọt cắn phá.
8. Khó rách.
9. Lại không nhận y khác.
10. Không làm mất tâm cầu đạo.

Tùy nơi trải tọa cụ ngồi cũng có mười điều lợi:

1. Không phải khổ nhọc tìm Tinh xá tốt để ở.
2. Không vất vả đi tìm đồ nằm ngồi tốt.
3. Không gây phiền hà cho bậc Thượng tọa.
4. Không gây lo lắng cho bậc Hạ tọa.
5. Thiếu dục.
6. Ít việc.
7. Theo chỗ có được mà dùng.
8. Ít dùng thì ít bận rộn.

9. Không tạo nên sự tranh cãi.

10. Không chiếm lấy đồ dùng của người khác.

Ngồi bên gốc cây cũng có mười điều lợi:

1. Không mệt nhọc do phải tìm phòng xá.

2. Không mệt nhọc do phải tìm đồ nằm ngồi.

3. Không mệt nhọc do phải tìm nơi ưa chuộng.

4. Không mệt nhọc do phải nhận đồ dùng.

5. Không quan tâm vào những tên gọi.

6. Không có chuyện gây tranh chấp.

7. Tùy thuận bốn pháp y.

8. Ít và dễ được, nên không mắc lỗi lầm.

9. Tùy thuận tu đạo.

10. Không có nhiều người đến làm rầy.

Ở nơi bãi tha ma cũng có mười điều lợi:

1. Thường được tưởng vô thường.

2. Thường được tưởng chết chóc.

3. Thường được tưởng bất tịnh.

4. Thường được tưởng hết thảy ở thế gian không có gì đáng vui.

5. Thường được xa lìa những người mình yêu mến.

6. Thường được tâm bi.

7. Xa lìa những thú đùa cợt.

8. Tâm thường chán lìa.

9. Siêng hành tinh tấn.

10. Có thể trừ bỏ mọi sợ hãi.

Ở chỗ đất trống cũng có mười điều lợi:

1. Không cần tìm nơi gốc cây.

2. Xa lia sở hữu của ngã.
3. Không có tranh tụng.
4. Nếu đến nơi khác cũng không luyện tiếc.
5. Ít đùa cợt.
6. Có khả năng chịu đựng gió mưa, nóng lạnh, ruồi muỗi, trùng độc.
7. Không bị các thứ âm thanh làm rối loạn.
8. Không khiến chúng sinh phiền giận.
9. Tự mình cũng không có gì buồn giận.
10. Không có nhiều người đến quấy nhiễu.

HẾT - QUYỂN 16

LUẬN THẬP TRỤ TỖ BÀ SA

QUYÊN 17

Phẩm 32: GIẢI THÍCH VỀ ĐẦU ĐÀ, phần 2

*Như nói năm thanh vắng
 Công đức khác cũng thế
 Tự đọc tụng, dạy người
 Được bỏ xứ thanh vắng.*

Tỳ-kheo A-lan-nhã có năm thứ phân biệt:

1. Dùng ý xấu để mong cầu lợi dưỡng.
2. Ngu tối độn căn nên hành nơi A-lan-nhã.
3. Người cuồng si mất ý nên hành nơi A-lan-nhã.
4. Vì hành hạnh Đầu-đà nên hành nơi A-lan-nhã.
5. Vì được chư Phật, Bồ-tát, các Hiền Thánh khen ngợi nên hành nơi A-lan-nhã.

Trong năm thứ A-lan-nhã ấy thì hai hành bốn và năm là hai hành thiện, còn ba thứ trước là đáng quở trách.

Như năm thứ phân biệt về pháp A-lan-nhã, mười một hạnh Đầu-đà còn lại cũng nên phân biệt, nhận biết như vậy.

Hỏi: Phật nói: Nếu đã thọ nhận pháp A-lan-nhã thì chung cuộc không nên bỏ, nhưng nếu có nhân duyên gì đó có thể bỏ chăng?

Đáp:

*Nhân duyên đọc tụng kinh
Được bỏ A-lan-nhã.*

Nếu Tỳ-kheo muốn theo người khác đọc tụng, thọ trì kinh pháp, hoặc muốn dạy người khác đọc tụng kinh pháp thì Tỳ-kheo nên từ nơi A-lan-nhã đi đến chùa tháp. Do nhân duyên ấy nên có thể rời khỏi A-lan-nhã.

*Khi dạy người đọc tụng
Không nên mong cúng dường
Túc thì nên niệm Phật
Phật luôn có việc làm.*

Từ nơi A-lan-nhã thanh vắng đi giáo hóa người đọc tụng kinh pháp, không nên cầu mong tâm cung kính cúng dường, phải nên niệm Phật. Phật hãy còn có những việc làm hưởng gì là ta.

Niệm Phật: Phật là Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài được chư Thiên, Long, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích đề hoàn nhân, Tứ Thiên vương, Nhân, Phi nhân cúng dường. Ngài là phước điền vô thượng của hết thảy chúng sinh, hãy còn không cầu người khác cúng dường, thân tự làm việc: Ta nay chưa có được những sự nhận biết, chỉ là người mới cầu học, thì sao lại thọ nhận người khác cúng dường? Lại nên suy nghĩ như vậy:

*Ta nên khéo cúng dường
Tất cả các chúng sinh
Không mong họ cúng dường
Vì tự lợi, lợi tha.*

Thế nào là tự lợi? Nếu ta chuộng việc được cúng dường thì mất công đức của pháp thí. Nếu không chuộng việc được cúng dường thì được công đức của pháp thí. Đó gọi là tự lợi.

Thế nào là lợi tha? Nếu khi chỉ dạy người khác đọc tụng kinh pháp mà trông mong được cúng dường thì người kia tức sinh niệm: Ông thầy này chỉ dạy ta, không phải vì pháp mà là vì những lợi lạc ở đời. Người kia do tâm ý đó cúng dường cho thầy tức không được lợi ích lớn. Nhưng nếu người ấy cúng dường với tâm cung kính pháp, tôn kính thầy, tức được lợi ích lớn. Đó gọi là lợi tha.

*Theo người cầu trí tuệ
Không nên tiếc thân mạng.*

Nếu hành giả muốn theo người để cầu trí tuệ thì nên xả bỏ thân mạng. Xả bỏ là do muốn được trí tuệ, nên tâm siêng năng tinh tấn cung kính nơi thầy, không tiếc thân mạng.

Hỏi: Tại sao vì trí tuệ nên cung kính thầy, không tiếc đến thân mạng?

Đáp:

*Học một chữ một tâm
Lấy đó làm số kiếp
Ở bên thầy cung kính
Luận này có thể nói.
Lià bỏ tâm dua nịnh
Thâm ái kính cúng dường
Đêm ngày không dừng nghỉ
Từng ấy kiếp cũng vậy.*

Theo chỗ chỉ dạy luận bàn của thầy, đệ tử cùng với từng ấy tâm niệm đề ghi nhớ cả về số chữ. Người lãnh nhận pháp, tâm không dua nịnh, quanh co, không tiếc thân mạng, ngày đêm cung kính, trước sau không khác. Tuy khéo làm như thế, cũng còn chưa báo hết ơn về những luận bàn, trí tuệ mà thầy đã trao cho. Do vậy, đệ tử phải lià bỏ tâm dua nịnh, quanh co, không tham tiếc thân mạng, phá bỏ kiêu mạn. Nếu bị thầy khinh thường vẫn giữ tâm ái kính không đổi. Nên

sinh tâm kính mến sâu xa, sinh tâm cung kính bậc nhất. Nên sinh tâm như cha mẹ. Nên sinh tâm là bậc Đại sư. Nên sinh tưởng là bậc tri thức thiện. Nên sinh tưởng có thể làm được việc khó. Nên sinh tâm khó báo đáp. Thầy chỉ dạy những gì thì nhận lãnh và thường làm theo. Có những việc thầy không bảo, nhưng cũng phải biết ý để làm theo. Những gì thầy trân trọng, yêu mến, cũng phải theo đó để yêu mến, kính trọng. Không nên lợi dụng thầy để mong cầu lợi lạc ở đời. Chớ mong cầu thầy khen ngợi, chớ mong tiếng tốt lan xa, chỉ cầu pháp báu trí tuệ. Thầy có những sai sót thường nên ẩn giấu. Nếu lỗi thầy lộ rõ nên tìm phương tiện để che giấu. Thầy có công đức nên khen ngợi và lưu truyền, thâm tâm kính mến, lắng nghe, vâng giữ, lãnh hội. Suy nghĩ về nghĩa lý sâu xa, hành trì như lời thầy. Cầu lợi mình, lợi người: Chớ làm hạng đệ tử lỗi lầm, chớ làm hạng đệ tử bị nạn, chớ làm hạng đệ tử cầu uế, chớ làm hạng đệ tử suy tổn, chớ làm hạng đệ tử vô ích. Không có những lỗi lầm như thế, chỉ trụ trong pháp đệ tử thiện cúng dường nơi thầy.

Như trong Kinh Ban Chu nói: “Phật bảo Bạt-đà-bà-la: Nếu Bồ-tát muốn được Tam-muội này, tức phải siêng năng tinh tấn, ở tại trụ xứ của thầy nên sinh tâm tôn trọng, sinh tâm khó gặp. Được nghe pháp từ miệng thầy giảng nói, hoặc được trao kinh sách học, tụng, đối với bậc thầy này, thâm tâm hết sức cung kính, sinh tâm như cha mẹ, sinh tâm tri thức thiện, sinh tâm là bậc Đại sư, do có khả năng giảng nói pháp trợ Bồ-đề như vậy. Nay Bạt-đà-bà-la! Nếu người cầu đạo Bồ-tát, hoặc cầu quả Thanh văn, theo thầy đọc tụng kinh pháp này mà không sinh tâm cung kính sâu xa, xem thầy như bậc cha mẹ, bậc tri thức thiện, bậc Đại sư, lại có thể thông đạt được pháp ấy khiến không quên mất, trụ lâu không dứt, thì không hề có điều ấy. Vì sao? Nay Bạt-đà-bà-la! Do nhân duyên không cung kính nên pháp Phật sẽ bị diệt. Thế nên, nay Bạt-đà-bà-la! Nếu người cầu đạo Bồ-tát, cầu quả Thanh văn, đối với nơi chốn được nghe, đọc tụng, biên chép pháp ấy sinh tâm cung kính, tâm xem như cha mẹ, tâm xem như bậc

tri thức thiện, tâm xem như bậc Đại sư, thì đối với những pháp được đọc tụng biên chép ấy, cái gì chưa được, khiến được, được rồi thì tồn tại lâu dài, tức có điều ấy. Vì sao? Vì do tâm cung kính nên pháp Phật không diệt. Cho nên, này Bạt-đà-bà-la! Nay Ta bảo cho ông biết: Đối với thầy phải nên sinh tâm cung kính sâu xa, xem như cha mẹ, như bậc tri thức thiện, là bậc Đại sư. Đó là ông đã nghe theo lời Ta dạy”.

Phẩm 33: HỖ TRỢ QUẢ THI LA

Bồ-tát như vậy là vì cầu đa văn, nhận biết nghĩa lý của đa văn rồi, nên tùy theo pháp đã thuyết giảng mà hành trì thì có thể khiến cho Thi-la thanh tịnh. Pháp Thi-la thanh tịnh phải nên tu hành.

Hỏi: Những pháp nào có thể khiến cho Thi-la thanh tịnh?

Đáp:

*Giữ nghiệp thân, miệng, ý
Cũng không đắc pháp hộ
Trọn không khiến ngã kiến
Cùng các kiến tạp khác
Hồi hướng Nhất thiết trí
Bốn ấy tịnh Thi-la.*

Hành giả tu bốn pháp này, Thi-la tự nhiên được thanh tịnh.

Giữ nghiệp thân, miệng, ý v.v...: Là thường nên chánh niệm đối với nghiệp thân, miệng, ý, cho đến một tội nhỏ cũng không khiến sai lầm, ví như rửa, ba ba thường giữ đầu và chân trong mai. Người này vui thích sâu xa nơi lý không nên ở trong đệ nhất nghĩa nhưng cũng không được pháp hộ trì ba nghiệp. Có người tuy thấy pháp không, cho là nhận biết cái không luôn hiện hữu, thế nên nói không có xen tạp với kiến ngã, kiến chúng sinh, kiến nhân, kiến thọ giả, kiến tri giả.

Hồi hướng Nhất thiết trí: Là người trí giới được quả báo, không mong cầu phước nào khác, vì nhằm hóa độ tất cả chúng sinh nên chỉ mong cầu Phật đạo.

Đó là bốn pháp có thể làm Thi-la thanh tịnh.

Lại có 4 pháp có thể khiến Thi-la thanh tịnh:

*Không tâm ngã, ngã sở
Không thường kiến, đoạn kiến
Vào nơi pháp các duyên
Có thể tịnh Thi-la.*

Không tâm ngã, ngã sở: Là không có tâm tham đắm vào ta, vào những thứ của ta, chỉ biết tâm này điên đảo hư vọng chứ không có gì là ngã là pháp.

Không thường kiến, đoạn kiến: Là do đoạn kiến, thường kiến nên có nhiều lỗi lầm.

Vào nơi pháp các duyên: Là nhận biết các pháp từ các duyên sinh, nên chúng không có tánh định, hành dụng nơi trung đạo.

Đó là bốn pháp có thể làm Thi-la thanh tịnh.

Lại có 4 pháp có khả năng làm Thi-la thanh tịnh:

*Hành bốn pháp Thánh chủng
Cùng mười hai Đầu-đà
Không ưa nơi ồn ào
Niệm do đâu xuất gia.*

Bốn Thánh chủng: Là chỉ mong được y phục vừa đủ, chỉ mong được thức ăn uống vừa đủ, chỉ mong được đồ nằm ngồi vừa đủ, vui thích đoạn trừ phiền não, vui thích tu tập.

Mười hai đầu-đà: Là thọ pháp A-lan-nhã, thọ pháp khát thực, mang y phẩn tảo, ngồi ăn một lần, thường ngồi, sau bữa Ngọ không

nhận thức ăn uống phi thời, chỉ có ba y, y bằng lông thú thô, tùy nơi trải tọa cụ, ở bên gốc cây, ở nơi đất trống, ở nơi bãi tha ma.

Không ưa nơi ồn ào: Là không ở chung với người xuất gia hay tại gia. Có người tuy hành pháp A-lan-nhã, do hiểu nhiều biết nhiều, có nhiều người lui tới, thế nên nói không ưa nơi ồn ào. Hoặ đến xứ khác, tâm cũng không cùng hòa hợp.

Niệm do đâu xuất gia: Người hành Thi-la nên nghĩ như vậy: Ta do đâu mà xuất gia? Nghĩ vậy rồi, tùy theo việc xuất gia, đều muốn thành tựu, nên như lời dạy mà hành.

Đó là bốn pháp có thể làm Thi-la thanh tịnh.

Lại có 4 pháp có khả năng làm Thi-la thanh tịnh:

*Năm ấm không sinh diệt
Sáu tánh như pháp tánh
Thấy sáu tình cũng không
Không vướng lời thế tục
Bốn pháp là như thế
Cũng hay tịnh Thi-la.*

Năm ấm không sinh diệt v.v...: Là tư duy về gốc ngọn của năm ấm, thấy chúng không sinh diệt. Thấy sáu tánh như đất v.v... như pháp tánh. Như pháp tánh không thể thủ đắc, sáu tánh cũng không thể thủ đắc. Nhận biết sáu tình tuy là khổ, vui v.v... nhưng chúng là nhân duyên của tâm, tâm số pháp, nếu dùng chánh trí suy xét thì cũng nhận biết chúng là không. Thấy đạt ba thứ đều biết rõ là không. Có hành giả tham chấp nơi không tức trở lại làm chướng ngại đạo. Cho nên nói: Chớ tham chấp nơi không. Tùy nơi thế tục mà nói về danh tự của *không*. Pháp như vậy có khả năng làm Thi-la thanh tịnh.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao nói các pháp như năm ấm?

Đáp: Do không, nên các pháp như năm âm là không. Lời nói tội hậu là chớ vướng mắc nơi không, không này cũng nên xả bỏ. Như thế thì không có pháp nghi tà làm trở ngại Thi-la.

Hỏi: Các pháp như năm âm, do có tướng có thể hiển bày tướng nên quyết định có. Như nói sắc là tướng khổ não, biết khổ vui là tướng của thọ. Hiện có các tướng như vậy, vì sao nói: Không phải không, không phải là chẳng không?

Đáp:

*Nã hoại là tướng sắc
 Những gì gọi là sắc?
 Nếu nã là tướng sắc
 Là tướng không hiện tướng.
 Tướng này ở xứ nào?
 Vô tướng không hiện tướng
 Thế giới trọn không có
 Vô tướng có hiện tướng.
 Tướng cùng với hiện tướng
 Phi hợp, phi chẳng hợp
 Chúng không từ đâu đến
 Cũng không đi về đâu.
 Nếu có hợp phi hợp
 Thành nơi tướng, hiện tướng
 Như vậy tức là mất
 Tướng và tướng hiện bày.
 Do tướng thành hiện tướng
 Tướng cũng không tự thành
 Tướng tự không thể thành
 Làm sao thành hiện tướng?
 Thế giới thật đáng thương*

*Phân biệt tướng, hiện tướng
 Mê hoặc các nẻo tà
 Do sự tà lừa dối.
 Tướng hiện tướng tức là
 Không tướng không hiện tướng
 Mắt thấy sự như thế
 Vì sao không thể biết?
 Theo chấp tướng, hiện tướng
 Có hý luận như thế
 Theo lúc khởi hý luận
 Tức rơi xú phiền não.*

Lại nữa, hành giả dùng môn không đến, không đi để quán xét tánh của các âm, nhập không. Như kệ nói:

*Pháp sinh lão bệnh tử
 Khi sinh không đâu tới
 Pháp sinh lão bệnh tử
 Lúc diệt không về đâu.
 Tánh các âm, giới, nhập
 Lúc sinh không đâu tới
 Khi diệt không về đâu
 Nghĩa pháp Phật như vậy.
 Như lửa không sức người
 Cũng không do sát gỗ
 Trong hòa hợp cũng không
 Mà nhân hòa hợp có.
 Củi hết thì lửa tắt
 Tắt rồi không đi đâu
 Các duyên hợp nên có
 Duyên tan tức đều không.
 Nhãn thức cũng như vậy*

Nó không ở trong mắt
Cũng không ở trong sắc
Cũng không ở khoảng giữa.
Không ở trong hòa hợp
Cũng không là hòa hợp
Không đến từ nơi khác
Mà nhân hòa hợp có.
Hòa hợp tan tức không
Các pháp cũng như vậy
Lúc sinh không đâu tới
Khi diệt không về đâu.
Như sức tâm rỗng kia
Mà có lớp mây hiện
Không từ thân rỗng xuất
Cũng không nơi khác tới.
Mà lớp mây dày ấy
Mưa tuôn khắp thế giới
Sau đó đều tan hết
Cũng không có chốn đến.
Như mây không đến đi
Các pháp cũng như vậy
Khi sinh không đâu tới
Lúc diệt không về đâu.
Như người vẽ trên vách
Không do ở đường nét
Cũng không do hòa hợp
Trong vách cũng lại không.
Nơi tay thợ cũng không
Trong nét bút cũng không
Không từ xứ khác đến
Mà nhân hòa hợp có.

Hòa hợp tan tức không
 Các pháp cũng như thế
 Khi có không đâu đến
 Lúc không không về đâu.
 Đèn cháy không do dầu
 Cũng không từ tim xuất
 Cũng không xứ khác đến
 Mà nhân dầu, tim có.
 Nhân duyên hết thì tắt
 Lúc tắt không về đâu
 Tướng đến, đi các pháp
 Điều cũng lại như thế.

Lại có 4 pháp có khả năng làm Thi-la thanh tịnh:

Hay tự suy xét thân
 Không tự cao, khinh người
 Hai việc không sở đắc
 Tâm khinh an không kiêu
 Quán các pháp bình đẳng
 Là bốn tịnh Thi-la.

Hay tự suy xét thân: Là hành giả nên nghĩ như vậy: Thân ta là bất thiện, với tướng chết, tướng vô thường, thì có giá trị gì. Suy niệm như vậy rồi, tức *Không tự cao, khinh người*. Tin hiểu thân mình và người là không có ngã, ngã sở, thế nên *không sở đắc*.

Tâm khinh an (ỷ) không kiêu: Là đạt được pháp như thế nên tâm nhẹ nhàng, mềm dịu, có khả năng nhận lãnh pháp. Do tâm khinh an vui thích này nên không tự cao.

Quán các pháp bình đẳng: Là dùng pháp không quán xét hết thảy pháp hữu vi, vô vi, đều không có thượng, trung, hạ sai khác. Như kệ nói:

*Nếu phải nhân nơi dưới
Mà có hạng giữa, trên
Dưới không tạo giữa, trên
Vì sao nhân dưới có.
Dưới tự tạo cho dưới
Giữa, trên trước định có
Nếu phải nhân nơi giữa
Mà có bậc trên, dưới.
Giữa không tạo dưới, trên
Vì sao nhân giữa có?
Giữa tự tạo cho giữa
Dưới, trên trước định có.
Nếu phải nhân nơi trên
Mà có bậc giữa, dưới
Trên không tạo giữa, dưới
Vì sao nhân trên có?
Trên tự tạo cho trên
Giữa, dưới trước định có
Nhân dưới không được tạo
Không nhân cũng không được.
Nếu trước đã định có
Không cần nhân nơi dưới
Nếu trước định là không
Làm sao thành trên, giữa?
Nhân giữa không được tạo
Không nhân cũng không được
Nếu trước đã định có
Không cần nhân nơi giữa.
Nếu trước định là không
Làm sao thành dưới, trên
Nhân trên không được tạo*

*Không nhân cũng không được.
 Nếu trước định là có
 Không cần nhân nơi trên
 Nếu trước định là không
 Làm sao thành giữa, dưới?*

Lại nữa, do một tướng không, nên quán các pháp đều bình đẳng.
 Chúng sinh cũng như vậy. Như kệ nói:

*Người trí nơi pháp không
 Không nói tướng phân biệt
 Không một mà không khác
 Hay thấy không như thế.
 Đó tức là thấy Phật
 Phật không khác với không
 Nói chư Phật là một
 Tất cả chúng sinh một.
 Hết thấy pháp một pháp
 Trên, giữa, dưới không khác
 Hết thấy Phật, Thế Tôn
 Là tự tánh, tha tánh.
 Tất cả các chúng sinh
 Cũng là tánh tự, tha
 Tất cả pháp cũng thế
 Là tự tánh, tha tánh.
 Là do nhân duyên ấy
 Thế nên gọi một tướng
 Có chư Phật tức phi
 Không chư Phật cũng phi.
 Có các chúng sinh phi
 Không các chúng sinh phi
 Có các pháp tức phi
 Không các pháp cũng phi.*

Là khởi nơi có không
 Gọi đó là bình đẳng
 Hết thấy Phật, Thế Tôn
 Chúng sinh và các pháp.
 Tất cả không thể giữ
 Gọi các pháp bình đẳng
 Hết thấy Phật, chúng sinh
 Và pháp không sai biệt.
 Do không thể phân biệt
 Gọi đó là bình đẳng
 Chư Phật và chúng sinh
 Cùng với tất cả pháp.
 Nhập trong sinh trụ diệt
 Tịch diệt không chỗ có
 Cũng không từ đâu tới
 Cũng chẳng đi về đâu.
 Do không có tới, lui
 Gọi đó là bình đẳng
 Chư Phật và chúng sinh
 Cùng với tất cả pháp.
 Thấy đều không chỗ có
 Vượt hết thấy nẻo hữu
 Ba áy phi là đẳng
 Cũng lại phi phi đẳng.
 Phi đẳng phi phi đẳng
 Phi phi đẳng, không đẳng
 Nói các pháp như thế
 Đều cùng không sai biệt.

Lại có 4 pháp có khả năng làm Thi-la thanh tịnh:

Khéo tin hiểu lý không
 Không sợ pháp vô tướng

*Đại bi nơi chúng sinh
 Hay nhân pháp vô ngã
 Bốn pháp là như vậy
 Có thể tịnh Thi-la.*

Khéo tin hiểu lý không: Là hành giả thấu đạt các pháp là không tự tánh, không tha tánh, gọi là tin hiểu về không. Như kệ nói:

*Hết thấy pháp hiện có
 Trong không tự tánh sinh
 Hoặc từ các duyên sinh
 Tức nên từ khác có.
 Không từ tự tánh sinh
 Làm sao từ khác sinh?
 Tự tánh đã không thành
 Tha tánh cũng lại không.
 Nếu là tự tánh sinh
 Tức không có tự tánh
 Nếu là nơi tự tánh
 Thì không có tự tướng.
 Tự tánh, tướng tự tánh
 Không do hợp nên có
 Không do tan nên không
 Hai định có tức không.
 Tha không thể sinh pháp
 Tự cũng không thể sinh
 Tự, tha cũng không thể
 Là hai cũng không sinh.
 Nếu không có nơi tự
 Làm sao từ tha sinh?
 Là nơi pháp thể tục
 Tức không có tự, tha.*

*Nếu tha từ tha sinh
 Tha tức không tự thể
 Không thể tức không có
 Do vật gì sinh tha?
 Do không có tự thể
 Tha sinh cũng lại không
 Bốn thứ này đều không
 Không pháp định sinh diệt.*

Không sợ pháp vô tướng: Là tin vui, xa lìa các tướng, nên không hề kinh hãi. Như kệ nói:

*Tất cả nếu không tướng
 Tất cả tức có tướng
 Tịch diệt là không tướng
 Tức là có pháp này.
 Nếu quán pháp vô tướng
 Vô tướng tức là tướng
 Nếu nói tu vô tướng
 Tức phi tu vô tướng.
 Nếu bỏ các chấp trước
 Gọi đó là vô tướng
 Lấy là bỏ chấp tướng
 Tức là không giải thoát.
 Phàm là do có lấy
 Nhân lấy mà có bỏ
 Lìa lấy, lấy sự gì?
 Gọi đó do là bỏ.
 Người lấy chỗ dùng lấy
 Cùng pháp có thể lấy
 Cùng lìa đều không có
 Đó đều gọi tịch diệt.*

Nếu tướng pháp nhân thành
 Đây tức là không tánh
 Nếu đã không có tánh
 Đây tức không có tướng.
 Nếu pháp không có tánh
 Đây tức không sự tướng
 Vì sao nói vô tánh?
 Tức gọi là vô tướng.
 Nếu dùng có và không
 Cũng ngăn, cũng nên nghe
 Tuy nói tâm không chấp
 Tức là không có lỗi.
 Xứ nào trước có pháp
 Mà sau đó không diệt
 Nơi nào trước có cháy
 Mà sau có tắt tắt.
 Có tướng tịch diệt ấy
 Đồng vô tướng tịch diệt
 Thế nên lời tịch diệt
 Cùng người nói tịch diệt.
 Trước giờ không tịch diệt
 Cũng phi không tịch diệt
 Cũng phi tịch, chẳng tịch
 Phi phi tịch, chẳng tịch.

Đại bi nơi chúng sinh: Là chúng sinh vô lượng vô biên nên tâm bi cũng rộng lớn. Lại nữa, pháp của chư Phật vô lượng vô biên, vô tận như hư không, tâm bi là cội gốc nơi pháp của chư Phật. Người có khả năng đạt được pháp lớn nên gọi là đại bi. Bậc tối đại trong tất cả chúng sinh gọi là Phật. Nẻo hành hóa của Phật gọi là đại bi.

Hay nhẫn pháp vô ngã: Là tin ưa pháp thật. Chư Phật đều có một đường Niết-bàn nên gọi là pháp vô ngã. Nếu vào trong pháp này, tâm không nhẫn thì như chút cỏ ném vào lửa liền bị cháy hết. Nếu là vàng thật đưa vào lửa, do có thể chịu được nên không mất như thế. Hàng phàm phu nếu không tu tập căn thiện mà nhập nơi pháp vô ngã thì không thể kham nhẫn nên sinh những nghi ngờ tà vạy. Bồ-tát này tu tập căn thiện từ vô lượng đời đến nay được trí tuệ sắc bén, được chư Phật hộ niệm, tuy chưa đoạn trừ hết kiết sử, nhưng nhập trong pháp vô ngã, tâm có thể nhẫn thọ được.

Pháp vô ngã là các pháp như âm, giới, nhập, mười hai nhân duyên v.v... Nhân duyên phá trừ ngã như trước đã nói.

Do vậy muốn làm Thi-la thanh tịnh phải hành trì bốn pháp này.

Lại nữa:

*Có bốn phá Thi-la
Mà giống trì Thi-la
Hành giả nên tinh tấn
Tự chế ngự, chớ làm.*

Phẩm Ca-diếp trong Kinh Bảo Đảnh nói: Đức Phật nói với Tôn giả Ca-diếp: Có bốn loại Tỳ-kheo phá giới nhưng giống như Tỳ-kheo giữ giới. *Những gì là bốn?*

1. Nay Ca-diếp! Có Tỳ-kheo có khả năng hành trì đầy đủ kinh giới, nhưng lại nói có ngã. Đó gọi là phá giới mà giống như giữ giới.

2. Lại nữa, nay Ca-diếp! Có Tỳ-kheo trì tụng kinh luật, giữ gìn giới hạnh nhưng đối với thân kiến không động không lia. Đó gọi là phá giới mà giống như trì giới

3. Lại nữa, nay Ca-diếp! Có Tỳ-kheo hành đủ mười hai hạnh đầu-đà, nhưng thấy các pháp quyết định là có. Đó gọi là phá giới mà giống như giữ giới.

4. Lại nữa, này Ca-diếp! Có Tỳ-kheo hành tâm từ duyên nơi chúng sinh, nghe nói các hành đều không có tướng sinh thì tâm kinh sợ. Đó gọi là phá giới mà giống như giữ giới.

Này Ca-diếp! Đó là bốn hạng người phá giới mà giống như giữ giới.

Lại nữa:

*Thế Tôn đã từng dạy
Sa-môn có bốn phẩm
Nên theo loại thứ tư
Xa lìa ba loại trước.*

Trong phẩm Ca-diếp nói: Về bốn loại Tỳ-kheo, hành giả nên học loại Sa-môn thứ tư, không nên học theo ba hạng kia. Những gì là bốn? Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: *Có bốn loại Sa-môn:*

1. Sa-môn hình sắc tướng.
2. Sa-môn có oai nghi khác lạ.
3. Sa-môn tham cầu danh lợi.
4. Sa-môn hành chân thật.

Thế nào là Sa-môn hình sắc tướng? Là có hình Sa-môn, có sắc tướng Sa-môn. Đó là những người mặc y Tăng-già-lê, cạo bỏ râu tóc, bung bình bát đen, nhưng hành thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh, không cầu vắng lặng, không cầu pháp thiện, lại tham lam, bòn sẻn, biếng nhác, hành các pháp ác, phá giới, không vui thích tu tập. Đó gọi là Sa-môn hình sắc tướng.

Thế nào là Sa-môn có oai nghi khác lạ? Là Sa-môn có đủ bốn thứ oai nghi, suy xét pháp tướng tận chỉ nhằm có được y phục, thức ăn uống, hành hạnh Thánh chủng, nhưng không hòa hợp với người xuất gia, tại gia, ít nói năng. Do chỗ hành trì này là muốn thâm phục lòng người, nên tâm không thanh tịnh. Oai nghi như vậy không vì

điều thiện, không vì pháp tịch diệt, mà thấy các pháp là quyết định có. Đối với pháp không, pháp không sở hữu thì sợ hãi như rơi xuống hầm sâu. Thấy ai giảng nói pháp không thì sinh tưởng như kẻ oán. Đó gọi là Sa-môn có oai nghi khác lạ.

Thế nào là Sa-môn tham cầu danh lợi? Là có Sa-môn có thể giữ giới miễn cưỡng, nghĩ như vậy: Làm thế nào để khiến người khác biết mình trì giới? Là gắng gượng cầu học rộng. Làm thế nào để khiến người khác biết mình học rộng? Là miễn cưỡng hành pháp A-lan-nhã. Làm thế nào để khiến người khác biết mình hành pháp A-lan-nhã? Là miễn cưỡng cầu hành thiếu dục, tri túc, xa lìa. Làm thế nào để khiến người khác biết mình đang hành hạnh thiếu dục, tri túc, xa lìa? Những sự hành trì ấy không phải do tâm chán lìa, không phải vì diệt trừ phiền não, không phải để cầu tám Thánh đạo, không phải vì cầu Niết-bàn, không phải vì để hóa độ tất cả chúng sinh. Đó gọi là Sa-môn cầu danh lợi.

Thế nào là Sa-môn hành chân thật? Là có Sa-môn, thân mạng hãy còn không tham tiếc hưởng nữa là danh lợi. Nghe giảng nói về các pháp không, không sở hữu, tâm rất vui mừng theo lời dạy mà hành. Hãy còn không tham tiếc Niết-bàn mà hành phạm hạnh, hưởng chi là tham tiếc ba cõi. Hãy còn không vướng mắc nơi không kiến, hưởng nữa là chấp nơi các kiến: ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mạng giả, tri giả, kiến giả. Ở trong các phiền não mà cầu giải thoát, không cầu nơi bên ngoài. Quán tất cả pháp xưa nay thanh tịnh không cấu uế. Người này chỉ nương dựa vào thân, không nương dựa vào cái gì khác. Do thấy rõ thật tướng của các pháp nên hãy còn không tham nơi pháp thân hưởng nữa là nơi sắc thân. Thấy pháp lìa tướng, không do ngôn thuyết, Thánh chúng vô vi hãy còn không phân biệt hưởng nữa là mọi người. Không vì sự đoạn trừ phiền não, không vì tu tập, nên không ghét bỏ sinh tử, không ưa thích Niết-bàn, không buộc, không mở. Biết pháp của chư Phật là không có tướng cố định. Biết

rồi nên không qua lại nơi sinh tử, cũng không chứng diệt. Này Ca-diếp! Đó gọi là Sa-môn hành chân thật.

Này Ca-diếp! Các ông nên siêng hành hạnh Sa-môn chân thật, chớ để danh tự làm hại mình.

Lại nữa:

*Không vì pháp của vua
Mà vâng giữ Thi-la
Cũng không nương vào sinh v.v...
Mà thọ trì Thi-la.*

Hành giả muốn cho Thi-la thanh tịnh, không nên vì pháp của vua mà giữ giới: Pháp của vua là như Phật nói với Lục sĩ Tịnh Đức: Này Thiện nam! Bồ-tát giữ Thi-la cho dù mất mạng vẫn không phá giới. Không vì mong làm quốc vương nên giữ giới. Không vì mong được sinh lên cõi trời nên giữ giới. Không vì mong làm Đế thích, Phạm Thiên vương, không vì mong giàu vui, có sức tự tại nên giữ giới. Giữ giới không vì tiếng tăm, được khen ngợi. Giữ giới không vì lợi dưỡng, giữ giới không vì sự sống lâu. Giữ giới không vì các thứ ăn uống, y phục, ngọc cụ, thuốc men, đồ cần dùng cho đời sống.

Không nương dựa vào các pháp như sinh v.v...: Là không phải giữ giới để được sinh vào cõi trời, người. Không nương vào mình nên trì giới, không nương vào người khác nên trì giới. Không nương vào đời nay nên trì giới, không nương vào đời sau nên trì giới. Không nương vào sắc, không nương vào thọ tướng hành thức, không nương vào nhãn, không nương vào nhập, không nương vào nhĩ tử thiết thân ý nên trì giới. Không nương vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc nên trì giới. Không vì được thoát khỏi các nẻo ác như địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, nên trì giới. Không vì sợ sự nghèo trong cõi trời nên trì giới. Không vì sợ sự nghèo trong cõi người nên trì giới. Không vì sợ sự nghèo trong Dạ-xoa nên trì giới.

Hỏi: Nếu không vì những pháp như thế thì do pháp gì nên trì giới?

Đáp:

*Vì muốn khiến Tam bảo
Trụ lâu nên trì giới
Vì muốn được vô số
Lợi ích nên trì giới.*

Tam bảo trụ lâu là vì không để cho Phật chúng bị đoạn dứt nên trì giới. Vì để chuyển pháp luân nên trì giới. Vì gồm thân Thánh chúng nên trì giới. Vì nhằm thoát khỏi sinh già bệnh chết ưu bi khổ não nên trì giới. Vì nhằm độ thoát tất cả chúng sinh nên trì giới. Vì nhằm khiến cho các chúng sinh được an lạc nên trì giới. Vì nhằm khiến chúng sinh đến nơi chốn an lạc nên trì giới. Vì tu thiện định nên trì giới. Vì trí tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến nên trì giới. Những sự việc này, trong Kinh Tịnh Đức đã nói rộng.

*Bồ-tát hành như vậy
Là thành tựu Thi-la
Không mất nơi mười lợi
Cùng vô số ích khác.
Cũng lại không rơi vào
Bốn xứ nạn, đường tà
Được bốn pháp không mất
Không gặp bốn pháp hoại.
Lại được không lừa dối
Bốn pháp của chư Phật
Không bị đọa địa ngục
Vượt mười việc sợ hãi.*

Không mất mười điều lợi:

1. Không mất thường làm Chuyển luân Thánh vương.

2. Thường ở trong đó, không mất tâm không phóng dật.
3. Không mất thường làm Thích-đề-hoàn-nhân.
4. Thường ở trong đó, không mất tâm không phóng dật.
5. Thường không mất hành cầu đạo chư Phật.
6. Thường không mất sự việc được giáo hóa của chư Bồ-tát.
7. Thường không mất lạc thuyết biện tài.
8. Thường không mất việc gieo trồng các căn thiện, phước đức, sở nguyện đầy đủ.
9. Thường không mất sự việc được chư Phật, Bồ-tát, Hiền Thánh khen ngợi.
10. Thường không mất việc có thể mau chóng đạt đầy đủ tất cả trí tuệ.

Vô số lợi: Là đối với vô số công đức, tâm không hề thoái chuyển. Như trong kinh nói: “Bồ-tát khéo giữ gìn giới, thường được chư Thiên khen ngợi, các Long vương hộ trì, mọi người cúng dường, thường được chư Phật hộ niệm, thường vì thế gian làm bậc Đại sư, thường thương xót nghĩ đến các chúng sinh”.

Không rơi vào đường tà, bốn xứ nạn: Là Bồ-tát có thể thành tựu giới như vậy, thì không rơi vào bốn xứ nạn:

1. Không sinh vào chốn không có Phật.
2. Không sinh vào nhà tà kiến.
3. Không sinh vào cõi trời Trường Thọ.
4. Không bị đọa vào tất cả đường ác.

Được bốn pháp không mất:

1. Không mất tâm Bồ-đề.
2. Không mất niệm Phật.

3. Không mất tâm thường câu đa văn.
4. Không mất việc nhớ nghĩ về vô lượng thế sự.

Không gặp bốn pháp hoại:

1. Không gặp pháp suy hoại.
2. Không gặp đao binh.
3. Không gặp sự ác độc.
4. Không gặp sự đói khát.

Được bốn pháp không lừa dối:

1. Không lừa dối chư Phật trong mười phương.
2. Không lừa dối các thiên thần.
3. Không lừa dối chúng sinh.
4. Không tự lừa dối bản thân.

Vượt qua mười sự sợ hãi: Là Bồ-tát trì giới thanh tịnh như vậy, thì có thể vượt qua mười sự sợ hãi như bị đọa vào địa ngục v.v... Những gì là mười?

1. Có thể vượt qua sự sợ hãi về địa ngục.
2. Có thể vượt qua sự sợ hãi về súc sinh.
3. Có thể vượt qua sự sợ hãi về ngã quý.
4. Có thể vượt qua sự sợ hãi về nghèo khổ.
5. Có thể vượt qua sự sợ hãi về hủy báng, trách mắng, tiếng xấu.
6. Có thể vượt qua sự sợ hãi bị phiền não che lấp.
7. Có thể vượt qua sự sợ hãi về chánh vị của Thanh văn, Phật-bích-chi.
8. Có thể vượt qua sự sợ hãi về các chúng Trời, Người, Rồng, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già.

9. Có thể vượt qua sự sợ hãi về binh đao, ác độc, lụt lội, lửa cháy, sự tử, chó sói, kẻ khác gây hại.

10. Có thể vượt qua sự sợ hãi về tà kiến.

Bồ-tát trì giới thanh tịnh như vậy tức có năng lực trụ nơi pháp của chư Phật. Đó là bốn mươi pháp bất cộng, có thể trở thành bậc pháp khí.

Phẩm 34: KHEN NGỢI GIỚI

Bồ-tát trì Thi-la thanh tịnh như vậy, có thể gồm thâu các lợi ích của vô số công đức, như Bồ-tát Vô Tận Ý đã nói.

Lại nữa, lược tán thán đôi phần về Thi-la: Thi-la là nơi chốn mừng vui bậc nhất của người xuất gia, như tuổi trẻ giàu sang hết sức vui sướng. Thi-la có khả năng tăng trưởng pháp thiện, như mẹ hiền nuôi con. Thi-la có khả năng phòng hộ các thứ lo lắng suy tổn, như người cha che chở con. Thi-la có khả năng thành tựu hết thấy lợi ích lớn của người xuất gia, như người bạch y nhiều của cải. Thi-la có khả năng cứu vớt khổ não, như hành chánh thuận lý. Thi-la có khả năng được người thiện cung kính, như pháp báo ơn. Thi-la được mọi người mến trọng, cũng như mạng sống. Thi-la được người trí quý chuộng, như trí tuệ. Người cầu giải thoát khéo giữ gìn Thi-la, như sự việc bí mật của vua do đại thần cất giữ. Người vui thích lợi ích của đạo, mến trọng Thi-la như vui thích Niết-bàn, mến trọng pháp Phật. Người trí tuệ khéo giữ gìn Thi-la, như người tiếc tuổi thọ nên họ bảo hộ pháp an thân, cứu nạn chết khẩn cấp. Thi-la là tối thượng như khi gặp phải cấp nạn mà được tri thức thiện.

Thi-la là hiền nhân thanh tịnh trang nghiêm, như người nữ nhà quý tộc biết hổ thẹn, không cầu ướ. Thi-la là cửa ngõ đầu của công

đức, như không dua nịnh, quanh co, mở ra những điều thiện lợi. Thi-la là gốc của phạm hạnh tối thượng, như trực tâm là gốc của chánh kiến. Pháp của các Đại nhân lấy Thi-la làm gốc, như cầu ngôi vị trọng yếu lấy trực tâm làm gốc.

Thi-la là kho báu công đức, như sự không phóng dật, cũng như chánh niệm có khả năng phát sinh nhiều lợi ích, như bạn hiền đối xử với mình trước, giữa, sau đều thiện. Người học chánh pháp không được vượt qua, như biển luôn có hạn lượng. Thi-la tức là trụ xứ của công đức, cũng như đại địa là chỗ nương dựa của muôn vật. Thi-la thấm nhuần các công đức thiện, như mưa tuôn thấm nhuần hạt giống, có thể thành tựu năm căn, như lửa nấu chín thức ăn, có thể sinh ra nhiều lợi, như gió thành tựu thân. Thi-la có khả năng nhận lãnh tất cả đạo quả, như hư không bao hàm vạn vật, như chiếc bình an lành, theo nguyện ước đều được, cũng như thức ăn ngon tạo lợi ích cho các căn. Thi-la khéo có thể thông tỏ các nẻo, khiến các căn thanh tịnh vô ngại. Thọ mạng của trí tuệ lấy Thi-la làm gốc, như thân mạng lấy sự hít thở khí trời làm gốc. Thi-la tức là nơi chốn nương dựa tối thượng, như người dân nương dựa vào vua.

Thi-la tức là chủ của các công đức, như vị đại tướng của muôn quân. Thi-la được nhiều diệu lạc, như người vợ theo ý có thể làm vừa lòng chồng. Thi-la tức là cửa cái cần dùng cho người học đạo cầu Niết-bàn hay sinh lên cõi trời, như người đi xa tất phải mang theo y phục, lương thực. Thi-la đưa người khiến đến xứ thiện, như đi qua đoạn đường hiểm, có được người dẫn đường khéo léo.

Thi-la đưa người vượt qua dòng sinh tử, cũng như con thuyền vững chắc đưa người qua biển cả. Thi-la có thể diệt trừ tai họa của phiền não, cũng như loại thuốc hay có thể trị dứt chứng bệnh. Thi-la là khí giới có khả năng công phá giặc ma, cũng như binh khí tốt dùng để đối địch nơi chiến trận. Thi-la luôn cứu giúp người trong những

trường hợp suy não, như đối với người thân ái gặp phải hoạn nạn, không hề lia bỏ.

Thi-la chiếu sáng vùng u tối của đời sau, như ngọn đèn sáng lớn có thể xua tan hắc ám. Thi-la đưa người ra khỏi các nẻo ác, như vượt qua vực nước sâu có được chiếc cầu tốt. Thi-la có khả năng trừ bỏ phiền não nóng bức, như ngôi nhà mát mẻ có thể ngăn trừ nắng gió độc hại. Thi-la có thể cứu vớt người sắp rơi vào vào đường ác, như dũng sĩ cầm gươm cứu người đang bị sợ hãi.

Hàng phàm phu phải ái kính sâu xa Thi-la, như các Bồ-tát học thắng xứ Đê. Hàng giả khéo hành Thi-la, như Bồ-tát khéo hành thắng xứ Xả. Người đạt được quả vị do khéo tu tập Thi-la, cũng như Bồ-tát tu trì thắng xứ Diệt. Người hộ trì Thi-la khiến đạt được quả vị, cũng như Bồ-tát tu thắng xứ Tuệ.

Pháp không suy hoại có thể làm Thi-la thanh tịnh, như các Bồ-tát luôn thanh tịnh không cấu uế. Các người xấu ác lia bỏ Thi-la, như người dùa nịnh, quanh co kia từ bỏ tâm ngay thẳng của mình. Người phóng dật không hành Thi-la, như người tham lam bòn sẻn không hành tuệ thí. Người phóng dật lia bỏ Thi-la, như người tham hý luận lia bỏ pháp tịch diệt. Người ngu si không có Thi-la, cũng như người mù không nhìn thấy năm màu sắc.

Người không tư duy xa cách Thi-la, như lia tám Thánh đạo thì xa cách Niết-bàn. Người khéo quý trọng thân mạng ưa thích sâu xa Thi-la, như A-la-hán yêu mến sâu xa pháp lạc. Thi-la có thể khiến cho pháp thiện không nào hại luôn được nối tiếp không dứt, như Phật xuất hiện ở đời, việc thiện không bao giờ đoạn mất. Thi-la có thể làm cho các đạo quả an trụ, như thần lực của Phật khiến chánh pháp trụ lâu.

Thi-la như Phật luôn lợi mình, lợi người. Thi-la khéo hộ trì các công đức thiện, như vị vua biết thời có thể bảo vệ cõi nước. Thi-la khiến hành giả an tâm, như quả vị Tu-đà-hoàn, như đúng lúc khởi

sự, về sau không hối tiếc. Thi-la rốt ráo tất đạt Niết-bàn, như Bồ-tát nguyện rốt ráo tức thành Phật. Thi-la cũng như ruộng tốt đất mềm, nên giống gieo xuống là mọc mầm tăng trưởng. Thi-la là nhân của hành chánh, như nhận biết thời gian, nơi chốn, là nhân thành tựu của các sự việc, như người đoan nghiêm có phước đức, trí tuệ, được muôn người tôn quý.

Thi-la được mình và người đều tôn kính như vậy, như khi phước đức thành thực thì tâm được an ổn. Thi-la có thể khiến tâm được an ổn, thọ nhận các quả báo lợi lạc. Thi-la có khả năng khiến hành giả hoan hỷ, cũng như con trẻ tươi vui khiến cha mẹ hài lòng. Thi-la tức là pháp không lỗi lầm, không sợ hãi, như người không mắc lỗi lầm, tâm không lo sợ. Thi-la khiến người đời này đời sau không có sợ hãi, không mắc các thứ tội ác. Người cúng dường khen ngợi người hộ trì Thi-la, thì người khác cũng hoan hỷ, do tự biết mình có phần lợi ích. Thi-la thương yêu chúng sinh như tu tập định từ. Thi-la diệt trừ khổ như tu định bi. Thi-la ban đem đến niềm vui như tu định hỷ. Thi-la không yêu không ghét như tu định xả. Thi-la được nhiều người tin nhận, như bốn loại thiện ngữ có thể khiến người tin tưởng. Thi-la được ưa thích hành trì, như trong pháp thế gian, tâm luôn hoan hỷ, như học rộng là nhân của ưa thích thuyết giảng. Thi-la tức là nhân của ngôn hành tương ưng. Thi-la là nhân của sự không sợ hãi, như biện tài vô úy.

Thi-la là nhân của tiếng tốt vang xa, như sự thông suốt kinh điển luôn có tiếng khen tốt. Thi-la là pháp có khả năng cứu độ, như lời nói chuyển giúp vì người cứu giúp. Thi-la là pháp có thể thành tựu sự giải thoát sáng tỏ, như theo những gì đã giảng mà hành. Thi-la là tướng của chư Phật, như Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thi-la là pháp hỗ trợ việc tu đạo, như định hỗ trợ tuệ.

Thi-la khiến người không có nạn sợ hãi, như người có tâm lớn gánh vác sự việc không hề lo sợ. Thi-la là nơi chốn tích tụ các công

đức, cũng như vật báu ở núi Tuyết, tích tụ các công đức như tín v.v... làm chỗ nương dựa cho các sự việc hy hữu. Thi-la cũng như đại dương có nhiều thứ kỳ lạ, cũng như trái ngon ngọt nương dựa nơi cây. Thi-la cho con người những thứ quả theo chỗ ưa thích, như người hành theo trí tuệ chân chánh tức đạt quả. Thi-la gọi là không có nước mà vẫn sạch trong.

Thi-la tức là hương diệu tối thượng, không phải từ nơi rễ cộng cành lá hoa quả phát ra. Thi-la là sự trang nghiêm vượt hẳn những thứ trang sức, luôn gắn liền nơi thân, không ai có thể xóa bỏ được. Thi-la là nguồn vui lớn, không từ năm dục sinh, nơi đời sau cũng có các báo diệu lạc. Thi-la được hết thầy các hàng Thiên, Nhân, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn của thế gian khen ngợi.

Thi-la là niềm an lạc tự tại trong thân, không từ nơi người khác được, là phương tiện tốt của việc sinh lên cõi trời, Niết-bàn. Thi-la tức là dòng sông của niềm tin đang cứu độ, không có bùn sâu, cùng các thứ ngói đá, gai góc, tùy ý có thể vào đó, khéo vượt qua không chút ngăn ngại. Thi-la là cửa cải quý giá không có các thứ suy nã.

Thi-la là đường đi thanh tịnh, không ai có thể phá hoại được, như đường bằng phẳng, người đi không hề khó khăn. Thi-la là ruộng tốt không gieo không gặt, nhưng tự nhiên được hạt. Thi-la là quả cam lồ, không từ cây, cỏ sinh, nhưng hương mỹ là không gì sánh. Thi-la là cành hoa tốt tươi, không từ nơi nước hay đất liền sinh, nhưng không hề khô héo.

Thi-la dứt trừ phiền não nóng bức, như dùng nước mát lạnh tắm gội. Thi-la khéo phòng hộ hơn hẳn các thứ đao gậy. Người hành Thi-la, không khiến người sợ hãi mà được người cung kính. Thi-la là nơi chốn tự tại, không có tranh chấp. Thi-la là vật báu tốt đẹp không từ nơi núi sinh, không từ biển xuất, nhưng giá trị là vô lượng. Thi-la có khả năng vượt qua các thứ sợ hãi: là sợ không sống nổi, sợ đi vào

đám đông, sợ tra khảo, sợ rơi vào nẻo ác. Thi-la luôn gắn bó với con người, từ đời này đến đời sau như bóng theo hình.

Phẩm 35: QUẢ BÁO CỦA GIỚI

Bồ-tát Địa Ly Cấu

Thanh tịnh đã nói đủ

Bồ-tát trụ Địa này

Thường làm Chuyển luân vương.

Địa thứ hai trong mười Địa gọi là **Ly Cấu**, vì đã vĩnh viễn dứt sạch tham lam, keo kiệt là căn bản của mười ác nên gọi là Ly Cấu. Trong Địa này, Bồ-tát hành Thi la Ba-la-mật.

Bồ-tát này nếu chưa lia dục, do nhân duyên quả báo của Địa này nên được làm Chuyển luân Thánh vương thống lĩnh bốn châu thiên hạ, được tướng Thiên bức kim luân, với vô số châu báu trang nghiêm. Phân bầu của bánh xe làm bằng chân lưu ly, chu vi mười lăm dặm. Hàng trăm loại thần Dạ-xoa hộ vệ, có thể bay đi trên hư không dẫn đường cho bốn thứ binh, di chuyển nhẹ nhàng nhanh chóng như chim Kim-sí chúa, như gió, như ý nghĩ là đến nơi, diệt trừ hết các thứ suy tổn, lo lắng, hàng phục các giặc oán, tất cả Tiểu vương đều đến quy phục, thân tộc và muôn dân đều ái kính, uy danh vang dội. Thánh vương cùng tộc họ luôn trang sức bằng vô số tràng hoa, anh lạc đan xen nhau, năm thứ kỹ nhạc thường đi theo. Nhiều thứ lọng báu kỳ diệu hiện bày che khắp bên trên. Khi vua đi có đủ loại hương hoa, hương bột, hương chiên-đàn tung rải như mưa để cúng dường. Đốt trầm thủy chân hắc, chiên-đàn ngưi-đầu, chiên-đàn vàng để xoa lên thân. Hai bên xe có thiên nữ cầm phát trắng đứng hầu, vô số châu báu dùng làm lọng. Xe báu có đủ thứ đủ loại sự hy hữu để trang nghiêm. Đó gọi là Kim luân báu đầy đủ.

Hết thầy voi, thân lớn màu trắng như bạc ròng lấy từ núi chúa, núi thần. Cả đám voi lớn này đều có thể bay đi nơi hư không. Các Đại Tượng vương như voi Y-la-bà-na, An-xà-na-vương, Ma-na v.v... đều có thể bị đẩy lùi. *Đó gọi là Voi trắng báu đầy đủ.*

Ngựa màu như cổ chim khổng tước, thân chúng nhẹ, lanh như chim Kim-sí chúa, bay trên trời không gì có thể ngăn ngại. *Đó gọi là Ngựa báu.*

Người xuất thân trong gia đình cao sang, thân không bệnh tật, có thể mạnh lớn, hình thể tinh khiết, nhớ nghĩ sâu xa, trực tâm nhu hòa, trì giới kiên cố, hết lòng ái kính vua, có thể thông hiểu vô số kinh sách, kỹ thuật. *Đó gọi là Quan chủ binh báu.*

Như Tài chủ Thiên vương, tướng giàu sang đầy đủ, cất giữ hàng ngàn vạn ức thứ vật báu, luôn đi theo vua, có hàng ngàn vạn ức các quyến thuộc của thần Dạ-xoa đi theo, đều là do phước báo của hành nghiệp từ đời trước. Khéo phân biệt về các thứ vật báu như: vàng, bạc, đế thanh, đại thanh, kim cương, Ma-la-kiệt, xa cừ, mã não, san hô, pha lê, ma-ni, chân châu, lưu ly v.v..., đều khéo nhận biết xuất nhập ít nhiều, tùy nghi sử dụng, đều có thể làm mãn nguyện vua. *Đó gọi là Cư sĩ báu.*

Ánh sáng như mặt trời mặt trăng, tỏa chiếu đến mười sáu do-tuần, hình như trống lớn, có khả năng diệt trừ hết trùng độc, khí xấu, bệnh tật thống khổ, hàng trời, người thấy thấy đều kính trọng. Hoa đẹp chuỗi báu dùng để trang nghiêm, ngự ở tràng cao, uy quang thù thắng, có thể khiến chúng sinh phát tâm hy hữu, khởi niềm hoan hỷ lớn. *Đó gọi là Ngọc báu.*

Móng tay màu đỏ hồng và mỏng, thân dài thẳng, cao, lại đầy đặn, tươi nhuận, không mập không ốm, thớ thịt trên thân theo thứ lớp đầy đặn, da dẻ mịn màng, tươi mỏng, không kham nổi việc khổ. Thân vững chắc như cây Đa-la, mỗi mỗi chỗ trên thân đều hiện lên chữ Cát

sáng rõ. Nét vẽ cây Cát tường trang nghiêm nơi thân. Các voi chúa, bò chúa, ngựa chúa đều được vẽ trên cờ phướn, lọng báu, các hoa văn hình vườn rừng, chim cá đều hiện rõ nơi thân. Mắt cá chân bằng phẳng không nhô, mu bàn chân gò lên như lưng rùa, mép bàn chân ửng đỏ, gót chân tròn rộng, bắp chân mềm mại, đầu gối tròn không lồi, đùi vế như cột vàng, như thân cây chuối, như vòi voi chúa mềm nhuận, sáng láng. Bụng tròn thẳng, có ba nếp ngang không lộ rõ. Rốn tròn sâu. Xương sống bằng phẳng, ngay ngắn, vú như trái Tần-bà, như đôi chim uyên ương, tròn trịa, nhô lên, không xệ xuống, cân đối tươi sạch. Cánh tay hơi nhỏ, thon dài, các lóng tay ẩn không lộ ra, mũi ngay ngắn, không lệch, hiện bày không to không nhỏ, che kín, không nhô ra. Hai gò má không lõm sâu mà đầy, phẳng, không nhô cao. Trán bằng, dài, có nét chữ Cát. Tai mềm, thùy tai thông xuống, đeo vòng Vô giá. Răng như chuỗi ngọc chân châu, trắng như trăng mới mọc, sáng như tuyết, như ngọc kha. Môi đỏ như màu ráng tươi, như trái Tần-bà. Hai hàm răng trên dưới tương đương, không to, không nhỏ, giống như chuỗi chân châu đỏ. Hai tròng đen trắng của mắt phân minh, tươi sáng, dài rộng, trang nghiêm, thanh tịnh. Lông nheo xanh khít, dài mà không rối, lông mày không dày không mỏng, không cao, không ngắn, như trăng mới mọc, cao, cong, hai bên đều như nhau. Tóc mềm mịn không rối. Thân thường tỏa mùi hương thơm, như cùng lúc mở ra vô số hộp hương thơm thượng diệu. Mỗi lỗ chân lông trên thân thường tỏa mùi danh hương chiên-đàn có thể làm vui lòng người. Miệng thường tỏa ra mùi thơm của hoa sen xanh, thân thể mềm mại như Già-lăng-già, có thiên y láng mịn, hết thảy đều đầy đủ. Tâm không quanh co, trực tín, biết hổ thẹn, ái kính vua hết mực. Biết đúng lúc, đúng nơi, có những phương tiện khéo thâm giữ tâm vua. Đi đứng, nói năng đều vừa lòng vua, làm theo ý vua, thường nói lời êm ái, như nữ nhân đức hạnh trên thế gian, mọi vẻ đẹp đầy đủ, sắc như thiên nữ Đề-lô-đa-ma thanh tịnh phân minh. Đẹp như bức họa sáng rõ dưới ánh trăng rằm, đẹp như phu nhân Xá-chi của trời Đế-thích. Mặc áo trời, mang tràng hoa trời,

huương trời, cùng dùng nhiều ngọc ma-ni vàng tỏa ánh sáng trời để trang sức nơi thân. Khéo biết các thứ ca múa, kỹ nhạc, vui chơi. Khéo có phương cách tùy ý để làm vua vui lòng, là người nữ tối thắng trong hết thầy người nữ. *Đó gọi là Ngọc nữ báu.*

Lại nữa, Chuyển luân Thánh vương có bốn đức như ý:

1. Sắc mạo đoan nghiêm, trong bốn châu thiên hạ là bậc nhất, không ai có thể sánh.
2. Không bị đau ốm bệnh tật.
3. Muôn dân ái kính sâu xa.
4. Thọ mạng lâu dài.

Giáo hóa chúng sinh bằng mười nghiệp thiện, có thể khiến cho cung điện của chư Thiên đầy đủ, dồi dào. Có thể giảm bớt chúng A-tu-la, có thể khiến cho các đường ác giảm bớt, tăng thêm đường thiện, thường khéo hành tạo nhiều sự việc lợi ích cho chúng sinh. Các thứ hành tác đều không dùng binh khí, chỉ dùng pháp giáo hóa, sửa trị, khiến Thiên tử an vui, không lo sợ nước thù địch bên ngoài, không sợ âm mưu loạn động bên trong.

Lại nữa, trong nước không xảy ra các thứ như bệnh dịch, đói khát, tai họa suy não. Hết thầy các lãnh chúa ở biên giới đều quy phục. Có nhiều quyền thuộc, có thể mau chóng tiêu phục nhân tâm, lại không ai có thể xâm hại cõi nước. Bốn binh chủng đầy đủ dũng lực, các Bà-la-môn, Cư sĩ, thứ dân đều ái kính, thức ăn thơm ngon tự nhiên có được.

Trong nước ngày càng phát triển, không có suy giảm. Vua thông thạo kinh sách, kỹ thuật, toán số, chú thuật đều thọ trì. Vua khéo biện luận, phân biệt những nghĩa lý sâu xa. Quân thần đầy đủ, đều có oai đức, thường hành tài thí, không ai sánh kịp. Vua có ngàn người con đoan nghiêm như các Thiên tử, đủ uy đức dũng mãnh, có thể phá tan giặc dữ.

Trụ xứ là những cung điện lầu gác đẹp đẽ như thắng điện của Tứ Thiên vương, Đế-thích. Những gì vua ban dạy không ai có thể hủy hoại. Trong bốn châu thiên hạ, chỉ vua này là có uy tướng đầy đủ, nên không ai sánh kịp. Tiếng nói vua phát ra vang xa sâu rộng, dễ nghe dễ hiểu, không tán loạn, như tiếng chim Ca-la-tần-già, giọng mềm mại êm nhẹ người nghe đều vui tai. Quyển thuộc đều đồng tâm không gì có thể chướng ngại. Nơi vua ở trên đất, dưới nước, cho đến hư không, không có gì ngăn trở. Uy lực sung mãn có thể gánh vác việc lớn. Nghĩ, hỏi các bậc kỳ lão không hề lừa dối người. Tâm không đố kỵ, không thừa nhận việc phi pháp, không có tâm sân hận, uy nghi thư thái không hề khinh suất, lời nói đều thành thật, không hề có hai lời. Hành bố thí, trì giới hăng tu tâm thiện. Tới lui biết thời, không làm mất phương tiện. Thần sắc vui hòa, luôn có nụ cười khi nói năng, chưa từng chau mày, hung dữ nhìn ai. Người mất lợi thì vì họ tạo lợi, người có lợi rồi thì khiến biết rõ chỗ báo đền luôn giữ tâm hổ thẹn, có trí tuệ lớn, uy đức tôn nghiêm nhưng luôn khéo nhẫn nhục.

Tướng đại trọng phu có tánh cứng rắn quyết đoán các thứ hành tác đều mau thành tựu, trước suy lường chín chắn, sau đó mới làm. Vua có pháp nhãn nên hành nghiệp đều thù thắng. Những người khéo tư duy mới cùng làm việc với vua. Nếu không thể gánh vác nổi thì cầu bậc Hiền minh. Khéo tích tập của cải, phước đức, luôn thanh tịnh nên có thể tự phòng hộ, không phá bỏ giới cấm. Vua có nhiều của báu như Thiên vương Tỳ-sa-môn, có uy lực lớn như trời Đế-thích, đoan nghiêm đáng yêu thích như trăng rằm, có thể chiếu sáng như mặt trời, hay nhẫn như đất, tâm sâu như biển, những khổ vui không làm cho nghiêng động, như núi chúa Tu-di gió bão không thể lay động. Là trụ xứ của các sự việc quý báu vi diệu. Là nơi chốn nương dựa của các phước đức thiện. Là thân tộc của hết thảy thế gian, là xứ sở quy hướng của tất cả những người khổ não. Người không nơi quay về thì vì họ làm nơi quay về, người không có nhà thì vì họ làm nhà, người có lo sợ thì có thể dứt trừ lo sợ cho họ.

Chuyển luân Thánh vương có những tướng như vậy.

*Chuyển hóa người phá giới
Khiến trụ nơi pháp thiện
Còn nhiều việc làm khác
Như trong Sơ địa nói.*

Chuyển hóa người phá giới: Là có thể khiến chúng sinh bỏ hành ác, khéo đạt được sự an lạc.

Khiến trụ nơi pháp thiện: Là có thể chuyển nghiệp ác nơi thân khẩu ý của chúng sinh thành ba nghiệp thiện. Việc này đã nói trong Địa thứ nhất, đó là thấy chư Phật, chứng đắc các Tam-muội, chỉ có khác là ở Địa kia thấy một trăm, Địa này thấy tới số ngàn.

HẾT - QUYỂN 17

SỐ 1522/12
LUẬN KINH THẬP ĐỊA

*Tác giả: Bồ tát Thiên Thân.
Hán dịch: Đồi Hậu Ngụy, Đại sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ.*

QUYỂN 1

Địa thứ nhất: ĐỊA HOAN HỸ, phần 1

*Người nói pháp môn này
Và các pháp khuyến thỉnh
Người phân biệt nghĩa tạng
Vâng giữ truyền bá rộng.
Các pháp môn tối thắng
Đánh lễ, giải diệu nghĩa
Nhằm khiến pháp trụ lâu
Lợi mình và lợi người.*

Pháp môn của *mười Địa*, **Địa thứ nhất** gồm 8 phần:

- 1. Phần Tựa (Mở đầu).**
- 2. Nhập Tam-muội.**
- 3. Gia hộ.**
- 4. Phát khởi.**
- 5. Phần Gốc.**
- 6. Thỉnh cầu.**
- 7. Thuyết giảng.**
- 8. Đối chiếu chỗ thù thắng.**

1. Phần Tự.

* **Kinh nói:** “Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà thành đạo chưa lâu, đến ngày thứ mười bốn, tại điện Ma ni Bảo Tạng, ở vương cung Tự Tại thiên, thuộc cõi trời Tha-hóa-tự-tại, cùng với chúng Đại Bồ-tát hiện diện đông đủ, hết thấy đều là bậc không thoái chuyển, còn một đời nữa sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, đều từ thế giới của các vị Phật khác vân tập đến pháp hội này. Các vị Bồ-tát ấy đều được tự tại trong cảnh giới trí tuệ của tất cả Bồ-tát, đều có thể bước vào cảnh giới trí tuệ của hết thấy Như Lai, đều siêng năng tu tập không dừng nghỉ, khéo có thể giáo hóa khắp các thế gian, tùy lúc hiện bày đủ hết thấy các sự việc về thần thông, trong một sát-na đều hành tác trọn vẹn, không bỏ sót một đại nguyện nào của bậc Bồ-tát đã phát khởi, luôn tu tập đủ hạnh của các bậc Bồ-tát ở bất cứ đời nào, kiếp nào, cõi nước nào, đầy đủ phước đức trí tuệ của bậc Bồ-tát, được thần túc như ý không cùng tận, có khả năng đem ích lợi cho tất cả chúng sinh, sử dụng được phương tiện trí tuệ của hết thấy Bồ-tát để đạt tới bờ kia, có thể khiến cho chúng sinh từ bỏ nẻo thế gian hướng đến cửa Niết-bàn, không làm đứt mất sự việc Bồ-tát đã hành trì, khéo đi vào cảnh giới thiền định, Tam-muội giải thoát, thần thông, minh tuệ của tất cả Bồ-tát, đối với mọi việc cần làm đều khéo có thể thị hiện, đạt tự tại vô tác của bậc Bồ-tát, thấy đều chứng đắc các thứ như ý thần túc, trong khoảnh khắc một niệm, có thể đi tới dự đại hội của chư Phật trong mười phương để khuyến phát, thừa thính cách thọ trì pháp luân của hết thấy chư Phật, thường đem tâm rộng lớn cúng dường chư Phật, luôn tu tập theo sự nghiệp hành hóa của hàng Đại Bồ-tát, có thể hiện thân ở khắp vô lượng thế giới, tiếng nói vang trùm không đâu là không nghe thấy, tâm ý thông suốt, thấy rõ ba đời, tu tập đầy đủ các thứ công đức hiện có của hết thấy Bồ-tát. Công đức của Bồ-tát Ma-ha-tát là vô lượng vô biên như thế, trong vô số kiếp nêu bày không thể hết.

Danh hiệu của chư vị là: Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Thắng Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Nhứt Tạng, Bồ-tát Nguyệt Tạng, Bồ-tát Tịnh Nguyệt Tạng, Bồ-tát Chiếu Nhất Thiết Thế Gian Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Trí Tuệ Phổ Chiếu Minh Tạng, Bồ-tát Diệu Thắng Tạng, Bồ-tát Chiên Đàn Thắng Tạng, Bồ-tát Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Câu Tô Ma Thắng Tạng, Bồ-tát Ưu Bát La Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Thiên Thắng Tạng, Bồ-tát Phước Đức Thắng Tạng, Bồ-tát Vô Ngại Thanh Tịnh Trí Tạng, Bồ-tát Công Đức Tạng, Bồ-tát Na La Diên Đức Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Bồ-tát Ly Cấu Tạng, Bồ-tát Chủng Chủng Lạc Thuyết Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Đại Quang Minh Vông Chiếu Tạng, Bồ-tát Tịnh Minh Thắng Chiếu Uy Đức Vương Tạng, Bồ-tát Đại Kim Sơn Tịnh Quang Minh Uy Đức Vương Tạng, Bồ-tát Nhất Thiết Tướng Trang Nghiêm Tịnh Thắng Tạng, Bồ-tát Kim Cang Diệm Thắng Hung Tướng Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Diệm Xí Tạng, Bồ-tát Túc Vương Quang Chiếu Tạng, Bồ-tát Hư Không Khố Vô Ngại Trí Tạng, Bồ-tát Vô Ngại Diệu Âm Viễn Tạng, Bồ-tát Đà La Ni Công Đức Trì Nhất Thiết Thế Gian Nguyên Tạng, Bồ-tát Hải Trang Nghiêm Tạng, Bồ-tát Tu Di Thắng Tạng, Bồ-tát Tịnh Nhất Thiết Công Đức Tạng, Bồ-tát Như Lai Tạng, Bồ-tát Phật Thắng Tạng, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt.

Những Bồ-tát Ma-ha-tát như thế là vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ, không thể nghĩ bàn, không thể nêu xưng, không thể lường tính, không có hạn lượng, từ vô số cõi nước của chư Phật vân tập tới đây, số lượng ấy là không thể nêu bày, không thể nói hết. Bồ-tát Kim Cang Tạng là bậc thượng thủ”.

*** Luận nêu:** So sánh về thời (Thời gian) xứ (Nơi chốn) để làm sáng tỏ sự vượt hơn. Pháp này là thù thắng nên được giảng nói vào lúc đầu, tại nơi chốn thù thắng. Cung điện của nơi ấy là hơn hết. Đó là nơi chốn thù thắng.

Vì sao Đức Phật không giảng nói pháp ở cõi Sắc? Do nơi xứ này đã chiêu cảm quả ấy.

Vì sao Đức Phật không giảng nói pháp vào bảy ngày đầu? Do Đức Phật đang còn tư duy về việc làm, tư duy về nhân duyên của việc làm, vì gốc của sự thành đạo là lợi tha.

Vì sao trong bảy ngày đầu, Đức Phật chỉ tư duy mà không nói pháp? Vì nhằm chỉ rõ là Đức Phật đang thọ hưởng nguồn vui của pháp lớn.

Vì sao nêu rõ nguồn vui pháp nơi chính mình? Vì muốn khiến cho chúng sinh đối với trụ xứ của Như Lai, tâm ái kính của họ được tăng thêm. Lại, ra khỏi pháp lạc vi diệu như vậy là vì Đức Phật luôn thương xót chúng sinh, vì họ mà giảng nói pháp.

Do đâu Ngài chỉ tư duy về việc làm, về nhân duyên của việc làm? Do nhân duyên hành hóa ấy là sự hiển bày pháp bất cộng.

Vì sao Bồ-tát thuyết giảng pháp môn này? Vì muốn khiến diệu lực của các Bồ-tát được tăng trưởng.

Vì sao chỉ do Kim Cang Tạng giảng nói? Do tất cả phiền não khó hủy hoại, nhưng pháp môn này có khả năng phá trừ phiền não, vì căn thiện cứng chắc cũng như kim cương nên không phải là vị khác giảng nói.

Vì sao gọi là Kim Cang Tạng? Tạng nghĩa là cứng chắc, như cây bám rễ sâu trong lòng đất, như mầm nụ tàng ẩn bên trong. Do vậy, gọi là cứng như Kim Cang, như Kim Cang Tạng. Những căn thiện này, đối với hết thảy các căn thiện khác, chúng có sức mạnh tối thượng như kim cương, cũng có khả năng phát sinh và thành tựu đạo hạnh của hàng trời, người. Những căn thiện khác không thể hủy hoại, nên gọi là Kim Cang Tạng.

2. Phần Tam muội.

* **Kinh nói:** “Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Kim Cang Tạng vâng theo oai thân của Phật, nhập Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Nhập Tam-muội: Tức chỉ rõ pháp này không phải là cảnh giới của suy lường.

*

3. Phần Gia hộ.

* **Kinh nói:** “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nhập Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát, tức thì tại các thế giới của chư Phật nhiều hơn số vi trần nơi mười ức cõi Phật trong mười phương, có số lượng chư Phật nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật, đều hiện thân, đồng gọi là Kim Cang Tạng. Chư Phật ấy tán thán như vậy: Lành thay! Lành thay! Chỉ Kim Cang Tạng mới có thể nhập Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát này. Lại nữa, này thiện nam! Chư Phật nhiều như số vi trần nơi mười ức cõi Phật trong mười phương như thế đều cùng một hiệu, tặng thêm oai thân cho ông. Đó là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô-xá-na gia hộ”.

* **Luận nêu:** Vì sao có nhiều Phật gia hộ như vậy? Vì chỉ rõ sự tăng trưởng tâm cung kính đối với pháp và Pháp sư.

Vì sao đồng một hiệu là Kim Cang Tạng? Do diệu lực của bản nguyện gia hộ.

Vì sao Đức Như Lai đã tạo nguyện như vậy? Vì nhằm chỉ rõ nhiều Phật. Tam-muội này là thể của pháp. Bản hạnh khi làm Bồ-tát đều tên là Kim Cang Tạng, cùng nói pháp này, nay thành Chánh giác, cũng gọi là Kim Cang Tạng nên không gia hộ danh hiệu khác. Lại nữa, do nghe các Đức Như Lai cùng tên với mình, nên Bồ-tát này càng thêm vui thích phấn khích.

Vì sao không nói vượt quá vô lượng thế giới? Vì dùng phương tiện để hiển bày về nhiều Phật.

Vì sao nói cố định là mười ức cõi Phật? Vì giảng nói về mười Địa. Kinh này phần nhiều nói về số mười như vậy. Đức Phật kia từ trước đã phát nguyện này, nay lại tự gia hộ. Sau có Phật khác gia hộ nói là diệu lực từ bản nguyện của Phật Lô-xá-na, nên gia hộ.

Vì sao gia hộ? Vì giảng nói pháp này nên mới gia hộ.

*Lại nói: **Gia hộ như thế nào?***

** Kinh nói: “Lại nữa, hết thấy Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Pháp của chư Phật được nêu bày rõ khiến nhập vào Địa trí tuệ, nhằm thu tóm tất cả căn thiện, để khéo phân biệt lựa chọn hết thấy pháp Phật, để nhận biết rộng các pháp, để khéo quyết định giảng nói các pháp, để trí không phân biệt được thanh tịnh, không xen tạp, để hết thấy pháp của ma không thể làm cầu nhiệm, để cho căn thiện của pháp xuất thế gian được trong sạch, để đạt được cảnh giới của trí không thể nghĩ bàn, cho đến đạt được cảnh giới của trí nơi bậc Nhất thiết trí. Lại nữa, để đạt được đầu cuối nơi mười Địa của Bồ-tát, để giảng nói đúng như thật về phương tiện khác nhau nơi mười Địa của Bồ-tát, để nhớ nghĩ, tùy thuận nơi hết thấy pháp Phật, để quán xét phân biệt thấu đạt pháp vô lậu, để khéo lựa chọn phương tiện của đại trí tuệ quang minh, để khiến đi vào cửa trí tuệ gồm đủ, để tùy theo chỗ an trụ chính thức giảng nói về vô úy biện tài luôn sáng tỏ, để đạt được địa trí vô ngại lớn lao, để luôn nhớ nghĩ không quên mất tâm Bồ-đề, nhằm giáo hóa, thành tựu hết thấy cảnh giới của chúng sinh, để thông suốt, phân biệt hết thấy lĩnh vực của pháp”.*

** Luận nêu: Hai mươi câu trên đây là dựa vào hành tự lợi, lợi tha của tất cả Bồ-tát nên gia hộ. Như vậy, mười câu đầu là dựa vào hành tự lợi, mười câu sau là dựa vào hành lợi tha.*

Trong đây, *hết thầy Bồ-tát*: Là trụ ở bậc Tín hành.

Pháp của chư Phật là không thể nghĩ bàn: Vì là đạo phẩm xuất thế gian.

Minh (Rõ): Là thấy trí được chứng đắc. *Nêu bày (Thuyết)*: Là ở trong đó nhận biết phân biệt.

Nhập: Là tin ưa chỗ được chứng đắc. *Địa trí tuệ*: Là trí của mười Địa.

Như trong *Phần Góc* nói, đây là sự hội nhập căn bản. Như kinh nói: “Lại nữa, hết thầy Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Pháp của chư Phật được nêu bày rõ khiến nhập vào Địa trí tuệ”.

Trong Tu-đa-la này nói: Nương vào chỗ căn bản để hội nhập có 9 thứ nhập:

(1) *Nhiếp nhập (Nhập của thâm tóm)*: Tất cả căn thiện được thâm tóm vào văn tuệ. Như kinh nói: “Thâm tóm tất cả căn thiện”.

(2) *Tư nghị nhập (Nhập của nghĩ bàn)*: Tư tuệ là phương tiện của trí ở trong hết thầy các đạo phẩm. Như kinh nói: “Khéo phân biệt lựa chọn hết thầy pháp Phật”.

(3) *Pháp tướng nhập (Nhập của pháp tướng)*: Là vô lượng các thứ nhận biết trong ý nghĩa của hai thứ nhập trên. Như kinh nói: “Nhận biết rộng các pháp”.

(4) *Giáo hóa nhập (Nhập của giáo hóa)*: Là theo sự nghĩ bàn về danh tự đầy đủ, nên khéo giảng nói pháp. Như kinh nói: “Khéo quyết định giảng nói các pháp”.

(5) *Chứng nhập (Nhập của chứng đắc)*: Là ở trong tất cả pháp bình đẳng, lúc trí kiến đạo khéo làm thanh tịnh. Như kinh nói: “Trí không phân biệt được thanh tịnh, không xen tạp”. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh tức là tự thành tựu pháp Phật, cho nên lợi tha cũng gọi là tự lợi.

(6) *Bất phóng dật nhập (Nhập không phóng dật)*: Là trong khi tu đạo, xa lìa tất cả phiền não chướng. Như kinh nói: “Hết thầy pháp của ma không thể làm cầu nhiễm”.

(7) *Địa chuyển nhập (Nhập chuyển theo từng Địa)*: Là trong đạo phẩm xuất thế gian, các căn thiện như không tham v.v... đều thanh tịnh. Như kinh nói: “Căn thiện của pháp xuất thế gian được trong sạch”. Tức lại có căn thiện có thể làm nhân cho đạo phẩm xuất thế gian.

(8) *Bồ-tát tận nhập (Nhập tận cùng của Bồ-tát)*: Là ở trong Địa thứ mười, hội nhập nơi trí bí mật của tất cả Như Lai. Như kinh nói: “Đạt được cảnh giới của trí không thể nghĩ bàn”.

(9) *Phật tận nhập (Nhập tận cùng của Phật)*: Là trí hội nhập nơi Nhất thiết trí. Như kinh nói: “Cho đến đạt được cảnh giới của trí nơi bậc Nhất thiết trí”.

Những *nhập* này là sự đối chiếu về nghĩa sai biệt nơi trí, lần lượt chuyển lên tốt hơn, không phải là nhập căn bản. Hết thầy chỗ nêu bày trong mười câu trên, đều có sáu thứ môn tướng sai biệt. Ngôn thuyết ở đây là giải thích, nên biết là loại trừ sự việc.

Sự việc đó là âm, giới, nhập. Sáu thứ tướng là Tổng tướng, Biệt tướng, Đồng tướng, Dị tướng, Thành tướng, Hoại tướng.

Tổng tướng là nhập căn bản. Biệt tướng là chín thứ nhập kia. Biệt tướng đã nương dựa vào gốc (Nhập căn bản) làm viên mãn phần gốc kia. Đồng tướng là nhập. Dị tướng là tướng thêm lên. Thành tướng là nói tóm lược. Hoại tướng là nói rộng. Như thế giới thành hoại.

Trong tất cả *mười câu* còn lại nên theo nghĩa, loại để nhận biết.

Câu thứ 20 gọi là đạt được đầu cuối nơi mười Địa của Bồ-tát, là đầu cuối căn bản này. Trong đó, đầu là tin tưởng, muốn gần gũi. Cuối nghĩa là nhớ nghĩ, giữ lấy các Địa. Lại có A-hàm (Giáo pháp)

và chứng đắc. Như thế, theo thứ lớp nương vào tướng đầu, nên biết đó là nương vào đầu cuối căn bản.

Có 10 thứ đầu cuối:

(1) *Đầu cuối thân tóm*: Là trí của tư tuệ theo nghĩa đã được nghe để thọ trì, giảng nói. Như kinh nói: “Để giảng nói đúng như thật về phương tiện khác nhau nơi mười Địa của Bồ-tát”.

(2) *Đầu cuối về mong muốn*: Là khiến chứng đắc hết thấy pháp Phật. Như kinh nói: “Để nhớ nghĩ, tùy thuận nơi hết thấy pháp Phật”.

(3) *Đầu cuối về hành*: Là trong khi quán chiếu từng phần về đạo phẩm vô lậu, biết phân biệt tu tập cùng giác ngộ. Như kinh nói: “Để quán xét phân biệt thấu đạt pháp vô lậu”.

(4) *Đầu cuối về chứng đắc*: Là phương tiện của trí vô ngã thấy pháp trong khi kiến đạo. Như kinh nói: “Để khéo lựa chọn phương tiện của đại trí tuệ quang minh”. Trong ấy, *khéo lựa chọn* là tối thắng nơi sự lựa chọn. *Tối thắng* là trí nhận biết pháp vô ngã. *Đại trí tuệ* là vượt khỏi Tiểu thừa. *Quang minh* (Sáng tỏ) là đối trị với vô minh. Về việc này, nơi thời gian khác đều khéo nhận biết.

(5) *Đầu cuối về tu đạo*: Là trí lực của trí xuất thế gian được hội nhập nơi nghĩa của pháp. Như kinh nói: “Khiến đi vào cửa trí tuệ gồm đủ”.

Ở đây, Bồ-tát đối với Bồ-đề có 5 thứ chương:

(1) *Chương ngại do không thể phá trừ các thứ tà luận*: Mình cho là chánh nghĩa, nhưng người khác nói là có thể hủy hoại. Lại như quyền thuộc ly tán.

(2) *Chương ngại vì không thể trả lời các vấn nạn*: Những gì người khác hỏi thì mờ mịt không giải đáp được. Nếu có nói điều gì thì người ta cũng không tin nhận.

(3) *Chướng ngại vì tham vương nơi Tiểu thừa*: Tự mình không đủ khả năng đạt được Đại Bồ-đề, còn từ bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh.

(4) *Chướng ngại do biếng trễ nơi việc giáo hóa chúng sinh*: Trong đó đã bỏ hành lợi tha, không trợ giúp điều thiện cho kẻ khác, lại khiến cho căn thiện của mình không phát triển.

(5) *Chướng ngại vì không có trí phương tiện*: Không thể khéo giáo hóa chúng sinh, nên hạnh Bồ-đề của mình không được đầy đủ.

Để đối trị 5 chướng ngại này có 5 thứ đầu cuối:

(1) *Đầu cuối có khả năng phá trừ chướng ngại của tà luận*: Tùy theo những vương mắc của họ mà làm sáng tỏ ý nghĩa chính đáng của mình. Không lo sợ khi đối trị tà chấp, do có tánh biện tài không tối tăm. Như kinh nói: “Tùy theo chỗ an trụ chính thức giảng nói về vô úy biện tài luôn sáng tỏ”.

(2) *Đầu cuối có khả năng trả lời những vấn nạn*: Do chứng được trí địa vô ngại lớn lao. Như kinh nói: “Đạt được địa trí vô ngại lớn lao”.

(3) *Đầu cuối đối trị sự tham vương nơi Tiểu thừa*: Do không quên mất nguyện Đại Bồ-đề, niệm Đại Bồ-đề. Như kinh nói: “Luôn nhớ nghĩ không quên mất tâm Bồ-đề”.

(4) *Đầu cuối đối trị sự biếng trễ nơi việc giáo hóa chúng sinh*: Do không hề mỗi một khi làm lợi ích cho chúng sinh. Như kinh nói: “Nhằm giáo hóa, thành tựu hết thấy cảnh giới của chúng sinh”.

(5) *Đầu cuối đối trị chỗ không có trí phương tiện*: Do phân biệt thông suốt được lĩnh vực năm minh. Như kinh nói: “Đề thông suốt, phân biệt hết thấy lĩnh vực của pháp”.

Đã nói: Vì sao phải Gia hộ? Lại nói: Gia hộ như thế nào?
Nghĩa là gia hộ nơi *thân, khẩu, ý*.

a. Thế nào là gia hộ nơi miệng (khẩu)?

* **Kinh nói:** “Lại nữa, này thiện nam! Ông nên biện luận để giảng nói về cách sử dụng phương tiện khác nhau của pháp môn này. Vâng theo thần lực của chư Phật, được trí sáng của Như Lai gia hộ, nên căn thiện của mình thanh tịnh, pháp giới thanh tịnh, làm lợi ích cho các nẻo chúng sinh. Có pháp thân, trí thân, chánh thọ hết thảy quả vị Phật, đạt được thân cao lớn hơn hết trong tất cả thế gian, vì vượt qua hết thảy đạo thế gian, nên pháp xuất thế gian là đạo thanh tịnh, có được đầy đủ trí của bậc Nhất thiết trí”.

* **Luận nêu:** Trong mười câu này, *Biện tài:* Là theo chỗ đạt được nghĩa của pháp, luôn nhớ nghĩ giữ gìn không quên để giảng nói.

Các pháp môn: Là pháp của mười Địa. *Sai khác:* Là các thứ danh, tướng. Pháp này là thành tựu khéo léo cho nên gọi là *phương tiện*.

Nương vào biện tài căn bản có 2 thứ biện tài:

- (1) Biện tài do sức của người khác.
- (2) Biện tài do chính năng lực của mình.

Biện tài do sức của người khác: Là vâng theo thần lực của Phật. Thế nào là vâng theo thần lực của Phật? Là trí lực của Như Lai gia hộ rõ ràng. Như kinh nói: “Vâng theo thần lực của chư Phật, được trí sáng của Như Lai gia hộ”.

Biện tài do chính năng lực của mình: Có 4 thứ:

(a) Biện tài làm thanh tịnh pháp thiện hữu tác. Như kinh nói: “Nên căn thiện của mình thanh tịnh”.

(b) Biện tài làm thanh tịnh pháp vô tác. Như kinh nói: “Pháp giới thanh tịnh”.

(c) Biện tài làm thanh tịnh việc giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Làm lợi ích cho các nẻo chúng sinh”.

(d) Biện tài làm thanh tịnh tự thân: Nơi thân thanh tịnh ấy hiện bày 3 thứ tận cùng: *Một là*: Tận cùng của Bồ-tát có hai loại lợi ích. *Hai là*: Tận cùng không đồng với hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. *Ba là*: Tận cùng của Phật.

Tận cùng của Bồ-tát: Tức Pháp thân lia khỏi tâm ý thức, chỉ nương dựa vào trí. Như kinh nói: “Có pháp thân, trí thân”. *Hai loại lợi ích*: Một là lợi ích của quả báo hiện tại nhận lấy quả vị Phật. Hai là lợi ích của quả báo về sau. Sinh nơi xứ trí của Ma-hê-thủ-la. Như kinh nói: “Chánh thọ hết thấy quả vị Phật, đạt được thân cao lớn hơn hết trong tất cả thế gian”.

Tận cùng không đồng với hàng Thanh văn, Phật-bích-chi: Tức lúc vượt qua năm đường là làm thanh tịnh đạo Niết-bàn. Như kinh nói: “Vì vượt qua hết thấy đạo thế gian, nên pháp xuất thế gian là đạo thanh tịnh”.

Tận cùng của Phật: Là nhập vào trí Nhất thiết trí viên mãn. Như kinh nói: “Có được đầy đủ trí của bậc Nhất thiết trí”.

Biện tài do chính năng lực của mình là đối chiếu chuyển theo chỗ cao hơn, thù thắng hơn.

b. Thế nào là gia hộ nơi ý?

* **Kinh nói**: “*Bấy giờ, chư Phật ban cho Bồ-tát Kim Cang Tạng thân chân thật không còn sợ hãi. Ban cho biện tài vui thích giảng nói pháp không bị chướng ngại. Ban cho sự hội nhập khéo làm thanh tịnh trí có sai biệt. Ban cho sự gia hộ khéo nhớ nghĩ không quên mất. Ban cho phương tiện để khéo quyết định về ý. Ban cho Nhất thiết trí bao trùm khắp nơi chốn. Ban cho diệu lực không hoại của chư Phật. Ban cho pháp không sợ hãi, không khiếm nhược của Như Lai. Ban cho chánh kiến để phân biệt pháp, không bị trở ngại nơi trí của bậc Nhất thiết trí. Ban cho sự khéo phân biệt về thân khẩu ý phát khởi trang nghiêm của hết thấy Như Lai*”.

* **Luận nêu:** Mười câu nói về sự gia hộ cho ý này, Thân không sợ hãi có 2 thứ:

(1) Ban cho thân oai đức tối thắng, không ai hơn, như vua ở giữa đám đông cư xử tự tại, không hề sợ hãi.

(2) Ban cho thân không sợ hãi đạt được biện tài. Sắc thân trước hơn sắc thân sau nên gọi là thân vượt hơn.

Gọi là thân không sợ hãi đạt được biện tài ấy có 9 thứ:

(1) *Biện tài không vương mắc:* Là thuyết pháp không bị đứt đoạn, không vấp vấp. Như kinh nói: “Ban cho biện tài vui thích giảng nói pháp không bị chướng ngại”.

(2) *Biện tài gắng nhận:* Là khéo làm thanh tịnh trí kham nhận, có bốn thứ là Duyên, Pháp, Tạo tác và Thành tựu. Khéo nhận biết về tướng thành hay không thành của nghĩa ấy. Như kinh nói: “Ban cho sự hội nhập khéo làm thanh tịnh trí có sai biệt”.

(3) *Biện tài buông mở:* Là thuyết giảng không theo thứ lớp, ngôn từ không đứt đoạn, nơi nơi đều hợp ý, không quên mất danh nghĩa. Như kinh nói: “Ban cho sự gia hộ khéo nhớ nghĩ không quên mất”. Sự gia hộ không quên này là gia hộ về ý lực.

(4) *Biện tài có thể nêu bày:* Là tùy chỗ nên hóa độ, dùng nhiều thứ thí dụ để có thể đoạn trừ nghi ngờ. Như kinh nói: “Ban cho phương tiện để khéo quyết định về ý”.

(5) *Biện tài không lẫn lộn:* Là ba thứ đồng tướng, nên trí thường hiện tiền. Như kinh nói: “Ban cho Nhất thiết trí bao trùm khắp nơi chốn”.

(6) *Biện tài giáo hóa xuất ly:* Là đạt được mười lực không hoại của Phật, nên đối với kẻ đáng hóa độ thì khiến họ dứt trừ phiền não. Như kinh nói: “Ban cho diệu lực không hoại của chư Phật”.

(7) *Biện tài không sợ hãi*: Là đạt được quyết định không sợ hãi của Phật, nên đối với ngôn thuyết của kẻ khác không hề khiếp nhược. Như kinh nói: “Ban cho pháp không sợ hãi, không khiếp nhược của Như Lai”.

(8) *Biện tài vô lượng*: Là đối với Nhất thiết trí, tùy thuận để giảng nói các pháp nơi Tu-đa-la như sáu thứ chánh kiến v.v... Như kinh nói: “Ban cho chánh kiến để phân biệt pháp, không bị trở ngại nơi trí của bậc Nhất thiết trí”.

(9) *Biện tài đồng hóa*: Là đạt được thân vô úy của tất cả chư Phật, cùng với ba thứ giáo hóa tùy chỗ đáng hóa độ mà hiển bày ba nghiệp thù thắng để thần hóa. Như kinh nói: “Ban cho sự khéo phân biệt về thân khẩu ý phát khởi trang nghiêm của hết thảy Như Lai”.

Lại, chư Phật có diệu lực, có từ bi, vì sao dùng **10** thứ thân không sợ hãi chỉ gia hộ cho Bồ-tát Kim Cang Tạng, không gia hộ cho vị khác?

* **Kinh nói**: “*Vì sao? Do đạt được pháp Tam-muội Đại thừa quang minh của Bồ-tát, cũng là đầy khởi bản nguyện của Bồ-tát, do khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa, khéo làm thanh tịnh trí viên mãn, khéo tích tập pháp trợ đạo, khéo tu hành theo bản nghiệp, nhớ nghĩ giữ gìn vô lượng pháp, tin hiểu pháp thanh tịnh quang minh, do khéo đạt được môn Đà-la-ni bất hoại, do trí pháp giới ẩn chứng, khéo ẩn chứng*”.

* **Luận nêu**: Vì Bồ-tát này được pháp Tam-muội Đại thừa quang minh, còn những vị khác thì không đạt được.

Được pháp Tam-muội có **2** thứ:

(1) Bản nguyện được thành tựu hiện tiền. Như kinh nói: “Cũng là đầy khởi bản nguyện của Bồ-tát”.

(2) Thân Tam-muội gồm thâu đủ các công đức. Thân Tam-muội gồm thâu đủ các công đức này có **8** thứ, dựa vào tự lợi, lợi tha:

(a) *Nhân thanh tịnh*: Là tâm sâu xa hướng đến địa Bồ-tát nên hết sức thanh tịnh. Như kinh nói: “Do khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa”. Tâm sâu xa là tin tưởng, vui thích. Lại là căn bản của các pháp thiện.

(b) *Trí thanh tịnh*: Là hướng đến chỗ tận cùng của địa Bồ-tát với trí quán chân như của bậc tu đạo. Như kinh nói: “Khéo làm thanh tịnh trí viên mãn”. Quán chân như này là nội trí viên mãn, soi sáng khắp pháp giới cũng như ánh sáng của vầng mặt trời chiếu tỏa cùng khắp thế giới.

(c) *Thân chuyển thanh tịnh*: Là đời đời chuyển hơn, khéo hành trì nên thành tựu viên mãn. Như kinh nói: “Khéo tích tập pháp trợ đạo”.

(d) *Tâm điều phục thanh tịnh*: Là khéo đoạn trừ tập khí phiền não. Như kinh nói: “Khéo tu hành theo bản nghiệp”.

(đ) *Lãnh hội thâm tóm thanh tịnh*: Là có thể gánh vác, thọ nhận, giữ gìn hết thảy pháp bí mật do Như Lai giảng nói. Như kinh nói: “Nhớ nghĩ, giữ gìn vô lượng pháp”.

(e) *Thần thông thanh tịnh*: Là đạt được thần thông thù thắng tự tại. Như kinh nói: “Tin hiểu pháp thanh tịnh quang minh”, tức đem tín lực quyết định để thâm giữ thần thông.

(f) *Biện tài thanh tịnh*: Là khéo nhận biết về môn Đà-la-ni không trái nhau. Như kinh nói: “Do khéo đạt được môn Đà-la-ni bất hoại”. Trong đây, chữ nơi chương đầu hiện có là môn Đà-la-ni. Mỗi mỗi môn tự thâm giữ vô lượng danh cú, tự thân. Không hư hoại: Là trước sau không trái nhau.

(g) *Lìa kiêu mạn thanh tịnh*: Là trí chân thật dạy bảo, truyền trao, không có khác. Như kinh nói: “Do trí pháp giới ấn chứng, khéo ấn chứng”.

Ở đây, thân Tam-muội gồm thâm đủ các công đức có 4 thứ, dựa vào nhân tự lợi:

- (a) Khéo làm thanh tịnh thâm tâm.
- (b) Khéo làm thanh tịnh trí viên mãn.
- (c) Khéo tích tập các pháp trợ đạo.
- (d) Khéo tu trì theo bản nghiệp.

Bốn câu trong phần Tu-đa-la này, theo thứ lớp nêu bày là nhân tinh tấn, nhân không quên mất, nhân uy lực và nhân không bị cấu nhiễm.

Lại nữa, dựa vào nhân lợi tha cũng có 4 thứ:

- (a) Nhớ giữ vô lượng pháp là nhân đoạn trừ nghi hoặc.
- (b) Tin hiểu pháp quang minh thanh tịnh là nhân của sự tôn kính.
- (c) Dùng sức thần thông thị hiện xứ không thể nghĩ bàn, khiến những người trông thấy đều quyết định tin nhập. Khéo đạt được môn Đà-la-ni bất hoại là nhân để chuyển diệu lý của pháp.
- (d) Khi chánh pháp nếu hoại diệt, nhờ vào sự tôn trọng pháp còn lại nên vẫn đọc tụng, giữ gìn, trí pháp giới ấn chứng, khéo ấn chứng là nhân của sự giáo hóa truyền trao pháp xuất ly. Giáo hóa như vậy, chính mình được lợi, không quên mất.

c. Thế nào là gia hộ nơi thân? Là xoa nơi đỉnh đầu tạo sự hiểu biết.

*** Kinh nói:** “*Bấy giờ, mười phương chư Phật không lia bản xứ, đều dùng sức thần thông, đưa tay bên phải khéo sờ vào đỉnh đầu của Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng*”.

*** Luận nêu:** Không lia bản xứ mà xoa đầu, ở đây là thị hiện rõ thần lực thù thắng. Nếu tới nơi này mà xoa đầu thì không phải là điều kỳ lạ. Như vậy, lực như ý thông này không phải như các thứ thần thông khác.

4. Thế nào là Phát khởi?

* **Kinh nói:** “Chư Phật xưa đầu Bồ-tát Kim Cang Tạng rồi, bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng liền từ Tam-muội đứng lên”.

* **Luận nêu:** *Liền từ Tam-muội đứng lên:* Nghĩa là do hành Tam-muội đã xong, lại được lực thù thắng, nên khi giảng nói, lại đạt đến định không ngôn thuyết.

*

5. Thế nào là phần Gốc?

* **Kinh nói:** “Sau khi đứng lên ra khỏi Tam-muội, Bồ-tát Kim Cang Tạng liền nói với các Bồ-tát: *Này các Phật tử! Thệ nguyện của các Bồ-tát là khéo quyết định, không xen tạp, không thể thấy, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, cùng tận đến đời vị lai, che chở cứu giúp nơi cảnh giới của hết thảy chúng sinh.*

Này các Phật tử! Các Bồ-tát ấy mới có thể bước vào trí địa của chư Phật quá khứ, mới có thể bước vào trí địa của chư Phật vị lai, mới có thể bước vào trí địa của chư Phật hiện tại. Này các Phật tử! Mười Địa của Bồ-tát này là chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói. Ta nhân nơi sự việc ấy nên giảng nói như thế. Những gì là mười Địa? Đó là Địa Hoan Hỷ, Địa Ly Cấu, Địa Minh, Địa Diệm, Địa Nan Thắng, Địa Hiện Tiền, Địa Viễn Hành, Địa Bất Động, Địa Thiện Tuệ, Địa Pháp Vân. Này các Phật tử! Mười Địa của Bồ-tát này, chư Phật thời quá khứ, hiện tại, vị lai đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói.

Này các Phật tử! Ta không thấy có thế giới của Phật nào với chư Như Lai ở nơi đó, lại không khen ngợi việc giảng nói mười Địa của Bồ-tát này. Vì sao? Vì đây là pháp thắng diệu tăng thượng của Đại Bồ-tát, cũng là pháp môn quang minh của Bồ-tát, nghĩa là phân biệt sự việc của mười Địa.

Này các Phật tử! Sự việc này là không thể nghĩ bàn. Đó là trí tuệ nơi các Địa của Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** *Vì sao không thỉnh cầu mà giảng nói? Vì nếu không tự giảng nói thì đại chúng không biết là giảng nói hay không giảng nói. Lại nữa, không biết là định giảng nói pháp gì.*

Thệ nguyện khéo quyết định: Là như nơi phần Địa thứ nhất nói về việc phát tâm Bồ-đề, nên biết, tức là thệ nguyện trong phần Góc này.

Khéo quyết định: Là trí chân thật thâm tóm. Nên người khéo quyết định tức là khéo quyết định. Người này đã bước vào Địa thứ nhất, không phải thuộc về tín địa. Sự khéo quyết định này có 6 thứ:

(1) *Khéo quyết định quán tướng:* Là quán chân như với tướng một vị. Như kinh nói: “Không xen tạp”.

(2) *Khéo quyết định chân thật:* Tức không phải là cảnh giới của tất cả thế gian mà là xuất thế gian. Như kinh nói: “Không thể thấy”.

(3) *Khéo quyết định thù thắng:* Là đại pháp giới, là căn bản của hết thầy Phật. Như kinh nói: “Rộng lớn như pháp giới”. To lớn, cao rộng hơn hẳn là cùng một thể nhưng tên gọi khác, là nghĩa của pháp tướng. Là pháp như nhiên nơi hết thầy pháp. Lại, quán về đại chân như của pháp giới là vượt hơn trí của hàng phàm phu, của Nhị thừa, là pháp như nhiên của pháp tịnh. Lại, phương tiện lớn của pháp giới tập hợp các địa, nghĩa là nói về pháp như nhiên của pháp Đại thừa. Lại, là pháp như nhiên của pháp thiện nơi pháp giới, của pháp đại bạch nơi pháp giới.

(4) *Khéo quyết định về nhân có 2 thứ:* (a) Khéo quyết định về nhân của quả ái thành vô thường. Nhân này như hư không, nương vào đó các sắc phát sinh, nên sắc không cùng tận. Như kinh nói: “Rốt ráo như hư không”. (b) Khéo quyết định về nhân của quả thường, đạt được đạo Niết-bàn. Như kinh nói: “Cùng tận đến đời vị lai”.

(5) *Khéo quyết định về sự lớn lao*: Là tùy thuận làm việc lợi người. Như kinh nói: “Che chở cứu giúp nơi cảnh giới của hết thầy chúng sinh”. Kế đến là khéo quyết định như trước, vì nguyện này không hoàn toàn trụ vào Niết-bàn hay thế gian.

(6) *Khéo quyết định không khiếp nhược*: Là hội nhập nơi trí địa của hết thầy chư Phật, không khiếp nhược. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Các Bồ-tát ấy cho đến bước vào trí địa của chư Phật hiện tại”.

Lại, mười Địa này đã sinh khởi, thành tựu, giữ vững trí Phật. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Mười Địa của Bồ-tát này là chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai đã giảng nói, đang giảng nói, sẽ giảng nói”.

Khéo quyết định ở đây là Tổng tướng, phần còn lại là Biệt tướng. Đồng tướng là khéo quyết định. Dị tướng là tướng riêng. Thành tướng là nói tóm lược. Hoại tướng là nói rộng. Như thế giới thành hoại.

Hỏi: Vì sao quyết định giảng nói về mười Địa của Bồ-tát?

Đáp: Vì để đối trị lại 10 thứ chướng ngại. *Những gì là mười thứ chướng ngại?*

- (1) Chướng ngại do chấp về tướng ngã của hàng phàm phu.
- (2) Chướng ngại của thân chúng sinh theo hành tà.
- (3) Chướng ngại do quên mất, u tối đối với các pháp văn, tư, tu.
- (4) Chướng ngại do kiêu mạn đối với việc lãnh hội pháp.
- (5) Chướng ngại do ngã mạn đối với thân thanh tịnh.
- (6) Chướng ngại do tập khí của phiền não vi tế.
- (7) Chướng ngại do tướng vi tế nơi tập khí.
- (8) Chướng ngại do chấp có hành đối với vô tướng.
- (9) Chướng ngại do không thể tạo lợi ích cho chúng sinh.
- (10) Chướng ngại do không được tự tại trong các pháp.

Hỏi: Vì sao nơi mười Địa, Địa thứ nhất gọi là Hoan Hỷ, cho đến Địa thứ mười gọi là Pháp Vân?

Đáp: Do thành tựu hành tự lợi, lợi tha vô thượng, phần đầu là chứng được cõi Thánh, sinh nhiều vui mừng, nên gọi là **Địa Hoan Hỷ**.

Lìa bỏ các thứ cấu uế của phiền não, phạm giới, khiến có thể dứt khởi tâm sai lầm, đạt được giới thanh tịnh đầy đủ nên gọi là **Địa Ly Cấu**.

Theo văn, tự, tu soi chiếu pháp hiển hiện nên gọi là **Địa Minh**.

Lửa trí tuệ không quên có thể thiêu đốt các thứ củi phiền não nên gọi là **Địa Diệm**.

Đạt được trí xuất thế gian với phương tiện thiện xảo, có thể hóa độ kẻ khó độ nên gọi là **Địa Nan Thắng**.

Hành Bát-nhã Ba-la-mật, theo thời gian đại trí tuệ hiện tiền nên gọi là **Địa Hiện Tiền**.

Khéo tu hạnh vô tướng, công dụng rốt ráo, có khả năng vượt khỏi đạo thế gian và đạo xuất thế gian của hàng Nhị thừa nên gọi là **Địa Viễn Hành**.

Quả báo nơi hành đã thuần thực, là vô tướng, không gián đoạn, nên gọi là **Địa Bất Động**.

Diệu lực vô ngại, giảng nói pháp thành tựu hành lợi tha, nên gọi là **Địa Thiện Tuệ**.

Đạt được đại Pháp thân đầy đủ, tự tại, nên gọi là **Địa Pháp Vân**.

Như vậy là nhận lãnh quả vị Pháp vương, như Thái tử được tự tại đối với các vương tử. Ở đây vẫn còn một chút chướng ngại đối với trí, nên không hoàn toàn tự tại. Đối trị chướng ngại này nên nói **Phật Địa**.

Lại như ở trong thai tạng, mười Địa của Bồ-tát cũng lại như vậy. Do các Địa có chướng ngại, nên như lúc sinh con. Lúc thành

Phật cũng như thế, tức đã làm xong hết các việc. Lại nữa, như khi sinh ra, các căn đều nhận biết. Phật cũng như vậy, đối với tất cả cảnh giới, trí đều thông tỏ.

Tạng có **10** thời kỳ:

- (1) Thời gian mang thân Đà-la-bà.
- (2) Thời gian mang thân Áp-la-bà.
- (3) Thời gian mang thân Thi-la-tha.
- (4) Thời gian thân cứng chắc.
- (5) Thời gian hình vóc giống với sắc thân.
- (6) Thời gian tính giống với thân.
- (7) Thời gian thân nghiệp động.

(8) Thời gian thân đầy đủ. Trong đó có **3**: (a) Thời gian các căn đầy đủ. (b) Thời gian tướng nam nữ khác nhau đầy đủ. (c) Thời gian các tướng dài rộng đầy đủ.

Mười chặng thời gian như vậy, các Địa đều giống nhau.

Kinh nói: “Này các Phật tử! Ta không thấy có thể giới của Phật nào với chư Như Lai ở nơi đó, lại không khen ngợi việc giảng nói mười Địa của Bồ-tát này”: Là làm sáng tỏ pháp thù thắng đó, nhằm khiến cho đại chúng lúc ấy tăng thêm khát vọng chiêm ngưỡng.

Thế giới của Phật: Là ở nơi đó đã thành tựu Phật đạo. Dụ như ruộng lúa. Đến đây làm việc Phật, cũng gọi là thế giới của Phật.

Khen ngợi việc giảng nói: Ở đây có **2** thứ: (1) Thuyết giảng về nghĩa A-hàm. (2) Thuyết giảng về nghĩa chứng nhập.

Ma-ha-tát: Có **3** thứ lớn: (1) Nguyện lớn. (2) Hành lớn. (3) Làm lợi ích cho chúng sinh lớn.

Pháp thắng diệu: Là pháp môn này thù thắng tột bậc trong các pháp môn.

Quang minh: Là pháp Đại thừa này chiếu sáng cho hết thấy pháp môn khác.

Pháp môn: Tức là pháp.

Phân biệt sự việc của mười Địa: Là hiển bày chỉ rõ về pháp nơi đối tượng được nhận biết của trí thế gian. Việc này là không thể nghĩ bàn.

Đó là trí tuệ của các Bồ-tát nơi các Địa: Tức chỉ rõ về trí xuất thế gian. Đây không phải là sự phân biệt của thế gian về trí địa có thể thành lập được đạo thanh tịnh của Bồ-tát.

*

6. Thế nào là Thỉnh cầu?

* **Kinh nói**: “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng sau khi nói xong về tên gọi nơi mười Địa của Bồ-tát, thì lặng yên an trụ, không phân biệt nữa. Khi đó, hết thấy chúng Bồ-tát nghe nói về tên gọi nơi mười Địa của Bồ-tát rồi, thấy đều khao khát muốn được nghe giảng nói, giải thích thêm, cùng suy nghĩ như vậy: Do nhân duyên gì, Bồ-tát Kim Cang Tạng này chỉ nói về tên gọi nơi mười Địa của Bồ-tát rồi thì lặng yên an trụ không giải thích thêm?

Lúc ấy, trong chúng Đại Bồ-tát có Bồ-tát tên là Giải Thoát Nguyệt, nhận biết tâm niệm của các Bồ-tát có điều nghi hoặc, liền dùng kệ hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng:

Vì sao người tịnh giác
Niệm, trí, công đức đủ
Nói các Địa thượng diệu
Có lực không giải thích?
Quyết định hết thấy đây
Bồ-tát tên tuổi lớn
Sao nói tên các Địa

Nhưng không dân rộng nghĩa?
 Chúng này đều thích nghe
 Phật tử, trí vô úy
 Nghĩa các Địa như thế
 Xin phân biệt nêu bày.
 Chúng này đều thanh tịnh
 Nghiêm tịnh không biếng trễ
 An trụ trong kiên cố
 Công đức, trí đầy đủ.
 Nói nhau đứng chiêm ngưỡng
 Hết thấy đều cung kính
 Như ong hút mật ngon
 Như khát nghĩ cam lồ”.

* **Luận nêu:** Vì sao an trụ trong im lặng? Vì muốn khiến đại chúng khát ngưỡng thỉnh cầu giảng nói. Lại làm tăng thêm lòng tôn kính pháp của Bồ-tát.

Vì sao Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thừa thỉnh trước? Vì Bồ-tát là thượng thủ trong đại chúng. Bồ-tát thừa hỏi trước để ngăn chặn những câu hỏi khác dễ gây cảnh rối loạn.

Vì sao dùng kệ tụng để thỉnh? Là do ít chữ mà thâm tóm nhiều nghĩa. Những lời khen ngợi đa phần dùng thể kệ tụng.

Năm kệ vừa nói có những ý nghĩa gì? Chúng làm sáng tỏ, chỉ rõ là người giảng nói, người nghe không có các lỗi lầm. Nếu có lỗi thì không nên nói. Ở đây là hiển bày chỉ rõ người giảng nói hoàn toàn thanh tịnh nhận biết, không lỗi gì. Lại cũng làm rõ người nghe đều có chung pháp quyết định và ưa thích nghe. Lại, chỉ rõ về số còn lại là tâm đều thanh tịnh, lại cùng hiển bày đại chúng này đều đủ khả năng nghe pháp, nên lời kệ nói: *Nói nhau đứng chiêm ngưỡng.*

Thế nào là tán thán Người thuyết giảng? Kệ nói:

*Vì sao người tịnh giác
Niệm, trí, công đức đủ
Nói các Địa thượng diệu
Có lực không giải thích?*

Do đâu chỉ khen sự *tĩnh giác thanh tịnh*? Vì *tĩnh giác thanh tịnh* là nói về nhân. Giác là giác quán, là lời nói, việc làm đều thanh tịnh, tức nói về nhân.

Vì sao không nói? Vì khen ngợi sự giác quán thanh tịnh có 2 thứ:

- (1) Thâu tóm để đối trị.
- (2) Lìa các lỗi lầm.

Trong đó, niệm, trí đủ là thâu tóm để đối trị. Đối tượng được đối trị có 2 thứ:

- (1) Giác quán xen tạp.
- (2) Nhân của giác quán bị xen tạp, do nhớ tưởng phân biệt.

Niệm: Là bốn niệm xứ, đối trị với giác quán xen tạp.

Trí: Là trí vô tướng của chân như, đối trị với nhân giác quán xen tạp là những nhớ tưởng phân biệt.

Phần còn lại: Là chỉ bày làm rõ việc lìa các thứ lỗi lầm. Lỗi lầm ấy có ba thứ. Nếu có ba lỗi ấy thì không thể giảng nói. Những gì là ba?

- (1) Keo kiệt, ganh tị.
- (2) Lười biếng giảng nói pháp.
- (3) Không ưa thích giảng nói pháp.

Keo kiệt: Là tâm tiếc lẩn đối với pháp. *Ganh tị*: Là ghét người khác có trí tuệ hơn mình.

Công đức đầy đủ: Là đủ các công đức như không sân hận v.v..., chỉ rõ là không có lỗi lầm thứ nhất.

Nói các Địa thượng diệu: Là chỉ rõ không có lỗi lầm thứ hai.

Có lực: Là bảo cho biết không có lỗi lầm thứ ba.

Hai thứ như vậy là giác quán thanh tịnh.

Đã nói xong phần *Khen ngợi người giảng nói*. Kế đây là phần *Khen ngợi người nghe*. Kệ nêu:

*Quyết định hết thầy đây
Bồ-tát tên tuổi lớn
Sao nói tên các Địa
Nhưng không dẫn rộng nghĩa?*

Quyết định: Là thông tuệ luôn thấu tỏ. Quyết định có 3 thứ:

(1) Quyết định trên hết: Là nguyện Đại Bồ-đề.

(2) Quyết định danh văn: Là khéo kính trọng người khác.

(3) Quyết định thâm nhận: Là người giảng nói pháp đã khéo nhận biết. Kệ nói: “*Bồ-tát tên tuổi lớn, Sao nói tên các Địa*”, thứ lớp như vậy nên biết. Tuy có quyết định, có thể thọ nhận là pháp khí, nhưng tâm không muốn nghe thì cũng không được nêu giảng. Kệ nói:

*Chúng này đều thích nghe
Phật tử, trí vô úy
Nghĩa các Địa như thế
Xin phân biệt nêu bày.*

Quyết định là ở đây có quyết định về A-hàm (Giáo pháp), không phải là quyết định chứng đắc. Có quyết định phi hiện tiền và quyết định không hiện tiền. Quyết định như vậy là pháp khí không đầy đủ nên không thể nghe nhận. Chỉ rõ đại chúng hiện có ở đây là quyết định đầy đủ, nên có thể nghe nhận. Kệ nói: “*Phật tử, trí vô úy*”. Trí có 2 thứ: (1) Chứng pháp. (2) Hiện thọ.

Như thế là khéo nhận biết về pháp khí đầy đủ nên mới thỉnh cầu Kim Cang Tạng. Nghĩa của các Địa như thế, nên nguyện là phân biệt mà nói.

Đã khen ngợi về *Công đức của chúng đồng pháp*, quyết định ưa thích nghe. Tiếp theo là *Khen ngợi chúng khác*. Kệ nói:

*Chúng này đều thanh tịnh
Nghiêm tịnh, không biếng trễ
An trụ trong kiên cố
Công đức, trí đầy đủ.*

Thanh tịnh: Là không đục cấu. Đục cấu có sáu thứ. Là khỏi những thứ đục cấu này nên gọi là thanh tịnh. Những gì là sáu?

(1) Đục cấu của sự không mong muốn.

(2) Đục cấu về oai nghi.

(3) Đục cấu của triền cái (Những thứ buộc, che).

(4) Đục cấu vì tưởng nghĩ khác: Tức tâm ganh ghét kẻ hơn, tâm phá hoại.

(5) Đục cấu vì không đủ công đức: Tức căn thiện nhỏ kém, nên đối với lời nói của Bồ-tát, tâm không ưa trụ.

(6) Đục cấu do ngu si, là ngu tối.

Đối trị 6 thứ đục cấu này có 6 thứ không đục cấu:

(1) An trụ nơi kiên cố: Là tu hành kiên cố theo pháp đã giảng nói. Như thế, thứ lớp cùng đối trị. Xa lìa biếng trễ là để đối trị đục cấu không mong muốn.

(2) Nghiêm là để đối trị đục cấu về oai nghi.

(3) Thanh tịnh là để đối trị đục cấu của triền cái.

(4) Kiên cố là đối trị đục cấu nghĩ tưởng khác.

(5) Công đức đầy đủ là đối trị đục cấu không đủ công đức.

(6) Trí đầy đủ là đôi trí đực cấu do ngu si.

Sáu câu ấy nêu bày nơi hai kệ kia, làm rõ về chúng đồng sinh thanh tịnh.

Một kệ kế tiếp là hiển bày chúng dị sinh thanh tịnh. *Một kệ sau* là chỉ rõ về hai chúng thanh tịnh. Kệ nói:

*Nói nhau đứng chiêm ngưỡng
Hết thấy đều cung kính
Như ong hút mật ngon
Như khát nghĩ cam lồ.*

Nói nhau đứng chiêm ngưỡng: Là chỉ bày không có tâm tạp nhiễm. *Đều cung kính*: Là chỉ sự kính trọng pháp, không phải là tâm ganh ghét.

Nửa kệ sau: Là dụ về sự kính pháp càng trở nên sâu xa.

Kệ này, câu: “*Nói nhau đứng chiêm ngưỡng*” là Tổng tướng. “*Hết thấy đều cung kính*” là Biệt tướng.

Như vậy, *những kệ còn lại*, câu đầu là Tổng tướng, những câu khác là Biệt tướng. Các tướng Đồng, Dị, Thành, Hoại, như trên đã nói.

*** Kệ viết:**

*“Trí lớn không sợ hãi
Kim Cang Tạng nghe rồi
Muốn đại chúng vui vẻ
Tức thì nói kệ tụng.
Khó hy hữu bậc nhất
Bồ-tát nêu hành trì
Phân biệt việc Địa trên
Căn bản của chư Phật.
Lìa niệm, tinh khó thấy
Phi tâm địa khó đạt*

Cảnh giới trí vô lậu
 Nếu nghe thì mờ昧.
 Giữ tâm như kim cương
 Tin sâu trí tuệ Phật
 Tâm địa, trí vô ngã
 Vi tế, trí nghe được.
 Như vẽ vào hư không
 Như tướng gió thổi không
 Trí phân biệt như thế
 Khó thấy Phật vô lậu.
 Ta nghĩ tới trí Phật
 Khó biết nhất trong đời
 Pháp hy hữu khó tin
 Do đây nên im lặng”.

* **Luận nêu:** Nơi kệ thứ nhất, câu: “*Muốn đại chúng vui vẽ*” là câu trả lời theo tướng chung. Có 2 cách đáp lại: (1) Có thể đáp lại. (2) Đáp lại không khiếm nhược, tức kệ nói: “*Trí lớn không sợ hãi*”.

Là việc không thể đáp lại. Là việc đáp lại không chính đáng. Hai điều này chứng tỏ mình, người đều không có lỗi. Thế nào là tướng đáp lại chính đáng? Do pháp này *Khó giảng nói* và *Nghĩa khó nghe*.

Thế nào là Khó giảng nói? Kệ viết:

*Khó hy hữu bậc nhất
 Bồ-tát nêu hành trì
 Phân biệt việc Địa trên
 Căn bản của chư Phật.*

Khó là khó đạt được. Có 2 thứ khó: (1) Rất khó. (2) Khó vì chưa từng có. Kệ nói: “*Khó hy hữu bậc nhất*”. Hai điều này chỉ ra chỗ khó giảng nói. Thế nào là khó? Kệ nói: “*Bồ-tát nêu hành trì, Phân biệt việc Địa trên*”. *Bồ-tát hành trì:* Là trí xuất thế gian. *Nêu:* Là chỉ

bày, làm sáng tỏ. *Việc Địa*: Là việc làm của Bồ-tát ở các Địa. *Phân biệt trên*: Là nói về sự thù thắng. Thế nào là Bồ-tát hành trì? Kệ nói: “*Căn bản của chư Phật*”. Phật là trí Phật giác ngộ.

Đã nói là khó giảng nói, lại nói do đầy nên khó. Những gì là khó? Là nghĩa trụ của việc Bồ-tát hành trì thì không thể giảng nói như thế. *Thế nào là nghĩa trụ*? Kệ nói:

*Lìa niệm, tinh khó thấy
Phi tâm địa khó đạt
Cảnh giới trí vô lậu
Nếu nghe thì mờ昧.*

Trong kệ này, câu *khó đạt* là nêu chung, *những câu khác* là nêu riêng.

Khó đạt: Là khó chứng đắc. Có 4 thứ khó đạt:

- (1) Do vi tế nên khó đạt.
- (2) Khó thấy nên khó đạt.
- (3) Lìa niệm nên khó đạt.
- (4) Không phải là cõi tâm, nên khó đạt.

Do vi tế nên khó đạt: Tức không phải là cảnh giới của Văn tuệ. Những việc thô thiện thì không cần tư duy.

Khó thấy nên khó đạt: Tức không phải là cảnh giới của Tư tuệ.

Lìa niệm nên khó đạt: Tức không phải là cảnh giới của Tu tuệ nơi thế gian. Điều này chỉ rõ sự phân biệt về tâm, tâm số pháp trong ba cõi, không phải là cảnh giới của trí tu đạo thuộc thế gian.

Không phải là cõi tâm nên khó đạt: Tức là chỉ rõ điều thiện sinh đắc nơi hiện báo, không phải là cảnh giới của trí tu đạo.

Đây là nêu bày về cảnh giới của tâm, tức là cõi tâm. Là cảnh giới của cái gì? Kệ nói: *Cảnh giới trí*. Thế nào là trí? Là thấy được nghĩa thật.

Vì sao không phải là cảnh giới khác? Vì đây là *Vô lậu*. Vô lậu là nghĩa xuất thế gian. Nghĩa này không ở trong lĩnh vực của trí thế gian, mà là nghĩa hết mực thâm diệu như thế nên không thể hiểu, không thể giảng nói.

Nếu nghe thì mờ mịt: Thế nào là mờ mịt? Là tùy theo chỗ nghe rồi chấp giữ điều ấy. Người nghe là đã nghe, chẳng phải là không nghe.

Đã biện xong phần *Khó giảng nói*, tiếp theo là nói về *Nghĩa khó nghe* (Lãnh hội). Kệ viết:

*Giữ tâm như kim cương
Tin sâu trí tuệ Phật
Tâm địa, trí vô ngã
Vi tế, trí nghe được.*

Như kim cương: Là cứng chắc như kim cương. Có 2 thứ cứng chắc:

- (1) Cứng chắc của sự quyết định tin tưởng.
- (2) Cứng chắc của sự chứng đắc.

Ba câu này nêu bày sự cứng chắc là chung. Phần còn lại là riêng.

Thế nào là *Tin sâu trí tuệ Phật*? Vì chỉ là đối tượng được nhận biết của Phật, không phải là cảnh giới của ta. Sự giác ngộ của Phật là vô biên. Khi giáo hóa chúng sinh, Phật giảng nói nhiều pháp môn, nhiều thứ dễ tin.

Tâm địa ấy là gì? Thế nào là trí vô ngã?

Tâm địa: Là tùy theo tâm đã nhận lấy quả báo trong ba cõi. Lại, hết thấy cảnh giới tùy theo đối tượng hành của tâm cũng gọi là Tâm địa.

Trí vô ngã: Có hai thứ: Là Ngã không và Pháp không, là nhận biết đúng như thật.

Vì tế, trí nghe được: Là khó nhận biết. Vì tế như vậy, ở trước đã nói. Có thể dùng ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa vì tế. Kệ nói:

*Như vẽ vào hư không
Như tướng gió thổi không
Trí phân biệt như thế
Khó thấy Phật vô lậu.*

Kệ này nêu bày việc vẽ hình sắc vào hư không, thì hư không như bức tường, trong đó không trụ nên không thể thấy. Như gió thổi qua hư không thì hư không như cây lá, trong ấy không trụ nên không thể thấy. Nhưng về động tác thì không phải là không có hai sự việc ấy trong hư không. Sự việc xảy ra trong hư không như vậy là không thể nói về nơi chốn. Việc gió thổi, vẽ họa ấy như đã nói, do chúng không có tự tánh nên không thể thấy được, vì chúng không trụ vào đâu do sự dung nạp kia. Lời nói này không chứa ở đâu trong hư không. Trí Phật cũng như vậy. Nếu lấy lời nói để hiển bày về cảnh giới đối chiếu phân biệt phân thù thắng, thì khó thấy. Vẽ là dụ cho danh tự, cú thân. Vì sao? Vì dựa vào tướng để nói. Gió là dụ cho âm thanh. Nêu bày (Nói) là dùng hai thứ ấy để nói. Nghe cũng nhờ hai thứ ấy để nghe. Nếu như thế thì có thể giảng nói, có thể nghe (lãnh hội). Như thế là khó thấy. *Vì sao không nói?*

*Ta nghĩ tới trí Phật
Khó biết nhất trong đời
Pháp hy hữu khó tin
Do đấy nên im lặng.*

Khó biết là khó chứng đắc. *Khó tin* là khó sinh tâm quyết định. Kệ này chỉ rõ là có chứng đắc có tin, có thể giảng nói, có thể nghe (lãnh hội), nhưng do thế gian khó có thể chứng tin, nên ta không nói.

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, sau khi nghe nói như thế rồi, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt mới thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thưa Phật tử! Các Đại*

Bồ-tát này khéo làm thanh tịnh chúng hội, khéo làm thanh tịnh tâm tâm, khéo làm thanh tịnh các niệm, khéo gom chứa các hành, phân nhiều đều thân cận chư Phật, khéo tích tập các pháp trợ đạo, đầy đủ vô lượng công đức, lìa bỏ ngu si, nghi ngờ, hối tiếc, không còn cấu nhiễm, khéo an trụ nơi tâm sâu xa tin tưởng, chỉ ở trong pháp Phật, không theo giáo pháp khác. Lành thay Phật tử! Xin diễn nói nghĩa ấy. Pháp sâu thẳm như thế, các Bồ-tát này đều có khả năng nhận biết, chứng đắc”.

*** Luận nêu:** *Vì sao Thánh giả Giải Thoát Nguyệt lại khen ngợi chúng này? Như trên vừa nói: Thế gian tin chứng là khó đạt được, nên chỉ rõ đại chúng này có thể thọ nhận, lãnh hội.*

Khéo làm thanh tịnh tâm tâm: Là chung. Khéo làm thanh tịnh tâm tâm ấy có 2 thứ:

- (1) A-hàm thanh tịnh.
- (2) Chúng đắc thanh tịnh.

A-hàm thanh tịnh có 5 thứ:

(a) *Mong muốn thanh tịnh:* Tùy ở chỗ nhớ nghĩ nơi A-hàm mà được phương tiện niệm giác thanh tịnh. Như kinh nói: “Khéo làm thanh tịnh các niệm”.

(b) *Cầu đạt thanh tịnh:* Là có thể tùy thuận nơi hành cung kính của thân, miệng. Như kinh nói: “Khéo gom chứa các hành”.

(c) *Thọ trì thanh tịnh:* Là học rộng ghi nhớ vững giữ không lầm lẫn, trải qua vô lượng đời. Như kinh nói: “Phân nhiều đều thân cận chư Phật”.

(d) *Nơi sinh được thanh tịnh:* Là nguyện được sinh lên cảnh giới ở trên thù thắng, tâm niệm tốt hơn. Như kinh nói: “Khéo tích tập các pháp trợ đạo”.

(đ) *Hành thanh tịnh:* Là mong khéo chứng đắc pháp, sống quen với thiếu dục, đầu đà v.v... thành tựu nhiều công đức. Như kinh nói: “Đầy đủ vô lượng công đức”.

Chứng đắc thanh tịnh có 4 thứ:

(a) *Đắc thanh tịnh:* Là trí hiện tại khéo quyết định. Như kinh nói: “Lìa bỏ ngu si, nghi ngờ, hối tiếc”.

(b) *Bất hành thanh tịnh:* Là trong tu đạo, các thứ phiền não không hiện hành. Như kinh nói: “Không còn cấu nhiễm”.

(c) *Không chán đủ thanh tịnh:* Là không ưa thích Tiểu thừa, đạt được tâm hy vọng tối thắng. Như kinh nói: “Kheo an trụ nơi tâm sâu xa tin tưởng”. Tâm sâu xa là hy vọng, mong muốn. Tin là quyết định. Lại còn nhớ nghĩ, giữ gìn các thứ công đức.

(d) *Không theo giáo pháp khác thanh tịnh:* Là hướng đến tận cùng nơi đạo pháp theo chánh hành của mình. Như kinh nói: “Chỉ ở trong pháp Phật, không theo giáo pháp khác”.

*** Kinh nói:** “*Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Phật tử: Tuy chúng Bồ-tát này đã khéo làm thanh tịnh tâm, khéo làm thanh tịnh các niệm, khéo gom chứa các hành, phần nhiều đều thân cận chư Phật, khéo tích tập các pháp trợ đạo, đầy đủ vô lượng công đức, lìa bỏ ngu si, nghi ngờ, hối tiếc, không còn cấu nhiễm, khéo an trụ nơi tâm sâu xa tin tưởng, chỉ ở trong pháp Phật, không theo giáo pháp khác. Ngoài ra, còn có người ưa thích pháp nhỏ, khi nghe nói đến sự việc hết sức thâm diệu khó nghĩ bàn này, phần đông sinh nghi hoặc, thì những kẻ ấy trong đêm dài sinh tử phải chịu những bất lợi suy tổn, khổ não. Ta xót thương những trường hợp đó nên im lặng*”.

*** Luận nêu:** Thánh giả Bồ-tát Kim Cang Tạng này đã lãnh hội những lời khen ngợi về chúng công đức thanh tịnh do Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói, nhưng ở trong pháp được thuyết giảng, nếu không thấy có pháp khí thì nghe chỉ tăng thêm nghi hoặc, cho nên không nói.

Đối với một pháp, có hai thứ lỗi: Nghi có là nghĩa do dự, trái với chánh hạnh. Hoặc là nghĩa tâm mê muội, có thể hủy hoại pháp

thiện, xa rời pháp thiện. Như vậy chỉ rõ là không thọ nhận nhân hành mà thọ nhận nhân làm thoái chuyển.

*** Kinh nói:** “*Khi đó, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng: Lành thay Phật tử! Một lần nữa xin thỉnh cầu việc này. Mong vâng theo thần lực của Phật khéo phân biệt về pháp không thể nghĩ bàn ấy, đã được Phật hộ niệm, khiến nhiều người dễ tin hiểu. Vì sao? Vì khéo giảng nói về nghĩa của mười Địa, chư Phật trong mười phương theo pháp nên hộ niệm, hết thấy Bồ-tát giữ gìn Trí địa này theo phương tiện đều siêng năng thực hành. Vì sao? Đây là việc đầu tiên Bồ-tát phải hành trì để thành tựu tất cả pháp của chư Phật.*

Thưa Phật tử! Ví như hết thấy thư, chữ, số, ngôn thuyết đều bao gồm trong chương đầu, vì chương đầu là gốc. Không có việc nêu bày thư, chữ, số, lời nói mà không đưa vào chương đầu. Như vậy, thưa Phật tử! Mười Địa này là phần căn bản của hết thấy pháp Phật. Bồ-tát nào thực hành đầy đủ mười Địa này thì có khả năng đạt được tất cả trí tuệ. Do vậy, kính xin Phật tử giảng nói nghĩa đó. Chư Phật hộ niệm sẽ tăng thêm thần lực khiến người tin, nhận, không thể bị phá hoại”.

*** Luận nêu:** Vì sao Thánh giả Giải Thoát Nguyệt lại thưa thỉnh một lần nữa? Đó là chỉ rõ nghi hoặc kia nơi trường hợp này là khó tránh. Nếu không giảng nói thì mắc nhiều lỗi, hết thấy pháp Phật không thể thành tựu. Do ý nghĩa đó, nên lại thưa thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng một lần nữa. Nếu chư Phật có diệu lực tất có thể khiến phát sinh lòng tin.

Vì sao chúng sinh ở trong pháp ấy còn khởi ý hủy báng? Có 2 thứ quyết định: (1) Quyết định do chiêu cảm từ quả báo. (2) Quyết định tạo nghiệp. Có hai thứ quyết định này thì oai lực của chư Phật không thể chuyển được.

Những việc đầu tiên phải hành trì: Tức là nương vào A-hàm để hành trì.

Thành tựu tất cả pháp của chư Phật: Là chứng đắc trí tuệ. *Viết* ra (Thư) là hình tướng của chữ, như hình chữ *Tư*, hình tướng sư tử v.v... *Chữ* là các âm như a, á v.v... *Số* là danh, câu, hai yếu tố này là nghĩa của số. *Nói* là ngôn ngữ. Tất cả thư, chữ, số, lời nói là phần gốc của chương đầu.

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, các chúng Bồ-tát cùng lúc đồng thanh dùng kệ để thưa thỉnh Bồ-tát Kim Cang Tạng:*

*Trí thượng diệu không cầu
Biện giải vô lượng nghĩa
Diễn nói lời hay đẹp
Tương ưng nghĩa chân thật.
Niệm vững, tuệ thanh tịnh
Là mười lực, tâm tịnh
Phân biệt nghĩa không ngại
Nói pháp mười Địa này.
Định, giới, ý chính sâu
Lìa ngã mạn, vọng kiến
Chúng đây không tâm nghi
Nguyện được nghe khéo nói.
Nhu khát, nghĩ nước mát
Nhu đói, nghĩ món ngon
Nhu bệnh, nghĩ thuốc hay
Nhu ong hút mật ngọt.
Chúng tôi cũng như vậy
Nguyện nghe pháp cam lồ
Lành thay! Trí thanh tịnh
Nói Địa thắng, không cầu
Đủ mười lực vô ngại
Nói hết đạo Thiện Thế”.*

* **Luận nêu:** Kệ thứ nhất khen ngợi việc chứng đắc lực, thành tựu biện tài. Kệ thứ hai, câu đầu là khen ngợi diệu lực của A-hàm,

thành tựu biện tài. Do chứng đắc lực là diệu lực của A-hàm nên có thể giảng nói. Vì vậy mà tán thán. Chử Trên (Thượng) là chung. Lại nữa, chử Trên là chỉ rõ chứng đắc lực, biện tài thù thắng.

Tán thán về biện tài có 3 thứ:

- (1) Trí chân thật.
- (2) Thể tánh.
- (3) Quả.

Trí chân thật: Là trí vô lậu, hơn hẳn trí của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nên kệ nói: *Trí thượng diệu không cấu*.

Thể tánh: Là thành tựu biện tài vô lượng nghĩa. Kệ nói: *Biện giải vô lượng nghĩa*.

Quả: Là chữ, nghĩa được thành tựu, lại là thành tựu nghĩa của chữ, nêu bày lưu loát, hơn hẳn. Kệ nói: *Diễn nói lời hay đẹp, Tương ứng nghĩa chân thật*.

Câu trên của kệ thứ hai là khen ngợi diệu lực của A-hàm. Kệ viết:

*Niệm vững, tuệ thanh tịnh
Là mười lực, tâm tịnh
Phân biệt nghĩa không ngại
Nói pháp mười Địa này.*

Niệm vững: Là thọ nhận, giữ gìn, hiển bày sự thuyết giảng. Bồ-tát này ở trong A-hàm có trí tuệ thanh tịnh vô ngại. Như vậy là khen ngợi về diệu lực chứng đắc và diệu lực của A-hàm xong.

Kế tiếp là khiến người nghe đi vào sự chứng nhập nơi A-hàm, cho nên thỉnh cầu giảng nói. Thế nào là đi vào sự chứng nhập? Là người đã đi vào Địa thì khiến họ có được Phật lực. Ai chưa đi vào Địa, thì giúp họ bước vào Địa. Kệ nói: “*Là mười lực, tâm tịnh*”.

Thế nào là chứng nhập nơi A-hàm? Nghĩa là phân biệt vô ngại khiến thọ trì pháp của mười Địa.

Như vậy là đã *khen ngợi người thuyết giảng, thành tựu diệu lực chứng đắc, diệu lực của A-hàm xong*. Tiếp theo là *khen ngợi chúng hội có thể lãnh thọ A-hàm và diệu lực chứng nhập*. Kệ nói:

*Định, giới, ý chính sâu
Là ngã mạn, vọng kiến
Chúng đây không tâm nghi
Nguyện được nghe khéo nói.*

Trong kệ này, chữ Duy nguyện (Nguyện được) là chung. Duy nguyện có 2 thứ: (1) Câu A-hàm. (2) Câu chánh chứng.

Có 2 thứ vọng tưởng nên không thể nghe được A-hàm: (1) Ngã. (2) Mạn. Do ngã mạn nên không sinh tâm tôn kính pháp và Pháp sư.

Lại có 2 thứ vọng tưởng nên không thể chứng đắc: (1) Kiến chấp. (2) Nghi. *Kiến chấp*: Là nhận thức điên đảo. *Nghi*: Là không phát sinh lòng tin đối với xứ không thể nghĩ bàn. *Vọng*: Là vọng tưởng trong kiến giống như sử.

Có 2 thứ đối trị để có thể nghe A-hàm: (1) Định. (2) Giới. *Định*: Là tâm được điều phục. *Giới*: Là khéo an trụ trong oai nghi.

Lại có 2 thứ đối trị để có thể chứng nhập: (1) Chánh kiến. (2) Chánh ý. *Chánh kiến*: Là khéo suy niệm về nghĩa. *Chánh ý*: Là đạt được hoan hỷ.

Sâu: Là ý vi tế, khéo tư duy. Lại dùng các dụ để chỉ rõ sự cầu pháp của đại chúng càng sâu. Kệ nói:

*Như khát, nghĩ nước mát
Như đói, nghĩ món ngon
Như bệnh, nghĩ thuốc hay
Như ong hút mật ngọt.
Chúng tôi cũng như vậy
Nguyện nghe pháp cam lồ.*

Bốn dụ này dụ cho bốn thứ môn nghĩa, nhằm chỉ rõ sự lãnh thọ chân chánh nơi nghĩa của Bồ-tát giảng nói. Những gì là bốn?

- (1) Thọ trì.
- (2) Trợ lực.
- (3) Xa lìa.
- (4) Hành an lạc.

Nghĩa này là thế nào? Như nước thì không thể nhai nhưng theo chỗ được mà uống. Như vậy, Văn tuệ bắt đầu nghe thì theo đó mà nghe và thọ trì. Như khi ăn thì nhai nuốt, sức nơi thân được hỗ trợ mới thành. Như vậy, Tư tuệ thấu nạp chỗ pháp được nghe, trí lực được hỗ trợ để thành. Như uống thuốc hay, thuốc tác động dứt trừ bệnh. Như vậy, đủ Văn, Tư tuệ, thuận theo nghĩa chánh mà tu hành đúng pháp. Xa lìa hết thấy tai họa của tập khí phiền não. Như bày ong nướng vào mật, vui sống nơi trụ xứ. Như vậy, Văn, Tư, Tu tuệ là nơi chốn nương dựa của quả Thánh. Yêu thích vị của hiện pháp, thọ nhận an lạc để hành trì.

Như thế là *khen ngợi người giảng nói, người nghe và thỉnh cầu giảng nói pháp xong*. Sau đây là *tán thán ích lợi của pháp được giảng nói, thấy cùng cầu thỉnh*. Kệ viết:

*Lành thay! Trí thanh tịnh
Nói Địa thắng, không cầu
Đủ mười lực vô ngại
Nói hết đạo Thiện Thế.*

Lành thay: Là nơi pháp được giảng nói đã khéo gồm đủ. *Lành thay* có 3 thứ:

- (1) Nơi nương dựa.
- (2) Thể tánh.
- (3) Quả.

Nơi nương dựa: Là tuệ thanh tịnh.

Thể tánh: Là giảng nói về các Địa là pháp chưa từng giảng nói.

Địa thắng: Là so sánh chỗ hơn nơi Địa.

Không cấu: Là giảng nói nghĩa không trái ngược. Nói nghĩa trái ngược có 3 thứ cấu uế: (1) Nói đảo lộn. (2) Hủy báng Như Lai. (3) Dối gạt người nghe.

Quả: Là đủ mười lực, không chướng ngại, là Bồ-đề của Phật.

Đã tỉnh cầu như vậy rồi, nhưng Bồ-tát vẫn chối từ không giảng nói. Vì sao không nói? Do sự tỉnh cầu chưa đầy đủ.

HẾT - QUYỂN 1

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỀN 2

Địa thứ nhất: ĐỊA HOAN HỸ, phần 2

* **Luận nêu:** Bồ-tát này, trước thính với tư cách là bậc thượng thủ trong chúng Đồng sinh. Kế đó, thính vì đại chúng. Lại nữa, nhờ vào sự gia hộ của chư Phật Pháp vương để thính. Vì sao? Vì nhằm tăng thêm sự kính trọng pháp.

* **Kinh nói:** “Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, từ tướng bạch hào nơi giữa hai chân mày phóng ra ánh sáng rạng rỡ của lực Bồ-tát với vô số vô lượng ánh sáng dùng làm quyến thuộc. Phóng hào quang như vậy khiến tỏa chiếu khắp mười phương thế giới của chư Phật, không đâu là không phủ trùm. Chiếu xong ánh sáng trở về an trụ nơi bản xứ. Các thứ khổ não trong ba đường dữ đều được ngưng nghỉ. Hết thấy cung điện của ma đều bị che khuất, không còn hiện bày. Hào quang ấy đều tỏa sáng đến chúng hội của chư Phật trong mười phương thế giới, hiện rõ diệu lực không thể nghĩ bàn nơi cảnh giới của Như Lai. Ánh sáng đó chiếu khắp mười phương thế giới, gia hộ cho trụ xứ của hết thấy Như Lai, gia hộ cho người giảng nói pháp và các chúng Bồ-tát. Trên không trung, ánh sáng kia kết thành đài lưới mây rực rỡ đứng yên. Chư Phật nơi mười phương kia cũng hiện bày như vậy. Từ tướng bạch hào nơi giữa hai chân mày phóng ra ánh sáng rạng rỡ của lực Bồ-tát, với vô số vô lượng ánh sáng khác làm

quyển thuộc. Phóng hào quang như vậy khiến chiếu tỏa khắp mười phương thế giới của chư Phật, không đâu là không phủ trùm. Chiếu xong, ánh sáng trở về trụ nơi bản xứ. Các thứ khổ não trong ba đường dữ đều ngưng nghỉ. Hết thấy cung điện của ma đều bị che khuất, không hiện bày. Hào quang ấy tỏa sáng đến chúng hội của chư Phật trong mười phương, hiện rõ diệu lực không thể nghĩ bàn nơi cảnh giới của Như Lai. Ánh sáng đó chiếu khắp mười phương thế giới, gia hộ cho trụ xứ của tất cả Như Lai, gia hộ cho người giảng nói pháp và các chúng Bồ-tát. Hiện hiện cảnh giới của Như Lai với diệu lực không thể nghĩ bàn, chiếu tới chúng hội lớn của Phật Thích-ca Mâu-ni và thân của Bồ-tát Kim Cang Tạng. Trên không trung, ánh sáng kia cũng kết thành đài lưới mây rực rỡ, đứng yên.

Khi đó, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, từ khoảng giữa hai chân mày phóng ra hào quang sáng trắng, chiếu đến chúng hội lớn của chư Phật trong mười phương thế giới, tỏa sáng tới thân của các Bồ-tát và tòa Sư tử. Đại chúng nơi ấy đều thấy rõ chư Phật trong mười phương thế giới đều phóng hào quang từ khoảng giữa hai chân mày, chiếu sáng khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tới chúng hội lớn của Phật Thích-ca Mâu-ni ở cõi Ta-bà, tới thân của Bồ-tát Kim Cang Tạng và tòa Sư tử. Đại chúng ở đây thấy đều thấy rõ.

Bấy giờ, do thân lực của chư Phật, từ trong đài lưới mây lớn rực rỡ kia phát ra lời kệ tụng v.v... ”.

*** Luận nêu:** Vì sao Đức Như Lai hiện bày diệu lực thần thông bằng cách phóng hào quang để cùng thỉnh? Vì Đức Như Lai này, trước đã gia hộ cho ý, chưa gia hộ cho thân, miệng, không giống với các Phật khác. Do vậy, nên nay muốn gia hộ đầy đủ cho thân, miệng.

Vì sao Đức Như Lai không dùng miệng thường, thân thường để gia hộ? Là vì tôn trọng pháp, không xem thường thân mình.

Hào quang này có 8 thứ nghiệp, 2 thứ thân.

Thế nào là tám nghiệp?

(1) *Nghiệp giác*: Là hào quang ấy chiếu sáng nơi thân các Bồ-tát rồi thì khiến họ tự biết sự gia hộ từ diệu lực của Như Lai. Như kinh nói: “Phóng ra ánh sáng rạng rỡ của lực Bồ-tát”.

(2) *Nghiệp nhân*: Là vô số hào quang đều có vô lượng ánh sáng làm quyến thuộc. Như kinh nói: “Với vô số vô lượng ánh sáng dùng làm quyến thuộc”.

(3) *Nghiệp thâm mở*: Mở ra thì hào quang chiếu khắp A-tăng-kỳ vô lượng thế giới. Thâm lại thì trở về nhập vào ánh sáng bình thường. Như kinh nói: “Phóng hào quang như vậy khiến tỏa chiếu khắp mười phương thế giới của chư Phật, không đâu là không phủ trùm. Chiếu xong ánh sáng trở về an trụ nơi bản xứ”.

(4) *Nghiệp ngưng dứt*: Là trừ diệt hết thấy vô số khổ não trong ba đường ác. Như kinh nói: “Các thứ khổ não trong ba đường dữ đều được ngưng nghỉ”.

(5) *Nghiệp hàng phục*: Là khiến cho ánh sáng, uy thế của tất cả cung ma đều không hiện bày. Chúng thấy kinh hoàng khiếp hãi, không còn quấy loạn các chúng sinh có thể giáo hóa. Như kinh nói: “Hết thấy cung điện của ma đều bị che khuất, không còn hiện bày”.

(6) *Nghiệp cung kính*: Là hiện thân lực của Phật là không thể nghĩ bàn. Như kinh nói: “Hào quang ấy đều tỏa sáng đến chúng hội của chư Phật trong mười phương thế giới, hiện rõ diệu lực không thể nghĩ bàn nơi cảnh giới của Như Lai”.

(7) *Nghiệp thị hiện*: Là gia hộ cho trụ xứ của chư Phật trong mười phương thế giới. Gia hộ cho chúng hội Bồ-tát, khiến chúng này đều trông thấy. Như kinh nói: “Ánh sáng đó chiếu khắp mười phương thế giới, gia hộ cho trụ xứ của hết thấy Như Lai, gia hộ cho người giảng nói pháp và các chúng Bồ-tát”.

(8) *Nghiệp thịnh cầu*: Là phát ra âm thanh nói kệ. Như kinh nói: “Bấy giờ, do thần lực của chư Phật, từ trong đài lưới mây lớn rực rỡ kia phát ra kệ tụng v.v...”.

Thế nào là hai thân?

(1) Thân như sao chuyển động, đi đến những thế giới của phương khác.

(2) Thân như mặt trời ở giữa hư không. Như kinh nói: “Trên không trung, ánh sáng kia kết thành đài lưới mây rực rỡ đứng yên”. Nơi tất cả xứ, cùng lúc được soi chiếu khắp. Như thế, hết thấy chúng sinh nơi này xứ nọ đều cùng trông thấy nhau, như cùng nghe pháp trong một hội. *Đó gọi là gia hộ cho thân. Thế nào là gia hộ cho miệng?*

*** Kệ nói:**

*Chư Phật không gì sánh
 Công đức như hư không
 Mười lực, vô sở úy
 Đứng đầu vô lượng chúng
 Họ Thích-ca pháp sinh
 Gia hộ trên trời, người.
 Vàng thân lực chư Phật
 Mở bày Tạng Pháp vương
 Hành thượng diệu các Địa
 Trí phân biệt nghĩa Địa.
 Chư Như Lai gia hộ
 Hộ niệm các Bồ-tát
 Người này khéo nghe, giữ
 Pháp vi diệu như thế.
 Các Địa tịnh không cầu
 Thứ lớp đạt đầy đủ
 Chúng mười thứ lực Phật*

Thành Bồ-đề vô thượng.
 Tuy ở nơi biển cả
 Cùng trong kiếp lửa tận
 Quyết định tin, không nghi
 Tất được nghe kinh này.
 Trí đạo thắng, các Địa
 Lần lượt trụ nơi Địa
 Dần dần mà giảng nói
 Cảnh giới hành vô lượng.

* **Luận nêu:** Hai kệ rưới đầu (mười câu): Là hiển bày chủ thể gia hộ (Phật) cùng phạm vi được gia hộ. Hai sự gia hộ này chỉ rõ do ý nghĩa nào mà gia hộ. Nếu người thỉnh cầu không phải là bậc tôn quý, không phải là pháp thù thắng, thì Thánh giả không giảng nói.

Vì sao kệ thứ nhất hiển bày chủ thể gia hộ? Kệ nói: “*Gia hộ trên trời, người*”. Thế nào là trên trời, người? Là các Đức Phật, Như Lai. Ở đây có nghĩa gì? Có nghĩa là bậc Pháp vương. Làm sao biết vị ấy là Pháp vương? Do vị ấy thành tựu 4 thứ thù thắng:

- (1) Tự tại thù thắng.
- (2) Diệt lực thù thắng.
- (3) Quyến thuộc thù thắng.
- (4) Chúng tánh thù thắng.

Thế nào là Tự tại thù thắng của chư Phật? Là được giải thoát tự tại đối với phiền não chướng và trí chướng (Sở tri chướng). Tâm trí của các Ngài không còn bị chướng ngại, tùy ý nhận lấy nguồn an lạc vô thượng. Làm sao nhận biết? Kệ nói: “*Chư Phật không gì sánh*” tức là bậc Nhất thiết trí. Lại nữa, như hư không, pháp thế gian không thể làm cấu nhiễm. Vô minh, phiền não, tập khí đều diệt trừ hết. *Vô đẳng*: Là chư Phật so với chúng sinh khác thì không có ai ngang bằng. Đẳng (Bằng) là Pháp thân đây kia là

bằng nhau. Vì sao không chỉ nói Vô đẳng? Đây là nhằm nêu rõ bậc Đẳng chánh giác.

Thế nào là Diệu lực thù thắng của chư Phật? Do đầy đủ mười lực nên có khả năng hàng phục trí tà, phá tan ma oán. Làm sao nhận biết? Kệ nói: “*Mười lực, vô sở úy*”.

Thế nào là Quyền thuộc thù thắng của chư Phật? Là gồm thấu đủ cả các chúng Thanh văn, Bồ-tát. Làm sao nhận biết? Kệ nói: “*Đứng đầu vô lượng chúng*”. Các Bồ-tát kia là chúng ban đầu. Vô lượng là A-tăng-kỳ. Đứng đầu các chúng tức Đức Phật là tối thượng trong thế gian.

Thế nào là Chứng tánh thù thắng của chư Phật? Là gia tộc họ hàng thù thắng. Làm sao nhận biết? Kệ nói: “*Họ Thích-ca pháp sinh*”. Vì sao chỉ khen ngợi chủng tánh của Phật này? Là do hiện thấy. Lại nữa, Ngài lấy pháp làm nhà, không phải chỉ là nhà sinh ra. *Nhà pháp*: Là an trụ trong pháp như.

Tạo sự gia hộ là Tổng tướng. Gia hộ có 2 thứ:

(1) *Gia hộ cho thân đầy đủ*: Là nương vào Pháp thân.

(2) *Gia hộ cho quả đầy đủ*: Là chúng đắc quả vị Phật.

Trên hàng trời, người: Là cũng chung, cũng riêng. Phần còn lại chỉ là riêng.

Vì sao kệ thứ hai hiển bày phạm vi được gia hộ? Vì đây là Bồ-tát, còn kia là Pháp vương của chư Phật. Vì nhằm mở bày nghĩa của tạng pháp hiện tại nên gia hộ. Kệ nói:

*Vâng thân lực chư Phật
Mở bày Tạng Pháp vương
Hành thượng diệu các Địa
Trí phân biệt nghĩa Địa.*

Khen ngợi Tạng pháp này có 2 thứ:

(1) Thành tựu về Nghĩa Tạng.

(2) Thành tựu về Tự Tạng.

Thế nào là Nghĩa Tạng? Kệ nói: “*Hành thượng diệu các Địa*”. *Hành* là việc làm của các Bồ-tát. Đó là pháp trợ đạo. *Diệu* là trí chân thật. *Thượng* là thần lực vượt hơn hết. Như thế là hiển bày sự thâm diệu tối thắng.

Thế nào là Tự Tạng? Kệ nói: “*Trí phân biệt nghĩa Địa*”. Phân biệt: Là nói về chỗ sai khác của mười Địa. Vì sao trong kệ này nêu rõ: Vâng theo thần lực của Phật để giảng nói? Là vì hoặc có chúng sinh dấy khởi ý tưởng khinh mạn đối với Như Lai, nên tự mình không thể thỉnh cầu người khác giảng nói pháp. Đây là nhằm ngăn chặn ý vừa nói.

Như vậy là đã nói xong phần *Thỉnh cầu giảng nói pháp*. Tiếp theo là *Hiển bày việc giảng nói pháp lợi người*. Có 3 khoảng thời gian đạt lợi ích, trong đó có 3 kệ. Ba thời gian đạt lợi ích là:

(1) Lợi ích lúc nghe pháp.

(2) Lợi ích khi tu hành.

(3) Lợi ích khi chuyển sinh.

Thế nào là lợi ích lúc nghe pháp? Kệ nói:

*Chư Như Lai gia hộ
Hộ niệm các Bồ-tát
Người này khéo nghe, giữ
Pháp vi diệu như thế.*

Bồ-tát nghe, thọ trì: Là Phật lực gia hộ. Đó gọi là lợi ích lúc nghe pháp.

Thế nào là lợi ích lúc tu hành? Kệ nói:

*Các Địa tịnh không cấu
Thứ lớp đạt đầy đủ*

*Chứng mười thứ lực Phật
Thành Bồ-đề vô thượng.*

Thứ lớp đạt đủ mười Địa, tự thân có được mười lực của Phật, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là lợi ích lúc tu hành.

Thế nào là lợi ích lúc chuyển sinh? Kệ nói:

*Tuy ở nơi biển cả
Cùng trong kiếp lửa tận
Quyết định tin, không nghi
Tất được nghe kinh này.*

Tuy sinh vào đường lành, đường dữ, nơi có các nạn đều được nghe pháp này. Thế giới loài rồng, cõi trời Trường Thọ cũng được nghe kinh này. Kệ nói: “*Tuy ở nơi biển cả*”. Tuy ở cõi trời Quang Âm v.v... thuộc Sắc giới cũng được nghe kinh này. Kệ nói: “*Cùng trong kiếp lửa tận*”.

Người nghe pháp này là đều được lợi ích. Có người không được lợi ích chăng? Không có. Vì sao? Vì có thể đạt được quyết định không nghi.

Người tin nơi pháp này thì người ấy có thể đạt được. Kệ nói: “*Quyết định tin, không nghi, Tất được nghe kinh này*”.

Như vậy là đã hiển bày xong về lợi ích của việc *Thỉnh cầu thuyết pháp*.

Trên nói: “*Trí phân biệt nghĩa Địa*”: Là nói pháp được thuyết giảng ở đây có ba thứ dần dần.

Kệ thứ sáu phân biệt chỉ rõ về việc này. Kệ nói:

*Trí đạo thắng, các Địa
Lần lượt trụ nơi Địa
Dần dần mà giảng nói
Cảnh giới hành vô lượng.*

Những gì là ba thứ dần dần?

- (1) Dần dần quán.
- (2) Dần dần chứng đắc.
- (3) Dần dần tu hành.

Câu 1, 2, 4 đều nói về dần dần. *Trí đạo thù thắng*: Là trí đạo thù thắng của mười Địa. Giảng nói về mười Địa này, hoặc quán xét, hoặc nương dựa đều có thể phát sinh trí các Địa. *Nhập*: Là bước vào Địa. *Trụ*: Là chưa chuyển hướng qua Địa khác. *Lần lượt*: Là từ Địa này chuyển lên Địa kia theo các trụ xứ đó. *Hành*: Là thành tựu sự nhập trụ lần lượt ấy. *Cảnh giới*: Là cảnh giới của hành với vô số khác biệt nơi hành ấy. *Dần dần*: Là theo thứ lớp. *Giảng nói*: Là trao cho. Như vậy là chỉ dạy về nghĩa gì? Là chỉ rõ nghĩa tất cả nhân nên Như Lai có thể giảng nói, phát sinh chánh tín sau này.

* **Kinh nói**: “*Lúc ấy, Bồ-tát Ma-ha-tát Kim Cang Tạng quán sát mười phương, nhằm khiến cho đại chúng vui mừng hơn nữa, phát sinh chánh tín nên dùng kệ nói*:

*Đạo Thánh diệu khó biết
 Không phân biệt, lìa niệm
 Khó đạt, không cầu đực
 Người trí hành nơi trí.
 Tự tánh thường vắng lặng
 Không diệt cũng không sinh
 Tự thể xưa nay không
 Có không hai, chẳng cùng.
 Xa lìa nơi các nẻo
 Cùng đồng tướng Niết-bàn
 Không phải đầu, giữa, sau
 Không ngôn từ, giảng nói.
 Vượt ra ngoài ba đời*

Tướng ấy như hư không
Phật hành tác định diệt
Ngôn thuyết không thể đạt.
Hành Địa cũng như vậy
Khó nói lại khó nghe
Lìa niệm cùng nẻo tâm
Trí khởi cảnh giới Phật.
Không âm, giới, nhập nêu
Tâm ý không đuổi kịp
Như dấu chim không trung
Khó nói, không thể thấy.
Nghĩa mười Địa như vậy
Nói, nghe không thể đạt
Ta chỉ nêu một phần
Từ bi và nguyện lực.
Dần dần phi cảnh tâm
Trí đủ như tâm tịnh
Cảnh giới ấy khó thấy
Khó nói, tự tâm biết.
Ta vâng Phật lực nói
Đều cung kính lắng nghe
Trí vào hành như vậy
Ức kiếp nói không cùng.
Nay lược nói như thế
Như thật trụ đầy đủ
Nhất tâm cung kính đợi
Nhờ Phật lực khéo nói.
Nêu pháp âm thượng diệu
Dụ tương ưng chữ thiện.
Ngôn thuyết ấy rất khó
Thần lực Phật vô lượng.

*Ánh sáng vào thân ta
Nhờ lực ấy, ta nói”.*

* **Luận nêu:** *Vì sao quán sát mười phương?* Là chỉ rõ không còn ngã mạn, không còn tâm thiên vị. Muốn khiến đại chúng vui mừng phấn khích hơn nữa, phát sinh chánh tín thêm sâu, nên nói kệ chỉ cho biết là nói về các Địa. *Tăng thêm ích lợi cho người nghe:* Là nói đủ sức nhận lãnh ý nghĩa. *Vui mừng phấn khích:* Là tâm thanh tịnh không cấu đục. Vui mừng phấn khích có 2 thứ:

a. Vui mừng phấn khích vì nghĩa lớn, do có thể đạt được nghĩa ấy.

b. Vui mừng phấn khích vì giảng nói lớn, nhân nơi giảng nói lớn ấy là có thể đạt được nghĩa kia.

Ở đây: **Năm kệ trước chỉ rõ sự vui mừng phấn khích vì ý nghĩa lớn. Thế nào là nghĩa lớn?** Là nghĩa sâu xa. **Thế nào là nghĩa sâu xa?** Kệ nói:

*Đạo Thánh diệu khó biết
Không phân biệt, lìa niệm...*

Kệ này dựa vào nghĩa gì để nói? Dựa vào trí địa. Làm sao nhận biết là dựa vào trí địa? Vì trước giờ điều giảng nói là đều nương vào trí địa. Về sau này có giảng nói, cũng lại nương vào trí địa. Kệ thứ tư nói: *“Trí khởi cảnh giới Phật...”*. Vi diệu là thế nào? Kệ nói: *“Đạo Thánh diệu khó biết”*. Thế nào là khó nhận biết? Là khi giảng nói khó nhận biết. Lại, vì sao khó nhận biết? Do đạo của bậc Đại Thánh nên khó nhận biết.

Đạo Thánh: Là chư Phật. Cho nên gọi là vi diệu. *Đạo:* Là nhân. Tu hành đạo này thì có thể đi tới xứ Thánh. Nói đạo Thánh khó nhận biết thì sự vi diệu ấy có 2 thứ:

- (1) Khi giảng nói thì hết sức vi diệu.
- (2) Khi chứng đắc cũng rất vi diệu.

Theo thứ lớp như vậy, vì sao lại khó nhận biết? Kệ nêu: “*Không phân biệt, lià niệm...*”. *Không phân biệt*: Là lià cảnh giới phân biệt. *Lià niệm*: Là tự thể vô niệm. Đạo Thánh như vậy nên gọi là rất vi diệu. Vì sao khó đạt được? *Khó đạt được*: Là khó chứng đắc, đó gọi là rất vi diệu. *Do đâu lại là rất khó đạt được?* Kệ nói:

*Khó đạt, không cầu đục
 Người trí hành nơi trí
 Tự tánh thường vắng lặng
 Không diệt cũng không sinh.*

Không cầu đục: Là trong trí không còn vô minh. Có vô minh xen tạp trong trí thì đó gọi là cầu đục.

Người trí hành nơi trí: Là tự chứng biết. Tự chứng biết là nương vào trí đó phát sinh. Trí ở đây là thấy được nghĩa của Thật đế. Lại, khéo hiểu pháp tăng thượng thì khéo đạt được vắng lặng tăng thượng. Lại, có trí thể gian theo chỗ nghe, lãnh hội mà hiểu biết sáng tỏ.

Tự tánh thường vắng lặng: Là tự tánh lià phiền não. Không phải trước có cầu nhiệm rồi thời gian sau mới lià bỏ.

Không diệt: Là không phải hoàn toàn diệt, vì không bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh.

Không sinh: Là ra khỏi thế gian. Như vậy là trí này không an trụ trong Niết-bàn cũng như nơi thế gian.

Như thế, do hành quán hết sức vi diệu, chỗ nương dựa hết sức vi diệu, sự thanh tịnh hết sức vi diệu, công đức hết sức vi diệu, nên gọi là rất khó đạt được.

Trong ấy, sự vi diệu thứ nhất (Hành quán) không giống như Tam-muội của thế gian. Còn các vi diệu thứ hai, thứ ba (chỗ nương dựa, sự thanh tịnh) thì không giống với ngoại đạo, tự bảo là tôn quý. Vi diệu thứ tư (công đức) thì không đồng với Thanh văn, Phật-bích-chi.

Nơi kệ này, vi diệu là chung, hai thứ vi diệu còn lại là riêng. Lại hiển bày về chỗ khó được. Khi đạt được rất vi diệu là chung, bốn thứ rất vi diệu còn lại là riêng. *Trí rất vi diệu này có tướng như thế nào?* Kệ nói:

*Tự thể xưa nay không
 Có không hai, chẳng cùng
 Xa lìa nơi các nẻo
 Cùng đồng tướng Niết-bàn.
 Không phải đầu, giữa, sau
 Không ngôn từ giảng nói
 Vượt ra ngoài ba đời
 Tướng ấy như hư không.*

Tướng của trí ấy có hai thứ: Là Đồng tướng và Không đồng tướng.

Trong phần Đồng tướng: Thế nào là tướng, là tướng của trí ấy? Kệ nói: “*Tự thể xưa nay không*”, tức trí tự nó là không.

Vì sao là Đồng tướng? Vì hết thảy các pháp như đã nói, tự thể của chúng là không. Tự thể là không đó nên nhận lấy như thế nào? Như sừng thỏ chẳng? Không phải.

Như thế có thể nhận lấy khác với cái không ấy, trí lại có một cái không khác nữa chẳng? Không phải.

Như vậy có thể lãnh hội tự thể của không kia và không này, rồi cả hai cùng chuyển biến diệt mất chẳng? Không phải.

Làm thế nào để lãnh hội tự thể của không ấy? Là có không hai chẳng tận, nên lãnh hội như vậy. Câu này chỉ rõ là lìa khỏi 3 thứ thâm tóm của không:

- (1) Lìa sự thâm tóm của chê bai.
- (2) Lìa sự thâm tóm của khác biệt.
- (3) Lìa sự thâm tóm của tận diệt.

Có hai loại tụng: Tụng một: “*Có không hai, chẳng cùng*”. Tụng hai: “*Định không hai, chẳng tận*”. Tụng này tuy khác, nhưng cùng làm rõ là thật có. Nếu không thật có thì không thể nói định. Định này là gì? Định này là có thể diệt trừ các phiền não, nên gọi là Đồng tướng.

Thế nào là Không đồng tướng? Nghĩa là tướng thanh tịnh giải thoát. Tướng này lại có 2 thứ:

- (1) Được giải thoát ở nơi nào?
- (2) Giải thoát như thế nào?

Được giải thoát ở nơi nào? Kệ nói: “*Xa lìa nơi các nẻo*”. Ở đây nêu rõ: Các đường được giải thoát là xa lìa các thứ phiền não, nghiệp sinh khởi.

Giải thoát như thế nào? Tức kệ nói: “*Cùng đồng tướng Niết-bàn*” vì thế gian và Niết-bàn bình đẳng gồm nhau, không phải như Thanh văn là hoàn toàn từ bỏ thế gian.

Trí này diệt trừ sạch lậu là trí ban đầu đoạn trừ hay trí ở giữa, ở sau đoạn trừ? Không phải là trí ban đầu đoạn trừ, cũng không phải trí ở giữa hay trí ở sau đoạn trừ. Kệ nói: “*Không phải đầu, giữa, sau*”.

Đoạn trừ như thế nào? Như ngọn đèn cháy sáng, không phải chỉ ban đầu, chặng giữa, hay sau cùng, do chấp giữ nên nói có trước, giữa, sau.

Như vậy, giải thoát có thể đồng với sự quán âm thanh khác chẳng? Không phải. Thế nào là quán? Kệ nói: “*Không ngôn từ giảng nói*”. Tức là lìa ngôn ngữ. Vậy có thể cho là đồng với trí thế gian, nương dựa vào thế gian chẳng? Không phải.

Thế nào là nương dựa? Kệ nói: “*Vượt ra ngoài ba đời*”. Chuyên đổi, nương dựa, mà nương dựa vào thân thường hằng, không phải như ý thức vô thường. Trí nương dựa vào pháp nhân duyên nên vô thường. Như trong Tu-đa-la (Kinh) nói quyết định nêu bày về giải

thoát này, có thể đồng với sự giải thoát của hàng Thanh văn, Duyên giác, trí của họ có chướng ngại đối với sự giải thoát. Vậy có thể giải thoát chăng? Không phải.

Thế nào là giải thoát? Kệ nói: “*Tướng ấy như hư không*” tức không bị tất cả các thứ phiền não gây chướng ngại.

Trí quán như vậy, đoạn trừ phiền não như vậy, quán và đối tượng được quán như vậy, nương dựa và đối tượng được nương dựa như vậy, giải thoát như vậy và được giải thoát, như thế là đã nói xong.

Trong đó, tự thể không là chung, ba thứ không là riêng. Giải thoát là chung, năm thứ giải thoát là riêng. Kệ nói:

*Phật hành tác định diệt
Ngôn thuyết không thể đạt
Hành Địa cũng như vậy
Khó nói, lại khó nghe.*

Kệ này vì sao dùng phương tiện hiển bày trí kia mà làm lu mờ Niết-bàn? Tức là chỉ rõ về Niết-bàn tánh tịnh, nên kệ nói: “*Định diệt*”.

Định là thành đồng tướng với Niết-bàn, vì tự tánh của nó là vắng lặng. *Diệt* là thành không đồng tướng với Niết-bàn mà là phương tiện phá bỏ chấp về Niết-bàn, chỉ rõ trí duyên nơi diệt.

Ai chứng trí này? Kệ nói: “*Phật hành tác*”.

Ai nói pháp, ai nghe pháp? Không nói, không nghe. Kệ nói: “*Ngôn thuyết không thể đạt*”.

Ngôn thuyết là dùng ngôn âm để dẫn dắt, tức là danh, cú, tự thân. Tại sao không chỉ nói là vô ngôn? Là vì nhằm chỉ rõ việc dựa vào ngôn thuyết để cầu tìm hiểu biết.

Trí kia đã như thế, còn việc làm của Địa thì hành tướng như thế nào? Kệ nói: “*Hành Địa cũng như vậy, Khó nói lại khó nghe*”.

Địa là cảnh giới. Hành quán là quyền thuộc của trí. Quyền thuộc của trí là đồng hành. Đồng hành là các Ba-la-mật như Đàn Ba-la-mật (Bồ thí Ba-la-mật) v.v... *Vì sao khó nói lại khó nghe?* Kệ nêu:

*Lìa niệm cùng nẻo tâm
Trí khởi cảnh giới Phật
Không ám, giới, nhập nêu
Tâm ý không đuổi kịp.*

Kệ này chỉ rõ về tư tuệ và thức, trí sinh từ quả báo, đó là điều có thể nói. Nhưng trí này không phải là cảnh giới kia vì không giống nhau. Kệ nói: “*Trí khởi cảnh giới Phật*”.

Như ám, giới, nhập thì có thể nói, còn trí này thì không phải vậy, vì lìa văn tự, cho nên không thể nêu bày. Kệ nói: “*Không ám, giới, nhập nêu*”, tức không phải đối tượng được nhận biết của nhị thức, không phải là ý thức có thể suy lường, do vậy, không thể nghe. Kệ nói: “*Tâm ý không đuổi kịp*”.

Trí là địa. Trí đầy khởi thì dùng gì để quán sát? Lấy gì làm đồng hành để có thể khởi trí ấy? Vì sao có thể chứng mà không thể nói, không thể nghe? Nay lại dùng ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa này. Kệ nói:

*Như dấu chim không trung
Khó nói, không thể thấy
Nghĩa mười Địa như vậy
Nói, nghe không thể đạt.*

Kệ này nêu bày nghĩa gì? Như chim bay nơi không trung, dấu vết của nó không thể nói, tướng cũng không thể thấy. Vì sao? Vì tướng của hư không và dấu chim đều không thể phân biệt được. Chẳng phải là không có dấu vết bay qua bầu trời. Như vậy, chỗ ở của dấu chim gọi là trụ xứ của danh, cú, tự thân.

Chỗ thâm tóm nơi trí chứng đắc của địa Bồ-tát là không thể nói được, không thể nghe được. Vì sao? Vì nó không phải như tánh của

âm thanh, không phải là không có danh cú tự thân của trí địa. Nghĩa sâu xa ở đây được chỉ ra khiến đại chúng vui mừng hết mực. Vì sao ta lại nói như vậy? Các vị không nên theo như âm thanh mà chấp giữ lấy nghĩa. Bám theo tiếng mà hiểu nghĩa thì mắc 5 lỗi:

- (1) Không chánh tín.
- (2) Dũng mãnh bị thoái chuyển.
- (3) Dối gạt kẻ khác.
- (4) Hủy báng Phật.
- (5) Khinh rẻ pháp.

Đại chúng tự biết là không mắc năm lỗi này nên Tôi mới nói nghĩa sâu xa.

Lại nhằm hiển bày việc giảng nói điều lớn lao khiến sinh chánh tín. Tiếp theo là nói năm kệ:

*Ta chỉ nêu một phần
 Từ bi và nguyện lực
 Dần dần phi cảnh tâm
 Trí đủ như tâm tịnh.
 Cảnh giới ấy khó thấy
 Khó nói, tự tâm biết
 Ta vâng Phật lực nói
 Đề cung kính lắng nghe.
 Trí vào hành như vậy
 Ước kiếp nói không cùng
 Nay lược nói như thế
 Như thật trụ đầy đủ.
 Nhất tâm cung kính đợi
 Vâng Phật lực khéo nói
 Nêu pháp âm thượng diệu
 Dụ tương ưng chữ thiện.*

*Ngôn thuyết ấy rất khó
Thần lực Phật vô lượng
Ánh sáng vào thân ta
Nhờ lực ấy ta nói.*

Nghĩa của mười Địa, trước nói là không thể nói được, nghe được, nay bảo là: “*Ta chỉ nêu một phần*”. Lời này có nghĩa gì? Có hai thứ thuộc về Địa này: Là phần nhân và phần quả.

Nêu tức là giải thích. Một phần là phần nhân nơi phần quả, nên bảo: “*Ta chỉ nêu một phần*”. Ở đây, nói về sự lớn lao có 3 thứ:

- (1) Nhân thành tựu lớn.
- (2) Nhân dần dần thành tựu lớn.
- (3) Giáo hóa, nói pháp, tu tập, thành tựu lớn.

Thế nào là Nhân thành tựu lớn? Kệ nói: “*Từ bi và nguyện lực*”. Từ là cùng ban cho nhân quả vui mừng. Bi là cùng cứu khỏi nhân quả khổ não. Nguyện là phát tâm mong đạt Đại Bồ-đề. Từ bi và nguyện lực này, sự siêng năng tu tập lâu dài, khác với hàng Nhị thừa.

Thế nào là Nhân dần dần thành tựu lớn? Kệ nói: “*Dần dần*”. Dần dần là nói về văn, tư tuệ v.v... cứ theo thứ lớp, cho đến khi có thể phát sinh nhân của trí xuất thế gian.

Thế nào là Giáo hóa, nói pháp, tu tập được thành tựu lớn? Có hai thứ: Là tu đầy đủ và tu quán. Tu đầy đủ, như kệ nói: “*Phi cảnh tâm*”. Câu này chỉ rõ văn, tư tuệ là cảnh giới của tâm, chính là nhân của trí có thể phát sinh trí xuất thế gian. Nhưng trí này không đầy đủ như trí xuất thế gian của các Địa kia. Kệ nói: “*Trí đủ như tâm tịnh*”. Như tâm tịnh là như tâm xuất thế gian thanh tịnh, có thể làm đầy đủ cho trí nơi các Địa kia. Còn tu quán? Như kệ nói:

*Cảnh giới ấy khó thấy
Khó nói, tự tâm biết*

*Ta vâng Phật lược nói
Đều cung kính lắng nghe.*

Kệ này hiển bày nghĩa gì? Cảnh giới ấy khó thấy. Tự tâm thanh tịnh thì có thể thấy. Cảnh giới ấy không thể nói. Giáo hóa, nói pháp, tu tập thành tựu như vậy là xong. Trong thuyết pháp, không thể chứng đắc được là do có 2 lỗi: (1) Lỗi của người nói. (2) Lỗi của kẻ nghe.

Lỗi của người nói có 2 thứ: (a) Nói pháp không được Phật tùy hỷ. (b) Thuyết pháp không bình đẳng.

Kẻ nghe cũng có 2 thứ lỗi: (a) Lỗi của kiến chấp, sinh tranh cãi, cho pháp của mình là đúng, pháp của kẻ khác là sai. Chấp trước vào những thứ nhận thức như vậy. (b) Không cung kính đối với người nói pháp, ở đây chỉ rõ người giảng nói không mắc lỗi gì. Người nói tự bảo: “Ta nói đây là được chư Phật tùy hỷ”. Kệ nêu: “*Ta vâng Phật lược nói*”, hãy cùng lắng nghe. Tiếp đến là khuyên bảo người nghe đề đề phòng hai lỗi ấy. Kệ nêu: “*Đều cung kính lắng nghe*”. Lần lượt hứa nói như vậy, nhưng đại chúng chưa biết nói rộng hay nói lược. Không thể nói rộng chỉ hứa là nói lược thôi, nhưng ý nghĩa của địa vẫn đầy đủ. Như kệ thứ ba nói:

*Trí vào hành như vậy
Ức kiếp nói không cùng
Nay lược nói như thế
Như thật trụ đầy đủ.*

Trí vào hành: Tức chỗ nêu giảng về pháp của các địa, chúng sinh dùng trí để hội nhập. Thế nào là hội nhập? Là thấu giữ như thật một cách đầy đủ. Hội nhập rồi theo như hành mà tu tập đầy đủ, nên chỉ rõ chỗ thấu giữ nghĩa nói rộng kia

Trụ: Là quyết định ở yên trong nhà của Như Lai. Trước đây, ta nói đều cung kính lắng nghe là vậy. Nếu thiếu điều ấy thì không nói. Cung kính như thế nào? Kệ nêu:

*Nhất tâm cung kính đợi
 Vâng Phật lực, khéo nói
 Nêu pháp âm thượng diệu
 Dụ tương ưng chữ thiện.*

Nhất tâm cung kính đợi có 2 thứ:

(1) *Thân chính thức cung kính đợi*: Trụ yên với oai nghi, đủ khả năng nhận lãnh pháp giảng nói.

(2) *Tâm chính thức cung kính đợi*: Như tâm quyết định có thể nhận lãnh nhớ giữ. Câu này khuyên bảo hai loại cung kính đợi là thân và tâm.

Khéo nói: Là chỉ rõ mình không dua nịnh, không kiêu mạn.

Vâng Phật lực: Là chỉ rõ mình không có tăng thương mạn.

Nửa kệ sau nói: Pháp âm thượng diệu dụ cho sự tương ưng với chữ thiện. Câu này chỉ rõ về việc gì? Nhờ vào việc gì? Việc ấy như thế nào? Nương dựa vào việc gì?

Chỉ rõ về việc gì? Tức là nói pháp tối thượng. *Nhờ vào việc gì?* Tức là nhờ vào âm thanh vi diệu.

Việc ấy như thế nào? Là ví dụ tương ưng. *Nương dựa vào việc gì?* Là nương dựa vào chữ thiện.

Tất cả ta đều khéo giảng nói. Lại, tương ưng là thí dụ cùng tương ưng. Chữ thiện (khéo) có 2 thứ tương:

(1) Khéo tùy thuận theo âm của phương ngôn.

(2) Chữ, câu đều viên mãn, không thêm không bớt, tương ưng với lý, nên gọi là chữ thiện.

Trước nói vâng theo thần lực của Phật, nhưng chưa nêu lực ấy như thế nào. *Kệ thứ năm chỉ rõ các việc nơi thần lực của Phật.* Kệ nói:

*Ngôn thuyết ấy rất khó
Thần lực Phật vô lượng
Ánh sáng vào thân ta
Nhờ lực ấy, ta nói.*

*

7. Phần Thuyết giảng:

* **Luận nêu:** Đã nói xong *Phần Thỉnh Cầu*. Từ đây trở xuống là chính thức giảng nói về *Địa thứ nhất*. Nơi *Phần Thuyết giảng* này, nêu bày về những việc gì? Phân biệt có 3 thứ:

- a. *Phần Trụ.*
- b. *Giải thích tên gọi.*
- c. *Phần An trụ.*

a. **Thế nào là Phần Trụ?** Gồm có 4 thứ: *Dựa vào thân nào? Vì nghĩa gì? Do nhân gì? Có những tướng gì?*

Khi Bồ-tát phát sinh tâm kia tức là trụ ở Địa thứ nhất, đó gọi là Trụ, trong đó, các Phật tử khéo tích tập căn thiện. Như vậy, **bốn mươi câu** là nói về việc của Trụ này.

Đầu tiên là nói ***Dựa vào thân nào để sinh tâm như vậy?***

* **Kinh nói:** “Này các Phật tử! Nếu chúng sinh có thể phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì người ấy phải: Tích tập sâu dày các căn thiện. Khéo tích tập các hành thiện. Khéo tập hợp các hành Tam-muội. Khéo cúng dường chư Phật. Khéo tích tập các pháp bạch thanh tịnh. Được bậc thiện tri thức khéo hộ niệm. Khéo làm thanh tịnh tâm. Nhập vào tâm rộng sâu. Tin ưa pháp lớn, thích cầu đạt trí tuệ Phật. Hiện bày đại từ bi”.

* **Luận nêu:** *Mười câu* như thế là nói nương dựa vào thân nào? Sự tích tập ấy có 9 thứ:

(1) Công việc tích tập điều thiện làm quyền thuộc cho trì giới. Như kinh nói: “Khéo tích tập các hành thiện”.

(2) Dùng định tập hợp các điều thiện làm quyền thuộc cho Tam-muội. Như kinh nói: “Khéo tập hợp các hành Tam-muội”. Hành Tam-muội: Là hành quán tăng thượng.

(3) Thân cận tu tập, khéo tu tập trí văn tuệ. Như kinh nói: “Khéo cúng dường chư Phật”.

(4) Tích tập trí tư tuệ, khéo suy nghĩ về các pháp thiện như các Ba-la-mật. Như kinh nói: “Khéo tích tập các pháp bạch thanh tịnh”.

(5) Giữ, chứa tu hành, thực chứng, khéo được dạy trao. Như kinh nói: “Được bậc thiện tri thức khéo hộ niệm”.

(6) Tâm thanh tịnh tập hợp được chánh trí xuất thế gian. Như kinh nói: “Khéo làm thanh tịnh tâm”.

(7) Tích tập rộng tâm sâu xa để làm lợi ích cho hết thầy chúng sinh. Như kinh nói: “Nhập vào tâm rộng sâu”.

(8) Tập hợp tâm tin cầu trí Nhất thiết trí. Như kinh nói: “Tin ưa pháp lớn, thích cầu đạt trí tuệ Phật”.

(9) Hiện tích tập nhiều hành từ bi. Như kinh nói: “Hiện bày đại từ bi”. Trong đó, Từ niệm dựa nơi khổ khổ, hoại khổ, Bi thì dựa vào hành khổ.

Ở đây: *Hai thứ tích tập đầu*: Là chỉ rõ về giới học tăng thượng, định học tăng thượng, nên thực hành tích tập điều thiện để làm quyền thuộc cho trì giới. Định tích tập các điều thiện là để làm quyền thuộc cho Tam-muội.

Bốn thứ tích tập kế tiếp: Là chỉ rõ về tuệ học tăng thượng. Thân cận tích tập điều thiện là tu tập trí văn tuệ. Tích tụ trí tư tuệ là khéo suy nghĩ về các pháp thiện như các Ba-la-mật. Giữ gìn tích tập, tu

hành, thực chứng là khéo được dạy truyền. Tâm tịnh tích tập để được trí xuất thế gian.

Ba thứ tích tập sau: Là chỉ rõ sự vượt hơn hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. Tập hợp rộng tâm sâu xa là để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tích tập tâm tin để cầu trí Nhất thiết trí, nên tích tập nhiều hành từ bi.

Trong *mười câu* này, dày công tích tập các căn thiện là chung, chín thứ còn lại là riêng. Tích tập là Đồng tướng, còn riêng là Dị tướng. Thành tướng là nói lược, Hoại tướng là nói rộng.

Đã nói xong về phần *Dựa vào thân nào để sinh tâm như vậy?* Kế đến là nói *Vì ý nghĩa gì mà phát sinh tâm như vậy?*

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát Ma-ha-tát phát sinh tâm như vậy là để: Đạt được trí Phật. Được sức mạnh của mười lực. Được vô úy lớn lao. Được pháp bình đẳng của Phật. Được cứu độ hết thủy thế gian. Làm thanh tịnh tâm đại từ bi. Được trí trọn vẹn về mười phương. Được trí thanh tịnh nơi tất cả thế giới đều không bị chướng ngại. Được chỉ trong một niệm nhận biết rõ các sự việc nơi ba đời. Được chuyển đại pháp luân vô sở úy*”.

* **Luận nêu:** Trí Phật nói ở đây là Trí vô thượng, vì gồm đủ nhận biết (khỏ), đoạn trừ (tập), chứng đắc (diệt), tu tập (đạo). Trí Phật này có 9 thứ nghiệp khác nhau. Vì mong cầu trí ấy nên sinh tâm như vậy.

(1) Nghiệp hỏi ghi của trí Phật lực: Đây là trí lực hỏi ghi của Như Lai về thị xứ phi xứ, như trong Tu-đa-la đã nêu. Như kinh ở đây nói: “Được sức mạnh của mười lực”.

(2) Nghiệp phá trừ tà thuyết của trí Phật vô úy. Như kinh nói: “Được vô úy lớn lao”.

(3) Nghiệp đạt được người, pháp vô ngã dạy trao cho chúng sinh chứng nhập của trí Phật bình đẳng. Như kinh nói: “Được pháp bình đẳng của Phật”.

(4) Nghiệp dùng bốn Nhiếp pháp giáo hóa chúng sinh của trí Phật cứu độ. Như kinh nói: “Được cứu độ hết thủy thế gian”.

(5) Nghiệp làm thanh tịnh là nhân cứu độ giáo hóa của trí Phật thanh tịnh. Như kinh nói: “Làm thanh tịnh tâm đại từ bi”.

(6) Nghiệp dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh nơi thế gian của trí Phật trọn vẹn. Như kinh nói: “Được trí trọn vẹn về mười phương”.

(7) Nghiệp tạo cho tất cả thế giới không chướng ngại, không cấu nhiễm, ứng hóa tự nhiên khiến tin tưởng của trí Phật không nhiễm. Như kinh nói: “Được trí thanh tịnh nơi tất cả thế giới đều không bị chướng ngại”.

(8) Nghiệp ở trong một niệm nhận biết tâm, tâm số pháp của chúng sinh nơi ba đời của trí Phật tỉnh giác. Như kinh nói: “Được chỉ trong một niệm nhận biết rõ các sự việc nơi ba đời”.

(9) Nghiệp tạo phương tiện thiện xảo, đạt giải thoát của trí Phật chuyển pháp luân. Cùng một lúc chuyển pháp luân lớn trong trăm ức châu Diêm-phù-đề. Như kinh nói: “Được chuyển đại pháp luân vô sở úy”.

Phát sinh tâm như vậy: Tức là như trong phần Gốc nói: “Này chư Phật tử! Bồ-tát này nguyện khéo quyết định v.v...”. Vì sao chỉ nói sinh tâm, không nói sinh trí cùng với các tâm số pháp khác? Là vì trong tâm gồm thấu đủ cả: Biết, Đoạn, Chứng, Tu và hết thủy pháp trợ đạo.

Đã nói xong về phần *Vì ý nghĩa gì mà phát sinh tâm như vậy?* Tiếp theo là nói *Do nhân gì mà phát sinh tâm như vậy?*

*** Kinh nói:** “*Tâm ấy dùng đại bi làm đầu, lấy trí tuệ tăng thượng, dùng phương tiện thiện xảo làm chỗ thấu tóm, tâm ngay thẳng, tâm sâu xa đều hết mực tinh thuần, diệu lực của Như Lai là vô lượng, khéo quyết định về trí lực, về lực của chúng sinh, tùy thuận trí tự nhiên, có thể thọ nhận hết thủy pháp Phật, dùng trí tuệ để giáo hóa, rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, cùng tận đến đời vị lai*”.

* **Luận nêu:** Dùng đại bi làm đầu: Bi có 9 thứ lớn lao:

(1) *Lớn về tăng thượng:* Khổ càng vi tế thì trí càng sinh khởi tăng thượng. Như kinh nói: “Lấy trí tuệ tăng thượng”. Trí là quán xét về nhân quả thuận nghịch, nhiễm tịnh. Tuệ là quán xét sự khác biệt của tự tướng, đồng tướng.

(2) *Lớn về thâm tóm:* Cứu khổ chúng sinh, thâm tóm theo phương tiện thiện xảo. Như kinh nói: “Dùng phương tiện thiện xảo làm chỗ thâm tóm”.

(3) *Lớn về sự tinh thuần:* Lúc hướng đến chấp thuận cho tới tận cùng cảnh giới của chúng sinh, luôn tạo lợi ích cho muôn loài với tâm bi tăng thượng. Như kinh nói: “Tâm ngay thẳng, tâm sâu xa đều hết mực tinh thuần”.

(4) *Lớn về vô lượng:* Thâu giữ vô lượng diệu lực của Như Lai. Như kinh nói: “Diệu lực của Như Lai là vô lượng”.

(5) *Lớn về quyết định:* Quyết định thượng diệu, tin nơi trí sâu xa, nơi sự đối trị thù thắng. Như kinh nói: “Khéo quyết định về trí lực, về lực của chúng sinh”.

(6) *Lớn về tùy thuận:* Là tùy thuận nơi Chánh giác Bồ-đề. Như kinh nói: “Tùy thuận trí tự nhiên”.

(7) *Lớn về chánh thọ:* Có khả năng nhận lấy chánh pháp lớn lao thù thắng để dạy bảo trao truyền cho chúng sinh. Như kinh nói: “Có thể thọ nhận hết thầy pháp Phật, dùng trí tuệ để giáo hóa”.

(8) *Lớn về chỗ vi diệu tột bậc:* Tức thâm nhận các công đức thù thắng vi diệu. Như kinh nói: “Rộng lớn như pháp giới”.

(9) *Lớn về sự an trụ cùng tận:* Tức đạt được vô lượng quả yêu thích, là nhân đạt đến cảnh giới Niết-bàn. Như kinh nói: “Rất ráo như hư không, cùng tận đến đời vị lai”.

Đã nói xong về phần *Do nhân gì mà phát sinh tâm như vậy?*
Thứ đến là nói ***Khi tâm ấy phát sinh thì có những tướng gì?***

* ***Kinh nói:*** “*Bồ-tát phát sinh tâm như vậy, tức thì vượt qua hàng phàm phu, bước vào quả vị Bồ-tát, sinh vào nhà Phật, thuộc tộc họ tôn quý, không thể chê trách. Vượt qua hết thủy đạo thế gian, bước vào đạo xuất thế gian, an trụ trong pháp của Bồ-tát, ở tại chánh xứ của Bồ-tát, hội nhập nơi pháp chân như của ba đời, trong chủng tánh của Như Lai, tất định đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng trọn vẹn. Bồ-tát an trụ trong pháp như vậy, gọi là trụ nơi Địa Hoan Hy của Bồ-tát, vì đây là pháp bất động*”.

* ***Luận nêu:*** *Vượt qua hàng phàm phu:* Do vượt qua hàng phàm phu tức chỉ rõ là chứng được Thánh đạo xuất thế gian. Có 8 thứ vượt qua:

(1) *Vượt qua nơi nhập vị:* Là đầu tiên thành tựu tâm xuất thế gian, như mới trụ thai là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Bước vào quả vị Bồ-tát”.

(2) *Vượt qua nơi nhà:* Tức nhà được sinh ra là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Sinh vào nhà Phật”.

(3) *Vượt qua nơi chủng tánh:* Pháp tương tợ như con, nên phát sinh hạnh Đại thừa. Như kinh nói: “Thuộc tộc họ tôn quý, không thể chê trách”.

(4) *Vượt qua nơi đạo:* Gồm thân toàn bộ đạo thế gian và xuất thế gian không gồm thân được. Đạo khác phát sinh là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Vượt qua hết thủy đạo thế gian, bước vào đạo xuất thế gian”.

(5) *Vượt qua nơi thể của pháp:* Lấy đại bi làm Thể, nên khi làm việc cho kẻ khác tức là việc của mình. Thể của tự thân là pháp tương tợ. Như kinh nói: “An trụ trong pháp của Bồ-tát”.

(6) *Vượt qua nơi chốn*: Không bỏ thể gian, theo phương tiện không cầu nhiệm nên khéo léo an trụ. Trụ xứ là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Ở tại chánh xứ của Bồ-tát”.

(7) *Vượt qua nơi nghiệp*: Thánh trí thuận không, sinh mạng là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Hội nhập nơi pháp chân như của ba đời”.

(8) *Vượt qua nơi tất định*: Tức Phật chủng không bị dứt mất rốt cùng là đạt đạo Niết-bàn, thành tựu là pháp tương tợ. Như kinh nói: “Trong chủng tánh của Như Lai, tất định đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác vô thượng trọn vẹn”.

Như thế, thị hiện đời sống của hàng phàm phu, đời sống của Bồ-tát, nhập thai không giống nhau. Có phiền não, không phiền não, thứ lớp về nhà như vậy là không giống nhau. Chủng tánh không giống nhau, đạo không giống nhau, thể không giống nhau, nơi chốn không giống nhau, nghiệp của đời sống không giống nhau, thành tựu không giống nhau. Như vậy là đã nói về trụ trong Địa này, đó gọi là **Trụ**. Như kinh nói: “Bồ-tát an trụ trong pháp như vậy gọi là trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát, vì đây là pháp bất động”.

b. Giải thích về tên gọi: Đã nói về nghĩa của *Trụ*, tiếp theo là *Giải thích tên gọi*. Thế nào là nói nhiều về hoan hỷ nên mang tên là Hoan Hỷ? Hoan hỷ do cái gì? Trong Địa này Bồ-tát hoan hỷ lại phải dùng niệm nào? Trước nói mười câu, sau nêu hai mươi câu.

* **Kinh nói**: “Chư Phật tử! Bồ-tát này trụ trong Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát thành tựu nhiều hoan hỷ, nhiều tin kính, nhiều niệm yêu mến, nhiều vui mừng, nhiều thuận hợp, nhiều phấn khích, nhiều khả năng nhận lãnh, nhiều điều không hủy hoại ý kế khác, nhiều điều không nào hại chúng sinh, nhiều điều không sân hận”.

* **Luận nêu**: Hoan hỷ: Là tâm hỷ, thể hỷ, căn hỷ. Hoan hỷ này có 9 thứ:

(1) *Hoan hỷ vì tôn kính*: Là tôn kính đối với Tam bảo. Như kinh nói: “Nhiều tin kính”.

(2) *Hoan hỷ vì yêu mến*: Là ưa thích quán chiếu pháp chân như. Như kinh nói: “Nhiều niệm yêu mến”.

(3) *Hoan hỷ vì chúc mừng*: Là tự biết những điều mình đã chứng đắc, thấy đây là thù thắng. Như kinh nói: “Nhiều vui mừng”.

(4) *Hoan hỷ vì thuận hợp*: Là tự thân tâm tràn ngập sự thành tựu. Như kinh nói: “Nhiều thuận hợp”.

(5) *Hoan hỷ vì phần khích*: Là tự thân tràn ngập sự đầy đủ tăng thượng. Như kinh nói: “Nhiều phần khích”.

(6) *Hoan hỷ vì đủ sức nhận lãnh*: Là tự thấy mình đến gần Bồ-đề. Như kinh nói: “Nhiều khả năng nhận lãnh”.

(7) *Hoan hỷ vì không bị hủy hoại*: Tức khi luận bàn, giải thích, tự tâm điều phục, tâm không bị loạn động. Như kinh nói: “Nhiều điều không hủy hoại ý kẻ khác”.

(8) *Hoan hỷ vì không não hại*: Là khi thân giữ giáo hóa chúng sinh, luôn lấy từ bi tạo sự thuận hợp, hòa dịu. Như kinh nói: “Nhiều điều không não hại chúng sinh”.

(9) *Hoan hỷ vì không sân hận*: Là khi thấy các chúng sinh có oai nghi bất chính, không theo như chỗ giảng nói để tu hành, nhưng Bồ-tát vẫn nhẫn chịu không khởi giận. Như kinh nói: “Nhiều điều không sân hận”.

Đã nói xong về phần *Nhiều hoan hỷ*. Kế tiếp nói: **Do niệm (Nhớ nghĩ) gì mà thành hoan hỷ?** Sẽ nói đến trong câu thứ **20** và **30**. Niệm này có **2** thứ: *Niệm sẽ đạt được* và *Niệm hiện đang đạt được*. Thế nào là Niệm sẽ đạt được nên sinh tâm hoan hỷ?

* **Kinh nói**: “Chư Phật tử! Bồ-tát trụ ở Địa Hoan Hỷ này: Vì nhớ nghĩ về (niệm) chư Phật nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về

các pháp của chư Phật nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về các Đại Bồ-tát nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về những việc làm của Bồ-tát nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về tướng thanh tịnh của các Ba-la-mật nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về Địa của các Bồ-tát đối chiếu thấy rõ sự thù thắng nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về diệu lực của Bồ-tát không thoái chuyển nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về pháp giáo hóa của các Đức Như Lai nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về khả năng có thể tạo lợi ích cho chúng sinh nên sinh tâm hoan hỷ. Vì nhớ nghĩ về sự hội nhập nơi trí hành của hết thảy Như Lai nên sinh tâm hoan hỷ”.

*** Luận nêu:** Thế nào là niệm? Là nghĩ ta cũng sẽ đạt được như Phật đã đạt được.

Nhớ nghĩ (Niệm) về Phật như vậy: Có 9 thứ:

(1) Nhớ nghĩ về pháp của Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về các pháp của chư Phật nên sinh tâm hoan hỷ”.

(2) Nhớ nghĩ về Bồ-tát của Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về các Đại Bồ-tát nên sinh tâm hoan hỷ”.

(3) Nhớ nghĩ về sự hành hóa của Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về những việc làm của Bồ-tát nên sinh tâm hoan hỷ”.

(4) Nhớ nghĩ về sự thanh tịnh của Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về tướng thanh tịnh của các Ba-la-mật nên sinh tâm hoan hỷ”.

(5) Nhớ nghĩ về sự thù thắng của Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về Địa của các Bồ-tát đối chiếu thấy rõ sự thù thắng nên sinh tâm hoan hỷ”.

(6) Nhớ nghĩ về sự không thoái chuyển của Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về diệu lực của Bồ-tát không thoái chuyển nên sinh tâm hoan hỷ”.

(7) Nhớ nghĩ về sự giáo hóa của Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về pháp giáo hóa của các Đức Như Lai nên sinh tâm hoan hỷ”.

(8) Nhớ nghĩ về Phật đem lại ích lợi. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về khả năng có thể tạo lợi ích cho chúng sinh nên sinh tâm hoan hỷ”.

(9) Nhớ nghĩ về sự hội nhập nơi Phật. Như kinh nói: “Vì nhớ nghĩ về sự hội nhập nơi trí hành của hết thầy Như Lai nên sinh tâm hoan hỷ”.

Ở đây, hai niệm đầu là cùng nhớ nghĩ về Phật: Nghĩ ta sẽ chứng đạt được như Phật. Nhớ nghĩ về pháp của Phật là nhớ nghĩ về pháp của chư Phật. Phật và pháp của Phật là hai niệm. Nhớ nghĩ về Bồ-tát của Phật và nhớ nghĩ về các Bồ-tát là hai niệm. Nhớ nghĩ về việc làm của Phật, nhớ nghĩ về việc làm của Bồ-tát. Thứ lớp như vậy có hơn sáu câu.

Nhớ nghĩ về Phật thanh tịnh. Nhớ nghĩ về tướng thanh tịnh của các Ba-la-mật. Nhớ nghĩ về sự thù thắng của Phật. Nhớ nghĩ về Địa của các Bồ-tát đối chiếu thấy rõ sự thù thắng. Nhớ nghĩ về sự không thoái chuyển của Phật. Nhớ nghĩ về diệu lực của Bồ-tát không thoái chuyển. Nhớ nghĩ về sự giáo hóa của Phật. Nhớ nghĩ về pháp giáo hóa của các Như Lai. Nhớ nghĩ về Phật tạo ích lợi. Nhớ nghĩ về khả năng có thể tạo ích lợi cho chúng sinh. Nhớ nghĩ về hội nhập của Phật. Nhớ nghĩ về sự hội nhập nơi trí hành của hết thầy Như Lai. Tùy theo chỗ để làm sáng tỏ hành của Bồ-tát. Dùng cái gì để làm sáng tỏ? Các niệm như vậy đều nên biết.

Lại, lấy gì để làm sáng tỏ các pháp Ba-la-mật kia là thanh tịnh? Làm sáng tỏ như thế nào để hiển bày hành nơi địa Bồ-tát, nhằm so sánh chỗ hơn hẳn chuyển lên cao hơn do đã đi tới Địa cuối cùng. Phần còn lại ở đây là được pháp giáo hóa, làm lợi ích cho chúng sinh hành không hư giả để nhập vào Địa hành của Như Lai.

Nơi phần này nhớ nghĩ về sự hành hóa của Phật vừa là chung vừa là riêng.

Đã nói xong về phần: *Niệm sẽ đạt được nên sinh tâm hoan hỷ*. Kế tiếp nói về: *Niệm hiện đang đạt được nên sinh tâm hoan hỷ*.

*** Kinh nói:** “*Chư Phật tử! Bồ-tát lại suy nghĩ như vậy: Vì ta chuyển lìa khỏi cảnh giới của tất cả thế gian nên sinh tâm hoan hỷ. Vì vào gần trụ xứ của Như Lai nên sinh tâm hoan hỷ. Vì xa lìa hàng phàm phu nên sinh tâm hoan hỷ. Vì đến gần địa trí tuệ nên sinh tâm hoan hỷ. Vì đoạn trừ hết thấy các đường ác nên sinh tâm hoan hỷ. Vì làm nơi nương dựa cho tất cả chúng sinh nên sinh tâm hoan hỷ. Vì thấy gần hết thấy chư Phật nên sinh tâm hoan hỷ. Vì được sinh vào cảnh giới của chư Phật nên sinh tâm hoan hỷ. Vì hội nhập nơi pháp chân như của tất cả Bồ-tát nên sinh tâm hoan hỷ. Vì ta lìa khỏi các sự việc kinh hãi nên sinh tâm hoan hỷ*”.

*** Luận nêu:** *Ta chuyển lìa khỏi cảnh giới của tất cả thế gian:* Là chuyển lìa khỏi các việc chấp giữ của hàng phàm phu. Sự chuyển lìa này có 9 thứ:

(1) Chuyển lìa để hội nhập. Như kinh nói: “*Vì vào gần trụ xứ của Như Lai nên sinh tâm hoan hỷ*”.

(2) Chuyển lìa vì cách xa. Như kinh nói: “*Vì xa lìa hàng phàm phu nên sinh tâm hoan hỷ*”.

(3) Chuyển lìa vì gần tới. Như kinh nói: “*Vì đến gần địa trí tuệ nên sinh tâm hoan hỷ*”.

(4) Chuyển lìa vì đoạn trừ. Như kinh nói: “*Vì đoạn trừ hết thấy các đường ác nên sinh tâm hoan hỷ*”.

(5) Chuyển lìa vì nương dựa. Như kinh nói: “*Vì làm nơi nương dựa cho tất cả chúng sinh nên sinh tâm hoan hỷ*”.

(6) Chuyển lìa vì thấy gần. Như kinh nói: “Vì thấy gần hết thấy chư Phật nên sinh tâm hoan hỷ”.

(7) Chuyển lìa vì được sinh. Như kinh nói: “Vì được sinh vào cảnh giới của chư Phật nên sinh tâm hoan hỷ”.

(8) Chuyển lìa vì bình đẳng. Như kinh nói: “Vì hội nhập nơi pháp chân như của tất cả Bồ-tát nên sinh tâm hoan hỷ”.

(9) Chuyển lìa vì xả bỏ. Như kinh nói: “Vì ta lìa khỏi các sự việc kinh hãi nên sinh tâm hoan hỷ”.

Trong đây: *Chuyển lìa để hội nhập*: Là chỉ rõ sự không giống nhau. *Chuyển lìa vì cách xa, chuyển lìa vì gần tới*: Là chỉ rõ về tự thân không giống nhau. Sáu câu còn lại là những: *Chuyển lìa vì đoạn trừ, chuyển lìa vì nương dựa, chuyển lìa vì thấy gần, chuyển lìa vì được sinh, chuyển lìa vì bình đẳng, chuyển lìa vì xả bỏ*: Thứ lớp như vậy là hành không giống nhau, cùng lần lượt nương dựa không giống nhau, tha lực không giống nhau, nơi chốn không giống nhau, sinh nghiệp không giống nhau, thành tựu không giống nhau.

Sợ hãi: Là không yêu thích, nghi ngờ, lo lắng, ưu phiền, các tướng ấy tương ưng với tâm. Lại, tướng thân khác nhau như việc lông tóc dựng đứng v.v... Kế đây nói: *Thế nào là sợ hãi, đâu là nhân của sợ hãi?* Xa lìa nhân ấy thì không còn sợ hãi.

* **Kinh nói**: “*Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát này được Địa Hoan Hỷ rồi, thì hết thấy các thứ sợ hãi hiện có đều xa lìa. Đó là sợ hãi không sống nổi, sợ hãi tiếng tăm xấu ác, sợ hãi cái chết, sợ hãi bị đọa vào đường ác, sợ hãi uy đức của đại chúng. Bồ-tát đã lìa tất cả các thứ sợ hãi như thế. Vì sao? Vì Bồ-tát này đã lìa hết tướng ngã, thân hãy còn không tham tiếc hưởng nữa là các sự việc cần dùng, do vậy nên không có sợ hãi không sống nổi. Tâm không mong cầu được cung kính cúng dường: Ta nên được cúng dường. Hết thấy chúng sinh nên cung cấp cho Ta các thứ cần*

dùng, vì thế không có sợ hãi về tiếng tăm xấu ác. Do xa lìa ngã kiến, không có tướng ngã, nên không có sợ hãi cái chết. Bồ-tát lại nghĩ như vậy: Nếu ta chết rồi, sinh ra tất không lìa chư Phật, Bồ-tát, do đây không có sợ hãi bị đọa vào đường ác. Nơi chốn chỉ ta ưa thích, thân tâm của muôn người nơi thế gian đều không sánh bằng, huống nữa là có ai vượt hơn, vì vậy không có sợ hãi uy đức của đại chúng. Nay chư Phật tử! Bồ-tát hoàn toàn lìa khỏi các sự việc kinh hãi như vậy”.

* **Luận nêu:** Năm thứ sợ hãi này là chướng ngại của Địa thứ nhất, nhưng cũng lại nêu bày những lợi ích thù thắng của Địa.

Trong năm thứ sợ hãi này thì điều một, hai, năm là dựa vào thân, miệng, ý. Điều ba, bốn là dựa vào thân.

Dựa vào thân nghĩa là nương vào thân mà có được hay từ bỏ, yêu ghét về đường thiện, đường ác.

Vì sao chỉ nói năm thứ sợ hãi? Vì các thứ sợ hãi khác như bị trói cột, đánh đập v.v... đều thuộc về năm điều sợ hãi này. Nhân của sự sợ hãi này lược nói có 2 thứ:

- (1) Trí hiểu biết sai lầm, vọng giữ lấy tướng kiến, ái chấp.
- (2) Do căn thiện quá mỏng, ít.

Đối trị lại những sợ hãi này, như kinh nói: “Lìa hết tướng ngã, thân hãy còn không tham tiếc v.v... cho đến: Vì vậy không có sợ hãi uy đức của đại chúng”.

Không còn các sự việc kinh hãi, vì sao nói ở hai nơi? Vì trước nói thân sợ hãi, sau nói sợ hãi khác với thân.

c. Phần An trụ:

* **Kinh nói:** “Chư Phật tử! Bồ-tát này do dùng đại bi làm đầu, tâm sâu lớn kiên cố, nên siêng năng tu tập và thành tựu hết thấy các căn thiện”.

* **Luận nêu:** *Tâm sâu lớn kiên cố:* Là phiền não và Tiểu thừa không thể hủy hoại pháp quán này.

Nên siêng năng tu tập và thành tựu hết thấy các căn thiện: Là tất cả những căn thiện được nói đến đều thâm nhận trong Địa này.

Thế nào là siêng tu? Trong ấy có 3 loại thành tựu:

(1) **Thành tựu tâm tin tưởng.**

(2) **Thành tựu tu hành.**

(3) **Thành tựu hồi hướng.**

Có ba mươi câu chỉ rõ. Mười câu đầu nói về **Thành tựu tâm tin tưởng**.

* **Kinh nói:** “Đó là tâm tin tưởng tăng thượng, nhiều cung kính, tin thanh tịnh, phần nhiều dùng sự tin tưởng để phân biệt. Khởi tâm bi thương xót, thành tựu đại từ. Tâm không mệt mỏi biếng trễ. Dùng hổ thẹn để trang nghiêm, thành tựu mọi an lạc của nhĩn nhục, kính thuận giáo pháp của chư Phật nên tin tưởng càng tôn quý”.

* **Luận nêu:** *Tâm tin tưởng tăng thượng:* Là tùy thuộc nơi công việc hiện có, trong đó tâm tin tưởng tăng thượng thành tựu. Tin tưởng tăng thượng này có 9 thứ:

(1) *Tin tưởng tăng thượng của tôn kính:* Tức tôn kính Tam bảo. Như kinh nói: “Nhiều cung kính”.

(2) *Tin tưởng tăng thượng do thanh tịnh:* Tức tự chứng trí chân tịnh. Như kinh nói: “Tin thanh tịnh”.

(3) *Tin tưởng tăng thượng của phân biệt:* Tức giúp kẻ khác chứng trí thanh tịnh. Như kinh nói: “Phần nhiều dùng sự tin tưởng để phân biệt”.

(4) *Tin tưởng tăng thượng của tâm bi.*

(5) *Tin tưởng tăng thượng của tâm từ*: Tức là giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Khởi tâm bi thương xót, thành tựu đại từ”. *Bi* là dứt trừ tướng khổ, quyết định cứu độ chúng sinh. *Từ* là ban cho tướng an vui, luôn ban cho vô lượng an lạc. *Khởi* là chuyển đổi để thành hiện tiền.

(6) *Tin tưởng tăng thượng do không mỗi mệt*: Tức là ở lâu trong thế gian để giáo hóa chúng sinh vô lượng, đem lại ích lợi cho họ. Như kinh nói: “Tâm không mệt mỗi biếng trễ”.

(7) *Tin tưởng tăng thượng do hổ thẹn*: Tức không tham đắm vào thế gian. Đối với các thứ làm chướng ngại Ba-la-mật như keo kiệt v.v... luôn hết sức hổ thẹn. Như kinh nói: “Dùng hổ thẹn để trang nghiêm”.

(8) *Tin tưởng tăng thượng do an lạc*: Tức đối với người cùng pháp, không gây náo loạn. Như kinh nói: “Thành tựu mọi an lạc của nhân nhục”.

(9) *Tin tưởng tăng thượng do kính pháp*: Tức cùng tăng tâm kính tin thù thắng. Như kinh nói: “Kính thuận giáo pháp của chư Phật nên tin tưởng càng tôn quý”.

Ba câu sau, chỉ cho biết tu những hạnh gì? Đó là tu hạnh Ba-la-mật. Ai là bạn mình? Ấy là những đồng sự an lạc. Đi vào pháp nào? Đó là giáo pháp của chư Phật.

Như vậy là Thành tựu tâm tin tưởng. ***Thế nào là Thành tựu tu hành?***

* ***Kinh nói***: “Ngày đêm tu tập căn thiện không biết chán đủ. Thân cận thiện tri thức. Thường yêu mến pháp. Tìm cầu học rộng không hề biết chán. Chánh quán như pháp đã được lãnh hội. Tâm không tham chấp. Không vướng mắc vào lợi dưỡng, tiếng khen, sự cung kính. Không cầu tìm các thứ vật dụng cần dùng cho đời sống. Thường sinh tâm như thật, không thấy chán đủ”.

* **Luận nêu:** Mười câu trên đây là nói về thành tựu tu hành.

Thế nào là thành tựu tu hành? Tức tích tập các căn thiện không ngừng nghỉ. Như kinh nói: “Ngày đêm tu tập căn thiện không biết chán đủ”. Sự tích tập này có 8 thứ:

(1) Tích tập do thân cận không quên các pháp. Như kinh nói: “Thân cận thiện tri thức”.

(2) Tích tập do yêu mến pháp: Đối với những hỏi đáp, luận bàn, giải thích, tâm luôn vui thích. Như kinh nói: “Thường yêu mến pháp”.

(3) Tích tập do đa văn. Như kinh nói: “Tìm cầu học rộng không hề biết chán”.

(4) Tích tập do chánh quán. Như kinh nói: “Chánh quán như pháp đã được lãnh hội”.

(5) Tích tập do không vương mắc. Như kinh nói: “Tâm không tham chấp”. Ba câu vừa nói như tích tập do đa văn v.v... đó là văn, tu, tu tuệ theo thứ lớp như vậy. Không chấp là không tham vương nơi Tam-muội.

(6) Tích tập do không tham.

(7) Tích tập do không mong cầu: Là đối với các thứ lợi dưỡng đã đạt được thì không tham. Lợi dưỡng chưa đạt được thì không cầu. Nếu không như thế thì giới hạnh của Bồ-tát bị cản trở, bị thoái chuyển. Như kinh nói: “Không vương mắc vào lợi dưỡng, tiếng khen, sự cung kính. Không cầu tìm các thứ vật dụng cần dùng cho đời sống”.

(8) *Tích tập do tâm như thật:* Là tâm xuất thế gian, khiến niệm niệm hiện tiền. Như kinh nói: “Thường sinh tâm như thật, không thấy chán đủ”.

Như vậy là Thành tựu tu hành. ***Thế nào là Thành tựu hồi hướng?***

*** Kinh nói:** “*Cầu quả vị Nhất thiết trí. Cầu đạt các pháp bất cộng, vô sở úy, mười lực của Phật. Cầu đạt các pháp Ba-la-mật không chấp trước. Lià bỏ các thứ dục vọng quanh co. Như lời giảng nói có thể hành trì. Luôn giữ gìn lời nói chân thật. Không làm cầu nhiễm nhà của chư Phật. Không lià bỏ giới Bồ-tát. Bất động như đại sơn vương. Sinh tâm cầu Nhất thiết chủng trí. Không bỏ tất cả sự việc nơi thế gian mà vẫn thành tựu đạo xuất thế gian. Tích tập các pháp trợ Bồ-đề phần không hề thấy chán đủ. Thường cầu đạo thù thắng tối thượng. Chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu pháp tri Địa thanh tịnh như vậy, gọi là an trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát”.*

*** Luận nêu:** *Cầu quả vị Nhất thiết trí v.v...:* Là nói những việc gì? Đó là chỉ rõ về thành tựu hồi hướng.

Cầu quả vị Nhất thiết trí là chung. Cầu mười lực v.v... của Như Lai đối với quả vị Nhất thiết trí là riêng.

- (1) Cầu quả vị Nhất thiết trí do quán chiếu.
- (2) Cầu quả vị Nhất thiết trí do không chướng ngại.
- (3) Cầu quả vị Nhất thiết trí do xa lìa.
- (4) Cầu quả vị Nhất thiết trí do hành đúng theo lời chỉ dạy.
- (5) Cầu quả vị Nhất thiết trí do sự hộ trì.
- (6) Cầu quả vị Nhất thiết trí do không cầu nhiễm.
- (7) Cầu quả vị Nhất thiết trí do không xả bỏ.
- (8) Cầu quả vị Nhất thiết trí do bất động.
- (9) Cầu quả vị Nhất thiết trí do thành tựu hạnh bất xả.
- (10) Cầu quả vị Nhất thiết trí do tích tập.
- (11) Cầu quả vị Nhất thiết trí do luôn dốc cầu đạt.

Ở đây: *Mong cầu những sự việc gì?* Là cầu đạt quả vị Nhất thiết trí. *Dùng quán gì để cầu?* Là quán về mười lực, vô sở úy, pháp bất cộng của chư Phật. *Cầu như thế nào?* Cầu đạt các pháp Ba-la-mật

không chấp trước. Ba sự cầu ấy là nhà này nương vào nhà kia, không có gì trở ngại để cầu.

Chấp trước vào chỗ dị biệt để cầu nên trong Đàn Ba-la-mật (Bồ thí Ba-la-mật) có hai thứ cầu ướ: (1) Dưa nịnh, quanh co khi thấy kẻ đến cầu xin, hứa nêu phương tiện nhưng không có tâm thuận cho. (2) Không giữ lời hứa trước nên không cho. Đối trị hai cầu ướ này, như kinh nói: “Lìa bỏ các thứ dưa nịnh, quanh co. Như lời giảng nói có thể thực hành”.

Trì giới Ba-la-mật có một thứ cầu ướ là không giữ lời chân thật. Trái với những gì mình đã thọ nhận. Đã phạm còn che giấu. Đối trị cầu ướ này, như kinh nói: “Luôn giữ gìn lời nói chân thật”.

Nhẫn nhục Ba-la-mật có một cầu ướ là làm như bản nhà Như Lai. Thế nào là Bò-tát làm như bản nhà Như Lai? Đó là làm não loạn nghiệp của người khác. Nhà Như Lai là làm ích lợi cho người khác, vì thế Bò-tát sinh trong nhà này, gây não loạn cho đời sống của kẻ khác là làm chuyện không thiện. Đối trị cầu ướ này, như kinh nói: “Không làm cầu nhiễm nhà của chư Phật”.

Tinh tấn Ba-la-mật có một cầu ướ là sinh tâm thoái chuyển đối với giới Bò-tát khó hành, khó giữ trải qua vô lượng kiếp lâu dài. Đối trị cầu ướ này, như kinh nói: “Không lìa bỏ giới Bò-tát”.

Thiền định Ba-la-mật có hai thứ cầu ướ: (1) Tâm loạn động. (2) Không thể điều phục những nhớ tưởng phân biệt. Đối trị hai cầu ướ này, như kinh nói: “Bất động như đại sơn vương, sinh tâm cầu Nhất thiết chủng trí”.

Bát-nhã Ba-la-mật có ba thứ cầu ướ: (1) Không có phương tiện thiện xảo nên Niết-bàn của thế gian đáng lẽ hiện bày nhưng hoàn toàn không hiện. (2) Không tu tập đạo xuất thế gian. (3) Tâm nguyện và sự mong muốn còn mỏng đối với pháp chứng đắc thù thắng. Thứ lớp đối trị ba cầu ướ đó, như kinh nói: “Không bỏ tất cả sự việc nơi

thế gian mà vẫn thành tựu đạo xuất thế gian. Thường xuyên tích tập các pháp trợ Bồ-đề phần không hề thấy chán đủ. Thường dốc cầu đạo thù thắng tối thượng”.

Như vậy là Thành tựu hồi hướng. Đó gọi là siêng năng hành trì thành tựu đầy đủ. Siêng năng hành trì này có 4 thứ: (1) Tin tưởng. (2) Mong muốn. (3) Tinh tấn. (4) Phương tiện.

Mười câu đầu chỉ rõ Tâm tin tưởng tăng thượng thành tựu. Tin tưởng tăng thượng ấy là bao gồm sự mong muốn. Câu thứ **20**: Ngày đêm tu tập căn thiện không biết chán đủ, là chỉ rõ về tinh tấn. Câu thứ **30**: Cầu quả vị Nhất thiết trí, là chỉ rõ về phương tiện. Đó gọi là nêu bày *phần An trụ* nơi Địa này. Vì sao? Như kinh nói: “Chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu pháp nơi trí địa thanh tịnh như vậy gọi là an trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát”.

HẾT - QUYỂN 2

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 3

Địa thứ nhất: ĐỊA HOAN HỖ, phần 3

8. Đối chiếu chỗ thù thắng:

* **Luận nêu:** Thế nào là Đối chiếu chỗ thù thắng? Ở trong Địa này, Bồ-tát đã vượt hơn hàng Thanh văn, Phật-bích-chi. Đối chiếu về chỗ thù thắng ấy có 3 thứ:

- a. *Nguyện thù thắng.*
- b. *Tu hành thù thắng.*
- c. *Lợi ích của quả thù thắng.*

a. **Thế nào là Nguyện thù thắng?** Đó là *mười đại nguyện*.

* **Kinh nói:** “Bồ-tát an trụ nơi Địa Hoan Hổ của Bồ-tát như vậy, phát các đại nguyện, khởi đại phương tiện như vậy, thành tựu đại hạnh như vậy. Đó là đối với tất cả chư Phật không còn sót thấy đều cung kính cúng dường. Tất cả các thứ đều đầy đủ, tâm tin thanh tịnh sâu xa tốt bậc. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng Phật thành đạo, đều cung kính cúng dường lớn lao không ngừng nghỉ”.

* **Luận nêu:** *Đại nguyện thứ nhất* không còn sót ấy có 3 thứ:

- (1) Hết thấy Phật không còn sót.
- (2) Hết thấy cúng dường không còn sót.

(3) Hết thầy cung kính không còn sót.

Hết thầy Phật: Có ba thứ Phật: (a) Phật Ứng thân. (b) Phật Báo thân. (c) Phật Pháp thân.

Hết thầy cúng dường: Có ba thứ cúng dường: (a) Cúng dường các thứ lợi dưỡng, như cúng dường y phục, ngựa cưỡi v.v... (b) Cúng dường cung kính như hương hoa, cờ phướn v.v... (c) Cúng dường tu hành là tu hành tin nơi giới hạnh v.v...

Hết thầy cung kính: Có ba thứ cung kính: (a) Cung kính cung cấp hầu hạ. (b) Cung kính đón đưa. (c) Cung kính tu hành.

Cho nên khởi nguyện cung kính cúng dường. Như kinh nói: “Đó là đối với tất cả chư Phật không còn sót thầy đều cung kính cúng dường”.

Tất cả các thứ đều đầy đủ: Tức trong vô lượng thứ loại, loại nào tốt hơn thì đem cúng dường.

Tâm tin thanh tịnh sâu xa tột bậc: Là sự kính trọng tăng thượng, quyết định tin tưởng, nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề.

Rộng lớn như pháp giới: Là trong tất cả các căn thiện còn lại thì điều ấy là hơn hết. *Rốt ráo như hư không:* Là quả ái vô thường nơi vô lượng nhân.

Tận cùng đời vị lai: Tức nhân này đạt được quả thường hằng là Niết-bàn. *Hết thầy số kiếp, hết thầy số lượng Phật thành đạo, đều cung kính cúng dường lớn lao không ngừng nghỉ.*

Trong Đại nguyện thứ nhất ấy có 6 thứ lớn gọi là đại nguyện:

(1) Phước điền lớn. Như kinh nói: “Đó là đối với tất cả chư Phật không còn sót thầy đều cung kính cúng dường”.

(2) Cung cấp lớn. Như kinh nói: “Tất cả các thứ đều đầy đủ”.

(3) Tâm lớn. Như kinh nói: “Tâm tin thanh tịnh sâu xa tột bậc”.

(4) Thâu tóm công đức lớn. Như kinh nói: “Rộng lớn như pháp giới”.

(5) Nhân lớn. Như kinh nói: “Rốt ráo như hư không”.

(6) Thời gian lớn. Như kinh nói: “Tận cùng đời vị lai”.

*** Kinh nói:** “*Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Có thể thọ trì hết thấy pháp luân do chư Phật giảng nói. Thâu nhận tất cả đạo quả Bồ-đề của Phật. Hộ trì hết thấy pháp của Phật giáo hóa. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng Phật thành đạo đều thâu giữ chánh pháp không hề ngừng nghỉ*”.

*** Luận nêu: Đại nguyện thứ hai có 3 thứ pháp:**

(1) *Có thể thọ trì hết thấy pháp luân do chư Phật giảng nói:* Nghĩa là giáo pháp nơi Tu-đa-la v.v... viết chép, cúng dường, đọc tụng, thọ trì, giảng nói cho người khác.

(2) *Thâu nhận tất cả đạo quả Bồ-đề của Phật:* Tức là chứng pháp, chứng ba thứ pháp Bồ-đề của Phật. Thâu nhận hết pháp chứng đắc này rồi đem chỉ dạy truyền trao.

(3) *Hộ trì hết thấy pháp của chư Phật giáo hóa:* Nghĩa là tu hành. Khi tu hành các pháp có những chướng ngại cần phải thâu giữ cứu giúp.

Còn gọi là 3 thứ thành tựu:

(1) Thành tựu việc làm đối với các giáo pháp do chư Phật đã giảng nói như các Khế kinh v.v... theo thứ lớp khiến pháp luân không bị đoạn dứt.

(2) Thành tựu sự chứng đắc, tức chứng đắc ba thứ chánh giác.

(3) Thành tựu chánh giác, tức tu hành cho đến tu hành đúng như thật.

Ba thứ Bồ-đề của Phật là Thanh văn, Phật-bích-chi và Phật.

*** Kinh nói:** “*Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Tất cả thành Phật trọn vẹn, tất cả trụ xứ của thế giới, từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh, vào thai, ở trong thai, sinh ra, xuất gia, thành Phật, chuyển pháp luân, thị hiện nhập Đại Niết-bàn. Bấy giờ, Ta đối với các sự việc ấy, đều đi đến khắp để cúng dường, thâm tóm pháp làm hàng đầu. Bất cứ nơi nào, mọi việc đều chuyển biến, thành tựu trong cùng một lúc. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng Phật thành đạo đều đi đến thâm tóm pháp không có ngừng nghỉ*”.

*** Luận nêu: Đại nguyện thứ ba:** *Tất cả thành Phật trọn vẹn, tất cả trụ xứ của thế giới:* Nghĩa là hết thấy ứng thân Phật là vô biên, đầy khắp nơi trụ xứ của tất cả thế giới. Tùy theo trụ xứ của chư Phật ở thế giới nào, có mỗi cảm ứng thuận hợp thì chúng sinh đều trông thấy cả.

Từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh, cho đến thị hiện nhập Đại Niết-bàn. Bấy giờ, Ta đối với các sự việc ấy, đều đi đến khắp để cúng dường, thâm tóm pháp làm hàng đầu: Tùy theo các chúng sinh kia dùng phương tiện cúng dường Phật, dùng phương tiện để thâm tóm pháp do Như Lai thuyết giảng, tích tập công đức, trí tuệ, các pháp trợ Bồ-đề.

Bất cứ nơi nào, mọi việc đều chuyển biến, thành tựu trong cùng một lúc: Là chỉ rõ không có trước, sau.

Vì sao Phật thị hiện ở trụ xứ kia? Vì Ngài không trụ nơi xứ sắc, vô sắc. Nếu từ các xứ nạn ấy đến, không vì mình thì chúng sinh ở đây sẽ khởi tâm khinh thường, không sinh cung kính, nên phải ngăn chặn việc đó.

Vì sao Như Lai không trụ nơi cõi trời Tha-hóa-tự-tại? Vì Như Lai có đầy đủ thần lực nên có thể sinh vào nơi chốn thù thắng. Nhưng

từ bỏ không sinh ở nơi đó là vì nhớ nghĩ tới chúng sinh. Cho nên hạ sinh từ cõi trời Đâu-suất, khiến chúng sinh phát sinh tâm đại cung kính.

Vì sao bỏ an vui nơi cõi thiên thượng mà sinh trong loài người?
 Vì Như Lai thương xót chúng ta. Sinh trong loài người này tức làm cho con người sinh tâm cung kính thêm lên.

Do đâu ở trong thai? Là do thị hiện cùng sinh, làm tăng trưởng sức lực.

Vì sao Như Lai tự thành Chánh giác? Vì chỉ rõ không phải do Phật khác giáo hóa, hiện bày sức mạnh của bậc trượng phu, thành tựu đạo quả Bồ-đề, không phải do người khác mà được.

Do đâu thị hiện nhập Đại Niết-bàn? Là nhằm khiến cho các chúng sinh biếng trễ phải siêng năng tu tập.

*** Kinh nói:** “*Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Hết thấy các việc làm của Bồ-tát là rộng lớn, vô lượng, không xen tạp, gồm thấu trong các pháp Ba-la-mật. Các địa đã được thanh tịnh phát sinh các pháp trợ đạo gồm đủ Tổng, Biệt, Đồng, Di, Thành, Hoại tướng. Nếu bày những việc làm của tất cả Bồ-tát là đạo như thật nơi Địa cùng phương tiện tạo tác của các pháp Ba-la-mật, là giáo hóa tất cả chúng sinh khiến đều nhận lãnh và thực hành, làm cho tâm được tăng trưởng. Rộng lớn như pháp giới, rộng rãi như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng công hạnh tăng trưởng không có ngừng nghỉ”.*

*** Luận nêu:** *Đại nguyện thứ tư* là tâm được tăng trưởng.

Dùng những hành gì làm cho tâm tăng trưởng? Là hết thấy việc hành trì giáo hóa của Bồ-tát khiến đều thọ nhận, thực hành, làm cho tâm tăng trưởng.

Hành của Bồ-tát có bốn thứ: (1) Vô số. (2) Thê. (3) Nghiệp. (4) Phương tiện. Giáo hóa theo bốn thứ đó khiến chúng sinh nhận lãnh và thực hành.

Những gì là hành của BỒ-tát gọi là *Vô số*? Tức hành ở thế gian có ba loại: *Rộng* là từ Địa thứ nhất đến Địa thứ sáu. *Lớn* là Địa thứ bảy. *Vô lượng* là từ Địa thứ tám cho đến Địa thứ mười.

Không xen tạp: Là pháp bình đẳng, vô ngã, trí xuất thế gian quán xét. Như kinh nói: “Hết thấy các việc làm của BỒ-tát là rộng lớn, vô lượng, không xen tạp”.

Thế: Là như kinh nói: “Đều gồm thâu trong các pháp Ba-la-mật”.

Nghiệp: Là như kinh nói: “Các địa đã được thanh tịnh phát sinh các pháp trợ đạo”.

Phương tiện: Là như kinh nói: “Tổng tướng, Biệt tướng, Di tướng, Đồng tướng, Thành tướng, Hoại tướng”. Nói tất cả BỒ-tát đã hành trì đạo như thật nơi các Địa cùng các nghiệp của phương tiện Ba-la-mật.

*** Kinh nói:** “*Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Tất cả cảnh giới của chúng sinh đầy đủ có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, phi vô tướng, phi tướng phi phi tướng, cho đến noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, hệ thuộc vào ba cõi, xen nhập nơi sáu đường, tất cả nơi chốn sinh ra gồm thâu trong danh sắc. Vì giáo hóa thành tựu hết thấy cảnh giới của chúng sinh khiến tin nhập vào giáo pháp của chư Phật, đoạn trừ tất cả các thứ đạo của thế gian, khiến an trụ nơi trí Nhất thiết trí. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng cảnh giới của chúng sinh, giáo hóa trọn vẹn không ngừng nghỉ*”.

*** Luận nêu: Đại nguyện thứ năm** là giáo hóa chúng sinh. Thế nào là chúng sinh? Vì nghĩa gì?

Giáo hóa hết thấy chúng sinh: Có 6 thứ khác nhau:

- (1) Khác nhau về thô tế.
- (2) Khác nhau về nơi sinh ra.

(3) Khác nhau về nơi chốn tịnh, không tịnh.

(4) Khác nhau về khổ vui.

(5) Khác nhau về tự nghiệp.

(6) Khác nhau về tự thể.

Thế nào là khác nhau về thô tế? Thô là có sắc, tế là không có sắc. Trong sắc, thô là có tướng, tế là không có tướng. Trong vô sắc, thô là phi vô tướng, tế là phi tướng phi phi tướng. Đó gọi là khác nhau về thô tế. Như kinh nói: “Có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, phi vô tướng, phi tướng phi phi tướng”.

Khác nhau về nơi sinh ra: Như kinh nói: “Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh”. Hóa sinh nương vào đâu? Là nương vào nghiệp sinh.

Khác nhau về nơi chốn tịnh, không tịnh: Như kinh nói: “Hệ thuộc vào ba cõi”.

Khác nhau về khổ vui: Là do có nhiều thứ thân. Như kinh nói: “Xen nhập nơi sáu đường”.

Khác nhau về tự nghiệp: Như kinh nói: “Tất cả nơi chốn sinh ra”.

Khác nhau về tự thể: Như kinh nói: “Gồm thân trong danh sắc”.

Đó gọi là chúng sinh.

Thế nào là nghĩa giáo hóa? Có 3 nghĩa:

(1) Khiến chúng sinh tin nhập nơi pháp của chư Phật thuyết giảng. Như kinh nói: “Vì giáo hóa thành tựu hết thấy cảnh giới của chúng sinh khiến tin nhập vào giáo pháp của chư Phật”.

(2) Những chúng sinh đã vào pháp Phật rồi thì khiến nhập nơi Bồ-đề của Nhị thừa. Như kinh nói: “Đoạn trừ tất cả các thứ đạo của thế gian”.

(3) Những chúng sinh đã vào Bồ-đề của Nhị thừa thì giúp họ nhập vào Bồ-đề Vô thượng. Như kinh nói: “Khiến an trụ nơi trí Nhất thiết trí”.

*** Kinh nói:** “*Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Toàn bộ tất cả thế giới rộng lớn vô lượng, bao gồm thô, tế, trụ loạn, trụ điên đảo, trụ chánh đáng, như lưới trời Đế Thích có sai biệt. Mười phương thế giới có vô lượng sai biệt hội nhập đều hiện tiền nhận biết. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng thế giới đều tin tưởng hội nhập không ngừng nghỉ*”.

*** Luận nêu: Đại nguyện thứ sáu** là toàn bộ hết thấy thế giới: Tức gồm có 3 thứ tướng, tùy theo trí hội nhập nơi thế giới như thế đều hiện tiền nhận biết.

- (1) Tướng hết thấy.
- (2) Tướng của nghĩa chân thật.
- (3) Tướng vô lượng.

Tướng hết thấy: Là như kinh nói: “Rộng lớn vô lượng, bao gồm thô, tế, trụ loạn, trụ điên đảo, trụ chánh đáng”. *Rộng lớn vô lượng* tức là một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới. *Tế* là tùy thuộc vào ý thức thân của những thế giới nào đó. *Thô* là tùy thuộc vào ý sắc thân của những thế giới nào đó. *Loạn trụ* (Trụ loạn) là trụ không có thứ lớp. *Đảo trụ* (Trụ điên đảo) là không tạo nhà cửa để trụ. *Chánh trụ* (Trụ chánh đáng) là tạo ra nhà cửa để trụ. Đó gọi là tướng hết thấy.

Như lưới trời Đế Thích có sai biệt: Là tướng của nghĩa chân thật, như nghiệp tạo các thứ huyễn ảo.

Tướng vô lượng: Là đi vào mười phương thế giới có vô lượng sai biệt, tức tướng của chúng là vô lượng.

Tướng của nghĩa chân thật: Tức là chỉ trí có thể nhận biết. Tướng còn lại có thể hiện thấy.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Hết thấy cõi Phật là một cõi Phật. Một cõi Phật là tất cả cõi Phật. Tất cả cõi nước đều thanh tịnh bình đẳng. Tất cả cõi Phật đều được trang nghiêm bằng thân thông sáng tỏ đầy đủ. Lià các thứ phiền não, thành tựu đạo thanh tịnh. Chúng sinh ở trong ấy đều có đầy đủ vô lượng trí tuệ. Nhập vào cảnh giới bình đẳng thượng diệu của Phật. Tùy theo sự ưa thích nơi tâm niệm của các chúng sinh mà Như Lai thị hiện. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tận cùng hết thấy số kiếp và số lượng cõi Phật đều làm thanh tịnh không ngừng nghỉ”.

*** Luận nêu:** Đại nguyện thứ bảy là làm thanh tịnh cõi Phật. Có 7 thứ tướng:

(1) Đồng thể thanh tịnh: Như kinh nói: “Hết thấy cõi Phật là một cõi Phật. Một cõi Phật là tất cả cõi Phật”.

(2) Tự tại thanh tịnh: Như kinh nói: “Tất cả cõi nước đều thanh tịnh bình đẳng”.

(3) Trang nghiêm thanh tịnh: Như kinh nói: “Tất cả cõi Phật đều được trang nghiêm bằng thân thông sáng tỏ đầy đủ, trang nghiêm bằng ánh sáng và bằng các thứ châu báu”.

(4) Thọ dụng thanh tịnh: Như kinh nói: “Lià các thứ phiền não, thành tựu đạo thanh tịnh”.

(5) Trụ xứ chúng sinh thanh tịnh: Như kinh nói: “Chúng sinh ở trong ấy đều có đầy đủ vô lượng trí tuệ”.

(6) Nhân thanh tịnh: Như kinh nói: “Nhập vào cảnh giới bình đẳng thượng diệu của Phật”.

(7) Quả thanh tịnh: Như kinh nói: “Tùy theo sự ưa thích nơi tâm niệm của các chúng sinh mà Như Lai thị hiện”. Tức làm sáng tỏ thần lực của trí.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Hết thấy Bồ-tát đồng tâm đồng hành cùng tích tập căn thiện không oán ghét. Tất cả Bồ-tát đều bình đẳng xem nhau như một. Thường thân cận chư Phật, Bồ-tát, không lia bỏ. Tùy theo ý có thể hóa hiện thân Phật. Tự trong tâm đều có thể hiểu biết hết thấy trí lực, thần lực của chư Phật. Được pháp không thoái chuyển, tùy ý hiện bày thần thông. Điều có khả năng du hành tới khắp các thế giới. Điều hiện thân tướng vào chúng hội của tất cả Phật. Có thể sinh vào bất cứ nơi chốn nào. Thành tựu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn, hành trì đầy đủ các hạnh của Bồ-tát. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng hành hóa đều nhập vào đạo Đại thừa không ngừng nghỉ”.

*** Luận nêu: Đại nguyện thứ tám** là không nghĩ tới Thừa khác. Như kinh nói: “Hết thấy Bồ-tát đồng tâm đồng hành”. Hành của Bồ-tát có **10** thứ:

- (1) Cùng tích tập căn thiện không oán ghét.
 - (2) Tất cả Bồ-tát đều bình đẳng xem nhau như một.
 - (3) Thường thân cận chư Phật, Bồ-tát, không lia bỏ.
 - (4) Tùy theo ý có thể hiện thân Phật.
 - (5) Từ trong tâm đều có thể hiểu biết hết thấy trí lực, thần lực của chư Phật.
 - (6) Được pháp không thoái chuyển, tùy ý hiện bày thần thông.
 - (7) Điều có khả năng du hành tới khắp các thế giới.
 - (8) Điều hiện thân tướng vào chúng hội của tất cả Phật.
 - (9) Có thể sinh vào bất cứ nơi chốn nào.
 - (10) Thành tựu pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn.
- Đó là hành trì đầy đủ các hạnh của Bồ-tát.

Trong ấy: *Câu thứ nhất:* Là làm sáng tỏ về hành công đức.
Câu thứ hai: Là trụ trong quán chiếu bình đẳng tịch tĩnh. *Câu thứ*

ba: Là tụ hội, giảng giải, luận bàn về pháp Phật. *Câu thứ tư*: Là tùy tâm thị hiện thành Phật. *Câu thứ năm*: Là tự phát tâm thù thắng nhớ nghĩ đến Pháp thân của Như Lai. *Câu thứ sáu*: Là luôn được thần thông không thoái chuyển. *Bốn câu còn lại*: Là do nghiệp chung mà được tên gọi. (1) Đi tới các thế giới khác. (2) Thị hiện từ nơi thân khác. (3) Cùng sinh vào nơi nào. (4) Nhập vào pháp Đại thừa không thể nghĩ bàn.

* **Kinh nói**: “*Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Nương vào pháp luân không thoái chuyển, hành trì hạnh Bồ-tát. Nghiệp thân, khẩu, ý tạo tác không hư giả. Chúng sinh trông thấy tức tất định đạt được pháp Phật. Nghe âm thanh của Ta giảng nói tức là đạt được trí tuệ chân thật. Tâm hoan hỷ cung kính tức thì phiền não được dứt hết. Được thân như Dược thọ vương. Được thân như ngọc báu Như ý. Hành hóa hạnh của Đại Bồ-tát. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, hết thấy số kiếp, hết thấy số lượng việc làm đều tạo ích lợi chân thật không ngừng nghỉ*”.

* **Luận nêu**: **Đại nguyện thứ chín** là làm sáng tỏ việc hành trì chân thật nơi hạnh của Bồ-tát. Lại, hành trì hạnh của Bồ-tát là làm sáng tỏ chỗ nhân nơi pháp không thoái chuyển để hành hạnh Bồ-tát. Hành trì hạnh Bồ-tát không hư giả có 2 thứ:

(1) Không hư giả do tác nghiệp tất định: Là *nghiệp thân, khẩu, ý tạo tác không hư giả*. Ba câu nêu ra theo thứ lớp như vậy, nên biết. *Chúng sinh trông thấy tức tất định đạt được pháp Phật*: Là nêu rõ về thân nghiệp không hư giả. *Nghe âm thanh của Ta giảng nói tức là đạt được trí tuệ chân thật*: Là chứng tỏ khẩu nghiệp không hư giả. *Tâm hoan hỷ cung kính tức thì phiền não được dứt hết*: Là chứng tỏ ý nghiệp không hư giả.

(2) Không hư giả do tạo lợi ích: Tất cả chúng sinh có 2 thứ khổ: (a) Vô số các thứ khổ. (b) Khổ vì bản cùng. Đối trị 2 thứ này,

như kinh nói: “Được thân như Được thọ vương. Được thân như ngọc báu Như ý”.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, phát đại nguyện đó là: Ở trong hết thảy các thế giới đều thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Ở trong một nẻo phạm phu vẫn không lìa tất cả nẻo phạm phu khác. Đức Như Lai đã thị hiện thân sơ sinh, tọa đạo tràng, thành Phật đạo, chuyển pháp luân, hóa độ chúng sinh, thị hiện Đại Niết-bàn.

Hiện bày trí lực đại thần thông nơi cảnh giới của chư Phật. Tùy theo cảnh giới của tất cả chúng sinh cần được hóa độ, tức ở trong niệm niệm thị hiện đạt được Phật đạo, hóa độ các chúng sinh, diệt trừ khổ não. Dùng một trong ba Bồ-đề nhận biết khắp tất cả các pháp, như tánh của Niết-bàn. Dùng một âm thanh nêu giảng khiến tâm của hết thảy chúng sinh đều vui mừng. Thị hiện Đại Niết-bàn nhưng không làm đoạn mất con đường hành hóa của Bồ-tát. Thị hiện cảnh giới đại trí tuệ, phát khởi các pháp, pháp trí thông, như ý thần thông, huyền thông bao trùm khắp tất cả thế giới. Rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, tận cùng đời vị lai, tận cùng hết thảy số kiếp, thành tựu ba Bồ-đề, cầu được đại trí tuệ, đại thần thông v.v... đều không ngừng nghỉ.

Chư Phật tử! Bồ-tát an trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát như vậy, phát các đại nguyện, khởi đại phương tiện như vậy, đại hạnh như vậy, dùng mười môn nguyện làm đầu v.v... đầy đủ từ mười, trăm, ngàn, vạn, A-tăng-kỳ đại nguyện như vậy, tức là Bồ-tát an trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát phát khởi các nguyện như vậy”.

*** Luận nêu: Đại nguyện thứ mười** là phát khởi hạnh Đại thừa. Thế nào là Đại Bồ-đề? Thế nào là tác nghiệp?

Đại Bồ-đề: Là như kinh nói: “Thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”.

Tác nghiệp: Có 7 thứ:

- (1) Nghiệp chỉ rõ về chánh giác.
- (2) Nghiệp nêu bày thật đế.
- (3) Nghiệp làm rõ sự giáo hóa.
- (4) Nghiệp giảng nói nhiều thứ pháp.
- (5) Nghiệp không làm đoạn mất chủng tánh Phật.
- (6) Nghiệp khiến pháp luân luôn trụ.
- (7) Nghiệp tự tại.

Nghiệp thứ nhất: Là ở trong một nẻo phàm phu vẫn không lìa tất cả các nẻo phàm phu khác. Đức Như Lai đã thị hiện thân sơ sinh, tọa đạo tràng, thành Phật đạo, chuyển pháp luân, hóa độ chúng sinh, thị hiện Đại Niết-bàn. Một nẻo phàm phu là như châu Diêm-phù-đề. Nẻo phàm phu Diêm-phù-đề là chúng sinh nơi đây có thể hóa độ được, nên gọi là nẻo phàm phu.

Nghiệp thứ hai: Là hiện bày trí lực đại thần thông nơi cảnh giới của chư Phật. Tùy theo cảnh giới của tất cả chúng sinh cần được hóa độ, tức ở trong niệm niệm thị hiện đạt được Phật đạo, hóa độ các chúng sinh, diệt trừ khổ não. Tùy các thế giới, những ai có thể giáo hóa đều thuận theo tâm thị hiện thân Phật. Thị hiện thân Phật nghĩa là ngoại trừ các xứ nạn, thân Phật kia sẽ sinh nơi các xứ sở thù thắng, để thị hiện quá trình trừ khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo.

Nghiệp thứ ba: Là dùng một trong ba Bồ-đề quán pháp vô ngã, vì hết thầy pháp đều là Niết-bàn tánh tịnh, khiến chúng sinh tin hiểu.

Nghiệp thứ tư: Là dùng một âm thanh tùy theo vô số chúng sinh tin hiểu có thể giáo hóa, cùng lúc đều khiến tâm hoan hỷ.

Nghiệp thứ năm: Là thị hiện Đại Niết-bàn, nhưng không làm đoạn mất lực nơi nẻo hành hóa của các Bồ-tát.

Nghiệp thứ sáu: Là lại dùng trí địa của Phật đối với các pháp quy được nêu giảng nơi tất cả Tu-đa-la v.v... đều khiến không bị mất.

Nghiệp thứ bảy: Là nói về pháp trí thông. Tức quán hết thấy pháp không có tánh tướng. Như ý thần thông là tự thân thị hiện sinh trụ diệt, dài ngắn tùy tâm tự tại. Huyền thông là làm các sự việc bên ngoài khiến chúng chuyển đổi tùy ý. Pháp trí thông thứ nhất không trụ ở thế gian, còn như ý thần thông, huyền thông thì không trụ ở Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao chỉ nói **mười đại nguyện** này?

Đáp: *Nguyện thứ nhất* là hành công đức đầy đủ. *Nguyện thứ hai* là hành trí tuệ đầy đủ.

Năm nguyện tiếp theo là giáo hóa chúng sinh. (1) Dùng thân nào? (2) Dùng tâm nào? (3) Chúng sinh nào? (4) Chúng sinh ở nơi nào? (5) Tự thân trụ nơi đâu để có thể giáo hóa chúng sinh?

Ba nguyện sau là làm sáng tỏ tự thân: (1) Được trụ nơi địa rồi còn đối chiếu chỗ thù thắng. (2) Được địa Bồ-tát rồi, đối chiếu tận cùng chỗ thù thắng. (3) Đạt được tất cả các địa trọn vẹn, rốt ráo. Ba điều này chỉ rõ việc giáo hóa chúng sinh đúng như thật.

Phát các đại nguyện: Là tùy theo tâm cầu đạt nghĩa. *Khởi đại phương tiện như vậy:* Là thành tựu chỗ tạo tác phương tiện dũng mãnh kia. *Đại hạnh như vậy:* Là thành tựu chỗ tạo tác các hành. Bồ-tát trụ nơi Địa này phải lần lượt tu tập lâu dài mới mong phát khởi ba công hạnh ấy, không phải một lúc mà có được. Vì sao? Vì nơi mười đại nguyện này, trong mỗi mỗi nguyện đều có trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ đại nguyện làm quyến thuộc. Như kinh nói: “Chư Phật tử! Bồ-tát an trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát như vậy, phát các đại nguyện, khởi đại phương tiện như vậy, đại hạnh như vậy, dùng mười môn nguyện làm đầu v.v..., đầy đủ mười, trăm, ngàn, vạn, A-tăng-kỳ đại nguyện như vậy, tức là Bồ-tát an trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát phát khởi các nguyện như vậy”.

Thế nào gọi là đại nguyện? Do căn thiện sáng tỏ chuyển biến vượt hơn, tăng trưởng rộng lớn. Sự đối chiếu về nguyện thù thắng của Bồ-tát ấy có 2 thứ vượt hơn hàng Thanh văn, Phật-bích-chi:

(1) Thường siêng năng tu tập vô lượng hành.

(2) Đồng hành cùng với tất cả chúng sinh.

Đồng hành này, nơi *mười câu* nói về tận cùng đã chỉ rõ.

*** Kinh nói:** “Dùng mười câu nói về tận cùng để tạo thành các đại nguyện. Những gì là mười? Đó là:

(1) Tận cùng cảnh giới của chúng sinh.

(2) Tận cùng thế giới.

(3) Tận cùng cảnh giới hư không.

(4) Tận cùng pháp giới.

(5) Tận cùng cảnh giới Niết-bàn.

(6) Tận cùng thế giới của Phật xuất hiện.

(7) Tận cùng cảnh giới thuộc trí tuệ của Như Lai.

(8) Tận cùng cảnh giới nơi đối tượng duyên của tâm.

(9) Tận cùng cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật.

(10) Tận cùng cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian.

Như cảnh giới của chúng sinh hết thì nguyện của Ta mới hết. Như thế giới hết, như cảnh giới hư không hết, như pháp giới hết, như cảnh giới Niết-bàn hết, như thế giới của Phật xuất hiện hết, như cảnh giới thuộc trí tuệ của Như Lai hết, như cảnh giới nơi đối tượng duyên của tâm hết, như cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật hết, như cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian hết, nếu các cảnh giới kia hết thì nguyện của Ta mới hết.

Như vậy, cảnh giới của chúng sinh có hết hay không hết, thì căn thiện này của Ta vẫn không thể hết. Thế giới hết hay không hết, cảnh giới hư không hết hay không hết, pháp giới hết hay không hết, cảnh giới Niết-bàn hết hay không hết, thế giới của Phật xuất hiện hết hay không hết, cảnh giới thuộc trí tuệ của Như Lai hết hay không hết, cảnh giới nơi đối tượng duyên của tâm hết hay không hết, cõi trí hội

nhập nơi cảnh giới của Phật hết hay không hết, cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian hết hay không hết, thì căn thiện nơi các nguyện này vẫn không thể hết”.

* **Luận nêu:** Trong đây, cảnh giới của chúng sinh tận cùng là chung. Thế giới tận cùng v.v... cho đến cõi trí chuyển nơi chuyển pháp luân của thế gian tận cùng là riêng.

Những gì là cảnh giới của chúng sinh, cảnh giới của chúng sinh tận cùng? Thế giới tận cùng sẽ trụ ở đâu? Cảnh giới hư không hiện có và cảnh giới hư không tận cùng. Giảng nói pháp gì để giáo hóa tận cùng pháp giới? Tùy thuận giáo hóa chúng sinh đặt ở đâu? Đặt ở tận cùng cảnh giới Niết-bàn. Phật ra đời nơi thế giới tận cùng dùng phương tiện thiện xảo gì? Đó là tận cùng cảnh giới trí tuệ của Như Lai. Lại tùy theo chỗ tận cùng cảnh giới nơi đối tượng duyên của tâm. Lại tùy theo chỗ dùng cảnh giới nào? Đó là tận cùng cõi trí hội nhập nơi cảnh giới của Phật. Các sự việc ấy đã nêu ra.

Tận cùng: Là chỉ rõ không dứt hết, không phải là niệm niệm dứt hết. Chín thứ tận cùng này, nói gọn là có ba thứ. Ba chuyển biến chỉ rõ diệu lực tăng thượng nơi mười câu nói về tận cùng ấy. Dùng diệu lực này, chư Phật thường tạo ích lợi cho chúng sinh.

b. Thế nào là So sánh để thấy hạnh thù thắng?

* **Kinh nói:** “*Chư Phật tử! Bồ-tát quyết định phát khởi các đại nguyện như thế rồi, tức đạt được tâm điều thuận, tâm hòa dịu. Như vậy tức tâm tin đã thành tựu, tin các Đức Phật Như Lai vốn đã từng thực hành chứng nhập, tích tập các pháp Ba-la-mật luôn được tăng trưởng, khéo thành tựu các Địa, đầy đủ các pháp vô úy, mười lực, các pháp bất cộng của Phật không hư hoại. Pháp Phật là không thể nghĩ bàn. Không có chặng giữa, không biên vực, cảnh giới của Như Lai hiện khởi. Vô lượng môn hành đều nhập vào cảnh giới của Như Lai, tin nơi quả thành tựu. Nói tóm lại, tin nơi tất cả hạnh Bồ-tát, cho đến khi đạt được trí địa của Như Lai cũng nêu bày về chỗ hơn”.*

* **Luận nêu:** Nơi đoạn này:

Phát khởi các đại nguyện như thế rồi, tức đạt được tâm điều thuận: Nghĩa là đạt được tự tại thù thắng trong các căn thiện kia.

Tâm hòa diệu: Là đạt được hạnh an vui hơn hết.

Như vậy tức tâm tin đã thành tựu: Nghĩa là ở trong bản hạnh.

Chứng nhập: Là từ chỗ hội nhập hạnh Bồ-tát, cho đến khi thành tựu quả Bồ-đề, trong ấy tin vào chỗ thâm tóm của hạnh Bồ-tát.

Hội nhập của bản hạnh có 2 thứ tướng:

- (1) Thế nào là hạnh Bồ-tát?
- (2) Thế nào là thứ lớp thành tựu?

Như kinh nói: “Tích tập các pháp Ba-la-mật luôn được tăng trưởng, khéo thành tựu các Địa”.

Hội nhập của bản hạnh là chỗ thâm tóm của Bồ-đề ấy có 6 thứ thù thắng. Do đó nên tin là hơn hết.

(1) Thù thắng do đối trị các thứ ma oán, ngoại đạo cùng hàng Nhị thừa. Như kinh nói: “Đầy đủ các pháp vô úy, mười lực, các pháp bất cộng của Phật không hư hoại”.

(2) Thù thắng vì diệu lực thần thông là hơn hết, là không thể nghĩ bàn. Như kinh nói: “Pháp Phật là không thể nghĩ bàn”.

(3) Thù thắng vì không tạp nhiễm. Như kinh nói: “Không có chạng giữa, không biên vực, cảnh giới của Như Lai hiện khởi”.

(4) Thù thắng do Nhất thiết chủng trí. Như kinh nói: “Vô lượng môn hành đều nhập vào cảnh giới của Như Lai”.

(5) Thù thắng vì xa lìa: Tức luôn xa lìa tất cả phiền não tập khí. Như kinh nói: “Tin nơi quả thành tựu”.

(6) Lại lược nói về chỗ thị hiện hội nhập nơi bản hạnh của Bồ-tát kia. Như kinh nói: “Nói tóm lại, tin nơi tất cả hạnh Bồ-tát, cho

đến khi đạt được trí địa của Như Lai cũng nêu bày về chỗ hơn (thù thắng)”. *Nêu bày* là chỗ thuyết giảng. *Hơn* là chỗ chứng đắc.

Bồ-tát này có 3 thứ quán nên đối với chúng sinh khởi tâm đại từ bi:

(1) *Xa lìa sự an lạc đệ nhất nghĩa tối thượng.*

(2) *Gồm đủ các khổ.*

(3) *Ở nơi hai thứ điên đảo kia.*

Thế nào là Xa lìa sự an lạc đệ nhất nghĩa tối thượng?

* ***Kinh nói:*** “*Chư Phật tử! Bồ-tát đó suy nghĩ như vậy: Chánh pháp của chư Phật hết mực thâm diệu như thế, tịch tĩnh như thế, vắng lặng như thế, không như thế, vô tướng như thế, vô nguyện như thế, vô nhiễm như thế, vô lượng như thế, tối thượng như thế, pháp của chư Phật ấy như thế là rất khó đạt được*”.

* ***Luận nêu:*** *Chánh pháp của chư Phật hết mực thâm diệu như thế có 9 thứ:*

- (1) Hết mực thâm diệu do tịch tĩnh.
- (2) Hết mực thâm diệu do vắng lặng.
- (3) Hết mực thâm diệu do không.
- (4) Hết mực thâm diệu do vô tướng.
- (5) Hết mực thâm diệu do vô nguyện.
- (6) Hết mực thâm diệu do vô nhiễm.
- (7) Hết mực thâm diệu do vô lượng.
- (8) Hết mực thâm diệu do tối thượng.
- (9) Hết mực thâm diệu do khó đạt được.

Tịch tĩnh: Là lìa bỏ những vọng chấp về thật có. Vọng cho là đúng nên giữ lấy.

Vắng lặng: Là định nơi nghĩa của pháp.

Không, vô tướng, vô nguyện: Là quán về cửa giải thoát để đối trị ba chướng. Thế nào là ba chướng? Đó là phân biệt, tướng và chấp giữ. Ba chướng đó làm cho bỏ nguyện.

Vô nhiễm: Là quán pháp, lìa bỏ tạp nhiễm.

Vô lượng: Là không thể tính toán về số lượng, là quán căn thiện sinh khởi không thể suy lường.

Tối thượng: Là trí quán nương vào tự lợi, lợi tha tăng thượng.

Khó đạt được: Là quán về trí chứng đắc trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp.

Thế nào là Gồm đủ các khổ?

*** Kinh nói:** “*Nhưng tâm của các phàm phu rơi vào tà kiến, bị vô minh si ám che lấp ý thức họ, thường tạo lập trụ kiêu mạn, rơi vào niệm dục, rớt trong lưới khát ái, xuôi theo rùng đua nịnh tà vạy, thường ôm lòng ganh ghét làm nhân duyên cho nơi chốn sinh ra thân sau. Tích tập nhiều tham dục, sân hận, ngu si, dấy khởi các hành nghiệp, ghét, giận như gió dữ thổi suốt, tâm tội như lửa luôn khiến cháy bùng. Chỗ tạo nghiệp đều tương ứng với điên đảo, cuốn theo dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, nối tiếp khởi nên chủng tử của tâm ý thức*”.

*** Luận nêu:** *Nhưng tâm của các phàm phu rơi vào tà kiến:* Tà kiến có 9 thứ:

(1) Tà kiến che lấp ý. Như kinh nói: “Bị vô minh si ám che lấp ý thức họ”.

(2) Tà kiến do kiêu mạn. Như kinh nói: “Thường tạo lập trụ kiêu mạn”.

(3) Tà kiến do niệm ái. Như kinh nói: “Rơi vào niệm dục, rớt trong lưới khát ái”.

(4) Tà kiến do tâm đua nịnh, quanh co. Như kinh nói: “Xuôi theo rùng đua nịnh, tà vạy”.

(5) Tà kiến do hành đồ kỵ. Như kinh nói: “Thường ôm lòng ganh ghét làm nhân duyên cho nơi chốn sinh ra thân sau”.

(6) Tà kiến do tích tập các nghiệp. Như kinh nói: “Tích tập nhiều tham dục, sân hận, ngu si, dấy khởi các hành nghiệp”.

(7) Tà kiến do tâm dục lửa dục luôn cháy bùng. Như kinh nói: “Ghét, giận như gió dữ thổi suốt, tâm tội như lửa luôn khiến cháy bùng”.

(8) Tà kiến do khởi các nghiệp. Như kinh nói: “Chỗ tạo nghiệp đều tương ưng với điên đảo”.

(9) Tà kiến do chủng tử của tâm ý thức. Như kinh nói: “Cuốn theo dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, nổi tiếp khởi nên chủng tử của tâm ý thức”.

Ba thứ tà kiến: Tà kiến che lấp ý thức, tà kiến do kiêu mạn, tà kiến do niệm ái: Đều dựa vào chỗ vọng chấp của nghĩa pháp theo thứ lớp như vậy.

Tà kiến do tâm dua nịnh quanh co, tà kiến do hành ganh ghét: Hai thứ tà kiến này sinh khởi do lúc theo đuổi, tìm cầu, tâm tạo lỗi lầm. Tật (Ganh): Là đối với thân khởi hành tà. Đồ (Ghét): Là đối với tài sản của người khác. Do vậy, đời đời sinh vào nơi thấp kém, thân hình xấu xí, của cải ít ỏi.

Tà kiến thứ sáu: Tức khi nhận lãnh các thọ thì yêu, ghét về hai cảnh giới điên đảo kia. *Tà kiến thứ bảy:* Tức vào lúc oán hận đều cùng đuổi theo niệm dục dấy khởi nghiệp ác.

Tà kiến thứ tám: Là khi làm ác, cùng mưu hại lẫn nhau. *Tà kiến thứ chín:* Là khi tạo nghiệp thiện như bố thí, trì giới, tu hành các căn thiện đều là hữu lậu.

* **Kinh nói:** “Nơi cảnh giới của ba cõi lại có mầm phát sinh, đó là Danh sắc cùng sinh, không lìa khởi.

Danh sắc này tăng trưởng rồi thành tụ của sáu Nhập. Sáu Nhập đã thành thì trong ngoài cùng đối nhau phát sinh Xúc. Xúc làm nhân duyên nên sinh ra Thọ. Thọ lạc sâu xa nên sinh ra Khát ái. Khát ái tăng trưởng nên sinh ra Thủ. Thủ tăng trưởng nên lại khởi Hậu hữu (Thân sau). Hữu làm nhân duyên nên có Sinh lão tử ưu bi khổ não. Như thế là chúng sinh, sinh trưởng nơi khối khổ.

Trong đó đều lìa ngã và ngã sở là không. Chúng vô tri, vô giác, như cây cỏ, vách đá, lại cũng như tiếng vang. Nhưng các chúng sinh vì không biết, không hiểu mà thọ nhận khổ não”.

*** Luận nêu:** Ở đây, Nhân duyên có 3 thứ:

- (1) Theo tự tướng lại có mầm sinh v.v... cho đến Hữu.
- (2) Đồng tướng tức là lỗi lầm như sinh lão bệnh tử v.v...
- (3) Điền đảo là cùng lìa ngã và ngã sở.

Tự tướng: Có 3 thứ:

(1) *Báo tướng:* Tức là Danh sắc sinh cùng với thức A-lê-da. Như kinh nói: “Nơi cảnh giới của ba cõi lại có mầm phát sinh, đó là Danh sắc cùng sinh”. Danh sắc cùng sinh tức Danh sắc cùng sinh với thức A-lê-da.

(2) *Tướng của nhân kia:* Tức Danh sắc này không lìa thức kia mà dựa vào đấy để cùng sinh. Như kinh nói: “Không lìa khỏi”.

(3) *Tướng thứ lớp của quả kia:* Tức là từ sáu Nhập cho đến Hữu. Như kinh nói: “Danh sắc này tăng trưởng rồi, thành tụ của sáu Nhập. Sáu Nhập đã thành thì trong ngoài cùng đối nhau phát sinh Xúc. Xúc làm nhân duyên nên sinh ra Thọ. Thọ lạc sâu xa nên sinh ra Khát ái. Khát ái tăng trưởng nên sinh ra Thủ. Thủ tăng trưởng nên lại khởi Hậu hữu (Thân sau). Hữu làm nhân duyên nên có Sinh lão tử ưu bi khổ não. Như thế là chúng sinh, sinh trưởng nơi khối khổ”.

Trong đó đều là ngã và ngã sở: Hai thứ này chỉ rõ về không. Vô tri vô giác: Tức là tự thể nơi vô ngã. Vô tri, vô giác này chỉ rõ không phải là số lượng của chúng sinh động hay không động. Như kinh nói: “Như cây cỏ, vách đá, lại cũng như tiếng vang”. Nhân duyên tương trợ là pháp cùng loại.

Thế nào là Ở nơi hai thứ điên đảo kia? Như kinh nói: “Nhưng các chúng sinh vì không biết, không hiểu mà thọ nhận khổ não”.

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát thấy các chúng sinh không lìa khỏi khỏi khổ như vậy, liền sinh trí tuệ đại bi, nghĩ: Đây là các chúng sinh ta cần phải giáo hóa, khiến trụ vào nguồn an vui rốt ráo của Niết-bàn. Vì thế, tức sinh trí tuệ đại bi*”.

*** Luận nêu:** Thế nào là gồm đủ các khổ? Thế nào là xa lìa sự an lạc đệ nhất nghĩa tối thượng? Các điều ấy ở trước đã nêu nơi phân thị hiện đại từ bi.

*** Kinh nói:** “*Chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát tùy thuận pháp đại từ bi như vậy, an trụ nơi Địa thứ nhất. Do tâm thâm diệu, nên đối với tất cả vật không luyến tiếc, dùng pháp để cầu trí vi diệu lớn lao của Phật. Tu pháp đại xả nên những gì có thể bỏ thí tùy đem thí cho. Đó là tất cả tiền của, lúa thóc, kho tàng đều xả thí. Hoặc đem vàng bạc, ma ni, châu báu, xa cừ, mã não, kha bố, lưu ly, sinh kim v.v... để xả thí. Hoặc đem những dụng cụ trang sức bằng các vật báu như chuỗi anh lạc v.v... để xả thí. Hoặc đem voi, ngựa, xe cộ, kiệu khiêng v.v... mà xả thí. Hoặc đem chùa, nhà, vườn rừng, lầu gác, suối nước, ao tắm v.v... để xả thí. Hoặc đem nô tỳ, gia nhân để xả thí. Hoặc đem đất nước, xóm làng, thành ấp, vương đô ban cho. Hoặc đem vợ con, nam nữ thí cho. Hoặc đem tất cả các vật dụng được ưa thích đều có thể xả thí. Hoặc dùng hết thân các chi phần nơi thân thể như đầu, mắt, tai, mũi, tay, chân v.v... để bỏ thí. Bồ-tát bỏ thí hết thân các vật dụng như vậy mà không hề tham tiếc, chỉ mong cầu đạt được trí tuệ vô thượng của Phật mà hành*

trì bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát an trụ nơi Địa thứ nhất như thế, có thể thành tựu hạnh xả thí lớn lao”.

* **Luận nêu:** Những gì có thể bố thí tùy đều đem thí cho: Là nhằm cầu trí vi diệu lớn lao vô thượng của Phật. Tất cả các vật, lược nêu có hai thứ:

- (1) Vật bên ngoài.
- (2) Vật bên trong.

Vật bên ngoài lại có hai thứ: Vật đang dùng, vật dự trữ. Như kinh nói: “Đó là tất cả tiền của, lúa thóc, kho tàng”. Theo thứ lớp như thế, trong ấy nêu rộng có tám thứ: Từ vàng bạc cho đến các vật dụng mình ưa thích.

Vật bên trong là thuộc về thân mình, coi nó như vật dụng bên ngoài có thể xả thí.

Bố thí ban đầu là chung, chín thứ còn lại là riêng, nương vào 2 thứ vui mừng:

- (1) Vui mừng do thâu giữ.
- (2) Vui mừng vì lợi ích.

Vui mừng do thâu giữ: Như vàng bạc v.v...

Vui mừng vì lợi ích: Có 8 thứ:

(a) Vui mừng vì lợi ích do được trang sức. Tức dùng các thứ vật báu trang sức.

(b) Vui mừng vì lợi ích do thay cho đi bộ. Tức các loại voi, ngựa v.v...

(c) Vui mừng vì lợi ích do được vui chơi. Tức như vườn rừng, lầu gác v.v...

(d) Vui mừng vì lợi ích do thay cho sự khó nhọc. Tức có các nô tỳ, gia nhân v.v....

(đ) Vui mừng vì lợi ích do được tự tại. Tức có đất nước, thôn xóm v.v...

(e) Vui mừng vì lợi ích do có quyền thuộc. Tức như vợ con v.v...

(f) Vui mừng vì lợi ích do chắc chắn. Tức như tất cả các vật dụng được ưa thích.

(g) Vui mừng vì lợi ích do xứng hợp với ý. Tức như đầu, mắt, tai v.v...

** Kinh nói: “Dùng tâm đại thí cứu giúp chúng sinh như vậy, Bồ-tát dần dần suy tìm các sự việc thù thắng tạo lợi ích thế gian và xuất thế gian. Khi làm công việc ấy thì tâm không mỏi mệt. Do vậy, Bồ-tát thành tựu tâm không mỏi mệt. Tâm ấy được thành tựu rồi, thì đối với tất cả Kinh Luận, tâm không hề khiếm nhược. Đó gọi là thành tựu trí nhất thiết Kinh Luận. Trí ấy đã được thành tựu như thế rồi, nên khéo có thể lường tính các việc nên làm, không nên làm. Đối với các chúng sinh thượng, trung, hạ luôn tùy chỗ thích hợp để hành hóa, tùy nơi sức và theo chỗ cảm nhận. Vì thế, Bồ-tát thành tựu trí thế gian. Đạt được trí ấy nên nhận biết thời gian, nhận biết số lượng, hổ thẹn để tự trang nghiêm, tu tập các đạo tự lợi lợi tha. Cho nên Bồ-tát tạo được sự trang nghiêm do hổ thẹn. Như vậy trong sự hành trì luôn siêng năng tinh tấn tu tập đạt được diệu lực không thoái chuyển. Như vậy là Bồ-tát đã thành tựu diệu lực kiên cố, nhờ vậy càng dốc tâm tu hành, cúng dường chư Phật, tùy theo những pháp đã được nghe lãnh hội như thuyết tu hành. Chư Phật tử! Bồ-tát này đều nhận biết các pháp thanh tịnh nơi các Địa sinh khởi như vậy. Đó là những pháp tin tưởng, từ bi, xả thí không mỏi mệt, nhận biết các Kinh Luận, khéo lãnh hội pháp thế gian, biết hổ thẹn, có được diệu lực kiên cố cúng dường chư Phật, như thuyết tu hành”.*

** Luận nêu: Trong ấy, nương vào trí thế gian ấy để hành hóa thích hợp. Như trong Luận nói là tùy theo sức mình, tùy khả năng*

thọ nhận của người kia, dựa vào sự hỗ thẹn để nhận biết thời gian, số lượng, tức chỉ rõ có **3** thứ thời:

- (1) Thời gian của nhớ nghĩ.
- (2) Thời gian của ngày đêm.
- (3) Thời gian của sự tạo tác, tất đạt được không gián đoạn.

Dựa vào diệu lực kiên cố trong sự hành hóa như vậy của Bồ-tát: Tức như trên đã nói về tin tưởng v.v... Siêng năng tu hành có **2** thứ:

- (1) Tu hành không xả bỏ diệu lực không thoái chuyển.
- (2) Tu hành với diệu lực không chuyển đổi, nên tinh tấn không dứt.

Cúng dường chư Phật, như thuyết tu hành: Có **2** thứ:

- (1) Cúng dường lợi dưỡng.
- (2) Cúng dường tu hành.

Mười thứ hạnh đầy làm rõ **2** thứ thành tựu thù thắng:

- (1) Thành tựu tâm sâu xa, là tin tưởng, từ bi v.v...
- (2) Thành tựu sự tu hành, là xả thí không mệt mỏi, nhận biết các Kinh Luận, khéo lãnh hội pháp thế gian, biết hỗ thẹn, có diệu lực kiên cố, cúng dường chư Phật, như thuyết tu hành v.v...

Ở đây, nương vào tự lợi để hành trì là tin tưởng, có thể tin nơi hạnh Bồ-tát cùng pháp của chư Phật, cầu tất có thể đạt kết quả. Nương vào lợi tha để hành trì là dùng tâm từ bi có thể tạo an ổn cùng ban cho an lạc.

Xả là đem tiền của để trợ giúp cho kẻ khác hành trì. Không mệt mỏi là tự gồm thâu pháp để hành hóa. Nhận biết các Kinh Luận, khéo lãnh hội pháp thế gian là dùng pháp để gồm thâu kẻ khác khiến thực hành.

Ngoài ra còn có **3** hành thâm giúp cho lòng tin:

(1) *Hành không vương mắc*: Dùng hồ thẹn để đối trị chướng ngại. Không vương mắc vào việc làm như tin tưởng v.v...

(2) *Hành bất động*: Có diệu lực kiên cố để tin v.v... nên không gì có thể làm lay động.

(3) *Hành tu tập*: Tức các thứ cầu uế kia đều trở nên thanh tịnh khi biết nương vào hành cúng dường chư Phật, gồm thâm các căn thiện như tín v.v... Ở đây nương vào hai thứ cúng dường nên được hai thứ thân: (a) Thân vi diệu tối thượng: Là thân khiến người trông thấy đều sinh tâm kính trọng, được lợi ích không hư giả. (b) Tâm thuận hợp: Là thành tựu căn thiện của tự tánh nên ưa thích hành trì pháp.

Trước đã nói ba mươi câu, từ lòng tin tăng thượng v.v... cho đến thường cầu đạo thù thắng tối thượng, là pháp của địa thanh tịnh. Nay, trong mười câu này, từ: Tin tưởng v.v... cho đến cúng dường chư Phật đều là những pháp làm thanh tịnh các chướng ngại nơi Địa. Đó gọi là tu hành đối chiếu chỗ thù thắng.

c. Thế nào là Đối chiếu chỗ thù thắng nơi lợi ích của quả?

* ***Kinh nói***: “*Chư Phật tử! Sau khi an trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát rồi, Bồ-tát này thường thấy chư Phật, do vận dụng diệu lực của đại thân thông, diệu lực của đại nguyện, nên thấy nhiều trăm Phật, nhiều ngàn Phật, nhiều trăm ngàn Phật, nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, nhiều ức Phật, nhiều trăm ức Phật, nhiều ngàn ức Phật, nhiều trăm ngàn ức Phật, nhiều trăm ngàn ức na-do-tha Phật, là do vận dụng diệu lực của đại thân thông, của đại nguyện.*

Khi Bồ-tát này thấy chư Phật, thì đem tâm vô thượng, tâm sâu xa cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen, phụng hiến các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc thang hết thấy đều đầy đủ. Rồi đem các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của các Bồ-tát cúng dường cho chúng Tăng, đem hết căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến

đạo quả Bồ-đề tối thượng. Nhân việc cúng dường chư Phật này, Bồ-tát ấy đã thành tựu pháp giáo hóa tạo ích lợi cho chúng sinh.

Bồ-tát ấy thường dùng hai pháp nhiếp để thu giữ chúng sinh là bố thí và ái ngữ. Hai pháp nhiếp hóa sau (trong bốn nhiếp) chỉ dùng sức tin hiểu để hành trì, do chưa khéo thông đạt. Bồ-tát này trong mười pháp Ba-la-mật coi trọng hơn hết về Đản Ba-la-mật, các Ba-la-mật còn lại, không phải là không tu tập. Tùy sức, tùy phần, Bồ-tát ấy theo chỗ cúng dường chư Phật, luôn giáo hóa chúng sinh, đều có thể nhận lãnh hành trì pháp của địa thanh tịnh. Bao nhiêu căn thiện như vậy, đều nguyện hồi hướng về đạo quả Nhất thiết chủng trí. Dần dần trở nên sáng sạch thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng.

Này chư Phật tử! Ví như thợ kim hoàn khéo léo luyện vàng luôn tiếp cận với lửa. Cứ như vậy mãi thì có được vàng sạch sáng, thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng. Chư Phật tử! Bồ-tát cũng lại như thế. Cứ như thế, như thế, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh, đều có thể tu hành pháp của địa thanh tịnh. Tu hành chính đáng rồi, được cả thấy các căn thiện ấy, đều nguyện đem hồi hướng đến quả vị Nhất thiết chủng trí. Dần dần tâm ý sáng sạch, thành tựu thuận hợp, tùy ý sử dụng”.

* **Luận nêu:** Đối chiếu chỗ thù thắng nơi lợi ích của quả có 4 thứ:

- (1) **Thù thắng do lợi ích của quả thuận hợp.**
- (2) **Thù thắng do lợi ích của quả phát thú (Đốc hướng tới).**
- (3) **Thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo (Thâu tóm quả báo).**
- (4) **Thù thắng do lợi ích của quả nguyện trí (Trí mong đạt được).**

Thế nào là Thù thắng do lợi ích của quả thuận hợp? Giống như pháp luyện vàng. Các pháp thiện như tín v.v... cũng như vàng thật nhiều lần vào nơi lửa. Có ba thứ vào là: (1) Vào nơi công đức, cúng dường Phật, Tăng. (2) Vào nơi tâm bi để giáo hóa chúng sinh. (3) Vào nơi quả vô thượng. Nguyện hồi hướng đến đạo quả Đại Bồ-đề.

Do vận dụng diệu lực của đại thần thông thấy chư Phật: Là dùng lực thần thông thù thắng thấy sắc thân Phật.

Vận dụng diệu lực của đại nguyện: Là dùng lực của nguyện chân chánh bên trong để thấy pháp thân Phật.

Thấy nhiều trăm Phật v.v... cho đến trăm ngàn ức na-do-tha Phật: Là dùng phương tiện thiện xảo chỉ rõ về nhiều Phật, hiển bày nhiều số lượng.

Cúng dường có 3 thứ:

(1) *Cúng dường cung kính:* Là tán thán cùng làm sáng tỏ công đức Phật.

(2) *Cúng dường tôn trọng:* Là lễ bái v.v...

(3) *Cúng dường phụng thí:* Là hiến cúng những thứ hương hoa, hương xoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu v.v...

Dem các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của các Bồ-tát: Các Bồ-tát này hiện có các vật dụng thế gian không thể cung cấp, đều phụng thí cho hết thảy chúng Tăng.

Thế nào là Thù thắng do lợi ích của quả Phát thú?

* ***Kinh nói:*** “*Lại nữa, chư Phật tử! Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát này, ở trong Địa thứ nhất ấy có các tướng đạt quả, nên theo chỗ của chư Phật, Bồ-tát, thiện tri thức để suy tìm, thỉnh hỏi các pháp thành tựu Địa không hề biết chán đủ. Bồ-tát an trụ trong Địa thứ nhất như vậy phải luôn tìm hiểu, thỉnh hỏi nơi chư Phật, Bồ-tát, thiện tri thức. Trong Địa thứ hai, đến Địa thứ mười các tướng đạt quả cũng hành trì như vậy, thành tựu pháp của mười Địa không hề chán đủ.*

Bồ-tát ấy khéo nhận biết cách đối trị chướng ngại nơi các Địa. Khéo nhận biết Địa thành hoại. Khéo nhận biết tướng của Địa. Khéo nhận biết quả tu chứng của Địa. Khéo nhận biết phần thanh tịnh của

Địa. Khéo nhận biết việc chuyển từ Địa này lên Địa khác. Khéo nhận biết trụ xứ của từng Địa. Khéo nhận biết trí thù thắng đối chiếu nơi từng Địa. Khéo nhận biết Địa đạt được pháp không thoái chuyển. Khéo nhận biết tất cả Địa Bồ-tát là thanh tịnh, chuyển nhập nơi trí Địa của Như Lai. Chư Phật tử! Bồ-tát khéo dấy khởi tướng Địa như vậy, phát ý không trụ vào Địa thứ nhất thành tựu cho đến chuyển nhập vào mười Địa không bị chướng ngại. Do được mười Địa nên trí tuệ càng sáng tỏ, có thể đạt được ánh sáng nơi trí tuệ của chư Phật.

Chư Phật tử! Ví như vị dẫn đường khéo léo, đưa đám đông đi đến kinh thành lớn kia, khi chưa lên đường, trước tiên ông ta hỏi về những lợi ích, chỗ hơn v.v... trên đường sẽ đi, hỏi trên đường đó có những trở ngại hiểm nạn nào. Ông lo liệu về việc cần đầy đủ hành trang đi đường, thưa hỏi cái gì nên làm, suy tính hết từ đầu đến cuối, các điều đâu đó rồi mới phát khởi lên đường, cuối cùng tới thành phố lớn kia sau khi trải qua nhiều đoạn nguy hiểm, nhưng người đều an toàn. Nay các Phật tử! Đại Bồ-tát là bậc Đạo sư thiện xảo cũng lại như vậy. Trụ nơi Địa thứ nhất, khéo nhận biết cách đối trị chướng ngại nơi các Địa, cho đến khéo nhận biết tất cả Địa Bồ-tát là thanh tịnh chuyển nhập nơi trí Địa của Như Lai.

Bấy giờ, Bồ-tát có đủ phước đức lớn làm hành trang trợ đạo, khéo lựa chọn trí tuệ trợ đạo, nhằm dẫn dắt chúng sinh đến thành lớn Nhất thiết chủng trí. Lúc chưa lên đường, trước phải hỏi về nẻo công đức của Địa, biết đâu là chỗ lùi bước của các Địa. Lại hỏi chuyện tốt đẹp nơi đường đi của Địa. Hỏi về nỗi lo thoái chuyển ở giữa đường của Địa. Phải có đủ đại công đức, hành trang của trí tuệ, những gì cần làm, đều phải suy tìm thỉnh hỏi nơi Phật, Bồ-tát, thiện tri thức. Bồ-tát này khéo nhận biết cách đối trị chướng ngại nơi các Địa. Cho đến khéo nhận biết có thể đi tới thành lớn Nhất thiết trí, từ nơi chưa xuất phát. Bồ-tát dùng trí tuệ như thế để nhận biết đầy đủ đại công đức, hành trang của trí tuệ, giáo hóa tất cả chúng sinh vượt qua chặng đường hiểm nạn nơi thế gian, cho đến khiến họ an trụ trong

thành lớn Nhất thiết trí, không còn bị nhiễm trong hiểm họa sinh tử ở đời, thân mình và chúng sinh không còn các suy tổn khổ não. Chư Phật tử! Do đó, Bồ-tát Ma-ha-tát này thường hiện bày tâm không mỗi một, luôn siêng tu tập nghiệp của các Địa theo trí thù thắng nơi bản hạnh.

Chư Phật tử! Đó gọi là lược nói về Bồ-tát Ma-ha-tát hội nhập nơi cửa Địa Hoan Hỷ của Bồ-tát. Nói rộng tức có vô lượng trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ sự việc”.

* **Luận nêu:** Các tướng: Là những chương ngại hiện có và tướng đối trị trong các Địa.

Đạt được: Là chứng đắc trí xuất thế gian.

Quả: Là nhân nơi việc chứng đắc trí lực nên đạt được trí thế gian và xuất thế gian.

Các pháp thành tựu Địa: Là sự tin tưởng v.v... nơi các Địa đều có đủ. Có 5 thứ phương tiện:

- (1) Phương tiện về quán chiếu.
- (2) Phương tiện để chứng đắc.
- (3) Phương tiện về tăng thượng.
- (4) Phương tiện không thoái chuyển.
- (5) Phương tiện để đạt tới tận cùng.

Phương tiện về quán chiếu: Là khéo léo đối trị chương ngại và biết rõ sự thành hoại. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy khéo nhận biết cách đối trị chương ngại nơi các Địa. Khéo nhận biết Địa thành hoại”. Đối trị chương ngại của mười Địa có mười thứ, gọi là mười Địa như đã nói trong **Phần Gốc** ở trước. Thứ lớp như vậy tích tập nên thành, tan lìa nên hoại.

Phương tiện để chứng đắc: Là nhằm bước vào phương tiện. Đã hội nhập phương tiện rồi thì thành phương tiện thắng tấn. Như kinh

nói: “Khéo nhận biết tướng của Địa. Khéo nhận biết quả tu chứng của Địa. Khéo nhận phân thanh tịnh của Địa”.

Phương tiện về tăng thượng: Là Địa này chuyển lên Địa khác, trụ xứ của mỗi Địa, sự tăng trưởng của mỗi Địa, hết thảy đều nhận biết một cách khéo léo. Như kinh nói: “Khéo nhận biết việc chuyển từ Địa này lên Địa khác. Khéo nhận biết trụ xứ của từng Địa. Khéo nhận biết trí thù thắng đối chiếu nơi từng Địa”.

Phương tiện không thoái chuyển: Như kinh nói: “Khéo nhận biết Địa đạt được pháp không thoái chuyển”.

Phương tiện để đạt tới tận cùng: Là Bồ-tát hành trì xong Địa Bồ-tát thì khéo léo hội nhập nơi Địa của Như Lai. Như kinh nói: “Khéo nhận biết tất cả Địa Bồ-tát là thanh tịnh, chuyển nhập nơi trí Địa của Như Lai”.

Chư Phật tử! Ví như vị dẫn đường khéo léo, đưa đám đông đi đến kinh thành lớn kia, khiến được đi đúng hướng. Ở đây người dẫn đường phải có hai thứ phương tiện: (a) Phương tiện không làm đường. Ông ta đều khéo nhận biết về đường sá nơi nào là lợi, nơi nào là bất trắc, các nơi chón trên đường đi, chón nào là thuận hợp, nơi nào là xấu, hiểm. Như kinh nói: “Trước tiên ông ta hỏi về những lợi ích, chỗ hơn v.v... trên đường sẽ đi, hỏi trên đường đó có những trở ngại hiểm nạn nào v.v...”. (b) Phương tiện của lợi ích nơi vật cần dùng. Như kinh nói: “Cần đầy đủ hành trang đi đường, thưa hỏi cái gì nên làm v.v...”.

Thế nào là Thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi Địa thứ nhất này, phần nhiều làm vua nơi châu Diêm-phù-đề, giàu sang tự tại, thường hộ trì chánh pháp, có thể dùng pháp đại thí để thâm giữ các chúng sinh, khéo dứt trừ những thứ cấu uế của tham lam, keo kiệt, đố kỵ nơi chúng sinh. Luôn hành hóa đại xả không bao giờ hết. Các việc làm

đều là thiện như bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Những phước đức ấy đều nhờ không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, không lìa niệm các Bồ-tát, cùng những việc làm của Bồ-tát, không lìa niệm về các Ba-la-mật, không lìa niệm về mười Địa, không lìa niệm về diệu lực bất hoại, không lìa niệm về pháp vô úy, không lìa niệm về các pháp bất cộng của Phật, cho đến không lìa niệm đầy đủ Nhất thiết chủng nơi Trí nhất thiết trí. Thường sinh tâm như vậy: Trong tất cả chúng sinh, ta sẽ là thượng thủ, là thù thắng, là lớn lao, vi diệu, tối thượng, vô thượng, tôn quý, là bậc Đạo sư, là vị tướng soái, cho đến làm chỗ nương dựa của Trí nhất thiết trí.

Chư Phật tử! Đại Bồ-tát này nếu muốn lìa bỏ nhà cửa, siêng năng hành trì tinh tấn, thì đối với pháp Phật liền có thể xả bỏ năm dục lạc nơi gia đình, vợ con. Được xuất gia rồi, thì càng tinh tấn, trong khoảng một niệm đạt được trăm Tam-muội, thấy trăm Phật, nhận biết thân lực của trăm Phật, có thể làm chuyển động thế giới của trăm Phật, có khả năng hội nhập thế giới của trăm Phật, có thể chiếu sáng hàng trăm thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi thế giới của hàng trăm Phật, có thể trụ thọ trong trăm kiếp, có khả năng nhận biết sự việc của các đời quá khứ, vị lai trong trăm kiếp, có thể khéo đi vào hàng trăm pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm thân, nơi mỗi mỗi thân đó có thể thị hiện ra hàng trăm Bồ-tát làm quyến thuộc”.

* **Luận nêu:** Thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo có hai thứ: Quả báo tại gia và Quả báo xuất gia.

Quả báo tại gia lại có hai thứ: (1) Thân thượng thắng: Như làm vua châu Diêm-phù-đề. Như kinh nói: “Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi Địa thứ nhất này, phần nhiều làm vua nơi châu Diêm-phù-đề, giàu sang tự tại, thường hộ trì chánh pháp”. (2) Quả thượng thắng: Tức khéo léo điều phục các thứ tham lam, keo kiệt, ganh ghét. Như kinh nói: “Có thể dùng pháp đại thí để thâm giữ các chúng sinh, khéo dứt

trừ những thứ cấu uế của tham lam, keo kiệt, đố kỵ nơi chúng sinh”. Có thể dùng pháp đại thí để thâm giữ các chúng sinh: Là chính mình làm việc bố thí, rồi khéo khuyên người khác bố thí. Thâm giữ chúng sinh, khéo chuyển hóa những thứ cấu uế của keo kiệt, ganh ghét nơi họ, dùng phương tiện thiện xảo với bốn Nhiếp pháp để thâm giữ chúng sinh”.

Không lìa niệm Phật v.v...: Là chỉ rõ không lìa các niệm về tự lợi. Các niệm như thế ở trong sự việc hành trì rồi là thành tựu đại cung kính, xua tan vọng tưởng. Niệm ấy nói tóm lược có 4 thứ: (1) *Niệm tối thượng:* Là nhớ nghĩ về Tam bảo. (2) *Niệm đồng pháp:* Là nhớ nghĩ về các Bồ-tát. (3) *Niệm công đức:* Là nhớ nghĩ về thân mình, thân người, việc làm của Bồ-tát, tự thể chuyển biến thù thắng. (4) *Niệm cầu đạt nghĩa:* Là nhớ nghĩ về các lực, vì đây là cứu cánh chân thật. *Niệm tối thượng là gì?* Là nhớ nghĩ về Phật v.v..., nhớ nghĩ về pháp của Phật v.v... Đối với người cho, kẻ nhận, vật cho và Bồ-đề, không sinh tâm phân biệt, không chấp giữ. Như vậy trong tất cả chỗ tạo tác, người làm không chấp trước, cảnh giới không chấp trước, việc làm không chấp trước, quả báo không chấp trước. Đem hết thấy sự hành trì này nguyện hồi hướng về đạo quả Đại Bồ-đề.

Bạc thượng thủ có hai thứ: (1) Thượng thủ thù thắng: Là bậc có công đức chói sáng. (2) Thượng thủ lớn lao: Là không còn ai hơn.

Thù thắng có hai thứ: (1) Thù thắng tự tại do trí tuệ vi diệu. (2) Thù thắng tự tại do lìa bỏ tất cả phiền não.

Lớn lao có hai thứ: (1) Ở trên là không ai sánh bằng. (2) Vô thượng là không ai có thể vượt hơn. Như vậy là làm sáng tỏ về công đức của tự thể.

Dẫn đường: Là ở trong A-hàm (Kinh điển) phân biệt nghĩa pháp thuyết giảng đúng đắn. *Bạc tướng:* Là giúp kẻ khác chứng đắc diệu nghĩa, diệt trừ các thứ phiền não. *Bạc thầy:* Là dạy bảo truyền

trao, khiến hội nhập chánh đạo. *Cho đến làm chỗ nương dựa của Trí nhất thiết trí*: Là dùng đạo Đại Bồ-đề để giáo hóa.

Đó gọi là thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo nơi Bồ-tát tại gia.

Lại nữa, ***Bồ-tát xuất gia*** với nghiệp thù thắng do thiên định. Nghiệp thù thắng có 2 thứ: (1) Thù thắng do Tam-muội: Tức *trong khoảng một niệm đạt được trăm Tam-muội*, đạt được diệu lực tự tại của Tam-muội. (2) Thù thắng do đối tượng tạo tác của Tam-muội: Tức *thấy trăm Phật*. Do đạt được diệu lực của Tam-muội ấy, nên đối với chư Phật trong mười phương cùng các Bồ-tát được Phật gia hộ đã tu tập trí tuệ.

Có thể làm chuyên động thế giới của trăm Phật: Tức khiến có thể giáo hóa chúng sinh phát sinh chánh tín.

Có khả năng hội nhập thế giới của trăm Phật, có thể chiếu sáng hàng trăm thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi thế giới của hàng trăm Phật: Là đi tới các nơi chốn đó cùng thấy và chính thức giáo hóa chúng sinh.

Có thể trụ thọ trong trăm kiếp: Là thâm lấy sự sống thù thắng.

Có khả năng nhận biết sự việc của các đời quá khứ, vị lai trong trăm kiếp: Là hóa độ các chúng sinh hành trì việc đứng đầu là lìa ác, thuyết giảng về con đường tạo nghiệp thiện, ác.

Có thể khéo đi vào hàng trăm pháp môn: Là tăng trưởng trí tuệ của mình, suy tư về diệu nghĩa của vô số pháp môn.

Có thể biến hóa thân làm trăm thân, nơi mỗi mỗi thân đó có thể thị hiện ra hàng trăm Bồ-tát làm quyến thuộc: Là hành trì mau chóng để tạo nhiều lợi ích.

Đó gọi là thù thắng do lợi ích của quả nhiếp báo nơi Bồ-tát xuất gia.

Thế nào là Thù thắng do lợi ích của quả nguyện trì?

* **Kinh nói:** “Nếu so với nguyện lực tự tại thắng thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát thị hiện vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số thứ thần thông. Hoặc về thân, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc về mắt, về cảnh giới, về âm thanh, về đi, về trang nghiêm, về gia hộ, về tin tưởng, về hành nghiệp, những thần thông như vậy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, không thể tính biết được”.

* **Luận nêu:** Ở đây, Thân là nơi nương dựa căn bản cho các hành hóa của Bồ-tát. Nương vào thân ấy nên có ánh sáng, thần thông. Dựa vào ánh sáng này nên có thiên nhãn. Do có thiên nhãn nên mới trông thấy cảnh giới trước mắt.

Tất cả mắt (nhãn) có năm thứ nên biết. Dựa vào các thần thông nên có âm thanh cùng sự hành trì, trang nghiêm, gia hộ. Âm thanh là sự ứng hợp với lời nói. Hành trì là đi đến khắp mười phương. Trang nghiêm là thực hiện vô số sự ứng hiện. Gia hộ là dùng thần lực gia hộ cho Bồ-tát. Tin là nương dựa vào môn Tam-muội, hiện lực thần thông, tùy theo chỗ tin của các chúng sinh mà lợi ích được thành tựu. Nghiệp là nương vào mắt tuệ để gồm thâu môn Đà-la-ni, thị hiện giảng nói pháp.

Lược nêu về hết thấy các Địa, mỗi Địa đều có Thế của nhân và Tướng của quả.

HẾT - QUYỂN 3

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYÊN 4

Địa thứ hai: ĐỊA LY CẦU

* **Luận nêu:** Như thế là Bồ-tát đã chứng đắc chánh vị, nương nơi đạo xuất thế gian, nhờ vào giới thanh tịnh để nói về **Địa Ly Cầu**, là **Địa thứ hai** của bậc Bồ-tát. Giới thanh tịnh này có **2** thứ thanh tịnh:

I. Thanh tịnh phát khởi.

II. Thanh tịnh tự thể.

I. Thế nào là Thanh tịnh phát khởi? Là nói về **10** thứ tâm chánh trực.

* **Kinh nói:** “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ Địa thứ nhất, muốn đạt được Địa thứ hai, thì nên phát khởi mười thứ tâm chánh trực. Những gì là mười? Đó là: (1) Tâm chánh trực. (2) Tâm mềm dịu. (3) Tâm thuận hợp. (4) Tâm thiện. (5) Tâm vắng lặng. (6) Tâm chân thật. (7) Tâm không xen tạp. (8) Tâm không mong cầu. (9) Tâm thù thắng. (10) Tâm lớn lao. Bồ-tát sinh khởi mười tâm ấy thì hội nhập nơi Địa Ly Cầu, là Địa thứ hai của bậc Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Mười thứ tâm chánh trực: Là dựa nơi giới thanh tịnh để thành tựu giới tánh của tâm chánh trực, tùy chỗ nên tạo tác mà hành hóa tự nhiên. Tâm chánh trực lại có **9** thứ:

(1) *Tâm chánh trực mềm dịu*: Tức cùng với ý vui mừng thực hành trì giới.

(2) *Tâm chánh trực thuận hợp*: Tức điều lực tự tại nên tánh khéo trì giới, phiền não không xen lẫn.

(3) *Tâm chánh trực thiện*: Tức giữ gìn các căn, không để lầm lạc phạm giới, cũng như ngựa hay, tánh đã được điều phục.

(4) *Tâm chánh trực vắng lặng*: Tức tâm đã được chế ngự, trở nên hòa dịu, không cao ngạo.

(5) *Tâm chánh trực chân thật*: Tức có thể nhẫn chịu những thứ não hại. Như vàng ròng v.v...

(6) *Tâm chánh trực không xen tạp*: Tức đối với các thứ công đức đã đạt được không sinh chán đủ, dựa nơi giới thanh tịnh để lại cầu đạt giới thù thắng, ưa thích tịch tĩnh.

(7) *Tâm chánh trực không mong cầu*: Tức tâm không mong đạt những thế lực tự tại nơi các cõi.

(8) *Tâm chánh trực thù thắng*: Tức vì tạo lợi ích cho chúng sinh nên không dứt bỏ các nguyện hữu lậu.

(9) *Tâm chánh trực lớn lao*: Tức tâm tùy thuận nơi quả của các cõi mà không đắm nhiễm.

II. Thế nào là Thanh tịnh tự thể? Có 3 thứ giới:

1. Giới thanh tịnh do xa lìa.

2. Giới thanh tịnh do thâm giữ pháp thiện.

3. Giới thanh tịnh do đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Giới thanh tịnh do xa lìa: Tức là mười đạo nghiệp thiện. Từ lìa bỏ sát sinh cho đến chánh kiến, cũng gọi là thọ trì giới thanh tịnh.

Giới thanh tịnh do thâm giữ pháp thiện: Tức đối với *Giới thanh tịnh do xa lìa* trở lên, từ câu: “Bồ-tát suy nghĩ: Hết thầy chúng sinh bị

đọa nơi các đường ác đều do nhân duyên tập khởi là mười đạo nghiệp bất thiện”, cho đến câu: “Vì thế Ta nên hành trì mười đạo nghiệp thiện với tất cả thứ thanh tịnh”.

Giới thanh tịnh do đem lại lợi ích cho chúng sinh: Tức đối với *Giới thanh tịnh do thủ giữ pháp thiện* trở lên, từ câu: “Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta phải xa lìa mười đạo nghiệp bất thiện, ưa thích hành pháp hành”, cho đến câu: “Sinh tâm tôn kính v.v...”.

*

1. Thế nào là Giới thanh tịnh do xa lìa? Nghĩa là mười đạo nghiệp thiện, tức từ xa lìa sát sinh cho đến chánh kiến.

** Kinh nói:* “*Này các Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Ly Cấu của Bồ-tát tự tánh thành tựu mười đạo nghiệp thiện, xa lìa hết thấy việc sát sinh, dứt bỏ đao gậy, không có tâm sân hận, có hổ có thẹn, đầy đủ tâm thương xót. Đối với tất cả chúng sinh, sinh khởi tâm an ổn, tâm từ. Bồ-tát ấy hãy còn không có tâm xấu ác gây ão hại các chúng sinh, hướng chi là đối với các chúng sinh khác, khởi tưởng về chúng sinh, khởi tâm thô nặng thân hành gây thêm ão hại*”.

** Luận nêu:* Nói: *Mười đạo nghiệp thiện, xa lìa hết thấy việc sát sinh:* Là thị hiện chỗ hơn hết nơi lợi ích thù thắng của sự xa lìa.

Dựa nơi việc xa lìa sát sinh: Gồm có 3 thứ lìa:

(1) Lìa nơi nhân. Như kinh nói: “Dứt bỏ đao gậy, không có tâm sân hận, có hổ có thẹn, đầy đủ tâm thương xót”.

(2) Lìa bằng cách đối trị. Như kinh nói: “Đối với tất cả chúng sinh, sinh khởi tâm an ổn, tâm từ”.

(3) Lìa do hành quả. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy hãy còn không có tâm xấu ác gây ão hại các chúng sinh, hướng chi là đối với các chúng sinh khác, khởi tưởng về chúng sinh, khởi tâm thô nặng thân hành gây thêm ão hại”.

Lìa nơi nhân: Có 2 thứ: (a) *Nhân chứa nhóm*: Có hai thứ là đao, gậy. Đao là tạo việc chém chặt. Gậy là tạo việc đánh đập. Như kinh nói: “Dứt bỏ đao gậy”, cho đến chú thuật, các thứ thuốc, những vật dụng có thể giết hại, thầy đều xa lìa. (b) *Nhân phát khởi*: Có hai thứ là tham, sân. Vì tài sản, lợi dưỡng nên tạo các nghiệp ác, cho đến mất mạng, tâm không xấu hổ, hối hận. Đối trị những điều ấy, như kinh nói: “Có hổ có thẹn”. Vì tham, bị chúng sinh bắt bớ, nuôi dưỡng, cột nhốt nơi lồng, khiến sinh khổ não. Đối trị những điều ấy, như kinh nói: “Đầy đủ tâm thương xót”. Lìa hai thứ đó nên gọi là lìa nơi nhân.

Lìa bằng cách đối trị: Có 2 thứ: (a) *Tâm an ổn*: Tức đối với hết thấy chúng sinh luôn tạo lợi ích, dùng pháp thiện giáo hóa khiến họ trụ nơi nẻo thiện, là nhân của Niết-bàn. (b) *Tâm từ*: Tức khiến cho các chúng sinh kia đạt được phước báo của hàng trời, người, dẫn đến quả an lạc của Niết-bàn. Như kinh nói: “Đối với tất cả chúng sinh, sinh khởi tâm an ổn, tâm từ”. Như vậy, ở trong nhân quả không cầu tìm điên đảo. Lìa tâm ngu si cho sát sinh là để cúng tế v.v... Đối trị các điều ấy tức gọi là lìa, nên gọi là lìa bằng cách đối trị. Bồ-tát là chủ thể lìa. Nói chúng sinh là chỉ rõ các chúng sinh không phải thường, không phải đoạn, tùy theo nhân duyên của mạng căn, cho đến có được thọ mạng, trụ ở đời. Chết tức dựa nơi lực của nghiệp, phiền não, sinh trở lại vào đời vị lai.

Lìa do hành quả: Có 2 thứ: (a) *Vi tế*: Như tâm niệm, não hại. (b) *Thô trọng*: Như thân hành não hại. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy hãy còn không có tâm xấu ác gây não hại các chúng sinh, hướng chỉ là đối với các chúng sinh khác, khởi tưởng về chúng sinh, khởi tâm thô nặng thân hành gây thêm não hại”. Ở đây, hành thô trọng có năm thứ: Một là Thân, như kinh nói: “Khác”. Hai là Sự, như kinh nói: “Chúng sinh”. Ba là Tưởng, như kinh nói: “Khởi tưởng về chúng sinh”. Bốn là Hành, như kinh nói: “Khởi tâm thô nặng”. Năm là Thê, như kinh nói: “Thân hành gây thêm não hại”.

*** Kinh nói:** “Lìa bỏ việc trộm cướp các vật dụng, của cải cần cho đời sống, thường tự cho là đầy đủ. Không hủy hoại tài sản của người khác. Nếu vật thuộc về người khác thì người khác được sử dụng, có ý tưởng giữ gìn, mình không sinh tâm trộm cắp. Bỏ-tát ấy, cho đến cộng cỏ, chiếc lá, không cho thì không lấy, hướng chi là đối với các vật dụng, của cải khác”.

*** Luận nêu: Dạy nơi việc lìa bỏ trộm cướp:** Gồm có 3 thứ lìa:

- (1) Lìa nơi nhân.
- (2) Lìa bằng cách đối trị.
- (3) Lìa do hành quả.

Lìa nơi nhân: Là của cải nơi chính mình không đủ. Đối trị điều ấy, như kinh nói: “Các vật dụng, của cải cần cho đời sống, thường tự cho là đầy đủ”.

Lìa bằng cách đối trị: Đó là bổ thí. Đối với của cải nơi chính mình có, xả bỏ không vướng mắc, do không tham lam, không hủy hoại của cải nơi vị lai, như kinh nói: “Không hủy hoại tài sản của người khác”.

Lìa do hành quả: Có 2 thứ: (a) *Vi tế:* Vật vi tế không cho, không lấy. (b) *Thô trọng:* Vật thô trọng không cho, không lấy. Ở đây, chỉ rõ có 5 thứ: Một là Thân, như kinh nói: “Nếu vật thuộc về người khác”. Hai là Sự, như kinh nói: “Sự việc của kẻ khác thọ dụng”. Ba là Tướng, như kinh nói: “Người khác có ý tưởng giữ gìn”. Bốn là Hành: Tức tâm trộm cắp, như kinh nói: “Mình không sinh tâm trộm cắp”. Năm là Thê: Tức tính chất vi tế, thô trọng, như kinh nói: “Cho đến cộng cỏ, chiếc lá, không cho thì không lấy, hướng chi là đối với các vật dụng, của cải khác”.

*** Kinh nói:** “Lìa bỏ tà dâm, tự cho là đủ đối với nhan sắc của vợ mình, không cầu tìm vợ kẻ khác, cầu tìm người khác giữ gìn người nữ cùng vợ của kẻ khác. Thân thuộc tộc họ nêu rõ việc giữ gìn, hoặc

giới pháp che chở. Bỏ-tát ấy, cho đến không sinh tâm nhớ nghĩ để tham cầu, hưởng chi là cùng với người nữ làm việc tà dâm, hoặc lại hành sự không đúng chỗ”.

*** Luận nêu: Dựa nơi việc lia bỏ tà dâm:** Gồm có 3 thứ là:

- (1) Lia nơi nhân.
- (2) Lia bằng cách đối trị.
- (3) Lia do hành quả.

Lia nơi nhân: Như đối với vợ mình chưa đủ. Đối trị việc này, như kinh nói: “Tự cho là đủ đối với nhan sắc của vợ mình”.

Lia bằng cách đối trị: Phạm hạnh hiện tại thanh tịnh, không cầu nhan sắc của vợ nơi vị lai. Như kinh nói: “Không cầu tìm vợ kẻ khác”.

Lia do hành quả: Có 2 thứ: (a) *Vi tế:* Tức là trong tâm. (b) *Thô trọng:* Tức là thân tướng. Thân tướng ở đây có 3 thứ: Một là Không chính đáng. Hai là Trái thời. Ba là Không đúng chỗ.

Không chính đáng (Bất chánh): Tức như người nữ do kẻ khác giữ gìn, ở chung hoặc không ở chung. Ở chung: Là do người khác giữ gìn. Không ở chung: Là vợ của kẻ khác. Như kinh nói: “Người khác giữ gìn người nữ cùng vợ của kẻ khác”.

Thân thuộc, tộc họ nêu rõ việc giữ gìn: Tức là cha mẹ, người thân trong tộc họ giữ gìn, che chở. Trường hợp đã gả cho người khác thì họ có ý thức gìn giữ. Như kinh nói: “Thân thuộc tộc họ nêu rõ việc giữ gìn”.

Người nữ: Tức chỉ rõ việc xa lia, không phải là tên gọi người nữ nơi số lượng của chúng sinh.

Trái thời: Tức chỉ không đúng thời, như thời gian tu phạm hạnh. Như kinh nói: “Hoặc giới pháp che chở”.

Không đúng chỗ (Phi xứ): Tức hành dâm không đúng chỗ, như kinh nói: “Hoặc lại hành sự không đúng chỗ”.

Vì tế, thô trọng: Tức là ý nghiệp, thân nghiệp, hai thứ này đều xa lìa. Như kinh nói: “Cho đến không sinh tâm nhớ nghĩ để tham cầu, hưởng chi là cùng với người nữ làm việc tà dâm”.

* **Kinh nói**: “*Lìa bỏ vọng ngữ, thường nói lời chân thật, chắc chắn, hợp thời đúng lúc. Bỏ-tát ấy, cho đến trong giấc mộng cũng không khởi ý che giấu sợ người khác thấy (Phú kiến), nhẫn chịu để người khác thấy (Nhẫn kiến), không có tâm muốn tạo sự dối gạt đối với lời nói của kẻ khác, hướng hồ là cố ý nói dối*”.

* **Luận nêu**: **Dựa nơi việc lìa bỏ vọng ngữ (Nói dối)**: Gồm có 2 thứ lìa:

- (1) Lìa bằng cách đối trị.
- (2) Lìa do hành quả.

Lìa bằng cách đối trị: Tức là lìa nơi nhân. Vì sao? Vì nơi thân nghiệp kia có hai thứ lìa. Còn trong nói dối thì không có sự việc bên ngoài, lại không có nhân khác. Như trong việc lìa sát sinh thì nơi nhân chứa nhóm có hai thứ là đao, gậy, là sự việc bên ngoài, như trong trường hợp đó đã nêu: Lìa bỏ cả đao, gậy. Trong việc lìa bỏ nói dối thì không có hai thứ sự việc bên ngoài của thân nghiệp kia.

Nhân không khác: Tức như nhân của sát sinh là tham, sân, si v.v... *Nhân của nói dối*: Là tâm dối gạt kẻ khác cần phải xa lìa, tức là nói lời chân thật, xác nhận lời nói chân thật như thế là đối trị tâm dối gạt kẻ khác, tức là lìa từ nhân. Dựa nơi kia để sinh đây, nên nói là nhân không khác. Như vậy, lìa bằng cách đối trị chính là lìa nơi nhân.

Lại, lìa bằng cách đối trị có 3 thứ: (a) Nói lời thuận nơi tướng, như kinh nói: “Thường nói lời chân thật”. (b) Khéo suy xét: Tức là nói với đúng như sự việc, như kinh nói: “Nói lời chắc chắn”. (c) Nói lời biết thời: Tức không dấy khởi ý làm suy não thân mình, thân người khác, như kinh nói: “Nói lời hợp thời đúng lúc”.

Lìa do hành quả: Có 2 thứ: (a) Vi tế. (b) Thô trọng. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, cho đến trong giấc mộng v.v...”. Trong giấc mộng: Là vi tế. Tạo nên: Là thô trọng. Che giấu sợ kẻ khác thấy v.v... thì dễ hiểu. Trí kiến gọi là kiến.

*** Kinh nói:** “*Lìa bỏ nói hai lưỡi là không có tâm phá hoại, không có tâm gây khủng bố, không có tâm não loạn. Nghe người này nói, không hướng tới kẻ kia nói lại để phá hoại người này. Nghe kẻ kia nói, không hướng tới người này nói lại để phá hoại kẻ kia. Không phá hoại sự đồng ý. Đã phá hoại thì không khiến tăng trưởng. Không có tâm hoan hỷ về sự ly biệt. Không có tâm vui thích về sự ly biệt. Không ưa thích nói lời ly biệt. Không tạo ra lời nói ly biệt, hoặc thật hoặc chẳng thật*”.

*** Luận nêu:** *Dựa nơi việc lìa bỏ nói hai lưỡi*: Gồm có 2 thứ lìa:

- (1) Lìa bằng cách đối trị.
- (2) Lìa do hành quả.

Lìa bằng cách đối trị: Nghĩa là không hành động phá hoại. Gồm có 2 thứ: (a) Tâm. (b) Sự sai biệt. Tức theo chỗ nghe ở đây, đi đến nơi khác nói. Hai thứ ấy nêu rõ tâm thọ nhận sự nhớ nghĩ tạo ra khẩu nghiệp, thành lời nói nơi tâm phá hoại. Như kinh nói: “Nghe người này nói, không hướng tới kẻ kia nói lại để phá hoại người này. Nghe kẻ kia nói, không hướng tới người này nói lại để phá hoại kẻ kia”.

Sự sai biệt có ba thứ: Thứ nhất là Thân phá hoại. Thứ hai là Tâm phá hoại. Thứ ba là Nghiệp phá hoại.

Thân phá hoại có hai thứ: Một là chưa phá hoại. Hai là đã phá hoại. Đối trị việc này, như kinh nói: “Không phá hoại sự đồng ý. Đã phá hoại thì không khiến tăng trưởng”.

Tâm phá hoại cũng có hai thứ: Một là chưa phá hoại, tức muốn phá hoại. Hai là đã phá hoại thì tùy hỷ. Đối trị việc này, như kinh nói:

“Không có tâm hoan hỷ về sự ly biệt. Không có tâm vui thích về sự ly biệt”.

Nghiệp phá hoại cũng có hai thứ: Một là vi tế. Hai là thô trọng. Cả về lời nói thật, không thật. Đối trị việc này, như kinh nói: “Không ưa thích nói lời ly biệt. Không tạo ra lời nói ly biệt, hoặc thật hoặc chẳng thật”.

Lìa do hành quả: Bản Hán không nói đến.

*** Kinh nói:** “*Lìa bỏ lời nói thô ác nơi mọi lời nói hiện có: Lời nói xâm hại. Lời nói thô bạo. Lời nói làm khổ kẻ khác. Lời nói khiến kẻ khác sân hận. Lời nói hiện tiền. Lời nói không hiện tiền. Lời nói bỉ ổi. Lời nói dài dòng. Lời nói khiến người khác không thích nghe. Lời nói khiến người nghe không vừa lòng. Lời nói gây giận dữ bực bội. Lời nói khiến lửa nơi tâm bốc cháy có thể thiêu đốt. Lời nói khiến tâm nóng bức. Lời nói không hòa ái. Lời nói không vui thích. Lời nói bất thiện, tự hoại thân mình cũng hủy hoại thân kẻ khác. Những lời nói như thế này thấy đều lìa bỏ. Nơi mọi lời nói hiện có phải là lời nói hay đẹp, vui tai. Đó là: Lời nói đằm thắm. Lời nói mềm mỏng. Lời nói vi diệu. Lời nói vui mừng khi nghe. Lời nói ưa thích nghe. Lời nói đi vào tâm can. Lời nói thuận lý. Lời nói được nhiều người yêu mến. Lời nói được nhiều người vui thích. Lời nói khiến tâm hòa ái, thích thú. Lời nói khiến tâm hoàn toàn hoan hỷ. Lời nói có thể làm cho tâm mình, tâm người khác đều hoan hỷ kính tin. Thường nói vô số những lời nói hay đẹp như vậy”.*

*** Luận nêu: Dựa nơi việc lìa bỏ lời nói thô ác: Gồm có 2 thứ lìa:**

- (1) Lìa do hành quả.
- (2) Lìa bằng cách đối trị.

Lìa do hành quả: Tức những lời nói gây tổn hại cho kẻ khác, có thể khiến cho kẻ khác giận dữ. Như kinh nói: “Lời nói

xâm hại. Lời nói thô bạo. Lời nói làm khổ kẻ khác. Lời nói khiến kẻ khác sân hận”. Cả đoạn này, theo thứ lớp, dùng phần sau giải thích phần trước. Những thứ ấy nghĩa là một nhưng tên gọi thì khác.

Lại có: Lời nói đối mặt nhau, lời nói không đối mặt nhau, lời nói thô ác thường hành. Như kinh nói: “Lời nói hiện tiền. Lời nói không hiện tiền. Lời nói bỉ ổi. Lời nói dài dòng”.

Ở đây: Lời nói hiện tiền: Thô mà không dứt. Lời nói không hiện tiền: Vi tế có gián đoạn. Nói như thế: Tức cùng với giới là trái nhau, có thể gây đau khổ cho kẻ khác, khiến kẻ khác sân hận. Như kinh nói: “Lời nói khiến người khác không thích nghe. Lời nói khiến người nghe không vừa lòng”.

Tạo ra lời nói không lợi ích là nhân nơi tâm sân hận, ganh ghét đố kỵ, khiến mâu thuẫn với giới của kẻ khác. Như kinh nói: “Lời nói gây giận dữ bực bội”.

Khiến kẻ khác giận dữ, bực bội, có hai thứ sự việc không lợi ích: (a) Chưa đầy khởi giận dữ thì có thể khiến sinh tâm hận. Khi nghe, khi nhớ lại đều không yêu mến, không vui thích, tâm ý bẻ tắc. Như kinh nói: “Lời nói khiến lửa nơi tâm bốc cháy có thể thiêu đốt. Lời nói khiến tâm nóng bức. Lời nói không hòa ái. Lời nói không vui thích”. (b) Đã có sự đồng ý vui thích nơi tự thân bị mất hẳn, khiến kẻ khác cũng mất hẳn. Như kinh nói: “Lời nói bất thiện, tự hoại thân mình cũng hủy hoại thân kẻ khác”.

Lìa bỏ các lời nói thô ác như thế nên gọi là Lìa do hành quả.

Lìa bằng cách đối trị: Tức là lời nói đằm thắm. Ở đây có 2 thứ: (a) Lời nói không thô, không vội. (b) Lời nói đáng vui thích. Như kinh nói: “Lời nói mềm mỏng. Lời nói vi diệu”. Trong đó, không thô, không vội: Tức thuộc về giới phần, thọ hành không dứt. Vui mừng: Tức đáng vui thích.

Đáng vui thích có hai thứ: Một là vui vẻ nên đáng vui thích. Hai là an ổn nên đáng vui thích. Vui vẻ (Lạc): Là thuận theo hàng trời, người. An ổn: Là thuận theo thành Niết-bàn. Như kinh nói: “Lời nói vui mừng khi nghe. Lời nói ưa thích nghe. Lời nói đi vào tâm can. Lời nói thuận lý”.

Lại nữa, người trong chỗ oán, thân, khi nghe, khi nhớ lại có thể sinh hoan hỷ. Như kinh nói: “Lời nói được nhiều người yêu mến. Lời nói được nhiều người vui thích”. Những lời nói như thế có thể tạo ra 2 thứ lợi ích: Một là người khác chưa sinh sân hận, khiến họ không sinh, mà sinh hoan hỷ. Lại có thể sinh khởi Tam-muội. Hai là chưa sinh bạn thân thì khiến phát sinh. Tự thân hiện làm khiến người khác cũng hiện làm. Như kinh nói: “Lời nói khiến tâm hòa ái, thích thú. Lời nói khiến tâm hoàn toàn hoan hỷ. Lời nói có thể làm cho tâm mình, tâm người khác đều hoan hỷ kính tin. Thường nói vô số những lời nói hay đẹp như vậy”.

*** Kinh nói:** “*Lìa bỏ lời nói thêu dệt, thường dùng lời nói khéo tư duy. Lời nói đúng lúc. Lời nói chân thật. Lời nói có ý nghĩa. Lời nói đúng pháp. Lời nói thuận đạo. Lời nói đúng giới luật. Lời nói trừ tính theo thời gian. Lời nói khéo nhận biết chỗ ưa thích của tâm. Bỏ-tát ấy, cho đến đối với sự vui đùa hãy còn không nói lời thêu dệt, huống hồ là cố ý nói lời thêu dệt*”.

*** Luận nêu: Dựa nơi việc lìa bỏ lời nói thêu dệt:** Gồm có 2 thứ lìa:

- (1) Lìa bằng cách đối trị.
- (2) Lìa do hành quả.

Lìa bằng cách đối trị: Tức khéo nhận biết khi nói năng. Dựa nơi lời nói đây kia, khuyên phát khởi nhớ nghĩ. Lúc tu tập, nếu thấy các chúng sinh hành xử bất thiện thì khiến họ xả bỏ, an trụ nơi pháp thiện, tùy hoàn cảnh nói lời giáo hóa. Như kinh nói: “Lời nói khéo tư duy. Lời nói đúng lúc”.

Lại, lời nói không điên đảo là dựa vào sự giảng dạy lần lượt, tùy thuận, khi tu hành nói năng đúng nghĩa đúng pháp. Như kinh nói: “Lời nói chân thật. Lời nói có ý nghĩa. Lời nói đúng pháp”.

Lại nữa, dựa vào sự cử tội lần lượt diệt trừ sự tranh chấp, lúc tu học, hành trì, lời nói đúng như pháp, lời nói đúng như kinh điển. Như kinh nói: “Lời nói thuận đạo. Lời nói đúng giới luật”.

Lại, dựa vào lời nói thâm nhận, thuyết giảng pháp để thâm nhận, khi tu hành, lời nói đúng như oai nghi an trụ, lời nói nêu ví dụ thuận theo nghĩa. Như kinh nói: “Lời nói trừ tính theo thời gian. Lời nói khéo nhận biết chỗ ưa thích của tâm”.

Lìa do hành quả: Có 2 thứ: (a) Vi tế. (b) Thô trọng. Xa lìa hai thứ ấy, nên gọi là Lìa do hành quả. Vi tế, thô trọng: Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, cho đến đối với sự vui đùa hầy còn không nói lời thêu dệt, huống hồ là cố ý nói lời thêu dệt”.

*** Kinh nói:** *“Lìa bỏ tâm tham. Đối với tất cả tài sản vật dụng hiện có của kẻ khác, do kẻ khác thọ dụng, không sinh tâm tham. Không cầu, không mong nên không sinh tâm tham”.*

*** Luận nêu: Dựa nơi tâm không tham:** Gồm có 3 thứ lìa:

- (1) Sự.
- (2) Thể.
- (3) Sai biệt.

Sự: Là thuộc về phần thọ dụng. Ở đây có 2 thứ: (a) Đã thâm giữ thọ dụng. (b) Tưởng thâm giữ. Như kinh nói: “Đối với tất cả tài sản vật dụng hiện có của kẻ khác”.

Thể: Có 2 thứ: (a) Sự việc của đối tượng thọ dụng tức như vàng, bạc v.v... (b) Sự việc thọ dụng cho đời sống như thức ăn uống, y phục v.v... Như kinh nói: “Do kẻ khác thọ dụng”. Tánh không tham là đối trị tâm tham, như kinh nói: “Không sinh tâm tham”.

Sai biệt ở đây đối trị **3** thứ tham: (a) Hành theo nẻo mong muốn. (b) Hành theo nẻo đạt được. (c) Hành theo nẻo chiếm đoạt. Đối trị những thứ ấy, như kinh nói: “Không cầu, không mong nên không sinh tâm tham”. Trong đó, hai thứ đầu là vi tế, thứ ba là thô trọng.

* **Kinh nói:** “*Lìa bỏ tâm sân hận, đối với hết thảy chúng sinh thường khởi tâm từ, sinh tâm an ổn, tâm thương xót, tâm an vui, khởi tâm tạo lợi lạc, tâm gồm thâm tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Các thứ vọng tưởng cấu uế v.v... hiện có như sân hận, ganh ghét, não hại, thấy đều xa lìa. Hết thảy những thứ hiện có đều thuận theo từ bi, khéo tu tập để thành tựu tất cả công hạnh*”.

* **Luận nêu: Dựa nơi việc lìa bỏ tâm sân:** Tức đối trị chương ngại, là vì **5** loại chúng sinh mà nói.

(1) Đối với loại oán thù, nên sinh khởi tâm từ bi. Như kinh nói: “Thường khởi tâm từ”.

(2) Đối với các chúng sinh làm ác. Như kinh nói: “Sinh tâm an ổn”.

(3) Đối với các chúng sinh bần cùng, xin ăn, khổ sở. Như kinh nói: “Sinh tâm thương xót, tâm an vui”.

(4) Đối với các chúng sinh ưa thích đắm nhiễm nơi phiền não. Như kinh nói: “Khởi tâm tạo lợi lạc”.

(5) Đối với các chúng sinh phát tâm Bồ-đề, Bồ-tát càng siêng năng chịu khó nhọc, vất vả trong việc hành trì vô lượng lợi ích. Như kinh nói: “Tâm gồm thâm tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh”.

Tâm từ ấy v.v... có sáu thứ chương ngại. Ở đây không phân biệt, cũng không mỗi mỗi đối chiếu. Đối với trường hợp chưa sinh oán thù thì có thể khiến sinh, đã sinh rồi thì theo đây làm cho tăng trưởng. Trường hợp chưa sinh thân thiện thì khiến chẳng sinh, đã sinh rồi thì khiến không tăng trưởng.

Nơi tự thân, pháp thiện chưa sinh thì khiến chẳng sinh, đã sinh rồi thì khiến diệt mất. Đối với pháp bất thiện chưa sinh thì khiến có thể sinh, đã sinh rồi thì khiến tăng trưởng.

Nơi thân người khác, sự việc không yêu thích chưa sinh thì khiến sinh, đã sinh rồi thì khiến tăng trưởng. Sự việc yêu thích chưa sinh thì khiến không sinh, đã sinh rồi thì chẳng khiến tùy thuận. Như kinh nói: “Các thứ vọng tưởng cấu uế v.v... hiện có như sân hận, ganh ghét, não hại, thấy đều xa lìa”.

Nơi kinh này, theo thứ lớp của câu văn đã nói đến vô lượng hành ác căn bản như ở đây là sân hận v.v..., nên nói đều cùng lìa bỏ những thứ ấy.

Phần còn lại tùy theo chỗ nhớ nghĩ, tất cả đều dùng tâm từ tạo lợi ích. Như kinh nói: “Hết thấy những thứ hiện có đều thuận theo từ bi, khéo tu tập để thành tựu tất cả công hạnh”.

*** Kinh nói:** *“Lìa bỏ tà kiến, thuận theo chánh đạo, trừ bỏ các thứ xem tướng đoán chuyện lành dữ. Xa lìa kiến chấp của giới xấu ác, tu tập theo kiến giải đúng đắn. Không gian dối, không đua nịnh, quanh co. Quyết định tin tưởng hoàn toàn nơi Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Bỏ-tát như thế là ngày đêm luôn hộ trì mười đạo nghiệp thiện”.*

*** Luận nêu: Dựa nơi chánh kiến:** Gồm có 7 thứ kiến giải cần đối trị.

(1) Kiến giải của Thừa khác: Đối trị điều này, như kinh nói: “Thuận theo chánh đạo”.

(2) Kiến giải do phân biệt hư vọng.

(3) Kiến giải do *giới cảm thủ* cho là thanh tịnh: Đối trị điều này, như kinh nói: “Trừ bỏ các thứ xem tướng đoán chuyện lành dữ. Xa lìa kiến chấp của giới xấu ác”. Kiến chấp của giới xấu ác là tự chấp giữ chỗ kiến giải của mình.

(4) Tự cho là chánh kiến: Đối trị điều này, như kinh nói: “Tu tập theo kiến giải đúng đắn”.

(5) Kiến giải do che giấu.

(6) Kiến giải trá hiện không thật: Đối trị điều này, như kinh nói: “Không gian dối, không dua nịnh, quanh co”.

(7) Kiến giải không thanh tịnh: Nghĩa là kiến giải của thế gian. Đối trị điều này, như kinh nói: “Quyết định tin tưởng hoàn toàn nơi Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng”.

Như thế là đã nói về giới lìa bỏ tất cả các thứ.

Lại nói về giới thanh tịnh do xa lìa khiến tăng thượng, không gián đoạn, không thiếu sót, luôn hộ trì. Như kinh nói: “Bồ-tát như thế là ngày đêm luôn hộ trì mười đạo nghiệp thiện”.

Như vậy là đầy đủ tất cả các thứ cần xa lìa, giới tánh thành tựu, lại chỉ rõ sự không gián đoạn, không thiếu sót.

*

2. Thế nào là Giới thanh tịnh do thâm giữ pháp thiện? Nghĩa là Bồ-tát suy nghĩ v.v... như nơi kinh theo thứ lớp nêu bày.

** Kinh nói: “Bồ-tát suy nghĩ: Hết thấy chúng sinh bị đọa nơi các đường ác đều do không xa lìa nhân duyên tập khởi là mười thứ đạo nghiệp bất thiện. Do vậy, Ta trước hết nên trụ nơi pháp thiện, cũng khiến cho người khác trụ nơi pháp thiện. Vì sao? Vì nếu người tự mình không hành thiện, không có đủ hạnh thiện, vì người khác thuyết pháp khiến họ trụ nơi nẻo thiện, là điều không thể có”.*

** Luận nêu: Đọa nơi các đường ác: Gồm có 3 thứ nghĩa:*

(1) Nhân nơi hành ác mà đi đến.

(2) Nương dựa nơi tự thân có thể sinh ra khổ não.

(3) Thường rơi vào nơi chốn có vô số tướng khổ.

Do đâu nói mười đạo nghiệp bất thiện? Nghĩa là do thâm tóm đủ khắp số lượng của tất cả quả ác.

Thâm tóm đủ khắp số lượng của tất cả quả ác: Tức nói về mười đạo nghiệp bất thiện.

Số lượng: Tức chỉ việc thâm giữ mười tên gọi.

Ác: Tức là bất thiện.

Quả: Tức bị đọa nơi ba nẻo ác (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh), thật đáng thương.

Đủ khắp: (Đáo): Tức là thâm giữ lấy nghiệp.

Nhân tập khởi: Tức là thọ hành.

Bồ-tát như thế là xa lìa, không có nhân điên đảo, nhờ đó khéo lãnh hội về việc chúng sinh tự hành nghiệp ác, trụ nơi chốn phi pháp, không thể xa lìa. Bồ-tát tư duy có được sự tịch tĩnh sâu xa, muốn cứu độ các chúng sinh kia, tự nhận biết là có khả năng thực hiện được. Lại quán xét về chướng ngại, sự đối trị nơi đạo nghiệp bất thiện và quả, nơi đạo nghiệp thiện và quả, cùng sự thanh tịnh tối thượng để phát khởi tâm tăng thượng, cầu học, tu tập, hành trì giới thanh tịnh do thâm giữ pháp thiện.

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy lại suy nghĩ sâu xa: Do nhân duyên tập khởi là hành mười đạo nghiệp bất thiện, nên bị đọa nơi ba nẻo ác. Do nhân duyên tập khởi là hành mười đạo nghiệp thiện, nên được sinh trong nẻo người, cho đến sinh nơi cõi Hữu đảnh. Lại, mười đạo nghiệp thiện nêu trên ấy, cùng với trí tuệ quán xét, hòa hợp tu hành, nhưng do tâm hẹp kém, tâm chán sợ ba cõi, do xa lìa đại bi, theo người khác, nghe âm thanh mà thông đạt, nghe âm thanh mà ý hiểu rõ, nên thành tựu thừa Thanh văn*”.

*** Luận nêu:** *Trí tuệ quán xét:* Là quán xét về thật tướng. Nẻo ác là Khổ. Đạo nghiệp bất thiện là Tập. Xa lìa chúng là Diệt. Đối trị chúng là Đạo. Lại nữa, nẻo thiện là Khổ. Đạo nghiệp thiện là Tập.

Lìa các sử kia là Diệt. Đối trị chúng là Đạo. Trí tuệ cùng quán xét, tu hành không phân biệt.

Thanh văn có 5 thứ tướng:

- (1) Tập nhân.
- (2) Sợ khổ.
- (3) Xả bỏ tâm.
- (4) Nương dựa.
- (5) Quán xét.

Tính chất hẹp, kém v.v... như thế là tâm Thanh văn.

Tập nhân: Tức tu hành về căn thiện còn ít, mỏng, chỉ dựa vào lợi ích của tự thân. Như kinh nói: “Tâm ấy hẹp, kém”.

Sợ khổ: Như kinh nói: “Tâm chán sợ ba cõi”.

Xả bỏ tâm: Là xả bỏ các chúng sinh. Như kinh nói: “Do xa lìa đại bi”.

Nương dựa: Là nương vào sự giảng dạy trao truyền của thầy.

Quán xét: Là nhớ nghĩ về âm thanh. Thế nào là âm thanh? Tức ngã và chúng sinh chỉ có tên gọi. Như vậy ngã và chúng sinh kia theo âm thanh mà lãnh hội. Hội nhập nơi chúng sinh vô ngã không phải là pháp vô ngã. Như kinh nói: “Theo người khác nghe âm thanh mà thông đạt, nghe âm thanh mà ý hiểu rõ v.v...”.

** Kinh nói:* “Lại, mười đạo nghiệp thiện thanh tịnh nêu trên ấy, không theo người khác để nghe, tự mình giác ngộ về chánh pháp, không thể gồm đủ phương tiện đại bi nhưng có thể thông đạt pháp nhân duyên sâu xa, thành tựu thừa Phật-bích-chi”.

** Luận nêu:* Phật-bích-chi có 3 thứ tướng:

- (1) Tự giác ngộ.
- (2) Không thể thuyết pháp.

(3) Quán xét một phần ít cảnh giới.

Không nhờ Phật và các Bồ-tát thuyết pháp, chỉ tự giác ngộ. Như kinh nói: “Không theo người khác để nghe, tự mình giác ngộ về chánh pháp”.

Không khởi tâm nêu giảng, không kham nổi việc thuyết pháp. Như kinh nói: “Không thể gồm đủ phương tiện đại bi”.

Quán xét các hành nơi cảnh giới của nhân duyên vi tế. Như kinh nói: “Nhưng có thể thông đạt pháp nhân duyên sâu xa, thành thừa Phật-bích-chi”.

Tập nhân, sợ khổ, xả bỏ chúng sinh, Phật-bích-chi cũng có các pháp ấy. Các sự việc thù thắng hiện có, trong đó đã nêu bày.

** Kinh nói: “Lại nữa, mười đạo nghiệp thiện thanh tịnh tối thượng ấy đã gồm đủ tâm rộng lớn vô lượng kia, đối với các chúng sinh khởi tâm thương xót, phương tiện gồm thâu, nên khéo phát khởi đại nguyện, không xả bỏ tất cả chúng sinh, quán xét trí tuệ Phật rộng lớn. Địa Bồ-tát thanh tịnh. Ba-la-mật thanh tịnh, thành tựu việc hội nhập nơi các hành sâu rộng”.*

** Luận nêu: Bồ-tát có 4 thứ tướng:*

- (1) Tập nhân.
- (2) Dụng.
- (3) Diệu lực.
- (4) Chỗ dựa của địa (Cảnh giới).

Tất cả căn thiện được phát khởi, hành trì. Dựa nơi tất cả chúng sinh để tạo lợi ích. Tâm Đại thừa rộng lớn vô lượng. Đây là *Tích tập về nhân*. Như kinh nói: “Lại nữa, mười đạo nghiệp thiện thanh tịnh tối thượng ấy đã gồm đủ tâm rộng lớn vô lượng kia”.

Thấy các chúng sinh tạo tác nhân khổ cùng khi thọ quả khổ, khởi tâm thương xót, dựa nơi các chúng sinh ấy để tạo lợi ích, đó là

Dụng của Bồ-tát. Như kinh nói: “Đối với các chúng sinh khởi tâm thương xót”.

Diệu lực tức là bốn Nhiếp pháp. Như kinh nói: “Phương tiện gồm sáu”.

Địa (Cảnh giới) có ba thứ: (a) Cảnh giới của tâm sâu xa thanh tịnh, được mang tên nơi mười đại nguyện. Như kinh nói: “Nên khéo phát khởi đại nguyện”. (b) Cảnh giới không thoái chuyển: Đạt được hạnh vắng lặng rồi nhưng không xả bỏ việc giải thoát cho chúng sinh. Như kinh nói: “Không xả bỏ tất cả chúng sinh”. (c) Cảnh giới thọ nhận quả vị lớn: Do đó cần chứng đắc trí tuệ rộng lớn của Phật. Như kinh nêu: “Quán xét trí tuệ Phật rộng lớn”.

Địa Bồ-tát thanh tịnh, Ba-la-mật thanh tịnh, thành tựu việc hội nhập nơi các hành sâu rộng: Trong đó chỉ nói Địa Bồ-tát rộng lớn, thành tựu đầy đủ các phương tiện. Do đâu lại nói địa thanh tịnh, Ba-la-mật thanh tịnh? Nghĩa là do có sự thanh tịnh hơn hết, trên hết. Là pháp thanh tịnh bậc nhất. Hiện bày chỗ thành tựu hạnh sâu rộng của Bồ-tát.

Đệ nhất nghĩa: Là nghĩa của Ba-la-mật.

* **Kinh nói**: “Lại nữa, mười đạo nghiệp thiện hơn hết, trên hết ấy, là diệu lực của mười lực nơi Nhất thiết chủng thanh tịnh, tích tập tất cả pháp Phật khiến được thành tựu. Do đó, Ta nên cùng hành trì mười đạo nghiệp thiện, tu tập Nhất thiết chủng, khiến đầy đủ thanh tịnh”.

* **Luận nêu**: Thượng thượng (Hơn hết, trên hết): Có 4 thứ nghĩa làm rõ tính chất “Thượng thượng”:

- (1) Diệt trừ.
- (2) Xả bỏ.
- (3) Phương tiện.
- (4) Không chán đủ.

Đạo nghiệp bất thiện cùng tập khí được *diệt trừ*, nên nghiệp thiện thành tựu, tựu tại.

Xả bỏ là đối với thừa Thanh văn và Phật-bích-chi.

Phương tiện là tính chất thiện xảo nơi thừa Bồ-tát, nên *không chán đủ* đối với các thứ còn lại khác. Trong Nhất thiết trí, đạt trí tự tại. Nhất thiết chủng khiến càng thanh tịnh. Như kinh nói: “Lại nữa, mười đạo nghiệp thiện hơn hết, trên hết ấy, là diệu lực của mười lực nơi Nhất thiết chủng thanh tịnh, tích tập tất cả pháp Phật khiến được thành tựu. Do đó, Ta nên cùng hành trì mười đạo nghiệp thiện, tu tập Nhất thiết chủng, khiến đầy đủ thanh tịnh”.

Hàng phục các thứ ma oán, khiến hàng Tiểu thừa tạo sự tăng thượng, hiển bày diệu lực nơi pháp Phật, nên biết.

*

3. Thế nào là Giới thanh tịnh do đem lại lợi ích cho chúng sinh? Nghĩa là giới tăng thượng dựa nơi tâm đại bi tạo lợi ích cho chúng sinh có 5 thứ nghĩa:

a. Trí.

b. Nguyện.

c. Tu hành.

d. Tích tập.

đ. Tích tập quả.

a. Thế nào là Trí? Trí có 3 thứ tướng:

(1) Sai biệt của thời.

(2) Sai biệt của quả báo.

(3) Sai biệt của quả nơi tập khí.

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy lại suy nghĩ: Mười đạo nghiệp bất thiện này, kẻ tạo tác thuộc hạng nặng là nhân duyên của địa ngục. Hạng*

trung bình là nhân duyên của súc sinh. Hạng nhẹ là nhân duyên của ngựa quý. Trong đó:

Tội sát sinh có thể khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác. Nếu sinh nơi nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là thọ mạng ngắn ngủi. Hai là nhiều bệnh tật. Tội trộm cắp cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là bần cùng. Hai là có của cải chung không được tự tại. Tội tà dâm cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào ba đường ác. Nếu sinh nơi nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là vợ không trinh thuận. Hai là vợ cùng tranh chấp, không theo tâm ý mình.

Tội nói dối cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là bị nhiều người phỉ báng. Hai là luôn bị nhiều kẻ dối gạt. Tội nói hai lưỡi cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào ba đường ác. Nếu sinh làm người thì bị hai thứ quả báo: Một là bị hàng thân thuộc phá hoại. Hai là hàng thân thuộc đều là kẻ xấu ác thậm tệ. Tội nói lời thô ác cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là thường nghe các âm thanh xấu ác. Hai là các thứ ngôn thuyết luôn có sự tranh chấp kiện tụng. Tội nói lời thêu dệt cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là giảng điều chân chánh, người nghe không tin, thọ. Hai là các thứ ngôn thuyết hiện có đều không thể hiện giải.

Tội tham dục cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là tham muốn về của cải không biết chán đủ. Hai là nhiều mong cầu luôn không theo ý. Tội sân hận cũng khiến cho chúng sinh bị đọa nơi ba đường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là luôn bị kẻ khác tìm kiếm, soi mói về chỗ hơn kém của mình. Hai là

thường bị kẻ khác gây ão hại. Tội tà kiến cũng khiến cho chúng sinh bị ñọa vào ba ñường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là thường sinh vào nhà tà kiến. Hai là tâm luôn quanh co, ñua nịnh.

Này các Phật tử! Mười ñạo nghiệp bất thiện như thế ñều là nhân duyên của các khối khổ lớn”.

***Luận nêu:** *Sai biệt của thời:* Là dựa vào sự sai biệt về thượng, trung, hạ nơi nhân quả của ñạo nghiệp bất thiện. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy lại tư duy: Mười ñạo nghiệp bất thiện này, kẻ tạo tác thuộc hạng nặng là nhân duyên của ñịa ngục. Hạng trung bình là nhân duyên của súc sinh. Hạng nhẹ là nhân duyên của ngạ quỷ”.

Trước ñã xét chung về nhân của ñạo nghiệp bất thiện. Nay, xét riêng về quả báo nơi tất cả các chốn ác. Như kinh nói: “Tội sát sinh có thể khiến cho chúng sinh bị ñọa vào ba ñường ác v.v... cho ñến: Tội tà kiến cũng khiến cho chúng sinh bị ñọa vào ba ñường ác. Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là thường sinh vào nhà tà kiến. Hai là tâm luôn quanh co, ñua nịnh”.

Quả của tập khí: Tức nơi con người mỗi mỗi ñều có hai thứ quả. Như kinh nói: “Nếu sinh nơi nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là thọ mạng ngắn ngủi. Hai là nhiều bệnh tật. Cho ñến: Nếu sinh vào nẻo người thì bị hai thứ quả báo: Một là thường sinh vào nhà tà kiến. Hai là tâm luôn quanh co, ñua nịnh”.

Sai biệt của quả báo theo thời gian: Tức là chỉ rõ sự khổ ão sâu nặng. Chỉ rõ như thế nào? Thấp nhất là trong nẻo ngạ quỷ, là sâu. Hạng giữa là lại thêm sâu. Hạng trên là càng sâu nặng.

Sai biệt của quả nơi tập khí: Tức tùy thuận ñến trong ñường thiện. Hợp quán chung riêng về vô lượng khổ lớn trong ñường ác. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Mười ñạo nghiệp bất thiện như thế ñều là nhân duyên của các khối khổ lớn”.

b. Thế nào là Nguyện?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta phải xa lìa mười đạo nghiệp bất thiện, ưa thích hành pháp hành*”.

* **Luận nêu:** *Nguyện* là nghĩa lại ưa thích hành pháp Đại thừa, tạo lợi ích cho chúng sinh, gồm sáu pháp thiện. Như kinh nói: “*Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta phải xa lìa mười đạo nghiệp bất thiện, ưa thích hành pháp hành*”.

c. Thế nào là Tu hành?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát xa lìa mười đạo nghiệp bất thiện, an trụ nơi mười đạo nghiệp thiện, cũng khiến người khác an trụ nơi mười đạo nghiệp thiện*”.

* **Luận nêu:** *Tu hành:* Là tự an trụ nơi pháp thiện, xa lìa các chướng ngại kia. Tu hành nhằm đối trị tức cũng khiến cho chúng sinh trụ nơi pháp thiện. Như kinh nói: “*Bồ-tát xa lìa mười đạo nghiệp bất thiện, an trụ nơi mười đạo nghiệp thiện, cũng khiến người khác an trụ nơi mười đạo nghiệp thiện*”.

d. Thế nào là Tích tập?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, lại ở trong tất cả chúng sinh, sinh khởi tâm an ổn, tâm đem lại an lạc, tâm từ, tâm bi, tâm thương xót, tâm tạo lợi ích, tâm giữ gìn, tâm ngã (Tâm xem như ta), tâm sư (Tâm xem như thầy), tâm sinh tôn kính*”.

* **Luận nêu:** *Tích tập:* Là dựa nơi tâm bi tăng thượng. Lại vì nhớ nghĩ đến chúng sinh nên sinh khởi mười thứ tâm.

Lại nữa, tâm ấy là vì 8 loại chúng sinh nên sinh khởi:

(1) Đối với chúng sinh hành ác: Nhằm khiến họ trụ nơi hành thiện. Như kinh nói: “*Tâm an ổn*”.

(2) Đối với chúng sinh khổ não: Nhằm khiến họ có đủ an lạc không cùng tận. Như kinh nói: “*Tâm đem lại an lạc*”.

(3) Đối với chúng sinh oán ghét: Không nhớ nghĩ đến việc gia tăng trả thù. Như kinh nói: “Tâm từ”.

(4) Đối với chúng sinh bản cùng: Nhằm khiến xa lìa các thứ khổ ấy. Như kinh nói: “Tâm bi”.

(5) Đối với chúng sinh nhiều hoan lạc: Nhằm khiến họ không phóng dật. Như kinh nói: “Tâm thương xót”.

(6) Đối với các chúng sinh thuộc ngoại đạo: Nhằm khiến họ hiện tại tin tưởng nơi pháp Phật. Như kinh nói: “Tâm tạo lợi ích”.

(7) Đối với các chúng sinh đồng hành: Nhằm giúp họ không thoái chuyển. Như kinh nói: “Tâm giữ gìn”.

(8) Đối với hết thảy chúng sinh đã phát nguyện gồm thâu đạo quả Bồ-đề thì xem như là thân mình. Các chúng sinh ấy tức là thân ta. Như kinh nói: “Tâm xem như ta”.

Sinh khởi hai tâm còn lại: Quán xét các chúng sinh kia, nhân nơi đạo Đại thừa, tiến tới tích tập đầy đủ công đức. Như kinh nói: “Tâm xem như thầy, tâm sinh tôn kính”.

đ. Thế nào là Tích tập quả? Là chỗ thâu tóm của tâm bi thù thắng nhằm khiến càng thù thắng.

Lại nữa, dựa nơi *điên đảo tăng thượng làm đầu* đối với ba loại chúng sinh:

(1) Cầu Dục.

(2) Cầu Hữu.

(3) Cầu Phạm hạnh.

Chúng sinh cầu Dục có hai thứ: (1) Lúc thọ dụng. (2) Lúc theo đuổi tìm cầu.

Thọ dụng có ba thứ: (a) Thọ dụng của cải không chung. (b) Thọ dụng của cải không biết chán đủ. (c) Thọ dụng của cải tích trữ.

Theo đuổi tìm cầu có hai thứ: (a) Theo đuổi tìm cầu quả báo hiện tại, nhân nơi các hành ác. (b) Theo đuổi tìm cầu quả báo về sau, nhân nơi các hành thiện.

Chúng sinh cầu Hữu cũng có hai thứ: (1) Sai biệt về đạo. (2) Sai biệt về cảnh giới.

Chúng sinh cầu Phạm hạnh cũng có hai thứ: (1) Tà kiến như các ngoại đạo v.v... (2) Chánh kiến như hàng Tiểu thừa đồng pháp v.v...

Các chúng sinh kia hướng tới đạo như thế, tùy thuận nhằm đối trị khiến họ an trụ nơi chốn ứng hợp.

Thế nào là Điên đảo làm đầu?

* ***Kinh nói:*** “*Bồ-tát lại suy nghĩ: Các chúng sinh ấy rơi vào rừng rậm tà kiến, ý ác, tâm ác, hành theo đạo ác. Ta nên khiến các chúng sinh kia hành theo đạo chân thật, trụ trong pháp như thật của đạo chánh kiến*”.

* ***Luận nêu:*** Nơi đoạn này:

Tà kiến: Tức là bốn điên đảo. Điên đảo này, hai thứ gọi là Ý ác, chuyên nhớ nghĩ về hành. Hai thứ gọi là Tâm ác, không chuyên nhớ nghĩ về hành, tức là tưởng chấp về ngã tịnh. Vì đây không phải là chánh đạo mà là nhân nơi hành của rừng rậm.

Không phải là chánh đạo: Là các thứ phiền não.

Rừng rậm: Là phiền não, kiết sử. Như kinh nói: “*Bồ-tát lại suy nghĩ: Các chúng sinh ấy rơi vào rừng rậm tà kiến, ý ác, tâm ác, hành theo đạo ác*”. Các chúng sinh kia nên tùy thuận dùng diệu pháp để đối trị theo nẻo chánh niệm, chánh kiến nơi pháp xuất thế gian. Như kinh nói: “*Ta nên khiến các chúng sinh kia hành theo đạo chân thật, trụ trong pháp như thật của đạo chánh kiến*”.

Thế nào là Thọ dụng của cải không chung?

* **Kinh nói:** “*Các chúng sinh ấy đều cùng hủy hoại lẫn nhau, phân biệt ta, người, thường cùng tranh giành, đấu đá, ngày đêm sân hận bùng phát không dứt. Ta nên khiến các chúng sinh đó an trụ nơi pháp Đại từ vô thượng*”.

* **Luận nêu:** *Thọ dụng của cải không chung:* Là cùng hủy hoại lẫn nhau. Hủy hoại có 2 thứ: (1) Đối oán ở trong tâm. (2) Tranh giành, đấu đá trong lời nói. Sự hủy hoại như thế khiến luôn nhớ nghĩ, tạo báo thù, làm tăng trưởng các hành động hung dữ. Như kinh nói: “*Các chúng sinh ấy đều cùng hủy hoại lẫn nhau, phân biệt ta, người, luôn tranh giành, đấu đá, ngày đêm sân hận bùng phát không dứt*”.

Đối oán ở trong tâm, phân biệt ta, người: Câu này chỉ rõ sự tranh giành, đấu đá ở trong lời nói.

Thường cùng tranh giành, đấu đá: Câu này chỉ rõ việc nhớ nghĩ, tạo thù, làm tăng trưởng các hành động hung dữ.

Ngày đêm sân hận bùng phát không dứt: Câu này chỉ rõ các chúng sinh kia nên tùy thuận, đem tâm đại từ tạo lợi ích để đối trị. Như kinh nói: “*Ta nên khiến các chúng sinh đó trụ nơi pháp Đại từ vô thượng*”.

Thế nào là Thọ dụng của cải không biết chán đủ?

* **Kinh nói:** “*Các chúng sinh ấy tâm không biết chán đủ, thường mong cầu tài sản của người khác, sinh sống theo tà mạng. Ta nên khiến các chúng sinh đó an trụ trong ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh nơi pháp chánh mạng*”.

* **Luận nêu:** *Thọ dụng của cải không biết chán đủ:* Có 2 thứ: (1) Tham lam ở trong tâm. (2) Ở nơi thân, miệng, dùng các phương tiện như cần, đong, nói dối để chiếm đoạt. Như kinh nói: “*Các chúng*

sinh ấy tâm không biết chán đủ, thường mong cầu tài sản của người khác, sinh sống theo tà mạng”.

Các chúng sinh kia nên tùy thuận để đối trị khiến ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, tự sinh sống theo chánh mạng. Như kinh nói: “Ta nên khiến các chúng sinh đó an trụ trong ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh nơi pháp chánh mạng”.

Thế nào là Thọ dụng của cải tích trữ?

* **Kinh nói:** “*Các chúng sinh ấy do chạy theo tham dục, sân hận, ngu si nên luôn bị vô số các thứ phiền não bùng cháy thiêu đốt, không thể dốc cầu phương tiện để giải thoát. Ta nên khiến các chúng sinh đó diệt trừ tất cả lửa dữ phiền não, ở yên nơi chốn mát mẻ, không sợ hãi*”.

* **Luận nêu:** Thọ dụng của cải tích trữ: Do Thế của nhân như tham v.v... vượt hơn sự nhiễm đắm kia, nên đối với chỗ thọ dụng bị mất mát thì khởi tâm giận dữ.

Trong sự thọ dụng của thứ quý báu kia, phần nhiều ưa thích về cảnh giới nên luôn bị lửa phiền não đốt cháy dữ dội. Do không thấy lỗi lầm ấy nên không có ý cầu xuất ly. Như kinh nói: “Các chúng sinh ấy do chạy theo tham dục, sân hận, ngu si nên luôn bị vô số các thứ phiền não bùng cháy thiêu đốt, không thể dốc cầu phương tiện để giải thoát”.

Các chúng sinh đó nên tùy thuận để đối trị, diệt trừ tất cả phiền não để đạt đến nơi chốn mát mẻ. Như kinh nói: “Ta nên khiến các chúng sinh đó diệt trừ tất cả lửa dữ phiền não, ở yên nơi chốn mát mẻ, không sợ hãi”.

Thế nào là Theo đuổi tìm cầu quả báo hiện tại, nhân nơi các hành ác?

* **Kinh nói:** “*Các chúng sinh ấy thường bị ngu si tối tăm, vọng kiến phủ dày, vô minh đen ngòm che lấp, nên đi vào nẻo rùng rậm*

phiền não hết sức mờ mịt, xa lìa ánh sáng trí tuệ, rơi vào chốn tăm tối mênh mông, tùy theo chỗ thấy biết là đã đi đến vô số đường hiểm ác. Ta nên khiến các chúng sinh kia đạt được mắt tuệ thanh tịnh không chướng ngại, dùng mắt tuệ ấy để nhận biết về tướng như thật của tất cả pháp, đạt được trí nhận biết tất cả như thật không chướng ngại không theo kẻ khác”.

*** Luận nêu:** Theo đuổi tìm cầu quả báo hiện tại, nhân nơi các hành ác: Tức đã có ngu si tối tăm, vọng kiến phủ dày, vô minh (Hắc ám) che lấp, vượt hơn vọng kiến về lạc, nên không thấy lỗi lầm của quả báo thật nơi vị lai, cũng không thấy lỗi lầm của quả báo thật nơi hiện tại. Như kinh nói: “Các chúng sinh ấy thường bị ngu si tối tăm, vọng kiến phủ dày, vô minh đen ngòm che lấp”.

Ngu si: Tức là tối tăm, mờ mịt. *Vọng kiến:* Tức ưa thích kiến chấp điên đảo.

Phủ dày: Là không thấy lỗi lầm của quả báo thật nơi vị lai. *Hắc ám (Vô minh):* Là không thấy lỗi lầm của quả báo thật nơi hiện tại.

Ngu si ấy do tràn đầy nên khiến việc làm trở thành lỗi lầm cùng xa lìa nơi chốn của trí vô lậu. Chúng gây chướng ngại cho hành thiện, thuận theo hành bất thiện. Như kinh nói: “Nên đi vào nẻo rừng rậm phiền não hết sức mờ mịt, xa lìa ánh sáng trí tuệ v.v...”.

Rừng rậm: Là nhân khiến ngu si.

Lớn (Đại): Là đầy khắp, nên thọ nhận lỗi lầm đáp lại là hết sức lớn. Như kinh nói: “Rơi vào chốn tăm tối mênh mông”.

Ở đây, đáp lại là chỉ rõ về sự tăm tối. Như người đi trong tối tăm thì nơi nơi bị chướng ngại. Pháp tương tự như thế. Thọ nhận các sự việc đáp lại lớn chính là đi đến các đường ác. Vì thế gọi là rơi vào chốn gây tạo nhiều nhân tội lỗi. Vào lúc lâm chung thấy rõ tướng ác báo, tâm sinh hối hận, thấy biết lỗi lầm. Như kinh nói: “Tùy theo chỗ thấy biết là đã đi đến vô số đường hiểm ác”.

Thấy biết đường hiểm: Tức hồi hận, nhận biết. Thấy biết về tướng của tội gốc, nhưng không thể tích tập để đối trị chúng theo chánh kiến.

Tùy theo chỗ thấy biết kia: Tức chỉ vào lúc sắp qua đời, các chúng sinh kia thuận theo sự đối trị, nhờ vào pháp như thật khiến đạt được mắt tuệ thanh tịnh không chướng ngại. Như kinh nói: “Ta nên khiến các chúng sinh kia đạt được mắt tuệ thanh tịnh không chướng ngại, dùng mắt tuệ ấy để nhận biết về tướng như thật của tất cả pháp, đạt được trí nhận biết tất cả như thật không chướng ngại, không theo kẻ khác”.

Thế nào là Theo đuổi tìm cầu quả báo về sau, nhân nơi các hành thiện?

* ***Kinh nói:*** “*Các chúng sinh ấy thuận theo đường hiểm sinh tử nơi thế gian, nên bị rơi vào hầm sâu của ba đường ác, bị cuốn vào lưới ác kiến, bị vô số các thứ rừng rậm ngu si che phủ, chạy theo nẻo hư vọng tạo các hành điên đảo, luôn bị mù lòa, nên xa lìa bậc Đạo sư có trí tuệ. Không phải là nơi chốn của đạo giải thoát mà tưởng chấp cho là giải thoát, lầm lạc theo cõi ma, bị các thứ giặc oán thù tóm, xa lìa bậc Đạo sư thiện xảo, đi vào chốn rừng rậm của ý ma, xa lìa ý Phật. Ta nên cứu vớt các chúng sinh kia ra khỏi vô số các thứ khổ, vượt qua các nẻo hiểm khó nơi thế gian, đặt yên họ ở chốn không sợ hãi, khiến an trụ nơi thành lớn Nhất thiết trí”.*

* ***Luận nêu:*** *Theo đuổi tìm cầu quả báo về sau, nhân nơi các hành thiện:* Là thuận theo lối lầm nơi đường hiểm. Như kinh nói: “Các chúng sinh ấy thuận theo đường hiểm sinh tử nơi thế gian v.v...”.

Đường hiểm kia có 3 thứ:

- (1) Tự thể.
- (2) Chướng ngại.
- (3) Tôn thất.

Tự thể: Tức tính chất ít căn thiện của thế gian.

Chương ngại: Có 8 thứ:

(a) Cầu ra khỏi, nhưng lại thuận theo thế gian, bị đọa vào ba đường ác. Như kinh nói: “Nên bị rơi vào hầm sâu của ba đường ác”.

(b) Bị cuốn vào lưới: Ở trong quả khổ, vọng sinh an lạc. Như kinh nói: “Bị cuốn vào lưới ác kiến”.

(c) Bị các thứ rừng rậm tối tăm che phủ: Nhân nơi ngu si kia nên khiến bị che phủ. Vì họ nêu giảng về nhân của khổ mà không nhận biết. Như kinh nói: “Bị vô số các thứ rừng rậm ngu si che phủ”.

(d) Hành theo đường điên đảo, xả bỏ sự an lạc chân thật, vọng theo đạo tà. Như kinh nói: “Chạy theo nẻo hư vọng tạo các hành điên đảo”.

(đ) Chịu quả mù tối, tham đắm chỗ mù lòa của ái dục. Như kinh nói: “Luôn bị mù lòa”.

(e) Xa lìa bậc thầy dẫn đường, sinh trong đường ác, cùng tạo các lỗi lầm như phóng dật v.v..., tuy gặp đời có Phật mà không thấy không nghe. Như kinh nói: “Nên xa lìa bậc Đạo sư có trí tuệ”.

(f) Mong cầu Niết-bàn mà lại hướng tới nơi chốn khác kia: Tức đối với Phạm thiên v.v... các hàng phạm hạnh nơi thế gian, cho là chánh kiến xuất thế gian. Như kinh nói: “Không phải là nơi chốn của đạo giải thoát mà tưởng chấp cho là giải thoát”.

(g) Đi theo cảnh giới của ma, giặc oán, tham đắm các dục, cướp hết công đức, khiến không tích tập. Như kinh nói: “Lầm lạc theo cõi ma, bị các thứ giặc oán thâm tóm”.

Tôn thất: Có 3 thứ:

(a) Lìa bậc Đạo sư thiện, dựa vào chốn bất thiện. Như kinh nói: “Xa lìa bậc Đạo sư thiện xảo”.

(b) Nương dựa nơi cảnh giới oán. Như kinh nói: “Đi vào chốn rừng rậm của ý ma”.

(c) Xa lìa nơi tạo ra thiện tri thức. Như kinh nói: “Xa lìa ý Phật”.

Các chúng sinh này nên được tùy thuận để đối trị. Dùng pháp như thật, khiến ra khỏi thế gian, an trụ nơi chốn Nhất thiết trí. Như kinh nói: “Ta nên cứu vớt các chúng sinh kia ra khỏi vô số các thứ khổ, vượt qua các neo hiểm khó nơi thế gian, đặt yên họ ở chốn không sợ hãi, khiến an trụ nơi thành lớn Nhất thiết trí”.

Thế nào là Sai biệt về đạo của chúng sinh cầu Hữu?

*** Kinh nói:** “Các chúng sinh ấy bị sóng dữ của dòng thác lớn nhận chìm. Bị trôi nổi theo bốn dòng chảy: Dòng chảy của dục, dòng chảy của hữu, dòng chảy của kiến chấp và dòng chảy của vô minh. Bị cuốn theo neo chìm nổi của thế gian, đắm nơi sóng lớn ái dục, quanh quẩn nơi dòng nước xoáy dữ dội không thể quán xét đúng đắn. Luôn có những suy tìm xấu ác như dục, sân, nã khiến hành ác càng rộng, nên bị La-sát cầm giữ trong biển nước ái kiến, thuận vào rừng dục, trở lại cầu tìm dục, trong sự cầu tìm dục càng tham ái đắm chấp sâu dày. Vùng đất ngã mạn đã thiêu đốt cháy khô họ, không ai có thể cứu giúp. Ở nơi xóm làng sáu nhập không thể khởi động. Tự lìa hành thiện, không người cứu độ chân chánh. Ta nên đối với các chúng sinh kia khởi tâm đại bi, dùng diệu lực của căn thiện để cứu vớt họ, khiến có được tâm vô úy, vắng lặng, không cầu nhiễm, lìa mọi sợ hãi, an trụ nơi cõi báu của Nhất thiết trí”.

*** Luận nêu:** Sai biệt về đạo của chúng sinh cầu Hữu: Tức chìm đắm nơi sóng lớn lỗi lầm. Như kinh nói: “Các chúng sinh ấy bị sóng dữ của dòng thác lớn nhận chìm”. Sóng dữ nơi dòng thác lớn kia có 3 thứ:

- (1) Tự thế.
- (2) Khó ra khỏi.
- (3) Tôn thất.

Tự thế: Có 5 thứ tướng:

(a) Nước sâu vô lượng. Như kinh nói: “Bị trôi nổi theo bốn dòng chảy (dục, hữu, kiến, vô minh)”.

(b) Trôi theo dòng chảy nơi thế gian, trôi mãi không dứt. Như kinh nói: “Bị cuốn theo nẻo chìm nổi của thế gian”.

(c) Bị chìm nơi biển nước ái. Như kinh nói: “Đắm nơi sông lớn ái dục”.

(d) Trôi nổi bồng bềnh: Niệm niệm không dừng, nên không thấy bờ. Như kinh nói: “Quanh quẩn nơi dòng nước xoáy dữ dội không thể quán xét đứng đắn”.

(đ) Rộng lớn: Xuôi theo tham dục v.v..., suy tìm xấu ác (ác giác) càng rộng lớn. Như kinh nói: “Luôn có những suy tìm xấu ác như dục, sân, nã hại khiến hành ác càng rộng”.

Khó ra khỏi: Có 4 thứ:

(a) Chấp trước nơi ngã, ngã sở như nhà ở, kho chứa, không thể lay động, lia bỏ. Như kinh nói: “Nên bị La-sát cầm giữ trong biển nước ái kiến”.

(b) Vào trở lại: Trước đã lia bỏ dục, lại trở vào nẻo ấy, tăng lên trong sự nhớ nghĩ về dục. Như kinh nói: “Thuận vào rừng dục, trở lại cầu tìm dục”.

(c) Bị vương mắc: Nơi lúc thọ dụng, cầu tìm dục v.v... luôn ưa thích, chấp trước. Như kinh nói: “Trong sự cầu tìm dục càng tham ái đắm chấp sâu dày”.

(d) Ở nơi cùn, bãi: Nơi sự thọ dụng, hành xử, cho ngã v.v... là hơn hết. Ba thứ ngã mạn, tự cao, khinh chê kẻ khác. Như kinh nói: “Vùng đất ngã mạn đã thiêu đốt cháy khô họ, không ai có thể cứu giúp”.

Tồn thất: Có 3 thứ:

(a) Tồn thất vì không ai cứu độ. Tức ở trong đường ác không người cứu vớt.

(b) Tồn thất vì không có ý ra khỏi. Ở trong đường thiện không có tâm xuất ly. Như kinh nói: “Ở nơi xóm làng sáu nhập không thể khởi động”.

(c) Tồn thất do đi đến xứ khác: Sinh nơi các xứ nạn không gặp Phật ở đời. Như kinh nói: “Tự lìa hành thiện, không người cứu độ chân chánh”.

Các chúng sinh kia cần nên tùy thuận để đối trị, dùng pháp như thật khiến trụ nơi xứ Nhất thiết trí. Như kinh nói: “Ta nên đối với các chúng sinh kia khởi tâm đại bi, dùng diệu lực của căn thiện để cứu vớt họ, khiến có được tâm vô úy, vắng lặng, không cầu nhiễm, lìa mọi sợ hãi, an trụ nơi cõi báu của Nhất thiết trí”.

Thế nào là Sai biệt về cảnh giới của chúng sinh cầu Hữu?

* ***Kinh nói***: “Các chúng sinh ấy bị giam giữ nơi lao ngục của thế gian, bị nhiều thứ khổ nạn, sầu não, vọng tưởng về yêu ghét trói buộc, lo buồn cùng hành, bị vòng khóa ái cột trói, vào nơi ba cõi, bị rừng rậm vô minh che phủ. Ta nên khiến các chúng sinh kia xa lìa hết thấy mọi thứ vướng mắc nơi ba cõi, giúp họ an trụ nơi Niết-bàn vô ngại, lìa tướng”.

* ***Luận nêu***: Sai biệt về cảnh giới của chúng sinh cầu Hữu: Tức bị giam cầu nơi lao ngục lỗi lầm. Như kinh nói: “Các chúng sinh ấy bị giam giữ nơi lao ngục của thế gian”. Lao ngục lỗi lầm này có 5 thứ theo đuổi, nên biết:

- (1) Sự khổ.
- (2) Cửa cải hết.
- (3) Yêu thương lìa biệt.

(4) Trói buộc.

(5) Chướng ngại.

Ở đây là chỉ rõ về 5 thứ sai biệt của khó khăn.

(1) Khó khăn về không bệnh: Tức có nhiều thứ bệnh khổ, vọng tưởng sâu não. Như kinh nói: “Bị nhiều thứ khổ nạn, sâu não, vọng tưởng”.

(2) Khó khăn về cuộc sống: Ở trong sự việc yêu thích không yêu thích, luôn bị yêu ghét trói buộc. Như kinh nói: “Yêu ghét trói buộc”.

(3) Khó khăn về người thân: Người thân yêu ly tán, hoại diệt nên lo buồn càng tăng trưởng. Như kinh nói: “Lo buồn cùng hành”.

(4) Khó khăn về giới: Tuy sinh trong cõi Sắc, Vô sắc, tạm lìa phạm giới, nhưng không tránh khỏi giới, hành trái nhau, cùng bị ái dục sai khiến, trói buộc. Như kinh nói: “Bị vòng khóa ái cột trói”.

(5) Khó khăn về kiến giải: Đạt được trí thể gian, nhưng mâu thuẫn với sự che phủ, sai khiến của vô minh. Như kinh nói: “Vào nơi ba cõi, bị rừng rậm vô minh che phủ”.

Các chúng sinh này nên được tùy thuận để đối trị, dùng pháp như thật khiến họ an trụ Niết-bàn vô ngại, lìa tướng. Như kinh nói: “Ta nên khiến các chúng sinh kia xa lìa hết thấy các thứ vương mắc nơi ba cõi, giúp họ an trụ nơi Niết-bàn vô ngại, lìa tướng”.

Thế nào là Tà kiến như các ngoại đạo?

*** Kinh nói:** “Các chúng sinh ấy chấp trước sâu vào tướng ngã. Ở nơi hang ổ của năm ám không thể tự ra khỏi. Hành bốn điên đảo, dựa nơi sáu nhập là làng xóm trống vắng, thường bị bốn thứ rắn độc là bốn đại xâm phạm, bức não, bị giặc oán năm ám sát hại, nên thọ nhận vô lượng các thứ khổ não. Ta nên khiến các chúng sinh đó xa lìa hết thấy mọi chướng ngại, giúp họ an trụ nơi đạo trí không, vô ngã, tức là Niết-bàn diệt trừ tất cả chướng ngại”.

*** Luận nêu:** Nơi đoạn này:

Phạm hạnh tà như các ngoại đạo: Tức lỗi lầm chấp giữ tướng ngã. Đây là kiến chấp căn bản của các kiến chấp khác. Như kinh nói: “Các chúng sinh ấy chấp trước sâu vào tướng ngã”.

Những chúng sinh này muốn đến thành Niết-bàn, nhưng do có ngã ở nơi ngôi nhà năm âm nên không thể khởi động ra khỏi. Như kinh nói: “Ở nơi hang ổ của năm âm không thể tự ra khỏi”.

Muốn hành đạo chánh, nhưng do điên đảo nên đi theo nẻo tà. Như kinh nói: “Hành bốn điên đảo”.

Trụ nơi làng xóm là sáu nhập, theo ngã kiến hư vọng. Như kinh nói: “Dựa nơi sáu nhập là làng xóm trống vắng”. Thọ nhận các khổ của sinh, lão, bệnh, tử. Ý muốn xa lìa mà không thể lìa được, luôn tùy thuộc nơi tự thân. Như kinh nói: “Thường bị bốn thứ rắn độc là bốn đại xâm phạm, bức nã”. Kẻ oán là âm mãi theo đuổi mà không buông bỏ. Như kinh nói: “Bị giặc oán năm âm sát hại”.

Luôn bị vô số các khổ đeo bám. Như kinh nói: “Nên thọ nhận vô lượng các thứ khổ não ấy”.

Các chúng sinh kia nên được tùy thuận để đối trị. Dùng pháp như thật, xa lìa hết thấy chướng ngại, khiến an trụ nơi Niết-bàn. Như kinh nói: “Ta nên khiến các chúng sinh đó xa lìa hết thấy mọi chướng ngại, giúp họ an trụ nơi đạo trí không, vô ngã, tức là Niết-bàn diệt trừ tất cả chướng ngại”.

Thế nào là Phạm hạnh hành chân chánh như hàng Tiểu thừa đồng pháp?

*** Kinh nói:** “Các chúng sinh đó do tâm nhỏ hẹp, thấp kém, không cầu Đại thừa. Tâm ấy xa lìa trí Nhất thiết trí vô thượng, cùng có xuất hành nhưng ưa thích thừa Thanh văn, Phật-bích-chi. Ta nên khiến các chúng sinh kia an trụ nơi pháp Phật vô thượng, vi diệu, với

ý nghĩa rộng lớn, sâu xa. *Này các Phật tử! Bồ-tát thuận theo diệu lực của sự trì giới như thế, nên khéo có thể phát khởi rộng phương tiện hành hóa*”.

* **Luận nêu:** Phạm hạnh hành chân chánh: Là cầu đạt Tiểu thừa với những lỗi lầm. Ý của Tiểu thừa này có 2 thứ:

(1) *Tâm nhỏ:* Pháp Phật vi diệu rộng lớn vô lượng, nhưng tâm ấy thoái chuyên, không thể chứng đắc.

(2) *Tâm hẹp:* Đối với vô lượng chúng sinh, biếng nhác nơi việc tạo lợi ích. Như kinh nói: “Các chúng sinh đó do tâm nhỏ, hẹp, thấp, không cầu Đại thừa”.

Lại dựa nơi lỗi lầm của nguyện nơi tâm Tiểu thừa, là nguyện nơi Tiểu thừa. Như kinh nói: “Tâm ấy xa lìa trí Nhất thiết trí vô thượng”, nên tu hành có lỗi lầm. Chúng sinh nơi tụ bất định thật sự có pháp Đại thừa xuất sinh, nhưng tu hành theo Tiểu thừa. Như kinh nói: “Cùng có xuất hành (Hành trì để giải thoát) nhưng ưa thích thừa Thanh văn, Phật-bích-chi”.

Các chúng sinh này nên được tùy thuận để đối trị, dùng pháp như thật khiến trụ nơi pháp Phật vô thượng, vi diệu, với tâm rộng lớn. Như kinh nói: “Ta nên khiến các chúng sinh kia an trụ nơi pháp Phật vô thượng, vi diệu, với ý nghĩa rộng lớn, sâu xa”.

Dựa nơi việc trì giới để hành hóa, đạt được diệu lực của giới ấy, nên có thể tạo ra tác pháp thiện, khéo léo đầy khởi các hành thiện. Như kinh nói: “*Này các Phật tử! Bồ-tát thuận theo diệu lực của sự trì giới như thế, nên khéo có thể phát khởi rộng phương tiện hành hóa*”.

* **Kinh nói:** “*Này các Phật tử! Bồ-tát ấy trụ nơi Địa Ly Cấu của Bồ-tát xong, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, diệu lực của đại nguyện, nên được thấy nhiều đến hàng trăm Đức Phật, hàng ngàn Đức Phật, hàng trăm ngàn, hàng trăm ngàn*

na-do-tha Phật, hàng ức Phật, hàng trăm ức, hàng trăm ngàn ức, hàng trăm ngàn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, Bồ-tát ấy khi thấy chư Phật đều dùng tâm trên hết, tâm sâu xa, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, tất cả các thứ vật dụng cung cấp đều để phụng thí, dùng các thứ vật dụng tạo an lạc thượng diệu của Bồ-tát cúng dường chúng Tăng, đem căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nơi trụ xứ của chư Phật, sinh tâm cung kính trên hết, lại thọ nhận mười pháp thiện. Thọ nhận pháp thiện rồi, cho đến khi chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, trong quá trình hành trì ấy trọn không thoái thất.

Bồ-tát ấy, ở trong vô lượng kiếp, vô lượng trăm, ngàn, vô lượng trăm ngàn kiếp, vô lượng ức kiếp, vô lượng trăm, ngàn, vô lượng trăm ngàn ức kiếp, vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, xa lìa tâm keo kiệt, ganh ghét, phá giới, cấu nhiễm, thực hành bố thí, trí giới thanh tịnh.

Này các Phật tử! Ví như đem vàng thật đã được luyện xong trong phàn thạch, đun nóng, tách lìa các cấu bẩn, khiến vàng trở nên sáng sạch. Này các Phật tử! Bồ-tát trụ trong Địa Ly Cấu này cũng lại như vậy. Ở trong vô lượng kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp luôn xa lìa tâm keo kiệt, ganh ghét, phá giới, cấu nhiễm, thành tựu bố thí, trì giới thanh tịnh.

Bấy giờ, Bồ-tát ở nơi bốn Nhiếp pháp, chú trọng nhiều về ái ngữ, trong mười Ba-la-mật, dốc tăng trưởng giới Ba-la-mật, các Ba-la-mật còn lại đều tu tập đầy đủ, tùy sức, tùy phần.

Này các Phật tử! Đó gọi là nói tóm lược về Địa Ly Cấu, là Địa thứ hai của Đại Bồ-tát. Bồ-tát trụ trong Địa này, nhiều lần làm Chuyển luân Thánh vương, được pháp tự tại, bảy báu gồm đủ, có diệu lực tự tại, có khả năng dứt trừ cấu uế như phá giới của hết thảy chúng sinh, dùng phương tiện thiện xảo khiến các chúng sinh tu hành

mười đạo nghiệp thiện. Hành trì nghiệp thiện nơi bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự, các phước đức ấy không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm về hạnh của Bồ-tát, niệm Ba-la-mật, mười Địa, lực không hoại, vô úy, pháp bất cộng của Phật, cho đến không lìa niệm đầy đủ về trí Nhất thiết trí, trí Nhất thiết chủng trí. Luôn sinh khởi tâm này: Ta phải đối với tất cả chúng sinh, là người đứng đầu, hơn hẳn, lớn lao, diệu, vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, vị thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí.

Này các Phật tử! Bồ-tát này, nếu muốn lìa bỏ gia đình, siêng năng hành trì tinh tấn, thì ở trong pháp Phật liền có thể xả bỏ nhà cửa, vợ con, năm dục, được xuất gia rồi thì siêng năng, tinh tấn tu tập, trong khoảng một niệm đạt được ngàn Tam-muội, được thấy ngàn Phật, nhận biết ngàn thần lực của Phật, có thể làm chuyển động ngàn thế giới Phật, có thể đi vào ngàn thế giới Phật, có khả năng soi chiếu ngàn thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi ngàn thế giới Phật, có thể thọ mạng ngàn kiếp, có thể nhận biết sự việc trong ngàn kiếp nơi đời quá khứ, vị lai, có thể khéo hội nhập ngàn pháp môn, có thể biến thân thành ngàn, nơi mỗi mỗi thân có thể hiện bày ngàn Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại tối thắng, nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy, chỉ rõ về vô số thần thông. Hoặc thân tướng, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc nơi mắt, hoặc cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc hành trì, hoặc trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thứ thần thông ấy, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết”.

*** Luận nêu:** Ở đây:

Lợi ích của quả, đối chiếu về sự việc thù thắng: Như nơi Địa thứ nhất đã nêu, Địa này cũng như vậy. Chỗ có cùng chỗ không, nên biết.

Sự việc thù thắng được nêu trong đây: Tức nơi vô lượng kiếp xa lìa tâm cấu uế của keo kiệt, ganh ghét, phá giới, thành tựu bố thí, trì giới thanh tịnh, cùng các sự việc thù thắng.

Nơi Địa thứ nhất, giới chưa thanh tịnh, thí cũng chưa thanh tịnh. Như thế, do đâu trong Địa thứ nhất nói về bố thí Ba-la-mật tăng thượng, còn các Ba-la-mật khác thì không bằng? Rõ ràng là bố thí Ba-la-mật kia so với Địa thứ hai này, thì ở đây đã chuyển biến và thanh tịnh hơn, do đã lìa các thứ cấu uế như keo kiệt, ganh ghét, phá giới v.v... Vì vậy Địa này, tên gọi được giải thích là ***Lìa cấu uế***.

Trong Địa thứ nhất, vàng chỉ dùng lửa để luyện, loại trừ các cấu bẩn thô trọng bên ngoài như tham v.v..., gọi là vàng luyện thanh tịnh. Nay, nơi Địa này lại đặt vàng đã luyện trong phàn thạch, đun nóng để loại trừ cấu bẩn, làm sáng rõ tự thể, là tự tánh thanh tịnh đích thật, nên gọi là nghĩa giới tánh thanh tịnh.

HẾT - QUYỂN 4

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 5

Địa thứ ba: ĐỊA MINH

* **Luận nêu:** Dựa vào chỗ sai biệt của **Địa thứ ba** là **Minh**, có thể phân làm 4 phần:

1. Khởi hành nhàm chán.
2. Nêu hành nhàm chán.
3. Nêu sự nhàm chán.
4. Nêu quả của nhàm chán.

Khởi hành nhàm chán: Là do mười thứ tâm niệm sâu xa. *Nêu hành nhàm chán:* Là quán xét tất cả hành là vô thường, cho đến chưa nhập thiền. *Nêu sự nhàm chán:* Là bốn thiền, bốn Tam-ma-bạt-đề. *Nêu quả của nhàm chán:* Là bốn vô lượng cùng với tâm sâu xa thanh tịnh, nên biết.

*

1. Khởi hành nhàm chán:

* **Kinh nói:** “*Này các Phật tử! Bồ-tát khéo làm thanh tịnh tâm, hành trì Địa thứ hai xong, muốn đạt được Địa thứ ba của Bồ-tát phải đầy khởi 10 thứ tâm niệm sâu xa. Những gì là mười? Đó là:*

- (1) Tâm thanh tịnh.

- (2) *Tâm không động.*
- (3) *Tâm nhàm chán.*
- (4) *Tâm lia dục.*
- (5) *Tâm không thoái chuyển.*
- (6) *Tâm kiên cố.*
- (7) *Tâm sáng tỏ.*
- (8) *Tâm thuần hậu.*
- (9) *Tâm hừng thú.*
- (10) *Tâm lớn lao.*

Bồ-tát dùng mười thứ tâm niệm sâu xa này để đi vào Địa thứ ba”.

*** Luận nêu:** Mười thứ tâm niệm sâu xa ở đây:

(1) Dựa nơi sự thành tựu của Địa thứ hai để khởi tâm niệm sâu xa thanh tịnh. Như kinh nói: “Khởi tâm thanh tịnh”.

(2) Dựa vào chỗ không xả bỏ Thừa của mình. Như kinh nói: “Khởi tâm không động”.

(3) Ý chí cầu đạt pháp thù thắng, dấy khởi phương tiện thiện xảo, do đây có thể chán bỏ tham dục nơi vị lai.

(4) Dựa vào sự không tham cầu nơi dục hiện tại. Như kinh nói: “Khởi tâm nhàm chán. Khởi tâm lia dục”.

(5) Dựa vào chỗ không bỏ neo tăng tiến nơi Thừa của mình. Như kinh nói: “Khởi tâm không thoái chuyển”.

(6) Dựa vào nơi địa của mình, phiền não không thể hủy hoại. Như kinh nói: “Khởi tâm kiên cố”.

(7) Dựa vào tính chất tự tại của Tam-ma-bạt-đề (Định). Như kinh nói: “Khởi tâm sáng tỏ”.

(8) Dựa nơi lực dụng tự tại của thiên định, tuy sinh vào cõi dưới nhưng không thoái thất. Như kinh nói: “Khởi tâm thuần hậu”.

(9) Dựa vào chỗ phiền não phát sinh kia không thể làm cho nhiễm ô. Như kinh nói: “Khởi tâm hứng thú”.

(10) Dựa vào việc tạo lợi ích cho chúng sinh, không dứt bỏ các cõi. Như kinh nói: “Khởi tâm lớn lao”.

*

2. Nêu hành nhàm chán: Hành nhàm chán có 3 thứ:

a. Hành tu tập cứu hộ thoát khỏi phiền não (Chán lia hữu vi).

b. Hành tu tập cứu hộ thoát khỏi Tiểu thừa (Chán lia tâm nhỏ hẹp).

c. Hành tu tập dùng phương tiện gồm thân.

a. Thế nào là Hành tu tập cứu hộ thoát khỏi phiền não? Là quán xét hết thấy các hành vô thường, không có người cứu độ. Hai mươi câu này chỉ rõ: Thế nào là quán tất cả hành vô thường?

* **Kinh nói:** “*Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trụ nơi Địa Bồ-tát thứ ba rồi, quán xét đúng đắn về pháp hữu vi, với tất cả hành vô thường, khổ, bất tịnh, không thường còn, tan hoại, không trụ lâu, niệm niệm sinh diệt, không từ đời trước lại, không đi đến đời sau, hiện tại thì không dùng. Quán xét đúng đắn về tất cả các hành như vậy*”.

* **Luận nêu:** Ở đây, nẻo hành của thọ mạng không dùng là nêu rõ chung về quán vô thường. Như kinh nói: “*Quán xét đúng đắn về pháp hữu vi v.v...*”.

Thế nào là vô thường? Do đâu gọi là vô thường? Quán xét đúng đắn như vậy.

Thế nào là vô thường? Dựa vào thời gian chuyển biến của thân sức sinh ra ba thứ khổ. Như kinh nói: “*Là khổ*”. Dựa nơi sức ăn uống, hình sắc có tăng, giảm v.v.... Như kinh nói: “*Là bất tịnh*”. Dựa nơi sức không thể giữ ngăn các điều ác, tạo nên thọ mạng ngắn ngủi. Như kinh nói: “*Là không thường còn*”. Dựa vào sức của thế

giới thành trụ, diệt hoại. Như kinh nói: “Là tan hoại”. Đời sống dựa nơi chủ không có lực cố định, không dừng ở một nơi. Như kinh nói: “Không trụ lâu”.

Do đâu gọi là vô thường? Vô thường có 2 thứ:

(1) Thời gian tạm bợ ít ỏi. Như kinh nói: “Niệm niệm sinh diệt”.

(2) Tự tánh không thành: Tức thật sự trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai là không sinh, không chuyển, không trụ. Như kinh nói: “Không từ đời trước lại, không đi đến đời sau, hiện tại thì không dừng”.

Quán xét đúng đắn về tất cả các hành như vậy: Nên quán xét hết thấy pháp hữu vi, trong hành vô thường, không có người cứu độ.

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy quán xét chân thật như vậy, thấy rõ tất cả các hành không có người cứu độ, không nơi chốn nương dựa, cùng lo, cùng buồn, cùng bị bức bách, bị yêu ghét trôi buộc, sầu não càng tăng nhiều, không thể dừng lâu, luôn bị lửa tham sân si thiêu đốt, thấy rõ thân có vô lượng bệnh khổ tăng trưởng”.*

** Luận nêu: Bồ-tát ấy quán xét chân thật như vậy, thấy rõ tất cả hành không có người cứu độ: Mười câu đợc hai này, nói về sự Không cứu độ có 9 thứ:*

(1) Ở nơi vô thường chưa đến: Không có chỗ nương, báo cho biết. Như kinh nói: “Không nơi chốn nương dựa”.

(2) Vô thường đã đến: Không ai có thể cứu độ. Do vô thường đến nên phần nhiều cùng lo, khổ. Như kinh nói: “Cùng lo”.

(3) Khoảng giữa cùng buồn. Như kinh nói: “Cùng buồn”.

(4) Trong sự việc cùng khổ não thì lo, buồn luôn đeo đuổi. Do sức lực yếu kém nên chuyển tăng bức bội, bức bách. Như kinh nói: “Cùng bị bức bách”.

(5) Lúc theo đuổi, cầu tìm vật dụng cho đời sống: Sự việc ham muốn thì yêu thích, không ham muốn thì không yêu thích. Như vậy, luôn bị vọng tưởng về yêu ghét trói buộc. Như kinh nói: “Bị yêu ghét trói buộc”.

(6) Trong khi thọ dụng, vui ít, khổ nhiều. Như kinh nói: “Sầu nào càng tăng nhiều”.

(7) Nơi lúc thân già yếu thì sắc lực tráng kiện của thời trẻ không thể tích tập trở lại. Như kinh nói: “Không thể dùng lâu”.

(8) Khi còn trẻ, mạnh, có đủ ba thứ thọ nhận, thường bị tâm tham thiêu đốt. Như kinh nói: “Luôn bị lửa tham, sân, si thiêu đốt”.

(9) Lúc già yếu, vô lượng bệnh khổ tăng trưởng. Như kinh nói: “Thấy rõ thân có vô lượng bệnh khổ tăng trưởng”.

Ba câu sau đều nêu rõ về các việc khổ hoạn nơi thân. Vì sao không nêu ở phần đầu? Vì nhằm chỉ rõ thân luôn luôn có sự lo lắng, hoạn nạn.

b. Thế nào là Hành tu tập cứu hộ thoát khỏi Tiểu thừa?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy thấy rõ như thế rồi, nên đối với hết thấy hành càng thêm chán lìa, hướng tới trí tuệ của Như Lai. Bồ-tát này thấy rõ trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn, không gì bằng, vô lượng, khó chứng đắc, không xen tạp, không phiền não, không lo buồn, có thể dẫn đến thành lớn an ổn, không sợ hãi, không còn thoái chuyển trở lại, thấy rõ là có thể cứu độ vô lượng chúng sinh khổ não”.

*** Luận nêu:** Hành tu tập cứu hộ thoát khỏi Tiểu thừa: Tức đối với tất cả các hành hữu vi, sinh chán lìa rồi, thì dốc hướng tới trí tuệ Phật. Dựa nơi trí của Như Lai có 2 thứ lớn:

- (1) Lớn do gồm thân các công đức.
- (2) Lớn do thanh tịnh.

Lớn do gồm thâm các công đức: Có 5 thứ:

(a) Lớn do gồm thâm các công đức từ thân lực. Như kinh nói: “Bồ-tát này thấy rõ trí tuệ của Như Lai là không thể nghĩ bàn”.

(b) Lớn do gồm thâm các công đức không gì sánh: Tức không có người đối xứng. Như kinh nói: “Không gì bằng”.

(c) Lớn do gồm thâm các công đức có ý nghĩa vĩ đại: Tức có thể tạo lợi ích rộng khắp cho vô lượng chúng sinh. Như kinh nói: “Vô lượng”.

(d) Lớn do gồm thâm các công đức không bị chê trách: Là ít có, khó đạt được. Như kinh nói: “Khó chứng đắc”.

(đ) Lớn do gồm thâm các công đức khác thường: Tức các ngoại đạo không thể làm lẫn lộn. Như kinh nói: “Không xen tạp”.

Lớn do thanh tịnh: Là xa lìa phiền não sử, lìa khổ, đạt được Niết-bàn.

Xa lìa phiền não sử: Tức xa lìa phiền não nhân nơi vô minh, không bị xen tạp. Như kinh nói: “Không phiền não”.

Lìa khổ: Tức các khổ căn bản dứt hết, các thứ lo buồn tùy thuộc cũng hết. Như kinh nói: “Không lo buồn”.

Đạt được Niết-bàn: Như kinh nói: “Có thể dẫn đến thành lớn an ổn, không sợ hãi”. Bồ-tát đến thành Niết-bàn rồi, không còn thoái chuyển trở lại, mà có thể tạo lợi ích cho chúng sinh khiến họ đạt được các sự việc thù thắng của Niết-bàn thế gian và xuất thế gian. Như kinh nói: “Không còn thoái chuyển trở lại”.

Thấy rõ là có thể cứu độ vô lượng chúng sinh khổ não: Là dựa nơi các chúng sinh không người cứu độ, phát khởi mười thứ tâm thù thắng.

* **Kinh nói:** “Bồ-tát thấy rõ trí tuệ của Như Lai vô lượng như thế, thấy rõ hết thấy hành hữu vi có vô lượng khổ não, nên đối với tất

cả chúng sinh chuyển sinh 10 thứ tâm thù thắng. Những gì là mười? Đó là Bồ-tát khởi tâm thù thắng đối với 10 thứ chúng sinh:

- (1) Chúng sinh đáng thương xót vì cô độc, không người cứu độ.
- (2) Luôn mãi bần cùng.
- (3) Bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt.
- (4) Bị giam nhốt tại lao ngục kiên cố nơi ba cõi.
- (5) Thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ.
- (6) Không có sức lực để quán xét đúng đắn.
- (7) Xa lìa pháp thiện, tâm không vui thích.
- (8) Làm mất pháp diệu của chư Phật.
- (9) Thường bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.
- (10) Đánh mất phương tiện đạt tới Niết-bàn”.

***Luận nêu:** Ở đây, không người cứu nên cô độc. Cô độc không người cứu có 9 thứ:

- (1) Cô độc không người cứu vì luôn mãi bần cùng.
- (2) Cô độc không người cứu vì bị lửa của ba độc thiêu đốt không dứt.
- (3) Cô độc không người cứu vì bị giam nhốt tại lao ngục kiên cố nơi ba cõi.
- (4) Cô độc không người cứu vì thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ.
- (5) Cô độc không người cứu vì không có sức lực để quán xét đúng đắn.
- (6) Cô độc không người cứu vì xa lìa pháp thiện, tâm không vui thích.
- (7) Cô độc không người cứu vì làm mất pháp diệu của chư Phật.

(8) Cô độc không người cứu vì thường bị cuốn theo dòng chảy của thế gian.

(9) Cô độc không người cứu vì đánh mất phương tiện đạt tới Niết-bàn.

Dựa nơi chúng sinh cầu dục tâm không biết chán đủ, đối với tài sản riêng của kẻ khác luôn cầu có được không biết dừng nghỉ, hai thứ ấy nên biết. Như kinh nói: “Đối với chúng sinh luôn mãi bần cùng, khởi tâm thù thắng. Đối với chúng sinh bị lừa của ba độc thiêu đốt không dứt, khởi tâm thù thắng”.

Dựa nơi các chúng sinh cầu Hữu (Cõi) luân chuyển trong sáu đường nơi thế gian. Các chúng sinh kia do bị phiền não che lấp, thường sinh vào các chốn nạn. Ba câu như thế, theo thứ lớp nên biết. Như kinh nói: “Đối với các chúng sinh bị giam nhốt tại lao ngục kiên cố nơi ba cõi, khởi tâm thù thắng. Đối với các chúng sinh thường bị các thứ rừng rậm xấu ác của phiền não che phủ, khởi tâm thù thắng. Đối với các chúng sinh không có sức lực để quán xét đúng đắn, khởi tâm thù thắng”.

Dựa nơi các chúng sinh cầu phạm hạnh không tạo được niệm thù thắng, mang tâm kiêu mạn tăng thượng, tâm không muốn vào Niết-bàn, vọng hành theo ngoại đạo. Bốn câu như thế, theo thứ lớp nên biết. Như kinh nói: “Đối với các chúng sinh: (1) Xa lìa pháp thiện, tâm không vui thích. (2) Làm mất pháp diệu của chư Phật. (3) Thường bị cuốn theo dòng chảy của thế gian. (4) Đánh mất phương tiện đạt đến Niết-bàn. Bỏ-tát khởi tâm thù thắng”.

Tiếp theo: Nói về Bỏ-tát hành tinh tấn phát mười thứ tâm ấy để cứu độ chúng sinh.

* **Kinh nói:** “*Bỏ-tát ấy thấy rõ cảnh giới của các chúng sinh thọ nhận đủ vô số các thứ khổ não như thế, đã phát khởi hạnh tinh tấn lớn: Các chúng sinh đó, ta nên cứu độ, nên giải thoát, nên khiến*

cho họ được thanh tịnh, nên khiến họ được thoát khỏi, nên dẫn dắt họ đi đến xứ thiện, nên khiến họ an trụ, nên khiến họ hoan hỷ, nên biết rõ chỗ thích nghi, nên khiến họ được vượt qua, nên khiến họ đạt đến Niết-bàn”.

*** Luận nêu:** Cứu độ những nơi chốn nào? Dùng những gì để cứu độ? Thế nào là cứu độ thành tựu? Phần này làm rõ chỗ sai biệt của việc cứu độ chúng sinh.

Cứu độ những nơi chốn nào? Ở trong vọng tưởng về nghiệp, vọng tưởng về phiền não, nên sống trong vọng tưởng. Như kinh nói: “Ta nên cứu độ, nên giải thoát, nên khiến cho họ được thanh tịnh, nên khiến họ được thoát khỏi”. Thứ lớp như thế, Ta nên cứu độ.

Dùng những gì để cứu độ? Trao cho ba học để thâm giữ. Khuyến ở yên nơi chốn trì giới. Khuyến khích trụ nơi chốn định, tuệ. Như kinh nói: “Nên dẫn dắt họ đi đến xứ thiện, nên khiến họ an trụ”. Thứ lớp về cảnh giới Tam-muội như thế là định, tuệ hợp nêu.

Lại khiến ở yên nơi chốn trì giới có hai thứ: (1) Dứt trừ lưới nghi khiến tin tưởng nơi giới. Như kinh nói: “Nên khiến họ hoan hỷ”. (2) Người đã vào giới, khiến tâm vui thích, an trụ kiên cố, không động. Như kinh nói: “Nên biết rõ chỗ thích nghi”.

Lại khuyến trụ ở chốn định, tuệ, diệt trừ các thứ tùy phiền não sai khiến như trạo cử, hôn trầm. Như kinh nói: “Nên khiến được vượt qua”.

Thế nào là cứu độ thành tựu? Tức khiến đạt được hai thứ cảnh giới Niết-bàn. Như kinh nói: “Nên khiến họ đạt đến Niết-bàn”.

Đó gọi là Hành tu tập cứu hộ thoát khỏi Tiểu thừa.

c. Thế nào là Hành tu tập dùng phương tiện để gồm thâm?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát khéo chán lìa tất cả hành hữu vi như thế rồi, nhớ nghĩ sâu về hết thấy cảnh giới chúng sinh, hướng tới trí Nhất

thiết trí, tạo vô lượng lợi ích, tức thời dựa nơi trí tuệ của Như Lai để cứu độ chúng sinh, tư duy: Các chúng sinh ấy bị rơi vào cõi khổ lớn do nghiệp, phiền não, nên dùng phương tiện hành hóa gì để cứu vớt, khiến họ an trụ nơi Niết-bàn luôn an lạc trọn vẹn?”

* **Luận nêu:** Ở đây: *Chán lìa, nhớ nghĩ sâu, tạo lợi ích:* Là chỉ rõ về ba thứ nhân: *Nhân xa lìa vọng tưởng:* Tức khéo chán lìa tất cả hành hữu vi. *Nhân không xả bỏ thế gian:* Là nhớ nghĩ sâu về hết thấy cảnh giới chúng sinh. *Nhân phát khởi tinh tấn:* Là hướng tới trí Nhất thiết trí, tạo vô lượng lợi ích.

Hướng tới nơi chốn lợi ích: Là có thể tu hành chánh đạo.

Nhớ nghĩ sâu xa: Là có thể khéo hóa độ chúng sinh.

Dựa nơi trí tuệ của Như Lai để cứu độ chúng sinh: Câu này chỉ rõ về hành phát khởi phương tiện để gồm thâu. Như kinh nói: “Bồ-tát tư duy: Các chúng sinh ấy bị rơi vào v.v...”.

Rơi vào cõi khổ lớn do nghiệp, phiền não: *Khổ* là sinh vọng tưởng. *Phiền não* là vọng tưởng về phiền não. *Nghiệp* là vọng tưởng về nghiệp.

Niết-bàn luôn an lạc trọn vẹn: Là Niết-bàn vô thượng.

Trong ấy, *phương tiện hành hóa để gồm thâu có 3 thứ:*

- (1) Chúng đặc rớt ráo tận cùng.
- (2) Phát khởi sự chúng đặc rớt ráo tận cùng hơn hết.
- (3) Phát khởi hành nương dựa.

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy suy nghĩ: Không lìa bỏ nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại. Nhờ vào nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại kia nên không lìa sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp. Nhờ vào sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp kia nên không lìa trí tuệ hành vô sinh vô hành. Do ánh sáng của trí tuệ*

như vậy nên không lìa phương tiện của thiên, quyết định quán trí tuệ. Nhờ vào phương tiện của thiên, quyết định quán trí tuệ kia nên không lìa phương tiện của văn tuệ”.

* **Luận nêu:** *Chứng đắc rốt ráo tận cùng:* Là an trụ trong trí giải thoát không chướng ngại. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy suy nghĩ: Không lìa bỏ nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại”.

Bồ-tát hoàn toàn dựa vào tất cả pháp do Như Lai nêu giảng, thuận theo đây để phát khởi sự nhận biết đúng như thật. Do sự nhận biết đúng như thật đó nên sinh trí giải thoát không chướng ngại kia. Như kinh nói: “Nhờ vào nơi chốn của trí giải thoát không chướng ngại kia, nên không lìa sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp”.

Đây là hành tuệ không phân biệt tự tướng, đồng tướng. Như kinh nói: “Nhờ vào sự nhận biết đúng như thật về tất cả pháp kia, nên không lìa trí tuệ hành vô sinh vô hành. Do ánh sáng của trí tuệ như vậy nên không lìa phương tiện của thiên, quyết định quán trí tuệ”.

Trí tuệ kia ở đây gọi là ánh sáng rạng rỡ. Dựa nơi ánh sáng đó nên gọi là Địa Minh (Địa thứ ba). Bồ-tát ấy ở trong thiên định, dùng phương tiện quyết định quán trí tuệ. Như kinh nói: “Nhờ vào phương tiện của thiên, quyết định quán trí tuệ kia, nên không lìa phương tiện của văn tuệ”. *Phương tiện của thiên kia:* Là đạt được thiên thắng tấn. *Quyết định:* Tức quyết định đối với các việc khác. *Quán trí tuệ:* Là dùng trí tuệ của chính mình để quán xét. Đó gọi là *Phát khởi sự chứng đắc rốt ráo tận cùng hơn hết.*

Bồ-tát quán trí tuệ như thế là dựa nơi phương tiện của văn tuệ mà đạt được. Đây là Bồ-tát *Phát khởi hành nương dựa.* Phương tiện của văn tuệ là chỗ nương dựa của sự phát khởi. Vì thế, tu hành được gọi là Bồ-tát đầy khởi hành nương dựa, trong đó, hành giả ngày đêm cầu pháp, nghe pháp, thứ lớp dựa vào giáo, nghĩa như thế.

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát quán xét đúng đắn như vậy, nhận biết rồi, lại càng thêm siêng năng tu tập, hành trì cầu đạt chánh pháp, ngày đêm luôn cầu nghe pháp, thích pháp, vui với pháp, dựa nơi pháp, thuận theo pháp, làm tăng trưởng pháp, tư duy về pháp, đạt tới chỗ rốt ráo nơi pháp, quy kính pháp, tùy thuận pháp để hành hóa*”.

* **Luận nêu:** Ở đây: *Hành trì cầu đạt chánh pháp:* Là dựa nơi kinh giáo, dựa nơi diệu nghĩa, như trước đã nói.

Ngày đêm luôn cầu nghe pháp, thích pháp, vui với pháp: Là không có tâm kiêu mạn, không có tâm ganh ghét, không có tâm khuất phục người khác, để hỏi nghĩa.

Dựa nơi pháp: Là dựa nơi giáo pháp Đại thừa, tự thấy rõ là đúng để giữ lấy, không quên mất.

Thuận theo pháp, làm tăng trưởng pháp, tư duy về pháp: Là dựa vào sự đọc tụng, dựa vào việc vì người khác để nêu giảng, dựa vào nơi chốn tịch tĩnh để tư duy về ý nghĩa.

Đạt tới chỗ rốt ráo nơi pháp: Là dựa nơi định để tu hành.

Quy kính pháp: Là dựa nơi trí xuất thế gian.

Tùy thuận pháp để hành hóa: Là dựa nơi giải thoát, đối với pháp giải thoát của chư Phật thuận theo đây để hành trì.

Trong đoạn này, *hành trì cầu đạt chánh pháp, ngày đêm luôn cầu nghe pháp:* Hai câu này chỉ rõ việc luôn siêng năng hành trì. *Thích pháp v.v...:* Gồm chín câu là chỉ rõ về sự tu hành chân chánh. Bồ-tát kia thường siêng năng hành trì, lấy gì làm nhân? Chỉ rõ là sự cung kính, tôn trọng pháp, hết mực đầy đủ, trọn vẹn. Bồ-tát kia được tài sản bậc nhất, ở trong chốn nhiều của cải, châu báu cùng ngôi vị vua chúa, hoặc sinh nơi cõi trời, sinh trong thế gian thanh tịnh, tự thân luôn tôn trọng chánh pháp.

*** Kinh nói:** “Bồ-tát dùng phương tiện như thế để cầu đạt pháp Phật, không có các thứ tiền của, kho đụn vật báu nào mà không thể xả bỏ. Đối với các vật ấy không sinh tưởng là khó có, chỉ đối với người thuyết giảng chánh pháp sinh tưởng là khó gặp. Bồ-tát này, vì cầu pháp Phật, nên không có các thứ tài sản bên ngoài được thọ dụng nào mà không thể xả bỏ, cũng không có các thứ tài sản bên trong nào mà không thể từ bỏ. Không có chỗ tạo ra các vật dụng để cung cấp, tôn kính nào mà không thể làm. Không có các thứ kiêu mạn, ngã mạn, đại mạn nào mà không thể trừ bỏ. Ngay thẳng, chân chất, dịu dàng, mềm mỏng, nên không có thân khổ nào không thể thọ nhận. Bồ-tát ấy thành tựu được “Tâm thắng tài”. Nếu nghe một câu pháp chưa từng nghe, thì cho là hơn việc có được châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ-tát này, nếu được nghe một bài kệ về chánh pháp, thì sinh tưởng cho là tài sản trên hết, hơn hẳn việc ngôi vị Chuyển luân Thánh vương. Lại nữa, đạt được “Tâm thắng tài”, nên nếu được pháp chưa từng nghe, có thể làm thanh tịnh hạnh Bồ-tát, thì cho là hơn hẳn việc sống vô lượng kiếp nơi chốn của Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương. Bồ-tát này, nếu có người đến nói như vậy: Tôi sẽ trao cho ông một câu pháp do Phật thuyết giảng, có thể làm thanh tịnh hạnh Bồ-tát, nếu như nay ông có thể nhảy vào hầm lửa lớn đang cháy rực, chịu khổ não dữ dội, như thế là ông sẽ nhận được câu pháp kia. Bồ-tát ấy suy niệm: Ta để thọ nhận được một câu pháp do Phật thuyết giảng, có thể làm thanh tịnh hạnh Bồ-tát, thì đối với lửa dữ đầy khắp trong ba ngàn đại thiên thế giới, hãy còn từ cõi Phạm thiên nhảy xuống, hướng chi là bước vào hầm lửa nhỏ này! Ta chờ đợi pháp, nên dù phải thọ nhận hết thấy các thứ khổ nơi địa ngục, vẫn làm được để cầu pháp, hướng hồ là các khổ não nhỏ trong nẻo người! Bồ-tát phát khởi hạnh tinh tấn như vậy, tu tập chánh pháp, theo pháp đã được nghe, ở chốn tịch tĩnh, đều có thể quán xét đúng đắn”.

* **Luận nêu:** *Thế nào gọi là đối với của cải đã thắng chúng?* BỒ-tát kia vì quý trọng pháp nên có thể xả bỏ tất cả tài sản vật dụng. Như kinh nói: “Bồ-tát dùng phương tiện như thế để cầu đạt pháp Phật, không có các thứ tiền của, kho đụn vật báu nào mà không thể xả bỏ. Đối với các vật ấy không sinh tưởng là khó có, chỉ đối với người thuyết giảng chánh pháp sinh tưởng là khó gặp”.

Đối với các thứ tài sản bên ngoài, bên trong, BỒ-tát đều có thể xả bỏ để cầu đạt pháp Phật. Như kinh nói: “Bồ-tát này, vì cầu pháp Phật, nên không có các thứ tài sản bên ngoài được thọ dụng nào mà không thể xả bỏ, cũng không có các thứ tài sản bên trong nào mà không thể từ bỏ”.

Thân hành cung kính, phụng dâng v.v... Như kinh nói: “Không có chỗ tạo ra các vật dụng để cung cấp, tôn kính nào mà không thể làm”.

Các thứ tâm ý cao ngạo, tự đại cũng có thể dứt bỏ. Như kinh nói: “Không có các thứ kiêu mạn, ngã mạn, đại mạn nào mà không thể trừ bỏ v.v...”. Những nơi chốn cần giữ gìn, BỒ-tát cũng có thể xả bỏ.

Vô số các thứ khổ nơi thân đều có thể nhận chịu v.v... Đối với các thứ tài sản, châu báu quý giá, thù thắng có được nhưng BỒ-tát không yêu thích, vì đã thành tựu tâm quý trọng pháp. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy thành tựu được *Tâm thắng tài*. Nếu nghe một câu pháp chưa từng nghe, thì cho là hơn việc có được châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới”. Đó gọi là đối với của cải đã thắng chúng.

Thế nào gọi là thắng đối với ngôi vị vua v.v...? BỒ-tát ấy đạt được pháp, chuyển sinh tâm hoan hỷ và thành tựu tâm ấy, cho là hơn việc đạt được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Phạm vương. Như kinh nói: “Bồ-tát này, nếu được nghe một bài kệ về chánh pháp, thì sinh tưởng cho là tài sản trên hết, hơn hẳn việc ngôi vị Chuyển luân Thánh vương v.v...”.

Vì đề cầu pháp, nên Bồ-tát có thể buông thân nhảy vào lửa dữ cháy tràn khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cùng ở rất lâu nơi địa ngục nhận chịu bao thứ khổ não. Như kinh nói: “Bồ-tát này, nếu có người đến nói như vậy: v.v...”.

Ở đây, nghe một câu pháp: Tức nghe câu chữ về pháp.

Được nghe một bài kệ về pháp: Tức nghe kệ nói về chánh pháp.

Có thể làm thanh tịnh hạnh Bồ-tát: Tức là lãnh hội về ý nghĩa.

Sự tu hành chân chánh ấy dùng gì để làm nhân? Tức chỉ rõ dựa vào chón tịch tĩnh để tư duy quán xét đúng đắn. Như kinh nói: “Bồ-tát phát khởi hạnh tinh tấn như vậy, tu tập chánh pháp, theo pháp đã được nghe, ở chón tịch tĩnh, đều có thể quán xét đúng đắn”.

*

3. Nêu sự nhàm chán: Bồ-tát ấy lãnh hội các pháp rồi, nhận biết nên tu hành đúng theo lời giảng nói mới chứng đạt pháp Phật. Nhập thiền vô sắc với vô lượng thân thông, nhưng đây không phải là chón an lạc, nên ở trong đó quyết định không đắm nhiễm.

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy nghe các pháp rồi, tự hàng phục tâm mình, ở nơi chón thanh vắng, tâm suy niệm: Phải hành trì đúng như lời giảng nói mới chứng đắc pháp Phật, không thể chỉ dùng những ngôn thuyết từ nơi miệng mà đạt được thanh tịnh. Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Minh này, nhân nơi lời thuyết giảng để hành trì, tức là các pháp ác, bất thiện của dục nơi có giác có quán, hỷ lạc sinh do lìa, nhập vào nẻo hành của thiền thứ nhất. Bồ-tát ấy diệt bỏ giác, quán, bên trong tâm thanh tịnh, toàn xứ đều không giác không quán, hỷ lạc do định sinh, nhập vào nẻo hành của thiền thứ hai. Bồ-tát này lìa hỷ, hành xả, nhớ nghĩ về tuệ an ổn, thân thọ nhận lạc như các bậc Hiền Thánh đã có thể nêu bày, có thể xả bỏ, nhớ nghĩ về sự thọ nhận an lạc, nhập vào nẻo hành của thiền thứ ba. Bồ-tát ấy đoạn trừ khổ, lạc,*

trước hết là dứt bỏ ưu, hỷ, không khổ không vui, niệm xả thanh tịnh, nhập vào nẻo hành của thiền thứ tư. Bồ-tát này vượt quá hết thấy tướng của sắc, dứt bỏ tất cả tướng hữu đối, không nhớ nghĩ về tất cả tướng dị biệt, nhận biết về Hư không vô biên, liền nhập vào nẻo hành của xứ Hư không vô biên. Bồ-tát này đã vượt qua tất cả tướng của Hư không vô biên, nhận biết Thức vô biên, liền nhập vào nẻo hành của xứ Thức vô biên. Bồ-tát này lại vượt quá tất cả tướng của Thức vô biên, nhận biết về Vô sở hữu, liền nhập vào nẻo hành của xứ Vô sở hữu. Bồ-tát ấy lại vượt quá tất cả xứ Vô sở hữu, nhận biết nơi an ổn của Phi hữu tướng phi vô tướng, liền nhập vào nẻo hành của xứ Phi hữu tướng phi vô tướng, chỉ thuận theo pháp hành mà không ham thích, vương chấp”.

*** Luận nêu:** Do ý nghĩa gì mà nhập thiền vô sắc với vô lượng thần thông? Là vì 5 loại chúng sinh:

- (1) Vì các chúng sinh kiêu mạn nơi thiền lạc nên nhập các thiền.
- (2) Vì nhằm giải thoát cho các chúng sinh kiêu mạn nơi vô sắc, nên nhập định vô sắc.
- (3) Vì các chúng sinh khổ não, khiến an trụ nơi xứ thiện, trao cho an lạc vĩnh viễn, cần giải cứu các thứ khổ kia, khiến họ không còn thọ nhận nữa, nên nhập vô lượng Từ, Bi.
- (4) Vì các chúng sinh được giải thoát, nên nhập vào vô lượng Hỷ, Xả.
- (5) Vì các chúng sinh quy y nơi nẻo tà, nên nhập lực thần thông thù thắng, khiến họ có được chánh tín nơi ý nghĩa.

Địa này đạt được thiền không thoái chuyển, nên gọi là Địa Tam-muội. Địa trước không phải là không có Tam-muội, nhưng Địa này vượt hơn. Ở đây, sự sai biệt của thiền cõi Sắc có 4 thứ:

- (1) Lia chương ngại.

(2) Tu hành đối trị.

(3) Tu hành tạo lợi ích.

(4) Hai thứ kia (2, 3) đều nương dựa nơi Tam-muội.

Trong thiền thứ nhất: Lìa các pháp ác, bất thiện của dục: Đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Tức lìa các pháp ác, bất thiện của dục”. Có giác có quán: Đó gọi là tu hành đối trị. Như kinh nói: “Nơi có giác có quán”. Hỷ lạc: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Như kinh nói: “Hỷ lạc sinh do lìa”. Nhập vào nẻo hành của thiền thứ nhất: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiền thứ nhất”.

Nơi thiền thứ hai: Diệt bỏ giác quán (Tâm tứ): Đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Diệt bỏ giác, quán”. Bên trong thanh tịnh: Đó gọi là tu hành đối trị, tức diệt bỏ chướng ngại là giác, quán. Như kinh nói: “Bên trong tâm thanh tịnh, toàn xứ đều không giác không quán”. Tâm một xứ: Là tu tập Tam-muội vô lậu không gián đoạn, hành một cảnh. Hỷ lạc do định sinh: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Như kinh nói: “Hỷ lạc do định sinh”. Nhập vào nẻo hành của thiền thứ hai: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiền thứ hai”.

Trong thiền thứ ba: Lìa hỷ: Đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Lìa hỷ”. Hành xả, nhớ nghĩ về tuệ an ổn: Đó gọi là tu hành đối trị. Như kinh nói: “Hành xả, nhớ nghĩ về tuệ an ổn”. Thân thọ nhận lạc: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Như kinh nói: “Thân thọ nhận lạc”. Nhập vào nẻo hành của thiền thứ ba: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiền thứ ba”.

Nơi thiền thứ tư: Đoạn trừ khổ, lạc, trước hết là dứt bỏ ưu, hỷ: Đó gọi là lìa chướng ngại. Như kinh nói: “Đoạn trừ khổ, lạc v.v...”. Niệm xả thanh tịnh: Đó gọi là tu hành đối trị. Như kinh nói: “Niệm

xả thanh tịnh”. Không khổ không lạc: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Như kinh nói: “Không khổ không vui”. Nhập vào nẻo hành của thiên thứ tư: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội. Như kinh nói: “Nhập vào nẻo hành của thiên thứ tư”.

Tam-ma-bạt-đề (Định) vô sắc cũng có 4 thứ:

- (1) Lìa chướng ngại.
- (2) Tu hành đối trị.
- (3) Tu hành tạo lợi ích.
- (4) Hai thứ kia (2, 3) đều nương dựa nơi Tam-muội.

Vượt quá tất cả của sắc: Là vượt quá tướng của nhãn thức. Diệt bỏ hết thấy tướng của hữu đối: Tức là tướng hòa hợp của nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, được diệt trừ. Không nhớ nghĩ về tất cả tướng dị biệt: Là không nhớ nghĩ về tướng hòa hợp của ý thức. Do ý thức phân biệt về tất cả pháp, nên gọi là tướng dị biệt. Cả ba trường hợp trên gọi là lìa chướng ngại. Như thế, đối trị vượt quá tướng của sắc cùng cảnh giới, không phân biệt sắc cùng cảnh giới, thấy rõ vô ngã. Đó gọi là tu hành đối trị. Nhận biết về Hư không vô biên: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Liên nhập vào nẻo hành của Hư không vô biên: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội.

Vượt quá tất cả tướng của Hư không vô biên: Đó gọi là lìa chướng ngại. Đối trị như thế, vượt quá Hư không vô biên kia, thấy rõ niệm thô bên ngoài, phân biệt chỗ lỗi lầm trở ngại: Đó gọi là tu hành đối trị. Nhận biết về Thức vô biên: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Liên nhập vào nẻo hành của Thức vô biên: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội.

Vượt quá tất cả tướng của Thức vô biên: Đó gọi là lìa chướng ngại. Đối trị như thế, vượt quá Thức vô biên kia, thấy rõ niệm về sự thô, phân biệt chỗ lỗi lầm, trở ngại: Đó gọi là tu hành đối trị. Nhận biết về Vô sở hữu: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Liên nhập

vào nẻo hành của Vô sở hữu: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội.

Vượt quá tất cả tướng của Vô sở hữu: Đó gọi là lia chướng ngại. Đối trị như thế, vượt quá cảnh giới Vô sở hữu, thấy rõ niệm thô, phân biệt chỗ lỗi lầm, trở ngại: Đó gọi là tu hành đối trị. Nhận biết chỗ an ổn của Phi hữu tướng phi vô tướng: Đó gọi là tu hành tạo lợi ích. Liên nhập vào nẻo hành của Phi hữu tướng phi vô tướng: Đó gọi là hai thứ kia đều nương dựa nơi Tam-muội.

*

4. Nêu quả của nhàm chán: Thế nào là Quả của sự nhàm chán? Đó là bốn vô lượng, năm thần thông.

a. Thế nào là bốn vô lượng?

** Kinh nói:* “Bồ-tát này với tâm Từ tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai. Tâm ấy không sân hận, không đối, không chướng, không nào hại. Tâm ấy hiện bày khắp đến tất cả xứ của thế gian, pháp giới, hư không giới rớt ráo tột cùng của thế gian. Tâm ấy bao trùm khắp tất cả hành của thế gian. Như vậy, Bồ-tát với tâm Bi tùy thuận, tâm Hỷ tùy thuận, tâm Xả tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai. Ba tâm sau (Bi, Hỷ, Xả) cũng hiện bày khắp đến tất cả xứ của thế gian, pháp giới, hư không giới rớt ráo tột cùng của thế gian, bao trùm khắp tất cả hành của thế gian”.

** Luận nêu:* Vô lượng có 3 thứ:

- (1) Nhớ nghĩ về chúng sinh.
- (2) Nhớ nghĩ về pháp.
- (3) Vô niệm.

Nhớ nghĩ về chúng sinh: Có 4 thứ tướng sai biệt:

- (a) Ban cho an lạc.
- (b) Đối trị chướng ngại.

(c) Thanh tịnh.

(d) Gồm thâu quả.

Thế nào là ban cho an lạc? Tức ban cho ba thứ an lạc. Một là: Ban cho an lạc nơi cõi Dục. Hai là: Ban cho đồng hỷ, lạc nơi cõi Sắc. Ba là: Ban cho hỷ lạc không đồng. Vì ở đây là lia khô, lia hỷ. Không hai (Bất nhị): Cũng là rộng lớn vô lượng. Như kinh nói: “Bồ-tát này với tâm Từ tùy thuận rộng lớn vô lượng, không hai”. *Thế nào là đối trị chướng ngại?* Ban cho không tham ái là trao cho sự đối trị chướng ngại ở đây là ái. Như kinh nói: “Không sân hận, không đối”.

Thế nào là thanh tịnh? Thân tâm chánh đoạn, không cười đùa, không có các thứ Cái (che lấp) như thù miên, trạo cử, hối v.v... Như kinh nói: “Không chướng”. *Thế nào là gồm thâu quả?* Trong cõi Dục, cõi Sắc thọ nhận Chánh quả. Tập quả, không có sự khổ. Như kinh nói: “Không nào hại”.

Nhớ nghĩ về pháp: Là hiện bày khắp tất cả xứ, tất cả hàng phạm phu hiện có nơi ba cõi, các hàng chúng sinh hữu học, vô học cùng pháp và chúng sinh phân biệt tạo tác hiện có, đều có thể nhớ nghĩ, nhận biết. Như kinh nói: “Hiện bày khắp đến tất cả xứ của thế gian”.

Vô niệm: Có 2 thứ: (a) Vô niệm tự tướng: Là quán pháp vô ngã tốt cùng trong thế gian. Như kinh nói: “Pháp giới, tốt cùng của thế gian”. (b) Quán xét khắp đến vô tận. Như kinh nói: “Hư không giới rất ráo”.

Hết thấy thế gian: Là hành rộng lớn của tất cả thế giới. Như kinh nói: “Bao trùm khắp tất cả hành của thế gian”.

b. Thế nào là năm thần thông?

Các thần thông: Tức bốn thần thông gọi là Minh trí. Thần thông thứ năm gọi là Minh kiến.

(1) Một thần thông nơi thân nghiệp thanh tịnh.

(2) Thiên nhĩ, tha tâm trí, là hai thần thông nơi khẩu nghiệp thanh tịnh.

(3) Trí túc mạng, sinh tử, là hai thần thông nơi ý nghiệp thanh tịnh.

Một thần thông nơi thân là có thể đi đến khắp nơi chốn của chúng sinh. Hai thần thông thiên nhĩ, tha tâm có thể nhận biết ý nghĩa của âm thanh thuyết pháp. Do nhận biết về tâm người khác, tùy theo vô số các loại ngôn âm nên đều có thể nhận biết hết. Dựa nơi nghĩa này có đủ loại tên gọi khác được nêu bày, tùy theo nẻo dụng của chúng sinh. Hai thần thông khứ, lai nhận biết các chúng sinh quá khứ, vị lai, với chỗ cần thọ nhận sự hóa độ.

** Kinh nói: “Bồ-tát này hiện bày vô lượng lực thần thông có thể làm chuyển động đại địa. Một thân hiện làm nhiều thân. Nhiều thân biến thành một thân. Hiện mất đi rồi có trở lại. Mọi thứ chướng ngại như tường đá, vách núi v.v... đều có thể xuyên qua, như đi nơi hư không. Ở trong hư không ngồi kiết già mà đi giống như chim bay. Vào ra nơi đất như ra vào nơi nước không khác. Đi trên nước như đi trên đất. Thân tuôn ra lửa khói như khói lửa lớn. Nơi thân tuôn ra nước giống như đám mây lớn. Mặt trời, mặt trăng có thần đức lớn, uy lực lớn, nhưng Bồ-tát có thể dùng tay sờ, chạm vào, xoa mạnh. Thân lực tự tại cho đến cõi Phạm Thế.*

Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn con người, thấy đều nghe được hai thứ âm thanh của hàng trời, người, hoặc gần hoặc xa cho đến âm thanh của các loài vật nhỏ như ruồi, muỗi, nhặng v.v... cũng đều nghe được.

Bồ-tát này dùng tha tâm trí nên nhận biết đúng như thật là có tâm tham. Lìa tâm tham, nhận biết đúng như thật là lìa tâm tham. Nhận biết đúng như thật về: Có tâm sân, lìa tâm sân, có tâm si, lìa tâm si. Nhận biết đúng như thật về: Có tâm nhiễm, lìa tâm nhiễm, tâm nhỏ, tâm rộng, tâm lớn, tâm vô lượng, tâm gồm thâu, tâm không gồm

thâu, tâm trụ định, tâm không trụ định, tâm giải thoát, tâm không giải thoát, tâm mong cầu, tâm không mong cầu. Tâm hướng thượng nhận biết đúng như thật là tâm hướng thượng. Tâm không hướng thượng nhận biết đúng như thật là tâm không hướng thượng.

Bồ-tát này cũng nhớ biết đúng như thật về vô lượng thọ mạng nơi đời trước với các nơi chốn sinh ra đều có thể nhớ biết. Cũng có thể nhớ biết về một đời, hai, ba, bốn, năm cho đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi đời. Cũng có thể nhớ biết về một trăm đời, nhớ biết về vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời. Nhớ biết về kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại, vô lượng kiếp thành hoại. Cho đến nhớ biết về trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, ức kiếp, trăm ức kiếp, ngàn ức kiếp, trăm ngàn ức kiếp. Nhớ biết cả đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp v.v... Ta vốn ở tại xứ ấy, tên gọi, họ, đời sống, hình sắc, sự ăn uống, thọ mạng, đã trụ lâu như vậy, thọ nhận khổ vui như thế. Ta ở nơi kia chết đi, sinh ra tại nơi này. Ở nơi này chết đi, lại sinh ra ở nơi kia. Như vậy, về đời quá khứ với vô số các tướng mạo, tánh tướng v.v... được nêu bày đều có thể nhớ biết.

Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhân thanh tịnh hơn hẳn con người, thấy rõ các chúng sinh hoặc sống, hoặc chết, hình sắc tốt xấu, hành thiện hành bất thiện, nghèo hèn, giàu sang, các chúng sinh đó tùy theo chỗ tạo nghiệp đều nhận biết đúng như thật. Các chúng sinh đó gây tạo nghiệp ác nơi thân, nơi miệng, nơi ý, hủy báng các bậc Hiền Thánh, hành theo tà kiến và nhân duyên của nghiệp tà kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung, tất bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục. Các chúng sinh đó thành tựu nghiệp thiện nơi thân, nơi miệng, nơi ý, không hủy báng Hiền Thánh, thành tựu chánh kiến, cùng nhân duyên của nghiệp thiện chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung, tất sinh nơi đường thiện và trong các cõi trời. Như vậy, Bồ-tát với cảnh giới thiên nhân thanh tịnh

hơn hẳn con người v.v... đều nhận biết đúng như thật về các chúng sinh theo nghiệp thọ báo.

Bồ-tát này, đối với Tam-ma-bạt-đề, Tam-muội, Thiền giải thoát đều có thể nhập, xuất, nhưng không lệ thuộc vào lực sinh của Thiền giải thoát. Theo sự nhận thức có thể thực hành đầy đủ các pháp phần Bồ-đề, do nguyện lực nên sinh trong ấy”.

* **Luận nêu:** Nơi đoạn này:

Thần thông nơi thân: Là đạt được tự tại thù thắng, nên biết. Tự tại có 3 thứ:

(1) *Tự tại đối với thế giới:* Tức có thể làm chuyển động đại địa. Như kinh nói: “Bồ-tát này hiện bày vô lượng lực thần thông có thể làm chuyển động đại địa”.

(2) *Tự tại đối với thân:* Bồ-tát có thể ẩn, hiện, tan hợp. Như kinh nói: “Một thân hiện làm nhiều thân. Nhiều thân biến thành một thân. Hiện mất đi rồi có trở lại”.

(3) *Tự tại nơi tạo nghiệp:* Tạo nghiệp có 8 thứ:

(a) Bàng hành vô ngại (Đi đứng dựa vào xung quanh không bị ngăn ngại). Như kinh nói: “Tường đá, vách núi v.v... đều có thể xuyên qua, như đi nơi hư không”.

(b) Đi trên cao. Như kinh nói: “Ở trong hư không ngồi kiết già mà đi giống như chim bay”.

(c) Đi trên, dưới. Như kinh nói: “Vào ra nơi đất như ra vào nơi nước không khác”.

(d) Lội qua nước không bị chìm. Như kinh nói: “Đi trên nước như đi trên đất”.

(đ) Nơi thân có lửa cháy bùng. Như kinh nói: “Thân tuôn ra lửa khói như khói lửa lớn”.

(e) Thân có thể tuôn ra nước. Như kinh nói: “Nơi thân tuôn ra nước giống như đám mây lớn”.

(f) Thân có thể sờ, chạm. Như kinh nói: “Mặt trời, mặt trăng có thần đức lớn, uy lực lớn, nhưng Bồ-tát có thể dùng tay sờ, chạm vào, xoa mạnh”.

(g) Tự tại. Cho đến cõi Phạm Thế, cũng như đối với khí thể gian, tùy ý chuyển biến luôn được tự tại. Như kinh nói: “Thân lực tự tại cho đến cõi Phạm Thế”.

Thiên nhĩ thông: Tùy nơi chủ thể nghe, đối tượng được nghe đều chỉ rõ đúng như thật về sự lắng nghe thanh tịnh.

Hơn hẳn con người tức nghe xa nên vượt hơn con người. Âm thanh, thấp cho đến âm thanh nơi địa ngục A-tỳ v.v... đều có thể nghe được. Như kinh nói: “Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn con người”.

Tùy chỗ tạo âm thanh của hàng trời, người, hiện đều nghe biết rõ ràng, cho đến âm thanh rất nhỏ của các loài ruồi, nhặng v.v... cũng có thể nghe rõ. Như kinh nói: “Thấy đều nghe được hai thứ âm thanh của hàng trời, người, hoặc gần hoặc xa cho đến âm thanh của các loài vật nhỏ như ruồi, muỗi, nhặng v.v... cũng đều nghe được”.

Tha tâm thông: Chỗ sai biệt nơi tâm người khác có 8 thứ:

- (1) Tùy thuộc phiền não.
- (2) Sử.
- (3) Sinh.
- (4) Học hành trì Tam-muội.
- (5) Đạt Tam-muội.
- (6) Đạt giải thoát.
- (7) Hành vọng, hành chánh.
- (8) Hàng phàm phu tăng thượng mạn khác.

Tùy thuộc phiền não: Tức kết hợp với tham, sân, si v.v... Như kinh nói: “Bồ-tát này dùng tha tâm trí nên nhận biết đúng như thật về tâm, tâm số pháp của chúng sinh khác v.v...”.

Sử: Tức có phiền não, lìa phiền não v.v... Như kinh nói: “Nhận biết đúng như thật về có tâm nhiễm, lìa tâm nhiễm”.

Sinh: Trong nẻo người: Nhỏ. Nơi các trời thuộc cõi Dục: Rộng. Nơi các trời thuộc cõi Sắc: Lớn. Nơi cõi trời thuộc cõi Vô sắc: Cả hai. Trong giải thoát: Vô lượng. Như kinh nói: “Tâm nhỏ, tâm rộng, tâm lớn, tâm vô lượng”.

Học hành trì Tam-muội: Tức tâm tán loạn, tâm không tán loạn. Như kinh nói: “Tâm gồm thâm, tâm không gồm thâm”.

Đạt Tam-muội: Tức khi nhập định, không nhập định, cùng lúc xuất định. Như kinh nói: “Tâm trụ định, tâm không trụ định”.

Đạt giải thoát: Tức có trói buộc, không trói buộc. Như kinh nói: “Tâm giải thoát, tâm không giải thoát”.

Hành vọng, hành chánh: Tức đối với tiếng tăm hiện khởi hy vọng, thuận hợp hoặc không thuận hợp. Như kinh nói: “Tâm mong cầu, tâm không mong cầu”.

Hàng phàm phu tăng thượng mạn khác: Tức tập hành thô, tế. Như kinh nói: “Tâm hướng thượng nhận biết đúng như thật là tâm hướng thượng. Tâm không hướng thượng nhận biết đúng như thật là tâm không hướng thượng”.

Túc mạng trí thông: Ai có thể nhớ nghĩ? Trí có thể nhớ nghĩ. Như kinh nói: “Bồ-tát này cũng nhớ biết đúng như thật về vô lượng thọ mạng nơi đời trước với các nơi chốn sinh ra đều có thể nhớ biết”.

Nhớ biết về những sự việc gì? Như kinh nói: “Cũng có thể nhớ biết về một đời cho đến v.v...”.

Thế nào là chỗ dựa vào của trí nhớ biết? Đó là: Sai biệt về danh tự. Như kinh nói: “Ta vốn ở tại xứ ấy, tên như vậy”. Sai biệt về gia đình. Như kinh nói: “Họ như vậy”. Sai biệt về sang hèn. Như kinh nói: “Đời sống như vậy”. Sai biệt về đẹp xấu. Như kinh nói: “Hình sắc như vậy”. Sai biệt về ăn uống. Như kinh nói: “Sự ăn uống như vậy”. Sai biệt về hành nghiệp. Như kinh nói: “Thọ mạng như vậy, đã trụ lâu như vậy”. Sai biệt chỗ hơn kém thành hoại. Như kinh nói: “Thọ nhận khổ vui. Ta ở nơi kia chết đi, sinh ra tại nơi này. Ở nơi này chết đi, lại sinh ra ở nơi kia”.

Trong đó: Sai biệt về gia đình: Tức sai biệt về cha, mẹ. Sai biệt về sang hèn: Tức sai biệt về Sát-lợi, Bà-la-môn v.v... Sai biệt về hành nghiệp: Là sai biệt về thọ mạng, chết đúng lúc, không đúng lúc.

Ở đây: Vô số tướng mạo: Là sai biệt về tất cả hình tướng. Như kinh nói: “Vô số các tướng mạo”. Nêu bày: Là danh xưng. Như kinh nói: “Được nêu bày”. Tánh tướng: Là họ của gia đình. Như kinh nói: “Tánh tướng v.v... đều có thể nhớ biết”.

Lại có nghĩa khác: Cũng có thể nhớ biết về một đời, hai đời, như thế v.v... gọi là tướng mạo. Nêu bày: Là tên gọi v.v... Tướng: Ta ở nơi kia chết đi, sinh ở nơi này. Như thế v.v... đều có thể nhớ biết.

Sinh tử trí thông: Ai có thể thấy được? Dùng thiên nhãn để thấy.

Thanh tịnh: Là thấy kỹ càng, đầy đủ.

Vượt hơn con người: Là thấy xa. Như kinh nói: “Bồ-tát này dùng cảnh giới của thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn con người”.

Thấy những sự việc gì? Tức các sự việc sống, chết của chúng sinh. Như kinh nói: “Thấy rõ các chúng sinh hoặc sống hoặc chết v.v...”.

Thấy như thế nào? Như kinh nói: “Các chúng sinh đó gây tạo nghiệp ác nơi thân, nơi miệng, nơi ý v.v...”.

Phần khác: Như trong hai Địa trước đã nói.

Nghiệp báo thiện ác: Ở đây cũng như vậy, nên biết.

Trong đoạn này: *Thiền*: Là bốn thiền. *Giải thoát*: Là bốn định vô sắc. *Tam-muội*: Là bốn vô lượng. *Tam-ma-bạt-đề*: Là năm thần thông.

Có thể vào, có thể ra: Tức khi tâm sinh, thì tùy theo lực dụng của tâm nơi hiện tiền.

Nhưng không lệ thuộc vào lực sinh của thiền giải thoát: Tức là tâm niệm sâu xa thuận hậu kia, ở đây chỉ rõ sự thành tựu.

Theo chỗ thấy biết, có thể làm viên mãn nơi chốn của pháp phần Bồ-đề: Tức cùng với Đại Bồ-đề của chư Phật cùng sinh một xứ. Như kinh nói: “Bồ-tát này, đối với thiền giải thoát v.v...”.

* **Kinh nói**: “*Bồ-tát này, an trụ nơi Địa Minh của Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật, do diệu lực của đại thần thông, đại nguyện, nên thấy nhiều trăm Phật, nhiều ngàn Phật, nhiều trăm ngàn Phật, trăm ngàn na-do-tha Phật, nhiều ức Phật, trăm ức, ngàn ức, trăm ngàn ức, trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, đại nguyện, nên Bồ-tát này, khi thấy chư Phật, đều đem tâm hướng thượng, tâm sâu xa cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, tất cả vật dụng cung cấp đều dùng để phụng thí. Dùng các thứ vật dụng tạo an lạc thượng diệu của Bồ-tát để cúng dường chúng Tăng, đem những căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Tại trụ xứ của chư Phật khởi tâm cung kính tột bậc, chuyên tâm nghe pháp, nghe rồi thì thọ trì, theo đúng như lời dạy mà hành trì. Bồ-tát ấy quán xét tất cả pháp không sinh, không diệt, do nhân duyên mà có”*.

* **Luận nêu**: *Tất cả pháp không sinh, không diệt*: Tức ở trong pháp thanh tịnh không thấy có tăng, ở trong vọng tưởng phiền não không thấy có giảm. Do nhân duyên làm nhân sinh, nên trong sự thanh tịnh kia, không một pháp nào có thể tăng. Nơi chỗ vọng tưởng

phiền não kia, không một pháp nào có thể giảm. Nhưng dựa vào nhân duyên đối trị, lìa bỏ vọng tưởng, phiền não thì càng trở nên thanh tịnh thù thắng, trí tuệ hiện tiền. Như kinh nói: “Quán xét tất cả pháp không sinh, không diệt, do nhân duyên mà có”.

** Kinh nói: “Bồ-tát này, tất cả sự trói buộc của dục đã chuyển biến, trở nên mỏng, ít. Tất cả sự trói buộc của Sắc, của Hữu, của Vô minh thấy đều trở nên mỏng, ít. Sự trói buộc của kiến, trước đã trừ diệt. Bồ-tát này, an trụ nơi Địa Minh của bậc Bồ-tát rồi, trong vô lượng trăm ngàn kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, không còn hiện trở lại sự tích tập để đoạn trừ vọng tham, vọng sân, vọng si. Bồ-tát này, chuyển tăng các căn thiện đã có khiến càng trở nên sáng sạch.*

Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc được người thợ kim hoàn khéo léo tôi luyện ứng hợp với cân, lượng, càng trở nên sáng đẹp bội phần. Bồ-tát này cũng lại như vậy v.v... Bồ-tát ấy tâm nhẫn nhục an lạc chuyển tăng càng trở nên minh tịnh. Các thứ tâm: Tâm cùng hòa hợp, tâm mềm mỏng, tâm không sân, tâm không động, tâm không ô trược, tâm không cao thấp về ngã, tâm không mong cầu đối với những việc làm của chúng sinh, tâm đối với những việc đã hành tạo không mong cầu báo đáp, tâm không đua nịnh quanh co, tâm không rơi vào rừng rậm phiền não, thấy đều chuyển tăng trở nên thanh tịnh. Bồ-tát ấy, trong bốn Nhiếp pháp, lợi hành càng tăng thượng. Nơi mười Ba-la-mật thì Nhẫn nhục Ba-la-mật tăng thượng. Các Ba-la-mật còn lại không phải là không tu tập, nhưng tùy theo lực, theo phần.

Này các Phật tử! Đó gọi là lược nêu về Địa Minh là Địa thứ ba của bậc Bồ-tát”.

** Luận nêu: Tất cả sự trói buộc của dục đã chuyển biến, trở nên mỏng, ít: Là do tu đạo đoạn trừ tất cả phiền não hiện có nơi ba*

cõi Dục, Sắc, Vô sắc và nhân của chúng, cùng tập khí vô minh thầy đều mỏng, ít, do xa lìa.

Sự trói buộc của các kiến: Ở trong Địa thứ nhất, khi đạt kiến đạo đã đoạn trừ. Như kinh nói: “Sự trói buộc của các kiến, trước đã trừ diệt”.

Không có hiện trở lại sự tích tập để đoạn trừ vọng tham v.v...: Tức đoạn trừ căn bất thiện, sử, hành của tập khí, không đoạn trừ phiền não thô trọng, vì các phiền não thô trọng ấy nơi Địa trước đã đoạn. Như kinh nói: “Bồ-tát này, an trụ nơi Địa Minh của bậc Bồ-tát rồi, trong vô lượng trăm ngàn kiếp, cho đến các căn thiện kia chuyển tăng sáng sạch”.

Dụ về vàng ròng: Là chỉ rõ sự an trụ xứng hợp không giảm. Bồ-tát trụ nơi Địa Minh, sự chán lìa thế gian hơn hẳn so với Địa trước, tự tại không mất. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc v.v...”.

Bồ-tát ấy, tâm nhẫn nhục an lạc chuyển tăng càng trở nên minh tịnh: Tức như kẻ khác gia tăng tâm xấu ác, Bồ-tát đều có thể nhẫn chịu. Lại khéo hộ trì tâm người khác. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy tâm nhẫn nhục an lạc chuyển tăng v.v...”.

Kẻ gia tăng ác không sửa đổi, lại khéo hộ trì tâm của họ, tức phân biệt chỉ rõ những việc làm ác và tâm hoài nghi nơi họ. Hiện bày cùng là bạn bè, dùng ái ngữ để khuyên dẫn. Như kinh nói: “Tâm cùng hòa hợp, tâm mềm mỏng, dịu dàng”.

Gia tăng điều ác nhưng Bồ-tát không giận dữ, nghe lời mắng nhiếc không đáp trả, không sinh lo buồn. Như kinh nói: “Tâm không sân, tâm không động, tâm không ô trược”.

Quá khứ không kiêu mạn, luôn tự hiện bày lời nói thiện. Như kinh nói: “Tâm không cao thấp về ngã”.

Tâm không mong cầu được người khác cung kính. Như kinh nói: “Tâm không mong cầu đối với những việc làm của chúng sinh”.

Nơi những việc đã làm, tâm không mong cầu báo đáp. Như kinh nói: “Tâm đối với những việc đã hành tạo không mong cầu báo đáp”.

Tâm không phải là không thật tạo, hành lợi ích, cùng tâm không thiên lệch v.v... khi tạo lợi ích. Như kinh nói: “Tâm không đua nịnh quanh co”.

Những thứ cầu ướ vi tế, ẩn giấu nơi tâm thầy đều xa lìa. Như kinh nói: “Tâm không rơi vào rừng rậm phiền não, thầy đều chuyển tăng trở nên thanh tịnh”.

** Kinh nói: “Bồ-tát trụ trong Địa này, nhiều lần làm vua cõi trời Đạo-lợi, được tự tại nơi pháp, có thể dứt trừ các thứ phiền não cấu ướ như tham dục v.v... của chúng sinh. Dùng diệu lực của phương tiện thiện xảo để cứu vớt các chúng sinh nơi vũng bùn lầy tham dục. Các nghiệp thiện đã tạo, như bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, những thứ phước đức ấy đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hạnh của Bồ-tát, niệm Ba-la-mật, niệm mười Địa, niệm lực không hoại, niệm vô úy, niệm pháp bất cộng nơi Phật, cho đến không lìa niệm đầy đủ về trí Nhất thiết chủng trí, trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy thường khởi tâm này: Đối với tất cả chúng sinh, ta phải là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn lao, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là vị thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm ấy phát khởi hành tinh tấn. Do diệu lực của tinh tấn, nên ở trong khoảng một niệm đạt được trăm ngàn Tam-muội, được thấy trăm ngàn Phật, nhận biết trăm ngàn thần lực của Phật, làm chuyển động trăm ngàn thế giới Phật, có thể đi vào trăm ngàn thế giới Phật, có thể soi chiếu trăm ngàn thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn thế giới Phật, có thể trụ thọ trăm ngàn kiếp, có thể nhận biết sự việc*

trong ngàn kiếp nơi đời quá khứ, vị lai, có thể khéo hội nhập nơi trăm ngàn pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm ngàn thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Hoặc dùng nguyện lực thắng thượng tự tại, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số diệu lực thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc thần thông, hoặc nơi mắt, hoặc cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc nẻo hành, hoặc sự trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thứ thần thông ấy, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết’.

* **Luận nêu:** Địa này thâm tóm quả báo nơi quả của *Nguyện trí lực*, như trong Địa thứ nhất đã giải thích.

HẾT - QUYỂN 5

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYÊN 6

Địa thứ tư: ĐỊA DIỆM

* **Luận nêu:** *Địa thứ tư* của bậc Bồ-tát là **Địa Diệm**, tức dựa nơi Tam-muội thanh tịnh của Bồ-tát kia, hiển bày sự lãnh hội, hành trì đúng như thật nơi trí thanh tịnh. Sự sai biệt của Địa này có 4 phần:

1. **Nêu nhân tăng trưởng của sự tu hành đối trị đạt thanh tịnh.**
2. **Nêu sự thanh tịnh.**
3. **Nêu sự tu hành đối trị tăng trưởng.**
4. **Nêu quả.**

*

1. Thế nào là Nêu nhân tăng trưởng của sự tu hành đối trị đạt thanh tịnh: Là 10 pháp Minh nhập.

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Đây các Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được Địa thứ ba của bậc Bồ-tát, đầy đủ ánh sáng thanh tịnh rồi, muốn chứng đắc Địa thứ tư của bậc Bồ-tát, phải dùng mười pháp Minh nhập để hội nhập Địa thứ tư. Những gì là mười? Đó là:*

- (1) *Lượng xét về cảnh giới của chúng sinh để minh nhập.*
- (2) *Lượng xét về thế giới để minh nhập.*

(3) *Lượng xét về pháp giới để minh nhập.*

(4) *Lượng xét về hư không giới để minh nhập.*

(5) *Lượng xét về thức giới để minh nhập.*

(6) *Lượng xét về Dục giới để minh nhập.*

(7) *Lượng xét về Sắc giới để minh nhập.*

(8) *Lượng xét về Vô sắc giới để minh nhập.*

(9) *Lượng xét về cảnh giới của tâm thù thắng quyết định tin tưởng để minh nhập.*

(10) *Lượng xét về cảnh giới của tâm lớn lao quyết định tin tưởng để minh nhập.*

Này các Phật tử! Bồ-tát do **10** pháp Minh nhập này nên được vào Địa thứ tư”.

* **Luận nêu:** *Pháp Minh nhập:* Là chứng đắc ánh sáng của trí địa, dựa nơi ánh sáng của trí ấy để hội nhập trong giáo pháp do Như Lai thuyết giảng. Trí ấy gọi là Pháp Minh nhập. Pháp do Phật nêu giảng, Bồ-tát dùng chánh quán để lượng xét, nhận biết đúng như thật, hai xứ đều thuận hành. Sự lượng xét ấy có **10** thứ sai khác:

(1) Sai khác do lượng xét phân biệt về cảnh giới chúng sinh là giả danh. Như kinh nói: “Lượng xét về cảnh giới chúng sinh để minh nhập”.

(2) Phân biệt do y trụ. Như kinh nói: “Lượng xét về thế giới để minh nhập”.

(3) Phân biệt do nhiễm. Như kinh nói: “Lượng xét về pháp giới để minh nhập”.

(4) Phân biệt do vô tận. Như kinh nói: “Lượng xét về hư không giới để minh nhập”.

(5) Phân biệt do nương dựa vào nhiễm tịnh. Như kinh nói: “Lượng xét về thức giới để minh nhập”.

(6) Phân biệt do phiền não, sử cấu nhiễm. Như kinh nói: “Lượng xét về Dục giới để minh nhập.

(7) Lượng xét về Sắc giới để minh nhập.

(8) Lượng xét về Vô sắc giới để minh nhập”.

(9) Phân biệt do thanh tịnh. Như kinh nói: “Lượng xét về cảnh giới của tâm thù thắng quyết định tin tưởng để minh nhập.

(10) Lượng xét về cảnh giới của tâm lớn lao quyết định tin tưởng để minh nhập”.

Trong đoạn này: *Phiền não, sử cấu nhiễm*: Tức chỉ cho ba cõi. *Thanh tịnh*: Nơi hai câu sau (9, 10): Một là dựa nơi phiền não nhưng không nhiễm. Hai là dựa nơi nghĩa đồng, chẳng đồng: Không xả bỏ chúng sinh, hàng Thanh văn v.v...

*

2. Thế nào là Nêu sự thanh tịnh: Tức ở nơi nhà của Như Lai chuyên tăng có uy lực.

* **Kinh nói:** “*Này các Phật tử! Bồ-tát ấy đạt được Địa Diệm của bậc Bồ-tát, tức ở nơi nhà của Như Lai chuyên tăng có uy lực, đạt pháp bên trong kia, nên dùng mười thứ pháp trí để giáo hóa tạo các thành tựu đầy đủ. Những gì là mười? Đó là:*

(1) *Tâm không thoái chuyển.*

(2) *Đối với Tam bảo quyết định hoàn toàn cung kính trọn vẹn.*

(3) *Phân biệt quán xét về hành sinh diệt.*

(4) *Phân biệt quán xét về tự tánh của các pháp là chẳng sinh.*

(5) *Phân biệt quán xét về sự thành hoại của thế gian.*

(6) *Phân biệt quán xét về chỗ hữu sinh của nghiệp.*

(7) *Phân biệt quán xét về thế gian, Niết-bàn.*

(8) *Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi chúng sinh, thế giới, nghiệp.*

(9) *Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi biên vực trước sau.*

(10) *Phân biệt quán xét về chỗ tận cùng của vô sở hữu.*

Này các Phật tử! Bồ-tát như vậy, đối với mười thứ pháp trí giáo hóa thành thực, tức ở nơi nhà của Như Lai chuyển tạng có uy lực đạt được pháp bên trong kia”.

*** Luận nêu:** *Thế nào là ở nơi nhà của Như Lai chuyển tạng có uy lực? Tức nương dựa nơi trí đa văn rất ráo, trừ diệt các chướng ngại của trí, thâm tóm chỗ thù thắng. Ở đây, nhà của Như Lai thanh tịnh thù thắng như thế, do đó gọi là đạt được pháp bên trong kia. Tự thân của Như Lai hiện có các pháp, do các pháp ấy hiển bày về Như Lai, tức là mười thứ pháp trí giáo hóa thành thực. Pháp minh nhập ấy đồng thời đạt được, nên biết.*

Bồ-tát lại có 4 thứ trí để giáo hóa, gọi là pháp trí giáo hóa thành thực:

(1) Trí tự trụ xứ rất ráo. Như kinh nói: “Tâm không thoái chuyển”.

(2) Trí đồng kính Tam bảo rất ráo. Như kinh nói: “Đối với Tam bảo quyết định hoàn toàn cung kính trọn vẹn”.

(3) Trí chân như. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về hành sinh diệt. Phân biệt quán xét về tự tánh của các pháp là chẳng sinh”.

(4) Trí phân biệt đối tượng thuyết giảng. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về sự thành hoại của thế gian. Phân biệt quán xét về chỗ hữu sinh của nghiệp. Phân biệt quán xét về thế gian, Niết-bàn v.v...”.

Tự trụ xứ của Bồ-tát: Là pháp Đại thừa.

Hai pháp đầu ở đây: Tâm không thoái chuyển, tâm đối với Tam bảo quyết định hoàn toàn cung kính trọn vẹn là hai trí đầu: Trí tự trụ xứ rất ráo, trí đồng kính Tam bảo rất ráo, để giáo hóa thành thực.

Hai pháp tiếp theo: Phân biệt quán xét về các hành sinh diệt. Phân biệt quán xét về tự tánh của các pháp là chẳng sinh, là trí chân như. Nghĩa là quán về chúng sinh và pháp đều vô ngã. Thứ lớp phân biệt như vậy nên biết.

Phần còn lại: Là trí phân biệt đối tượng thuyết giảng.

Bồ-tát lại dựa nơi chỗ nhiễm, tịnh của phiền não: Theo chỗ nhiễm của phiền não, là do phiền não cấu nhiễm. Chỗ tịnh hiện có, là theo chỗ tịnh.

Thế nào là theo chỗ nhiễm của phiền não? Tức thuận nơi khí thể gian. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về sự thành hoại của thể gian”. Chúng sinh, thể gian sinh, cùng nhân thọ sinh. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về chỗ hữu sinh của nghiệp”.

Thế nào là phiền não cấu nhiễm? Tức là thể gian.

Thế nào là chỗ tịnh hiện có? Tức là Niết-bàn. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về thể gian, Niết-bàn”.

Thế nào là theo chỗ tịnh? Là trong thế giới của chư Phật, giáo hóa chúng sinh thành thực về tự nghiệp. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi chúng sinh, thế giới, nghiệp”.

Phiền não nhiễm và tịnh tức biên vực trước, biên vực sau. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về sự sai biệt nơi biên vực trước sau”.

Biên vực trước sau kia không giảm không tăng. Như kinh nói: “Phân biệt quán xét về chỗ tận cùng của vô sở hữu”.

Ở trong pháp nhiễm, không thấy một pháp có thể giảm. Ở nơi pháp tịnh, không thấy một pháp có thể tăng.

*

3. Thế nào là Đối trị? Là tu hành tăng trưởng. Có 2 thứ:

(1) Tu hành cứu hộ thoát khỏi phiền não cấu nhiễm.

(2) Tu hành cứu hộ thoát khỏi Tiểu thừa.

Thế nào là Tu hành cứu hộ thoát khỏi phiền não cấu nhiễm? Là tu hành các pháp phần Bồ-đề.

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, an trụ nơi Địa Diệm của bậc Bồ-tát này rồi, quán về nội thân, theo thân mà quán xét, tinh tấn, nhất tâm dứt trừ những tham ưu của thế gian. Quán ngoại thân, theo thân mà quán xét, tinh tấn, nhất tâm dứt trừ những tham ưu của thế gian. Quán nội ngoại thân, theo thân mà quán xét, tinh tấn, nhất tâm dứt trừ những tham ưu của thế gian. Cũng như vậy, quán nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ, quán nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm. Cũng như vậy, quán nội pháp, theo pháp mà quán xét, tinh tấn, nhất tâm dứt trừ hết tham ưu của thế gian. Quán ngoại pháp, theo pháp mà quán xét, tinh tấn, nhất tâm dứt trừ hết tham ưu của thế gian. Quán nội ngoại pháp, theo pháp mà quán xét, tinh tấn, nhất tâm dứt trừ hết tham ưu của thế gian.*

Bồ-tát ấy, đối với các pháp ác, bất thiện chưa sinh thì làm cho chúng không sinh. Chúng sắp sinh thì siêng năng tinh tấn phát tâm chánh đoạn. Đối với các pháp ác, bất thiện đã sinh thì đoạn trừ. Chúng sắp sinh nữa thì siêng năng tinh tấn phát tâm chánh đoạn trừ. Đối với pháp thiện chưa sinh thì khiến cho sinh. Chúng sắp sinh thì siêng năng tinh tấn phát tâm chánh hành. Đối với các pháp thiện đã sinh, thì khiến cho chúng an trụ, không mất, tu tập đầy đủ, làm tăng trưởng rộng khắp. Chúng sắp sinh nữa thì siêng năng tinh tấn phát tâm chánh hành. Bồ-tát ấy, tu hành bốn như ý phần, thành tựu hành dục định đoạn. Tu như ý phần, dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả, thành tựu hành tinh tấn định đoạn. Tu như ý phần, dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả, thành tựu hành tam định đoạn. Tu như ý phần, dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả, thành tựu hành tư duy định đoạn.

Bồ-tát ấy, tu hành căn tín, dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả. Tu hành căn tinh tấn, dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả. Tu hành căn niệm, căn định, căn tuệ, dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả.

Bồ-tát ấy, tu hành về năm lực (Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ) đều dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả.

Bồ-tát ấy, tu hành về bảy giác phần (Niệm, Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, ý - khinh an, định, xả) đều dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả.

Bồ-tát ấy, tu hành về tám đạo (Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) đều dựa nơi sự nhàm chán, dựa nơi sự xa lìa, dựa nơi sự diệt trừ, hồi hướng về xả”.

*** Luận nêu:** Thế nào là Tu hành cứu hộ thoát khỏi Tiểu thừa? Là không xả bỏ tất cả chúng sinh, nên tu hành pháp trợ Bồ-đề phần.

*** Kinh nói:** “Bồ-tát này, do tâm không xả bỏ tất cả chúng sinh nên hành trì. Do bản nguyện phát khởi đã thuận thực trọn vẹn, nên dùng đại bi làm đầu, thành tựu tâm đại từ, quán xét trí Nhất thiết trí, vì đây khởi việc làm trang nghiêm cõi Phật, vì nhằm gồm đủ các pháp vô úy, mười lực, mười tám pháp bất cộng, các tướng tốt trang nghiêm của Phật, đầy đủ âm thanh vi diệu, vì nhằm cầu đạt hạnh thù thắng tối thượng, vì tùy thuận để lãnh hội pháp Phật hết mực sâu xa, giải thoát, vì tư duy về phương tiện lớn, nên hành trì”.

*** Luận nêu:** Tâm không xả bỏ tất cả chúng sinh: Tâm không xả bỏ chúng sinh ấy có 4 thứ:

(1) Khởi đầu.

(2) Tạo lợi ích.

(3) Mong cầu.

(4) Hành trì.

Khởi đầu: Tức là bản nguyện. Như kinh nói: “Bản nguyện phát khởi đã thuần thực trọn vẹn”.

Tạo lợi ích: Là thương xót. Như kinh nói: “Dùng đại bi làm đầu, thành tựu tâm đại từ”.

Mong cầu: Là cầu đạt trí Phật. Như kinh nói: “Quán xét trí Nhất thiết trí”.

Hành trì: Là tu hành. Tu hành có 5 thứ.

(a) Tu hành nơi cõi tịnh. Như kinh nói: “Vì đây khởi việc làm trang nghiêm cõi Phật”.

(b) Tu hành đầy khởi pháp Phật. Như kinh nói: “Vì nhằm gồm đủ các pháp vô úy, mười lực, mười tám pháp bất cộng, các tướng tốt trang nghiêm của Phật, đầy đủ âm thanh vi diệu”. Âm thanh vi diệu là tiếng loa pháp.

(c) Tu hành theo phương tiện của địa kia không cho là chướng. Như kinh nói: “Vì nhằm cầu đạt hạnh thù thắng tối thượng”.

(d) Tu hành hội nhập nơi địa không thoái chuyển. Như kinh nói: “Vì tùy thuận để lãnh hội pháp Phật hết mực sâu xa, giải thoát”.

(đ) Tu hành giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Vì tư duy về phương tiện lớn, nên hành trì”.

*

4. Thế nào là Nêu quả của sự tu hành đối trị tăng trưởng?

* *Kinh nói:* “Bồ-tát ấy, đối với thân kiến hiện có, được xem là đứng đầu, đối với ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, ám, giới, nhập,

ngã mạn. Các sự việc như vậy dấy khởi hiện ra hay ẩn mất, tư duy, nhiều xem xét, đối chiếu, so sánh, khởi ngã, giữ gìn, nơi chốn tham chấp. Bỏ-tát ấy, đối với các sự việc như thế thấy đều đoạn trừ”.

* **Luận nêu:** Quả của sự tu hành đối trị tăng trưởng: Là trí của ngã, trí lớn, ngã tu tập, ngã sở tu tập. Như thế, cùng với các sự việc hiện ra, ẩn mất v.v... thấy đều diệt trừ.

Hiện ra: Là Tam-muội phát khởi.

Ẩn mất: Là Tam-muội dứt mất.

Chỗ thấy đều diệt trừ của Bỏ-tát: Lại có 5 thứ: (1) Gốc. (2) Dấy khởi. (3) Hành. (4) Giữ gìn. (5) Lỗi lầm.

Gốc: Tức dựa nơi thân kiến làm gốc. Ngã mạn nơi chúng sinh, ngã mạn nơi pháp có sai biệt như thế. Như kinh nói: “Bỏ-tát ấy, đối với thân kiến hiện có, được xem là đứng đầu v.v...”.

Dấy khởi: Là khởi tư duy không chân chánh. Như kinh nói: “Tư duy”. *Hành:* Là khiến người khác nhận biết. Như kinh nói: “Nhiều xem xét”.

Giữ gìn: Là luôn luôn xem xét. Dấy khởi ngã tướng, thọ trì. Như kinh nói: “Đối chiếu, so sánh, khởi ngã, giữ gìn”. *Lỗi lầm:* Là các sự việc như chốn an ổn của tâm. Như kinh nói: “Nơi chốn tham chấp”.

Các sự việc hiện ra, ẩn mất v.v... trong sự việc học hành như thế thấy đều xa lìa. Như kinh nói: “Bỏ-tát ấy, đối với các sự việc như thế thấy đều đoạn trừ”.

Đây là dựa nơi phiền não cấu nhiễm sinh quả xa lìa.

* **Kinh nói:** “Bỏ-tát ấy, đối với nghiệp không thể tạo tác hiện có, đối với các thứ phiền não cấu nhiễm bị Như Lai quả trách, tất cả đều không hành trì. Đối với nghiệp có thể tạo tác hiện có, thuận theo hạnh Bỏ-tát, được Như Lai tán thán, tất cả nên tu hành đúng đắn”.

* **Luận nêu:** Ở đây:

Nghiệp không thể tạo tác hiện có: Có 2 thứ sự việc khiến không nên làm:

(1) Không tôn kính Như Lai, Phật không tán thán.

(2) Sợ tiếng xấu, sinh phiền não. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, đối với nghiệp không thể tạo tác hiện có, đối với các thứ phiền não cấu nhiễm bị Như Lai quở trách, tất cả đều không hành trì”.

Nghiệp có thể tạo tác hiện có: Có 2 thứ sự việc do đó nên làm:

(1) Thấy rõ không có danh, lợi xấu ác, thuận theo hạnh Bồ-tát.

(2) Tôn kính Như Lai, được Phật tán thán. Như kinh nói: “Đối với nghiệp có thể tạo tác hiện có, thuận theo hạnh Bồ-tát, được Như Lai tán thán, tất cả nên tu hành đúng đắn”.

Đây là dựa nơi nghiệp cấu nhiễm sinh quả xa lìa.

“Bồ-tát ấy lại chuyển tăng, tùy từng chỗ, từng nơi, với trí phương tiện đã phát khởi tu hành trợ đạo phần. Như vậy, như vậy, thành tựu tâm nhuận ích v.v...”: **Bốn mươi câu** như thế v.v... là hiển bày 4 thứ quả:

a. Ở trong công đức thù thắng sinh tâm mong muốn tăng thượng.

b. Trong sự tôn kính người thuyết pháp kia phát khởi hành báo ân.

c. Trong hành phương tiện kia phát khởi sự siêng năng tinh tấn.

d. Nơi sự mong muốn tăng thượng kia cảnh giới nơi tâm gốc luôn đầy đủ.

a. Thế nào là ở trong công đức thù thắng sinh tâm mong muốn tăng thượng?

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy lại chuyển tăng, tùy từng chỗ từng nơi, với trí phương tiện đã phát khởi tu hành trợ đạo phần. Như vậy, như

vậy, thành tựu tâm nhuận ích, tâm mềm dịu, tâm thuận hợp, tâm an ổn vui thích, tâm không cầu nhiễm, tâm chuyển tăng cầu đạt hạnh thù thắng tối thượng, tâm chuyển tăng cầu đạt thắng trí, tâm cứu độ tất cả thế gian, tâm cung kính các bậc Thầy, tùy thuận thọ giáo, tâm theo chỗ pháp được nghe dốc sức tu tập”.

* **Luận nêu:** Nơi đoạn này:

Tùy từng chỗ từng nơi, với trí phương tiện đã phát khởi tu hành:
Là tu hành không xả bỏ tất cả chúng sinh, như trước đã nói.

Trợ đạo phần: Là tất cả chi đạo của pháp Bồ-đề phần.

Như vậy, như vậy, thành tựu tâm nhuận ích: Là yêu kính, mong muốn sâu xa.

Tâm nhuận ích ấy có 3 thứ tướng:

- (1) Thù thắng do ưa thích hành trì. Như kinh nói: “Tâm mềm dịu”.
- (2) Thù thắng do Tam-muội tự tại. Như kinh nói: “Tâm thuận hợp”.
- (3) Thù thắng do đối trị lìa lỗi lầm. Như kinh nói: “Tâm an ổn vui thích”.

Lỗi lầm kia lại có 6 thứ:

(1) Lỗi lầm về tiếp nhận. Hoặc lỗi lầm do có tâm ganh ghét trong sự thuyết pháp. Đối trị việc này, như kinh nói: “Tâm không cầu nhiễm”.

(2) Lỗi lầm do ít mong muốn về công đức. Không ưa thích hành trì nhiều bố thí, đầu đà. Đối trị việc này, như kinh nói: “Tâm chuyển tăng cầu đạt hạnh thù thắng tối thượng”.

(3) Lỗi lầm do ít mong muốn trí tuệ, không Thích-cầu đạt thắng trí. Đối trị việc này, như kinh nói: “Tâm chuyển tăng cầu đạt thắng trí”.

(4) Lỗi lầm do biếng trễ, không siêng năng giáo hóa chúng sinh. Đối trị việc này, như kinh nói: “Tâm cứu độ tất cả thế gian”.

(5) Lỗi lầm do tự *kiến thủ*, đối với giáo pháp tôn quý, tâm không tùy thuận. Đối trị việc này, như kinh nói: “Tâm cung kính các bậc Thầy, tùy thuận thọ giáo”.

(6) Lỗi lầm do xả bỏ hết, không theo lời giảng nói để hành trì. Đối trị việc này, như kinh nói: “Tâm theo chỗ pháp được nghe dốc sức tu tập”.

“Như vậy, như vậy, thành tựu tâm nhuận ích v.v...”: **Mười câu** này gọi là Quả thứ nhất của việc *Ở trong công đức thù thắng sinh tâm mong muốn tăng thượng*.

b. Thế nào là trong sự tôn kính người thuyết pháp kia phát khởi hành báo ân?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy thành tựu tâm biết ân, tâm biết báo ân như thế, chuyên tăng nhu hòa, cùng trụ nơi an lạc. Thành tựu tâm chánh trực, tâm mềm dịu, không có hành nơi rừng rậm phiền não, không có dua nịnh quanh co, không có ngã mạn, khéo thọ nhận sự chỉ dạy, đạt được ý của người thuyết giảng, thành tựu tâm thiện như thế, thành tựu tâm tịch diệt như thế, thành tựu tâm hoàn toàn tịch diệt như thế*”.

* **Luận nêu:** Trong sự tôn kính người thuyết pháp kia, phát khởi hành báo ân, tâm biết ân kia v.v...: **Mười câu** (Đợt 2) này đã chỉ rõ về điều ấy. Ở đây:

Thành tựu tâm biết ân: Là hành báo ân của hành tùy thuận. Hành báo ân có 9 thứ: Dựa nơi sự tôn kính khởi tâm báo ân. Như kinh nói: “Tâm biết báo ân như thế”. Dựa nơi đồng pháp, khởi tâm dẫn dắt, giúp đỡ. Như kinh nói: “Chuyên tăng nhu hòa, cùng trụ nơi an lạc”. Dựa nơi nẻo hành pháp, tùy thuận thọ nhận sự giáo hóa phát khởi khả năng nhẫn chịu các việc. Như kinh nói: “Thành tựu tâm chánh trực, tâm mềm dịu”. Dựa nơi sự thọ dụng ăn uống, ở chỗ thí chủ, không che giấu lỗi lầm của mình, không khoe khoang đức độ

của mình. Như kinh nói: “Không có hành nơi rừng rậm phiền não, không có đua nịnh quanh co”. Dựa nơi công đức thù thắng của mình, không khởi tâm cao ngạo. Như kinh nói: “Không có ngã mạn”. Dựa nơi sự giáo hóa, thọ nhận đúng đắn lời giảng nói. Như kinh nói: “Khéo thọ nhận sự chỉ dạy”. Dựa nơi sự chỉ dạy, thọ nhận không điên đảo. Như kinh nói: “Đạt được ý của người thuyết giảng”. Bồ-tát như vậy là ở nơi chỗ bậc tôn kính kia, tu tập hành báo ân.

Thành tựu tâm thiện như thế: Là tu hành đối trị tăng trưởng.

Thành tựu tâm tịch diệt như thế: Là diệu lực thứ nhất của sự tu hành đối trị tăng trưởng.

Thành tựu tâm tịch diệt hoàn toàn như thế: Là nói về quả nơi hai câu trước đã hiển bày.

Đó gọi là Quả thứ hai của *Trong sự tôn kính người thuyết pháp kia phát khởi hành báo ân*.

c. Thế nào là trong hành phương tiện kia phát khởi sự siêng năng tinh tấn?

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, thành tựu tinh tấn không ngừng nghỉ như thế, thành tựu tinh tấn không tạp nhiễm, tinh tấn không thoái chuyển, tinh tấn rộng khắp, tinh tấn vô biên, tinh tấn sáng tỏ, tinh tấn không gì sánh bằng, tinh tấn không hoại, tinh tấn giáo hóa tất cả chúng sinh, tinh tấn khéo phân biệt đạo đúng đạo không đúng”.

* **Luận nêu:** Ở trong hành phương tiện kia phát khởi sự siêng năng tinh tấn, thành tựu tinh tấn không ngừng nghỉ v.v...: **Mười câu** (Đợt 3) này chỉ rõ về tinh tấn không ngừng nghỉ.

Tinh tấn này có **9** thứ:

(1) Tinh tấn ấy được thể hiện một cách thuần nhất bình đẳng. Như kinh nói: “Tinh tấn không tạp nhiễm”. Tạp nhiễm là chỉ cho vừa lười biếng vừa cầu nhiễm, hoặc thái quá hoặc bất cập.

(2) Đối với thừa của mình không động. Như kinh nói: “Tinh tấn không thoái chuyển”.

(3) Nhớ nghĩ rộng khắp. Như kinh nói: “Tinh tấn rộng khắp”.

(4) Vì vô lượng chúng sinh tạo lợi ích, nguyện thâm giữ, dẫn dắt. Như kinh nói: “Tinh tấn vô biên”.

(5) Luôn chí tâm hành trì thuận hợp. Như kinh nói: “Tinh tấn sáng tỏ”.

(6) Tu tập vượt hơn các thứ tinh tấn khác. Như kinh nói: “Tinh tấn không gì sánh bằng”.

(7) Các thứ hành của ma phiền não không thể phá hoại. Như kinh nói: “Tinh tấn không hoại”.

(8) Thâm giữ, dẫn dắt. Như kinh nói: “Tinh tấn giáo hóa tất cả chúng sinh”.

(9) Có thể đoạn trừ nghi hoặc, hàng phục ngôn thuyết của người khác, tu tập chân chánh. Như kinh nói: “Tinh tấn khéo phân biệt đạo đúng đạo không đúng”.

Đó gọi là Quả thứ ba của *Trong hành phương tiện kia phát khởi sự siêng năng tinh tấn*.

d. Thế nào là Nơi sự mong muốn tăng thượng kia cảnh giới nơi tâm gốc luôn đầy đủ?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, nơi cảnh giới của tâm sâu xa chuyển tăng thanh tịnh. Cảnh giới của tâm sâu xa không mất. Lĩnh vực tin hiểu chuyển tăng sáng tỏ, thông suốt, căn thiện đã sinh càng tăng trưởng, xa lìa các thứ uế trước của thế gian, đoạn trừ các tâm nghi, hiện tiền đầy đủ, không có lưới nghi, thành tựu hỷ lạc, được Như Lai hiện tiền gia hộ, thành tựu tâm sâu xa vô lượng hiện tiền*”.

* **Luận nêu: Mười câu** (Đợt 4) chỉ rõ về cảnh giới của tâm kia chuyển tăng thanh tịnh.

Cảnh giới của tâm: Là tâm dựa nơi Bồ-đề phần, như câu đầu đã chỉ rõ.

Cảnh giới của tâm thanh tịnh có 9 thứ:

(1) Tâm đạo kia tu hành tăng tiến. Như kinh nói: “Cảnh giới của tâm sâu xa không mất”.

(2) Ở trong chỗ chứng đắc thắng thượng, chuyển sinh tâm quyết định. Như kinh nói: “Lĩnh vực tin hiểu chuyển tăng sáng tỏ, thông suốt”.

(3) Nhân đối trị tăng trưởng. Như kinh nói: “Căn thiện đã sinh càng tăng trưởng”.

(4) Diệt trừ các chướng ngại. Như kinh nói: “Xa lìa các thứ uế trược của thế gian”.

(5) Đoạn trừ các sự nghi ngờ ẩn kín đối với Địa này. Như kinh nói: “Đoạn trừ các tâm nghi”.

(6) Do đoạn trừ nghi nên đối với các xứ khác luôn quyết định. Như kinh nói: “Hiện tiền đầy đủ, không có lưới nghi”.

(7) Dựa nơi hành an lạc thù thắng. Như kinh nói: “Thành tựu hỷ lạc”.

(8) Dựa nơi diệu lực để giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Được Như Lai hiện tiền gia hộ”.

(9) Dựa nơi tâm Tam-muội vô lượng hiện có, những chướng ngại của trí đều được thanh tịnh. Như kinh nói: “Thành tựu tâm sâu xa vô lượng hiện tiền”.

Đó gọi là Quả thứ tư của *Nơi sự mong muốn tăng thượng* kia cảnh giới nơi tâm gốc luôn đầy đủ.

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Diệm của bậc Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, đại nguyện, nên được thấy nhiều trăm Phật, cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, được thấy nhiều ức Phật cho đến nhiều trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, đại nguyện, nên Bồ-tát này, khi gặp Phật đều đem tâm hương thượng, tâm sâu xa tôn trọng, cung kính, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, tất cả các vật dụng cúng dường thầy đều phụng thí, dùng các thứ các loại tạo nên an lạc thượng diệu của bậc Bồ-tát cúng dường cho chúng Tăng, đem các căn thiện này, đều nguyện hồi hướng về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ở nơi trụ xứ của chư Phật, sinh tâm cung kính tột bậc, một lòng lắng nghe chánh pháp, nghe rồi thì thọ trì, tùy sức tu tập, ở trong pháp của chư Phật xuất gia học đạo. Bồ-tát ấy, nơi tâm sâu xa quyết định tin hiểu, càng trở nên sáng tỏ, thanh tịnh.

Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Diệm của bậc Bồ-tát, ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, tâm sâu xa luôn quyết định tin hiểu thanh tịnh, bình đẳng, các căn thiện kia càng chuyển tăng sáng sạch, thù thắng.

Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc, được các thợ kim hoàn khéo léo luyện, sửa, tạo ra những vật dụng trang sức đẹp để thành tựu không mất. Những vật dụng không phải là trang sức khác, đối với vàng ròng tất không thể sánh kịp.

Này các Phật tử! Bồ-tát kia cũng như vậy. Trụ nơi Địa Diệm của bậc Bồ-tát này, những căn thiện kia thành tựu, không thoái chuyển, căn thiện của Địa dưới không thể sánh kịp.

Này các Phật tử! Ví như ngọc báu Ma ni phát sinh ánh sáng, vầng ánh sáng thanh tịnh có thể phóng ra ánh sáng nữa, thành tựu không mất. Ánh sáng của những vật báu khác không thể xâm đoạt.

Hết thấy mọi trường hợp gió giạt, mưa dôn, nước tưới, ánh sáng kia cũng không tắt.

Này các Phật tử! Cũng vậy, Bồ-tát an trụ nơi Địa Diệm của bậc Bồ-tát này, những Bồ-tát ở Địa dưới không thể theo kịp. Tất cả các thứ ma cùng các loại phiền não đều không thể phá hoại. Bồ-tát ấy, trong bốn Nhiếp pháp, thì đồng sự là hơn hẳn, trong mười Ba-la-mật thì Tinh tấn Ba-la-mật tăng thượng, các Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng là theo sức, theo phần.

Này các Phật tử! Đó gọi là lược nêu về Địa Diệm, là Địa thứ tư của bậc Bồ-tát. Chư Bồ-tát trụ trong Địa này, nhiều lần làm Thiên vương cõi trời Tu-dạ-ma, những sự tạo tác đều tự tại, diệt trừ các thứ kiến chấp về thân của chúng sinh. Dùng phương tiện thiện xảo, khiến cho các chúng sinh an trụ trong chánh kiến, những nghiệp thiện đã làm như bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hạnh của Bồ-tát, niệm Ba-la-mật, niệm mười Địa, niệm diệu lực không hoại, niệm vô úy, niệm pháp bất cộng của Phật. Cho đến không lìa niệm đầy đủ về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, luôn sinh tâm này: Ta phải, đối với hết thấy chúng sinh, là người đứng đầu, là hơn hẳn, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí.

Bồ-tát lại từ niệm ấy phát khởi hành tinh tấn, do diệu lực của tinh tấn, nên trong khoảng một niệm, đạt được ức Tam-muội, có thể thấy ức Phật, có thể nhận biết ức thần lực của Phật, có thể làm chuyển động ức thế giới của Phật, có thể đi vào ức thế giới của Phật, có thể soi chiếu ức thế giới của Phật, có thể hóa độ chúng sinh nơi ức thế giới của Phật, có thể trụ trong ức kiếp, có thể biết rõ về sự việc nơi ức kiếp của đời quá khứ, vị lai, có thể khéo hội nhập nơi ức pháp môn, có thể biến hóa thân làm ức thân, nơi mỗi mỗi thân có thể

thị hiện ức Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại, thắng thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Bồ-tát thị hiện đủ các thứ các loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông nơi mắt, hoặc cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc hành hóa, hoặc làm trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo nghiệp. Các thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết”.

** **Luận nêu:** Bồ-tát ấy, nơi tâm sâu xa luôn quyết định tin hiểu thanh tịnh, bình đẳng, các căn thiện kia càng chuyển tăng sáng sạch, thù thắng: Như các Bồ-tát nơi Địa thanh tịnh khác.*

Dụ về vàng ròng tạo ra các vật dụng trang sức: Là dụ cho A-hàm (Pháp không gì sánh) nơi trí hiện tác chứng trang nghiêm, chỉ rõ về trí chứng đắc. Như kinh nói: “Ví như vàng ròng từ gốc v.v...”.

Dụ về ngọc báu Ma ni phát sinh ánh sáng: Là ánh sáng pháp nơi trí chứng đắc của Bồ-tát, như ánh sáng nơi ngọc báu Ma ni, phóng ra ánh sáng của pháp không gì sánh, nhập vào vô lượng pháp môn, chỉ rõ nghĩa Ánh sáng nơi cảnh giới của Trí soi chiếu khắp. Do ý nghĩa ấy nên Địa này được gọi là Diệm (Ánh lửa). Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như ngọc báu Ma ni phát sinh ánh sáng v.v...”.

Phát sinh ánh sáng: Là có đầy đủ ánh sáng.

Vàng ánh sáng thanh tịnh: Là ánh sáng viên mãn, không cầu nhiễm.

Những sự tạo tác đều tự tại: Tức phá trừ thân kiến của các chúng sinh, trong đó, tạo tác là chỗ tạo tác, tự tại là năng lực.

Phần còn lại: Như trước đã nói, nên biết.

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 7

Địa thứ năm: ĐỊA NAN THẮNG

* **Luận nêu:** Trong **Địa thứ năm** này phân biệt có **3** phần:

1. **Thù thắng do đối trị mạn.**
2. **Thù thắng do hành đạo không trụ.**
3. **Thù thắng của quả ấy.**

*

1. Thế nào là Thù thắng do đối trị mạn?

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Nay các Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được Địa thứ tư của bậc Bồ-tát, khéo thực hiện đủ các hành rồi, muốn bước vào Địa thứ năm nên dùng 10 thứ tâm thanh tịnh, sâu xa, bình đẳng để hội nhập nơi Địa ấy. Những gì là mười? Đó là:*

- (1) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi pháp Phật quá khứ.*
- (2) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi pháp Phật vị lai.*
- (3) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi pháp Phật hiện tại.*
- (4) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi giới tịnh.*
- (5) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi tâm tịnh.*

(6) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi việc dứt trừ kiến, nghi, hối đạt thanh tịnh.*

(7) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi trí đạo phi đạo thanh tịnh.*

(8) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi trí hành đoạn thanh tịnh.*

(9) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi việc lượng xét về tất cả pháp phân Bồ-đề thanh tịnh tối thượng.*

(10) *Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi việc hóa độ tất cả chúng sinh đạt thanh tịnh.*

Này các Phật tử! Bồ-tát dùng mười thứ tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng ấy nên có thể đi vào Địa thứ năm của bậc Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** *Đối trị mạn, thảng:* Tức là 10 thứ tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng, cùng niệm về tâm không thoái chuyển. Trước đã nói về việc đối trị mạn nơi lãnh hội pháp. Nay, trong Địa này nói về đối trị mạn nơi phân biệt thanh tịnh. Trong đó:

Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng: Là ở trong sự bình đẳng, tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sâu xa ấy phân biệt có mười thứ.

Mười thứ tâm thanh tịnh sâu xa: Là pháp của chư Phật cùng sự tùy thuận nơi pháp của chư Phật. Sự phân biệt ấy, nên biết.

Thế nào là pháp của chư Phật? Tức là diệu lực v.v... của ba đời. Như kinh nói: “Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi pháp Phật quá khứ, vị lai, hiện tại”. Như vậy, diệu lực của pháp Phật nơi ba đời đã nêu bày.

Sự tùy thuận nơi pháp của chư Phật: Nghĩa là pháp của chư Phật kia do đâu mà được thành? Tức nhân nơi giới, định, trí cùng việc hóa độ chúng sinh, trong ấy: Dựa nơi giới thanh tịnh, như kinh nói: “Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi giới tịnh”. Dựa nơi định thanh tịnh, như kinh nói: “Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi tâm tịnh”. Dựa nơi trí thanh tịnh, như kinh nói: “Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi việc dứt trừ kiến, nghi, hối đạt thanh tịnh”.

Ở đây: *Trí hành đoạn*: Là lượng xét về tất cả pháp phần Bồ-đề chuyển tăng thù thắng tối thượng, dựa vào sự giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng nơi việc hóa độ tất cả chúng sinh đạt thanh tịnh”.

* **Kinh nói**: “*Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trụ nơi Địa thứ năm của bậc Bồ-tát rồi, khéo tu hành pháp phần Bồ-đề, khéo thành tựu tâm thanh tịnh sâu xa, chuyên cầu đạt hành thượng thắng, tùy thuận hành như đạo, đạt được nguyện lực lớn, do tâm từ bi nên không xả bỏ tất cả chúng sinh, tu tập hành công đức trí tuệ, các hành không ngừng nghỉ, đầy khởi phương tiện thiện xảo, soi chiếu thấy rõ địa tối thượng, chính thức thọ nhận sự gia hộ của Như Lai, đạt được trí lực niệm ý khứ, thành tựu tâm không thoái chuyển*”.

* **Luận nêu**: Trong đoạn này: “Kheo tu hành pháp phần Bồ-đề”, cho đến: “Tùy thuận hành như đạo”: Đều là chính thức tu tập các hành.

Kheo tu hành pháp phần Bồ-đề: Là trong Địa thứ tư của bậc Bồ-tát tu tập pháp phần Bồ-đề, khéo đạt tâm sâu xa thanh tịnh. Còn tâm thanh tịnh sâu xa kia thì cùng cầu đạt hạnh thù thắng. Như thế là hành đạo không trụ, là hơn hết để phá trừ các mạn.

Tùy thuận hành như đạo: Là tâm thanh tịnh sâu xa, tâm không thoái chuyển, trong sự bình đẳng kia, hiện bày thành tựu, tùy nơi sự bình đẳng ấy, trụ nơi pháp thanh tịnh. Như vậy, tâm sâu xa của Bồ-tát an trụ gọi là tùy thuận hành như đạo. Tùy thuận hành như đạo có 8 thứ:

- (1) Tu tập tâm Bồ-đề. Như kinh nói: “Đạt được nguyện lực lớn”.
- (2) Không mệt mỏi. Như kinh nói: “Do tâm từ bi nên không xả bỏ tất cả chúng sinh”.
- (3) Đạt được diệu lực của căn thiện. Như kinh nói: “Tu tập hành công đức, trí tuệ”.

(4) Không bỏ các hành. Như kinh nói: “Các hành không ngừng nghỉ”.

(5) Tu hành chân chánh. Như kinh nói: “Dấy khởi phương tiện thiện xảo”.

(6) Không chán đủ. Như kinh nói: “Soi chiếu thấy rõ địa tối thượng”.

(7) Đạt được lực thù thắng của người khác. Như kinh nói: “Chính thức thọ nhận sự gia hộ của Như Lai”.

(8) Tự thân đạt được diệu lực thù thắng, niệm thù thắng nơi ba tuệ. Như kinh nói: “Đạt được trí lực *niệm ý khứ*, thành tựu tâm không thoái chuyển”. *Khứ* là quán tu tuệ không bị chướng ngại.

*

2. Thế nào là Thù thắng do hành đạo không trụ? Thù thắng do hành đạo không trụ có 2 thứ quán:

a. Thù thắng nơi trí thanh tịnh trong pháp của đối tượng được nhận biết.

b. Thù thắng nơi phương tiện siêng năng tạo lợi ích cho chúng sinh.

Do hai pháp ấy nên không trụ nơi thế gian, không trụ nơi Niết-bàn.

a. Thế nào là sự thù thắng nơi trí thanh tịnh trong pháp của đối tượng được nhận biết?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về: Khổ thánh đế, Khổ tập đế, Khổ diệt đế. Nhận biết đúng như thật về Đạo thánh đế diệt trừ hết khổ.*

Bồ-tát ấy khéo nhận biết về Thế đế, khéo nhận biết về Đệ nhất nghĩa đế, khéo nhận biết về: (1) Đế tướng. (2) Đế sai biệt. (3) Đế thuyết hành. (4) Đế sự. (5) Đế sinh. (6) Đế trí tận, vô sinh. (7) Đế

khiến nhập nơi đạo trí. (8) Để thứ lớp thành tựu nơi tất cả địa của bậc Bồ-tát. (9) Để tập trí Như Lai.

Bồ-tát ấy thuận theo tâm ý của chúng sinh khiến họ hoan hỷ. Khéo nhận biết về Thế đế, nên thông đạt về một tướng của tất cả pháp. Khéo nhận biết về Đế nhất nghĩa đế, nên biết rõ tự tướng, đồng tướng của pháp. Khéo nhận biết về đế tướng, nên biết rõ chỗ sai biệt của các pháp. Khéo nhận biết về đế sai biệt, nên phân biệt về âm, giới, nhập. Khéo nhận biết về đế thuyết hành, nên biết rõ về thân tâm khổ não. Khéo nhận biết về đế sự, nên biết rõ về các nẻo sinh tương tục. Khéo nhận biết về đế sinh, nên diệt trừ hoàn toàn các thứ nhiễm não. Khéo nhận biết về đế trí tận, vô sinh, nên phát khởi hành bất nhị. Khéo nhận biết về đế khiến nhập nơi đạo trí, nên biết đúng đắn về tướng của tất cả các pháp. Khéo nhận biết về đế thứ lớp thành tựu nơi hết thấy địa của bậc Bồ-tát, cùng khéo nhận biết về đế tập trí Như Lai, do diệu lực tin hiểu, nên biết rõ chỗ nhận thức của trí phi đặc nhất thiết cứu cánh”.

*** Luận nêu:** Sự thù thắng nơi trí thanh tịnh trong pháp của đối tượng được nhận biết có 2 thứ:

(1) Phân biệt pháp thật, nhận biết đúng như thật về bốn đế. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về khổ thánh đế, khổ tập đế, khổ diệt đế. Nhận biết đúng như thật về đạo thánh đế diệt trừ hết khổ”.

(2) Chỗ sai biệt của phương tiện hóa độ chúng sinh, nơi trí phương tiện sai biệt của mười đế. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, khéo nhận biết về Thế đế, cho đến: Cùng khéo nhận biết về đế tập trí Như Lai”.

Trong ấy:

Phân biệt pháp thật: Tức có Phật hay không có Phật, thì hai đế khổ, tập với quả nhân sai biệt, thể của chúng là vọng tưởng cấu nhiễm. Hai đế diệt, đạo với quả nhân sai biệt, thể của chúng là pháp thanh tịnh.

Chỗ sai biệt của phương tiện hóa độ chúng sinh: Tức sự sai biệt của chúng sinh nơi đối tượng được hóa độ. Phương tiện sai biệt nên nhận biết. Chúng sinh nơi đối tượng được hóa độ có 7 thứ. Hàng Tiểu thừa có thể hóa độ gồm 6 thứ.

(1) Vì chúng sinh căn cơ chưa thuần thực, nên biết rõ về phương tiện của Thế đế.

(2) Vì chúng sinh căn cơ chưa thuần thực, nên biết rõ phương tiện của Đệ nhất nghĩa đế.

(3) Vì các chúng sinh nghi hoặc nơi pháp thâm diệu, nên biết rõ phương tiện của đế tướng.

(4) Vì các chúng sinh hiểu sai lạc, mê lầm nơi pháp thâm diệu, nên biết rõ về phương tiện của đế sai biệt.

(5) Vì các chúng sinh lìa chánh niệm, nên biết rõ về phương tiện của đế thuyết hành.

(6) Vì các chúng sinh có chánh kiến, nên biết rõ về phương tiện của đế sự, biết rõ về phương tiện của đế sinh, đế trí tận, vô sinh, để khiến nhập nơi đạo trí. Bốn đế như đế sự v.v... là thuộc về khổ đế v.v...

(7) Là hàng Đại thừa có thể hóa độ chúng sinh, nên khéo nhận biết về phương tiện của đế thứ lớp thành tựu nơi tất cả địa của bậc Bồ-tát, cùng khéo nhận biết về phương tiện của đế tập trí Như Lai. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy thuận theo tâm ý của chúng sinh khiến họ hoan hỷ. Khéo nhận biết về Thế đế, nên thông đạt về một tướng của tất cả pháp v.v...”.

Trong đoạn này: *Thứ lớp của địa Bồ-tát:* Là khoảng giữa của từng địa, như từ địa của mình thứ lớp hội nhập. Nên biết tất cả sinh xứ, thân tâm thọ nhận khổ não. *Khổ:* Tức sự thọ nhận hiện có đều là sự khổ. *Phát khởi hành bất nhị:* Tức là một hành. *Nhận biết đúng*

đẫn về tất cả các tướng: Là xử luận của năm minh đều khéo léo nhận biết. Là lực dụng của tin hiểu. *Nhận biết*: Là trí lực của quán xét hình tượng nơi gương, trí lực của quán xét không thành tựu.

Như vậy là đã nói xong phần: *Thù thắng nơi trí thanh tịnh trong pháp của đối tượng được nhận biết*.

b. Thế nào là sự thù thắng nơi phương tiện siêng năng tạo lợi ích cho chúng sinh? Do nhận biết tướng hư vọng của tất cả pháp hữu vi, nên đẩy khởi niệm thương xót chúng sinh.

* **Kinh nói**: “*Bồ-tát ấy, đã khéo phát khởi trí của các đế như thế rồi, thì nhận biết đúng như thật về tất cả hành hữu vi đều là hư vọng, dối trá, dối gạt, làm mê hoặc hàng phàm phu. Bồ-tát bấy giờ, lại ở nơi chúng sinh, tâm đại bi chuyển tăng trội bật, luôn hiện tiền, cùng phát khởi tâm đại từ sáng tỏ*”.

* **Luận nêu**: “*Bồ-tát ấy, đã khéo phát khởi trí của các đế như thế rồi*”, cho đến: “*Cùng phát khởi tâm đại từ sáng tỏ*”: Trong đó:

Vọng tướng về thường v.v...: Là do chẳng giống với không hoàn toàn (vô) nên là hư. Luôn tạo ra các sự việc kiêu mạn, tướng chấp về ngã, nên là vọng. Pháp thể gian hoàn toàn hư hoại nên là dối. Pháp thể gian lôi kéo, trói buộc hàng phàm phu ngu si nên là trá v.v...

Phàm phu: Là dựa nơi chỗ chấp giữ về thân, đẩy khởi ngã mạn.

Đại bi, đại từ: Là thương xót chúng sinh.

Lợi ích thù thắng: Tức chỉ rõ chỗ hơn so với địa trước về bi, nên nói đại bi thù thắng hành đạo không trụ. Thành tựu trí phương tiện để cứu độ chúng sinh, nên gọi là tâm đại từ sáng tỏ.

* **Kinh nói**: “*Bồ-tát ấy đạt được diệu lực của trí tuệ như vậy, nên không xả bỏ tất cả chúng sinh, luôn cầu đạt trí tuệ Phật. Quán xét đúng như thật về hết thấy hành hữu vi nơi biên vực trước, biên vực sau. Nhận biết các chúng sinh từ nơi biên vực trước với vô minh,*

hữu ái nên sinh, lưu chuyển trong thế gian, quy về ngôi nhà năm ám. Không thể hành động tự tại nên khối khổ ám càng tăng trưởng. Trong đó, không có ngã, không thọ mạng, không chúng sinh, lìa ngã, ngã sở, Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật. Biên vực sau cũng như vậy. Ở đây, không thật có mà do tham chấp hư vọng về phần đoạn, tất cả đều ra khỏi có không. Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật”.

*** Luận nêu:** *Bồ-tát ấy đạt được diệu lực của trí tuệ như vậy: Tức như trước đã nêu.*

Không xả bỏ tất cả chúng sinh: Tức tâm đại bi, đại từ sáng tỏ cũng như trước đã nói.

Cầu đạt trí tuệ Phật: Là nghĩa cứu độ tất cả chúng sinh.

Quán xét đúng như thật về hết thấy hành hữu vi nơi biên vực trước, biên vực sau: Tức tùy nơi quán đại bi kia chỉ rõ 2 thứ tướng:

(1) *Quán như thật về nhân duyên của khổ là tập:* Như kinh nói: “Nhận biết các chúng sinh từ nơi biên vực trước với vô minh, hữu ái nên sinh v.v...”. Ở đây, “Từ nơi biên vực trước với vô minh, hữu ái nên sinh”: Tức hiển bày phạm phu sinh, không phải là Bồ-tát sinh. Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo để sinh. Vì sao không nói các phần nhân duyên khác? Vì vô minh, hữu ái là gốc rễ của phần Hữu. *Phạm phu sinh:* Tức nói có ba thứ chúng sinh: Chúng sinh cầu dục, chúng sinh cầu phạm hạnh không thật, chúng sinh cầu hữu. Cho đến dựa nơi cõi trời Hữu Đảnh thì khối khổ của năm ám cũng là vô ngã, trong ấy, tự thân vô ngã và vô ngã của chúng sinh nơi đệ nhất nghĩa, nên là không. Nhưng vô ngã của chúng sinh là dựa nơi sức của mạng căn mà trụ, luôn luôn thọ sinh, thân tâm của chúng sinh tương tục, không phải thường, không phải đoạn, nên cho là có thọ mạng, có chúng sinh. Phá trừ ý chấp giữ, kiêu mạn kia, nên nói là không thọ mạng, không chúng sinh. Xa lìa ý ngã mạn của chủ thể chấp giữ, đối tượng được chấp giữ, nên gọi là lìa ngã, ngã sở.

Nơi biên vực trước, do nhân duyên gì tùy nơi chúng sinh hiện có, tùy nơi hành khổ hiện có? Bồ-tát quán xét đúng đắn rồi thì biên vực sau cũng như vậy. Tùy nơi nhân của khổ kia là vô minh, ái dứ hẫn, gọi là diệt, hơn hẳn diệt của thế gian. “Ra khỏi” là đạo. “Không” cũng nhận biết đúng như thật. “Có” cũng nhận biết đúng như thật. Đó gọi là một thứ đại bi quán đúng đắn về nhân duyên tập, nhớ nghĩ đúng như thật về khổ.

(2) *Quán đúng đắn về các khổ sâu nặng mãi đeo đuổi nơi vô lượng đời cùng đủ các thứ các loại khổ.*

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Bồ-tát suy niệm: Các kẻ phàm phu ấy thật hết sức kỳ dị. Ngu si, không trí nên thọ nhận vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thân đã diệt, đang diệt, sẽ diệt. Luôn diệt như vậy, nhưng không thể đối với thân sinh tưởng chán lìa, lại càng làm tăng trưởng những yếu tố chính nơi thân khổ, thường bị cuốn trôi nổi theo dòng chảy của thế gian, không thể lợi ngược lại, chỉ quy về nơi ngôi nhà năm ám, không làm sao lìa bỏ được, không sợ rắn độc cắn đái, không thể nhỏ bỏ mũi tên kiến cháp, ngã mạn, không thể diệt trừ lửa tham sân si, không thể phá bỏ được vùng vô minh tối tăm, không thể làm khô cạn dòng sông lớn ái chấp. Không cầu đạt mười lực nơi bậc Đại Thánh, bậc Đạo sư, thường đi vào rừng rậm của ý ma, ở trong biển sinh tử luôn bị các thứ giác quán xấu ác xoay chuyển”.*

* **Luận nêu:** *Đại bi quán xét đúng đắn về các khổ sâu nặng:* Là nơi vô lượng đời luôn bị cuốn theo đủ thứ loại khổ.

Có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thân diệt: Là bị cuốn theo trong vô lượng đời.

Thế nào là quán xét về vô số thứ loại khổ? Như quán về sinh khổ. Nhân của khổ ấy. Lìa nhân khổ kia là diệt, đạo. Cũng vậy, quán về già, bệnh, chết khổ, nhân của khổ kia, lìa nhân khổ là diệt, đạo. Nơi đoạn này:

Thân ấy dựa nơi nhân duyên, có đủ yếu tố chính về thân khổ:
Là chỉ rõ về sinh khổ.

Thường bị cuốn trôi nổi theo dòng chảy của thế gian, không thể lợi ngược lại: Là chỉ rõ về ái của tập (nguyên nhân).

Chỉ quy về nơi ngôi nhà năm ám, không làm sao lìa bỏ được:
Là chỉ rõ về diệt, đạo, lìa nhân khổ.

Không sợ rắn độc bốn đại: Là bệnh khổ nơi nhân kia phát sinh tăng giảm.

Chúng sinh cầu phạm hạnh không thật, chúng sinh cầu dục, thọ nhận dục, hành hạnh ác, chúng sinh cầu hữu: Tức chỉ rõ không thể nhỏ bỏ mũi tên kiến chấp, ngã mạn, không thể diệt trừ lửa tham sân si, không thể phá bỏ được vùng vô minh tối tăm, không thể làm khô cạn dòng sông lớn ái chấp. Thử lớp như thế, chỉ rõ về nguyên nhân của khổ kia cầu hướng tới nơi chốn vô úy.

Không cầu đạt mười lực nơi bậc Đại Thánh, bậc Đạo sư: Là chỉ rõ việc xa lìa sự diệt khổ kia.

Thường đi vào rừng rậm của ý ma: Là chỉ rõ việc thuận theo đạo ác, xa lìa đạo diệt khổ kia.

Ở trong biển sinh tử luôn bị các thứ giác quán (Tâm tứ) xấu ác xoay chuyển: Tức tướng của tất cả tâm, tâm số pháp nơi ba cõi đều là phân biệt hư vọng, nên biết.

*** Kinh nói:** “*Ta (Bồ-tát) thấy rõ các chúng sinh kia thọ nhận khổ não như vậy, cô độc, không người cứu độ, không nơi nương dựa, không có nhà cửa, không có bến bãi, không nẻo cứu cánh, mù lòa không mắt, bị màng tối vô minh che chắn trời buộc, ngu si trùm phủ. Vì các chúng sinh ấy, Bồ-tát phát tâm như vậy: Chỉ mỗi mình ta đơn độc, không bạn bè sánh cùng, tu tập công đức trí tuệ trợ đạo, dùng công đức trí tuệ trợ đạo ấy làm hành trang, khiến cho hết thấy chúng*

sinh được an trụ nơi chốn thanh tịnh trọn vẹn, cho đến khiến họ đạt được mười lực của Phật, trí hoàn toàn không chướng ngại”.

*** Luận nêu:** Trong đoạn này:

Các chúng sinh kia thọ nhận khổ não như vậy: Như trước đã nói.

Cô độc: Tức ở trong khổ não không ai cứu vớt. Lại nữa, cô độc là đối với việc đã thọ nhận khổ, chưa thọ nhận khổ.

Không người cứu độ, không nơi nương dựa: Là xa lìa thiện tri thức.

Không có nhà cửa: Tức là lìa việc được nghe chánh pháp.

Không có bến bãi: Là lìa bỏ tư duy tịch tĩnh.

Không nẻo cứu cánh: Là lìa bỏ chánh kiến.

Mù lòa không mắt: Tức chỉ cho chướng ngại nơi các phiền não vốn có cùng với phiền não của khách trần, luôn khởi tà niệm, không nghe chánh pháp.

Bị màng tối vô minh che chắn trói buộc, ngu si trùm phủ, chỉ mỗi mình ta đơn độc, không bạn bè sánh cùng: Là hiển bày sự việc dững mãi, thù thắng.

Tu tập công đức trí tuệ trợ đạo: Là làm sáng tỏ việc tu hành tăng trưởng, dựa vào đây để giáo hóa chúng sinh, tạo nhân của hàng trời, người, cho đến nhân của Niết-bàn.

Thanh tịnh trọn vẹn: Là sự thanh tịnh hơn hẳn thế gian.

Đạt được mười lực của Phật: Là hàng phục các thứ ma oán.

Trí hoàn toàn không chướng ngại: Là trí thanh tịnh của Phật hơn hẳn hàng Nhị thừa.

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát khéo quán xét như thế, khởi diệu lực của trí tuệ, phát nguyện vì nhằm cứu độ tất cả chúng sinh, vì nhằm tạo lợi ích cho hết thảy chúng sinh, vì nhằm đem lại an lạc cho tất cả chúng*

sinh, nên thương xót nhớ nghĩ đến muôn loài, vì nhằm khiến cho hết thấy chúng sinh không còn khổ não, vì khiến cho tất cả chúng sinh đạt được giải thoát, vì nhằm gồm thâu dẫn dắt hết thấy chúng sinh, vì nhằm khiến cho tâm của tất cả chúng sinh được thanh tịnh, vì nhằm điều phục hết thấy các chúng sinh, nên Bồ-tát phát nguyện hóa độ khiến tất cả chúng sinh hội nhập nơi Đại Niết-bàn”.

* **Luận nêu:** Trong đoạn này:

Khéo quán xét như thế, khởi diệu lực của trí tuệ: Là dùng trí quan sát đúng đắn để điều phục dẫn dắt chúng sinh.

Phát nguyện vì nhằm cứu độ tất cả chúng sinh: Tức nhỏ sạch các thứ khổ não.

Cứu độ có 9 thứ:

(1) Đối với chúng sinh trụ nơi nẻo bất thiện: Khiến họ trụ nơi pháp thiện. Như kinh nói: “Vì nhằm tạo lợi ích cho hết thấy chúng sinh”.

(2) Chúng sinh trụ nơi pháp thiện: Khiến họ đạt được quả an lạc. Như kinh nói: “Vì nhằm đem lại an lạc cho tất cả chúng sinh”.

(3) Chúng sinh sống cảnh bản cùng thiếu thốn: Thì ban cho họ tất cả vật dụng sinh sống. Như kinh nói: “Thương xót nhớ nghĩ đến muôn loài”.

(4) Chúng sinh bị bệnh khổ cùng bị các ngoại duyên não hại: Đều khiến họ dứt trừ. Như kinh nói: “Vì nhằm khiến cho hết thấy chúng sinh không còn khổ não”.

(5) Chúng sinh bị trói cột, giam nhốt nơi thế gian: Khiến họ đều được lìa khỏi. Như kinh nói: “Vì khiến cho tất cả chúng sinh đạt được giải thoát”. Ở đây có 4 thứ tướng:

(a) Khiến các ngoại đạo tin hiểu chánh pháp. Như kinh nói: “Vì nhằm gồm thâu dẫn dắt hết thấy chúng sinh”.

(b) Chúng sinh nghi hoặc thì khiến họ khéo quyết định dứt trừ nghi. Như kinh nói: “Vì nhằm khiến cho tâm của tất cả chúng sinh được thanh tịnh”.

(c) Chúng sinh đã trụ nơi quyết định: Thì khuyến khích họ tu tập ba học. Như kinh nói: “Vì nhằm điều phục hết thảy các chúng sinh”.

(d) Chúng sinh đã trụ nơi ba học: Thì khiến họ đạt được Niết-bàn. Như kinh nói: “Phát nguyện hóa độ khiến tất cả chúng sinh hội nhập nơi Đại Niết-bàn”.

Trong 9 thứ cứu khổ này, hai câu đầu: Là cứu độ đời vị lai. Các câu còn lại: Là cứu độ hiện tại, cũng cứu độ vị lai.

Đó gọi là *Thù thắng do hành đạo không trụ*.

*

3. Thế nào là Quả của sự tu hành ấy? Có 4 thứ tướng:

a. Thù thắng do gồm thâm công đức.

b. Thù thắng do tu tập hành trì.

c. Thù thắng do giáo hóa chúng sinh.

d. Thù thắng do khởi trí tùy thuận thế gian.

a. Thế nào là Thù thắng do gồm thâm công đức? Là thù thắng do gồm thâm Văn, Giới, Trí.

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy an trụ nơi Địa Nan Thắng, là Địa thứ năm của bậc Bồ-tát rồi, được gọi là Niệm, vì không quên các pháp. Gọi là Ý, vì trí tuệ khéo quyết định. Gọi là Khứ, vì nhận biết thứ lớp, ý nghĩa của kinh sách. Gọi là có Hộ Thẹn, vì tự giữ gìn và giữ gìn cho chúng sinh. Gọi là Tâm kiên cố, vì không bỏ thí hành trì giới. Gọi là Giác, vì khéo tư duy về xử đúng – xử không đúng. Gọi là Theo trí, vì không tùy thuộc vào kẻ khác. Gọi là Theo tuệ, vì khéo phân biệt về nghĩa đúng – nghĩa không đúng nơi chương câu của các pháp. Gọi

là Đạt thần thông, vì khéo tu tập thiền định. Gọi là Phương tiện thiện xảo, vì thuận hành pháp thế gian”.

* **Luận nêu:** Thù thắng do gồm thâu Văn: Là thù thắng do gồm thâu ba tuệ: văn, tư, tu. Thế nào là thù thắng của tuệ? Như kinh nói: “Gọi là Niệm, vì không quên các pháp. Gọi là Ý, vì trí tuệ khéo quyết định. Gọi là Khứ, vì nhận biết thứ lớp, ý nghĩa của kinh sách”. Ở đây, niệm là thù thắng của văn tuệ. Ý là thù thắng của tư tuệ. Khứ là thù thắng của tu tuệ. Thứ lớp của các câu ấy lại có cách giải thích khác: Nghe, hành trì thù thắng nên gọi là niệm. Pháp trí thâm diệu thù thắng nên gọi là ý. Trí thâm diệu của ý thù thắng nên gọi là khứ. Đây là lược nêu về hai thứ thiện xảo: pháp thiện xảo và nghĩa thiện xảo thành tựu.

Thù thắng do gồm thâu Giới: Có hai thứ là nhẫn nhục, nhu hòa và thù thắng do giới không thiếu sót. Như kinh nói: “Gọi là có Hồ Thẹn, vì tự giữ gìn và giữ gìn cho chúng sinh. Gọi là Tâm kiên cố, vì không bỏ thí hành trì giới”.

Thù thắng do gồm thâu Trí: Có 5 thứ:

(1) Trí nhân duyên tập, không nhân nơi điên đảo, đối trị nhân nơi tà kiến. Như kinh nói: “Gọi là Giác, vì khéo tư duy về xứ đúng – xứ không đúng”.

(2) Trí chứng đắc, đối trị ma sự. Như kinh nói: “Gọi là Theo trí, vì không tùy thuộc vào kẻ khác”.

(3) Trí nhận biết ngôn thuyết sai lại, đối trị dị thuyết. Khéo nhận biết về câu nghĩa đúng, câu nghĩa không đúng, câu nghĩa xen tạp. Như kinh nói: “Gọi là Theo tuệ, vì khéo phân biệt về nghĩa đúng - nghĩa không đúng nơi chương câu của các pháp”.

(4) Trí thần lực, đối trị quy y tà vạy. Như kinh nói: “Gọi là Đạt thần thông, vì khéo tu tập thiền định”.

(5) Trí hóa độ chúng sinh, dùng phương tiện để thâm giữ. Như kinh nói: “Gọi là Phương tiện thiện xảo, vì thuận hành pháp thế gian”.

Đó gọi là Thù thắng do gồm thâm công đức.

b. Thế nào là Thù thắng do tu tập hành trì?

* **Kinh nói:** “Gọi là không chán đủ, vì khéo tích tập công đức, hành trợ đạo. Gọi là tinh tấn không ngừng nghỉ, vì thường cầu đạt trí tuệ, hành trợ đạo. Gọi là không mệt mỏi, vì tích tập đại từ bi, hành trợ đạo. Gọi là thường niệm pháp Phật, vì dốc cầu đạt mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng của Phật. Gọi là khéo nhớ nghĩ tu hành, vì khởi phát việc làm trang nghiêm cõi Phật. Gọi là tu hành đầy đủ các pháp thiện, vì tích tập ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Gọi là thường hành tinh tấn, vì dốc cầu thân, khẩu, ý Phật trang nghiêm. Gọi là ưa thích cung kính đại pháp, vì luôn thân cận cùng đường hết thầy chư Bồ-tát cùng Pháp sư. Gọi là khéo dấy khởi nguyện tự tại, vì có phương tiện lớn để khéo hội nhập nơi thế gian. Gọi là ngày đêm xa lìa tâm khác, vì thường ưa thích giáo hóa hết thầy chúng sinh”.

* **Luận nêu:** Sự thù thắng do tu tập hành trì có **10** thứ:

(1) Hành tăng trưởng nhân. Như kinh nói: “Gọi là không chán đủ, vì khéo tích tập công đức, hành trợ đạo”.

(2) Hành nương dựa nơi nhân. Như kinh nói: “Gọi là tinh tấn không ngừng nghỉ, vì thường cầu đạt trí tuệ, hành trợ đạo”.

(3) Hành hóa độ chúng sinh không hề mệt mỏi. Như kinh nói: “Gọi là không mệt mỏi, vì tích tập đại từ bi, hành trợ đạo”.

(4) Hành hưng khởi pháp Phật. Như kinh nói: “Gọi là thường niệm pháp Phật, vì dốc cầu đạt mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng của Phật”.

(5) Hành phát khởi việc làm thanh tịnh cõi Phật. Như kinh nói: “Gọi là khéo nhớ nghĩ tu hành, vì phát khởi việc làm trang nghiêm

cõi Phật”. Thế nào là trang nghiêm? Tức chúng sinh trụ nơi cõi đó không có phiền não để cấu ứ, đạt trí tuệ kiên cố, cùng pháp Phật luôn trang nghiêm.

(6) Hành dựa nơi Pháp thân Phật để phát khởi. Như kinh nói: “Gọi là tu hành đầy đủ các pháp thiện, vì tích tập ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp”.

(7) Hành dựa nơi nẻo hành hóa của Phật để phát khởi. Như kinh nói: “Gọi là thường hành tinh tấn, vì dốc cầu thân, khẩu, ý Phật trang nghiêm”.

(8) Hành kính trọng pháp. Như kinh nói: “Gọi là ưa thích cung kính đại pháp, vì luôn thân cận cúng dường hết thầy chư Bồ-tát cùng Pháp sư”.

(9) Hành nguyện đạt được đầy đủ. Như kinh nói: “Gọi là khéo đầy khởi nguyện tự tại, vì có phương tiện lớn để khéo hội nhập nơi thế gian”.

(10) Hành lìa bỏ tâm Tiểu thừa. Như kinh nói: “Gọi là ngày đêm xa lìa tâm khác, vì thường ưa thích giáo hóa hết thầy chúng sinh”.

Đó gọi là Thù thắng do tu tập hành trì.

c. Thế nào là Thù thắng do giáo hóa chúng sinh?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, khi thành tựu hành như thế, dùng bố thí để giáo hóa chúng sinh. Lại dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự để giáo hóa chúng sinh. Lại dùng việc thị hiện sắc thân để giáo hóa chúng sinh. Lại dùng việc thuyết pháp để giáo hóa chúng sinh. Lại thị hiện rộng khắp các thứ thần thông của hạnh Bồ-tát để giáo hóa chúng sinh. Lại giảng nói về đại sự của chư Phật để giáo hóa chúng sinh. Lại thị hiện sự xấu ác, lỗi lầm của thế gian để giáo hóa chúng sinh. Lại giảng nói về lợi ích nơi trí tuệ của chư Phật để giáo hóa chúng sinh. Lại hiện bày tướng trang nghiêm của đại thần thông,

cũng giảng nói về vô số hành để giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát ấy, giáo hóa chúng sinh như vậy, thành tựu phương tiện, thân tâm luôn hướng trời trí Phật, nhưng các hành nơi căn thiện không hề thoái thất, luôn siêng năng tu tập chuyển tăng đạo thù thắng”.

*** Luận nêu:** *Sự thù thắng do giáo hóa:* Là dùng bốn Nhiếp pháp để giáo hóa. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, khi thành tựu hành như thế, dùng bố thí để giáo hóa chúng sinh. Lại dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự để giáo hóa chúng sinh”.

Vì đồng sự là tùy thuận chúng sinh, nên Bồ-tát ứng hóa tại: Như kinh nói: “Lại dùng việc thị hiện sắc thân để giáo hóa chúng sinh”.

Vì các chúng sinh nghi hoặc, nên có thể thuyết pháp thành tựu: Như kinh nói: “Lại dùng việc thuyết pháp để giáo hóa chúng sinh”.

Vì các chúng sinh không có phương tiện đối với Bồ-đề: Như kinh nói: “Lại thị hiện rộng khắp các thứ thân thông của hạnh Bồ-tát để giáo hóa chúng sinh”.

Vì các chúng sinh đối với pháp Đại thừa tỏ ra mỗi mết: Như kinh nói: “Lại giảng nói về đại sự của chư Phật để giáo hóa chúng sinh”.

Vì các chúng sinh ham thích nơi thế gian: Như kinh nói: “Lại thị hiện sự xấu ác, lỗi lầm của thế gian để giáo hóa chúng sinh”.

Vì các chúng sinh không tin pháp Đại thừa: Như kinh nói: “Lại giảng nói về lợi ích nơi trí tuệ của chư Phật để giáo hóa chúng sinh”.

Vì các chúng sinh không trí tuệ: Bồ-tát hiện bày thân thông trang nghiêm, thị hiện vô số các hành, dùng một thân thị hiện vô lượng thân. Các sự việc như thế nhằm khiến chúng sinh quyết định tin tưởng. Như kinh nói: “Lại hiện bày tướng trang nghiêm của đại thân thông, cũng giảng nói về vô số hành để giáo hóa chúng sinh”.

“*Bồ-tát ấy, giáo hóa chúng sinh như vậy, thành tựu phương tiện*”: Như trước đã nói.

“*Thân tâm luôn hướng tới trí Phật*”: Là cầu đạt diệu lực thù thắng để giáo hóa chúng sinh.

“*Nhưng các hành nơi căn thiện không hề thoái thất*”: Tức theo chỗ công đức, trí tuệ đạt được đều không thoái thất.

“*Luôn siêng năng tu tập chuyển tăng đạo thù thắng*”: Tức chỗ tu tập các hành đều nhằm khiến tăng trưởng, vượt hơn.

Đó gọi là Thù thắng do giáo hóa chúng sinh.

d. Thế nào là thù thắng do khởi trí tùy thuận thế gian, đối trị các thứ chướng, nhiễm?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, vì nhằm tạo lợi ích cho chúng sinh, nên khéo nhận biết về các thứ hiện có nơi thế gian: Sách vở, luận thuyết, in ấn, toán số, các luận như Thạch tánh v.v..., những phương thức chữa trị các bệnh, các thứ làm tổn hại chúng sinh. Bồ-tát thấy đều có thể chữa trị, tạo luận, kinh sách, các loại nhạc hay, các sự việc đem lại vui thích. Khéo nhận biết về đất nước, thành ấp, xóm làng, nhà cửa, sông suối, ao hồ, vườn hoa, lầu gác, thảo dược, rừng núi v.v..., các loại vật báu như vàng, bạc, lưu ly, ngọc báu Ma ni, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não v.v... với những tính chất của chúng. Khéo nhận biết về mặt trời, mặt trăng, tinh tú, động đất, mộng tưởng lành dữ, các thứ tướng trạng ảnh hưởng tới thân mạng. Bồ-tát trì giới, hành xử thiền định, thần thông, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, phạm những sự việc không gây nỗi hại chúng sinh, có thể đem lại lợi ích an lạc cho chúng sinh, vì thương xót chúng sinh nên hiện bày xuất hiện, dần dần khiến họ tin nhập nơi pháp Phật vô thượng*”.

* **Luận nêu:** *Trí tùy thuận thế gian:* Là đối trị các thứ chướng, nhiễm. Như kinh nói: “*Bồ-tát ấy, vì nhằm tạo lợi ích cho chúng sinh, nên khéo nhận biết về các thứ hiện có nơi thế gian: Sách vở, luận thuyết, in ấn, toán số*”.

Trong đó, *về sách vở v.v...* có 4 thứ chương ngại cần đối trị:

(1) *Chương ngại do quên đối với việc sử dụng*: Chọn lấy, trao cho, nhờ vào, giao phó, nghe pháp, nghĩ bàn, làm việc, không làm việc, việc đã làm, chưa làm, việc nên làm, không nên làm. Đối trị điều này nên viết sách.

(2) *Chương ngại do trí yếu kém đối với tà kiến*: Như dùng Nhân luận, Thanh luận. Đối trị hai thứ ấy nên tạo luận.

(3) *Chương ngại do dùng vật không thể giữ gìn*: Đối trị điều này nên có in ấn.

(4) *Chương ngại do lấy, trao sinh nghi*: Đối trị điều này nên có toán số. Số như các phép cộng, trừ v.v... Toán như một dọc mười ngang.

Các Luận như Thạch tánh v.v...: Là đối trị chương ngại do bản cùng.

Những phương thức chữa trị chúng bệnh: Là đối trị chương ngại do các bệnh bốn đại không điều hòa, chúng sinh bị tương độc v.v...

Mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v...: Trong đó chỉ có tướng của mặt trời, mặt trăng v.v... là thấy được, vì mặt trời, mặt trăng v.v... là thuộc về ánh sáng.

Nhập: Là nhập vào tám thứ quả nghiệp.

Các thứ tướng trạng ảnh hưởng tới thân mạng: Là hành của quả yêu thích không yêu thích.

Trì giới, hành xử thiện định, thần thông, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc: Thứ lớp như thế là nhằm đối trị các thứ cấu nhiễm do: (1) Phá giới. (2) Tham dục. (3) Quy y theo nẻo tà. (4) Hành sai lầm về công đức. (5) Tu tập sai lạc về giải thoát.

Như kinh đã nêu:

Tạo luận, kinh sách, các loại nhạc hay, các sự việc đem lại vui thích: Là đối trị chướng ngại do buồn sầu, khổ não.

Đất nước, thành ấp, xóm làng, nhà cửa, sông suối, ao hồ, vườn hoa, lầu gác, thảo dược, rừng núi v.v...: Là đối trị chướng ngại do không vui thích.

Các loại vật báu như vàng bạc, lưu ly, ngọc báu Ma ni, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não v.v...: Là đối trị chướng ngại do bị trói buộc, giam giữ.

Mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v...: Là đối trị chướng ngại do chỗ thọ nhận quả báo vì gây lỗi lầm, tạo nhân ác.

Trì giới, hành xử thiên định, thần thông, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc: Là đối trị năm thứ cấu nhiễm. Đó là cấu nhiễm do phá giới, cho đến cấu nhiễm do tu tập sai lạc về giải thoát.

Khởi trí tùy thuận thế gian ấy có đủ 4 thứ tướng:

(1) Không có chướng ngại trong chướng khác. Như kinh nói: “Phàm những sự việc không gây não hại chúng sinh”.

(2) Ban sự an lạc không lỗi lầm. Như kinh nói: “Có thể đem lại lợi ích an lạc cho chúng sinh”.

(3) Phát khởi thanh tịnh. Như kinh nói: “Vì thương xót chúng sinh nên hiện bày, xuất hiện”.

(4) Chỗ thọ dụng thanh tịnh. Như kinh nói: “Dần dần khiến họ tin nhập nơi pháp Phật vô thượng”.

Đó gọi là Thủ thắng do khởi trí tùy thuận thế gian.

*** Kinh nói:** “Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trụ nơi Địa Nan Thắng của bậc Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, đại nguyện, nên được thấy nhiều trăm Phật cho đến

nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, nhiều ức Phật, cho đến nhiều trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thân thông, đại nguyện, Bồ-tát ấy khi gặp chư Phật, đều dùng tâm sâu xa, tối thượng để cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, các thứ vật dụng cúng dường thầy đều phụng thí, dùng các vật dụng tạo an lạc thượng diệu của bậc Bồ-tát để cúng dường chúng Tăng, đem các căn thiện này, đều nguyện hồi hướng về đạo quả Bồ-đề Vô thượng, nơi trụ xứ của chư Phật luôn khởi tâm cung kính tột bậc, hết lòng nghe pháp, nghe rồi thì thọ trì, tùy sức tu hành, ở trong pháp Phật xuất gia, xuất gia rồi thì luôn có mặt nơi trụ xứ của Phật, nghe nhận kinh pháp, làm vị Pháp sư, thuyết pháp tạo lợi ích, tăng chuyển được pháp Đà-la-ni đa văn, thành tựu bậc pháp sư. Bấy giờ, Bồ-tát ấy trụ trong Địa Nan Thắng của bậc Bồ-tát, trải qua vô lượng trăm kiếp, các thứ căn thiện kia càng trở nên thanh tịnh, sáng tỏ, thù thắng. Trải qua vô lượng ngàn kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, các căn thiện kia càng chuyển tăng, sáng sạch, thù diệu. Bồ-tát ấy đã thành tựu pháp giáo hóa chúng sinh như vậy.

Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc, dùng xa cừ để mài bóng thì màu sắc ánh sáng càng trở nên sáng đẹp hơn hết. Này các Phật tử! Bồ-tát ấy trụ nơi Địa Nan Thắng của bậc Bồ-tát, những căn thiện kia, do diệu lực của trí phương tiện suy xét, nên càng chuyển tăng, trở nên sáng sạch hơn hết. Căn thiện được trí tuệ kia suy xét đã thành tựu, không thoái chuyển, nên càng thù thắng, căn thiện của Địa dưới không thể sánh kịp.

Này các Phật tử! Ví như vàng sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cung điện của chư thiên, ánh sáng ấy đều thành tựu viên mãn, không bị hủy hoại, gió không thể lay động. Cũng vậy, Bồ-tát ấy an trụ trong Địa Nan Thắng của bậc Bồ-tát, các căn thiện kia, do diệu lực của trí phương tiện suy xét, nên thành tựu không thoái chuyển,

hết thầy căn thiện của thế gian, của hàng Nhị thừa đều không thể sánh kịp.

Bồ-tát ấy, trong mười Ba-la-mật thì thiên Ba-la-mật tăng thượng, các pháp Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng là theo sức, tùy phần. Nay các Phật tử! Đó gọi là lược nêu về Địa Nan Thắng, là Địa thứ năm của bậc Bồ-tát.

Bồ-tát an trụ trong Địa này, nhiều lần làm Thiên vương nơi cõi trời Đâu-suất-đà, nẻo hành hóa đều tự tại, hàng phục các thứ tà kiến của hết thầy ngoại đạo, có thể khiến cho chúng sinh trụ trong Thật đế, các nghiệp thiện đã tạo như bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, các thứ phước đức ấy đều không lìa niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hành của Bồ-tát v.v... cho đến không lìa niệm trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, thường khởi tâm này: Ta phải ở trong tất cả chúng sinh, là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là bậc trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ nơi suy niệm này, phát khởi hành tinh tấn, do diệu lực của tinh tấn, nên trong khoảng một niệm, đạt được ngàn ức Tam-muội, được thấy ngàn ức Phật v.v... có thể khéo hội nhập ngàn ức pháp môn, có thể biến hóa thân thành ngàn ức thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện ngàn ức Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu do nguyện lực tự tại thù thắng, tối thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện đủ các loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc ánh sáng, hoặc thần thông nơi mắt, nơi cảnh giới, hoặc âm thanh, hoặc hành hóa, hoặc trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo nghiệp. Các thần thông hóa, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết”.

*** Luận nêu:** Đạt được Đà-la-ni đã vẫn càng trở nên thù thắng, thành tựu bậc Pháp sư: Không phải là đạt được nghĩa nơi Đà-la-ni, do tâm thanh tịnh bình đẳng là hết sức khó đạt. Lại, ưa thích trí xuất

thế gian, hiện bày trí thế gian là vô cùng khó. Do đạt được Đà-la-ni văn, trì, nên ánh sáng của Trí - Địa này là chỉ rõ về *Sự chân như*. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc v.v... cho đến: Căn thiện của Địa dưới không thể sánh kịp”.

Vàng sáng của mặt trời, mặt trăng: Là dựa nơi pháp thù thắng làm tăng trưởng ánh sáng của trí tuệ, hơn hẳn trí nơi Địa trước. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vàng sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v... cho đến: Hết thấy căn thiện của thế gian, của hàng Nhị thừa đều không thể sánh kịp.”.

HẾT - QUYỂN 7

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 8

Địa thứ sáu: ĐỊA HIỆN TIỀN

* *Luận nêu:* Như trong *Địa thứ năm* có 3 phần sai biệt:

1. Thù thắng do đối trị mạn.
2. Thù thắng do hành đạo không trụ.
3. Thù thắng của quả ấy.

Địa thứ sáu cũng giống như thế, nên biết là thắng ấy đã chuyển tăng.

*

1. **Thế nào là thắng?** Trong *Địa thứ tư* đã nói về ngã mạn của chúng sinh, lãnh hội pháp để đối trị mạn. Nơi *Địa thứ năm* đã nêu: Phân biệt thân thanh tịnh, đối trị mạn. Nay, *Địa thứ sáu* là nói về: Phân biệt chỗ dùng pháp nhiệm tịnh đối trị mạn, do mười pháp bình đẳng.

* *Kinh nói:* “*Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Đây các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã khéo hành trì đầy đủ đạo của Địa thứ năm, muốn đi vào Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát phải dùng mười pháp bình đẳng. Những gì là mười? Đó là:*

- (1) *Tất cả pháp vô tướng bình đẳng.*
- (2) *Tất cả pháp vô tướng bình đẳng.*

(3) *Tất cả pháp vô sinh bình đẳng.*

(4) *Tất cả pháp không thành bình đẳng.*

(5) *Tất cả pháp tịch tĩnh bình đẳng.*

(6) *Tất cả pháp bản tịnh bình đẳng.*

(7) *Tất cả pháp không hý luận bình đẳng.*

(8) *Tất cả pháp không lấy bỏ bình đẳng.*

(9) *Tất cả pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, trăng trong nước, bóng nơi gương, dọn nắng đều bình đẳng.*

(10) *Tất cả pháp có, không, không hai bình đẳng.*

Bồ-tát ấy, quán xét tướng của hết thảy các pháp như vậy, dứt trừ cấu nhiễm, tùy thuận, không phân biệt, nên được nhập nơi Địa Hiện Tiên, là Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát, đạt được Nhân thuận sáng tỏ thông suốt, chưa đạt được pháp Nhân vô sinh”.

*** Luận nêu:** *Phân biệt chỗ dùng pháp nhiễm tịnh để đối trị mạn:* Tức là mười pháp bình đẳng, trong đó, tất cả pháp vô tướng cho đến tất cả pháp có, không, không hai, đều bình đẳng, là mười hai nhập nơi tự tánh của tất cả pháp vô tướng, bình đẳng.

Lại nữa, phân biệt tướng đối trị có 9 thứ:

(1) Tướng của tự tướng nơi mười hai nhập. Như kinh nói: “Tất cả pháp vô tướng bình đẳng”.

(2) Hành tướng của thứ lớp niệm. Như kinh nói: “Tất cả pháp vô sinh bình đẳng”.

(3) Hành tướng của thứ lớp sinh. Như kinh nói: “Tất cả pháp không thành bình đẳng”.

(4) Tướng nhiễm. Như kinh nói: “Tất cả pháp tịch tĩnh bình đẳng”.

(5) Tướng tịnh. Như kinh nói: “Tất cả pháp bản tịnh bình đẳng”.

(6) Tướng phân biệt. Như kinh nói: “Tất cả pháp không hý luận bình đẳng”.

(7) Tướng hiện, ẩn. Như kinh nói: “Tất cả pháp không lấy bỏ bình đẳng”.

(8) Tướng ngã không phải có. Như kinh nói: “Tất cả pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, trăng trong nước, bóng nơi gương, dợn nắng, đều bình đẳng”.

(9) Tướng thành hoại. Như kinh nói: “Tất cả pháp có, không, không hai, đều bình đẳng”.

Dứt trừ cấu nhiễm: Là xa lìa chứng đắc, cấu nhiễm.

Tùy thuận: Là thuận theo pháp chân như bình đẳng.

Không phân biệt: Tức không sinh tướng phân biệt.

Sáng tỏ thông suốt: Là đối trị các mạn vi tế. Nơi hai Địa trước thì đối trị mạn trong phần thô.

Đạt được Nhẫn thuận nơi sự mềm dịu: Là thuận theo pháp Nhẫn vô sinh.

Chưa đạt được pháp Nhẫn vô sinh: Nhẫn này thuận hợp với Nhẫn vô sinh, không phải là Nhẫn vô sinh.

Đó gọi là Phân biệt chỗ dùng pháp nhiễm tịnh đối trị mạn.

*

2. Thế nào là Thù thắng do hành đạo không trụ?

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, quán xét về tướng của tất cả pháp như thế, tùy thuận để đạt đến, lại dùng tâm đại bi thù thắng làm đầu, tâm đại từ tăng thượng, khiến đại bi đầy đủ, quán xét sự sinh diệt của thế gian”.

* **Luận nêu:** *Bồ-tát ấy, quán xét về tướng của tất cả pháp như thế, tùy thuận để đạt đến:* Là đạt đến chỗ thù thắng do hành đạo không trụ.

Thù thắng do hành đạo không trụ: Là sự thù thắng do tâm đại bi gồm thấu, không bỏ tất cả chúng sinh nơi ba đời. Là trí thanh tịnh trong tất cả pháp của đối tượng nhận thức. Là quán về hết thấy thứ nhân duyên vi tế tích tập. Là không trụ nơi thế gian, Niết-bàn. Như kinh nói: “Lại dùng tâm đại bi thù thắng làm đầu, tâm đại từ tăng thượng, khiến đại bi đầy đủ, quán xét sự sinh diệt của thế gian”.

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, quán xét về sự sinh diệt của thế gian rồi, liền khởi suy niệm: Những sự sai biệt về thọ thân, xứ sinh hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã. Nếu lìa chấp ngã tức không còn xứ sinh nơi thế gian.*

Bồ-tát lại khởi suy niệm: Các phàm phu này, do ngu si làm mù lòa nên tham chấp nơi ngã, do không trí nên bị tối tăm, chướng ngại, luôn cầu tìm về có không, thường theo niệm tà, hành sai lạc nơi đạo tà, hợp khởi hành vọng, hành tội, hành phước, hành bất động. Do các hành đó, nên khởi chủng tử của tâm, khởi tướng hữu lậu, hữu thủ, khởi thân sinh, bệnh, lão tử nơi vị lai, lại sinh thân mạng của đời sau, nghiệp là mảnh đất, vô minh che phủ, nước ái tưới nhuận nơi tâm của ngã càng tràn về. Vô số các thứ lưới kiến chấp khiến luôn tăng trưởng, sinh ra mầm danh sắc, sinh rồi thì lớn dần. Danh sắc tăng trưởng thành các căn. Các căn thành hình rồi thì lần lượt cùng đối nhau, sinh xúc. Xúc cùng đối nhau sinh thọ. Chỗ mong cầu về sau của thọ sinh ái. Do có ái nên sinh thủ. Thủ thêm lớn thì sinh hữu. Hữu thành rồi sinh thân năm ấm. Thân năm ấm tăng trưởng, nên ở trong năm đường dần dần suy biến, gọi là lão. Lão suy biến, diệt gọi là tử. Tử rồi, sinh các thứ nhiệt nã, nhân đầy dẫy khởi khối lớn của tất cả sàu, buồn khổ nã là nhân duyên nơi tập. Không có người tích tập, tự nhiên mà tích tập. Không có người diệt, tự nhiên mà diệt.

Bồ-tát ấy, tùy thuận quán xét như thế về sự tích tập của nhân duyên”.

*** Luận nêu:** Những sự sai biệt về thọ thân, xứ sinh hiện có nơi thế gian: Tức nơi năm đường, các thứ sai biệt về sinh tử hiện có, gọi là sự sai biệt hiện có của thế gian.

Nhân duyên tích tập này có 3 thứ môn quán, nên biết:

a. Sai biệt của tướng thành đáp.

b. Sai biệt của Đệ nhất nghĩa đế.

c. Sai biệt của Thế đế.

a. Thế nào là Sai biệt của tướng thành đáp? Thế nào là sai biệt của Thành? Đầu tiên là nêu rõ về nhân duyên tập để giải thích về nghĩa vô ngã, xác nhận tất cả sự thọ thân, xứ sinh hiện có nơi thế gian, đều do tham chấp nơi ngã. Nếu lìa chấp ngã tức không có xứ sinh của thế gian, là thành nghĩa vô ngã. Nếu trong Đệ nhất nghĩa thật có tướng ngã, thì tâm chấp ngã tức là trí của Đệ nhất nghĩa, không nên ở nơi thế gian thọ thân, sinh tại xứ sinh. Lại nữa, nếu trong đệ nhất nghĩa thật có tướng ngã, thì nếu lìa chấp ngã tức nên thường sinh nơi thế gian. Hiện bày về nghĩa này, như kinh nói: “Những sự sai biệt về thọ thân, xứ sinh hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã. Nếu lìa chấp ngã tức không còn xứ sinh nơi thế gian”.

Thế nào là sai biệt của Đáp? Nếu thật sự vô ngã thì vì sao lại chấp ngã? Ở đây, nên có vấn nạn ấy. Tức tự đáp lại: Do ngu si làm mù lòa nên tham chấp nơi ngã. Đó là chỉ rõ, như kinh nói: “Bồ-tát lại khởi suy niệm: Các phàm phu này, do ngu si làm mù lòa nên tham chấp nơi ngã”. Như vậy thật sự không có ngã, do đâu thứ lớp lại tham chấp nơi ngã, có được xứ sinh, thọ thân, thời gian sống? Nên ở đây chỉ rõ, như kinh nói: “Do không trí nên bị tối tăm, chướng ngại, luôn cầu tìm về có, không”. Như thế là đáp lại vấn nạn về sai biệt.

Không trí v.v... có, không: Là mong cầu về thường, đoạn. Ở đây chỉ rõ vô minh, hữu ái là hai hữu chi căn bản, nên thường theo niệm tà, hành sai lạc nơi đạo tà, hợp khởi hành vọng, hành tội, hành phước v.v...

Thường theo niệm tà: Tức chỉ rõ về nhân của vô minh.

Hành sai lạc nơi đạo tà: Tức chỉ rõ về hành không chân chánh đối với nơi chốn giải thoát.

Hợp khởi hành vọng: Tức chỉ rõ về nghĩa thù thắng của Bồ-tát. Bồ-tát tuy hành nơi hữu, nhưng không gọi là hành vọng. Do hành này nên khởi chúng tử của tâm, khởi tướng hữu lậu, hữu thủ, cho đến tùy thuận quán xét về nhân duyên tập.

Khởi chủng tử của tâm: Tức chỉ rõ về thể tánh của lão tử.

Lại sinh thân mạng của đời sau: Là tùy thuận thâm giữ để tạo thành các hành tội, phước, nghiệp là mảnh đất. Trước nói do không trí, bị tối tăm, chướng ngại, vô minh che phủ, nên luôn cầu tìm về có không, nước ái tưới nhuận. Như thế mà trụ, mà sinh tâm ngã là ngã sở, ngã tướng là mạn, ngã sinh không sinh, vô số các thứ lưới kiến chấp như vậy.

Tự nhiên mà diệt: Là tánh tự diệt, không phải là duyên của trí diệt.

Như vậy là đáp vấn nạn về nhân duyên tập, giải thích về nghĩa vô ngã xong.

Thế nào là tướng sai biệt? Nếu nhân duyên là vô ngã thì do tướng gì để trụ nơi hành nhân duyên tập?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy khởi suy niệm: Không nhận biết đúng như thật về đệ nhất nghĩa của các đế nên gọi là Vô minh. Vô minh tạo ra nghiệp quả thì đó gọi là Hành. Dựa nơi Hành có tâm thức ban đầu và Thức cùng sinh có bốn thọ ám gọi là Danh sắc. Danh sắc tăng*

trưởng nên có sáu Nhập. Căn, trần, thức, ba thứ hòa hợp sinh ra Xúc hữu lậu. Xúc cùng sinh nên có Thọ. Thọ nhiễm chấp nên gọi là Ái. Ái tăng trưởng nên gọi là Thủ. Từ Thủ dấy khởi nghiệp hữu lậu, gọi là Hữu. Nghiệp Hữu có quả báo gọi là Sinh. Sinh ấm tăng trưởng, suy kém, biến đổi gọi là Lão. Lão rồi nên ấm hoại gọi là Tử. Lúc Tử biệt ly, người ngu tâm tham chấp cháy bùng lên gọi là Ưu, phát ra tiếng gào khóc gọi là Bi. Năm căn cùng đối nhau gọi là Khổ. Ý căn cùng đối gọi là Ưu. Ưu khổ càng nhiều gọi là Nã. Như thế, chỉ có cây khổ tăng trưởng, không có người tạo. Bỏ-tát khởi niệm: Nếu có người tạo tác tức có sự việc được tạo ra. Nếu không có người tạo tác thì không có sự việc được tạo ra. Trong đệ nhất nghĩa, không có người tạo tác, nên không có sự việc được tạo ra”.

* **Luận nêu:** Nơi đoạn này:

Vô minh tạo ra nghiệp quả: Tức là Danh sắc. Trong ấy, Thức nương dựa vào Danh sắc. Danh sắc và Thức cùng sinh. Thức, Danh sắc lần lượt cùng dựa vào nhau.

Nếu không có người tạo tác: Ở đây phân biệt về sự việc được tạo tác cũng không. Đây là nói về phần hợp có của nhân duyên.

Tự thể không có sự việc được tạo tác, đó gọi là phần Hữu, nên biết quán về thứ lớp nơi nhân duyên tích tập.

b. Thế nào là Sai biệt của Đệ nhất nghĩa đế? Như thế là chứng đắc về Đệ nhất nghĩa đế tức được giải thoát khỏi quán xét kia.

* **Kinh nói:** “Bỏ-tát ấy khởi suy niệm: Ba cõi đều hư vọng, chỉ là một tâm tạo, cho đến già hoại gọi là chết”.

* **Luận nêu:** Chỉ là một tâm tạo: Tức tất cả ba cõi chỉ là tâm chuyển biến.

c. Thế nào là Sai biệt của Thế đế? Tùy thuận quán về Thế đế tức hội nhập nơi Đệ nhất nghĩa đế. Quán này có 6 thứ:

- (1) Quán thế nào là nhiễm? Là chỗ nương dựa của nhiễm.
- (2) Quán về nhân.
- (3) Quán về chỗ gồm thâu lỗi lầm.
- (4) Quán về chỗ ngăn chặn lỗi lầm.
- (5) Quán về chỗ nhàm chán không nhàm chán.
- (6) Quán phần sâu xa.

Thế nào là Quán về chỗ nương dựa của nhiễm? Là phần Hữu của nhân duyên dựa nơi một tâm.

** Kinh nói: “Như Lai thuyết giảng về phần mười hai nhân duyên đều dựa nơi một tâm. Vì sao? Vì tùy nơi tham dục cùng tâm sinh, tức là Thức, là Hành. Hành lừa dối tâm nên gọi là Vô minh. Vô minh cùng tâm sinh gọi là Danh sắc. Danh sắc tăng trưởng gọi là Sáu Nhập. Sáu Nhập từng phần gọi là Xúc. Xúc cùng sinh gọi là Thọ. Thọ rồi không biết chán đủ gọi là Ái. Ái thâu tóm không bỏ gọi là Thủ. Ở đây có phần hòa hợp sinh Hữu. Hữu dấy khởi gọi là Sinh. Sinh biến đổi, chín muồi gọi là Lão. Lão hủy hoại gọi là Tử”.*

** Luận nêu: Đây là sự sai biệt của hai đế. Một tâm tạp nhiễm, hòa hợp nơi nhân duyên tích tập, nên quán về điều ấy.*

Quán về nhân có hai thứ:

- (a) Quán về nhân nơi kẻ khác.
- (b) Quán về nhân nơi chính mình.

Thế nào là Quán về nhân nơi kẻ khác?

** Kinh nói: “Trong ấy, Vô minh có hai thứ tạo tác: (1) Si trong duyên khiến chúng sinh mê lầm. (2) Tạo nhân cho Hành.*

Hành cũng có hai thứ tạo tác: (1) Sinh quả báo của đời vị lai. (2) Tạo nhân cho Thức.

Thức cũng có hai thứ tạo tác: (1) Có thể khiến có sự tương tục. (2) Tạo nhân cho Danh sắc.

Danh sắc cũng có hai thứ tạo tác: (1) Hỗ trợ để giúp thành. (2) Tạo nhân cho sáu Nhập.

Sáu Nhập cũng có hai thứ tạo tác: (1) Chủ thể duyên nơi sáu trần. (2) Tạo nhân cho Xúc.

Xúc cũng có hai thứ tạo tác: (1) Chủ thể xúc chạm nơi đối tượng được duyên. (2) Tạo nhân cho Thọ.

Thọ cũng có hai thứ tạo tác: (1) Nhận biết về các việc yêu ghét. (2) Tạo nhân cho Ái.

Ái cũng có hai thứ tạo tác: (1) Ở trong chỗ có thể nhiễm sinh tâm tham. (2) Tạo nhân cho Thủ.

Thủ cũng có hai thứ tạo tác: (1) Làm tăng trưởng phiền não cấu nhiễm, trói buộc. (2) Tạo nhân cho Hữu.

Hữu cũng có hai thứ tạo tác: (1) Có thể ở trong các cõi khác sinh. (2) Tạo nhân cho Sinh.

Sinh cũng có hai thứ tạo tác: (1) Làm tăng trưởng năm ấm. (2) Tạo nhân cho Lão.

Lão cũng có hai thứ tạo tác: (1) Khiến các căn chín muồi. (2) Tạo nhân cho Tử.

Tử cũng có hai thứ tạo tác: (1) Thân năm ấm hoại. (2) Do không thấy biết nên khiến sự tương tục không dứt”.

*** Luận nêu:** Ở đây, thân năm ấm hoại, do không thấy biết nên khiến sự tương tục không dứt: Năm ấm hoại có thể tạo nhân cho đời sau. Do không thấy biết nên có thể tạo nhân cho đời sau. Đó gọi là Quán về nhân nơi kẻ khác.

Thế nào là Quán về nhân nơi chính mình? Vô minh v.v... là từ nhân sinh nhân, nên quán về sự việc của duyên. Thế nào là nhân của Vô minh v.v... duyên Hành không gián đoạn, hỗ trợ thành?

*** Kinh nói:** “*Trong đó, Vô minh duyên Hành: Là nhân của Vô minh duyên, khiến Hành không đoạn, hỗ trợ để thành Hành.*

Hành duyên Thức: Là nhân của Hành duyên, khiến Thức không đoạn, hỗ trợ thành Thức.

Thức duyên Danh sắc: Là nhân của Thức duyên, khiến Danh sắc không đoạn, hỗ trợ thành Danh sắc.

Danh sắc duyên sáu Nhập: Là nhân của Danh sắc duyên, khiến sáu Nhập không đoạn, hỗ trợ thành sáu Nhập.

Sáu Nhập duyên Xúc v.v... cho đến Sinh duyên Lão tử: Là nhân của Sinh duyên, khiến Lão tử không đoạn, hỗ trợ thành Lão tử.

Vô minh diệt tức Hành diệt: Là nhân duyên của Vô minh đã không, nên Hành diệt, không hỗ trợ thành v.v... cho đến Sinh diệt tức Lão tử diệt: Là nhân duyên của Sinh đã không, nên Lão tử diệt, không hỗ trợ thành”.

*** Luận nêu:** *Vô minh duyên Hành: Là nhân của Vô minh duyên khiến Hành không đoạn, hỗ trợ thành Hành. Vô minh có 2 thứ: (a) Lúc là chủng tử. (b) Lúc là quả. Ở đây, lúc là chủng tử: Là khiến hành không đoạn, có hai thứ nghĩa, nên chỉ rõ về việc duyên. Như vậy, các nhân duyên khác, từng phần tự sinh nhân, có hai thứ nghĩa về việc duyên, nên biết.*

Quán về nhân nơi chính mình: Là quán không cùng lia bỏ. Quán nếu lia chi trước thì không có chi sau. Quán không lia Vô minh tức thành Hành. Nếu không lia Vô minh mà có Hành thì không nên nói là Vô minh duyên Hành. Nếu lia Vô minh mà có Hành, tức khác, nên không thành. Vì thế kệ nói:

*Pháp do các duyên sinh
Đó là chẳng tức nhân
Cũng lại chẳng khác nhân
Không đoạn cũng không thường.*

Quán nhân duyên tự sinh: Như trước đã nói.

Vô minh có 2 thứ: (a) Lúc là chủng tử. (b) Lúc là quả. Hành cho đến Lão tử cũng như vậy. Trong chỗ diệt của biên vực trước, biên vực sau, thì biên vực cũng không, thế nên không nói.

Thế nào là Quán về chỗ gồm thâu lỗi lầm? Đó là ba nẻo gồm thâu nhân khổ quả khổ.

*** Kinh nói:** “Ở đây, ba phần Vô minh, Ái, Thủ không đoạn là nẻo phiền não. Hai phần Hành, Hữu không đoạn là nẻo nghiệp. Các phần Nhân duyên còn lại, không đoạn là nẻo khổ. Biên vực trước, sau tương tục không đoạn, nên ba nẻo ấy không đoạn. Như vậy, ba nẻo ấy là ngã, ngã sở, chỉ có sinh diệt, nên giống như bó trúc”.

*** Luận nêu:** *Thế nào là Quán về chỗ ngăn chặn lỗi lầm?* Nếu nói nhân duyên sinh thì phân biệt có 3 thứ lỗi lầm:

(a) Lỗi về tất cả thân cùng một lúc sinh. Vì sao? Vì không có nhân khác.

(b) Lỗi về tự nghiệp không thọ báo. Vì sao? Vì không có người tạo.

(c) Lỗi do mất nghiệp. Vì sao? Vì chưa thọ nhận quả, nghiệp đã diệt.

Ba thứ lỗi này dùng sự nhận thức về nhân khác của đời quá khứ để đáp, nên quả báo của sự thọ sinh có sai biệt.

*** Kinh nói:** “Trong đó, Vô minh duyên Hành là thấy rõ sự việc nơi đời quá khứ. Thức, Danh sắc, sáu Nhập, Xúc, Thọ là thấy rõ sự

việc nơi đời hiện tại. Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão tử là thấy rõ sự việc nơi đời vị lai. Đối với việc thấy đó có sự chuyển biến của ba đời. Vô minh diệt nên các Hành diệt, gọi là nói về sự tương tục của nhân duyên được đoạn”.

* **Luận nêu:** Vô minh duyên Hành là thấy sự việc nơi đời quá khứ: Tức sinh của hiện tại là sự tạo tác từ quá khứ. Quả của hiện tại tức là sinh của vị lai, là nghĩa thấy nhân của đời quá khứ.

Thức, Danh sắc, sáu Nhập, Xúc, Thọ là thấy sự việc nơi đời hiện tại: Tức trong đời quá khứ, theo nghiệp hiện có, nghiệp ấy nhận lấy quả báo của Thức v.v... nơi hiện tại. Lại có thể nhận lấy quả báo của vị lai.

Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão tử là thấy sự việc nơi đời vị lai: Tức lại có sinh, toàn bộ được định rõ.

Đối với việc thấy đó có sự chuyển biến của ba đời: Tức lại có chuyển sinh của đời sau.

Nói như thế có nghĩa gì? Có ba thứ nghĩa. Nghiệp quá khứ chưa thọ báo, hoặc có trường hợp chưa tạo, hoặc đã tạo, chưa thọ báo, hoặc được đối trị đoạn trừ. Trong ấy, Vô minh duyên Hành là chỉ rõ về sự tạo tác. Hành duyên Thức cho đến Xúc, Thọ, tức chỉ rõ sự tạo tác ấy đã thọ nhận báo. Ái, Thủ, Hữu không đoạn, ở đây là chỉ rõ về việc không được đối trị. Nếu đoạn Ái, Thủ, tuy có tạo nghiệp, thì Vô minh duyên Hành không thể sinh Hữu. Vì thế các nghiệp, có trường hợp đã tạo, chưa tạo, có trường hợp thọ nhận quả, chưa thọ nhận quả, có trường hợp đã đoạn, chưa đoạn. Nếu như vậy tức không có lỗi về tất cả thân cùng sinh một lúc. Như thế, không phải là hết thấy các nghiệp tức thọ nhận quả đương lai, cũng không phải là không thọ, cũng không phải là một lúc. Nếu tự tạo nghiệp thì quả báo không mất, không phải là thân người khác thọ. Như thế thì không có lỗi về tự nghiệp không thọ nhận báo, vì người khác không tạo. Nên lia ba

sự nơi nghiệp nhất định thọ nhận quả, không mất. Nếu như vậy tức không có lỗi do mất nghiệp. Đó gọi là chỉ rõ về chỗ ngăn chặn ba thứ lỗi.

Thế nào là Quán về chỗ nhằm chán, không nhằm chán? Tức phân biệt nhằm chán về vô số thứ khổ vi tế. Hết thấy sự thọ nhận hiện có đều là khổ, nên cùng nhằm chán vô số thứ khổ thô trọng.

*** Kinh nói:** “Mười hai phần Nhân duyên gọi là ba khổ. Trong đó, Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, sáu Nhập gọi là hành khổ. Xúc, Thọ gọi là khổ khổ. Các phần Nhân duyên còn lại gọi là hoại khổ. Vô minh diệt nên Hành diệt, cho đến Sinh diệt nên Lão tử diệt, gọi là nói về việc đoạn trừ ba khổ tương tục”.

*** Luận nêu:** Thế nào là Quán phần sâu xa?

*** Kinh nói:** “Nhân của Vô minh duyên Hành sinh nhân duyên có thể sinh hành. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt, Hành không còn. Phần còn lại cũng như vậy. Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt, là nói về diệt bỏ trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận Hữu để quán. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt, là nói về tùy thuận quán tận cùng nơi vô sở hữu. Phần còn lại cũng như vậy”.

*** Luận nêu:** Quán sâu xa có 4 thứ:

(a) Phần Hữu, không phải kẻ khác tạo, từ nhân sinh.

(b) Chẳng phải là tự tạo tác, duyên sinh. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành sinh nhân duyên có thể sinh hành. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt, Hành không còn. Phần còn lại cũng như vậy”.

(c) Chẳng phải cả hai tạo tác, chỉ tùy thuận sinh. Do không nhận biết nên khi tạo tác chẳng trụ. Như kinh nói: “Nhân của Vô

minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt là nói về diệt bỏ trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy”.

(d) Chẳng phải là không nhân tạo tác, tùy thuận nên có. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận Hữu để quán. Phần còn lại cũng như vậy. Vô minh diệt, Hành diệt là nói về tùy thuận quán tận cùng nơi vô sở hữu. Phần còn lại cũng như vậy”.

Nếu không nhân sinh mà sinh thì chính là thường sinh, không phải là không sinh, do nhân không định, nên cũng có thể thường không sinh. Vì sao? Vì không nhân sinh. Đây không phải là chỗ ưa thích của pháp Phật. Như thế, tùy thuận có, quán có nhân, không phải là không nhân. Nếu không nhân thì không thể nói là tùy thuận có. Đó gọi là mười thứ quán về nhân duyên tích tập, quán về chỗ sai biệt của đế tướng đã nêu.

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy đã quán mười thứ nghịch thuận về pháp nhân duyên tích tập như thế, đó là thứ lớp của phần nhân duyên, là chỗ gồm thấu của nhất tâm, là tự nghiệp thành tựu, là chẳng cùng lìa bỏ, là ba nẻo không đoạn, là quán về biên vực trước sau, là ba khổ hợp tập, là nhân duyên sinh, là nhân duyên sinh dứt trừ trói buộc, là tùy thuận quán tận cùng về Hữu”.*

*** Luận nêu: Lại có 2 thứ quán khác:**

- (1) Quán đại bi tùy thuận.
- (2) Quán phân biệt về trí Nhất thiết tướng.

Quán đại bi tùy thuận có bốn thứ:

- (a) Ngu si, điên đảo.
- (b) Ở xứ khác cầu giải thoát.
- (c) Dị đạo cầu giải thoát.
- (d) Cầu giải thoát khác.

Thế nào là ngu si, điên đảo? Tức tùy theo nơi chốn chấp trước, quán xét các sự việc ngu si, điên đảo, do chấp trước nơi ngã, nên tất cả xứ thọ sinh xa lìa thì không có sinh.

Thế nào là ngu si? Là vô minh tăm tối. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, quán xét về sự sinh diệt của thế gian rồi, liền khởi suy niệm: Những sự sai biệt về thọ thân, xứ sinh hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã v.v...”. Ngu si làm mù lòa nên tham chấp nơi ngã. Như thế, điên đảo cùng với điên đảo nghi hoặc trong chi tướng Hữu. Như kinh nói: “Bồ-tát lại khởi suy niệm: Các phàm phu này, do ngu si làm mù lòa nên tham chấp nơi ngã v.v...”.

Thế nào là ở xứ khác cầu giải thoát? Tức các phàm phu ấy, do ngu si điên đảo như vậy, nên thường ở trong thức A-lê-da, thức A-đà-na cầu giải thoát, chính là ở trong ngã, ngã sở của xứ khác cầu giải thoát. Đối trị điều này, như kinh nói: “Bồ-tát khởi suy niệm: Ba cõi đều hư vọng, chỉ là một tâm tạo, cho đến già hoại gọi là chết”.

Thế nào là dị đạo cầu giải thoát? Tức ở trong nhân điên đảo cầu giải thoát. Nhân điên đảo có ba thứ: Một là Nhân của tánh. Hai là Nhân của cõi Tự Tại Thiên. Ba là Nhân của khổ hạnh và không nhân. Không nên cầu như thế. Vì sao? Vì chi Hữu của nhân duyên có hai thứ nghiệp có thể dấy khởi các nhân duyên. Như kinh nói: “Trong ấy, Vô minh có hai thứ tạo tác: Một là si trong duyên khiến chúng sinh mê lầm. Hai là tạo nhân cho Hành v.v...”. Như vậy v.v... là nhân tự sinh. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên khiến Hành không đoạn, hỗ trợ để thành Hành v.v...”. Như vậy v.v... là nhân của nghiệp, phiền não vọng tưởng, chẳng phải là nhân an lạc. Như kinh nói: “Ở đây, ba phần Vô minh, Ái, Thủ không đoạn là nẻo phiền não v.v...”. Như vậy v.v... là nhân của biên vực trước, giữa, và nhân của biên vực giữa, sau, biên vực giữa nơi hai biên vực trước sau. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh duyên Hành là thấy rõ sự việc nơi đời

quá khứ”. Như vậy v.v... nếu không có các sự việc như thế thì vô số chúng sinh cũng không.

Thế nào là câu giải thoát khác? Giải thoát chân chánh có 4 thứ tướng:

- (a) Tướng lìa tất cả khổ.
- (b) Tướng vô vi.
- (c) Tướng xa lìa cấu nhiễm.
- (d) Tướng xuất thế gian.

Giải thoát khác kia vẫn còn bị các hành khổ theo đuổi, cho đến cõi Vô sắc cũng còn bị trói buộc. Như kinh nói: “Mười hai phân Nhân duyên gọi là ba khổ. Trong đó, Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, sáu Nhập gọi là Hành khổ”. Như vậy v.v... Nhân duyên sinh như thế v.v... Như kinh nói: “Trong đó, nhân của Vô minh duyên Hành sinh nhân duyên có thể sinh hành. Phần còn lại cũng như vậy”. Như thế, lại nhiễm sinh trói buộc. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy”. Như thế, tùy thuận Hữu, câu giải thoát nơi hữu vô sắc. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận Hữu để quán. Phần còn lại cũng như vậy”.

Quán phân biệt về trí Nhất thiết tướng có 9 thứ:

(a) *Quán phân biệt về nhiễm, tịnh:* Tức các thứ nhiễm, tịnh như chấp ngã mạn, lìa ngã mạn. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, quán xét về sự sinh diệt của thế gian rồi, liền khởi suy niệm: Những sự sai biệt về thọ thân, xứ sinh hiện có nơi thế gian đều do tham chấp về ngã v.v...”.

(b) *Quán về sự nương dựa:* Tức quán nhân duyên tích tập ấy dựa vào những pháp gì. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy khởi suy niệm: Không nhận biết đúng như thật về đệ nhất nghĩa của các đế nên gọi là Vô minh v.v...”.

(c) *Quán về phương tiện*: Tức quán về chi Hữu của nhân duyên có hai thứ nghiệp có thể khởi các nhân duyên. Như kinh nói: “Trong ấy, Vô minh có hai thứ tạo tác: (1) Si trong duyên khiến chúng sinh mê lầm. (2) Tạo nhân cho Hành v.v...”.

(d) *Quán về tướng nhân duyên*: Tức như chi Hữu không tạo tác. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh duyên Hành là nhân của Vô minh duyên khiến Hành không đoạn, hỗ trợ để thành Hành v.v...”.

(đ) *Quán về nhập đế*: Tức như quán về tập đế của ba nẻo khổ (Nghiệp, phiền não, khổ). Như kinh nói: “Ở đây, ba phần Vô minh, Ái, Thủ không đoạn là nẻo phiền não v.v...”.

(e) *Quán về chỗ tin nhập nương dựa của có lực không lực*: Là như quán chỗ thù thắng của sự hóa độ nơi biên vực trước giữa sau. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh duyên Hành là thấy rõ sự việc nơi đời quá khứ v.v...”.

(f) *Quán về chỗ tin nhập của tăng thượng mạn, không tăng thượng mạn*: Tức như quán do không nhận biết đúng như thật về khổ, ngã mạn, vi tế. Như kinh nói: “Trong đó, Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, sáu Nhập gọi là Hành khổ v.v...”.

(g) *Quán không có khởi đầu*: Như biên vực giữa, nhân duyên sinh, biên vực sau sinh, tùy thuận nơi trói buộc. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành sinh nhân duyên có thể sinh hành. Phần còn lại cũng như vậy. Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về Sinh bị trói buộc. Phần còn lại cũng như vậy”.

(h) *Quán về vô số thứ loại*: Là tùy thuận Hữu quán nơi Ái của ba cõi. Như kinh nói: “Nhân của Vô minh duyên Hành là nói về tùy thuận Hữu để quán. Phần còn lại cũng như vậy”.

3. Thù thắng của quả ấy: Có 5 thứ tướng:

a. Thù thắng do đạt được hành đối trị cùng thù thắng do lìa chướng.

b. Thù thắng do tu hành chứng đắc.

c. Thù thắng do đạt được Tam-muội.

d. Thù thắng do đạt được tâm không hoại.

đ. Thù thắng do đạt được diệu lực tự tại.

a. Thế nào là Thù thắng do đạt được hành đối trị? Tức là 3 môn giải thoát.

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy, hành mười thứ quán về nhân duyên tích tập rồi, thấy rõ là không ngã, không thọ mạng, không chúng sinh, tự tánh là không, lìa mọi sự tạo tác, thọ nhận. Khi quán xét như vậy, thì môn giải thoát không sinh khởi hiện tiền.*

Bồ-tát ấy, quán về chi Hữu kia, tự tánh diệt, nên giải thoát luôn hiện tiền, thấy rõ nơi chốn của nhân duyên không có tướng của một pháp nhỏ nào có thể sinh. Như thế, không thấy tướng của pháp nhỏ, nên môn giải thoát vô tướng sinh khởi hiện tiền.

Bồ-tát ấy, như thế là hội nhập nơi Không, nơi Vô tướng, không sinh nguyện ưa thích, chỉ dùng đại bi làm đầu để giáo hóa chúng sinh. Như vậy, môn giải thoát Vô nguyện sinh khởi, hiện tiền.

Bồ-tát này, tu hành ba môn giải thoát ấy, lìa bỏ tướng ta, người, lìa bỏ tướng tạo tác, thọ nhận, lìa bỏ tướng có, không”.

** Luận nêu: Môn giải thoát Không ở đây nói có 3 thứ tướng: (1) Thấy chúng sinh là vô ngã. (2) Thấy pháp là vô ngã. (3) Đối với hai thứ ấy (Chúng sinh, pháp) đều tạo vô kiến, vô tác. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, hành mười thứ quán về nhân duyên tích tập rồi, thấy rõ là không ngã, không thọ mạng, không chúng sinh, tự tánh là không, lìa mọi sự tạo tác, thọ nhận. Khi quán xét như vậy, môn giải thoát Không sinh khởi hiện tiền”.*

Thấy chúng sinh không có ngã: Là không ngã, không thọ mạng, không chúng sinh. Câu này chỉ rõ về thấy pháp không có ngã.

Tự tánh là không: Câu này chỉ rõ: Đối với hai thứ kia đều tạo vô kiến, vô tác. Thấy chúng sinh cùng pháp không có sự tạo tác, do không người tạo tác, nên sự việc tạo tác cũng không.

Không thấy sự tạo tác, lìa tạo tác, thọ nhận: Câu này chỉ rõ về môn giải thoát Vô tướng, cũng có 3 thứ tướng: (1) Diệt trừ chướng. (2) Đạt được đối trị. (3) Niệm tướng không hành. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, quán về chi Hữu kia, tự tánh diệt, nên giải thoát luôn hiện tiền, thấy rõ nơi chốn của nhân duyên không có tướng của một pháp nhỏ nào có thể sinh. Như thế, không thấy tướng của pháp nhỏ, nên môn giải thoát Vô tướng sinh khởi hiện tiền”.

Diệt trừ chướng: Là quán về chi Hữu kia, tự tánh diệt. Câu này chỉ rõ về “Đạt được đối trị”. Nên giải thoát luôn hiện tiền: Câu này chỉ rõ về “Niệm tướng không hành”.

Thấy rõ nơi chốn của nhân duyên v.v...: Câu này chỉ rõ về môn giải thoát Vô nguyện, cũng nói có 3 thứ tướng: (1) Nương dựa. (2) Thể tánh. (3) Thù thắng. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, như thế là hội nhập nơi Không, nơi Vô tướng, không sinh nguyện ưa thích, chỉ dùng đại bi làm đầu để giáo hóa chúng sinh. Như vậy, môn giải thoát Vô nguyện sinh khởi, hiện tiền”. Trong đó, hội nhập nơi Không, nơi Vô tướng gọi là nương dựa. Do nương dựa như vậy nên có thể thành tựu Vô nguyện, không sinh nguyện ưa thích. Không sinh nguyện ưa thích gọi là Thể của Vô nguyện. Đại bi làm đầu, giáo hóa chúng sinh, đó là sự thù thắng. Hàng Thanh văn cũng có “Không sinh nguyện ưa thích”, nhưng đối với Thể của Vô nguyện lại xa lìa đại bi, không ưa thích giáo hóa chúng sinh.

Thù thắng của diệt trừ chướng: Là lìa ba thứ tướng. Như kinh nói: “Bồ-tát này, tu hành ba môn giải thoát ấy, lìa bỏ tướng ta, người, lìa bỏ tướng tạo tác, thọ nhận, lìa bỏ tướng có, không”.

Thứ lớp như vậy, ở trong năm Địa, tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng xa lìa. Ở trong bốn Địa xa lìa tướng hiện, ẩn và trong sáu địa này là pháp bình đẳng xa lìa.

b. Thế nào là Thù thắng do tu hành chứng đắc?

* ***Kinh nói:*** “*Bồ-tát ấy, tâm đại bi chuyển tăng, do quý trọng đại bi, siêng năng hành trì tinh tấn, chưa viên mãn các pháp trợ Bồ-đề phần nhằm khiến đạt đầy đủ. Bồ-tát khởi suy niệm: Hữu vi hòa hợp. Hành là hòa hợp. Không hành với các duyên đầy đủ. Hành không đầy đủ nên không hành. Chỉ mỗi Ta nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm. Không nên hòa hợp đủ các nhân duyên, cũng không dứt bỏ hoàn toàn hữu vi, vì nhằm giáo hóa chúng sinh.*

Này các Phật tử! Bồ-tát nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm như thế, là tự tánh, quán tự tánh không sinh không diệt.

Bồ-tát ấy hành quán như vậy rồi, khởi tâm đại bi, không xả bỏ tất cả chúng sinh, tức thì đạt được môn trí không chướng ngại, hiện tiền, gọi là hành Bát-nhã Ba-la-mật sáng tỏ, hiện tiền. Thành tựu hành đó, soi chiếu khắp rồi, vì nhằm làm viên mãn pháp trợ Bồ-đề phần, nhưng không cùng trụ với pháp hữu vi, quán tướng tịch diệt nơi tánh của pháp hữu vi, cũng không trụ trong đó, chỉ muốn hoàn thành pháp phần Bồ-đề vô thượng”.

* ***Luận nêu:*** *Thù thắng do tu hành chứng đắc:* Có 2 thứ tu hành:

- (1) Tu hành do phát khởi dũng mãnh.
- (2) Tu hành do khởi chí trọng phu.

Thế nào là Tu hành do phát khởi dũng mãnh? Tức là nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm, xa lìa chỗ tạo nghiệp, phiền não cùng mọi sự trói buộc, tạo lợi ích thù thắng cho chúng sinh. Như kinh nói: “*Bồ-tát ấy, tâm đại bi chuyển tăng*”.

Thế nào là Tu hành do khởi chí trượng phu? Tức là quán đối chiếu sự nhàm chán. Quán chỗ thấy rõ nhiều lỗi lầm, nên diệt trừ đối. Quán tự tánh cùng tướng đều không. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Bồ-tát nhận biết pháp hữu vi có nhiều lỗi lầm như thế, là tự tánh, quán tự tánh không sinh không diệt”.

Thù thắng do tu hành: Tức thù thắng do trí cùng tâm đại bi tùy thuận. Dựa nơi đạo không trụ, hành theo môn trí không chướng ngại luôn hiện tiền, hành Bát-nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền, chứng biết pháp hữu vi và Niết-bàn bình đẳng, Bồ-tát không cùng trụ cả hai, vì đối với các pháp phần trợ đạo, Bồ-tát hành trì chưa đầy đủ. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, hành quán như vậy rồi, khởi tâm đại bi, không xả bỏ tất cả chúng sinh v.v...”.

Trí không chướng ngại: Tức là trí của Như Lai. Nhưng ở đây, do chưa thành tựu, nên gọi là *Sáng tỏ, hiện tiền*.

c. Thế nào là Thù thắng do đạt được Tam-muội?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát, đạt được các Tam-muội:

- (1) Tín không.
- (2) Tánh không.
- (3) Đệ nhất nghĩa không.
- (4) Đệ nhất không.
- (5) Đại không.
- (6) Hợp không.
- (7) Khởi không.
- (8) Như thật không phân biệt không.
- (9) Bất xả không.
- (10) Đắc là chẳng là không.

Bồ-tát ấy, đạt được mười môn Tam-muội Không hàng đầu như vậy, cùng với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Không luôn hiện tiền. Đạt được mười môn Tam-muội Vô tướng hàng đầu như vậy, cùng với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Vô tướng luôn hiện tiền. Đạt được mười môn Tam-muội Vô nguyện hàng đầu như vậy, cùng với trăm ngàn vạn môn Tam-muội Vô nguyện luôn hiện tiền”.

* **Luận nêu:** Tam-muội Không này có 4 thứ sai biệt:

- (1) Quán.
- (2) Không phóng dật.
- (3) Được tăng thượng.
- (4) Làm nhân.

Có năm Tam-muội được gọi là *Quán* (Trừ Tam-muội thứ tư là Đệ nhất không):

(a) Quán chúng sinh vô ngã. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Tín không”.

(b) Quán pháp vô ngã. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Tánh không”.

(c) Quán chọn lấy không kia. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Đệ nhất nghĩa không”.

(d) Quán dựa nơi Thức A-lê-da. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Đại không”.

(đ) Quán thức chuyển. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Hợp không”.

Không phóng dật: Tam-muội thứ tư, phân biệt, khéo tu hành, tu hành không chán đủ. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Đệ nhất không”.

Được tăng thượng: Tam-muội thứ bảy (Khởi không) đạt được công đức tăng thượng. Như kinh nói: “Đạt Tam-muội Khởi không”.

Làm nhân: Ba thứ Tam-muội còn lại là nhân làm thanh tịnh chướng ngại của trí, như kinh nói: “Đạt được Tam-muội Như thật

không phân biệt không”, là nhân của việc giáo hóa chúng sinh, như kinh nói: “Đạt được Tam-muội Bất xả không”, là nhân của việc chọn lấy cõi, như kinh nói: “Đạt được Tam-muội Đắc lìa chẳng lìa không”. Nguyện chọn lấy cõi như thế, xa lìa phiền não cấu uế mà tùy thuận nơi các cõi, nên gọi là “Lìa, chẳng lìa”.

d. Thế nào là Thù thắng do đạt được tâm không hoại?

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát, lại chuyển tăng, thành tựu đầy đủ các tâm:

- (1) Không hoại.
- (2) Quyết định.
- (3) Chân thật.
- (4) Sâu xa.
- (5) Không thoái chuyển.
- (6) Không ngừng nghỉ.
- (7) Thanh tịnh.
- (8) Vô biên.
- (9) Cầu đạt trí.
- (10) Đầy đủ phương tiện tu hành”.

* **Luận nêu:** Tâm không hoại: Là kiên cố, không thoái chuyển. Tâm không hoại này có 9 thứ:

- (1) Không hoại do tin quán. Như kinh nói: “Tâm quyết định”.
- (2) Không hoại do gắng sức thọ nhận, thuận hợp. Như kinh nói: “Tâm chân thật”.
- (3) Không hoại do ở nơi chốn sâu xa không kinh sợ. Như kinh nói: “Tâm sâu xa”.
- (4) Không hoại do ở nơi thừa của mình không động. Như kinh nói: “Tâm không thoái chuyển”.

(5) Không hoại do phát khởi tinh tấn. Như kinh nói: “Tâm không ngừng nghỉ”.

(6) Không hoại do lìa cấu nhiễm của tâm ý ganh ghét, phá giới. Như kinh nói: “Tâm thanh tịnh”.

(7) Không hoại do tạo lợi ích rộng khắp cho chúng sinh. Như kinh nói: “Tâm vô biên”.

(8) Không hoại do cầu đạt giải thoát thù thắng tối thượng. Như kinh nói: “Tâm cầu đạt trí”.

(9) Không hoại do hành hóa cứu độ chúng sinh. Như kinh nói: “Tâm đầy đủ phương tiện trí hành”.

đ. Thế nào là Thù thắng do đạt được diệu lực tự tại?

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy, như tâm của các bậc Bồ-tát, tùy thuận thành tựu, dốc hướng tới đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Tinh tấn không thoái chuyển, thành tựu việc khiến cho tất cả dị luận của ngoại đạo đều không thể khuynh động. Thành tựu việc tùy thuận hội nhập nơi cảnh giới các trí. Thành tựu việc xa lìa, làm xoay chuyển cảnh giới của hàng Nhị thừa. Thành tựu quyết định toàn bộ hướng đến trí Phật. Thành tựu không thoái thất, khiến hết thảy các thứ ma, phiền não không thể phá hoại. Thành tựu sự an trụ vững chắc, khéo trụ nơi trí tuệ sáng tỏ bậc Bồ-tát. Thành tựu sự an trụ chính đáng, khéo tu tập hành trì các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Thành tựu sự hỗ trợ hành chân chánh nơi trí phương tiện quán xét. Thành tựu hành không xả bỏ tích tập các pháp trợ phần Bồ-đề. Bồ-tát ấy, trụ trong Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát, hành Bát-nhã Ba-la-mật tăng thượng, thành tựu, đạt được thông suốt Nhãn thứ ba là Thuận nhãn, tùy thuận pháp như thật, không có chống trái”.*

** Luận nêu: Bồ-tát ấy, như tâm của các bậc Bồ-tát, tùy thuận thành tựu, dốc hướng tới đạo quả Bồ-đề Vô thượng: Tức đạt được*

diệu lực thù thắng của hành Bát-nhã Ba-la-mật, nên có thể hội nhập sâu xa. Trong đó, diệu lực thù thắng có 9 thứ:

(1) Diệu lực có khả năng hàng phục kẻ khác. Như kinh nói: “Tinh tấn không thoái chuyển, thành tựu việc khiến cho tất cả dị luận của ngoại đạo đều không thể khuynh động”.

(2) Diệu lực có thể đoạn trừ các nghi. Như kinh nói: “Thành tựu việc tùy thuận, hội nhập nơi cảnh giới các trí”.

(3) Diệu lực của tự thừa không động. Như kinh nói: “Thành tựu việc xa lìa, làm xoay chuyển cảnh giới của hàng Nhị thừa”.

(4) Diệu lực ở nơi chốn sâu xa quyết định tin tưởng. Như kinh nói: “Thành tựu quyết định toàn bộ hướng đến trí Phật”.

(5) Diệu lực không tan hoại. Như kinh nói: “Thành tựu không thoái thất, khiến hết thảy các thứ ma, phiền não không thể phá hoại”.

(6) Diệu lực kiên cố, dựa nơi sự đối trị các chương phiền não được thanh tịnh. Như kinh nói: “Thành tựu sự an trụ vững chắc, khéo trụ nơi trí tuệ sáng tỏ bậc Bồ-tát”.

(7) Diệu lực do đối trị rộng khắp. Như kinh nói: “Thành tựu sự an trụ chính đáng, khéo tu tập hành trì các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện”.

(8) Diệu lực do hóa độ chúng sinh. Như kinh nói: “Thành tựu sự hỗ trợ hành chân chánh nơi trí phương tiện quán xét”.

(9) Diệu lực làm thanh tịnh mọi chương ngại của trí. Như kinh nói: “Thành tựu hành không xả bỏ tích tập các pháp trợ phần Bồ-đề”.

Các pháp ấy, như trên đã nêu, đều thuộc về diệu lực thù thắng.

*** Kinh nói:** “*Này các Phật tử! Bồ-tát ấy an trụ nơi Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện. Bồ-tát ấy được thấy nhiều trăm Phật*

v.v... cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, được thấy nhiều ức Phật v.v... cho đến nhiều trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, Bồ-tát ấy, khi gặp chư Phật đều đem tâm hướng thượng, tâm sâu xa, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men v.v... dùng căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ở nơi trụ xứ của chư Phật sinh tâm cung kính tột bậc, một lòng nghe pháp, lãnh hội rồi thì thọ trì, lãnh hội, thọ trì rồi thì đạt được Tam-muội Như thật, trí tuệ tỏa sáng, tùy thuận tu hành, hành trì rồi thì ghi nhớ, giữ gìn, trí tuệ càng trở nên thù thắng, lại đạt được tạng Pháp của chư Phật. Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát, ở nơi vô lượng trăm kiếp v.v... vô lượng ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn na-do-tha kiếp, vô lượng ức kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, các căn thiện kia luôn chuyển tăng, càng trở nên sáng sạch thù thắng.

Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc, dùng lưu ly mài bóng thì ánh sáng, màu sắc càng trở nên sáng đẹp. Bồ-tát này cũng như vậy, trụ trong Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát ấy, các căn thiện kia, trí phương tiện quán xét, càng trở nên thanh tịnh, sáng tỏ hơn hết, dần dần vắng lặng, thành tựu không hoại. Ví như vàng ánh sáng của mặt trăng tỏa chiếu nơi thân chúng sinh, khiến được mát mẻ, bốn thứ gió thổi cũng không thể hủy hoại. Này các Phật tử! Bồ-tát này cũng thế. Trụ nơi Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát, các căn thiện kia có thể diệt trừ lửa phiền não của vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh, bốn thứ đạo ma đều không thể phá hoại. Bồ-tát ấy, trong mười Ba-la-mật, thì Bát-nhã Ba-la-mật tăng thượng, các pháp Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng là tùy theo phần theo sức.

Này các Phật tử! Đó gọi là lược nói về Địa Hiện Tiền, là Địa thứ sáu của bậc Bồ-tát. Nếu Bồ-tát trụ trong Địa này nhiều lần làm

Thiên vương cõi trời Hóa-lạc, mọi sự tạo tác hành hóa đều tự tại, khéo léo diệt trừ tâm ngã mạn của chúng sinh, khéo dùng pháp để xoay chuyển tâm ngã mạn ấy, các nghiệp thiện đã tạo nơi bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật niệm Phật niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hành của Bồ-tát v.v... cho đến không lìa niệm về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, luôn khởi tâm này: Ta phải, đối với hết thảy chúng sinh, là người đứng đầu, là hơn, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô lượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm này, phát khởi hành tinh tấn, do diệu lực của tinh tấn, nên trong khoảng một niệm, đạt được trăm ngàn ức Tam-muội, thấy trăm ngàn ức Phật, nhận biết trăm ngàn ức thân lực của Phật, có thể làm chuyển động trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể đi vào trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể soi chiếu trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn ức thế giới Phật, có thể trụ thọ trăm ngàn ức kiếp, có thể nhận biết sự việc trong trăm ngàn ức kiếp nơi đời quá khứ, vị lai, có thể khéo hội nhập nơi trăm ngàn ức pháp môn, có thể biến hóa thân làm trăm ngàn ức thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn ức Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thù thắng, tối thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số thân thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng v.v... cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết”.

*** Luận nêu:** Nơi đoạn này:

Lãnh hội, thọ trì rồi thì đạt được Tam-muội Như thật, trí tuệ sáng tỏ tùy thuận tu hành: Là đạt được nghĩa Đà-la-ni. Câu này chỉ rõ, nhân nơi sự việc kia, nên nói, dựa nơi Tam-muội thù thắng, đạt được các pháp Chỉ, Quán sáng tỏ với nẻo hành trì hơn hẳn.

Hành trì rồi thì ghi nhớ, giữ gìn: Tức có thể giữ gìn hành ấy.

Bồ-tát này, trí tuệ càng trở nên thù thắng, cho đến các căn thiện kia càng được sáng sạch: Là nghĩa giải thoát khỏi chướng ngại, chướng đắc diệu nghĩa kia.

Dụ về dùng lưu ly mài bóng vàng ròng: Là chỉ rõ trong Địa này, trí xuất thế gian tăng thượng, ánh sáng của trí càng trở nên hơn hẳn. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc, dùng lưu ly mài bóng thì ánh sáng, màu sắc càng trở nên sáng đẹp v.v...”. Do trí không chướng ngại hiện tiền, nên hành Bát-nhã Ba-la-mật sáng tỏ hiện tiền. Vì vậy gọi là Địa Hiện Tiền.

Trí phương tiện quán xét: Là trí sáng tỏ do hành hóa đạo không trụ.

Dụ về vàng sáng của mặt trăng: Là chỉ rõ chỗ hơn so với trí của Địa trước: Vàng nhỏ nhưng ánh sáng lớn. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Ví như vàng ánh sáng của mặt trăng v.v... cho đến bốn thứ đạo ma đều không thể phá hoại”.

Đạo ma: Là thuận theo sự việc của ma, hành của ma.

Các phần khác: Như trước đã nêu.

HẾT - QUYỂN 8

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 9

Địa thứ bảy: ĐỊA VIỄN HÀNH

* *Luận nêu:* Trong *Địa thứ bảy* có 5 thứ tướng sai biệt:

1. Sai biệt về chỗ đối trị sự ưa thích hành vô tác.
2. Sai biệt về đối trị chướng.
3. Sai biệt do cả hai cùng hành.
4. Sai biệt do sự thù thắng nơi Địa trên, trước.
5. Sai biệt về quả.

*

1. Thế nào là Sai biệt về chỗ đối trị sự ưa thích hành vô tác?

* *Kinh nói:* “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã khéo hành trì đầy đủ Địa thứ sáu, muốn đi vào Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, thì Bồ-tát ấy phải dùng mười thứ trí phương tiện phát khởi hành thù thắng để hội nhập. Những gì là mười? Đó là:

(1) Khéo tu tập các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, tích tập công đức trợ đạo lớn.

(2) Hội nhập nơi các pháp không ngã, không thọ mạng, không chúng sinh, nhưng không xả bỏ việc dấy khởi bốn vô lượng.

(3) *Phát khởi pháp công đức, làm tăng thượng hành Ba-la-mật, niệm không chấp giữ nơi pháp nào.*

(4) *Nên xa lìa ba cõi nhưng có thể ứng hóa, dậy khởi hành làm trang nghiêm cả ba cõi.*

(5) *Làm vắng lặng hoàn toàn các thứ lửa phiền não, nhưng có thể vì hết thấy chúng sinh phát khởi hành động trừ diệt bao lửa dữ của phiền não như tham, sân, si.*

(6) *Thuận theo các pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, ánh trăng trong nước, bóng nơi gương, tự tánh không hai, khởi tạo nghiệp với tâm vô lượng sai biệt.*

(7) *Khéo nhận biết về tất cả cõi nước, các cõi như hư không, khởi hành làm trang nghiêm, thanh tịnh cõi Phật.*

(8) *Nhận biết rõ Pháp thân của chư Phật tự tánh là không thân khởi hiện sắc thân với tướng hảo trang nghiêm đầy đủ.*

(9) *Biết rõ âm thanh của chư Phật là vô thanh, xưa nay vốn tịch diệt không thể nêu bày về tướng, tùy thuận hết thấy chúng sinh, khởi vô số âm thanh trang nghiêm, sai biệt để hành hóa.*

(10) *Hội nhập nơi chư Phật, trong khoảng một niệm thông đạt sự việc của ba đời, có thể phân biệt về vô số tướng nơi số kiếp để tu tập thuận theo tâm của tất cả chúng sinh, quán xét sự sai biệt.*

Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, với mười thứ trí phương tiện này, phát khởi hành thù thắng, hành trì đầy đủ nơi sáu Địa rồi nên được hội nhập Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát. Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, từ nơi mười thứ trí phương tiện này phát khởi hành thù thắng, hành hiện tiền, gọi là đi vào Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát”.

*** Luận nêu:** *Đối trị sự ưa thích hành vô tác:* Tức là trí phương tiện phát khởi mười thứ hành thù thắng. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát đã khéo hành trì đầy đủ Địa thứ sáu, muốn đi vào Địa

thứ bảy của bậc Bồ-tát, thì Bồ-tát ấy phải dùng mười thứ trí phương tiện phát khởi hành thù thắng để hội nhập v.v...”. Bồ-tát kia, với trí không chướng ngại hiện tiền, khi hành Bát-nhã Ba-la-mật hiện tiền, tức ở nơi hành vô tác sinh tâm ưa thích, không khởi hành tăng thượng. Đối trị chỗ ưa thích đó, ở đây đã chỉ rõ về mười thứ pháp sai biệt.

Trí phương tiện: Là sự đối trị của trí không bỏ chúng sinh và pháp vô ngã, thân giữ hành tăng thượng, phát khởi hành thù thắng. Hành thù thắng này, đối với thế gian và xuất thế gian là hành tăng thượng, lại không gì hơn, do có 4 thứ công đức:

(1) *Làm nhân thù thắng cho tài sản và thân mạng:* Theo chỗ, theo ý đạt được tài sản cùng thân mạng thù thắng do công đức tích tập làm nhân. Như kinh nói: “Khéo tu tập các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, tích tập công đức trợ đạo lớn”.

(2) *Làm nhân ngăn chặn hành ác:* Đạt được vô lượng sự tu tập thù thắng như vậy, nên đối với tất cả chúng sinh không khởi hành sai lạc. Như kinh nói: “Hội nhập nơi các pháp không ngã, không thọ mạng, không chúng sinh, nhưng không xả bỏ việc đầy khởi bốn vô lượng”.

(3) *Làm nhân giữ gìn căn thiện:* Đạt được nhân thù thắng tăng thượng, nên pháp công đức nơi hành tăng thượng, do hành Ba-la-mật. Như kinh nói: “Phát khởi pháp công đức, làm tăng thượng hành Ba-la-mật, niệm không chấp giữ nơi pháp nào”.

(4) *Làm nhân để gồm thâu chúng sinh:* Ở đây có 7 thứ môn:

(a) Nguyện lực lấy sự sống làm hàng đầu, giáo hóa các chúng sinh khác. *Hàng đầu* là chỉ cho sự gắn bó với chúng sinh. Như kinh nói: “Nên xa lìa ba cõi nhưng có thể ứng hóa, đầy khởi hành làm trang nghiêm cả ba cõi”.

(b) Nêu bày sự đối trị: Vì nhằm diệt trừ những phiền não cấu nhiễm cùng các thứ tùy phiền não, các kiết sử, luôn tự làm vắng

lặng. Như kinh nói: “Làm vắng lặng hoàn toàn các thứ lửa phiền não, nhưng có thể vì hết thấy chúng sinh phát khởi hành động trừ diệt bao lửa dữ của phiền não như tham sân si”.

(c) Vì diệt trừ các chướng: Chướng có bốn thứ như trong Địa thứ năm đã nêu. Như kinh nói: “Thuận theo các pháp như huyễn, mộng, ảnh, tiếng vang, ánh trăng trong nước, bóng noi gương, tự tánh không hai, khởi tạo nghiệp với tâm vô lượng sai biệt”.

(d) Hợp tập chúng hội của đại pháp. Như kinh nói: “Khéo nhận biết về tất cả cõi nước, các cõi như hư không, khởi hành làm trang nghiêm, thanh tịnh cõi Phật”.

(đ) Hiểu biết, thân cận cúng dường, tu hành sinh phước đức. Như kinh nói: “Nhận biết rõ Pháp thân của chư Phật tự tánh là không thân khởi hiện sắc thân với tướng hảo trang nghiêm đầy đủ”.

(e) Chuyên pháp luân. Như kinh nói: “Biết rõ âm thanh của chư Phật là vô thanh, xưa nay vốn tịch diệt không thể nêu bày về tướng, tùy thuận hết thấy chúng sinh, khởi vô số âm thanh trang nghiêm, sai biệt để hành hóa”.

(f) Theo chỗ vấn nạn, khéo giải thích đầy đủ. Như kinh nói: “Hội nhập nơi chư Phật, trong khoảng một niệm thông đạt sự việc của ba đời, có thể phân biệt về vô số tướng nơi số kiếp để tu tập thuận theo tâm của tất cả chúng sinh, quán xét sự sai biệt”.

Mười thứ hành thù thắng được phát khởi này, cùng thâm giữ để đối trị, để đối hợp, khéo tu tập các hành Không, Vô tướng, Vô nguyện, hội nhập nơi tất cả pháp không ngã, không thọ mạng, không chúng sinh, thứ lớp như thế, nên biết. Mười thứ pháp này hiện tiền, nên được trụ nơi Địa thứ bảy. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, với mười thứ trí phương tiện này, phát khởi hành thù thắng, hành trì đầy đủ nơi sáu Địa rồi nên được hội nhập Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát. Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, từ nơi mười thứ trí phương tiện này

phát khởi hành thù thắng, hành hiện tiền, gọi là đi vào Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát”.

*

2. Thế nào là Sai biệt về đối trị chướng? Có 2 thứ tướng:

a. Tu hành vô lượng thứ loại.

b. Tu hành với hành không dụng công.

a. Thế nào là Tu hành vô lượng thứ loại?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, hội nhập nơi vô lượng cảnh giới của chúng sinh. Hội nhập nơi vô lượng nẻo tạo tác của chư Phật để giáo hóa chúng sinh. Hội nhập nơi vô lượng lưới thế giới. Hội nhập nơi vô lượng cõi nước thanh tịnh của chư Phật. Hội nhập nơi vô lượng các pháp sai biệt. Hội nhập nơi vô lượng trí của chư Phật, chứng đắc đạo vô thượng. Hội nhập nơi vô lượng số kiếp. Hội nhập nơi vô lượng sự thông đạt các việc trong ba đời của chư Phật. Hội nhập nơi vô lượng nẻo sai biệt của chúng sinh tin ưa sự việc thù thắng. Hội nhập nơi vô lượng danh hiệu, sắc thân của chư Phật với vô số sự thị hiện. Hội nhập nơi vô lượng tâm hành, căn tín của chúng sinh với đủ thứ loại sai biệt. Hội nhập nơi vô lượng âm thanh, ngôn ngữ của chư Phật, khiến chúng sinh hoan hỷ. Hội nhập nơi vô lượng tâm, nẻo hành nơi tâm của chúng sinh với vô số sự sai biệt. Hội nhập nơi vô lượng hành tùy trí tuệ của chư Phật. Hội nhập nơi vô lượng sự tin hiểu của thừa Thanh văn. Hội nhập nơi vô lượng sự thuyết giảng đạo của chư Phật, khiến chúng sinh tin hiểu. Hội nhập nơi vô lượng sự tập thành của thừa Phật-bích-chi. Hội nhập nơi vô lượng môn trí tuệ sâu xa của chư Phật đã thuyết giảng. Hội nhập nơi vô lượng nẻo hành đạo của các Bồ-tát. Hội nhập nơi vô lượng sự tập thành pháp Đại thừa được chư Phật thuyết giảng, khiến Bồ-tát được hội nhập”.

* **Luận nêu:** *Tu hành vô lượng thứ loại:* Tức tùy chỗ tạo lợi ích cho những chúng sinh nào? Chúng sinh trụ ở nơi chốn nào? Dùng những trí tuệ nào? Dùng những tâm nào? Dùng những hành nào? Đưa đến những thừa nào? Do những sai biệt ấy, nên có mười thứ tu hành. Trong đó:

Tùy chỗ tạo lợi ích cho những chúng sinh nào: Ở nơi vô lượng chúng sinh, dùng vô lượng nghiệp để giáo hóa. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, hội nhập nơi vô lượng cảnh giới của chúng sinh. Hội nhập nơi vô lượng nẻo tạo tác của chư Phật để giáo hóa chúng sinh”.

Chúng sinh trụ ở nơi chốn nào: Ở trong vô lượng thế giới, khiến nương dựa nơi cõi Phật thanh tịnh. Như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng lưới thế giới. Hội nhập nơi vô lượng cõi nước thanh tịnh của chư Phật”.

Dùng những trí tuệ nào: Vô lượng chủng loại trí tuệ giác ngộ về pháp giới. Như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng các pháp sai biệt. Hội nhập nơi vô lượng trí tuệ của chư Phật, chứng đắc đạo vô thượng”. Vô lượng số kiếp, thông đạt về ba đời, cùng hội nhập nơi trí tuệ giác ngộ. Như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng số kiếp. Hội nhập nơi vô lượng sự thông đạt các sự việc trong ba đời của chư Phật”.

Dùng những tâm nào? Có 2 thứ sự:

(1) Có các chúng sinh tin nơi vô số thân tướng chư thiên, tâm tùy đồng hành, thuận nơi sự tin ấy mà thuyết giảng. Như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng nẻo sai biệt của chúng sinh tin ưa sự việc thù thắng. Hội nhập nơi vô lượng danh hiệu, sắc thân của chư Phật với vô số sự thị hiện”.

(2) Nhận biết tâm quá khứ, tùy nơi căn trí để nêu giảng ứng hợp. Như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng tâm hành, căn tín của

chúng sinh với đủ thứ loại sai biệt. Hội nhập nơi vô lượng âm thanh, ngôn ngữ của chư Phật, khiến chúng sinh hoan hỷ”.

Dùng những hành nào? Tùy nơi tâm của chúng sinh mà nêu bày sự đối trị. Như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng tâm, nẻo hành nơi tâm chúng sinh với vô số sự sai biệt. Hội nhập nơi vô lượng hành tùy trí tuệ của chư Phật”.

Đưa đến những thừa nào? Ở trong ba Thừa: Đưa đến thừa Thanh văn, như kinh nói: “Hội nhập nhân nơi vô lượng sự tin hiểu về thừa Thanh văn. Hội nhập nơi vô lượng sự thuyết giảng đạo của chư Phật, khiến chúng sinh tin hiểu”. Đưa đến nơi thừa Phật-bích-chi, như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng sự tập thành của thừa Phật-bích-chi. Hội nhập nơi vô lượng môn trí tuệ sâu xa của chư Phật đã thuyết giảng”. Đưa đến Đại thừa, như kinh nói: “Hội nhập nơi vô lượng nẻo hành đạo của các Bồ-tát. Hội nhập nơi vô lượng sự tập thành pháp Đại thừa được chư Phật thuyết giảng, khiến Bồ-tát được hội nhập”.

b. Thế nào là Tu hành với hành không dụng công?

* ***Kinh nói:*** “Bồ-tát ấy, khởi niệm như vậy: Chư Phật Thế Tôn có vô lượng vô biên cảnh giới. Cảnh giới đó không thể dùng bao nhiêu là thời gian như trăm ức kiếp, ngàn ức kiếp, trăm ngàn ức kiếp, cho đến vượt hơn số lượng ấy, như vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính toán được. Cảnh giới của chư Phật như vậy, Ta đều nên tập hợp, tự nhiên không do phân biệt nên được thành tựu. Do không phân biệt, không chấp giữ tướng nên thành tựu. Bồ-tát ấy khéo quán xét như thế nên trí thông tỏ, ngày đêm luôn tu tập trí phương tiện, dốc sức phát khởi hành thù thắng, khéo an trụ kiên cố do pháp bất động”.

* ***Luận nêu:*** Nơi đoạn này:

Tự nhiên: Tự tánh thù thắng, không phân biệt. Như kinh nói: “Tự nhiên không do phân biệt nên được thành tựu. Do không

phân biệt, không chấp giữ tướng nên thành tựu”. Câu này đã chỉ rõ điều ấy.

Bồ-tát ấy khéo quán xét như thế v.v...: Là đối trị về chướng kia.

*

3. Thế nào là Sai biệt do cả hai cùng hành? Có 4 thứ tướng:

a. Hai hành cùng hành không gián đoạn.

b. Tin tưởng thù thắng.

c. Có thể tạo ra nghĩa lớn.

d. Sai biệt của pháp Bồ-đề phần.

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, lúc phát khởi đạo, một niệm tâm cũng không xa lìa. Bồ-tát này tu hành trì tuệ, khi đến cũng khởi, lúc đi cũng khởi, khi đứng cũng khởi, lúc ngồi, nằm cũng khởi, cho đến khi ngủ nghỉ, nằm mộng đều có thể phát khởi đạo. Lìa các thứ ngăn che, an trụ nơi các oai nghi, luôn không lìa tướng niệm như thế.*”

Bồ-tát ấy, ở trong từng niệm đều hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật của bậc Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát khởi tất cả tâm như thế, ở trong từng mỗi niệm, dùng đại bi làm đầu, tu tập hết thấy pháp Phật, đều hồi hướng đến trí của Như Lai. Bồ-tát ấy, lúc cầu đạt Phật đạo, những căn thiện được tu tập đều ban cho tất cả chúng sinh, là Bồ thí Ba-la-mật. Có thể diệt trừ hết thấy những phiền não siêu đốt là Trì giới Ba-la-mật. Từ bi làm hàng đầu, có thể nhẫn đối với hết thấy chúng sinh, là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Cầu căn thiện chuyển thắng, tâm không hề chán đủ, là Tinh tấn Ba-la-mật. Chỗ tu tập các tâm hành không dong ruổi, tán loạn, luôn hướng tới trí Nhất thiết trí, là Thiền định Ba-la-mật. Hiện nhận biết các pháp, tự tánh là chẳng sinh, tức Bát-nhã Ba-la-mật. Có thể dậy khởi vô lượng môn trí, là Phương tiện Ba-la-mật. Mong đạt trí thù thắng tối thượng là Nguyện Ba-la-mật. Hết thấy luận tà của ngoại đạo cùng các chúng ma đều

không thể phá hoại đạo Bồ-tát, là Lục Ba-la-mật. Quán xét đúng như thật, nhận biết về tướng của tất cả các pháp, là Trí Ba-la-mật.

Này các Phật tử! Như vậy, Bồ-tát ấy an trụ trong Địa Viễn Hành của bậc Bồ-tát, niệm niệm đều hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật, cũng hành trì đầy đủ bốn Nhiếp pháp, cũng hành trì đầy đủ bốn Gia, ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề phần, ba môn giải thoát, lược nói về tất cả pháp trợ Bồ-đề phần, ở trong mỗi mỗi niệm thấy đều hành trì đầy đủ”.

* **Luận nêu:** a. Hai hành cùng hành không gián đoạn: Ở đây, trong một niệm, hai hành Xa-ma-tha (Chí) Tỳ-bát-xá-na (Quán) đều cùng hiện tiền.

Trụ nơi các oai nghi: Tức trong tất cả hành, Bồ-tát lúc tu tập, hành trì đều không gián đoạn, không ngừng nghỉ. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, lúc phát khởi đạo, một niệm tâm cũng không xa lìa v.v...”.

b. Tin tưởng thù thắng: Là Bồ-tát, trong trí vô lượng, với nghĩa đặc biệt, tướng trang nghiêm, chuyên niệm để hiện tiền. Như kinh nói: “Luôn không lìa tướng niệm như thế”.

c. Có thể tạo ra nghĩa lớn: Niệm niệm đều hành trì đầy đủ các thứ nghĩa lớn của mười Ba-la-mật. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, ở trong từng niệm đều hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật của bậc Bồ-tát v.v..., cho đến Trí Ba-la-mật”. Ở đây:

Phương tiện Ba-la-mật: Là khởi vô lượng trí sự, do nơi trí ấy nên khởi vô lượng hạnh nguyện như bố thí v.v... dùng diệu lực để thâm tóm.

Nguyện Ba-la-mật: Là phát khởi trí tối thượng, do nơi trí ấy, nên khởi các hành tối thượng như bố thí v.v... làm sinh trưởng, thâm giữ các thứ thù thắng.

Lục Ba-la-mật: Hết thấy Di luận cùng các thứ ma đến không thể phá hoại nẻo hành của Bồ-tát. Do nơi hành ấy, nên xa lìa những chướng ngại nơi bố thí v.v...

Trí Ba-la-mật: Quán xét đúng như thật, nhận biết về tướng của tất cả các pháp. Do nơi trí ấy, nên đối với các pháp bố thí v.v... với hết thấy các thứ sai biệt đều nhận biết, nhằm hóa độ chúng sinh.

d. Sai biệt của pháp Bồ-đề phần: Có 4 thứ tướng:

(1) Dựa nơi pháp Đại thừa, hành Ba-la-mật. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Như vậy, Bồ-tát ấy an trụ trong Địa Viễn Hành của bậc Bồ-tát, niệm niệm đều hành trì đầy đủ mười pháp Ba-la-mật”.

(2) Dựa nơi sự giáo hóa chúng sinh, hành bốn Nhiếp pháp. Như kinh nói: “Cũng hành trì đầy đủ bốn Nhiếp pháp”.

(3) Dựa nơi phiền não chướng đã được thanh tịnh tăng thượng: Gia, Bồ-đề phần, môn giải thoát: Là trụ ở nơi chốn nào, dùng những môn gì, để tu hành đạt được thanh tịnh. Như kinh nói: “Cũng hành trì đầy đủ bốn Gia, ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề phần, ba môn giải thoát”. Bốn gia là Gia Bát-nhã, Gia đế, Gia xả phiền não, Gia khổ đã được thanh tịnh.

(4) Dựa nơi trí chướng đã thanh tịnh. Như kinh nói: “Lược nói về tất cả pháp phần trợ Bồ-đề, ở trong mỗi mỗi niệm thấy đều hành trì đầy đủ”.

*

4. Thế nào là Sai biệt do sự thù thắng nơi Địa trên, trước?

Địa dưới phương tiện tăng thượng, hành trì đầy đủ, nên trong Địa thứ bảy nói rõ.

** Kinh nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thưa Phật tử! Bồ-tát chỉ ở trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, mới hành trì đầy đủ tất cả pháp phần trợ Bồ-đề, hay là hết thấy Bồ-tát trong các Địa, cũng đều hành trì đầy đủ?”*

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Bồ-tát ở trong mười Địa của bậc Bồ-tát, thấy đều hành trì đầy đủ tất cả pháp phần trợ

Bồ-đề, song nơi Địa thứ bảy thì hơn hẳn nên được mang tên. Vì sao? Đây Phật tử! Vì Bồ-tát ấy, ở trong địa của bậc Bồ-tát này, đã hành trì đầy đủ phương tiện, nên được hội nhập nơi hành trí tuệ, thần thông.

Này Phật tử! Bồ-tát ở trong Địa thứ nhất phát nguyện, quán xét tất cả pháp Phật, gồm đủ pháp phần trợ Bồ-đề. Nơi Địa thứ hai, diệt trừ các thứ cấu uế, xấu ác của tâm, gồm đủ pháp phần trợ Bồ-đề. Trong Địa thứ ba, nguyện chuyển tăng trưởng, đạt được pháp mình, gồm đủ pháp phần trợ Bồ-đề. Nơi Địa thứ tư, hội nhập đạo, gồm đủ pháp phần trợ Bồ-đề. Trong Địa thứ năm, tùy thuận hành pháp thế gian, nên hành trì đầy đủ pháp phần trợ Bồ-đề. Nơi Địa thứ sáu, hội nhập nơi pháp môn thâm diệu, nên hành trì đầy đủ pháp phần trợ Bồ-đề. Và trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát này, phát khởi hết thấy pháp Phật, nên hành trì đầy đủ pháp phần trợ Bồ-đề”.

** Luận nêu: Thế nào là Địa dưới phương tiện tăng thượng, hành trì đầy đủ? Do đầy đủ nên hội nhập nơi hành đại trí thông. Như kinh nói: “Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Đây Phật tử! Bồ-tát ở trong mười Địa của bậc Bồ-tát, thấy đều hành trì đầy đủ tất cả pháp phần trợ Bồ-đề, song nơi Địa thứ bảy thì hơn hẳn nên được mang tên. Vì sao? Đây Phật tử! Vì Bồ-tát ấy, ở trong địa của bậc Bồ-tát này, đã hành trì đầy đủ phương tiện, nên được hội nhập nơi hành trí tuệ, thần thông”. Ở đây, Thông: Là năm thần thông. Trí: Như trước đã nêu.*

Vì sao trong Địa này hành phương tiện đầy đủ? Vì Bồ-tát, trong hành thế gian, xuất thế gian khác lại hành thù thắng. Do đó, nơi Địa thứ bảy này khởi tất cả pháp Phật, có thể hành trì đầy đủ các pháp phần trợ Bồ-đề. Như kinh nói: “Bồ-tát ở trong Địa thứ nhất phát nguyện, quán xét tất cả pháp Phật, gồm đủ pháp phần trợ Bồ-đề v.v...”.

Thế nào là Địa trên tu hành tăng thượng nơi trí tuệ phương tiện đối với pháp phần Bồ-đề? Là hành công dụng đã đầy đủ.

*** Kinh nói:** “Vì sao? Nay Phật tử! Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở đi, cho đến bảy Địa, đạt được các trí tuệ, hành hóa đạo. Do nơi diệu lực ấy, nên từ Địa thứ tám của bậc Bồ-tát cho đến Địa thứ mười, là hành không dụng công, tự nhiên đầy đủ.

Nay Phật tử! Ví như có hai thế giới: Một là thế giới nhiễm tịnh. Hai là thế giới thuần tịnh. Ở giữa hai thế giới ấy khó có thể vượt qua được. Muốn vượt qua cảnh giới này phải dùng diệu lực của đại thân thông. Phật tử! Bồ-tát cũng vậy, hành hóa nơi đạo Bồ-tát nhiễm tịnh, khó có thể vượt qua được. Phải dùng diệu lực của đại nguyện, của trí phương tiện lớn, của thân thông lớn mới có thể vượt qua được.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi: Thưa Phật tử! Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát là hành nhiễm hay là hành tịnh?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Nay Phật tử! Từ Địa thứ nhất trở đi, Bồ-tát hành trì đều xa lìa nghiệp phiền não nhiễm. Vì sao? Vì đều hồi hướng đến đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng. Tùy theo các đạo mà hành hóa, như phần hành đạo bình đẳng, nên không gọi là đã vượt qua hành phiền não của bảy Địa. Nay Phật tử! Ví như Chuyển luân Thánh vương cỡi voi báu du hành khắp bốn châu thiên hạ, nhận biết có những kẻ bần cùng, khôn khéo, cấu nhiễm, lỗi lầm, nhưng không bị những lỗi lầm kia làm cho ô nhiễm. Vì vua chưa thoát khỏi thân người. Nếu bỏ thân người, sinh nơi cõi trời Phạm Thế, trụ tại cung điện của Phạm Thiên, thấy rõ hàng ngàn thế giới, thị hiện uy lực, ánh sáng của bậc Phạm vương, bấy giờ không còn gọi là người. Nay Phật tử! Bồ-tát cũng như vậy. Từ Địa thứ nhất trở đi, cỡi trên cỗ xe là các pháp Ba-la-mật, hành hóa nơi tất cả thế gian, cũng nhận biết các thứ phiền não cấu nhiễm, lỗi lầm của thế gian, nhưng không bị những thứ ấy làm cho ô nhiễm, vì đã hành trì chánh đạo mà không gọi là đã vượt quá phiền não cấu nhiễm của bảy Địa. Nếu Bồ-tát xả bỏ hết thấy hành công dụng, từ bảy Địa nhập vào Địa thứ tám, bấy giờ gọi là đi trên cỗ xe Bồ-tát thanh tịnh, hành

hóa nơi tất cả thế gian, nhận biết đúng như thật về hết thấy các thứ phiền não cấu uế, lỗi lầm, nhưng không bị chúng làm cho ô nhiễm, do đã được vượt qua.

Phật tử! Bồ-tát an trụ nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, vượt qua phần lớn các thứ phiền não như tham dục v.v... Bồ-tát ấy, trụ trong Địa Viên Hành của bậc Bồ-tát này, không gọi là người có phiền não, cũng không gọi là người không phiền não. Vì sao? Vì tất cả phiền não không hiện hành, nên không gọi là có phiền não. Vì còn tham cầu trí tuệ của Như Lai hiện chưa đầy đủ, nên không gọi là không phiền não”.

***Luận nêu:** Thế nào là Địa trên, trí tuệ phương tiện tăng thượng hành Bồ-đề phần? Là hành công dụng đã đầy đủ. Như kinh nói: “Vì sao? Nay Phật tử! Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở đi, cho đến Địa thứ bảy, đạt được các trí tuệ, hành hóa đạo v.v...”. Tức chỉ rõ là từ Địa thứ nhất trở đi, luôn xa lìa các thứ phiền não như thế. Địa này gọi là niêm tịnh, không phải là hành niêm, như phần Hành đạo bình đẳng.

Bồ-tát ấy, ở trong Địa này, tùy nơi phân lực, xả bỏ nẻo công dụng, như ví dụ về Chuyển luân Thánh vương. Nơi Địa thứ tám, tự nhiên đạt được hạnh báo, vượt quá các thứ phiền não cấu nhiễm, lỗi lầm, chỉ rõ như sinh nơi cõi trời Phạm Thế, xả bỏ thân người của Chuyển luân Thánh vương. Như kinh nói: “Nay Phật tử! Ví như Chuyển luân Thánh vương cõi voi báu du hành khắp bốn châu thiên hạ v.v...”.

Phật tử! Bồ-tát an trụ nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, vượt qua phần lớn các thứ phiền não như tham dục: Tức chưa đạt đến Địa báo. Vì thế Địa này không gọi là hành lìa phiền não, là do còn có dụng cộng. “Bồ-tát ấy, trụ trong Địa Viên Hành của bậc Bồ-tát này, không gọi là người có phiền não, cũng không gọi là người không phiền não. Vì sao? Vì tất cả phiền não không hiện hành, nên không gọi là có phiền não. Vì còn tham cầu trí tuệ của Như Lai hiện chưa đầy đủ, nên không gọi là không phiền não”.

5. Thế nào là Sai biệt về quả do song hành? Có 4 thứ tướng:

a. Nghiệp thanh tịnh.

b. Đạt được Tam-muội thù thắng.

c. Quá địa (Chỗ vượt hơn nơi địa).

d. Đạt được hành thù thắng.

a. Thế nào là Nghiệp thanh tịnh?

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Viễn Hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, thành tựu trọn vẹn thân nghiệp thanh tịnh sâu xa, thành tựu trọn vẹn khẩu nghiệp thanh tịnh sâu xa, thành tựu trọn vẹn ý nghiệp thanh tịnh sâu xa. Bồ-tát ấy, đối với các nẻo nghiệp bất thiện hiện có, luôn bị chư Phật quở trách, đều đã lìa bỏ. Đối với các nẻo nghiệp thiện hiện có, luôn được chư Phật khen ngợi, đều luôn hành trì. Những thứ kinh sách, kỹ thuật hiện có nơi thế gian, như đã nói trong năm Địa, tự nhiên mà hành. Bồ-tát ấy, ở trong Tam thiên đại thiên thế giới, được xem là bậc Đại sư, chỉ trừ chư Phật và Bồ-tát nơi tám Địa, không có chúng sinh nào, về tâm sâu xa, hành vi diệu có thể sánh kịp. Bồ-tát ấy, hết thấy các thứ thiên định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thần thông, giải thoát, đều hiện tiền. Trong môn tu hành, không phải là đã khéo thành tựu lực báo như nơi Địa thứ tám của bậc Bồ-tát. Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Viễn Hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, ở trong mỗi mỗi niệm, tu tập đầy đủ diệu lực của trí phương tiện cùng tất cả pháp phân trợ Bồ-đề, luôn chuyển tăng, thù thắng viên mãn”.

* **Luận nêu:** Nghiệp thanh tịnh: Có 4 thứ tướng:

(1) Giới thanh tịnh thù thắng. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Viễn Hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, thành tựu trọn vẹn thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thanh tịnh sâu xa”.

(2) Trí thế gian thanh tịnh thù thắng. Như kinh nói: “Những thứ kinh sách, kỹ thuật hiện có nơi thế gian, như đã nói trong năm Địa, tự nhiên mà hành”.

(3) Đạt tự thân thù thắng: Tâm hành hai bình đẳng, không ai sánh kịp. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, ở trong Tam thiên đại thiên thế giới, được xem là bậc Đại sư, chỉ trừ chư Phật và Bồ-tát nơi tám Địa, không có chúng sinh nào, về tâm sâu xa, hành vi diệu có thể sánh kịp”.

(4) Đạt được diệu lực thù thắng, các thứ thiên định v.v... luôn hiện tiền, thù thắng. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, hết thảy các thứ thiên định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thần thông, giải thoát, đều hiện tiền v.v...”. Ở đây, dựa nơi thiên, khởi Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, thần thông, giải thoát, là giáo hóa chúng sinh, là ưa thích hành tịch diệt, là diệt định Tam-ma-bạt-đề, thứ lớp như vậy.

b. Thế nào là Đạt được Tam-muội thù thắng?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Viễn Hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, hội nhập nơi các Tam-muội: Thiện trạch trí Bồ-tát. Thiện tư nghĩa. Ích ý. Phân biệt nghĩa tạng. Trạch nhất thiết nghĩa. Thiện trụ kiên căn. Trí thần thông môn. Pháp giới nghiệp. Như Lai lợi ích. Nhập Tam-muội mang tên Bồ-tát chủng chủng nghĩa tạng, thế gian Niết-bàn môn. Bồ-tát ấy, ở nơi môn đại trí thông như thế, nhập đầy đủ mười Tam-muội hàng đầu, nên có thể nhập vào trăm ngàn môn Tam-muội của bậc Bồ-tát, làm thanh tịnh Địa này”.

*** Luận nêu:** Đạt được Tam-muội thù thắng: Có 10 thứ tướng:

(1) Dựa nơi nghĩa chưa quán.

(2) Dựa nơi nghĩa đã quán. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Viễn Hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, hội nhập nơi Tam-muội Thiện trạch trí Bồ-tát”.

(3) Dựa nơi một câu với vô lượng nghĩa thù thắng. Như kinh nói: “Tam-muội Thiện tư nghĩa”.

(4) Dựa nơi một nghĩa để nói về vô lượng tên gọi. Như kinh nói: “Tam-muội Ích ý. Tam-muội Phân biệt nghĩa tạng”.

(5) Dựa nơi trí thông tỏ tất cả xứ của năm minh. Như kinh nói: “Tam-muội Trạch nhất thiết nghĩa”.

(6) Dựa nơi chướng phiền não đã được thanh tịnh. Quán chân như với căn kiên định. Như kinh nói: “Tam-muội Thiện trụ kiên căn”.

(7) Dựa nơi chướng ngại của trí đã được thanh tịnh: Có 4 thứ chướng đã được thanh tịnh:

(a) Chướng ngại đối với công đức thù thắng. Đối trị chướng này, như kinh nói: “Tam-muội Trí thần thông môn”.

(b) Chướng ngại nơi trí không chướng ngại: Đối trị chướng này, như kinh nói: “Tam-muội Pháp giới nghiệp”.

(c) Chướng ngại do khiếp sợ đối với pháp Phật sâu xa tối thượng. Đối trị chướng này, như kinh nói: “Tam-muội Như Lai lợi ích”.

(d) Chướng ngại đối với hành không trụ. Đối trị chướng này, như kinh nói: “Nhập Tam-muội mang tên Bồ-tát chủng chủng nghĩa tạng, thế gian Niết-bàn môn”. Chủng chủng nghĩa tạng là vô số thứ loại căn thiện.

Như vậy, nơi môn đại trí thông, Bồ-tát đã hành trì đầy đủ mười Tam-muội hàng đầu, nên có thể hội nhập trăm ngàn vạn môn Tam-muội của bậc Bồ-tát, làm thanh tịnh Địa này.

c. Thế nào là Quá địa? (Chỗ vượt hơn nơi địa)

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, đạt được Tam-muội như thế, trí tuệ phương tiện hoàn toàn thanh tịnh, đạt diệu lực của đại bi, nên vượt hơn cảnh giới của hàng Nhị thừa, hiện tiền tư duy, lượng xét, hướng tới cảnh giới trí tuệ”.

* **Luận nêu:** Vượt hơn cảnh giới của hàng Nhị thừa: Có 2 thứ tướng:

- (1) Diệu lực của trí phương tiện tu hành.
- (2) Diệu lực của tâm đại bi.

Hiện tiền: Tức có thể hội nhập nơi dòng chảy của đạo pháp.

Lượng xét, hướng tới cảnh giới trí tuệ: Tức trí tuệ nơi tám Địa. Chính là quán nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, hết thấy xứ ấy đều thành tựu. Lại nữa, chỗ vượt hơn là nẻo hành hóa thù thắng, nên chỉ rõ.

* **Kinh nói**: “*Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Viễn Hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, nơi vô lượng thân nghiệp hành vô tướng, nơi vô lượng khẩu nghiệp, ý nghiệp đều hành vô tướng. Bồ-tát này, khéo hành thanh tịnh nên đạt được pháp Nhân vô sinh sáng tỏ.*

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói: *Này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa thứ nhất của bậc Bồ-tát, có vô lượng thân nghiệp, vô lượng khẩu nghiệp, vô lượng ý nghiệp, đã vượt hơn tất cả hành của hàng Nhị thừa chẳng?*

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: *Này Phật tử! Quán xét về pháp lớn nên là vượt hơn. Không phải là hành lực của tự trí. Nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát này, đạt được quán nơi hành lực của tự trí, nên hết thấy nẻo hành của hàng Nhị thừa đều không thể sánh kịp.*

Này Phật tử! Ví như vương tử sinh tại vương gia, đầy đủ vương tướng hơn hẳn tất cả các bề tôi, là do uy lực của chốn quyền quý, không phải là do hành lực của tự trí. Về sau, thân tướng lớn tăng, tự gồm đủ trí lực, các sự việc tạo tác đều thành tựu, mới đích thực là vượt hơn tất cả các bề tôi. Cũng vậy, này Phật tử! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đã vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, do tâm sâu xa, lớn lao. Nay trụ trong Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, tự trí hành trụ, nên vượt hơn hành của hàng Nhị thừa”.

* **Luận nêu**: *Vô lượng ba nghiệp hành vô tướng*: Là nhập định, xa lìa các tướng. Vô lượng ấy hàng Thanh văn, Duyên giác cũng có nghiệp thanh tịnh xa lìa tướng, nhưng không phải là vô lượng tướng, vì không thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Lại nữa, vô lượng ấy hơn hẳn sự việc của các Địa dưới khác.

Khéo hành thanh tịnh: Là tu tập, hành phương tiện đầy đủ.

Pháp Nhân vô sinh sáng tỏ: Là tướng hiện tiền của pháp nhân ấy.

Dụ về vương tử: Là chỉ rõ sự thù thắng, vượt hơn trong Địa này, do tu hành phương tiện đầy đủ.

Tự trí hành trụ: Là hành phương tiện xong, niệm quán để an trụ. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như vương tử sinh tại vương gia v.v... cho đến: Tự trí hành trụ, nên vượt hơn các hành của hàng Nhị thừa”.

Vô lượng nghiệp thù thắng như thân nghiệp v.v... đã nói, không những chỉ là có nhiều thần lực vô lượng mà cũng chỉ rõ về vô lượng nghĩa thù thắng.

* **Kinh nói:** “Này các Phật tử! Bồ-tát ấy, an trụ nơi Địa Viễn Hành này, đạt được nẻo vô hành, xa lìa hết mực sâu xa. Ba nghiệp thân, khẩu, ý đều chuyển tăng, cầu đạt hành thù thắng nhưng không lìa bỏ”.

* **Luận nêu:** *Hết mực sâu xa:* Là nhập vào nơi xa.

Xa lìa: Tức các chương ngại được diệt trừ.

Vô hành: Là chỉ cho các địa thể gian xuất thể gian khác đều không thể hành trì.

Ba nghiệp đều chuyển tăng, cầu đạt hành thù thắng nhưng không lìa bỏ: Tức chỉ cho hàng Nhị thừa, tuy lìa tướng nghiệp kia, nhưng không như thế, mới đạt một ít đã cho là đủ, không cầu đạt hành vô thượng.

d. Thế nào là Đạt được hành thù thắng?

* **Kinh nói:** “Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi: Này Phật tử! Bồ-tát từ nơi Địa nào trở đi có thể hội nhập định tịch diệt?”

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Bồ-tát từ Địa thứ sáu trở đi, có thể hội nhập nơi định tịch diệt. Nay trụ nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát, trong mỗi mỗi niệm đều có thể nhập nơi định ấy, nhưng

không thủ chứng. Bồ-tát ấy đã thành tựu trọn vẹn về ba nghiệp thân, khẩu, ý không thể nghĩ bàn. Nay Phật tử! Đó là hành của các Bồ-tát hành hóa nơi thật tế mà không chứng đắc định tịch diệt.

Nay Phật tử! Ví như có người dùng thuyền lớn đi vào biển cả, khéo biết về cách sử dụng thuyền, khéo nhận biết về hình tướng của nước, không bị thủy nạn nơi biển lớn làm hại. Cũng vậy, nay Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát này, đi trên thuyền là các pháp Ba-la-mật, hành hóa nơi thật tế mà không chứng đắc định tịch diệt”.

* **Luận nêu:** Hành hóa nơi thật tế mà không chứng đắc định tịch diệt: Do không xả bỏ Hữu. Như kinh nói: “Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Nay Phật tử! Bồ-tát từ Địa thứ sáu trở đi, có thể hội nhập nơi định tịch diệt v.v...”.

Đã nói về phần hành thù thắng nơi Tam-ma-bạt-đề. Tiếp theo là nói về việc phát khởi hành thù thắng.

* **Kinh nói:** “Bồ-tát như vậy là thông đạt về trí lực của Tam-muội, tu tập khởi trí lực của phương tiện lớn, hiện thân nơi nẻo thế gian mà tâm sâu xa là Niết-bàn, tuy quyến thuộc vây quanh, nhưng tâm thường xa lìa. Dùng nguyện lực thọ sinh nơi ba cõi, nhưng không bị thế gian làm ô nhiễm. Tâm thường vắng lặng, do diệu lực của phương tiện mà trở lại tỏa sáng, tỏa sáng nhưng không bùng cháy. Tùy thuận trí Phật, xoay chuyển cảnh giới của hàng Nhị thừa, thông đạt cảnh giới của chư Phật, ẩn giấu để hiện bày cảnh giới của ma, vượt qua bốn cõi ma, hiện hành cảnh giới ma. Hiện bày nẻo hành của các ngoại đạo, nhưng tâm sâu xa không xả bỏ nẻo Phật. Thông tỏ tất cả sự việc nơi thế gian, nhưng tâm luôn ở nơi đạo pháp xuất thế gian. Các thứ trang nghiêm hiện có hơn hẳn các chúng chư Thiên, Long, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, bốn Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, mà không xả bỏ sự nhớ nghĩ về pháp an lạc”.

* **Luận nêu:** *Phát khởi hành thù thắng:* Có **8** thứ hành cùng chỗ thâm tóm của đối trị:

(1) Hành công đức phát khởi, tùy thuận nẻo thế gian. Như kinh nói: “Bồ-tát như vậy là thông đạt về trí lực của Tam-muội, tu tập khởi trí lực của phương tiện lớn, hiện thân nơi nẻo thế gian mà tâm sâu xa là Niết-bàn”.

(2) Hành đứng đầu gồm thâm các thứ khác. Như kinh nói: “Tuy quyền thuộc vây quanh, nhưng tâm thường xa lìa”.

(3) Hành nguyện chọn lấy cõi. Như kinh nói: “Dùng nguyện lực thọ sinh nơi ba cõi, nhưng không bị thế gian làm ô nhiễm”.

(4) Hành không đoạn bỏ gia đình: Xa lìa tham dục, các tùy phiền não, kiết sử, nhưng thị hiện các sự việc hành tham dục. Như kinh nói: “Tâm thường vắng lặng, do diệu lực của phương tiện mà trở lại tỏa sáng, tỏa sáng nhưng không bùng cháy”.

(5) Hành hội nhập. Như kinh nói: “Tùy thuận trí Phật, xoay chuyển cảnh giới của hàng Nhị thừa”.

(6) Hành nơi đời sống: Ăn uống, ngủ nghỉ, nằm mộng v.v... như cảnh giới của ma. Như kinh nói: “Thông đạt cảnh giới của chư Phật, ẩn giấu để hiện bày cảnh giới của ma”.

(7) Hành thoái chuyển: Thị hiện già, bệnh, chết, ba cảnh giới của ma ấy. Như kinh nói: “Vượt qua bốn cõi ma, hiện hành cảnh giới ma”.

(8) Hành xoay chuyển: Có **3** thứ xoay chuyển:

(a) Xoay chuyển tham chấp. Như kinh nói: “Hiện bày nẻo hành của các ngoại đạo, nhưng tâm sâu xa không xả bỏ nẻo Phật”.

(b) Xoay chuyển chướng, nghi. Như kinh nói: “Thông tỏ tất cả sự việc nơi thế gian, nhưng tâm luôn ở nơi đạo pháp xuất thế gian”.

(c) Xoay chuyển tâm tham: Đối với các chúng Trời, Rồng v.v... tâm tôn trọng, thâm giữ để xoay chuyển tâm tham của họ. Như kinh

nói: “Các thứ trang nghiêm hiện có hơn hẳn các chúng chư Thiên, Long, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, bốn Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, mà không xả bỏ sự nhớ nghĩ về pháp an lạc”.

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát thành tựu trí tuệ như vậy, an trụ nơi Địa Viễn Hành của bậc Bồ-tát này rồi, được thấy nhiều chư Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, nên thấy nhiều trăm Phật, cho đến nhiều trăm ngàn na-do-tha Phật, thấy nhiều ức Phật, cho đến nhiều trăm ngàn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, nên Bồ-tát ấy, khi gặp chư Phật đều đem tâm sâu xa, tâm hướng thượng, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men v.v... đối với các căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Nơi trụ xứ của chư Phật, sinh tâm cung kính tột bậc, hết lòng nghe pháp, lãnh hội rồi thì thọ trì, thọ trì xong thì đạt được Tam-muội như thật, trí tuệ tỏa sáng, tùy thuận tu tập, hành hóa, nhớ giữ, hộ trì chánh pháp của chư Phật, hết thấy trí tuệ của hàng Nhị thừa nêu bày vẫn nạn đều không thể gây trở ngại. Bồ-tát ấy lại có thể tạo lợi ích cho chúng sinh, nên pháp nhẫn càng chuyển tăng thanh tịnh. Bồ-tát này trụ trong Địa Viễn Hành của bậc Bồ-tát ấy, nơi vô lượng kiếp, các thứ căn thiện kia, càng trở nên sáng, sạch, thù thắng, thành tựu thuận hợp, chuyển biến, thành tựu tột cùng. Nơi vô lượng trăm kiếp, vô lượng ngàn kiếp v.v... cho đến vô lượng trăm ngàn na-do-tha kiếp, vô lượng ức kiếp v.v... cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, các thứ căn thiện kia càng chuyển tăng, sáng, sạch, thù thắng, thành tựu những sự thuận hợp, lại chuyển tăng, đạt được những thành tựu trọn vẹn.*

Này Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc, dùng tất cả các thứ vật báu để trang nghiêm đầy đủ, thì ánh sáng, màu sắc càng trở nên sáng, đẹp, thù thắng, các vật dụng trang sức khác đều không thể sánh kịp. Cũng vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ trong Địa Viễn Hành là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát ấy, thì các thứ căn thiện kia, theo trí

phương tiện, lại càng trở nên sáng, sạch, thù thắng, hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể làm trở ngại.

Này Phật tử! Ví như ánh sáng của mặt trời, thì tất cả ánh sáng của tinh tú, mặt trăng đều không thể hủy hoại, các vũng nước bùn lầy hiện có nơi ba châu Diêm-phù-đề, do ánh sáng của mặt trời nên đều có thể khô cạn. Cũng vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ trong Địa Viễn Hành này, các thứ căn thiện kia, tất cả hàng Nhị thừa đều không thể hủy hoại, lại có thể làm khô cạn các vũng bùn đọng phiền não nơi tất cả chúng sinh.

Bồ-tát ấy, trong mười pháp Ba-la-mật thì Phương tiện Ba-la-mật tăng thượng, các pháp Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng là tùy lực tùy phần.

Này các Phật tử! Đó gọi là lược nói về Địa Viễn Hành, là Địa thứ bảy của bậc Bồ-tát.

Nếu Bồ-tát trụ trong Địa này, nhiều lần làm Thiên vương cõi trời Tha-hóa-tự-tại, các nẻo tạo tác đều tự tại, khéo khiến cho chúng sinh phát sinh chánh trí, cũng khiến các chúng sinh vượt qua biển phiền não, những nghiệp thiện đã tạo như bố thí, ái ngữ, đồng ngữ, lợi hành, các thứ phước đức ấy, đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hành của Bồ-tát v.v... cho đến không lìa niệm trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, luôn khởi tâm này: Ta phải, đối với tất cả chúng sinh, là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ suy niệm ấy, phát khởi hành tinh tấn. Do diệu lực của tinh tấn, nên trong một niệm đạt được trăm ngàn ức na-do-tha Tam-muội. Thấy trăm ngàn ức na-do-tha Phật. Nhận biết trăm ngàn ức na-do-tha thần lực của Phật. Có thể làm chuyển động trăm ngàn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể đi vào trăm ngàn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể soi chiếu trăm ngàn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể giáo hóa chúng sinh nơi trăm ngàn ức na-do-tha thế

giới Phật. Có thể trụ thọ nơi trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. Có thể nhận biết sự việc trong trăm ngàn ức na-do-tha kiếp nơi đời quá khứ, vị lai. Có thể khéo hội nhập nơi trăm ngàn ức na-do-tha pháp môn. Có thể biến hóa thân làm trăm ngàn ức na-do-tha thân, nơi mỗi mỗi thân có thể thị hiện trăm ngàn ức na-do-tha Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại, thắng thượng thì diệu lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số thứ loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh v.v... Các thứ thần thông đó, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết”.

* **Luận nêu:** Hộ trì chánh pháp của chư Phật: Là ở trong Tam thiên đại thiên thế giới được xem là bậc Đại sư, tu tập hành phương tiện đầy đủ, lấy việc hộ trì pháp làm đầu, tạo lợi ích cho chúng sinh, nên pháp nhãn càng hiển hiện.

Về giải thích tên gọi của Địa này: Nên biết. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy lại có thể tạo lợi ích cho chúng sinh, nên pháp nhãn càng chuyển tăng thanh tịnh”. Tu hành công đức đạt đến tận cùng nên gọi là Địa Viễn Hành, hết thấy các thứ báu đều đầy đủ, trang nghiêm.

Dụ về vàng ròng: Là chỉ rõ về tất cả pháp phân Bồ-đề, với hành phương tiện, công dụng đầy đủ, nên nơi Địa này, các thứ căn thiện đều trở nên sáng, sạch, thù thắng trội bật. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như vàng ròng từ góc v.v... cho đến: Hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể làm trở ngại”.

Dụ về ánh sáng mặt trời: Như nơi Địa trước đã nói. Nhưng Địa này hơn hẳn. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như ánh sáng của mặt trời v.v... cho đến: Lại có thể làm khô cạn những vũng bùn đọng phiền não nơi tất cả chúng sinh”.

Các phần còn lại: Như trước đã giải thích.

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 10

Địa thứ tám: ĐỊA BÁT ĐỘNG

* *Luận nêu:* Trong *Địa thứ tám* có 7 thứ tướng sai biệt:

1. Nêu rõ chung về phương tiện tạo hợp Địa.
2. Đạt được tịnh nhẫn.
3. Đạt được hành thù thắng.
4. Làm thanh tịnh cõi Phật.
5. Đạt được tự tại.
6. Đạt được thù thắng lớn.
7. Giải thích tên gọi.

*

1. Thế nào là Nêu rõ chung về phương tiện tạo hợp Địa?

* *Kinh nói:* “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát ở trong bảy Địa, khéo tích tập tuệ phương tiện, khéo làm thanh tịnh các hành, khéo tập hợp pháp trợ đạo, khéo phát khởi đại nguyện lực, khéo làm tăng thêm sự gia hộ từ diệu lực của Như Lai, từ lực dụng của căn thiện đạt được diệu lực, thường nhớ nghĩ, tùy thuận nơi mười tám pháp bất cộng, mười lực, bốn vô úy của Như Lai, khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa, nhận biết, thành tựu phước đức,

trí lực, đại từ bi nên không xả bỏ nẻo hành của tất cả chúng sinh, thông đạt vô lượng trí đạo”.

* **Luận nêu:** Nêu rõ chung về phương tiện tạo hợp địa: Do chung cho bảy Địa nên có đồng tướng và biệt tướng.

Thế nào là Đồng tướng? Đồng tướng có 3 thứ:

- (1) Hai thứ vô ngã, chúng đắc, chúng đắc tối thượng.
- (2) Đạo không trụ thanh tịnh.

(3) Trí phương tiện nơi hành gồm thấu đầy đủ các pháp phân trợ Bồ-đề. Như kinh nói: “Này các Phật tử! Nếu Bồ-tát ở trong bảy Địa, khéo tích tập tuệ phương tiện, khéo làm thanh tịnh các hành, khéo tập hợp pháp trợ đạo”.

Thế nào là Biệt tướng? Tức khéo phát khởi đại nguyện lực, giống với các Địa, như nơi Địa thứ nhất. Như kinh nói: “Khéo phát khởi đại nguyện lực”.

Trong Địa thứ hai: Do đó, Ta nên cùng hành mười đạo nghiệp thiện, tu tập nhất thiết chủng, khiến đạt được thanh tịnh, đầy đủ diệu lực của Như Lai nơi xứ kia. Như kinh nói: “Khéo làm tăng thêm sự gia hộ từ diệu lực của Như Lai”.

Nơi Địa thứ ba: Nhàm chán, đạt được thiền định không thoái chuyển, từ lực dụng của căn thiện nên có thể thông đạt. Như kinh nói: “Từ lực dụng của căn thiện đạt được diệu lực”.

Trong Địa thứ tư: Pháp được thuyết giảng khiến các chướng ngại nơi trí giáo hóa, trí phân biệt đều được thanh tịnh, suy niệm hơn hẳn, thông đạt pháp Phật. Như kinh nói: “Thường nhớ nghĩ, tùy thuận nơi mười tám pháp bất cộng, mười lực, bốn vô úy của Như Lai”.

Nơi Địa thứ năm: Tâm thanh tịnh sâu xa bình đẳng, khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa. Như kinh nói: “Khéo làm thanh tịnh tâm sâu xa, nhận biết”.

Trong Địa thứ sáu: Đại bi tự tại đứng đầu, tăng thượng, quán nhân duyên hợp tập, thành tựu phước đức, trí lực. Như kinh nói: “Thành tựu phước đức, trí lực”.

Nơi Địa thứ bảy: Trí tuệ phương tiện phát khởi đạo thù thắng, không xả bỏ nẻo hành của tất cả chúng sinh. Như kinh nói: “Đại từ bi nên không xả bỏ nẻo hành của tất cả chúng sinh”. Do vô lượng cảnh giới chúng sinh, nên hội nhập nơi vô lượng trí đạo. Như kinh nói: “Thông đạt vô lượng trí đạo”.

Như vậy là Địa thứ tám đã Nêu rõ chung về phương tiện tập hợp địa.

*

2. Thế nào là Đạt được tịnh nhẫn? Tức đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Nên biết Bồ-tát ấy đạt thanh tịnh, tự nhiên hành không dụng công.

** Kinh nói: “Hội nhập nơi tất cả các pháp xưa nay là không sinh, không thành, không tướng, không xuất, không mất, vô tận, không hành, không phải là có tánh có, đều giữa sau đều bình đẳng, chân như không phân biệt, hội nhập nơi trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy xa lìa hết thấy sự nhớ tưởng phân biệt của tâm ý thức, không chón tham chấp, bình đẳng như hư không, hội nhập nơi tất cả pháp, tánh như hư không. Đó gọi là đạt được pháp Nhẫn vô sinh”.*

*** Luận nêu:** Lại nữa, nhẫn ấy ở trong 4 thứ vô sinh, nên biết. Bốn thứ vô sinh là:

- (1) Sự vô sinh.
- (2) Tự tánh vô sinh.
- (3) Số lượng sai biệt vô sinh.
- (4) Tạo nghiệp sai biệt vô sinh.

Sự vô sinh: Cho là thật có 7 thứ sự:

(a) Trong phần tịnh nơi pháp vốn có thật. Đối trị điều này, như kinh nói: “Hội nhập nơi tất cả các pháp xưa nay là không sinh”.

(b) Mỗi lượt mới sinh là có thật. Đối trị điều này, như kinh nói: “Các pháp xưa nay là không thành”.

(c) Tướng là thật. Đối trị điều này, như kinh nói: “Các pháp xưa nay là không tướng”.

(d) Biên vực sau là thật. Đối trị điều này, như kinh nói: “Các pháp xưa nay là không xuất”.

(đ) Biên vực trước là thật: Là chương phiền não trong phần nhiễm. Đối trị điều này, như kinh nói: “Các pháp xưa nay là không mất”.

(e) Cùng tận là thật, như các chúng sinh. Đối trị điều này, như kinh nói: “Các pháp xưa nay là vô tận”.

(f) Tạp nhiễm là thật, như trong phần tịnh. Đối trị điều này, như kinh nói: “Các pháp xưa nay là không hành”.

Tự tánh vô sinh: Là pháp này vô ngã, pháp kia vô ngã. Tự thể là vô tánh. Như kinh nói: “Không phải là có tánh có”. Bồ-tát quán xét về sự, ở đây là pháp Nhãn vô sinh nên không thể cho là quán không thật có, vì pháp vô ngã và không có hai tướng.

Số lượng sai biệt vô sinh: Tức ở trong ba thời, pháp nhiễm tịnh không tăng giảm. Như kinh nói: “Đầu giữa sau đều bình đẳng”.

Tạo nghiệp sai biệt vô sinh: Tức ở nơi chân như, trí Phật không phân biệt, thanh tịnh. Như kinh nói: “Chân như không phân biệt, hội nhập nơi trí Nhất thiết trí”.

Như vậy là chỉ rõ về quán pháp Nhãn vô sinh.

Tiếp theo là chỉ rõ về hành xa lìa báo, tướng nơi cảnh giới phân biệt, tướng nơi tánh thân nhận phân biệt. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy xa lìa hết thảy sự nhớ tướng phân biệt của tâm ý thức”.

Tướng là xa lìa tướng chướng ngại pháp, không phải là tướng nơi pháp không đối trị. Bồ-tát đối trị tướng ở trong Địa tiếp sau có 3 thứ sự thù thắng:

(1) Hành tự nhiên, không dụng công. Như kinh nói: “Không chón tham chấp”.

(2) Hiện bày khắp nơi tướng của tất cả pháp. Như kinh nói: “Bình đẳng như hư không”.

(3) Hành tự nhiên, hội nhập nơi chân như bất động. Như kinh nói: “Hội nhập nơi tất cả pháp, tánh như hư không”

Đó gọi là đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

*

3. Thế nào là Đạt được hành thù thắng?

* **Kinh nói:** “Lại nữa, này Phật tử! Thành tựu pháp Nhẫn như vậy, Bồ-tát tức thì được vào Địa Bất Động, là Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, được gọi là Bồ-tát hành trì sâu xa khó có thể nhận biết, không thể phân biệt, vì lìa tất cả tướng, lìa hết thấy tướng, lìa hết thấy tham chấp, vô lượng vô biên, tất cả hàng Nhị thừa đều không thể hủy hoại, tịch tĩnh, tất cả đều tịch tĩnh và luôn hiện tiền.

Này Phật tử! Ví như Tỳ-kheo chứng đắc đầy đủ thần thông, tâm được tự tại, thứ lớp nhập định diệt tận. Tất cả các thứ nhớ tướng phân biệt của tâm động thấy đều dứt sạch. Phật tử! Bồ-tát cũng như thế. An trụ nơi Địa Bất Động, là Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, tức lìa hết thấy hành có dụng công cùng các thứ nhớ nghĩ, đạt được pháp không dụng công, lìa sự việc tạo tác nơi thân khẩu ý, an trụ nơi hành báo thành tựu.

Này Phật tử! Ví như có người, trong mộng thấy thân bị rút xuống dòng sông lớn. Người ấy bấy giờ phát khởi sự dũng mãnh lớn, hiện bày đại phương tiện nhằm ra khỏi sông sâu. Lúc phát khởi sự

dũng mãnh, hốt nhiên thức giấc. Thức giấc rồi, người ấy liền lìa sự việc nơi phương tiện dũng mãnh đã dựa vào. Phật tử! Bồ-tát cũng như vậy. Từ lúc mới phát tâm trở đi, thấy các chúng sinh rơi chìm nơi bốn sông lớn, nên phát khởi sức tinh tấn lớn, rộng tu hành đạo, đến Địa Bất Động, liền lìa tất cả tướng nơi hành có dụng công. Bồ-tát ấy, tất cả đều không hành hai tâm, các nẻo nhớ tướng không còn hiện tiền nữa.

Này Phật tử! Ví như sinh nơi cõi Phạm thiên, tất cả phiền não nơi cõi Dục đều không hiện hành. Phật tử! Bồ-tát cũng như vậy. An trụ nơi Địa Bất Động ấy, hết thấy tâm ý thức đều không hiện hành. Tất cả tâm Phật, tâm Bồ-đề, tâm Bồ-tát, tâm Niết-bàn đều không hiện hành, hướng chi là hành tâm thế gian”.

*** Luận nêu:** Ở đây:

Đạt được hành thù thắng: Tức đạt được hành sâu xa. Hành sâu xa có 7 thứ:

(1) Sâu xa do khó hội nhập. Như kinh nói: “Lại nữa, này Phật tử! Thành tựu pháp Nhẫn như vậy, Bồ-tát tức thì được vào Địa Bất Động, là Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, được gọi là Bồ-tát hành tri sâu xa khó có thể nhận biết”.

(2) Sâu xa do đồng hành: Tức nơi các Địa thanh tịnh, Bồ-tát đồng hành. Như kinh nói: “Không thể phân biệt”.

(3) Sâu xa của cảnh giới: Là chủ thể chọn lấy, đối tượng được chọn lấy đều không hiện tiền. Như kinh nói: “Vì lìa tất cả tướng, lìa hết thấy tướng, lìa hết thấy tham chấp”. Ngăn chặn tất cả tướng về chướng, nên gọi là lìa hết thấy tham chấp.

(4) Sâu xa của sự tu hành: Là hành tự lợi, lợi tha. Như kinh nói: “Vô lượng vô biên”.

(5) Sâu xa do không thoái chuyển. Như kinh nói: “Tất cả hàng Nhị thừa đều không thể hủy hoại”.

(6) Sâu xa do lia chướng ngại. Như kinh nói: “Tịch tĩnh”.

(7) Sâu xa do đối trị, hiện tiền. Như kinh nói: “Tất cả đều tịch tĩnh và luôn hiện tiền”. Là chân như nên hết thấy tịch tĩnh.

Dụ về định diệt tận: Là chỉ rõ về hành tịch diệt kia. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như Tỳ-kheo chững đắc đầy đủ thần thông v.v... cho đến: Lia sự việc tạo tác nơi thân khẩu ý, an trụ nơi hành báo thành tựu”.

Tất cả các thứ nhớ tưởng phân biệt của tâm động thấy đều dứt sạch: Tức không còn nơi chôn nương dựa.

Lìa hết thấy hành có dụng công: Tức vượt quá cảnh giới của hành dụng công.

Đạt được pháp không dụng công: Tức đạt pháp đối trị nơi hành kia. Do đạt được pháp không dụng công, nên hành trì tự nhiên. An trụ nơi hành báo, chỉ rõ chỗ đạt được pháp trái với hành có dụng công.

An trụ nơi hành báo thành tựu: Tức khéo trụ nơi thức A-lê-da trong pháp chân như.

Dụ về nằm mộng, thức giấc: Là chỉ rõ trong hành này có sự ngăn chặn tưởng lỗi lầm, vì có tưởng chánh trí, vì hành ấy là tịch diệt. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như có người, trong mộng thấy thân bị rút xuống dòng sông lớn v.v...”. Ở đây, dựa nơi Niết-bàn, thế gian thanh tịnh nên hai tâm không hiện hành. Dựa nơi cảnh giới thọ dụng nên niệm, tưởng không hiện hành.

Dụ về sinh nơi cõi Phạm thiên: Là đối với Địa dưới, tâm hoàn toàn không hiện hành để đạt được phần báo nơi Địa. Ở đây là nói về chỗ thù thắng do xa lia. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như sinh nơi cõi Phạm thiên v.v... cho đến: Huống chi là hành tâm thế gian”.

Ở đây, hành thuận, hành không thuận, hai phần: Tâm v.v..., Phật v.v... không hiện hành. Đại thừa, Tiểu thừa có sai biệt. Trong

Đại thừa, Tiểu thừa, chúng sinh và pháp có sai biệt, nên hữu học, vô học có sai biệt. Phật cùng Niết-bàn có sai biệt. Những sự nêu bày như thế, nên biết. Trong ấy:

Hành thuận: Là trong phần hành thuận, tâm v.v... không hiện hành. Như kinh nói: “Hết thầy tâm ý thức đều không hiện hành”.

Hành không thuận: Là trong phần hành không thuận, Phật v.v... không hiện hành. Như kinh nói: “Tất cả tâm Phật, tâm Bồ-đề, tâm Bồ-tát, tâm Niết-bàn đều không hiện hành”.

Đại thừa, Tiểu thừa có sai biệt. Trong Đại thừa có sai biệt: Là Phật, Bồ-tát, Niết-bàn có sai biệt. Trong Tiểu thừa có sai biệt: Là Thanh văn, Niết-bàn, A-la-hán có sai biệt.

Trong Đại thừa, chúng sinh và pháp có sai biệt: Là Phật, Bồ-tát có sai biệt. Pháp có sai biệt: Là Bồ-đề, Niết-bàn có sai biệt.

Trong Tiểu thừa, hữu học, vô học, chúng sinh có sai biệt. Ở đây, pháp có sai biệt: Là Niết-bàn có sai biệt. Vô học có sai biệt: Là A-la-hán có sai biệt. Hữu học có sai biệt: Là A-na-hàm có sai biệt.

Các hành như vậy thầy đều không hành.

*** Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát ấy đạt được Địa Bất Động này rồi, an trụ nơi diệu lực của bản nguyện. Bây giờ, chư Phật, trong dòng chảy của nẻo pháp, đã ban cho trí tuệ của Như Lai, lại nói: Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã đạt được pháp Nhân rốt ráo ấy, thuận nơi pháp của tất cả chư Phật. Này thiện nam! Chúng ta đã thành tựu mười tám pháp bất cộng của Phật, bốn vô sở úy, mười lực hiện có. Ông nay chưa đạt được, vậy phải nên thành tựu pháp của chư Phật, siêng năng, tinh tấn cầu đạt, cũng chớ xả bỏ môn Nhân này*”.

*** Luận nêu:** Ở đây, ban cho trí tuệ của Như Lai là chuyển tăng nơi hành sâu xa kia ưa thích tâm đầy đủ, là tán thán chỗ đạt pháp

tối thượng, nên không thủ đắc nơi sự tu hành, dẫn dắt, trao truyền. Nếu không xả bỏ pháp Nhẫn này, hành không thủ đắc, thì mới thành tựu tất cả pháp Phật, vì dựa vào pháp Nhẫn ấy mới có năng lực để có thể tạo tác. Như kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát ấy đạt được Địa Bất Động này rồi, an trụ nơi diệu lực của bản nguyện v.v... cho đến: Cũng chớ xả bỏ môn Nhẫn này”.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, này thiện nam! Ông tuy đạt được pháp giải thoát vắng lặng ấy, nhưng các chúng sinh phàm phu ở đây là không thiện, không vắng lặng, luôn ở trong vô số các thứ phiền não được tích tập, bị đủ các loại giác quán (Tâm trí) của dị niệm làm hại. Ông phải thương xót, nhớ nghĩ đến các chúng sinh như thế”.

*** Luận nêu:** Dựa vào các chúng sinh như thế, họ không có được lợi ích lớn, do hiện khởi phiền não, kiết sử cả nơi phần tại gia, xuất gia, tham chấp sâu nơi phiền não. Các chúng sinh ấy cần được xoay chuyển. Như kinh nói: “Lại nữa, này thiện nam! Ông tuy đạt được pháp giải thoát vắng lặng ấy v.v...”.

Không thiện: Là hiện khởi phiền não cấu nhiễm.

Không vắng lặng: Là không xa lìa các thứ kiết sử kia.

Luôn ở trong vô số các thứ phiền não được tích tập: Là ở trong phần tại gia.

Bị đủ các loại giác quán của dị niệm làm hại: Là chỉ nơi phần xuất gia.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, này thiện nam! Ông nên nhớ nghĩ về sở nguyện từ xưa là nhằm tạo lợi ích lớn cho chúng sinh, là nhằm đạt được môn trí tuệ không thể nghĩ bàn”.

*** Luận nêu:** Dựa nơi bản nguyện là nhằm giáo hóa chúng sinh, trí hành hóa rộng khắp, nên có thể xoay chuyển. Như kinh nói: “Lại nữa, này thiện nam! Ông nên nhớ nghĩ về sở nguyện từ xưa v.v...”.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, này thiện nam! Pháp tánh trong tất cả pháp ấy, dù có Phật, không Phật thì pháp giới vẫn thường trụ. Chư Như Lai do không thủ đắc pháp ấy, nên gọi là Phật. Hàng Nhị thừa cũng đạt được pháp không phân biệt này”.

*** Luận nêu:** Dựa nơi nghĩa bất cộng. Cần xoay chuyển chỗ cầu nhiệm do công hạnh đã mệt mỏi nơi hàng Nhị thừa.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, này thiện nam! Ông nên quán xét nơi chúng ta có vô lượng thân thanh tịnh, vô lượng trí tuệ, vô lượng cõi nước Phật, vô lượng hào quang, vô lượng trí phát khởi, vô lượng âm thanh thanh tịnh. Ông nay nên phát khởi các sự việc như vậy”.

*** Luận nêu:** Vô lượng thân thanh tịnh v.v...: Là chỉ rõ sự thành tựu diệu lực hiện có nơi pháp Phật, dựa vào việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Công việc tạo lợi ích cho chúng sinh này, là thân nên dùng sự việc gì? Như kinh nói: “Lại nữa, này thiện nam! Ông nên quán xét nơi chúng ta có vô lượng thân thanh tịnh”.

Dùng những trí gì? Là trí của Thế đế, trí của Đệ nhất nghĩa đế. Như kinh nói: “Vô lượng trí tuệ”.

Do những cõi nước thanh tịnh nào? Như kinh nói: “Vô lượng cõi nước Phật”.

Dùng những gì để thâm phục? Như kinh nói: “Vô lượng hào quang”.

Tùy chỗ chúng sinh nên độ mà trí tuệ hành hóa. Như kinh nói: “Vô lượng trí phát khởi”.

Theo chỗ ngôn thuyết thuận hợp. Như kinh nói: “Vô lượng âm thanh thanh tịnh”.

Tất cả là chỉ rõ: “Ông nay nên phát khởi các sự việc như vậy”.

*** Kinh nói:** “Lại nữa, này thiện nam! Ông nay vừa đạt được một pháp minh ấy, đó là pháp minh tất cả các pháp vắng lặng, không

phân biệt. Như vậy, này thiện nam! Pháp minh của Như Lai với vô lượng hội nhập, vô lượng tạo tác, vô lượng chuyển biến. Ông vì đã đạt được pháp minh kia, phải nên phát khởi pháp này”.

* **Luận nêu:** Lại chỉ rõ về vô lượng hành thù thắng của chư Phật. Như kinh nói: “Lại nữa, này thiện nam! Ông nay vừa đạt được một pháp minh ấy v.v...”.

Vô lượng hội nhập: Là các pháp môn sai biệt.

Vô lượng tạo tác: Là tạo sự việc sai biệt.

Vô lượng chuyển biến: Là sự sai biệt về việc dựa vào nẻo vô thượng tăng thượng không gián đoạn.

* **Kinh nói:** “Lại nữa, này thiện nam! Ông quán xét về vô lượng cõi nước, vô lượng chúng sinh, vô lượng pháp sai biệt nơi mười phương. Ông nên thông đạt tận cùng các sự việc như thế. Này Phật tử! Như vậy là chư Phật đã ban cho Bồ-tát ấy vô lượng vô biên môn trí tuệ hiện khởi như thế. Do vô lượng môn trí tuệ đó, nên Bồ-tát này có thể phát khởi vô lượng nghiệp sai biệt, thấy đều thành tựu”.

* **Luận nêu:** Hiện tại sự tạo tác của Bồ-tát còn ít. Theo chỗ nhận thấy về sự sai biệt nơi vô lượng thế giới, chúng sinh, các pháp, chỉ nên cần quán một phần ít, tức có thể thành tựu sự xoay chuyển. Như kinh nói: “Lại nữa, này thiện nam! Ông quán xét về vô lượng cõi nước, vô lượng chúng sinh v.v...”.

* **Kinh nói:** “Bồ-tát Kim Cang Tạng nói với Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt: Này Phật tử! Nếu chư Phật không ban cho Bồ-tát này môn trí tuệ hiện khởi như thế, thì bây giờ, Bồ-tát ấy, tức nhập Niết-bàn, từ bỏ việc tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do chư Phật đã ban cho Bồ-tát ấy vô lượng vô biên môn trí tuệ hiện khởi, nên ở trong một niệm đã dậy khởi nghiệp trí, so với Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi, cho đến hết Địa thứ bảy, thì toàn bộ nghiệp trí có được ấy, trăm phần không bằng một, ngàn phần, trăm ngàn phần, trăm ngàn na-do-tha

phần, ức phần, trăm ức phần, ngàn ức phần, trăm ngàn ức phần, trăm ngàn ức na-do-tha phần, không bằng một. Cho đến vô lượng vô biên A-tăng-kỳ phần, cũng không bằng một. Cho đến không thể dùng toán số, thí dụ để đạt được. Vì sao? Nay Phật tử! Vì trước kia chỉ một thân phát khởi hành khởi. Nay, trong Địa thứ tám của bậc Bồ-tát này, đã đạt được vô lượng thân sai biệt của bậc Bồ-tát, tập hợp vô lượng hành lực, vô lượng âm thanh hiện khởi, vô lượng trí tuệ hiện khởi, vô lượng đời hiện khởi, vô lượng cõi nước thanh tịnh, giáo hóa vô lượng chúng sinh, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, tùy thuận nhận biết vô lượng pháp, đạt được vô lượng lực thần thông hiện khởi, vô lượng chúng hội sai biệt, vô lượng nghiệp thân khẩu ý tích tập hành lực của tất cả Bồ-tát, do pháp bất động.

Nay Phật tử! Ví như đi thuyền muốn vào biển cả, thời gian chưa đến nơi thì dùng nhiều công sức. Nếu đã tới biển cả thì không còn dùng sức nữa, chỉ nhờ vào sức gió đưa thuyền đi. Như vậy, một ngày đi được nơi biển lớn vào lúc này, so với công sức chèo chống trước thì cả đến trăm năm cũng không thể bằng. Như thế, nay Phật tử! Bồ-tát khéo tập hợp các căn thiện làm hành trang, đi trên thuyền Đại thừa, đến chốn hành hóa của Bồ-tát, là biển lớn trí tuệ, trong khoảng một niệm, trí không dụng công có thể hội nhập nơi cảnh giới của trí Nhất thiết trí, thì đối với hành công đức vốn có, hoặc một kiếp, hoặc trăm ngàn vạn kiếp cũng không thể bằng được”.

*** Luận nêu:** Ở đây:

Tức nhập Niết-bàn: Là chỉ rõ việc ban cho trí tuệ. Như kinh nói: “Do chư Phật đã ban cho Bồ-tát ấy vô lượng vô biên môn trí hiện khởi v.v... cho đến: Do pháp bất động”.

Do chư Phật đã ban cho Bồ-tát ấy vô lượng vô biên môn trí hiện khởi: Tức trong sự hành hóa của Bồ-tát đã gồm thân nhân công đức thù thắng, cùng tạo sự giáo hóa nêu giảng trao truyền. Cho đến toán số v.v... thứ lớp đã giải thích, nên biết.

Số phần: Tức là tính toán, như một cộng một bằng hai v.v... Các dụ như thế cũng không bằng một, tức sự việc ấy không thể dùng dụ để so sánh.

Vô lượng thân sai biệt: Là tất cả thân của Bồ-tát, tin hiểu như tự thân. Vô lượng âm thanh hiện khởi như vậy v.v... cũng là vô lượng, nên biết. Mười câu này, dựa nơi sự giáo hóa chúng sinh, dựa nơi sự tập hợp hành trợ đạo, dựa nơi chướng ngại đã được thanh tịnh, nên biết. Tùy nơi thân trụ, tùy chỗ nêu giảng, tùy việc dựa nơi trí, tùy chỗ chọn lấy đời sống, tùy nơi cõi nước nào có thể giáo hóa chúng sinh, tùy sự tập hợp công đức trợ đạo, tập hợp trí tuệ trợ đạo, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, tùy thuận nhận biết vô lượng pháp, tùy nơi chướng ngại của thần thông, chướng ngại của chánh giác đã được thanh tịnh. Tất cả nơi chốn này, tùy thuận nơi vô lượng nghiệp thân khẩu ý, nên biết.

Do pháp bất động: Tức sự tích tập không gián đoạn.

Ví như đi thuyền v.v... cho đến: Hoặc trăm ngàn vạn kiếp cũng không thể bằng được: Thuyền là dụ cho sự đi lại mau chóng của Bồ-tát, chỉ rõ sự nhận biết nhân thù thắng.

Khéo tập hợp các căn thiện làm hành trang: Là ở trong bảy Địa tu tập hạnh Bồ-tát.

Đi trên thuyền Đại thừa, đến chốn hành hóa của Bồ-tát, là biển lớn trí tuệ: Là biển trí tuệ của tám Địa, nên biết.

*

4. Thế nào là Làm thanh tịnh cõi Phật? Việc làm thanh tịnh cõi Phật này có 3 thứ hành tự tại:

a. Hành tự tại nơi khí thể gian.

b. Hành tự tại nơi thể gian của chúng sinh.

c. Hành tự tại của trí chánh giác.

a. Thế nào là Hành tự tại nơi khí thể gian?

*** Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát ấy đạt được Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, từ tuệ phương tiện lớn, khởi tâm không dụng công, ở nơi đạo Bồ-tát quán xét diệu lực của trí Nhất thiết trí. Đó là quán thế gian thành, quán thế gian hoại. Bồ-tát này, theo chỗ thế gian thành đều nhận biết đúng như thật, theo chỗ thế gian hoại đều nhận biết đúng như thật. Theo nhân duyên của nghiệp tích tập, nên thế gian thành, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo nhân duyên của nghiệp hết, nên thế gian hoại, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo thời gian của thế gian thành, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo thời gian của thế gian hoại, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo thời gian của thế gian thành trụ, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo thời gian của thế gian hoại trụ, Bồ-tát cũng nhận biết.*

Bồ-tát ấy nhận biết về tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng sai biệt của địa giới. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng sai biệt của thủy giới, hỏa giới, phong giới. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng vi tế, tướng thô, tướng vô lượng, tướng sai biệt của vi trần. Tùy trong thế giới nào những vi trần hợp tan hiện có, vi trần sai biệt, thấy đều có thể nhận biết. Tùy trong thế giới nào, bao nhiêu vi trần hiện có nơi địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, thấy đều có thể nhận biết. Bao nhiêu vi trần hiện có nơi thân chúng sinh, nơi thân cõi nước, thấy đều có thể nhận biết. Bồ-tát ấy nhận biết về sự sai biệt nơi thân thô, thân vi tế của các chúng sinh với từng ấy vi trần để thành tựu. Nhận biết về thân địa ngục, thân súc sinh, thân ngạ quỷ, dựa nơi từng ấy vi trần để thành tựu. Nhận biết về thân A-tu-la, thân trời, thân người, dựa nơi từng ấy vi trần để thành tựu.

Bồ-tát ấy dùng trí để thông đạt, hội nhập phân biệt về vi trần như vậy rồi, nhận biết về sự thành hoại của ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Nhận biết về tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng sai biệt

nơi ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, hội nhập trong trí lượng xét về ba cõi như thế. Bồ-tát ấy lại khéo dấy khởi trí sáng, khéo nhận biết về thân chúng sinh sai biệt, khéo nhận biết, phân biệt về thân chúng sinh, khéo quán xét về nơi chốn nên sinh. Bồ-tát ấy tùy nơi chốn sinh của chúng sinh, tùy chỗ tập hợp nghiệp nơi thân chúng sinh, để vì họ mà thọ thân, nhằm giáo hóa, dẫn dắt. Bồ-tát này hiện thân đủ khắp nơi ba ngàn đại thiên thế giới, thuận theo thân chúng sinh, mỗi mỗi đều sai biệt, như thế là tùy thuận nơi sinh, khởi ánh sáng hiện tiền, hoặc nơi hai, ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ba, bốn, năm, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc một trăm ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ngàn, hoặc vạn, hoặc trăm vạn, hoặc ngàn vạn, hoặc trăm ngàn vạn, hoặc ức vạn, hoặc trăm ngàn vạn ức na-do-tha, cho đến vô lượng vô biên không thể nêu, không thể nói hết nơi ba ngàn đại thiên thế giới, hiện thân đủ khắp trong ấy, thuận nơi tự thân của chúng sinh, với sự tin tưởng sai biệt, nơi chốn sinh như thế, khởi trí ánh sáng hiện tiền, tùy thuận. Bồ-tát ấy thành tựu trí tuệ như vậy, ở nơi một cõi Phật, thân không dao động, cho đến ở nơi vô lượng không thể nói hết cõi nước của chư Phật, nơi các chúng hội đều khởi ánh sáng hiện tiền”.

*** Luận nêu:** Hành tự tại nơi khí thế gian: Có 5 thứ tự tại:

- (1) Tùy chỗ mong muốn của tâm, Bồ-tát có thể hiện cùng không hiện.
- (2) Tùy sự mong muốn nào đó, Bồ-tát có thể hiện.
- (3) Tùy bao nhiêu thời gian mong muốn, Bồ-tát tức thời hiện.
- (4) Tùy chỗ mong muốn rộng hẹp, Bồ-tát có thể hiện.
- (5) Tùy tâm có bao nhiêu mong muốn, Bồ-tát có thể hiện.

Như kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát ấy đạt được Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, từ tuệ phương tiện lớn, khởi tâm không dụng công, ở nơi đạo Bồ-tát quán xét diệu lực của trí Nhất thiết trí. Đó là quán thế

gian thành, quán thể gian hoại. Bồ-tát này, theo chỗ thể gian thành đều nhận biết đúng như thật, theo chỗ thể gian hoại đều nhận biết đúng như thật”.

Sự thành hoại v.v... của thế giới này: Thứ nhất, trong hành tự tại nơi khí thể gian, tùy chỗ mong muốn của tâm, Bồ-tát có thể hiện cùng không hiện. *Theo nhân duyên của nghiệp tích tập, nên thể gian thành, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo nhân duyên của nghiệp hết, nên thể gian hoại, Bồ-tát cũng nhận biết*: Là tận trí của nghiệp tập.

Thứ hai, tùy sự mong muốn nào đó, Bồ-tát có thể hiện. *Theo thời gian của thể gian thành, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo thời gian của thể gian hoại, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo thời gian của thể gian thành trụ, Bồ-tát cũng nhận biết. Theo thời gian của thể gian hoại trụ, Bồ-tát cũng nhận biết*: Là trí tùy theo thời gian của thể gian thành v.v...

Thứ ba, tùy bao nhiêu thời gian mong muốn, Bồ-tát tức thời hiện. *Bồ-tát ấy nhận biết về tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng sai biệt của địa giới v.v... cho đến: Nhận biết về thân A-tu-la, thân trời, thân người, dựa nơi từng ấy vi trần để thành tựu*: Là trí nhận biết tướng sai biệt của địa giới v.v...

Thứ tư, tùy chỗ mong muốn rộng hẹp, Bồ-tát có thể hiện. *Bồ-tát ấy hội nhập nơi trí phân biệt về vi trần như vậy rồi, cho đến: Khởi ánh sáng hiện tiền*: Là trí nhận biết về thành hoại. *Cho đến ở nơi một cõi Phật, thân không dao động*.

Thứ năm, tùy tâm có bao nhiêu mong muốn, Bồ-tát có thể hiện. Trong đó, thứ lớp của địa giới v.v... là trí cảnh giới, trí tướng.

Thế nào là trí cảnh giới? Cảnh giới của thức, không phải là báo của địa định, đó gọi là tướng nhỏ. Cảnh giới của thức nơi địa định, đó gọi là tướng lớn. Cảnh giới của Như Lai gọi là tướng vô lượng.

Thế nào là trí tướng? Tự tướng, đồng tướng, gọi là tướng sai biệt.

Thân thô, thân tế: Là các chúng sinh nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Thứ lớp như thế về cõi Dục v.v... là trí cảnh giới, trí tướng. *Nơi cõi Dục:* Cảnh giới của loài người là tướng nhỏ. Cảnh giới của chư thiên là tướng lớn. *Nơi cõi Sắc:* Cảnh giới giác quán là tướng nhỏ. Cảnh giới không giác không quán là tướng lớn. *Nơi cõi Vô sắc:* Cảnh giới của phạm phu trong pháp Phật là tướng nhỏ. Cảnh giới của hàng Thanh văn, Bồ-tát là tướng lớn. Cảnh giới của tất cả Như Lai là tướng vô lượng.

Khéo nhận biết về thân chúng sinh sai biệt. Khéo nhận biết, phân biệt về thân chúng sinh: Tức khéo nhận biết về phương tiện không đồng nơi thân, về đồng sinh, dị sinh sai biệt.

Cõi nước của chư Phật, nơi các chúng hội, khởi ánh sáng hiện tiền: Là chỉ rõ thể của Pháp thân nơi xứ xứ kia. Như thế là cõi nước của Phật thanh tịnh.

b. Thế nào là Hành tự tại nơi thế gian của chúng sinh?

* ***Kinh nói:*** “*Bồ-tát ấy, tùy nơi thân chúng sinh với sự tin tưởng sai biệt, tùy nơi quyết định tin sai biệt, nơi cõi nước của các Đức Phật kia, nơi chúng hội của các Đức Phật kia, như vậy như vậy, tự thân thị hiện.*

Bồ-tát ấy, hoặc ở trong chúng Sa-môn, thị hiện hình tướng Sa-môn, trong các chúng Bà-la-môn, chúng Sát-đế-lợi, chúng Tỳ-xá, chúng Thủ-đà, chúng Cư sĩ, chúng Trường giả, thị hiện các hình tướng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, Cư sĩ, Trường giả. Nơi các chúng Tứ Thiên vương, chúng Đế Thích, thị các hình tướng Tứ Thiên vương, Đế Thích. Như vậy, nơi các chúng Diêm-ma, chúng Đâu-suất, chúng Hóa-lạc, chúng Tha-hóa-tự-tại, chúng Ma, chúng Phạm thiên, thị hiện hình sắc Phạm thiên, cho đến trong chúng nơi cõi trời A-ca-nị-trá, thị hiện hình sắc trời A-ca-nị-trá.

Bồ-tát ấy, đối với các trường hợp nên dùng thân Thanh văn để hóa độ, thì thị hiện hình sắc Thanh văn. Nên dùng thân Phật-bích-chi để hóa độ, thì thị hiện hình sắc Phật-bích-chi. Nên dùng thân Bồ-tát để hóa độ, thì thị hiện hình sắc Bồ-tát. Nên dùng thân Phật để hóa độ, thì thị hiện hình sắc thân Phật.

Này Phật tử! Như vậy, trong cõi nước của chư Phật hiện có nhiều không thể nói hết, tùy nơi sự tin ưa sai biệt của thân chúng sinh nơi cõi nước của các Đức Phật kia, như vậy là tự thân Bồ-tát thị hiện sự sai biệt”.

*** Luận nêu:** Hành tự tại nơi thế gian của chúng sinh là Bồ-tát tự tại điều phục, chỉ rõ Bồ-tát hành hóa nơi thân chúng sinh, tâm tự đồng sự với phần thân tâm của chính mình. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, tùy nơi thân chúng sinh với sự tin tưởng sai biệt v.v... cho đến: Nơi cõi nước của các Đức Phật kia v.v...”.

c. Thế nào là Hành tự tại của trí chánh giác? Là trí của Thế đế, trí của Đệ nhất nghĩa đế.

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy xa lìa tất cả sự phân biệt về thân tướng, đạt được thân bình đẳng. Bồ-tát ấy nhận biết về thân chúng sinh, thân cõi nước, thân nghiệp báo, nhận biết về thân Thanh văn, thân Phật-bích-chi, thân Bồ-tát, thân Như Lai, nhận biết về thân trí, thân pháp, thân hư không. Bồ-tát ấy nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như thế, hoặc dùng thân chúng sinh làm tự thân, như vậy cũng dùng thân cõi nước v.v... cho đến dùng thân hư không làm tự thân. Bồ-tát ấy nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như thế, hoặc dùng tự thân làm thân chúng sinh, như vậy cũng dùng thân cõi nước v.v... cho đến dùng thân hư không làm thân chúng sinh. Bồ-tát ấy nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như thế, thì trong những thân nào, nơi những thân nào có thể tạo tác tự tại. Bồ-tát ấy nhận biết về thân chúng sinh, thân tập nghiệp, thân báo, thân phiền não, thân sắc, thân vô

sắc. Bồ-tát ấy nhận biết về thân cõi nước với tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng cấu, tướng tịnh, tướng rộng, tướng loạn trụ, tướng đảo trụ, tướng bình đẳng. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng mạng lưới nơi chốn sai biệt. Bồ-tát ấy nhận biết về sự giả danh sai biệt của thân nghiệp báo, thân Thanh văn, thân Phật-bích-chi, thân Phật, thân Bồ-tát. Bồ-tát ấy nhận biết về thân Như Lai, thân Bồ-đề, thân nguyện, thân hóa, thân thọ thần lực, thân tướng hảo trang nghiêm, thân quang minh, thân ý sinh, thân công đức, thân pháp, thân trí. Bồ-tát ấy nhận biết về thân trí với tướng khéo lượng xét, tướng khéo quán như thật, tướng quả hành gồm thâu, tướng thế gian xuất thế gian sai biệt, tướng ba Thừa sai biệt, tướng cộng bất cộng, tướng thừa không thừa, tướng hữu học vô học. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng pháp thân bình đẳng, nhận biết về tướng không hoại, nhận biết về tướng chuyển thời giả danh sai biệt, tướng chúng sinh phi chúng sinh pháp sai biệt, nhận biết về tướng pháp Phật pháp Thánh tăng sai biệt. Bồ-tát ấy nhận biết về thân hư không với tướng vô lượng, tướng biến hiện khắp, tướng vô hình, tướng không khác, tướng vô biên. Nhận biết về thân hiển sắc với tướng dị biệt”.

* **Luận nêu:** Trí của Đệ nhất nghĩa đế: Tức xa lìa tất cả sự phân biệt về thân tướng, chỉ rõ chỗ đạt được thân bình đẳng, không phân biệt tự thân, tha thân. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy xa lìa tất cả sự phân biệt về thân tướng, đạt được thân bình đẳng”. Đây là chỗ không đồng với hàng Nhị thừa.

Trí của Đệ nhất nghĩa đế chỉ rõ về trí của Thế đế: Tức khéo nhận biết về thân chúng sinh với phần nhiễm, phần tịnh, phần không hai, đều khéo phân biệt nhận biết. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy nhận biết về thân chúng sinh, thân cõi nước, thân nghiệp báo, nhận biết về thân Thanh văn, thân Phật-bích-chi, thân Bồ-tát, thân Như Lai, nhận biết về thân trí, thân pháp, thân hư không”. Trong đó, thế gian của chúng sinh, khí thế gian, hai thứ ấy là sinh nghiệp thân, phiền não là phần

nhiệm, ba Thừa là phần tịnh. Ba Thừa này tùy nơi trí nào, tùy nơi pháp nào. Phần tịnh kia hiển bày hư không là phần không hai.

“Bồ-tát ấy nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như thế, hoặc dùng thân chúng sinh làm tự thân, như vậy cũng dùng thân cõi nước v.v... cho đến dùng thân hư không làm tự thân. Bồ-tát ấy nhận biết về tâm sâu xa của chúng sinh hiện khởi ưa thích như thế, hoặc dùng tự thân làm thân chúng sinh, như vậy cũng dùng thân cõi nước v.v.. cho đến dùng thân hư không làm thân chúng sinh”. Ở đây: *Dùng thân chúng sinh làm tự thân*: Là chỉ rõ các thứ tạo tác, thân giữ, hành hóa vô số của Bồ-tát trong sự tự tại. *Thân chúng sinh*: Là nghiệp sinh phiền não, vọng tưởng cấu nhiễm sai biệt.

Sự sai biệt nơi Sắc giới, Vô sắc giới đều nhận biết đúng như thật: Như kinh nói: “Bồ-tát ấy nhận biết về thân chúng sinh, thân tập nghiệp, thân báo, thân phiền não, thân sắc, thân vô sắc”.

Thân cõi nước: Là sự sai biệt của hàng ngàn v.v... thế giới, nên biết. Sự sai biệt của thế giới tịnh, bất tịnh đều khéo phân biệt, nhận biết. Sự sai biệt của thế giới rộng v.v... đều khéo phân biệt, nhận biết. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy nhận biết về thân cõi nước với tướng nhỏ, tướng lớn, tướng vô lượng, tướng cấu, tướng tịnh, tướng rộng, tướng loạn trụ, tướng đảo trụ, tướng bình đẳng. Bồ-tát ấy nhận biết về tướng mạng lưới nơi chốn sai biệt”.

Các câu nói về tướng rộng v.v...: Nghĩa như đã nêu ở Địa thứ nhất.

Sự sai biệt về giả danh nơi thân nghiệp báo, thân Thanh văn, thân Phật-bích-chi, thân Bồ-tát: Là tự tướng, đồng tướng giả danh sai biệt, phân biệt là không ngã, nhân. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy nhận biết về sự giả danh sai biệt của thân nghiệp báo, thân Thanh văn, thân Phật-bích-chi, thân Phật, thân Bồ-tát”.

Bồ-tát ấy nhận biết về thân Như Lai: Là chỉ rõ về sự thành tựu chánh giác là Bồ-đề. Là nguyện sinh nơi cõi trời Đâu-suất. Là hành

ứng hóa của Phật hiện có. Là trụ trì, Xá-lợi của tự thân. Là thân thật báo hiện có. Là ánh sáng hiện có để thân phục chúng sinh. Là tâm đồng không đồng với thế gian xuất thế gian hiện có, đạt được giải thoát tự tại. Là pháp bất cộng hiện có, có thể tạo nhân của lợi ích rộng lớn. Là cảnh giới vô lậu của Như Lai hiện có. Là trí không chướng ngại hiện có. Vì thế, trí ấy có thể tạo tác tất cả sự việc và các sự việc sai biệt kia thấy đều có thể nhận biết. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy nhận biết về thân Như Lai, thân Bồ-đề, thân nguyện, thân hóa, thân thọ thân lực, thân tướng hảo trang nghiêm, thân quang minh, thân ý sinh, thân công đức, thân pháp, thân trí”.

Bồ-tát ấy nhận biết về thân trí: Tức các thứ sai biệt nơi các trí văn tư, trí tu, trí hành quả, trí thế gian xuất thế gian, đều nhận biết đúng như thật. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy nhận biết về thân trí với tướng khéo lượng xét, tướng khéo quán như thật, tướng quả hành gồm thân, tướng thế gian xuất thế gian sai biệt, tướng ba Thừa sai biệt, tướng cộng bất cộng, tướng thừa không thừa, tướng hữu học vô học”.

Bồ-tát ấy nhận biết về tướng Pháp thân bình đẳng: Là vô lượng pháp môn sáng tỏ cùng với một Pháp thân. Như lãnh hội, chọn lấy. Là tùy chỗ giáo hóa chúng sinh, căn tánh tương ưng, khi nêu giảng sai biệt. Tướng sai biệt về có căn, không căn, tướng đệ nhất sai biệt, Bồ-tát thấy đều có thể nhận biết. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy nhận biết về tướng pháp thân bình đẳng, nhận biết về tướng không hoại, nhận biết về tướng chuyển thời giả danh sai biệt, tướng chúng sinh phi chúng sinh pháp sai biệt, nhận biết về tướng pháp Phật pháp Thánh tăng sai biệt”.

Bồ-tát ấy nhận biết về thân hư không: Là nhận biết về tướng vô tận, tướng hiện bày khắp, tướng không thể thấy, tướng không chướng ngại, tướng vô vi. Có thể thông tỏ sự thọ nhận sắc tướng, nhân nơi sắc để phân biệt, Bồ-tát thấy đều có thể nhận biết. Như kinh nói:

“Bồ-tát ấy nhận biết về thân hư không với tướng vô lượng, tướng biến hiện khắp, tướng vô hình, tướng không khác, tướng vô biên. Nhận biết về thân hiển sắc với tướng dị biệt”.

*

5. Thế nào là Đạt được tự tại?

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy khéo nhận biết việc hiện khởi các thân như vậy, tức đạt được Mạng tự tại, thân mạng trụ trì trong số lượng kiếp không thể nêu, không thể nói. Đạt được Tâm tự tại, vô lượng A-tăng-kỳ Tam-muội hội nhập nơi trí. Đạt được Vật tự tại, thị hiện sự trụ trì nơi tất cả thế giới với vô lượng sự trang nghiêm đẹp đẽ. Đạt được Nghiệp tự tại, thị hiện sự trụ trì của nghiệp báo như nơi hiện đời, thời sau. Đạt được Sinh tự tại, thị hiện việc sinh nơi tất cả thế giới. Đạt được Nguyên tự tại, theo chỗ mong muốn của tâm, chỉ rõ khi thành tựu ba Bồ-đề nơi cõi Phật. Đạt được Tín giải tự tại, thị hiện Phật đầy khắp trong hết thảy thế giới. Đạt được Như ý tự tại, thị hiện việc tạo tác biến hóa như ý trong cõi nước của tất cả chư Phật. Đạt được Pháp tự tại, thị hiện vô biên, vô tận các pháp môn sáng tỏ. Đạt được Trí tự tại, thị hiện về lực, vô úy, pháp bất cộng, tướng hảo trang nghiêm, ba Bồ-đề của Như Lai”.*

** Luận nêu: Ở đây:*

Đạt được tự tại: Tức Bồ-tát ấy, tu hành như vậy, nơi khí thể gian, thể gian của chúng sinh, thể gian của trí chánh giác, ba thứ ấy đều hành hóa tự tại, nên đạt được mười tự tại. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy khéo nhận biết việc hiện khởi các thân như vậy v.v...”. Mười thứ tự tại này đối trị mười thứ sợ hãi, thứ lớp như thế nên biết.

Những gì là mười thứ sợ hãi?

- (1) Sợ hãi về chết.
- (2) Sợ hãi về phiền não cấu uế.

- (3) Sợ hãi về bản cùng.
- (4) Sợ hãi về nghiệp ác.
- (5) Sợ hãi về đường ác.
- (6) Sợ hãi do cầu không đạt.
- (7) Sợ hãi về nghiệp tội hủy báng pháp.
- (8) Sợ hãi về lúc theo đuổi cầu tìm bị trói buộc không thể sống.
- (9) Sợ hãi về vì sao nghi ngờ.
- (10) Sợ hãi về uy đức của đại chúng.

*

6. Thế nào là Đạt được thù thắng lớn?

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy đạt được mười tự tại của bậc Bồ-tát này rồi, tức thì được gọi là bậc trí không thể nghĩ bàn, là bậc trí vô lượng, là bậc trí rộng khắp, là bậc trí không thể hủy hoại.*

Bồ-tát ấy đạt được đầy đủ như vậy, thành tựu trí như vậy, thường hợp khởi ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, trí tuệ làm đầu nên trí tùy thuận chuyển tăng, Bát-nhã Ba-la-mật tăng thượng, đại bi làm đầu, dùng phương tiện thiện xảo nên có thể phân biệt, khéo phát khởi nguyện lực, khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật. Thường không xả bỏ hành tạo lợi ích cho chúng sinh, nhận biết khắp sự việc sai biệt trong vô biên thế giới. Nay Phật tử! Lược nói về Bồ-tát đạt được Địa Bất Động của bậc Bồ-tát, hết thấy sự tạo tác nơi ba nghiệp thân khẩu ý đều có thể hợp khởi tất cả pháp Phật.

Bồ-tát ấy đạt được Địa Bất Động của bậc Bồ-tát, khéo an trụ trong diệu lực của tâm thanh tịnh, lìa bỏ tất cả phiền não tích tập. Khéo an trụ trong diệu lực của tâm sâu xa, luôn không lìa bỏ đạo. Khéo an trụ nơi diệu lực của đại bi, không xả bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Khéo an trụ trong diệu lực của đại từ, cứu độ tất cả thế gian. Khéo an trụ trong lực dụng của Đà-la-ni, không quên các

pháp. Khéo an trụ trong lực dụng của biện bài, trí tuệ khéo léo phân biệt về hết thấy pháp Phật. Khéo an trụ nơi lực dụng của thần thông, hành hóa khắp vô biên thế giới sai biệt. Khéo an trụ nơi nguyện lực, không lìa tất cả nẻo hành trì của bậc Bồ-tát. Khéo an trụ nơi lực dụng của Ba-la-mật, tu tập hết thấy pháp Phật. Khéo an trụ nơi diệu lực gia hộ của Như Lai, trí Nhất thiết trí, trí Nhất thiết chủng luôn hiện tiền. Bồ-tát ấy đạt được trí lực như vậy, chỉ rõ trong tất cả tạo tác hành hóa đều không có lỗi lầm”.

*** Luận nêu:** Đạt được thù thắng lớn: Có **3** thứ lớn:

a. Trí lớn.

b. Nghiệp lớn.

c. Hai thứ kia an trụ nơi công đức lớn.

a. Thế nào là Trí lớn? Là trí không thể nghĩ bàn, không trụ chốn thế gian, không trụ nơi Niết-bàn. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, đạt được mùi tự tại của bậc Bồ-tát này rồi, tức thì được gọi là bậc Trí không thể nghĩ bàn”. Tính chất không thể nghĩ bàn ấy có **3** thứ nên biết:

(1) Không thể nghĩ bàn do tu hành trọn vẹn tận cùng.

(2) Không thể nghĩ bàn do đối tượng được nhận biết.

(3) Không thể nghĩ bàn do trí được dứt trừ chướng ngại.

Như kinh nói: “Là bậc trí vô lượng, là bậc trí rộng khắp, là bậc trí không thể hủy hoại”. Đó gọi là Trí lớn.

b. Thế nào là Nghiệp lớn? “Bồ-tát ấy đạt được đầy đủ như vậy v.v... cho đến: Hợp khởi tất cả pháp Phật”. Ở đây:

Bồ-tát ấy đạt được đầy đủ như vậy: Như trên đã nói.

Thành tựu trí như vậy: Cũng như trên đã nêu.

Thường hợp khởi ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh: Đây là nghiệp lớn. Nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát có **4** thứ tướng:

(1) Tạo tác phát khởi đồng thời. Như kinh nói: “Trí tuệ làm đầu nên trí tùy thuận chuyên tăng”.

(2) Trí thâm tóm không nhiễm, hành tạo lợi ích cho chúng sinh. Như kinh nói: “Bát-nhã Ba-la-mật tăng thượng, đại bi làm đầu, dùng phương tiện thiện xảo nên có thể phân biệt”.

(3) Nhân thâm tóm nhân của tự hành, tha hành. Như kinh nói: “Khéo phát khởi nguyện lực, khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật”.

(4) Tạo nghiệp, phát khởi lợi ích cho chúng sinh làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu tất cả pháp Phật. Như kinh nói: “Thường không xả bỏ hành tạo lợi ích cho chúng sinh, nhận biết khắp sự việc sai biệt trong vô biên thế giới. Nay Phật tử! Lược nói về Bồ-tát đạt được Địa Bất Động của bậc Bồ-tát, hết thấy sự tạo tác nơi ba nghiệp thân khẩu ý đều có thể hợp khởi tất cả pháp Phật”. Đó gọi là Nghiệp lớn.

c. Hai thứ kia an trụ nơi công đức lớn: Là khéo an trụ nơi diệu lực của tâm thanh tịnh, chỉ rõ dựa vào 7 thứ công đức:

(1) Công đức do khéo an trụ nơi đạo. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy đạt được Địa Bất Động của bậc Bồ-tát, khéo an trụ trong diệu lực của tâm thanh tịnh, lìa bỏ tất cả phiền não tích tập. Khéo an trụ trong diệu lực của tâm sâu xa, luôn không lìa bỏ đạo. Khéo an trụ nơi diệu lực của đại bi, không xả bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Khéo an trụ trong diệu lực của đại từ, cứu độ tất cả thế gian”. Lại, công đức do khéo an trụ nơi đạo: Hai câu đầu là xa lìa chướng, đối trị là sự kiên cố. Hai câu tiếp theo là không xả bỏ chúng sinh.

(2) Công đức do không quên. Như kinh nói: “Khéo an trụ trong lực dụng của Đà-la-ni, không quên các pháp”.

(3) Công đức do thành tựu khẩu nghiệp. Như kinh nói: “Khéo an trụ trong lực dụng của biện tài, trí tuệ khéo léo phân biệt về hết thấy pháp Phật”.

(4) Công đức do thành tựu tâm tự tại. Như kinh nói: “Khéo an trụ nơi lực dụng của thần thông, hành hóa khắp vô biên thế giới sai biệt”.

(5) Công đức do nguyện lực thành tựu. Như kinh nói: “Khéo an trụ nơi nguyện lực, không lia tất cả nẻo hành trì của bậc Bồ-tát”.

(6) Công đức do tu hành thành tựu. Như kinh nói: “Khéo an trụ nơi lực dụng của Ba-la-mật, tu tập hết thầy pháp Phật”.

(7) Công đức do được ban cho trí. Như kinh nói: “Khéo an trụ nơi diệu lực gia hộ của Như Lai, trí Nhất thiết trí, trí Nhất thiết chủng luôn hiện tiền”.

Bồ-tát ấy đạt được trí lực như vậy, chỉ rõ trong tất cả tạo tác: Là Bồ-tát tạo nghiệp bình đẳng, không yêu ghét, không phân biệt chúng sinh có phiền não, không phiền não.

Trong hết thảy các sự việc không có lỗi lầm: Tức do đạt được bảy thứ công đức ấy.

*

7. Thế nào là Giải thích tên gọi?

* **Kinh nói:** “*Này Phật tử! Trí Địa của bậc Bồ-tát này, gọi là Địa Bất Động, vì không thể hủy hoại. Gọi là Địa Bất chuyển, vì trí tuệ không thoái chuyển. Gọi là Địa Nan đắc, vì tất cả thế gian khó nhận biết. Gọi là Địa Vương tử, vì không có lỗi lầm của nơi chốn. Gọi là Địa Sinh, vì tùy ý tự tại. Gọi là Địa Thành, vì không còn tạo tác nữa. Gọi là Địa Cứu cánh, vì trí tuệ khéo phân biệt. Gọi là Địa Niết-bàn, vì khéo phát khởi nguyện lực lớn. Gọi là Địa Gia, vì kẻ khác không thể làm cho động. Gọi là Địa Không dụng công, vì khéo đẩy khởi đạo trước tiên*”.

* **Luận nêu:** Giải thích tên gọi có 2 thứ:

a. **Giải thích tên gọi của Địa.**

b. **Giải thích tên gọi của Trí.**

a. Thế nào là Giải thích tên gọi của Địa? Có 6 thứ tướng:

(1) Đối trị nhiễm. Nhiễm ấy có 2 thứ: (a) Hành có dụng công của Địa dưới theo nguyên của Tiểu thừa, các nghiệp ma. (b) Tập hành của phiền não. Đối trị, như kinh nói: “Này Phật tử! Trí Địa của bậc Bồ-tát này, gọi là Địa Bất Động, vì không thể hủy hoại. Gọi là Địa Bất chuyển, vì trí tuệ không thoái chuyển”.

(2) Đạt được sự thâm diệu. Như kinh nói: “Gọi là Địa Nan đắc, vì tất cả thế gian khó nhận biết”.

(3) Phát khởi hành thanh tịnh. Như kinh nói: “Gọi là Địa Vương tử, vì không có lỗi lầm của nơi chốn. Gọi là Địa Sinh, vì tùy ý tự tại”.
Phát khởi thanh tịnh: Tức như Vương tử, hết thầy chỗ tạo tác đều không lỗi lầm. *Hành thanh tịnh:* Tức trụ nơi Địa Sinh, các thứ mong muốn đều thành tựu tự tại.

(4) Những tạo tác nơi thế gian, xuất thế gian đều thanh tịnh, thù thắng. Như kinh nói: “Gọi là Địa Thành, vì không còn tạo tác nữa. Gọi là Địa Cứu cánh, vì trí tuệ khéo phân biệt”. Sự tạo tác nơi xuất thế gian thanh tịnh thù thắng: Do trí tuệ khéo phân biệt, nên chướng ngại của trí đều thanh tịnh.

(5) Hai thứ vô tác của Bồ-tát thanh tịnh, thù thắng. Như kinh nói: “Gọi là Địa Niết-bàn, vì khéo phát khởi nguyên lực lớn”. Vô tác thanh tịnh thù thắng: Là do diệu lực của bản nguyện nên không bỏ hành tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

(6) Địa Bồ-tát thù thắng. Như kinh nói: “Gọi là Địa Gia, vì kẻ khác không thể làm cho động. Gọi là Địa Không dụng công, vì khéo đầy khởi đạo trước tiên”. Lại nữa, Địa Bồ-tát thù thắng: Là hơn hẳn sáu Địa, bảy Địa. *Hơn hẳn sáu Địa:* Sáu Địa phát khởi hành thù thắng, còn nhớ nghĩ về sự việc khác, là còn động. *Hơn hẳn bảy Địa:* Bảy Địa còn có dụng công. Trong tám Địa thì khéo phát khởi đạo trước tiên, hành tự nhiên, không dụng công.

b. Giải thích tên gọi của Trí: Do từ nghĩa nào, Bồ-tát gọi là đạt được bậc Bồ-tát bất động? Nay nói về việc này, nên biết.

*** Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát thành tựu trí tuệ như vậy, gọi là được hội nhập nơi Phật tánh, gọi là công đức của Phật tử tỏa sáng, gọi là thuận theo hành uy nghi của Phật, gọi là cảnh giới của Phật hiện tiền. Ngày đêm luôn khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật. Thường được Tír Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương v.v... cung kính, nghênh tiếp. Luôn được thần Kim cang Mật Tích hầu cận, bảo vệ. Không lìa bỏ diệu lực của Tam-muội, luôn hiện bày vô lượng các thân sai biệt. Nơi hết thấy thân hành, uy lực đều thành tựu. Thành tựu quả báo lớn về thân thông. Ở trong vô biên Tam-muội luôn được tự tại, có thể thọ nhận vô lượng ký biệt, tùy thuận hóa độ thế gian, thị hiện thành chánh giác. Bồ-tát ấy như thế là thông đạt, hội nhập nơi các nẻo trí tuệ của Đại thừa, khéo lường xét về thông lực của pháp Đại thừa, ngày đêm luôn phóng ra ánh sáng rực rỡ của trí, nhập vào cõi Pháp giới không chướng ngại. Khéo nhận biết về sự sai biệt của các nẻo, cõi, có thể thị hiện tất cả tướng công đức, tùy ý tự tại. Khéo hiểu rõ về các biên vực trước sau, thông tỏ tất cả sự xoay chuyển theo trí nơi các cõi ma, nhập vào cảnh giới trí tuệ của Như Lai, nên có thể ở trong vô biên thế giới hành hóa đạo Bồ-tát, diệu lực không thoái chuyển. Do đó, Bồ-tát được gọi là đã chứng đắc bậc Bồ-tát bất động”.*

*** Luận nêu:** Lại có 2 thứ nghĩa gọi là đạt được bậc Bồ-tát bất động:

- (1) Bất động của toàn bộ.
- (2) Bất động của một Thể.

Là tùy thuận nhân của Phật tánh: Như kinh nói: “*Này Phật tử! Bồ-tát thành tựu trí tuệ như vậy, gọi là được hội nhập nơi Phật tánh”.*

Phật tánh: Là chỉ cho sự thù thắng của cảnh giới đầy đủ. *Tùy thuận nhân*: Tức chỉ rõ về 3 thứ tướng:

- (1) Gồm thân công đức.
- (2) Hành.
- (3) Thân cận.

Như kinh nói: “Gọi là công đức của Phật tự tỏa sáng, gọi là thuận theo hành uy nghi của Phật, gọi là cảnh giới của Phật hiện tiền”.

Tự tỏa sáng: Là nghĩa khéo làm thanh tịnh. *Hành uy nghi*: Gọi là chánh hành. *Hiện tiền*: Tiếp cận cảnh giới Phật.

Bất động của toàn bộ: Như kinh nói: “Ngày đêm luôn khéo làm tăng thêm sự gia hộ của chư Phật”. Lại dựa vào 5 công đức:

(1) Công đức của sự cúng dường. Như kinh nói: “Thường được Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương v.v... cung kính, nghênh tiếp”.

(2) Công đức của sự hộ trì. Như kinh nói: “Luôn được thần Kim cang Mật Tích hầu cận, bảo vệ”.

(3) Công đức do nương dựa. Như kinh nói: “Không lìa bỏ diệu lực của Tam-muội”.

(4) Công đức của cõi nước thanh tịnh. Như kinh nói: “Luôn hiện bày vô lượng các thân sai biệt”.

(5) Công đức của việc giáo hóa chúng sinh. Công đức thứ năm này có 5 thứ thị hiện:

(a) Nguyện chọn lấy các cõi thọ sinh. Như kinh nói: “Nơi hết thảy thân hành, uy lực đều thành tựu”.

(b) Tâm gốc điều khiển trí lực. Như kinh nói: “Thành tựu quả báo lớn về thân thông”.

(c) Chuyên pháp luân với vô lượng pháp lực. Như kinh nói: “Ở trong vô biên Tam-muội luôn được tự tại”.

(d) Thọ nhận diệu lực. Như kinh nói: “Có thể thọ nhận vô lượng ký biệt”.

(đ) Nêu bày về lực. Như kinh nói: “Tùy thuận hóa độ thế gian, thị hiện thành chánh giác”.

Bồ-tát ấy như vậy là thông đạt: Tức là bất động toàn bộ.

Bất động của một Thế: Là hội nhập nơi các nẻo trí tuệ của Đại thừa. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy như thế là thông đạt, hội nhập nơi các nẻo trí tuệ của Đại thừa”.

Hội nhập nơi các nẻo trí tuệ của Đại thừa: Gọi là nghĩa không thể hủy hoại. Ở đây có 9 thứ:

(1) Trí không bị hoại. Như kinh nói: “Khéo lượng xét về thông lực của Đại thừa”.

(2) Thuyết giảng không bị hoại. Như kinh nói: “Ngày đêm luôn phóng ra ánh sáng rực rỡ của trí”.

(3) Giải thoát không hoại. Như kinh nói: “Nhập vào cõi Pháp giới không chướng ngại”.

(4) Cõi Phật thanh tịnh không hoại. Như kinh nói: “Khéo nhận biết về sự sai biệt của các nẻo, cõi”.

(5) Vào nơi Đại thừa, không hoại. Như kinh nói: “Có thể thị hiện tất cả tướng công đức”.

(6) Thần thông không hoại. Như kinh nói: “Tùy ý tự tại”.

(7) Nghĩa có thể giải thích, không hoại. Như kinh nói: “Khéo hiểu rõ về các biên vực trước sau”.

(8) Ngồi nơi đạo tràng, không hoại. Như kinh nói: “Thông tỏ tất cả sự xoay chuyển theo trí nơi các cõi ma”.

(9) Chánh giác không hoại. Như kinh nói: “Nhập vào cảnh giới trí tuệ của Như Lai, nên có thể ở trong vô biên thế giới hành hóa đạo Bồ-tát”.

Diệu lực không thoái chuyển: Là hành không chướng ngại, không đoạn tuyệt. Do ý nghĩa hành không chướng ngại, không đoạn tuyệt, nên gọi là đạt được bậc Bồ-tát bất động.

* **Kinh nói**: “*Bồ-tát ấy đạt được Địa Bất Động của bậc Bồ-tát, thường không lìa việc được thấy vô lượng chư Phật, khéo hành trì lực dụng Tam-muội, phát đại nguyện lực. Lúc gặp chư Phật luôn hiện bày sự cung kính cúng dường. Bồ-tát ấy, ở trong mỗi mỗi kiếp, trong mỗi mỗi thế giới, được thấy vô lượng Phật, vô lượng trăm Phật, cho đến vô lượng trăm ngàn na-do-tha Phật, vô lượng ức Phật, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật. Do diệu lực của đại thần thông, của đại nguyện, nên khi gặp chư Phật, Bồ-tát đều dùng tâm hướng thượng, tâm sâu xa, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men v.v... đối với các căn thiện này đều nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thân cận chư Phật, theo chư Phật thọ nhận các pháp minh nơi sự sai biệt của thế giới gốc. Bồ-tát ấy chuyển tăng, vào sâu nơi tạng pháp của Như Lai, thỉnh vấn về các sự việc sai biệt của thế giới, không ai có thể đạt tới tận cùng. Bồ-tát này, với các căn thiện của mình, trong vô lượng kiếp luôn chuyển tăng, càng trở nên sáng, sạch, thù thắng. Trong vô lượng trăm kiếp... vô lượng trăm ngàn na-do-tha, vô lượng ức kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, các căn thiện kia luôn chuyển tăng, càng trở nên sáng tỏ, thanh tịnh, thù thắng.*

Này Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc, được các thợ kim hoàn khéo tay tạo ra các vật dụng trang sức đẹp để cho vương gia châu Diêm-phù-đề dùng đeo nơi cổ hoặc phía trước hoặc phía sau. Các thứ đồ trang sức bằng vật báu khác của người nơi châu Diêm-phù-đề đều không thể hơn được. Cũng vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trụ nơi Địa Bất

Động ấy, với các căn thiện hiện có, thì tất cả hàng Nhị thừa, cho đến Bồ-tát nơi bảy Địa đều không thể hủy hoại. Bồ-tát chứng đạt Địa này thì trí lớn tỏa sáng, diệt trừ các thứ phiền não tối tăm, ngăn ngại của chúng sinh do khéo phân biệt về môn Trí.

Này Phật tử! Ví như Đại Phạm Thiên vương, chủ của ngàn thế giới, có thể trong một lúc ban phát tâm từ cho khắp ngàn thế giới, cũng có thể phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp trong các cõi ấy. Cũng vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trụ trong Địa Bất Động của bậc Bồ-tát ấy, có thể phóng ra ánh sáng nơi thân tỏa chiếu khắp mười ngàn vạn Tam thiên đại thiên thế giới, dần dần có thể diệt trừ các thứ lửa phiền não của chúng sinh nơi vô số vô lượng thế giới, khiến họ đều được mát mẻ. Bồ-tát này, trong mười Ba-la-mật thì Nguyện Ba-la-mật tăng thượng, các Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng là theo sức tùy phần. Này Phật tử! Đó gọi là lược nêu bày về Bồ-tát chứng đạt Địa Bất Động, là Địa thứ tám của bậc Bồ-tát, nếu nói rộng thì trong vô lượng kiếp cũng không thể hết.

Bồ-tát trụ nơi Địa này, nhiều lần làm Đại Phạm Thiên vương, chủ ngàn thế giới, tự tại tột bậc, ban cho các chúng sinh, hàng Nhị thừa, đạo Ba-la-mật của bậc Bồ-tát không cùng tận, thuyết giảng về tánh của thế gian, trong sự sai biệt, không gì có thể hủy hoại. Những nghiệp thiện đã tạo nơi bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành, các thứ phước đức ấy đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hành của Bồ-tát, niệm Ba-la-mật, niệm mười Địa, niệm diệu lực không hoại, niệm vô úy, niệm pháp bất cộng của Phật, cho đến không lìa niệm về trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, thường khởi tâm như vậy: Ta phải, đối với tất cả chúng sinh, là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm ấy phát khởi hành tinh tấn, do diệu lực của tinh tấn, nên trong khoảng một niệm, đạt

được các pháp Tam-muội nhiều như số vi trần trong trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, được thấy chư Phật nhiều như số vi trần nơi trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, có thể nhận biết về thần lực của Phật, có thể làm chuyển động thế giới Phật, có thể nhập vào thế giới Phật, có thể soi chiếu nơi thế giới Phật, có thể giáo hóa chúng sinh nơi thế giới Phật, có thể trụ thọ nơi số lượng kiếp, có thể nhận biết các sự việc nơi đời quá khứ vị lai, có thể khéo hội nhập nơi các pháp môn, hết thấy đều nhiều như số vi trần nơi trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới. Có thể biến hóa thân thành số thân nhiều như số vi trần nơi trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, nơi mỗi mỗi thân, có thể thị hiện cũng từng ấy số Bồ-tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thù thắng tối thượng, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy, thị hiện nơi vô số các loại thân thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh, hoặc nơi hành, hoặc nơi sự trang nghiêm, hoặc gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thân thông này, cho đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết”.

*** Luận nêu:** Theo chư Phật thọ nhận các pháp minh nơi sự sai biệt của thế giới gốc v.v...: Là nói về tướng nhân của Bồ-tát.

Dụ về vàng ròng tạo ra các vật dụng trang sức đẹp để cho vương gia châu Diêm-phù-đề: Là nói về việc đạt được thân tâm thù thắng nơi Địa thanh tịnh. Chỉ rõ về căn thiện sáng tỏ kia lại càng trở nên sáng sạch. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như Đại Phạm Thiên vương, chủ của ngàn thế giới, có thể trong một lúc ban phát tâm từ cho khắp ngàn thế giới, cũng có thể phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp trong các cõi ấy v.v... cho đến: Khiến họ đều được mát mẻ”.

Các phần còn lại: Như trước đã giải thích.

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYÊN 11

Địa thứ chín: ĐỊA THIỆN TUỆ

* **Luận nêu:** Trong *Địa thứ chín* có 4 phần sai biệt:

1. Thành tựu phương tiện của Pháp sư.
2. Thành tựu về trí.
3. Thành tựu về nhập hành.
4. Thành tựu về thuyết giảng.

Nơi *Địa thứ tám* chỉ làm thanh tịnh cõi Phật. Còn ở *Địa thứ chín* này, do diệu lực của biện tài nên có thể giáo hóa chúng sinh, thành tựu tất cả tướng, tức vượt hơn Địa trước.

*

1. Thế nào là Thành tựu phương tiện của Pháp sư?

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Đây Phật tử! Bồ-tát do trí vô lượng, trí khéo lượng xét như thế, lại cầu chuyển tăng, đạt sự giải thoát tịch diệt, sâu xa, thù thắng. Lại chuyển cầu đạt trí tuệ rốt ráo của Như Lai, nhập trong pháp sâu kín của Như Lai, tư duy, chọn lựa đại trí tuệ không thể nghĩ bàn, chọn lựa các pháp Đà-la-ni, Tam-muội, cùng trí đều khiến được thanh tịnh, hiện bày các hành rộng lớn của thần thông, thông đạt nẻo hành sai biệt của thế*

giới, tu tập các lực, vô úy của Như Lai, các pháp bất cộng của Phật không chướng ngại, luôn thuận hợp, thấu tỏ sự việc chuyển pháp luân trang nghiêm của Như Lai, không lia bỏ đại nguyện lực của đại bi, nên được nhập vào Địa thứ chín của bậc Bồ-tát”.

*** Luận nêu:** Ở đây:

Thành tựu phương tiện của Pháp sư: Tức dựa nơi tự lợi và lợi tha, mỗi mỗi đoạn gồm năm câu, ba câu đã chỉ rõ.

Dựa nơi vô sắc đạt được tướng giải thoát có thể hóa độ chúng sinh tạo lợi ích: Như kinh nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Này Phật tử! Bồ-tát do trí vô lượng, trí khéo lượng xét như thế, lại cầu chuyển tăng, đạt sự giải thoát tịch diệt, sâu xa, thù thắng”.

Dựa nơi chỗ chưa đạt được trí rốt ráo của Phật đem lại lợi ích cho chính mình: Như kinh nói: “Lại chuyển cầu đạt trí tuệ rốt ráo của Như Lai”.

Dựa nơi căn đã thành thực của Bồ-tát. Dựa nơi chúng sinh hành theo tà niệm đáng nên giáo hóa. Dựa nơi chúng sinh chưa hiểu biết pháp, nên chuyển pháp luân khiến họ được hiểu biết. Dựa nơi chúng sinh quy y theo nẻo tà. Dựa nơi chúng sinh tin sinh lên cõi trời: Thứ lớp năm câu như vậy chỉ rõ hành lợi tha. Như kinh nói: “Nhập trong pháp sâu kín của Như Lai, tư duy, chọn lựa đại trí tuệ không thể nghĩ bàn, chọn lựa các pháp Đà-la-ni, Tam-muội, cùng trí đều khiến được thanh tịnh, hiện bày các hành rộng lớn của thần thông, thông đạt nẻo hành sai biệt của thế giới”: Là chỉ rõ về quốc độ thanh tịnh, chuyển chúng sinh tin sinh lên cõi trời khiến nhập nơi pháp Phật.

Dựa nơi chánh giác, dựa nơi chuyển pháp luân, dựa nơi Niết-bàn: Thứ lớp ba câu như vậy chỉ rõ về hành tự lợi. Như kinh nói: “Tu tập các lực, vô úy của Như Lai, các pháp bất cộng của Phật không chướng ngại, luôn thuận hợp, thấu tỏ sự việc chuyển pháp luân trang

nghiêm của Như Lai, không lia bỏ đại nguyện lực của đại bi, nên được nhập vào Địa thứ chín của bậc Bồ-tát”.

Không xả bỏ việc tạo lợi ích cho chúng sinh: Là chỉ rõ về Đại Niết-bàn, do đạt được việc không lia bỏ đại nguyện lực của đại bi.

*

2. Thế nào là Thành tựu về trí?

* **Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Thiện Tuệ của bậc Bồ-tát, nhận biết đúng như thật về pháp hành thiện, bất thiện, vô ký; về pháp hành hữu lậu, vô lậu; về pháp hành thế gian, xuất thế gian; về pháp hành nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn; về pháp hành định, không định; về pháp hành của hàng Nhị thừa; về pháp hành của hạnh Bồ-tát; về pháp hành của địa Như Lai; về pháp hành của pháp hữu vi, vô vi”.

* **Luận nêu:** Thành tựu về trí: Là dựa vào những pháp nào đây để thuyết giảng. Nên biết pháp tịnh, nhiễm kia là không hai. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Thiện Tuệ của bậc Bồ-tát, nhận biết đúng như thật về pháp hành thiện, bất thiện, vô ký”.

Nơi pháp tịnh có hữu lậu, vô lậu. Như kinh nói: “Pháp hành hữu lậu, vô lậu”.

Lại, trong pháp vô lậu có pháp hành thế gian, xuất thế gian. Như kinh nói: “Pháp hành thế gian, xuất thế gian”.

Lại, nơi pháp ấy có nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn. Như kinh nói: “Pháp hành nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn”.

Nơi pháp nghĩ bàn lại có định, không định. Như kinh nói: “Pháp hành định, không định”.

Pháp kia lại ở trong ba Thừa. Như kinh nói: “Pháp hành của hàng Nhị thừa. Pháp hành của hạnh Bồ-tát. Pháp hành của địa Như Lai”.

Lại, trong pháp của ba Thừa, chỉ rõ về hữu vi, vô vi, dựa nẻo hành thuận hợp. Như kinh nói: “Pháp hành hữu vi, pháp hành vô vi, đều nhận biết đúng như thật”.

*

3. Thế nào là Thành tựu về nhập hành?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, tùy thuận trí tuệ như vậy, nhận biết đúng như thật về vùng rừng rậm nơi: Tâm hành của chúng sinh. Nẻo hành của phiền não. Nẻo hành của nghiệp. Nẻo hành của căn. Nẻo hành của tín. Nẻo hành của tánh. Nẻo hành của tâm sâu xa. Nẻo hành của sử. Nẻo hành của sinh. Nẻo hành của tập khí. Nẻo hành sai biệt của ba tụ. Tất cả thấy đều nhận biết đúng như thật*”.

* **Luận nêu:** *Thành tựu về nhập hành:* Là nương vào chỗ dựa chung nơi nghiệp phiền não sinh khởi và cấu nhiễm, phiền não nhiễm, tịnh v.v... Dựa vào lúc định, không định v.v... Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, tùy thuận trí tuệ như vậy v.v... cho đến: Nẻo hành sai biệt của ba tụ. Tất cả đều nhận biết đúng như thật”.

Sự tùy thuận kia lại có lúc định, không định nơi căn v.v... Thứ lớp nơi căn v.v... Tương tự nơi tín v.v... Như kinh nói: “Rừng rậm nơi nẻo hành của căn. Rừng rậm nơi nẻo hành của tín. Rừng rậm nơi nẻo hành của tánh. Rừng rậm nơi nẻo hành của tâm sâu xa. Rừng rậm nơi nẻo hành của sử. Rừng rậm nơi nẻo hành của sinh. Rừng rậm nơi nẻo hành của tập khí. Rừng rậm nơi nẻo hành sai biệt của ba tụ”.

Trù lâm (Rừng rậm): Nghĩa là rất nhiều. Nghĩa là khó nhận biết.

Hành: Ở đây là nghĩa không chánh tín.

Thế nào là sự sai biệt nơi rừng rậm của tâm hành?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về vô số thứ loại tướng nơi các tâm của chúng sinh: Tướng xen tạp. Tướng chuyển*

biến sinh chẳng sinh. Tướng vô hình. Tướng hiện bày nơi tất cả xứ, vô số, vô biên. Tướng thanh tịnh. Tướng nhiễm, không nhiễm. Tướng trói buộc, giải thoát. Tướng huyễn khởi. Tướng theo cõi sinh. Lược nói cho đến vô lượng trăm ngàn chủng loại tướng sai biệt của tâm, đều nhận biết đúng như thật”.

*** Luận nêu:** Sự sai biệt nơi rừng rậm của tâm hành: Tức vô số thứ loại sai biệt, dị biệt của tâm. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về vô số thứ loại tướng nơi các tâm của chúng sinh”. Vô số các loại tướng của tâm có 8 thứ:

(1) *Tướng sai biệt:* Tức như sáu thứ sai biệt của tâm ý thức. Như kinh nói: “Tướng xen tạp của tâm”.

(2) *Tướng hành:* Là các hành trụ dị sinh diệt. Như kinh nói: “Tướng chuyển biến sinh chẳng sinh của tâm”.

(3) *Tướng đệ nhất nghĩa:* Quán xét tâm ấy, lia tâm thì nơi thân không thể thủ đắc. Như kinh nói: “Tướng vô hình của tâm”.

(4) *Tự tướng:* Hành thuận nơi vô lượng cảnh giới để chọn lấy. Như kinh nói: “Tướng hiện bày nơi tất cả xứ, vô số, vô biên của tâm”.

(5) *Tướng tự tánh không nhiễm:* Như kinh nói: “Tướng thanh tịnh của tâm”.

(6) *Tướng đồng với phiền não không đồng với phiền não:* Như kinh nói: “Tướng nhiễm, không nhiễm của tâm”.

(7) *Tướng đồng với sử, không đồng với sử:* Như kinh nói: “Tướng trói buộc, giải thoát của tâm”.

(8) *Tướng nhân:* Các Bồ-tát, do nguyện lực nên thọ sinh. Còn các chúng sinh thì do nghiệp lực của chính mình, nên sinh. Như kinh nói: “Tướng huyễn khởi của tâm. Tướng theo cõi sinh của tâm. Lược nói cho đến vô lượng trăm ngàn đủ loại tướng sai biệt của tâm đều nhận biết đúng như thật”. Do tự tánh của tâm là thanh tịnh.

Câu thứ sáu, câu thứ bảy: Tâm nhiễm, không nhiễm. Tâm trói buộc, giải thoát: Hai câu này chỉ rõ về phiền não nhiễm.

Câu thứ tám: Tâm theo cõi sinh: Là chỉ rõ về sinh nhiễm.

Thế nào là sự sai biệt nơi rùng rậm của hành phiền não?

* ***Kinh nói:*** “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng thâm nhập của các phiền não: Tướng hành vô biên. Tướng cùng sinh chẳng lìa. Tướng phiền não, sử là một nghĩa. Tướng tương ưng không tương ưng nơi tâm. Tướng tùy theo xứ đạo sinh nhận lấy báo. Tướng sai biệt trong ba cõi. Tướng gây tạo lỗi lầm lớn như các thứ tên độc kiến ái, kiến vô minh. Tướng không đoạn nhân của ba thứ nghiệp. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của hành phiền não*”.

* ***Luận nêu:*** *Sự sai biệt nơi rùng rậm của hành phiền não:* Là chỉ rõ nơi 3 thứ sự:

(1) Nhập từ xa, cho đến cõi Hữu đánh. Như kinh nói: “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng thâm nhập của các phiền não*”.

(2) Khó nhận biết về vô lượng căn thiện cùng hành tu tập. Như kinh nói: “*Tướng hành vô biên*”.

(3) Tạo nhiễm nơi nghiệp phiền não, sinh nhiễm. Ở đây, tùy đối tượng trói buộc, dùng gì để trói buộc cùng sự việc bị trói buộc, thì sự việc này nêu bày, tức chỉ rõ việc cấu nhiễm của phiền não ô nhiễm. Như kinh nói: “*Tướng cùng sinh chẳng lìa. Tướng phiền não, sử là một nghĩa. Tướng tương ưng không tương ưng nơi tâm*”. Trong đó: *Tùy đối tượng trói buộc:* Tức lần lượt cùng đồng sự, lần lượt cùng dựa vào nhau, cùng sinh, không lìa. *Dùng gì để trói buộc:* Tức là sử. Do có sử nên không được giải thoát, vì phiền não sử là một nghĩa. *Sự việc bị trói buộc:* Tức là tâm. Tâm tương ưng, không tương ưng. *Không tương ưng:* Tức chỉ rõ có thể được giải thoát.

Thân hành sự sinh nhân của cảnh giới, đạo: Là chỉ rõ về việc sinh phiền não nhiễm. Như kinh nói: “Tướng tùy theo xứ đạo sinh nhân lấy báo. Tướng sai biệt trong ba cõi”.

Ở trong ba phần, thì nhân của nghiệp tạo chương ngại cho giải thoát, nên nghiệp thân khẩu ý thuận theo thế gian, không đoạn trừ việc dấy khởi nhân: Là chỉ rõ về vọng tưởng của nghiệp, phiền não tạo nhiễm. Như kinh nói: “Tướng gây tạo lỗi lầm lớn như các thứ tên độc kiến ái, kiến vô minh. Tướng không đoạn nhân của ba thứ nghiệp. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của hành phiền não”.

Ba phần: Tức: Một là chúng sinh ưa thích hành dục. Hai là chúng sinh không giới. Ba là chúng sinh theo ngoại đạo.

Thế nào là sự sai biệt nơi rừng rậm của hành nghiệp?

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng của các nghiệp thiện, bất thiện, vô ký: Tướng có tạo tác, chưa tạo tác. Tướng tâm cùng sinh, không lia. Tướng nhân nơi tự tánh đến tận cùng tập quả không mất thứ lớp. Tướng có báo, không báo. Tướng sai biệt trong việc chính thức thọ nhận các nghiệp: đen, trắng, đen trắng, chẳng đen chẳng trắng. Tướng vô lượng nhân của nghiệp. Tướng sai biệt về thế gian, Thánh nhân. Tướng hiện báo, sinh báo, hậu báo. Tướng thừa không phải thừa, định không định. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các nghiệp*”.

*** Luận nêu:** *Sai biệt nơi rừng rậm của hành nghiệp:* Là chỉ rõ về nhân sai biệt của các cõi. Như kinh nói: “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng của các nghiệp thiện, bất thiện, vô ký v.v...*”.

(1) Tự tánh sai biệt. Như kinh nói: “Tướng có tạo tác, chưa tạo tác”.

(2) Phương tiện sai biệt. Như kinh nói: “Tướng tâm cùng sinh, không lia”.

(3) Tận cùng tập quả sai biệt. Như kinh nói: “Tướng nhân nơi tụ tánh đến tận cùng tập quả không mất thứ lớp”.

(4) Sai biệt về chỗ đã thọ nhận quả, chưa thọ nhận quả. Như kinh nói: “Tướng có báo, không báo”.

(5) Đối sai biệt. Như kinh nói: “Tướng sai biệt trong việc chính thức thọ nhận các nghiệp: Đen, trắng, đen trắng, chẳng đen chẳng trắng”.

(6) Nhân duyên sai biệt. Như kinh nói: “Tướng vô lượng nhân của nghiệp”.

(7) Sai biệt do chưa tích tập đã tích tập. Như kinh nói: “Tướng sai biệt về thể gian, Thánh nhân”.

(8) Sai biệt về định, chẳng định. Như kinh nói: “Tướng hiện báo, sinh báo, hậu báo. Tướng thừa không phải thừa, định không định. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các nghiệp”.

Ở đây:

Tụ tánh sai biệt: Có 2 thứ nghiệp: (a) Thời gian trừ lượng. (b) Thời gian tạo nghiệp.

Phương tiện sai biệt: Tâm cùng sinh, huân tập tâm sinh quả không khác.

Tận cùng tập quả sai biệt: Tức từ thời vô thủy, nghiệp tự nhiên gây tạo, niệm niệm diệt hoại, tích tập không mất, nên các pháp hữu vi tạo nhân của nghiệp được tích tập trọn vẹn.

Sai biệt về chỗ đã thọ nhận quả, chưa thọ nhận quả: Là chỗ thọ nhận không thọ nhận về sinh báo, hậu báo.

Đối sai biệt: Tức nghiệp đen đối nghiệp trắng. Nghiệp trắng đối nghiệp đen. Nghiệp chẳng đen chẳng trắng đối hai nghiệp. Hai

nghiệp đối nghiệp chẳng đen chẳng trắng. Nghiệp tích tập tạo thành sự sai biệt, nên biết.

Sai biệt về định, chẳng định: Tức ba thứ thời gian định, chẳng định, ba thứ thừa định, chẳng định.

Chẳng phải thừa: Là thế gian định, chẳng định.

Thế nào là sự sai biệt nơi rừng rậm của hành căn?

* ***Kinh nói:*** “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt nơi các căn thuộc hạ, trung, thượng: Tướng dị biệt không dị biệt của biên vực trước sau. Tướng thượng, trung, hạ. Tướng phiền não cùng sinh không lìa. Tướng thừa, chẳng phải thừa, định chẳng định. Tướng định thuần thực. Tướng tùy theo lưới căn chuyển biến, hủy hoại, chấp giữ tướng. Tướng căn tăng thượng không hoại. Tướng sai biệt nơi căn chuyển không chuyển. Tướng thâm nhập cùng sinh khởi vô số sai biệt. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các căn.*

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng tin tưởng hạ, trung, thượng của chúng sinh. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của tín.

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng hạ, trung, thượng của các tánh. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các tánh.

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng hạ, trung, thượng của tâm. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của tâm”.

* ***Luận nêu:*** *Sự sai biệt nơi rừng rậm của hành căn:* Có 9 thứ:

(1) Sai biệt về các năng lực. Như kinh nói: “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt nơi các căn thuộc hạ, trung, thượng*”.

(2) Sai biệt về căn chuyển biến. Như kinh nói: “Tướng dị biệt không dị biệt của biên vực trước sau”.

(3) Sai biệt về tánh. Như kinh nói: “Tướng thượng, trung, hạ”.

(4) Sai biệt về phiền não cấu nhiễm. Như kinh nói: “Tướng phiền não cùng sinh không lìa”.

(5) Sai biệt về định không định. Như kinh nói: “Tướng thừa chẳng phải thừa, định chẳng phải định. Tướng định thuần thực”.

(6) Sai biệt về thuận hành. Như kinh nói: “Tướng tùy theo lưới căn chuyển biến, hoại diệt, chấp giữ tướng”.

(7) Sai biệt về Thanh văn thanh tịnh. Như kinh nói: “Tướng căn tăng thượng không hoại”.

(8) Sai biệt về Bồ-tát thanh tịnh. Như kinh nói: “Tướng sai biệt của căn chuyển không chuyển”.

(9) Sai biệt về việc chỉ rõ chỗ thâm tóm của tất cả các căn. Như kinh nói: “Tướng thâm nhập cùng sinh khởi vô số sai biệt. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các căn”.

Ở đây:

Sai biệt về căn chuyển biến: Tức căn trước, sau. Căn trước thấp tăng lên bằng.

Sai biệt về tánh: Tức là tánh sai biệt ở trong ba Thừa.

Sai biệt về phiền não cấu nhiễm: Các căn như hỷ, lạc v.v... tùy tập theo phiền não sai khiến nên nhiễm.

Sai biệt về định không định: Ở trong ba Thừa, nơi thế gian, định chẳng định, thuần thực chẳng thuần thực. Trong đó, chúng sinh căn bất định, theo Tiểu thừa, Bồ-tát khiến chuyển hướng về Đại thừa. Còn căn định, Bồ-tát khiến vượt qua hai Thừa, đạt đầy đủ sự giải thoát.

Sai biệt về thuận hành: Có 3 thứ thuận hành:

(a) Thuận hành theo chỗ dựa của thân: Tức lần lượt thứ lớp cùng bị ràng buộc nơi sáu nhập.

(b) Thuận hành theo sinh diệt: Tức tính chất trôi nổi, hoại diệt.

(c) Quán các hành, chấp giữ nơi tướng.

Sai biệt về Thanh văn thanh tịnh: Là nghĩa có thể thành tựu hành tăng thượng, chướng ngại được diệt trừ.

Sai biệt về Bồ-tát thanh tịnh: Là sự sai biệt của địa chuyển không chuyển.

Sai biệt về việc chỉ rõ chỗ thâm tóm của tất cả các căn: Là sự sai biệt về báo giữa phương tiện mới thực hành và căn đã thành thực.

Vô lượng tướng sai biệt về **tín**, **tánh**, **tâm** theo hạ, trung, thượng v.v... đều nhận biết đúng như thật. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng tin tưởng hạ, trung, thượng của chúng sinh. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của **tín**. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng hạ, trung, thượng của các tánh. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của các **tánh**. Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng hạ, trung, thượng của tâm. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của **tâm**”. Như thế là tánh nhập, nên biết.

Thế nào là sự sai biệt nơi rừng rậm của hành sử?

* ***Kinh nói:*** “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng kết hợp sâu xa để sinh tâm cùng sinh của các sử: Tướng không lìa tâm tương ưng, không tương ưng. Tướng nhập từ xa. Tướng từ vô thi đến nay không sợ hãi. Tướng tương phản với việc tu tập chân chánh về tất cả thiên định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề giải thoát, thần thông. Tướng tạo sự trói buộc kiên cố nơi ba cõi. Tướng tạo sự tích tập nói

tiếp nơi tâm từ vô thỉ đến nay. Tướng tích tập mở bày các nẻo nhập. Tướng có thể đối trị sự thật. Tướng tùy thuận không tùy thuận nơi nhập của địa. Tướng không khác với Thánh đạo diệt bỏ nẻo động. Lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tám vạn bốn ngàn tướng sai biệt của vô số các thứ sử”.

*** Luận nêu:** Ở đây:

Sử: Tức là nghĩa theo đuổi, trói buộc.

Sự sai biệt nơi rừng rậm của hành sử này: Tức nơi chốn nào để theo đuổi? Dùng những gì để theo đuổi? Chỗ sai biệt ấy được chỉ rõ.

Nơi chốn nào để theo đuổi? Tức tâm có báo hay không báo. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng kết hợp sâu xa để sinh tâm cùng sinh của các sử”.

Tâm không lia sự việc hiện có. Nơi ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, có sự sai biệt về thượng, trung, hạ. Như kinh nói: “Tướng không lia tâm tương ưng, không tương ưng”.

Tùy thuận cho đến cõi Hữu Đảnh. Như kinh nói: “Tướng nhập từ xa”. Vô biên thế giới, chỉ có trí sợ hãi, xem như giặc oán, chưa từng có trí văn tư tu, do đó không mất. Như kinh nói: “Tướng từ vô thỉ đến nay không sợ hãi”.

Thiền định v.v... của thế gian không thể diệt trừ, tâm hành thuận theo. Như kinh nói: “Tướng tương phản với việc tu tập chân chánh về tất cả thiền định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề giải thoát, thần thông”.

Dùng những gì để theo đuổi? Có 6 thứ theo đuổi: Sáu thứ theo đuổi là sáu câu được nêu ra:

(1) Theo đuổi vì không đoạn Hữu. Do tướng không đoạn Hữu nên giống như sử tạo sự trói buộc. Như kinh nói: “Tướng tạo sự trói buộc kiên cố nơi ba cõi”.

(2) Theo đuổi từ thời xa. Như kinh nói: “Tướng tạo sự tích tập nối tiếp nơi tâm từ vô thủy đến nay”.

(3) Theo đuổi nơi thân một đời. Các nẻo nhập như mắt v.v... sáu thứ thức sinh, tập cùng tạo sự theo đuổi, cho đến sự huân tập của A-lê-da nên theo đuổi. Như kinh nói: “Tướng tích tập mở bày các nẻo nhập”.

(4) Theo đuổi không thật: Tức là nghĩa đối trị nơi thật. Như kinh nói: “Tướng có thể đối trị sự thật”.

(5) Theo đuổi vi tế: Ở trong chín Địa, phiền não của sáu nhập xứ theo đuổi nơi thân. Như kinh nói: “Tướng tùy thuận không tùy thuận nơi nhập của địa”.

(6) Theo đuổi về lìa khổ: Chỉ có hành xuất thế gian, các hành khác không thể lìa bỏ. Như kinh nói: “Tướng không khác với Thánh đạo diệt bỏ nẻo động”.

Thế nào là sự sai biệt nơi rừng rậm của hành sinh?

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt của các sinh (Các loài sinh khởi): Tướng theo nghiệp sinh. Tướng sai biệt của các chúng sinh nơi sáu đường. Tướng sai biệt của các loài có sắc, không sắc. Tướng sai biệt của chúng sinh có tướng, không tướng. Tướng nhận biết: Nghiệp là ruộng đất, Ái là nước, Vô minh là tối tăm, Thức là hạt giống, Thân sau là mầm sinh. Tướng danh sắc cùng sinh nhưng không lìa. Tướng có si câu ái nối tiếp nhau. Tướng dục ái dục sinh, ưa thích chúng sinh nối tiếp không bờ bến. Tướng tham đắm nơi ba cõi cùng hiện bày. Tất cả thấy đều nhận biết đúng như thật*”.

*** Luận nêu:** *Sự sai biệt nơi rừng rậm của hành sinh:* Có 8 thứ:

(1) Thân đủ thứ, loại. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt của các sinh (Các loài sinh khởi)”.

(2) Nghiệp đủ thứ, loại. Như kinh nói: “Tướng theo nghiệp sinh”.

(3) Trụ xứ đủ thứ, loại. Như kinh nói: “Tướng sai biệt của các chúng sinh nơi sáu đường”.

(4) Vô số thứ loại sắc tướng bậc cao. Như kinh nói: “Tướng sai biệt của các loài có sắc, không sắc. Tướng sai biệt của chúng sinh có tướng, không tướng”.

(5) Vô số thứ loại về nhân của ngoại sắc giống nhau. Như kinh nói: “Tướng nhận biết: Nghiệp là ruộng đất, Ái là nước, Vô minh là tối tăm, Thức là hạt giống, Thân sau là mầm sinh”.

(6) Vô số thứ loại về tự tướng. Như kinh nói: “Tướng danh sắc cùng sinh nhưng không lìa”.

(7) Vô số thứ loại về nhân vốn thuận sinh. Như kinh nói: “Tướng có si cầu ái nối tiếp nhau”.

(8) Chỉ rõ về vô số thứ sai biệt của tập khổ đế. Như kinh nói: “Tướng dục ái dục sinh, ưa thích chúng sinh nối tiếp không bờ bến. Tướng tham đắm nơi ba cõi cùng hiện bày. Tất cả thấy đều nhận biết đúng như thật”. Ở đây: *Dục ái*: Là ưa thích tham lam cùng nắm giữ, chôn chôn cầu tìm. *Dục sinh*: Lại có chúng sinh ưa thích các cõi, yêu mến thân mình, thân kẻ khác, tâm vướng mắc nơi tướng, qua lại nơi các cõi trên dưới, càng chấp giữ, tham đắm, vô lượng lớn nhỏ, không tướng cùng hiện bày là chỉ rõ sự sai biệt về sự xoay vòng lần lượt của các cõi nơi khổ đế.

Thế nào là sự sai biệt nơi rùng rậm của hành tập khí?

* ***Kinh nói***: “*Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt nơi nẻo hành, không hành của tập khí: Tập khí do thuận theo chốn sinh của cõi huân tập mà có. Tập khí do thuận cùng hành với chúng sinh mà có. Tập khí do thuận theo phiền não, nghiệp mà có. Tập khí do thuận theo các pháp thiện, bất thiện, vô ký mà có. Tập khí do thân sau mà có. Tập khí do thứ lớp theo đuổi mà có. Tập khí do*

vào sâu, không đoạn trừ phiền não lôi kéo mà có. Tập khí do tiếp cận với thật, không thật mà có. Tập khí của hàng Nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai, do thấy, nghe, gần gũi, huân tập mà có. Tất cả thấy đều nhận biết đúng như thật”.

*** Luận nêu:** Sự sai biệt nơi rùng rậm của hành tập khí: Có 10 thứ:

(1) Sai biệt về chỗ cho quả hiện tại, không hiện tại. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt nơi nẻo hành, không hành của tập khí”.

(2) Sai biệt do cõi huân tập. Như kinh nói: “Tập khí do thuận theo chốn sinh của cõi huân tập mà có”.

(3) Sai biệt do gần gũi với chúng sinh huân tập. Như kinh nói: “Tập khí do thuận cùng hành với chúng sinh mà có”.

(4) Sai biệt do sức huân tập của phiền não, nghiệp. Như kinh nói: “Tập khí do thuận theo phiền não, nghiệp mà có”.

(5) Sai biệt do nghiệp thiện v.v... huân tập. Như kinh nói: “Tập khí do thuận theo các pháp thiện, bất thiện, vô ký mà có”.

(6) Sai biệt do trung âm huân tập. Như kinh nói: “Tập khí do thân sau mà có”.

(7) Sai biệt do cùng với thứ lớp của quả huân tập. Như kinh nói: “Tập khí do thứ lớp theo đuổi mà có”.

(8) Sai biệt do nhân của thiện lia thể gian huân tập: Huân tập do nhập từ xa, không đoạn trừ phiền não cùng sự lôi kéo của chúng. Như kinh nói: “Tập khí do vào sâu, không đoạn trừ phiền não lôi kéo mà có”.

(9) Sai biệt do sự huân tập từ nẻo hành giải thoát của đồng pháp, dị ngoại đạo. Như kinh nói: “Tập khí do tiếp cận với thật, không thật mà có”.

(10) Sai biệt do sự huân tập của thừa. Như kinh nói: “Tập khí của các hàng Nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai, do thấy, nghe, gần gũi, huân tập mà có. Tất cả thấy đều nhận biết đúng như thật”.

Thế nào là sự sai biệt nơi rừng rậm của hành ba Tụ?

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về ba Tụ của chúng sinh với các tướng: Tướng chánh định - Tướng tà định. Tướng bất định là cả hai. Tướng chánh kiến chánh định. Tướng tà kiến tà định. Tướng bất định là cả hai. Tướng năm nghịch tà định. Tướng năm căn chánh định. Tướng bất định là cả hai thứ. Tướng tà định của tám tà. Tướng chánh định chánh vị. Tướng bất định lại không tạo tác nên là cả hai. Tướng tà định theo hành ác keo kiệt, ganh ghét không chuyển. Tướng chánh định với sự tu tập Thánh đạo vô thượng. Tướng bất định là cả hai, Bồ-tát đều nhận biết đúng như thật. Đây Phật tử! Bồ-tát tùy thuận nơi trí như vậy gọi là an trụ nơi Địa Thiện Tuệ của bậc Bồ-tát”.

*** Luận nêu:** Sự sai biệt nơi rừng rậm của hành ba Tụ: Có 5 thứ:

(1) Sai biệt về pháp có Niết-bàn, pháp không Niết-bàn trong ba Thừa với hoàn toàn định rõ. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về ba Tụ của chúng sinh với các tướng: Tướng chánh định - Tướng tà định. Tướng bất định là cả hai”.

(2) Sai biệt do nhân của hành thiện, ác. Như kinh nói: “Tướng chánh kiến chánh định. Tướng tà kiến tà định. Tướng bất định là cả hai”.

(3) Sai biệt do nhân của đường thiện, đường ác. Như kinh nói: “Tướng năm nghịch tà định. Tướng năm căn chánh định. Tướng bất định là cả hai”.

(4) Sai biệt do nhân của hàng Nhị thừa, ngoại đạo. Như kinh nói: “Tướng tà định của tám tà. Tướng chánh định chánh vị. Tướng bất định lại không tạo tác nên là cả hai”.

(5) Sai biệt do sự thị hiện của Bồ-tát. Như kinh nói: “Tướng tà định theo hành ác keo kiệt, ganh ghét không chuyển. Tướng chánh định với sự tu tập Thánh đạo vô thượng. Tướng bất định lia cả hai”. Xả bỏ các chúng sinh có thể giáo hóa, gọi là ganh ghét, đố kỵ. Không vui thích bố thí của cải cho kẻ khác, gọi là keo kiệt. Có thể gây tạo khổ cho kẻ khác là hành ác không chuyển.

Các pháp Ba-la-mật của Bồ-tát trái với tà định. Bồ-tát đạt được như thế gọi là thành tựu phương tiện của Pháp sư, thành tựu về trí, thành tựu về nhập hành. Thành tựu ba sự việc ấy, là khéo an trụ trong Địa này. Như kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát tùy thuận nơi trí như vậy gọi là an trụ nơi Địa Thiện Tuệ của bậc Bồ-tát”.

*

4. Thế nào là Thành tựu về thuyết giảng, ban cho chúng sinh phương tiện giải thoát?

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy, an trụ nơi Địa Thiện Tuệ của bậc Bồ-tát này rồi, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt nơi các hành của chúng sinh như vậy, tùy theo sự giải thoát mà trao cho họ nhân duyên.*

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về các pháp: Giáo hóa chúng sinh. Cứu độ chúng sinh. Thuyết giảng cho thừa Thanh văn. Thuyết giảng cho thừa Phật-bích-chi. Thuyết giảng cho thừa Bồ-tát. Thuyết giảng về địa của Như Lai.

Bồ-tát ấy, nhận biết như thế rồi, lại đúng như thật vì chúng sinh nêu giảng chánh pháp, khiến họ được giải thoát. Tùy theo sự sai biệt của tâm, của sử, của căn, của tín, của cảnh giới, vô số hành nơi tập khí, tùy thuận nơi trí của hết thảy cảnh giới, thuận theo vô số hành tánh, tùy nơi tập khí của phiền não nghiệp sinh khởi, chuyển biến, tùy theo sự sai biệt của các Tu, tùy sự tin tưởng nơi Thừa khiến được giải thoát, theo đấy để nêu giảng giáo pháp”.

* **Luận nêu:** *Thành tựu về thuyết giảng:* Là tùy vào sự giải thoát để ban cho họ nhân duyên. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, an trụ nơi Địa Thiện Tuệ của bậc Bồ-tát này rồi, nhận biết đúng như thật về tướng sai biệt nơi các hành của chúng sinh như vậy, tùy theo sự giải thoát mà trao cho họ nhân duyên”.

Thành tựu về thuyết giảng ấy lại có ba thứ tướng chỉ rõ:

- a. *Thành tựu về trí.*
- b. *Thành tựu về khẩu nghiệp.*
- c. *Thành tựu về Pháp sư.*

a. **Thế nào là Thành tựu về trí?** Tùy theo đối tượng được nhận biết, đối tượng được nương dựa, theo đây để thuyết giảng, nên biết.

Thế nào là tùy theo đối tượng được nhận biết để thuyết giảng? Tức khả năng giải thoát đã được thành thực. Thế giải thoát đúng lúc được hóa độ. Sai biệt của sự giải thoát là do sự sai khác của ba Thừa. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về các pháp: Giáo hóa chúng sinh. Cứu độ chúng sinh. Thuyết giảng cho thừa Thanh văn. Thuyết giảng cho thừa Phật-bích-chi. Thuyết giảng cho thừa Bồ-tát. Thuyết giảng về địa của Như Lai”.

Thế nào là tùy theo đối tượng được nương dựa để nêu giảng? Tức pháp được thuyết giảng luôn đối hợp với khả năng thọ nhận của căn cơ, theo chỗ đáng được hóa độ, để trao cho pháp đối trị. Nghĩa này được nói đến nơi hai câu. Thành tựu khả năng thọ nhận pháp được nêu giảng, tùy theo căn trí, tùy theo sự tin tưởng, vì họ thuyết giảng pháp. Nghĩa này cũng có hai câu được nêu. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết như thế rồi, lại đúng như thật vì chúng sinh nêu giảng chánh pháp, khiến họ được giải thoát. Tùy theo sự sai biệt của tâm, của sử, của căn, của tín v.v...”.

Tùy theo thí dụ để hiểu về khả năng thọ nhận giáo pháp. Như kinh nói: “Tùy theo sự sai biệt của cảnh giới, vô số hành nơi tập khí”.

Tùy theo vô số hành khác nơi khả năng thọ nhận. Như kinh nói: “Tùy thuận nơi trí của hết thấy cảnh giới”.

Cho đến có thể thành tựu khả năng thọ nhận giáo pháp. Như kinh nói: “Thuận theo vô số hành tánh”.

Tùy chỗ biện giải về ngôn từ nơi khả năng thọ nhận, theo đầy phiền não nơi nghiệp sinh khởi cần được huân tập để cùng hành. Như kinh nói: “Tùy nơi tập khí của phiền não, nghiệp sinh khởi, chuyển biến”.

Theo chỗ căn định, bất định chuyển biến nơi khả năng thọ nhận. Như kinh nói: “Tùy theo sự sai biệt của các Tự”.

Tùy nơi nhân của Thừa có thể hiện bày sự hành hóa nơi khả năng thọ nhận. Như kinh nói: “Tùy sự tin tưởng nơi Thừa khiến được giải thoát, theo đây đề nêu giảng giáo pháp”.

Thế nào là Thành tựu về trí nghiệp?

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, trụ trong Địa Thiên Tuệ của bậc Bồ-tát lược nói việc làm đại Pháp sư, trụ nơi nghĩa thâm diệu của bậc Đại Pháp sư, giữ gìn pháp tạng của chư Phật*”.

*** Luận nêu:** Ở đây, sự thuyết giảng, sự thọ trì, được chỉ rõ nơi hai câu: *Trụ nơi nghĩa thâm diệu của bậc Đại Pháp sư*: Có 20 thứ có thể tạo sự việc của bậc Pháp sư: Một là thời. Hai là ý chân chánh. Ba là nhanh chóng. Bốn là tương tục. Năm là dần dần. Sáu là thứ lớp. Bảy là câu nghĩa theo đúng thứ lớp. Tám là chỉ rõ. Chín là vui mừng. Mười là khuyến khích. Mười một là gồm đủ các đức. Mười hai là không chê bai. Mười ba là không loạn động. Mười bốn là như pháp. Mười lăm là thuận nơi đại chúng. Mười sáu là tâm từ. Mười bảy là tâm an ổn. Mười tám là tâm thương xót. Mười chín là không vương mắc nơi lợi dưỡng, tiếng tăm. Hai mươi là không tự tán dương mình, chê bai kẻ khác.

Thời: Là không có tám nạn. Như kệ nêu:

*Như vua mang lo, buồn
 Bệnh, giận đấm các đực
 Ám, xử không hầu hạ
 Sàm nịnh, không tôi trung.
 Tám nạn thời như thế
 Quan trí không nên nói
 Tâm vương cũng như vậy
 Phi thời không nên nói.*

Ý chân chánh: Tức là oai nghi chính đáng an trụ, không phải là trụ không chính đáng. Nghĩa này như thế nào? Tự bước lên tòa ngòai của người khác thì không nên vì họ mà thuyết pháp. Các sự việc như vậy, trong Giới kinh đã nêu giảng rộng khắp. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát luôn kính trọng pháp. Do kính trọng pháp nên khiến cho người khác sinh tâm tôn trọng. Khi nghe pháp phải cung kính thâm giữ tâm để nghe.

Nhanh chóng (Đốn): Là ý chân chánh của Bồ-tát, vì tất cả chúng thuyết tất cả pháp, lia bỏ cấu nhiễm do keo kiệt trong việc giảng pháp.

Trương tục: Thuyết giảng không ngừng nghỉ, xả bỏ tâm ý đồ kỵ trong các pháp.

Dần dần: Tức theo như thứ lớp của câu chữ để nêu giảng.

Thứ lớp: Tức theo thứ lớp nơi nghĩa của câu chữ để thuyết giảng.

Câu nghĩa theo đúng thứ lớp: Là nêu giảng pháp đồng nghĩa, không nêu giảng pháp không đồng nghĩa.

Chỉ rõ: Tức chỉ rõ chỗ cần hiện bày.

Vui mừng: Tức vui mừng về chỗ nên vui mừng.

Khuyến khích: Nghĩa là đối với các chúng sinh khiếp nhược thì hỗ trợ khiến họ được dũng mãnh.

Gồm đủ các đức: Tức hiện trí, tỷ trí, sự chứng đắc về pháp vô tỷ đều nêu bày đầy đủ.

Không chê bai: Tức tùy thuận đạo thiện để thuyết giảng.

Không loạn động: Là không động, không lẫn lộn, chính thức hội nhập vào nơi chốn thuận hợp.

Như pháp: Là nêu giảng đầy đủ về bốn Thánh đế.

Thuận nơi đại chúng: Tức đối với bốn chúng, tám bộ, tùy chỗ có thể lãnh hội, theo đây để thuyết giảng pháp.

Mười lăm thứ tướng như thế, Bồ-tát tùy thuận nhằm tạo lợi ích cho kẻ khác để thuyết giảng tất cả pháp.

Tâm từ: Là đối với các chúng sinh oán ghét, dấy khởi tâm từ thuyết giảng pháp.

Tâm an ổn: Là ở trong chỗ các chúng sinh hành ác, khởi tâm tạo lợi ích để nêu giảng pháp.

Tâm thương xót: Là đối nơi các chúng sinh thọ khổ, vui, dấy khởi tâm thương xót, tạo lợi lạc, vì họ thuyết giảng pháp.

Không tham vướng nơi lợi dưỡng, tiếng tăm: Tức tâm không mong cầu, luôn hành xa lìa.

Không tự tán dương mình, chê bai kẻ khác: Tức là lìa bỏ ngã mạn, các thứ tùy phiền não như ganh ghét, vì chúng sinh mà giảng nói pháp.

Năm thứ tướng như thế, Bồ-tát làm thanh tịnh nơi tự tâm.

Gồm đủ hai mươi sự việc ấy tức có thể làm Pháp sư. Đó gọi là an trụ trong nghĩa thâm diệu của bậc Đại Pháp sư.

b. Thế nào là Thành tựu về khẩu nghiệp?

* ***Kinh nói:*** “*Thông đạt về phương tiện của vô lượng trí, bốn Trí vô ngại, dấy khởi ngôn từ của Bồ-tát để giảng nói pháp. Bồ-tát*

ấy ngày đêm luôn phát huy bốn trí vô ngại. Những gì là bốn? Đó là Pháp vô ngại, Nghĩa vô ngại, Từ vô ngại và Lạc thuyết vô ngại”.

* **Luận nêu:** Thành tựu về khẩu nghiệp: Tức Bồ-tát dùng bốn thứ ngôn từ, âm thanh vô ngại để thuyết pháp. Như kinh nói: “Thông đạt về phương tiện của vô lượng trí v.v... cho đến: Lạc thuyết vô ngại”.

Không hoại (Phát huy): Tức là không động.

Cảnh giới của bốn vô ngại là:

- (1) Thể của pháp.
- (2) Thể nơi cảnh giới của pháp.
- (3) Chính thức đạt được để ban cho chúng sinh.
- (4) Chính thức cầu đạt cùng với vô lượng môn.

Thế của pháp: Tức xa lìa hai biên thuộc về sinh, pháp, như tướng ngăn ngại của sắc v.v...

Thế nơi cảnh giới của pháp: Tức Bồ-tát, trong việc lìa xa hai biên thuộc về sinh, pháp, trí nhận biết đúng như thật về cảnh giới. Bồ-tát ở trong cảnh giới của trí như vậy nhận biết chỗ thâm tóm của sinh, pháp, trụ như sắc. Thế nào là sắc? Là những phân biệt hư vọng của nhãn sắc v.v...

Chính thức đạt được để ban cho chúng sinh: Tức ở trong cảnh giới của trí như thật kia, tùy chỗ hoan hỷ về ngôn thuyết của kẻ khác mà nhận biết đúng đắn, nhận biết đúng đắn về chỗ tùy theo ngôn thuyết của kẻ khác mà ban cho họ.

Chính thức cầu đạt cùng với vô lượng môn: Là Bồ-tát, tùy chỗ vui thích về ngôn ngữ của kẻ khác, nhận biết đúng đắn về vô lượng thứ loại nghĩa ngữ, nhận biết để ban cho họ.

Bốn trí vô ngại này có 10 thứ sai biệt:

- (1) Dựa nơi tự tướng.

- (2) Dựa nơi đồng tướng.
- (3) Tướng hành.
- (4) Tướng thuyết giảng.
- (5) Tướng trí.
- (6) Tướng không ngã mạn.
- (7) Tướng của Tiểu thừa, Đại thừa.
- (8) Tướng của địa Bồ-tát.
- (9) Tướng của địa Như Lai.
- (10) Tướng tạo trụ trì.

Năm tướng sau là tướng tịnh.

Thế nào là tự tướng?

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy, dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về tự tướng của các pháp. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về tướng sai biệt của các pháp. Dùng trí của Từ vô ngại để nhận biết về việc thuyết các pháp không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại để nhận biết về việc thuyết giảng thứ lớp các pháp không đoạn”.*

** Luận nêu: Tự tướng có 4 thứ:*

- (a) Tự tướng của sinh pháp.
- (b) Tự tướng sai biệt.
- (c) Tự tướng kiên cố của tướng.
- (d) Tự tướng sai biệt của tướng kia.

Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về tự tướng của các pháp. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về tướng sai biệt của các pháp. Dùng trí của Từ vô ngại để nhận biết về việc thuyết các pháp không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại để nhận biết về việc thuyết giảng thứ lớp các pháp không đoạn”.

Thuyết không hoại: Là tùy chỗ biết rõ về các tướng, tùy theo các chúng sinh kia để thuyết giảng vô số các thứ pháp.

Thuyết thứ lớp không đoạn: Tức thứ lớp không dứt, số lượng là hết sức nhiều, là vô lượng, với tên gọi khác là kiên cố theo nghĩa kia.

Thế nào là đồng tướng?

* **Kinh nói**: “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp không Thể tánh. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về tướng sinh diệt của các pháp. Dùng trí của Từ vô ngại để nhận biết về các pháp là giả danh, nhưng không đoạn trừ việc giả danh thuyết pháp. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, tùy chỗ giả danh không hoại vô biên pháp để nêu giảng”.

* **Luận nêu**: Đồng tướng có 4 thứ:

- (a) Đồng tướng của tất cả pháp.
- (b) Đồng tướng của tất cả pháp hữu vi.
- (c) Đồng tướng của tất cả pháp giả danh.
- (d) Đồng tướng nơi giả danh của giả danh.

Như kinh nói: “Lại nữa, dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết các pháp không Thể tánh v.v... cho đến: Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, tùy chỗ giả danh không hoại vô biên pháp để nêu giảng”. Trong đó, môn vô thường nhập vào nghĩa vô ngã, nên đồng tướng thứ hai là thành tựu cảnh giới của trí thứ nhất.

Nhận biết về các pháp là giả danh nhưng không đoạn trừ việc giả danh thuyết pháp: Tức pháp giả danh thì dùng những pháp giả danh khác để nêu giảng.

Tùy chỗ giả danh không hoại vô biên pháp: Tức không hoại giả danh trước mà có thể nêu giảng về giả danh khác.

Thế nào là tướng hành?

*** Kinh nói:** “*Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về sự sai biệt nơi các pháp hiện tại. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về sự sai biệt nơi các pháp quá khứ, vị lai. Dùng trí của Từ vô ngại nhằm nhận biết về các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, để thuyết pháp không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại nơi mỗi mỗi đời đạt được vô lượng pháp sáng, nên thuyết pháp*”.

*** Luận nêu:** Tướng hành có 4 thứ:

- (a) Tướng hành sinh.
- (b) Tướng hành đã sinh, chưa sinh.
- (c) Tướng hành của vật giả danh.
- (d) Tướng hành nói về sự.

Như kinh nói: “*Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về sự sai biệt nơi các pháp hiện tại v.v...*”. Mỗi mỗi đời nơi đời hiện tại, quá khứ, vị lai, tất cả đều do thế gian thân nhận, nên biết. Thấy đời quá khứ, vị lai, từ chỗ nhận biết về đời hiện tại. Như vậy là Bồ-tát ấy đã thành tựu về cảnh giới của trí. Tướng của hành sự không ra ngoài ba đời, nên biết.

Vô lượng pháp sáng: Là pháp sáng có nhiều dị biệt.

Thế nào là tướng thuyết giảng?

*** Kinh nói:** “*Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp sai biệt. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về nghĩa sai biệt của các pháp. Dùng trí của Từ vô ngại, tùy theo các thứ ngôn từ, âm thanh, vì chúng sinh mà giảng nói pháp. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, theo chỗ ưa thích hiểu biết vì họ mà giảng nói pháp*”.

*** Luận nêu:** Tướng thuyết giảng có 4 thứ:

- (a) Tướng thuyết giảng của kinh.

- (b) Tướng thuyết giảng giải thích kinh.
- (c) Tướng tùy thuận thuyết giảng.
- (d) Tướng thuyết giảng tương tự.

Như kinh nói: “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp sai biệt v.v...”.

Ở đây, *tùy theo các thứ ngôn từ, âm thanh, vì chúng sinh mà giảng nói pháp*: Tức tùy theo ngôn ngữ, âm thanh của các chúng sinh kia để nêu giảng.

Theo chỗ ưa thích hiểu biết vì họ mà giảng nói pháp: Là tùy nơi tâm niệm hiện có của các chúng sinh, cho đến tùy nơi vô số thí dụ hiện có để thuyết giảng.

Thế nào là tướng trí?

* ***Kinh nói***: “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại, dùng pháp trí để nhận biết các pháp sai biệt không hủy hoại phương tiện. Dùng trí của Nghĩa vô ngại, dùng trí so sánh để nhận biết đúng như thật về các pháp sai biệt. Dùng trí của Từ vô ngại, dùng chánh kiến của trí thế gian để thuyết pháp. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, dùng phương tiện của trí đệ nhất nghĩa nên thuyết pháp”.

* ***Luận nêu***: Tướng trí có 4 thứ:

- (a) Trí hiện thấy.
- (b) Trí so sánh.
- (c) Trí nhằm đạt được phương tiện.
- (d) Trí đạt được.

Như kinh nói: “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại, dùng pháp trí để nhận biết các pháp sai biệt không hủy hoại phương tiện v.v...”.

Ở đây, *pháp trí*: Tức nhận biết về để sai biệt, không khác với phương tiện. Pháp trí sai biệt không hủy hoại phương tiện.

Trí so sánh: Như sự phân biệt đúng như thật ở đây, thì các trường hợp khác cũng như vậy. Trí so sánh nhận biết đúng như thật về đế sai biệt.

Phương tiện của trí đệ nhất nghĩa: Tức không phải là dị thuyết điên đảo.

Thế nào là tướng không ngã mạn?

*** Kinh nói:** “*Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về một tướng không hoại của các pháp. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về phương tiện tích tập nhân duyên nơi âm, giới, nhập, đế. Dùng trí của Từ vô ngại nhằm nhận biết về chỗ quy kính của tất cả thế gian nơi âm thanh, câu chữ thiện diệu, để thuyết pháp. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, nhận biết về chỗ chuyển tăng thù thắng nơi vô lượng pháp sáng để thuyết pháp*”.

*** Luận nêu:** Tướng không ngã mạn có 4 thứ:

- (a) Tướng không ngã mạn của Đệ nhất nghĩa đế.
- (b) Tướng không ngã mạn của Thế đế.
- (c) Tướng không ngã mạn nói về sự tốt đẹp.
- (d) Tướng không ngã mạn nói về vô thượng.

Như kinh nói: “*Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về một tướng không hoại của các pháp v.v...*”.

Một tướng không hoại: Tức là vô ngã không hoại. Ngã nhận biết về vô ngã. Ngã chứng đắc về vô ngã. Như thế, nơi phương tiện hội nhập vô ngã, các âm v.v... cùng hoại. Do đây, Bồ-tát ấy đã thành tựu cảnh giới của trí.

- (a) Tích tụ về chấp ngã.
- (b) Chấp về nhân khác.
- (c) Chấp nơi dục.
- (d) Chấp nơi tạo tác.

Đối trị các điều này, thứ lớp như thế là phương tiện của âm v.v... nên biết.

Thế nào là tướng của Tiểu thừa, Đại thừa?

* **Kinh nói:** “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp không có sai biệt, thâm giữ nơi một Thừa. Dùng trí của Nghĩa vô ngại, nhận biết, phân biệt các môn sai biệt nơi các Thừa. Dùng trí của Từ vô ngại để có thể nêu giảng về các Thừa không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, nơi mỗi mỗi Thừa nêu bày về vô lượng pháp sáng”.

* **Luận nêu:** Tướng của Tiểu thừa, Đại thừa có 4 thứ:

- (a) Tướng quán.
- (b) Tướng tánh.
- (c) Tướng giải thoát.
- (d) Tướng niệm.

Như kinh nói: “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về các pháp không có sai biệt, thâm giữ nơi một Thừa v.v...”.

Nhận biết các pháp không có sai biệt, thâm giữ nơi một Thừa: Tức là nhất quán không khác, nên biết.

Có thể nêu giảng về các Thừa không hoại: Tức dựa vào chỗ đồng giải thoát, không sợ hãi.

Nêu bày về vô lượng pháp sáng: Tức vô số các thứ pháp sáng, phân biệt nêu giảng, theo trường hợp có thể hóa độ, dựa nơi vô số niệm hành thuận theo giải thoát.

Thế nào là tướng của Địa Bồ-tát?

* **Kinh nói:** “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về pháp hành, trí hành, theo trí hành nhập của tất cả Bồ-tát. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết, phân biệt nói về nẻo nhập sai biệt

nơi nghĩa của mười Địa. Dùng trí của Từ vô ngại để nói về chỗ tùy thuận các nẻo địa không hoại. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại để nói về vô lượng tướng nơi mỗi mỗi địa”.

*** Luận nêu:** Tướng của Địa Bồ-tát có 4 thứ:

- (a) Tướng trí.
- (b) Tướng thuyết giảng.
- (c) Tướng cùng với phương tiện.
- (d) Tướng nhập vào vô lượng môn.

Như kinh nói: “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về pháp hành, trí hành, theo trí hành nhập của tất cả Bồ-tát v.v...”.

Hành của tất cả Bồ-tát: Tức chỉ rõ về pháp hành, trí hành, trí quán.

Mười Địa sai biệt: Là tâm nêu bày, miệng nói, nên biết.

Nêu bày không hoại, cùng tùy thuận các nẻo Địa: Là sự chỉ dạy trao truyền không điên đảo.

Thế nào là tướng của Địa Như Lai?

*** Kinh nói:** “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về tất cả Phật, trong khoảng một niệm, chứng đắc chánh giác. Dùng trí của Nghĩa vô ngại, nhận biết về chỗ sai biệt nơi sự tướng của vô số thời. Dùng trí của Từ vô ngại, theo chỗ sai biệt nơi chánh giác để nêu giảng. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, nơi mỗi mỗi câu pháp, thuyết giảng trong vô lượng kiếp mà không cùng tận”.

*** Luận nêu:** Tướng của Địa Như Lai có 4 thứ:

- (a) Tướng Pháp thân.
- (b) Tướng sắc thân.
- (c) Tướng chánh giác.
- (d) Tướng thuyết giảng.

Như kinh nói: “Lại nữa! Dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về tất cả Phật, trong khoảng một niệm, chứng đắc chánh giác v.v...”.

Thời: Tức tùy trong những kiếp nào, thành tựu những Phật sự gì, tùy chỗ dùng những cõi Phật nào, theo thân tướng của những vị Phật nào, theo danh hiệu được thọ ký, có thể thấy nghe.

Theo chánh giác: Tức dựa nơi mười loại Phật như chánh giác, nên biết.

Thế nào là tướng tạo trụ trì?

* ***Kinh nói:*** “Lại nữa, dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về ngôn ngữ, lực, vô úy, pháp bất cộng của Phật, đại bi, trí hành vô ngại, chuyển pháp luân của tất cả chư Phật tùy thuận nơi trí Nhất thiết trí. Dùng trí của Nghĩa vô ngại để nhận biết về chỗ tùy thuận nơi âm thanh của Như Lai hiện bày tám vạn bốn ngàn thứ loại, theo chỗ sai biệt về tâm, căn, sự tin tưởng của chúng sinh. Dùng trí của Tìr vô ngại để nhận biết về nẻo hành của hết thảy chúng sinh, nêu bày về âm thanh không hoại của Như Lai. Dùng trí của Lạc thuyết vô ngại, dùng trí của chư Phật hành thần thông viên mãn, tùy theo sự tin tưởng mà thuyết pháp”.

* ***Luận nêu:*** Tướng tạo trụ trì có 4 thứ:

- (a) Tướng giác ngộ.
- (b) Tướng sai biệt.
- (c) Tướng thuyết giảng.
- (d) Tướng vô lượng.

Như kinh nói: “Lại nữa, dùng trí của Pháp vô ngại để nhận biết về ngôn ngữ, lực, vô úy, pháp bất cộng của Phật v.v...”.

Ngôn ngữ của Phật: Tức khả năng thuyết pháp.

Lực: Tức khả năng phá trừ chúng sinh kiêu mạn.

Vô úy: Là khả năng hàng phục các ngoại đạo.

Pháp bất cộng của Phật: Tức chỗ không đồng với hàng Nhị thừa.

Đại bi: Tức luôn có thể thuyết pháp.

Trí hành vô ngại: Tức dựa nơi chúng sinh để thuyết pháp.

Chuyển pháp luân: Là tùy thuận thuyết pháp. Tất cả sự việc ấy, trí Nhất thiết trí đều nhận biết, thông tỏ.

Tùy tâm: Là tùy nơi tâm tánh.

Trí của chư Phật hành thân thông viên mãn: Tức pháp thân của chư Phật với các pháp ấy là vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên hành không thể hoại. Nói viên mãn là tùy nơi sự tin tưởng của chúng sinh, chỉ rõ sự lạc thuyết của Bồ-tát là vô tận.

c. Thế nào là Thành tựu sự tự tại của bậc Pháp sư? Hiện rõ nơi 4 việc:

- (1) Thành tựu về tổng trì.
- (2) Thành tựu về thuyết giảng.
- (3) Thành tựu về hỏi, đáp.
- (4) Thành tựu về thọ trì.

Thế nào là thành tựu về tổng trì?

*** Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát khéo nhận biết về trí vô ngại như thế, an trụ nơi Địa thứ chín của bậc Bồ-tát, gọi là đạt được tạng pháp của chư Phật, có thể làm Đại Pháp sư, chứng đắc các Đà-la-ni Nghĩa, các Đà-la-ni Pháp, khởi Đà-la-ni Trí, Đà-la-ni Quang minh, Đà-la-ni Thiện ý, Đà-la-ni Chúng tài, Đà-la-ni Uy đức, Đà-la-ni Môn không chướng ngại, Đà-la-ni Vô lượng, Đà-la-ni Đạt vô số nghĩa. Chứng đắc các môn Đà-la-ni, đầy đủ mười A-tăng-kỳ trăm ngàn môn Đà-la-ni như vậy, đầy đủ mười A-tăng-kỳ trăm ngàn phương tiện âm thanh như vậy, gồm đủ mười A-tăng-kỳ trăm ngàn vô lượng môn tín, lạc, thuyết pháp sai biệt như vậy, Bồ-tát ấy chứng đắc mười A-tăng-kỳ trăm ngàn vô lượng môn Đà-la-ni như thế, nên có thể ở tại trụ*

xứ của vô lượng chư Phật lãnh hội pháp, nghe rồi thì không quên, như chỗ pháp đã lãnh hội, có thể dùng vô lượng môn sai biệt, vì mọi người diễn nói”.

*** Luận nêu:** Thành tựu về tổng trì có 10 thứ Đà-la-ni:

(1) Đà-la-ni nghĩa. Như kinh nói: “Chúng đă các Đà-la-ni Nghĩa”.

(2) Đà-la-ni văn. Như kinh nói: “Chúng đă các Đà-la-ni Pháp”.

(3) Đà-la-ni trí. Như kinh nói: “Khởi Đà-la-ni Trí”.

(4) Đà-la-ni phóng quang. Như kinh nói: “Đà-la-ni Quang minh”.

(5) Đà-la-ni hàng phục kẻ khác. Như kinh nói: “Đà-la-ni Thiện ý”.

(6) Đà-la-ni cúng dường Như Lai, bố thí để thâu giữ dẫn dắt các chúng sinh bần cùng. Như kinh nói: “Đà-la-ni Chúng tài”.

(7) Đà-la-ni ở nơi pháp Đại thừa, đối với các chúng sinh thấp kém, chỉ dạy, tạo lợi ích. Như kinh nói: “Đà-la-ni Uy đức”.

(8) Đà-la-ni biện tài không đoạn. Như kinh nói: “Chúng đăc Đà-la-ni môn không chướng ngại”.

(9) Đà-la-ni lạc thuyết vô tận. Như kinh nói: “Đà-la-ni Vô lượng”.

(10) Đà-la-ni lạc thuyết vô số loại nghĩa. Như kinh nói: “Đà-la-ni Đạt vô số nghĩa v.v... cho đến: Như chỗ pháp đã lãnh hội, có thể dùng vô lượng môn sai biệt, vì mọi người diễn nói”.

Phần văn kinh còn lại đã nói về *Thành tựu về thuyết giảng. Thành tựu về hỏi đáp. Thành tựu về thọ trì*: Do dễ hiểu nên không giải thích. Các phần khác như trước đã nêu.

*** Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, nơi chỗ một Đức Phật, dùng mười A-tăng-kỳ trăm ngàn môn Đà-la-ni để nghe nhận giáo pháp. Như từ một vị Phật, nhận nghe giáo pháp, thì nơi vô lượng vô biên chư Phật khác cũng lại như vậy.*

Bồ-tát ấy, vào lúc lễ kính Phật, nơi môn Pháp minh đã được nghe, có thể thọ nhận, không phải như hàng Thanh văn học nhiều, do đạt được diệu lực của đại Đà-la-ni, nên ở trong mười vạn kiếp có thể thọ trì, hành hóa.

Bồ-tát ấy, đạt được diệu lực của Đà-la-ni, diệu lực của trí vô ngại lạc thuyết như thế để giảng nói giáo pháp. Khi thuyết pháp, ở nơi pháp tòa, hiện bày khắp hết thấy ba ngàn đại thiên thế giới, theo chỗ sai biệt nơi tâm của chúng sinh để giảng nói.

Pháp tòa của Bồ-tát ấy, chỉ trừ chư Phật cũng Bồ-tát được thọ chức, còn đối với tất cả, là thù thắng tốt bậc, do đạt được vô lượng pháp sáng.

Bồ-tát ấy, tại nơi pháp tòa, hoặc dùng một âm thanh để giảng nói, khiến cho hết thấy đại chúng tất có thể hiểu rõ, liền được hiểu rõ. Hoặc dùng vô số loại âm thanh để thuyết giảng, khiến cho tất cả đại chúng đều có thể mở bày, thông tỏ, liền được mở bày, thông tỏ. Hoặc chỉ phóng ra ánh sáng để thuyết giảng, khiến cho hết thấy đại chúng đều có thể hiểu pháp liền được hiểu pháp. Hoặc dùng tất cả lỗ chân lông nơi thân đều phát ra pháp âm. Hoặc dùng các thứ sắc, vật hiện có nơi Tam thiên đại thiên thế giới cùng phát ra pháp âm. Hoặc dùng một âm thanh hiện bày đủ khắp hết thấy pháp giới đều khiến được hiểu. Hoặc dùng tất cả âm thanh làm pháp thanh trụ trì. Hoặc ở nơi hết thấy âm thanh của âm nhạc ca vịnh trong khắp các thế giới, đều phát ra pháp âm. Hoặc ở trong âm thanh của một chữ phát ra âm thanh của câu chữ nơi tất cả pháp, tất cả sự sai biệt đều nêu giảng. Hoặc ở nơi thế giới không thể nói hết, với vô lượng vi trần vi tế sai biệt tích tụ khắp bốn đại địa thủy hỏa phong, trong mỗi mỗi vi trần, có các pháp môn không thể nói hết, Bồ-tát thấy đều có thể nêu giảng.

Bồ-tát ấy, đối với vô số chúng sinh hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, nơi một niệm, cùng lúc nêu vấn nạn, mỗi mỗi chúng

sinh kia dùng vô lượng âm thanh sai biệt để nêu vấn nạn, như một người thưa hỏi, những người còn lại đều thưa hỏi khác.

Bồ-tát ấy, trong khoảng một niệm, tất thảy nhận các thứ vấn nạn như thế, chỉ dùng một âm thanh, đều khiến họ thông tỏ. Như vậy, hai ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ba, bốn, năm, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc một trăm ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc một ngàn ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc một vạn, mười vạn, một trăm vạn, hoặc một ức ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc mười ức, trăm ngàn vạn ức na-do-tha, cho đến vô lượng vô biên ba ngàn đại thiên thế giới không thể nói hết, không thể nêu bày hết, chúng sinh đầy ấp trong ấy, nơi một niệm, cùng lúc nêu bày vấn nạn, mỗi mỗi chúng sinh kia, dùng vô lượng âm thanh sai biệt để nêu vấn nạn, như một người thưa hỏi, những người còn lại đều thưa hỏi khác, Bồ-tát đó, nơi một niệm cùng thảy nhận các vấn nạn như thế, chỉ dùng một âm thanh để giải thích, đều khiến mở bày, hiểu rõ.

Bồ-tát ấy, ở nơi số lượng thế giới không thể nói, không thể nêu bày, luôn thị hiện đầy đủ trong đó, tùy theo tâm ý, tùy theo căn trí, tùy theo sự tin tưởng, vì các chúng sinh mà nêu giảng pháp, chứng đắc pháp sáng, cầu đạt mười lực của Như Lai, hoàn thành các Phật sự, cùng với hết thảy chúng sinh làm nơi nương dựa.

Bồ-tát ấy, càng thêm tinh tấn gấp bội, thâm giữ được trí sáng như thế, hoặc ở nơi mỗi mỗi đầu sợi lông nơi thân tướng, đều có đại hội của Như Lai nhiều như số vi trần nơi số lượng thế giới không thể nêu bày, không thể nói hết, Đức Phật ở nơi các đại hội ấy, vì chúng sinh mà giảng thuyết giáo pháp. Mỗi mỗi Đức Như Lai, vì số lượng chúng sinh nhiều như số vi trần nơi số lượng thế giới, không thể nói hết, không thể nêu bày hết, vì họ mà nói pháp. Trong tâm của mỗi mỗi chúng sinh ở đây, đều có Đức Như Lai từ tâm sinh, nhiều như số vi trần nơi số lượng thế giới không thể nói, không thể nêu bày, tùy theo tâm niệm của chúng sinh như vậy mà trao cho pháp môn. Như

một Đức Phật, tất cả Phật nơi mỗi mỗi đầu sợi lông cũng lại như vậy. Như thế, nơi hết thầy pháp giới, trong đó, sinh khởi lực dụng lớn của sự nhớ nghĩ, nơi khoảng một niệm, từ trụ xứ của tất cả Phật, Bồ-tát thọ nhận hết thầy pháp sáng, không hề mất một câu, huống chi là việc thuyết giảng cho chúng sinh trong tất cả thế giới.

Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Thiên Tuệ của bậc Bồ-tát, càng chuyển tăng, thù thắng, ngày đêm không còn có niệm nào khác ngoài niệm hội nhập cảnh giới Phật, luôn được gần gũi tất cả chư Phật, thông tỏ sự giải thoát thâm diệu của bậc Bồ-tát.

Bồ-tát ấy, tùy thuận nơi trí như thế, thường nhập Tam-muội, không lìa việc thân cận chư Phật. Ở trong mỗi mỗi kiếp, thấy vô lượng Phật, vô lượng trăm Phật, vô lượng ngàn Phật, vô lượng trăm ngàn Phật, vô lượng trăm ngàn na-do-tha Phật, vô lượng ức Phật, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Phật, dùng các vật cúng dường thượng diệu để cung kính cúng dường, tôn trọng, tán thán, gần gũi chư Phật, ở tại trụ xứ của chư Phật, thông đạt vô số vấn nạn, vô số Đà-la-ni thuyết pháp.

Bồ-tát ấy, nơi các căn thiện của mình càng chuyển tăng thanh tịnh, sáng tỏ. Nay Phật tử! Ví như vàng ròng từ gốc tạo ra các vật dụng trang sức cho bậc Chuyển luân Thánh vương hoặc đeo nơi cổ trước, cổ sau, thì hết thầy vật dụng trang sức hiện có của các hàng tiểu vương nơi bốn châu thiên hạ đều không thể sánh kịp. Nay Phật tử! Cũng vậy, Bồ-tát trụ trong Địa Thiên Tuệ của bậc Bồ-tát này, các căn thiện hiện có đã chuyển tăng, càng thêm sáng, sạch, hàng Nhị thừa và các Bồ-tát nơi Địa dưới đều không thể hủy hoại.

Bồ-tát ấy, căn thiện càng chuyển tăng, có thể soi chiếu vùng rừng rậm nơi tâm phiền não của chúng sinh, soi chiếu rồi, trở lại thấu giữ, dẫn dắt. Ví như Đại Phạm Vương, trong hai ngàn thế giới, với tất cả những chốn sâu rộng, đông đúc, thầy đều có thể soi chiếu. Nay Phật tử! Cũng vậy, Bồ-tát trụ trong Địa Thiên Tuệ của bậc Bồ-

tát này, các căn thiện hiện có đều sáng tỏ, soi chiếu vùng rừng rậm nơi tâm phiền não của chúng sinh, soi chiếu rồi thì trở lại thâu giữ. Bồ-tát này, trong mười Ba-la-mật, thì Lục Ba-la-mật tăng thượng, các Ba-la-mật khác không phải là không tu tập, nhưng là theo sức, theo phần.

Này Phật tử! Đó là lược nói về Địa Thiện Tuệ, là Địa thứ chín của bậc Bồ-tát. Nếu nói rộng, thì ở trong vô lượng kiếp cũng không thể nói hết. Bồ-tát trụ trong Địa này, nhiều lần làm Đại Phạm Thiên vương, đạt uy lực lớn, làm chủ hai ngàn thế giới, nơi các thứ tự tại đều đạt được tự tại, hiểu biết chân chánh, đúng như thật là thù thắng bậc nhất, khéo có thể giảng nói rõ về hành Ba-la-mật của bậc Bồ-tát, hàng Nhị thừa, về vấn nạn của chúng sinh là không thể cùng tận. Các nghiệp thiện đã tạo nơi bố trí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành, những phước đức ấy đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hành của Bồ-tát v.v... cho đến không lìa niệm trí Nhất thiết chủng, trí Nhất thiết trí, thường khởi tâm này: Ta nên đối với tất cả chúng sinh là người đứng đầu, là thù thắng, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là chỗ nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ niệm ấy phát khởi hành tinh tấn. Do dũng lực của tinh tấn ở trong một niệm, chứng đắc các Tam-muội nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Thấy chư Phật nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Nhận biết thần lực của Phật nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể làm chuyển động các thế giới nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể đi vào các thế giới nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có khả năng soi chiếu các thế giới nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể giáo hóa các chúng sinh nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể trụ thọ số lượng kiếp nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể nhận

biết các sự việc trong các đời quá khứ vị lai, với số lượng kiếp mỗi đời nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể khéo hội nhập vào các pháp môn nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Có thể biến hóa thân nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật. Mỗi mỗi thân có thể thị hiện các Bồ-tát nhiều như số vi trần nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn cõi Phật, dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại, thù thắng, hơn hết, thì nguyện lực của Bồ-tát còn vượt hơn số lượng ấy. Thị hiện vô số các thứ thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh, nơi sự hành hóa, sự trang nghiêm, sự gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp cũng không thể tính biết hết”.

HẾT - QUYỂN 11

LUẬN KINH THẬP ĐỊA

QUYỂN 12

Địa thứ mười: ĐỊA PHÁP VÂN

* **Luận nêu:** Bồ-tát ở trong *Địa thứ chín* đã làm thanh tịnh cõi Phật cùng giáo hóa chúng sinh. Nơi *Địa thứ mười* là tu hành khiến trí giác viên mãn, nên là hơn hẳn. Ở Địa này có 8 phần sai biệt:

1. Nêu phương tiện tạo tác viên mãn nơi Địa.
2. Chứng đắc Tam-muội đầy đủ.
3. Được thọ nhận quả vị.
4. Nhập đại tận.
5. Giải thích tên gọi của Địa.
6. Diệt lực thần thông hữu thượng, vô thượng.
7. Ảnh tượng của Địa.
8. Nêu lợi ích của Địa.

*

1. Thế nào là Nêu phương tiện tạo tác viên mãn nơi Địa?

* **Kinh nói:** “*Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Đây Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được trí vô lượng, trí khéo quán xét như thế, cho đến trí khéo chọn lựa nơi Địa thứ chín của bậc Bồ-tát, khéo hành đầy đủ pháp thanh bạch, tích tập vô lượng pháp trợ đạo, khéo gồm thâu trí tuệ, đại công đức, hành rộng khắp theo tâm đại bi tăng thượng, nhận*

biết đủ khắp về thế giới sai biệt, vào sâu vô số nẻo hành nơi cảnh giới của chúng sinh, nhớ nghĩ, tùy thuận để hội nhập nơi cảnh giới hành của Như Lai, thâm nhập, hướng tới mười lực, bốn vô sở úy của Như Lai, mười tám pháp bất cộng của Phật, gọi là đạt đến trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, thọ nhận quả vị nơi Địa”.

*** Luận nêu:** Ở đây:

Nêu phương tiện tạo tác viên mãn nơi Địa: Tức từ Địa thứ nhất đến Địa thứ chín là trí khéo lựa chọn về hành, nên biết. Như kinh nói: “Này Phật tử! Nếu Bồ-tát đạt được trí vô lượng, trí khéo quán xét như thế, cho đến trí khéo lựa chọn nơi Địa thứ chín của bậc Bồ-tát”.

Trí khéo lựa chọn này có 7 thứ tướng:

(1) Khéo tu hành: Có ba câu. Như kinh nói: “Khéo hành đầy đủ pháp thanh bạch, tích tập vô lượng pháp trợ đạo, khéo gồm thâu trí tuệ, đại công đức”. Các câu ấy thứ lớp cùng giải thích, nên biết.

(2) Tùy thuận đủ khắp về tự lợi, lợi tha. Như kinh nói: “Hành rộng khắp theo tâm đại bi tăng thượng”.

(3) Khiến cõi Phật thanh tịnh. Như kinh nói: “Nhận biết đủ khắp về thế giới sai biệt”.

(4) Giáo hóa chúng sinh. Như kinh nói: “Vào sâu vô số nẻo hành nơi cảnh giới của chúng sinh”.

(5) Khéo thông tỏ. Như kinh nói: “Nhớ nghĩ, tùy thuận để hội nhập nơi cảnh giới hành của Như Lai”.

(6) Không chán đủ. Như kinh nói: “Thâm nhập, hướng tới mười lực, bốn vô sở úy của Như Lai, mười tám pháp bất cộng của Phật”.

(7) Sự hội nhập tận cùng của Địa. Như kinh nói: “Gọi là đạt đến trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, thọ nhận quả vị nơi Địa”.

2. Thế nào là Chứng đắc Tam-muội đầy đủ?

* **Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát tùy thuận hành trì như thế, được nhập vào chỗ thọ nhận quả vị nơi Địa, tức đạt được, gọi là Tam-muội Ly cấu của bậc Bồ-tát luôn hiện tiền, gọi là Tam-muội Nhập pháp giới sai biệt, gọi là Tam-muội Trang nghiêm đạo tràng, gọi là Tam-muội Nhất thiết chủng hoa quang, gọi là Tam-muội Hải tạng, gọi là Tam-muội Hải thành tựu, gọi là Tam-muội Hư không giới quảng, gọi là Tam-muội Thiện trạch nhất thiết pháp tánh, gọi là Tam-muội Tùy nhất thiết chủng sinh tâm hành, gọi là Tam-muội Hiện nhất thiết chư Phật hiện tiền trụ Bồ-tát, luôn đạt hiện tiền. Mười A-tăng-kỳ trăm ngàn môn Tam-muội thượng thủ như vậy, luôn đạt hiện tiền. Bồ-tát ấy thấy đều hội nhập nơi tất cả Tam-muội đó, khéo nhận biết về phương tiện của Tam-muội, cho đến hành trì chánh thọ nơi Tam-muội. Bồ-tát này, nơi mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam-muội, cho đến Tam-muội sau cùng gọi là Trí nhất thiết trí đều thọ nhận quả vị thù thắng nơi Tam-muội của bậc Bồ-tát, luôn đạt hiện tiền*”.

* **Luận nêu:** Chứng đắc Tam-muội đầy đủ: Tức Tam-muội Ly cấu v.v... cùng với quyền thuộc hiện tiền.

Tam-muội Ly cấu: Là lia cấu nhiễm của phiền não.

Mà đạt hiện tiền: Tức không còn tăng thêm dụng công, tự nhiên hiện tiền.

Tam-muội Ly cấu này lại có chín thứ Tam-muội, lia 8 thứ cấu nhiễm, nên biết.

(1) Hội nhập nẻo sâu kín không cấu nhiễm. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Nhập pháp giới sai biệt”.

(2) Tiếp cận không cấu nhiễm. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Trang nghiêm đạo tràng”.

(3) Phóng quang không cấu nhiễm. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Nhất thiết chủng hoa quang”.

(4) Đà-la-ni không cầu nhiễm. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Hải tạng”.

(5) Khởi thân thông không cầu nhiễm. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Hải thành tựu”.

(6) Cõi Phật thanh tịnh, không cầu nhiễm: Có hai câu nói về vô lượng chánh quán. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Hư không giới quảng. Gọi là Tam-muội Thiện trạch nhất thiết pháp tánh”.

(7) Hóa độ chúng sinh không cầu nhiễm. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Tùy nhất thiết chúng sinh tâm hành”.

(8) Chánh giác không cầu nhiễm: Khi thành tựu đạo quả Bồ-đề, hết thấy chư Phật lần lượt cùng hiện tiền, nhận biết. Như kinh nói: “Gọi là Tam-muội Hiện nhất thiết chư Phật hiện tiền trụ Bồ-tát, luôn đạt hiện tiền”.

Cho đến gọi là Trí nhất thiết trí đều thọ nhận quả vị thù thắng nơi Tam-muội của bậc Bồ-tát, luôn đạt hiện tiền: Tức trí Nhất thiết trí không phân biệt, trí Nhất thiết trí bình đẳng thọ nhận quả vị.

Khéo nhận biết về phương tiện của Tam-muội, cho đến hành trì chánh thọ của Tam-muội: Tức chỉ rõ việc hành trì đầy đủ các sự việc của Tam-muội.

*

3. Thế nào là Được thọ nhận quả vị?

* **Kinh nói:** “*Khi các Tam-muội ấy hiện tiền, liền có hoa sen chứa báu lớn xuất hiện, chu vi bao trùm như mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên đại thiên thế giới, hết thấy các thứ báu đều xen kẽ để trang nghiêm, vượt hơn hết thấy mọi cảnh giới của tất cả thế gian, là chỗ phát sinh của căn thiện xuất thế gian, là chỗ tạo thành của cảnh giới hành tánh như huyễn nơi các pháp, ánh sáng tỏa chiếu khắp hết thấy pháp giới, vượt quá các cảnh giới hiện có của chư thiên. Báu*

đại Ma ni, lưu ly làm thân. Chiên đàn vương không thể lường tính làm đài. Báu đại mã não làm tua. Vàng Diêm-phù-đàn làm cánh hoa. Thân hoa có vô số lượng ánh sáng. Tất cả các thứ báu đan xen bên trong, vô lượng màng lưới báu giăng mắc phủ khắp bên trên, dùng số lượng hoa sen nhiều như số vi trần đầy nơi mười Tam thiên đại thiên thế giới làm quyến thuộc. Thành tựu đầy đủ các tướng như vậy rồi, bấy giờ, thân tướng của Bồ-tát an tọa nơi tòa ngòai bằng hoa thù diệp, tương xứng. Bồ-tát ấy, đạt được trí Nhất thiết trí, thọ nhận diệu lực Tam-muội nơi quả vị thù thắng, tức thì thân ở trên tòa ngòai là hoa sen chứa báu lớn. Khi ấy, tại tòa ngòai nơi các hoa sen quyến thuộc của hoa sen chứa báu lớn đều có Bồ-tát an tọa, mỗi mỗi Bồ-tát đều an tọa như thế, vây quanh Bồ-tát kia, mỗi mỗi Bồ-tát đều chứng đắc mười, mười trăm ngàn Tam-muội, đều nhất tâm cung kính chiêm ngưỡng Đại Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Được thọ nhận quả vị: Tức tùy theo những tòa xír nào, tùy theo thân lượng nào, tùy theo những quyến thuộc nào, tùy theo những hình tướng nào, tùy theo các nơi chốn xuất hiện nào, theo chỗ đạt được quả vị. Theo chỗ nêu giảng như thế, có sáu sự việc, nên biết.

Ở đây: Tòa xír (Nơi chốn của tòa ngòai) có **10** thứ tướng:

(1) Tướng sinh khởi. Như kinh nói: “Khi các Tam-muội ấy hiện tiền, liền có hoa sen chứa báu lớn xuất hiện”.

(2) Tướng dung lượng. Như kinh nói: “Chu vi bao trùm như mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên đại thiên thế giới”.

(3) Tướng thù thắng. Như kinh nói: “Hết thảy các thứ báu đều xen kẽ để trang nghiêm”.

(4) Tướng của cõi. Như kinh nói: “Vượt hơn hết thảy mọi cảnh giới của tất cả thế gian”.

(5) Tướng nhân. Như kinh nói: “Là chỗ phát sinh của căn thiện xuất thế gian”.

(6) Tướng hành. Như kinh nói: “Là chỗ tạo thành của cảnh giới hành tánh như huyễn nơi các pháp”.

(7) Tướng Đệ nhất nghĩa. Như kinh nói: “Ánh sáng tỏa chiếu khắp hết thủy pháp giới”. Do khéo tỏa chiếu nên gọi là chánh quán.

(8) Tướng công đức: Là hơn hẳn hết thủy chư Thiên. Như kinh nói: “Vượt quá các cảnh giới hiện có của chư thiên”.

(9) Tướng thể: Tức thân, đài hoa v.v... Như kinh nói: “Báu đại Ma ni, lưu ly làm thân. Chiên đàn vương không thể lường tính làm đài. Báu đại mã não làm tua. Vàng Diêm-phù-đàn làm cánh hoa”.

(10) Tướng trang nghiêm đầy đủ. Như kinh nói: “Thân hoa có vô lượng ánh sáng v.v...”.

Tùy theo thân lượng nào: Tức thân xứng hợp với tòa hoa. Như kinh nói: “Bấy giờ, thân tướng của Bồ-tát an tọa nơi tòa ngòai bằng hoa thù diệu, tương xứng. Bồ-tát ấy, đạt được trí Nhất thiết trí, thọ nhận diệu lực Tam-muội nơi quả vị thù thắng, tức thì thân ở trên tòa ngòai là hoa sen chứa báu lớn”.

Tùy theo những quyền thuộc nào: Tức nơi tòa ngòai này, có các tòa quyền thuộc của hoa sen chứa báu lớn, với các Bồ-tát quyền thuộc trụ ở trong ấy. Như kinh nói: “Khi ấy, tại tòa ngòai nơi các hoa sen quyền thuộc của hoa sen chứa báu lớn đều có Bồ-tát an tọa, mỗi mỗi Bồ-tát đều an tọa như thế, vây quanh Bồ-tát kia, mỗi mỗi Bồ-tát đều chứng đắc mười, mười trăm ngàn Tam-muội, đều nhất tâm cung kính chiêm ngưỡng Đại Bồ-tát”.

*** Kinh nói:** “Bồ-tát ấy, bước lên tòa ngòai là hoa sen chứa báu lớn, cùng với các Bồ-tát quyền thuộc an tọa nơi tòa hoa sen, nhập Tam-muội rồi. Bấy giờ, tất cả thế giới trong mười phương đều chấn động lớn, tất cả các đường ác thủy đều dừng dứt, ánh sáng tỏa chiếu khắp pháp giới, các thế giới thủy đều thanh tịnh, trang nghiêm, đều được thấy nghe tất cả đại hội của chư Phật. Vì sao? Nay Phật tử! Vì

khi Bồ-tát ấy an tọa nơi tòa ngòai là hoa sen chúa báu lớn, tức thì từ nơi bên dưới hai chân phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi, tỏa chiếu khắp vô lượng địa ngục A-tỳ trong mười phương diệt trừ hết thảy khổ não của chúng sinh. Từ nơi hai đầu gối phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu khắp vô lượng cõi Súc sinh nơi mười phương, diệt trừ các thứ khổ não. Từ nơi vùng rốn phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn hào quang, xuất hiện rồi thì soi chiếu khắp vô lượng cõi Nga quý trong mười phương, diệt trừ các thứ khổ não. Từ nơi hai bên hông phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu khắp vô lượng thân người nơi mười phương, diệt trừ các thứ khổ não. Từ hai tay, phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu khắp vô lượng cung điện của chư Thiên, A-tu-la trong mười phương. Nơi hai vai, phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu khắp vô lượng bậc Thanh văn nơi mười phương. Từ nơi cổ, lưng phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu khắp vô lượng thân Phật-bích-chi trong mười phương. Nơi diện môn, phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu đến vô lượng chư Bồ-tát trong mười phương, từ lúc mới phát tâm tới khi đạt được Địa thứ chín. Từ nơi tướng bạch hào, phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu đến vô lượng thân tướng của Bồ-tát đạt được quả vị trong mười phương, trụ nơi thân ấy, khiến cho hết thảy cung Ma đều bị che khuất, không còn hiện bày. Từ nơi đỉnh đầu phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng nhiều như số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu tất cả đại hội của chư Phật trong mười phương, vòng quanh hết thảy thế giới mười vòng, trụ nơi hư không, tạo thành đài vòm lưới ánh sáng lớn, gọi là Ánh sáng cao lớn, thực hiện sự cúng dường lớn để cúng giường chư Phật. Như vậy, sự cúng dường chư vị Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến khi đạt được chín Địa, so với việc cúng dường

chư Phật, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, trăm ngàn na-do-tha phần không bằng một, ức phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức na-do-tha phần không bằng một, cho đến dùng toán số, thí dụ cũng không thể đạt tới. Đài vòm lưới ánh sáng lớn ấy hơn hẳn những thứ vật dụng cúng dường hiện có trong mười phương thế giới như hoa hương, hương bột, hương đốt, hương xoa, hương tán, vòng hoa, y phục, lọng báu, cờ phướn, các thứ báu, chuỗi anh lạc, ngọc báu Ma ni, vượt quá các cảnh giới thế gian, do phát sinh từ căn thiện xuất thế gian. Trên mỗi mỗi đại hội của Phật đều tuôn xuống các thứ báu, giống như trận mưa lớn. Nếu có chúng sinh nào hiểu rõ việc cúng dường như vậy, nên biết các vị ấy đều nhất định không thoái chuyển nơi đại đạo vô thượng. Các thứ ánh sáng thực hiện việc cúng dường lớn như vậy rồi thì tỏa chiếu đến tất cả đại hội của chư Phật trong mười phương, vòng quanh hết thấy các thế giới mười vòng rồi nhập vào dưới chân của chư Phật. Khi ấy, chư Phật cùng các đại Bồ-tát kia đều nhận biết, trong thế giới đó, có Bồ-tát danh hiệu là v.v..., đã hành trì đạo Bồ-tát như vậy, đến lúc thành tựu quả vị nơi địa Bồ-tát. Nay Phật tử! Tức thì vô lượng vô biên chư Bồ-tát trong mười phương, cho đến các Bồ-tát trụ nơi chín Địa, đều vân tập tới vây quanh, bày biện sự cúng dường lớn, nhất tâm chiêm ngưỡng, mỗi mỗi vị đều đạt được mười, mười trăm ngàn Tam-muội. Các Bồ-tát chứng đắc quả vị nơi địa, từ nơi công đức trang nghiêm là chữ Vạn bằng kim cương ở ngực, hiện ra một vùng ánh sáng lớn, gọi là **Hoại ma oán**, có mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng dùng làm quyến thuộc, xuất hiện rồi thì tỏa chiếu đến vô lượng thế giới trong mười phương, hiện rõ vô lượng thân lực, cũng lại nhập vào nơi chữ Vạn bằng kim cương ở ngực, là chón công đức trang nghiêm của đại Bồ-tát ấy. Ánh sáng đó tắt rồi, Bồ-tát ấy tức thì đạt được trăm ngàn công đức trí tuệ của uy lực lớn tăng thượng luôn đạt hiện tiền”.

* **Luận nêu:** *Tùy theo những hình tướng nào:* Tức tướng làm chuyển động tất cả thế giới. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, bước lên tòa ngòai là hoa sen chúa báu lớn v.v... cho đến: Đều được thấy nghe tất cả đại hội của chư Phật”.

Tùy theo các nơi chốn xuất hiện nào: Tức do xuất hiện ánh sáng. Lại nữa, ánh sáng ấy có 3 thứ tạo tác, nên biết: (1) Tạo tác đem lại lợi ích. (2) Tạo tác hiện bày sự hiểu biết. (3) Tạo tác để thâm giữ, hàng phục. Như kinh nói: “Vì sao? Nay Phật tử! Vì khi Bồ-tát ấy an tọa nơi tòa ngòai là hoa sen chúa báu lớn, tức thì từ nơi bên dưới hai chân phóng ra mười A-tăng-kỳ trăm ngàn ánh sáng v.v... cho đến: Công đức trí tuệ của uy lực lớn tăng thượng luôn đạt hiện tiền”.

Nhất định không thoái chuyển nơi đại đạo vô thượng: Là nghĩa quyết định ở trong địa. Lại có nghĩa khác là quyết định không phóng dật, những sự tạo tác đều do tâm quyết định.

Nơi công đức trang nghiêm là chữ Vạn bằng kim cương ở ngực: Tức ở nơi ngực của Bồ-tát có chữ Vạn là tướng công đức trang nghiêm kim cương, gọi là Vô tỉ (Không gì có thể so sánh).

* **Kinh nói:** “*Như vậy, nay Phật tử! Bây giờ, chư Phật từ tướng bạch hào giữa chạng mày phóng ra ánh sáng gọi là Ích nhất thiết trí thông, có A-tăng-kỳ ánh sáng làm quyền thuộc, tỏa chiếu khắp hết thấy thế giới nơi mười phương, không còn sót một chốn nào, vòng quanh tất cả thế giới mười vòng, thị hiện diệu lực nơi đại thần thông của chư Phật, khuyến phát vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, hết thấy cõi nước của chư Phật khắp mười phương đều hiện đủ sáu cách chấn động, diệt trừ hết các thứ khổ não nơi tất cả đường ác, hết thấy cung điện của Ma đều bị che khuất, không còn hiện hữu, chỉ rõ tất cả chư Phật đạt được trụ xứ Bồ-đề, chỉ rõ sự việc trang nghiêm, hiện thần thông nơi hết thấy đại hội của chư Phật, chiếu sáng đến biên vực của tất cả pháp giới, hư không giới, tận cùng các thế giới rồi trở lại tập hợp bên trên đại hội của hết thấy Bồ-tát, lớp lớp vây quanh,*

chỉ rõ các sự việc trang nghiêm của ánh sáng nơi đại thân thông. Ánh sáng ấy nhập vào đỉnh đầu của Đại Bồ-tát kia, còn các ánh sáng quyền thuộc thì nhập vào đỉnh đầu của các Bồ-tát an tọa nơi tòa ngồi là các hoa sen quyền thuộc. Lúc ánh sáng nhập vào thân tướng của Bồ-tát ấy, thì các vị Bồ-tát kia đều đạt được mười, mười trăm ngàn Tam-muội khi trước chưa đạt. Các thứ ánh sáng kia, trong một lúc nhập vào đỉnh đầu của các Bồ-tát này, thì chư vị được gọi là chứng đắc quả vị, hội nhập cảnh giới của chư Phật, gồm đủ mười lực của Như Lai, trụ vào số lượng của Phật.

Này Phật tử! Ví như trưởng tử của Chuyển luân Thánh vương, do Ngọc nữ báu sinh ra, đầy đủ vương tướng. Chuyển luân Thánh vương khiến con mình ngồi yên tại tòa ngồi bằng vật báu Diêm-phù-đàn kim nơi lưng voi trắng, dùng nước nơi bốn biển lớn, bên trên giăng bày các vòm lưới, lọng báu, phướn báu, cờ hoa, vô số các thứ trang nghiêm, tay cầm chum vàng đựng đầy nước thơm, rưới lên đỉnh đầu con trai, tức được gọi là Sát Lợi Vương Số Quán đánh, đầy đủ sự chuyển hóa mười đạo thiện, được gọi là Chuyển luân Thánh vương. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, từ các Đức Như Lai, được thọ nhận quả vị rồi, gọi là đạt trí vị, gồm đủ mười lực, trụ nơi số lượng Phật.

Này Phật tử! Đó gọi là quả vị nơi Địa Đại thừa của Bồ-tát. Để đạt được quả vị ấy, Bồ-tát đã thọ nhận, hành trì vô lượng trăm ngàn vạn ức sự việc khổ, khó. Bồ-tát ấy đạt được quả vị đó rồi, vô lượng công đức trí tuệ đều chuyển tăng, gọi là an trụ nơi Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát”.

* **Luận nêu:** Theo chỗ đạt được quả vị: Tức ánh sáng của Như Lai, Bồ-tát kia lần lượt cùng nhận biết, thâm giữ bình đẳng. Như kinh nói: “Như vậy, này Phật tử! Bây giờ, chư Phật từ tướng bạch hào giữa chạng mây phóng ra ánh sáng gọi là Ích nhất thiết trí thông v.v...”.

Thế nào là đạt được ngôi vị như trưởng tử của Chuyển luân Thánh vương? Như kinh nói: “Ví như trưởng tử của Chuyển luân Thánh vương v.v...”.

Bồ-tát ấy, lúc cùng đạt được quả vị, gọi là khéo an trụ trong Địa ấy. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy đạt được quả vị đó rồi, vô lượng công đức trí tuệ đều chuyên tăng, gọi là an trụ nơi Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát”.

*

4. Thế nào là Nhập đại tận? Phần này có 5 thứ:

a. Trí lớn.

b. Giải thoát lớn.

c. Tam-muội lớn.

d. Đà-la-ni lớn.

đ. Thần thông lớn.

Sự việc ấy dựa nơi 5 thứ nghĩa để phân biệt:

a. Dựa nơi nghĩa trí thật chánh giác.

b. Dựa nơi nghĩa tâm tự tại.

c. Dựa nơi nghĩa phát tâm tức thành tựu tất cả sự việc.

d. Dựa nơi nghĩa thuận theo việc tạo lợi ích cho chúng sinh nơi tất cả thế gian.

đ. Dựa nơi nghĩa có thể nhận lãnh việc hóa độ chúng sinh.

a. Thế nào là trí lớn?

** Kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát, nhận biết đúng như thật về tập nơi ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Nhận biết đúng như thật về tập của chúng sinh giới, thức giới, hữu vi giới, vô vi giới, hư không giới, pháp giới. Nhận biết đúng như thật về tập của Niết-bàn giới. Nhận biết đúng như thật về tập nơi cảnh giới của các phiền não, tà kiến, về tập của thế giới thành hoại, về tập nơi hành của hàng Nhị thừa, về tập nơi hành của Bồ-tát, về tập của pháp thân, sắc thân Phật, mười lực, bốn vô sở úy, mười tám*

pháp bất cộng của Phật, về tập của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, về tập của việc chứng đắc Bồ-đề, chuyển pháp luân thị hiện diệt độ, lược nói cho đến nhận biết đúng như thật về tập của sự hội nhập tất cả pháp thành tựu trí sai biệt.

Bồ-tát ấy, dùng trí như vậy thông đạt tuệ thù thắng, nhận biết đúng như thật về các nẻo hóa của nghiệp nơi chúng sinh, của phiền não, của kiến giải, của thế giới, của pháp giới, của hàng Nhị thừa, của Bồ-tát, của Như Lai. Nhận biết đúng như thật về nẻo hóa của tất cả phân biệt không phân biệt.

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tính chất gia trì của Phật lực, của Pháp, Tăng, nghiệp, phiền não, thời, nguyện, cúng dường, hành, kiếp, trí.

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập vi tế hiện có của chư Phật, đó là trí nhập vi tế của hành, trí nhập vi tế thoái chuyển, trí nhập vi tế vào thai, sinh ra, chuyển tăng tiến xuất gia, chứng đắc Bồ-đề, chuyển pháp luân, thọ mạng, thị hiện Bát Niết-bàn. Nhận biết đúng như thật về trí nhập vi tế của pháp trụ lâu dài.

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về mật xứ hiện có của chư Phật, đó là mật xứ nơi thân khẩu ý, mật xứ nơi sự trừ lượng đúng thời, phi thời, mật xứ nơi việc thọ ký cho Bồ-tát, mật xứ nơi việc thấu phục dẫn dắt chúng sinh, mật xứ nơi sự hành hóa vô số thứ loại, mật xứ của tất cả căn hành sai biệt, mật xứ của sự tạo tác do sự tin tưởng như thật. Nhận biết đúng như thật về mật xứ nơi sự hành trì chứng đắc Bồ-đề.

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập kiếp hiện có của chư Phật, đó là một kiếp nhập nơi A-tăng-kỳ kiếp, A-tăng-kỳ kiếp nhập nơi một kiếp, hữu số kiếp nhập nơi vô số kiếp, vô số kiếp nhập nơi hữu số kiếp, một niệm kiếp nhập nơi vô lượng kiếp, vô lượng kiếp nhập nơi một niệm kiếp, kiếp nhập nơi phi kiếp, phi kiếp nhập nơi

kiếp, kiếp có Phật nhập nơi kiếp không Phật, kiếp không Phật nhập nơi kiếp có Phật, kiếp có Phật nhập nơi kiếp có Phật, kiếp không Phật nhập nơi kiếp không Phật, kiếp quá khứ vị lai nhập nơi kiếp hiện tại, kiếp hiện tại nhập nơi kiếp quá khứ vị lai, kiếp vị lai quá khứ nhập nơi kiếp hiện tại, kiếp hiện tại nhập nơi kiếp vị lai quá khứ, kiếp dài nhập nơi kiếp ngắn, kiếp ngắn nhập nơi kiếp dài, kiếp ngắn nhập nơi kiếp ngắn, kiếp dài nhập nơi kiếp dài, tướng của tất cả kiếp cùng nhập.

Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập hiện có của chư Phật, đó là trí nhập nơi nẻo phạm phu, trí nhập nơi vi trần, trí Bồ-đề nhập nơi thân cõi nước, trí Bồ-đề nhập nơi thân tâm chúng sinh, trí Bồ-đề nhập nơi tất cả xứ tùy thuộc, trí thị hiện nhập nơi hành loạn động, trí thị hiện nhập nơi hành thuận hợp, trí thị hiện nhập nơi hành nghịch đối, trí nhập nơi nghĩ bàn không nghĩ bàn, trí nhập nơi thế gian xuất thế gian, trí hành thị hiện, trí nhập nơi Thanh văn, trí nhập nơi Phật-bích-chi, trí Bồ-tát, trí Như Lai hành trì.

Này Phật tử! Trí tuệ của chư Phật rộng lớn vô lượng vô biên như vậy, Bồ-tát trụ nơi Địa này tức có thể được nhập nơi trí tuệ như thế”.

*** Luận nêu:** Về trí lớn: Lại có 7 thứ:

- (1) Trí tập lớn.
- (2) Trí ứng hóa lớn.
- (3) Trí gia trì lớn.
- (4) Trí nhập vi tế lớn.
- (5) Trí mật xứ lớn.
- (6) Trí nhập kiếp lớn.
- (7) Trí nhập đạo lớn.

Trong đó: *Thứ nhất:* Dựa nơi diệu lực có thể đoạn trừ nghi. *Thứ hai:* Dựa nơi diệu lực phát khởi thân kia. *Thứ ba:* Dựa nơi diệu lực của hành chuyển như vậy như vậy. *Thứ tư:* Dựa nơi sự tạo tác của trí

bất nhị khéo tích tập, gia trì ứng hóa của Bồ-tát. *Thứ năm*: Dựa nơi sự hộ trì chúng sinh căn tánh chưa thành thực không khiến kinh sợ. *Thứ sáu*: Dựa nơi sự gia trì hành mạng ý xả bỏ tự tại. *Thứ bảy*: Dựa nơi ý đối trị để nêu giảng.

Trí tập: Là trí tích tập nhân duyên. Trí ấy lại tùy nơi phần nhiệm hiện có, hoặc tịnh, hoặc vắng lặng. Tùy theo nơi chốn của ba cõi hiện có. Tùy nơi chúng sinh hiện có. Tùy nơi tâm nhiệm, tịnh v.v... Tùy nơi pháp hữu vi, pháp vô vi hiện có, nhận biết không nhận biết. Tùy nơi xứ, hư không hiện có. Tùy chỗ thuyết giảng pháp đúng, không đúng. Tùy chỗ chúng đắc không chúng đắc, tức đối với Niết-bàn. Tùy chỗ tà kiến vượt quá ngoại đạo khác, không thể chúng đạt. Tùy nơi khí thể gian thành hoại hiện có. Tùy nơi ba Thừa hiện có. Trí ấy tích tập các thứ sai biệt. Như kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát, nhận biết đúng như thật về Tập của ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc v.v...”.

Trí ứng hóa: Tức sự sai biệt theo chỗ ứng hóa nơi chúng sinh. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, dùng trí như vậy thông đạt tuệ thù thắng v.v...”.

Nền hóa của phiền não tạo tác kiến chấp: Tức thị hiện sự ứng hóa phiền não cấu nhiễm tạo kiến chấp.

Pháp giới hóa: Tức nền hành của giáo pháp được giảng nói. Sự ứng hóa về tất cả thứ phân biệt không phân biệt, đều nhận biết đúng như thật.

Trí gia trì: Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về tính chất gia trì của Phật lực v.v... cho đến: Nhận biết đúng như thật về trí trì”. Trí trì: Tức trí Nhất thiết trí. Trí này có thể tạo tất cả sự việc.

Trí nhập vi tế: Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập vi tế hiện có của chư Phật v.v...”. Phần tán (Chuyển tăng tiến): Tức hiện hành bảy bước đi.

Trí mật xứ: Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về mật xứ hiện có của chư Phật v.v...”.

Trí nhập kiếp: Đó là vào kiếp. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập kiếp hiện có của chư Phật v.v...”. Nhập tức bình đẳng giải thoát nơi tất cả kiếp, lần lượt cùng hội nhập.

Trí nhập đạo: Tức dựa nơi hàng phàm phu, dựa nơi người hành ngã mạn, dựa nơi người tin cầu sinh thiên, dựa nơi giác quán. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, nhận biết đúng như thật về trí nhập hiện có của chư Phật v.v...”.

b. Thế nào là giải thoát lớn?

*** Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát ấy, thông đạt về nẻo hành của Địa này như thế được gọi là Bồ-tát đạt môn giải thoát không thể nghĩ bàn, giải thoát không chướng ngại, giải thoát của trí thanh tịnh sai biệt, giải thoát của ánh sáng tỏa rộng khắp chốn, giải thoát của Như Lai tạng, giải thoát thuận theo luân không thoái chuyển, giải thoát nơi sự hội nhập thông đạt về ba đời, giải thoát nơi pháp giới tạng, giải thoát nơi vàng hào quang giải thoát, gọi là Bồ-tát đạt được giải thoát trọn vẹn nơi tất cả cảnh giới.*

Này Phật tử! Bồ-tát ấy là vị đứng đầu nơi mười môn giải thoát của bậc Bồ-tát, chứng đắc vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ môn giải thoát của bậc Bồ-tát như thế, đều ở trong Địa thứ mười của bậc Bồ-tát mà đạt được, cho đến vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Tam-muội, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Đà-la-ni, vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ thần thông, cũng lại như vậy”.

*** Luận nêu:** Giải thoát lớn: Có 10 thứ:

(1) Dựa nơi cảnh giới của thần thông. Như kinh nói: “*Này Phật tử! Bồ-tát ấy, thông đạt về nẻo hành của Địa này như thế được gọi là Bồ-tát đạt môn giải thoát không thể nghĩ bàn*”.

(2) Có thể đi đến vô lượng thế giới với nguyện, trí vô ngại. Như kinh nói: “Giải thoát không chướng ngại”.

(3) Nhận biết về các bậc hữu học, vô học, thế gian, xuất thế gian, các bậc thuộc hàng Nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai với trí giải thoát. Như kinh nói: “Giải thoát của trí thanh tịnh sai biệt”.

(4) Theo ý chuyên sự. Như kinh nói: “Giải thoát của ánh sáng tỏa rộng khắp chốn”.

(5) Đà-la-ni về pháp. Như kinh nói: “Giải thoát của Như Lai tạng”.

(6) Có thể phá trừ ngôn thuyết người khác. Như kinh nói: “Giải thoát thuận theo luân không thoái chuyển”.

(7) Tùy ý trụ trì nơi kiếp trong ba đời. Như kinh nói: “Giải thoát nơi sự hội nhập thông đạt về ba đời”.

(8) Đạt trí tích tập nhân duyên nơi tất cả pháp, tất cả chủng loại. Như kinh nói: “Giải thoát nơi pháp giới tạng”.

(9) Ánh sáng không lìa thân, có thể tỏa chiếu khắp. Như kinh nói: “Giải thoát nơi vàng hào quang giải thoát”.

(10) Dựa vào sự nhận biết về tâm của các chúng sinh nơi vô lượng thế giới trong một lúc. Như kinh nói: “Gọi là Bồ-tát đạt được giải thoát trọn vẹn nơi tất cả cảnh giới”.

c. Tam-muội lớn: Như kinh nói: “Cho đến vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Tam-muội”.

d. Đà-la-ni lớn: Như kinh nói: “Vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ Đà-la-ni”.

đ. Thần thông lớn: Như kinh nói: “Vô lượng vô biên trăm ngàn vạn A-tăng-kỳ thần thông, cũng lại như vậy”.

5. Thế nào là Giải thích tên gọi của Địa?

* **Kinh nói:** “*Bồ-tát ấy, trí tuệ thông đạt như vậy, tùy thuận nơi Bồ-đề, thành tựu trọn vẹn phương tiện của vô lượng niệm lực.*

Bồ-tát ấy, ở nơi vô lượng trụ xứ của Phật khắp mười phương, nơi vô lượng pháp minh lớn, nơi vô lượng pháp tòa chiếu lớn, nơi vô lượng pháp tuôn mưa lớn, trong khoảng một niệm đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ.

Này Phật tử! Ví như mây của biển Sa-già-la tuôn xuống trận mưa lớn, thì lượng nước ấy, các vùng đất khác không thể thọ nhận, dung nạp, tư duy, gìn giữ, chỉ trừ nơi biển cả. Như vậy, này Phật tử! Tất cả nơi chốn bí mật của Như Lai, đó là pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, thì hết thấy chúng sinh kia, hết thấy hàng Nhị thừa đều không thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ. Chỉ có Bồ-tát trụ nơi Địa Pháp Vân này mới có thể hoàn thành các sự việc trên.

Này Phật tử! Ví như nơi biển cả, một Đại Long vương dấy lên mây lớn, tuôn mưa, thì lượng nước ấy, biển cả thấy đều có thể thọ nhận, dung nạp, suy xét, gìn giữ. Nếu hai, hoặc ba, bốn, năm, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc một trăm Long vương, hoặc ngàn, vạn, ức, hoặc trăm ức, ngàn ức, trăm ngàn ức na-do-tha Long vương, cho đến vô lượng vô biên không thể nêu bày hết, số lượng Đại Long vương như thế, cùng dấy khởi mây lớn, tuôn mưa, trong một niệm, một lúc, tuôn nước xuống thì biển cả thấy đều có thể thọ nhận, dung nạp, suy xét, gìn giữ. Vì sao? Vì biển cả là vật chứa rộng lớn vô lượng. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trụ trong Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, nơi trụ xứ của một Đức Phật, với các pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, thấy đều có khả năng thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ. Hoặc hai, ba, bốn, năm, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, hoặc một trăm chư Phật, hoặc ngàn, hoặc vạn, ức, trăm ức, ngàn ức, trăm

ngàn ức na-do-tha chư Phật, cho đến vô lượng vô biên trụ xứ của chư Phật không thể tính kể, với các pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, trong khoảng một niệm, Bồ-tát trụ nơi Địa Pháp Vân thấy đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ. Do đấy Địa này gọi là Địa Pháp Vân.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói: Này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Pháp Vân này, ở nơi bao nhiêu trụ xứ của Phật, với các pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, trong khoảng một niệm, thấy đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Pháp Vân này, ở nơi trụ xứ của Phật không thể tính, không thể nêu bày, với các pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, trong khoảng một niệm, thấy đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ.

Này Phật tử! Ví như các thế giới, số lượng nhiều như số vi trần nơi trăm ngàn vạn ức na-do-tha không thể tính kể cõi Phật hiện có khắp mười phương, ở đấy, với các chúng sinh hiện có, trong số lượng các chúng sinh kia, có một chúng sinh đạt được pháp Đà-la-ni văn trì, hoàn toàn vì Phật mà thọ trì, thì đó là bậc Thanh văn tối đại, đạt được pháp Đà-la-ni văn trì thứ nhất. Ví như nơi Đức Phật Kim Cang Liên Hoa Thượng, có vị Tỳ-kheo tên là Đại Thắng là người đạt pháp Đà-la-ni văn trì thứ nhất. Một chúng sinh kia thành tựu diệu lực nơi pháp Đà-la-ni văn trì như thế, thì các chúng sinh hiện có nơi tất cả thế giới còn lại đều cũng thành tựu diệu lực nơi pháp Đà-la-ni văn trì như vậy. Một người thọ nhận pháp, người thứ hai thọ nhận pháp không trùng lặp. Như thế, tất cả mỗi mỗi chúng sinh đều thọ nhận pháp không giống nhau. Này Phật tử! Ý ông nghĩ sao? Hết thấy các chúng sinh kia với diệu lực nơi pháp Đà-la-ni văn trì đã được thọ nhận ấy, nên xem là nhiều chăng?

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt đáp: Thưa Phật tử! Như thế là rất nhiều, là vô lượng.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Nay Phật tử! Tôi nay sẽ vì ông mà nói rõ. Bồ-tát ấy an trụ nơi Địa Pháp Vân này, trong khoảng một niệm ở nơi trụ xứ của một Đức Phật tên là Tam Thế Pháp Giới Tạng, với các pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, thấy đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ. Pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn kia, đều tạo phương tiện thọ trì, như trên nói. Hết thấy chúng sinh đạt được diệu lực của pháp Đà-la-ni văn trì, so với Bồ-tát này thì trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn phần không bằng một, trăm ngàn na-do-tha phần không bằng một. Ưc phần không bằng một, trăm ức phần không bằng một, ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, trăm ngàn ức na-do-tha phần không bằng một, cho đến dùng toán số, thí dụ cũng không thể nói hết. Như nơi một trụ xứ của Phật đã nói trên, trụ xứ của chư Phật nhiều như số vi trần của mười phương thế giới. Lại vượt hơi số lượng ấy, là vô lượng vô biên trụ xứ của chư Phật, gọi là Tam Thế Pháp Giới Tạng, với các pháp minh lớn, pháp tòa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, trong khoảng một niệm, Bồ-tát ấy thấy đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ. Do đó Địa này gọi là Địa Pháp Vân.

Lại nữa, nay Phật tử! Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Pháp Vân này, từ nơi nguyện lực của chính mình, khởi mây từ bi lớn, làm chấn động với tiếng sám pháp lớn, lấy sự thông sáng, vô úy làm ánh chớp rực rỡ, dùng ánh sáng của trí tuệ lớn làm ngọn gió thổi nhanh, dùng căn thiện của phước đức lớn làm đám mây dày đặc, hiện bày vô số thứ sắc thân làm vàng mây nhiều màu sắc, thuyết giảng về trận mưa chánh pháp phá trừ các thứ ma oán, trong khoảng một niệm, như trước đã nói, số lượng vi trần hiện có nơi các thế giới, trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới như vậy thấy đều giảng phủ khắp. Lại vượt hơn số lượng ấy, tức vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới cũng đều giảng phủ khắp, tuôn xuống trận mưa pháp cam lồ lớn là căn thiện, diệt trừ bao thứ lửa nơi tâm chúng sinh theo đây đã

ưa thích vô minh, dấy khởi phiền não bụi bặm. Vì thế Địa này mang tên là Địa Pháp Vân.

Lại nữa, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, ở trong một thế giới, từ cõi trời Đâu-suất giáng thân, vào thai, ở nơi thai, sinh ra, xuất gia, chứng đắc Phật đạo, tỉnh chuyển pháp luân, thị hiện Đại Niết-bàn, tất cả Phật sự tùy chỗ hóa độ chúng sinh, đạt được trí tự tại. Hoặc nơi ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến như trước đã nêu, các thế giới nhiều như số vi trần. Lại vượt hơn số lượng ấy, tức trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ thế giới, từ cõi trời Đâu-suất giáng thân, cho đến thị hiện Đại Niết-bàn, tất cả Phật sự đều tùy chỗ hóa độ chúng sinh đạt được trí tự tại”.

*** Luận nêu:** Giải thích tên gọi của Địa: Có 3 thứ:

(1) Pháp tương tự như mây: Do giăng phủ khắp. Trong Địa này, lãnh hội pháp tương tự, như thân hư không trùm khắp.

(2) Pháp tương tự như diệt trừ bụi bặm cấu uế: Pháp này có thể diệt trừ phiền não cấu nhiễm của chúng sinh.

(3) Hóa độ chúng sinh, từ cõi trời Đâu-suất giáng thân, cho đến thị hiện Đại Niết-bàn. Dần dần hóa độ chúng sinh, như đám mây lớn tuôn mưa, sinh thành tất cả mầm non cho cây cỏ sự vật.

Thành tựu rốt ráo phương tiện của vô lượng niệm lực: Là nói gần về sự thọ trì nuôi dưỡng. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, trí tuệ thông đạt như vậy, tùy thuận nơi Bồ-đề, thành tựu trọn vẹn phương tiện của vô lượng niệm lực”. Lại có thể thọ trì rất nhiều sự vi diệu bí mật, thọ trì nhanh chóng. Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, ở nơi vô lượng trụ xứ của Phật khắp mười phương, nơi vô lượng pháp minh lớn, nơi vô lượng pháp tỏa chiếu lớn, nơi vô lượng pháp tuôn mưa lớn, trong khoảng một niệm đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ”.

Vô lượng trụ xứ của Phật, vô lượng pháp minh lớn: Là nói về số lượng rất nhiều nơi việc hội nhập xứ bí mật, vi diệu của Như Lai.

Trong khoảng một niệm: Là thọ nhận nhanh chóng.

Lãnh hội pháp: Tức chỉ rõ về hai sự việc: Là tánh, là tạo tác. Thế nào là tánh? Tức ánh sáng của pháp lớn, trí văn, tự thân nhận. Pháp tỏa chiếu lớn thì trí tu tuệ thân nhận. Thế nào là tạo tác? Tức là pháp tuôn mưa lớn. Như đám mây lớn cùng với trận mưa pháp lớn khác, trong đó phát khởi sự tin tưởng.

Nói thọ nhận: Là thọ nhận chỗ thuyết giảng về câu chữ.

Gánh vác: Là có khả năng chọn lấy nghĩa.

Tư duy: Là Bồ-tát thân nhận hai sự việc trên không để mất.

Giữ gìn: Tức cũng như biển cả, do không ô trược.

Nói thọ nhận: Là có khả năng thọ nhận tất cả nước.

Gánh vác: Tức các thứ nước khác luôn chảy vào đều mất tên gọi gốc.

Tư duy: Là dùng không thể hết.

Giữ gìn: Nên biết. Như kinh nói: “Tên là Tam Thế Pháp Giới Tạng, với các pháp minh lớn, pháp tỏa chiếu lớn, pháp tuôn mưa lớn, thủy đều có thể thọ nhận, gánh vác, tư duy, gìn giữ v.v... cho đến: Do đó Địa này mang tên là Địa Pháp Vân”.

Tên là Tam Thế Pháp Giới Tạng: Tức ở trong pháp giới, thân giữ ba thứ sự việc. Các thí dụ về mây, sấm, chớp, đối chiếu với pháp tương tợ nên biết. Như kinh nói: “Lại nữa, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa Pháp Vân này, từ nơi nguyện lực của chính mình v.v... cho đến: Vì thế Địa này mang tên là Địa Pháp Vân”.

Dùng ánh sáng của trí tuệ lớn làm ngọn gió thổi nhanh: Là pháp tương tợ nơi gió.

Hiện bày vô số thứ sắc thân: Là tùy nơi thế gian với vô số các loại thân xoay chuyển, là pháp tương tợ nơi mây nhiều màu sắc.

*Thuyết giảng về trận mưa chánh pháp phá trừ các thứ ma oán:
Là pháp tương tự về mưa.*

*

6. Thế nào là Diệu lực thần thông hữu thượng, vô thượng?

** Kinh nói: “Bồ-tát ấy, trụ tại Địa này, ở trong trí tuệ đạt được diệu lực tự tại hơn hết, khéo chọn lấy đại trí thông, tùy theo chỗ nhớ nghĩ của tâm, hoặc dùng cõi nước hẹp làm cõi nước rộng, cõi nước rộng làm cõi nước hẹp.*

Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng cõi nước cấu uế làm cõi nước thanh tịnh, cõi nước thanh tịnh làm cõi nước cấu uế. Nơi vô lượng tất cả thế giới loạn trụ, đảo trụ, chánh trụ rộng lớn như vậy, do diệu lực tự tại, nên vô số thứ loại ấy đều có thể thành tựu.

Bồ-tát ấy, lại tùy theo tâm niệm, hoặc ở trong một vi trần thị hiện một thế giới, có đủ hết thảy núi Thiết-vi v.v..., nhưng vi trần kia không tăng trưởng. Hoặc hai, ba, bốn, năm. Hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi. Hoặc trăm, ngàn, vạn, ức, hoặc trăm ức, ngàn ức, hoặc trăm ngàn ức, hoặc trăm ngàn ức na-do-tha thế giới, cho đến số lượng thế giới không thể nói, không thể nêu bày hết, đều có đủ tất cả núi Thiết-vi v.v... đều nhập vào trong một vi trần, nhưng vi trần đó cũng không tăng trưởng.

Bồ-tát ấy, lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng sự việc của một thế giới trang nghiêm, thị hiện hai thế giới. Hoặc dùng sự việc của một thế giới trang nghiêm, cho đến thị hiện vô lượng thế giới không thể nêu bày, không thể nói hết. Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng sự việc của hai thế giới trang nghiêm, thị hiện một thế giới, cho đến hoặc dùng sự việc của vô lượng không thể nói, không thể nêu hết thế giới trang nghiêm, thị hiện một thế giới. Lại tùy theo tâm niệm, cho đến hoặc đem số lượng chúng sinh trong vô lượng không thể nêu không thể nói thế giới, đặt trong một thế giới, nhưng các chúng sinh đó đều

không sợ hãi, không hay không biết. Lại tùy theo tâm niệm, hoặc đem chúng sinh trong một thế giới, cho đến đặt trong vô lượng không thể nêu không thể nói thế giới, mà các chúng sinh đó cũng không sợ hãi, không hay không biết.

Lại tùy theo tâm niệm, hoặc nơi một sợi lông thị hiện sự việc của tất cả cảnh giới Phật trang nghiêm. Lại tùy theo tâm niệm, cho đến hoặc dùng sự việc của vô lượng không thể nêu không thể nói hết tất cả cảnh giới Phật trang nghiêm, thị hiện nơi một sợi lông.

Lại tùy theo tâm niệm, trong khoảng một niệm, thị hiện các thân tướng nhiều như số vi trần trong vô lượng không thể nêu không thể nói thế giới. Trong mỗi mỗi thân thị hiện số lượng tay nhiều như số vi trần như đã nêu. Dùng các tay ấy, với tâm ân cần cúng dường chư Phật nơi mười phương. Dùng mỗi mỗi tay mang lấy hằng hà sa số các giỏ hoa tung rải cúng dường chư Phật. Giỏ hoa như thế, các thứ vòng hoa, hương bột, hương xoa, hương xông, y phục, lọng báu, cờ hoa, phướn hoa, tất cả sự trang nghiêm cũng lại như vậy.

Nơi mỗi mỗi thân thị hiện các đầu nhiều như số vi trần đã nói. Trong mỗi mỗi đầu thị hiện các lưỡi nhiều như số vi trần đã nêu. Dùng các lưỡi ấy, tán thán về công đức của chư Phật. Các sự việc như vậy, ở trong mỗi mỗi niệm, đều hiện bày đủ khắp mười phương. Ở trong mỗi mỗi niệm thị hiện vô lượng thế giới đạt được Bồ-đề, cho đến thị hiện Đại Niết-bàn, trụ trì trang nghiêm.

Ở nơi ba đời, thị hiện vô lượng thân. Trong tự thân thị hiện có vô lượng chư Phật. Thị hiện sự việc của vô lượng thế giới Phật trang nghiêm. Cũng thị hiện sự việc của thế giới thành, hoại. Hoặc ở nơi một lỗ chân lông của tự thân phát ra tất cả “Phong tai”, nhưng không nào hại chúng sinh. Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng vô lượng vô biên thế giới làm nước của một biển. Trong nước của biển này, tạo ra hoa sen lớn, ánh sáng trang nghiêm trùm khắp vô lượng vô biên thế

giới, ở đây, thị hiện cây Bồ-đề lớn với sự việc trang nghiêm vi diệu, cho đến thị hiện trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí.

Hoặc nơi tự thân thị hiện ngọc báu Ma ni, ánh sáng tỏa khắp mười phương cùng ánh sáng của sấm chớp, mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v..., cho đến các thứ ánh sáng của tất cả thế giới, đều từ nơi thân hiện bày. Dùng miệng hà hơi, có thể làm chuyển động vô lượng thế giới trong mười phương, nhưng không khiến cho chúng sinh có ý tưởng sợ hãi. Thị hiện thế giới nơi mười phương với kiếp phong tai dụt, đến kiếp hỏa tai dụt, kiếp thủy tai dụt. Tùy theo vô số thứ loại tâm niệm của tất cả chúng sinh tức ứng hiện sắc thân trang nghiêm để thành tựu. Hoặc dùng tự thân tạo ra thân Như Lai, dùng thân Như Lai tạo ra tự thân. Dùng thân Như Lai tạo ra cõi nước của chính mình, dùng cõi Phật của chính mình tạo ra thân Như Lai.

Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trụ trong Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát này, hiện bày thân biến như vậy. Lại vượt hơn ở đây, còn có vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha thân thông, chỉ rõ sự trang nghiêm, tự tại”.

*** Luận nêu:** Diệu lực thần thông hữu thượng, vô thượng: Có 6 thứ tướng, nên biết:

- a. Dựa bên trong.
- b. Dựa bên ngoài.
- c. Tự tướng.
- d. Tạo trụ trì.
- đ. Khiến hoan hỷ.
- e. Thù thắng lớn.

Diệu lực thần thông hữu thượng: Là so sánh đối với diệu lực thần thông của Như Lai.

Diệu lực thần thông vô thượng: Là so sánh đối với diệu lực thần thông của người khác.

a. Dựa nơi bên trong: Có 4 thứ:

- (1) Giải thoát không nghĩ bàn.
- (2) Tam-muội.
- (3) Khởi trí nơi Đà-la-ni.
- (4) Thần thông.

Như đã nói ở trước.

b. Dựa nơi bên ngoài: Là sự việc bên ngoài nơi Địa. Lại có sự việc bên ngoài nơi tự thân, tha thân.

c. Tự tướng: Có 2 thứ:

- (1) Chuyển nơi sự việc bên ngoài.
- (2) Tự thân ứng hóa v.v...

Chuyển lại có ba thứ:

- (a) Chuyển lược, rộng.
- (b) Chuyển nơi sự việc khác lạ.

(c) Chuyển tự tại, có thể tạo ra vô số trang nghiêm cho tất cả chúng sinh.

Thế nào là chuyển lược, rộng? Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, trụ tại Địa này, ở trong trí tuệ đạt được diệu lực tự tại hơn hết, khéo chọn lấy đại trí thông, tùy theo chỗ nhớ nghĩ của tâm, hoặc dùng cõi nước hẹp làm cõi nước rộng, cõi nước rộng làm cõi nước hẹp”.

Thế nào là chuyển nơi sự việc khác lạ? Như kinh nói: “Lại tùy theo tâm niệm, hoặc dùng cõi nước cấu uế làm cõi nước thanh tịnh, cõi nước thanh tịnh làm cõi nước cấu uế v.v...”.

Thế nào là chuyển tự tại? Như kinh nói: “Bồ-tát ấy, lại tùy theo tâm niệm, hoặc ở trong một vi trần thị hiện một thế giới v.v...”.

Tự thân ứng hóa v.v...: Như kinh nói: “Lại tùy theo tâm niệm, hoặc nơi một sợi lông thị hiện sự việc của tất cả cảnh giới Phật trang nghiêm v.v...”.

d. Tạo trụ trì: Tức là thành tựu môn cúng dường, tích tập các pháp trợ Bồ-đề. Như kinh nói: “Lại tùy theo tâm niệm, trong khoảng một niệm, thị hiện các thân tướng nhiều như số vi trần trong vô lượng không thể nêu không thể nói thế giới v.v...”.

đ. Thế nào là khiến hoan hỷ?

*** Kinh nói:** “*Bấy giờ, trong pháp hội, tất cả chúng Bồ-tát cùng với hết thấy tám bộ chúng hộ pháp, bốn Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la chủ cõi trời Tịnh cư v.v... đều suy nghĩ: Nếu thần thông, trí lực của Bồ-tát có thể như thế, thì vô lượng vô biên Phật lại như thế nào?*

Khi ấy, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, nhận biết tâm niệm của các đại chúng rồi, bèn hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thưa Phật tử! Hiện nay các đại chúng nghe nói về trí lực, thần thông của Bồ-tát ấy, đều rơi vào chỗ nghi hoặc. Vì đoạn trừ tâm nghi ngờ này, xin thị hiện một ít sự việc vi diệu trang nghiêm nơi diệu lực thần thông của Bồ-tát.

Bồ-tát Kim Cang Tạng, lúc này, liền nhập Tam-muội Nhất Thiết Phật Quốc Thế Tánh Bồ-tát. Khi Bồ-tát Kim Cang Tạng nhập Tam-muội ấy, thì hết thấy chúng Bồ-tát kia cùng tất cả tám bộ chúng hộ pháp, bốn Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la chủ cõi trời Tịnh cư v.v... đều tự thấy thân mình nhập vào trong thân Bồ-tát Kim Cang Tạng. Ở trong thân ấy thấy rõ cõi nước của Phật. Nơi cõi nước đó gồm đủ các hình tướng trang nghiêm, các sự việc kỳ diệu, dù trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp nêu bày cũng không thể hết. Tại đây có cây đạo tràng, thân cây chu vi mười vạn Tam thiên đại thiên thế giới, cao trăm vạn Tam thiên đại thiên thế giới, che phủ khắp ba ngàn ức Tam thiên đại thiên thế giới. Xứng hợp

với sự cao rộng của cây, có tòa Sư tử. Trên tòa có Phật hiệu là Như Lai Nhất Thiết Trí Thông Vương, tất cả đại chúng đều cùng trông thấy. Đức Phật an tọa nơi cội đạo tràng, trên tòa Sư tử, ở đây, các hình tướng trang nghiêm, các sự việc kỳ diệu, dù trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp cũng không thể nói hết.

Bồ-tát Kim Cang Tạng thị hiện đại thần lực như vậy rồi, khiến hết thấy các chúng Bồ-tát, tám bộ chúng hộ pháp, chư vị Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la chủ cõi trời Tịnh Cư v.v... đều trở lại chỗ cũ.

Bấy giờ, tất cả đại chúng đều vô cùng hoan hỷ, sinh tưởng hy hữu, im lặng an trụ nhìn về Bồ-tát Kim Cang Tạng. Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói với Bồ-tát Kim Cang Tạng: Này Phật tử! Thật là hết sức hy hữu! Tam-muội ấy với thần thông trang nghiêm có uy lực lớn lao. Này Phật tử! Tam-muội này tên gọi là gì?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Tam-muội này gọi là Nhất Thiết Phật Quốc Thể Tánh (Thể tánh của tất cả cõi Phật).

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thừa Phật tử! Cảnh giới của Tam-muội ấy trang nghiêm, với thần thông, các sự việc kỳ diệu như thế là ngang bằng với mức độ nào?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Nếu Bồ-tát, tùy theo chỗ nhớ nghĩ của tâm, khéo tu tập thành tựu diệu lực của Tam-muội ấy, thì có thể thị hiện vô số, vô lượng cõi Phật như thế. Cõi nước của chư Phật trong thân hiện bày, lại vượt hơn số lượng ấy. Này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát đó, đạt được vô lượng trăm ngàn Tam-muội của bậc Bồ-tát như vậy. Do ý nghĩa ấy, nên Bồ-tát này, cho đến Bồ-tát đạt vị, Bồ-tát trụ nơi Địa Thiện Tuệ (Địa thứ chín) đều không thể lường biết. Hoặc nơi thân, thân nghiệp khó có thể lường biết. Hoặc nơi khẩu, khẩu nghiệp khó có thể lường biết. Hoặc nơi ý, ý nghiệp khó có thể lường biết. Hoặc nơi sự việc

thần thông, hoặc nơi trí quán ba đời, hoặc hội nhập cảnh giới Tam-muội, hoặc cảnh giới của trí, hoặc diệu dụng nơi các giải thoát, hoặc các chỗ tạo tác về ứng hóa, gia trì, hiện bày thần lực, cho đến những động tác đưa chân lên, hạ chân xuống thấy đều khó có thể lường biết. Hàng Bồ-tát đạt vị, Bồ-tát trụ nơi Địa Thiên Tuệ cũng đều không thể lường biết. Nay Phật tử! Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát như thế là vô lượng, nay đã lược nêu, nếu nói rộng thì trong vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng trăm ngàn vạn, vô lượng trăm ngàn ức A-tăng-kỳ kiếp cũng không thể nói hết.

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ-tát Kim Cang Tạng: Thưa Phật tử! Nếu diệu lực nơi cảnh giới thần thông hành của Bồ-tát là vô lượng như vậy, thì diệu lực nơi cảnh giới thần thông hành của chư Phật lại như thế nào?

Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: Nay Phật tử! Ví như có người chọn lấy trong bốn châu thiên hạ hai, ba vạt đất nhỏ chỉ bằng hạt đậu, rồi nói như vậy: Đất nơi vô biên thế giới là nhiều hơn đất ở đây chăng? Chỗ ông hỏi tôi cho là cũng giống như thế. Trí tuệ của Như Lai là vô lượng, làm sao đem trí tuệ của Bồ-tát để lường xét? Nay Phật tử! Như người chọn lấy trong bốn châu thiên hạ một ít đất, phần còn lại tất rất là nhiều. Như vậy, nay Phật tử! Bồ-tát nơi Địa Pháp Vân, ở trong vô lượng kiếp nêu bày chỉ nói được một phần, huống hồ là địa Như Lai.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nói với Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt: Nay Phật tử! Chư Như Lai chứng tri cho lời tôi nói. Giả sử nơi mỗi mỗi phương trong mười phương có cõi nước của chư Phật nhiều như số vi trần của vô lượng thế giới, Bồ-tát mười Địa đều hiện hữu đầy nơi các cõi nước kia, cũng như vô số các thứ mía, tre, lau, lúa, mè. Các vị Bồ-tát này, trong vô lượng kiếp, tu tập hành trì công đức trí tuệ, thì so với diệu lực nơi công đức trí tuệ của Như Lai, trăm phần của chư vị Bồ-tát kia không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm

ngàn ức na-do-tha phần không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể đạt tới.

Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trí tuệ thông đạt như vậy, thuận theo ba nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai, không lìa bỏ lực dụng Tam-muội của bậc Bồ-tát, thì có thể thấy chư Phật, dốc tâm cúng dường, ở trong mỗi mỗi kiếp, dùng tất cả vật dụng cúng dường tối thượng, cúng dường vô lượng chư Phật, mới có thể thọ nhận đầy đủ thân lực gia hộ của chư Phật, càng trở nên sáng tỏ, thù thắng. Bồ-tát ấy, ở trong pháp giới, các thứ vắn nạn hiện có, không ai có thể vượt hơn. Nơi vô lượng trăm kiếp, vô lượng ngàn kiếp, vô lượng trăm ngàn kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như người thợ kim hoàn thiện xảo, khéo dùng loại vàng ấy làm các vật dụng trang sức, lại dùng ngọc báu Ma ni vô thượng gắn xen lẫn trong ấy, dùng cho Tự Tại Thiên vương, đeo nơi phía trước, phía sau cổ, thì những vật dụng trang sức của các Thiên vương khác đều không thể sánh bằng. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, an trụ trong Địa Pháp Vân, là Địa thứ mười của bậc Bồ-tát, thì trí hành của Bồ-tát kia là không thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh, tất cả hàng Nhị thừa, các Bồ-tát từ Địa thứ nhất cho đến trụ nơi Địa thứ chín, đều không thể sánh bằng. Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa này, ánh sáng của trí lớn tỏa chiếu, có thể khiến cho hết thảy chúng sinh cho đến trụ nơi trí Nhất thiết trí. Ánh sáng của các thứ trí tuệ khác đều không thể hoại.

Này Phật tử! Ví như ánh sáng của Thiên vương Ma-hê-thủ-la vượt qua tất cả xứ sinh nơi chúng sinh, ánh sáng ấy có thể khiến cho thân tâm chúng sinh mát mẻ. Như thế, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trụ trong Địa Pháp Vân, là Địa thứ mười của bậc Bồ-tát, thì ánh sáng nơi trí tuệ của Bồ-tát đó, tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, các Bồ-tát từ Địa thứ nhất cho đến trụ nơi Địa thứ chín, đều không thể

sánh kịp. Bồ-tát ấy, trụ nơi Địa này, có thể khiến cho hết thảy chúng sinh trụ trong pháp của trí Nhất thiết trí.

Này Phật tử! Bồ-tát ấy trụ nơi Địa này, tùy thuận theo trí tuệ như thế, được chư Phật trong mười phương thuyết giảng về trí tuệ, khiến thông đạt các hành của ba đời, nhận biết đúng về pháp giới sai biệt, trùm khắp tất cả cảnh giới thế gian, soi chiếu hết thảy cảnh giới thế gian, khiến cho tất cả chúng sinh giới có thể chứng đắc pháp. Lược nói, cho đến tùy thuận đạt được trí Nhất thiết trí. Bồ-tát ấy, trong mười Ba-la-mật, thì Trí Ba-la-mật tăng thượng.

Này Phật tử! Đó gọi là nêu bày tóm lược về Địa Pháp Vân, là Địa thứ mười của bậc Bồ-tát. Nếu nói rộng, thì trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp cũng không thể cùng tận.

Bồ-tát trụ nơi Địa này, nhiều lần làm Thiên vương Ma-hê-thủ-la, tự tại gồm đủ, khéo trao cho chúng sinh, hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, Bồ-tát, các hành Ba-la-mật. Ở trong pháp giới, có người vắn nạn, đều không thể khiến thua cuộc. Các nghiệp thiện đã tạo nơi bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành, các phước đức ấy đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Bồ-tát, niệm hành của Bồ-tát, niệm Ba-la-mật v.v... cho đến không lìa niệm đầy đủ nơi trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí. Luôn sinh tâm niệm này: Ta phải, ở trong hết thảy chúng sinh, là người đứng đầu, là hơn hẳn, là lớn, là diệu, là vi diệu, là trên, là vô thượng, là người dẫn dắt, là vị tướng, là bậc thầy, là bậc tôn quý, cho đến là nơi nương dựa của trí Nhất thiết trí. Lại từ tâm niệm ấy, phát khởi hành tinh tấn, do lực dụng của tinh tấn nên trong khoảng một niệm, đạt được các pháp Tam-muội nhiều như số vi trần nơi mười lần không thể nêu bày trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới Phật. Được thấy các Đức Phật nhiều như số vi trần nơi mười lần không thể nêu bày, trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể nhận biết về thần lực Phật nhiều như số vi trần nơi mười lần không thể nêu bày trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới

Phật. Có thể làm chuyển động các thế giới nhiều như số vi trần nơi mười lần không thể nêu bày trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới Phật. Có thể đi vào các thế giới nhiều như số vi trần v.v... Có thể soi chiếu khắp các thế giới nhiều như số vi trần v.v... Có thể giáo hóa chúng sinh nơi các thế giới nhiều như số vi trần v.v... Có thể trụ thọ trong số lượng kiếp nhiều như số vi trần v.v... Có thể nhận biết các sự việc nơi đời quá khứ vị lai, mỗi đời với số lượng kiếp nhiều như số vi trần v.v... Có thể khéo hội nhập vào các pháp môn nhiều như số vi trần v.v... Có thể biến hóa thân thành số lượng thân nhiều như số vi trần v.v... Nơi mỗi mỗi thân thị hiện các vị Bồ-tát nhiều như số vi trần v.v... dùng làm quyến thuộc. Hoặc dùng nguyện lực tự tại, thì nguyện lực của Bồ-tát còn hơn nữa, vượt hơn số lượng trên, thị hiện vô số thứ loại thần thông, hoặc nơi thân, hoặc nơi ánh sáng, hoặc nơi mắt, hoặc nơi cảnh giới, hoặc nơi âm thanh, hoặc nơi hành, hoặc sự trang nghiêm, hoặc sự gia hộ, hoặc tin tưởng, hoặc tạo tác. Các thần thông ấy, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, cũng không thể tính biết”.

*** Luận nêu:** Ở đây: *Khiến hoan hỷ*: Tức là có thể đoạn trừ nghi hoặc. Đoạn trừ nghi có 2 thứ:

- (1) Thị hiện diệu lực thần thông của chính mình.
- (2) Thuyết giảng tất cả pháp.

Thế nào là thị hiện diệu lực thần thông của chính mình? Như kinh nói: “Bấy giờ, trong pháp hội, tất cả chúng Bồ-tát cùng với hết thảy tám bộ chúng hộ pháp v.v...”. Như vậy là tự thị hiện diệu lực, đoạn trừ nghi hoặc của chúng sinh, khiến họ hoan hỷ.

Thế nào là thuyết giảng tất cả pháp? Như kinh nói: “Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát ấy, trí tuệ thông đạt như vậy, thuận theo ba nghiệp thân, khẩu, ý của Như Lai, cho đến: Càng trở nên sáng tỏ, thù thắng. Bồ-tát ấy, ở trong pháp giới, các thứ vấn nạn hiện có, không ai có thể vượt hơn v.v...”.

e. Thù thắng lớn: Có 2 loại:

- (1) Diệt lực thần thông thù thắng.
- (2) Toán số thù thắng.

Hai thứ này đều hơn so với tất cả Địa trước. Như kinh đã nêu, nên biết.

Thông đạt các hành của ba đời: Tức là thông tỏ 3 thứ hành:

(1) *Hành có thể đoạn trừ nghi:* Như kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát ấy trụ nơi Địa này, tùy thuận theo trí tuệ như thế, được chư Phật trong mười phương thuyết giảng về trí tuệ, khiến thông đạt các hành của ba đời”. Hành của ba đời là nghĩa thông tỏ, nên biết.

(2) *Hành của thần thông nhanh chóng:* Nghe giảng nói về pháp bí mật của Như Lai. Như kinh nói: “Nhận biết đúng về pháp giới sai biệt”.

(3) *Hành hỗ trợ tạo tác bình đẳng:* Đây gồm 3 thứ: (a) Tạo tác, làm thanh tịnh cõi Phật bình đẳng, hóa độ chúng sinh. (b) Tạo pháp minh bình đẳng. (c) Tạo chánh giác bình đẳng. Như kinh nói: “Trùm khắp tất cả cảnh giới thế gian, soi chiếu hết thảy cảnh giới thế gian v.v...”.

*

7. Thế nào là Ảnh tượng của Địa? *Ảnh tượng của Địa:* Có 4 thứ:

- a. Ao.
- b. Núi.
- c. Biển.
- d. Ngọc báu Ma ni.

Để so sánh với 4 thứ công đức:

a. Công đức tu hành.

b. Công đức thắng thượng.

c. Công đức của quả lớn: Có thể hóa độ các chúng sinh khó hóa độ.

d. Công đức kiên cố chuyển tận.

a. Thế nào là Công đức tu hành?

* **Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát mười Địa ấy, thứ lớp thành thuận hợp, hướng tới trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí. Này Phật tử! Ví như từ nơi ao lớn A-nậu xuất phát bốn con sông, làm sung mãn khắp châu Diêm-phù-đề, không thể cùng tận, lại càng tăng trưởng, cho đến sung mãn nơi biển cả. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát từ nơi tâm Bồ-đề, xuất phát dòng nước của đại nguyện nơi căn thiện, dùng bốn Nhiếp pháp làm sung mãn cảnh giới chúng sinh, không hề cùng tận, lại càng tăng trưởng, cho đến chúng đạt trọn vẹn trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí*”.

* **Luận nêu:** Công đức tu hành: Là dựa nơi lực dụng của bản nguyện để tu hành. Dùng bốn Nhiếp pháp tạo lợi ích cho hành của kẻ khác. Căn thiện của chính mình tăng trưởng, nên đạt được Bồ-đề, là hành tự lợi, nên biết. Như kinh nói: “*Này Phật tử! Ví như từ nơi ao lớn A-nậu xuất phát bốn con sông v.v... cho đến chúng đạt trọn vẹn trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí*”.

b. Thế nào là Công đức thắng thượng?

* **Kinh nói:** “*Này Phật tử! Bồ-tát mười Địa ấy, nhân nơi trí Phật mà có sai biệt. Ví như dựa nơi đại địa nên có mười ngọn núi chúa lớn sai biệt. Những gì là mười? Đó là:*

- (1) Núi chúa Tuyết.
- (2) Núi chúa Hương.
- (3) Núi chúa Tỳ-đà-lược.
- (4) Núi chúa Tiên Thánh.

(5) *Núi chúa Do-càn-đà-la.*

(6) *Núi chúa Mã Nhĩ.*

(7) *Núi chúa Ni-dân-đà-la.*

(8) *Núi chúa Chước-ca-bà-la.*

(9) *Núi chúa Chúng Tướng.*

(10) *Núi chúa Tu-di.*

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tuyết, hết thấy các thứ cỏ thuốc đều tập trung ở nơi ấy, các thứ cỏ thuốc đó dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ trong Địa Hoan Hỷ của bậc Bồ-tát, hết thấy các thứ sách vở, luận thuyết, kỹ nghệ, văn tụng, chú thuật của thế gian đều tập hợp ở đấy, những thứ đó đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Hương, tất cả các thứ hương đều tập trung ở nơi ấy, hết thấy các thứ hương đều dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Ly Cấu của bậc Bồ-tát, hết thấy các thứ hương nơi hành trì giới, chánh thọ của Bồ-tát đều tập hợp ở đấy, tất cả những thứ hương đó đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tỳ-đà-lược, tánh báu thuần tịnh, tất cả các thứ báu đều tập trung tại đấy, tất cả những thứ báu ấy dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát an trụ trong Địa Minh của bậc Bồ-tát, tất cả các thứ thiền định, thần thông, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề của thế gian đều tập hợp tại đấy, tất cả các thứ ấy hỏi đáp không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tiên Thánh, tánh báu thuần tịnh, Thánh nhân đạt năm thông tập trung ở đấy, Thánh nhân đạt năm thông không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ trong Địa Diệm của bậc Bồ-tát, trí hành thù thắng trong tất cả hành đều tập hợp ở đấy, hết thấy các hành đó với vô số vấn nạn đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Do-càn-đà-la, tánh báu thuần tịnh, tất cả Dạ-xoa, các quỷ thần lớn đều tập trung ở đấy, hết thấy các loại đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Nan Thắng của bậc Bồ-tát, tất cả thần thông như ý tự tại, biến hóa trang nghiêm đều tập hợp ở đó, hết thấy các thứ ấy hỏi đáp không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Mã Nhĩ, tánh báu thuần tịnh, tất cả các thứ quả đều tập trung tại đấy, hết thấy các quả ấy dùng không thể hết. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Hiện Tiền của bậc Bồ-tát, nói về quán nhập nhân duyên tích tập đều tập hợp ở ấy, việc giảng nói đó, hỏi đáp về chứng quả Thanh văn đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Ni-dân-đà-la, tánh báu thuần tịnh, tất cả Long thần đại lực đều tập hợp ở đấy, hết thấy Long thần đại lực đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Viễn Hành của bậc Bồ-tát, vô số các thứ trí phương tiện đều tập trung tại đấy, vô số thứ trí ấy nêu bày chỗ hỏi đáp về chứng quả của Phật-bích-chi đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Chước-ca-bà-la, tánh báu thuần tịnh, chúng đạt tự tại tập hợp ở đấy, chúng đạt tự tại đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Bất Động của bậc Bồ-tát, phát khởi tất cả nẻo tự tại của bậc Bồ-tát đều tập hợp ở đó, sự việc phát khởi này, nói về tất cả cảnh giới thế gian sai biệt, hỏi đáp đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Chúng Vương, tánh báu thuần tịnh, đại chúng A-tu-la tập hợp ở đấy, các đại chúng A-tu-la đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Thiện Tuệ của bậc Bồ-tát, sự nhận biết về hành thuận nghịch của tất cả chúng sinh đều tập hợp ở đấy, sự nhận biết đó, nói về tất cả tướng sinh diệt của thế gian, hỏi đáp đều không thể cùng tận.

Này Phật tử! Ví như núi chúa Tu-di, tánh báu thuần tịnh, đại chúng chư thiên tập hợp ở đây, các chúng chư thiên đó đều không thể cùng tận. Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát trụ nơi Địa Pháp Vân của bậc Bồ-tát, các lực, vô úy của Như Lai, mười tám pháp bất cộng của Phật đều tập hợp ở đó, các lực, vô úy v.v... thị hiện Phật sự, hỏi đáp không thể cùng tận.

Này Phật tử! Mười núi chúa báu lớn ấy cùng ở nơi biển cả, nhân nơi biển cả mà được mang tên. Như vậy, này Phật tử! Mười Địa Bồ-tát cùng ở nơi Nhất thiết trí, nhân nơi Nhất thiết trí mà được mang tên”.

*** Luận nêu:** Công đức thắng thượng: Tức dựa nơi Nhất thiết trí tăng thượng, hành trì mười Địa. Như kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát mười Địa ấy, nhân nơi trí Phật mà có sai biệt. Ví như dựa nơi đại địa nên có mười ngọn núi chúa lớn sai biệt v.v...”.

Dụ về các núi báu thuần tịnh: Là dụ cho tám chủng địa, yếm địa khéo thanh tịnh. Lại nữa, các núi chúa không phải thuộc về số lượng chúng sinh mà là chỗ dựa của phần thuộc về số lượng chúng sinh.

Không phải thuộc về số lượng chúng sinh: Có 2 thứ:

- (1) Sự vật thọ dụng.
- (2) Sự vật báu được tích tụ, gìn giữ.

Sự vật thọ dụng có hai loại:

- (a) Bốn đại của chúng sinh đối trị tăng giảm.
- (b) Nuôi lớn chúng sinh.

Dựa nơi núi Tuyết, núi Hương, núi Tỳ-đà-lược, núi Mã Nhĩ, bốn núi này không phải là chỗ dựa của phần thuộc về số lượng chúng sinh. Cỏ thuốc, các thứ hương, các thứ báu, tất cả quả tập hợp tại những nơi ấy. Tất cả quả là phần thuộc về số lượng chúng sinh trong núi chúa thứ sáu.

Lại có sáu thứ nạn cần đối trị. *Những gì là sáu?*

- (1) Nạn về nghèo.
- (2) Nạn về chết.
- (3) Nạn về thiếu thốn.
- (4) Nạn do không được điều phục.
- (5) Nạn về nghiệp ác.
- (6) Nạn về oán địch.

Nơi núi chúa thứ tư, phước điền của năm thông đối trị nạn về nghèo. Trong núi chúa thứ năm, đại thần thông biến hóa của Dạ-xoa đối trị nạn về chết. Nơi núi chúa thứ bảy, các Đại Long vương đối trị nạn về thiếu thốn. Trong núi chúa thứ tám, chúng đạt tự tại đối trị nạn do không được điều phục. Nơi núi chúa thứ chín, A-tu-la nói chú đối trị nạn về nghiệp ác. Trong núi chúa thứ mười, bốn Thiên vương tự tại đối trị nạn về oán địch.

Tất cả các núi chúa này, các sự vật được tập hợp ở đấy: Như sự việc được nêu bày, có thể sinh tất cả vật.

Tập hợp tại trong đó, không thể cùng tận: Tức hành thuận hợp, không dứt mất, không ngừng nghỉ. Mười núi lớn kia nhân nơi biển cả mà được mang tên. Biển cả cũng nhân nơi núi lớn mà được mang tên. Mười Địa của Bồ-tát cũng lại như vậy. Cùng ở nơi Nhất thiết trí, nhân nơi Nhất thiết trí mà được gọi tên, tức nhân quả cùng hiển bày. Như kinh nói: “Này Phật tử! Mười núi chúa báu lớn ấy cùng ở nơi biển cả, nhân nơi biển cả mà được mang tên. Như vậy, này Phật tử! Mười Địa Bồ-tát cùng ở nơi Nhất thiết trí, nhân nơi Nhất thiết trí mà được mang tên”.

c. Thế nào là Công đức của quả lớn: Có thể hóa độ các chúng sinh khó hóa độ?

*** Kinh nói:** “Này Phật tử! Ví như biển cả, do mười thứ tướng nên luôn được gọi là biển cả, không gì có thể hủy hoại. Những gì là mười?”

- (1) *Lần lượt sâu dần.*
- (2) *Không thọ nhận thân chết.*
- (3) *Các dòng nước khác đổ vào đều mất tên gọi gốc.*
- (4) *Đồng một vị.*
- (5) *Vô lượng các thứ vật báu tích tụ.*
- (6) *Hết mực sâu xa khó lường tính.*
- (7) *Rộng lớn vô lượng.*
- (8) *Có nhiều chúng sinh thân tướng lớn sinh sống.*
- (9) *Thủy triều lên xuống không vượt quá hạn lượng.*
- (10) *Có thể dung nạp tất cả trận mưa lớn không hề chán đủ.*

Như vậy, này Phật tử! Hạnh Bồ-tát cũng do mười thứ tướng nên luôn được gọi là hạnh Bồ-tát, không gì có thể hủy hoại. Những gì là mười? Đó là:

- (1) *Bồ-tát nơi Địa Hoan Hy, lần lượt phát khởi đại nguyện.*
- (2) *Bồ-tát nơi Địa Ly Cấu, không cùng trụ với tử thi là kẻ phá giới.*
- (3) *Bồ-tát nơi Địa Minh (Địa Phát Quang) xả bỏ các thứ gia danh của thế gian.*
- (4) *Bồ-tát nơi Địa Diệm luôn cung kính Tam bảo, đạt được nhất vị (Pháp vị duy nhất) không hủy hoại.*
- (5) *Bồ-tát nơi Địa Nan Thắng, với vô lượng trí phương tiện khởi tạo các thứ báu nơi thế gian.*
- (6) *Bồ-tát nơi Địa Hiện Tiền quán xét pháp nhân duyên tích tập vô cùng sâu xa.*
- (7) *Bồ-tát nơi Địa Viễn Hành dùng vô lượng trí phương tiện, khéo chọn các pháp.*
- (8) *Bồ-tát ở trong Địa Bất Động thị hiện đầy khởi các sự việc trang nghiêm lớn.*

(9) *Bồ-tát trụ nơi Địa Thiện Tuệ, đạt được giải thoát thâm diệu, thông tỏ các hành nơi thế gian, chỗ chứng đắc đúng như thật, không vượt quá giới hạn.*

(10) *Bồ-tát an trụ trong Địa Pháp Vân, có thể thọ nhận tất cả các pháp minh lớn, pháp tuôn mưa lớn của chư Phật, không thể chán đủ”.*

* **Luận nêu:** Công đức của quả lớn - Có thể hóa độ các chúng sinh khó hóa độ: Tức nhân quả cùng thuận hợp. Mười Địa như biển cả, có thể hóa độ các trường hợp khó hóa độ, đạt được quả Đại Bồ-đề.

Biển cả có tám thứ công đức, nên biết:

(1) Công đức dễ đi vào. Như kinh nói: “Lần lượt sâu dần”.

(2) Công đức thanh tịnh. Như kinh nói: “Không thọ nhận thân chết”.

(3) Công đức bình đẳng. Như kinh nói: “Các dòng nước khác đổ vào đều mất tên gọi gốc”.

(4) Công đức che chở. Như kinh nói: “Đồng một vị”.

(5) Công đức tạo lợi ích. Như kinh nói: “Vô lượng các thứ vật báu tích tụ”.

(6) Công đức không khô cạn: Tức là sâu rộng. Như kinh nói: “Hết mực sâu xa khó lường tính. Rộng lớn vô lượng”.

(7) Công đức về trụ xứ: Tức có các chúng sinh thân lớn nương trụ. Như kinh nói: “Có nhiều chúng sinh thân tướng lớn sinh sống”.

(8) Công đức hộ trì thế gian: Tức là thủy triều không quá thời hạn dung nạp nước không chán đủ. Như kinh nói: “Thủy triều lên xuống không vượt quá hạn lượng. Có thể dung nạp tất cả trận mưa lớn không hề chán đủ”.

Pháp tương tự với biển cả: Là nẻo hành nơi mười Địa của Bồ-tát, cũng có mười thứ tương ứng. Như kinh nói: “Như vậy, này Phật tử! Hạnh Bồ-tát cũng do mười thứ tướng nên luôn được gọi là hạnh Bồ-tát, không gì có thể hủy hoại”.

d. Thế nào là Công đức kiên cố chuyển tận?

* ***Kinh nói:*** “*Này Phật tử! Ví như ngọc báu đại Ma ni vượt quá mười tánh báu:*

- (1) *Xuất sinh từ nơi biển cả.*
- (2) *Người thợ thiện xảo khéo sử dụng.*
- (3) *Khéo chuyển biến càng tinh diệu.*
- (4) *Hoàn toàn thanh tịnh.*
- (5) *Khéo làm sáng sạch, tươi đẹp.*
- (6) *Khéo xuyên suốt.*
- (7) *Dùng sợi tơ báu khâu lại.*
- (8) *Đặt tại trụ cờ cao lưu ly.*
- (9) *Phóng ra tất cả ánh sáng.*

(10) *Tùy theo ý của vua, mưa xuống các thứ vật báu, có thể ban cho hết thấy chúng sinh tất cả vật báu.*

Như vậy, này Phật tử! Bồ-tát phát tâm cầu đạt Nhất thiết trí, vượt quá mười tánh Thánh:

- (1) *Đầu tiên là phát tâm bố thí, lìa keo kiệt.*
- (2) *Khéo tu tập trì giới, hành chân chán, sáng tỏ, thanh tịnh.*
- (3) *Khéo tu các pháp thiền định, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, khiến càng trở nên tinh, diệu.*
- (4) *Các pháp Bồ-đề phần hoàn toàn thanh tịnh.*

(5) *Phương tiện thân thông đều tốt, sạch, sáng, đẹp.*

(6) *Quán xét nhân duyên tập khéo thông suốt.*

(7) *Vô số trí phương tiện, khéo dùng sợi tơ xâu suốt.*

(8) *Đặt trên ngọn cờ thân thông tự tại.*

(9) *Quán xét về nẻo hành của chúng sinh, phóng ra ánh sáng trí tuệ đa văn.*

(10) *Chư Phật trao truyền trí vị, bây giờ có thể vì tất cả chúng sinh hiện làm Phật sự. Tức gọi là đạt được Nhất thiết trí”.*

* **Luận nêu:** Công đức kiên cố chuyển tận: Là dụ về báu đại Ma ni. Như kinh nói: “Này Phật tử! Ví như ngọc báu Ma ni vượt hơn mười tánh báu v.v...”.

Vượt quá mười tánh báu: Tức ngọc báu Ma ni vượt hơn các thứ như tỳ-lưu-ly v.v...

Do xuất sinh nên được chọn lấy, cho đến: *Phóng ra tất cả ánh sáng* là chỉ rõ về báu ấy có 8 thứ công đức được gồm thâu. Đó là:

(1) *Công đức do xuất phát:* Tức do khéo quán xét, lựa chọn mà giữ lấy.

(2) *Công đức về màu sắc:* Tức người thợ thiện xảo khéo sử dụng.

(3) *Công đức về hình tướng:* Tức do khéo chuyển biến, tinh diệu.

(4) *Công đức do không cấu uế:* Tức hoàn toàn thanh tịnh.

(5) *Công đức sáng sạch:* Tức khéo làm sáng sạch, tươi đẹp.

(6) *Công đức do phát khởi hành:* Tức do khéo xuyên suốt, dùng sợi tơ báu xâu lại, đặt tại trụ cờ cao lưu ly, ba câu này đã chỉ rõ.

(7) *Công đức do thân lực:* Tức phóng ra tất cả ánh sáng, soi chiếu khắp nơi chốn.

(8) *Công đức không giữ lấy*: Tức tùy theo ý vua, mưa xuống các thứ vật báu, có thể ban cho tất cả chúng sinh hết thấy vật báu. Thọ nhận quả vị chánh trí, nên đồng tạng căn thiện của tất cả chúng sinh.

Vượt quá mười tánh Thánh: Tức vượt quá tánh của hàng Nhị thừa. Hàng Thanh văn có tám chủng tánh: Bốn hành, bốn quả sai biệt. Hàng Phật-bích-chi chỉ có hai chủng tánh: một hành, một quả sai biệt.

*

8. Thế nào là Nêu lợi ích của Địa?

* **Kinh nói**: “*Này Phật tử! Bồ-tát ấy hành hóa, khéo tích tập các công đức của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, tích tập nhiều thứ pháp môn, nếu các chúng sinh không gieo trồng căn lành sâu xa thì không thể lãnh hội được.*

Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi: Thưa Phật tử! Đối với sự việc khéo tích tập các công đức của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, tích tập nhiều thứ pháp môn ấy, nếu người được lãnh hội thì người ấy thành tựu được bao nhiêu công đức?

Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Này Phật tử! Tùy theo chỗ thâm tóm của trí Nhất thiết trí, quán xét tập hợp các công đức, thì chỗ tích tập công đức của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, tích tập nhiều thứ pháp môn cũng lại như vậy. Người ấy được lãnh hội pháp môn này cũng lại như thế. Vì sao? Này Phật tử! Vì nếu chẳng phải là Bồ-tát thì không được nghe sự tích tập các pháp môn, tích tập công đức của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, huống hồ là có thể tin, có thể thọ trì, có thể tu tập đúng đắn.

Lúc thuyết giảng kinh này xong, do thần lực của Phật, do đạt được diệu lực của pháp, thế giới của chư Phật nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật khắp mười phương thế giới đều chấn động

đủ sáu cách với mười tám tướng: Đó là động, động khắp, cùng động khắp. Vọt lên, vọt lên khắp, cùng vọt lên khắp. Biết, biết khắp, cùng biết khắp. Khởi, khởi khắp, cùng khởi khắp. Rung, rung khắp, cùng rung khắp. Gầm, gầm khắp, cùng gầm khắp. Do thần lực Phật, do đạt được diệu lực của pháp, nên mưa xuống vô số các loại hoa trời, như mây từ từ hạ thấp, mưa xuống các thứ y phục, vật báu, các vật dụng trang nghiêm, các cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, âm nhạc, đều là của hàng trời, nhằm tán thán địa Nhất thiết trí, cùng tán thán các sự việc thù thắng nơi mười Địa.

Như bốn châu thiên hạ thuộc thế giới này, tại cung điện Ma ni bảo tạng của Tụ Tại Thiên vương nơi cõi trời Tha-hóa-tự-tại, thuyết giảng pháp mười Địa. Như vậy, hết thấy thế giới khắp mười phương đều thuyết giảng pháp mười Địa này. Do thần lực của Phật, nên nơi các thế giới nhiều hơn số vi trần trong mười ức cõi Phật cùng vân tập đến đầy khắp mười phương hư không. Đến rồi, chư vị đều nói: Lành thay! Lành thay! Này Phật tử! Ông đã khéo nêu giảng về tướng của Bồ-tát trụ nơi các Địa. Này Phật tử! Chúng tôi, tất cả cũng tên là Kim Cang Tạng, từ nơi thế giới Kim Cang Thắng, trụ xứ của Phật Kim Cang Tạng Tràng, đến đây. Hết thấy các thế giới kia đều vâng theo thần lực của Phật, nên đều thuyết giảng pháp môn này, các chúng hội cũng như vậy, câu chữ, giải thích tên gọi, nghĩa lý sâu xa đều cũng như vậy, không tăng, không giảm.

Này Phật tử! Do đó, chúng tôi vâng theo thần lực của Phật, vân tập đến chúng hội này để chứng minh cho việc nêu giảng pháp ấy. Này Phật tử! Như chúng tôi đã vân tập tới pháp hội này, hết thấy thế giới trong mười phương, nơi mỗi mỗi thế giới, với bốn châu thiên hạ, tại cung điện Ma Ni Bảo Tạng của Tụ Tại Thiên vương trên cõi trời Tha-hóa-tự-tại, đều có các Bồ-tát nhiều như số vi trần trong mười ức cõi Phật, cũng đến để tác chứng. Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, nương nơi thần lực của Phật, khi thuyết giảng kinh này xong, được Đức Như Lai tùy hỷ. Hết thấy chúng Bồ-tát kia, cùng tám bộ

chúng hộ pháp, Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm Thiên vương, Ma-hê-thủ-la và chư Thiên cõi trời Tịnh Cư, thấy đều hoan hỷ hết mực. Phật ở tại cõi trời Tha-hóa-tự-tại, không lâu sau ngày thành đạo, tức vào tuần thứ hai, nơi cung điện Ma Ni Bảo Tạng, tất cả nghe Bồ-tát Kim Cang Tạng nêu giảng, đều hoan hỷ phụng hành”.

*** Luận nêu: Lợi ích của Địa: Có 2 thứ:**

- (1) Công đức do sinh tin tưởng.
- (2) Công đức do cúng dường.

Lại nữa, trong pháp môn này chỉ rõ việc quyết định tin tưởng, nói về ý nghĩa lợi ích lớn. Như kinh nói: “Này Phật tử! Bồ-tát ấy hành hóa, khéo tích tập các công đức của trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí, tích tập nhiều thứ pháp môn, nếu các chúng sinh v.v... Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi: Như thế v.v... Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: Như thế v.v...”. Vì đối với kinh này, sinh tin tưởng, đạt được công đức.

Lại có công đức do sinh tin tưởng: Là nghĩa duyên sinh. Do diệu lực của thần thông nên thị hiện sáu thứ với mười tám tướng chấn động. Như kinh nói: “Lúc thuyết giảng kinh này xong, do thần lực của Phật, do đạt được diệu lực của pháp v.v...”.

Sáu thứ chấn động: Tức một là động. Hai là vọt lên. Ba là đi lên. Bốn là khởi. Năm là đi xuống. Sáu là găm thét.

Mười tám tướng: Là tướng của sáu thứ chấn động này hiện bày theo thứ lớp hạ, trung, thượng.

Trong khi thế gian dựa vào bốn thứ chúng sinh tự:

- (1) Dựa nơi chúng sinh bất thiện.
- (2) Dựa nơi chúng sinh tin vào nhiều thứ loại trời.
- (3) Dựa nơi chúng sinh ngã mạn.
- (4) Dựa nơi chúng sinh dùng chú thuật.

Vì sự sai biệt theo thứ lớp hạ, trung, thượng của các chúng sinh ấy, nên có các chân động từ động cho đến gầm thét. Mười tám câu với nghĩa khác nhau như vậy, nên biết.

Công đức do cúng dường: Như kinh nói: “Mưa xuống vô số các loại hoa trời v.v...”.

Tất cả các thế giới đều nêu giảng pháp môn này: Là chỉ rõ về vô lượng pháp môn, chỉ rõ về việc đem lại lợi ích cho chúng sinh. Như kinh nói: “Như bốn châu thiên hạ thuộc thế giới này v.v...”.

Các phần còn lại: Đều dễ hiểu, nên biết.

HẾT - QUYỂN 12

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	5
GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC VỀ NỘI DUNG TẬP 26	21
SỐ 1519/2: KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA ƯU BA ĐỀ XÁ.....	35
Quyển Thượng.....	35
Phẩm 1: Mở Đầu.....	36
Phẩm 2: Phương Tiện, Phần 1.....	53
Quyển Hạ.....	58
Phẩm 2: Phương Tiện, Phần 2.....	58
Phẩm 3: Thí Dụ.....	70
SỐ 1520/1: KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA LUẬN ƯU BA ĐỀ XÁ	83
Phẩm 1: Mở Đầu.....	83
Phẩm 2: Phương Tiện.....	100
Phẩm 3: Thí Dụ.....	115
SỐ 1521/17: LUẬN THẬP TRỤ TỶ BÀ SA	128
Quyển 1.....	128
Phẩm 1: Mở Đầu.....	128
Phẩm 2: Nhập Địa Thứ Nhất.....	142
Quyển 2.....	158
Phẩm 3: Tướng Địa.....	158
Phẩm 4: Tịnh Địa.....	171
Phẩm 5: Thích Nguyên, Phần 1	178
Quyển 3.....	184
Phẩm 5: Thích Nguyên, Phần 2	184
Phẩm 6: Phát Tâm Bồ Đề.....	201
Quyển 4.....	207
Phẩm 7: Điều Phục Tâm.....	207
Phẩm 8: Tướng Không Thoái Chuyển.....	216
Quyển 5.....	230
Phẩm 9: Dị Hành.....	230
Phẩm 10: Trừ Nghiệp.....	251
Quyển 6.....	261
Phẩm 11: Phân Biệt Công Đức	261

Phẩm 12: Phân Biệt Bồ Thí, Phần 1	270
Phẩm 12: Phân Biệt Bồ Thí, Phần 2	284
Quyển 7.....	291
Phẩm 13: Phân Biệt Pháp Thí	291
Phẩm 14: Tướng Quy Mạng	297
Phẩm 15: Năm Giới	304
Phẩm 16: Biết Những Tai Họa Của Gia Đình.....	312
Quyển 8.....	323
Phẩm 17: Vào Chùa	323
Phẩm 18: Cùng Hành	343
Quyển 9.....	353
Phẩm 19: Bốn Pháp.....	353
Phẩm 20: Niệm Phật	368
Quyển 10.....	383
Phẩm 21: Bốn Mươi Pháp Bất Cộng	383
Phẩm 22: Vấn Nạn Về Người Nhất Thiết Trí Trong Bốn Mươi Pháp Bất Cộng, Phần 1	394
Quyển 11.....	412
Phẩm 22: Vấn Nạn Về Người Nhất Thiết Trí Trong Bốn Mươi Pháp Bất Cộng, Phần 2	412
Phẩm 23: Khéo Nhận Biết Bất Định Trong Bốn Mươi Pháp Bất Cộng	418
Quyển 12.....	441
Phẩm 24: Kệ Tán Thán Phật	441
Phẩm 25: Tam Muội Trợ Niệm Phật.....	453
Phẩm 26: Thí Dụ, Phần 1	469
Quyển 13.....	476
Phẩm 26: Thí Dụ, Phần 2	476
Phẩm 27: Lược Nói Về Hạnh.....	484
Phẩm 28: Phân Biệt Nghiệp Đạo Của Địa Thứ Hai, Phần 1.....	496
Quyển 14.....	502
Phẩm 28: Phân Biệt Nghiệp Đạo Của Địa Thứ Hai, Phần 2.....	502
Phẩm 29: Phân Biệt Thanh Văn Và Phật Bích Chi, Phần 1	523
Quyển 15.....	529
Phẩm 29: Phân Biệt Thanh Văn Và Phật Bích Chi, Phần 2.....	529
Phẩm 30: Đại Thừa	534
Quyển 16.....	564
Phẩm 31: Hộ Giới	564
Phẩm 32: Giải Thích Về Đầu Đà, Phần 1	580
Quyển 17.....	602
Phẩm 32: Giải Thích Về Đầu Đà, Phần 2	602
Phẩm 33: Hồ Trợ Quả Thi La	606

Phẩm 34: Khen Ngợi Giới	626
Phẩm 35: Quả Báo Của Giới.....	631
SỐ 1522/12: LUẬN KINH THẬP ĐỊA	637
Quyển 1.....	637
Địa Thứ Nhất: Địa Hoan Hỷ, Phần 1	637
Quyển 2.....	676
Địa Thứ Nhất: Địa Hoan Hỷ, Phần 2	676
Quyển 3.....	715
Địa Thứ Nhất: Địa Hoan Hỷ, Phần 3	715
Quyển 4.....	750
Địa Thứ Hai: Địa Ly Cầu	750
Quyển 5.....	789
Địa Thứ Ba: Địa Minh	789
Quyển 6.....	820
Địa Thứ Tư: Địa Diệm.....	820
Quyển 7.....	838
Địa Thứ Năm: Địa Nan Thắng.....	838
Quyển 8.....	861
Địa Thứ Sáu: Địa Hiện Tiền	861
Quyển 9.....	889
Địa Thứ Bảy: Địa Viễn Hành.....	889
Quyển 10.....	912
Địa Thứ Tám: Địa Bất Động.....	912
Quyển 11.....	945
Địa Thứ Chín: Địa Thiện Tuệ	945
Quyển 12.....	982
Địa Thứ Mười: Địa Pháp Vân.....	982